

BẢNG ĐÍNH CHÁNH QUYỂN II

Phật thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh giải diễn nghĩa

Trang	Hàng	Câu, chữ in sai	Xin đọc là
viii	12 từ dưới	Cõi Cực	Cõi Cực Lạc
806	hàng cuối	trượng phụ	trượng phu
808	13	niệm niệm giác chớ không mê	niệm niệm đều tỉnh giác
892	2 từ dưới	chí tâm chí nhạo	chí tâm tín nhạo
961	7	“Tinh” là thuần chớ không tạp	“Tinh” là thuần, không tạp
1010	cuối	chủ chánh giác	thủ chánh giác
1019	2 từ dưới	Tâm Bồ Đề là giác chớ không mê	Tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ
1019	2 từ dưới	Dùng giác chớ không mê	Dùng tâm giác ngộ này
1021	15	chấn chấn	chắc chắn
1063	5	đều giác chớ không mê	đều tỉnh giác
1099	10 từ dưới	sự kiên này	sự kiện này
1176	19	Sơ tổ	Sư tổ
1198	2 từ dưới	thuần tiện	thuần thiện
1257	3 từ dưới	tu tập	tụ tập
1328	8 + 9	là một toàn thể	là một đoàn thể
1415	11 từ dưới	thuần tục	thuần thực
1430	hàng cuối	tâm chỉ sở hiện	tâm chi sở hiện
1475	13	đại diện	đại diện
1511	3 từ dưới	chớ không tạp	nhất không tạp
1512	5 từ dưới	Vi Hề Hi	Vi Đề Hi
1546	1	tu tập	tụ tập
1561	9 từ dưới	khiến thọ	khiến họ
1574	2 từ dưới	sóng ta	sóng to
1587	1	Bồ tát là giác chớ không mê	Bồ tát là giác tức không mê
1587	1	chánh chớ không tà	chánh là không tà
1587	1	tịnh chớ	tịnh là
1589	12	Đạo Lợi thiên	Đạo Lợi thiên
1593	10 từ dưới	“Bất khả tư nghi”	“Bất khả tư nghi”
1632	15	một vi Phật	một vị Phật
1659	3	bốn mươi lăm năm	bốn mươi chín năm

QUYỂN 2

I. ĐÔI NÉT VỀ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG	777
II. PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC	783
TAM THẬP NHỊ TƯỞNG (BA MƯƠI HAI TƯỞNG)	810
MƯỜI NIỆM TRONG KINH DI LẶC SỞ VẤN	
1. Nhất Giả	906
2. Nhị Giả	907
3. Tam Giả	908
4. Tứ Giả	912
5. Ngũ Giả	917
6. Lục Giả	918
7. Thất Giả	921
8. Bát Giả	922
9. Cửu Giả	922
10. Thập Giả	924
HAI THỨ BỒ ĐỀ TÂM (THEO VĨNG SINH YẾU TẬP)	
1. Duyên Sự Bồ Đề Tâm	942
2. Duyên Lý Bồ Đề Tâm	943
HAI THỨ BỒ ĐỀ TÂM (THEO SÁCH TÔNG YẾU)	
1. Tùy Sự Phát Tâm	943 + 945
2. Thuận Lý Phát Tâm	944 + 950
TAM TỰ	
1. Thuyết Thứ Nhất:	1016
a. Chánh Định Tự	1016
b. Tà Định Tự	1016
c. Bất Định Tự	1016
2. Thuyết Thứ Hai	1017
3. Thuyết Thứ Ba	1018

TỨ VÔ NGẠI

1. Pháp Vô Ngại1044
2. Nghĩa Vô Ngại1045
3. Từ Vô Ngại1046
4. Nhạo Thuyết Vô Ngại1046

THẾ NÀO GỌI LÀ HIẾU?1138

BỐN TƯỞNG

1. Tướng Ngã1141
2. Tướng Nhân1141
3. Tướng Chúng Sinh1142
4. Tướng Thọ Giả1142

BỐN ĐÀ-RA-NI

1. Pháp Đà-Ra-Ni1154
2. Nghĩa Đà-Ra-Ni1155
3. Chú Đà-Ra-Ni1155
4. Nhãn Đà-Ra-Ni1156

III. TÁT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT1173

IV. TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT1229

BẢY ĐỘC DIỆU CỦA CỠI CỰC1240

THẬP NHÃN CỦA BỒ TÁT TRONG KINH BẢO VÂN

1. Nội Nhãn1286
2. Ngoại Nhãn1288
3. Pháp Nhãn1289
4. Tùy Phật Giáo Nhãn1293
5. Vô Phương Sở Nhãn1298
6. Tu Xứ Xứ Nhãn1299
7. Phi Sở Vị Nhãn1299
8. Bất Bức Nảo Nhãn1301
9. Bi Tâm Nhãn1304
10. Thệ Nguyện Nhãn1306

TAM PHẦN

1. Kiến Phần1356
2. Tướng Phần1356
3. Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần1356

BÁCH PHÁP

1. Tâm Pháp1364
2. Tâm Sở Pháp1364
3. Bất Tương Ứng Hành Pháp1364
4. Sắc Pháp1364
5. Pháp Vô Vi1365

V. VIÊN MÃN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU1399

BỐN CÔI (TỨ ĐỘ)

1. Thường Tịch Quang Độ1446
2. Thật Báo Trang Nghiêm Độ1446
3. Phương Tiện Hữu Dư Độ1447
4. Phạm Thánh Đồng Cư Độ1447

VI. GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP1481

VII. QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT1493

MƯỜI BẢY SỨC CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM

(TỨC LÀ MƯỜI BẢY Y BÁO CỦA TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC)

1. Trang Nghiêm Thanh Tịnh Công Đức Thành Tựu1496
2. Lượng Trang Nghiêm1497
3. Tánh Trang Nghiêm1498
4. Hình Tướng Trang Nghiêm1502
5. Chủng Chủng Sự Trang Nghiêm1505
6. Diệu Sắc Trang Nghiêm1505
7. Xúc Trang Nghiêm1506
8. Tam Chủng Trang Nghiêm1506
9. Vũ Trang Nghiêm1507
10. Quang Minh Trang Nghiêm1507
11. Diệu Thanh Trang Nghiêm1508

12. Chủ Trang Nghiêm	1509
13. Quyển Thuộc Trang Nghiêm	1511
14. Thọ Dụng Trang Nghiêm	1518
15. Vô Chư Nạn Trang Nghiêm	1520
16. Đại Nghĩa Môn Trang Nghiêm	1524
17. Nhất Thiết Sở Cầu Mãn Túc Trang Nghiêm	1526

TÁM LOẠI TRANG NGHIÊM CỦA PHẬT

1. Tòa Trang Nghiêm	1527
2. Thân Nghiệp Trang Nghiêm	1528
3. Khẩu Nghiệp Trang Nghiêm	1528
4. Tâm Trang Nghiêm	1529
5. Đại Chúng Trang Nghiêm	1531
6. Thượng Thủ Trang Nghiêm	1531
7. Chủ Trang Nghiêm	1532
8. Bất Hư Tác Trang Nghiêm	1532

BỐN LOẠI TRANG NGHIÊM CỦA BỒ TÁT Ở THẾ GIỚI CỰC LẠC

1. Trang Nghiêm Thứ Nhất	1533
2. Trang Nghiêm Thứ Hai	1533
3. Trang Nghiêm Thứ Ba	1534
4. Trang Nghiêm Thứ Tư	1535

BA KHỔ

1. Khổ Khổ	1536
2. Hoại Khổ	1536
3. Hành Khổ	1536

TÁM KHỔ

1. Sanh Khổ	1540
2. Lão Khổ	1541
3. Bệnh Khổ	1543
4. Tử Khổ	1544
5. Ái Biệt Ly Khổ	1545
6. Oán Tảng Hội Khổ	1545

7. Cầu Bất Đắc Khổ	1545
8. Ngũ Âm Xí Thanh Khổ	1545

TÁM NẠN

1. Địa Ngục Nạn	1549
2. Súc Sinh Nạn	1549
3. Ngạ Quỷ Nạn	1549
4. Trường Thọ Thiên Nạn	1549
5. Bắc Uất Đan Việt Nạn	1549
6. Manh Lung Âm Á Nạn	1549
7. Thế Trí Biện Thông Nạn	1550
8. Sanh Phật Tiền Phật Hậu Nạn	1550

VIII. QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ

MƯỜI HAI VỊ QUANG PHẬT (THẬP NHỊ QUANG PHẬT)

1. Vô Lượng Quang Phật	1612
2. Vô Biên Quang Phật	1615
3. Vô Ngại Quang Phật	1616
4. Vô Đẳng Quang Phật	1617
5. Trí Tuệ Quang Phật	1618
6. Thường Chiếu Quang Phật	1618
7. Thanh Tịnh Quang Phật	1619
8. Hoan Hỉ Quang Phật	1620
9. Giải Thoát Quang Phật	1621
10. An Ổn Quang Phật	1622
11. Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật	1623
12. Bất Tư Nghị Quang Phật	1626

IX. THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM

X. LỜI CUỐI

XI. LỜI KHAI THỊ CỦA AN QUANG ĐẠI SƯ

XII. LỜI DI HUẤN TỐI HẬU CỦA ĐỨC PHẬT

II. PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN ĐỆ LỤC

Phẩm thứ sáu này chân thật là trung tâm của toàn bộ kinh. Trong phẩm này, đức Bồ Sư A Di Đà Phật chính miệng ngài tuyên nói; đức Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ vì chúng ta mà thuật lại. Phẩm kinh này xem như là “Đại hiến chương của thế giới Tây Phương Cực Lạc”. Trong phẩm này, Pháp Tạng Bồ Tát tuân lời Thế Gian Tự Tại Vương Phật, đối trước đại chúng tuyên thuyết đại nguyện thù thắng, diệu đức khó lường của mình. Sách Bình Giải nhận định: “*Bốn mươi tám nguyện, công đức thành tựu chỉ qui vào một Chánh Giác, tức là câu Nam mô A Di Đà Phật*”, đây là hồng thệ bốn nguyện hải, cũng là bi nguyện Nhất Thừa, là công đức Chánh Giác của Di Đà vậy.

KINH VĂN:

Pháp Tạng bạch ngôn: - Duy nguyện Thế Tôn , đại từ thánh sát. Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề thành Chánh Giác dĩ, sở cư Phật sát cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm, vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyền phi nhuyển động chi loại. Sở hữu nhất thiết chúng sinh, dĩ cập Diêm Ma La giới, tam ác đạo trung, lai sinh ngã sát, thọ ngã pháp hóa, tất thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bất phục cánh đọa ác thú. Đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Pháp Tạng bạch rằng: - Kính xin đức Thế Tôn đại từ nghe, xét. Nếu tôi chứng được Vô Thượng Bồ Đề, thành Chánh Giác rồi, thì cõi nước tôi ở sẽ đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú,

các loài ngộ nguậy, bay lượn, bò trườn. Tất cả hết thảy chúng sinh cho đến những kẻ từ trong cõi Diêm Ma La, trong ba đường ác sinh sang cõi tôi, nhận pháp hóa của tôi ắt thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng đọa vào đường ác nữa. Nguyện được như thế mới làm Phật, chẳng thỏa nguyện ấy, chẳng giữ lấy Vô Thượng Chánh Giác.

GIẢNG:

“Pháp Tạng bạch ngôn: - Duy nguyện Thế Tôn, đại từ thính sát” (Pháp Tạng bạch rằng: - Kính xin đức Thế Tôn đại từ nghe xét): **“Thính”** là tai nghe, **“sát”** là trong tâm suy xét. Pháp Tạng Bồ Tát thỉnh cầu Thế Tôn (tức Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai) rủ lòng từ thương xót, lắng nghe mình thưa hỏi, soi xét tám chân thành của mình. Tiếp đó, Pháp Tạng trình bày những đại nguyện của mình đã phát. **“Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành Chánh Giác dĩ, sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm”** (Nếu tôi chứng được Vô Thượng Bồ Đề thành Chánh Giác rồi thì cõi nước tôi ở sẽ đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn).

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, bốn câu này bao trùm tất cả các đại nguyện: Nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi ở có đầy đủ vô lượng công đức thắng diệu, đầy đủ vô lượng thanh tịnh trang nghiêm. Chữ “cụ túc” là đầy đủ, viên mãn, trọn vẹn không khuyết, không sót nên bảo là “cụ túc”. Những công đức trang nghiêm đầy đủ ấy đều siêu tình lý kiến, chẳng thể đem tâm suy lường, phân biệt mà có thể biết nổi; chẳng thể dùng ngôn ngữ, văn tự diễn tả nổi, nên bảo là **“bất khả tư nghị”** (chẳng thể nghĩ bàn).

Do đầy đủ vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn nên có thể khiến cho chúng sinh nghe tên được phước, nghe danh hiệu phát tâm, mười niệm ắt sinh, mau chứng Bất Thoái, cõi nước tất cả vạn vật đều

nghiêm tịnh, vi diệu đến cùng cực, sáng lạng như gương, chiếu khắp mười phương. Chúng sinh được quang minh chiếu đến đều an lạc, cầu diệt, thiện sanh. Mùi hương xông khắp, chúng sinh trong mười phương thế giới ngửi thấy đều tu Phật hạnh; thấy cây Bồ Đề liền chứng Vô Sanh Nhẫn. Thế giới Cực Lạc hiển hiện đẹp đẽ, mỗi hạt bụi, mỗi sợi lông đều viên minh cụ đức.

Duy chỉ Kinh Hoa Nghiêm nói đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn: Sự sự vô ngại, một tức là nhiều, nhiều tức là một, lớn nhỏ dung chứa lẫn nhau, rộng hẹp tự tại, kéo dài hay rút gọn đều cùng một lúc, trùng trùng vô tận, viên minh cụ đức v.v...; nếu nói đầy đủ là mười huyền môn như trong phần phán giáo đã trình bày sơ lược. Trong kinh này, A Di Đà Phật chính là Tỳ Lô Giá Na Như Lai; Cực Lạc Tịnh Độ nào khác Hoa Tạng thế giới. Toàn thể y báo, chánh báo cõi Cực Lạc là cảnh giới sự sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn, thứ nào cũng đầy đủ trọn vẹn vô tận huyền môn, nên nói: “*Cụ tức vô lượng bất khả tư nghì công đức trang nghiêm*” (Đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn).

Bốn câu này được đặt ở đầu lời nguyện để biểu thị: Không nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện sẽ trình bày sau đây, lại chẳng giống như vậy. Mỗi mỗi nguyện đều vì chúng sinh; mỗi mỗi nguyện đều hiển hiện bản tâm diệu minh của Phật A Di Đà; mỗi mỗi sự tương đều là “thanh tịnh cú”, đều là “chân thật trí tuệ, vô vi Pháp Thân”.

Chúng ta thật sự học Phật phải thường để giáo huấn này trong tâm, phải xem nó là đệ nhất. Để thực hiện được điều này, trước nhất cá nhân phải là người tốt. Người tốt nhất là người phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm Phật A Di Đà, chỉ đọc một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, chỉ niệm duy nhất một câu Phật hiệu.

Nếu có thể buông bỏ hết danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, “tham-sân-si-mạn”; làm tấm gương tốt cho tất cả mọi người; sau đó ảnh hưởng đến gia đình, đến xã hội, đến chánh pháp cứu trụ. Gia đình đó là gia đình Phật hóa, mọi người đều có thể thực hành theo lời giáo huấn của Phật trong kinh điển, hòa thuận thân ái, sẽ ảnh hưởng đến thân thích bạn bè, đến hàng xóm, đến cả sự nghiệp của họ.

Trong công ty, cửa tiệm thực hành được lời Phật dạy ngay trong cách xử sự đối với tất cả nhân viên; sự nghiệp này của họ sẽ là sự nghiệp của Tam Bảo, đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Mười năm, hai mươi năm, v.v... họ sẽ ảnh hưởng đến cả khu vực này, thành phố này. Lúc đó tôi tin rằng những gì Phật nói trong kinh đều xuất hiện, đó là vạn vật nghiêm tịnh, đầy đủ vô lượng công đức. Tôi ở Singapore ba năm, không đủ phước báo nên đã ra đi. Làm việc ở bên đó ba năm rưỡi đã khiến cho chín tôn giáo lớn ở Singapore đoàn kết thành một nhà như anh chị em. Lúc đó tổng thống Singapore vô cùng hoan hỉ. Hai vợ chồng tổng thống là người tốt, nay cả hai đều đã qua đời.

Năm 2000, chúng tôi từ Singapore đến Úc Châu. Sang năm, Học Viện chúng tôi thành lập tròn mười năm. Tổ chức, hoạt động của chúng tôi đích thật đều là theo mục tiêu này tiến lên. Trong mười năm, chúng tôi và cư dân trong thành phố nhỏ này dung hòa thành một như anh chị em. Cách làm của chúng tôi cũng là tùy duyên, hoàn toàn không có chút miễn cưỡng nào.

Mười năm trước, ngày thành lập Học Viện, chúng tôi mở bữa tiệc vào buổi tối, tiếp đãi dân chúng địa phương, là cư dân của ba con đường lân cận. Chúng tôi đã phát thiệp mời họ đến để chúng tôi ra mắt và đồng thời nói cho họ biết chúng tôi là một đoàn thể Phật giáo mới đến đây ở. Đối với họ, đây là điều rất mới mẻ, vì xưa nay

chưa từng tiếp xúc với Phật giáo. Thành phố nhỏ này chỉ có đạo Cơ đốc, không có Phật giáo, chúng tôi đến đây làm hàng xóm của họ. Mọi người dùng cơm rất hoan hỉ. Sau bữa cơm có nhiều người đến nói với tôi: Thầy ơi! Hoạt động này của thầy có thể tổ chức thêm vài lần nữa chẳng? Tôi nói: Được thôi!

Lúc đó, chúng tôi quyết định vào mỗi thứ bảy hàng tuần sẽ tổ chức buổi ăn tối ấm áp chiêu đãi miễn phí cư dân thành phố nhỏ Đồ Văn Ba này. Buổi cơm tối này đã thực hiện được mười năm. Bây giờ, trong thành phố này, các tôn giáo khác cũng đều đến tham gia; không những họ tham gia, mà còn đến biểu diễn, đây là vạn vật thanh tịnh trang nghiêm. Những người hàng xóm này rất yêu thương chúng tôi. Rất nhiều người muốn đến đây mua nhà nhưng họ không bán. Ở đây rất tốt! Họ thích chỗ này không nỡ đi nơi khác.

Đạo tràng này của chúng tôi ở Úc Châu rộng bao nhiêu tôi không biết chính xác. Nhưng, theo dự đoán của tôi có khoảng hai, ba ngàn mẫu Anh (một mẫu Anh là bốn vạn mét).

- Chúng tôi dùng chừng đó diện tích để làm gì?

- Để canh tác! Nghe đâu lương thực sẽ trở thành một vấn nạn, một số thực phẩm không được an toàn, không vệ sinh, đất đai đều bị ô nhiễm nghiêm trọng do thuốc trừ sâu, phân bón, nên những gì mọc lên từ lòng đất đều mang theo vi khuẩn tật bệnh. Đây là nhân loại tự làm tự chịu!

- Bây giờ phải làm sao?!

- Bất đắc dĩ phải tự mình canh tác!

Bản thân chúng tôi không giỏi trồng trọt, nhưng cũng đã có cách. Chúng tôi nhờ nông dân đến cày cấy trồng tía, chúng tôi trả công cho họ mỗi ngày, bởi thế họ rất vui. Mùa thu hoạch đầu tiên đó là mùa xuân năm nay, lúc đó tôi đang ở Úc Châu, thóc chúng tôi gặt

hái được một vạn ba trăm ký. Năm nay (năm 2011) là năm đầu, chúng tôi trồng tiểu mạch, lúa nước, khoai tây, khoai lang, đậu phộng. Tất cả những thứ này có thể cung cấp đầy đủ lương thực thực phẩm.

Qui mô vườn rau của chúng tôi khá lớn, đã trồng hơn mười hai năm. Mỗi lần có Pháp hội có thể cung cấp cho một ngàn người ăn. Có tất cả hơn ba mươi giống rau, củ, quả khác nhau. Vườn rau này thanh tịnh trang nghiêm, không có thuốc trừ sâu, không có phân bón. Đối với những côn trùng nhỏ, chúng tôi đều câu thông với chúng, lễ kính chúng, xưng chúng là Bồ Tát; giao tiếp với chúng đều chấp tay cung kính gọi là: tiểu trùng Bồ Tát, chim chóc Bồ Tát, kiến Bồ Tát v.v... Trong vườn rau, chúng tôi dành riêng một mảnh, mỗi ngày cũng chăm bón rất cẩn thận, chuyên môn cung cấp cho những côn trùng, sâu bọ, chim chóc này.

Chúng tôi có rất nhiều cây ăn trái; có khoảng hai, ba chục loại khác nhau, chúng tôi chỉ định mấy cây cho chim chóc đến ăn; không chỉ định chúng tuyệt đối không xâm phạm. Mười năm không phải là thời gian ngắn, thù thắng vô cùng! Chúng tôi giao tiếp với các động vật nhỏ tốt hơn so với con người rất nhiều; chúng nghe lời và rất có thành tín.

Hy vọng những năm tới sẽ nhờ được những nông dân trồng tía thay. Chúng tôi sẽ học cách làm của họ, sau đó chúng tôi sẽ tự canh tác. Đây là phương thức giống như chủ trương của Đại sư Bách Trượng: “một ngày không làm là một ngày không ăn”. Chúng tôi tự làm tự ăn. Bởi việc làm không trở ngại việc niệm Phật, vừa làm việc vừa niệm Phật. Nông trường thanh tịnh trang nghiêm như một đạo tràng lớn, bạn thấy ý nghĩa chăng? Những nông sản thu hoạch được sẽ nhờ sức gia trì của Phật A Di Đà.. Thật rất tuyệt vời!

Những nông dân lân cận không biết vì sao cây cối chúng tôi lại mọc tươi tốt như thế. Họ rất hâm mộ, đó là do chúng tôi được

danh hiệu Phật gia trì. Chúng tôi không dùng thuốc bảo vệ thực vật, cũng không dùng thuốc kích thích, bạn sẽ rất yên tâm khi sử dụng thực phẩm này. Do đây có thể biết: Ánh sáng trí tuệ chiếu soi tất cả những việc Phật; những việc làm ngày nay của chúng tôi đều là Phật sự, không gì không phải là việc Phật. Hy vọng cách làm này của chúng tôi sẽ thành công để có thể giúp đỡ những nông dân bản xứ, khuyến cáo họ không dùng thuốc bảo vệ thực vật, không dùng chất kích thích, cứ trồng tía theo phương pháp tự nhiên.

Mấy năm gần đây, người dân bản xứ đã ảnh hưởng cách trồng tía của chúng tôi. Họ đến tham quan vườn rau chúng tôi và rất hâm mộ:

- Sao cách trồng của thầy tuyệt hay đến thế, không dùng chất kích thích và thuốc bảo vệ thực vật mà cây cối vẫn tốt, lại càng tốt hơn?

- Chúng tôi đã đặt máy niệm Phật, niệm Phật Di Đà suốt hai mươi bốn trên hai mươi bốn giờ trong vườn rau.

Khi họ đến tham quan, đây là thứ âm nhạc du dương nhất, tất cả cây cối đều muốn nghe. Do vậy mà chúng tôi đã tặng máy niệm Phật này cho họ, để họ có thể đặt trong vườn nhà họ.

Chúng loại Phật sự có nghìn sai muôn khác, không phải cứ ngồi niệm Phật trong đạo tràng hay giảng kinh trong giảng đường mới gọi là Phật sự, không phải! Tất cả những hoạt động trong cuộc sống đều là Phật sự giúp chúng ta giác ngộ, cũng giúp chúng sinh giác ngộ.

Mục tiêu của chúng ta và nền tảng mười năm nay đã đặt vững vàng. Hoạt động sang năm trong thành phố nhỏ này, tất cả các tôn giáo đều đến tham gia. Thị trường ở đây ủng hộ lý tưởng này của chúng tôi, khuyến khích chúng tôi nỗ lực khiến thành phố nhỏ này

với cư dân chỉ có mười vạn người, sẽ tiên phong làm đến được một thành phố mô phạm hàng đầu trên toàn thế giới. Cư dân trong thành phố này đều là người một nhà, tương thân tương ái, chăm sóc lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, hạnh phúc mỹ mãn. Đến thành phố này, bạn sẽ cảm thấy rất thân thiết hơn hẳn những nơi khác.

Đầu năm nay, tôi trở lại xem, nơi đây đã thay đổi thị trường mới, ông cũng có ý muốn đưa thành phố nhỏ này thành một thành phố mô phạm. Chúng tôi nói chuyện rất tâm đầu ý hợp. Tôi nói: Lý tưởng này của ông có thể thực hiện, chúng tôi sẽ toàn tâm, toàn ý phối hợp. Người trẻ tuổi này rất có tác phong, bên dưới là mở rộng để chúng ta học tập, làm điểm mô phạm. Hương này bay khắp mười phương, chúng sinh nghe được, tiếp xúc được đều tu hành theo Phật. Đây là nói thế giới Cực Lạc ảnh hưởng đến khắp mười phương thế giới. Trong thành phố nhỏ này, chúng ta có Học Viện là điểm nhỏ ảnh hưởng đến cả thành phố này.

Thành phố này làm thành công là một thành phố thực hành luân lý, đạo đức, thực hành nhân quả giáo dục tôn giáo, dần dần ảnh hưởng đến được cả khu vực thuộc châu Côn Sĩ Lan này. Mở rộng hơn là sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ nước Úc; sau đó ảnh hưởng đến toàn thế giới. Chúng ta sẽ dùng truyền hình vệ tinh, đưa thành phố này, mỗi ngày từng li, từng tí trong cuộc sống của người dân, phát ra trên toàn thế giới.

- Bạn có biết dụng ý là gì chăng?

- Là quảng cáo! Người trên toàn thế giới sẽ đều biết, đều đến đây tham quan học tập, du lịch khảo sát.

Thành phố này tương lai không làm gì khác, ngoài nghề tham quan du lịch, xây dựng thật nhiều khách sạn mi-ni, mở những tiệm ăn uống toàn là ẩm thực hữu cơ. Khách đến đây sẽ vô cùng tấp

nập, sau khi trở về, nhất định sẽ tự động tuyên truyền. Trên thế giới còn có được một nơi tốt đẹp như thế, thành phố này sẽ nổi tiếng.

Người vui mừng nhất là Thị Trưởng, thành tích chính trị của ông đã thành công! Tương lai nếu chọn tổng thống, nhất định phải bỏ phiếu cho ông, ông vừa lên tổng thống, không phải sẽ dẫn dắt luôn cả đất nước này ảnh hưởng đến sự an định, hòa bình trên toàn thế giới sao? Từ đó cũng có thể hóa giải được tất cả mọi xung đột, mâu thuẫn.

Đây là Kinh Vô Lượng Thọ công hiến cho chúng ta, dạy cho chúng ta, chúng ta học rồi phải thực hành, đó mới là chân thật công đức; lấy công đức này hồi hướng niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc cũng vô cùng hoan hỉ, tương lai sẽ đến tiếp dẫn bạn. Đây đích thật là lợi ích chúng sinh, thật sự phát huy Phật pháp.

“Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyền phi nhuyển động chi loại” (Không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn): Câu này chính là nguyện thứ nhất *“Quốc vô ác đạo nguyện”*. Nguyện này nói lên bi nguyện của A Di Đà Phật. Trong hai nguyện đầu, ngài chỉ mong chúng sinh thoát khổ. Cái khổ trong ba ác đạo là nỗi khổ tàn khốc nhất.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có ba đường ác, ngầm nói với chúng ta: Người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có tạo ác. Tất cả sự việc mà họ tiếp xúc đều là việc tốt, chẳng có ác duyên nên đoạn hẳn nhân ác, quả báo ác đương nhiên sẽ không có. Đây là thế giới Cực Lạc đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm bậc nhất không thể nghĩ bàn! Chỗ này nêu ra ba đường ác, chúng ta cũng nên tìm hiểu khái lược qua:

Địa ngục: Địa ngục là tiếng Hán, tiếng Phạn là Na-lạc-ca (Naraka) hay Nê-lê (Nairya) v.v...

Sách Đại Nhiếp Luận Âm Nghĩa nói: “*Dịch ra, Nê Lê có bốn nghĩa: Chẳng thể vui sướng nổi, chẳng thể cứu vớt nổi, tối tăm và địa ngục*”.

Tỳ Bà Sa Luận ghi: “*Phía dưới châu Thiệm Bộ năm trăm du-thiện-na (tức do-tuần) có địa ngục*”. Thông thường mọi người đều nghĩ địa ngục là cái ngục ở dưới đất. Nhưng, thật sự địa ngục là hóa sanh, là cảnh giới biến hiện ra. Địa ngục chẳng phải chỉ ở dưới đất mà trên núi, hoặc bên bờ biển, dưới đáy biển hoặc ở đồng hoang, dưới cội cây, giữa không trung đều có địa ngục.

Trên Kinh Địa Tạng nói chỉ có hai loại người có thể thấy địa ngục: Một là người tạo ác nghiệp địa ngục, quả báo hiện tiền họ phải thọ lãnh; hai là Bồ Tát đến địa ngục để độ chúng sinh. Nói chung, địa ngục có ba loại: *Căn bản địa ngục, du tăng địa ngục và cô độc địa ngục*.

- **Căn Bản Địa Ngục:**

Tức là tám đại địa ngục (còn gọi là tám địa ngục nóng) và tám địa ngục lạnh. Tám đại địa ngục, tính từ phía dưới mặt đất Thiệm Bộ châu năm trăm do tuần, có địa ngục tên là Đẳng Hoạt. Từ đây, lần lượt tính xuống đến địa ngục thứ tám tên là Vô Giác. Tám địa ngục ấy chồng lên nhau theo chiều dọc.

Theo Câu Xá Luận cũng như Đại Luận, tám địa ngục đó là:

1. Đẳng Hoạt địa ngục: Tội nhân trong ấy bị đâm, chém, xay, giã, khổ quá chết đi, chợt có cơn gió lạnh thổi qua, thịt da sinh lại, sống lại như trước (nên có tên là “Đẳng Hoạt” nghĩa là “sống lại giống như trước”).

2. Hắc Thằng địa ngục: Trước hết dùng những sợi dây đen đui (hắc thằng) trói chặt mình mẩy tội nhân, rồi mới cưa, chém.

3. Chủng Hợp địa ngục: Nhiều thứ hình cụ (dụng cụ tra tấn) độc ác cùng xô đến ép thân.

4. Hiệu Khiếu địa ngục: Bị các khổ bức bách, rú lên những tiếng đau đớn, than oán.

5. Đại Khiếu địa ngục: Bị khổ sở quá mức, vang tiếng kêu khóc âm ỉ.

6. Viêm Nhiệt địa ngục: Lửa bốc từ trong thân cháy ra, ngọn lửa tỏa khắp, cái khổ vì nóng bức khó lòng chịu đựng nổi.

7. Đại Nhiệt địa ngục: Sức nóng dữ dội nhất nên gọi là Đại Nhiệt.

8. Vô Gian địa ngục: Chịu khổ không gián đoạn, không lúc nào ngớt.

Ngoài tám địa ngục trên, lại có **tám địa ngục lạnh** như sau:

1. Ngạch Bộ Đà, Hán dịch là Pháo (phòng rộp lên). Thân bị rét cóng nên thân thể sưng phồng lên.

2. Ni Lạt Bộ Đà: Thân bị rét quá, mình mẩy nứt nẻ, vỡ ra.

3. A La La (bị lạnh quá, răng khua lộp cộp, phát ra tiếng rên hừ hừ).

4. A Bà Bà (cũng như trên).

5. Hổ Hổ Bà (như trên).

6. Ót Bát La (hoa sen xanh): Bị lạnh quá mức, mình mẩy như nứt gãy, da vênh lên như cánh sen xanh.

7. Bát Đặc Ma (hoa sen đỏ): Thân thể gãy nát (tương máu) như hoa sen hồng.

8. Ma Ha Bát Đặc Ma (hoa sen đỏ lớn): Thân thể gãy nát như hoa sen đỏ lớn.

- **Mười Sáu Du Tầng Địa Ngục:**

Trong số tám đại địa ngục nói trên, mỗi địa ngục đều có bốn cửa. Ngoài mỗi cửa lại có bốn tầng ngục phụ mang tên *Đường Ối Tầng* (tầng ngục nung vùi trong tro nóng), *Thi Phần Tầng* (tầng ngục phân dơ), *Phong Nhận Tầng* (tầng ngục mũi gương, đao sắc nhọn), *Liệt Hà Tầng* (tầng ngục sông sôi sùng sục), tổng cộng mười sáu tầng, gọi chung là “*mười sáu du tầng địa ngục*”. Tính ra, tám đại địa ngục có tất cả một trăm hai mươi tám ngục phụ, cũng gọi là “*Cận Biên địa ngục*”.

- **Cô Độc Địa Ngục:**

Ở giữa núi, đồng hoang, cội cây, không trung. Loại này có vô số, chịu khổ vô lượng. Khổ quả trong địa ngục là nặng nề nhất, một ngày đến tám vạn bốn mươi ngàn lần chết đi, sống lại, trải qua vô lượng kiếp. Sách Phụ Hành Ký nói: “*Tạo tội ngũ nghịch, thập ác thì cảm lấy (quả địa ngục)*”.

Ngạ quỷ: Loại này có mặt ở khắp mọi nơi, do lòng tham quá nặng mà cảm thọ quả báo này. Kẻ nào có phước đức thì làm thần trong rừng, núi, gò mã, miếu thờ. Kẻ không có phước đức ở chỗ chẳng sạch, không có thức ăn, luôn bị đánh đập, ngăn sông, lấp biển chịu khổ vô lượng. Sách Phụ Hành Ký nói: “*Hạ phạm Ngũ Nghịch Thập Ác cảm lấy (quả báo ngạ quỷ)*”.

Súc sinh: Tân dịch là “*bàng sanh*” ngụ ý, các loài sinh vật có thân hình nằm ngang (tân dịch là cách dịch theo phong cách của ngài Huyền Trang, cựu dịch là cách dịch theo phong cách của ngài Cưu Ma La Thập. Ngài Huyền Trang chủ trương bám sát nguyên bản, không bỏ bớt chữ nào, dù kinh văn rườm rà đến cách mấy. Ngài La Thập chủ trương dịch thoát ý, chỉ gạn lọc lấy ý chính).

Tân Bà Sa Luận nói: “*Do thân hình chúng nằm ngang nên cũng đi ngang. Hoặc do đi ngang nên thân hình cũng nằm ngang. Vì vậy, chúng được gọi là bàng sanh*”. “Bàng”, nói một cách đơn giản có nghĩa là nằm ngang.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Bàng*” có nghĩa là tâm không chánh, hình của nó cũng không chánh nên đọa làm loài súc sinh. Tâm hành đốn chánh là chỉ cho hai cõi: Trời và người.

Sách Hội Sớ nói: “*Loài này có mặt khắp nơi, đeo lông đội sừng, vảy, mai, lông mao, lông vũ, bốn chân, nhiều chân, sống dưới nước, trên mặt đất, bay trên không, ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô lượng*”.

Sách Phụ Hành Ký bảo: “*Tạo Ngũ Nghịch Thập Ác bậc trung cảm lấy quả này*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, cách nói này có thể sai, thay vì “*Tạo Ngũ Nghịch Thập Ác bậc hạ*” mới đúng (đường súc sinh do tạo Ngũ Nghịch Thập Ác nhẹ hơn một chút so với đường ngạ quỷ, nên mới sắp đàng sau ngạ quỷ), ngạ quỷ mới là bậc trung. Cho nên, chỗ này có thể là sai lầm, đem ngạ quỷ cho là bậc hạ, còn súc sinh cho là bậc trung.

Nên biết, bất luận đường nào trong lục đạo, chúng ta đều đã từng ở đó, khẳng định không phải chỉ một lần mà rất nhiều lần. Đời này đến nhân gian đầu thai, quên hết mọi chuyện trong quá khứ. Nếu có thể biết được chuyện trong đời quá khứ của mình, đời này chúng ta sẽ không dám làm điều sai trái. Vì sao? Vì chịu khổ đã quá nhiều rồi!

Hiện nay người phương Tây cũng như người phương Đông dùng phương pháp thôi miên, có thể khiến bạn nhớ lại đời quá khứ. Đây là sức mạnh con người gia trì, không phải Phật, Bồ Tát gia trì,

cũng không phải qui thần gia trì. Sức mạnh này có thể khiến bạn trở về quá khứ và thuật lại những chuyện trong quá khứ. Cảnh giới thôi miên như mộng nhưng không phải mộng, nó cũng rất rõ ràng. Khi nói ra, người bên cạnh dùng máy ghi âm ghi lại, đợi khi bạn tỉnh dậy, mở cho bạn nghe, chính bạn nói về một đời, hai đời, ba đời, bốn đời v.v... trong quá khứ của mình.

Tôi có nghe một bài báo cáo về thôi miên, bà ta có thể nói đến mười mấy đời trong quá khứ; niên đại hơn bốn ngàn năm, bảy tám mươi đời, quả thật không đơn giản. Trình độ thôi miên này rất ít thấy, đôi lúc cũng có thể phát hiện, đều xem nhân duyên.

Tóm lại, nếu muốn không đọa địa ngục, bạn phải tu tâm từ bi, tâm yêu thương tất cả mọi chúng sinh. Tâm yêu thương càng mở rộng, tâm sân hận liền bị tiêu trừ, dứt được nghiệp nhân địa ngục. Muốn xa lìa cõi nạ qui, cần phải có tâm cảnh giác cao độ, trong cuộc sống thường ngày phải “tri túc thường lạc”, quyết không mong cầu quá đáng, sẽ trải qua đời sống an vui, tự tại. Lòng tham con người không biên giới, đó là khổ hải vô biên, biết “tri túc” thì khổ sẽ không còn.

Ngày xưa, thời kỳ học Phật, tôi thân cận thầy Lý Bình Nam mười năm. Lúc đó ông đã ngoài bảy mươi, tôi mới ba mươi tuổi. Con người ông thật “*tri túc thường lạc*”. Suốt mấy mươi năm chưa hề thấy ông đổi bộ y phục thứ hai. Khi ông vãng sinh, chúng tôi xem thấy mới biết được áo lót và vợ của ông đã đắp vá nhiều lần.

Hiện tại, bạn đến Đài Trung xem qua phòng trưng bày kỷ niệm thầy Lý sẽ rõ việc này. Ai vá cho ông? Chính ông tự mình vá lấy. Đời sống của ông thật an vui không gì bằng. Không phải ông không có tiền, chính ông có tiền, học trò lại thường hay biếu tặng, cúng dường ông rất phong phú. Nhưng vừa qua tay, sau khi họ đi rồi, ông liền ban tặng cho tôi. Hiện tại, tôi vẫn còn giữ hai bộ áo lót cao

cấp do thầy ban tặng, tôi vẫn không nỡ mặc đến, vẫn gìn giữ mãi đến ngày nay.

Từ thức ăn cho đến quần áo mặc, qua tay liền tặng cho người. “*Tri túc thường lạc*”! Nhu cầu đời sống đủ rồi, quyết không yêu cầu quá đáng. Suốt đời ông, nửa ngày ăn một bữa, ăn rất ít, nhưng sức làm việc của ông, ba bốn người không thể sánh bằng. Sau này tôi mới chân thật hiểu thông. Tôi nghĩ: Thân thể con người là một cái máy; muốn vận hành cái máy này phải tiêu hao năng lượng, phải bổ sung năng lượng bằng cách cung cấp thức ăn, uống cho cơ thể. Thế nhưng, năng lượng tiêu hao ở mỗi người khác nhau. Có người tiêu hao năng lượng quá nhiều, cần phải bổ sung số lượng lớn. Có người lại tiết kiệm năng lượng, chỉ cần chút ít thì đủ rồi.

Cho nên, tôi xét nghĩ: Năng lượng rốt cuộc tiêu hao ở chỗ nào? Công việc của thầy mỗi ngày rất đa đoan, bận rộn, lại còn phải tiếp xúc với rất nhiều khách. Thầy là một Trung y rất giỏi, ngày ngày khám bệnh cho người. Sức làm việc của thầy rất cao, nhưng bổ sung năng lượng thì rất ít. Như vậy, tiêu hao năng lượng chắc chắn chín mươi lăm phần trăm là tiêu hao nơi vọng tưởng, nghĩ nhớ xằng bậy. Cho nên, phạm phu mỗi ngày ba bữa ăn vẫn cảm thấy chưa đủ. Tôi đem quan điểm này báo cáo với thầy, thầy khẳng định không sai. Chính là như vậy!

Người tu hành tâm càng thanh tịnh, họ ăn uống sẽ càng ít. Trên kinh, chúng ta xem thấy, thời Thích Ca Mâu Ni Phật, các tỳ kheo giữa ngày ăn một bữa; A-la-hán bảy ngày mới đi khát thực một lần, bảy ngày ăn một bữa. Bích Chi Phật, nửa tháng đi khát thực một lần, hai tuần ăn một bữa. Họ cũng giảng kinh nói pháp, cũng đi khắp nơi độ hóa chúng sinh. Đây là nói rõ: Công phu càng cao, tâm càng thanh tịnh, tiêu hao năng lượng càng ít. Việc này chúng ta không thể bắt chước, bắt chước sẽ sinh bệnh! Không phải nói học để cho dễ

coi! Họ mỗi ngày ăn một bữa vì họ có công phu, có bản lĩnh. Chúng ta đầy đầy những vọng tưởng mà có cách nghĩ sẽ làm như họ thì hoàn toàn sai lầm!

Cho nên, bất cứ việc gì đều có đạo lý, phải làm cho rõ ràng, tường tận mới có hiệu quả. Muốn xa lìa cõi súc sinh, bạn phải là người có trí tuệ. Ngu si là nghiệp nhân của cõi súc sinh. Có nhiều đồng tu không tường tận đối với việc này, họ nói: Tôi rõ rồi nhưng tôi không làm được! Rõ, mà không làm được, lời nói này không thể tin tưởng! Chỉ do bạn chưa đủ thấu triệt mới không làm được, đây là thật!

Cho nên, trong Phật pháp, sự việc này đích thật là “*biết khó, hành dễ*”. Trên Kinh Pháp Hoa nói: Long nữ tám tuổi thành Phật, đây là nói rõ “*hành dễ*”. Phật pháp Đại thừa nói: Chúng sinh và Phật chỉ khác nhau ở một niệm; một niệm chuyển đổi, chúng sinh liền thành Phật. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì sao phải nói pháp suốt bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội? Đây là nói rõ “*biết khó*”, phải dùng thời gian dài đến như vậy mới có thể tường tận, thông hiểu thấu đáo. Có người hỏi:

- Hiểu rõ rồi sao còn phải buông bỏ?

- Sau khi rõ rồi, mới hiểu được “*Bất khả đắc*”, không buông bỏ cũng phải buông bỏ. Kinh Kim Cang nói: “*Tam tâm bất khả đắc*”. Cái bạn năng đắc, bất khả đắc! Vạn pháp duyên sinh! Phạm là pháp duyên sinh đều không có thật thể. Cho nên, ngay thể tức không thì không thể có được! Năng đắc, sở đắc đều không thể được! Đây là chân tướng sự thật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói sự việc này suốt hai mươi năm, đệ tử ngài mới khai ngộ được: Không còn khởi tâm phân biệt; chấp trước mới trải qua được đời sống chân thật giác ngộ của chư Phật, Bồ Tát vĩnh ly ác đạo.

Ngày nay, chúng ta đọc đoạn kinh văn này: “*Vô hữu địa ngục, nga quỷ, cầm thú quyền phi nhyễn động chi loại*”, chân thật là không thể nghĩ bàn! Đây là một trong bốn mươi tám nguyện thù thắng của Phật A Di Đà. Nếu trong ý niệm chúng ta vẫn đầy đầy “tham-sân-si” thì Phật hiệu cho dù có niệm tốt thế mấy cũng không thể vãng sinh! Vì sao? Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có ba đường ác. Nếu một mặt niệm A Di Đà Phật; một mặt vẫn khởi “tham-sân-si”, vậy thì không được! Niệm Phật phải niệm cho ra được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi thì mới quyết định vãng sinh.

“Sở hữu nhất thiết chúng sinh, dĩ cập Diêm Ma La giới, tam ác đạo trung, lai sinh ngã sát, thọ ngã pháp hóa, tất thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bất phục cánh đọa ác thú”. (Tất cả chúng sinh cho đến những kẻ từ trong cõi Diêm Ma La, trong ba đường ác sinh sang cõi tôi, nhận pháp hóa của tôi tất thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng đọa vào đường ác nữa). Đây là nguyện thứ hai: “Bất đọa ác thú nguyện”. Theo sách chú giải của cụ Hoàng: Diêm Ma La giới (cõi Diêm Ma La) là thế giới của vua Diêm Ma La (Yamaraja). Diêm Ma La còn được phiên âm là Viêm Ma, Diễm Ma, Diêm Ma, Diêm Ma La v.v... , dịch nghĩa là “Phược” nghĩa là trói buộc tội nhân. “Diêm Ma La” dịch nghĩa là Bình Đẳng Vương. (Trong tập tục xưa gọi là vua Diêm La, đây là Ngũ điện Diêm Vương). Vị vua này chuyên ghi chép, xử đoán, quản trị cái nghiệp sinh tử, tội phước của thế gian, làm chúa địa ngục, tám ngục nóng, tám ngục lạnh và các tiểu địa ngục quyền thuộc v.v... quyết đoán thiện ác, sai sử quỷ tốt truy bắt tội nhân, tra khảo, trừng phạt chẳng lúc nào ngơi.

Kinh Tam Khải nói: “*Tương phó Diêm Ma Vương, tùy nghiệp nhi thọ báo. Thắng nhân sinh thiện đạo, ác nghiệp đọa Nê Lê*” (Giao cho vua Diêm Ma, theo nghiệp thọ báo. Nhân thù thắng thì sinh vào đường lành, ác nghiệp đọa Nê Lê).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Trương phó Diễm Ma Vương*” chính là đem người tạo nghiệp đến trước vua Diễm La để vua trị tội, thẩm phán họ. Nếu họ có tâm thiện, hành vi thiện, vua Diễm La đưa họ đến ba đường lành. Nếu tâm hành họ bất thiện, sẽ đưa họ đến địa ngục. Vua này rất công bằng, không xử oan ai, nhất định chiếu theo tâm hành trong quá khứ của họ mà phán xét. Bốn câu trên không phải để dọa người mà là chân tướng sự thật.

Nên biết lục đạo là nhân gian tạo nghiệp. Ba đường ác và ba đường lành đều là nơi tiêu nghiệp. Trong tiêu nghiệp họ cũng tạo nghiệp, đặc biệt là nhân gian. Nhân gian là đường thiện, tiêu nghiệp họ lại tạo nghiệp. Cõi trời tiêu nghiệp nhiều, tạo nghiệp ít. Cõi ngạ quỷ, súc sinh tiêu ác nghiệp nhiều, tạo nghiệp ít. Trong địa ngục hoàn toàn là tiêu nghiệp, không có tạo nghiệp. Vì thế, sau khi tiêu hết nghiệp, họ lại đến nhân gian. Nếu may mắn gặp được thiện tri thức, gặp được pháp môn Tịnh Độ, rất có thể họ sẽ thoát được lục đạo, ra khỏi mười pháp giới, nhân duyên này rất khó được.

Ngày nay, chúng ta đã gặp, phải biết điều này may mắn vô cùng: Thân người khó được, nay đã được; Phật pháp khó nghe nay đã được nghe, đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ vô cùng thù thắng này, phải biết trân trọng, chớ để luống qua. Ở đây chỉ nói khái quát về tình hình trong lục đạo, nếu nói tường tận, nói mãi cũng không cùng!

Tôi có biên tập một quyển sách tên là “*Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Thập Yếu*”, nếu nói tường tận bộ kinh này từ đầu đến cuối phải mất vài năm. Đây là một môn học có phân lượng rất lớn, học bộ kinh này rất có lợi ích, sẽ không còn dám khởi ác niệm; ác niệm không có đương nhiên không tạo ác nghiệp. Có thể nói, trong A-lại-da thức của mỗi chúng sinh đều đầy đủ tất cả chủng tử của pháp thế và xuất thế gian. Pháp nào khởi hiện hành đều phải dựa vào duyên; không duyên tuy có chủng tử cũng không khởi hiện hành.

Chúng ta phải tạo duyên với Phật A Di Đà, bằng cách “*Nhớ Phật, Niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*”, đây là Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta. Thời gian gần đây, chúng ta nghe đến rất nhiều thiên tai, cảm thấy vấn đề này ngày càng nghiêm trọng! Phật dạy: “*Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh*”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tất cả pháp duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm là chân tâm, thức là vọng tâm; vọng tâm không lìa chân tâm. Tâm động liền biến ra tất cả pháp, tâm không động tất cả pháp không còn. “Động” này là dao động. Thiên tai là do một loại dao động không bình thường. Bình thường là tương ứng với tánh đức, không bình thường là trái với tánh đức.

Ngay đến các nhà khoa học cũng nói: “Dự ngôn về năm 2012 không đáng sợ”, họ nói: “Đây là một dấu hiệu cảnh giác cao độ cho toàn nhân loại trên địa cầu, là một cơ hội tốt để thay đổi chính mình. Phải đoạn ác tu thiện, phải cải tà quy chánh, phải đoạn chánh tâm niệm, nhân loại sẽ đưa địa cầu này đến một cảnh giới tốt đẹp hơn”. Họ nói rất có lý, rất giống với những gì mà Phật nói. Nếu không thay đổi ý niệm, rắc rối liền đến, thiên tai ngày càng nghiêm trọng!

- Thế nào là ý niệm tốt nhất?

- Đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ là ý niệm tốt nhất; nhớ Phật niệm Phật là sự nhớ nghĩ tốt nhất; chia sẻ báo cáo tâm đắc học tập Kinh Vô Lượng Thọ với mọi người là ý niệm tốt nhất.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ:

Diêm Ma Vương còn được dịch là *Song Vương* vì anh và em gái cùng làm vua địa ngục. Anh coi đàn ông, em coi đàn bà, nên gọi là *Song Vương*.

Luận Câu Xá chép: “*Cõi nước vua Diêm Ma: ở phía dưới Thiệm Bộ châu chừng năm trăm du-thiện-na (do-tuần) có vương*

quốc Diêm Ma. Cõi nước có kích thước cũng cỡ đó, lần lượt thay phiên nhau mà trụ. Hễ cõi này tan hoại thì dời qua cõi khác”.

Phẩm địa ngục của Kinh Trường A Hàm cũng nói: “*Diêm Phù Đề Nam, Đại Kim Cang sơn nội, hữu Diêm La vương cung, vương sở trị xứ, tung quang lục thiên do-tuần*” (Phía Nam châu Diêm Phù Đề, trong núi Đại Kim Cang có cung vua Diêm La là chỗ vua Diêm La cai trị, ngang dọc sáu ngàn do-tuần).

“*Tam ác đạo*” (ba đường ác) còn gọi là “tam ác thú” hay “tam đồ”, là chỗ sinh về của hết thầy chúng sinh tạo nghiệp nên gọi là “ác đạo”. Ba đường: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh gọi là “tam ác đạo”.

“*Thọ ngã pháp hóa*”: Câu này rất quan trọng! Chữ “ngã” là A Di Đà Phật tự xưng. Theo Hòa Thượng Tịnh Không : Thế giới Cực Lạc thù thắng cũng ở câu này! A Di Đà Phật vì người vãng sinh, giảng kinh thuyết pháp xưa nay chưa từng gián đoạn. Nơi đó, sáu trần thuyết pháp đều do A Di Đà Phật thị hiện đủ loại thân biến hóa, thành đủ loại chim đến thuyết pháp. Nếu bạn ưa thích không tước thì hiện thân không tước; ưa thích hạc trắng thì hiện thân hạc trắng, thậm chí đến gió reo, nước chảy v.v... tất cả mọi sự vật ở thế giới Cực Lạc đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Thật không thể nghĩ bàn!

Tất thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: Câu này thuộc loại tôn trọng không dịch, ý nghĩa là “*Ất thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. “Chánh Giác” là không phải “tà giác”, cũng không phải “ảo giác”. Cái “giác” của phàm phu chúng ta là “ảo giác”.

- Tiêu chuẩn của “Chánh” là gì?

- “Phiền não chướng” đoạn dứt, “giác” đó mới gọi là “Chánh Giác”. Phiền não chưa dứt, “giác” đó là không “chánh”.

- Sao gọi là phiền não ?

- Còn có ngã chấp! Nói hơi thô thiển một chút: Vẫn còn có ý nghĩ lợi ích riêng tư, có ý nghĩ về tôi thì không phải Chánh Giác.

Cho nên, trong quá trình tu học Phật pháp, người chứng quả A-la-hán đã đoạn dứt “*Kiến tư phiền não*” mới được gọi là Chánh Giác. Tam quả dưới A-la-hán còn đang trên đường hướng về Chánh Giác, vẫn chưa đạt đến Chánh Giác. Hướng lên trên nữa, phải đoạn hết “Trần Sa phiền não” tức đoạn hết phân biệt, thì gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Bốn mươi một phẩm vô minh đoạn hết mới là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là quả vị Như Lai, Phật quả của Viên giáo.

Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sinh ở cõi Ta Bà này chia thành ba giai đoạn: Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không chia thành ba giai đoạn, A Di Đà Phật chỉ dạy mọi người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là chỗ thù thắng không gì bằng của thế giới Cực Lạc.

Chư Phật Như Lai ở thế giới khác dạy học, có thể nói là dạy từ lớp mẫu giáo đến lớp tiến sĩ, dạy rất vất vả! Thế giới Cực Lạc chỉ có lớp tiến sĩ, dưới nữa đều không làm, việc này thật cừ khôi! Chúng sinh địa ngục, chúng sinh đường ác...chỉ cần được vãng sinh, đều được tham gia lớp tiến sĩ này.

Nên nhớ: Chúng sinh đường ác vì một niệm bất giác, sai lầm mà đọa đường ác, thực tế họ có thiện căn rất sâu dày. Việc này không nên cho rằng kỳ lạ, có thể bản thân chúng ta cũng nhất thời hồ đồ làm chuyện sai quấy, cũng đã từng đến địa ngục, nhờ Bồ Tát Địa Tạng đến giáo hóa, chỉ dạy khiến chúng ta giác ngộ quay đầu vượt thoát cảnh giới địa ngục.

“*Bất phục cánh đọa ác thú*”: Chẳng đọa vào đường ác nữa; cho thấy chúng sinh trong ác đạo, thiện căn kém cỏi, lại lắm túc nghiệp, nhờ nguyện lực của Phật gia bị, nhiếp thọ vãng sinh, sinh sang cõi kia thấy đều thành Phật. Đây thật là thánh nguyện vô thượng, từ bi đến cùng cực của A Di Đà Như Lai.

Tóm lại, chương này gồm hai đại nguyện:

Một là chúng sinh trong đường ác nếu được vãng sinh về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng đọa vào ác thú nữa, biểu thị Di Đà bi tâm vô tận, hóa độ không sót.

Hai là hễ được vãng sinh thấy đều thành Phật, rốt ráo Bồ Đề.

“***Đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác***” (Được thỏa nguyện này mới làm Phật, chẳng thỏa nguyện này, chẳng giữ lấy Vô Thượng Chánh Giác). Trong các nguyện sau, chỉ nói gọn là “bất thủ Chánh Giác” (chẳng giữ lấy Chánh Giác).

Có số đồng tu nặng tâm từ bi, mong muốn đời sau vẫn làm pháp sư, vẫn độ chúng sinh, không muốn vãng sinh về thế giới Cực Lạc, thử hỏi: Đời sau họ có được vừa lòng thỏa ý hay không? Thật quá khó nói! Đời sau nhất định bạn không làm chủ nổi mà *ngiệp lực* của bạn làm chủ! Không phải muốn đời sau làm người thì làm người; muốn làm pháp sư thì làm pháp sư, muốn làm vua thì làm vua v.v..., làm gì có chuyện dễ dàng như vậy! Cái khó ở chỗ phàm phu trong lục đạo luôn bị nghiệp lực chi phối, mức thấp nhất phải là “Pháp giới Tứ Thánh” mới ra khỏi lục đạo, không còn bị nghiệp lực làm chủ. Nhà Phật thường nói chỉ có người *thừa nguyện tái lai*, mới có thể theo *nguyện lực* của họ.

- “Nguyện lực” và “ngiệp lực” khác nhau ở chỗ nào?

- Khác nhau ở chỗ: Người theo “nguyện lực” đến thọ sanh, như Kinh Kim Cang nói: “*Ngoài không dính tướng, trong không động tâm*”, đó là theo “nguyện lực”. Cũng trong Kinh Kim Cang nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*”, người này mới đích thực là “thừa nguyện tái lai”. Nếu thấy sắc, nghe tiếng vẫn còn phân biệt, vẫn còn ý nghĩ sinh khởi đó là “*nghiệp lực*”, không phải “*nguyện lực*”. Nói cách khác, theo “nguyện lực” mà đến, người này thật sự đã nhìn thấu, thật sự đã buông xả. “*Nghiệp lực*” là chưa nhìn thấu, cũng chưa buông xả, đây là chỗ không giống nhau.

Trên kinh Phật nói: Chúng sinh trong lục đạo, chỉ có cõi người là dễ giác ngộ. Dễ giác ngộ, nhưng thử hỏi có được mấy người giác ngộ?! Đừng nói chi đến chúng sinh trong ba đường ác, càng khó đến đường nào! Hiểu được chân tướng sự thật mới biết trân quý nhân duyên hiện tại, mới biết nắm bắt thật chắc cái cơ duyên này, quyết trong đời này nhất định thành tựu; tất cả những sự việc khác đều là vụn vặt tầm thường của luân hồi lục đạo.

Phải chuyên tinh thâm nhập một môn, những kinh luận khác, pháp môn khác đợi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ học tiếp, việc đầu tiên phải nghĩ cách về được thế giới Cực Lạc. Cho nên, tôi dạy mọi người: Trong Tứ Hoàng thế nguyện, hai nguyện đầu, hiện tại chúng ta phải làm xong; hai nguyện sau đến thế giới Cực Lạc làm tiếp.

Trong vô lượng pháp môn, mỗi pháp môn điều kiện rất khó : Phải đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, đoạn Vô Minh phiền não. Lấy cái thô thiển nhất là Kiến Tư phiền não, chúng ta cũng chưa làm được! Thật không phải dễ dàng!

Triều Đường, Thiên tông Lục Tổ Huệ Năng là một đại đức giáo hóa có thành tựu nhất, dưới pháp hội của ngài, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ chỉ có bốn mươi ba người. Thử nghĩ xem !

Người học với ngài có bao nhiêu người? Khiêm tốn nhất cũng phải có mấy chục vạn người. Trong mấy chục vạn người chỉ có bốn mươi ba người thành tựu, mới biết cái khó của đoạn phiền não. Chỉ có niệm Phật vãng sinh thì tương đối dễ dàng, không cần “đoạn” phiền não, chỉ cần “phục” phiền não là được. “Phục” dễ hơn “đoạn” rất nhiều. Chỉ cần phiền não không phát tác thì gọi là ‘*phục*’.

Chúng ta hạ công phu ở chỗ này: Ý nghĩ vừa khởi, liền dùng câu “A Di Đà Phật” hàng phục, đè nó xuống. Ý niệm thứ nhất vừa khởi lên thì niệm thứ hai là A Di Đà Phật. Quyết không để niệm thứ nhất biến thành niệm thứ hai, niệm thứ ba v.v..., nếu liên tục mãi như thế sẽ thành nghiệp lực. Ý niệm thứ nhất vừa khởi đó là mê hoặc (nhưng vẫn chưa tạo nghiệp), ý niệm thứ hai là A Di Đà Phật, đã hàng phục được ý niệm ban đầu thì lấy chi mà tạo nghiệp. Đây là công phu, thường ngày chúng ta cần phải thực hiện thật miên mật trong tâm, ở mọi nơi, mọi lúc, mọi cảnh duyên, dứt khoát không được lơ là; lơ là thì vọng niệm liền sinh. Nếu thực sự dụng công thì vạn người tu, vạn người đều được vãng sinh.

Nên nhớ: Môi trường sống ở thế giới Cực Lạc quá tốt. Nhìn lại môi trường sống của chúng ta hiện nay, trong kinh Phật nói là “ngũ trược ác thế”, trược ác đến cực điểm! Uống đắng, ăn độc! e rằng vài năm nữa nước cũng không uống được! Không khí cũng không hít thở được! Vậy phải làm sao?! Chỉ có cách nhanh chóng và hiệu quả nhất di dân đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là vĩnh viễn được an toàn, vĩnh viễn an vui không gì sánh bằng!

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sinh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân, tam thập nhị chủng đại trượng phụ tướng, đoan chánh tịnh khiết tất đồng

nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, khiến cho tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới sinh trong cõi tôi đều được đầy đủ thân sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng đại trượng phu, đoan chánh, tịnh khiết giống hệt nhau. Nếu họ hình dáng sai khác, có xấu đẹp thì chẳng giữ lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

“Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sinh, linh sanh ngã quốc, giai cụ tử ma chân kim sắc thân” (Lúc tôi thành Phật, khiến cho tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới sinh trong cõi tôi đều được đầy đủ thân sắc vàng ròng): Đây là nguyện thứ ba “Thân tất kim sắc nguyện” (nguyện thân có sắc vàng ròng). Câu “thập phương thế giới sở hữu chúng sinh” (chúng sinh ở mười phương thế giới) bao gồm cả chúng ta trong đó, tất cả đều được Phật hộ niệm.

“Linh sanh ngã sát, giai cụ tử ma chân kim sắc thân”: Chữ “*tử ma*” có nghĩa là thanh tịnh, vô nhiễm đến cực điểm. Theo Hòa Thượng Tịnh Không : “*Chân kim sắc thân*”, chữ “*kim sắc*” ở đây chỉ là biểu pháp. Chúng ta ngày nay chấp tướng, nghe nói thân Phật có sắc vàng ròng, liền đắp tượng Phật, dùng vàng tô lên toàn thân Phật. Thử nghĩ hiện nay nếu có người nào đó xuất hiện với toàn thân đều bằng vàng, ắt hẳn mọi người sẽ cho là quái vật, kinh sợ mà bỏ chạy!

Cho nên, chữ “*kim sắc*” ở chỗ này chỉ là biểu trưng cho sự chân thật thanh tịnh vô nhiễm. Trong tất cả kim loại ở thế gian đều bị ô-xy hóa, đổi màu, duy chỉ có vàng là không thay đổi, nên vàng

được xem là kim loại quý. Thân kim sắc của Phật, Bồ Tát đều mang ý nghĩa: Tâm Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không thay đổi, đó là chân tâm.

Chúng ta hiện nay lập ra cương lĩnh tu học: “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”. Mười chữ này biểu thị cho chân tâm. “Chân thành” chính là không mảy mai hư ngụy. “Thanh tịnh” là không mảy mai ô nhiễm. Lợi ích riêng tư là ô nhiễm; “tham, sân, si, mạn” là ô nhiễm; ham muốn là ô nhiễm v.v... Những thứ này thảy đều buông xả hết cho thật sạch sẽ, vĩnh viễn không bị ô nhiễm, đây là “*thân kim sắc thanh tịnh*”. “Bình đẳng” là không có cao thấp. Phàm phu có tâm cao thấp; có cao thấp thì không bình đẳng. Chư Phật đối với tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới, mãi mãi không có phân cao thấp, đây là “*thân kim sắc bình đẳng*”. Ở mọi lúc, mọi nơi, trong tất cả cảnh duyên, niệm niệm giác chớ không mê là “*thân kim sắc chánh giác*”. Từ bi là tâm thương yêu vô điều kiện, yêu thương tất cả chúng sinh, vĩnh viễn không đổi là “*thân kim sắc từ bi*”.

Đây đều là nói cái tốt của thân tướng: thanh tịnh, vô nhiễm, vĩnh hằng bất biến. Vĩnh hằng bất biến chính là khỏe mạnh, sống lâu, không già, không bệnh, không suy, không hoại, không cần thuốc men, không cần bác sĩ, ngay đến danh tự cũng không có. Một thế giới “chân, thiện, mỹ, tuệ” như vậy, ngoài thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn đến đâu mà tìm?! Phải hiểu được ý nghĩa chân thật của “kim sắc” này mới không nhầm lẫn, không làm sai lệch ý của Phật.

Đại sư Thiệu Đạo nói: “*Chư Phật dục hiển thường trụ bất biến chi tướng, thị cố hiện hoàng kim sắc*” (tạm dịch: Chư Phật vì muốn hiển thị tướng thường trụ bất biến mà hiện ra sắc thân vàng ròng). Nay trong đại nguyện này, Phật muốn khiến cho hết thảy chúng sinh vãng sinh đến thế giới Cực Lạc đều có thân tướng giống hết như ngài, đều có “thân kim sắc” rực rỡ, sáng bóng như màu của

vàng ròng để hiển thị: Chúng sinh và Phật không hai, chân thật đều bình đẳng.

Sách Hội Sớ, đại đức xưa của Nhật Bản giới thiệu thế giới Cực Lạc: “*Ngã quốc nhân dân, thuần nhất kim sắc, vô hữu hảo ác, bỉ ngã bình đẳng, tình tuyệt vi thuận*” (Nguyện rằng nhân dân trong cõi tôi, thuần một sắc vàng, chẳng có xấu đẹp; ta và người đều bình đẳng, dứt tuyệt ý tưởng trái, thuận). Rất nhiều người sau khi nghe “*giai cụ tử ma chân kim sắc thân*” (đều được đầy đủ thân sắc vàng óng) liền chau mày, lắc đầu! Cái thế giới này không có gì thú vị, không muốn đi! Cho nên, phải hiểu được ý nghĩa chân thật của nó.

- Cái đẹp chân thật có tiêu chuẩn không ?

- Nếu có tiêu chuẩn thì liền hết đẹp !

- Vì sao ?

- Tiêu chuẩn mỗi người một khác! Giả như có năm loại màu sắc bày ra trước mắt: Người thích màu đỏ cho rằng màu đỏ đẹp. Người thích màu xanh cho màu xanh đẹp v.v... Rốt cuộc màu nào đẹp? Màu nào không đẹp?

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có rất nhiều người từ khắp mười phương đến, quan niệm thẩm mỹ của mỗi người cũng khác, đến thế giới Cực Lạc mỗi người đều được tùy tâm ưa thích, vậy thì tốt rồi! Cho nên, phải biết đẹp xấu không có tiêu chuẩn mới là đẹp thật; có tiêu chuẩn liền hết đẹp ngay! Nhưng, trong cái “không có tiêu chuẩn” cũng có một “tiêu chuẩn tuyệt đối”, đó chính là “chân thật vĩnh viễn không thay đổi”.

Trước đây có người nói với tôi không muốn đến Cực Lạc. Tôi hỏi vì sao ? Vì nơi đó không tốt !

- Không tốt ở chỗ nào ?

- Nhà cửa đều giống nhau, có gì đẹp đâu! Nhà nhà đều là bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, xem xong một nhà thì không muốn xem thêm nhà thứ hai nữa! Không bằng San Francisco mỗi nhà đều khác nhau, kiểu dáng, màu sắc đều không giống nhau, rất là xinh đẹp.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đều như vậy! Biến hóa vô cùng không có cái nào mà không phải tùy tâm ưa thích. Chữ “thất” là bảy, đó không phải là con số, “thất” là đại biểu cho viên mãn; tùy tâm ưa thích chính là viên mãn.

“Tam thập nhị chủng đại trượng phu tướng” (Ba mươi hai tướng đại trượng phu): Đây là nguyện thứ tư **“Tam thập nhị tướng nguyện”**. Ba mươi hai tướng này chẳng phải riêng đức Phật mới có, Chuyển Luân Thánh Vương cũng có đủ ba mươi hai tướng.

Trí Độ Luận, quyển tám mươi tám có nói Phật hiện ra tướng đại nhân này vì **“thuận theo quan niệm của người Thiên Trúc nơi cõi Diêm Phù Đề trong thế gian, nên hiện ra ba mươi hai tướng”**. Thuyết này rất tuyệt! Phật vốn ly tướng lại hiện có tướng là thuận theo tập tục thế gian này. Thật sự đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phải chỉ ba mươi hai tướng mà là vô lượng tướng; trong mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp, nói không thể hết!

Theo Tam Tạng Pháp Số, quyển bốn mươi tám, **ba mươi hai tướng** là:

- 1. Bàn chân bằng phẳng**, lòng bàn chân không chỗ nào lõm xuống.
- 2. Tướng bánh xe ngàn căm**: Dưới chân có hình bánh xe.
- 3. Ngón tay dài nhọn**: Ngón tay thon dài.
- 4. Chân tay mềm mại**.

5. Chân tay có màng lưới: Giữa các ngón chân, ngón tay có màng lưới nối liền nhau giống như chân vịt ngỗng.

6. Gót chân đầy đặn không khuyết.

7. Lưng bàn chân vun tròn: Mu bàn chân cao đầy, tròn trịa.

8. Bắp đùi nai chúa: Bắp đùi Phật tròn trịa, nuốt nà như bắp đùi nai chúa.

9. Tay dài quá gói: Tay dài qua khỏi đầu gói.

10. Mã âm tàng: Nam căn của Phật ẩn kín trong cơ thể như âm ngựa.

11. Thân to rộng: Chiều cao của Phật bằng với khoảng cách hai tay giang ra.

12. Lỗ chân lông có sắc xanh: Nơi mỗi lỗ chân lông mọc một sợi lông sắc xanh, nhưng các sợi lông chẳng mọc loạn xạ.

13. Lông trên thân mượt đẹp: Lông trên thân mọc xoáy về phía phải, hướng lên trên, mượt mà.

14. Thân sắc vàng: Màu sắc thân Phật như màu vàng ròng.

15. Thường quang chiếu xa một trượng: Thân Phật tỏa quang minh, mỗi phía đều xa đến cả trượng (quang minh thường chiếu từ nơi thân Phật gọi là “*Thường Quang*” để phân biệt với “*Phóng Quang*” là quang minh do đức Phật phóng ra khi thọ ký hoặc sắp tuyên giảng đại Pháp. Một trượng là 3.33m).

16. Da dẻ mềm mại, mượt mà: Da dẻ mềm mại, trơn láng.

17. Bảy chỗ bằng phẳng, đầy đặn: Bảy chỗ là hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và đánh đầu. Cả bảy chỗ ấy đều bằng phẳng, đầy đặn, không khuyết hãm.

18. Hai nách đầy đặn.

19. Thân như tướng sư tử: Thân thể đầy đặn, đẹp đẽ, oai nghi đoan nghiêm như sư tử chúa.

20. Thân thể đoan trực: Thân hình đoan chánh, không cong vẹo.

21. Vai tròn đầy: Hai vai tròn trịa, đầy đặn.

22. Bốn mươi cái răng: Phật có đủ cả bốn mươi cái răng.

23. Răng trắng, khít, bằng: Bốn mươi cái răng đều trắng sạch, mọc khít khao.

24. Bốn răng nanh trắng sạch: Bốn răng nanh lớn nhất nhưng thật trắng sạch.

25. Má đầy như má sư tử: Hai gò má tròn đầy như tướng gò má sư tử.

26. Nước miếng trong họng có vị ngon ngọt nhất: Trong cổ họng Phật thường có chất nước miếng khiến cho ăn vật gì cũng trở thành thơm ngon nhất.

27. Lưỡi rộng dài: Lưỡi to mà dài, mềm mại, thanh mảnh, khi thè ra che cả khuôn mặt đến tận mí tóc.

28. Phạm âm vang sâu xa: “Phạm” nghĩa là thanh tịnh. Âm thanh của Phật thanh tịnh nhưng nghe vang rất xa.

29. Mắt có màu cám thanh: Tròng con mắt có màu cám thanh (xanh biếc, hơi pha sắc đỏ).

30. Lông mi như (lông mi của) trâu chúa: Lông mi mắt đẹp như lông mi mắt trâu chúa.

31. Giữa hai chân mày có tướng bạch hào: Giữa hai chân mày có một sợi lông trắng, uyển chuyển cuộn về bên phải, thường phóng quang minh.

32. Trên đỉnh có Nhục Kế: “Nhục Kế” tiếng Phạn là Ô-sát-ni (Usni), dịch là “Nhục Kế”. Trên đỉnh Phật có thịt gồ cao lên như hình búi tóc, còn gọi là “*Vô Kiến Đảnh Tướng*”.

Các kinh luận khác nói về ba mươi hai tướng có đôi chút sai khác. (Theo chú giải cụ Hoàng Niệm Tổ: “*Vô Kiến Đảnh Tướng*” chỉ tướng nhục kế trên đỉnh đầu của Phật. Từ Nhục Kế tỏa ra hào quang vô lượng, ngay cả những vị Thập Địa Bồ Tát chỉ thấy nổi được một phần, ngoài ra không ai thấy được tướng trạng của Nhục Kế, nên gọi là “*Vô Kiến Đảnh Tướng*”. Trong Kinh Bảo Tích có ghi: Ngài Mục Kiền Liên nương vào sức thần thông bay lên không trung vượt qua vô lượng thế giới để nhìn cho rõ đảnh tướng của Phật Thích Ca, nhưng ngài vẫn không thấy được.

Sư Vọng Tây viết: “*Do bởi nguyện ấy, các chúng sinh đã vãng sinh đều đủ các tướng, chẳng cần tu mà tự được. Hỏi: Sau khi hoa nở hay là trước khi hoa nở được đầy đủ các tướng? Đáp: Chẳng đợi đến khi hoa nở, hễ sinh về đất ắt liền có*”.

“Đoan chánh tịnh khiết tất đồng nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác”: Đây là nguyện thứ năm “*Thân vô sai biệt nguyện*” (Nguyện cho thân không sai biệt). Nguyện rằng: Chúng sinh trong cõi nước tôi, dung mạo, hình dáng thảy đều đoan chánh tịnh khiết giống hệt như nhau, nếu còn phân ra xấu, tốt sai khác, tôi nguyện chẳng thành Phật.

Đại sư Đàm Loan nói: “*Do chẳng giống nhau nên thân có quý, hèn. Do thân có quý, hèn nên thị phi sinh khởi. Thị phi đã khởi thì chìm đắm mãi trong ba cõi. Vì vậy, Phật hưng khởi lòng đại bi, khởi lên nguyện bình đẳng*”. Đây là Đại sư đã chỉ rõ nguyên nhân A Di Đà Phật phát khởi nguyện này vậy.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, tự tri vô lượng kiếp thời, túc mạng sở tác thiện ác, giai năng đồng thị triệt thính, tri thập phương khứ lai hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh về nước tôi, tự biết các việc thiện ác đã làm trong túc mạng đến vô lượng kiếp, đều trông thấy rõ ràng, nghe rành rẽ, biết được các việc trong quá khứ, hiện tại, vị lai suốt mười phương. Chẳng đạt nguyện này, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Trong chương này có ba nguyện: Nguyện thứ sáu “Túc mạng thông”; nguyện thứ bảy “Thiên Nhân Thông”; nguyện thứ tám “Thiên Nhĩ Thông”. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Chữ “Thông” ở đây là thần thông, thần dị đến cùng cực. Chẳng thể lường nổi công hạnh thì gọi là “thần”; làm tất cả việc gì cũng chẳng bị úng tắc, tự tại vô ngại thì gọi là “thông”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ “thông” trong Đại Kinh này Phật nói có nghĩa là thông đạt không có chướng ngại, như Đại sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm nói: “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Phật nói: Năng lực thấy của mắt chúng ta là tận hư không khắp pháp giới, không những có thể thấy hiện tại, còn có thể thấy quá khứ lẫn vị lai, đây mới gọi là đức năng không chướng ngại. Năng lực này cả sáu căn đều viên mãn, nhưng hiện tại bị chướng ngại chỉ còn trong phạm vi rất nhỏ, không thể đạt đến hư không pháp giới, cũng không thể biết quá khứ, vị lai.

- Chướng ngại này từ đâu mà có?

- Từ không rõ nhân quả! Từ khởi thị phi nhân ngã, từ “*tham-sân-si-mạn*” v.v... mà có.

Nên nhớ: Chúng sinh nơi Cực Lạc chứng quả thần thông vượt hẳn “Ngũ thông” của chư thiên, cũng vượt xa các thần thông do Thiên định phát sinh như trong kinh luận thường nói. Ví dụ: Phạm phu đạt được “Túc Mạng Thông” không thể biết việc quá khứ hơn tám vạn kiếp được. Trong khi đó, chúng sinh nơi cõi Cực Lạc, nhờ vào sức bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì mà lập tức hồi phục được tất cả năng lực của sáu căn nên đều biết đến vô lượng kiếp, đặc “Thần Thông Đại Thừa Bất Cộng” (chữ “Bất Cộng” ở đây chỉ riêng Đại thừa mới có, Tiểu thánh Nhị thừa, quý thần đều không có nên gọi là “Bất Cộng”).

Sách Bình Giải dựa trên Đại Thừa Nghĩa Chương nêu ra chín điểm sai khác giữa thần thông của chư Phật, Bồ Tát và Nhị thừa như sau:

- **Rộng hẹp chẳng giống nhau:**

Kinh Địa Trì nói Thanh Văn thông tỏ hai ngàn cõi nước, Duyên Giác thông tỏ sáu ngàn cõi nước (kinh này bảo thấy trọn ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đủ thấy khác biệt rất lớn).

- **Nhiều ít khác biệt:**

Thanh Văn, Duyên Giác, “*nhất tâm nhất tác, bất năng chúng đả*”, cũng chính là nói: Nếu họ tác ý muốn biết một sự việc thì chỉ duy nhất biết sự việc đó thôi, không thể đồng thời biết hết mọi việc. Trong khi đó chư Phật, Bồ Tát có thể cùng một lúc hóa hiện hết thấy thân tướng trong năm đường hay khắp mười phương thế giới. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng*”, tâm của Phật, Bồ Tát là tùy theo ý niệm của chúng sinh mà ứng hiện.

- **Lớn nhỏ sai khác:**

Nhị thừa hóa ra thân lớn chẳng vào được thân nhỏ; hóa thân nhỏ chẳng dung nổi thân lớn. Chư Phật, Bồ Tát hiện thân lớn chập cả tam thiên thế giới, lại có thể đem thân ấy nhét vào trong một vi trần; hóa hiện thân nhỏ như mây trần nhưng chứa được hết thầy. Hơn nữa, với hết thầy sắc vật, Bồ Tát có thể đem cái lớn (như núi Tu Di), bỏ vào trong cái nhỏ (như hạt cải); lại dùng cái nhỏ (như hạt cải) đựng được cả cái lớn. Thật tự tại vô ngại! Đây là cảnh giới “Tứ Vô Ngại” (Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại) trong kinh Hoa Nghiêm, Nhị thừa không thể làm nổi. Vì sao? Người Nhị thừa chưa kiến tánh nên không được tự tại.

- **Nhanh chậm sai khác:**

Nhị thừa muốn đến được chỗ xa xôi, phải mất một thời gian mới tới vì chẳng được “Như Ý Thông”. Chư Phật, Bồ Tát trong một niệm đến khắp mười phương thế giới do đã đắc “Như Ý Thông”.

- **Thật, giả sai khác:**

Hết thầy thứ do Nhị Thừa hóa hiện chỉ là tương tự, chẳng thể thật sự dùng được. Chư Phật, Bồ Tát hóa hiện ra thứ gì thầy đều có công dụng thật sự.

- **Việc làm sai khác:**

Chư Phật, Bồ Tát có thể đồng thời hóa hiện ra vô lượng vô biên thân, hình sắc chính là “tùy loại hóa thân” khiến cho mỗi thân đều có biện pháp giáo hóa chúng sinh khác nhau. Thí dụ: Cùng ở một khu vực, Bồ Tát có thể hóa hiện ra rất nhiều người như: Pháp sư, cư sĩ giáo hóa, người học Tịnh Độ, người học thiền, người học giáo v.v... Cũng có thể thị hiện là ngoại đạo, thị hiện những tôn giáo khác, thậm chí cả ở trong các ngành, nghề, nam, nữ, già trẻ, mỗi người,

mỗi việc không giống nhau. Điều này Thanh Văn, Duyên Giác không làm được.

- **Hóa hiện sai khác:**

Chư Phật, Bồ Tát chỉ hiện một thân mà mỗi người mỗi thấy khác nhau; chỉ nói ra một tiếng mà mỗi người nghe mỗi khác; an trụ một cõi mà hiện đủ mười phương, Nhị thừa không thể làm được.

- **Hóa các căn có công dụng sai khác:**

Kinh Niết Bàn nói: “*Chư Phật, Bồ Tát lục căn hồ dụng*” (Chư Phật, Bồ Tát dùng lần sáu căn. Dùng căn này làm chuyện khác, như trong lỗ chân lông, tức là thân căn vang ra các bài kệ. Như vậy, Bồ Tát đã dùng thân căn thay thế cho thiệt căn nói kệ), Nhị thừa chẳng thể làm được.

- **Tự tại sai khác:**

Kinh Niết Bàn nói: “*Chư Phật, Bồ Tát phàm sở tác vi, thân tâm tự tại, bất tương tùy trục, kỳ thân hiện đại, tâm diệc bất đại. Nhược thân hiện tiểu, tâm diệc bất tiểu. Hỷ ưu đẳng nhất thiết giai nhĩ*” (Chư Phật, Bồ Tát hễ làm điều gì thân tâm tự tại, chẳng vương theo duyên. Dẫu thân hiện lớn, tâm chẳng lớn theo. Dẫu thân hiện nhỏ, tâm cũng chẳng nhỏ theo. Hết thấy vui, lo v.v... đều như vậy). Ý nói: Tuy làm ra đủ loại ứng hiện, giúp đỡ, giáo hóa chúng sinh, nhưng bản thân Phật, Bồ Tát hoàn toàn không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước. Phần sau, Kinh Vô Lượng Thọ có nói: “Bất thất định ý”. Đây cũng là điều mà Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát quyền giáo không làm được.

“*Tự tri vô lượng kiếp thời, túc mạng sở tác thiện ác*” (Tự biết được việc thiện ác đã làm trong túc mạng đến vô lượng kiếp). Đây chính là nguyện thứ sáu “*nguyện có Túc Mạng Thông*”. “Túc” là đời quá khứ, “mạng” là sinh mạng, “Túc mạng” là nhiều kiếp về

trước trong quá khứ. Biết được các việc thiện ác trong nhiều kiếp quá khứ thì gọi là Túc Mạng Thông. Nhị thừa biết được nhiều lắm là đến tám vạn kiếp, Bồ Tát biết đến vô cực. Lời nguyện trong kinh này nói Túc Mạng đến vô lượng kiếp chính là nói đến thần thông của Đại thừa Bồ Tát vậy.

Nguyện này gồm hai ý nghĩa:

1. Sư Trùng Hiên, người Nhật nói: *“Do chẳng biết túc mạng nên chẳng sót sáng làm lành, chẳng sợ điều ác. Với muôn điều thiện trở nên lười biếng, tạo tác các ác cũng chỉ do không biết túc nghiệp. Vị La Hán kia nhớ nỗi khổ trong Nê-Lê (địa ngục) mà toát mồ hôi lẫn máu (xưa kia có vị La Hán nhớ đến khi xưa ở trong địa ngục, chịu các thống khổ thảm thiết mà kinh sợ cùng cực, mồ hôi toát ra có lẫn cả máu).*

Ngài Phước Tăng thấy xương đời trước của mình chột khai ngộ. Lại có người chẳng biết kẻ ấy là mẹ đẻ trong đời trước nên lấy làm vợ, chẳng biết là oán gia đời trước nên nuôi như con, chẳng biết là cha đời trước nên đem nấu thành thức ăn ngon v.v... Đấy đều do mê muội túc sự (chuyện đời trước), ham đắm nỗi vui trong đời, nay chột nghe bốn duyên đều sinh tâm nhàm chán vậy”.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, người cõi Cực Lạc cần phải có “Túc Mạng Trí Thông” để biết được hạnh nghiệp của chúng sinh trong quá khứ, nhờ đó mà dẫn dụ họ, dùng phương tiện này hồng hóa độ chúng sinh.

2. Ngài Tịnh Chiếu nói: *“Nếu biết được túc mạng thì chẳng tự cao. Nhớ nghĩ đến vô số công đức trong quá khứ nên chỉ nương theo thệ nguyện của Phật để được sinh về cõi kia”.*

Ngài Trùng Hiên cũng nói: *“Vãng sinh cõi kia liền trước hết biết túc mạng, thật là kính ngưỡng Phật đức sâu xa”.*

“**Đồng thị, triệt thính tri thập phương khứ lai, hiện tại chi sự**” (Thấy rõ ràng, nghe rành rẽ việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong suốt mười phương): Đây là công năng của Thiên Nhãn, và Thiên Nhĩ thật không thể nghĩ bàn! Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Họ đã đột phá toàn bộ cái mà khoa học hiện tại gọi là “Duy thứ vô lượng thời không”; không gian khắp mười phương, thời gian tận cùng quá khứ, hiện tại, vị lai họ đều có thể nhìn thấu, nghe thấy. “Đồng” là sâu xa, thông suốt; “Triệt” là thông suốt, sáng tỏ. “Đồng thị” là thấy rất sâu, rất rõ ràng, rất vi tế, đây là nguyện thứ bảy “*Thiên Nhãn Thông*”. “Triệt thính” là nghe rõ ràng, cho dù sóng âm cực kỳ vi tế, thậm chí bản thân chúng ta vẫn chưa phát hiện, nhưng Phật, Bồ Tát người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã nghe thấy, tiếp nhận rồi, đây là nguyện thứ tám “*Thiên Nhĩ Thông*”.

Thiên Nhãn Thông còn gọi là *Thiên Nhãn Trí Thông*, hoặc *Sinh Tử Trí Thông*. Thiên Nhãn là con mắt cõi trời, thấy được hết thấy hình sắc dù thô hay tế, xa hay gần và tướng trạng sinh tử của chúng sinh trong tương lai.

Sách Hội Sớ bảo: “*Thấy được các tướng: chết đây, sinh kia, khổ, vui v.v... của lục đạo chúng sinh và thấy hết thấy các thứ hình sắc chướng nội, chướng ngoại, thế gian, xuất thế gian, chẳng bị chướng ngại*”. Mắt thịt của phàm phu chỉ thấy được vật “chướng nội”. Ví dụ: Tường vây quanh là Chướng. Phàm phu chỉ thấy được vật giữa các bức tường (chướng nội) chẳng biết được hết thấy vật ngoài tường (chướng ngoại). “Thiên Nhãn” thấy được những vật “chướng ngoại” nên thông đạt vô ngại.

Thiên Nhãn của trời, người cõi Cực Lạc lại vượt xa Thiên Nhãn của Nhị Thừa và chư thiên. Đại sĩ Long Thọ nói: “*Bạc tiểu Thanh Văn trong hàng Nhị Thừa nếu chẳng tác ý liền thấy được một ngàn cõi. Nếu tác ý thì thấy hai ngàn quốc độ. Đại Thanh Văn chẳng*

tác ý thấy được hai ngàn, tác ý thấy được ba ngàn. Bậc tiểu Duyên Giác chẳng tác ý thấy hai ngàn, tác ý thấy ba ngàn. Bậc Đại Duyên Giác dù tác ý hay không cũng đều thấy được việc trong tam thiên đại thiên thế giới. Chư Phật, Bồ Tát thấy được sự việc trong vô lượng thế giới”.

Chỗ này hội bản ghi là thấy rõ “*thập phương khứ lai hiện tại chi sự*” (việc quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương). Ý nói: Thấy được sự việc trong vô lượng thế giới, đủ thấy thần thông của người cõi Cực Lạc chính là thần thông của chư Phật, Bồ Tát.

Với nguyện thứ bảy này, cụ Hoàng nêu ra hai thuyết:

1. Ngài Vọng Tây nói: “*Do chúng sinh trong cõi nước chẳng thấy các quả khổ nên chẳng sợ cái nhân tạo khổ, cũng do chẳng thấy các quả vui nên chẳng tu cái nhân sinh vui. Ngài Pháp Tạng thương xót những bọn chúng sinh ấy nên chọn lựa cái nguyện này để nhiếp thủ chúng nó”.*

Sách Hội Sớ cũng bảo: “*Mắt thịt mờ mịt, kém cõi, chẳng thể thấy nổi vật bị che lấp bởi một tờ giấy. Chỉ tính cái trước mắt, chẳng thấy khổ dữ nơi địa ngục, nên chẳng dùng mãnh siêng tu; chẳng thấy được cái vui thù thắng nơi Tịnh Độ nên hờ hững tâm niệm ham cầu”.*

Ngài Trùng Hiên lại nói: “*Ôi chao thương thay! Chẳng thấy quả khổ địa ngục, naga quý, chẳng thấy cha mẹ, sư trưởng thọ báo nên hờ hững cái tâm nhằm chán, biếng nghĩ việc báo ân”.* Vì vậy, ngài Vọng Tây bảo: “*Việc trọng yếu thượng cầu hạ hóa, cái đạo chán khổ báo ân chỉ cốt ở Thiên Nhân soi thấy mà thôi!”.*

2. Sách Trích Ký khai triển:

“*Các sách như Hội Sớ v.v... cho rằng Phật phát nguyện như thế là để diệt ác sinh thiện, chán khổ ham tịnh. Nếu như vậy thì hóa*

ra là chẳng phải để đạt lợi ích nơi cõi chân độ (chỉ Cực Lạc). (Tôi cho rằng) nguyện này chính là để đạt lợi ích nơi cõi chân thật.

Như có Tịnh Độ, tuy thánh chúng cõi ấy có Thiên Nhân, thấy được hai ngàn thế giới hoặc thấy ba ngàn thế giới, nhưng chẳng thấy trọn bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số cõi Phật. Hoặc có Tịnh Độ, Bồ Tát cõi ấy tuy được Thiên Nhân, nhưng chẳng trọn đủ ngũ nhãn. Do vậy, Phật đặc biệt phát ra nguyện này.

Cũng bởi thế, trong phần Nguyện Thành Tựu có nói: ‘Nhục nhãn thanh triệt, mị bất phân liễu. Thiên Nhân thông đạt, vô lượng vô hạn’. (Mắt thịt trong treo không gì chẳng thấy rõ. Thiên Nhân thông đạt vô lượng vô hạn). Như vậy, hễ được một thứ Thiên Nhân thì sẽ trọn đủ ngũ nhãn. Bởi thế, thấy được cõi Phật nhiều như số vi trần, thấy rõ chúng sinh chết đây sanh kia, cứu giúp, lợi lạc chúng sinh, luôn làm Phật sự. Đó chính là lợi ích thù thắng của nguyện này vậy”.

Cụ Hoàng Niệm Tổ có đồng quan điểm với thuyết sau cùng và nêu ra nhận xét của mình như sau: “Nếu cho rằng nguyện khởi của lời nguyện này chỉ để diệt điều ác, sinh điều lành và khiến cho (người nghe) chán khổ, thích vui, thì đó chưa phải là cái lợi ích thực tế cho người cõi Cực Lạc. Trời, người cõi Cực Lạc thấy được bất khả thuyết, bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số cõi Phật, nhưng do đắc Thiên Nhân, họ liền được đầy đủ trọn vẹn cả Ngũ Nhãn: Tuệ Nhãn, Pháp Nhãn, Phật Nhãn và Nhục Nhãn sẵn có. Do đó, họ thấy được cõi nước nhiều như vi trần, thấy rõ các tướng sống chết qua lại của chúng sinh, nên có thể cứu giúp quần sanh, lợi lạc vạn vật. Đây mới là lợi ích thù thắng của bốn nguyện. Trong hai thuyết trên, thuyết sau rất đạt bốn nguyện của Phật Di Đà”.

Câu “*triệt thính thập phương khứ lai hiện tại chi sự*” (nghe rõ ràng chuyện quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương). Đây

chính là nguyện thứ tám “*đắc Thiên Nhĩ Thông*”. *Thiên Nhĩ Thông* còn gọi là *Thiên Nhĩ Trí Thông*. Thiên Nhĩ là tai của chư thiên trong Sắc giới, nghe được tiếng nói của hết thầy chúng sinh trong lục đạo và hết thầy âm thanh xa, gần, lớn, nhỏ.

Bản Đường dịch ghi: “*Quốc trung hữu tình, bất hoạch thiên nhĩ, nãi chí bất văn ức na-do-tha bách thiên du-thiện-na ngoại thuyết pháp giả, bất thủ Chánh Giác*” (Hữu tình trong nước chẳng được Thiên Nhĩ, cho đến chẳng nghe được lời thuyết pháp cách xa ức na-do-tha trăm ngàn du-thiện-na thì chẳng lấy Chánh Giác).

Theo đó, *Thiên Nhĩ Thông* của trời, người cõi Cực Lạc vượt xa Nhị thừa, chẳng những nghe được khắp tất cả âm thanh trong mười phương, mà còn có thể nghe được vô lượng chư Phật thuyết pháp.

Ngài Trùng Hiên bảo: “*Thần thông này rất quan trọng. Nghe được tiếng các khổ nơi địa ngục, tiếng đói khát của loài naga quỷ liên thêm lớn bi tâm. Nghe tiếng nhạc Càn Thát Bà (Càn Thát Bà là nhạc thần của Thiên Đế, gảy đàn lưu ly, tiếng vang vọng khắp tam thiên đại thiên thế giới), tiếng thần tiên tụng kinh. Nghe rồi thường thích chốn núi non tịch tĩnh; hướng hồ nghe chư Phật thuyết pháp, nghe xong đều thọ trì, nghe Bồ Tát bàn bạc càng thêm khát ngưỡng*”.

Hòa Thượng Tịnh Không kể rằng: Trong Cao Tăng Truyện có nói qua tiểu sử của ngài An Thế Cao, ông trước đây đã từng dịch qua mấy bộ kinh. Đại sư An Thế Cao có năng lực hiểu được ngôn ngữ của cầm thú. Chúng ta chỉ nghe được tiếng chim hót, kỳ thật chúng đang nói chuyện. Ngài An Thế Cao nghe chúng nói chuyện liền bảo với người bạn: “Con chim này nó nhìn rất xa, thấy đằng xa kia có người đang đi đến, gánh những gì đó trên vai”. Một lát sau, quả nhiên có người kia đi đến, chúng tỏ ngài có thể hiểu tiếng cầm thú.

- Vì sao ngài có năng lực này?

- Do học!

- Ngài học từ đâu?

- Từ trong thiền định thâm sâu phát thông trong tâm thanh tịnh; bản năng hồi phục này vốn có. Điểm này đáng để cho chúng ta chú ý.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh sinh ngã quốc giả, giai đắc Tha Tâm Trí Thông. Nhược bất tất tri ức na-do-tha bách thiên Phật sát, chúng sinh tâm niệm giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi đều đắc Tha Tâm Trí Thông. Nếu chẳng biết được hết tâm niệm của chúng sinh trong ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, chẳng giữ lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên là nguyện thứ chín “*Tha Tâm Thông*” cũng gọi là “*Tha Tâm Trí Thông*”. Sáu loại thần thông đều là trí tuệ khởi tác dụng, trí tuệ này không phải do tu mà được, là trí tuệ Bát Nhã vốn đầy đủ trong tự tánh. Trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “*Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai*”. “*Như Lai*” là nói về tự tánh, trí tuệ vốn đủ trong tự tánh chúng ta, cũng có thể nói là bản thể thật sự của Pháp Thân. Khi Đại sư Huệ Năng khai ngộ, ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”.

- Đầy đủ những gì?

- Đầy đủ trí tuệ, đức năng, tướng hảo như Kinh Hoa Nghiêm nói.

Ba điều này đã bao hàm khắp pháp giới, hư không giới trong đó. Trí tuệ là nguồn gốc của hiện tượng tinh thần, mà hiện tượng tinh thần lại là bản chất của hiện tượng vật chất, cho thấy tất cả pháp trong vũ trụ không lìa Bát Nhã vốn đầy đủ trong tự tánh. Do vậy mà Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện ở thế gian này, vì chúng sinh giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm; mười hai năm đầu là A-Hàm (nhân thiên và Tiểu Thừa); tám năm kế là Phương Đẳng (Đại Thừa); hai mươi hai năm tiếp đó là Bát Nhã; tám năm sau cùng là Pháp Hoa; Niết Bàn là một ngày một đêm, di giáo sau cùng. Từ chỗ này có thể lãnh hội được then chốt của Phật pháp là Trí tuệ Bát Nhã.

“Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đắc Tha Tâm Trí Thông” (Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi đều đắc Tha Tâm Trí Thông). Có người nói Phật Giáo mê tín, đó là họ hoàn toàn không biết gì về Phật Giáo. Phật pháp lấy trí tuệ làm then chốt. Trí tuệ trong ý thức khởi tác dụng chính là **“Tha Tâm Thông”**, có thể biết được tâm niệm của người khác, thấy rõ hết thấy chúng sinh trong tâm đang nghĩ gì, như gương sáng hiện rõ muôn hình tượng. Tâm ý của lời nguyện này, như Đại sư Trùng Hiên nói: **“Thế tục còn coi việc hiểu lòng người khác là quan trọng, hướng hồ bậc xuất thế lợi lạc chúng sinh”**. Người thế gian rất coi trọng vấn đề này. Vì sao? Vì có thể biết trước lành dữ, họa, phước để tránh hung họa, để tìm lành lánh dữ.

Phật, Bồ Tát thấu triệt tất cả nhưng không có ý niệm tìm lành lánh dữ, vì họ có năng lực hóa giải mọi tai ương, hung họa. Họ có **“Tha Tâm Thông”** nên giảng kinh dạy học rất khế cơ, hoàn toàn không có chướng ngại. Phật thuyết pháp, kinh điển ngài lưu lại gọi là Khế Kinh, Khế Kinh nghĩa là: Trên khế lý với đức Phật chứng, đó

là hoàn toàn tương ứng với tự tánh; dưới khổ cơ, có thể độ tất cả chúng sinh, không những trong hiện tại mà cả trong quá khứ lẫn vị lai. Chúng ta học Phật nghe đến nguyện này, người thật sự tin nhân quả không lạnh mà run!

Hòa Thượng Tịnh Không kể: Năm xưa ngài học Phật, đọc đến kinh văn này liền nổi da gà! Bất kỳ một ý nghĩ cực kỳ vi tế nào thì Phật, Bồ Tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng đều biết rõ. Chúng ta muốn vãng sinh thế giới Cực Lạc, với ý nghĩ này, hành vi này, liệu Phật có tán đồng hay không?! Chân thật muốn thành tựu ngay trong đời này, quyết chẳng dám trái phạm lời dạy của Phật Đà, ngoan ngoãn chăm chỉ mà học tập, đó mới là người thật tâm học Phật. Đoạn kinh văn này, dùng cách nói của người hiện tại gọi là tâm lý học, hiểu được tường tận tâm lý của người khác, không cần phải suy xét, ước đoán chi cả.

“*Nhược bất tất tri ức na-do-tha bách thiên Phật sát chúng sinh tâm niệm giả*” (Nếu chẳng biết được hết tâm niệm của chúng sinh trong ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật). Chữ “bách thiên Phật sát” bao gồm cõi Phật Ta Bà chúng ta đang ở. Chữ “chúng sinh tâm niệm” bao gồm khởi tâm động niệm của tất cả chúng ta. Chúng sinh vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, thấy đều có trí biết năng lực này huống là A Di Đà Phật cùng các Thánh chúng. Chúng ta ngày nay gặp khổ nạn, thường cầu đến Quán Thế Âm Bồ Tát.

- Có cần phải cầu xin không?

- Không cần! Ngài đều biết cả rồi!

Chỉ cần chúng ta như giáo tu hành thì chắc chắn được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, chư thiên thiện thần ủng hộ, tai nạn dù lớn thế mấy cũng có thể vượt qua. Đoạn kinh văn này giúp chúng ta vững chãi hơn trong niềm tin đối với chư Phật, Bồ Tát.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại, Ba La Mật Đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh, sinh trong nước tôi đều được thần thông tự tại, Ba La Mật Đa. Trong khoảng một niệm chẳng thể vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đến khắp tất cả (các cõi ấy) cúng dường chư Phật thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này nói đến nguyện thứ mười “*Thần Túc Thông Nguyện*” và nguyện thứ mười một “*Biến cúng chư Phật nguyện*” (Cúng dường khắp chư Phật). Trong câu “*châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật*” (đến khắp tất cả cúng dường chư Phật) có hai ý nghĩa; chúng ta phải phân ra đọc cho dễ hiểu: “*châu biến tuần lịch*” và “*châu biến cúng dường*”. Chữ “*châu biến tuần lịch*” (đến khắp, đi qua trọn khắp) là nguyện thứ mười, “*châu biến cúng dường*” (cúng dường trọn khắp) là nguyện thứ mười một.

“*Ngã tác Phật thời sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả*” (Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh, sinh trong nước tôi): Câu này bao gồm cả chúng ta trong đó. Ngày nay, chúng ta cư ngụ là cõi Phàm Thánh Đồng Cư thế giới Ta Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc khác biệt rất lớn so với cõi Phàm Thánh Đồng Cư của mười phương thế giới chư Phật.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế gian chúng ta, không ai có được năng lực “*châu biến tuần lịch cúng dường*” này.

Gần đây, khi khai quang tượng Bồ Tát Quán Âm ở núi Phổ Đà; Singapore hội trường chúng ta dẫn phái đoàn đi tham dự, đã chính mắt xem thấy Bồ Tát Quán Âm thị hiện ở không trung. Khi ông trở về nói với chúng tôi: Hôm đó, ông xem thấy trên trời dường như có một cái cửa mở ra, xuất hiện bốn đóa hoa sen, tiếp theo xem thấy Tứ Đại Thiên Vương, sau đó có Bồ Tát Quán Âm xuất hiện. Lúc đó, có đến mấy vạn người đều xem thấy. Việc này không phải giả! Nghe nói còn có người ghi hình. Hiện tại, người phương Tây có rất nhiều dự ngôn rằng tương lai ở nơi đây đều sẽ chìm trong biển lớn. Sau khi chìm trong biển lớn, thử hỏi:

- Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Địa Tạng ở đâu?

- Đã là nơi chư Phật, Bồ Tát ở quyết có thiên long hộ pháp ủng hộ.

Người học Phật chúng ta phải có lòng tin: Tai nạn là khẳng định có! Tránh khỏi tai nạn không phải không có phương pháp. Chúng ta theo Phật, Bồ Tát sẽ không có tai nạn. Trái ngược với Phật, Bồ Tát e rằng liền có nạn tai! Người phương Tây cũng có cách nói này: Người tín ngưỡng Thượng Đế có thể may mắn thoát khỏi tai nạn. Người không tín ngưỡng Thượng Đế đều sẽ bị trừng phạt. Họ nói trừng phạt là có điều kiện; điều kiện là hỏi bạn có tin hay không?

- Chúng ta nghe lời nói này có phải đổi, đi tin Ki-tô hay không?

- Ý nghĩa hàm chứa trong lời nói này rất sâu! Nếu hiểu sai ý nghĩa của Thượng Đế, bạn tuy tin ngài, vẫn không thể tránh khỏi bị trừng phạt!

Tin Thượng Đế, cùng tin Phật, Bồ Tát, chữ “tin” đó cùng một ý nghĩa. Chúng ta tin Phật, Bồ Tát là tin theo giáo huấn của ngài, y giáo phụng hành, đó mới gọi là tin. Trong tôn giáo cũng cùng đạo lý này. *Chớ nên cho rằng: Tin Thượng Đế là có bùa hộ thân, bất cứ tội nghiệp gì ta gây tạo đều có Thượng Đế gánh vác thay ta. Đây là hiểu sai, hiểu lầm, là nhục mạ Thượng Đế!*

- Thượng Đế là cái tâm gì?

- Tâm “từ bi hỉ xả”, tâm “thập thiện nghiệp đạo”. Đây là điều kiện để sinh thiên. Hiểu được đạo lý này, y theo cương lĩnh mà tu học, là tin vào Thượng Đế. Chớ hiểu Thượng Đế như đầu mục của xã hội đen, bao che tội ác thì còn gì có chỗ tốt mà tin theo chứ?!

“Sinh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại” (Sinh trong nước tôi đều được thần thông tự tại) chữ “thần” là diệu dụng chẳng thể lường nổi. “Thông” là dung thông tự tại.

“Ba La Mật Đa” (Paramita) hoặc **“Ba-La-Mật”** (Ba La là bờ kia, Mật Đa là đến. Theo văn phạm Ấn Độ là Bỉ Ngạn Đáo, tiếng Hán là Đáo Bỉ Ngạn), dịch là Sự Cứu Cánh, Đáo Bỉ Ngạn, Độ Vô Cực, hoặc chỉ giản lược một chữ là “Độ”. Sự Cứu Cánh là sự việc làm đến viên mãn, đến thành công. Đáo Bỉ Ngạn (đến bờ kia), người xưa gọi là công phu đã đến nơi đến chốn. Độ Vô Cực là giáo hóa chúng sinh đạt đến cứu cánh viên mãn.

“U nhất niệm khoảnh” (Trong khoảng một niệm): Chỉ thời gian cực kỳ ngắn ngủi, thời gian này có nhiều thuyết khác nhau. Ngày nay lấy “sát-na” làm một niệm. Theo Đại Trí Độ Luận và Kinh Nhân Vương nói: Trong một khảy móng tay có sáu mươi “sát-na”. Kinh Nhân Vương còn nói: “Một sát-na có chín trăm lần sinh diệt”. Trong “Bồ Tát Xứ Thai Kinh”, Bồ Tát Di Lặc trả lời đức Thích Ca Mâu Ni Phật: *“Trong một khảy móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm; niệm niệm thành hình, hình đều có thức”*, so với Kinh Nhân

Vương nói còn ngắn hơn nhiều. Bồ Tát Di Lạc nói cùng các nhà Lương tử lực học hiện nay phát hiện gần giống nhau.

Có thể “tiểu quang tử” mà nhà khoa học nói so với trong Phật pháp gọi là “cực vi chi vi” là tương đồng không thể phân chia được nữa; phân nữa sẽ không còn, đây là vật chất nhỏ nhất trong hiện tượng vật chất. Nhà khoa học cũng chứng minh vật chất không phải thật, là huyễn tướng do nhiều “tiểu quang tử” tích lũy liên tục mà sinh ra. Việc này giúp chúng ta lãnh hội được trong Phật pháp Đại thừa nói về “Ngũ Uẩn giai không”, trong đó đức Phật giải thích rất tường tận, phân nó thành “sắc, thọ, tưởng, hành, thức”. “Sắc” là hiện tượng vật chất; “thọ-tưởng-hành-thức” là hiện tượng tinh thần.

Nói cách khác, theo quan điểm Phật pháp trong “Cực vi chi vi”, có đầy đủ hiện tượng “Ngũ Uẩn”, toàn thể vũ trụ đều không ngoài hiện tượng này, trong một niệm nhỏ nhất có đầy đủ hiện tượng của “thọ-tưởng-hành- thức”. Chẳng hạn như thân thể con người là hiện tượng Ngũ Uẩn, bất luận phân như thế nào, phân đến “cực vi chi vi”, mỗi điểm đó vẫn là hiện tượng Ngũ Uẩn hoàn chỉnh. Việc này hình như các nhà khoa học cũng đã chứng minh. Thông thường chúng ta rất khó tưởng tượng, có thể nói là không thể tưởng tượng, đây là chân tướng sự thật. Trên kinh Phật nói: *“Hạt cải chứa núi Tu Di, núi Tu Di chứa hạt cải”* cũng là nói rõ hiện tượng này.

Thật ra, “tiểu quang tử” nhỏ hơn nhiều so với “giới tử”, “giới tử” là hạt cải chỉ lớn bằng hạt mè, trong đó có thể dung nạp núi Tu Di. Vì sao? Vì núi Tu Di không tách rời “Ngũ uẩn”; “tiểu quang tử” cũng là “Ngũ uẩn” viên mãn, bao gồm toàn bộ tin tức của vũ trụ. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Lớn, nhỏ không hai, đây là thật! Đây là khoa học trong kinh Phật. “Tiểu quang tử” này chỉ trong “sát-na”, khoảng thời gian ngắn có thể vượt quanh một vòng ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật. Cảnh giới này giống như trong “Vọng Tận Hoàn

Nguyên Quán” của Quốc sư Hiền Thủ nói về ba loại chu biến: Chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận (có thể biến hiện vô lượng vô biên thân), và hàm dung không hữu. Ba loại chu biến này là tánh đức của tự tánh. Thuật ngữ trong Phật pháp gọi là “*Pháp nhĩ như thị*”, nó vốn là như vậy.

Khi những hiện tượng này dừng lại, đó là bản thể của tự tánh; trong Tịnh Tông gọi là Thường Tịch Quang. Khi phát sinh hiện tượng chấn động liền trở thành A-lại-da, biến hiện ra tất cả vạn pháp trong vũ trụ. Trên kinh Phật nói: Vũ trụ này là “*tâm hiện thức biến*”; tâm hiện là tâm động; tâm bất động nó không hiện.

- Khi nào tâm động? Vì sao động?

- Không có thời gian, cũng không có nguyên nhân!

- Động này là vọng động, nó không phải thật; trong Phật Giáo gọi là “Vô thi vô minh”, “vô thi” là không có bắt đầu.

- Vì sao không có bắt đầu?

- Vì thời gian của nó quá ngắn! Chúng ta không cách nào cảm nhận được lúc nó bắt đầu!

Trong một khảy móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm, như vậy làm sao phát hiện được! Cho nên, gọi nó là “vô thi”. Trên thực tế, có câu nói rất hay: “Ngay tại đây!” Câu này cũng rất khó hiểu! Vì sao? Trong quan niệm “ngay tại đây” này, thời gian cũng rất dài, không biết có bao nhiêu cái “ngay tại đây” tích lũy một nơi!

Trong kinh điển Đại thừa nói: Bồ Tát Bát Địa trở lên gần với quả vị Diệu Giác mới cảm nhận được; trước Thất Địa đều không thể cảm nhận được; đương nhiên phàm phu chúng ta càng không cần phải nói. Đây là trong kinh Phật nói về thật tướng của các pháp. Sáu trăm quyển Đại Bát Nhã nói về hiện tượng này, thực tế chính là một

câu mà đức Phật nói suốt hai mươi hai năm, nhưng người thật sự hiểu thì không nhiều! Ngài nói: “*Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Vì thế Phật dạy chúng ta buông bỏ, đạo lý chính ngay ở chỗ này.

Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói sáu pháp vô vi, chỉ có một pháp thật là: “*Chân Như vô vi*”, đây là nói về tự tánh. Năm “vô vi pháp” còn lại không phải thật, chỉ là “*tương tự vô vi*”, không phải “chân vô vi”, vì nó có sinh diệt. Tương sinh diệt không rõ ràng, không những chúng ta không dễ cảm nhận mà Nhị thừa, Quyền giáo Bồ Tát cũng rất khó cảm nhận được hiện tượng sinh diệt của nó, nên gọi là “Pháp vô vi”.

“*Ư nhất niệm khoảnh ... siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát*” (Khoảng một niệm... vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật). Đây là nói rõ về tốc độ nhanh chóng, trong chừng một niệm, biến pháp giới hư không giới, đi khắp tất cả, hiển lộ người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn! Cảnh giới này là cảnh giới của Như Lai quả địa.

Nên nhớ: Thiên nhân ở thế giới Cực Lạc chính là thiên nhân ở “*Cõi Phạm Thánh Đồng Cư*” vãng sinh, họ được bốn nguyện của bốn mươi tám nguyện Phật A Di Đà gia trì nên thần thông đạo lực, trí tuệ, đức tướng của họ đều giống với Phật A Di Đà. Đây là sự thù thắng vô biên của thế giới Cực Lạc. Ở các thế giới khác không có. Người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc tuy chưa thành Phật nhưng cũng như thành Phật, đây là ân đức của Phật A Di Đà.

Theo sách chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Na-do-tha” (Nayuta) là ức (một vạn vạn). Thời cổ, Trung Hoa hiểu chữ ức theo ba cách khác nhau: Mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn. Vì vậy, các vị Cổ Đức cũng phán định con số này không đồng nhất, như sách Huyền Ứng Âm Nghĩa nói: “*Na-do-tha là mười vạn của Trung Quốc*”. Lớn

hơn là: “Đời Tỳ, na-do-tha là một ngàn vạn” (Các thuyết khác chẳng dẫn ra). Như vậy, khó lòng xác định “na-do-tha” lớn bao nhiêu, nhưng ta có thể đoán chắc “na-do-tha trăm ngàn” là một con số rất lớn đến nỗi rất khó thể tính biết được.

Câu “ư nhất niệm khoảnh... Siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát” (trong khoảng một niệm... vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật) diễn tả Thần Túc Thông, còn gọi là Thần Túc Trí Thông, Thần Cảnh Trí Thông, Thân Như Ý Thông, Thân Thông. Tốc độ năng lực này của người cõi thế giới Cực Lạc đích thật là không thể nghĩ bàn! Gần như khởi tâm động niệm liền châu biến cả mười phương ba đời, tất cả cõi chư Phật. Điều này cũng nói lên “*thập phương tam thế bất ly đương niệm, vô biên sát hải chẳng ngoài nhất tâm*”, đều do tự tánh biến hiện ra. Thử nghĩ:

- Loại người nào có thể làm đến được?

- Trên kinh Phật nói: Đây là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ; Bồ Tát kiến tánh mới có thể làm đến được. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới không có được năng lực này, tuy các ngài cũng có năng lực tham phỏng các cõi chư Phật, nhưng phạm vi không nhiều đến như vậy. Hơn nữa, còn phải mất thời gian rất dài, không thể chỉ trong một niệm liền châu biến khắp mười phương cõi nước chư Phật được.

Sách Hội Sớ giảng chữ “*thần túc*” (cũng gọi là “Như Ý Túc”) như sau:

“*Thần Túc có ba loại:*

1. Vận Thân Thông: *Bay trên không giống như chim bay.* Vận Thân Thông còn gọi là “*Thừa không hành*”, bay lượn trên không giống như chim bay. Đây là nói họ phi hành tự tại, không cần công cụ phi hành. Người có thần thông cao, khi họ phi hành, chúng ta không cách chi nhìn thấy thân ảnh của họ, chỉ nhìn thấy một vệt sáng

lướt nhanh qua (tốc độ của ánh sáng không nhanh như vệt sáng này). Vừa tiếp xúc mặt đất, họ liền hiện thân, đây là “*Vận Thân Thông*”.

2. Thắng Giải Thông: *Với chỗ xa xôi nhất, chỉ tác ý tư duy liền tới ngay đó.* Năng lực này cao hơn năng lực trước. Họ chỉ ngồi một chỗ bất động, muốn đến nơi nào rất xa như băng qua Thái Bình Dương, muốn đến nước Mỹ, thân họ lập tức biến mất liền đến nơi, không hề nhìn thấy dấu vết.

3. Ý Thế Thông: *Với chỗ xa xôi nhất, tâm vừa nghĩ đến, thân đã ở đấy.* Ý nói nơi thật xa, như mười phương cõi nước chư Phật, chỉ cần họ khởi tâm nghĩ đến, thân lập tức liền đến nơi. Người ở thế giới Cực Lạc có khả năng này. Tuy bản thân họ ngồi bất động trước Phật A Di Đà nghe kinh giảng pháp nhưng cùng một lúc hóa thân của họ đều đến cõi nước chư Phật trong mười phương để cúng dường chư Phật. Do vậy mà ở thế giới chúng ta tu hành cả ức năm cũng không bằng tu hành một ngày ở thế giới Cực Lạc! Thử nghĩ: Mỗi ngày họ thấy được biết bao nhiêu vị Phật và thọ dụng được biết bao nhiêu kinh pháp? Đủ biết phước tuệ họ tăng trưởng dường nào.

Đại Trí Độ Luận nói: “*Như Ý Thông có ba thứ: Năng Đáo, Chuyển Biến, Thánh Như ý*”.

- **Năng Đáo** có bốn thứ:

- *Một là thân bay được đến đó như chim không trở ngại.*

- *Hai là biến xa thành gần, chẳng qua đó mà đến được nơi ấy.* Cảnh giới dù có xa xôi thế mấy, giống như hiện nay chúng ta xem truyền hình, cảnh giới đều xuất hiện ngay trước mặt trên màn hình. Chúng ta biết Pháp Tạng Bồ Tát tu hành suốt năm kiếp, tham quan và khảo sát khắp mười phương cõi nước chư Phật. Thầy của ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, phải chăng đã dẫn dắt ngài đến tham quan từng nơi? Không phải! Bản thân ngài không đi, mười

phương thế giới cũng không đến mà ngài nhìn thấy ngay trước mắt, rõ ràng minh bạch. Đây là “*Như Ý Thông*”.

- *Ba là biến mất ở chỗ này hiện ra ở chỗ kia.*

- *Bốn là trong một niệm liền đến ngay nơi đó.*

• **Chuyển Biến:**

Là biến nhỏ thành lớn, biến lớn thành nhỏ; biến một thành nhiều; nhiều biến thành một. Với các vật đều chuyển biến được. Ngoại đạo biến hóa không lâu được hơn bảy ngày. Chư Phật và đệ tử chuyển biến tự tại, chẳng có gàn, xa.

• **Thánh Như Ý:**

Là ngay trong lục trần, có thể quán vật bất tịnh chẳng đáng ưa là tịnh, quán vật khả ái thanh tịnh thành vật bất tịnh. Chỉ mình đức Phật đắc pháp Như Ý Trí này. Đây chính là cảnh tùy tâm chuyển. Phật ở đây là Phật gì? Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ. Bốn mươi một địa vị này trong “Lục tức Phật” của Thiên Thai Đại Sư gọi là “Phân chứng tức Phật”, họ là Phật thật không phải giả, họ đều có năng lực này.

Trong phần “Chuyển Biến”, thực tế mà nói, trên thân chúng ta có rất nhiều tế bào độc bệnh, đây là căn nguyên của tật bệnh. Nếu có năng lực “chuyển biến” này có thể khôi phục tất cả mọi tế bào độc bệnh trở thành bình thường, tật bệnh sẽ không còn, không cần uống hoặc chích thuốc, cũng không cần chẩn đoán.

- Có thật chãng?

- Có thật! Tất cả pháp từ tâm tướng sinh!

- Vì sao có tế bào độc bệnh?

- Do tâm mình có độc bệnh!

- Là độc bệnh gì?

- Phật nói là Tam Độc, độc bệnh “Tham-sân-si”. Nếu đoạn tận tâm “tham-sân-si”, độc bệnh sẽ không còn nữa, tất cả tế bào đều khôi phục bình thường. Đoạn chánh tâm niệm, có thể đối trị được tất cả bệnh khổ của thân tâm; đối với bên ngoài, tất cả thiên tai thảm họa trên địa cầu đều có thể hóa giải.

Tóm lại, “tham-sân-si” là nhân của độc bệnh. “Nhân” thêm vào “duyên” thì bệnh lập tức phát tác. Duyên có hai loại: Nội duyên và ngoại duyên. Nội duyên là “não, nộ, oán, hận, phiền”, đây là tâm trạng của chúng ta. Ngoại duyên là “tài-sắc-danh-thực-thù”. Nhân duyên vừa hội đủ, bệnh căn liền phát tác; nếu nghiêm trọng sẽ mất mạng! Biện pháp tốt nhất là chí tâm Niệm Phật; xa lìa “tài-sắc-danh-thực-thù”; cách ly ngoại duyên; chế phục “oán, hận, não, nộ, phiền”; hạ thấp “tham-sân-si-mạn-nghi”; không chế thật tốt, bệnh sẽ không còn nữa.

Đây là tác dụng của “chuyển biến”. Hàng ngoại đạo chuyển biến lâu nhất không quá bảy ngày. Ngoại đạo ở đây không phải chỉ người bên ngoài Phật Giáo mà chỉ cho người có tâm hướng ngoại cầu pháp gọi là ngoại đạo. Nếu không hiểu những đạo lý của Phật pháp, ngày ngày cũng đang cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cầu thần minh gia hộ, đó cũng thuộc về ngoại đạo. Bản thân họ biến thành ngoại đạo mà không hề hay biết!

- Ngoại đạo tu trì, chuyển biến có hiệu quả chăng?

- Có! Hiệu quả này các khoa học cũng thừa nhận. Họ nói đó là “ý thức tập thể”, mọi người cùng nhau cầu nguyện, năng lực “ý thức tập thể” rất lớn có thể thay đổi hoàn cảnh trước mắt. Tôi thường nói: Đây là trị ngọn không phải trị gốc. Ở đây nói “*lâu nhất không quá bảy ngày*”, là trị ngọn không phải trị gốc, chỉ có thể tạm thời hóa giải nhưng không bao lâu khuyết điểm lại tái phát, bệnh lại phát sinh!

Thiên tai lại đến! Đây không phải không linh, nó vẫn là chiêu cảm từ lòng người.

Trong dự ngôn ngày xưa, phương Đông và phương Tây đều nói: Năm 1999 có thiên tai, năm 1999 và năm 2000 có đại thiên tai; đến năm 2000 thì không còn tức là tận thế. *Dự ngôn nổi tiếng nhất là dự ngôn của Nostradamus*, người Pháp.

Ở đây, Diệu Âm - Phổ Hạnh tôi xin được nêu ra bài viết của Nguyễn Vương Miện trên giai phẩm Xuân Nhâm Thân năm 1992 của báo Việt Luận ở Úc Châu về Nostradamus: Tên thật là Michel de Nostredame, ra đời vào ngày 14-12-1503 tại st Rémy de Provence, thuộc miền Nam nước Pháp. Trong sử ký của Pháp có ghi là cụ đậu Bác sĩ vào năm 1529 và sau đó được tuyển vào toán ngự y của Hoàng gia Pháp Quốc. Tuy nhiên, là một người thích cuộc sống rày đây mai đó, Nostradamus chỉ làm việc tại hoàng cung một vài năm và sau đó lang thang từ tỉnh này sang tỉnh khác, dùng tài chữa bệnh của mình để cứu nhân độ thế.

Cũng có sách chép: Thuở nhỏ, Nostradamus được ông nội dạy cho các loại cổ ngữ như: La Tinh, Hy Lạp và môn chiêm tinh. Trong thời gian đi ngao du sơn thủy, cụ có ghé lại Avignon là nơi chứa rất nhiều sách vở viết về khoa học huyền bí. Cụ lưu lại đây năm, bảy tháng để nghiên cứu các sách này, đồng thời học thêm những bài thuốc quý được lưu truyền trong nhân gian để bổ sung thêm nghề chữa bệnh của mình. Về sau, cụ di chuyển về vùng Salon, lập gia đình và bắt tay vào việc viết sách. Năm 1550, cụ cho xuất bản cuốn “Biên niên sử” (Almanac) ghi lại tất cả những biến cố xảy ra trong năm, và cứ cho phát hành đều đặn như vậy mỗi năm một lần. Cũng vào năm đó, cụ bắt đầu nghiên cứu lại các sách chiêm tinh và khoa học huyền bí để soạn ra bộ “Thế Kỷ Sự” (Centuries hay còn gọi là Prophenies- Lời tiên tri).

Khi biết mình sắp chết, Nostradamus gom tất cả sách vở, tài liệu ghi chép những lời tiên tri của một công trình nghiên cứu kéo dài cả chục năm trời ra đốt, và chỉ giữ lại cuốn “Prophénies” được viết bằng một thể văn đặc thù (quatrains) với những lời lẽ đầy rắc rối, bí ẩn. Trong lời phi lộ viết cho cuốn “Prophénies” (lời tiên tri), Nostradamus cho biết cụ quyết định dâng hiến công trình nghiên cứu của mình cho thần Vulcan (một vị thần trong thần thoại Hy Lạp có tài biến kim khí thành vũ khí và dụng cụ). Cụ ghi lại là vào đêm những tài liệu nói trên bị thiêu hủy, ngọn lửa thiêu đốt đồng giấy tờ và sách vở bùng cháy một cách kỳ dị, như thể thần Vulcan hài lòng chấp nhận hiến vật của cụ vậy.

Trong số những sách vở Nostradamus đem ra đốt, có những bí pháp dạy phép xem sao và đoán chuyện quá khứ vị lai dựa vào các chuyển động của tinh tú. Cụ cho biết phải thiêu hủy tất cả tài liệu này vì không muốn chúng lọt vào tay “bọn phàm phu tục tử” ở đời sau. Nhưng, Nostradamus chỉ đốt vài chục cuốn sách, năm ba chồng tài liệu thì ngọn lửa làm gì lại cháy lớn đến như vậy? Có lẽ cụ đã đốt thêm những gì khác nữa, hoặc giả việc cụ mô tả “ngọn lửa bùng cháy một cách kỳ dị” chỉ nhằm nhấn mạnh đến ý nghĩa đặc biệt đằng sau hành động “đốt sách” của cụ?

Cũng trong lời phi lộ của cuốn “Lời tiên tri”, Nostradamus giải thích việc sử dụng những câu văn trúc trắc, đầy bí ẩn (quatrains) là nhằm tránh cho đám hậu sinh biết quá nhiều về những biến cố sẽ xảy đến cho loài người sau này. Cụ còn thêm là bằng lối văn rắc rối, đầy những mật ngữ sẽ khiến cho người đời sau không hiểu nổi những lời tiên đoán của cụ và chỉ nghiệm được sau khi chúng đã xảy ra mà thôi. Mà quả thật, nếu suy nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy những tiên đoán của cụ về tình hình thế giới kể từ thế kỷ thứ 16 cho đến nay hoàn toàn chính xác.

Người ta kể lại rằng lúc Nostradamus chu du sang Ý, một hôm nhìn thấy một ông thầy tu còn trẻ đang đuổi bầy heo ngang qua khu phố cũ đang đi dạo, Nostradamus đột nhiên quì xuống trước mặt ông thầy tu này, cúi đầu một cách cung kính, chào: “Lạy Đức Thánh Cha!” về sau, vào năm 1585, Felice Peretti, nhà tu trẻ tuổi nói trên được bầu làm Giáo Hoàng với Thánh hiệu Secto đệ V.

Lần khác, một nhà quý tộc ở Florinville mời cụ đến ăn cơm và đàm đạo về khoa chiêm tinh. Để thử tài tiên tri của Nostradamus, nhà quý tộc chỉ vào hai con heo sữa đang thơ thẩn dạo chơi ở giữa sân và nhờ cụ đoán số phận của chúng. Nostradamus cho biết nhà quý tộc sẽ ăn con heo đen, còn con heo trắng sẽ bị chó sói bắt mất. Liên sau đó, nhà quý tộc bí mật ra lệnh cho người đầu bếp giết con heo trắng để sửa soạn cơm tối. Không may cho anh đầu bếp là khi vừa giết xong con heo, anh quay vào bếp tìm con dao để xẻ thịt, khi trở ra, con heo đã bị chó sói tha đi mất dạng! Hoảng hồn, anh đành phải giết con heo đen để nấu cơm chiều đãi khách. Đến giờ ăn, nhà quý tộc hóm hỉnh bảo Nostradamus là họ đang ăn thịt con heo trắng, nhưng cụ vẫn khẳng khẳng là họ đang ăn con heo đen. Nhà quý tộc cho gọi người đầu bếp lên để hỏi rõ đầu đuôi và được anh này xác nhận những sự kiện kể trên.

Ngoài ra, nếu nghiên cứu kỹ những lời tiên đoán trong cuốn “Lời tiên tri”, người ta thấy Nostradamus đã nhìn thấy trước được việc nhân loại sẽ phát minh ra xe hơi, máy truyền hình, phi cơ và việc loài người đặt chân lên mặt trăng. Ở vào thời đại của cụ (thế kỷ 16) nếu nói ra những chuyện này, thiên hạ sẽ cho cụ là người điên khùng, hoặc giả là một tên đại bịp. Nostradamus cũng tiên đoán được cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại, đó là cuộc cách mạng kỹ nghệ, sự bùng nổ của hai cuộc thế chiến và việc Hoa Kỳ dùng bom nguyên tử để buộc phát xít Nhật phải đầu hàng v.v...

Không ai chối cãi những gì Nostradamus ghi lại trong cuốn “Lời tiên tri”, càng nghiêm càng thấy chính xác. Các nhà chuyên nghiên cứu về chiêm tinh và lý số ở Việt Nam thường ví Nostradamus như “Trạng Trình của Tây Phương”. Những lời tiên đoán của cụ chính xác đến độ giới nghiên cứu khoa học huyền bí trên thế giới phải lập ra một ngành nghiên cứu riêng biệt nhằm tìm cách giải thích những lời sấm đầy rắc rối và bí ẩn do cụ để lại.

Tính cho đến nay, có ít nhất là vài trăm cuốn sách dựa vào lời sấm của Nostradamus để suy đoán về những biến cố sẽ xảy ra trong tương lai nhân loại. Ai cũng biết là trong kỳ Đệ Nhị thế chiến, cả phe Đức lẫn phe Đồng Minh đều khai thác những lời tiên tri của cụ vào mục đích chiến tranh tâm lý. Và Rudolf Hess, nhân vật cao cấp đứng vào hàng thứ nhì của Đức quốc xã (chỉ sau có Hitler) vì “quá tin” vào lời sấm của cụ mà bỏ sang đầu hàng Anh quốc vào năm 1941, khiến cho nội bộ phe Quốc Xã bị rung rinh.

Cũng theo Nostradamus, từ giữa thập niên 1990, những thay đổi trong cách suy nghĩ của nhân loại sẽ dẫn đến những thay đổi quan trọng trong nền khoa học của thế giới. Từ trước đến nay lối suy nghĩ của con người hoàn toàn dựa trên các “lý luận” và những khuôn thước có sẵn. Lối suy nghĩ này làm hạn chế khả năng phán đoán và giải quyết những vấn đề khó khăn, rắc rối của con người. Con người có khuynh hướng tin rằng nếu điều gì không phù hợp với những công thức “hợp lý” mà từ bấy lâu nay sự suy luận của họ vẫn dựa trên, điều đó hoàn toàn “vô lý”. Những gì không chứng minh được bằng phương pháp khoa học thực nghiệm, không giải thích được bằng lý thuyết duy vật biện chứng, điều đó không hoàn toàn có thật!

Nhưng, nhân loại đã quên mất một điều là vì quá lệ thuộc vào khoa học thực nghiệm, họ đã đánh mất khả năng nhận thức hay lãnh hội sự việc bằng một dụng cụ thật sắc bén và chính xác, đó là

trực giác. Làm cách nào con người có thể sử dụng phương pháp khoa học thực nghiệm để giải thích môn chiêm tinh, lý số, khoa học thần giao cách cảm, mối quan hệ huyền bí giữa con người và vũ trụ ở chung quanh?

Nostradamus tiên đoán bắt đầu từ năm 1995 trở đi, lối suy nghĩ của nhân loại phần lớn sẽ dựa vào trực giác. Từ đó những lý thuyết làm căn bản cho khoa điện toán cũng sẽ phải thay đổi. Cũng từ những hậu quả của nền văn minh vật chất trên địa cầu đã gây nhiều ảnh hưởng tai hại cho môi trường chung quanh mà điển hình nhất là nạn ô nhiễm đối với lớp ozone, con người sẽ học được một bài học quý giá: Loài người không phải là một sinh vật có khả năng làm chủ và chi phối vũ trụ, mà nó chỉ là một phần tử nhỏ bé của cái vũ trụ bao la này.

Một điểm đáng lưu ý nữa mà ngày nay khoa học khám phá ra là vạn vật trong vũ trụ có sức chi phối lẫn nhau. Sự vận hành của các tinh tú có ảnh hưởng quan trọng trên đời sống và cá tính của con người, cây cối và muông thú trên trái đất; nhưng ngược lại, một cái búng tay của một em nhỏ có thể làm rung rinh một vì sao ở cách trái đất hàng triệu triệu cây số.

Cũng theo Nostradamus, vào khoảng tháng tư năm 1993, trên thế giới sẽ xuất hiện một loại tôn giáo mới có khả năng lôi cuốn nhiều tín đồ. Tôn giáo này sẽ đưa ra những lý thuyết kết hợp giữa tôn giáo và khoa học, làm đảo lộn tất cả những lý thuyết tôn giáo đã có từ trước đến nay.

Theo các nhà nghiên cứu về tôn giáo, sở dĩ con người còn hồ nghi chưa biết nên tin tưởng hay theo đuổi một tôn giáo nào là vì đa số các tôn giáo ngày nay chưa dùng khoa học để chứng minh được các học thuyết của mình, đồng thời cũng chưa tìm được một nền tảng

triết thuyết vững chắc để củng cố niềm tin của các tín đồ tôn giáo mình.

Còn rất nhiều và rất nhiều lời tiên tri thần kỳ của Nostradamus, không tiện viết hết ra đây vì quá dài! Lời tiên đoán của Nostradamus không hiểu sao lại dừng lại ở năm 2001? Có người suy luận có lẽ năm 2001 là năm đánh dấu ngày tận thế, do đó Nostradamus thấy không còn gì để bàn tiếp nữa. Tuy nhiên, cũng có người lạc quan cho rằng năm 2001 là khởi đầu một trang mới trong lịch sử nhân loại: Kỷ nguyên của hòa bình và thịnh vượng”.

Loại tôn giáo mới có khả năng kết hợp giữa tôn giáo và khoa học mà Nostradamus đã đề cập trên đây, theo thiên ý của tôi (Diệu Âm - Phổ Hạnh) không có chi là mới cả, đó chính là *Phật Giáo chính thống của đức Phật Thích Ca Mâu Ni* đã có từ hơn ba ngàn năm về trước, nhưng rất tiếc con người hiện nay đã sai đường, mê muội, xếp nó vào là con đường mê tín! Chỉ biết tụng kinh, bái sám, lễ lạy, van xin cầu nguyện, chạy đuổi theo hình thức bề ngoài mà quên đi bản gốc của nó, chính là giáo dục, giáo dục tối cao của Phật Đà dẫn dắt con người đến “chân-thiện-mỹ tuệ”, trở về với bản năng tự tánh vốn có của chính mình: là trí tuệ chân thật, đức năng chân thật và tướng hảo chân thật.

Qua quá trình thuyết giảng Kinh Vô Lượng Thọ, Hòa Thượng Tịnh Không đã rất nhiều lần nhấn mạnh về tầm quan trọng của giáo dục tôn giáo, trong Phật Giáo nói riêng và các tôn giáo khác nói chung. *Có thể nói Hòa Thượng là người dẫn đầu, tiên phong trong vấn đề này, đã khơi dậy mạnh mẽ trong tâm thức con người về lý niệm: Giáo dục đa nguyên văn hóa, sự đoàn kết tôn giáo, tôn giáo thế giới là một nhà, Phật Giáo không phải tôn giáo mà là giáo dục chí thiện, là triết học đỉnh cao, là khoa học tối thượng v.v... và v.v... về rất nhiều phương diện. Hòa Thượng cũng đã phân tích, dẫn chứng*

rất tỉ mỉ về những vấn đề liên quan giữa Phật Giáo và những phát minh khoa học hiện đại. Như Lưu Tố Vân nói: “Hòa Thượng là con người của nhà Phật, là tiêu chuẩn của Phật Đà, không hổ danh là đệ tử Phật môn”. Những gì Hòa Thượng khuyên dạy đều đi đôi với việc làm của ngài:

1. Trong thiên hạ không có người tôi hận.
2. Trong thiên hạ không có người tôi không thể tha thứ.
3. Trong thiên hạ không có người mà tôi chẳng thể yêu thương.

Thật cao quý thay và đáng khâm phục thay Bi tâm của ngài!

Về vấn đề: “*Tôn giáo có khả năng kết hợp giữa tôn giáo và khoa học*”, thiết tưởng cũng không cần phải dài dòng, xin được viết ra đây lời của hai nhà đại bác học:

1. **Bertrand Russell**: “*Đạo Phật bắt đầu từ chỗ khoa học không thể tiến tới được nữa, vì những giới hạn của phương tiện khoa học. Những chinh phục của đạo Phật thuộc về tâm*”.

(It (Buddhism) takes up where science can not lead because of the limitations of the latter’s instruments. Its conquests are those of the mind).

(Trích trong tập 1: Phê bình về những bài phê bình cuốn Đối thoại với Giáo Hoàng, tr.248).

2. **Albert Einstein**: “If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific finding. Buddhism needs no surrender its views to science, because it embraces science as well as goes beyond science. Buddhism is the bridge between religions and scientific thoughts, that stimulates man

to discover the latent potentialities within himself and his environment. Buddhism is timeless”.

(Dịch thoát: Nếu có một tôn giáo nào có thể thích nghi với những nhu cầu của khoa học hiện đại, thì đó chính là Phật giáo. Phật giáo không cần duyệt xét quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ những quan niệm của mình để chấp nhận khoa học, bởi vì Phật giáo bao gồm khoa học, và đồng thời cũng vượt qua khoa học. Phật giáo là một chiếc cầu nối liền tôn giáo và những tư tưởng khoa học. Chiếc cầu Phật giáo (nối liền tôn giáo và khoa học) đã kích thích con người khám phá những tiềm năng lớn lao nằm sâu kín trong chính nó và trong môi trường sống xung quanh nó. Phật giáo siêu việt qua thời gian và mãi mãi có giá trị).

(Trích trong “Đôi thoại với Giáo Hoàng Gioan-Phao-Lô II. Do Giao Điểm xuất bản năm 1995 tại Hoa Kỳ, tr.314).

Đến nay, năm 2000 đã trôi qua bình an. Năm đó, tôi (Hòa Thượng Tịnh Không) đang ở Singapore, chư vị đồng học đến nói với tôi: Singapore có vị viện trưởng của Viện Thần Học đề cập đến vấn đề này, ông cảm thấy rất kinh ngạc không thể nghĩ bàn! Rõ ràng nói năm này có thiên tai. Vì sao lại không có?- Tôi giải thích: Việc này không có gì kỳ lạ! Vì sao? Vì truyền thuyết này đã truyền cách đây bốn, năm trăm năm, mọi người trên thế giới đều biết. Tôi (Hòa Thượng Tịnh Không) tin trong năm 1999 và năm 2000 có rất nhiều tin đồn trên thế giới đều cầu nguyện nên có cảm ứng vì thế thiên tai không phải không có mà chỉ chậm lại; thiên tai lớn sẽ trở thành nhỏ, thiên tai giảm nhẹ kéo lui về sau.

- Kéo lui đến khi nào?

- Bây giờ họ tiên đoán thảm họa có thể xảy ra vào năm 2012, vậy chẳng phải là lui về sau ư? Thiên tai lại đến! Người trên toàn thế

giới, hiện tại rất nhiều tín đồ tôn giáo đều cầu nguyện, tôi tin rằng năm 2012 cũng trôi qua bình an. Nhưng, phải biết rằng việc này không phải như vậy là hết, vẫn còn sẽ tiếp tục về sau! Chỉ cần tâm niệm chúng ta bất thiện, tai nạn liền xuất hiện! Mà kỳ này đến chắc chắn còn đáng sợ hơn lần trước! Đây chính là bệnh chưa phát tác, ta chỉ mới tạm thời khống chế được nó nhưng chưa đoạn tận gốc, qua thời gian phát tác, sự việc sẽ càng đáng sợ hơn!

- Làm sao đoạn tận gốc?

- Tu hành tinh tấn sẽ đoạn tận gốc! Vĩnh viễn sẽ không có thiên tai.

Chúng ta cần phải nỗ lực thực hành. Mỗi tôn giáo trên toàn thế giới đều có thể tu hành tinh tấn theo kinh điển của họ. Phải hiểu rõ đạo lý trong kinh điển nói những gì và thực hành đúng theo trong kinh dạy. Đây chính là các nhà khoa học nói phải “*bỏ ác dương thiện, cải tà qui chánh, đoạn chánh tâm niệm*”, đây là trị gốc. Điều này rất phù hợp với những gì trong Phật pháp Đại thừa nói. Hy vọng giữa tôn giáo và tôn giáo vĩnh viễn không có xung đột, học tập lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, hóa giải xung đột, đem đến cho xã hội, thế giới an định hòa bình. Đây là “chuyển biến”, một công hiến rất lớn của tôn giáo đối với xã hội hiện nay.

Ở đây nói “*Chư Phật và đệ tử chuyển biến tự tại, không có xa gàn*”: chuyển biến đến tự tại, vấn đề mới thật sự giải quyết; chuyển biến không đến tự tại, vấn đề không giải quyết được, chỉ là tạm thời.

Câu “*Siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật*” (Vượt qua ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật, đến khắp tất cả (các cõi ấy) cúng dường chư Phật): Muốn phước tuệ viên mãn phải cúng dường nhiều Phật. Muốn cúng dường nhiều Phật, trước tiên chính mình phải có thần thông mới làm đến được.

- Hiện tại thân thông của bạn đã “thông” chưa?

- “Thông” rồi!

- Làm thế nào “thông”?

- Về trước, khởi tâm động niệm đều tự tự lợi thì không “thông”. Hiện tại, tường tận rồi, chuyển đổi ý niệm lại, khởi tâm động niệm vì tất cả chúng sinh, chẳng phải đã “thông” rồi sao?

Tất cả chúng sinh tức là chư Phật Như Lai. Bắt đầu từ hôm nay, chúng ta học theo Tôn giả A Nan, Tôn giả phát nguyện trong hội Lăng Nghiêm: “Nguyện thử thân tâm phụng trần sát”. “Phụng” là phụng sự, cúng dường. Chúng ta phải dốc hết thân tâm thừa sự cúng dường chư Phật Như Lai; chư Phật Như Lai cũng chính là tất cả chúng sinh.

Ngày nay, chúng ta quay đầu một trăm tám mươi độ, biết được tất cả chúng sinh là Báo Thân của chư Phật Như Lai. Nơi đây chính là Báo Độ của chư Phật Như Lai. Người chân thật phát tâm tu hành, ngoài chính ta ra, tất cả đều là Pháp Thân, Pháp Độ, Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ. Phải hiểu được “*Châu biến tuần lịch cúng dường chư Phật*” chính ngay trước mắt chúng ta, nhất định phải đem tất cả chúng sinh xem thành chư Phật Bồ Tát.

Tôi khuyên bảo mọi người phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác, tâm từ bi, phải dưỡng cái tâm này! Từ tâm này mà nảy sinh tâm thuần thiện đối đãi với tất cả mọi người, mọi vật. Thương yêu tất cả chúng sinh thuần là tâm vô tư, không có điều kiện; vì tất cả chúng sinh phục vụ, đây chính là phát khởi tâm Đại Bồ Đề chân thật.

Cho nên, ngay hiện tiền “*Cúng dường ức na-do-tha bách thiên chư Phật*” chúng ta cũng có thể làm được. Đọc kinh phải chú ý chỗ này thì mới chân thật có được thọ dụng. Lý như vậy, sự như vậy,

viên mãn tương ưng với cảnh giới Hoa Nghiêm, đạo lý này nhất định phải hiểu, phải ở ngay trong một niệm mà chuyển đổi lại.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, câu “*Châu biến tuần lịch*” (đi khắp tất cả) ngụ ý số lượng cõi nước họ đến cực lớn. “*Cúng dường chư Phật*”, ý nói tuy họ phát khởi lên rất nhiều sự việc, nhưng chỉ trong khoảng một niệm đều viên mãn thành tựu hết tất cả.

Rõ ràng cõi nước Cực Lạc sự sự vô ngại: Một tức là nhiều, nhiều tức là một; kéo dài, rút ngắn đồng thời; hạt cải dung nhập núi Tu Di; mười phương chẳng rời khỏi nơi mình đang trụ. Trong một niệm trọn cúng tất cả ba đời nào khác một niệm “*đương hạ tức thị*” (thuật ngữ dùng trong tông Thiên Thai, “*ngay chính nơi đây chính là*”, diễn tả mọi pháp không ngoài tự tâm), thấu tóm trọn vẹn không sót. Vì vậy, ta thường nói: “Hoa Tạng nào khác Cực Lạc, Tịnh Độ chứa trọn vẹn sự huyền diệu”.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng Đại Niết Bàn giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh, sinh trong nước tôi xa rời phân biệt, các căn tịch tĩnh. Nếu họ chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng Đại Niết Bàn, thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên là nguyện thứ mười hai “*Định thành Chánh Giác*” (Chắc chắn thành Chánh Giác), cũng chính là chứng thư của A Di Đà Phật cho người Niệm Phật chúng ta, đảm bảo vãng

sinh là nhất định thành Phật. Điều này thể hiện rõ tâm nguyện của A Di Đà Phật chỉ dùng một Phật Thừa để tiếp trọn vô lượng chúng sinh vào Niết Bàn rốt ráo. Câu này rất quan trọng!

Cho nên, các vị cao tăng pháp môn Tịnh Độ thời nhà Tùy, Đường; các bậc Tổ sư đại đức khảng định pháp môn này là “Nhất thừa đại pháp”. “Đại pháp Nhất thừa” chỉ có ba bộ kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Nghe nói phân lượng của Kinh Phạm Võng rất lớn nhưng truyền đến Trung Quốc chỉ có một phẩm là hai quyển Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, còn lại đều đã bị thất truyền.

Chư vị Cổ Đức phát hiện Kinh Vô Lượng Thọ cũng là Đại Kinh Nhất Thừa. Vì sao? Vì sau cùng, Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương qui về Cực Lạc, phát hiện là từ chỗ này. Các bậc Cổ Đức nói: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là dẫn đạo của Kinh Vô Lượng Thọ, tôi tin điều này!

Thông thường mọi người cho rằng Kinh Lăng Nghiêm, Mật tông và Thiền tông cần phải tu; hình như trong kinh điển của Tịnh tông không có Kinh Lăng Nghiêm, đây là sai lầm! Thật ra, “Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương” xuất phát từ Kinh Lăng Nghiêm; “Quán Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông chương” cũng từ Kinh Lăng Nghiêm nhưng rất ít người đọc. Thông thường người niệm Quán Âm Bồ Tát đều đọc “Quán Thế Âm Bồ Tát, Phổ Môn Phẩm” trong Kinh Pháp Hoa.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật khiến Bồ Tát Văn Thù thay chúng sinh thế giới Ta Bà chọn lựa lối tu nào thích hợp cho người mới tu. Ngài đã chọn “Nhĩ căn viên thông”, chính là Bồ Tát Quán Thế Âm. Cho nên, Bồ Tát Quán Âm đặc biệt có nhân duyên với chúng sinh cõi Ta Bà. Bồ Tát Quán Thế Âm tu “Nhĩ căn viên thông”, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”. Thật ra, trong hai mươi lăm viên thông, không chỉ có pháp môn Quán Thế

Âm Bồ Tát là pháp môn thù thắng mà “đặc biệt” có đến hai pháp môn:

- Sao gọi là “đặc biệt”?

- Không sắp xếp theo thuận tự, đó chính là pháp môn đặc biệt!

Nếu sắp theo thứ tự, Bồ Tát Quán Âm đại biểu cho “Nhĩ căn” phải xếp vào hàng thứ hai sau “Nhãn căn”, nhưng lại được xếp ở sau cùng, thứ hai mươi lăm. Đây chính là hiển thị rất rõ ràng nét đặc thù của ngài, mọi người vừa xem là nhận ra.

Một điều “đặc biệt” nữa là vị trí của vị này chỉ xê xích có một người, không rõ ràng, phải xem kỹ mới phát hiện. Trong Thất Đại (Địa-Thủy-Hỏa-Phong-Không-Kiến-Thức), “Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương” là Kiến Đại, Bồ Tát Di Lặc là Thức Đại. Vị trí của Đại Thế Chí Bồ Tát phải đặt trước Bồ Tát Di Lặc; đây là sắp xếp theo thứ tự. Nhưng, Bồ Tát Đại Thế Chí lại được sắp sau Bồ Tát Di Lặc, chỉ đổi một vị trí nên không dễ nhận ra. Vốn vị trí của ngài là thứ hai mươi ba, Bồ Tát Di Lặc là thứ hai mươi bốn. Nhưng, trên kinh Lăng Nghiêm lại xếp Bồ Tát Di Lặc là ở thứ hai mươi ba, Bồ Tát Đại Thế Chí thứ hai mươi bốn, sau cùng là Bồ Tát Quán Thế Âm thứ hai mươi lăm. Rõ ràng có hai pháp môn đặc biệt, không phải chỉ có một. Thông thường người học Kinh Lăng Nghiêm rất dễ sơ suất, không nhận ra điểm này, chỉ thấy Bồ Tát Quán Thế Âm ở thế giới Ta bà “nhĩ căn” sắc bén nhất mà không nhận ra “Đại Thế Chí Niệm Phật Viên thông chương”. Chúng ta phải hiểu hàm nghĩa này:

- *Bồ Tát Quán Thế Âm* khế hợp căn cơ của chúng sinh ở thế giới Ta Bà.

- *Bồ Tát Đại Thế Chí* khế với căn cơ của tất cả chúng sinh khắp biến pháp giới, hư không giới, như vậy không tuyệt vời ư?

Học Kinh Lăng Nghiêm không hiểu rõ ràng minh bạch vấn đề này, như vậy là phí công học Lăng Nghiêm!

Khi tôi mới xuất gia ở chùa Lâm Tế, hình như được hai năm. Năm thứ hai, chùa Lâm Tế mở Giới Đàn, tôi nhận trách nhiệm làm thư ký cho Giới Đàn. Tôi nhớ, một hôm vào buổi tối, có mấy sinh viên trường Đại học Đài Loan dẫn theo một vị thầy người Nhật, là giáo thọ khách mời của Đại học Đài Loan, cũng là Pháp sư, đến thăm tôi. Pháp sư này hỏi tôi học gì? Tôi nói: - Tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm. Ông lại hỏi:

- Thầy tu pháp môn gì?
- Tôi tu Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà!
- Lăng Nghiêm và Tịnh Độ có quan hệ gì?

Thái độ ông ta rất cao ngạo! Tôi hỏi ngược lại:

- Bồ Tát Quán Thế Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí có liên quan gì với Tịnh Độ?

- Là Tây Phương Tam Thánh, đứng hai bên Phật A Di Đà.

Điều này ông ta biết nhưng vẫn chưa giác ngộ! Sau cùng tôi nhắc nhở ông: Trong hội Lăng Nghiêm, hai mươi lăm viên thông, mấu chốt chính là hai nhân vật này, ông nói Kinh Lăng Nghiêm không liên quan đến Tịnh Độ chăng? Trong Kinh Lăng Nghiêm bao hàm huyền cơ chính là Tịnh Độ. Ông xem lại hai vị Bồ Tát này đều biểu trưng pháp môn đặc biệt chính là Tịnh Độ.

Tôi nói rạch ròi như thế, ông ta không còn gì để nói. Sao lại sơ ý đến thế?! Chúng ta tu học Đại thừa, quả thật là phải lưu ý từng

câu, từng chữ, không được dễ dàng bỏ qua, mới biết được sự vi diệu của Tịnh tông. Thiên kinh vạn luận, có khi Phật hiển thuyết, có khi Phật mật thuyết. Nếu biết xem, có thể nhận ra; nếu không biết xem sẽ không biết! Ở đây nói “Bồn tâm của Phật Di Đà, duy có Nhất thừa”, không sai chút nào, quảng độ vô biên chúng sinh đến cứu cánh Niết Bàn.

“Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tịnh” (Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi xa rời phân biệt, các căn tịch tịnh). Trong nguyện văn này, hai câu: **“Viễn ly phân biệt, chư căn tịch tịnh”** rất quan trọng! “Viễn ly phân biệt” chính là Bình Đẳng trên đề kinh; “Chư căn tịch tịnh” là không chấp trước, đồng nghĩa với Thanh Tịnh trên đề kinh. Được tâm thanh tịnh nhất định vãng sinh Tịnh Độ, cõi Phương Tiện Hữu Dư của Phật A Di Đà. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là uế độ của Phật A Di Đà, nhưng uế độ của ngài cũng thanh tịnh. Vì sao? Vì ở đó không có ba đường ác, chỉ có nhân, thiên. Được tâm thanh tịnh chính là A-la-hán và Bích Chi Phật (tức Duyên Giác). Được tâm Bình Đẳng tức là Bồ Tát và Phật trong mười pháp giới. Thế giới Cực Lạc không giống những thế giới khác, đó là một pháp giới Bình Đẳng đến sắc thân, dung mạo đều hoàn toàn giống nhau không hề có sự sai biệt nào.

- Vì sao ở thế giới Cực Lạc, tướng mạo đều giống nhau?

- Vì họ đều niệm Phật A Di Đà nên hiện tướng cũng giống với A Di Đà Phật, tất cả đều như nhau.

Phật A Di Đà đích thật không chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp như trong kinh nói. Trong chú giải này nói rất rõ ràng, đó là theo cách nói của người Ấn Độ ngày xưa. Thật sự, Báo Thân của Phật A Di Đà: Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp nói không cùng!

Người người đều muốn tướng tốt, chỉ cần niệm Phật A Di Đà là được! Không tin thử niệm Phật thật nhiều, quả nhiên khoảng ba năm tướng mạo sẽ thay đổi, thể chất cũng thay đổi. Thể chất thay đổi thành thân kim cang bất hoại, tướng mạo thay đổi giống Phật; đây đều là dạy chúng ta phải siêng năng học tập, tinh tấn niệm Phật A Di Đà.

Câu “*viễn ly phân biệt, chư căn tịch tịnh*” (xa rời phân biệt, chư căn tịch tịnh) trích từ bản Tổng dịch. Câu “*Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết Bàn giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết Bàn, thì chẳng lấy Chánh Giác” trích từ bản Đường dịch). Bản Ngụy dịch ghi là “*Bất trụ Định Tu, tất diệt độ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Chẳng trụ Định Tu, đều diệt độ, thì chẳng lấy Chánh Giác).

Đại Sư Thiện Đạo đặt cho nguyện này bốn tên:

- Một là “Tất chí diệt độ nguyện” (ắt đạt diệt độ).
- Hai là “Chứng đại Niết Bàn nguyện”.
- Ba là “Vô Thượng Niết Bàn nguyện”.
- Bốn là “Trụ tướng chứng quả nguyện”.

Rất nhiều người biết Đại Sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sinh. Cho nên, lời ngài nói chính là Phật A Di Đà trực tiếp nói với chúng ta.

Khi tôi đến Nhật Bản phỏng vấn, hỏi chư vị xuất gia ở Nhật có tư tưởng này chăng? Họ nói: Có! Khi xưa chư vị Tổ Sư truyền lại đều nói Đại Sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sinh. Sự sùng bái của họ đối với Đại Sư Thiện Đạo, người Trung Quốc không sánh bằng! Nếu đến tham quan các tự viện Tịnh Độ tông ở Nhật, bạn sẽ thấy không có tự viện nào mà không có tượng của Đại Sư Thiện Đạo. Tượng của ngài là tượng đúc hoặc điêu khắc bằng đá, khắp nơi đều

có. Kể đến là tượng của Đại Sư Trí Giả cũng được phổ biến khắp nơi ở Nhật. Họ sùng bái Tổ sư hơn cả sùng bái Phật. Đây là người Nhật thật sự tôn trọng đạo, niệm niệm đều không quên ân sư. Rất nhiều chùa đều dùng tên của Đại Sư Thiện Đạo gọi là chùa Thiện Đạo, thấy tên chùa Thiện Đạo liền biết đây là đạo tràng của Tịnh Độ tông.

Sách Bình Giải ca tụng: “*Cao Tổ* (chỉ ngài Thiện Đạo) *đặt tên các nguyện đã hiển lộ tốt cùng ý nghĩa lời nguyện vậy*”. Nay hội bản không những đã trích lấy câu kinh từ bản Đường dịch, lại còn đặt tên nguyện này là nguyện “*Định thành Chánh Giác*” thật rất phù hợp với ý chỉ của Đại Sư Thiện Đạo.

Trong bốn mươi tám nguyện, Đại Sư Thiện Đạo gọi năm nguyện: “*Định thành Chánh Giác*”, “*Quang minh vô lượng*”, “*Thọ mạng vô lượng*”, “*Chư Phật xưng tán*” và “*Thập niệm tất sanh*” là chân thật nguyện. Chứng minh nguyện này là tâm tủy của Di Đà hoàng thế. Bản hoài của đức Phật chỉ cốt sao khiến hết chúng sinh nhất định thành Phật. Để thực hiện lời nguyện này, ngài phát ra đại nguyện “*Thập niệm tất sanh*”, chúng sinh chỉ cần nương theo con đường tất cực viên, cực đốn, giản dị bậc nhất là Niệm Phật vãng sinh, sẽ nhất định thành Phật. Nguyện này khiến cho người Niệm Phật kiên định tín tâm đối với Tịnh Tông, cũng kiên định tâm nguyện đối với việc cầu sinh thế giới Cực Lạc.

“*Viễn ly phân biệt*”, chúng ta thường gọi “*phân biệt*” là “*Đệ lục ý thức*”, “*Đệ thất thức*” là “*chấp trước*”. Phải biết tất cả pháp vốn không có phân biệt, vốn không có chấp trước, vốn không có “*Ngã*”. “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, đây là câu tổng kết.

- Sáu trăm quyển đại Bát Nhã nói về điều gì?

- Tôi tổng kết nó lại thành một câu: “*Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Riêng về pháp môn Tịnh tông

cũng chỉ tóm lược có một câu “*Thập niệm tất sanh, nhất định thành Phật*”.

- Bạn xem bên nào nhất? Bên nào viên? Bên nào đốn?

- Bát Nhã không bằng Tịnh Độ! Bát Nhã đòi hỏi phải đoạn “Kiến Tư phiền não”, đoạn “Vô Minh phiền não”, đây không phải là vấn đề đơn giản! Tịnh Độ chỉ cần tin sâu nguyện thiết, chấp trì danh hiệu thì chắc chắn thành công.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Ngã” và “Pháp” đều bất khả đắc. Vạn pháp giai không! Không những “pháp hữu vi” bất khả đắc mà “pháp vô vi” cũng bất khả đắc. Ý nghĩa này rất thâm sâu. “Pháp vô vi” là thật, là tự tánh, nếu chấp trước có tự tánh là sai! Vì sao? Vì tự tánh không có tên! Nếu đặt tên cho nó là vọng tưởng! Nhưng, trong lúc giảng dạy, không đặt tên thì không thể nói được!

Vì vậy Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta nghe kinh đừng chấp vào tướng ngôn thuyết, đừng chấp tướng danh tự, đừng chấp tướng tâm duyên. Tướng tâm duyên tức là: Ta đã nghe, đã cảm nhận nó là ý gì. Đó là ý của ta, không phải ý của Phật! Phật không có ý! Ý nghĩa trong đây thâm sâu vô tận! Phật làm gì có ý! Có ý chính là vô minh, là “Kiến Tư phiền não”; không có ý tức trở về tự tánh, là Thường Tịch Quang, là vô lượng trí tuệ, đức năng, tướng hảo. Khi không có ý, tất cả đều hiện tiền.

Ngày nay, chúng ta từ sáng đến tối khởi tâm động niệm đều do vọng tâm làm chủ! Đoạn mê hoặc của “phân biệt” gọi là “Vô phân biệt Trí”. “Vô phân biệt Trí” chính là “Diệu Quan Sát Trí”, trí thấy biết rõ ràng minh bạch không cần phải thông qua máy móc như các nhà khoa học. Những gì khoa học khám phá, quan sát được vẫn là có phân biệt, có chấp trước, đó là tri kiến của phàm phu không phải Thánh nhân!

Duy Thức Thuật Ký, quyển bảy giảng: “*Phân biệt là tâm tam giới hữu lậu, là tâm sở pháp, nó lấy phân biệt hư vọng làm tự thể*”. “Tâm Sở pháp” chỉ những pháp do tác dụng của tâm phát khởi ra. Theo Câu Xá Luận: “Tâm sở” gồm năm mươi một thứ như: thọ, tưởng, tư, xúc, dục, si, giải đãi, bất tín, hôn trầm, tham, sân, mạn, nghi v.v...

Trong nguyện văn “*Viễn ly phân biệt*” nghĩa là xả trừ vọng hoặc của phân biệt, thấu triệt được “*Chân Như tức vạn pháp; vạn pháp tức Chân Như*”.

Đại Thế Chí Bồ Tát trong Viên Thông Chương dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật: “*Gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục*”: “*Chư căn tịch tĩnh*” chính là “gom nhiếp sáu căn”; “*viễn ly phân biệt*” chính là “tịnh niệm liên tục”. “Chư căn” là sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. “*Chư căn tịch tĩnh*” là sáu căn đồng qui về “tịch tĩnh”. Lìa phiền não tức là “tịch”; dứt khổ sở là “tĩnh”. Phiền não này là “Kiến Tư Phiền não” trong Mạt-na-thức. Trong đức hiệu của đức Thế Tôn: Mâu Ni nghĩa là Tịnh-Mặc hay Tịch Tĩnh. Sách Lý Thú Thích bảo: “*Mâu Ni nghĩa là tịch tĩnh. Thân, khẩu, ý tịch tĩnh nên gọi là Mâu Ni*”. “Thân, khẩu, ý tịch tĩnh” chính là ý nghĩa của câu “chư căn tịch tĩnh” trong kinh này.

“*Tịch tĩnh*” lại chính là lý thể của Niết Bàn. Do xa lìa phân biệt vọng hoặc mà các căn “tịch tĩnh”, nên khế nhập lý Niết Bàn.

Tướng tông nói “*Chuyển bát thức thành tứ trí*”. Nếu chuyển được Mạt na thức (thức thứ bảy) thành Bình Đẳng Tánh Trí, tâm liền thanh tịnh; chuyển được Đệ lục ý thức (thức thứ sáu) thành Diệu Quan Sát Trí, tâm liền Bình Đẳng. Thanh Tịnh và Bình Đẳng đạt được rồi thì đại triệt đại ngộ, Chánh Giác sẽ hiện tiền. Thế nên, khi chuyển được thức thứ sáu và thức thứ bảy thì thức thứ tám (tức A-lại-da) và năm thức trước (nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức,

Thân thức) cũng chuyển theo thành Đại Viên Cảnh Trí và Thành Sở Tác Trí.

Nói cách khác, năm thức trước và A-lại-da thức chúng ta không cần quan tâm đến mà phải đặt hết công phu vào thức thứ sáu và thức thứ bảy. Nên nhớ, trong “thanh tịnh” vốn không có cái “tôi”. “Tôi” là hư vọng, vọng niệm này hình thành sự chấp trước rất nghiêm trọng. Tu học Phật pháp, cửa ải đầu tiên là phá Ngã chấp. Người có thể đạt đến công phu này, tối thiểu cũng phải là Tiểu thừa sơ quả Tu-đà-hoàn.

“Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác chứng đại Niết Bàn” (Nếu họ chẳng quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết Bàn): “Đẳng Chánh Giác” chính là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” nói tắt. Đại Niết Bàn là tên khác của Phật Quả, dịch nghĩa là Nhập Diệt; nói đầy đủ là Bát Niết Bàn. “Bát” có nghĩa là “viên”. Hán dịch “Niết Bàn” là “Tịch”. Do vậy Bát Niết Bàn dịch là Viên Tịch.

Trong Tâm Kinh Lược Sớ, Tổ Hiền Thủ giảng: *“Niết Bàn, Hán dịch và Viên Tịch, nghĩa là: Không đức gì chẳng đủ nên bảo là Viên, không chướng gì chẳng hết nên gọi là Tịch”*.

Đại Niết Bàn là Niết Bàn của Đại thừa. Gọi là Đại để phân biệt với Niết Bàn của Tiểu thừa. Niết Bàn của Đại thừa có đủ ba đức: Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát; đủ bốn nghĩa: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; là khỏi hai thứ: “Phản đoạn sinh tử” (của phàm phu) và “Biến dịch sinh tử” (của Tiểu thừa).

Niết Bàn của Nhị thừa: Trong ba đức chỉ có “Giải Thoát”. Trong bốn nghĩa, chỉ có: Thường, Lạc, Tịnh. Trong hai thứ, chỉ là “Phản đoạn” vẫn còn “Biến dịch sinh tử”.

Hòa Thượng Tịnh Không khuyên dạy chúng ta không nên đợi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mới “*viễn ly phân biệt*” mà ngay hiện tiền phải giải quyết làm cho được. Nếu mọi người có thể lìa hết tâm phân biệt thì thiên hạ thái bình, trên đạo Bồ Đề liền thuận buồm xuôi gió.

- Vì sao mọi người không thể sống chung với nhau?

- Vì có tâm phân biệt! Từ tâm phân biệt khởi lên vọng tưởng chấp trước. Từ chấp trước mà không thể bao dung, liền xảy ra đấu tranh, liền tạo nên tội nghiệp! Tội nghiệp chiêu cảm khổ báo của ba đường ác. Đây chẳng phải là tự làm tự chịu hay sao?!

- Việc này ai có thể làm được?

Vua Thuấn làm đến được! Trong “*Nhị Thập Tứ Hiếu*”, vua Thuấn được xếp vào hàng đầu. Ông là đại hiếu viên mãn, ông hiểu được hiếu, ông hành được hiếu, ông tận được hiếu! Đây là tấm gương tốt nhất cho người tu chúng ta. Chúng ta, từ trong ghi chép của lịch sử đều biết được cha mẹ của Thuấn, anh em của Thuấn là cực đoan, bất thiện, thậm chí mỗi giờ, mỗi phút đều muốn hại chết ông. Thế nhưng, ngay trong mắt của Thuấn: Cha mẹ, anh em của ông chính là chư Phật Như Lai thuần thiện vô ác.

- Quan niệm này, ông làm sao có được?

- Vì không có tâm phân biệt! Chính không có tâm phân biệt nên tâm ông thuần thiện, thuần hiếu, thuần tâm yêu thương, thuần tâm phục vụ.

Đại Sư Huệ Năng trong *Đàn Kinh* nói với chúng ta: “*Nếu là người chân chánh tu hành thì không thấy lỗi thế gian*” chính là ý này. Phật dạy chúng ta buông xả là buông xả những vọng tưởng, phân biệt chấp trước của mình, không phải buông bỏ người khác.

- Đối với người khác phải làm sao?

- Phải tùy thuận! Tùy thuận vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của người khác, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình. Đây là tùy thuận, là thành tựu công đức của chính mình.

- Vì sao phải tùy thuận?

- Không tùy thuận, cảnh giới tu của chính ta không thể nâng cao!

Bạn xem! Trên Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham phỏng năm mươi ba thiện tri thức. Mỗi lần thăm viếng một người, cảnh giới liền nâng cao một tầng: Đức Vân tỳ kheo là Sơ Trụ; Hải Vân tỳ kheo là Nhị Trụ; Diệu Trụ tỳ kheo là Tam Trụ v.v... Năm mươi ba tham học viên mãn, ngài thành Phật rồi. Đây là tinh tấn!

Muốn công phu tiến bộ phải khắc phục phiền não, tập khí, đem thị hiếu, tham ái vứt bỏ hết. Nếu ưa thích thứ gì phải đem cái ưa thích đó xả bỏ. Người học Phật ưa thích tượng Phật, tượng Phật cũng xả bỏ! Vì sao? Xem thấy tượng Phật đó liền khởi tâm tham! Có nhiều người cúng dường tượng Phật, cúng dường đồ cỗ, họ xem đó là bảo vật, cho rằng giá trị đó rất cao, thậm chí khi có người đến viếng đạo tràng, họ lập tức đem dầu đi tượng Phật đó, chỉ bạn thân mới được xem qua một chút!

- Họ có thành tựu chăng?

- Không thể có thành tựu!

- Tương lai họ chết đi về đâu?

- Chui vào tượng Phật đó!

- Trong tượng Phật đó có gì?

- Là rỗng tuếch! Chỉ có chuột làm ổ trong đó! Họ chui vào chỗ này! Nếu tượng Phật bằng gỗ thì sẽ có mọt, tương lai họ sẽ biến thành mọt chui vào đó!

- Vì sao vậy?

- Vì tham ái không buông được!

- Ưa thích Phật kinh ư?

- Trong Phật kinh cũng sẽ sinh ra mọt! Tương lai sau khi chết biến thành kiến, gián v.v... mỗi ngày vây quanh những thứ này! Thật đáng sợ!

Cho nên, ái dục nếu không đoạn, sẽ chuốc lấy phiền não, họa hại vô cùng! Vậy thì cúng dường tượng Phật nên cúng một tượng Phật rất thông thường, tượng Phật đó giá trị không đến một xu là tốt nhất. Thờ cúng nơi đó không lo có người trộm cắp! Bạn xem! Thoải mái, tự tại dường nào, làm gì phải bận tâm lo lắng, bất an đến như vậy!

Phàm những vật quý báu mọi người cúng dường tôi, tôi đều đem cúng dường hết. Tương lai nơi đây có phòng trưng bày thì đem đến nơi đó triển lãm để mọi người cùng tham quan, không có cái nào là của chính mình ưa thích vậy mới buông xả, mới thanh tịnh an lạc, tràn đầy trí tuệ.

Đoạn kinh văn trên đây, then chốt chính là “*viễn ly phân biệt, chử căn tịch tĩnh*”. Hiện tại, chúng ta phải toàn tâm toàn lực làm cho đến được; làm được một phần thì có được một phần thọ dụng; làm được hai phần thì có hai phần thọ dụng, làm được càng nhiều thì phẩm vị vãng sinh của bạn càng cao. Nếu hoàn toàn không làm, Phật cho dù rất từ bi muốn tiếp dẫn bạn vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng không có chỗ ngồi cho bạn! Phẩm vị “Hạ hạ phẩm” bạn cũng không được! Thật là oan uổng!

Người giác ngộ không khởi tâm, không động niệm, nên “*Chư căn tịch tĩnh*”; không phân biệt, không chấp trước nên “*viễn ly phân biệt*”.

“*Viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh*”, đây là điều kiện vắng sinh đích thật trình độ không như nhau, tùy thuộc công phu cao thấp của mỗi người. Thế nhưng, chỉ cần được vắng sinh thì nhất định sẽ thành Đẳng Chánh Giác, chúng được Phật quả cứu cánh viên mãn. A Di Đà Phật đưa ra cái bảo chúng này, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải chăm chỉ nỗ lực tu tập cầu sinh Tây Phương Tịnh Độ.

Chúng ta ngày nay học Phật, hoàn cảnh đời sống nếu chỉ có ba y, một bát thì không đủ, phải nhiều hơn một chút, đủ để sống thì được rồi, không nên lãng phí, không nên tích chứa quá nhiều, quá nhiều là tham! Quá nhiều phải xả! Phải bố thí, phải cúng dường! Quyết không nên để lòng tham thêm lớn. Tội lỗi này sẽ rất nặng.

Đại sư Ấn Quang cả đời tiết kiệm, cả đời tích phước. Trong truyện ký, trong Văn Sao có rất nhiều người viết về ngài. Suốt đời ngài chân thành xử thế, không một chút hư ngụy. Khi tiếp xúc trò chuyện với người là một mãng chân thành, không hề nịnh người. Xem thấy người làm đúng thì tán thán, khích lệ; xem thấy người làm sai thì khuyên răn, quở trách, đều là giáo huấn. Cũng có lúc họ làm sai, ngài không nói một lời! Vì sao? Ngài có học vấn, có tu dưỡng, ngài biết được đối với người nào nên nói và đối với người nào không nên nói. Đối với người chịu nhìn nhận sửa lỗi thì nói cho họ nghe; người không biết sửa lỗi thì im lặng! Vì sao? - Nói mà họ vẫn không chịu sửa, nói ra là lỗi làm! - Nói rồi họ chịu sửa, mà bạn không nói là sai rồi!

Người tu hành chân thật, bạn không giúp thì bạn có lỗi với họ. Người không chịu sửa lỗi, bạn nói với họ chỉ là kết oán thù với họ! Vậy thì hà tất phải chuốc lấy cái phiền phức này! Cho nên, việc

đáng nói nên nói, việc không đáng nói thì mỉm cười! Đây đích thật họ không có tâm phân biệt, tâm thiên lệch mà là “tùy hi công đức”. “Tùy hi” phải có trí tuệ, không có trí tuệ không thể làm được việc này.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng u nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội. Nhược hữu chúng sinh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sinh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương vượt hẳn chư Phật, hơn hẳn quang minh của mặt trời, mặt trăng ngàn vạn ức lần. Nếu có chúng sinh thấy quang minh của tôi chiếu chạm vào thân, không ai mà chẳng an vui, từ tâm làm lành, sinh về cõi tôi. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này gồm hai nguyện: Từ câu “Ngã tác Phật thời” đến “thiên vạn ức bội” là nguyện thứ mười ba: “*Quang minh vô lượng nguyện*”. Từ “nhược hữu chúng sinh” đến “bất thủ Chánh Giác” là nguyện thứ mười bốn “*Xúc quang an lạc nguyện*”.

Ngài Tịnh Ảnh bảo nguyện thứ mười ba và nguyện thứ mười lăm “*Thọ mạng vô lượng*” là những nguyện “*nhiep Pháp Thân*”, vì các nguyện này nhằm để thành tựu Pháp Thân.

Pháp Thân là hoàn toàn giác ngộ. Trong Phật pháp Đại thừa gọi là “Đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh”. Sau khi kiến tánh, họ

không còn trôi lăn trong Lục đạo, cũng không ở trong thập pháp giới. Họ trú nơi cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng gọi là Nhất Chân Pháp giới. Nói cách khác, Lục đạo, Thập pháp giới không phải là thật.

Đại Sư Vĩnh Gia thời nhà Đường nói rất hay trong Chứng Đạo Ca: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú. Giác hậu không không vô đại thiên*”. Lục đạo, Thập pháp giới cũng giống như nằm mơ. Bạn không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Phàm phu lúc mê thì thấy có; lúc giác ngộ thì không có nữa. “Tứ Thánh pháp giới” gọi là “Ngoại phàm”; Lục đạo gọi là “Nội phàm”. “Nội”, “Ngoại” là dùng lục đạo làm giới tuyến. “Ngoại phàm” so với “Nội phàm” là giác ngộ rồi, nhưng giác ngộ chưa triệt để, vẫn còn mê, chưa phải giác ngộ viên mãn.

Giác ngộ viên mãn thì “Thập pháp giới” không còn nữa, họ đến “Nhất Chân pháp giới”. Hiện tượng trong “Nhất Chân pháp giới” chính là những gì trong bốn mươi tám nguyện nói. Chữ “Chân” trong “nhất chân” có nghĩa là không còn nhìn thấy hiện tượng sinh diệt về phương diện vật chất cũng như tinh thần.

Con người khi đạt đến điểm này là “Hóa sanh”, vĩnh viễn không già. Nơi họ cư trú, từ cỏ cây hoa lá đến núi sông đất đai đều vĩnh viễn bất biến. Cây cối thường xanh, không có bốn mùa, vĩnh hằng bất biến do ý niệm sinh diệt của họ đã đoạn dứt. Tương vĩnh hằng bất biến đó gọi là “vô lượng thọ”. Đây là đức thứ nhất ở thế giới Cực Lạc.

Trên Kinh Hoa Nghiêm, Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát đã chứng được Pháp Thân, cũng chính là nói: Buông bỏ khởi tâm động niệm liền chứng đắc; phàm phu chứng đắc Pháp Thân tức là thành Phật.

Sách Bình Giải cho rằng hai nguyện này thể hiện “cái đức của chân Báo Thân”, cũng cho rằng hai nguyện “*Quang minh và Thọ mạng vô lượng*” là “*cái gốc đại bi của phương tiện Pháp Thân*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: thực tế mà nói, trên cảnh giới quả địa Như Lai: Ba thân là một thể; một tức là ba, ba tức là một. Không chỉ Báo Thân, Pháp Thân, ngay đến Ứng Hóa Thân cũng thuộc về “quang minh và thọ mạng vô lượng” này.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Thọ vô lượng” là theo chiều dọc cùng tột cả ba đời; do Phật thân thường trụ nên chúng sinh có chỗ để nương tựa. “Quang minh vô lượng” là theo chiều ngang trọn khắp cả mười phương, đức dụng trọn khắp, nhiếp hóa vô tận. Vì vậy, quang minh và thọ mạng là cái gốc của phương tiện Đại Bi, là thật đức của Báo Thân. Như vậy, thể nguyện quang minh và thọ mạng vô lượng của Phật A Di Đà thật ra chỉ là để khiến cho hết thảy chúng sinh đều có quang minh và thọ mạng vô lượng”.

Sách Vãng Sinh Luận lại bảo: “*Ba thứ trang nghiêm vào trong một pháp cú. Một pháp cú chính là thanh tịnh cú, tức là chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*”. Ba thứ trang nghiêm chính là các thứ y báo, chánh báo trang nghiêm thù thắng đã được đề cập trong bốn mươi tám nguyện.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích ba thứ Trang Nghiêm ở thế giới Cực Lạc là: Phật Trang Nghiêm (chỉ cho Phật A Di Đà), Bồ Tát Trang Nghiêm (chỉ cho học trò, bao gồm tất cả những chúng sinh vãng sinh đến thế giới Cực Lạc), Quốc độ Trang Nghiêm (chỉ cho thế giới Tây Phương Cực Lạc). “*Vào trong một pháp cú*” tức là trở về với trí tuệ chân thật, Pháp thân vô vi. Trên thực tế “*Chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*” là trở về với danh hiệu Phật A Di Đà. Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn! Cho nên, sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”, hai chữ “Nam Mô” này vô cùng quan trọng!

Ngày nay chúng ta học Phật, chẳng phải không tinh tấn, không dụng công, nhưng vì sao không thể thành tựu?! Chính vì quên mất hai chữ “Nam Mô” này! Trên miệng biết niệm, nhưng “Nam Mô” là gì lại không biết! Cho nên không thể thành tựu! Chỗ này, chúng ta liên tưởng đến lời dạy của Đại Sư Ấn Quang: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích; mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Bên trong chân thành, biểu hiện ra bên ngoài là cung kính.

Bất luận là Phật pháp hay thế pháp; trong học tập kết quả bạn đạt được nhiều hay ít không liên quan gì đến thầy giáo, cũng không liên quan gì đến môn học mà liên quan đến tâm thành kính của bạn. “Nam Mô” chính là thành kính. Chúng ta niệm Phật, niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, nghiêm túc mà phản tỉnh bản thân liền hiểu được, vì sao niệm danh hiệu này từ sáng đến tối vẫn không có hiệu quả?! Niệm suông rồi! Không có tâm thành kính! Mỗi ngày niệm mười vạn tiếng danh hiệu Phật cũng vô ích thôi! Cổ nhân nói rất hay: *“Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn”*, không có tâm thành kính! *“Hét rát cỡ hòng chỉ uống công!”*

Giáo dục ngày xưa của Trung Quốc rất coi trọng hai chữ “thành kính”, từ trẻ con sinh ra đã bắt đầu dạy rồi. Trẻ con chưa biết nói nhưng nó biết nhìn, nó biết nghe, nó hiểu được ý nghĩa của con người, nó ở đó quan sát, nó đang học theo. Cho nên, làm cha mẹ hay người lớn, khi tiếp xúc với trẻ đều phải tỏ thái độ cung kính, phải làm ra được cho chúng xem.

Ngày xưa, trong lịch sử Trung Quốc, mọi người đều biết triều nhà Chu ảnh hưởng quốc gia đến tám trăm sáu mươi bảy năm, lâu nhất trong lịch sử Trung Quốc. Đoạn mệnh nhất là triều Tần. Tần Thủy Hoàng (năm 221-207 trước công nguyên), truyền hai đời, mười

lăm năm là mất nước! Đây là triều đại ngắn ngủi nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Xem qua điển chương chế độ của triều nhà Chu, chúng ta hiểu được: Họ bồi dưỡng Thái Tử, bồi dưỡng người kế nhiệm “thành kính” đến cực điểm. Triều nhà Chu, mở nước đã có người mẹ tốt. Mẹ của Chu Văn Vương là Thái Nhậm, lúc mang thai Văn Vương: Mắt không nhìn màu u ám, những sự việc bất thiện bà không nhìn; tai không nghe âm thanh không hay; miệng không nói những lời kiêu ngạo. Suốt thời gian mang thai, bà vô cùng cẩn trọng, nói năng cử chỉ đều rất đoan nghiêm. Bà muốn ảnh hưởng thai nhi, phải cho nó cảm nhận được sự thuần thiện, thuần tịnh, không thể có tà niệm hay ác niệm nào xen vào. Đứa trẻ sau khi ra đời, người tiếp xúc với trẻ đều phải đoan nghiêm, lễ phép, phải làm cho trẻ thấy được. Tất cả mọi tà ác đều không để chúng thấy.

Lúc Chu Văn Vương qua đời, con trai ông là Thành Vương lúc đó mới mười tuổi, chưa hoàn toàn hiểu chuyện. Triều nhà Chu liền lập tam lão, tam công: Thái Bảo, Thái Phó, Thái Sư. Ba vị thầy này: Thái Bảo, đảm trách dạy những tiểu vương (Thái Tử khi chưa đương cơ), chăm sóc sức khỏe thân thể, thân tâm lành mạnh. Nói cách khác, là quản những việc trong sinh hoạt hàng ngày ăn ở đi lại của Thái Tử. Thái Phó quản về luân lý, đạo đức. Thái Sư quản về dạy học, dạy về học thuật, dạy về tri thức. Cả ba vị thầy đều rất giỏi: Thái Bảo Chiêu Công; Thái Phó Chu Công; Thái Sư Khương Thái Công. Ngoài ba vị thầy giỏi ra còn ba vị huấn luyện sống cùng với Thái Tử, xem những gì thầy giáo dạy, Thái Tử có thật sự làm theo không? Ba người này gọi là: Thiếu Bảo, Thiếu Phó, Thiếu Sư luôn giúp Thái Tử thành niên (thành niên là hai mươi tuổi).

Cho nên, thời đó người lãnh đạo quốc gia đều trở thành thánh nhân, cái họ tiếp thu đều là giáo dục của Thánh Hiền. Triều Chu

truyền xuống về sau, mỗi triều đại đều y theo phép cũ, nhưng không có đời nào thành kính giống như nhà Chu. Nhà Chu có thể ảnh hưởng quốc gia hơn tám trăm năm là nhờ vào giáo dục Thánh Hiền. Người Trung Quốc không thể không biết về truyền thống của Trung Quốc.

Hiện tại, người Trung Quốc hiểu biết về truyền thống không bằng người nước ngoài. Hy vọng Trung Quốc, cũng giống như Tiến sĩ Thang Ân Tử từng nói: *“Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người xưa, là thế kỷ của văn hóa người xưa, là thế kỷ của giáo dục Thánh Hiền người xưa, sẽ đem đến hòa bình an định cho thế giới này”*. Chúng ta đã nhìn thấy điềm lành rồi. Rất quý hóa!

Sách Bình Giải viết: *“Nếu xét về sở chứng của Phật thì bốn mươi tám nguyện đều qui về quang thọ Pháp Thân”*, có nghĩa là y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc chỉ từ Pháp Thân của Phật A Di Đà biến hiện ra, nên bốn mươi tám nguyện hiện bày trọn vẹn Pháp Thân.

Về mặt độ sanh, sách Bình Giải viết: *“Xét về mặt độ sanh thì nguyện nào cũng vì chúng sinh”*. Lại bảo: *“Mỗi một thế nguyện đều vì chúng sinh vậy”*. Bốn mươi tám nguyện như vậy dung chứa lẫn nhau chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Nhất, đa bất nhị”* (Một và nhiều không hai), đó chính là nguyện nguyện dung thông lẫn nhau không phải độc lập, tựa hồ như bốn mươi tám ngọn đèn, ánh sáng đan xen nhau, bất cứ điểm nào cũng đều đầy đủ bốn mươi tám ngọn, là ý nghĩa này vậy. Đây hoàn toàn là quang minh của tự tánh.

Ngài Vọng Tây giảng:

“ Theo chiều ngang, do mười phương hư không vô biên nên quốc độ cũng vô biên. Do quốc độ vô biên nên chúng sinh cũng vô biên. Do chúng sinh vô biên nên đại bi cũng vô biên. Do đại bi vô biên nên quang minh cũng vô biên. Do quang minh vô biên nên nhiếp

thủ tạo lợi ích cũng vô biên. Nói tóm lại, vì muốn làm lợi ích vô biên nên quang minh vô biên”.

“Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng”: Đây là Bồ Tát Pháp Tạng phát ra hồng nguyện của ngài khi thành Phật phải có quang minh vô lượng.

“Tuyệt thắng chư Phật, thắng u nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội” (Vượt trội chư Phật, hơn hẳn quang minh của mặt trời, mặt trăng ngàn vạn ức lần): Phẩm Quang Minh Biến Chiếu (quang minh chiếu khắp) trong kinh này có chép: *“Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bốn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng. Chí tác Phật thời, các tự đắc chi, tự tại sở tác, bất vi dự kế. A Di Đà Phật quang minh thiện hảo, thắng u nhật nguyệt chi minh thiên ức vạn bội”* (Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần là do đời trước khi cầu đạo, nguyện được công đức lớn hay nhỏ sai khác. Lúc thành Phật, mỗi vị tự cảm được (quang minh) để biến hiện tự tại, chẳng tính toán trước. A Di Đà Phật quang minh tốt lành, trội hơn quang minh của mặt trời, mặt trăng ngàn vạn ức lần). Đây chính là nói *“thường quang”* của Phật tự nhiên đạt được. A Di Đà Phật quang minh vượt xa chư Phật là do nguyện lực của đời trước siêu tuyệt nên ngày nay tự nhiên được như vậy. Lại nữa, còn vượt trội hơn ánh sáng của nhật, nguyệt ngàn vạn ức lần.

Ở đây, chúng ta thấy ánh sáng mặt trăng mát mẻ, ngàn vạn lần không vấn đề gì. Nhưng, mặt trời là quả cầu lửa, nóng bức vô cùng, nếu quang minh của Phật ngàn vạn ức lần hơn mặt trời thì sức nóng làm sao con người và vạn vật có thể sinh tồn?!

Nên biết: Đó chỉ là ví dụ biểu trưng, quang minh của Phật không những sáng vượt hơn mặt trời, mặt trăng mà khi tiếp xúc được, chúng sinh sẽ cảm thấy vô cùng thoải mái, mát mẻ, an lạc, tự tại,

phiền não nhẹ, trí tuệ lớn. Cho nên, Phật quang có thể giúp ta tiêu trừ nghiệp chướng.

Trên Kinh Di Đà, chúng ta thấy Đại Sư Cưu Ma La Thập phiên dịch khác với bản dịch của ngài Huyền Trang. Đại Sư La Thập phiên dịch là “nhất tâm bất loạn”. Đại Sư Huyền Trang dịch là “nhất hướng chuyên niệm”. Nếu như phải “nhất tâm bất loạn” thì vãng sinh sẽ khó rồi! Trong bộ kinh này, chúng tôi cũng dịch là “nhất hướng chuyên niệm”.

- Phải chăng Đại Sư La Thập ngài đã dịch sai?

- Thật không phải vậy! Vào thời kỳ đầu tiên dịch kinh, Đại Sư La Thập là vị nổi tiếng nhất, ngài đương nhiên sẽ không dịch sai. Sở dĩ ngài dịch “nhất tâm bất loạn” là có ý nghĩa: Con người lúc lâm chung sắp vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, đầu tiên họ sẽ thấy Phật quang. Khi Phật quang soi chiếu liền có thể khiến công phu của họ nâng lên một bậc. Điều kiện vãng sinh, thấp nhất phải đạt đến niệm Phật “công phu thành phiền”. Chúng ta bèn hiểu được: Lúc lâm chung, khi Phật quang vừa chiếu, “công phu thành phiền” của họ lập tức được nâng lên một bậc thành “sự nhất tâm bất loạn”. Đây là nhờ oai thần của bốn mươi tám nguyện Phật gia trì.

- Thế nào là “công phu thành phiền”?

- Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra thứ gì cũng buông bỏ hết. Đây gọi là “công phu thành phiền”. Từ sáng đến tối miên mật chỉ một câu A Di Đà Phật này. Miệng niệm hay không cũng không sao, quan trọng là trong tâm phải thật sự có Phật, niệm niệm không quên.

Sở dĩ A Di Đà Phật quang minh vượt xa chư Phật là do nguyện lực đời trước siêu tuyệt nên ngày nay tự nhiên được như vậy. Cho nên, trong kinh nói: “*A Di Đà Phật oai thần quang minh tối tôn*”

đệ nhất, thập phương chư Phật sở bất năng cập” (A Di Đà Phật oai thần quang minh cao quý bậc nhất, mười phương Như Lai chẳng thể bằng được nói).

Muốn giống Phật A Di Đà, chúng ta phải chân thật phát nguyện xem tất cả chúng sinh tận hư không khắp pháp giới là quá khứ cha mẹ, là chư Phật vị lai. Phải có loại tâm này, đến khi thành Phật mới có “quang minh vô lượng”, mới có thể “phổ chiếu mười phương”.

Kinh Đại Pháp Cự Đà Ra Ni nói chư Phật có hai thứ quang minh: *Thường quang* và *Phóng quang*. Thường quang thì viên minh vô ngại, không lúc nào chẳng chiếu. Phóng quang là dùng ánh sáng để cảnh tỉnh người khác, tùy lúc mà chiếu hoặc tỏa ra, hoặc thu vào, tùy nghi tự tại. Quang minh nói trong lời nguyện này là thường quang. Chúng sinh có cảm, Phật liền có ứng. Ứng của Phật là tự nhiên. Không có tác ý, tức không có tư tưởng, không có khởi tâm động niệm.

Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (chính là Kinh Di Đà do Đại Sư Huyền Trang dịch): *“Bỉ Như Lai hằng phóng vô lượng vô biên quang, biến chiếu nhất thiết thập phương Phật độ, thi tác Phật sự”* (Đức Như Lai ấy luôn phóng ra vô lượng vô biên quang minh màu nhiệm, chiếu khắp hết thấy mười phương cõi Phật thực hiện Phật sự). Đây là chứng cứ để nói quang minh được đề cập trong nguyện này là *“thường quang”*.

“Nhược hữu chúng sinh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sinh ngã quốc” (Nếu có chúng sinh thấy quang minh của tôi chiếu chạm vào thân, không ai là chẳng an vui, từ tâm làm lành, sinh về cõi tôi): Đây là nguyện thứ mười bốn thuật rõ quang minh của Phật đầy đủ điều đức lợi ích chúng sinh.

Phẩm Quang Minh Biến Chiếu của kinh này có chép: “*Ngộ tư quang giả, cấu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyễn. Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức. Mạng chung giai đắc giải thoát*” (Gặp được ánh sáng này, phiền não diệt, điều lành sinh trưởng, thân ý nhu nhuyễn. Nếu đang ở chốn tam đồ cực khổ mà được thấy quang minh này thì (mọi sự khổ) đều được ngưng nghỉ, chết đi đều được giải thoát). Đây chính là ý nghĩa của câu “*mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện*” (không ai chẳng an vui, từ tâm làm lành).

Sách Lễ Tán cũng viết: “*Di Đà Thế Tôn vốn phát thế nguyện sâu nặng, dùng quang minh, danh hiệu nhiếp hóa mười phương*”. Lại như Quán Kinh nói: “*Quang minh biến chiếu thập phương thế giới niệm Phật chúng sinh, nhiếp thủ bất xả*” (Quang minh chiếu khắp chúng sinh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ). Câu này hiển thị quang minh có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Tuy quang minh là đức tướng nơi thân Phật, nhưng quang minh ấy thật ra là để lợi lạc chúng sinh.

- Chúng ta thấy được quang minh của Phật không? Quang minh của Phật ở đâu?

- Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Quang minh đó chính là bốn Kinh Vô Lượng Thọ này! Chúng ta từ trong kinh này mà thấy. Đây chính là phương tiện tối sơ, như thắp lên một ngọn đèn: Trước hết phải đốt cháy tiêm đèn, tiêm đèn càng cháy thì ánh sáng càng lớn, chiếu được càng xa. Kinh này là “tinh tinh chi hỏa”, từ ngay chỗ này mà bắt tay vào. Mỗi câu mỗi chữ trong kinh này tràn đầy trí tuệ, vô lượng vô biên trí tuệ.

Chúng ta xem thấy chú giải của Tổ Sư, Đại đức xưa nay, những chú giải đó chính là cái “quang” này, các ngài đã thấy được.

Quang huy dần dần mở rộng, mỗi người phạm vi mở rộng tuyệt nhiên không như nhau, đều có thể làm tư liệu cho chúng ta tham khảo.

“*Kiến ngã quang minh*”: Chữ “ngã” dùng ở đây rất hay, đây là “song quang ngữ”. Từ trên mặt chữ mà nhìn, chữ “ngã” này là Bồ Tát Pháp Tạng; ý nghĩa sâu hơn là “chính ta”.

“*Chiếu xúc kỳ thân*”: Đây chân thật là “chiếu kiến”. Chúng ta tự mình xem xét chính mình thì không dễ, nhưng nhìn người khác xem lại chính mình thì dễ dàng hơn, rõ ràng như xem gương vậy. Thử hỏi: Có người nào mỗi ngày không xem gương vài lần?

- Vì sao phải xem gương?

- Chính mình không thể thấy mình nên phải xem gương! Bạn có nghĩ đến hay không? Bao gồm tất cả cảnh giới đều là tấm gương cho bạn. Khi sáu căn bạn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, tất cả người, tất cả sự vật v.v... chính là lúc bạn soi gương.

- Mục đích soi gương để làm gì?

- Không phải để trang điểm chính mình mà đem cầu uế trên khuôn mặt mình rửa cho sạch sẽ! Nên biết: Cảnh giới sáu trần là tấm gương. Không biết soi, cảnh giới liền ô nhiễm sáu căn của bạn; biết soi, cảnh giới sáu trần giúp bạn thanh khiết sáu căn của mình.

- Cái gì là Phật quang?

- Giáo huấn của Phật trong kinh điển là Phật quang, là vô tận trí tuệ. Tiếp xúc với kinh điển, chúng ta khai ngộ, đây chính là chúng ta tiếp xúc được Phật quang; đem quang tự tánh của chính mình dẫn khởi ra, chẳng khác nào mỗi được ánh sáng của Phật, nhóm lên ánh sáng của chính mình.

Nếu chỉ dựa vào năng lực của chính mình để khai mở trí tuệ thì thật khó không phải dễ dàng! Trí tuệ quang minh của tự tánh

chúng ta cùng tự tánh quang minh của chư Phật không hề khác biệt. Trên kinh, Phật nói: “Mười phương ba đời tất cả chư Phật cùng đồng một Pháp Thân”. “Cùng đồng một Pháp Thân” chính là cùng đồng một tự tánh, cùng đồng một thể sinh mạng. Mọi người, mọi việc xung quanh đều có quan hệ với chúng ta. Cái thâm nghĩa này ít ai hiểu được!

Giáo học của Phật pháp không gì khác hơn, chính là nói rõ chân tướng sự thật: Quan hệ giữa người với người; quan hệ giữa người với đại tự nhiên tất cả vạn vật. Nếu nói xa hơn, rõ ràng tường tận hơn, phải nói đến căn nguyên của vũ trụ, hư không pháp giới tất cả chúng sinh do đâu mà có? Đây chính là giáo học triệt để của Phật pháp.

Tường tận hiểu rồi, sau đó mới có thể chân thật thấy được Phật quang. Không những thấy được Phật quang của Phật A Di Đà, Phật quang của Bổn Sư Thế Tôn , Phật quang của cả ba đời tất cả mười phương chư Phật, đều có thể cảm nhận được, cùng quang minh tự tánh của chính mình đều dung hợp thành một thể.

- Thế nhưng, hiện tại vấn đề này chúng ta không ngộ được, vậy phải làm sao?!

- Xin trả lời bạn: Phương pháp đơn giản nhất để giác ngộ chính là niệm “A Di Đà Phật”. Lời này là chân thật! Phật pháp rất thâm sâu, nhưng phương pháp rất đơn giản. Nếu bạn nghe giảng, đọc kinh vẫn không thể khai ngộ, nên một lòng một dạ lão thật niệm Phật. niệm Phật được ba năm, năm năm hay mười năm v.v... rồi cũng sẽ khai ngộ.

- Thế nào mới gọi là thật niệm?

- Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta: “*Gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm tương tục*”, đây là thật niệm, vậy mới có hữu dụng. Nếu một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng thì không dùng được!

“*Từ tâm tác thiện*”:

- Cái gì là thiện?

- Thiện cao nhất không gì hơn là niệm Phật.

“*Từ tâm*” là đại từ đại bi. “*Từ tâm tác thiện*” là vì tất cả chúng sinh mà niệm Phật, không phải vì chính mình, vì “*minh tâm kiến tánh*” mà niệm Phật, quyết không vì cầu danh vọng lợi dưỡng, phú quý trời người. Chúng ta sống ở thế gian phải vì tất cả chúng sinh mà sống. Chúng ta chết cũng vì tất cả chúng sinh mà chết. Sinh tử đều vì chúng sinh không vì chính mình; chính mình liền không có sinh tử, đây gọi là học Phật, đây gọi là “*Từ tâm tác thiện*”.

Bất cứ chúng sinh nào có duyên gặp được kinh này, có thể tu học như lý, như pháp, đều có thể khế nhập cảnh giới A Di Đà Phật, cùng với tâm nguyện giải hành của A Di Đà Phật hoàn toàn tương ưng, cũng có thể giống như Phật Di Đà “*từ tâm tác thiện*”. Cho nên, câu sau ngài nói rất hay “*lai sinh ngã quốc*”, đây là nói rõ “*từ tâm tác thiện*”, cái “*thiện*” này phải làm được viên mãn, phải làm ra thành tích, nhất định phải cầu sinh Tịnh Độ. Nếu như không cầu sinh Tịnh Độ, “*từ tâm tác thiện*”, cái “*thiện*” này không viên mãn.

Ngày nay, chúng ta học Phật, lắng nghe giáo huấn của Phật, tùy thuận Phật hạnh, chúng ta xả mình vì người, mỗi niệm vì tất cả chúng sinh phục vụ, phải nhớ đem công đức này hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ. Cũng chính là nói: Ta vì tất cả chúng sinh phục vụ, không mong cầu bất cứ thứ gì, chỉ cầu vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

- Được vậy không?

- Nhất định được!

- Dựa vào đâu?

- Dựa vào cái nguyện này! Trong nguyện này nhân quả rất rõ: Trước tự độ, sau mới độ người. Trước “*kiến ngã quang minh chiếu xúc kỳ thân*” là “chuyển mê khai ngộ”, quả báo là “liạ khổ được vui”, “*mạc bất an lạc*”, đây là chính mình thành tựu. Sau khi chính mình thành tựu phải giúp đỡ người khác; “*từ tâm tác thiện*” và “*lai sinh ngã quốc*” là hai cái tương đồng: Chính mình cầu sinh Tịnh Độ, cũng phải giúp tất cả chúng sinh cầu sinh Tịnh Độ. Cho nên, hai câu này là “song quang”, chính mình cùng chúng sinh đều phải cầu sinh Tịnh Độ. Nếu “*từ tâm*” của chúng ta viên mãn, “*tác thiện*” cũng viên mãn mà không cầu vãng sinh Tây phương Tịnh Độ, cái “*từ tâm tác thiện*” này là thiện quá nhỏ! Vì sao? Vì không ra khỏi sáu cõi luân hồi! nhiều nhất chẳng qua là hưởng phước báo của trời người mà thôi.

Cho nên, chúng ta giúp người, khuyên người, nhất định phải lấy Tịnh Độ làm chỗ quay về, đây mới là chân thiện. Thực tế mà nói, nghĩa thú của kinh văn không cùng tận. Thế nhưng, cương lĩnh chúng ta biết được, quan trọng nhất là phải làm thế nào thực tiễn được ngay trong đời sống thường ngày, đến lúc nào chúng ta thấy được vô lượng quang, chân thật lãnh hội được vô lượng thọ; đem vô lượng quang thọ Di Đà đã chứng được, giác ngộ được quang thọ của chính mình vốn dĩ cũng là vô lượng, chúng ta, trong nguyện này liền có được thọ dụng. Nhờ vậy mà tín tâm của chúng ta kiên định, nguyện tâm thêm lớn, chân thật hiểu được trải qua đời sống của Phật, Bồ Tát, biết được “*từ tâm tác thiện*”, giúp tất cả chúng sinh, hiểu được hằng thuận chúng sinh. Thế nhưng, mục tiêu cuối cùng nhất định phải giúp họ phá mê khai ngộ. Sau khi họ giác ngộ, nhất định phải giúp họ nhận

thức Tịnh Độ, tường tận Tịnh Độ, tu học Tịnh Độ, thành tựu Tịnh Độ; công đức này mới được viên mãn.

“Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác” (Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác). Chúng ta biết Phật A Di Đà thành Phật đã mười kiếp, tất nhiên hai nguyện này ngài đã thành tựu.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng. Quốc trung Thanh Văn, thiên, nhân vô số, thọ mạng diệc giai vô lượng. Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sinh tất thành Duyên Giác, u bách thiên kiếp, tất cộng kế giáo, nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, thọ mạng vô lượng. Trong nước tôi, Thanh Văn, trời, người vô số, thọ mạng cũng đều vô lượng. Giả sử chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên Giác, trong trăm ngàn kiếp cùng nhau tính toán mà biết nổi số lượng ấy thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này gồm nguyện thứ mười lăm **“thọ mạng vô lượng”** và nguyện thứ mười sáu **“Thanh Văn vô số”**. Trong nguyện **“thọ mạng vô lượng”**, không những thọ mạng của A Di Đà Phật vô lượng mà vô số Thanh Văn, trời, người trong cõi ấy cũng đều thọ mạng vô lượng. Kinh Pháp Hoa nói về thọ mạng của Sơn Hải Tuệ Như Lai như sau: **“Thọ mạng vô hữu lượng, dĩ mãn chúng sinh cố”** (Thọ mạng chẳng hạn lượng vì thương xót chúng sinh). Chúng ta thấy Sơn Hải Tuệ Như Lai, từ trên danh tự, có thể hiểu được Như Lai này có tâm từ bi, có đại trí tuệ. Dùng núi và biển để thí dụ. Núi, người Trung

Quốc thường nói: “Thọ tử nam Sơn”, “Sơn” là thí dụ cho thọ mạng cao. “Tuệ” là dùng biển để thí dụ, “Hải Tuệ” là biển trí tuệ. Vị Phật này có thọ mạng lâu, trí tuệ rất lớn.

- Vì sao cần trí tuệ lớn, thọ mạng cao như vậy?

- Vì lân mẫn chúng sinh, vì phổ độ chúng sinh! Rất nhiều chúng sinh cần có cơ duyên thân cận và tiếp thu giáo huấn của Phật Đà. Nếu Phật chỉ trụ thế thời gian ngắn thì sự giáo hóa của Phật cũng ngắn ngủi, chúng sinh khó có thể gặp gỡ được.

“Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng” (Lúc tôi thành Phật, thọ mạng vô lượng). Ngài Trùng Hiên khen ngợi: *“Phật thọ vô lượng là hạnh đức giáo hóa tột bậc, ai lại chẳng khâm ngưỡng lời nguyện ấy hay sao?”*

Hơn nữa, Di Đà là Báo Thân Phật; Cực Lạc là “Báo Độ” (cõi của Báo Thân Phật ngự); giáo chủ thọ mạng vô lượng là thật sự vô lượng chớ chẳng phải *“vô lượng của hữu lượng”* (cụm từ *“vô lượng của hữu lượng”* chỉ con số *“vô lượng”* rất lớn được nói trong Kinh Hoa Nghiêm, dấu rất lớn nhưng vẫn tính đếm được nên gọi là *“vô lượng của hữu lượng”*). Đây là cách giải thích của cụ Hoàng Niệm Tổ.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chữ *“vô lượng”*, từ trên tướng mà nói là *“vô lượng của hữu lượng”*; từ trên tánh mà nói là *“vô lượng thật sự”*. Hai loại này là một thể, không thể nào phân chia được. Trong cõi Thường Tịch Quang, Phật Đà của quả vị Diệu Giác ứng hóa nơi cõi Thật Báo là cùng một đạo lý này.

Trên hội Lăng Nghiêm, Phật dạy *“Tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng”*. Bồ Tát trong cõi Thật Báo có bốn mươi một cấp bậc, đây đều là bậc *“minh tâm kiến tánh”*. Phật mà mỗi người nhìn thấy là tương đương với cấp bậc của bản thân họ. Nếu bản thân họ là Sơ

Trụ Bồ Tát, sẽ thấy Phật cũng là Sơ Trụ. Nếu là Sơ Địa Bồ Tát, sẽ thấy Phật là Sơ Địa Bồ Tát v.v... Nên biết Phật chỉ thị hiện một thân, một tướng, nhưng mỗi người nhìn thấy đều khác nhau, đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn! Chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi. Cho nên, căn tánh vẫn là có sai biệt.

Hoàng Niệm lão trong sách chú giải nói: *“Nói theo ngôn ngữ hiện đại, “thọ mạng vô lượng” là vô lượng tuyệt đối chứ không phải vô lượng tương đối”*. Theo Hòa Thượng Tịnh Không, thật sự mà nói: Cũng không thể nói là tuyệt đối, hay tương đối. Tương đối và tuyệt đối là một không phải hai, đây là diệu dụng!

Tiếp đó, kinh văn bảo thọ mạng của nhân dân trong cõi ấy cũng vô lượng. Ngài Trừng Hiến khen: *“Nhân dân thọ mạng vô lượng là đức tánh bậc nhất của Tịnh Độ”*, rồi giải thích như sau: *“Tu hành Phật đạo chỉ e sợ Tử Ma vì sự gián đoạn giữa sống và chết chính là căn nguyên tạo duyên thoái thất. Gặp Phật, nghe pháp, gặp gỡ thánh chúng, cúng dường chư Phật, thân cận bạn lành, khoái lạc tự nhiên, chẳng có các khổ, (cõi Cực Lạc) chẳng phải chỉ có một đức tánh ấy...Nếu thọ mạng ngắn ngủi, di hận khó tính nổi, khác nào chén ngọc không đầy. Lời nguyện này thật là tối quan trọng”* (Chén ngọc đúng thật là của quý, nhưng thùng đầy thì không thể đựng nước. Đây là điều đáng tiếc nhất trong lục đạo!).

Ngài Vọng Tây cũng bảo: *“Căn bản của các sự vui (nơi cõi Cực Lạc) chỉ thuộc nơi nguyện này”*. Đây là thật! Căn bản của Cực Lạc phải là thọ mạng. Nếu không có thọ mạng thì tất cả đều kết thúc, đều xong rồi!

Cho nên, thọ mạng quan trọng hơn bất cứ điều gì. Cổ nhân xưng nguyện này là đức thứ nhất của Tịnh tông.

“Quốc trung Thanh Văn, thiên, nhân vô số, thọ mạng diệt giai vô lượng” (Trong nước tôi, Thanh Văn, trời, người vô số, thọ

mạng cũng đều vô lượng): Đây là nguyện thứ mười sáu “*Thanh Văn vô số*”. Tịnh Độ Quán Nghi Luận bảo: “*Nhân dân cõi ấy thọ cực dài lâu, dầu cho là phàm phu vẫn còn thuộc biến dịch sinh tử (ý nói họ đã đoạn hết “phần đoạn sinh tử”, chỉ còn “biến dịch sinh tử”) nhưng cũng rốt ráo thành Phật*”. Theo Hoàng Niệm lão: “*Đó là vì khi đã sinh về Cực Lạc, gặp Phật nghe pháp, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ đều tăng thượng, chẳng có duyên thoái chuyển, thọ mạng lại vô lượng, nên chẳng luận là căn khí nào, hễ sinh về cõi ấy sẽ nhất định thành Phật. Điều này được xưng là đức tánh bậc nhất của Tịnh Độ kể cũng không ngoa!*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thế Tôn trong kinh Đại thừa hay nói đến Phật có ba thân:

- *Pháp Thân*: Vô thi vô chung là chân thật vô lượng thọ.
- *Báo Thân*: Hữu thi vô chung cũng là vô lượng thọ.
- *Ứng Hóa Thân*: Hữu thi hữu chung, thời gian trụ thế dài, ngắn không như nhau.

Ứng Hóa Thân là chúng sinh có cảm, Phật liền có ứng. Thời gian Phật trụ thế dài, ngắn hoàn toàn do cảm ứng nghiệp lực của chúng sinh. Khi hóa duyên hết rồi, cũng chính là nói: Chúng sinh căn tánh chín muồi đã thành tựu; chúng sinh căn tánh chưa chín cũng giúp họ thêm lớn; người không có thiện căn cũng giúp họ trồng thiện căn. Khi làm xong việc thì Phật liền viên tịch.

Thế Tôn năm xưa thị hiện ở thế gian này bảy mươi chín năm, giáo hóa chúng sinh bốn mươi chín năm. Trên Kinh Vô Lượng Thọ, Thế Gian Tự Tại Vương Phật giáo hóa chúng sinh bốn mươi hai kiếp; có thể thấy thời gian trụ thế của ngài rất dài. Thực tế mà nói: Bốn mươi hai kiếp cũng không dài so với tuổi thọ của người trời Vô Sắc giới là tám vạn đại kiếp, thật chẳng tính vào đâu!

Thiết nghĩ, Pháp Tạng Tỳ Kheo, nếu sinh vào thời đại này của chúng ta ắt không thể thành tựu! Vì sao? Vì tuổi thọ quá ngắn! Ngài sinh vào thời đại của Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, tuổi thọ dài, tiếp nhận giáo huấn của thầy là ngàn tuổi, tu hành là năm kiếp. Thời gian dài như vậy mà có thể tiếp nối không ngừng, chúng ta thường nói: “*Một môn thâm nhập trường thời huân tu*”, ngài đã thành tựu.

Ngài Trùng Hiên bảo: “*A Di Đà Phật có đệ tử vô lượng, đó là một trong ba thứ vô lượng*”. Ba thứ vô lượng là: Quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng và quyền thuộc vô lượng. “Quyền thuộc” ở đây chính là đồng học. Lời nguyện chỉ nói đến Thanh Văn, nhưng ngụ ý kể cả Duyên Giác.

Đến đây, cụ Hoàng nêu ra vấn nạn: Nếu có kẻ ngờ vực bảo rằng Kinh Bi Hoa dạy: “*Vô hữu Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa, sở hữu đại chúng thuần thị Bồ Tát, vô lượng vô biên*” (Chẳng có Thanh Văn và Bích Chi Phật thừa. Tất cả đại chúng thuần là Bồ Tát vô lượng vô biên), sao kinh này lại bảo “Thanh Văn vô số”?

Hai câu kinh này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng nghĩa lý thật sự không trái ngược nhau. Với ba bậc vãng sinh, kinh này đều bảo: “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*” (Theo Ngẫu Ích Đại Sư: Chân tín, thiết nguyện chính là tâm đại Bồ Đề). Ba bậc vãng sinh đều đã phát Bồ Đề tâm thì sở hành của họ phải thuộc Bồ Tát thừa, nên Kinh Bi Hoa bảo “*thuần là Bồ Tát*”.

Trong cõi ấy, gọi là Thanh Văn, Duyên Giác là chỉ căn cứ trên mức độ đoạn được “Hoặc Chương” mà nói: Tuy đã đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nhưng chưa phá nổi Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc thì gọi là Thanh Văn, chớ đâu phải hạng Nhị Thừa chỉ cầu tự độ. Nếu chỉ cầu tự độ, chẳng nguyện độ người khác, làm sao phát nổi Bồ Đề tâm?! Chẳng phát Bồ Đề Tâm chẳng được vãng sinh. Đây là

cách giải thích thứ nhất về “Thanh Văn vô số”. Cách giải thích thứ hai: “Thanh Văn vô số” là chỉ cho thân phận của họ về trước, khi chưa vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Chú giải của cụ Hoàng lại nêu ra: Bản Tổng dịch (là bản sau nhất trong tất cả các bản dịch) nói rõ ý nghĩa này nhất. Bản Tổng dịch ghi: “*Ngã đắc Bồ Đề thành Chánh Giác dĩ, sở hữu chúng sinh linh sanh ngã sát. Tuy trụ Thanh Văn, Duyên Giác chi vị, vãng bách thiên câu-chi na-do-tha bảo sát chi nội, biến tác Phật sự, tất giai linh đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”.(Tôi đắc Bồ Đề thành Chánh Giác rồi, khiến cho tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi, tuy trụ địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, nhưng đi đến trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi báu làm đủ các Phật sự để khiến cho (chúng sinh trong các cõi ấy) đều đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Xét ra, Thanh Văn chẳng nghe tới danh hiệu Phật phương khác, chỉ cầu Tiểu thừa Niết Bàn, chẳng cầu Phật quả. Thế nhưng, nhân dân cõi Cực Lạc tuy gọi là Thanh Văn mà lại đi tới vô số cõi Phật xa xôi, làm vô lượng Phật sự, độ cho vô biên chúng sinh đều thành Phật thì đây chính là con đường tu hành của bậc Bồ Tát, há có thể bảo họ là Thanh Văn thông thường hay sao? Những người được gọi là Thanh Văn ấy đều đã phát đại tâm Bồ Tát, hành đại hạnh Bồ Tát, hướng đến đại quả vô thượng, họ thật đúng như Kinh Bi Hoa bảo: “*Thuần thị Bồ Tát*” (thuần là Bồ Tát) vậy”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đoạn kinh trên là nói tu hành ở thế giới Cực Lạc. Tuy trình độ họ chưa đạt đến cấp bậc vị trí này, nhưng chúng ta đều biết phàm phu vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, một phẩm vô minh phiền não cũng chưa đoạn, chỉ là “đời nghiệp vãng sinh”. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, được oai thần bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà gia trì nên trí tuệ, thần thông,

đạo lực của họ dường như tương đồng với Pháp Thân Bồ Tát. Nhưng phải biết đó không phải do bản thân họ tu được mà do Phật A Di Đà gia trì nên họ mới có năng lực này.

Mỗi ngày họ đến khắp mười phương thế giới lễ lạy chư Phật, nghe pháp, cúng dường, đây là tu phước và tu tuệ, lại còn có khả năng độ sinh, làm vô lượng Phật sự. Chúng sinh có cảm, họ liền có ứng. Đây là hạnh của Bồ Tát Đại thừa, hàng Thanh Văn thông thường chẳng thể làm được. Họ đã phát đại tâm Bồ Tát (chính là “*Vị Bất Thoái*”) hành đại hành Bồ Tát (là “*Hành Bất Thoái*”), hướng đến đại quả Vô Thượng Bồ Đề (là “*Niệm Bất Thoái*”). Ba câu này chính là “viên chứng Tam Bất Thoái” mà trong giáo pháp Đại thừa thường nói: Phạm là người sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều đầy đủ tất cả Tam Bất Thoái. Kinh Bi Hoa nói rất hay, không sai! Văn tự tuy có khác nhưng ý nghĩa tương đồng.

“Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sinh tất thành Duyên Giác, trăm nghìn kiếp, tất cộng kế giáo, nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh Giác” (Giả sử chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên Giác trong trăm nghìn kiếp chung nhau tính toán, nếu họ biết được số lượng ấy thì chẳng lấy Chánh Giác). Câu kinh này nêu tổng quát các ý nghĩa sau: Phật thọ vô lượng, nhân dân thọ mạng vô lượng, đệ tử trong nước ấy vô lượng.

“Tam thiên đại thiên thế giới” là cảnh giới hóa độ ít nhất của một đức Phật. Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Cảnh giới này lấy núi Tu Di làm trung tâm, gộp cả bốn đại châu, mặt trời, mặt trăng, chư thiên, ta có một thế giới; gộp một ngàn thế giới như vậy lại, ta được một tiểu thiên thế giới. Gộp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, ta được một trung thiên thế giới. Gộp một ngàn trung thiên thế giới, ta được một Đại thiên thế giới. Do trước lấy hết một ngàn thế giới tạo thành một tiểu thiên, lại đem nhân tiểu thiên lên một ngàn lần thì

được trung thiên, cuối cùng đem trung thiên nhân lên một ngàn lần thì được Đại thiên. Ba lần đem nhân với một ngàn như thế nên Đại thiên thế giới được gọi là “*Tam thiên đại thiên thế giới*”. Thật sự chỉ là một đại thiên thế giới chứ không phải là ba ngàn cõi đại thiên thế giới. Một tam thiên đại thế giới có một ngàn ức (1.000.000.000) thế giới.

Hiện nay các nhà thiên văn mới tạm thời phát hiện được trong vũ trụ có vô lượng thế giới. Mọi người đều biết mặt trời và chín đại hành tinh hợp thành một Thái Dương Hệ. Địa cầu chỉ là một ngôi sao xoay quanh mặt trời trong Thái Dương Hệ. Mặt trời chẳng những tự xoay mà nó còn đi vòng quanh trung tâm của một “Ngân hà tinh vân”, hiện thời khoa học tạm gọi đó là một hắc động (black hole) mất một thời gian ước chừng hai vạn năm. Mặt trời chỉ là một hằng tinh trong dải tinh vân mang tên Ngân Hà. Dải Ngân Hà có chừng một ngàn ức hằng tinh. Trong vũ trụ có vô lượng tinh vân. Bản thân tinh vân cũng đang xoay vùn. Ngân Hà cũng chỉ là một thiên thể lớn trong vũ trụ, cứ tính rộng dần dần như thế chẳng biết đâu là cùng tận. Điều phát hiện mang tính cách sơ khởi của Thiên Văn học quả đã chứng thực điều kinh Phật dạy: “*Thế giới vô lượng*”. Tam thiên đại thiên thế giới chỉ là cảnh hóa độ của một đức Phật, do chư Phật vô lượng nên thế giới cũng vô lượng.

Đại ý của lời nguyện là: Giả sử hết thảy chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên Giác, dùng sức thần thông hợp lại để tính toán cũng không thể biết nổi thọ lượng của Phật Di Đà, thọ lượng của nhân dân cõi ấy và số lượng người trong nước ấy.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, vô lượng sát trung, vô số chư Phật, nhược bất cộng xưng thán ngã danh, thuyết ngã công đức, quốc độ chi thiện giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, vô số chư Phật trong vô lượng cõi nước trong mười phương thế giới nếu chẳng cùng khen ngợi danh hiệu của tôi, thuật sự tốt lành của cõi nước và công đức của tôi thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đây là nguyện thứ mười bảy “*Chư Phật xưng thán*”, “xưng” là xưng dương, “thán” là tán thán. Bản Hán dịch ghi: “*Ngã tác Phật thời, linh ngã danh văn bát phương thượng hạ, vô số Phật quốc, chư Phật các u đệ tử chúng trung, thán ngã công đức quốc độ chi thiện. Chư thiên nhân dân nhuyển động chi loại, văn ngã danh tự, giai tất dũng dục, lai sinh ngã quốc*” (Lúc tôi thành Phật, tiếng tăm của tôi vang khắp tám phương, trên, dưới. Trong vô số cõi nước, các đức Phật vị nào cũng ngự giữa chúng đệ tử, khen ngợi công đức và sự tốt lành của cõi nước tôi. Chư thiên, nhân dân, các loài ngọ nguậy, bò trườn nghe được danh hiệu tôi thấy đều hơn hờ sinh về cõi tôi). Bản Ngô dịch ghi tương tự.

Ngài Vọng Tây bảo: “*Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện này rất thiết yếu*” và “*nếu không có nguyện này, làm sao mười phương (nghe được danh hiệu ngài). Nay chúng ta được gặp gỡ giáo pháp vãng sinh hoàn toàn là nhờ vào nguyện này, khá nên suy nghĩ kỹ*”.

Ngài Pháp Tạng sở dĩ cầu nguyện danh hiệu mình vang dội khắp mười phương chỉ nhằm để nhiếp trọn mười phương hết thảy chúng sinh vãng sinh Cực Lạc, rốt ráo thành Phật. Nếu không có lời nguyện này thì nguyện thứ mười tám “mười niệm tất sinh” cũng chỉ là vô ích! Bởi không ai nghe biết được có Phật A Di Đà và thế giới Tây Phương Cực Lạc, lấy gì phát nguyện vãng sinh!

Qua nguyện thứ mười bảy này, Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Chúng ta có thể xem như A Di Đà Phật ở trong pháp giới đã lập một ngôi trường đại học Phật giáo, một thôn Di Đà với quy mô vĩ đại. Thế giới Cực Lạc chính là thôn Di Đà lớn, nhất định phải cần tất cả chư Phật Như Lai, mười phương ba đời đều giúp A Di Đà Phật chiêu sinh. Có thể nói, A Di Đà Phật thật sự thành tựu, quả thật là dựa vào cái nguyện này. Tất cả chư Phật Như Lai đều là hộ pháp của A Di Đà Phật. Tất cả chư Phật Như Lai, không vị nào mà không tán thán A Di Đà Phật là “*Phật trung chi vương, quang trung cực tôn*”. Do vậy, Đại sư Thiện Đạo nói: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” là ý nghĩa này.

Sách Hội Sớ giảng câu “***xưng thán ngã danh***” (khen ngợi danh hiệu của tôi) như sau:

“*Câu ‘xưng thán ngã danh’ có ba nghĩa:*

1. *Chư Phật xưng dương đức hiệu của đức Phật ấy.*
2. *Chư Phật khen ngợi người xưng danh như Tiểu Kinh (Kinh A Di Đà) thật đã nói rõ chư Phật hộ niệm người xưng danh.*
3. *Chư Phật vừa khen ngợi lại vừa tự mình xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật”.*

Sách còn nói thêm: “*Tam thế chư Phật do niệm Di Đà tam-muội mà thành Đẳng Chánh Giác*”.

Ý nói: Chư Phật khen ngợi thánh hiệu của Phật A Di Đà, khen ngợi hết thảy người trì danh niệm Phật và bản thân chư Phật cũng xưng niệm thánh hiệu A Di Đà. Chư Phật nhờ Niệm Phật tam-muội mà trọn thành Chánh Giác.

Chúng ta ngày nay có duyên tu học pháp môn này, làm đệ tử của A Di Đà Phật, nên biết có rất nhiều người đố kỵ, biết bao người phá hoại, biết bao người gây phiền phức! Những người đó là ai? Có hai loại người:

Một loại là con cháu của ma: Là ma tử, ma tôn. Đây là trong kinh Thích Ca Mâu Ni Phật nói:

Có lần ma vương đến nói với Phật

- Ta phải nghĩ cách phá hoại Phật pháp!

Thế Tôn nghe nói mỉm cười:

- Pháp ta là Chánh pháp, là từ trong tự tánh của tất cả chúng sinh mà lưu xuất ra, người làm sao có thể phá hoại được!

Ma-ba-tuần nói:

- Ta đợi, khi pháp vận của ông đến thời mạt pháp, căn tánh chúng sinh lúc đó vô cùng hạ liệt, không có năng lực biện biệt đúng sai, tà chánh, thiện ác, thật giả... lúc này, ta sai ma con, ma cháu của ta thầy đều xuất gia, khoác áo cà sa như ông để tiêu diệt Phật pháp!

Thích Ca Mâu Ni Phật nghe xong chẳng nói lời nào, chỉ biết rơi lệ! Thái độ này của Phật biểu thị ngài thương xót cho tất cả chúng sinh vô tri thời mạt pháp! Cho nên, kẻ làm chướng ngại pháp môn này là ma con, ma cháu. Chúng ta gặp rồi liền hiểu: Đối với họ chỉ kính mà không gàn! Họ làm sao chướng ngại được! Chỉ cần tín tâm ta bất động thì họ cũng bó tay thôi! Họ đến khuyên ta theo pháp môn

này, học theo pháp môn nọ; pháp môn này có thần thông, pháp môn kia có cảm ứng, hết thầy đều mặc kệ! Ma không thể lợi dụng được.

Một loại là vô tri, ba phải: Họ thật sự không có thiện căn, loại người này ở thế gian có cũng không ít! Chúng ta nên thương xót họ, cũng không nên quở trách họ. Vì sao? Tôi thường nói: Nếu truy cứu nguyên nhân gốc rễ của nó, đều do bản thân chúng ta làm chưa tốt! Chúng ta chưa làm tròn trách nhiệm của một người đệ tử Phật, mới có những hiện tượng này.

Sở dĩ xã hội đại chúng đối với Phật Giáo có những hiểu lầm rất sâu là do nguyên nhân chúng ta không thường xuyên giảng kinh, thuyết pháp; chưa đem những nội dung chân chánh của Phật Giáo nói ra với mọi người. Nhìn lại bản thân, chúng ta chưa y giáo phụng hành, chưa thật sự làm! Họ đối với chúng ta có biết bao lời lẽ phê bình không tốt. Lời của họ thật cũng không sai! Cho nên, chúng ta sau khi nghe rồi phải soi lại kiểm điểm, phải thật sự nỗ lực sửa chữa lỗi lầm. *Người tu Tịnh Độ, đối với người phỉ báng, chúng ta chỉ có tai nghe mà miệng không được nói!*

- Chúng ta dùng thái độ gì đối với họ?

- Cung kính họ! Tán thán họ! Dứt khoát không được phỉ báng họ. Biểu hiện được như thế là bạn cao hơn họ. Nhớ kỹ: Hai người cãi nhau thì trình độ bằng nhau; một người cao, một người thấp không thể cãi được.

- Vì sao? Người cao sẽ nhường người thấp, họ làm sao có thể cãi được!

Cho nên, người có trí tuệ nhường người không có trí tuệ. Ngay cả Thánh nhân thế gian cũng dạy chúng ta: *Lễ nhường, nhẫn nhường, khiêm nhường*. “*Nhường*” là tánh đức; “*Khiêm*” là công phu đã thành tựu. Chúng ta hiện nay trong cái đúng đúng, sai sai này mà

luyện công phu, cũng chính là luyện “*nhẫn nhường*”. Không thể “*nhẫn*” cũng phải “*nhẫn*”. không thể “*nhường*” cũng phải “*nhường*”.

Chân thật có trí tuệ, thông quyền đạt lý, chúng ta mới có thể hộ trì Phật pháp được tốt, mới có thể khiến Chánh pháp trụ lâu ở thế gian này. Ngày nay, có rất nhiều phát minh khoa học kỹ thuật cao, chúng ta nhất định phải hiểu được tính năng của những kỹ thuật này, phải hết sức tận dụng nó. Chúng ta nơi đây mỗi lần diễn giảng đều thông qua mạng “internet” truyền bá đến toàn thế giới, giúp mọi người có cơ hội tiếp xúc được với Phật pháp nhiều hơn.

Ý nghĩa quan trọng nhất của đoạn kinh văn trên, chính là Pháp Tạng Bồ Tát thỉnh cầu chư Phật Như Lai hộ pháp cho ngài. Chúng ta ngày nay phát nguyện học Phật, đặc biệt là phát nguyện suốt đời dẫn thân vào công tác giáo dục xã hội, sao có thể không nhờ đến hộ pháp!

- Hộ pháp đến đâu mà tìm?

- Nhờ người thì có phiền não! Họ không đồng ý thì phiền não của bạn xuất hiện ngay!

Năm xưa, khi tôi mới bắt đầu học Phật, gởi gửi Chương Gia Đại sư. Có lần tôi nói với Đại sư:

- Sự thù thắng của Phật pháp, cái hay của Phật pháp con đã hiểu rồi. Con chính mình biết được phải có nghĩa vụ, trách nhiệm đem sự việc này làm thật tốt. Thật sự muốn làm tốt sự việc này, nhất định phải buông bỏ công việc của mình, chuyên tâm vào việc này, đây chính là dẫn thân trên con đường xuất gia.

Đại sư gật gù, vô cùng tán thán, nhưng nói với tôi:

- Con không nên đi tìm thầy thế độ!

- Vậy phải làm sao?

- Nếu con tìm thầy thế độ, thầy đó không đồng ý với nguyện vọng của con, con có sinh phiền não không?

- Đương nhiên là sẽ sinh phiền não!

- Đại sư dạy tôi cầu Phật. Cho nên, tôi xuất gia là cầu Phật. Phật thay tôi tìm một vị sư phụ.

- Vị sư phụ này như thế nào?

- Đến khuyên tôi xuất gia! Không phải khuyên một lần, khuyên một lần sợ không thành thật! Ông đã phái người đến thư viện Từ Quang, lúc đó tôi đang theo học kinh giáo với thầy Lý. Có lẽ trong vòng nửa tháng, ông đã sai người đến tìm tôi đến chín lần. Tôi thấy tâm ông rất thành khẩn, bèn nhận lời ông.

Lời của Đại sư Chương Gia dạy tôi trước đây đã thành hiện thực. Cho nên, tôi xuất gia là có điều kiện. Vì xuất gia ở chùa chiền đều làm kinh sám, Phật sự. Điều kiện của tôi là dứt khoát không làm kinh sám, Phật sự. Tôi xuất gia là muốn học kinh giáo, muốn giảng kinh, nếu có thể giúp tôi phương diện này, tôi mới có thể nhận lời, bằng không tôi không xuất gia! Cho nên, chúng tôi nói điều kiện với nhau: Tôi xuất gia, túi không một xu, cũng không hỏi người xin tiền; nhưng mỗi tháng tôi phải đến Đài Trung ở một tuần gần gũi thầy Lý, lộ phí đi đường thường trụ phải cho tôi. Tôi đưa ra mấy điều kiện thầy đều được đáp ứng cả. Cho nên, cầu hộ pháp chỉ nên cầu ở Phật, Phật tìm thân hộ pháp đến giúp chúng ta.

Tôi đến đây không hề cầu hộ pháp Lý Mộc Nguyên, là do ông tìm đến tôi. Tôi tìm ông sẽ khó ngay! Tôi tìm ông, nếu ông không đồng ý, bạn nghĩ cái mặt này của tôi để ở đâu?! Ông tìm tôi, tôi còn phải xem thật kỹ, ông có thành tâm hay không? Ông có thật sự như pháp hay không? Việc này chúng ta phải chú ý, có một số người hộ pháp, họ có mục đích đem chúng ta làm cây hái ra tiền, để chúng ta

thay họ kiếm tiền! Thế thì chúng ta chẳng phải đã bị người lợi dụng rồi sao?!

Cho nên, quan sát họ thật kỹ: Nếu họ thật sự không phải vì cái đạo tràng họ, mà vì toàn thế giới, điều này chúng ta nhất định phải đến giúp họ. Nếu họ vì sự thịnh vượng của đạo tràng này, vì cái khu vực Singapore này, tôi đã đi từ sớm rồi! Họ vì chúng sinh trên toàn thế giới, cái này rất khó gặp! Rất hiếm có! Đi khắp hết thế giới này tìm người hộ pháp có tâm lượng chân thành như thế, chúng ta tìm không ra! Con người quý ở tri kỷ. Người thế gian đều nói đạo nghĩa, nói tình nghĩa. Nơi đây, chúng ta là sự kết hợp của đạo nghĩa, đồng tâm, đồng đức vì Phật pháp, vì chúng sinh làm nên sự nghiệp tốt này. Dứt khoát sẽ cùng sống chết, cùng hoạn nạn với nơi này, vậy là tâm mọi người sẽ an, tâm chính mình cũng an ngay.

Tôi hôm nay rời Singapore để đến Úc châu. Tôi đến Úc châu là tham gia đa nguyên văn hóa, giúp họ hòa hợp tôn giáo, hòa hợp chủng tộc. Việc này có ảnh hưởng đến toàn thế giới, hy vọng chủng tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau đều có thể tôn kính, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, cùng tồn tại, cùng phát triển, không nên có xung đột, không nên có hiểu lầm, không nên có tranh chấp. Tôi đến Úc châu là để làm việc này, nếu không phải làm việc này thì tôi sẽ không đi.

Ở Úc châu, chúng ta có Tịnh Tông Học Hội. Hiện tại bên đó cũng có tổ chức Phật thất niệm Phật nhưng tôi không đi. Vì sao? Tịnh Tông Học Hội Úc châu không phải vì toàn thế giới! Đạo tràng nơi đây là vì toàn thế giới. Cho nên, quan điểm của chúng tôi ngày nay: Phàm vì Chánh pháp trụ thế, vì tất cả chúng sinh toàn thế giới phục vụ thì tôi lập tức đi làm. Nếu vì bản thân, vì một nhóm nhỏ, chúng tôi không có nhiều thời gian, cũng không có nhiều sinh lực như vậy, có thể đi tìm người khác!

- Chúng ta ngày nay sao không niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm Di Đà?

- Niệm A Di Đà Phật là do đức Thích Ca chỉ dạy, chúng ta vâng lời ngài. Chúng ta niệm A Di Đà Phật, không những Thích Ca Mâu Ni Phật hoan hỉ mà tất cả mười phương chư Phật đều hoan hỉ. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều khuyên mọi người niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Hiểu được ý này, sau đó đồng tu phát tâm suốt đời dẫn thân trên con đường hoằng pháp lợi sinh, nhất định phải học tập theo Thích Ca Mâu Ni Phật: Danh vọng, ngũ dục lục trần quyết không chạm đến, triệt để buông xả. Hiện nay, xã hội sung túc rồi! Cúng dường nhiều rồi! Cái cúng dường này phải đặc biệt chú ý! Vì sao? Nếu một chút không lưu tâm, cái cúng dường này sẽ đem bạn chôn mắt, sẽ đưa bạn đến địa ngục A Tỳ! Cho nên, những thứ này không được chạm đến!

Cư sĩ Lý trên tay không dính tiền bạc. Chúng ta ở đây có số tiền nào quyên góp giao cho ông, ông không nhận giao cho thủ quỹ. Tôi tiếp nhận cúng dường của bạn, tay này chạm đến thì tay kia đã đưa đi rồi, lập tức đưa đi ngay! Phải biết: Tiền không phải là thứ tốt, là thứ hại chết người! Từ xưa đến nay biết bao nhiêu người tu hành chỉ vì cái chuyện này mà bị đào thải sạch hết, đọa lạc hết! Chúng ta phải đề cao cảnh giác!

Danh hại người! Lợi hại người! Nếu không đề cao cảnh giác, chắc chắn đọa ba đường ác, không có thì tốt! Không có, thân này thành thoi! Không có tiền, sẽ không dám bệnh! Vì sao? Không có tiền mua thuốc, không có tiền chữa bệnh, cho nên họ sẽ không bệnh. Người nhiều tiền thường hay có bệnh! Tiền họ có là phí chữa bệnh! Họ có thể trả nổi viện phí! Những lời này không phải là lời nói đùa, trong đây có ẩn chứa đạo lý rất sâu!

Lúc tôi mới bắt đầu học Phật, Đại sư Chương Gia dạy tôi: Nếu con thật sự phát tâm thì suốt đời con đều có Phật, Bồ Tát chăm lo; chính mình không cần phải lo lắng chút nào. Tôi nghe xong, rất có thọ dụng! Cái này quá tốt rồi! Phật, Bồ Tát chăm lo là chăm lo thật sự. Người thế gian chăm lo thì không chắc! Tôi suốt đời đều được thọ dụng, được Đại sư Chương Gia chỉ dạy nhiều nhất. Tôi theo Đại sư ba năm, thầy đã ảnh hưởng cả đời tôi. Đây đích thật là đại Thiện tri thức, không phải người bình thường. Nhưng thầy dạy, chính tôi cũng phải thật làm, không thể phụ lòng thầy.

Trong nguyện thứ mười bảy này “*Chư Phật xưng tán*”, chúng ta thấy Phật còn cầu Phật. Thế gian chỉ có Phật là đáng tin tưởng. Lòng dạ con người qua lại với nhau chỉ là hư tình giả ý! Phải hiểu cho rõ: Hôm nay họ thân thiện, ngày mai có thể đổi mặt rồi, không tin được! Chỉ có Phật, Bồ Tát là dùng chân tâm, vĩnh viễn bất biến.

Nên nhớ kỹ: Mọi thứ chỉ cầu Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là ông chủ của chúng ta. Chúng ta có lòng tin kiên định thì cảm ứng đạo giao. Nếu cầu mà không có cảm ứng là do tâm bạn không thành; đối với Phật, Bồ Tát bạn còn có nghi ngờ, trong tâm bạn có xen tạp, không chuyên tâm. Thuần nhất chân thành thì cảm ứng vô cùng rõ rệt.

Tôi cả đời này học Phật, bốn mươi bảy năm, tin sâu không nghi. Nhà Phật thường nói: “*Tam chuyển pháp luân*”. Tôi ở nơi đây làm chứng minh, làm chứng chuyển cho bạn. Tâm tôi, đức tin của tôi là do nơi thầy chỉ dạy. Đối với thầy, tôi có lòng tin kiên định, không hoài nghi. Lời thầy dạy, tôi y giáo phụng hành. Từ sự nỗ lực thực tiễn, chứng nghiệm giáo giới của thầy là chân thật, không phải giả dối.

Nên nhớ! Phật pháp từng câu từng chữ không hề tách rời đời sống chúng ta; nếu tách rời đời sống thì không phải Phật pháp. Nếu học Phật mà xem Phật pháp như cái gì đó rất huyền, rất diệu, không thể áp dụng thực tiễn vào trong đời sống là bạn sai rồi! Phật, Bồ Tát là thầy chúng ta, không phải là thần linh. Sự gia trì của các ngài đối với chúng ta chính là lời dạy, giáo huấn trong kinh điển.

- Làm thế nào để được Phật, Bồ Tát gia trì?

- Đối với giáo huấn của các ngài phải triệt để hiểu rõ, phải triệt để ứng dụng vào trong đời sống, đây là lợi ích thiết thực, cũng chính là Phật, Bồ Tát gia trì cho chúng ta. Cho nên, trong Phật pháp, một mảy mê tín cũng không có.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác; duy trừ kẻ ngũ nghịch, phi báng Chánh pháp.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn, tâm tâm hồi hướng nguyện sinh cõi tôi, dầu chỉ mười niệm, nếu chẳng được sinh chẳng lấy Chánh Giác, chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phi báng Chánh pháp.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên là nói về nguyện thứ mười tám “*Thập niệm tất sinh*”. Các vị Cổ Đức thuộc Tịnh Tông Nhật Bản phán định rằng: Trong các kinh, chỉ Kinh Hoa Nghiêm là chân thật. Nhưng nếu đem Hoa Nghiêm so với kinh này thì kinh này mới là chân. Đem các

nguyện khác so với nguyện này thì nguyện này chân thật nhất, nghĩa là nguyện này chân thật nhất trong các nguyện chân thật.

“Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu” (Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nghe danh hiệu tôi):

- Trong đây ai là người giới thiệu đệ nhất?

- Mười phương tất cả chư Phật Như Lai là người giới thiệu đệ nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật ở thế gian này vì chúng sinh tuyên giảng Tịnh Độ Tam Kinh, chúng ta mới biết được pháp môn này, mới biết được danh hiệu của A Di Đà Phật, đây là người giới thiệu đệ nhất. Sau khi Phật diệt độ, các đệ tử của Phật kết tập kinh tạng, mục đích là hy vọng giáo huấn của Phật Đà thường trụ thế gian, đời đời nối nhau, đây là người giới thiệu đệ nhị. Chúng ta phải vô cùng cảm kích đại ân, đại đức của Phật cùng các đại đệ tử của Phật, kể đến là chư vị Tổ sư, đại đức đời đời truyền giáo đều có ân đức đối với chúng ta.

Phật dạy chúng ta phải tri ân, báo ân.

- Làm thế nào để báo ân Phật, chư đại đệ tử của Phật cùng các Tổ sư, đại đức này?

- Chỉ có một phương cách là y giáo phụng hành, vãng sinh Tịnh Độ. Chư Phật Như Lai đều hy vọng chúng ta sớm một ngày thành Phật, sau khi làm Phật, rộng độ chúng sinh.

“Văn ngã danh hiệu”, chữ **“văn”** này rất quan trọng rất thiết yếu, nhân duyên thù thắng không gì bằng. Sau khi nghe rồi, ngay trong đời này có thể thành tựu hay không, quyết ở bốn câu sau:

“Chí tâm chí nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc” (Chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn, tâm tâm

hồi hướng, nguyện sinh cõi tôi). Chữ “Ngã” này là A Di Đà Phật tự xưng. “Chí tâm” là tâm chí thành, tâm chân thành đến tột đỉnh.

Sách Kim Quang Minh Văn Cú nói: “*Chí tâm là tột cùng nguồn tâm, tận cùng Thật Tế của tâm nên bảo là chí tâm*”. “*Nguồn tâm*” là nguồn gốc của bản tâm. “*Thật Tế*” là “*Chân Thật Tế*” nói trong kinh này.

- “Chân Thật Tế” là gì?

- Là chân tâm, là bản tánh, là “minh tâm kiến tánh” mà trong Thiền tông nói.

Ngày nay, tuy chúng ta chưa đạt đến, nhưng phương hướng phải chính xác, mục tiêu phải tường tận. Không thể làm đến được “Phát tâm Bồ Đề” cũng phải được gần giống với “phát tâm Bồ Đề”, vậy mới có thể vãng sinh. “Tín nhạo” là tin ưa, tin thuận theo pháp đã được nghe. Do ưa thích nên sinh lòng tin hoan hỉ, đây là “hoan hỉ khánh hạnh chi tâm”, việc này người thế gian cũng có. Thế nhưng, tín tâm của người thế gian không rời khỏi tình chấp; tín tâm của họ là đạo tâm sương sớm, như lục bình trôi sông, cho nên tạo nghiệp. Thậm chí có người cả đời tu hành, đến già bảy, tám chục tuổi vẫn còn bị cảnh giới xoay chuyển, vẫn bị ngoại cảnh làm dao động! Họ có tín tâm gì chứ?! Tín tâm như vậy không hữu dụng! Tín tâm như vậy có niệm Phật cũng không thể vãng sinh!

- Vì sao không thể vãng sinh?

- Họ không có “*tâm tín nhạo*”!

Ái lạc của Phật, Bồ Tát hoàn toàn vượt hẳn tình chấp, không còn vì chính mình. Cũng có thể nói “*chí tâm*” là trong tâm ngoài A Di Đà Phật ra, nhất định không có tạp niệm, ngoài việc cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc quyết không có cách nghĩ thứ hai; người như vậy đời này nhất định vãng sinh.

Đại Thế Chí Bồ Tát trong “Niệm Phật Viên Thông Chương” của Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phương pháp tu học là “Tịnh niệm tương tục”. Chữ “Tịnh” đó chính là “chí tâm”.

- Tiêu chuẩn của “Tịnh” là gì?

- Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh trong Tây Phương Xác Chi nói rất hay “*không hoài nghi, không xen tạp*”, đây mới là tịnh niệm. Nếu tâm còn vương bận, lo lắng, nghĩ nhớ đủ chuyện thì không thanh tịnh; không thanh tịnh thì không phải chí tâm.

Mặt khác, “*chí tâm tín nhạo*” cũng chính là “*phát Bồ Đề tâm*” như trên kinh “Quán Vô Lượng Thọ Phật” nói: Thể của tâm Bồ Đề là “tâm chí thành”, chính là “chí tâm” mà chỗ này nói. Khởi dụng của tâm Bồ Đề là thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm. “Thâm tâm” chính là chỗ này nói “*tín nhạo*”. “Hồi hướng phát nguyện tâm” chính là hai câu phía sau nói: “*Sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng*”.

Hiện tại, từ Nhật Bản, rất nhiều nơi truyền đến gọi là “Bốn nguyện niệm Phật”. Các Tổ sư đề xướng chắc chắn không có vấn đề; truyền đến đời sau, rất nhiều khúc giải, ý nghĩa của Tổ sư biến thành loại chướng ngại cho người niệm Phật! Đây là việc chúng ta không thể không tường tận. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”, chúng ta phải sâu sắc lãnh hội cái ý này. Cái gọi là “*Bốn nguyện*” tuyệt đối không phải chỉ có một nguyện này. Chúng ta phải rất rõ ràng, bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, mỗi nguyện đều viên mãn, hàm nhiếp bốn mươi bảy nguyện kia, như vậy mới là ý nghĩa chân thật của bốn nguyện.

Nói cách khác, nếu chỉ riêng đề cập đến nguyện thứ mười tám, thì nguyện thứ mười tám này phải nói được thấu triệt tường tận, trong đó bao gồm cả “*chí tâm tín nhạo*” lẫn “*phát Bồ Đề tâm*”. Nếu chỉ nương vào nguyện này mà không đề cập đến “*phát tâm Bồ Đề*” (tức tâm chân thành giác ngộ) thì nghiêm trọng rồi! Vì sao? Vì chưa

có “*chí tâm tín nhạo*” mà tự cho là có “*chí tâm tín nhạo*” thì ngay đến cơ duyên cải lỗi, phản tỉnh, nỗ lực, tự làm mới của họ cũng đoạn mất hết!

Hơn nữa, nếu nói niệm Phật chỉ cần theo Bốn nguyện này là đủ, mười niệm liền có thể vãng sinh, bất cứ tội nghiệp nào cũng chẳng sao, đều có thể “đổi nghiệp vãng sinh”, vậy thì sai lầm đến hại chết người! Trong nguyện thứ mười tám, chúng ta phải đặc biệt chú trọng đến sáu chữ “*chí tâm tín nhạo, thiện căn*”. Chúng ta hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ chính là sáu chữ này. Nếu không có sáu chữ này, chúng ta lấy gì để hồi hướng?! Mỗi ngày đọc kệ hồi hướng “nguyện dĩ thử công đức” (nguyện đem công đức này), “công đức” này chính là “*chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn*”. Nếu sáu chữ trên thấy đều không có, thì hồi hướng của bạn chỉ là lời trống không!

Đồng tu tại gia nên biết: Nếu chân thật phát tâm từ bi, hộ trì Pháp sư xuất gia, không nên bảo Pháp sư xuất gia làm những việc tạp của thế gian! Tôi nói “việc tạp thế gian” là quản lý đạo tràng, việc này xen tạp quá nhiều! Nếu chân thật muốn thành tựu người xuất gia, phải để họ xa lìa tất cả nhiễu loạn. Điện thoại đến mỗi ngày cũng là nhiễu loạn! Không việc gì, bạn điện thoại Pháp sư làm gì?!

Viết thư gửi pháp sư cũng là nhiễu loạn! Cư sĩ ưa thích Pháp sư này; Pháp sư lại phan duyên kéo tín đồ rơi vào danh vọng lợi dưỡng!

Hôm nay, tôi đặc biệt nêu ra lời này, bởi chính tôi trong đời này có được chút thành tựu như hiện nay cũng nhờ không bị nhiễu loạn. Tôi là người hiện tại đáng để cho các bạn tham khảo. Cả đời tôi không quản người, không quản việc, không quản tiền, không bị quấy nhiễu. Bao gồm tất cả quấy nhiễu, cư sĩ gánh vác cho tôi rồi, đây là chân thật hộ trì tôi.

Năm xưa, Quán Trưởng Hàn hộ trì tôi, ba mươi năm như một ngày. Bất cứ việc gì cũng không cần tôi hỏi qua, bà tự quyết định, nên tôi có được tâm thanh tịnh, mỗi ngày có thể đọc tụng Đại Thừa, khi xếp kinh lại chỉ tư duy nghĩa kinh, vậy mới có chỗ ngộ. Cảnh giới mỗi năm không giống nhau. Tôi cảm ân đối với Quán Trưởng Hàn, bà thành tựu tôi. Không luận người nào tìm tôi, trước phải thông qua cửa ải của bà. Gọi điện thoại bà nghe, tôi không nghe. Những người viết thư gửi cho tôi, bà bóc ra xem trước. Nếu không phải là việc lớn lao gì, tôi không cần phải quan tâm. Mời tôi giảng kinh, phải thông qua cửa ải của bà, bà thẩm tra có nên đi hay không?

Quán Trưởng Hàn vắng sinh, bà chân thật vắng sinh, cái công đức này rất lớn! Các bạn đều không biết, bà chân thật thành tựu tôi. Công đức tôi hoằng pháp lợi sinh, bà phải được phân nửa.

Sau khi bà đi rồi, cư sĩ Lý gánh vác việc này. Ngày nay, mỗi nơi mời tôi giảng kinh, tôi đều đem những tin tức này nói với ông, do ông quyết định. Ông quyết định nơi nào có thể đi, nơi nào không nên đi. Tôi ở đây nghe theo ông ấy. Các vị cúng dường cho tôi, thầy đều đưa cho Cư Sĩ Lâm. Những bao đỏ, ngay đến xem, tôi cũng không xem qua, chưa bao giờ mở bao bì ra, tôi cũng không biết là được bao nhiêu, toàn bộ giao cho họ. Cho nên, tôi ở đây vẫn là không quản người, không quản việc, không quản tiền; tôi ngay một đời mới có được chút thành tựu như vậy. *Nếu muốn quản hết mọi việc mà cũng có thể được thành tựu như tôi thì bạn cao minh hơn tôi nhiều! Tôi tự xét không bằng, tôi không thể so được với bạn.* Tâm của tôi là Định, là thanh tịnh.

Pháp sư giảng kinh, giai đoạn sơ học, việc đầu tiên là phải thuộc. Cho nên, tôi khuyên mọi người trước tiên nên học Kinh Vô Lượng Thọ; đem Kinh Vô Lượng Thọ đọc qua ba ngàn biến, đọc đến có thể thuộc rất thuần thục. Sau khi thuộc rồi, mỗi ngày đều đọc qua

một, hai lần, ngay trong một đời không thể quên đi. Chúng ta chỉ tu bộ kinh điển này. Bước thứ hai, phải giảng mỗi ngày, đây là tôi đem phương pháp truyền cho bạn. Mỗi tuần lễ chỉ ít phải giảng ba lần, vĩnh viễn không gián đoạn, bạn mới có thể có được thọ dụng.

- Ba lần giảng như thế nào?

- Bạn đến chỗ này giảng một lần, lần sau giảng lại đoạn kinh văn này ở chỗ khác, tìm thính chúng nơi khác. Ngày trước tôi ở Đài Trung học tập với thầy Lý, hoàn cảnh lúc đó kém rất xa so với hiện tại.

- Chúng tôi đến chỗ nào để học?

- Đến nhà cư sĩ để học?

Thứ hai giảng ở nhà cư sĩ Trương, thứ ba giảng ở nhà cư sĩ Lý, thứ tư giảng ở nhà cư sĩ Dương, đều giảng đoạn kinh văn này. Nếu tìm được bảy nhà cư sĩ, một tuần lễ giảng bảy ngày, không trống qua ngày nào, đây là pháp duyên của bạn rất tốt.

Đến nhà cư sĩ giảng kinh, thầy Lý có qui định: Không được tiếp nhận cung kính cúng dường của người khác, chỉ có thể uống một ly nước do họ tiếp đãi, các thứ khác không được tiếp nhận, giảng xong lập tức cáo từ ra về, không nên có chuyện nhân rồi, đoạn tuyệt phan duyên.

Thực tế, nếu bạn không thể tìm được người nghe kinh, vậy thì pháp duyên của bạn không tốt, không có người nghe. Hiện tại có băng ghi âm, máy ghi hình, bạn có thể đối mặt với máy ghi hình mà giảng. Sau khi giảng xong lại mở ra xem, nghe lại lần nữa, xem cái sai sót của chính mình cũng được mà! Quyết không thể nào lơ là, khi vừa lơ là bạn liền khởi dậy vọng tưởng! Sự việc này phải dựa vào chính mình.

Tôi giảng đến tuổi tác lớn như thế này, một tuần lễ bảy ngày, bảy ngày tôi đều không có rảnh. Mỗi ngày chỉ ít giảng hai giờ đồng hồ. Nếu không tu học cần khổ như vậy làm sao có thể thành tựu. Việc này đáng được để các đồng tu làm tham khảo. Người xuất gia chúng ta lập định phương hướng, cả đời hoằng pháp lợi sinh, dẫn thân trên con đường này thì tâm phải Định, Định mới có thể sinh Tuệ, khi mở quyển kinh bạn mới có thể thấy được từng câu, từng chữ bao hàm chân thật nghĩa, vô lượng nghĩa. Không luận tu học pháp môn nào đều là “*chí tâm tín nhạo*”. Cái tâm này là tâm chân thành. Ngạn ngữ thường nói: “*Thành tắc linh*”, chưa hề học qua thứ này, khi vừa tiếp xúc liền thông đạt, không hề có chướng ngại.

- Do nguyên nhân gì?

- “*Thành tắc linh*”, tự nhiên liền thông đạt!

Cho nên, học giảng kinh không thể một ngày không giảng

Ngày trước, thầy Lý thường khuyên dạy chúng tôi; ông nói: “*Quyền bất ly thủ, khúc bất ly khẩu*”. Người xướng ca ngày ngày phải rèn luyện, ngày ngày phải ca, người đánh võ ngày ngày phải tập. Chúng ta học giảng kinh, ngày ngày phải giảng. Nếu không có người thì giảng với cây cối, hoa, cỏ; làm theo cách này bạn mới có thể thành công. Tôi nêu ra điểm này để các đồng tu tham khảo, đều là “*chí tâm tín nhạo*”. Tôi là dựa vào cái này. Sau đó, chúng ta mới chân thật làm được “*sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng*”, cái hồi hướng này mới không trống không, mới có công đức chân thật.

“Chí tâm” cùng “thiện căn” mà Thế Tôn dạy cho phu nhân Vi-Đề-Hy trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta nhất định mỗi giờ, mỗi phút phải luôn ghi nhớ trong tâm, y giáo phụng hành. Đây chính là **Tịnh Nghiệp Tam Phước**, cũng là Chánh nhân Tịnh nghiệp ba đời chư Phật. Cho dù bạn tu học pháp môn nào, thành tựu

Phật quả cứu cánh, đều phải dựa trên căn bản ba điều, mười một câu, bốn mươi bốn chữ này.

Phước thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Bạn đã làm được chưa? Đây chính là thiện pháp trong sáu cõi. Thật không phải dễ dàng! Tuy nhiên, khó, dễ đều ở nơi tâm của chính mình. Nơi Đại Hùng Bảo Điện, chúng ta cúng dường, lễ bái Phật.

- “Đại hùng” là ý nghĩa gì?

- Người bình thường không làm được, Phật có thể làm được, đây là đại anh hùng!

- Cái gì người bình thường không làm được?

- Không khắc phục được phiền não, tập khí của chính mình! Do đây có thể biết, nếu chúng ta có thể khắc phục được phiền não, tập khí, chúng ta cũng là đại anh hùng.

Phước thứ hai: “*Thọ trì tam qui, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”. Bạn có làm được hay không? Đây là bước đầu vào cửa Phật. “*Tam qui*”: “qui” là quay đầu, hồi đầu. “Y” là nương tựa. Qui y Phật là từ mê hoặc, điên đảo quay đầu lại nương tựa tánh giác gọi là qui y Phật. Bạn từ sớm đến tối có làm được vậy không? “Pháp” là chánh tri, chánh kiến; Qui y Pháp chính là từ tà tri tà kiến quay đầu lại nương chánh tri, chánh kiến. Tôi thường khuyến khích các đồng tu, phải đem vọng tưởng, chấp trước, thành kiến của chính mình thả đều buông bỏ, y theo dạy bảo của Phật, đây là Qui y Pháp. “Tăng” là sáu căn thanh tịnh, không nhiễm một trần. Qui y Tăng là dạy chúng ta từ tất cả ô nhiễm của sáu căn quay đầu lại nương vào tâm thanh tịnh. Trên đây gọi là “Tam qui y”.

Cho nên, người chân thật biết quay đầu, đời sống của họ là đời sống của “Giác, Chánh, Tịnh”, khác hẳn với đời sống của phàm

phu là “mê, tà, nhiễm”. Xét xem đời sống chúng ta ra sao? Nếu vẫn là “mê, tà, nhiễm” thì phải cảnh giác, học Phật như vậy là học sai rồi, không phải Phật sai mà là chúng ta sai!

Phước thứ ba: *“Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*. Cư Sĩ Lâm phát Bồ Đề tâm, ngày ngày tu đại bố thí, cho nên tài nguyên của Cư Sĩ Lâm ùn ùn mà đến, như dòng nước của Trường Giang, muốn ngăn cũng không ngăn được! Do nguyên nhân gì? Bố Thí mà có được quả báo! Nếu tâm lượng của họ nhỏ, người đến ăn một bữa cơm, phải xem họ có quyền được một số ít gì hay không? Vậy thì tài của họ cũng không có! Mỗi ngày cúng trai của họ sẽ không thể làm được! Đây là họ thật tâm hoan hỉ bố thí. Mỗi người đến ăn, họ đều hoan hỉ. Cho dù bạn tin Phật hay không tin Phật, bạn mắng Phật, nhục mạ Phật, hận Phật v.v... đến ăn cơm, họ đều mỉm cười ngênh đón. Cho nên, họ mới có thể hưng vượng.

Thế pháp hay Phật pháp đều cùng một đạo lý: Nếu bạn tận lực bố thí, bố thí càng nhiều, tiền tài của bạn càng vô. Muốn được thông minh trí tuệ, bạn phải tu “Pháp Bố Thí”, hoan hỉ vì người diễn nói. Muốn khoẻ mạnh, sống lâu phải ưa thích sửa lỗi, ưa thích sám hối. Nhân và quả nhất định tương ứng. Chỗ này cũng phải *“chí tâm tín nhạo”* mới có thể làm được. *Y theo giáo huấn của Phật, càng làm càng tự tại, càng làm càng hạnh phúc, càng làm càng mỹ mãn.*

Đây là nói “thiện căn” của chúng ta, “thiện”, không thể không tu, phải ngày ngày tu, “thiện” mới có thể có gốc. Cái ý sinh gốc này phải nuôi thành thói quen hành thiện, thành thói quen hiếu thiện. Tập quán hành thiện, phải thật kiên cố, cứng chắc, không thể nhỏ, cái “thiện” này mới chân thật có gốc. Thật có gốc cũng chính là đem lợi ích của người khác xem là lợi ích của chính mình, đây là bạn đã nghĩ được chu đáo. Nhà Phật nói đến chí thiện, đến chân thiện, đó

chính là phát Bồ Đề tâm, phá mê khai ngộ, bỏ đi những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tư tự lợi. Từ chỗ này chúng ta mới “tâm tâm hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc”.

Hai ngày trước có năm vị cư sĩ đến từ Đông Thiên Mục Sơn, Hàn Châu, dẫn đầu là cư sĩ Tề. Bà nói với tôi: Trải qua hồi phục đạo tràng Đông Thiên Mục Sơn rất không dễ dàng! Đạo tràng này đã bị hoang phế bốn, năm mươi năm, không người ở, điện đường đều sụp đổ. Bà phát tâm hồi phục nó lại. Suốt bốn năm trên núi, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Bà là một cư sĩ, đạo tràng hồi phục, luôn hy vọng có người xuất gia thường trụ trên núi, tu hành dụng công, đây là tâm nguyện của bà. Cho nên, gặp được Pháp sư, chỉ cần là người xuất gia, bà đều chân thành cung kính cúng dường. Tâm chân thành cúng dường của bà đích thật được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, trong đó cũng có quý thần.

Tôi nghe được câu chuyện của bà trong đó có đoạn: Quý thần nhập vào thân một thanh niên khỏe mạnh. Quý thần này cũng không tệ! Những người tu hành trên núi đó họ không nhập. Nên biết người bị quý thần nhập vào thân, thể lực của người đó bị tiêu hao rất lớn, người thể lực yếu sẽ không chịu nổi. Người thanh niên này cư sĩ Tề cũng quen biết. Thế nhưng, hôm đó nhìn thấy sắc mặt anh ta trắng bệch, rất khó coi. Vừa bước vào cửa, anh đuổi tất cả người trong nhà ra ngoài hết, đóng cửa lại nói với cô:

- Tôi có lời muốn nói cho một mình cô.

- Hôm nay anh làm gì vậy?

- Tôi mới từ địa ngục ra đây! Nhân duyên của Thiên Mục Sơn, trước đây vốn dĩ tôi không đồng ý cô đến đây. Nhưng, sau đó thấy cô chân thành vì Phật pháp, vì chúng sinh, không vì chính mình nên chúng tôi hộ trì cô. Anh ta nói: Người xuất gia trên núi, cô không nên quá cung kính đối với họ, những người đó đều không có đạo tâm,

tôi chỉ hận không thể đuổi họ đi! Những người xuất gia đó quả nhiên từng người, từng người đều bị họ đuổi đi hết! Chân thật là “*ngắng đầu ba thước có thần minh*”. Bất kể người tu thiền, tu mật nào lên núi đó ở, nhiều nhất là hai, ba tháng đều phải dọn đi; ít thì ba, bốn ngày phải xuống núi! Nửa đêm họ ngồi thiền, quý thần xuất hiện đẩy họ ra khỏi chỗ ngồi, té ngã trầy xước cả thân, đành phải cuốn bò đoàn mau chân xuống núi! Những người đó đều là người xuất gia. Bà nói: Người trên núi đó niệm Phật, mỗi mỗi đều bình an vô sự, đều ở được rất tốt, trong đó có không ít lão ông, lão bà niệm Phật.

Đạo tràng này rất khó được! Thần hộ pháp nơi đó theo dõi, đốc thúc họ có thật làm hay không? Thật làm thì ủng hộ, không thật làm thì đuổi họ xuống núi! Cho nên, tôi nói với đồng tu: Cư sĩ Tề đến đây là Phật, Bồ Tát phái bà đến làm kiến chứng cho chúng ta, nhắc nhở chúng ta, khích lệ chúng ta. Hy vọng đồng tu xuất gia chúng ta tương lai đều đến trên núi đó ở một thời gian xem sao, có bị thần hộ pháp đuổi xuống núi không? Đến đó để khảo thí, khảo nghiệm xem!

Cho nên, “thiện căn” nhất định phải bồi dưỡng. Phật định cho chúng ta tiêu chuẩn là năm giới, mười thiện, chúng ta có chân thật làm được hay chưa?? Phải thường xuyên kiểm điểm, ngày ngày phản tỉnh, ngày ngày cải lỗi. Tôi khuyến khích đồng tu chúng ta phải giữ tâm thiện, duy nhất tâm thuần thiện, ý thuần thiện, hạnh thuần thiện, có được như vậy “*tâm tâm hồi hướng*” nhất định được sinh. Hơn nữa, vãng sinh đích thật là tự tại, muốn lúc nào đi thì đến lúc đó đi.

Hôm trước, có đồng tu đến hỏi tôi:

- “*Thừa nguyện tái sinh*” có phải nhất định là sau khi đến thế giới Tây Phương Cực Lạc rồi mới trở lại đầu thai ở thế gian này không?

- Không hẳn là như vậy! Chúng ta ngay đời này có thể chuyển “*ngiệp lực*” thành “*nguyện lực*”. Người chân thật chuyển đổi được, không luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, họ đều không động tâm. Loại người này, người khác không biết được, nhưng chính họ rất rõ ràng. Sáu căn họ tiếp xúc với sáu trần đích thật làm đến được “*bất thủ u tướng, như như bất động*” như Kinh Kim Cang nói; chúng ta liền biết được họ đã chuyển đổi được “*ngiệp lực*” của họ rồi.

Tóm lại, “*thiện căn*” là sự lành nơi ba nghiệp. “Thân-khẩu-ý” kiên cố chẳng đổi có thể sinh ra diệu quả và các điều lành khác nên gọi là “*thiện căn*”. “*Tâm tâm*” là tấm lòng thuần nhất, tấm lòng “*Tịnh niệm liên tục*”. “*Hồi hướng*”: chữ “*hồi*” là hồi chuyển; “*hướng*” là hướng đến. “*Hồi hướng*” là “*hồi tự hướng tha*”, hồi chuyển công đức mình đã tu để hướng đến điều mình mong mỗi thì gọi là “*hồi hướng*”.

Sách Hoa Nghiêm Đại Số Sao, quyển hai mươi ba, có ghi: “*Hồi là chuyển, hướng là hướng đến. Chuyển vạn hạnh của chính mình để hướng đến ba chỗ nên gọi là hồi hướng. Ba chỗ là chúng sinh, Bồ Đề và Thật Tế*”. “*Hồi hướng chúng sinh*” là vì tất cả chúng sinh mà tu học. “*Hồi hướng Bồ Đề*”, Bồ Đề là trí tuệ, chúng ta học Phật chỉ cầu Trí tuệ, không cầu danh vọng, lợi dưỡng. “*Hồi hướng Thật Tế*”, Thật Tế là “*minh tâm kiến tánh*” (theo Thiên Tông), là “*Lý nhất tâm bất loạn*” (theo Tịnh Tông), là “*Đại khai viên giải*” (theo Giáo Hạ). Danh từ không giống nhau nhưng cùng chung một ý nghĩa là hồi phục tánh đức của chính mình.

Vãng Sinh Luận Chú, quyển Hạ cũng nói: “*Hồi hướng là đem công đức của chính mình thí cho khắp các chúng sinh đều cùng được thấy A Di Đà Như Lai, sinh về cõi An Lạc*”.

Câu: “*Nguyện sinh ngã quốc*” (Nguyện sinh cõi tôi) chính là lời hồi hướng: Nguyện cho hết thảy chúng sinh đều vãng sinh cõi nước Cực Lạc.

“*Nãi chí thập niệm*” (Dầu chỉ mười niệm). Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy: “*Cụ túc thập niệm, xưng Nam mô A Di Đà Phật*” (Đầy đủ mười niệm xưng Nam mô A Di Đà Phật).

Sách Tiên Chú giảng: “*Mười lần xưng danh*”, ngài Vọng Tây bảo: “*Trong khoảng mười niệm, chuyên xưng danh hiệu Phật thì là mười niệm. Chữ ‘niệm’ ở đây là xưng ‘Nam mô A Di Đà Phật’. Đọc hết sáu chữ ấy là một niệm*”.

Câu: “*Nãi chí thập niệm*” (Dầu chỉ mười niệm), ý nói: Tối thiểu chỉ xưng niệm danh hiệu mười niệm cũng được vãng sinh. Đây là nói đến mức độ thấp nhất, nên bảo là “*nãi chí*”. Chỗ này cụ Hoàng Niệm Tổ nêu ra vấn đề; nếu có kẻ cật vấn:

- Trong kinh chỉ nói “*mười niệm*”, sao lại chỉ khuyên xưng niệm danh hiệu Phật, mà chẳng thực hành những cách niệm Phật khác? Đáp:

- Chữ “*niệm*” trong “*thập niệm*” chỉ cho cách niệm danh hiệu Phật bằng miệng, điều này thật có chứng cứ. Bản Tống dịch tương đối rõ ràng ghi: “*Sở hữu chúng sinh, cầu sinh ngã sát, niệm ngô danh hiệu, phát chí thành tâm, kiên cố bất thoái. Bỉ mạng chung thời, ngã linh vô số bất số (tỳ kheo) hiện tiền vi nhiễu, lai nghênh bỉ nhân, kinh tu-du gian, đắc sinh ngã sát*”. (Tất cả chúng sinh, cầu sinh trong cõi ta, niệm danh hiệu ta, phát chí thành tâm, kiên cố chẳng thoái. Người ấy lúc mạng chung, ta sai vô số bất số (tỳ kheo) hiện ra trước mặt, cùng vây quanh đến đón người ấy. Trong khoảnh khắc, được sinh về cõi ta). Chữ “*niệm ngô danh hiệu*” (niệm danh hiệu ta) trong đoạn kinh trên chỉ có thể hiểu là niệm hồng danh của A Di Đà Phật mà thôi.

Kinh Bát Châu cũng đề xướng Trì Danh Niệm Phật nói: “*Nhĩ thời A Di Đà Phật ngữ thị Bồ Tát ngôn: - Dục lai sinh ngã quốc giả, thường niệm ngã danh, mạc hữu hưu tức, như thị đắc lai sinh ngã quốc độ*” (Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật bảo Bồ Tát ấy rằng: - Muốn sinh về cõi ta, hãy nên thường niệm danh hiệu ta chẳng ngắt. (Làm) như vậy thì được sinh về cõi ta).

Trong phần “Hạ Phẩm Hạ Sinh”, Quán Kinh cũng nói: Nếu có chúng sinh tạo nghiệp chẳng lành Ngũ Nghịch, Thập Ác, làm đủ các việc chẳng lành. Lúc mạng sắp chết, gặp thiện tri thức giảng cho diệu pháp, dạy cho niệm Phật (Quán Tưởng Niệm Phật). Nếu chẳng thể niệm nổi thì hãy nên xưng danh hiệu Phật: “*Như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật, xưng ngã danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sinh tử chi tội. Mạng chung chi hậu, tức đắc vãng sinh*” (Chí tâm như vậy, chẳng để dứt tiếng, đầy đủ mười niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng Phật danh nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung liền được vãng sinh). Do những đoạn kinh trên, ta thấy rõ “*Thập niệm*” được nói trong kinh này chính là “*Trì Danh Niệm Phật*”.

Với lời nguyện này, các vị Cổ Đức chú giải kinh cũng hiểu khác nhau. Có vị bảo: “*Nguyện này thuộc về Thượng phẩm, nói nguyện này tiếp độ Hạ phẩm là sai*” Lại có vị bảo: “*Nguyện này thuộc về ba phẩm bậc thượng, mười niệm được nói ở đây là dựa vào mười pháp để khởi niệm, chớ chẳng phải là mười niệm xưng danh*”. Bảo “*dựa vào mười pháp để khởi niệm*” là ý nói mười niệm trong Kinh Di Lạc Sở Vấn, trong đó Di Lạc thỉnh giáo với Thế Tôn:

“*Cụ túc như thị niệm, tức đắc vãng sinh An Dưỡng quốc độ. Phàm hữu thập niệm, hà đẳng vi thập?*” (Đầy đủ những niệm như

sau liền được vãng sinh An Lạc quốc độ. Có mười niệm, những gì là mười?)

Mười niệm trong Kinh Di Lạc Sở Vấn là cảnh giới trên quả địa của Phật, Bồ Tát. Tuy rất cao, chúng ta phải nên tùy phần, tùy sức mà học tập, nhất định có chỗ tốt.

“Nhất giả, u nhất thiết chúng sinh thường sinh từ tâm. U nhất thiết chúng sinh, bất hủy kỳ hạnh. Nhược hủy kỳ hạnh, chung bất vãng sinh” (Một là, với hết thấy chúng sinh thường sinh từ tâm. Với hết thấy chúng sinh chẳng hủy hoại hạnh của họ. Nếu hủy hạnh của họ, trọn chẳng được vãng sinh).

Câu *“u nhất thiết chúng sinh thường sinh từ tâm”*, chúng ta có làm được hay không? Chúng ta thấy người này ưa thích, người kia chán ghét thì không có tâm từ bi rồi! Trong tâm vẫn còn tốt xấu; còn có ưa thích, chán ghét. Thực tế mà nói, việc này có chướng ngại đối với vãng sinh. Có rất nhiều người niệm Phật cả đời, lâm chung một niệm sai lầm không thể đi được.

- Ý niệm gì sai lầm?

- Ân oán không thể buông xả! Tình ái không thể buông xả! Con cái, cháu chắt không thể buông xả! Tài sản không thể buông xả! Chỉ cần có một niệm không thể buông xả thì không thể đi được!

“U nhất thiết chúng sinh bất hủy kỳ hạnh”. Sự tu hành của mỗi chúng sinh không giống nhau. Trong nhà Phật có tám vạn bốn ngàn Pháp môn. Chúng ta tu Tịnh Độ, người khác tu Thiền, người kia tu Mật. Nếu bạn nhất định muốn họ bỏ Thiền, bỏ Mật đến niệm Phật, đây gọi là *“hủy kỳ hạnh”*. Hiện tại, Singapore có chín tôn giáo, nếu bảo họ thấy đều bỏ tín ngưỡng, tôn giáo đến đây niệm Phật, cũng là *“hủy kỳ hạnh”*. Chư Phật Như Lai không làm vậy. Dưới cái nhìn của các ngài: Mỗi tôn giáo đều tốt, mỗi tôn giáo đều thiện, mỗi tôn

giáo đều làm Phật, làm Bồ Tát. “*Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp*”, bạn nghe qua chưa? Chính là cái ý này!

Cho nên, Phật pháp là “Đa nguyên văn hóa”, không phải là “Nhất nguyên”. Phật pháp là muôn màu muôn vẻ, thì ra là một thể, bạn hiểu hay không? Ví như thân thể bạn, tay cùng chân khác nhau; đôi mắt cùng đôi tai khác nhau v.v... nếu muốn “*hủy kỳ tướng*”: Đôi mắt không tẻ, thầy đều là đôi mắt, vậy có được không?! Tay không tẻ, chân cũng biến thành tay, bộ não cũng biến thành tay v.v..., vậy thì thành cái thứ gì?! Bạn muốn “*hủy kỳ hạnh*”, muốn giống y như bạn, vậy chẳng phải muốn biến thành loại hiện tượng này hay sao?! Đây là sai lầm lớn!

Người chân thật học Phật, không luận xem thấy tín đồ một tôn giáo nào, đều chân thành chấp tay lễ kính họ. Nhất định không thể bảo họ thay đổi tín ngưỡng của họ đến tin Phật Giáo, đức Phật không có ý này.

“*Nhược hủy kỳ hạnh, chung bất vãng sinh*”: Câu nói này rất quan trọng!

- Vì sao “hủy kỳ hạnh” thì không thể vãng sinh?

- Nếu “hủy kỳ hạnh”, bạn là người bất giác; bất giác thì tạo nghiệp, làm sao có thể vãng sinh! Người giác ngộ sẽ không làm việc này. Tịnh tông tuy thù thắng, chư Phật đều tán thán, có thể “Đới nghiệp vãng sinh”, nhưng “đới nghiệp” chỉ có thể “đới nghiệp cũ” không thể đới nghiệp hiện hành! Việc này chúng ta phải cẩn trọng và ghi nhớ.

Nhị giả, ư nhất thiết chúng sinh, thâm khởi bi tâm, trừ tàn hại ý (Hai là với hết thầy chúng sinh, phát khởi bi tâm sâu xa, trừ bỏ ý tàn hại).

Chữ “*nhất thiết chúng sinh*” ở đây chỉ cho chúng sinh tận hư không khắp pháp giới. “*Thâm khởi bi tâm*”: “*Bi*” là cứu khổ, cứu nạn. Chúng sinh có khổ nạn, chúng ta phải dùng tâm thâm thâm lân mẫn mà cứu giúp họ. “*Trừ tàn hại ý*”, “*tàn*” là tàn nhẫn, “*hại*” là giết hại. Điều này chúng ta thật có! Vô tình hay cố ý xem thấy một con muỗi, đưa tay liền đập chết, đấy là tàn hại! Trong nhà bếp, thấy kiến, một tay dè chết, là tàn hại! Trẻ con thích bắt chuồn chuồn, bắt bướm, bắt chim chơi cho đến khi chúng chết, đó là tàn hại; ý niệm tàn hại này là tập khí phiền não, từ vô thi kiếp sát sinh đã nuôi thành thói quen rồi!

Hiện tại đã học Phật, Phật dạy chúng ta không được làm. Muỗi có đến cắn đốt ta, xem như ngày trước ta làm muỗi cũng đã từng đốt chúng! Chúng đói, muốn ăn một chút gì đó thì chúng ta cứng dờng một bữa thôi. Cái ý niệm này khiến bạn chuyển đổi được tâm niệm, sẽ không sát hại chúng. Người giác ngộ, ngay trong một đời trả nợ là xong hết! Oan gia nên giải không nên kết!

- Làm thế nào hóa giải?

- Đối với oan gia, càng phải nên quan tâm đến họ, càng phải nên ái hộ họ, càng phải nên giúp họ. Con người luôn là có tình cảm; người ác ý đối với ta, ta dùng thiện ý đối với người; lâu ngày dài tháng nhất định sẽ cảm hóa được họ. Ngược lại, nếu dùng ác ý đối với người, người dùng thiện ý đối với ta, lâu dần chính mình sinh ra hổ thẹn, đây là chân thật.

“Tam giả, phát hộ pháp tâm, bất tích thân mạng. Ư nhất thiết pháp, bất sinh phi báng” (Ba là phát tâm hộ pháp, chẳng tiếc thân mạng. Với hết thấy pháp, chẳng sinh phi báng):

“*Phát hộ pháp tâm, bất tích thân mạng*”, việc này khó! Đạo tràng Cư Sĩ Lâm, Tịnh Tông Học Hội, người hộ pháp rất nhiều. Nếu nói không tiếc thân mạng, vậy thì ít, rất khó tìm được một người!

Thế nhưng, vẫn có một, nên Phật pháp của đạo tràng Cư Sĩ Lâm mới hưng vượng đến như vậy.

- Đó là ai?

- Cư sĩ Lý Mộc Nguyên không tiếc thân mạng! Cho nên có cảm ứng, được chư Phật Bồ Tát, thần hộ pháp giúp ông.

Giai đoạn trước, cư sĩ Tề của Đông Thiên Mục Sơn, Hàn Châu, bà đến đây tham học, hỏi báo với chúng ta: Bà đã trải qua hộ trì đạo tràng *Đông Thiên Mục Sơn*. Con người bà cũng là không tiếc thân mạng, cho nên cảm động chư Phật, Bồ Tát, long thiên hộ pháp đến giúp bà. Chân thật là tay trắng làm nên! Một phen tiền cũng không có!

Tuy nhiên, sau bốn năm ngắn ngủi, bà đã hồi phục được đạo tràng này. Nếu không phải chư Phật, Bồ Tát hộ trì nhất định không làm được. Bà có một báo cáo rất tường tận, chúng ta đem nó ghi thành đĩa ghi hình. Tôi thấy lúc nào đó tìm một cơ hội, đem băng ghi hình này chiếu cho mọi người xem. Sau khi xem xong, bạn sẽ có cảm nhận giống như là chuyện thần thoại.

Đạo tràng này có vào thời đại vua Lương Võ Đế; Bảo Chí Công khai sơn kiến lập. Mọi người đều biết Bảo Chí Công là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân đến. Cho nên, đạo tràng này là đạo tràng Quán Âm Bồ Tát, nhiều đời đã đào tạo không ít Tổ Sư, cao tăng, đại đức. Nghe nói, hiện tại trên núi này có Phật, Bồ Tát, có La Hán, có qui thần, cũng có súc sinh đều đang tu hành.

Đạo tràng này hoang phế có hơn bốn mươi năm, không người ở, điện đường đều ngã đổ! Bà nói: Sau khi lên núi xem thấy cảnh tượng như vậy, bà khóc sụt mướt, phát tâm liều mạng phải xây dựng lại đạo tràng này. Vậy thì phải có tiền! Cũng không tệ! Có một

số người bỏ tiền ra, tuy không nhiều, có bao nhiêu thì xây bấy nhiêu, từ từ mà xây.

Khi cần phải có cây, người quản lý khu vực sơn lâm đó không chịu cho bà, một cây cũng không được! Bà quay về cũng không có cách nào! Trước tượng Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Vi Đà mà khóc! Hiện tại phải làm sao? Một gốc cây con cũng không thể tìm được! Bà nói: Buổi tối hôm đó mưa to gió lớn, nghe bên ngoài âm thanh rất lớn vang vọng cả đêm không ngớt. Đến sáng hôm sau, vừa mở cửa liền thấy có rất nhiều cây to nằm la liệt trước cửa của bà, không biết từ nơi nào thổi đến. Những cây cối bên cạnh phòng ở không hề bị tổn hại một cây nào. Cây to ở nơi khác, bật ngay đến gốc, thổi đến tặng cho bà.

Bà đem số cây cối này hồi phục dựng lại. Đại điện này còn lợi hại hơn Tế Công, đều là thật không phải giả! Cho nên, hoan nghênh các đồng tu đến Thiên Mục Sơn để tham học. Những việc cảm ứng ở nơi đó của bà thật quá nhiều, nói không hết!

- Vì sao bà có cảm ứng?

- Bà hộ pháp không cần đến thân mạng. Cho nên mới cảm ứng được thần hộ pháp. Thế nên, chúng ta phải chân thật phát tâm, không tiếc thân mạng. Thân mạng không quan trọng, Pháp Thân Tuệ mạng mới quan trọng hơn.

Hiện tại, đạo tràng đó đã được hồi phục, đại khái đã trở thành một “thôn Di Đà đệ nhất”, gồm có hơn hai trăm người ở, ngày đêm niệm Phật không gián đoạn. Không có người giảng kinh, băng đĩa của chúng ta ở nơi đây họ cũng tìm được một ít. Mỗi ngày, định thời gian để phát chiếu băng đĩa, mọi người cùng đến nghe kinh. Họ có một máy truyền hình, trên núi không có điện nên không mở được. Lần này đến gặp tôi, tôi nói với bà:

- Rất tốt! Không nên mở đường, không nên kéo điện lên, không cần phải tìm lấy phiền phức!

- Xem truyền hình thì phải làm sao?

- Nơi đó của họ có một máy phát điện loại nhỏ, chính là loại máy phát điện ở trên xe hơi. Khi mở máy truyền hình để nghe giảng kinh thì mở máy phát điện đó. Sau khi nghe xong thì tắt máy phát điện. Dùng phương pháp này rất diệu. Đây là đạo tràng tu học chân thật. Sau khi chúng ta nghe rồi cũng rất tán thán, khích lệ bà, toàn tâm toàn lực giúp bà. Bà có thể không tiếc thân mạng, chúng ta cũng không nên tiếc tài mạng mà giúp đỡ bà.

“*U nhất thiết pháp bất sinh phi báng*”: Cư sĩ Tề đã làm đến được! Sau khi đạo tràng xây xong, bà hy vọng có người xuất gia đến ở, cho dù họ tu pháp môn nào cũng tốt, chỉ cần khoác lên mình Pháp phục xuất gia, bà liền xem họ như Phật, Bồ Tát. Bà không có tâm phân biệt, rất cung kính đối với người xuất gia, chăm sóc chân thật là hết mức chu đáo. Người xuất gia nơi đó hưởng phước, không niệm Phật, bảo người tham thiền, bảo người đọc chú, kết quả đều bị thần hộ pháp đuổi xuống núi!

Làm cách nào đuổi? Bà nói: Pháp sư buổi tối đi ngủ, sáng sớm thức dậy không biết tại sao bị người khiêng để ở bên ngoài hồ nước! Hoặc khi đang ngồi thiền, bỗng nhiên dường như bị người xô ngã, ngã đến mặt xanh, chỗ này bị xước, chỗ kia bầm tím, đau nhức cả thân! Cho nên, biết thần hộ pháp đuổi xuống núi, họ nói với cư sĩ Tề: Tôi ở đây không được, ngày mai xin phép ra đi!

Sau cùng, mọi người biết được: Nếu không phải là người chân thật niệm Phật, không luận tu học pháp môn nào, đến nơi đó đều không thể ở, đều sẽ bị quỷ thần nơi đây đuổi xuống núi. Cho nên, khẳng định nơi đó là đạo tràng niệm Phật thật. Bồ Tát rất từ bi “*bất*

hủy kỳ hạnh”, thế nhưng đối với qui thần thì không được! Họ xem thấy không vừa mắt liền đuổi đi!

Cho nên, trong tất cả pháp, không riêng gì Phật pháp mà đối với tất cả các tôn giáo khác cũng không được phỉ báng. Chúng ta chỉ có thể phân biệt tà chánh, không nên phỉ báng, phỉ báng là sai! Sai ở chỗ nào? Sai ở tâm mình không thanh tịnh, tâm mình không bình đẳng! Lục Tổ Huệ Năng trong Đàn Kinh nói rất hay: *“Nếu là người chân tu thì không thấy lỗi thế gian”*.

“U nhất thiết pháp bất sinh phỉ báng”. Đây là việc vô cùng quan trọng! Trong Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn Kinh nói đến rất nhiều về sự việc này: *Hủy báng chánh pháp, quả báo đều ở A Tỳ Địa ngục*. Ngày nay, chúng ta tu học Chánh pháp, hoằng dương Chánh pháp, người hủy báng cũng rất nhiều, chúng ta cũng không còn cách nào! Không thể nói vì họ hủy báng nên ta không làm! Nếu chúng ta không làm đâu xứng đáng là đệ tử Phật, cũng không xứng được với tất cả Tổ sư, đại đức nhiều đời. Cho nên, dù chướng nạn thế mấy, cũng vẫn kiên trì làm, quyết không lùi bước, khiếp sợ. Phải hiểu được: *Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng, tự nhiên có thể được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ*.

“Tứ giả: U nhân nhục trung sinh quyết định tâm” (Bốn là sinh tâm quyết định nơi nhân nhục): Lời giáo huấn này, đặc biệt là đối với thời đại hiện nay, nhất định phải nỗ lực học tập, vì hiện nay trong quần chúng xã hội rộng lớn, có mấy ai hiểu được đúng pháp?! Họ không hiểu lý, không đúng pháp vì họ chưa học qua, không có người dạy họ nên chúng ta cần phải tha thứ, chính mình nhất định phải nhận chịu. Không những thế, mà còn phải hoan hỷ giáo huấn họ, thành tựu họ, hy vọng thế giới này, xã hội này có thể hồi phục được trật tự tốt đẹp. Cái trật tự này không phải là pháp trị; pháp trị là miễn cưỡng, trong tâm họ tuyệt nhiên không phục. Đây là giáo dục từ trong

nội tâm mà sinh ra thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh, không gì không thiện.

Cho nên, giáo dục ngày nay, thực tế mà nói, chúng ta không nghĩ ra ai có thể gánh vác?! Tôi đã suy nghĩ rất nhiều, sau cùng chỉ có cầu cứu với tất cả các nhà tôn giáo. Tôi qua lại với các tôn giáo trên toàn thế giới, mục đích chính ngay chỗ này. Hy vọng tất cả mọi tôn giáo đều có thể hiểu được tầm quan trọng của giáo dục tôn giáo, có thể thực tiễn, đề xướng giáo dục tôn giáo, xã hội này, kiếp nạn này chắc chắn có thể hóa giải.

Nếu chúng sinh không hồi đầu, vẫn cứ tạo mười ác nghiệp, xã hội này về sau thật không thể nào tưởng tượng nổi! Hiện tại, bên bờ của tai nạn lớn, chúng ta quay đầu vẫn còn cứu kịp. Hồi đầu, cần phải có người chỉ dạy. Đối diện với hoàn cảnh xã hội hiện thực, nhãn nhục là việc vô cùng quan trọng, bất cứ thứ gì cũng đều phải nhẫn, ngay trong nhãn nhục sinh tâm quyết định.

Chúng ta phải hoán tính đại chúng xã hội, trùng tân lại nhận thức Phật Giáo, khẳng định Phật Giáo không phải tôn giáo. Thế nhưng, Phật Giáo biến thành tôn giáo, chỉ ít có ba trăm năm rồi! Ngày nay thiên hạ nói Phật Giáo là tôn giáo, chúng ta cũng không thể phản đối. Đích thật đã biến thành tôn giáo rồi! Thật sự, cách đây hơn ba trăm năm về trước, Phật Giáo không phải là tôn giáo mà là giáo dục đa nguyên văn hóa. Thích Ca Mâu Ni Phật không phải là thần, mà là đấng đạo sư trọn đời dẫn thân vì nghĩa vụ trong công tác giáo dục này, chúng ta cần phải nhận biết rõ ràng.

Ngày nay, chúng ta tiếp nối giáo dục chí thiện, viên mãn của Phật Đà đã gặp không biết bao nhiêu là chướng nạn. Phải biết ở thế gian này, làm được việc tốt đệ nhất cũng phải nhẫn chịu vũ nhục vô cùng nghiêm trọng nhất!

- Con người này vẫn có thể tiếp tục sống được chăng?

- Vẫn là phải tiếp tục sống!

- Vì sao mà sống?

- Vì những chúng sinh mê hoặc điên đảo này! Nếu họ không mê hoặc, chúng ta có thể đổi nghề khác; chính vì họ mê hoặc, không còn cách gì, bức chúng ta phải chọn lấy nghề nghiệp này.

Thế Tôn , trên Kinh Kim Cang nói với chúng ta: “*Nhất thiết pháp đắc thành u nhĩn*”. Tôi không biết các đồng tu có loại thể hội này chăng? Giả như chúng ta gặp phải rất nhiều cảnh ngộ khó khăn; mở Phật kinh ra, tinh thần chúng ta liền được nâng cao, dường như được chư Phật, Bồ Tát đang không ngừng khích lệ. Cho nên, nếu không đọc kinh điển, không nghe giảng kinh, thoát đạo là nhất định không thể tránh khỏi!

Tôi, hai mươi sáu tuổi, may mắn nhận được giáo huấn của Đại Sư Chương Gia. Tôi tin tưởng, vâng lời ngài dạy: “*Tất cả nhìn thấu, buông xả đời này phụng hiến cho Phật pháp, tự nhiên sẽ có Phật, Bồ Tát chăm sóc*”. Tôi nghe rồi rất hoan hỉ, cảm thấy tôi có thể làm được như vậy; phải làm được như vậy!

Cả đời tôi không có lo lắng. Có đồng tu đến tính sổ cho tôi, tôi nói: Cả đời tôi không hề tính sổ, cũng không biết số mục của tiền, cái thứ này thật là bận tâm! Thật là phiền não! Sinh không mang đến, chết chẳng mang đi, quan tâm thế này thật là mệt chết người! Sổ các bạn tự tính đi! Tính xong đến nói với tôi cũng được, không nói cũng chẳng sao, bởi tôi không quan tâm đến những thứ này. Người thế gian rất xem trọng những thứ này, riêng tôi thì thấy quá tan nhạt đối với nó.

Mấy mươi năm gần đây, nhờ vào di giáo của Đại sư Ấn Quang, tôi chỉ có một sự việc in kinh bố thí, chỉ có lưu thông kinh điển, chánh pháp mới thường trụ ở thế gian. Chúng sinh nương

Chánh pháp mới hiểu được đâu là thiện, đâu là ác, đâu là mê, đâu là giác ngộ. Đại sư Ấn Quang suốt đời chỉ làm một chuyện này. Tôi hiểu được dụng tâm của Ấn Tổ, hiểu được tồn tâm của Tổ Sư ngài. Tôi tiếp nối làm theo, hy vọng ngay trong nhà Phật, đời đời có người tiếp nối, làm cái công tác này. Công tác này làm được tốt thì bao gồm tất cả đều tốt.

Lần này tôi đến Bắc Kinh tham dự lễ kỷ niệm năm mươi năm Quốc Khánh Trung Quốc. Tôi cũng tặng một chút lễ nhỏ, tặng năm trăm bộ Long Tạng Đại Tạng Kinh. Tôi nghe nói Thạch Kinh ở Phòng Sơn khắc trên đá toàn bộ Đại Tạng Kinh. Nghĩ lại dụng tâm của người xưa, các ngài e sợ trong thiên tai nhân họa, Phật pháp bị thất truyền nên đã nghĩ cách đem Đại Tạng Kinh khắc trên đá. Toàn bộ công trình này phải mất gần tám trăm năm; nhân viên làm việc ba, bốn trăm người mới hoàn thành được bộ kinh này cất trong chín cái sơn động.

Năm chín mươi ba, tôi đến Bắc Kinh, Triệu Phát lão nói với tôi nhất định phải đi xem. Ông phái xe, phái người dẫn tôi đi tham quan. Sau khi xem xong, tôi không ngớt lời tán thán. Công trình đó không thua kém Vạn Lý Trường Thành. Cho nên, tôi phát tâm muốn đem bộ Tạng Kinh này in ra. Tôi làm cái việc này! Việc này không có người nào làm! Vì sao? Người thông thường không biết công việc này vô cùng quan trọng, không biết sự việc này có lợi ích đối với tất cả chúng sinh trên thế giới. Đây là lợi ích bậc nhất!

Muốn lợi ích tất cả chúng sinh cả ngàn năm vạn thế, chỉ có cách đem Đại Tạng Kinh mở mang rộng lớn, ấn hành lưu thông số lượng nhiều. Hy vọng mọi quốc gia trên thế giới, ở mỗi thư viện trường Đại học đều có Đại Tạng Kinh sẽ giúp các học giả trẻ tuổi có chí khí, các vị xuất gia đều là học giả có tài liệu tham khảo, chăm chỉ, nỗ lực tu học, tự hành hóa tha mới thành tựu công đức viên mãn.

Trong nhần nhục sinh tâm quyết định, nhất định được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm “*Phật thị môn trung, hữu cầu tắc ứng, hữu nguyện tắc thành*”.

Những năm đầu giảng kinh, khoảng hơn ba mươi năm về trước, tôi ở chùa Pháp Hoa, Đài Bắc giảng Kinh Địa Tạng, có vị Pháp Sư, nay đã qua đời, lúc đó nghe tôi giảng kinh đến “*hữu cầu tắc ứng*”, đợi sau khi tôi giảng xong đi xuống, ông nói với tôi:

- Pháp Sư! Ngài nói “*Phật thị môn trung, hữu cầu tắc ứng*”, lời nói này thật không đáng tin! Tôi hỏi:

- Vì sao không đáng tin? Ông nói:

- Tôi ở trước mặt Phật, Bồ Tát phát nguyện cầu một cái tủ lạnh, đã cầu ba năm mà vẫn không tin tức gì!

- Đạo tràng thầy có mấy người?

- Chỉ một mình tôi!

- Một người thì không cần, ông cầu không hợp lý, không như pháp nên không được cảm ứng!

- Tôi nói với ông: Tôi học Phật, chân thật là có “*Hữu cầu tắc ứng*”, chưa từng thất vọng bao giờ. Ông hỏi tôi:

- Ngài cầu cái gì?

- Tôi cầu kinh sách! Chỉ cần nghĩ đến bộ kinh nào đó, nhanh thì khoảng một, hai tháng liền có người đưa đến cho tôi, chậm nhất là nửa năm. Trung Quán Luận Sớ, việc này tôi ấn tượng rất sâu sắc. Tôi nghĩ đến sách này, nửa năm sau thì có người mang đến cho tôi Trung Quán Luận Sớ, sách đóng bìa mười hai tập. Tôi chân thật là “*hữu cầu tắc ứng*”, điều này thầy tôi dạy, một chút cũng không giả! Tôi học Phật cần có kinh sách, đây là hợp tình, hợp lý. Nếu học Phật mà muốn cầu một cái tủ lạnh để sống thoải mái thì e rằng Phật cũng

lắc đầu! Nhất định phải hiểu được đạo lý này, đặc biệt đối với người trẻ tuổi, sức cảm dỗ của vật chất quá lớn cần phải viễn ly, tuyệt nhiên không thể hưởng thụ.

Bồ Tát Phổ Hiền dạy chúng ta “hằng thuận chúng sinh, tùy hi công đức”, không luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh; thiện duyên hay ác duyên đều phải nhẫn nại. Trong thuận cảnh, thiện duyên không sinh tâm hoan hỷ, không khởi tâm tham. Trong nghịch cảnh, ác duyên không khởi tâm sân hận. Đây gọi là “*ư nhẫn nhục trung sinh quyết định tâm*”.

Ngũ giả, thân tâm thanh tịnh, bất nhiễm lợi dưỡng (Năm là thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm lợi dưỡng). Học Phật, quan trọng nhất trong tâm bạn không có phiền não, lo lắng; không có vương bận phải quấy, tốt xấu; không có nhân ngã, được mất v.v... Nếu tâm còn đa mang những thứ này, làm sao có thể thanh tịnh?! Tâm không thanh tịnh, nhất định thân thể cũng không thanh tịnh, sẽ nảy sinh nhiều tật bệnh!

Nên nhớ: Tâm thanh tịnh thì tất cả mọi khí quan, mọi tế nào trên cơ thể đều thanh tịnh, tốt lành. Thân tâm thanh tịnh, hoàn cảnh cũng thanh tịnh, đây chính là từ trường tốt. *Cảnh tùy tâm chuyển!* Cho nên, tâm thanh tịnh quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Muốn tâm thanh tịnh, bạn cần phải ghi nhớ “*bất nhiễm lợi dưỡng*”, quyết không tiêm nhiễm năm dục, sáu trần, danh vọng lợi dưỡng, “*bất nhiễm*” ở đây không phải bảo bạn không cần, đạo lý này phải hiểu. “*Bất nhiễm*” là nhất định không để vào tâm, tất cả tùy duyên là tốt! Tùy duyên thì tự tại, nhất định không phan duyên, hơn nữa đời sống càng đơn giản càng tốt!

Rất nhiều đồng tu hỏi tôi:

- Pháp sư à! Ngài dùng phương pháp gì để bồi dưỡng, xem ra thân thể ngài rất tốt! Tôi nói:

- Tôi có bỏ phẩm tốt nhất!

- Là bỏ phẩm gì vậy?

- Nước máy từ công ty nước máy Đài Loan! Tôi chỉ uống nước trắng, không có bất cứ thứ gì, trà lá tôi cũng không uống!

- Sao vậy?

- Pha trà phiền phức! Hao phí tinh thần, làm việc này thật là không đáng!

Tôi ăn cơm cũng rất đơn giản, xem qua chẳng có dinh dưỡng, tôi ăn vào thì rất khỏe mạnh. Đây là lời thật không phải giả! Vì sao? Thân thể là bộ máy không ngừng hoạt động. Hoạt động cần phải có năng lượng. Năng lượng chính là thức ăn, nước uống bổ sung cho cơ thể. Thế nhưng, cơ thể mỗi người một khác, cơ thể tôi là tiết kiệm năng lượng, cơ thể bạn tiêu hao năng lượng, cho nên bạn cần bổ sung nhiều.

Nên nhớ! Chín mươi lăm phần trăm năng lượng đều tiêu hao do vọng tưởng. Cho nên, tâm càng thanh tịnh, năng lượng tiêu hao càng ít. “Bất nhiễm lợi dưỡng”, câu nói này, đặc biệt là đối với các đồng tu xuất gia phải nên ghi nhớ: Vừa nếm lợi dưỡng, bạn liền đọa lạc! Quyết không nên tiêm nhiễm. Nếu bạn đã thành tựu Định - Tuệ thì có thể tùy duyên, trong tùy duyên quyết không tiêm nhiễm.

Lục giả, phát “Nhất Thiết Chung Trí” tâm, nhật nhật thường niệm, vô hữu phế vong” (Sáu là phát tâm Nhất Thiết Chung Trí, hàng ngày thường niệm, chẳng hề quên mất): Nhất Thiết Chung Trí là trí tuệ chân thật trên quả địa Như Lai. Chúng ta học Phật, mong cầu chính là cái sự việc này. Tiếng Phạn gọi Nhất Thiết Chung Trí là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cũng dịch thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ trên trí tuệ mà nói có ba loại:

- Một là Nhất Thiết Trí, A-la-hán chứng được Trí tuệ này gọi là *Chánh Giác*. Họ biết được thể tánh của tất cả vạn pháp là giai không nên không còn chấp trước. Thế nhưng, nguồn gốc và sự biến hóa của vũ trụ nhân sinh họ đều không biết.

- Hai là Đạo Chung Trí. “Đạo” là đạo lý của vũ trụ nhân sinh, tất cả vạn vật. “Chung” là chung loại vô số hình tướng chung loại khác nhau; cũng bao gồm vô lượng, vô biên nhân duyên quả báo. Loại trí-tuệ này nếu thành tựu gọi là *Chánh Đẳng Chánh Giác*, đây chính là “Bồ Tát sở chứng”.

- Ba là Nhất Thiết Chung Trí, là trí tuệ viên mãn trên Như Lai quả địa.

Gần đây, khoa học gia khẳng định không gian là đa chiều, gọi là không gian ba độ, không gian bốn độ v.v... mãi đến không gian vô hạn độ. Nhưng, trên thực tế, khoa học gia chỉ mới chứng thật có mười một độ không gian trong vô lượng độ không gian đang tồn tại, vẫn chưa biết được không gian do đâu mà hình thành? Không gian đa chiều từ đâu mà có? Cũng không biết được làm thế nào để đột phá “thời không”. Trên kinh Phật không gọi là không gian mà gọi là “Pháp giới”. Phật nói rất rõ ràng: Pháp giới vốn dĩ là Nhất Chân.

- Vì sao pháp giới Nhất Chân lại biến thành pháp giới đa chiều?

- Vì do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sinh mà biến hiện ra! Do đây có thể biết, chỉ cần đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đoạn dứt thì tất cả giới hạn của không gian khác nhau hoàn toàn được hóa giải hết. Giới hạn của mắt bạn lúc này sẽ thay đổi: Bạn có thể nhìn thấy đời sống của thiên nhân, đời sống của ngựa, đời sống của địa ngục, cũng có thể xem thấy đời sống của chư

Phật, Bồ Tát mười phương pháp giới. Không gian đời sống của bạn bỗng chốc mở rộng, tự tại vô cùng!

- Nhà Phật dùng phương pháp gì để đột phá “Thời Không”?

- Dùng Thiền định, dùng tâm thanh tịnh! Tâm càng thanh tịnh, tầng thứ không gian đột phá càng lớn, không gian đời sống càng mở rộng.

Tóm lại, chân thật có trí tuệ, bất cứ việc gì cũng đều có thể giải quyết. Cho nên, chúng ta phải thường niệm trí tuệ. Trong Thiền Tông, Đàn Kinh vừa mở đầu, Lục Tổ Huệ Năng liền dạy mọi người tụng niệm: Ma Ha Bát Nhã Ba-La-Mật Đa, cũng chính là học Trí tuệ Bát Nhã Ba-La-Mật Đa trong Lục Độ.

- Chúng ta có cần đi cải niệm Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa hay không?

- Không cần thiết! Chúng ta niệm câu A Di Đà Phật cũng là Ma Ha Bát Nhã Ba-La-Mật Đa, cũng là niệm Nhất Thiết Chủng Trí, điều này cần phải biết.

Danh hiệu A Di Đà Phật là dịch âm từ tiếng Phạn, Ấn Độ; ý nghĩa là vô lượng giác, vô lượng trí tuệ. Niệm câu Phật hiệu này là mỗi giờ, mỗi phút nhắc nhở chính mình luôn sống trong tỉnh giác, trí tuệ. Câu Phật hiệu này, mười phương ba đời tất cả chư Phật, chư Bồ Tát đều niệm, không ai mà không niệm. Cho nên, niệm A Di Đà Phật liền có thể đạt được oai thần chư Phật gia trì, được cộng hưởng với tất cả chư Phật, Bồ Tát, sức mạnh này vô cùng to lớn.

Trong tất cả kiết tường của thế gian, kiết tường tốt nhất là niệm A Di Đà Phật. Trong nhà thờ cúng Phật A Di Đà, mười phương pháp giới chúng sinh trong vô lượng không gian duy thứ khác nhau, nghe được Phật hiệu A Di Đà Phật, thấy đều chấp tay hoan hỉ, kính

lễ, tán thán. Cho nên, chúng ta phải “*nhật nhật thường niệm, vô hữu phé vong*”, không nên quên mất.

“Thất giả, ư nhất thiết chúng sinh, khởi tôn trọng tâm, trừ ngã mạn ý, khiêm hạ ngôn thuyết”. (Bây là với hết thầy chúng sinh, khởi tâm tôn trọng, trừ ý ngã mạn, nói năng khiêm tốn). Lời nói này chân thật dường như nói với chúng ta. Vì sao? Vì chúng ta đích thật phạm phải tâm bệnh này! Cho nên, đối với tất cả chúng sinh, không phân nam nữ, già trẻ, trí ngu, sang hèn, chủng tộc, màu da, tôn giáo tín ngưỡng v.v... nhất nhất chúng ta đều phải một mực bình đẳng, một mực tâm tôn trọng mà đối xử. Đây chính là nguyện thứ nhất trong mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền: “*Lễ Kính chư Phật*”.

- Vì sao phải tu điều này?

- “*Trừ ngã mạn ý*”!

Chúng sinh nào mà không cống cao ngã mạn?! Cống cao ngã mạn là đại phiền não; trong sáu phiền não căn bản, nó xếp ở hàng thứ tư. Phiền não này nếu không tiêu trừ, cho dù bạn có tu hành thế mấy cũng không thể khai ngộ, cửa ngộ đã bị nó đóng kín nên không thể nào nâng cao cảnh giới.

Trong “*Lễ Kỳ*”, ngay chương thứ nhất nhà Nho cũng dạy: “*Ngạo bất khả trường*”, cái ngạo mạn này không nên để tăng trưởng. Trong Kinh Đại thừa, Phật nói với chúng ta: Người sinh về trời Sắc giới, cái phiền não “mạn” này không có! Nói cách khác, tâm ngạo mạn nếu vẫn còn, bạn tu dù tốt thế mấy, nếu được sinh thiên, chỉ có thể sinh về trời Dục giới.

Do đây có thể biết: Tâm ngạo mạn chướng ngại thiên định. Ngay cả chúng sinh tạo tác tội nghiệp, chúng ta cũng không thể khinh mạn họ, cũng phải tôn trọng họ. Đối với loài ngạ quỷ, địa ngục, yêu

ma quỷ quái đều phải tôn trọng. Thậm chí người hủy báng, nhục mạ, hãm hại ta, vẫn phải khởi tâm tôn trọng đối với họ. Vì sao? Vì họ vô tri không biết mới làm sai. Nếu họ được tiếp nhận từ giáo dục tốt, họ sẽ có trí tuệ, sẽ là người tốt.

Cho nên, chúng ta phải học theo Phổ Hiền Bồ Tát “Lễ Kính chư Phật”, xem tất cả mọi người, mọi vật là chư Phật, Bồ Tát hóa hiện, chỉ có ta là phàm phu thì dám đâu không “*khiêm hạ ngôn thuyết*” đối với tất cả. Việc này giúp ta tăng trưởng trí tuệ, tiêu diệt phiền não, tập khí cống cao ngã mạn của chính mình.

“Bát giả, ư thế đàm thoại, bất sinh vị trước” (Tám là chẳng làm lẫn, ham thích những lời đàm luận): Chuyện phiếm của thế gian, chớ nên chấp trước để trong lòng, chớ xem nó là quan trọng thì tâm mới thanh tịnh. Có chấp trước liền biến thành tình kiến rơi vào trong ý thức, sẽ sinh phiền não, không sinh được trí tuệ. Thật sự lãnh hội được ý này, bạn sẽ không còn chấp trước vào pháp thế gian, xem như tất cả những hiện tượng trước mắt chỉ là vở kịch đang diễn biến trên màn hình. Tất cả đều không thật! “*Bất sinh vị trước*”, chữ “*vị*” là hứng thú, thú vị, đây là tình chấp; chữ “*trước*” là chấp trước. Nên nhớ: Chấp trước vào ngôn luận của thế gian, là tạo nghiệp luân hồi, không cách nào ra khỏi lục đạo.

- *A-la-hán* đối với tất cả sự việc thế gian đều không chấp trước nhưng vẫn còn phân biệt.

- *Bồ Tát*, tất cả đều không phân biệt, không chấp trước nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm.

- *Phật* hoàn toàn không khởi tâm động niệm, không phân biệt, không chấp trước.

“Cửu giả, cận ư giác ý, sinh khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên, viễn ly hội não tán loạn chi tâm” (Chín là chú trọng

giác ý, sinh khởi các thứ thiện căn nhân duyên, xa lìa tâm ồn náo, tán loạn).

“*Cận u giác ý*”, chữ “Cận” là tiếp cận, “giác ý” ở đây là chỉ Phật Đà. Phật Đà là đại giác viên mãn, Bồ Tát tuy giác nhưng so với Phật vẫn còn kém cự ly rất xa. Cho nên, luôn phải “*Cận u giác ý*”, tiếp cận, học tập từ giáo huấn của Phật Đà.

“*Sinh khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên, viễn ly hội náo tán loạn chi tâm*”, “Thiện căn” là vô tham, vô sân, vô si. Câu này chú trọng hai chữ “nhân duyên”.

- Cái gì là “nhân duyên”?

- “Nhân duyên” ở đây ngầm chỉ yếu tố tâm niệm và ngoại duyên hoàn cảnh, phải viễn ly nơi phồn hoa náo nhiệt. Không những thân viễn ly mà tâm cũng phải viễn ly. Thân “ly”, tâm không “ly” thì chẳng có lợi ích!

Hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, trong núi sâu cũng mắc được truyền hình; chỉ cần có truyền hình, có phát thanh thì bạn không thể “ly”! Do đây có thể biết yếu tố ngoại duyên rất quan trọng. Tuy nhiên, nếu ở đô thị mà bạn tuyệt đối không xem báo chí, không nghe phát thanh, không xem truyền hình thì bạn đã chân thật “viễn ly” rồi.

Xã hội hiện nay chú trọng đến kích lệ mọi người tiêu xài. Đây là chính sách kinh tế của nhiều quốc gia tiên tiến chọn lấy, cũng chính là khuyến khích mọi người “tham-sân-si”. Nếu bạn không tham, không sân, không si thì họ không thể kiếm tiền! Cho nên, sự việc này rất phiền phức! Chúng ta chính mình phải đoạn dứt “tham-sân-si-mạn”, nhất định phải học tiết kiệm, giản dị, trải qua đời sống đơn giản nhất. Có như vậy, mới có thể “*Cận u giác ý*”, thân cận Phật

Đà. Nên nhớ: “*cận u giác ý*” là quay đầu; “*cận u nhiệm ý*” thì không thể quay đầu!

“*Sinh khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên*”: Nếu mỗi niệm vì chính mình, đây là tạo nghiệp! Phải chân thật chuyển đổi lại, phải hoan hỷ trải qua đời sống thanh đạm. Đời sống đơn giản là đời sống hạnh phúc nhất, đời sống xa xỉ không có hạnh phúc! Vì sao? Tỉ mỉ mà xét xem: “*Cái được không bằng cái mất!*” Cái được quá ít, cái bỏ ra thì quá nhiều!

- Bỏ ra cái gì?

- Là lo lắng! Hiện tại chúng ta gọi là áp lực của tinh thần, áp lực của vật chất. Đời sống đơn giản, thân tâm tự tại, mới có thể “*cận u giác ý*”, tâm Bồ Đề mới có thể hiện tiền, mới có thể “*sinh khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên*”.

“Thập giả, chánh niệm quán Phật, trừ khử chur căn”

(Mười là chánh niệm quán Phật, trừ khử các căn): Đây chính là không để các căn trần làm nhiễu loạn thân tâm. Câu nói này chính là trong “Pháp Tướng tông” nói “Chuyển thức thành trí”. Đại sư Giao Quang trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch có nói: “Xả thức dụng căn”. Cái “dụng căn” ngài nói ở đây chính là dùng “tánh” ở trong “căn” chớ không phải dùng “căn”. Chỗ này nói “trừ khử chur căn”, “trừ khử” là trừ đi “thức” ở trong “căn”, chớ không phải đem “căn” bỏ đi.

Cho nên, cách nói tuy khác nhau nhưng tuyệt nhiên không có mâu thuẫn. Ví như quan sát một sự vật, chúng ta phải dùng “tánh” của “nhãn căn” (căn của mắt) tức là dùng “tánh thấy” để thấy, không nên dùng “nhãn thức” (ý thức phân biệt của mắt) mà thấy. Đây chính là “trừ khử căn mắt”. Nếu đọc Lăng Nghiêm không hiểu tường tận, vội cho rằng Lăng Nghiêm nói phải “dụng căn”, còn chỗ này nói phải đem “căn” bỏ đi thì đã hiểu sai rồi!

- Vì sao không dùng “nhãn thức” để thấy?

- Vì có “thức” là có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong “tánh” không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, chỉ cần lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là “*xả thức dụng căn*”, cũng chính là chỗ này nói “*trừ khứ chư căn*”. Sau khi “*trừ khứ chư căn*”, câu thứ nhất “*chánh niệm quán Phật*” tự nhiên thành tựu. Chánh niệm là không có tà niệm.

- Cái gì là tà niệm?

- Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là tà niệm.

Trong Tông môn thường nói “chánh niệm vô niệm”, trong chánh niệm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là cái ý này. Dùng chánh niệm để quán Phật thì cảnh giới Phật liền hiện tiền. Quán Phật, không phải bảo bạn suốt ngày từ sớm đến tối cứ nhìn thấy tượng Phật, không phải vậy! Quán Phật là như trong Đại Kinh, Phật nói: “Đại địa chúng sinh vốn dĩ thành Phật”, phải xem tất cả chúng sinh hữu tình đều là chư Phật Như Lai, đây là người có chánh niệm. Nếu xem thấy chúng sinh đều là phàm phu tạo nghiệp, đó là bạn không có chánh niệm mà là tà niệm quán thế gian.

Cho nên, Phật nhãn xem thấy tất cả chúng sinh đều là Phật. Trái lại, nhục nhãn của phàm phu xem thấy chư Phật, Bồ Tát đều là phàm phu! Chánh niệm là chân tâm, chân tâm xem cảnh giới bên ngoài thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Chân tướng đó chính là cảnh giới Phật, là tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dĩ vô tình đồng viên chủng trí*”; “viên” là viên mãn; “*chủng trí*” là cảnh giới của Phật.

Cho nên chúng ta phải huấn luyện cách nhìn, cách nghĩ của chính mình, đến lúc nào đó chúng ta thực sự xem thấy mọi chúng

sinh đều là Phật thì chính lúc đó chúng ta đã là Phật. Nếu xem thấy tất cả chúng sinh chỉ là phàm phu, thì chính chúng ta cũng là phàm phu. Đạo lý này cần phải hiểu.

Mười niệm trên đây, sách Tông Yếu nói: *“Nhu thị thập niệm, ký phi phàm phu sở năng. Đương tri Sơ Địa, dĩ thượng Bồ Tát nãi năng cụ túc thập niệm”* (Mười niệm như vậy phàm phu không thể làm nổi. Nên biết từ Sơ Địa Bồ Tát trở lên mới có thể thực hiện đầy đủ mười niệm ấy). Sơ Địa chỗ này nói là Biệt giáo Sơ Địa, bằng với Viên giáo Sơ Trụ cũng chính là Pháp Thân Đại Sĩ, đã phá một phẩm vô minh chứng một phần Pháp Thân mới có thể chân thật đầy đủ. Như vậy thì bậc Trung, bậc Hạ phàm phu biết nương vào đâu để được vãng sinh?! Cho nên cụ Hoàng Niệm Tổ kết luận: *“Rõ ràng ý kiến của các vị trên đây chẳng phù hợp với chân lý Tha Lực Quả Giáo của Tịnh Tông. Còn như ngài Nghĩa Tịch dùng ngay thập niệm của Hạ Phẩm Hạ Sinh trong Quán Kinh để giải thích ý nghĩa “mười niệm” trong nguyện thứ mười tám này mới thật là bậc am hiểu”*.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Tuy chúng ta không thể làm nổi mười niệm trên đây, nhưng vẫn phải học mười điều này, giúp chúng ta nâng cao cảnh giới tu tập của chính mình.

Đại Sư Thiện Đạo, Tổ Sư thứ hai của Tịnh Độ tông chúng ta, trong truyện ký nói ngài là A Di Đà Phật hóa thân đến. Vậy lời của ngài cũng chính là A Di Đà Phật đích thân nói ra, ngài nói: *“Kim chi thập niệm, dẫn thị khẩu xưng, thượng tận nhất hình, hạ chí nhất niệm. Thông ư tam bối, nhiếp ư cửu phẩm, mạc bất giai vãng”* (Mười niệm đây chỉ là miệng xưng niệm, bậc thượng thì suốt cả đời, bết nhất là một niệm. Thông cả ba bậc, gồm trọn chín phẩm, không ai chẳng được vãng sinh). Ý ngài bảo: Mười niệm trong lời nguyện này chỉ cho miệng niệm. Bậc thượng thì suốt đời chỉ niệm Phật hiệu, bậc tẻ nhất chỉ niệm một tiếng đều được vãng sinh (“chỉ niệm một tiếng”

là chỉ một niệm khi lâm chung), hoặc là “*hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm u bi Phật*” (đạt được một niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm, niệm đức Phật ấy) cũng được vãng sinh.

Lại nữa trong nguyện thứ mười tám có nói: “*Chí tâm tín nhạo*” (Chí tâm tin ưa), điểm này là then chốt, rất quan trọng cho việc vãng sinh. Tuy Đại Sư Thiện Đạo xác định mười niệm này là miệng niệm. Nhưng, chúng ta chớ vội hiểu lầm cho rằng chỉ có miệng niệm mà không cần tâm niệm thì đã sai đi ý ngài, cũng không tương ứng với nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật. Phải chân thật có “*chí tâm tín nhạo*” mà niệm, có tâm giác ngộ, tâm lợi ích chúng sinh, tâm trụ trì chánh pháp thì câu niệm Phật đó mới tương ứng với bốn nguyện của Phật Di Đà. Có như vậy, cho dù mỗi ngày bạn chỉ tu pháp mười niệm cũng nhất định được vãng sinh.

- Như những người nào?

- Như Cư sĩ Lý Mộc Nguyên, mỗi ngày bận từ sớm đến tối, làm gì có thời gian niệm Phật. Ông một ngày chỉ niệm mười danh hiệu Phật cũng được rồi. Vì sao? Một ngày hai mươi bốn giờ, cái nghĩ, cái làm của ông đều vì Phật pháp, vì chúng sinh. Mười câu Phật hiệu của ông cộng với công đức tu tích trong ngày của ông, hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ. Nếu mười niệm cũng không có thời gian thì một niệm cũng giúp ông vãng sinh Tịnh Độ. Thế hội được ý này mới biết: Tâm là tâm Phật, hạnh là Bồ Tát hạnh, người như vậy một ngày mười niệm hay một niệm cũng đều có thể vãng sinh, một chút cũng không giả!

Đại Sư La Thập giải thích những điểm trên một cách hết sức khéo léo, ảo diệu như sau:

“Ví như có người ở trong đồng hoang gặp phải ác tặc vùng giảo, quơ gươm xông đến toan giết, người ấy rảo chạy, thấy mình phải vượt sông. Nếu chẳng vượt sông, khó thể giữ nổi đầu cổ. Lúc

bấy giờ chỉ nghĩ cách vượt sông: - Mình chạy đến bờ sông, mặc áo mà lội hay là cởi áo mà bơi? Nếu vẫn mặc áo, sợ không qua sông nổi. Nếu cởi áo ra, sợ không kịp nữa. Chỉ nghĩ như vậy, không nghĩ gì khác! Cái ý nghĩ vượt sông khi ấy chính là nhất niệm. Mười niệm này đây chẳng để niệm nào khác xen vào. Hành giả cũng giống như thế: Nếu niệm danh hiệu Phật hoặc niệm tướng của Phật đều niệm Phật không gián đoạn cho đến mười niệm. Chỉ tâm như vậy thì gọi là mười niệm”.

Sách Tông Yếu lại ghi: “Mười niệm nói trong kinh này có cả hai nghĩa ẩn mật và hiển liễu”.

Cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích câu này như sau:

“Mười niệm hiển liễu” là như mười niệm của Đại Sư La Thập giảng trong đoạn văn trên; “mười niệm ẩn mật” là như các niệm: từ tâm v.v... mà Kinh Di Lạc Sở Vấn đã nói.

Ngài Nghĩa Tịch bảo: “Trong mỗi một niệm, tự nhiên đầy đủ mười niệm như từ tâm v.v...”

Cũng theo Hoàng Niệm lão: “Câu này có nghĩa là nếu có thể đúng như Quán Kinh dạy, hay như lời ngài La Thập dạy mà niệm mười niệm thì trong mỗi một niệm đó tự nhiên có đầy đủ cả mười niệm như Kinh Di Lạc Sở Vấn dạy. Ấy là trong nghĩa “hiển liễu” tự nhiên hàm chứa nghĩa “ẩn mật”. Lời nhận xét của ngài Nghĩa Tịch quả thật đã phô trọn lẽ huyền vi của Tịnh Tông. Người đời thường ưa thích sự huyền diệu mà chẳng biết rằng sự huyền diệu tối cực lại chỉ nằm trong cái bình thường, nên cổ đức bảo: “Tâm bình thường là đạo”. Chỉ cần bình bình, thường thường rỗng rặt chuyên tinh miên mật niệm Phật thì tự nhiên thâm hợp diệu đạo, niệm niệm ly niệm. Dùng cái tâm phàm phu mà nhập được thật tướng các pháp thì chỉ có trì danh và trì chú là dễ nhất.”

“Nhược bất sinh giả, bất thủ Chánh Giác” (Nếu chẳng được sinh thì chẳng lấy Chánh Giác)

- Vì sao niệm Phật lại có công đức như thế?
- Vì niệm niệm đều thâm ứng hợp với Thật Tướng.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Nếu trong tâm còn tham luyến danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần, cho dù mỗi ngày bạn niệm mười vạn danh hiệu Phật cũng không thể vãng sinh! Người xưa nói: Đau mồm rất hòng cũng chỉ uống công! Điều kiện vãng sinh không phải ở niệm Phật nhiều hay ít, Đại Sư Ngẫu Ích trong Yếu Giải nói với chúng ta: *“Có thể vãng sinh hay không, quyết định ở có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao thấp quyết định ở công phu niệm Phật sâu hay cạn”*.

Chân tín, thiết nguyện đây là điều kiện vãng sinh, cũng chính là phát tâm Bồ Đề. Thật tin, thật nguyện thì hết thảy đều phải buông xả. Ở thế gian này tất cả đều tùy duyên, nhất định không có thành kiến, không có ý kiến riêng tư của chính mình. Cho dù là việc hoằng pháp lợi sinh cũng đều phải tùy duyên, quyết không phan duyên quyết không nên nghĩ: Đây là việc tốt ta nhất định phải làm, chúng sinh quá khổ, chúng ta không làm thì không có từ bi!

Bạn có tâm từ bi, chúng sinh không có phước báo thì có biện pháp gì? Dường như tâm từ bi của bạn cao hơn chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát xem thấy chúng sinh bị khổ nạn, các ngài đều không đến! Bạn lo lắng muốn cứu độ chúng sinh, bạn siêng việc hơn chư Phật quá nhiều! Thế nhưng, tỉ mỉ mà suy xét, tâm từ bi của bạn là giả! Tâm từ bi của chư Phật, Bồ Tát mới thật! Vì sao? Tâm từ bi của bạn phải có điều kiện, không phải vô điều kiện, không phải vô tư, vẫn không thể so được với chư Phật, Bồ Tát.

Cho nên, phải học “tùy duyên” của chư Phật, Bồ Tát, không được “phan duyên”. Thực tế mà nói: “Tùy duyên” sự việc được thuận lợi, thành tựu dễ dàng. “Phan duyên”, trái lại gặp rất nhiều chướng ngại. “Tùy duyên” là đến khi họ cảm thấy thật sự cần thiết, họ tìm đến chúng ta, sự việc này sẽ rất dễ dàng thành công. Nếu chúng ta tìm đến họ thì rất khó!

Cho nên, tôi cả đời tùy duyên. Tôi từ trước đến giờ chưa chân thật đi làm. Vì sao? Duyên không đủ! Chỉ nói qua mà thôi! Nói qua có chỗ tốt, sau khi nghe xong họ phát tâm làm thì sự việc này thành công rồi! Một năm gần đây đi giảng kinh ở Hồng Kông, tôi cũng thường nghĩ xây dựng đạo tràng ở Hồng Kông. Thế nhưng, trước sau không có duyên! Không có duyên thì không được!

- Chúng ta chính mình có thể ở Hồng Kông mua đất xây đạo tràng không?

- Thực lực thì có, nhưng chướng ngại quá lớn! Không thể làm! Singapore nơi đây là thí dụ:

- Nếu ở đây không phải Lý Mộc Nguyên mời chúng ta đến để hoàng pháp lợi sinh, chúng ta tự mình đến Singapore mua một tòa lâu làm đạo tràng có được không?

- Dĩ nhiên là được! Nhưng nhất định làm không được bao lâu sẽ bị người ta đuổi đi! Tôi hiểu rõ cái đạo lý này: Bạn ở nơi đây dành tín đồ họ, đoạt lấy cúng dường của họ, họ sẽ không cam lòng, sẽ nghĩ hết cách để gây phiền phức đuổi khéo bạn! Thế nhưng, chúng ta đến đây, Cư Sĩ Lâm, đạo tràng này đã có lịch sử hơn sáu mươi năm, họ không thể hủy mất Cư Sĩ Lâm. Chúng ta phụ thuộc vào ở nơi đây, chướng ngại bên ngoài như thế nào có Cư Sĩ Lâm gánh vác, chúng ta không việc gì.

Thế nhưng chúng ta ở Hồng Kông không tìm được một đạo tràng, một hộ pháp như thế này, cho nên không cách nào! Ở Hồng Kông chỉ làm khách, lâm thời thuê nhờ một lễ đường của Hội Phúc Lợi Nhai Phường. Chúng ta ở đó mỗi tháng hoạt động ba ngày. Nếu Hồng Kông có được một đạo tràng, có được một cư sĩ như Lý Mộc Nguyên, người Hồng Kông có phước!

Chúng ta là toàn tâm phụng hiến, không cầu danh cũng không cầu lợi. Suốt đời tôi không hy vọng xây đạo tràng, không làm cái việc này! Ở Hồng Kông nếu gặp được duyên chín muồi, chúng ta có thể giúp họ xây dựng đạo tràng. Rất nhiều đồng tu theo tôi thời gian lâu đều biết: Cả đời tôi đều gặp đó kị, chướng ngại. Nếu tôi xây đạo tràng thì sẽ gặp phiền phức rất lớn! Không xây đạo tràng theo sau người khác, đó kị chướng ngại vẫn còn rất nhiều! Gây rối, sinh sự cũng rất nhiều! Cho nên, nhất định không nên làm cho chúng sinh tạo thêm tội nghiệp càng nặng. Tất cả tùy duyên!

Tôi thường muốn thối lui, không muốn tiến! Nhất là hiện tại tuổi tác lớn rồi. Tôi nói với rất nhiều đồng tu: Ngày nay, tôi bị Cư sĩ Lý Mộc Nguyên buộc chặt rồi, không thể thoát thân! Tôi muốn rời khỏi nơi đây, trên đạo nghĩa thì nói không thông, có lỗi với ông! Ông nhiệt tâm toàn lực hộ trì chánh pháp, ông vì chánh pháp không vì cá nhân tôi. Tôi hiểu rõ, tôi phải giúp ông hoằng pháp lợi sinh.

Ở Trung Quốc đại lục, nhiều năm đến nay, có duyên, tùy duyên làm một số việc, quyết không phan duyên. Tôi không có phái người làm việc hoằng pháp ở Trung Quốc đại lục, hoàn toàn không có! Những băng thu âm, băng ghi hình, kinh sách đều do những đồng tu ở hải ngoại gặp tôi, hoặc ở đạo tràng tự mình lấy mang qua đó. Tôi không hề ủy thác cho bất cứ một ai, đây là tùy duyên; nhưng tùy duyên vẫn còn có chướng ngại!

Lần này, chúng ta đến Bắc Kinh, cùng Cục Trưởng Hội Phật Giáo gặp mặt đôi bên mới hiểu rõ. Tôi nói: Các vị hãy an tâm, tôi sống đến tuổi tác lớn thế này, xuất gia gần năm mươi năm, giảng kinh bốn mươi năm, ngay đến đạo tràng cũng không có. Nếu các vị tặng đạo tràng cho tôi, tôi cũng không cần đến. Quản lý một đạo tràng thật phiền phức, nhiều phiền não! Quản người, quản việc, quản tiền, nếu không cẩn trọng sẽ tạo nên tội nghiệp, chi bằng lẫn tránh, hoàn toàn không can thiệp.

Những gì tôi nói ra, bạn nghe được có đạo lý, bạn chịu làm thì rất tốt! Bạn không chịu làm cũng tốt! Tất cả đều tốt! Như vậy mới không việc gì, mới có thể hòa thuận cùng sống. Nếu cứ nhất định kiên trì ý kiến của mình, phải làm thế nào đó, sẽ đắc tội với người, tạo thành khúc mắc phương diện nhân sự, chúng ta không làm như vậy! Nơi nào có duyên thì đến, không duyên thì đi, tìm một nơi thanh tịnh, chính mình niệm Phật vãng sinh thì tốt! Tất cả đều buông xả, tùy thuận tự nhiên, tự nhiên là khỏe mạnh nhất!

Lần này đến Bắc Kinh tôi rất hoan hỉ. Cục Trưởng Diệp mời tôi đi tham quan Viện Bảo Tàng lịch sử, gần đây triển lãm một số cổ vật lấy lên từ lòng đất chùa Hưng Long, Thanh Châu, Sơn Đông, đều là tượng Phật. Viện trưởng đích thân giới thiệu cho chúng tôi, ông nói tổng cộng tượng Phật lấy lên từ lòng đất, đại khái có trên bốn trăm pho tượng, điêu khắc rất tinh mỹ đã hơn một ngàn năm. Bên trong có một số nét họa vẫn còn rất rõ nét. Đặc biệt giới thiệu cho tôi một tôn tượng Tỳ Lô Giá Na Phật vào thời Bắc Ngụy, đời Đường, đại khái khoảng một ngàn bảy trăm năm. Cà sa mặc trên thân của Tỳ Lô Giá Na Phật, trong mỗi ô của cà sa có họa vẽ mười pháp giới. Nơi cao nhất vẽ Phật đang nói pháp, đây là “Phật pháp giới”. Bên dưới: từng tầng, từng tầng, tầng sau cùng là pháp giới địa ngục, màu sắc đường nét rất rõ ràng. Sau khi ông giới thiệu xong, tôi nói với ông:

- Y phục này đại biểu cho ý nghĩa: Hư không pháp giới tất cả chúng sinh là một chính mình, một cái thân, đây gọi là Pháp Thân. Cà sa của chúng ta, mỗi ô đại biểu cho một chủng tộc, một tộc loại đa nguyên văn hóa. Tận hư không khắp pháp giới, vô lượng tộc loại, tộc quần khác nhau là một chính thể. Hơn nữa, mỗi ô đều lớn như nhau là bình đẳng không có khác biệt.

- Vì sao mỗi đầu chỉ có nửa ô?

- Nói với bạn: Chỗ này sau đó vẫn còn kéo dài ra vô lượng vô biên! Đây không phải là nửa ô mà là một ô, chỉ là cắt đến chỗ này, phía sau vẫn còn không có cùng tận, là biểu thị cái ý này. Nghe tôi nói xong họ cũng có cái giác ngộ. Tôi nói:

- Bộ y phục của tượng Phật này là đại biểu tận hư không khắp pháp giới: Một cái tâm – *Chân tâm*; một cái tánh – *Bổn tánh*; một cái thân – *Pháp thân*. Chúng ta mỗi ngày đắp y này, không hiểu được biểu thị của nó, nên chỉ là đắp suông! Cho nên, Phật Giáo chính là “đa nguyên văn hóa”. Hơn nữa, ba y nghĩa thú biểu pháp rất là sâu sắc:

- *Y hai mươi lăm điều*: Biểu thị tận hư không khắp pháp giới là một thể.

- *Y bảy điều*: Biểu thị chúng ta cư ngụ trên địa cầu này, cả thảy địa cầu là một thể.

- *Y năm điều*: Tổng cộng chỉ có mười lăm ô; đại biểu Singapore, thành phố này. Trong thành phố này có chủng tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau v.v... là một thể.

Tóm lại, mười niệm ở chỗ này, chúng ta nhất định phải rõ ràng. Nếu lão thật niệm Phật, người xưa cũng nói: Ngay trong mỗi niệm đều đầy đủ mười niệm của Di Lặc. Cách nói này cùng Kinh

Hoa Nghiêm là như nhau “*nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”, châu biến hàm dung, đây là chân thật có thể khế nhập cảnh giới.

“*Duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp*” (Chỉ trừ ngũ nghịch phi báng chánh pháp):

Sách Hoa Nghiêm Không Mục Chương, quyển ba có đoạn viết: “*Ngũ nghịch, vị hại phụ, hại mẫu, hại A-la-hán, phá Tăng, xuất Phật thân huyết. Sơ nhị bội ân dưỡng, thứ tam hoại phước điền, cố danh vi Nghịch*” (Ngũ nghịch là hại cha, hại mẹ, hại A-la-hán, phá Tăng, làm thân Phật chảy máu. Hai thứ đầu là bội ân dưỡng dục, ba thứ sau là phá hoại phước điền, vì vậy gọi là Nghịch).

Ngày nay chúng ta đối với hiểu đạo đều không đủ, không tận hiểu. Thế nhưng, giết cha hại mẹ chắc chắn là không có! Tuy nhiên, đối với Tam Bảo, tạo tác tội nghiệp hữu ý hay vô ý đều có thể gây ra; muốn hại A-la-hán cũng không tìm được! Nhưng, cùng đồng với A-la-hán chính là người chân thật tu hành, chân thật phát tâm hoằng pháp lợi sinh. Họ không từ lao nhọc đem Phật pháp giới thiệu cho xã hội đại chúng, mục đích là giác ngộ tất cả chúng sinh. Bạn muốn phá hoại đạo tràng họ, muốn hại những pháp sư này, tội nghiệp này cùng với tội Ngũ Nghịch là như nhau, gọi là “*Đẳng Lưu Tội*”. Trong Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh, đọc qua đều thấy, tội này đọa vào Vô Gian Địa Ngục trong một Đại Kiếp, chịu khổ không ngừng. Một đại kiếp này là một đại thiên thế giới Thành, Trụ, Hoại, Không. Thời gian quá dài! Số tự thiên văn!

Nếu cho rằng pháp môn này hay, pháp môn kia dở, ấy chính là bạn đã “báng” Phật! Từ xưa đến nay, y theo những pháp môn này tu hành, có biết bao nhiêu người thành tựu là Thánh Hiền Tăng. Cho nên, dù hữu ý hay vô ý chúng ta vẫn là đang báng Phật, báng Pháp, báng Tăng; người như vậy không thể vãng sinh!

“*Phi báng*”, chữ “Phi” có nghĩa giống như “Báng”; chữ “*Báng*” là chê bai nhục mạ. Nói việc xấu của người khác quá mức sự thật cũng là “*báng*”.

“*Phi báng chánh pháp*” tức là “*Phi báng Phật pháp*”. Đại nguyện “*mười niệm ắt được sinh*” này phổ độ hết thảy, nhưng không độ kẻ đã phạm tội Ngũ Nghịch và phi báng chánh pháp. Tội phi báng chánh pháp rất nặng. Kẻ báng pháp gọi là “*Báng pháp Xiển Đè*” nên chẳng được vãng sinh.

Quán Kinh dạy “*Ngũ Nghịch, Thập ác, lâm chung thập niệm diệt đắc vãng sinh*” (Ngũ nghịch, Thập Ác, lâm chung mười niệm cũng được vãng sinh).

Có người hỏi:

Trong Quán Kinh bảo người phạm tội Ngũ Nghịch, nhưng không phi báng chánh pháp cũng được vãng sinh. Vậy, kẻ chỉ báng chánh pháp nhưng không phạm Ngũ Nghịch có được vãng sinh chăng?

Vãng Sinh Luận Chú đáp: “**Nếu chỉ phi báng chánh pháp, dẫu chẳng phạm các tội khác cũng nhất định chẳng được vãng sinh.**

- Vì sao bảo vậy?

- *Kinh dạy: Tội nhân Ngũ Nghịch đọa trong A Tỳ đại địa ngục, chịu đủ hết thảy trọng tội (chỉ đến khi kiếp tận mới được ra). Người phi báng chánh pháp đọa trong A Tỳ đại địa ngục, nếu kiếp này tận rồi bèn bị chuyển sang A Tỳ đại địa ngục ở phương khác. Lần lượt trải qua trăm ngàn A Tỳ đại địa ngục như thế mà Phật chẳng huyền ký lúc nào sẽ thoát khỏi. Như vậy, tội phi báng chánh pháp nặng nề nhất’.*

Sách còn viết thêm: “Ông chỉ biết năm tội nghịch là trọng mà chẳng biết năm tội nghịch đều là do không có chánh pháp mà sinh. Vì vậy, tội người báng chánh pháp rất nặng”.

Hòa Thượng Tịnh Không cũng đồng với tư tưởng này: Nếu thế gian có chánh pháp, con người sẽ không tạo tội nghiệp này. Bởi, phạm là người ai cũng đều muốn tu phước, muốn đời sau tốt đẹp hơn đời này. Hủy báng chánh pháp là đoạn tuyệt nhân duyên tu phước của chúng sinh, tội của họ là kết ở chỗ này, không phải kết đối với Tam Bảo, cho nên tội này rất nặng.

Trong Quán Kinh Sớ, Đại Sư Thiện Đạo có cách giải thích khác biệt, ngài nói Ngũ Nghịch, báng pháp chẳng được vãng sinh là do Phật muốn ngăn ngừa điều ác nên phương tiện nói như thế. Sách viết:

“Với nghĩa này, nên dùng Ưc Chỉ Môn (“ức chỉ” là ngăn ngừa, cấm đoán) để hiểu. Trong bốn mươi tám nguyên loại trừ kể Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp là vì hai nghiệp này gây chướng rất nặng. Chúng sinh nếu trót phạm phải liền vào thẳng A Tỳ, kinh hoàng bao kiếp, biết nhờ đâu để thoát khỏi. Đức Như Lai sợ chúng sinh tạo hai tội lỗi ấy nên mới thốt lời ngăn ngừa ‘chẳng được vãng sinh’ nhưng chẳng phải là ngài chẳng nhiếp thủ bọn họ.

Dẫu tạo tội vẫn được nhiếp thủ vãng sinh, tuy được vãng sinh nhưng hoa sen trong nhiều kiếp chưa nở. Lúc ở trong hoa, bọn tội nhân ấy có ba thứ chướng: Một là chẳng được thấy Phật và các thánh chúng; hai là chẳng được nghe chánh pháp, ba là chẳng được qua khắp các nơi cúng dường. Trừ những điều trên đây ra, không còn các nỗi khổ nào khác”.

Trong phần nói về tông chỉ của kinh, Sách Hợp Tán cũng nhận định: “Nói chỉ trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp là đối với căn cơ chưa tạo nghiệp, chỉ là để ngăn ngừa mà thôi. Nếu với căn

co đã trót tạo nghiệp, đã hồi tâm thì Phật cũng nhiếp thủ chẳng để sót vậy". Đây là chúng ta thường nói: "Lãng tử hồi đầu, vàng không đổi". Thật sự quay đầu, thật sự chân thành sám hối, họ cũng có thể được vãng sinh, giống như trường hợp Bồ Tát Thiên Thân. Cả ba anh em ông đều học Phật: Anh cả là Bồ Tát Vô Trước học Đại thừa; người thứ hai là Sư Tử Giác; thứ ba là Bồ Tát Thiên Thân học Tiểu thừa. Bồ Tát Thiên Thân rất mực thông minh, biện tài vô ngại, học Tiểu thừa hủy báng Đại thừa. Bồ Tát Vô Trước thương xót chỉ dạy ngài, sau đó dần dần ngài giác ngộ. Khi giác ngộ, biết tội lỗi mình trước đây hủy báng Đại thừa rất nặng. Ngài nói với anh trai là mình muốn cắt lưỡi tự trừng phạt chính mình. Bồ Tát Vô Trước nói với ngài:

Trước đây em dùng lưỡi hủy báng Đại thừa, sao bây giờ không dùng lưỡi để tán thán Đại thừa? Đây là cách làm để chuộc tội, ngài tiếp thu phương pháp này. Bạn xem! Trong Tiểu thừa, ngài trước tác "Ngũ Bách Luận", năm trăm bộ luận khen ngợi Tiểu thừa. Sau khi trở về Đại thừa, ngài cũng trước tác "Ngũ Bách Luận" khen ngợi Đại thừa. Cho nên cô nhân xưng ngài là "Thiên Bộ Luận Sư". Vấn đề là ta có quay đầu không? Có sửa đổi chính mình hay không? Nếu có thể sửa đổi, thật sự đã hồi tâm, việc này rất quan trọng! Như Bồ Tát Thiên Thân, sau cùng ngài cũng niệm Phật vãng sinh tức Phật cũng nhiếp thủ không sót một ai, mới biết Phật thật đại từ bi, bình đẳng biết bao!

Trong: Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đọc công án về Pháp sư Doanh Kha (nhà Phật gọi công án nghĩa là câu chuyện). Vào thời nhà Tống có một vị xuất gia không giữ thanh qui, thường hay phạm giới, đại khái sư cũng tự biết mình tạo ra không ít tội lỗi. Đầu óc vẫn còn rất tinh táo, bình thường học kinh giáo, biết tội mình chắc chắn đọa địa ngục, liền thỉnh giáo những bạn đồng học: - Làm thế nào mới được cứu? Trong số đồng học, có người tặng sư cuốn Vãng Sinh

Truyện. Sư xem xong khóc than rơi lệ, cảm động vô cùng, bèn hạ quyết tâm niệm Phật vãng sinh. Sư niệm câu Phật hiệu này suốt ba ngày ba đêm không ăn không ngủ. Ba ngày tâm chân thành thật sự đã cảm ứng đến Phật A Di Đà, ngài đến nói với sư: - Ông còn mười năm thọ mạng, cố gắng tu đợi đến lúc lâm chung, ta sẽ đến đón.

Pháp Sư Doanh Kha thưa với Phật:

- Tập khí nghiệp chướng của con rất nặng, chỉ cần bên ngoài có sự mê hoặc, con sẽ không thể vượt qua! Sự việc này có thể khiến trong mười năm nữa, không biết con lại tạo thêm bao nhiêu tội nghiệp, cho nên con không cần thọ mạng, chỉ muốn được theo ngài ngay bây giờ. Đức Phật nhận lời:

- Thôi được! Ba ngày sau Ta đến tiếp dẫn người.

- Vì sao Phật không đưa sư đi liền mà phải đợi ba ngày sau?

- Để sư làm biểu pháp!

Trong “*Tam chuyển Pháp Luân*”, sư đã làm “*chứng chuyển*” cho chúng ta thấy. Sau đó sư mở cửa phòng nói với mọi người: Tôi niệm Phật ba ngày ba đêm đã cảm ứng được với Phật. Bèn kể rõ sự tình cho đại chúng nghe. Mọi người nửa tin nửa ngờ: Đâu lẽ có chuyện dễ dàng đơn giản đến như thế! Tạo tội Ngũ Nghịch như vậy, chỉ niệm Phật có ba ngày ba đêm mà có thể được vãng sinh ư?! Không ai tin điều này! Nhưng cũng may, ba ngày cũng không dài, để xem ba ngày sau sư có thật sự được vãng sinh hay không? Đến ngày thứ ba, sư yêu cầu mọi người trợ niệm để đưa sư vãng sinh. Mọi người đều hoan hỉ, đây là việc tốt, việc rất khó gặp, cùng sư kết thiện duyên vậy. Mọi người chân thành niệm Phật, niệm chưa đến một khắc, sư nói với mọi người: - Đức Phật đã đến, tôi đi theo ngài đây! Sư từ biệt mọi người và ra đi.

Câu chuyện này là thật không phải giả! Đây là người tạo nghiệp rất nặng nhưng không hủy báng chánh pháp, cũng được Phật nhiếp thủ. Đức Phật rất từ bi, nói lời giữ lời; nói ba ngày đến tiếp dẫn là ba ngày đến. Công án này trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và trong Vãng Sinh Truyện đều có nói; trong rất nhiều Chú Sớ của Cổ nhân cũng có dẫn chứng ví dụ này.

Như vậy, Di Đà đại nguyện nhiếp thủ căn cơ vô tận, nên Đại Sư Thiện Đạo bảo: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (*Như Lai sở dĩ xuất hiện trong đời chỉ là để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà*). Hai câu này rất nổi tiếng thường được các bậc Tổ sư, đại đức dùng để dẫn chứng. Ý nói: Tam thế chư Phật xuất hiện trong đời chỉ vì một đại sự nhân duyên là tuyên thuyết nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, nhằm cứu vớt chúng sinh, khuyến họ niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Tất cả kinh mà Phật thuyết suốt bốn mươi chín năm, đó là hằng thuận căn cơ của chúng sinh; nhiều lần tuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ là đức Thế Tôn thuận theo bốn nguyện của ngài, cũng tùy thuận bốn nguyện của A Di Đà Phật. Pháp môn này là phổ độ tất cả chúng sinh, không như những pháp môn khác phải có điều kiện nhất định, căn tánh nhất định. Pháp môn này chỉ cần tin sâu, nguyện thiết và chân thành niệm Phật A Di Đà, mười niệm hay một niệm cũng đều được vãng sinh.

Đại Sư Thiện Đạo lại nói: “*Nay được gặp gỡ di tích của Phật Thích Ca trong đời mạt pháp, pháp môn trọng yếu bốn thế nguyện Cực Lạc của Phật A Di Đà, hết thấy phàm phu thiện ác được vãng sinh không ai lại chẳng nương vào đại nguyện lực của A Di Đà Phật để làm tăng thượng môn vậy*”.

Chúng ta đều biết Phật pháp truyền đến Trung Quốc vào thời kỳ Tượng Pháp là năm 67 công nguyên, năm Vĩnh Bình thứ mười,

Hán Minh Đế. Đại sư Thiện Đạo sinh vào thời nhà Đường, thời đại này đã vào thời kỳ mạt pháp. Cho nên nói “*gặp gỡ di tích của Phật Thích Ca trong thời mạt pháp*”. Thành tựu của thời kỳ mạt pháp chỉ có pháp môn Tịnh Độ, trong khi đó tu thiền vào thời đại này không thể đạt đến đại triệt đại ngộ.

- Họ đi về đâu?

- Ngày xưa học thiền cũng rất đáng nể, đều đạt được Thiền Định: Được Sơ Thiền đến Sắc Giới Sơ Thiền thiên. Được Tứ Không Định đến Vô Sắc giới thiên, nhưng tất cả đều không ra khỏi lục đạo, tuy thọ mạng họ rất dài.

Thoạt nhìn, thuyết của Vãng Sinh Luận Chú tựa hồ mâu thuẫn với thuyết của Quán Kinh Sớ, nhưng thật ra cả hai thuyết dung thông lẫn nhau. Thuyết của Vãng Sinh Luận Chú thật phù hợp với ý chỉ ngăn ngừa (ức chế) của Như Lai; khiến cho con người kinh sợ chẳng dám báng pháp. Quán Kinh Sớ thì hiển thị bi nguyện vô tận của Phật Di Đà: “***Tuy Ngũ Nghịch, báng pháp, nhưng lúc lâm chung lại có thể niệm Phật thì chính là sám hối phát tâm, người như vậy trong ức ức người khó được một, hai kẻ, nên Phật vẫn từ mẫn nhiếp thọ***”.

Thiền Đạo Đại Sư phán định trong bốn mươi tám nguyện, chỉ có năm nguyện chân thật. Xét trong năm nguyện ấy, chỉ có nguyện thứ mười tám là chân thật, nên ngài viết trong sách Sự Tán như sau: “*Mỗi một lời nguyện, đều dẫn về nguyện thứ mười tám*”.

Sách Bình Giải nói: “*Bốn mươi tám nguyện tuy rộng, nhưng chỉ qui về nguyện mười tám*”. Sách còn viết: “*Do nơi nguyện này nên chúng sinh được sinh về cõi không có ba đường ác, sẽ chẳng đọa trong đường ác nữa, đủ tướng hảo, hiện thân thông mà được diệt độ do nhập vào biển quang minh, thọ lượng. Vì vậy, riêng nguyện này thật tối thắng vậy*”.

Sách Tiên Chú cũng nhận xét: “*Rõ ràng, trong bốn mươi tám nguyện, nguyện niệm Phật vãng sinh này là vua của các nguyện căn bản*”.

Tóm lại, nguyện thứ mười tám thể hiện phương tiện rốt ráo, Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, phụng hành lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sinh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sinh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát. Bất đắc thị nguyện bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nghe danh hiệu tôi liền phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Lại đem các thiện căn hồi hướng nguyện sinh cõi tôi, nhất tâm niệm tôi, ngày đêm chẳng ngớt. Lúc lâm chung, tôi cùng các Bồ Tát chúng hiện đến đón trước mặt, trong khoảnh khắc liền sinh sang cõi tôi, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chẳng thỏa nguyện này, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này gồm nguyện thứ mười chín “*văn danh phát tâm*” (nghe danh phát tâm) và nguyện thứ hai mươi “*lâm chung tiếp dẫn*”. “*Văn ngã danh hiệu*” (Nghe danh hiệu tôi). Chữ danh hiệu ở đây chỉ cho danh hiệu vị giáo chủ cõi Cực Lạc là A Di Đà Phật.

“**Phát Bồ Đề tâm**”: Bồ Đề là tiếng Phạn, cữ dịch là Đạo; tân dịch là Giác. Bồ Đề tâm là tâm cầu chân Đạo, tâm cầu Chánh Giác; còn có nghĩa là tâm tự giác, giác tha. Tâm Bồ Đề vô cùng rộng lớn, là “tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới”; cũng có thể nói tâm Bồ Đề là tâm giác ngộ cứu cánh viên mãn. Đại thừa kiến lập ở tâm Bồ Đề. Người Tiểu thừa không có phát tâm Bồ Đề, cho nên họ không ra khỏi mười pháp giới, có niệm Phật cũng không thể vãng sinh!

- Tâm giác ngộ cái gì?

- Giác ngộ hư không pháp giới, tất cả chúng sinh là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chân thật tường tận tất cả các pháp từ tâm tướng sinh, tất cả tận hư không pháp giới chúng sinh đều cùng một thể tự tánh. Đây là bản chân thật giác ngộ, gọi là đại triệt đại ngộ. Sau khi ngộ rồi, tâm trạng bạn đối nhân xử thế, tiếp vật hoàn toàn thay đổi. Lúc chưa khai ngộ là mê, mỗi niệm đều tự tư tự lợi. Sau khi ngộ rồi, mỗi niệm vì tất cả chúng sinh. Nếu nói tỉ mỉ, theo **Vãng Sinh Yếu Tập**, thì có **hai thứ Bồ Đề tâm**:

1. Duyên Sự Bồ Đề Tâm (Đây chính là Hạnh nguyện Bồ Đề tâm trong Mật tông). Tâm này dùng Tứ Hoàng Thệ nguyện làm Thể.

- “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*” là nhân của Ứng Thân Bồ Đề.
- “*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” là nhân của Pháp Thân Bồ Đề.
- “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*” là nhân của Báo Thân Bồ Đề.
- “*Vô Thượng Bồ Đề thệ nguyện chứng*” là nguyện cầu chứng đắc Phật quả Bồ Đề.

Do thành tựu ba hạnh nguyện trước nên chúng được Tam thân Bồ Đề viên mãn rồi lại lợi ích khắp hết thảy chúng sinh.

2. Duyên Lý Bồ Đề Tâm (Đây chính là tâm Thắng Nghĩa Bồ Đề trong Mật Tông). Tâm Bồ Đề nói trong kinh này là Tâm Bồ Đề tối thượng tức là Duyên Lý Bồ Đề tâm.

Theo **Sách Tông Yếu** của Sư Nguyên Hiểu, **hai thứ Bồ Đề tâm** là:

1. Tùy Sự Phát Tâm

Là phiền não vô số nguyện đều đoạn cả; thiện pháp vô lượng nguyện đều tu cả, chúng sinh vô biên nguyện đều độ cả. Quyết định nguyện thành tựu ba điều này. Tâm thứ nhất làm chánh nhân cho Đoạn Đức của Như Lai, tâm kế đó là chánh nhân cho Trí Đức của Như Lai, tâm thứ ba là chánh nhân của Ân Đức. Ba Đức hợp thành quả Bồ Đề Vô Thượng. Ba tâm này gọi chung là nhân của Vô Thượng Bồ Đề.

Nhân, quả tuy khác nhưng rất rộng lớn, bình đẳng không sót, không gì mà nó chẳng bao gồm, như kinh nói: ‘Phát tâm tất cánh nhị vô biệt, như thị nhị tâm, tiền tâm nan. Tự vị đắc độ, tiên độ tha, thị cố ngã lễ sơ phát tâm’ (Cả hai thứ phát tâm và rốt ráo không sai biệt. Trong hai tâm như thế, tâm trước là khó do chính mình chưa đắc độ mà đã độ người khác trước. Vì vậy, tôi lễ bậc sơ phát tâm). Quả báo của tâm này tuy là Bồ Đề (thành Phật) nhưng hoa báo lại là Tịnh Độ (vãng sinh). Vì sao như thế? Bồ Đề tâm lượng rộng lớn vô biên, dài lâu vô hạn nên cảm được y báo Tịnh Độ rộng lớn không ngăn mé, chánh báo thọ mạng dài lâu vô lượng. Ngoại trừ Bồ Đề tâm, không thứ gì khác có khả năng làm được như thế. Vì vậy bảo tâm này là chánh nhân cho Bồ Đề. Đây là nói về tướng trạng của Tùy Sự Phát Tâm vậy.

2. Thuận Lý Phát Tâm

Là tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, chẳng có, chẳng không, dứt nói năng, bất suy lường. Dùng lòng tin hiểu đó để phát tâm rộng lớn, tuy chẳng thấy có phiền não hay thiện pháp, nhưng chẳng bác rằng không có gì để tu, để đoạn. Vì vậy, tuy nguyện đoạn tất cả, tu tất cả, nhưng chẳng trái nghịch Vô Nguyên tam-muội. Tuy nguyện đều độ vô lượng hữu tình, nhưng chẳng có (quan niệm) người độ và kẻ được độ, nên có thể tùy thuận Không, Vô Tướng như kinh dạy: ‘Nhu thị diệt độ vô lượng chúng sinh, thật vô chúng sinh đắc diệt độ giả’ (Diệt độ vô lượng chúng sinh như vậy, nhưng thật không có chúng sinh nào được diệt độ) v.v... Phát tâm như thế chẳng thể nghĩ bàn. Đây là nói về Thuận Lý Phát Tâm.

Tùy Sự Phát Tâm còn có thể bị thoái chuyển, kẻ bất định tánh cũng có thể phát được tâm ấy. Thuận Lý Phát Tâm thì chẳng bị thoái chuyển, chỉ căn tánh Bồ Tát mới có thể phát nổi. Phát tâm như thế công đức vô biên. Giả sử chư Phật trong suốt kiếp nói các công đức ấy còn chẳng thuật đủ được”.

Đoạn kinh văn trên đây của Sư Nguyên Hiểu. Ngài là người Hàn Quốc, là lưu học sinh rất xuất sắc tại Trung Quốc vào thời nhà Đường. Sau đó ngài trở về Hàn Quốc trở thành Nhất Đại Tổ Sư. Sách Tông Yếu là ngài viết chú giải về Kinh Vô Lượng Thọ, trong đây ngài có giải thích về tâm Vô Thượng Bồ Đề. Ngài cũng nói về Tùy Sự Phát Tâm và Thuận Lý Phát Tâm, rất tương tự với Duyên Sự Bồ Đề Tâm và Duyên Lý Bồ Đề Tâm trong Vãng Sinh Yếu Tập phía trước. Ở trước nói Tứ Hoằng Thệ Nguyện; ở đây ngài chỉ nói ba câu nhưng ý nghĩa cũng tương tự với Tứ Hoằng Thệ Nguyện.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích tư tưởng trong sách Tông Yếu của Sư Nguyên Hiểu ở phần trên như sau:

1. Tùy Sự Phát Tâm

“*Tùy sự là phiền não vô số nguyện đều đoạn cả*”; phiền não là mê, là chướng ngại, phá hoại thiện pháp, khiến tâm giác không thể hiện tiền. Đây là cửa ải đầu tiên của đoạn phiền não:

- Thứ nhất phải buông bỏ Thân Kiến tức là Vô Ngã, hoàn toàn không có tự tư tự lợi, không có cái ta.

- Thứ hai là buông bỏ Biên Kiến, tức là buông bỏ đối lập giữa mình và người, xã hội hòa thuận, hóa giải xung đột.

- Thứ ba là buông bỏ Giới thủ Kiến.

- Thứ tư là buông bỏ Kiến thủ Kiến.

Kết hợp hai loại Giới thủ Kiến và Kiến thủ Kiến, người xưa gọi là Thành Kiến. Thành Kiến thuộc về nhân là Giới thủ Kiến; Thành Kiến thuộc về quả là Kiến thủ Kiến. Người không có thành kiến, tâm địa thanh tịnh, ở thế gian này họ có thể như Bồ Tát Phổ Hiền “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”, tất cả mọi việc đối với họ đều tốt.

- Sau cùng là buông bỏ Tà Kiến chính là buông bỏ tất cả những tư tưởng sai lầm.

“*Thiện pháp vô lượng nguyện đều tu*”: “thiện pháp” ở đây là lợi ích tất cả chúng sinh. Chữ thiện ở đây không phải là thiện của thiện ác. Thiện của thiện ác chỉ là thiện” tương đối, là thiện có đối lập, như vậy là bất thiện. Thiện ít nhất phải đạt được bốn chỉ tiêu như trong Hoàn Nguyên Quán của Pháp sư Hiền Thủ là: *tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tặc, nhu hòa chất trực, và đại chúng sinh khổ*, mới thật là thiện.

“*Chúng sinh vô biên nguyện đều độ*”:

- Độ như thế nào?

- Phải dạy họ! Chúng sinh có giác ngộ quay đầu, đây mới gọi là được độ.

- Chúng sinh khổ! Khổ từ đâu đến?

- Mê thất tự tánh là khổ! Họ có phiền não, có tập khí, họ tạo ác nghiệp phải chịu khổ báo. Phật, Bồ Tát thương xót chúng sinh, giúp họ lìa khổ được vui: “*Giác ngộ*” tức là lìa khổ, hiểu rõ tức là được vui.

Kể đến, kinh văn giải thích rất hay:

“*Sơ, đoạn phiền não*”, đoạn phiền não là “***Như Lai Đoạn Đức chánh nhân***”. Đây là nói về Tam Đức: Đoạn Đức, Trí Đức và Ân Đức. Chúng ta học Phật, đầu tiên phải học “Đoạn Đức” của Phật. “Đoạn” là buông bỏ.

- Đoạn phiền não như thế nào?

- Phải thể nhập kinh tạng, nếu không thì không thể đoạn được. Bởi thế, trước đây thầy dạy tôi trước phải nhìn thấu, sau mới buông bỏ.

- Vì sao chưa buông bỏ?

- Vì chưa nhìn thấu nên không buông bỏ được! Nhìn thấu tự nhiên sẽ buông bỏ. Nhìn thấu giúp buông bỏ; buông bỏ giúp nhìn thấu. Hai phương pháp này hỗ trợ thành tựu.

“Buông bỏ” là “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”; “nhìn thấu” là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Phải đồng mãnh tinh tấn mới có thể học đến cảnh giới của Phật. Kể đến:

“*Thiện pháp vô lượng nguyện đều tu*”: Đây là “**Như Lai Trí Đức chánh nhân**”.

“*Chúng sinh vô biên nguyện đều độ*”: Là “**Như Lai Ân Đức chánh nhân**”.

Nói “*nhân quả tuy khác*”, đây là nói tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật, phương pháp tuy có khác nhưng mục tiêu chỉ có một.

Kinh nói “*Phát tâm tất cánh nhị vô biệt, như thị nhị tâm, tiền tâm nan. Tự vị đắc độ, tiên độ tha, thị cố ngã lễ sơ phát tâm*” (Cả hai thứ phát tâm cuối cùng đều như nhau. Hai tâm như vậy, tâm trước khó, do tự mình chưa được độ mà đã độ người trước, cho nên tôi lễ bậc sơ phát tâm). “Phát tâm” ở đây là “Phát Bồ Đề tâm”, là nói về Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Đối với hàng sơ học, phải thật sự phát tâm. Tâm này là khẳng định phương hướng, khẳng định mục tiêu. Đoạn phiền não là **Đoạn Đức**; học pháp môn là **Trí Đức**; độ chúng sinh là **Ân Đức**. Ba đức này thành tựu mục tiêu sau cùng “*Phật Đạo Vô Thượng thế nguyện thành*”.

Người có tâm từ bi khẩn thiết, tự mình chưa được độ nhưng độ chúng sinh trước. Việc này, trong hàng Bồ Tát có biểu pháp; đó chính là Bồ Tát Địa Tạng, đứng là quên mình vì người, điều này rất khó có được! Kinh Hoa Nghiêm nói Tứ Tịnh Đức của Pháp Thân Bồ Tát, điều sau cùng là “*Đại chúng sinh khổ*” (Thay chúng sinh chịu khổ). Trong ba Đức nói trên, quan trọng nhất là Đoạn Đức và Trí Đức. Đoạn Đức là đức hạnh, Trí Đức là trí tuệ. Không có đức hạnh, không có trí tuệ làm sao độ chúng sinh?! Có trí tuệ, không có đức hạnh cũng không được.

“*Quả báo của tâm này tuy là Bồ Đề (thành Phật) nhưng hoa báo lại là Tịnh Độ (vãng sinh)*”. Đây là nói đối với hàng Trung, Hạ căn tánh. Chúng ta biết “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” chỉ có hàng “Thượng Thượng Căn” mới có phần. Thông thường mà nói,

ba căn “Thượng, Trung, Hạ” đều không làm được. Do đây có thể biết phiền não, rất khó đoạn, vô cùng khó khăn.

- Nguyên nhân là gì?

- Chúng ta ở trong lục đạo quá lâu! Những tập khí phiền não này đều nuôi dưỡng từ trong lục đạo. Cổ nhân có câu: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Trong lục đạo, người mê muội nhiều, người giác ngộ ít. Cho dù giác, nhưng giác chưa triệt để, cao nhất cũng chỉ là tu thiện tích đức mà thôi!

- Mục đích tu thiện tích đức là gì?

- Hy vọng quả báo đời sau càng tốt hơn! Cho nên, họ không ra khỏi lục đạo luân hồi!

Trong tình huống này, có thể nói Phật, Bồ Tát vô cùng từ bi. Chúng ta phải cảm kích Phật A Di Đà đã vì chúng sinh mà kiến lập nên thế giới Cực Lạc, giúp người tập khí phiền não rất nặng như chúng ta cũng có thể thành tựu ngay trong đời này, cho nên nói “*hoa báo ở Tịnh Độ*”.

Sau khi đến thế giới Cực Lạc, sự thù thắng thọ dụng có được vượt xa ngoài sức tưởng tượng của chúng ta, như trong nguyện này nói: Tất cả đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, không đáng kể ư? A Duy Việt Trí Bồ Tát siêu việt mười pháp giới. Chúng ta vãng sinh đến Tây Phương Cực Lạc tự nhiên được vượt qua mười pháp giới. Pháp môn này thật vô cùng thù thắng, hi hữu khó gặp, đời này chúng ta đã gặp được. Nên nhớ! Nguyên tắc chung vẫn là Vô Ngã (không có cái ta) mới ra khỏi được lục đạo luân hồi.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc, cõi Phạm Thánh Đồng Cư có Ngã, cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có Ngã. Nhưng, trong thế giới đó không có ba đường ác, vĩnh viễn không có thoái chuyển. Vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được bốn mươi tám nguyện

của Phật A Di Đà gia trì, những gì trong bốn mươi tám nguyện nói, đến thế giới Cực Lạc đều đầy đủ cả, không thiếu thứ gì. Trí tuệ, thần thông, đạo lực của họ hầu như không có gì khác với A Di Đà Phật.

- Ở thế giới Cực Lạc có cần tu chăng?

- Phải tu! Ta không thể vĩnh viễn nương tựa Phật A Di Đà. Ở đó, chúng ta phải cố gắng tu tập, cố gắng đoạn phiền não. Sau khi đoạn tận phiền não mới tự tu được. Trước khi chưa đoạn tận, phải dựa vào Phật A Di Đà, như con cái chưa trưởng thành phải nương nhờ cha mẹ, khi trưởng thành phải tự lập. Phật A Di Đà giống như cha mẹ, chăm sóc chúng sinh rất mực, mỗi người đều được thành tựu.

Đoạn văn trên lại nói: “*Bồ Đề tâm lượng rộng lớn vô biên, dài lâu vô hạn nên chiêu cảm được y báo cõi Tịnh Độ rộng lớn không ngần ngại, chánh báo thọ mạng dài lâu vô lượng*”. Câu “tâm lượng Bồ Đề rộng lớn vô biên, dài lâu vô hạn”, mười hai chữ này rất quan trọng! Cổ nhân có câu: “Lượng lớn phước lớn”. Tâm lượng không lớn đó là chướng ngại việc vãng sinh. Người niệm Phật chân chính, tâm lượng phải rộng mở.

Kinh Đại thừa nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, đó là tâm Bồ Đề, cũng là chân tâm của chính mình. Vì sao bây giờ tâm lượng lại biến thành nhỏ bé như vậy?! Hai người sống với nhau cũng không thể bao dung, ngày ngày cãi nhau?! Đây là tập khí phiền não không phải là bản thiện; đó là “tập tánh” không phải “bản tánh”. “Bản tánh” là thật, vĩnh viễn bất biến. “Tập tánh” là giả, giả đương nhiên có thể đoạn; “thật” tự nhiên hiện tiền.

Phật A Di Đà là chân tâm chiêu cảm nên thế giới Cực Lạc, y chánh trang nghiêm. Chúng ta cũng dùng chân tâm tu “Tứ hoằng thệ nguyện”, nhất định sẽ chiêu cảm được cõi Tịnh của Phật A Di Đà. Vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, điều đầu tiên ta đạt được là

chánh báo thọ mạng dài lâu. “*Vô lượng thọ*” này, cổ nhân nói đó là “*vô lượng của hữu lượng*”, không phải vô lượng thật! Vì sao?

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rất rõ: Nếu vãng sinh đến thế giới Cực Lạc vào cõi Đồng Cư, Hạ Hạ Phẩm vãng sinh, nhờ sức bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì tất cả đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đến khi “*hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh*” (ngộ vô sanh tức là ngang bằng với Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát) phải trải qua mười hai kiếp, tự thân mới chứng được. Thời gian này cũng không dài, nếu so với tu hành trong các cõi nước của chư Phật, phải tu đến vô lượng kiếp; ở thế giới Cực Lạc chỉ mười hai kiếp là thành công, đây là “*vô lượng của hữu lượng*”.

- Sau khi “*hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh*” thì sao?

- Sẽ biến thành “vô lượng thật”, tức là “*vô lượng của vô lượng*”, là “*thật sự vô lượng thọ*”.

“*Ngoại trừ tâm Bồ Đề, không thứ gì khác có khả năng làm được như thế. Vì vậy bảo tâm này là chánh nhân cho Bồ Đề*”. Đây là nói rõ tướng trạng của “*tùy sự phát tâm*”. “*Tùy sự phát tâm*” chính là “*Tứ Hoằng Thệ Nguyện*”, đích thật chúng ta có thể học được điều này.

2. Thuận Lý Phát Tâm

Nếu càng thấu triệt về “*Lý*” thì sự buông bỏ sẽ dễ dàng hơn; không hiểu về “*Lý*” rất khó buông bỏ!

- Lý là gì?

- Lý là tự tánh, là Chân như, Bản tánh. Trong Tam Tự Kinh nói: “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*”. Nếu chúng ta tùy thuận tánh bản thiện mà phát tâm sẽ rất dễ. “*Tùy sự*” vẫn là tùy “*tập tánh*”; “*Thuận lý*” là tùy “*bản tánh*”, không giống nhau.

Thuận Lý mà phát tâm, tin hiểu các pháp đều như mộng huyễn: “*Phi hữu, phi vô, ly ngôn tuyệt lự*” (Chẳng có, chẳng không, dứt nói năng, bật suy lường). Tất cả pháp này bao gồm hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên; ba loại hiện tượng này đều giả không thật. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”. “*Phi hữu, phi vô*” (chẳng có, chẳng không), chúng ta không thể nói nó có, cũng không thể nói là không. Chẳng hạn như chúng ta xem truyền hình, tướng hiện ra trên màn hình, không thể nói nó có vì quả thật nó không tồn tại; nếu nói nó “không”, nhưng rõ ràng nó ngay trước mắt! Thật sự, cái “có” đó là “huyễn có”, tướng “có”, tánh “không”; sự “có”, lý “không”, đây là chân tướng sự thật.

Ngày nay, các nhà khoa học lượng tử, căn cứ vào nghiên cứu phát hiện của họ, nói rằng: Thế giới này quả thật không có thứ gì gọi là vật chất. Họ nói: Bản chất của vật chất là ý niệm.

- Vật chất từ đâu sinh ra?

- Từ ý niệm tích lũy liên tục sản sinh ra. Đây chính là nói rõ: Hiện tượng vật chất sinh ra từ hiện tượng tinh thần.

- Hiện tượng tinh thần từ đâu mà có?

- Họ nói: Từ không sinh ra có!

Tư tưởng này gần giống như trên Kinh Đại thừa Bồ Tát Xứ Thai Kinh nói, trong đó đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra một vấn đề hỏi Bồ Tát Di Lặc: “*Tâm hữu sở niệm*”, ý nói tâm con người bình thường hay khởi ý niệm, trong niệm này có bao nhiêu ý niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng (là hiện tượng vật chất)? Có mấy thức (là hiện tượng tinh thần)? Bồ Tát Di Lặc trả lời: - Trong một khay móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm (tức là ba trăm hai chục triệu niệm) tích lũy liên tục sinh ra. Lại nói: Niệm niệm thành hình (hình

tức là tướng), hình đều có thức (thức chính là “thọ, tướng, hành, thức”). Trong mỗi ý niệm đều có “sắc-thọ-tướng-hành-thức”, “sắc” chính là “tướng”, giáo lý Đại Thừa thường nói là Ngũ Uẩn.

- Có ý niệm chăng?

- Ý niệm cũng không thể nói “có”, cũng không thể nói “không”.

Nếu nói “có”, nó đã không tồn tại! Thời gian nó tồn tại quá ngắn. Nếu dùng giây làm đơn vị, trong một giây, khả năng nhất có thể khả được năm lần. Như vậy, trong một giây có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế, chúng ta không thể nào cảm nhận ra được, điểm này phù hợp với khám phá của các nhà khoa học hiện nay: “Hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục mà hình thành”.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất hay: “Ý niệm vừa khởi liền chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận”. Trong kinh Phật nói rõ ràng hơn các nhà khoa học rất nhiều, không phải trong “không” sinh ra “có” mà là “tự tánh gặp duyên”; “duyên” này chính là “động”, bây giờ các nhà khoa học gọi là “định luật đàn hồi”, cũng rất tương tự như trong Phật pháp nói: “*Nhất niệm bất giác mà có vô minh*”. “Nhất niệm bất giác” này là “động”. Chấn động này vô cùng vi tế, chúng ta không thể nào phát hiện được, vì tâm chúng ta quá thô. Nhưng Bồ Tát Di Lặc rất tuyệt vời, ngài thấy rất rõ.

- Dùng phương pháp gì để thấy?

- Dùng tâm thanh tịnh mới thấy được! Thông thường chúng ta gọi là “Định công”. “Định công” đến mức độ thâm sâu mới có thể nhìn thấy. Trong Kinh Đại thừa nói: Bồ Tát Bát Địa tức Bất Động Địa trở lên mới thấy được. Trong Phật pháp dùng Thiền định để thấy còn vi tế hơn máy móc nhiều.

Qua sự kiện trên, chứng minh vật chất không phải thật, tinh thần cũng không phải thật, “nhất niệm bất giác” đó cũng không phải thật. Cho nên, không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không. Nếu nói “có” tức là chấp tướng, nếu nói “không” cũng là chấp tướng, mê lại càng sâu! Cho nên, Phật chỉ nói: “Bất khả thuyết! Bất khả thuyết!” Đây không phải không thể nói mà là nếu nói thì đã khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước rồi!

Trong kinh Phật nói: Chỉ có “ngộ” mới biết, không khai ngộ không thể hiểu được! “Ngộ” này là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” thấy được thể, tướng và tác dụng của chân tánh; đây thật sự là nhìn thấu. Chân tánh tồn tại mọi lúc mọi nơi; bất kỳ một pháp nào cũng đều phải nương nó làm thể; không có nó; mọi hiện tượng đều không thể phát sinh; nó là bản thể của tất cả vạn pháp.

“*Ly ngôn tuyệt lự*” (Dứt nói năng, bật suy lường) là chỗ chứng đắc, không thể dùng lời nói diễn đạt được, “*lự*” là suy nghĩ, “*tuyệt lự*” là bật suy nghĩ, có suy nghĩ cũng nghĩ không ra! Vì sao? Vì tự tánh không phải là vật chất, cũng không phải tinh thần nên để lục ý thức không thể duyên tới được! Do đó, tự tánh đúng là “*ly ngôn tuyệt lự*”, không thể nói, cũng không thể suy nghĩ.

“*Dùng lòng tin hiểu đó để phát tâm rộng lớn*”.

- Tâm rộng lớn này phát như thế nào?

- Nếu nói: “Phát” tức là đã khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì biến thành phàm phu mất rồi! Chữ “phát” ở đây không phải “phát” như trong tướng tượng của chúng ta, nó chỉ là hình dung từ, “phát” có nghĩa là tâm tánh rộng lớn tự nhiên hiển lộ. Chỉ cần ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; toàn thể tự tánh tự nhiên hiện bày, đây gọi là “*phát tâm rộng lớn*”.

“*Tuy không thấy có phiền não hay thiện pháp*”, nhưng họ thấu rõ chân tướng sự vật nên “*nhi bất bác vô*” tức là “*chẳng bác rằng: không có gì để tu, để đoạn*”. Nghĩa là họ cũng không bài trừ những huyễn tướng trong lục đạo và mười pháp giới. Họ rất rõ ràng biết đây là giả, vì giả nên không có chướng ngại gì, giống như ta xem truyền hình, hiểu rõ đối với toàn bộ Ti vi và sự cấu tạo của nó, biết được những ảnh tượng trên màn hình đều là huyễn tướng; màn hình Ti-vi không nhiễm chút trần, hoàn toàn sạch sẽ.

- Có cần đoạn tận những tướng này chẳng?

- Không cần thiết! Vì tướng là giả, đích thật không ô nhiễm đến màn hình.

Sau khi kiến tánh, thấy toàn bộ mười pháp giới, thấy luân hồi lục đạo hoàn toàn giống như xem hình ảnh trên màn hình đều “*phi không, phi hữu, phi giả, phi chân*”, đó là tâm thanh tịnh.

“*Không có gì để tu, để đoạn*”: Họ không bài trừ đoạn phiền não, cũng không bài trừ tu pháp môn. Vì sao? Vì rất nhiều người không thể hiểu chân tướng, có nói với họ về chân tướng sự thật cũng không nói rõ được; đây là “*hằng thuận chúng sinh, tùy hi công đức*”; trong Hoàn Nguyên Quán gọi là “*Tùy duyên diệu dụng*”, chỉ có người thật sự thấu triệt mới có thể làm đến được; người không hiểu, muốn học cũng học không giống! Cho nên, “*tuy nguyện đoạn tất cả, tu tất cả nhưng chẳng trái nghịch Vô Nguyện tam-muội*”. “*Vô Nguyện tam-muội*” chính là chân tâm của họ.

- Đây là ai?

- Là người giác ngộ!

Sau khi thật sự khai ngộ, minh tâm kiến tánh, họ ở thế gian này hiển lộ bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán, đây thật sự là “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*”, chân thật là chịu khổ thay chúng sinh.

Đương thời, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm gương cho chúng ta; các đời Tổ sư, đại đức cũng có không ít người đạt đến cảnh giới của Phật Thích Ca, như trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên có hơn một ngàn bảy trăm trường hợp công án. Trong Truyền Đăng Lục ghi chép: Giáo Môn được “đại khai viên giải”; Tịnh tông đạt được “Lý Nhất Tâm bất loạn”. Chúng ta tổng hợp lại, Phật Giáo truyền đến Trung Quốc hai ngàn năm nay, khế hợp cảnh giới, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh ít nhất cũng phải trên ba ngàn người.

Dự đoán này không quá đáng, rất chắc chắn, họ thị hiện cho chúng ta thấy không khác gì khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế. Đây gọi là từ bi vô tận “*Tuy nguyện đều độ vô lượng hữu tình nhưng chẳng có* (quan niệm) *người độ, và kẻ được độ*”. Đây là nỗ lực làm nhưng không chấp tướng. Kinh Kim Cang nói: Buông bỏ bốn “tướng”, cả đến bốn “kiến” cũng buông bỏ, tâm hoàn toàn thanh tịnh như trên đề kinh này là thanh tịnh, bình đẳng, giác, “*nên có thể tùy thuận Không, Vô Tướng như kinh dạy: ‘Như thị diệt độ vô lượng chúng sinh, thật vô chúng sinh đắc diệt độ giả’* (Diệt độ vô lượng chúng sinh như vậy nhưng thật không có chúng sinh nào được diệt độ). Chữ “*Diệt*” ở đây là diệt phiền não; “*độ*” là giúp chúng sinh “liễu sinh tử, xuất tam giới, chứng Bát Niết Bàn”. Nên nói: “*Phát tâm như thế chẳng thể nghĩ bàn. Đây là nói về ‘Thuận Lý phát tâm’*”.

“Lý” trong kinh điển Đại thừa, tuy không phải chứng ngộ; nhưng niệm nhiều, nghe nhiều dần dần lý giải gọi là “giải ngộ”. “Giải ngộ” có thể giúp chúng ta “tùy sự phát tâm”, như vậy chính mình nắm chắc vãng sinh thế giới Cực Lạc. Đặc biệt là hiện nay thiên tai dồn dập, rất nhiều đồng tu đến hỏi:

- Chúng ta làm sao để ứng phó vấn đề này?
- Trong kinh, Phật dạy chúng ta phải thật thà niệm Phật.

Trước thời Càn Long, nhà Thanh, Pháp sư Quán Đảnh dạy rằng: “Thế, xuất thế gian gặp thiên tai hay bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, tất cả mọi phương pháp trong kinh điển Đại thừa đều không thể giải quyết. Sau cùng vẫn còn một phương pháp là nhất tâm chuyên niệm Phật A Di Đà, không gì không thể giải quyết”. Trong khai thị này, quan trọng nhất chính là “nhất tâm chuyên niệm”.

Trong nhiều năm gần đây, chúng ta từng thấy trong số đồng học, họ chỉ cần hai, ba năm chí tâm niệm Phật, đã được hiệu quả rất tốt: Biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ, được Phật đến tiếp dẫn, đứng vắng sinh, ngồi vắng sinh, đoan tướng hi hữu, những sự việc này có thể giả được ư?! Trong mắt tôi, những người này đều không phải người thường mà là Phật, Bồ Tát tái sinh, đến biểu diễn cho chúng ta thấy. Trong Tam Chuyển Pháp Luân, họ làm “chứng chuyển”, chứng minh cho chúng ta thấy về sự tướng. Chúng ta thấy được chứng cứ có thể không tin chẳng?! Nếu còn có nghi hoặc, xen tạp, vậy thì phải nhanh chóng tiếp tục nỗ lực từ trong kinh điển. Nếu không bắt đầu từ kinh giáo, đó chính là mê tín.

Chúng ta đọc kinh điển Đại thừa, lại nghe được báo cáo của các nhà khoa học. Bất luận từ “vũ trụ vĩ quan” hay “Lượng tử lực học”, ngày càng tiếp cận kinh Phật, đây là việc tốt. Ta có lý do tin rằng hai, ba mươi năm sau tôn giáo trên thế giới nếu muốn tồn tại cũng rất khó khăn, không hề đơn giản! Riêng Phật Giáo được truyền thừa mãi mãi vì Phật Giáo không còn là tôn giáo mà đã biến thành khoa học. Khoa học cao cấp!

Hôm nay đọc đoạn kinh này, y theo “*Lý phát tâm*” nghĩa là “*Thuận Lý Phát Tâm*”, tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, “*phi hữu, phi vô, ly ngôn tuyệt lự*”. Ngày nay, các nhà lượng tử học đã chứng minh nhưng không rõ ràng như Phật nói. Nếu họ phát tâm học Phật, tốc độ thành tựu của họ chắc chắn nhanh hơn chúng ta nhiều,

vì họ có nền tảng, vừa nghe kinh Phật họ liền hiểu ngay, cũng như khi chúng ta thâm nhập được thuần thực kinh điển, vừa thấy báo cáo của họ, chúng ta lập tức liền hiểu ngay.

Trong bài “Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn” cũng viết: “*Phát Bồ Đề tâm là vua trong các điều lành*”. Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận lại bảo: “*Nên biết rằng Bồ Đề tâm là nguồn cội của chư Phật, là tuệ mạng của chúng sinh. Vừa mới phát tâm này đã thành Phật đạo vì đã tương ứng với Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xung trí, trí Đại Thừa rộng lớn, trí tối thượng thắng không gì sánh tày vậy*”. Hơn nữa, ba bậc vãng sinh trong kinh này đều do “Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm” đủ thấy “phát Bồ Đề tâm” thật là điều quan trọng hàng đầu.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Xét ra, vì nguyện thứ hai mươi sáu là “*văn danh đắc phước*” (nghe tên được phước) và nguyện thứ bốn mươi bảy “*văn danh đắc nhẫn*” (nghe tên được nhẫn) thì nguyện thứ mười chín “*văn danh phát tâm*” này phải nên được hiểu là: “*Do nghe danh hiệu của Phật, được Phật gia bị nên phát tâm Bồ Đề*”. Hiểu như thế sẽ liền thấy rõ công đức của danh hiệu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Sức hoằng thệ nguyện của đấng Nguyên Vương chẳng thể nghĩ bàn!”

“*Tu chư công đức... trú dạ bất đoạn*” (Tu các công đức ... ngày đêm chẳng ngắt) là đại hạnh sẽ làm sau khi phát đại tâm. Câu này và câu trước đó hợp thành toàn văn của nguyện thứ mười chín là “*văn danh phát tâm*”. Do nghe danh hiệu Phật A Di Đà nên phát tâm tu các đại hạnh.

“*Tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật*” (Tu các công đức, phụng hành sáu Ba La Mật).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đại hạnh (hạnh lớn) phải bao gồm các tiểu hạnh (hạnh nhỏ). Ngày xưa không cần cách nói

này. Vì sao? Vì các tiểu hạnh này là qui củ làm người, mọi người đều tu, chưa làm người tốt sao có thể thành Phật?! Có nền tảng của hạnh nhỏ mới có thể tu hạnh lớn. Hạnh lớn ở đây là Lục Ba La Mật, là sáu đại hạnh của Bồ Tát tu. Hạnh nhỏ là trời, người tu cũng rất quan trọng, tuyệt đối không được lơ là.

Đệ tử Phật ở thế gian phải làm gương cho đại chúng xã hội. Tiêu chuẩn của tám gương tốt này là: “Đệ tử qui”, “Cảm ứng thiên”, “Thập thiện nghiệp”. Từ xưa đến nay, ba nền tảng này là qui củ, là gia giáo, mỗi gia đình nam nữ, già trẻ đều phải tuân thủ. Không có qui củ không giống một gia đình. Cho nên, những hạnh nhỏ này từ nhỏ đã học rồi.

Nhưng gần nhất là một trăm năm nay họ đã lơ là đối với giáo dục truyền thống. Từ sau chiến tranh Trung-Nhật, chúng ta thật sự đã quên nó; chẳng những không còn nhìn thấy có ai thực hành mà cũng không nghe ai nói đến! Họ rất xa lạ đối với những danh từ này! Những năm gần đây, đồng tu học Phật đã tìm lại những thứ này, không tìm lại không thể thành tựu! Đây là học Phật căn bản; không có căn bản, cành lá, hoa, quả từ đâu ra?!

Trong lời nguyện, chữ *Lục Ba La Mật* chỉ **Lục Độ** bao trùm cả vạn hạnh. “Độ” là vượt qua biển sinh tử đạt đến bờ Niết Bàn. Sáu Độ là: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Bát Nhã.

1. Bố Thí

Chân Đế của Bố Thí, theo Hòa Thượng Tịnh Không là buông bỏ hết thấy mọi hư huyền của thế gian. Tất cả pháp thế và xuất thế gian là “pháp hữu vi”. Gọi là “pháp hữu vi” vì có sinh diệt, có biến hóa, đó là “pháp duyên sinh” gọi là “nhân duyên sinh pháp”, tất cả các thứ này đều buông bỏ hết. Phật pháp cũng là “nhân duyên sinh

pháp”, chúng sinh có “cảm” là nhân; Phật, Bồ Tát có “ứng” là quả. Phật pháp kiến lập ở thế gian không lìa nhân quả, cho nên nó cũng không phải thật, cũng cần buông bỏ.

- Buông bỏ bằng cách nào?

- Không phải buông bỏ từ “sự” mà phải buông bỏ từ trong tâm.

- Vì sao?

- Vì pháp thế và xuất thế gian: “sự” có “lý” không; “tướng” có “tánh” không. Nếu tương ứng với điều này nghĩa là giác ngộ; giác ngộ gọi là Phật pháp, không tương ứng với pháp thế gian. Thật ra, thế và xuất thế gian cũng không có giới hạn, chỉ là giác và mê mà thôi. “Giác” là xuất thế; “mê” thì không thể thoát ly luân hồi lục đạo nên gọi là thế gian.

Trong Hoàn Nguyên Quán, đức thứ nhất là “tùy duyên diệu dụng”. “Tùy duyên” là hằng thuận chúng sinh; “diệu dụng” là không nhiễm chút trần tức là buông bỏ, đây mới thật sự là “bồ thí Ba La Mật”. Nếu không như vậy, cho dù có bồ thí cũng chỉ là cầu phước báo thế gian, bồ thí đó thì không viên mãn vì không tương ứng với tự tánh. Cho nên, bình thường chúng ta phải luyện tâm thanh tịnh, học không nhiễm trước, không bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm, không chấp trước tất cả pháp thế và xuất thế gian, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà; ngoài Phật A Di Đà ra không có gì cả. Công phu này thuần thực, chắc chắn sẽ vãng sinh.

2. Trì Giới

Nói một cách đơn giản là giữ qui củ. Lúc trẻ, tôi học Phật, thầy đem bốn trọng giới trong giới Bồ Tát nói với chúng tôi rất nhiều lần, tuyệt đối không được phạm bốn giới trọng này; trong đó giới thứ nhất là “*không làm quốc phản*”, nghĩa là tuyệt đối không làm những

việc tổn hại đến quốc gia. Vì sao? Vì tội quá lớn! Như Trung Quốc có mười ba ức người, nếu làm việc tổn hại đến quốc gia, kết tội là kết tội với mười ba ức người, thật phiền phức biết bao! Làm sao trả hết được! Ví như xâm phạm thiết bị công cộng, cho dù rất nhỏ, như điện thoại công cộng trộm lấy mang về nhà dùng, chủ nhân là mười ba ức người, cho nên trái chủ cũng là mười ba ức người!

Trong “Giới Kinh”, Phật nói: “*Người tội ngũ nghịch, Phật có thể cứu; nếu trộm vật Tam Bảo, Phật không cứu được!*” Vật của quốc gia cũng giống như vật của Tam Bảo. Đất nước nhỏ, ít người, tội nhẹ một chút. Quốc gia lớn, đông người thì tội thật đáng sợ! Thà chết đói, chết lạnh cũng không thể xâm phạm một chút tài vật nào.

3. Nhẫn Nhục

Ý nghĩa thật sự trong kinh Phật là nhẫn nại, bền lòng. Muốn cầu học, phải có tâm nhẫn nại, bền chí mới đạt đến thành công. Bí quyết của thành công đều ở nơi sức nhẫn nại. Cổ nhân nói: “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. “Nhất môn thâm nhập” là Trì giới. Lúc chưa khai ngộ phải chuyên học một môn, tuyệt đối không được học hai môn, như vậy tâm mới Định. Mục đích Trì giới là tâm phải được Định; mục đích của Định là khai Trí tuệ. Giới là nhân, Định là quả; Định lại là nhân; khai Trí tuệ là quả. Nếu không có nhẫn nại không thể làm được.

Nhất định phải tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, tập trung ý nghĩ và tinh thần của mình vào một nơi. Trong kinh, Phật dạy “*ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện*”. Ý niệm chúng ta rất tán loạn như ánh sáng của ngọn đèn tỏa khắp. Nếu tập trung ánh sáng vào một điểm liền biến thành tia “laser”, sức mạnh này rất lớn. Cũng thế, chúng ta tập trung các ý niệm tán loạn lại một điểm, đó tức là Định, trong kinh gọi là tam-muội. Tam-muội khởi tác dụng là thần thông hiện tiền như: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng cho đến Thần Túc Thông

(Thần Túc Thông là biến hóa) đều có thể hiện tiền. Vì sao? Kinh Phật nói rất rõ: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh”. Cho nên, Định có thể hiện thần thông. Thần thông là bản năng tự tánh của chính mình, do vì tâm tán loạn nên năng lực này mất đi. Nếu tập trung được ý niệm, năng lực này lập tức khôi phục.

4. Tinh Tấn

“Tinh” là thuần chớ không tạp; “tấn” là không lui sụt, nghĩa là “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, đó gọi là tinh tấn. Nếu học quá nhiều, quá tạp, tâm sẽ loạn không gọi là tinh tấn mà là “loạn tấn”. Những gì họ học được chỉ là thường thức không phải trí tuệ. Tâm tinh tấn là tâm Định. Học nhiều thứ, quảng học đa văn, tâm đó là loạn, cũng gọi là tâm trôi nổi. Nhẫn Nhục và Tinh Tấn là tiền phương tiện của Thiền Định. Trước khi được Định cần phải đầy đủ hai yếu tố này. Trong pháp môn Tịnh Độ, tất cả đều qui về “Niệm Phật tam-muội”, đây là Tinh Tấn thật sự.

5. Thiền Định

Thiền là tiếng Phạn, Định là tiếng Hoa, ghép chung là “Hoa-Phạn hợp dịch”. Thiền là không chấp tướng (chúng ta thường nói: Không chấp trước, không phân biệt), thông thường dịch là “Tịnh lự”, là tâm thanh tịnh, “lự” ở đây là hình dung từ, thật ra họ không có từ lự. Phàm phu, khi có ai hỏi vấn đề gì, phải suy nghĩ mới trả lời, như vậy gọi là “lự”. Người tu được Thiền Định, họ không có “lự” nhưng rất thấu suốt vấn đề. Ý nói: Khi không khởi tác dụng, tâm họ là Định, là vô tri, là Bát Nhã vô tri; nhưng khi khởi tác dụng, tâm họ là “vô sở bất tri”. Thiền là thể, Bát Nhã là tác dụng; Bát Nhã là thể, Thiền là tác dụng, hỗ tương lẫn nhau. Không có trí tuệ chân thật sẽ không được Định. Không có Định công, trí tuệ sẽ không khai mở.

6. Trí Tuệ (Bát Nhã)

Bát Nhã là tiếng Phạn dịch âm, thông thường dịch là trí tuệ, nhưng nó còn có ý nghĩa rất sâu sắc: Trí tuệ Bát Nhã chân thật, trí tuệ vô sở bất tri. Trong ngôn ngữ Trung Quốc không tìm thấy được chữ tương ứng, nên khi dịch kinh vẫn dùng âm Phạn.

Sáu hạng mục trên của Bồ Tát tu ngay trong cuộc sống hàng ngày như: Mặc áo, ăn cơm, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều phải tương ứng với năm hạng mục còn lại. Chẳng hạn như trong Bồ Thí có Trì giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, trong Trì giới có Bồ Thí, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã v.v... Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một là tất cả, tất cả là một”, bất cứ một pháp nào cũng đều hàm nhiếp tất cả pháp, tất cả tức là một.

Từ trong giáo nghĩa này, chúng ta lãnh hội được toàn thể vũ trụ là nhất thể, không thể phân tích. Bất luận là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cho đến hiện tượng tự nhiên, mỗi niệm phát ra tin tức trùm khắp bên ngoài, đồng thời mỗi niệm cũng tiếp nhận tin tức của toàn thể vũ trụ, đã nói lên “*một là tất cả, tất cả là một*”. Triển khai Lục Độ cũng chính là vô lượng vô biên tế hạnh của Bồ Tát.

“*Kiên cố bất thoái*”, theo giải thích của cụ Hoàng Niệm Tô: “Nghĩa là các đại nguyện, đại hạnh trên quyết chẳng lay động, vĩnh viễn không lui sụt. Như phần kệ tụng đã nói: “*Ngã hạnh quyết định kiên cố lực, duy Phật thánh trí năng chứng tri, tưng sử thân chỉ chư khổ trung, như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái*”. (Hạnh tôi sức kiên cố quyết định, chỉ Phật thánh trí chứng biết nổi, dẫu thân ở trong các chốn khổ, nguyện tâm như vậy trọn bất thoái) thì “kiên cố” có nghĩa là “bất thoái”.

“*Nhất tâm niệm ngã*” (Nhất tâm niệm tôi), xét theo kinh này: nhất tâm là tín tâm kiên định, chẳng bị các tâm khác nhiễu loạn.

Sách Giáo Hạnh Tín Chứng Văn Loại nói:

“*Tín tâm chính là nhất tâm. Nhất tâm chính là lòng tin chân thật*”. Đại sư Hiền Thủ chú giải Kinh Hoa Nghiêm, chú giải của ngài gọi là Thám Huyền Ký, ngài nói: “*Nhất tâm giả, tâm vô dị niệm cố*” (Nhất tâm là tâm không dị niệm). Cảnh giới này cao! Cách nói này chính là Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói: “*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”, đây gọi là “*nhất tâm*”. Đại Thế Chí Bồ Tát trên Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta phương pháp niệm Phật, cũng là một câu này “*gom nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. Tám chữ này cùng với: “*nhất tâm niệm Phật*” là hoàn toàn tương đồng. Tịnh niệm trong đây hoàn toàn không có hoài nghi, không có xen tạp, mới gọi là tịnh niệm.

Chúng ta từ báo cáo của cư sĩ Lưu Tố Vân biết được một tin tức: “Người mang bệnh nặng ở trong phòng cấp cứu”. Chúng ta đều cho rằng đây là hiện tượng bình thường, nhưng thật ra người bệnh này rất đau khổ! Những đau đớn mà họ gặp phải không thể chịu đựng được, cũng không nói ra được nên sinh tâm sân giận, oán hận! Họ khởi cái tâm này, nhất định sẽ vào địa ngục! Thật đáng sợ!

Một số đồng tu có kinh nghiệm, lúc người nhà bệnh nặng sắp tắt hơi, bác sĩ hỏi họ có cần cấp cứu chăng? Người học Phật biết không cần thiết, bác sĩ cũng tán thành vì biết cấp cứu chỉ kéo dài thêm được vài tiếng đồng hồ, nhưng nỗi đau đớn, oán hận mà bệnh nhân phải chịu đựng thì quá lớn không dễ gì hóa giải!

Rất tiếc, hiện nay nhiều nơi đều đưa ra luật pháp: Nếu không để bệnh nhân chết trong bệnh viện là xúc phạm “Pháp lệnh chương qui”! Phải đưa họ đến bệnh viện cấp cứu trước khi chết! Như vậy chẳng phải là đưa mọi người đến địa ngục rồi sao?! Oán hận này kết quá sâu! Đòi đòi kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ dứt, việc này thật đáng sợ!

- Phải nên tránh như thế nào?

- Nhất định phải niệm Phật đến ít nhất là “*công phu thành khởi*”, đến lúc lâm chung sẽ được tự tại vãng sinh, không cần đến bệnh viện để chịu khổ. Điều này mỗi chúng ta đều có thể làm được. Người niệm Phật được “nhất tâm”, khi lâm chung không sinh bệnh, trò chuyện vui vẻ, cáo từ mọi người: Phật đến tiếp dẫn, tôi theo ngài về thế giới Cực Lạc! Nói xong là ra đi. Đứng mà đi! Ngồi mà đi! Hiện tượng này có rất nhiều. Cư sĩ Vương Long Thư đời nhà Tống cũng là đứng mà vãng sinh.

“**Trú dạ bất đoạn**” (Ngày đêm chẳng ngắt):

Đại Sư Thiện Đạo nói: “*Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật, đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng luận thời tiết, xa gần, niệm niệm chẳng bỏ*” ấy chính là “nhất tâm niệm Phật”.

“*Chẳng luận thời tiết, xa gần*”, theo Hòa thượng Tịnh Không là: Không màng tới thời gian niệm Phật dài hay ngắn. “*Niệm niệm chẳng bỏ*” là chỉ quan tâm một niệm, đây là *Tịnh niệm tương tục* cũng chính là “nhất tâm niệm Phật”. Do vì từ “sự” nhập “lý”, nhưng toàn thể của “sự” lại chính là “lý” vậy. Thực tế mà nói, “lý” và “sự” không thể tách rời. Trong “sự” có “lý”, trong “lý” có “sự”. Sau khi được “sự nhất tâm”, họ thường có khai ngộ.

“Sự nhất tâm” là Định, khi khai ngộ liền nhập “lý nhất tâm”. Nếu câu Phật hiệu, niệm niệm không gián đoạn nhưng vẫn còn xen tạp khởi tâm động niệm, đây là “sự nhất tâm”; không còn khởi tâm động niệm mới là “lý nhất tâm”, sai biệt là ở đây. Chung qui vẫn là vấn đề buông bỏ được bao nhiêu. Buông bỏ triệt để là “lý nhất tâm”; chưa buông bỏ triệt để là “sự nhất tâm”.

Chiều nay, Lâm trưởng cư sĩ Lý triệu tập đại biểu của chín tôn giáo Singapore đến đây cùng thảo luận. Buổi dạ tiệc ấm áp thiên

hỉ niên, buổi tối nơi đây họ cũng dùng cơm. Chiều nay, tôi đến sớm hơn một chút để nghe họ nói, tôi chỉ dự thính. Chúng ta dùng giáo huấn của Kinh Hoa Nghiêm: Chín tôn giáo này đều là Phật Giáo. “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”. Nếu đứng trên lập trường của Ki-tô giáo thì chín tôn giáo kia đều là Ki-tô giáo. Nếu đứng trên lập trường của Islam giáo thì chín tôn giáo đó đều là Islam giáo. “*Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất*”; “nhất”, “đa” không hai.

Chữ “nhất” mà Phật nói ở đây không phải là “chuyên nhất”, cũng không phải là “độc nhất” mà là “tùy nhất”. Quan niệm này thật rất chính xác, không sai chút nào. Đây là tư tưởng, cảnh giới của Hoa Nghiêm; thực hiện được điều này thì giữa tôn giáo với tôn giáo làm gì có sự xung đột! Tự nhiên hòa thuận cùng sống; mỗi mỗi đều là đệ nhất; mỗi mỗi đều thông nhiếp tất cả các tôn giáo khác. Thế giới Hoa Nghiêm tốt đẹp đến như vậy. Tuy nói là “nhất” nhưng “nhất” chẳng ngại “đa”; “đa” chẳng ngại “nhất”; đây mới là chân tướng sự thật, mới là chân lý.

Hy vọng đồng tu chúng ta từ chỗ này mà giác ngộ; tâm lượng chúng ta mới lớn, chân thật như Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Giảng đến chỗ cứu cánh, Phật nói: Hư không pháp giới, tất cả chúng sinh đồng một tự tánh, đồng một Pháp Thân, đồng một trí tuệ. Khế nhập được cảnh giới này, tâm chúng ta mới chân thật làm đến được “*nhất tâm niệm ngã*” (nhất tâm niệm tôi), mới chân thật là “nhất tâm”, không còn phân biệt, xen tạp vọng tưởng nữa, mới có thể làm đến được thuần nhất.

Trong nguyện văn nói: “*Nhất tâm niệm ngã*”, ý niệm này rất viên mãn bao gồm cả “sự nhất tâm” và “lý nhất tâm”.

Tóm lại, nguyện thứ mười chín “*nghe danh phát tâm*” là nhân; nguyện thứ hai mươi “*lâm chung tiếp dẫn*” là quả. Nhân quả này không phải là nhân quả bình thường như chúng ta thường nói:

Thiện nhân, thiện quả; ác nhân, ác quả mà là nhân quả của xuất thế gian “*Niệm Phật là nhân, vãng sinh thành Phật là quả*”.

Hiện nay, chúng ta xem thấy báo cáo của các nhà khoa học về số lượng vũ khí hạt nhân. Họ dự đoán trên toàn cầu có ít nhất là bảy vạn năm ngàn trái, mà oai lực của mỗi quả bom nguyên tử nhỏ nhất cũng gấp mười lần Quảng Đảo và Trường Kỳ, có trái gấp hai mươi lần; thậm chí gấp một trăm lần; còn có quả lớn hơn nữa. Một quả bom nguyên tử có thể hủy diệt cả một thành phố! Chỉ e trên toàn thế giới chưa có đến bảy vạn năm ngàn thành phố.

- Ai đứng ra phát động chiến tranh này?

- Là người bệnh thần kinh! Những kẻ điên!

Thế giới hiện nay người bệnh thần kinh rất nhiều! Điều này đáng sợ hơn chiến tranh! Ngày nay, phương pháp cứu vãn duy nhất chính là đề xướng giáo dục luân lý đạo đức, đặc biệt là nhân quả và giáo dục tôn giáo. Chúng ta hy vọng mỗi tôn giáo trên thế giới đều phải giác ngộ, mọi người cùng nhau cứu vãn xã hội này. Phải đưa tôn giáo trở về với giáo dục mới có thể phát sinh hiệu quả. Nếu tôn giáo vẫn giữ phương thức cầu nguyện như lâu nay sẽ không có hiệu quả, bởi rất nhiều người trong xã hội đều không tin, họ không tiếp thu!

- Cầu nguyện có hiệu quả chăng?

- Giới khoa học chứng minh có hiệu quả, đặc biệt là cầu nguyện tập thể.

Pháp hội trong Phật Giáo là thuộc về cầu nguyện tập thể. Nhưng, đây là trị ngọn không phải trị gốc! Hóa giải thiên tai, người trong xã hội không tin! Họ nói: Căn bản không có thiên tai, quý vị đồn đại, không thể tin! Cho nên, nhất định phải trở về với nền giáo dục.

Ngày nay, trên toàn thế giới xảy ra phiền phức lớn. Từ mào non đến nghiên cứu sở, không có giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục tôn giáo nên mới xảy ra vấn đề! Tôn giáo có thể bù đắp, cống hiến cho xã hội những thiếu sót này, thiên hạ sẽ không còn nói tôn giáo là mê tín, đó là vấn đề bức thiết nhất hiện nay.

Chúng tôi cũng dùng rất nhiều phương pháp như kiến nghị lên tổ chức hòa bình tôn giáo thế giới của Liên Hiệp Quốc, nhắc nhở họ phải phát động đoàn kết tôn giáo trên toàn thế giới, phải khuyến tất cả tôn giáo trở lại với nền giáo dục, bù đắp những môn học thiếu sót trong xã hội hiện tại. Mặt khác, chúng ta cũng đứng ra tích cực thực hiện, đây là “vô úy bố thí”.

“Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng nghêh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sinh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát” (Lúc lâm chung, tôi cùng các Bồ Tát chúng hiện đến trước mặt tiếp dẫn, trong khoảnh khắc người ấy liền sinh sang cõi tôi, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát).

Hiện nay, tôi xem một số báo cáo của phương Tây, đặc biệt là bác sĩ khoa thần kinh. Họ làm thí nghiệm lâm sàng, dùng thuật thôi miên để nghiên cứu thảo luận kinh nghiệm cận kề cái chết. Có rất nhiều trường hợp chân thật. Bản thân tôi cũng từng trải nghiệm hai lần: Năm bốn mươi lăm tuổi một lần; năm bảy mươi chín tuổi một lần. Nghĩa là cách đây năm năm, có một lần, thật sự có thể vãng sinh.

Năm năm trước, tôi thấy Phật, ngài đến tiếp dẫn. Tôi nghe được âm thanh đằng sau mình. Tôi nhìn Phật, không nhìn lui ở sau nên không biết là ai. Họ hỏi tôi: - Ông còn gì vương bận chẳng? Còn gì lo âu chẳng? Còn muốn gặp ai chẳng? Còn việc gì chưa hoàn thành chẳng? v.v... Họ hỏi rất nhiều. Tôi nói: Tất cả đều không, tôi hy vọng đức Phật đưa tôi cùng đi. Tôi còn nói thêm một câu: Nếu Phật muốn

con ở lại thế gian thêm vài năm giúp những chúng sinh khổ nạn cũng được!

Sau đó tỉnh dậy, trong tâm tôi nghĩ: Đáng lý ra là đi năm đó! Lưu lại thế gian không phải vì tôi, tôi không có gì cả, lưu lại là để giúp chúng sinh khổ nạn của thế gian; cũng có thể lưu lại để giảng bộ kinh này. Bộ kinh này đích thật có thể giúp rất lớn cho chúng sinh tu pháp môn Niệm Phật của chín ngàn năm mạt pháp. Bản hội tập của Hạ Liên Cư, chú giải của Hoàng Niệm Tổ, ở đây chúng tôi cùng nhau chia sẻ rất tường tận với mọi người để pháp môn này được lưu truyền mãi mãi.

Trên đây là nguyện thứ hai mươi “*lâm chung tiếp dẫn*”. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Nguyện hai mươi thể hiện sâu xa diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn của phương tiện Tha lực trong Quả giáo. Kẻ phàm phu nghiệp chướng chất chồng lại có thể mang nghiệp đó vãng sinh; đây toàn là do nguyện này của Phật Di Đà, do sức từ bi đại lực nhiếp thọ của thánh chúng hiện diện lúc lâm chung”.

Ngài Linh Chi (Nguyên Chiếu) đời Tống nói: “*Phàm người lâm chung thân thức vô chủ, không một thứ nghiệp chủng thiện hay ác nào lại không phát hiện: hoặc khởi ác niệm, hoặc khởi tà kiến, hoặc sinh quyến luyến, hoặc phát điên rồ, chẳng phải chỉ có một thứ ác tướng... đều là điên đảo cả*”. Rõ ràng là phàm phu nghiệp nặng, lúc lâm chung lắm nổi điên đảo, lại bị Tứ Đại bức bách khổ sở, đau đớn khó tả nổi, làm sao có thể chánh niệm trì danh cho được! Chẳng thể trì danh làm sao có thể vãng sinh?! Cho nên, **phàm phu vãng sinh chẳng phải do tự lực mà toàn là cậy vào sức gia bị của Đại Nguyện Phật A Di Đà giữ cho chẳng điên đảo nên mới được vãng sinh**; như sách A Di Đà Viên Trung Sao, Đại sư U Khê nói:

“Chúng sinh Cõi Sa Bà tuy có thể niệm Phật, nhưng Kiến Hoặc còn rối bời chưa thể đoạn trừ được. Khi lâm chung chẳng bị

điên đảo thì vốn nào phải do sức mình chủ trì nổi, mà chỉ toàn là cậy vào Di Đà đến cứu vớt thôi. Tuy không có chánh niệm mà giữ nổi chánh niệm nên tâm chẳng điên đảo, liền được vãng sinh”.

Ý tưởng trên càng được diễn tả rõ hơn trong Kinh Tiểu Bản và Kinh Bi Hoa. Kinh Tiểu Bản (bản Đường dịch) mang tên là Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh có nói: “*Lâm mạng chung thời, Vô Lượng Thọ Phật, dữ kỳ Thanh Văn đệ tử, Bồ Tát chúng câu, tiền hậu vi nhiễu, lai trụ kỳ tiền, từ bi gia hựu, linh tâm bất loạn*” (Lúc lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật cùng vô lượng Thanh Văn đệ tử, Bồ Tát của ngài trước sau vây quanh, đến đứng trước mặt, từ bi gia hựu khiến tâm chẳng loạn). Rõ ràng là phàm phu khi lâm chung tâm chẳng điên đảo, chẳng tán loạn, chánh niệm trì danh hoàn toàn nhờ vào sức Phật Di Đà từ bi ban ân che chở (gia hựu) vậy.

Nên biết, vãng sinh tự tại công đức rất lớn, biết bao nhiêu người nhìn thấy đều sinh tâm hoan hỉ, khiến người không tin cũng phải tin; người đã tin thì tuyệt đối không còn hoài nghi.

Trước đây, ở Hồng Kông, phu nhân của Tước sĩ Hà Đông, có con trai là Hà Thế Lễ vốn là một tướng quân. Cả gia đình đều là tín đồ đạo Cơ Đốc, chỉ riêng bà mẹ là tin Phật, niệm Phật. Nhưng, Hà Thế Lễ rất hiếu thuận, cũng rất hiếm có! Trong nhà thiết lập một Phật đường cho cụ bà niệm Phật, tránh không ai quấy nhiễu hoặc chướng ngại bà. Gia đình họ là tự do tín ngưỡng. Suốt đời bà cụ chưa từng khuyên con cháu niệm Phật. Khi lâm chung, bà nói với con dâu và cháu: Mẹ sắp đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, khi mẹ đi các con niệm vài câu Phật hiệu đưa tiễn mẹ, xem như là nhân duyên giữa mẹ và con.

Khi lâm chung, gia đình bà mở đại hội vãng sinh. Lúc đó có ký giả đưa tin xem cụ bà vãng sinh ra sao? Cáo biệt mọi người như thế nào? Sau cùng, bà nói: - Phật đã đến tiếp dẫn, mẹ phải đi theo

ngài đây! Rồi bà tắt hơi ra đi. Bà vãng sinh độ được rất nhiều người. Về sau, cả gia đình Hà Thế Lễ đều học Phật. Độ cả gia đình! Cụ bà thật tuyệt vời! Bà biểu diễn chiêu sau cùng này khiến cả gia đình đều tin theo Phật. Đây là thật không phải giả! Ngôi nhà “Đông Liên Giác Uyển” chính là sản nghiệp của Hà Đông đã cúng dường Tam Bảo, trở thành một đạo tràng.

Năm 1977, lần đầu tiên tôi đến Hồng Kông giảng kinh, có nghe qua về cụ bà vãng sinh, quả thật đã được Tam Bảo gia trì. Tuy bà có chút bệnh nhưng rất nhẹ. Lúc lâm chung, bà rất tỉnh táo, giao phó mọi việc xong bà mới ra đi. Bản thân bà được tâm hoan hỷ; mọi người tham gia đại hội vãng sinh hôm đó cũng đều rất hoan hỷ.

Ngày xưa, Hồng Kông do người Anh thống trị. Bà biểu diễn chiêu này khiến người ngoại quốc ở đây cũng đều nhìn thấy. Lúc đó, còn có pháp sư Đàm Hư vãng sinh ở Hồng Kông lưu lại xá lợi. Người Anh không tin! Là thật ư?! Viên xá lợi rất cứng, sắt đánh vào không bể! Họ dùng dùi sắt đánh vào, dùi sắt bị lõm nhưng viên xá lợi vẫn không hề hấn gì; người phương Tây lúc đó mới tin. Đây là biểu trưng nói với mọi người, việc này là thật không phải giả!

Kinh Bi Hoa cũng chép: “*Lâm chung chi thời, ngã đương dữ đại chúng vi nhiều, hiện kỳ nhân tiền. Kỳ nhân kiến ngã, tức ư ngã tiền, đắc tâm hoan hỷ. Dĩ kiến ngã cố, ly chư ám ngại, tức tiện xả thân, lại sinh ngã giới*” (Lúc lâm chung ta cùng các đại chúng vây quanh hiện trước mặt người ấy. Người ấy thấy ta liền đối trước ta sinh lòng hoan hỷ. Do thấy ta nên lìa các tối tăm, chướng ngại, liền xả thân sinh về cõi ta).

Kinh còn chép lời nguyện sau:

“*Sở hữu chúng sinh, nhược văn ngã thanh, phát nguyện dục sinh ngã thế giới giả, thị chư chúng sinh lâm mạng chung thời, tất linh kiến ngã, dữ chư đại chúng, tiền hậu vi nhiều. Ngã ư nhĩ thời,*

nhập Vô Ế tam-muội, dĩ tam-muội lực cố, tại ư kỳ tiền, nhi vị thuyết pháp. Dĩ văn pháp cố, tầm đắc đoạn trừ nhất thiết khổ não, tâm đại hoan hỉ, cố đắc Bảo Trí tam-muội. Dĩ tam-muội lực cố, linh tâm đắc Niệm, cập Vô Sanh Nhẫn. Mạng chung chi hậu, tất sinh ngã giới” (Tất cả chúng sinh nếu nghe danh hiệu của ta, phát nguyện muốn sinh trong thế giới ta thì lúc mạng chung, các chúng sinh ấy thấy đều thấy ta và các đại chúng vây quanh trước sau. Ngay khi ấy, ta nhập Vô Ế tam- muội. Do sức tam-muội nên ở trước mặt kẻ đó mà thuyết pháp cho kẻ đó. Do được nghe pháp, kẻ đó liền đoạn trừ hết thấy khổ não, tâm đại hoan hỉ nên đắc Bảo Trí tam-muội. Do sức tam-muội nên tâm đắc Niệm Nhẫn và Vô Sanh Nhẫn. Sau khi mạng chung ắt sinh về cõi ta).

Kinh Bi Hoa đã nói rõ diệu dụng của tha lực một cách thật rành rẽ. Kinh Xung Tán Tịnh Độ là Tiểu Bản của kinh này, Kinh Bi Hoa nói về nhân địa của Phật Di Đà và cõi Cực Lạc trang nghiêm. Hai kinh này cùng nói rõ lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, nguyện lực nhiếp thọ vãng sinh thù thắng, đủ thấy Di Đà nguyện vương diệu đức khó lường, đại ân đại lực chẳng thể tính kể nổi.

Trong nguyện thứ hai mươi này “*lâm chung tiếp dẫn*”, chúng ta phải chắc chắn tin tưởng “Đối nghiệp vãng sinh” là chân thật không phải giả.

Năm xưa, tôi ở Hoa Kỳ, Trần Kiến Vân Thượng Sư, ông là Thượng Sư Mật Tông đã từng tuyên bố với đại chúng: “Đối nghiệp” không thể vãng sinh! Ông đề xướng tiêu nghiệp mới có thể vãng sinh. Lúc đó, tôi vừa mới đến Hoa Kỳ, dường như là vào năm 1983. Việc đề xướng này của ông khiến trên thế giới có rất nhiều người niệm Phật bị cách nói này của ông làm chấn động, sinh ra hoài nghi với pháp môn Tịnh Độ. Ngay đến một vị tu hành là lão cư sĩ Châu Tuyên Đức, ông cùng lão cư sĩ Lý Bình Nam là đồng tham đạo hữu, là bạn

cũ. Lúc đó, ông ở Lu-xăng-chi, ông di dân đến Hoa Kỳ. Tôi vừa xuống phi cơ, ông đón tôi ở phi trường, chúng tôi cùng ngồi một xe. Từ phi trường đến thành phố đại khái khoảng năm mươi phút. Trên đường đi, ông nói với tôi:

- Pháp sư! Thượng Sư Trần nói không thể “đời nghiệp vãng sinh”, vậy thì phải làm sao?!

Thượng Sư Trần, tôi chưa gặp mặt ông ấy. Tôi nghe nói con người này khéo ăn khéo nói; trong giới Phật Giáo ở Hoa Kỳ rất có ảnh hưởng, là truyền Mật Tông, có trước tác cũng không ít. Ông vừa nêu ra như vậy, tôi liền nói:

- Nếu không thể “đời nghiệp” thì thôi vậy! Không cần đi! Nghe lời tôi, ông cảm thấy khó hiểu!

- Vì sao vậy?

Ông mở to đôi mắt nhìn tôi không nói ra lời! Tôi thấy sự biểu lộ của ông; đây là nêu ra nghi tình cho ông, khiến ông có thể chuyên chú. Sau đó, tôi nói với ông:

- Nếu “đời nghiệp” không thể vãng sinh, thế giới Cực Lạc chỉ có mỗi A Di Đà Phật, vậy đi làm gì?

Ông cũng không hiểu! Tôi lại nói tiếp:

- Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm “sanh tướng vô minh” chưa phá, có đúng vậy không?

Ông nói:

- Đúng vậy!

- Trên kinh có nói hay không?

- Có!

- Đó không phải “đói nghiệp” là gì?

Ông liền hiểu ra: Ngay đến Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền đều là “đói nghiệp vãng sinh”, làm sao có thể nói không “đói nghiệp vãng sinh”? Thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngoài A Di Đà Phật ra, thấy đều “đói nghiệp”; chỉ là “đói” nhiều hay “đói” ít mà thôi! Người “đói” ít, phẩm vị cao. Người “đói” nhiều phẩm vị thấp. Cho nên, tôi hỏi ông:

- Thế giới Cực Lạc có bốn độ hay không?

- Có!

- Có ba bậc, chín phẩm hay không?

- Trên kinh đều có!

- Nếu không có “đói nghiệp” thì phân ra nhiều giai cấp như vậy để làm gì?

Vậy, ông mới hiểu được rõ ràng. Sau đó, tôi khuyên ông nên lão thật niệm Phật, chớ làm nghe người. Bạn xem! Một bậc lão thành đã từng thân cận Đại sư Ấn Quang, tu hành cả đời, đến hơn tám mươi tuổi, chỉ nghe người ngoài nói vài câu đã bị mê hoặc, vậy có thể được sao?! Có thể thấy thật không đơn giản! Con người này, phía trước nói “*nhất tâm bất loạn*”; ông không được “*nhất tâm*”, cho nên bị cảnh giới chuyển, chỉ nghe người ngoài nói vài câu, lập tức liền hoài nghi, vọng tưởng xen tạp, công phu liền thối thất!

Cho nên, chúng ta nhất định phải tin tưởng, nhất định không hoài nghi đối với việc “đói nghiệp vãng sinh”. Cổ đức nói với chúng ta: Tất cả chúng sinh lúc lâm chung không ai mà không bị nghiệp lực lôi kéo. Lúc này, chính mình không làm chủ được; tất cả nghiệp tập thiện ác đều hiện tiền. Sự thật này, nếu chúng ta lưu ý một chút, có thể nhận ra được, chớ rõ ràng nhất là bệnh viện.

Ngày trước, tôi ở Đài Loan có ba bạn học phục vụ trong bệnh viện Vinh Dân. Họ đều là bác sĩ điều trị, tuyệt nhiên không tin Phật Giáo, nhưng họ tin có quí. Bác sĩ, y tá trong bệnh viện thường thấy quí; nhà Phật gọi là đại quí vô thường. Chỉ cần thấy đại quí vô thường đi tới đi lui trong phòng bệnh, trong tâm họ có niềm biết được người đó nhiều nhất là trong vòng ba ngày sẽ ra đi. Cho nên, từ trường trong bệnh viện không tốt. Người thông thường bước vào bệnh viện, nhất là bệnh viện có lịch sử lâu năm, không khí nơi đó rất âm u, ảm đạm, người thân khí yếu đến đó đều nổi da gà!

Thông thường người bệnh sắp ra đi, trước đó khoảng năm, ba ngày hoặc một tuần lễ liền có hiện tượng: Xem thấy rất nhiều thân bằng quyến thuộc trong nhà, đều là những người đã chết. Họ nói: Người này đến rồi ở ngoài cửa; người kia ở chỗ nào, họ nhìn thấy được. Trên Kinh Địa Tạng, Phật nói: Đó không phải là thân bằng quyến thuộc của họ mà là âm cảnh hiện tiền, cảnh giới này không tốt! Đây chính là oan gia trái chủ của họ biến hiện ra thân bằng quyến thuộc của họ để dẫn dụ họ đi.

Các Tổ sư, đại đức khuyên chúng ta lúc này nên trợ niệm giúp họ. Sau khi họ dứt hơi vẫn tiếp tục trợ niệm, tốt nhất có thể kéo dài thêm mười hai tiếng; chí ít cũng phải tám tiếng. Đây là trợ niệm thông thường; còn đến “Tăng Nghi Quán”, đó chỉ là Phật sự siêu độ, không phải trợ niệm. **Lúc trợ niệm, người bệnh vẫn chưa tắt thở, tốt nhất người bệnh phải ở trong nhà của họ. Lúc này là thời khắc quan trọng!**

Người trợ niệm là thiện tri thức chân thật của người sắp lâm chung. Khi họ nói thấy một người nào đó, lập tức nói với họ không nên để ý đến. Cho dù là người thiện hay người ác; là oan gia hay quyến thuộc, một mực không để ý, chỉ niệm A Di Đà Phật. Chỉ có A Di Đà Phật hiện tiền mới có thể đi theo ngài. Nếu không phải A Di

Đà Phật; cho dù là Phật, Bồ Tát nào khác hiện đến cũng không nên đi theo, đây là nhắc nhở họ chánh niệm. Ý niệm của họ vừa chuyển, cảnh giới đó liền biến mất. Vào lúc này không thể đọc kinh vì kinh văn quá dài, chỉ nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Hộ trì người bệnh phải ngày đêm không gián đoạn, mỗi giờ mỗi phút phải luôn nhắc nhở họ đề khởi chánh niệm cùng với mọi người niệm Phật. Khi thể lực họ yếu không thể niệm Phật, họ có thể lắng nghe, hoặc giả thấy môi họ mấp máy, việc này quan trọng; sau khi vãng sinh thông thường đều có tướng lạ rất tốt. Tướng lạ này cũng không thể quyết đoán họ được vãng sinh hay không, trừ khi chính họ nói: A Di Đà Phật đến rồi! Tôi thấy được A Di Đà Phật! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi v.v... Đây mới là chân thật vãng sinh.

Nếu trong thời gian trợ niệm, họ không hề nói qua rằng thấy có Phật A Di Đà đến hoặc thấy Quán Thế Âm Bồ Tát chi cả, vậy thì rất khó nói! Thế nhưng, chắc chắn họ không bị đọa vào ba đường ác; đời sau họ hưởng phước báo trời, người vẫn là có tướng lạ. Điều quan trọng lúc sinh thời, họ phải tu phước; không có phước báo, lúc lâm chung thần trí không rõ ràng, không nhận biết thân bằng quyến thuộc thì rất khó khăn! Vô cùng khó khăn! Cho dù vậy, chúng ta cũng trợ niệm cho họ. Có trợ niệm vẫn tốt hơn không trợ niệm; dù họ có đọa vào đường ác cũng sẽ được giảm nhẹ thống khổ, đây là khẳng định!

Cho nên, công đức trợ niệm không thể nghĩ bàn! Nếu không có được thiện hữu bên cạnh chăm sóc, nhắc nhở; họ xem thấy những oan gia trái chủ này, hoặc khởi tâm quyến luyến không thể buông bỏ, hoặc khởi ác niệm tà kiến, hoặc giả phát cuồng, tướng ác hiện tiền, thấy đều là điên đảo, khổ không nói ra lời, làm sao họ có thể tránh khỏi không bị đọa vào ba đường ác chứ!

Cho nên, phải nhận thức rõ ràng: Phạm phu vãng sinh không phải dựa vào chính mình mà hoàn toàn nương vào A Di Đà Phật bỗ

nguyện thần lực gia trì. Pháp môn Tịnh Độ, tuy là Pháp môn Nhị lực, nhưng phần lớn đều nhờ Phật lực; chính mình chỉ có thể làm đến được tin sâu, nguyện thiết, y giáo phụng hành. Vạn nhất chớ nên hiểu lầm: Chính ta có năng lực này, liền sinh công cao ngã mạn, đây là chướng ngại lớn nhất trên đường thành tựu đạo quả giác ngộ.

Do đây có thể biết người học Phật, cho dù học bất cứ tông phái nào, pháp môn nào, điều kiện căn bản là tâm phải thiện, ý phải thiện, hành vi phải thiện. Trồng nhân thiện được quả thiện; quả thiện chính là khi lâm chung thần trí rõ ràng, tín nguyện không suy, được Phật lực gia trì. Người tâm hạnh bất thiện, đợi khi lâm chung, lâm thời ôm chân Phật thì không đáng tin! Cho nên, lúc bình thường phải dụng công phu, phải có một quan niệm chính xác, nhận rõ sự thật, nhất định không tham sống, sợ chết. Con người làm sao không chết! Vấn đề là sau khi chết đi đến nơi nào?

Chân thật là người thông minh trí tuệ, biết được nhân sinh ngắn ngủi, nhất định phải nắm lấy cơ duyên làm việc tốt. Thường ngày phải tập thành thói quen, đại đức xưa chỉ dạy: Mỗi ngày lên giường ngủ xem như chờ chết, liền nghĩ đến A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn ta. Ngày ngày đều nghĩ, đến lúc lâm chung, quả nhiên nghĩ được A Di Đà Phật đến thật. Bình thường nếu không có chí nguyện này, đến lúc A Di Đà Phật đến thật thì sinh tâm lo sợ: Ta sắp phải chết rồi! Khi vọng tưởng này vừa khởi, A Di Đà Phật liền đi! Bạn liền đọa lạc!

Trong Niệm Phật Đường của Đại sư Ấn Quang, ngài chỉ treo một chữ “chết”, có thể thấy được ngài không sợ chết; mỗi ngày ngài đều nghĩ “chết”. Thực tế mà nói: Đại sư chính là Bồ Tát Đại Thế Chí của thế giới Tây Phương Cực Lạc tái sinh, hà tất phải làm ra dáng vẻ như vậy?! Ngài không phải phàm phu! Đây là ngài khai thị, dạy bảo chúng ta hãy xem cái chết lúc nào cũng gần kề, tự nhiên mọi thứ đều

tan nhạt, đều buông bỏ danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần; không nghĩ ngợi, tính toán lo toan phải quấy, tốt xấu v.v... của thế gian; mỗi giờ mỗi phút tự nhắc nhở mình chánh niệm, nhất tâm niệm Phật.

A Duy Việt Trí còn được phiên là A Bệ Bạt Trí, dịch nghĩa là Bất Thoái Chuyển.

Theo sách Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư nói: “A Bệ Bạt Trí, Hán dịch là Bất Thoái:

- **Vị Bất Thoái:** Vào dòng thánh, chẳng đọa địa vị phạm phu.
- **Hạnh Bất Thoái:** Luôn độ sanh, chẳng đọa địa vị Nhị thừa.
- **Niệm Bất Thoái:** Tâm tâm lưu nhập biển Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí).

Trong Cõi Sa Bà này, Sơ Quả của Tạng giáo, bậc Kiến Địa của Thông giáo, bậc Sơ Trụ của Biệt giáo, bậc Tín Địa của Viên giáo gọi là Vị Bất Thoái. Bồ Tát của Thông giáo, bậc Thập Hưởng của Biệt giáo, bậc Thập Tín của Viên giáo gọi là Hạnh Bất Thoái. Sơ Địa của Biệt giáo, Sơ Trụ của Viên giáo mới gọi là Niệm Bất Thoái”.

Cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích như sau: Bất Thoái có ba thứ, loại cao nhất là Niệm Bất Thoái. Hành giả trong cõi này phải là bậc tu chứng Sơ Hoan Hi Địa trong Biệt giáo, hay bậc tu đến Sơ Phát Tâm Trụ trong Viên giáo mới phá được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân rồi mới có thể trong mỗi niệm chứng nhập biển Tát Bà Nhã (Sarvajña: biển Nhất Thiết Chung Trí, tức là quả hải của Như Lai). Bỏ cả nhị biên, hoàn toàn qui về Trung Đạo thì mới gọi là “*niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã*”.

Như vậy, rất khó chứng được Niệm Bất Thoái, nhưng trong nguyện này, Phật lại nói: Mười phương chúng sinh nghe danh phát

tâm, nhất tâm niệm ta, liền sinh trong cõi ta, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát. Kinh Tiểu Bản cũng dạy: “*Cực Lạc quốc độ, chúng sinh sinh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí*” (Chúng sinh sinh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bộ Bạt Trí).

Sách Yếu Giải còn giảng: “*Nay trong Tịnh Độ, Ngũ Nghịch, Thập Ác; mười niệm thành tựu, ôm nghiệp dĩ vãng sinh thuộc về hạ hạ phẩm cũng đều được ba thứ Bất Thoái*”. Người hạ hạ phẩm mà cũng chúng ba thứ Bất Thoái, trong một đời viên thành Phật quả thì thật là không đâu được như vậy, chỉ riêng mình Cực Lạc có siêu tuyệt, lạ lùng đặc biệt đến thế, dẫn suy nghĩ, biện luận cũng chẳng thể thấu đạt nổi, nên Sách Yếu Giải bảo: “*Nếu chẳng phải là do tâm tánh đạt đến cùng cực, do sự un đúc kỳ diệu của trì danh, do đại nguyện của Di Đà thì làm sao mà được như vậy!*”.

Cũng theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Trong bốn mươi tám nguyện, hai nguyện này như hồng tâm của bia bản tên, còn nguyện thứ mười tám lại là trung tâm của các hồng tâm vậy.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ Đề tâm, kiên cố bất thoái, thực chúng đức bản, chí tâm hồi hướng dục sinh Cực Lạc, vô bất toại giả. Nhược hữu túc ác, văn ngã danh tự, tức tự hồi quá, vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sinh ngã sát, mạng chung bất phục cánh tam ác đạo, tức sinh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sinh nghe danh hiệu tôi, hệ niệm cõi tôi, phát Bồ Đề tâm kiên cố bất thoái, gieo các cội đức, chí tâm hồi hướng muốn sinh về Cực Lạc thì không

ai chẳng được toại nguyện. Nếu có nghiệp ác đời trước, nghe danh hiệu tôi liền tự hối lỗi, tu đạo làm lành, liền trì kinh giới, nguyện sinh cõi tôi, mạng chung chẳng đọa vào tam ác đạo nữa, liền sinh trong cõi tôi. Nếu chẳng được vậy chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên đây là nguyện thứ hai mươi mốt “*hối quá đắc sinh*” (sám hối được vãng sinh). Nguyện này chú trọng kẻ tạo ác nghiệp trong đời trước, tội nghiệp sâu nặng phải chịu quả báo trong tam đồ. Đời này được nghe danh hiệu Phật A Di Đà liền phát tâm, chí tâm hồi hướng, vun bồi đức hạnh cầu vãng sinh. Lúc lâm chung được Phật nguyện gia bị, chẳng đọa ba ác đạo, vãng sinh Tây Phương Cực Lạc. Nguyện này thể hiện Từ đức thù thắng của A Di Đà Phật bốn nguyện, nên cổ đức bảo: “*Bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng vì cứu độ chúng sinh*”. Đại bi từ phụ ân đức vô cực, chúng ta học Phật lẽ nào chẳng báo?!

“*Văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, phát Bồ Đề tâm*”
(Nghe danh hiệu tôi, hệ niệm cõi tôi, phát Bồ Đề tâm). Ba câu này rất quan trọng! Chính là điều kiện vãng sinh của chúng ta. Kinh này là Kinh Đại thừa, là pháp môn tu học của Bồ Tát. Không chỉ là Đại thừa, mà Đại thừa trong Đại thừa; Nhất thừa trong Nhất thừa. Trong bộ kinh này, vừa mở đầu chúng ta liền thấy vô lượng Bồ Tát “hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức”. Cho nên, không phải Bồ Tát thông thường, là Bồ Tát Phổ Hiền. Chữ “*văn*” ở đây thuộc về Tam Tuệ của Bồ Tát tu học: Văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ. Chữ “*văn*” này là tràn đầy trí tuệ, không phải “*văn*” thông thường của phàm phu. Phàm phu tuy “*văn*” rồi, lợi ích của họ chỉ là trong A-lại-da thức trồng xuống thiện căn; ngay trong đời này không thể thành tựu!

- Vì sao không thể thành tựu?

- Vì họ không có tuệ!

- Căn cứ vào đâu để biết họ nghe xong bộ kinh này liền có đầy đủ trí tuệ?

- Sau khi nghe rồi họ liền tin tưởng, có thể lý giải, tin sâu không nghi, trong đời này nhất định không thay đổi phương hướng, đây là trí tuệ.

- Vì sao có người ban đầu tin tưởng pháp môn này, về sau lại thoái tâm?!

- Vì họ không có Định-Tuệ! Đối với Tịnh tông, đối với A Di Đà Phật, họ nhận biết chưa tường tận, hiểu không đủ thấu đáo! Thế giới Ta Bà, hoàn cảnh sinh hoạt hiện tiền họ cũng không thấu suốt! Cho nên, tâm càng do dự, không xác quyết, tiến tiến thoái thoái! Hiện tượng này chúng ta thường thấy rất nhiều ở người học Phật!

Trên Kinh Di Đà nói: “*Bất thiếu thiện căn, phước đức nhân duyên đắc sinh bỉ quốc*” (Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh nước kia). Thiện căn là “Tuệ”, là tín giải. Phước đức là “Hạnh”, là lão thật niệm Phật. Người lão thật niệm Phật là người có phước.

- Dáng vẻ của lão thật niệm Phật ra sao?

- Vạn duyên buông xả, trong tâm không có chi vướng bận!

Tôi nói “vướng bận” mọi người dễ hiểu; trên kinh nói “hệ niệm”. “*Hệ niệm ngã quốc*”: Tất cả thế, xuất thế gian đều không vướng bận, chỉ vướng bận duy nhất một sự việc là luôn nhớ nghĩ đến Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc y chánh trang nghiêm, đây gọi là Niệm Phật. Niệm Phật là trong tâm thật có Phật, không chỉ miệng niệm. Miệng niệm mà trong tâm không có không thể gọi là niệm. Người xưa nói: “*Miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn. Đầu mỏm rất hòng cũng uống công!*”.

- Thế giới Cực Lạc chúng ta chưa thấy, vậy phải “hệ niệm” cách nào?

- Đọc kinh chính là “hệ niệm”!

Cho nên, tôi khuyên các đồng tu tu học Tịnh Độ, trước tiên đọc ba ngàn bộ Kinh Vô Lượng Thọ, hoặc Kinh A Di Đà; bạn liền có thể “*hệ niệm ngã quốc*”, không thể ít hơn. Ít rồi bạn sẽ dễ quên! Khởi tâm động niệm vẫn là thế giới Ta Bà, vẫn phải quấy nhân ngã, vẫn danh vọng lợi dưỡng, vẫn lợi hại được mất; ngày ngày chỉ niệm những thứ này! Đây chính là niệm sáu cõi luân hồi, niệm ba đường ác!

“*Hệ niệm ngã quốc*”, chữ “*hệ niệm*” này vô cùng quan trọng! “*hệ niệm*” chính là nhớ, là một lòng chuyên niệm, chuyên chú một chỗ, không nghĩ đến điều gì khác, như Quán Kinh dạy: “*Ứng đương chuyên tâm, hệ niệm nhất xứ, tưởng u Tây Phương*” (Phải nên chuyên tâm, hệ niệm một chỗ, tưởng nơi Tây Phương).

Đại Thế Chí Bồ Tát trên Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai tất định kiến Phật*”. Chữ “*ức Phật*” chính là chỗ này nói “*hệ niệm*”. Người giác ngộ, sau khi “*văn danh*” thì họ thật làm. Chúng ta tuổi tác cao rồi, sức nhớ không tốt cũng chẳng đáng lo, biến số nhiều thì được! Ngày trước đã từng có người đọc sáu ngàn biến bộ kinh này mới có thể thuộc. Lợi căn, tôi cũng thấy qua, đọc năm trăm biến thì họ có thể thuộc lòng. Mỗi ngày phải đọc, mỗi giờ phải học thuộc. Đọc thuộc lòng chính là “*ức niệm*”, cũng là “*hệ niệm*”; tâm Bồ Đề do đây mà phát khởi.

“*Hệ niệm*” cùng “*phát Bồ Đề tâm*” phải “**kiên cố bất thoái**”, phải luôn luôn gìn giữ. “*Kiên cố bất thoái*” là đối với thế duyên tuyệt đối không để trong lòng. Người thông thường rất dễ phát tâm, cũng rất dễ thoái chuyển! Ngạn ngữ có câu: Học Phật năm đầu, Phật ngay trước mặt, rất chân thành! Học Phật năm thứ hai, Phật ở ngoài hiên!

Học Phật năm thứ ba, Phật hóa thành mây khói, không còn nữa! Vậy sao có thể thành tựu?! Đây là thiếu tu dưỡng Giới-Định-Tuệ! Bên ngoài ác duyên, sức cám dỗ quá lớn! Danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần đều đang kêu gọi bạn, mê hoặc bạn! Chỉ cần tâm vừa động, chánh niệm lẫn tâm Bồ Đề của bạn lập tức liền tiêu mất!

- Làm thế nào giữ được “kiên cố bất thoái”?

- Duy nhất chỉ một phương pháp: An bản lạc đạo!

Bạn xem! Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời ba y, một bát; mỗi ngày chỉ ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ qua đêm.

- Sao Phật không xây giảng đường, dựng một Tịnh xá?

- Cái thứ này có rồi thì mê hoặc liền đến! Chúng ta bình lặng nghĩ tưởng xem có phải vậy không? Xây dựng, kiến lập đạo tràng, tâm liền khẩn chặt vào đó, quên bẵng đi A Di Đà Phật, quên đi thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi niệm chỉ có đạo tràng này, làm thế nào cho nó phồn vinh, hưng vượng?! Tâm này là tâm luân hồi, không ra khỏi ba cõi, nhiều nhất là tu chút phước nhỏ ở trong nhà Phật!

Chúng ta thường thấy trên kinh: Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, Trúc Lâm Tịnh Xá v.v... Các đạo tràng này đều do cư sĩ tại gia quản lý. Họ thỉnh Phật đến giảng kinh, đức Phật chỉ tạm thời ở đó để hoằng pháp. Khi Pháp hội viên mãn, Phật liền rời khỏi. Đây là Phật làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta.

Ngày xưa, đạo tràng đầu tiên của Trung Quốc là Bạch Mã Tự. Gọi là “Tự”, có thể thấy được, đây không phải của người xuất gia. Tuyệt nhiên không phải đem đạo tràng này tặng cho người xuất gia, mà đạo tràng này là cơ quan của chính phủ làm việc. Chế độ xưa kia, chúng ta chỉ lấy triều Hán để nói; trong triều đình lúc đó thiết lập cơ quan làm việc: Bên dưới Tể Tướng có các cơ quan gọi là “Bộ”. Có sáu “Bộ” như: Lễ Bộ, Hộ Bộ, Binh Bộ, Hình Bộ v.v... “Lễ Bộ”,

hiện tại chúng ta gọi là Bộ giáo dục; Binh Bộ là Bộ Quốc Phòng; Hình Bộ là Bộ Tư Pháp; Hộ Bộ là Bộ Nội Vụ v.v... Danh từ “Bộ” là chỉ cơ quan. Thế nhưng, cơ quan do Hoàng Đế trực tiếp quản lý thì gọi là “Tự”. Bên dưới Hoàng Đế có chín cái “Tự”, chín cơ quan làm việc. Cho nên, nguồn gốc của chữ “Tự” phải hiểu là cơ quan làm việc của quốc gia.

Sau khi nhà Thanh bị lật đổ đi đến Dân chủ; Dân quốc rồi thì cơ quan làm việc không còn dùng “Tự”. Thế nhưng, nơi hoạt động của Phật Giáo vẫn còn dùng “Tự”. Vừa xem thấy chữ “Tự”, chúng ta liền biết được: Đạo tràng là thuộc về quốc gia, cũng gọi là mười phương thường trụ, không phải thuộc cá nhân. Chúng ta lại xem nhiều đời Tông Lâm của Trung Quốc, đạo tràng lớn đều do quốc gia xây dựng, không phải tư nhân. Thế nhưng, cũng có đại hộ Trưởng giả tư nhân nhiều đời, họ học Phật đến cuối đời đem ruộng đất, nhà cửa của mình hiến tặng, làm đạo tràng của Phật Giáo. Những đạo tràng này đều qui về quốc gia thống nhất quản lý. Chế độ rất tốt! Người xuất gia không quản những việc này.

Người xuất gia quản lý những việc này là bắt đầu từ Mã Tổ, Bá Trượng. Việc này có thể nói là cuộc thay đổi Phật Giáo ở Trung Quốc đi vào một thời đại mới. Mã Tổ xây tông lâm, Bá Trượng lập Thanh qui. Cả hai ngài đều là Thiên tông đời thứ tám, đồ tôn của Đại sư Huệ Năng, đem Phật pháp chế độ hóa, lịch sử này chúng ta phải biết.

Chế độ hóa chính là đem Phật Giáo chính thức biến thành một Đại học Phật Giáo, lúc đó gọi là Tông Lâm, cho nên có chủ tịch. Chủ tịch Tông Lâm chính là Phương Trượng hiệu trưởng. Phía dưới có ba cương lĩnh chấp sự: Thủ Tọa, Duy Ma, và Giám Viện. Thủ Tọa là giáo vụ trưởng; Duy Ma là Huấn Đạo Trưởng; Giám Viện là Tổng vụ Trưởng. Hiện tại, trong Đại học vẫn có ba cương lĩnh chấp sự này;

tên gọi không giống nhau nhưng tổ chức và chức trách của nó hoàn toàn giống nhau. Cho nên Phật Giáo chính thức hình thành trường học ở Trung Quốc, đây là đặc sắc của Phật Giáo Trung Quốc.

“*Phát Bồ Đề tâm*”: thông thường chúng ta khởi tâm động niệm đều là phiền não, đều là tạo nghiệp.

Kinh Địa Tạng nói: “Chúng sinh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm đều là tạo tội”.

- Đây là nguyên nhân gì?

- Căn góc của chúng ta đã hỏng rồi! Cành lá có cắt tĩa đẹp hơn nhưng không có gốc, không có thân; có đẹp đi chẳng nữa cũng chỉ là hoa cắm trong bình! Là chết không phải sống! Không thể dài lâu!

Tâm Bồ Đề là từ nơi “văn danh”, “hệ niệm” mà phát ra. Có lý giải, thấu triệt kinh giáo càng sâu, tâm mới càng vững chãi, càng tiến bộ: Gặp thuận cảnh, thiện duyên, không sinh tâm tham ái; gặp nghịch cảnh, ác duyên không sinh tâm phiền não; vĩnh viễn giữ “tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình, vậy mới có thể “*kiên cố bất thoái*”, mới có thể toàn tâm toàn lực đoạn ác tu thiện, đây chính là “***thực chúng đức bốn***” (trồng các cội đức).

“*Đức bốn*” là thiện căn (“Đức” là thiện; “Bốn” là căn góc, là cội rễ), là cội gốc của các đức. Hiểu theo nghĩa này: Danh hiệu A Di Đà Phật chính là cội đức, như sách Giáo Hạnh Tín Chứng giảng: “*Đức bốn là đức hiệu của Như Lai. Xưng niệm đức hiệu ấy một tiếng thì chỉ đức (đức cùng tốt, cao tốt nhất) được thành tựu trọn vẹn, chuyển được các họa. Do (đức hiệu A Di Đà) là gốc của mười phương tam thế đức hiệu nên gọi là Đức Bốn*”.

Có “*thực chúng đức bốn*”, bạn mới có thể thực tiễn Bồ Tát sáu Ba La Mật, Phổ Hiền mười nguyện. Dùng các công đức này hồi

hướng cầu sinh Tây Phương Cực Lạc. Nên nhớ “hồi hướng” không phải là việc dễ dàng!

- Bạn đem cái gì để hồi hướng?

- Quyết không thể nói câu hồi hướng suông mà có hiệu quả. Từ nơi kinh văn này mà xem: “*Văn danh*”, “*hệ niệm*”, “*phát Bồ Đề Tâm*”, “*kiên cố bất thoái*”, “*thực chứng đức bốn*”; dùng những cái này để hồi hướng. Việc này chúng ta phải rõ ràng, tường tận.

“*Chí tâm hồi hướng, dục sinh Cực Lạc*” (Chí tâm hồi hướng, muốn sinh về Cực Lạc):

“*Hồi hướng*” chính là phát nguyện. Chỗ này, Phật dạy chúng ta “*chí tâm hồi hướng*”. “Chí tâm” là tâm chân thành đến tột đỉnh, một lòng một dạ cầu sinh Tịnh Độ, tất cả đều buông xả, trong tâm chỉ nhớ nghĩ đến A Di Đà Phật và thế giới Cực Lạc, cái tâm này mới xem là “chí tâm”. Đây là nhiều đời tạo ác, chân thật quay đầu. Có như vậy mới “*vô bất toại giả*”, sẽ đương nhiên thành tựu.. Phật khích lệ chúng ta: “*nhược hữu túc ác*”, chữ “túc ác” này là nói hiện tại bạn đang tiếp tục tạo ác, vẫn chưa quay đầu, đến khi “*văn ngã danh tự, tức tự hồi quá*” (nghe danh hiệu tôi, liền tự hối lỗi), then chốt chính ở hai chữ “*hối quá*” này.

- Thế nào là “*hối quá*”?

- “*Hối*” là sửa đổi, sửa đổi quá khứ, tu tập tương lai. “*Hối quá*” là hướng về Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng mà sám hối tội lỗi, thề chẳng tái phạm. Tuyệt đối không phải trước mặt Phật, Bồ Tát sám hối; hôm sau lại tiếp tục làm, làm rồi lại ở trước Phật, Bồ Tát sám hối! Đây là giả! Việc làm này không có chút lợi ích nào! Nhà Nho gọi là “*Bất nhị quá*”, lỗi lầm chỉ phạm một lần, về sau không phạm nữa. Đây gọi là chân thật sám hối.

Do nguyện này mang tên “*hối lỗi được vãng sinh*” khiến chúng ta biết được: Sám hối là chìa khóa để vãng sinh, vì sám hối sẽ diệt hết thầy tội.

“*Vi đạo tác thiện*” (tu đạo làm lành): Đây là tu thiện không vì chính mình mà vì Đạo.

- Cái gì là Đạo?

- Bồ Đề đại đạo! Thành Phật chi đạo! Vì việc này mà đoạn ác tu thiện.

- Cái gì là “Bồ Đề đạo”, là “Thành Phật chi đạo”?

- “Bồ Đề” và “Phật” cùng một ý nghĩa là giác ngộ viên mãn, giác ngộ triệt để, giác ngộ hư không pháp giới, tất cả chúng sinh đều là chư Phật Như Lai.

“*Vi đạo tác thiện*”, chữ “tác thiện” này trong phần kinh văn, Thế Tôn nhiều lần khuyên dạy chúng ta tích công bồi đức. Chỗ này nói “*tiện trì kinh giới*” (liền trì kinh giới), đây là thực tiễn “*vi đạo tác thiện*”. “Kinh” là giáo huấn của Phật, “Trì” là thọ trì, “Thọ” là hoàn toàn tiếp nhận. “Thọ trì” tương đối không dễ dàng!

- Làm thế nào mới có thể làm đến tiếp nhận hoàn toàn giáo huấn của Phật?

- Phải buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình mới chân thật làm đến được!

Ngày nay học Phật, tuy chúng ta có tiếp nhận kinh giáo nhưng trên thực tế vẫn còn bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm chủ thì làm sao có thể chuyển được tội nghiệp?!

“*Giới*” ở chỗ này là nghĩa rộng, bao gồm tất cả những lời giáo huấn của Phật. Kinh giới của Phật có quá nhiều, bao gồm ba tạng mười hai bộ, cả đời chúng ta đọc qua một lần cũng đọc không

hết! Trong mười tông phái lớn, kinh luận của Tịnh Độ tông là đơn giản nhất chỉ năm kinh, một luận. Tổng cộng cũng không dài, rất tiện cho việc thọ trì. Tuy số lượng kinh điển không nhiều, nhưng nghĩa thú thì rất phong phú, không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm nói pháp đều bao gồm trong đó, mà thậm chí đến mười phương ba đời tất cả chư Phật nói ra tất cả pháp cũng đều không ngoài năm kinh một luận này.

- Năm kinh, một luận của Tịnh Độ có cần phải thọ trì hết hay không?

- Không cần thiết! Có thể học một, hai loại là đủ rồi! Lão cư sĩ Hạ Liên Cư kiến nghị cho chúng ta học ba loại: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà và Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Nếu cảm thấy ba loại hơi nhiều, có thể một loại cũng được.

Thâm nhập một bộ kinh, bước thứ nhất là đọc thuộc kinh. Nếu không thể đọc thuộc hết bộ kinh, nhất định cũng phải đọc rất thuần thục. Có như vậy mới nhớ được những lời Phật dạy mà thực tiễn ngay trong đời sống hàng ngày. Bước thứ hai, phải thâm giải nghĩa thú, phải y giáo phụng hành, phải giải hành tương ứng. Cương lĩnh nhất định không thể quên đi năm khoa mục mà chúng ta đã đề cập trước đây, đó là: Tam phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ và mười Đại nguyện vương. Trong cuộc sống thường ngày, khởi tâm động niệm, đối nhân xử thế tiếp vật, niệm niệm, hạnh hạnh đều không trái với giáo huấn của năm khoa mục này, mới đích thật là con người học Phật, là “thọ trì kinh giới”, hành Bồ Tát đạo. Có chân thật quay đầu mới “*chí tâm hồi hướng, vi đạo tác thiện*”. Có người hỏi:

- Tôi tu hành, cha mẹ không còn thì có liên quan gì?!

- Đó là bạn chưa hiểu được hiểu đạo! Bạn muốn tu hành chứng quả, muốn hiếu thảo cha mẹ nhưng cha mẹ không còn, bạn muốn siêu độ cha mẹ, bạn lấy gì để siêu độ?! Không lẽ chỉ đọc vài

bộ kinh, niệm mấy câu Phật hiệu hồi hướng thì có thể siêu độ sao?! Đó chỉ có thể nói là: Đọc tốt hơn so với không đọc!

Nếu bạn có thể “*chuyển ác thành thiện*”, người thân của bạn sẽ không đọa ác đạo, có thể siêu thăng từ nơi địa ngục. Nếu bạn có thể “*chuyển mê thành ngộ*”, người thân của bạn có thể sinh đến cung trời. Nếu bạn có thể “*chuyển phàm thành thánh*”, người thân của bạn có thể vĩnh thoát luân hồi.

Nói cách khác, viên mãn thành Phật, người thân quyền thuộc của bạn cũng thành Phật. Phải báo ân cha mẹ, phải báo ân thầy tổ. Phật là đấng đạo sư, là thầy giáo huấn của chúng ta. Chúng ta phải thật sự tu hành đạt đến đạo quả giác ngộ mới chân thật là tận hiếu.

“*Nguyện sinh ngã sát*” (Nguyện sinh nước tôi), câu nói này rất quan trọng! Vì sao? Chỉ cần phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, thời gian bạn viên thành Phật đạo sẽ rất nhanh. Không cầu sinh Tịnh Độ, bạn phải có năng lực đoạn dứt “*Kiến, Tư phiền não*” mới có thể siêu việt được sáu cõi luân hồi, việc này không dễ!

“*Mạng chung bất phục cánh tam ác đạo, tức sinh ngã quốc*” (Mạng chung chẳng đọa tam ác đạo nữa, liền sinh về cõi ta): Đây là yếu chỉ của lời nguyện này. Nếu đời trước tạo các ác nghiệp. Do đời này hối lỗi, tu đạo, hành thiện, tụng kinh, trì giới, phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, chí tâm hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ v.v..., lại nhờ vào công đức lời nguyện này của A Di Đà Phật mà ngăn chặn được túc nghiệp, được Phật tiếp dẫn, chẳng đọa tam đồ, nhanh chóng sinh về Cực Lạc. Vì vậy, kinh chép: “*vô bất toại giả*” (không ai chẳng được toại nguyện). Rõ ràng, người túc nghiệp sâu nặng, biết chân thật sám hối, vâng lời Phật dạy, y giáo phụng hành đều được mang nghiệp đi vãng sinh, chẳng đọa vào ba đường ác. Bi nguyện của A Di Đà Phật sâu thẳm, sức nhiếp độ mênh mông vượt trời mười phương.

Ngày trước, có người nói “đời nghiệp” không thể vãng sinh. Họ tìm không ít người tra khắp trong Đại Tạng Kinh, vẫn không tìm được bốn chữ “Đời nghiệp vãng sinh” này. Thế là họ cực lực phủ định: Tịnh Độ không có cách nói “Đời nghiệp vãng sinh”; đó chỉ là Tổ sư nói, không phải Phật nói, Tổ Sư nói thì không tính! Cách nói này đã từng dẫn khởi chấn động lòng người cả thế giới! Thực tế mà nói, những người học Phật này tâm ý qua loa! Bạn xem! Phía trước nói “*nhược hữu túc ác*”, đến chỗ này “*mạng chung bất phục cánh tam ác đạo, tức sinh ngã quốc*”; đây chẳng phải là “Đời nghiệp vãng sinh” hay sao?!

Trước khi nhập diệt, Phật đặc biệt dặn các đệ tử “Tứ y pháp”. Trong đó có “*y pháp bất y nhân*”; “pháp” là giáo pháp kinh điển, những lời Phật dạy, phải lấy kinh điển làm căn cứ. Kế đến là “*Y nghĩa bất y ngữ*”: Phật dạy chúng ta không nên chấp trước văn tự, không nên chấp trước lời nói, phải y theo ý nghĩa Phật nói trong kinh, không nhất thiết từng câu, từng chữ Phật phải nói ra.

Hiện tại, chúng ta xem thấy có số người chấp trước ngôn ngữ, họ là “*Y ngữ bất y nghĩa*” phủ định bản hội tập này, cho rằng không phải là nguyên văn kinh điển. Chủ trương của họ nhất định phải đọc nguyên bản dịch, không chịu đọc bản hội tập! Vấn đề này cùng việc phản đối “*đời nghiệp vãng sinh*” là như nhau đều là “*Y ngữ bất y nghĩa*”!

Hội tập Kinh Vô Lượng Thọ sớm nhất do Cư sĩ Vương Long Thư, triều nhà Tống. Bản hội tập này một mạch truyền đến ngày nay, tuyệt nhiên không có người phản đối, chỉ riêng phản đối bản của ngài Hạ Liên Cư, có kỳ lạ không? Vương Long Thư có thể hội tập; Hạ Liên Cư không thể hội tập, nói Hạ Liên Cư là cư sĩ! Vậy Vương Long Thư là gì? Cũng là cư sĩ!

Liên Trì Đại Sư, tổ sư đời thứ tám của tông Tịnh Độ, ngài là đại thiện tri thức kiệt xuất khiến người tôn kính. Quyển Di Đà Kinh Sớ Sao của ngài có ảnh hưởng rất lớn đối với đời sau. Trong Văn Sao, ngài vận dụng kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ; hai phần ba là chọn lấy bốn hội tập của Vương Long Thụ. Vì sao Đại Sư Liên Trì có thể chọn lấy bốn hội tập, còn người hiện tại lại muốn phản đối bốn hội tập? Bốn hội tập là “*y nghĩa bất y ngữ*”. Hơn nữa trong năm loại nguyên bản dịch cùng bốn hội tập của Hạ Liên Cư chúng ta có thể chọn lấy bất cứ loại bản nào cũng đều tốt cả, không cần phải miễn cưỡng! Phản đối bản kia, nhất định phải thọ trì bản này, thử hỏi có cần thiết chăng? Chỉ cần y giáo phụng hành, lão thật niệm Phật, đều có thể “*đổi nghiệp vãng sinh*”.

Ngày nay, chúng ta phải đặc biệt ghi nhớ: “*đổi nghiệp*” chỉ mang theo nghiệp cũ, không mang theo nghiệp mới. Điểm này vạn nhất không nên hiểu sai! Không thể nói: Ta cứ ngày ngày tạo nghiệp, cũng không quan hệ gì, khi vãng sinh đều có thể mang đi! Vậy thì đã hiểu sai rồi! “*Đổi nghiệp vãng sinh*” ngay trong nguyện thứ hai mươi một này, bạn xem Phật dạy chúng ta như thế nào? Phải chân thật hồi quá, chân thật quay đầu, hệ niệm, phát tâm, kiên cố bất thoái, tích công bồi đức, đây là then chốt.

Thế gian này quá khổ, không có gì đáng được lưu luyến! Bạn dùng tâm tốt đối với người; họ dùng tâm ác đối với bạn. Thế nhưng, người học Phật phải rõ lý, phải tin tưởng giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Tuy họ có ác ý, chúng ta vẫn một mực chân thành đối với họ. Vì sao vậy? Tiền đồ mỗi người đi một nẻo! Họ đổ ky, hoài nghi, dùng ác ý; tiền đồ của họ là tối tăm! Chúng ta chân thành dùng thiện tâm thiện ý, tiền đồ của chúng ta là sáng lạng. Chúng ta đi con đường Phật đạo, con đường Bồ Tát đạo; họ đi đường ác!

Mỗi người đi con đường của mình, đôi bên không quấy nhiễu lẫn nhau. Đối với bốn hội tập của Hạ lão cư sĩ, chúng ta không chút hoài nghi. Hạ lão cư sĩ không phải là người thông thường. Kinh này, sau khi ông hội tập thành công, lượng lưu thông trong nước rất ít, chỉ in qua ba ngàn bản. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi: Khi Hạ lão sắp vãng sinh, ông nói với học trò: “*Tương lai bốn hội tập của ông sẽ từ hải ngoại truyền trở lại Trung Quốc*”. Lại nói với mọi người: “*Quyển này của ông tương lai sẽ truyền khắp thế giới*”. Những học trò lúc đó, sau khi nghe rồi cũng không hiểu là việc gì.

Sau này, có vị pháp sư, nguyên trước khi xuất gia, ông là một tướng quân cấp bậc trung tướng; sau khi xuất gia, ông thân cận lão cư sĩ Hạ Liên Cư, cũng rất quen với cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Ông đến Đài Loan mới xuất gia, tôi gặp ông qua mấy lần. Ông mang quyển này đến Đài Loan tặng cho cư sĩ Lý Bình Nam. Lão cư sĩ Lý vừa nhìn thấy liền rất hoan hỉ, nhất là phía trước quyển này có một thiên lời tựa rất dài của thầy ông viết, đó là lão cư sĩ Mai Quang Hy.

Thầy Lý Bình Nam đã giảng qua một lần quyển này tại chùa Pháp Hoa ở Đài Trung. Tập ghi chú đó chính là khi giảng thầy đã viết ra; lúc đó thầy hơn sáu mươi tuổi. Sau này, tôi thân cận thầy, lúc đó thầy đã bảy mươi tuổi. Dường như là năm thứ hai hay năm thứ ba, thầy đem bốn này giao cho tôi. Xem thấy chính tay thầy viết mi chú, tôi rất hoan hỉ. Hơn nữa, câu đoạn của mi chú giao thoa rất rõ ràng, vừa xem tôi liền có thể hiểu, đây là duyên phận hồng truyền.

Năm xưa, khi thầy Lý giảng bộ kinh này có số lão Pháp sư cũng phản đối, cho rằng: Hạ Liên Cư hội tập, đại khái không có gì cao minh lắm! Cho nên, thầy đem bốn này giao cho tôi. Lúc đó, tôi đang giảng kinh ở Đài Bắc, cũng hy vọng giảng bộ kinh này. Khi ấy, Hàn Quán Trưởng năm mươi tuổi, bà phát tâm in ra ba ngàn bản. Tôi

dự định giảng bộ kinh này để chúc thọ cho bà. Tôi đem việc này trình với thầy Lý, thầy một mực ngăn cản:

- Không được! Hiện tại ông quá trẻ, kinh nghiệm quá ít, nếu giảng kinh này có người đến phản đối phê bình, ông không thể đứng vững!

- Vậy phải làm sao?!

- Giảng kinh khác đi!

Thế là tôi đổi sang giảng Kinh Lăng Nghiêm, đem kinh này cất lại! Đã in ra ba ngàn bản, cũng đem đi kết duyên. Khi cất vào thì đã cất rất lâu. Đến sau khi thầy Lý vãng sinh, khoảng năm thứ hai, tôi tìm lại sách cũ mới thấy được quyển sách này. Tôi bèn nghĩ: Thầy giao quyển này cho tôi ắt có dụng ý. Lại nữa, quyển mi chú này của thầy chưa người nào thấy qua. Tôi liền đem quyển mi chú này in ra để kỷ niệm thầy. Tôi in mười ngàn quyển, lưu thông ở Hoa Kỳ, ở Gia Nã Đại. Đồng tu bên đó sau khi xem xong rất hoan hỉ, liền mời tôi giảng kinh này. Thế là ở hải ngoại chúng ta bắt đầu hoàng dương Kinh Vô Lượng Thọ, bốn hội tập này.

Kinh này đặc biệt thù thắng! Giảng bất kỳ bộ kinh nào, bất cứ nơi đâu, thính chúng đều không thể nhiều hơn so với khi tôi giảng bộ kinh này. Thật rất kỳ lạ! Thính chúng đặc biệt nhiều, đặc biệt hoan hỉ! Về sau, băng đĩa, kinh sách chúng ta giảng, có rất nhiều người đến Trung Quốc mang theo phổ biến lưu thông; quả nhiên từ hải ngoại lưu thông đến Trung Quốc đại lục. Hơn nữa, ở hải ngoại, quyển kinh này cùng với băng ghi âm, ghi hình của chúng ta, chân thật đã truyền đi khắp thế giới, chứng minh lời của ngài Hạ Liên Cư trước khi vãng sinh là sự thật.

Mười mấy năm qua chúng ta lưu truyền quyển này, y theo kinh điển này, tu hành, tướng lạ vãng sinh xem thấy rất nhiều, trong

đó có cả lão Lâm trưởng Trần Quang Biện, cũng nghe giảng bộ kinh này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói: Lão Lâm trưởng ở nhà mỗi ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ, ông đã nghe hết bốn năm. Trước khi vãng sinh ba tháng, ông biết trước giờ ra đi, mỗi đồng tu chúng ta đều biết tướng lạ hi hữu. Cho nên, nêu ra phê bình, phản đối, thực tế mà nói đó là vô tri! Đối với tất cả pháp mà Phật dạy, họ không nỗ lực nghiên cứu, không thâm nhập liễu giải; dựa vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình sinh ra những quan niệm, hành vi sai lầm! Chính mình sai còn có thể tha thứ; chướng ngại người khác thọ trì kinh pháp, lỗi lầm này thì nghiêm trọng!

Tôi gặp rất nhiều những sự việc này! Cũng có người đến hỏi, tôi một mực không để ý, cũng không trả lời, xem như không việc gì. Tôi vẫn giảng bộ kinh này, vẫn y theo cảnh giới, phương pháp lý luận của bộ kinh này mà tu học. Họ nói là việc của họ! Tôi làm là việc của tôi, quyết không thể chướng ngại, tôi cũng không có lời thừa để thảo luận! Họ viết thiên văn chương lớn; tôi thì không viết một chữ nào, phiền phức! Thế gian, người sáng suốt vẫn có, không phải không có! Người biết được cũng không ít, không phải hoàn toàn vô tri! Chúng ta nhất định phải đầy đủ tín tâm.

Đoạn kinh văn trên đây khẳng định là có “*đời nghiệp vãng sinh*”. Thế nhưng, nếu có thể tiêu nghiệp, đương nhiên lại càng tốt!

- Tiêu nghiệp là thế nào?

- Ít mang đi một chút! Vãng sinh thế giới Cực Lạc sẽ tăng cao phẩm vị, thời gian viên mãn Bồ Đề càng được rút ngắn.

Ở thế gian này, chúng ta tranh thủ phẩm vị cao không phải là việc khó. Trên kinh Phật nói: “*Thế giới Ta Bà tu hành một ngày bằng thế giới Cực Lạc tu một trăm năm*”, vì sao chúng ta không ở nơi đây mà nỗ lực tu?! Không nên tự an ủi mình: “*Hạ phẩm hạ sinh*” cũng tốt rồi! Nếu “*Hạ phẩm hạ sinh*”; không đi được thì sao?! Thì lại

uồng công rồi! Mục tiêu chúng ta nhất định phải “Thượng phẩm thượng sinh”. “Thượng phẩm thượng sinh” nếu không đạt được, có thể “Trung phẩm trung sinh” vẫn còn được.

Cho nên, chính mình phải nâng cao mục tiêu của chính mình. “*Thủ pháp u thượng, cận đắc u trung*”, người này chân thật có thể đi được. Nếu mục tiêu bạn định ở “Hạ phẩm hạ sinh” thì không thể nắm chắc! Nhất định phải thật làm, phải y giáo phụng hành. Tu hành nhất định phải hiểu được tu từ căn bản, giữ tâm thuần thiện, ý niệm thuần thiện; sau đó thân, miệng bạn mới là chân thiện.

Hiện thời, giới Phật Giáo hải ngoại đang tranh cãi về thuyết “đới nghiệp vãng sinh”. Nay ta cứ dựa trên kinh này thì biết ngay “đới nghiệp vãng sinh” thật đã căn cứ trên lời Phật nguyện., Hơn nữa, cái nghiệp được mang theo đó chính là ác nghiệp.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ Đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sinh ngã quốc, mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ. Thập phương thế giới, chư chúng sinh loại, sinh ngã quốc giả, giai u thất bảo trì liên hoa trung hóa sinh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, nước không có phụ nữ. Nếu có nữ nhân nghe danh hiệu tôi sinh lòng tin thanh tịnh, phát Bồ Đề tâm, chán ngán thân nữ, nguyện sinh cõi tôi, chết đi liền hóa thành nam tử sinh về cõi tôi. Các loài chúng sinh trong mười phương thế giới sinh về cõi tôi đều hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

“Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ” (Lúc tôi thành Phật, nước không có phụ nữ). Đây là nguyện thứ hai mươi hai **“Quốc vô nữ nhân”**. Ngài Đạo Tuyên, luật sư đời Đường có dẫn kinh như sau: **“Thập phương thế giới, hữu nữ nhân xứ, tức hữu địa ngục”** (Mười phương thế giới chỗ nào có nữ nhân, chỗ đó có địa ngục). Nay Cực Lạc không có ba ác đạo, ắt hẳn chẳng có phụ nữ, chỉ thuần là người đủ ba mươi hai tướng đại tượng phu. Đó là vì giữa nam nữ dễ sinh tình ái, trở thành duyên thoái chuyển, đây cũng là cắt đứt duyên tạo địa ngục. Vì vậy, cõi đồng cư Cực Lạc thù thắng hơn Sa Bà nhiều.

Thật sự, chuyển thân nam, bạn nên biết: Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật phương tiện nói; cách nói này là tùy theo **“Tục Đế”** mà nói. Nếu nói theo **“Chân Đế”** thì: Thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới bình đẳng, không có tướng nam nữ, chỉ một tướng. Sinh đến thế giới Cực Lạc, tướng mạo thân thể hoàn toàn không khác với A Di Đà Phật.

“Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín... lai ngã sát độ” (Nếu có nữ nhân nghe danh hiệu tôi, sinh lòng tin thanh tịnh... sinh về cõi tôi). Đây là nguyện thứ hai mươi ba **“Yểm nữ chuyển nam”** (Chán thân nữ chuyển thành thân nam). Trong **“Quán niệm Pháp môn”**, Đại Sư Thiện Đạo giải thích nguyện này như sau: **“Áy là do sức bốn nguyện của Phật Di Đà nên nếu nữ nhân xưng danh hiệu Phật thì ngay trong lúc lâm chung liền chuyển thân nữ trở thành nam tử. Di Đà dặt tay, Bồ Tát nâng thân, đặt ngòì trên hoa sen báu theo Phật vãng sinh”** và **“Hết thấy nữ nhân nếu chẳng nhờ sức danh hiệu của Phật Di Đà thì trong ngàn kiếp, vạn kiếp, kiếp số như cát sông Hằng, trọn chẳng thể đổi được thân nữ”**.

Ngay như Phật Thích Ca lúc còn tu nhân, phải mất cả một đại kiếp tu hành siêng năng mới dần dà thoát khỏi thân nữ, đủ thấy

người nữ muốn chuyển thành thân nam thật chẳng dễ dàng! Nay do nghe danh hiệu Phật “*đắc thanh tịnh tín*” (sinh lòng tin thanh tịnh). Do lòng tin thanh tịnh mà “*phát Bồ Đề tâm*”, nhằm chán thân nữ, nguyện sinh Cực Lạc, tin sâu, nguyện thiết ắt khởi thắng hạnh niệm Phật, được bốn nguyện của Phật gia hộ, nên lúc lâm chung liền chuyển nữ thành nam, vãng sinh Cực Lạc.

“*Thập phương thế giới chư chúng sinh loại*”: Bao gồm vô lượng, vô biên cõi nước chư Phật, tất cả những chúng sinh này không phân biệt tộc loại, thấy đều tương phản. Từ phương thức đời sống khác nhau, văn hóa khác nhau, tín ngưỡng khác nhau.v.v... tất cả đều không phân biệt; ngày nay chúng ta gọi là “đa nguyên văn hóa”, đây chính là tánh đức. Chúng ta đọc kinh, nghiên cứu giáo lý, những chỗ này phải đặc biệt chú ý, nhất định không thể lơ là. Nếu học Phật mà trong lòng vẫn phải quấy, nhân ngã thì bạn đã hoàn toàn sai rồi.

Trong tâm Phật không có giới hạn. Chúng ta học Phật cũng vậy, đối với tất cả chúng sinh một mực đối đãi bình đẳng: Lễ kính bình đẳng, xưng tán bình đẳng, cúng dường bình đẳng v.v... đây gọi là học Phật. Nếu như hậu đây bạc kia, lập tức liền phải giác ngộ, ý niệm này vừa khởi, lập tức niệm A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là vô lượng giác, cũng chính là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác đánh bật đi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Nhà Phật có câu: “*Buông bỏ đồ đao, lập địa thành Phật*”.

- Cái gì là đồ đao?
- Mê hoặc là đồ đao! Buông xả chính là Phật!
- Vì sao không thể buông xả?
- Chưa rõ ràng tường tận!

Cho nên, Phật pháp chân thật là biết khó, hành dễ. Tu hành chứng quả chẳng qua là chuyển đổi được ý niệm, chân thật là chuyển

phàm thành thánh, chuyển mê thành ngộ. Năm xưa, Thế Tôn trong pháp hội giảng kinh, thính chúng có người nghe chưa đến phân nửa thì đã khai ngộ chứng quả. Tôn giả A Nan, trong hội Lăng Nghiêm, nghe đến quyển thứ ba (trong số mười quyển), ông liền tán Phật, ông khai ngộ rồi! Ma-Đăng-Già nữ nghe kinh được phân nửa, liền chứng được tam quả v.v...

Ngày nay, chúng ta không thể chuyển đổi được là do phiền não, tập khí trói buộc. Chúng ta phải giác ngộ: Phiền não, tập khí không phải là thứ tốt. Con người sống ở thế gian, chân thật phải nhìn thấu, buông bỏ cách nghĩ, cách thấy, cách làm của chính mình, tiếp nhận giáo huấn của Phật Đà. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, du hí thân thông, các ngài thật tự tại, thật đẹp mắt! Chân thật như Hoa Nghiêm nói: “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại” đến đi tự do; các ngài lấy lợi sinh làm chủ, không có tư lợi.

“*Sinh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sinh*”. (Sinh trong cõi tôi đều hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu). Đây là nguyện thứ hai mươi bốn **“*Liên hoa hóa sinh*”**. Phẩm thứ mười bốn trong kinh này chép:

“Nhược hữu chúng sinh minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tín kỹ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng, giai ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sinh, già phu nhi tọa. Tu du chi khoảnh, thân tướng, quang minh, trí tuệ, công đức như chư Bồ Tát, cụ túc thành tựu” (Nếu có chúng sinh tin rõ Phật trí, cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của chính mình, tạo các công đức, chí tâm hồi hướng thì tự nhiên hóa sinh, ngồi xếp bằng trong hoa sen bảy báu. Trong khoảnh khắc, được thành tựu đầy đủ thân tướng, quang minh trí tuệ, công đức như các Bồ Tát).

Gần đây, tôi nghe một đồng tu đến nói với tôi: Hiện tại có người nói thế giới Tây Phương Cực Lạc người đầy hết rồi, các người

niệm Phật không cách gì đi được! Nhất định phải đổi sang niệm Bồ Tát Di Lạc hoặc Phật Dược Sư, cầu sinh Đông Phương Tịnh Độ. Tây phương Tịnh Độ người đầy rồi, phải đổi thôi! Cách nói này trên kinh tìm không thấy, đó là ma nói, không phải Phật nói! Vạn nhất không nên nghe người dạy sai. Người dẫn đạo sai lầm này quả báo sẽ rất thảm! Đây là khiến cho nhiều người đoạn mất đi đời này vãng sinh Tịnh Độ! Tôi nghĩ những người này đời quá khứ chắc có oán thù với bạn mà vẫn chưa báo, sợ bạn đến thế giới Cực Lạc rồi không có cơ hội báo, phải mau kéo lại, chuẩn bị báo thù, đây không phải là tâm tốt! Chúng ta nhất định phải rất rõ ràng, tường tận, định đặt tín tâm chân thật, y giáo phụng hành, phát nguyện cầu sinh, tương lai nhất định thành tựu.

Liên Trì Đại Sư viết trong Di Đà Sớ Sao rằng: “*Lục đạo chúng sinh nơi thân trung ấm* (Thân Trung Ấm (Bardo) là thân trong giai đoạn chuyển tiếp từ lúc chết cho đến lúc tái sinh. Theo Mật tông, giai đoạn này chỉ kéo dài bốn mươi chín ngày sau khi chết) *tự cầu cha, mẹ. Vãng sinh cõi lành thì như trong khoảng búng ngón tay liền hóa sinh trong hoa sen. Hoa sen ấy là cung huyền diệu để thoát thân phàm, là nhà thần diệu để an tuệ mạng*”. Cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích: Hết thầy chúng sinh trong sáu nẻo, sau khi mạng chung, hiện thành thân Trung Ấm. Nơi thân Trung Ấm ấy, do túc nghiệp nhân duyên của tự thân mà đi tìm cha mẹ trong thế gian, gieo thân vào chỗ bụng mẹ đầy phân nhơ để kết thành cái thân trọc nhiễm tội nghiệp; sao bằng vãng sinh về cõi lành, lâm chung được Phật tiếp dẫn, trong khoảng khảy móng tay, hóa sinh trong hoa sen, liền sinh sang cõi An Lạc. Hoa sen ấy chính là cung điện huyền diệu để thoát bỏ thân phàm phu, là căn nhà thần diệu để an dưỡng tuệ mạng của đương nhân. Những lời này đã hiển lộ A Di Đà Phật đại nguyện sâu xa, bi tâm tột bậc, diệu đức khó lường.

Quyển mười lăm sách Đại Nhật Kinh Sớ có câu: “*Như người đòi cho hoa sen là thanh tịnh tốt lành, khiến mọi người vui sướng, nay trong bí tạng, cũng lấy diệu pháp liên hoa của Đại Bi Thai Tạng làm bí mật cát tường bậc nhất, hết thấy thân gia trì pháp môn ngồi trên đài hoa ấy*”. Như vậy chín phẩm sen nơi Cực Lạc thật đã hiển thị mật ý của Đại Nhật Như Lai: Toàn thể đều là bí mật cát tường tối thắng.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sinh, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhạo, lễ bái qui mạng, dĩ thanh tịnh tâm, tu Bồ Tát hạnh, chư thiên thể nhân, mạc bất trí kính. Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sinh tôn quý gia, chư căn vô khuyết, thường tu thù thắng phạm hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nghe danh hiệu tôi, hoan hỷ tin ưa, lễ bái, qui mạng, dùng tâm thanh tịnh tu Bồ Tát hạnh. Chư thiên, người đòi ai chẳng cung kính. Nếu nghe tên tôi, sau khi hết tuổi thọ sẽ sinh vào nhà tôn quý, các căn chẳng khuyết, thường tu phạm hạnh thù thắng. Nếu chẳng được thể, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này gồm ba nguyện. Từ câu “*Văn ngã danh tự*” (Nghe danh hiệu tôi) đến “*mạc bất trí kính* (không ai chẳng cung kính) là nguyện thứ hai mươi lăm “*Thiên nhân lễ kính*” (Trời người lễ kính). Từ “*Nhược văn ngã danh*” (Nếu nghe tên tôi) đến “*chư căn vô khuyết*” (các căn chẳng khuyết) là nguyện thứ hai mươi sáu “*văn*

danh đắc phước” (nghe tên được phước). Phần còn lại là nguyện thứ hai mươi bảy “*Tu thù thắng hạnh*” (Tu hạnh nguyện thù thắng).

“*Văn ngã danh tự*” (Nghe danh hiệu tôi).

Cụ Hoàng Niệm Tổ nói: Nguyện thứ mười tám “*Thập niệm ắt sinh*” (Mười niệm ắt vãng sinh) ở phần trước là chánh nhân vãng sinh, là cốt lõi của bốn mươi tám nguyện. Hai nguyện mười chín và hai mươi triển khai nguyện thứ mười tám. Nguyện hai mươi một đặc biệt chú trọng những chúng sinh có đủ túc nghiệp, nếu biết hối lỗi, phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm cũng đều được vãng sinh, chẳng đọa ác đạo nữa. Nguyện hai mươi ba chuyên vì phụ nữ: Nghe danh phát lòng tin trong sạch, phát tâm Bồ Đề, cầu sinh Tịnh Độ, khi tuổi thọ hết chuyển thành thân nam, vãng sinh Cực Lạc. Những nguyện trên đều là nghe danh hiệu phát tâm, được vãng sinh Tịnh Độ, đều là những sự lợi ích bậc thượng.

Chương này nói về sự lợi ích bậc hạ. Ấy là vì chúng sinh căn khí chẳng đồng nên khi nghe danh phát tâm tin ưa khác nhau, hoặc do đại tâm chẳng vững vàng, hoặc do tín nguyện chẳng sâu, hoặc do trì niệm chẳng chuyên đến nỗi chẳng thể hoàn toàn khế hợp các đại nguyện của A Di Đà Phật. Cho nên, đời sau họ chưa thể thoát khỏi sinh tử, chỉ có thể đạt được phước báo trong hiện tại và vị lai, nên phước được hưởng thua kém các nguyện trước.

“*Hoan hỷ tín nhạo*” (Hoan hỷ tin ưa), chữ “tín” ở đây là thật tin, tín tâm kiên định; theo Hòa Thượng Tịnh Không: Tín tâm kiên định có hai nguyên do:

- *Thứ nhất* là thiện căn sâu dày từ vô lượng kiếp.
- *Thứ hai* là thâm nhập kinh tạng.

Đạo tràng ngày ngày giảng kinh, không ngoài giúp mọi người xây dựng tín tâm kiên định, đạt Bất Thoái Chuyển. Người xưa

nói: “Ba ngày không đọc sách Thánh Hiền, mặt mũi hoàn toàn khác”, đó chính là thoái chuyển. Thế nên phải nỗ lực mà đọc tụng.

- Thế nào là nỗ lực?

- Nỗ lực đọc tụng chính là đem tư tưởng kiến giải, ngôn hạnh chính mình, mỗi lần đọc tụng phải đối chiếu những lời Phật dạy ta đã làm đến được chưa? Chỗ nào chưa làm được? Đây là nỗ lực đọc tụng, giải hành tương ứng. Hành giúp cho giải, giải giúp cho hành.

Người biết dụng công từ sơ phát tâm đến Như Lai quả địa luôn luôn tinh tấn, không lười mỏi. Loại người này tu hành chứng quả ngay trong đời này, đâu cần phải mất đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp, không cần thiết! Đây là người chân thật giác ngộ, chân thật tu hành; trong bốn kinh nói: Đây là đệ tử thứ nhất của Như Lai.

Việc này trên kinh Phật thường nói: “Thâm giải nghĩa thú”, chữ “thâm” này không có đấy! Ví như bộ kinh này, cái hiểu của Bồ Tát Sơ Trụ không bằng cái hiểu của Bồ Tát Nhị Trụ; cái hiểu của Bồ Tát Nhị Trụ không thể sánh bằng cái hiểu của Bồ Tát Tam Trụ v.v... Bồ Tát địa vị càng cao, giải được càng sâu, càng rộng. Đây là vấn đề công phu. Cho nên chúng ta học Phật chớ nên được ít cho là đủ, cho rằng bộ kinh này ta đã học qua rồi, ta cũng biết giảng v.v... Vậy thì bạn đã dừng lại ở cảnh giới này không thể tiến thêm một bước nào, thật đáng tiếc!

“**Lễ bái qui mạng**” là tu hành. “Lễ bái” không phải bảo bạn mỗi ngày chỉ lạy A Di Đà Phật, đó là hiểu cạn! Đó chỉ là hình thức! Nếu hiểu sâu hơn: “Lễ bái” chính là “lễ kính chư Phật” như trong mười nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền; cũng chính là đối với tất cả người, tất cả việc, tất cả vật phải cung kính như cung kính A Di Đà Phật, đây gọi là “lễ bái”. “Qui mạng” là tận hình thọ; “thọ trì, đọc tụng vì người diễn nói” đó gọi là “qui mạng”. “Qui” là quay đầu, “Y” là nương tựa. “Qui y” là chân thật quay đầu, nương vào giáo huấn

của bộ kinh này: Những gì trên kinh Phật dạy chúng ta làm, chúng ta nhất định tận lực mà làm; những gì Phật dạy chúng ta không nên làm, chúng ta tuyệt đối không trái phạm. Quyết không thể nói làm một lễ qui y trên hình thức là xong rồi, thật không có ích gì! Cho nên tu học trong Phật pháp trọng thực chất, không trọng hình thức.

“Dĩ thanh tịnh tâm” (Dùng tâm thanh tịnh): Tâm thanh tịnh chính là tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, tâm từ bi.

“Tu Bồ Tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính” (Tu Bồ Tát hạnh, chư thiên, người đời ai chẳng cung kính). Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “*Tu Bồ Tát hạnh*” ở đây chỉ Lục Độ, vạn hạnh là tu rộng rãi nhiều điều lành. Kinh này dạy ba bậc vãng sinh đều phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Do phát tâm là vua của các nguyện; trì danh là đệ nhất trong các hạnh, nếu thiếu những chánh nhân vãng sinh này, cho dù có làm rất nhiều việc thiện cũng không khế hợp với bốn nguyện của A Di Đà Phật, nên khó bề chứng đạo ngay trong đời này; có chăng chỉ được trời, người cung kính mà thôi!

Thế Tôn trên Kinh Kim Cang dạy: “*Lìa tất cả tướng tu tất cả thiện*”. Lìa tất cả tướng chính là tâm thanh tịnh; Tu tất cả thiện chính là “*tu Bồ Tát hạnh*”. Lìa tướng là nhìn thấu; tu hành là buông bỏ. Buông bỏ giúp nhìn thấu, nhìn thấu giúp buông bỏ. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. *Bồ Tát hạnh* là phương tiện, cũng chính là “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức*”.

- Làm thế nào tu tâm thanh tịnh?

- Phải ngay trong “hành” mà tu tâm thanh tịnh!

“Hành” là sinh hoạt, làm việc, thù đáp. Trong đây học “không dính tướng”, tâm liền thanh tịnh. “Không dính tướng”, câu nói này vẫn rất mơ hồ! Trên Kinh Kim Cang nói rất cụ thể, tất cả

tướng đó là: Tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Phật dùng bốn tướng này bao quát tất cả tướng thế, xuất thế gian. Bao gồm tất cả các hiện tượng đều không rời bốn phạm vi này. Ra khỏi bốn phạm vi này chính là lìa tất cả tướng, tâm mới thanh tịnh. Lời nói này, nếu vẫn chưa thể hội, chúng ta nói rõ hơn một chút: Đối với tất cả pháp thế, xuất thế gian, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm liền thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là chân tâm, là chân như tự tánh, nhất định phải tu từ trên sự tướng.

Mỗi ngày sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần rõ ràng tường tận, thấu suốt phân minh, đây là “*tướng có*”. Tâm địa thanh tịnh, một trần không nhiễm, đó là “*tánh không*”. “Không” và “có” là một không phải hai. Đây là “quán chiếu”. Người chân thật tu hành, chân thật dụng công, suốt hai mươi bốn giờ, không một phút giây nào quên đi “quán chiếu”. Không “quán chiếu” thì công phu gián đoạn, phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền khởi hiện hành!

Cho nên, phải cảnh giác, nếu có thể giữ mãi sự quán chiếu, thì bạn không phải là phàm phu mà là thánh nhân. Tu hành là tu sửa cách nhìn, cách nghĩ, cách nói, cách làm sai lầm của chính mình; từ nơi khởi tâm động niệm, ngay chỗ muốn mở miệng nói chuyện, nơi động tác của thân thể, đây gọi là chân thật biết dụng công.

Trên Kinh Di Đà, Phật nói: “*Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh về nước kia*”. Ngày nay, chúng ta duyên đầy đủ, chỉ sợ thiện căn phước đức kém. Thiện căn kém là lý giải không đủ thấu triệt, phước đức ít là vẫn còn giải đãi lười biếng. Ba điều kiện này đều đầy đủ, con người này là của thế giới Cực Lạc; là Phật Bồ Tát của thế giới Cực Lạc, không phải phàm phu, họ chân thật “qui mạng”.

Tóm lại, tâm thanh tịnh tu “Bồ Tát hạnh” rất là quan trọng. “Bồ Tát hạnh” chính là nhìn thấu, buông xả, tùy duyên niệm Phật.

Sơ Tổ Tịnh Tông chúng ta, vào thời đại Đông Tấn, Viễn Công Đại Sư Lô Sơn mở đầu, Niệm Phật Đường của ngài là ghi danh tham gia, gồm một trăm hai mươi ba người, mỗi mỗi đều thành tựu. Danh số là nhất định, bạn báo danh rồi thì không thể thoái xuất. Đạo tràng là có giới hạn, kiết giới thì không được vượt qua, hoạt động nhất định ở trong khuôn khổ. Đó là đạo tràng chân thật niệm Phật. Chúng ta chỉ thử nghiệm, các bạn nếu như chân thật muốn niệm Phật, năm tới nếu duyên hội chín muồi, chúng ta sẽ kiến lập đạo tràng chân thật niệm Phật. Ghi danh tham gia, bước vào Niệm Phật Đường này phải kiết giới, không thể vượt qua giới hạn.

Đương nhiên, hiện tại chúng ta cũng không chọn lấy phương thức như ngài Viễn Công đã làm dốc hết sức lực. Chúng ta có thể chọn lấy ba loại phương thức: Một loại thượng phẩm ba năm, thành thật, trung thực niệm Phật ba năm, không thể xa khỏi giới hạn. Trung phẩm thì một năm; Hạ phẩm thì nửa năm. Nếu bạn không thể đến đó niệm Phật suốt sáu tháng thì đừng bước vào; nơi đó không có phần của bạn! Bạn đến đạo tràng luyện tập này thì được, có thể bước vào bước ra. Nếu là “chân thật Niệm Phật Đường” thì không cho phép!

Chúng ta không định thời gian quá dài; đến nơi đó chỉ lão thật, trung thực niệm Phật ba năm. Sau ba năm, nếu vẫn ưa thích tiếp tục niệm thì ở lại. Ba năm một kỳ, niệm tiếp ba năm, bằng không thì niệm xong ba năm, bạn có thể hạ sơn. Tôi muốn mở Niệm Phật Đường này. Hiện tại, Đông Thiên Mục Sơn, Hàn Châu đến tìm tôi. Tôi có ý định muốn ở Đông Thiên Mục Sơn xây Niệm Phật Đường.

- Số người nhiều hay ít?

- Viễn Công Đại Sư định số người là một trăm hai mươi ba người. Chúng ta không dám vượt qua Tổ Sư, danh sách cũng là một

trăm hai mươi ba người, có thể ít không thể nhiều hơn. Trong đó phân Thượng, Trung, Hạ: “Hạ phẩm” sáu tháng, đến kỳ hạn có thể đi. Nếu có người Hạ phẩm khác, có thể thế vào vị trí này. “Trung phẩm” một năm, “Thượng phẩm” ba năm. Duyên rất có thể sẽ thành tựu. Đây là khó được, không dễ dàng! Cho nên, chúng ta ở nơi đây luyện tập, chân thật muốn đi thì luyện tập trước. Luyện tập tốt rồi, nếu không có vấn đề gì thì ghi danh. Nếu không dám ba năm, thì trước tiên mở đầu đều sáu tháng cũng được.

“*Bồ Tát hạnh*”, theo bản kinh này là nghĩa rộng, không phải nghĩa hẹp. Phải hiểu niệm Phật nghĩa là gì? Niệm thế nào mới như pháp? Trong cuộc sống thường ngày phải hiểu được: Sinh hoạt là niệm Phật, làm việc là niệm Phật, thù đáp là niệm Phật v.v... không gì là không phải niệm Phật.

Ngày nay, chúng ta là phàm phu, tất nhiên là có chấp trước. Trên Kinh Di Đà, Phật dạy chúng ta “chấp trì danh hiệu”. Chúng ta đem các chấp trước thả đều buông bỏ, duy chỉ chấp trước “A Di Đà Phật”, niệm như vậy sẽ đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc. Nếu không chấp trước: “Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” thì phẩm vị liền cao. Có người cũng muốn học, vừa học liền hỏng! Chắc chắn học đến ba đường ác đạo! Miệng nói rất hay: “Tôi niệm chính là không niệm”, kỳ thật hoàn toàn sai hết! Họ không hiểu người “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” đó, Phật hiệu suốt hai mươi bốn giờ quyết không gián đoạn, đó là “niệm” cũng gọi là “vô niệm”.

- “Vô niệm” là gì?

- Trong tâm nhất định không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó gọi là “vô niệm”, “niệm” cùng với “vô niệm” hợp lại là một sự việc: Trên sự có “niệm”, trên lý “vô niệm”; trên tướng có “niệm”,

trên tánh “vô niệm”, đây gọi là “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm”; vạn nhất không nên hiểu lầm ý nghĩa của Phật kinh.

“Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sinh tôn quý gia, chư căn vô khuyết” (Nếu nghe tên tôi, sau khi hết tuổi thọ sẽ sinh vào nhà tôn quý, các căn chẳng khuyết): Đây là nguyện thứ hai mươi sáu “văn danh đắc phước” (nghe danh được phước). Chữ “văn” trong kinh này là “tin nhận”, cũng có nghĩa là “Văn Tuệ” trong “Tam Tuệ” của Bồ Tát (như đã đề cập qua ở những phần trước) không phải thông thường chỉ nghe suông, nói bừa, nên mới được quả báo thù thắng như vậy. Người nghe danh hiệu Phật, dẫu đời này không được vãng sinh, đời sau cũng được sinh vào nhà tôn quý.

Sách Đại Luận giảng “sinh tôn quý gia” (sinh trong gia đình tôn quý) như sau: *“Sinh dòng sát-lợi thì có thế lực, sinh vào nhà bà-la-môn thì có trí tuệ, sinh vào nhà cư sĩ thì giàu có lớn nên có thể làm lợi ích chúng sinh.”*

Sách Hội Sớ cũng bảo: *“Sinh trong nhà hạ tiện bị đời khinh rẻ, chẳng thể tạo lợi ích rộng rãi.”* Cho nên, “nghe danh được phước” là đời sau sinh vào nhà tôn quý. “Chư căn” là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. “Chư căn vô khuyết” là sáu căn đầy đủ không có khiếm khuyết.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không “*chư căn vô khuyết*” cũng bao hàm cả ý nghĩa khỏe mạnh sống lâu.

“Thường tu thù thắng Phạm Hạnh”: Đây là nguyện thứ hai mươi bảy. Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “*Phạm Hạnh*”, chữ Phạm nghĩa là thanh tịnh. Phạm Hạnh là hạnh thanh tịnh vô dục. Chư thiên đoạn trừ được dâm dục nên gọi là Phạm Thiên. Hạnh đoạn được dâm dục như Phạm Thiên thì gọi là Phạm Hạnh.

Sách Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường giảng: “*Có người bảo hết thấy các giới là Phạm Hạnh, hoặc bảo chỉ thực hành giới đoạn trừ dâm dục là Phạm Hạnh. Vì vậy, Kinh Đại Phẩm dạy: Dâm dục chướng sinh Phạm Thiên, hà huống Bồ Đề!*” (Dâm dục còn chướng ngại sinh làm Phạm Thiên, huống hồ là Bồ Đề).

Các ý trên đây đều cho rằng ly dục là Phạm Hạnh, nhưng nếu hiểu sâu xa hơn: “**Muôn hạnh để chứng Niết Bàn đều là Phạm Hạnh**”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Nguyện thứ hai mươi bảy này rất quan trọng. Thử nghĩ: Nếu không có nguyện này, chỉ riêng được phước báo trời, người; khi hưởng hết phước chẳng phải là phiền phức đến sao?! Vẫn còn phải đọa lạc! Cho nên, có thêm được nguyện này cũng xem là không tệ! Đời sau vừa được phước báo trời, người vẫn tiếp tục tu hành. Trong tiếp tục tu hành có hai loại thù thắng:

- *Thứ nhất*, họ chân thật triệt để giác ngộ, triệt để buông xả, họ liền vãng sinh làm Phật.
- *Thứ hai*, tuy chưa triệt để giác ngộ, chỉ được phước báo trời, người; nhưng họ đời đời, kiếp kiếp vẫn có thể giữ được không đọa vào ba đường ác.

Vì sao? Vì họ vẫn còn tiếp tục không ngừng tu Phạm Hạnh! Chúng ta xem thấy Ngộ Đạt Quốc Sư trong Từ Bi Tam-Muội Thủy Sám, mười đời đều là cao tăng, đây chính thuộc về cái nguyện này, là “lợi ích nhất đẳng”.

“*Phạm Hạnh*” dùng lời hiện tại mà nói là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Có đồng tu nói với tôi: Họ từng gặp qua một số đại đức tu hành, tên tuổi rất cao, nghe nói công phu dường như cũng không tệ, có năng lực trị bệnh cho người, gần như có thần thông. Thế nhưng,

cái tôi của họ rất lớn, trong mắt không người, rất là kiêu ngạo! Thử nghĩ xem! Đây là đạo đức thế nào?

Chúng ta đọc phần sau của Kinh Lăng Nghiêm có nói về năm mươi Ngũ Âm ma. Trí tuệ, thần thông, đạo lực, của ma trong biểu hiện bề ngoài cũng gần giống như chư Phật, Bồ Tát. Chỉ một việc: Ma có tính khí, có tính tình trong mắt không người. Chỗ này liền biết được họ tương ứng với năm mươi loại Ngũ Âm ma, không tương ứng với chư Phật, Bồ Tát. Cho nên, trên Kinh Lăng Nghiêm, Phật nói thời đại của chúng ta “tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng!” Những tà sư này cũng rất có thể lực, có phước báo hơn hẳn chúng ta rất nhiều, họ cũng có rất nhiều đồ chúng, đây gọi là “Pháp nhược ma cường”. Thế nhưng, đạo này của chúng ta chắc chắn được sinh Tịnh Độ, được thấy Phật A Di Đà; đạo của họ thì không thể! Phân biệt giữa tà và chánh rất đơn giản: Nếu là chánh pháp, chắc chắn phải đoạn phiền não, không thể tăng thêm phiền não.

Trên Pháp Hoa Sớ, ngài Gia Tường có câu:

“Phạm Hạnh chi tướng giả, Phạn danh Niết Bàn, tức căn bản pháp luân Đại Niết Bàn giả, Hành tức vạn hạnh, đạo Đại Niết Bàn giả” (Tướng của Phạm Hạnh, tiếng Phạn gọi là Niết Bàn, chính là căn bản của pháp luân Đại Niết Bàn. Thực hành pháp ấy thì là Phạm Hạnh vì đạt đến Niết Bàn vậy.) Cái ý này sâu! Trên Kinh Đại thừa, Thế Tôn đích thực là nói cái ý này. Nghĩa cạn: Phạm Hạnh có thể siêu việt sáu cõi; nghĩa sâu: Không những siêu việt sáu cõi còn siêu việt mười pháp giới. Trong pháp căn bản Đại Niết Bàn: “Hạnh” đích chỉ Lục Độ Vạn Hạnh. Tu Lục Độ Vạn Hạnh liền có thể đạt đến Đại Niết Bàn. Do đây có thể biết ý nghĩa của chữ “Phạm” tuyệt nhiên không hạn cuộc trong trì giới và đoạn dục mà thôi, hướng hồ là bổn nguyện của A Di Đà Phật trong nguyện văn này.

- “Thù thắng Phạm Hạnh” chúng ta phải học như thế nào?

- Trước nhất phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, kể đến phải tùy thuận giáo huấn trên Kinh Vô Lượng Thọ.

Đặc biệt trên Kinh Vô Lượng Thọ, kinh văn từ phẩm thứ ba mươi ba đến phẩm thứ ba mươi bảy, Thế Tôn giảng rất tường tận về năm giới mười thiện. Trong khóa tối mỗi ngày đọc qua một lần, phải nỗ lực phản tỉnh, kiểm điểm: Những gì Phật dạy chúng ta làm, chúng ta có làm được chưa? Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta có trái phạm không? Đây gọi là chân thật tu khóa sớm tối, không đến nỗi chỉ trên hình thức mà chẳng có nội dung! Nếu chỉ trên hình thức, chúng ta không chuyển đổi được nghiệp. Đây không phải là trò đùa, diễn kịch! Quan trọng là chúng ta có thật muốn ngay trong đời này vĩnh thoát luân hồi hay không?

- Thế gian này quá khổ! Ngày nay, đối trước ngoại duyên vì sao không thể buông bỏ?!

- Tín nguyện bạn không kiên định! Cho nên, chính mình tuy có học Phật, vẫn không thể nào có được lợi ích chân thật! Chỉ là được chút phước báo nhỏ nhỏ trong nhà Phật mà thôi!

- Phước báo nhỏ, tương lai đến đâu hưởng?

- Vẫn là không nhất định! Đời sau nếu không thể ở cõi trời, người phải vào đường súc sinh, hoặc đi vào cõi quỷ hưởng phước thì bạn sai rồi! Chúng ta học Phật, trước tiên phải hạ thấp dục vọng, tâm mới có thể thanh tịnh, tâm thanh tịnh niệm Phật mới hữu dụng. Sau đó, tuân theo giáo huấn của Phật: “Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”.

- Tâm Bồ Đề là gì?

- Tổng kết trên cương lĩnh mà nói: Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi; đây là tâm Bồ

Đề. Ngay trong cuộc sống thường ngày đối nhân, xử thế, tiếp vật; tâm Bồ Đề nếu chỉ phát trên miệng thì không ích gì! Nếu chỉ phát trong tâm cũng chưa hữu dụng mà nhất định phải thực tiễn. Thực tiễn tâm Bồ Đề chính là tu “tam phước”, tu “Lục Hòa”, tu “Tam Học”, tu “Lục Độ”, tu mười nguyện của Phổ Hiền, dùng công đức này cầu sinh Tịnh Độ.

Công đức nghe danh hiệu vi diệu khó lường như Kinh Tôn Thắng Đà Ra Ni dạy:

“Chư phi điểu, súc sanh, hàm linh chi loại, văn thử đà-ra-ni, nhất kinh ư nhĩ, tận thử nhất thân, cánh bất phục thọ” (Các loài chim bay, súc sinh, hàm linh một phen nghe đà-ra-ni này thoảng qua tai, hết một thân ấy liền chẳng thọ lại nữa).

Kinh Niết Bàn cũng nói:

“Thị Đại Niết Bàn diệc phục như thị, nhược hữu chúng sinh, nhất kinh ư nhĩ, khước hậu thất kiếp, bất đọa ác thú” (Đại Niết Bàn này cũng giống như thế. Nếu có chúng sinh một phen nghe được, trong bảy kiếp sau chẳng đọa đường ác). Một phen được nghe đã đạt công đức đến như vậy, huống hồ nghe xong lại tin nhận thì công đức càng lớn lao hơn. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, chữ “*Văn*” trong kinh này chẳng có nghĩa là nghe suông mà còn là “*tin nhận*”. Vì vậy, người nghe danh hiệu Phật đầu đời này không được vãng sinh thì đời sau cũng sẽ “*thường tu thù thắng Phạm Hạnh*”.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh. Sở hữu chúng sinh sinh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm, trụ ư Định Tự, vĩnh ly nhiệt nã, tâm đắc thanh lương. Sở thọ khoái lạc, do như Lộ Tận tỳ kheo. Nhược khởi tưởng niệm tham kế thân giả, bất chủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi làm Phật, trong nước không có danh từ bất thiện. Tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi đều đồng một tâm, trụ nơi Định Tự, vĩnh viễn thoát khỏi nhiệt não, tâm được thanh lương, hưởng thọ khoái lạc như là Lưu Tận tỳ kheo. Nếu họ khởi tưởng niệm tham chấp cái thân thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Từ nguyện thứ mười tám đến nguyện thứ hai mươi bảy, tổng cộng có mười nguyện, nói rõ: Nghe danh được công đức thù thắng. Từ nguyện hai mươi tám đến nguyện ba mươi một trong chương này là thể hiện công đức thọ dụng của chúng sinh trong cõi Cực Lạc.

“Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh” (Khi tôi thành Phật, trong nước không có danh từ bất thiện). Đây là nguyện thứ hai mươi tám **“quốc vô bất thiện danh”**. Ý nói: Cõi Cực Lạc, các danh từ bất thiện như bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, bất thiện, tham lam, tật đố, oán hận v.v... đều không có hướng là có sự bất thiện.

Kinh Di Đà dạy: **“Kỳ Phật quốc độ, thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thực! Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác”** (Cõi nước Phật đó còn không có cái tên ác đạo, huống là thật có! Các loài chim ấy đều do A Di Đà Phật vì muốn khiến cho pháp âm được tuyên lưu nên biến hiện ra). Kinh còn dạy: **“Nhữ vật vị thử điều thực thị tội báo sở sanh”** (Ông chớ cho rằng những loài chim ấy thật sự do tội báo sinh ra), đã không phải do tội báo sinh ra thì những tên gọi như bạch hạc, hồng tước, anh vũ v.v... chỉ là giả danh. Các loài chim ấy đều từ tánh đức của Như Lai hóa hiện, nên tên gọi của chúng cũng biểu thị tánh đức của Như Lai; đó chính là mỹ hiệu, chớ nên bảo là ác danh.

- Phật A Di Đà vì sao phải biến hóa nhiều thứ đến như vậy?

- Vì Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc đều là chúng sinh trong lục đạo từ mười phương thế giới đến, nên tập khí phiền não trong tâm họ vẫn chưa đoạn! Để hóa giải những tập khí, phiền não trong họ, nên Phật A Di Đà mới có nhiều biến hóa tạo tác như vậy. Đây là theo quan điểm của Hòa Thượng Tịnh Không.

Nên nhớ, những biến hóa này, mỗi người tiếp xúc đều không như nhau. Chẳng hạn như khi chúng ta tham quan du lịch, nhiều người cùng ở một nơi, nhưng cảm xúc của mỗi người đều không giống nhau; đây là do cá tính, trình độ văn hóa, sở thích mỗi người có khác nhau. Trong Phật pháp, gọi đó là căn tánh khác biệt của mỗi cá nhân. Hơn nữa, ở thế giới Cực Lạc, đúng như “Phẩm Phổ Môn” nói: Đáng dùng thân gì để độ thì hiện ra thân đó, mà vì đó nói pháp. Có loại chúng sinh khi nhìn thấy Phật, cảm giác rất bị câu thúc, không dám buông lung, nhất định phải rất qui củ, nếu có thể ngồi dưới bóng cây nghe chim nói pháp, họ có thể được cảm giác rất tự tại mà không bị câu thúc. A Di Đà Phật rất từ bi, mãi cái nguyện này của họ.

Ở thế giới Cực Lạc, Phật nói pháp, Bồ Tát nói pháp, bạn lành nói pháp, bao gồm tất cả hữu tình, vô tình thậm chí đều nói pháp; không những thế mà còn ngày đêm không gián đoạn. Ở cõi ấy mỗi sắc, mỗi hương, mỗi hạt bụi, mỗi danh từ không thứ nào chẳng là Trung Đạo, đều là toàn thể đại dụng của pháp giới chẳng thể nghĩ bàn! Thế giới Tây Phương Cực Lạc tuổi thọ dài lâu nên một đời nhất định thành tựu.

Chúng ta tu học Phật, dù học bất cứ pháp môn nào, mục tiêu hướng đến vẫn là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tức là tâm đã hoàn toàn buông bỏ vọng tưởng, phân biệt chấp trước. Trước khi được Phật tiếp dẫn về Tây Phương, chúng ta ngay đây phải triệt để đạt đến tâm thanh tịnh này. “*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*”, nương vào

tâm thanh tịnh này chính là cõi Phật. Phật đó chính là “*Phật tức tâm, tâm tức Phật*”. Câu này chớ hiểu lầm cho rằng: Bình thường chúng ta nghĩ thiện, làm thiện, biết niệm Phật là tâm Phật rồi. Xin thưa: Tâm đó chỉ mới là tâm thiện, chưa phải là tâm Phật. Tâm Phật chủ yếu là tâm phải thanh tịnh, trong sạch, không nhiễm một trần.

Người tu hành dù bị người khác vũ nhục, hãm hại, trong tâm chẳng những không oán hận, phiền não, trái lại còn sinh tâm cảm ân. Vì sao? Vì họ tiêu nghiệp cho ta! Ta cảm kích còn không kịp, sao có thể khởi niệm bất thiện đối với người?! Cho nên, người chân thật tu hành, bất luận hoàn cảnh thuận hay nghịch; thiện duyên hay ác duyên đều giúp ta tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi thì cảnh giới liền chuyển, sẽ không còn bị ngoại duyên chi phối, chính mình được thiên định, được nhất tâm, đạo nghiệp ngay đời này nhất định thành tựu.

Phải xem thế gian này như một vở kịch dài diễn hiện trên màn hình. Nhân vật và màn hình là một chẳng phải hai. Làm thế nào có thể từ âm thanh sắc tướng của nhân vật đó mà thấy được màn hình, đó chính là thấy được tự tánh. Nếu mãi miết, dong ruổi theo những âm thanh, sắc tướng trên màn hình mà quên đi màn hình, đó chính là mê!

Thực tế, Ti-vi không phải là thứ xấu, nếu thực sự biết xem, hiểu được đạo lý này, xem truyền hình cũng có thể khai ngộ, trực nhận ra rằng: “*Tánh tướng nhất như! Tánh tướng bất nhị!*” Cuộc sống hiện thực chính là sắc tướng, là pháp tướng. Pháp tướng đều sinh diệt! Đều là giả tướng! Tất truyền hình, cảnh tượng tuyệt nhiên biến mất nhưng màn hình vẫn còn, có khác nào như tự tánh là vĩnh hằng bất biến, nó là “*năng hiện*”; còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó là “*năng biến*”.

Nếu chúng ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tất cả hiện tượng đều sẽ bất biến. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm

bất biến, tuy bất biến nhưng họ đồng thời có thể “hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”, có thể dùng ba mươi hai loại ứng thân khác nhau: Đồng thời đồng xứ; đồng thời dị xứ, đồng xứ dị thời; năng hiện vô lượng vô biên sắc tướng, giúp tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ.

Nếu đem cuộc sống hiện thực xem như hình ảnh trên màn hình, thì đây là một phương pháp tu hành rất tốt. Hình ảnh trên màn hình, chúng ta biết: Có thể thương thức nhưng không thể nắm bắt được! Cùng một đạo lý, cuộc sống hiện thực, chúng ta có thể thọ dụng, có thể thương thức nhưng không nên có ý niệm khồng chế hoặc chiếm hữu, vì nó là sát-na sinh diệt, không thể có được! *Phải xem nhân sinh, vũ trụ như hình ảnh trên màn hình, đều là giả không phải thật! Thế nào cũng được! Người người đều là người tốt, việc việc đều là việc lành; chỉ cần không phân biệt, không chấp trước. Họ ở đó đóng kịch, diễn vai chánh diện rất hay, rất tốt! Diễn vai phản diện, diễn A Tỳ địa ngục, cũng rất giống, rất hay! Ta đứng ngoài là người xem kịch, không phải người diễn!*

- Khi mê thì sao?

- Mê rồi thì chạy đến đó mà diễn kịch! Vậy thì rất khổ! Giác ngộ liền trở thành người xem kịch. Không còn là người diễn kịch nữa.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát là người đứng ngoài xem kịch. Lục đạo chúng sinh là người biểu diễn trên vũ đài! Ngày ngày xem Ti-vi, phải hiểu được nên xem như vậy thì bạn là người biết xem rồi. Biết thì khai ngộ! Không biết thì mê làm!

Chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tập khí trong ta vẫn chưa đoạn. Tập khí gì vậy? Nghe pháp! Đây là tập khí tốt! Gọi là “Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”, chúng ta đến đó dùng toàn bộ thời gian, tinh lực của mình mà học tập Phật pháp. Nhờ nghe pháp mới có thể đạt đến giác ngộ triệt để. Đây là tùy thuận

theo căn tánh của chúng sinh, A Di Đà Phật dùng phương pháp biến hóa này không ngoài mục đích giúp chúng sinh giác ngộ, nâng cao cảnh giới.

“Sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm trụ u Định Tự”. (Tất cả chúng sinh, sinh trong cõi tôi đều đồng một tâm, trụ trong Định Tự): Đây là nguyện thứ hai mươi chín “*trụ Chánh Định Tự*”. Nguyện này là kết quả của nguyện thứ năm “*thân vô sai biệt*”. Sanh trong cõi ấy, hình mạo đều giống nhau. Hình mạo đã giống, tâm cũng giống hết. Tâm đã đồng nhất nên cùng trụ trong “*Định Tự*”. “*Nhất tâm*” là nhân, “*Định Tự*” là quả. Chúng ta niệm Phật mục đích đạt đến “nhất tâm bất loạn”, đây là yêu cầu của người niệm Phật.

“*Nhất tâm*” có cạn, sâu khác nhau. Công phu sâu là “lý nhất tâm bất loạn”, công phụ cạn là “sự nhất tâm bất loạn”. Không luận là “*sự*” hay “*lý*”; mỗi người có cạn, sâu, đẳng cấp khác nhau. Nói đến “*nhất tâm*”, có đồng tu e ngại không làm được sẽ không có thành tựu, phải tìm pháp môn khác, vậy là sai lầm! “*Nhất tâm*” sâu, chúng ta không có hy vọng, nhưng “*nhất tâm*” cạn rất có hy vọng. “*Nhất tâm*” cạn là “*công phu thành khối*”, phải lấy cái này làm tiêu chuẩn, mọi đồng tu niệm Phật đều có thể làm đến được. Vấn đề chi e bạn không chịu làm! Nếu chịu làm thì không thể không làm được.

Người niệm Phật ở mọi lúc, mọi nơi, trong tâm luôn có câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra, bất cứ thứ gì cũng không có, đây gọi là “*công phu thành khối*”, cầu nguyện vãng sinh chắc chắn được sinh. Nếu muốn phút lâm chung nắm chắc được phần, lúc bình thường phải tập buông xả. Đối với thế duyên hay pháp duyên phải tập xem nhẹ, không nên quá chấp trước. Thế nào cũng tốt! Việc tốt rất tốt! Việc không tốt cũng tốt! Người tốt rất tốt! Người không tốt cũng tốt! Tâm bạn mới thanh tịnh. Trong tất cả cảnh duyên, chân thật

không khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước mới dễ dàng được “nhất tâm”.

“*Định Tụ*” ở đây là thuật ngữ trong nhà Phật, có nghĩa là “*Chánh Định Tụ*”, là một trong *Tam Tụ*. “Tụ” có nghĩa là những gì giống nhau được gom lại.

Cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa đều nói đến **Tam Tụ**, nhưng có nhiều thuyết:

1. Thuyết Thứ Nhất

a. Chánh Định Tụ: Gồm những người tâm địa thanh tịnh, nhất định chứng ngộ.

b. Tà Định Tụ: Gồm những kẻ chỉ biết tự tư tự lợi, chỉ vì một tập đoàn, họ hoàn toàn không chứng ngộ.

c. Bất Định Tụ: Thành phần này chiếm đại đa số. Nếu hữu duyên được thân cận thiện tri thức thì họ chứng ngộ. Nếu vô duyên hoặc thân cận tà tri thức, đi theo người sai liền thành Tà Định Tụ thì không chứng ngộ. Cũng thế, nếu giáo dục xã hội tốt, họ sẽ trở thành người tốt; nếu giáo dục xã hội xấu, họ sẽ trở thành người xấu.

- Giáo dục xã hội hiện tại ra sao? Ai là người đóng vai trò?

- Truyền thông đang làm! Mạng Internet, truyền hình, báo chí v.v... đang làm! Họ đăng tải những gì thì bạn đều biết. Đài Loan trước đây đề xướng phục hưng văn hóa truyền thống. Có người hỏi thầy Phương:

- Phải bắt đầu từ đâu?

- Thầy Phương nói: Trước tiên phải đem truyền hình và những truyền bá của vô tuyến điện, tất cả đều phải dừng lại hết, báo chí phải đóng cửa, tạp chí phải ngăn cấm. Họ nói:

- Điều này không làm được!

Thầy Phương mỉm cười nói:

- Những thứ này đang ngày ngày phá hoại văn hóa truyền thống. Chỉ cần những thứ này còn, văn hóa truyền thống không thể nào phục hưng được!

Thầy nói rất hay! Bạn ngày ngày xem những thứ này, làm sao không phiền não! Làm sao tâm không loạn! Làm sao được “Chánh Định Tự”!

2. Thuyết Thứ Hai

Sách Hội Sớ nói: “*Định Tự nói đây đủ là Chánh Định Tự, cũng gọi là Bất Thoái Chuyển, tức là Bồ Tát A Bệ Bạt Trí. Vì sao gọi là Chánh Định? Phàm hết thấy chúng sinh tuy căn tánh muôn phần sai khác, nhưng nếu phân loại thì chẳng ngoài ba thứ: Ất đọa trong sáu đường là Tà Định, nếu thăng trầm tùy duyên thì là Bất Định, quyết định đạt đến Bồ Đề thì gọi là Chánh Định.*”

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích thêm phần này như sau: Tà Định nói một cách đơn giản là vì chính mình. Họ chấp trước thân này là ta, đều là tự tư tự lợi, truy cầu danh vọng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, những thứ này trong lục đạo mới có. “Tứ Thánh Pháp giới” đã phá được ngã chấp (phá “Thân kiến” là Tu-đà-hoàn; phá Ngã chấp là A-la-hán), nhưng vẫn còn Pháp chấp, cho nên chưa ra khỏi Thập Pháp giới. Cả hai loại Ngã chấp và Pháp chấp chưa đoạn, nên gọi là Tà Định Tự. Chánh Định là thú hướng Đại Bồ Đề, thú hướng Đại Niết Bàn. Nếu thật sự là một tâm một ý chuyên cầu thế giới Cực Lạc, tâm này là Chánh Định Tự. Vì sao? Sinh đến Tây Phương Cực Lạc nhất định chứng được Vô Thượng Chánh Giác, tức là thành Phật.

- Hiện tại tâm chúng ta định con đường nào?

- Cầu sinh Tây Phương Cực Lạc, con đường này là Phật đạo. Chánh Định Tự hiện tiền chính là chân tín, thật sự muốn vãng sinh, thật niệm câu “A Di Đà Phật”, quyết không có hoài nghi, không có tạp niệm, loại người này thì quá ít. Nếu như không phải ngày ngày đọc kinh, nghe kinh thì làm gì có Chánh Định! Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta “*Đô nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục*”. “*Đô nhiếp sáu căn*” chính là ở đây nói *Chánh Định Tự*, cũng chính là vạn duyên buông bỏ, trong tâm chỉ duy nhất có A Di Đà Phật.

3. Thuyết Thứ Ba

Khởi Tín Luận cho rằng phàm phu đến hạng chưa đạt bậc Thập Tín, chẳng tin nhân quả là Tà Định. Từ Thập Trụ trở lên là Chánh Định, hạng Thập Tín là Bất Định Tánh. Thuyết này là của Đại Thừa Phật Giáo.

Phẩm hai mươi hai “*Quyết chứng cực quả*” của kinh này nói: “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ u Chánh Định chi tự, quyết định chứng u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hoặc đã sanh, hoặc sẽ sanh thảy đều trụ trong Chánh Định Tự (câu này trích từ bản Đường dịch), quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Đây rõ ràng là được sinh về cõi kia liền nhập vào Chánh Định Tự, ắt chứng quả Đại Niết Bàn hiển thị sự bất khả tư nghị của Di Đà đại nguyện đến mức độ cùng cực. Chẳng những người đã vãng sinh Cực Lạc trụ trong Chánh Định Tự quyết chứng Vô Thượng Bồ Đề mà hết thảy những người cầu vãng sinh Cực Lạc trong hiện tại hoặc trong tương lai, chỉ cần “phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm” thì sẽ tương ứng với bốn nguyện của Phật A Di Đà, dẫn ở trong cõi uế độ vẫn còn là phàm phu đầy dẫy, nhưng hễ vãng sinh thì ắt trụ trong Chánh Định Tự, quyết chứng Bồ Đề. Đây thật là điều siêu tình

ly kiến, chẳng thể nghĩ bàn, dứt bật đối đãi một cách viên dung, phương tiện rốt ráo.

Sách Bình Giải viết: “*Chánh Định Tự trong cõi này (Sa Bà) là mật ích (lợi ích ngầm), Chánh Định Tự trong cõi kia là hiển ích (lợi ích hiển nhiên)*”. Ngay trong Kinh Tiểu Bản cũng có đoạn tương hợp với giáo thuyết này, Kinh chép: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc Bất Thoái Chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. (Nếu có kẻ đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sinh cõi A Di Đà Phật thì những người ấy đều đắc Bất Thoái Chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Rõ ràng đại nguyện “*Trụ Chánh Định Tự*” của Phật A Di Đà tạo lợi ích cho cả nhân dân cõi Cực Lạc lẫn chúng sinh cõi Sa Bà, nên ngài Thiện Đạo nói nguyện này còn ẩn tàng mật nghĩa: Ngay trong hiện đời chúng được Bất Thoái. Kinh nói “*nhược đương sinh*” (hoặc sẽ sinh) là chỉ người đang cầu vãng sinh cũng được nhập Chánh Định Tự. Đây là một thuyết rất kỳ đặc thật tương đồng với huyền chỉ của đoạn Kinh Vô Lượng Thọ đây. Ngài Thiện Đạo lại nói: “*Chẳng đoan phiền não mà đắc Niết Bàn, điều này thể hiện tánh đức tự nhiên của cõi An Lạc vậy.*”

Long Thọ Đại Sĩ cũng nói: “*Dùng nhân duyên tin Phật nguyện sinh Tịnh Độ, khởi tâm lập đức, tu các hạnh nghiệp. Do nguyện lực của Phật nên liền vãng sinh. Do Phật lực gìn giữ nên liền nhập Đại Thừa Chánh Định Tự. Chánh Định Tự chính là địa vị A Bệ Bạt Trí Bất Thoái vậy*”.

“*Khởi tâm lập đức*”: “lập đức” đây chính là “phát tâm Bồ Đề”. Tâm Bồ Đề là giác chớ không mê. Dùng giác chớ không mê “*tu các hạnh nghiệp*”. Ba nghiệp thân, khẩu, ý đều phải tùy thuận tánh

đức, đó chính là tu hành. Nói cách khác, ba nghiệp: “*thân-khẩu-ý*” toàn là A Di Đà Phật: Tâm là A Di Đà Phật, miệng là A Di Đà Phật, hành vi là A Di Đà Phật.

- Điều này phải tu như thế nào?

- Xem tất cả mọi người đều là Phật A Di Đà; nhìn tất cả việc, tất cả vạn vật đều là Phật A Di Đà. Bạn thành công rồi! Tâm bạn đã đạt đến thuần tịnh, thuần thiện rồi!

Cho nên, chúng ta đối với tất cả chúng sinh, đối với sơn hà đại địa đều khởi tâm cung kính, tâm cảm ân, người như vậy chắc chắn được vãng sinh. Ở đây cũng tiết lộ một tin tức cho chúng ta: Người niệm Phật tâm phải Định Trụ, nếu “ba tâm hai ý”, vọng niệm đầy đầy thời không được, đó là tâm bất định. Tâm bất định cũng có thể vãng sinh, nhưng phải xem nhân duyên lúc bạn lâm chung như thế nào. Nếu lúc lâm chung có người nhắc nhở, niệm cuối cùng của bạn là A Di Đà Phật thì dựa vào điều này. Nếu tự thân mình có Chánh Định Trụ, thì không cần phải nhờ người khác, đây là cách an toàn nhất chỉ dựa vào bản thân, không dựa vào người. Hạng người này có rất nhiều, họ biết trước giờ ra đi, ra đi rất tự tại.

“*Vĩnh ly nhiệt não, tâm đắc thanh lương. Sở thọ khoái lạc do như Lậu Tận tỳ kheo*” (Vĩnh viễn xa lìa nhiệt não, tâm được thanh lương, hưởng thọ khoái lạc như Lậu Tận tỳ kheo), đây chính là nguyện thứ ba mươi “*Lạc như Lậu Tận*” (Vui như Lậu Tận).

“*Nhiệt não*” nghĩa là thân nhiệt, tâm não. Thân có khổ thọ, bị sự khổ bức bách, tâm có phiền muộn nên gọi là “*nhiệt não*”. Phẩm Tín Giải của Kinh Pháp Hoa bảo: “*Dĩ tam khổ cố, ư sinh tử trung, thọ chư nhiệt não*” (Do vì ba khổ nên ở trong sinh tử, chịu các nhiệt não). Nay trong cõi Cực Lạc “*vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (không có các khổ, chỉ hưởng các điều vui) nên vĩnh viễn xa lìa nhiệt não.

“*Thanh lương*” là thanh tịnh, mát mẽ; trái nghĩa với “*nhiệt nã*”. “*Sở thọ khoái lạc*”, đây là nói cảm thọ của người vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Cảm thọ này chúng ta không cách chi tưởng tượng ra được. Ngày nay, chúng ta gọi là “lạc” đó chỉ là “lạc” trong “khổ lạc”; cái “vui” trong “khổ vui”, không phải là “chân lạc” (cái vui chân thật). Cái “chân lạc” của người ở thế giới Cực Lạc mới thật là thuần vui, không có sự khổ. Vạn nhất không nên hiểu lầm; thế giới Cực Lạc rất vui, đến đó để hưởng thụ thì bạn sai rồi! Cái “lạc” mà bạn nghĩ vẫn là phiền não! Bạn đem thế giới Cực Lạc xem thành thế giới phàm phu thì thật sai lầm!

Cho nên, câu kế tiếp “*do như Lưu Tận tỳ kheo*”. Chữ “Lưu” ở đây có nghĩa là rò rỉ, rịn chảy. “Lưu” là tên khác của phiền não. Phiền não hiện hành khiến tâm luôn bị rò rỉ, tiêu tán đi trí tuệ, công đức của chính mình, khác nào như tách nước có lỗ thủng, nước đựng bên trong chắn chắn bị rò rỉ, rịn chảy tiêu mất, tách nước đó không còn hữu dụng. Phiền não giống như lỗ thủng của sáu căn, khiến công đức tự tánh của chúng ta dần dà tiêu hết, đây gọi là “lậu”, chỉ có “vô lậu” là hoàn hảo. Dùng thánh trí để đoạn sạch phiền não, ấy gọi là “*Lậu Tận*”.

Trong Lục Thông, năm thứ đầu là Hữu Lưu Thông, chỉ riêng Lưu Tận Thông là Vô Lưu Thông. Tỳ kheo đoạn sạch phiền não được xưng là Lưu Tận tỳ kheo hay Vô Lưu tỳ kheo, đây tức là bậc Tiểu thừa A-la-hán.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, trong Phật pháp Đại thừa nói Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát là ba đức; A-la-hán chỉ mới chứng được phần Giải Thoát, còn Pháp Thân và Bát Nhã vẫn chưa chứng đắc, nên chỉ là Tiểu thánh. Vô Lưu đề cập ở đây là chỉ cho bậc Đại thánh, tức là Pháp Thân Bồ Tát, bởi họ đã đoạn hết “Kiến Tư

phiền não”, “Trần Sa phiền não”, “Vô Minh phiền não”, mới thật là Lộ Tận, thật sự chuyển phiền não thành Bồ Đề.

Trên kinh Đại thừa chúng ta thường thấy danh từ “Đại tỳ kheo”. Đại tỳ kheo là Vô Lộ Đại thừa, địa vị của họ là Bồ Tát Pháp Vân Địa, thông thường chúng ta gọi là Thập Địa Bồ Tát.

Chỗ này Đại Sư Thanh Lương cũng có khai thị, ngài nói: Pháp giới không chướng ngại, đạo lý của vạn sự vạn vật, thể và xuất thể gian hoàn toàn thông đạt, đây là “lý vô ngại”. Đối với sự tướng vô lượng, vô biên của thể và xuất thể gian các ngài đều tường tận viên mãn. Đây là “sự vô ngại”. Vào sâu hơn một tầng là “lý” cùng “sự” đều không có chướng ngại: Lý không ngại sự, sự không ngại lý, đây là “lý, sự vô ngại”. Đạt đến thực tiễn thọ dụng vào trong đời sống, đây chính là “sự sự vô ngại”.

Tứ Thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới chỉ có thể đạt đến “lý, sự vô ngại”, vẫn chưa thể “sự sự vô ngại” nên thọ lạc của các ngài chưa phải là Cực Lạc (cái vui cùng tột); “Sự sự vô ngại” mới là Cực Lạc. Cho nên, Pháp Thân Đại Sĩ đạt đến “Sự sự vô ngại”, cảnh giới của các ngài mới gọi là Cực Lạc, đây là Lộ Tận Tỳ Kheo. Thử hỏi:

- Cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ, chúng ta một đời có thể đạt đến hay không?

- Đáp án là khẳng định được!

Phật nói pháp không vọng ngữ, như Kinh Kim Cang nói: *“N hư thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuồng ngữ giả.”* Dựa vào lời nói này, chúng ta có thể thể hội được: Phạm sự việc nào ở thế gian chúng ta không làm được, chắc chắn Phật không nói. Nếu Phật nói thì đó là cuồng vọng ngữ, chúng ta không làm được! Vấn đề là chúng ta có chịu làm hay không?

- Làm bằng cách nào?

- Y theo giáo huấn trên Kinh Kim Cang mà làm, bạn liền đạt đến được.

Tông chỉ của Kinh Kim Cang là “liạ tướng tu thiện”. Liạ tất cả tướng, tu tất cả thiện, liền đạt đến: “Sự sự vô ngại”, đây đích thật là “chân lạc” của Pháp Thân Đại Sĩ.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Pháp Tạng Bồ Tát nguyện chúng sinh trong cõi ngài hưởng vui vô cực, nhưng với những sự vui sướng ấy, tâm chẳng chấp trước, như bậc A-la-hán, nên bảo là “*do như Lậu Tận tỳ kheo*” (giống như Lậu Tận tỳ kheo). Dùng hình ảnh này để ví họ hưởng thọ các sự vui nhưng không nghĩ là vui”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chúng ta ngày nay cảm thọ khoái lạc là có nhiễm trước nên sinh phiền não. Cổ nhân nói: “*Cực lạc sanh bi*”. Hưởng thụ của người ở thế giới Cực Lạc không sanh bi, không biến thành bi ai, so với thế giới này của chúng ta điểm này rất khác. Thế giới của chúng ta hưởng lạc quá đà, chắc chắn là bi ai xuất hiện! Ví như bạn ăn cơm, ăn một bát rất vui, còn muốn ăn thêm một bát. Nhưng nếu bảo ăn không ngừng hai mươi bát, ba mươi bát thì bạn khổ rồi! Cho nên “lạc” quá thành bi ai!

Người ở thế giới Cực Lạc, ngày ngày tiếp thu giáo huấn của Phật A Di Đà, cũng tiếp thu sự gia trì của mười phương chư Phật, phước báo này quá lớn! Khiến tâm họ luôn sinh trí tuệ không sinh phiền não; niệm niệm đều tương ứng với tánh đức. Đương nhiên họ biết “phàm có hình tướng đều là hư vọng” nên không chấp trước, không phân biệt; “khô, lạc” nhị biên đều bất khả đắc, đó mới là “Chân lạc”.

Chuyện “Phật sống Kim Sơn”; lão Pháp sư Lạc Quán, tôi đã từng gặp mặt ngài. Ngài và Phật sống Kim Sơn từng sống với nhau bốn tháng. Có lần dùng cơm chung với mọi người, tín đồ rất nhiệt tâm và rất ngưỡng mộ Phật sống Kim Sơn, mỗi người đơm một bát cơm dâng lên ngài, ngài đều hoan hỉ ăn hết. Trong chốc lát ăn đến hai mươi bát! Pháp sư Lạc Quán ngồi bên cạnh thấy vậy liền nói.

- Quý vị chớ hại Pháp sư, sao có thể để ngài ăn nhiều đến như vậy!

Phật sống nói với Pháp sư Lạc Quán:

- Bất tăng, bất giảm! Không lo việc gì, lo lắng gì chứ! Không sao!

- Ở đây nói lên điều gì?

- Ngài hiểu được đạo lý: Ăn nhiều cũng như không ăn! Mười ngày nửa tháng không ăn cũng như ăn rồi.

Thật là kỳ diệu! Ngài đã đạt đến cảnh giới này! Phàm phu chúng ta xem thấy rất kinh ngạc, nhưng đối với ngài là việc rất bình thường. Đây chính là “Tất cả pháp từ tâm tướng sinh”, ngài không chấp tướng, chúng ta đã chấp tướng rồi!

Không chấp trước, nên nói “*lạc như Lưu Tận tỳ kheo*” Điều này ví cho “thọ lạc” mà không có “tướng lạc”; “khổ, lạc” hai bên đều không chấp trước; đây mới là “Chân lạc”. “Khổ, lạc” chỉ là tương đối, nó không phải là “chân lạc”; lìa khỏi tương đối chính là lìa khỏi đối lập, mới thực sự là đắc lực. Cho nên “lạc” của chư Phật, Bồ Tát không phải là “lạc” của “khổ, lạc” thế gian, cũng không phải từ kích thích bên ngoài đến mà do công phu nội chứng. Hỉ duyệt là tánh đức, tánh đức của tự tánh không ngừng tuôn chảy nên thọ lạc không mất.

Đại sư Nghĩa Tịch gọi nguyện này là nguyện “*Thọ lạc vô nhiễm*” (hưởng vui không nhiễm). Điều này nói rất hay! Thọ khổ thì

sao? Cũng vô nhiễm! Không động tâm, không khởi tâm động niệm, đây chính là “Chân lạc”.

Pháp sư Cảnh Hưng gọi là “*Thọ lạc vô thất nguyện*” (Hưởng vui không làm lỗi), điều này cũng rất tốt!

“*Nhược khởi tướng niệm tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác*”. (Nếu khởi tướng niệm tham chấp cái thân thì chẳng lấy Chánh Giác): Đây là nguyện thứ ba mươi mốt “*Bất tham kế thân*” (Chẳng tham chấp thân). Tham chấp thân là chấp có thân ta nên tham đắm, so đo. Phàm phu tu hành phần nhiều hay bị mắc vào “Thân kiến”. “Thân kiến” là kiến chấp lớn nhất trong “Kiến Hoặc”. “Kiến Hoặc” chẳng đoạn, không thể dựa vào dòng Thánh, tất nhiên còn lưu chuyển trong sinh tử không có ngày ra!

Sách Hội Sớ giảng: “*Vọng chấp tự thân, so đo, yêu, ghét, thuận, nghịch, thì gọi là tham chấp. Đây gọi là Ngã Chấp*”. Phàm phu vọng tưởng thân mình cho là Ngã rồi tham chấp, so đo, ham thích, gìn giữ, bồi bổ, vv... Thuận với mình thì sinh tâm yêu thích; nếu trái nghịch thì sinh giận dữ. Tất cả phân biệt, tham đắm ấy đều là phiền não. Chúng sinh trong sáu cõi, cho dù đến Đại Phạm Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên, Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, “Thân kiến” đều chưa đoạn nên họ vẫn là phàm phu sáu cõi. Tuy phước báo lớn được sinh về cõi trời, nhưng khi phước hưởng hết vẫn phải trôi lăn chịu khổ trong luân hồi.

Kinh nói: “*Tham kế thân giả*”; “tham” là tham ái; “kế” là toan tính, phân biệt, kế hoạch, suy lường. Đây là gốc bệnh, gốc khổ! Trung Quốc mấy ngàn năm trước Lão Tử từng nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân. Nhược ngô vô thân, hà hữu chi hoạn*”. Ta có đại hoạn bởi vì ta có thân, Lão Tử đã giác ngộ rồi! Kiến giải của ngài cùng với người thường không giống nhau, ngài cho rằng thân này là

gánh nặng, thân này là tai họa, ngài thông minh hơn nhiều so với người bình thường.

- Nhưng thân này có phải là gánh nặng, là tai họa chẳng?

- Không hẳn vậy! Thân này có thể là công cụ, nếu biết dùng thì thân này rất tốt! Không biết dùng thì nó là tai họa! Người biết dùng sẽ lợi dụng thân này để phục vụ tất cả chúng sinh khổ nạn, tạo ra vô số công đức. Người không biết dùng, dùng nó để tạo nghiệp!

- Ai là người biết xử dụng thân này?

- Người giác ngộ! Bậc thánh Tam thừa, cấp bậc thấp nhất là quả vị Tu-đà-hoàn Tiểu thừa, không còn chấp trước thân này là ta. Nhà Phật thường nói “mượn giả tu thật”, thân này là giả, ta phải mượn nó để tu thật.

- Thật là gì?

- Là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”.

Lần này, tôi đến California, nước Mỹ một chuyến. Nguyên nhân là lúc ở văn phòng lâu hai, Cư sĩ Lý Mộc Nguyên đã đặt một cuốn tạp chí ở trên bàn, tình cờ tôi lật ra xem. Bên trong có một bảng thống kê nói về kỷ lục phạm tội của học sinh tiểu học và học sinh trung học tại Mỹ. Tôi xem thấy thực sự là khó tin! Nước Mỹ là quốc gia khoa học rất phát triển, họ thường xuyên không ngừng công bố con số điều tra thống kê. Tôi nghĩ tưởng, vấn đề này thật vô cùng nghiêm trọng! Giáo dục nhân gian lơ là rồi! Luân lý đạo đức hầu như đoạn tuyệt! Tư tưởng tư lợi đã in sâu vào nội tâm của thanh thiếu niên. Nếu cứ đà này phát triển thì vô cùng đáng sợ!

Mạnh Tử xưa kia gặp Lương Huệ Vương. Lương Huệ Vương vừa gặp ngài, câu nói đầu tiên là hỏi ngài:

- Tiên sinh đến quốc gia tôi, đem lại những lợi ích nào cho chúng tôi không?

Mạnh Tử trả lời rất hay, trong đó có một câu nói, đây là kết luận cuối cùng:

- Trên dưới tranh lợi nhau, nước ấy nguy rồi!

Trên là chư hầu, thiên tử; dưới là thứ dân. Từ trên xuống dưới đều nghĩ đến tư lợi thì quốc gia này nguy rồi! Trong nước không nói đến đạo nghĩa, chỉ nghĩ đến tư lợi! Có lợi là bạn bè, không có lợi thì thù địch! Có lợi thì hợp tác, không có lợi thì tiêu diệt đối phương! Tai họa thật vô cùng!

Ngày nay không những người trong nước trên dưới tranh lợi nhau mà cả người trên thế giới cũng đều đang cạnh tranh mưu lợi thì toàn thế giới này nguy rồi! Cá nhân tôi, sao cũng được! Tuổi tác cao rồi thì chết lúc nào cũng được. Tôi hiện nay đối với cái chết rất hoan hỉ, không hề kiêng kỵ. Nhìn thấy thế gian này biết bao nhiêu người khổ nạn, tương lai đi về đâu?! Cho nên, trước khi đi Mỹ, tôi đã bàn vấn đề này với Cư sĩ Lý Mộc Nguyên: Hiện nay phải nhanh chóng làm, mất bò mới lo làm chuồng thì đã quá muộn, vẫn tốt hơn không làm! Hội trưởng Lý đồng ý.

- Cách làm như thế nào?

- Biện pháp duy nhất là lợi dụng công cụ truyền hình, làm thế nào có thể đem nền giáo dục chánh diện thiện truyền bá đến khắp mọi nơi.

Chuyến đi này, chủ yếu là đồng tu ở Mỹ nghe chúng tôi tổ chức Pháp hội tại Malaysia có đến mười ngàn người tham dự. Họ điện thoại nói với tôi, hy vọng tôi đến Mỹ một chuyến. Họ dự trừ số người tham dự Pháp hội có thể sẽ đến vài vạn người. Tôi từ chối, bảo với họ: - Tôi không thích đứng đầu gió! Tôi không cần có cái cảnh

tượng này! Ở Malaysia thì đặc thù! Họ là quốc gia Hồi giáo, trước đây đối với hoạt động của Phật Giáo có rất nhiều hạn chế, nên họ mời là tôi đi ngay. Nước Mỹ là quốc gia dân chủ, tự do mở cửa, nên muốn tổ chức hoạt động quy mô lớn này, tôi không hứng thú! Họ hỏi tôi:

- Ý Pháp sư thế nào?

- Phát thanh truyền hình, phát sóng truyền hình vệ tinh, tôi sẽ đi ngay!

Họ quả nhiên tìm đến đài truyền hình vệ tinh Bắc Mỹ. Chủ tịch Tổng giám đốc đài truyền hình này tuy chưa từng gặp tôi, nghe nói tôi muốn đi, họ bèn cho chúng tôi sáu giờ miễn phí. Tôi cảm thấy rất ngạc nhiên! Sau khi đến đó, vừa gặp mặt, ông chủ tịch tổng giám đốc nói: Pháp sư! Chúng ta biết nhau rất lâu, rất lâu rồi! Tôi hỏi sự việc ra sao? Hóa ra ông ấy xem băng ghi hình của tôi, đã xem mấy năm rồi. Họ nói: Cả nhà chúng con đều xem băng của thầy, cố tìm được băng của thầy để trong nhà xem. Cho nên thảo nào họ cho tôi sáu giờ miễn phí!

Lần này, sau khi bàn xong mọi việc thì sáu giờ không đủ! Thế phải làm sao? Trường kỳ! Họ muốn phát sóng miễn phí băng ghi hình giảng của chúng tôi. Tôi nói với họ: Hơn ba mươi năm trước, có người thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ: Nước Mỹ là nước siêu cường trên thế giới, cho dù vậy vẫn sẽ có ngày bị diệt vong! Thế gian này không có chi tồn tại vĩnh viễn. Nếu nước Mỹ tương lai bị diệt vong, nhân tố đứng đầu là gì? Tiên sinh Phương không hề do dự, lập tức trả lời: Truyền hình! Nước Mỹ tương lai mất nước là do truyền hình!

Cho nên, tôi nói với các vị lãnh đạo truyền hình: Các bạn có thể hủy diệt xã hội và cả thế giới! Nhưng đồng thời cũng có thể cứu vãn xã hội và cả thế giới này chỉ trong một niệm của bạn. Nếu phát

tâm cứu xã hội, cứu kiếp nạn của tất cả chúng sinh thì công đức của bạn rất lớn không thể kể xiết! Cho dù chư Phật Như Lai cùng nhau đồng thanh tán thán cũng tán thán không hết! Tôi nói: Mỗi ngày không cần nhiều, chỉ cần phát sóng nửa giờ hoặc một giờ thì sau một năm, phong khí của xã hội nhất định sẽ thay đổi bộ mặt. Ngạn ngữ nói rất hay: “Đừng sợ không biết hàng, chỉ sợ hàng so với hàng”.

Cho nên, kinh doanh truyền hình vệ tinh không nhằm kiếm lợi làm mục tiêu, mà phải lấy cứu người, cứu đời làm mục đích. Nếu được vậy thì chủ tịch của bạn chính là Như Lai, là Phật Đà; nhân viên của bạn đều là Bồ Tát. Họ nghe xong đều rất hoan hỉ! Họ muốn làm Phật, muốn làm Bồ Tát! Rất tốt! Băng ghi hình giảng kinh của chúng tôi liên tục không dứt sẽ cung cấp cho họ. Hy vọng nước Mỹ tiên phong dẫn đầu, sau đó các quốc gia khu vực khác, tất cả truyền hình vệ tinh, truyền hình quần chúng, cùng mạng internet có thể phổ biến phát sóng nền giáo dục tích cực. Tôi nghĩ: Như vậy mới có thể thu được một ít hiệu quả.

Truyền hình không có tội! Đó là công cụ như thân thể này của chúng ta; khéo dùng nó để tích lũy công đức sẽ vượt qua luân hồi, ra khỏi mười pháp giới thành Phật, thành Tổ; không biết dùng nó thì tạo nghiệp! Tương lai địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì thật đáng tiếc!

Sách Vãng Sinh Luận bảo: “*Xa lìa ngã tâm, tham đắm thân mình, xa lìa tâm chẳng an chúng sinh, xa lìa tâm cúng dường cúng kính thân mình. Cần biết rằng: Ba pháp ấy đều chướng ngại Bồ Đề tâm nên phải xa lìa.*” “Ngã tâm” này là “Mạt-na-thức” là vọng tâm, là tâm tự tư tự lợi!

Đại sư Hiền Thủ trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói: khởi nguyên của vũ trụ do một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh biến thành Tam Tế Tướng của A-lại-da, vũ trụ liền xuất hiện:

- “*Nghiệp tướng*” của A-lại-da là “nhất niệm bất giác”.
- “*Chuyển tướng*” của A-lại-da là “Mạt-na-thức”.
- “*Cảnh giới tướng*” của A-lại-da là hiện tướng của thế giới vật chất.

Tinh thần có trước, vật chất có sau. Hiện tại, các nhà Lượng tử học đã chứng minh: Vật chất là do ý niệm biến hiện ra. Ý niệm đó chính là “*Chuyển tướng*” trong A-lại-da, là Mạt-na-thức. Trong Pháp Tướng Tông nói: **Mạt-na-thức có bốn đại phiền não** thường theo nhau, đó là: *Ngã Kiến, Ngã Ái, Ngã Si và Ngã Mạn*. Kế đến là ba độc “tham-sân-si” khi sinh ra đã có, từ trong tự tánh biến hiện ra.

Nên biết: Trong tự tánh có bốn đức: “kiến, văn, giác, tri”; sau khi mê biến thành “thọ-tướng-hành-thức”. Sau này, “thọ” trở thành năm thức trước; “tướng” trở thành thức thứ sáu; “hành” chỉ cho Mạt-na-thức; “thức” là chỉ cho A-lại-da; vũ trụ chính do đây mà phát sinh. Công năng của thức thứ sáu vô cùng lớn: Đối nội, nó có thể duyên đến A-lại-da nhưng không duyên được tự tánh; đối ngoại có thể duyên đến hư không pháp giới.

Khoa học hiện tại đã chứng minh được điều này. Chúng ta thấy báo cáo của các nhà khoa học, họ đã dùng những thiết bị quan sát vũ trụ, chỉ có thể nhìn thấy được mười phần trăm của toàn vũ trụ, còn chín mươi phần trăm của vũ trụ, họ không cách chi nhìn thấy được! Đây là ý thức của họ không duyên được tự tánh. Chín mươi phần trăm vũ trụ họ không nhìn thấy, trong kinh Phật nói: Đã trở về tự tánh rồi. Đẳng Giác Bồ Tát hướng lên một bước nữa, đoạn tận tập khí vô thi vô minh, chứng được Diệu Giác vị, họ liền trở về Thường Tịch Quang tức là tự tánh, thì không thấy nữa.

“*Xa lìa ngã tâm, tham đắm tự thân*”, đây là sai lầm cần phải xả bỏ, phải giác ngộ! Giác ngộ thân này chỉ là công cụ sinh tồn, công cụ tạo tác của chúng ta. Phải khéo sử dụng nó đúng như lời Phật dạy:

“*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý*” (Chớ làm các việc ác, vâng làm những việc thiện, giữ tâm ý thanh tịnh).

Ở đây, cư sĩ Hứa Triết đã biểu diễn cho chúng ta thấy, bà là người có đời sống bình thường. Bà năm nay một trăm lẻ một tuổi (sinh năm 1900). Qui tắc sống của Bồ Tát, sáu Ba La Mật, bà thầy đều làm được. Bồ thí Ba La Mật, vì tất cả chúng sinh phục vụ. Trong phục vụ bao gồm cả ba loại:

- **“Bồ thí tài”**: Bà một xu cũng không có, bà dùng nội tài bồ thí. Nội tài là sức lao động; chúng ta ngày nay gọi là việc nghĩa.
- **“Bồ thí pháp”**: Vì người diễn nói; tự thân bà là tấm gương sáng cho người nhìn thấy sinh tâm giác ngộ, sinh tâm ngưỡng mộ, sinh tâm học tập bà, đây là Bồ thí pháp.
- **“Bồ thí vô úy”**: Bà chăm sóc, thương yêu, an ủi những người già, người bệnh, những kẻ khốn khó, khiến họ vui đi niềm âu lo, sợ hãi.

Tôi nói bà là người phú quý thật sự.

- Sao gọi là phú?

- Nhu cầu vật chất thường ngày bà biết tri túc, không hề thấy thiếu thốn, đây chính là “phú”. Tuy không có địa vị, tiền tài nhưng bà được đại chúng xã hội khắp nơi tôn kính, đây là “quí”. Phú quý chân thật!

Lần đầu gặp bà, tôi rất kinh ngạc, trông bà chỉ khoảng trên bốn mươi tuổi, nếu không đem chứng minh thư ra xem chắc không thể tin bà là một trăm lẻ một tuổi. Bà nói với chúng tôi: Bà là một thanh niên một trăm lẻ một tuổi. Nghe nói, năm rồi báo Tin Tức đã phỏng vấn bà, trên báo chí đã đăng một bài viết rất lớn nói về bà. Tôi

đặc biệt mời bà đến đây để dạy chúng ta: Làm thế nào tu học, xa lìa tất cả bất thiện mà bà đã làm được.

Cả đời bà thành lập mười mấy viện dưỡng lão bao gồm ở Singapore và các khu vực quốc gia khác, ở Phi Châu đều có. Trước kia, bà là một y tá. Bà nói với tôi: Gần sáu mươi tuổi bà mới đến nước Anh để học hộ lý. Ngay trong mấy mươi năm này, bà mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Bà ăn trường chay, vừa sinh ra bà đã ăn trường chay, ngửi thấy mùi tanh thì nôn ra. Người Trung Quốc gọi là chay tù trong thai. Bà chỉ ăn rau xanh, cũng có lúc dùng nước nấu. Bà không ăn muối, đường, dầu, v.v... Bao gồm tất cả phối liệu có mùi vị bà đều không ăn, hoàn toàn hồi phục đại tự nhiên; tâm địa thanh tịnh không nhiễm một trần. Chúng tôi hỏi bà:

- Bà có tức giận không?

- Không có! Từ trước đến giờ chưa từng khởi tức giận. Bà nói: Khởi tức giận một phút phải ba ngày mới có thể hồi phục lại bình thường! Lời nói này tôi hiểu: Hoan hỉ chỉ là chấn động nhỏ; sân giận mới là chấn động lớn, rất nghiêm trọng! Hơn nữa, sức giận càng sâu, tuổi thọ càng rút ngắn!

Sau khi nhìn thấy bà, tôi mới nghĩ ra: Lúc trước, thầy Lý thường nói với chúng tôi: Y học của Trung Quốc không phải trị bệnh mà chú trọng đến cái đạo trường sanh. Căn cứ theo sách y học thời xưa như trong “Hoàng đế nội kinh” có nói: Thọ mạng con người ít nhất phải hơn hai trăm tuổi. Người sống đến hai trăm tuổi là chuyện bình thường. Nếu biết bảo dưỡng, sống đến ba trăm, bốn trăm, năm trăm tuổi là thật có, không phải giả. Đó là hoàn toàn hiểu được điều thân, điều tâm, hiểu được đạo dưỡng sinh.

Chúng tôi hỏi bà:

- Trong xã hội có rất nhiều người làm ác, bà cảm thấy thế nào? Bà nói:

- Tôi xem thấy người ác, việc ác cũng giống như tôi đi trên đường xem thấy những người qua lại không quen! Không hề có chút ấn tượng nào! Bà đã làm được việc này!

Hiện tại, bà rất ngưỡng mộ Phật pháp. Bà hỏi tôi: Bà có tư cách làm đệ tử của Phật hay không? Tôi nói: - Bà tam qui, ngũ giới, thập thiện, đều đã đạt đến điểm mười, không có chút khiếm khuyết, bà là một đệ tử nhà Phật tiêu chuẩn. Trong nhà Phật, trọng thực chất không trọng hình thức.

Kinh Kim Cang nói: “*Lìa tất cả tướng, tu tất cả thiện*”. Tất cả tướng ở đây là: Ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, và thọ giả tướng. Bà chân thật làm đến được “vô ngã”. Bà khởi tâm động niệm đều nghĩ đến những người đáng thương, làm thế nào để giúp họ. Bà nói với chúng tôi, chính bà mấy mươi năm qua không dùng đến tiền. Tiền hoàn toàn không hữu dụng đối với bà. Thế nhưng, người tặng tiền cho bà rất nhiều. Bà nói: Những người đó vì sao phải đưa tiền cho tôi? Là muốn tôi làm việc tốt thay cho họ.

Cho nên, bà thường hay ra ngoài, xem thấy người nghèo khổ không tiền thuê nhà, không tiền trả tiền điện, nước v.v... bà liền giúp họ. Mỗi ngày vì chúng sinh khổ nạn, giải quyết vấn đề. Chúng ta thường nói: “Nhật hành nhất thiện” (Mỗi ngày làm một việc thiện). Bà mỗi ngày luôn phải làm đến mười việc thiện trở lên. Thân tâm thanh tịnh, đời sống đơn giản, quần áo trước giờ chưa hề mua qua một bộ, đều là nhặt quần áo cũ của người khác, họ vứt đi không cần nữa, bà nhặt lại mặc, chân thật gọi là “phần tảo y”.

- Vì sao không mua quần áo mới? Bà nói:

- Tôi thấy thế gian còn rất nhiều người không có ăn, không có mặc; tôi mặc quần áo mới rất dễ coi, cảm thấy có lỗi với những người khổ nạn này!

Chúng tôi có đến thăm viếng, tham quan nơi bà ở. Đó chỉ là một phòng nhỏ rất gọn gàng, sạch sẽ, chính bà chỉnh lý. Bà ưa thích đọc sách. Trên giá sách có không ít sách đặt chỉnh tề, ngăn nắp. Bà là người Triều Châu, nói tiếng Triều Châu, biết được tiếng Quảng Đông, đi học ở nước Anh, biết Anh ngữ, Hoa ngữ. Tôi nhất định sẽ mời bà đến đây để gặp mọi người, vì chúng ta để làm chứng minh.

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói: Bà sống thêm một trăm tuổi nữa chắc chắn không thành vấn đề. Nếu bà vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định là vãng sinh “Thượng Thượng phẩm”. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có danh từ bất thiện, hiện tại bà đã không có danh từ bất thiện. Ngay trong viện dưỡng lão, nếu cùng với những đồng sự có xử sự không tốt, bà không hề nói lỗi lầm của người khác, bà nói do chính mình không biết cách làm người, không biết cách làm việc, khiến người khác không ưa thích. Quyết không nói lỗi người khác! Việc này không phải người thông thường có thể làm được!

Lục Tổ Huệ Năng nói trong Đàn Kinh: “*Nếu là người chân chánh tu hành, không thấy lỗi thế gian*”. Đây là chúng ta chính mắt xem thấy một người như vậy! Không thấy lỗi thế gian, không thấy lỗi người khác, chỉ thấy lỗi chính mình. Đây là người chân thật tu hành, nhiệt tâm giúp đỡ người khác.

Hôm đó, bà biểu diễn gân cốt cho chúng tôi xem, toàn thân mềm mại, bà tự xưng là thanh niên một trăm lẻ một tuổi. Tôi hỏi:

- Bình thường bà sinh hoạt thế nào? Bà nói:

- Bình thường bà tĩnh tọa nhiều, khi tĩnh tọa không có một vọng niệm nào.

Tôi nói qua với cư sĩ Lý, chúng ta phải một lần phỏng vấn bà, làm ra một đĩa về bà, giới thiệu đến toàn thế giới.

Ngày nay, chúng ta giảng Phật pháp, có người không tin tưởng! Chân thật người học Phật không già; không những không già mà còn không chết, một chút cũng không già! Bà không sợ chết, bà biết được sau khi chết sẽ có một nơi rất tốt để đi. Cho dù không sinh Tây phương Tịnh Độ, quyết định sinh thiên. Chúng ta chân thật là có phước báo, ở Singapore này có được một kiến chứng thật tại, một chứng minh tốt đến như vậy!

Hôm nay, nhân duyên vô cùng thù thắng, Hứa Triết đã chính thức thọ qui y. Bà là cư sĩ nữ tu, cư sĩ nữ tu đến giảng đường chúng ta làm kiến chứng, chứng minh cái nguyện “*Bất tham kế thân*” này. Lời của cư sĩ Hứa Triết, nói với mọi người ở nơi đây, các bạn nghe thật kỹ, suy nghĩ thật kỹ sẽ thấy bà không chấp trước thân này là ta. Bạn hỏi bà:

- Cái gì là ta?

- *Tất cả chúng sinh khổ nạn là ta!* Bạn nghĩ xem! Bà một trăm lẻ một tuổi vẫn còn muốn xây viện dưỡng lão.

- Xây viện dưỡng lão như thế nào?

- Không giống như viện dưỡng lão thông thường ở thế gian. Viện dưỡng lão của bà phải mang tính cách rất gia đình: Xem người già là cha mẹ mình, là anh chị em mình; theo cách thức như vậy mà chăm sóc.

Bà sống đơn giản, ăn uống đơn giản, áo quần đơn giản. Điểm đặc biệt: Bà không biết nóng lạnh, bà không hiểu được nóng, lạnh. Thời tiết có nóng hay lạnh bà cũng mặc một bộ đồ. Rất bình thường!

Vì sao? “Bất tham kế thân”! Bà không suy tính thân này là mình. Chúng ta thì quá xem trọng cơ thể! Phải bồi dưỡng, phải yêu quý nó! Nhưng, thực tế đã hoàn toàn hại nó! Bà một trăm lẻ một tuổi vẫn chưa hề bệnh, vẫn chưa hề phiền não, chưa hề có bận tâm, chưa từng ghét bỏ bất cứ một người nào. Có người không ưa bà, ác cảm với bà nhưng bà không ghét bỏ họ, không ác cảm với họ, không phải người bình thường có thể làm được!

Mấy năm gần đây bà xem sách Phật; trên thực tế, sách của những tôn giáo khác bà đều ưa thích xem. Cho nên, các giáo hữu của Thiên chúa giáo thấy bà xem sách của những tôn giáo khác, xem sách Phật giáo, liền nói với bà:

- Sao bà lại xem những thứ của ma quỷ?! Bà trả lời rất hay:

- Tôi thấy tất cả tôn giáo thấy đều là một mãng quang minh! Bà thật không có phân biệt, cũng không có chấp trước.

Phật trong kinh nói: Xa lìa tất cả chấp trước liền thoát khỏi sáu cõi luân hồi. Buông xả tất cả phân biệt liền thoát khỏi mười pháp giới. Thử nghĩ xem cảnh giới của bà là gì? Bà ở nơi đây tiếp xúc với mọi người chúng ta một chút lại liền đi, bà còn nhiều việc phải làm.

- Việc gì?

- Từng lớp người khổ nạn cần bà giúp đỡ. Với từng tuổi này, bà vẫn không có nghĩ ngợi! Tôi nhìn kỹ, thấy bà chỉ mới mất có một cái răng, đọc báo không cần đeo kính, tai mắt sáng suốt, phản ứng nhanh lẹ. Đây là không suy tính thân tướng mà được lợi ích thù thắng như vậy.

Chúng ta hôm nay giảng cái nguyện này “*Bất tham kế thân*”, mọi người chính mắt nhìn thấy. Chúng tôi nhìn thấy cũng rất ngưỡng mộ. Trường thọ nhất định phải khỏe mạnh mới là phước báo. Trường thọ không khỏe mạnh không phải phước. Vì sao? Vì phải phiền phức

rất nhiều người! Bạn xem! Bà cả đời không phiền đến người, cũng không muốn làm phiền chính mình. Ăn uống giản dị cũng là một trong những phương cách không phiền chính mình. Cư sĩ Lý hỏi bà:

- Bà rốt cuộc tin tôn giáo nào? Bà trả lời:

- Tôi tin tôn giáo tình thương! Tình thương chính là tôn giáo!

Lời nói này không sai tí nào!

Nhà Phật nói: *“Từ bi là gốc, phương tiện là cửa”*. Từ bi chính là yêu thương. Chúng ta ngày nay với chín tôn giáo ở Singapore giao thiệp vô cùng mật thiết. Trong giáo nghĩa của chín tôn giáo, nếu nói điểm hoàn toàn tương đồng, không hề có mảy mai chống trái, đó chính là một chữ “yêu”. Chúng ta ngày nay nói *“Đa nguyên văn hóa”*; bà đã nắm được hạt nhân của *“Đa nguyên văn hóa”* rồi, cho nên bà không nghĩ đến bản thân. Bà vừa mới nói: Ông trời sẽ chăm sóc bà, cũng chính là chư Phật, Bồ Tát, chúng thần chăm lo cho bà. Chính bà đã nắm chắc thiện tâm, thiện niệm, thiện hành *“xa lìa ngã tâm, tham đắm tự thân”*, bà đã làm được.

Câu thứ hai: *“Xa lìa tâm chẳng an chúng sinh”*, câu nói này thực tế mà nói thật vô cùng quan trọng! Đây là ý gì? Tất cả chúng sinh vì “Ngã” mà bất an, loại tâm hành này phải viễn ly!

Chúng tôi đã đi qua rất nhiều khu vực, tiếp xúc với các tầng lớp xã hội nên hiểu rõ: Bất cứ là nhân vật trong tầng lớp nào, bất kể là nam nữ, già trẻ; bất luận ngành nghề nào đều có cảm giác không an toàn! Không như xã hội thời xưa, mọi người sống rất an toàn, tự tại. Đây là điều đáng buồn cho thế hệ của chúng ta! Ngay đến người xuất gia hằng ngày niệm Phật, nghe kinh, tham thiền v.v... Thế nhưng, khi cảnh giới hiện tiền cũng hoàn toàn không dùng được!

Tôi lần này ở Mỹ, có đồng tu đến than với tôi: Con cái không nghe lời, học trò không nghe lời! Hành vi làm loạn nhiều không kể

xiết! Tôi nói với họ: Con cái bạn không sai! Học trò của bạn cũng không sai! Mà chính bản thân bạn đã sai!

Họ nghe xong rất ngỡ ngàng! Tôi phân tích cho họ: Phật trong kinh dạy chúng ta, giảng kinh thuyết pháp phải biết khế cơ, khế lý. “Cơ” là tình trạng thực tế của xã hội hiện đại, chúng ta phải hiểu rõ, phải thích ứng với hoàn cảnh, đây là “khế cơ”. Xã hội hiện nay là xã hội gì? Nếu bạn cho rằng bản thân bạn là cha mẹ, xem trẻ nhỏ của bạn là con cái, dùng quyền cha mẹ để dạy chúng, bạn sai rồi! Xã hội ngày nay không có quan hệ cha con, không có quan hệ thầy trò, ai nghe lời bạn?! Cho nên giáo dục luân lý không còn nữa!!

- Làm thế nào chung sống tốt với chúng? Tôi dạy họ:

- Xem chúng như bạn bè! Ngay cả vợ chồng cũng xem nhau như bạn. Cha con là bạn bè! Anh em là bạn bè! Thầy trò cũng là bạn bè! Mọi người bình đẳng! Phải cư xử như thế thì bạn cùng họ có thể chung sống tốt ngay. Nếu tự cho mình cao hơn người khác, họ còn cao hơn bạn!

Nhà Nho nói “lễ” là hạ mình mà tôn người. Xã hội đã đi đến cái mức này cũng giống như dòng sông, đê phòng hộ đã vỡ! Nước đã lan tràn! Quyết không thể dùng phương pháp luân lý để đối xử với chúng sinh. Thời kỳ bất thường phải có nhãn quan phi thường, phương cách phi thường khiến tất cả chúng sinh thân tâm được an ổn.

Câu thứ ba: “*xa lià tâm cúng dường, cung kính thân mình*”. Câu này vô cùng quan trọng! Ngăn trừ tâm tham của chính chúng ta. Tuyệt đối không mong cầu người khác cúng dường ta, cũng không mong cầu người khác cung kính ta. Nếu tham trước người khác cúng dường, cung kính, tâm bạn, liền đọa lạc, liền thoái chuyển!

Cho nên, đối với tất cả những cúng dường, người khác cung kính, chúng ta phải dùng tâm cung kính hồi đáp, lấy khiêm tốn mà đối với người; đối với tất cả chúng sinh phải giống như đối với chư Phật, Bồ Tát, công đức chúng ta mới viên mãn. Nếu bản thân hoằng pháp, hộ pháp đều cho rằng mình là cao bậc ở trên thì sai rồi! Liền bị biến chất. Phải “*làm như không làm; không làm mà làm*”, tâm mới thanh tịnh.

Tóm lại, cả ba tâm: Tham chấp tự thân, tâm làm cho chúng sinh chẳng được yên ổn, tâm mong cầu người khác cúng dường, cung kính thân ta, đều chướng ngại tâm Bồ Đề. Kinh này lấy “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” làm Tông. Nếu tâm Bồ Đề bị chướng ngại, ắt chẳng được vãng sinh, nên A Di Đà Phật nguyện rằng: “*Nhược khởi tướng niệm tham kế thân giả bất thủ Chánh Giác*” (Nếu khởi niệm tưởng tham chấp thân mình thì chẳng lấy Chánh Giác).

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sinh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc kim cang Na-la-diên thân, kiên cố chi lực. Thân lãnh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoạch đắc vô biên biện tài, thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh, hành đạo, ngữ như chung thanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, (người) sinh trong nước tôi, thiện căn vô lượng, đều được thân kim cang Na-la-diên, sức kiên cố, thân và lãnh đều có quang minh chiếu rọi, thành tựu hết thảy trí-tuệ, đạt được vô biên biện tài, khéo bàn các pháp bí yếu, nói kinh hành đạo tiếng vang như chuông. Nếu chẳng được như vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

“Sinh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng” (sinh trong nước tôi, thiện căn vô lượng) là tổng thuyết (câu nói chung).

Đại Sư La Thập bảo: “Thiện tâm kiên cố, sâu chẳng thể nhỏ trốc được, nên gọi là Căn”. Lại vì “thiện” có thể sinh ra diệu quả và sinh ra các điều thiện khác nên gọi là Căn.

“Giai đắc kim cang Na-la-diên thân kiên cố chi lực” (Đều có thân kim cang Na-la-diên, sức kiên cố) là nguyện thứ ba mươi hai “*Na-la-diên thân*”. “*Kim Cang*” tiếng Phạn là *Bạt-triết-ra* (Vajra) hoặc phiên âm là Phạt-triết-ra, dịch là Kim Cang.

Sách Tam Tạng Pháp Số, quyển năm giảng:

“Là chất cứng rắn nhất trong các loại vàng nên gọi là Kim Cang”. Sách Đại Tạng Pháp số, quyển bốn mươi một lại giảng: *“Tiếng Phạn là Bạt-triết-ra, Hán dịch là Kim Cang. Thứ vật báu này từ vàng sinh ra, màu như tử anh, đem nung trăm lần cũng chẳng tiêu hủy, cứng nhất, bén nhất, cắt được cả ngọc, rất hiếm trong đời nên được coi là quí”* (tức là đá kim cương, tục gọi là cô thạch, độ cứng rất cao). Tuy nhiên, theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Kim Cang” ở đây không phải là đá kim cương (diamond) như tác giả suy luận, vì nhiều lẽ: Kim cương cháy được, kim cương không sinh từ vàng. Ngoài ra, các đặc tính của “kim cang” như được miêu tả trong Kinh Hoa Nghiêm cho thấy “kim cang” có những đặc điểm không hề thấy nơi kim cương”.

“Kim cang” còn là cách gọi tắt của “kim cang xứ” (chày kim cang), nguyên là binh khí của Ấn Độ. Mật tông dùng nó để biểu thị trí cứng chắc, sắc bén.

Đại Nhật Kinh Sớ, quyển một còn giảng thêm *“Phạt-triết-ra là kim cang trí ấn của Như Lai”*.

Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ, quyển một lại bảo: *“Thủ trì kim cang xử giả, biểu khởi chánh trí, do như kim cang”* (Tay cầm kim cang xử để biểu thị phát khởi chánh trí giống như kim cang). “Xử” có vô lượng thứ khác nhau: vàng, bạc, đồng, sắt, đá, thủy tinh, gỗ pháp-đà-la v.v... “Xử” của Đấng Thích làm bằng kim cang. Vị lực sĩ cầm kim cang xử được gọi là Chấp Kim Cang (vajrapani) hay gọi tắt là Kim Cang. *“Na-la-diên”* (narayana), dịch là Thắng Lực hoặc Kiên Lao, có bốn nghĩa:

- Một là tên khác của Phạm Thiên Vương

- Hai là lực sĩ cõi trời, như La Thập Đại Sư bảo:

“Lực sĩ cõi trời gọi là Na-la-diên đoan chánh hùng mạnh”

- Ba là như Đại Nhật Kinh Sớ quyển mười nói:

“Na-la-diên là một trong nhiều biệt danh của Tỳ-Nữu-Thiên (Vishnu), tức là biệt danh của Na-la-diên thiên, vị trời này do Phật hóa ra”. Sách Bí Tạng Ký lại bảo:

“Na-la-diên thiên có ba mặt, thân sắc xanh pha vàng, tay phải cầm bánh xe, cõi chim Ca-lâu-la”.

- Bốn là như Niết Bàn Kinh Sớ, quyển bảy giảng *“Na-la-diên: Hán dịch là Kim Cang là một trong mười chín vị Chấp Kim Cang”*, Kinh Duy Ma Cật ghi là Na La Diên Bồ Tát.

Trong Mật giáo, Chấp Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Tát Đỏa v.v... chỉ là những cách dịch khác nhau của cùng một tên.

Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ, quyển thượng ghi: *“Vị Kim Cang Thủ ấy chính là Phổ Hiền Bồ Tát. Tay cầm kim cang xử tiêu biểu phát khởi chánh trí giống như kim cang đoạn được chương ngã pháp vi tế”*.

Với lời nguyện “*Kim cang Na-la-diên thân*” này, theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Nếu hiểu theo quan điểm Hiền giáo, có thể hiểu theo các cách giải thích ở phần trước: Thân kiên cố đại lực như thân của Na-la-diên lực sĩ hay thân của thần Na-la-diên. Nếu hiểu theo Mật nghĩa thì Kim Cang và Na-la-diên đều là Cháp Kim Cang. Xét về ý nghĩa gốc trong Mật giáo: Kim Cang Na-la-diên là Kim Cang Tát Đỏa, tức là Phổ Hiền, là bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Hơn nữa, Mật giáo gọi Kim Cang là tướng oai mãnh do Phật thị hiện. Cho nên, câu “*giai đắc kim cang Na-la-diên thân*” có thể hiểu là được thân kim cang hoặc “kim cang thể” giống hệt như Phật.

Kinh Niết Bàn nói: “*Như Lai thân giả, thị thường trụ thân, bất khả hoại thân, kim cang chi thân*” (Thân của Như Lai là thân thường trụ, thân chẳng thể hoại, là thân kim cang) và “*chư Phật Thế Tôn tinh cần tu tập, hoạch Kim Cang thân*” (chư Phật Thế Tôn siêng năng tu tập, chứng được thân Kim Cang). Do đây có thể biết, loại thân cùng lực này từ vô lượng thiện căn mà thành tựu. Hai nguyện theo sau là quả đức của thiện căn vô lượng

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Thần Kim Cang là trong Bà-la-môn giáo, Ấn Độ xưa sùng bái. Trong Phật kinh có đề cập rất nhiều chúng thần tiên, đều là thần minh trong tôn giáo cổ xưa của Ấn Độ thờ cúng. Đức Phật rất cao minh, thấu nạp họ đến nơi cửa Phật làm thần hộ pháp. Trong đạo tràng Phật giáo cũng cúng dường họ, dùng họ làm biểu pháp; danh hiệu, hình tượng tràn đầy nghĩa thú của giáo dục. Thần Kim Cang đoan chánh, diện mạo trang nghiêm, thân tướng oai dũng. Nghe đến danh xưng hoặc thấy hình tượng này, chúng ta liền nghĩ đến phải tu nhân, làm thế nào để được thân kim cang bất hoại. Đây là từ “Bồ Thí vô úy” mà được.

“*Thân đánh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoạch đắc vô biên biện tài*” (Thân đánh đều có

quang minh chói rực, thành tựu hết thảy trí tuệ, đạt được vô biên biện tài): là nguyện thứ ba mươi ba “*quang minh tuệ biện*” (quang minh, trí tuệ, biện tài) nguyện. Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Đức Phật ấy thọ mạng vô lượng; trời người trong nước cũng thọ mạng vô lượng. Đức Phật ấy quang minh cũng vô lượng nên nhân dân cõi ấy thân và đảnh đều có quang minh chiếu rực. Chủ (Phật) và bạn (hết thảy Hiền thánh, nhân dân trong nước) đều như một. Hơn nữa, tự chiếu sáng gọi là Quang, chiếu sáng vật khác là minh. “Quang minh” có hai công dụng: Một là trừ tối, hai là hiện pháp. Quang minh của Phật là tướng trí tuệ.

Kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội, quyển hạ cũng dạy: “*Thị tri đại trí phát ngoại, năng chiếu pháp giới, danh vi quang minh*” (Cho nên biết rằng: Đại trí phát ra ngoài chiếu soi pháp giới thì gọi là quang minh).

Kinh Niết Bàn cũng nói: “*Quang minh danh vi trí tuệ*” (Quang minh là trí tuệ).

Đại Tuệ Thiên sư còn bảo: “*Chỉ dùng ánh sáng này để tuyên thuyết diệu pháp, pháp này chính là quang minh ấy, chẳng lìa khỏi quang minh này mà thuyết pháp ấy*”.

Thân và đảnh của trời và người cõi kia đều có thường quang, chính là do trí tuệ thành tựu. Do được Phật lực gia hộ, nên trí tuệ thù thắng. Đối với những trí: Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí; trí thù thắng tối thượng không ai bằng, không ai sánh nổi, đều hiểu rõ cả nên bảo “*thành tựu nhất thiết trí tuệ*” (thành tựu hết thảy trí tuệ) và “*hoạch đắc vô biên biện tài*” (đạt được vô biên biện tài). Đây là nói trên Như Lai quả địa. “*Biện tài*” là một loại kỹ xảo diễn thuyết, là khả năng diễn thuyết pháp nghĩa một cách hay khéo.

Tịnh Ảnh Sớ giảng chữ “*biện tài*” như sau: “*Nói năng biện luận rành rẽ, chữ dùng tài tình nên gọi là biện tài*”. Ngoài ra, các trí biện tài thuyết pháp của Bồ Tát được gọi chung là Tứ Vô Ngại Trí, Tứ Vô Ngại Giải hoặc Tứ Vô Ngại Biện.

Tứ Vô Ngại là:

1. Pháp Vô Ngại

Pháp là Pháp tướng bao hàm vạn pháp thế và xuất thế gian, tất cả những danh từ, thuật ngữ đều thông đạt vô ngại. Việc này *phải học rộng nghe nhiều*. Cái gọi là “đọc vạn quyển sách đi vạn dặm đường”; ngày nay, chúng ta phải “một môn thâm nhập, trường thời huân tu”, với phương pháp này có bị ngăn ngại không? Việc này rất quan trọng! Thực tế mà nói, người xưa đã cung cấp rất nhiều tư liệu tham khảo.

- Tư liệu tham khảo là gì?

- “Chú Sớ”!

Trước nhất, Tịnh Tông chúng ta có năm Kinh, một Luận. Mỗi bộ kinh luận đều có rất nhiều Chú Sớ. Chúng ta đọc những Chú Sớ này. Trong Chú Sớ gần như tuyệt đại đa số những danh từ, thuật ngữ trong nhà Phật và thế pháp đều dùng đến. Hơn nữa, chúng ta nghiên giáo, chắc chắn không thể rời khỏi công cụ “sách”. Công cụ “sách” là tự điển. Đại tự điển trong thế pháp như “Trung Văn Đại Tự Điển”, đây cũng là cận đại điển, nội dung rất phong phú, gần mười quyển lớn. Trong Phật giáo có Phật giáo Đại Tự Điển, cũng gồm rất nhiều loại. Những thứ này giúp chúng ta hấp thụ thường thức của thế và xuất thế gian pháp, rộng hiểu danh tướng, giúp chúng ta diễn giảng không có chướng ngại.

Nếu chúng ta lại đọc qua rất nhiều sách, thật sự mà nói: Thời gian, tinh lực của chúng ta không đủ! Chỉ có chuyên hoằng, chọn lấy

ting hoa, lại không trái với một môn thâm nhập của chúng ta hiện tại. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã vận dụng khoảng một trăm chín mươi ba loại tư liệu tham khảo. Nói cách khác, xem chú giải này của ông chính là bạn đã xem khoảng một trăm chín mươi ba loại kinh luận. Khi ông viết quyển sách này, tôi (tức Hòa Thượng Tịnh Không) cũng cảm thấy rất kỳ lạ! Sao ông có thể nhớ được nhiều thứ đến như vậy? Bởi sau cách mạng văn hóa, gần như tất cả những kinh giáo ở Đại Lục đều bị hủy diệt hết! Những điều mà ông tham khảo từ đâu mà có? Nếu nhờ vào sức nhớ, vậy thì quá cừ khôi, không thể không bội phục!

Tôi đến thăm ông, trong nhà ông chất rất nhiều sách, quả nhiên ông đều dùng đến. Ông không có sách, bạn bè có hàng khối kinh sách gửi ở nhà ông. Sau khi nhìn thấy, tôi nói cũng muốn tặng ông một bộ Đại Tạng Kinh. Ông nói: Không cần đâu! Đủ dùng rồi! Cảm ứng thật không thể nghĩ bàn! Làm gì có cơ may được nhiều sách đến như vậy? Tất cả đều hữu dụng. Thật là Bồ Tát gia trì! Bạn có đi thu thập cũng không thể thu thập nhiều đến như vậy. Nên biết: Nhà Phật hoằng truyền không nói đến cảm ứng, thần thông; nhưng cảm ứng, thần thông chắc chắn là có.

- Đây là gì vậy?

- Là thành tích tu học của bạn! Thế nhưng, nhất định không nên chấp trước. Nếu chấp trước thì hỏng rồi! Liền biến thành ma chướng, điều này phải ghi nhớ.

2. Nghĩa Vô Ngại

Lý luận, đạo lý hàm chứa trong văn tự kinh điển rất sâu, không cùng tận, đều thông đạt vô ngại. Việc này đòi hỏi phải có công phu. Nếu không có công phu, “Pháp vô ngại” bạn có thể làm đến được, từng câu từng chữ đều có thể tra cứu, giảng giải không chướng

ngại; nhưng nghĩa lý hàm chứa trong đó thì tra không đến! Cho dù bạn có tra tự điển, tra sách vở tham khảo thế mấy cũng vậy!

Trong bốn loại vô ngại, “Nghĩa Vô Ngại” là quan trọng nhất. Việc này đòi hỏi bạn phải thật tu, thật làm, thật có thể hội. Nếu bạn thật tu, thật dụng công thì cảnh giới của bạn mỗi ngày sẽ nâng cao, có thể trực nhận ra nghĩa lý hàm chứa trong kinh rất dễ dàng, nhất là khi bạn giảng kinh. Kinh Vô Lượng Thọ, tôi giảng lần này nữa là lần thứ mười một. Ngày trước, mỗi lần giảng đều có ghi âm, lúc đó chưa có băng ghi hình. Bạn có thể nghe qua và so sánh, đích thật là không như nhau, cảnh giới không như nhau, ngộ nhập không như nhau.

- Làm thế nào mới ngộ nhập?

- Buông xả mới ngộ nhập! Buông xả ít thì ngộ nhập ít; buông xả nhiều thì ngộ nhập nhiều. Buông xả danh vọng lợi dưỡng; buông xả tham, sân, si, mạn; buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì trí tuệ bạn liền khai. Trí tuệ càng lớn, ý nghĩa trong kinh bạn thấy được càng sâu. Cho nên, mỗi câu, mỗi chữ đều là vô lượng nghĩa, sâu rộng vô cùng! Ngày nay, chúng ta chỉ mới là đọc qua mà thôi!

3. Từ Vô Ngại

“Từ” là ngôn từ; việc này có thể học tập. “Từ Vô Ngại” là thông đạt rành rẽ các ngôn ngữ của từng địa phương. Ngày nay, chúng ta “từ” có chướng ngại! Vì sao? Trong thính chúng nếu có người nước ngoài, chúng ta phải cần người thông dịch, vậy thì có chướng ngại! Cho nên, người có thiên tài ngôn ngữ, hoằng pháp lợi sinh sẽ không có chướng ngại về ngôn ngữ, đây là được “Từ Vô Ngại”.

4. Nhạo Thuyết Vô Ngại

Còn gọi là *Biện Vô Ngại*. Thuận theo chánh lý, phát ra lời nói vô ngại nên gọi là Biện Vô Ngại Theo Hòa Thượng Tịnh Không:

Nhạo Thuyết Vô Ngại, ý nói bạn phải có tâm hoan hỷ, nhiệt thành trong việc giảng dạy kinh pháp. Tâm hoan hỷ này phát xuất từ nguyện lực, từ tâm đại bi: “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”, nên họ rất chăm chỉ, nỗ lực thuyết giảng kinh pháp mà không nhàm chán.

Chư Phật, Bồ Tát giáo hóa tất cả chúng sinh đều đầy đủ “Tứ Vô Ngại Biện”.

Tóm lại, nhân dân trong cõi ấy do thành tựu hết thảy trí tuệ nên được Vô Ngại Biện Tài. Dùng Tứ Vô Ngại Biện Tài để hoằng diễn pháp yếu. Câu **“*thiện đàm chư pháp bí yếu*”** (khéo bàn các pháp bí yếu) là nguyện thứ ba mươi bốn **“*Thiện đàm pháp yếu*”**.

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: “Bí” là bí áo, tức là điểm sâu xa, ẩn mật, huyền diệu của pháp môn chẳng dễ chỉ bày cho người khác.

Sách Pháp Hoa Văn Cú, quyển năm giảng chữ “bí yếu” như sau: **“*Điều Phật canh cánh trong tâm hơn bốn mươi năm, người khác chẳng hề biết là “bí”. Đạo dẫn thẳng đến Nhất Thừa nhiếp trọn muôn đường khác gọi là “yếu”*”**.

Phẩm Pháp Sư của Kinh Pháp Hoa có câu:

“*Thử kinh thị chư Phật bí yếu chi tạng, bất khả phân bố, vọng thọ dữ nhân*” (Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, chẳng thể lưu truyền, dạy dỗ bừa bãi cho người khác).

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ: Mật Tông còn gọi là Bí Mật Tông, vì Mật pháp chính là tạng bí yếu của chư Phật, chẳng thể đem dạy cho người khác một cách khinh suất được. Nay các vị Bồ Tát cõi Cực Lạc **“*thiện đàm chư pháp bí yếu*”** (khéo bàn các pháp bí yếu) nghĩa là các vị khéo khai diễn hết thảy pháp bí yếu rất sâu dù Hiển hay Mật.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: chữ “Bí” ở đây không có nghĩa là bí mật. Trong Phật pháp chắc chắn không có bí mật. Phàm

có bí mật thì đó không phải là Phật pháp, cũng không phải là việc tốt. Chánh đại quang minh, có chi là bí mật mà không nói chứ?! “Bí mật” trong Phật pháp gọi là “thâm mật”, là lý quá sâu rất khó diễn đạt, có diễn đạt, người khác nghe rồi cũng không dễ gì thể hội được! Thế nhưng, đối với người lợi căn, phiền não nhẹ, thành kiến mỏng, từ bi lớn cũng có thể dễ dàng thể hội. Người có phiền não chướng nặng, chỉ biết tự tư tự lợi, không có tâm từ bi, đối với dạng người này, loại pháp này thì “thâm mật”. Chữ “yếu” là trọng yếu, tinh yếu. “Bí yếu” là thâm mật tinh yếu, phần nhiều là chỉ kinh giáo Đại thừa, cũng gọi là Nhất thừa pháp.

Các đại đức thời Tùy, Đường nói rất hay: “Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là dẫn đạo của Kinh Vô Lượng Thọ”, cũng có thể nói:

- Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là phần “Tựa” dẫn đạo bốn kinh.
- Kinh Vô Lượng Thọ là phần “Chánh tông”.
- Kinh A Di Đà là phần “Lưu thông”.

Mới biết được tính quan trọng của Kinh Vô Lượng Thọ, là pháp môn một đời thành Phật, giúp tất cả chúng sinh đều bình đẳng thành Phật. Đây chẳng những là “bí yếu” của Thế Tôn ; cũng có thể nói là “bí yếu” của mười phương chư Phật tất cả ba đời.

“*Thiện đàm chư pháp bí yếu*” chính là thiện đàm “bí yếu” của Kinh Vô Lượng Thọ. Khéo nói Kinh Vô Lượng Thọ cũng chính là khéo nói tất cả kinh luận khác.

“*Thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thính*” (Nói kinh hành đạo, lời nói như chuông). Chữ “chung” là chuông, một trong những loại được gọi là “kiền chùy” trong tiếng Phạn. Chuông là pháp khí; “*minh chung*” (tiếng chuông) là hiệu lệnh để nhóm chúng. Trong Kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: “*Nhược đả chung thời, nhất thiết ác đạo chư khổ, tịnh đắc đình chỉ*”. (Khi đánh chuông, hết thấy các nỗi

khổ trong ác đạo đều được ngưng nghỉ). Công đức của “minh chung” rất lớn! Ở đây nói ác đạo là chỉ ba đường ác.

- Vì sao công đức “minh chung” lớn như vậy?

- Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong đạo tràng mỗi khi Phật, Bồ Tát hoặc Thánh Hiền Tăng giảng kinh thuyết pháp, nhờ tiếng chuông này mà vân tập được tất cả đại chúng; lúc này còn có quý vương, thánh thần đều dùng tâm chân thành, cung kính để tiếp thu giáo huấn của Phật. Không những thế, từng vật chất nhỏ nhiệm ở chung quanh như: vi trần, hạt nguyên tử, hạt điện tử, hạt tiểu quang tử đều đang nghe pháp.

Đây là điều chúng ta không thể tưởng tượng! Quả thật không thể nghĩ bàn! Hiệu quả ra sao? Như trong Hoàn Nguyên Quán nói: Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều “*chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu*”. Thật không sai tí nào! Chúng ta liên tưởng đến chúng sinh trong ba đường ác nghe được tiếng chuông, nổi thống khổ trong họ đều tạm dừng. Cho nên ở chùa, buổi sáng và tối đều có thỉnh chuông u-minh một trăm lẻ tám tiếng, đạo lý là như vậy! Nếu đạo tràng này tu đạo chân chính, ngày ngày tu học, công đức sẽ rất lớn, dù không có tiếng chuông cũng có thể khiến quỷ thần tạm dừng sự đau khổ, lìa khổ được vui.

Sách Phật Tổ Thông Kỳ, quyển sáu, cũng chép: “*Người lúc sắp chết, nghe tiếng chuông, tiếng khánh thì chánh niệm được tăng thêm*”.

Câu “*ngữ như chung thanh*” (tiếng vang như chuông): Cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích rất rõ ràng: ý nói thanh âm của người thuyết pháp như tiếng hồng chung trong trời, thánh thốt, hùng hồn, liên tục vang xa, chấn tĩnh đêm dài (đêm dài ở đây là nói đến lục đạo luân hồi), đánh thức những kẻ đang mê muội, khiến họ phát sinh thiện tâm, ngưng ngớt các khổ. Âm thanh thuyết pháp có công đức

như tiếng chuông. Ngoài ra trên thân chuông còn có khắc những chân ngôn, những chữ chủng tử, kinh kệ Đại thừa. Một tiếng minh chung tức như chuyển tụng, khi giống một tiếng chuông, khác nào như đọc lên hết thầy kinh pháp Hiền, Mật được ghi trên thân chuông. Dùng những điều đó để sánh ví người thuyết pháp trong mỗi một âm thanh đều hàm chứa vô biên diệu nghĩa”. Ý này rất hay!

“Chủng tử” (Bija) là những chữ Phạn được coi là tâm tủy của những bài chân ngôn do chư Phật, Bồ Tát nói, hoặc được coi là ngữ mật thân của Phật, Bồ Tát, thường được quán tưởng khi hành nhân trì tụng chân ngôn. Gọi là “chủng tử” vì từ một chữ có thể sinh ra nhiều chữ; nhiều chữ lại có thể thu gọn trong một chữ. Chẳng hạn “chủng tử” của Đại Nhật Như Lai là “A”, “chủng tử” của A Di Đà Phật là “Hrih”.

Chỗ này, Hòa Thượng Tịnh Không dẫn chứng trên hội Lăng Nghiêm, đức Phật bảo ngài Bồ Tát Văn Thù chọn pháp môn thích hợp với căn cơ của chúng sinh cõi Ta Bà và ngài đã chọn “*nhĩ căn viên thông*” của đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Trong sáu căn, nhĩ căn là sắc bén nhất. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sinh phải dùng âm thanh dạy học, lấy âm thanh làm Phật sự, khế hợp với chúng sinh ở thế gian này.

Chúng ta biết có rất nhiều tinh cầu trong hư không, mỗi tinh cầu đều có chúng sinh cư trú. Ngày nay, chúng ta cho rằng con người là sinh vật cao cấp, thật ra không hẳn vậy! Trong kinh, chúng ta thấy ở nước Hương Tích, chúng sinh nơi đó mắt, tai không nhạy bén bằng lưỡi; vừa nếm vị họ liền khai ngộ.

- Bồ Tát ở nước Hương Tích giáo hóa chúng sinh bằng cách nào?

- Bằng cách mời họ ăn cơm! Họ ăn cơm liền khai ngộ! Chúng ta ăn cơm không khai ngộ! Khi ăn chỉ nếm được mùi vị chua, ngọt, đắng, cay, mặn, lạt mà không biết được nó thông được tự tánh!

Các nhà khoa học hiện đại nói với chúng ta về một tiểu quang tử; trong tiểu quang tử đó bao hàm cả toàn thể vũ trụ. Trong kinh điển nói: “*Giới tử nạp Tu Di; Tu Di nạp giới tử*”. Núi Tu Di có thể đặt vào trong hạt cải. Đây là thí dụ.

- Thực tế thì sao?

- Mỗi hạt vi trần nhỏ hơn nhiều so với hạt cải, mắt thịt chúng ta không thể tiếp xúc được, thậm chí nếu dùng kính hiển vi thông thường cũng không thể thấy được. Trong hạt vi trần đó dung nạp toàn thể vũ trụ: Xuất sanh vô tận; một là tất cả, tất cả là một. Đây là tự tánh; tự tánh không phải là vật chất, không phải tinh thần cũng không phải hiện tượng tự nhiên.

- Tự tánh ở đâu?

- Khắp biến pháp giới, hư không giới! Nếu thấy được tự tánh tức là người đã “kiến tánh”, là đạt được tất cả. Quả thật như vậy! Nói một cách đại viên mãn: Tự tánh khởi tác dụng là đại tự tại, đại trí tuệ, cho nên “*chấn tĩnh đêm dài, cảnh giác hôn mê, dẫn sanh thiện tâm, dùng các điều khổ*”; mỗi câu đều là sự thật; tiếng chuông, tiếng khánh đều có tác dụng này.

“*Một tiếng minh chung, tức như chuyển tụng, chung thân đầy đủ tất cả kinh pháp Hiển, Mật*”. Chung này tôi chưa thấy! Khi mới xuất gia, Hòa Thượng nói với chúng tôi: Ngày xưa, các Tông lâm bảo sát ở Đại lục, chuông lớn ở chùa có đúc kinh văn. Là kinh gì? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm! Khắc rất hoàn chỉnh tất cả kinh văn của Kinh Hoa Nghiêm đều khắc lên trên quả chuông, cả

mặt trong lẫn mặt ngoài. Đánh một tiếng chuông, bộ Kinh Hoa Nghiêm này lập tức chu biến pháp giới, chính là nói ý này.

Trong Mật Tông dùng thần chú, dùng chú ngữ là sáu chữ “Đại Minh Chú” của Bồ Tát Quán Thế Âm: “Án Ma Hê Pa mê Hum”. Đánh một tiếng, chuyển kinh luân cũng là ý này. Đây là biểu pháp, vấn đề là chúng ta có rõ biết hay không? Nếu biết mới thật sự được lợi ích, từ đây mà kiến tánh; bằng không chỉ là xem biểu pháp thôi!

Trong nhà Phật, thờ phụng các hình tượng Bồ Tát, quỷ thần đều là công cụ của giáo dục. Ví như nhìn thấy tượng Phật, ta liền hiểu ngay đây là biểu trưng cho tự tánh, cho tánh bản thiện. Tất cả tượng Phật đều tượng trưng cho “tánh đức”; tượng Bồ Tát tượng trưng cho “tu đức”. Tu nhân chứng quả: Bồ Tát tu nhân, Phật là chứng quả.

- Nhìn đến Bồ Tát Quán Thế Âm, ta liền nghĩ đến tâm Đại từ bi của ngài muốn cứu vớt tất cả chúng sinh; cũng nhắc nhở ta phải noi theo tâm lượng ngài mà đối đãi với tất cả chúng sinh.
- Nhìn Bồ Tát Địa Tạng, ta nghĩ ngay đến phải hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo.v.v...

Nếu không có được những cảm nhận này, cho dù có lễ lạy cũng là vô ích! Vì sao? Vì những gì ta làm chỉ là mê tín! Nếu thật sự hiểu được, chúng ta vào chùa đi tham quan một vòng, sẽ học hỏi được rất nhiều điều lợi ích. Chẳng hạn như nhà Phật thắp đèn, nhất định phải thắp đèn sáp hay đèn dầu mới là biểu pháp, không được thắp đèn điện. Bây giờ đa phần dùng đèn điện, vậy là sai rồi! Thắp đèn dầu, đèn sáp là biểu trưng đốt chính mình để soi sáng cho người; hy sinh phụng hiến, quên mình vì người.

- Thắp một nén hương: “hương” tượng trưng cho “Tín hương”, cho sự thành tín.

Nói rõ hơn một chút: Con người đối với tất cả chúng sinh phải giữ chữ “Tín”, không được gạt người! Ý nghĩa sâu sắc của “hương” là tượng trưng cho “Giới-Định-Tuệ”, gọi là “Giới-Định chân hương”. Nhìn thấy “hương”, ngửi mùi “hương” phải biết tu “Giới-Định-Tuệ”, đây là cương lĩnh, nguyên tắc chung trong tu học Phật pháp, không thể không biết điều này.

Thậm chí đến tên gọi “Đại Hùng Bửu Điện” là nơi thờ phụng đức Thích Ca Mâu Ni Phật; “Đại hùng” là đại anh hùng; đây là tán thán, khen ngợi Phật Thích Ca Mâu Ni là đại anh hùng. Định nghĩa của “anh hùng” là những gì người khác không thể nào làm được, Phật đều làm được. Người thế gian tranh danh đoạt lợi, ngũ dục lục trần, “tham-sân-si-mạn”, đức Phật thì đã buông xả tất cả mới gọi là “đại anh hùng”.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí, Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sinh cố, bị hoàng thệ khai, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sinh tha phương thế giới, vãng ly ác thú, hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện Thân Túc, tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh sinh trong nước tôi, rốt ráo tất đạt bậc Nhất Sanh Bồ Xứ, ngoại trừ (những người có) bốn nguyện vì chúng sinh mà mặc giáp hoàng thệ, giáo hóa hết

thầy hữu tình khiến cho họ đều phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo. Tuy sinh trong thế giới phương khác, nhưng vĩnh viễn thoát khỏi đường ác, hoặc thích thuyết pháp, hoặc thích nghe pháp, hoặc hiện Thần Túc, tùy ý tu tập không gì chẳng viên mãn. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Trong chương này, câu *“Sở hữu chúng sinh, sinh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ”* (Tất cả chúng sinh, sinh trong nước tôi, rốt ráo ắt đạt bậc Nhất Sanh Bồ Xứ) là nguyện thứ ba mươi lăm *“Nhất Sanh Bồ Xứ”*. “Nhất Sanh Bồ Xứ” là Đẳng Giác Bồ Tát, là Hậu Bồ Phật. Bồ Tát Di-Lặc là Hậu Bồ Phật, tương lai sẽ đến thế gian này thành Phật. Ngài là vị Phật tiếp sau Phật Thích Ca Mâu Ni.

- Khi nào ngài hạ sinh?

- Thời gian còn rất dài! Hiện ngài đang ở Nội Viện trên cung trời Đâu Suất, tầng trời thứ tư của Dục giới. Khi hết tuổi thọ ở trời Đâu Suất, ngài sẽ hạ sinh xuống thế gian này thị hiện thành Phật.

Một ngày ở cõi trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm ở thế gian ta. Chắc hẳn người ở cõi trời Đâu Suất nhìn xuống nhân gian thấy thật đáng thương! Nếu dùng thời gian là hai mươi bốn tiếng đồng hồ để tính thì một trăm năm ở nhân gian chỉ bằng sáu tiếng đồng hồ ở trời Đâu Suất. Thọ mạng ở trời Đâu Suất là bốn ngàn tuổi. Hiện tượng tận thế là người phương Tây nói; trong Phật pháp xưa nay chưa từng nói như vậy.

Sách Hội Sớ bảo: *“Nhất Sanh Bồ Xứ là địa vị Đẳng Giác . Do vẫn còn một phần vô minh (nói đủ là một phần “Sanh Tướng Vô Minh”) chưa phá nên bảo là Nhất Sanh. Thế lực của phẩm vô minh*

ấy lớn nhất. Dùng kim cương phá được cái tâm duy nhất còn lại sau cùng ấy thì liền đạt địa vị Diệu Giác nên gọi là Bồ Xứ”.

Sách Đại Sớ, quyển sáu chép: “Tông của kinh này là nhất sanh, nghĩa là từ nhất mà sanh”. Nếu xét theo Mật Giáo thì “nhất” là lý “Nhất Thật”. Lý “Nhất Thật” đối với Mật Tông là Sơ Địa Bồ Tát, trước hết chứng đắc tịnh Bồ Đề tâm, từ đây nhất quán xuất sanh vô lượng tam-muội tổng trì môn, dần dần đạt đến địa vị Thập Địa (Mật Thập Địa khác với Thập Địa trong Hiền giáo), nhưng chưa đạt đến địa vị thứ mười một là Phật Địa. Khi ấy từ trong cảnh giới “Nhất Thật” bèn phát sinh trọn vẹn hết thầy trang nghiêm, phải một phen “Chuyển pháp tánh sanh” mới thành Phật, nên gọi là “Nhất Sanh Bồ Xứ”. “Chuyển pháp tánh sanh”, lần sanh cuối cùng này không phải là chết đây sinh kia mà chỉ là ẩn nơi thiên cung thị hiện sinh trong thai mẹ nên gọi là “Chuyển pháp tánh sanh”.

Trên đây là giải thích của Niệm lão (Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang Thượng Sư) dựa theo Mật tông. Khi tôi ở Mỹ, lúc ấy ông truyền pháp Mật ở Mỹ, nhưng đều khuyên người niệm Phật, ông nói với họ: Mật rất khó thành tựu; niệm Phật vẫn là quan trọng hơn. Trước khi vãng sinh, ông nói với tôi, mỗi ngày ông niệm bốn mươi vạn câu Phật hiệu, niệm Phật rớt ráo ngày đêm không gián đoạn, rất ít ngủ nghỉ, ông là niệm Phật vãng sinh Tịnh Độ. Thầy ông là Cư Sĩ Hạ Liên Cư cũng là niệm Phật vãng sinh Tịnh Độ. Ở đây, Hòa Thượng Tịnh Không giải thích chữ “Nhất Thật” là bản tánh Chân Như, là tự tánh, là lý thể của tất cả pháp. Trong Mật Tông chúng được quả vị Sơ Địa Bồ Tát (là kiến tánh) tương ứng với Sơ Trụ Bồ Tát trong Kinh Hoa Nghiêm (cũng là kiến tánh).

“Vô lượng tam-muội”, theo Hòa Thượng Tịnh Không: Ý nói trong vô lượng vô biên cảnh giới, sau khi họ tiếp xúc tâm đều bất động, “Nhất Thật” chính là họ đã đạt đến cảnh giới này. Trong tất cả

mọi cảnh duyên dù tốt hay xấu họ đều dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác mà đối đãi.

“*Tổng Trì*” là tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa; có nghĩa là đã nắm bắt được cương lĩnh chung của tất cả pháp, đây chính là môn tổng trì. Cương lĩnh chung rất nhiều; trong cương lĩnh còn có cương lĩnh. Chúng ta lấy bộ kinh này mà nói:

- Môn tổng trì của kinh này ở đâu?

- Chính là trong phẩm thứ sáu này! Bốn mươi tám nguyện là môn tổng trì của Kinh Vô Lượng Thọ.

- Vì sao?

- Vì triển khai bốn mươi tám nguyện chính là Kinh Vô Lượng Thọ; qui nạp Kinh Vô Lượng Thọ chính là bốn mươi tám nguyện, vì thế bốn mươi tám nguyện là môn tổng trì của Kinh Vô Lượng Thọ.

- Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện nào có thể tổng trì?

- Cổ nhân nói có ba nguyện là: nguyện thứ mười tám, nguyện thứ mười chín và nguyện thứ hai mươi.

Nguyện thứ mười tám là “Thập niệm tất sanh”, nguyện thứ mười chín là “Văn danh phát tâm”, nguyện hai mươi là “Lâm chung tiếp dẫn”. Đây là nòng cốt của bốn mươi tám nguyện. Trong ba nguyện này, nguyện thứ mười tám là nguyện tổng trì, chính là câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Sáu chữ này là tổng trì cao nhất của Kinh Vô Lượng Thọ, cũng là pháp môn tổng trì của tất cả kinh điển mà Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng suốt bốn mươi chín năm.

Đại Sư Thiện Đạo nói: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế*” nghĩa là sở dĩ tất cả chư Phật Như Lai ứng hóa đến thế gian, giáo hóa chúng sinh, giảng kinh dạy học chỉ vì mục đích cứu cánh là “*duy thuyết Di*

Đà bốn nguyên hải”. Do vì có số người nghiệp chướng sâu nặng, mê hoặc quá sâu, không thể tiếp thu được pháp môn Tịnh Độ nên Phật mới phương tiện chỉ bày các pháp khác để độ họ. Đối với người có thể tin, có thể hiểu, Phật không cần phải vòng vo mà trực tiếp nói với họ về pháp môn Tịnh Độ, chỉ trong một đời là có thể thành tựu.

- Pháp môn này phải tu bao lâu mới có thể thành tựu?

- Theo lý, trong Kinh Di Đà nói: *“Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật”*v.v... Chỉ trong một, hai ngày là có thể thành tựu. Thật quá dễ dàng! Thực tế, giờ thì chúng ta đã hiểu phàm phu thành Phật, then chốt chỉ trong một niệm: Một niệm giác, phàm phu liền thành Phật, một niệm mê, đó chính là phàm phu lục đạo,

- Làm sao để “giác”?

- Buông bỏ là “giác”.

- Vì sao mê?

- Không buông bỏ được là “mê”!

Vấn đề là như vậy! Đại đa số các đồng tu Tịnh Độ, có thể nói trên một nửa thật sự niệm Phật, chí thành cầu sinh Tịnh Độ, đa phần đều có thể từ ba đến năm năm là họ thành công.

Đại sư Đàm Loan lại nghĩ rất có thể là Bồ Tát cõi Cực Lạc chẳng lần lượt đạt từng địa vị mà chứng ngay địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ: *“Cứ theo kinh này mà suy thì rất có thể Bồ Tát cõi ấy chẳng từ địa vị này đạt đến địa vị kia. Thứ tự thập địa của Bồ Tát chỉ là do Thích Ca Như Lai ứng theo căn cơ cõi Diêm Phù Đề mà dạy như vậy thôi. Tịnh Độ phương khác không bắt buộc phải giống vậy”*.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích câu *“chẳng từ địa vị này đạt đến địa vị kia”* là *“Đốn Đãng Bồ Xứ”*, điều này không thể nghĩ bàn! Như lên cầu thang, họ không cần đi lên từng bậc mà từ dưới họ

trực tiếp đến tầng cao nhất như đi thang máy, vậy thì càng nhanh chóng! Chúng ta tin lời của Đại Sư Đàm Loan nói không phải là không có căn cứ. Chư vị Tổ sư đại đức của Tịnh Tông, lời nói của họ đáng để chúng ta tin tưởng.

Thuyết của ngài Đàm Loan đã thể hiện sâu xa Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc: Hiền, Mật viên giải, viên tu, “*nhất địa nhất thiết địa*” (một địa vị chính là hết thảy địa vị). Cho nên, người đến thế giới Cực Lạc đều không thoái chuyển, đốn siêu thứ tự (vượt khỏi các địa vị), không có giai cấp, không có thứ tự, viên chứng Bồ Xứ (chúng trọn vẹn địa vị Bồ Xứ), hiển rõ diệu đức sâu sắc khó nghĩ bàn của đại nguyện Phật A Di Đà. Đoạn này nói rất hay!

- Có kinh luận nào chứng minh lời nói của Đại Sư Đàm Loan chẳng?

- Có! Kinh Hoa Nghiêm! Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói như thế! Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói càng rõ ràng minh bạch. Kinh Đại thừa cũng thường nói: “Một là tất cả, tất cả là một”.

Thật tướng các pháp, chân tướng của tất cả pháp không có pháp nào không phải từ tự tánh biến hiện ra. Tự tánh là bản thể của tất cả pháp. Tương ứng với tự tánh, tất cả thứ tự giai cấp đều không còn. Đại Sư Huệ Năng đã hiển thị cho chúng ta thấy; đó là trường hợp điển hình nhất, không cần trải qua thứ lớp. Khác hẳn lúc Thế Tôn còn tại thế giảng kinh thuyết pháp phải trải qua mười hai năm giảng kinh A Hàm; tám năm Phương Đẳng; hai mươi hai năm Bát Nhã; mới đến Pháp Hoa, Niết Bàn. Đây là có thứ tự, có giai cấp. Ngài Huệ Năng vừa khai ngộ liền kiến tánh.

- Kiến tánh là cảnh giới gì?

- Trong kinh này gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát.

Ngài Huệ Năng không phải được Phật A Di Đà gia trì mà tự mình “đốn ngộ”: Trước tiên ngài “đốn xả”, lập tức liền buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây gọi là đốn xả, đốn ngộ, đốn siêu, đốn chứng; những gì chứng được là quả đức viên mãn. Về lý có thể nói như thế, về sự đương nhiên cũng không có vấn đề; vấn đề là ở chính bản thân chúng ta chưa hiểu rõ về chân tướng sự thật, còn hoài nghi đối với đại đức, đại năng, đại trí tuệ của Phật, Bồ Tát. Cho nên, Phật dạy chúng ta buông xả: Nếu buông xả từ từ, đây là “tiệm tu”; nếu lập tức buông xả, đó là “đốn tu”.

“Trừ kỳ bốn nguyện, vị chúng sinh cố ... vô bất viên mãn”

(Ngoại trừ (những người có) bốn nguyện vì chúng sinh ... không gì chẳng viên mãn): Đây là nguyện thứ ba mươi sáu: “*Giáo hóa tùy ý*”. Như lời nguyện thứ ba mươi lăm đã nói: Người vãng sinh về thế giới Cực Lạc đều đạt địa vị Bồ Xứ, thành Đẳng Chánh Giác. Nhưng, mỗi vị Bồ Tát thành Phật đều có nguyện lực không giống nhau. Nếu có thế nguyện mặc giáp hoàng thệ, trở lại ướ độ phổ độ quần sinh, giáo hóa hữu tình, họ sẽ được nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì để “tùy ý giáo hóa”, tất cả đều viên mãn. Đây là ý nghĩa của nguyện ba mươi sáu.

“*Bị hoàng thệ khai*” (Mặc giáp hoàng thệ). Chữ “khai” là áo giáp, tức vật dụng được các chiến sĩ thời cổ khoác vào khi giao chiến để bảo vệ thân thể chống lại tên, đá v.v... Chiến tranh cận đại cũng có áo giáp chống đạn, lại thêm xe tăng, thiết giáp v.v... xung phong ra trận, đây đều thuộc tính chất của loại này. Bồ Tát nhập sinh tử, nghĩa là trở lại trong luân hồi sinh tử, hàng phục ma quân, lấy thệ nguyện rộng sâu, tâm hoàng thệ cứng hơn sắt đá làm giáp trụ.

- Ma là gì?

- Tất cả chướng nạn đều là ma quân!

Phàm những gì có thể khiến ý chí ta dao động, khiến tâm ta thoái thất, làm chướng ngại tín tâm ta, dẫn dụ ta sinh khởi “tham-sân-si-mạn-nghi”, cám dỗ khiến ta tham luyến “tài-sắc-danh-thực-thù”; tất cả đều là ma quân. Sở dĩ chúng sinh tu đạo không dễ thành tựu đều do những chướng duyên này.

Ở đây nói lấy thệ nguyện hồng thâm của mình làm áo giáp. “Hoàng” là lớn; “hoàng thệ” là thệ nguyện rộng lớn. Thông thường nói theo cương lĩnh chung là “Tứ Hoàng Thệ Nguyện”. Có số người phát nguyện, nhưng tín tâm không đủ, còn quá nhiều hoài nghi, chưa hiểu thấu triệt chân tướng sự thật nên khi vừa tiếp xúc với cảnh giới liền bị cảnh giới xoay chuyển! Vậy là đọa lạc! Có khác nào như đánh trận đã bị bại trận, thậm chí còn bị người giết chết!

“*Giai phát tín tâm*” (Đều phát tín tâm): Đối với những người được giáo hóa, trước tiên phải giúp họ kiến lập tín tâm. Ngày nay, muốn giúp người khác kiến lập tín tâm, điều cần thiết bản thân chúng ta phải làm gương cho họ thấy. Nếu không thể thực hiện cho họ thấy, họ sẽ không tin!

Trong Hội nghị Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc, chúng tôi đem phương pháp trị lý quốc gia và những lý niệm phương pháp về xã hội hòa bình của các bậc Thánh Hiền giới thiệu cho hội viên. Họ nghe xong rất hoan hỉ và khen ngợi. Sau khi hội nghị kết thúc, họ nói với tôi: - Pháp sư! Ông nói rất hay, chúng tôi nghe qua cảm thấy rất thích nhưng xét nghĩ đó chỉ là lý tưởng không thể thực hiện!

Đó là họ thiếu niềm tin! Tôi nói cũng vô dụng! Do nguyên nhân này, chúng tôi mới tìm đến một trấn nhỏ để làm thí nghiệm. Vốn nghĩ rằng lần thí nghiệm này ít nhất phải đến hai, ba năm mới thấy được hiệu quả, không ngờ chưa đến bốn tháng, hiệu quả đã vượt ngoài dự định.

- Đây có phải do năng lực của chúng ta chẳng?

- Không phải! Tuyệt đối không phải do năng lực của chúng ta mà nhờ Phật lực gia trì; nguyện lực của Tổ Tông, các bậc Thánh Hiền gia trì mới thành công.

Chúng tôi đem thành công này báo cáo với Tổng Bộ Tổ Chức Giáo Khoa Văn ở Paris, mọi người đều tin. Tổ Chức Giáo Khoa Văn có một trăm chín mươi hai đại biểu các quốc gia khu vực, đều muốn đến khảo sát xem thử. Đây là thật không phải giả! Ngày nay, thiên hạ trên toàn thế giới này đã đánh mất niềm tin đối với các bậc Thánh Hiền! Thế nên, muốn kiến lập niềm tin cho họ, trước hết chúng ta phải thực tiễn cho họ thấy, chỉ nói suông thì chưa đủ!

Đồ Văn Ba (Toowoomba), thị trấn nơi đây, nếu vào thời cổ đại cũng là một nước lớn, cư dân có mười vạn người. Hiện nay, nếu kết hợp các xóm làng lại, thị trưởng nói với tôi có thể lên đến hai mươi vạn dân; diện tích đất đai khoảng bằng với Brisbane. Ông rất hy vọng có thể trị lý khiến Đồ Văn Ba này trở nên thành thị mô phạm của Úc Châu. Điều cần yếu không nên đặt tiêu chuẩn kinh tế lên hàng đầu mà phải đặt giáo dục của Thánh Hiền và giáo dục của tôn giáo lên hàng vị trí ưu tiên thì họ sẽ thành công.

- Như vậy đối với sự phát triển kinh tế có gì tổn hại chẳng?

- Không những không tổn hại mà chắc chắn còn vượt xa ngoài dự tính của họ. Đây là dùng dạy học của tôn giáo và văn hóa Thánh Hiền để lôi kéo nền kinh tế. Sự phát triển này rất tốt đẹp, không có hậu di chứng.

- Bạn muốn hỏi vì sao tôi biết được?

- Bởi tôi đã từng làm thí nghiệm ba năm ở tiểu trấn Thang Trì mới nhận ra điều này. Kinh tế nơi thị trấn này không suy yếu mà lợi nhuận còn tăng lên gấp bội, đây là tín tâm sinh khởi.

Trong kinh giáo Đại thừa: *Tín là chiếc nôi của mọi công đức; là nền tảng vững chắc của chúng đạo, hành đạo và truyền đạo; cũng có thể sinh cảm ứng đối với chư Phật, Bồ Tát.*

Khoảng bốn mươi năm về trước, mẹ của Hà Thế Lễ ở Hồng Kông vãng sinh. Hà Thế Lễ là một vị tướng quân, chịu ảnh hưởng của nền giáo dục phương Tây, là tín đồ kiên thành của Cơ Đốc giáo. Cả nhà đều theo đạo Cơ Đốc, nhưng người mẹ chỉ chuyên tâm niệm Phật. Hà Thế Lễ rất hiếu thuận, trong nhà có Phật đường là nơi để mẹ ông chuyên tâm tu hành. Tuy trong nhà tín ngưỡng khác nhau, nhưng họ sống rất hòa thuận, không hề có sự xung đột, tâm lượng đều lớn, mọi người đều có thể tiếp thu. Bà cụ niệm Phật biết trước giờ chết. Ngày bà vãng sinh giống như ngày đại hội, bà mời tất cả thân thích, bạn bè đến, chào mọi người để đến thế giới Cực Lạc. Bà ngồi lúc vãng sinh với tinh thần rất hoan hỷ; lúc ấy cũng có mời các ký giả đương thời đưa tin bà vãng sinh.

Biểu diễn này là thật không phải giả! Nói đi là đi! Từ đó cả gia đình Hà Thế Lễ đều niệm Phật. Về sau, còn đem ngôi nhà ông ở cúng dường cho Phật giáo làm đạo tràng, chính là Đông Lâm Giác Uyển ở Hồng Kông hiện nay. Bà cụ thật có bản lĩnh, biểu diễn vãng sinh cho mọi người thấy. Tuy suốt đời không giảng kinh, không dạy học nhưng quả thật bà đang giáo hóa chúng sinh, bà độ cả gia đình, cũng độ được rất nhiều chúng sinh đang bán tín, bán nghi, bàng hoàng trước ranh giới của con đường đi đến Cực Lạc. Nay, nhìn thấy, nghe thấy, thấy báo chí đưa tin họ đều tin tưởng.

Chúng ta phải biểu diễn! Không biểu diễn không được! Người niệm Phật ở trong Niệm Phật Đường: Đứng vãng sinh, ngồi vãng sinh, như vậy độ được biết bao nhiêu người. Pháp sư giảng kinh, giảng xong bộ kinh này, liền ngồi trên bục vãng sinh. Đại chúng trong xã hội hiện nay cần những tấm gương này! Khuyến tín làm

đầu! Khi họ đã tin thì đơn giản, nếu không tin thì hết cách! Khi đã có tín tâm, tiếp tục “*tu Bồ Đề hạnh*”.

“Bồ Đề” là tiếng Phạn dịch nghĩa là giác ngộ; “giác” là không mê; “hạnh” là hành vi. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều giác chớ không mê, đây gọi là “*Bồ Đề hạnh*”. Cụ Hoàng Niệm Tổ giải thích như sau: “*Do ba bậc vãng sinh đều phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, nên câu “tu Bồ Đề hạnh” gồm hai ý nghĩa trọng yếu là phát Bồ Đề tâm và chuyên niệm. Tu Bồ Đề đại hạnh ắt phải do phát khởi Bồ Đề đại tâm, mà trong Bồ Đề hạnh thì nhất hướng chuyên niệm là quan trọng bậc nhất. Hết thấy Bồ Tát tu trọn muôn điều lành, nhưng các vị Bồ Tát trong Thập địa, dù ở địa vị nào vẫn chẳng hề rời bỏ việc niệm Phật*”.

- Đạo tràng thành lập ở Đồ Văn Ba đến nay (năm 2011) được mười năm. Trong mười năm này chúng ta có thành tựu gì chăng? Hành môn, giải môn rốt cuộc ta thực hành được bao nhiêu?

- Không phải không thực hành mà thực hành chưa đủ! Tiêu chuẩn còn quá xa!

Phải biết xưa nay người thật sự thành tựu, không phải do cha mẹ hay Thầy, Tổ đốc thúc mà quan trọng đó chính là tự động tự phát mới có thành tựu. Chúng ta rất lơ là điều này! Phật tử tại gia lơ là với “Thập thiện nghiệp đạo”; người xuất gia lơ là “Sa di luật nghi”. Điều này không ai trách được. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói do nguyên nhân “*tiên nhân bất thiện bất thức đạo đức*”, không có người dạy nên không thể trách họ. Nhưng, khi đã ngộ, hiểu rõ rồi thì phải thực hành. Thực hành từ “*Đệ Tử qui*”; “*Đệ Tử qui*” là nền tảng làm người; làm người chưa tốt sao có thể thành Thánh Hiền, thành Phật, Bồ Tát!

Trước tiên phải làm người thật tốt. Chúng ta thành lập Học Viện này là có ảnh hưởng đến cả thành phố này. Bản thân chúng ta

chưa tốt là có lỗi với cư dân ở đây, vì không làm được tấm gương tốt cho mọi người noi theo. Đạo lý này không thể không hiểu, không thể không biết! Là đệ tử Phật, chúng ta phải có sứ mạng, có trách nhiệm, đây thuộc về tâm Bồ Đề. Nếu đời này quyết định cầu sinh Tịnh Độ, chúng ta không thể không thực hành. Không thực hành coi như vô ích, tiếp tục trôi lăn trong lục đạo luân hồi!

Trong Tịnh Độ, tu hành quan trọng nhất là hai việc: Phát Bồ Đề tâm và nhất hướng chuyên niệm. Phát tâm là trong tâm chỉ có thể giới Cực Lạc, chỉ có Phật A Di Đà. Thật sự vãng sinh, làm tấm gương tốt cho mọi người noi theo, đó chính là phổ độ chúng sinh. Phải chú ý đến câu *“Thập Địa Bồ Tát không lìa, niệm Phật”*. Điều này nói lên: Bồ Tát tu hành đến sau cùng là phải thành Phật. Câu A Di Đà Phật nghĩa là vạn thiện đều tu, vạn thiện đến sau cùng đều quy về câu Phật hiệu này. Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn!

“Hành Phổ Hiền đạo”: Phổ Hiền Bồ Tát là bậc nhất trong các vị đại hạnh Bồ Tát. Trong kinh này nói các vị đại Bồ Tát cùng đến tham dự pháp hội đều tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ. *“Phổ Hiền đức”* chính là mười Đại Nguyện Vương dẫn dắt về Cực Lạc, là đức tự lợi lợi tha chẳng có cùng tận.

Đại Sư Khuê Phong giảng chữ Phổ Hiền như sau: *“Một là xét trên tự thể: Thể tánh trọn khắp là Phổ, tùy duyên thành đức là Hiền. Hai là xét trong các địa vị thì trọn khắp tất cả không sót là Phổ, gần bằng với bậc đại thánh (Phật) là Hiền. Ba là xét về đương vị (địa vị đang chứng đắc): Đức không gì chẳng trọn vẹn là Phổ; điều phục, hòa nhã, thiện thuận là Hiền”*.

Câu *“Giáo hóa nhất thiết chúng sinh, giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo”*, theo Hòa Thượng Tịnh Không, đây là giáo hóa ba tầng thứ:

1. *“Giai phát tín tâm”* là chuyển ác thành thiện.

2. “*Tu Bồ Đề hạnh*” là chuyển mê thành ngộ.

3. “*Hành Phổ Hiền đạo*” là chuyển phàm thành thánh.

Trong phần nói về Thập nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát lần này, Hòa Thượng Tịnh Không có nêu thêm một số vấn đề mới mẽ hơn những lần giảng trước như sau:

Phần “Quảng tu cúng dường”: Hòa Thượng nêu ra sự việc kiến lập đạo tràng Đồ Văn Ba (Toowoomba) như sau: Sau khi tôi (tức Hòa Thượng) rời Đài Loan qua Singapore ở khoảng ba năm rưỡi, vì không được thường trú nên mới đến Úc Châu. Đây là nhờ thiện ý của Bộ trưởng Di trú Úc hoan nghênh chúng tôi đến giúp Úc Châu đoàn kết tôn giáo và đoàn kết dân tộc.

Thành lập đạo tràng Đồ Văn Ba này cốt để thành tựu cho khoảng hai mươi người, sau khi Hàn Quán Trưởng vắng sinh không ai chăm sóc họ. Hy vọng đạo tràng này là đạo tràng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thành tựu “tục Phật tuệ mạng, hoằng pháp lợi sinh”. Mãi đến nay tôi vẫn còn đứng trên danh nghĩa, từ lâu đã muốn buông bỏ cái danh này.

Sở dĩ phải giữ danh nghĩa vì đây là khu vực của người phương Tây: Lạ đất, lạ người, quan hệ của tôi dù sao vẫn tốt hơn một chút, họ làm việc sẽ phương tiện hơn. Quan trọng nhất là phải “*Cần tu Giới-Định-Tuệ, tức diệt Tham-sân-si*”, có vậy mới đem lại sự cống hiến cho nơi này. Phải thực hành Thập Đại Nguyện Vương ở đây, bắt đầu từ chính bản thân mình, sau đó mới có thể cảm động những người xung quanh. Thị trưởng ở đây đến gặp tôi mấy lần, ông còn rất trẻ, rất có năng lực. Ông nói với tôi: Hy vọng kiến lập thành phố Đồ Văn Ba này trở nên thành phố mô phạm, hòa thuận nhất Úc Châu. Lý niệm này rất hay! Chúng ta phải tận tâm tận lực phối hợp giúp ông.

Mười năm qua, chúng ta ở đây:

Phần đạo duyên, nhân duyên tu đạo: Không có gì tiến triển; nhưng kết nhân duyên, thiện duyên với dân cư nơi đây cũng không tệ! Điều này rất có lợi ích với lý niệm của Thị trưởng, chúng ta có thể tận một phần sức lực.

Phần pháp duyên kế tiếp là đoàn kết tôn giáo: Có một thành viên người Singapore đến đạo tràng chúng ta, và đang tận tâm tận lực làm công tác này. Ở Singapore đoàn kết tôn giáo, ông có nhiều năm kinh nghiệm và phương pháp. Việc này đối với hoài bảo của thị trưởng đều khởi tác dụng tích cực.

Mấy năm gần đây, thời gian tôi ở bên ngoài nhiều, cũng làm công việc này, hy vọng đoàn kết tôn giáo trên toàn thế giới. Chỉ có đoàn kết tôn giáo mới có thể giúp xã hội an định, hóa giải được nhiều thiên tai thảm họa trên địa cầu. Cả ba loại cúng dường chúng ta đều phải tu, phải bắt đầu từ bản thân mình, từ đạo tràng mình, đừng yêu cầu người khác!

Năm ngoái, đạo tràng chúng ta chính thức mở lớp học kinh Koran và lớp học Tân Cựu Ước. Hy vọng giữa các tôn giáo có thể học tập lẫn nhau. Mục tiêu tương lai, chúng tôi hy vọng có trường Đại học tôn giáo; mỗi tôn giáo có Học Viện riêng; mười mấy tôn giáo là mười mấy Học Viện, tổ chức thành một trường Đại học. Chúng ta đều là người một nhà, đều là đồng học nhưng Viện khoa khác nhau, cùng một trường học. Tôn giáo trên thế giới là một nhà, sẽ mang lại cho thế giới sự an định hòa bình, phồn vinh hưng thịnh, có thể hóa giải rất nhiều phân tranh, mâu thuẫn, xung đột. Đây là nghề phụ trong việc học Phật của chúng ta.

Nghề chính của chúng ta vẫn là niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Nghề phụ là giúp thế gian này hóa giải xung đột, xúc tiến nền an định hòa bình. Trong kinh Phật thường khuyên dạy chúng ta “Chánh, trợ

song tu”, đây là tự lợi, lợi tha. “*Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian giác*”. Phải khuyên người khôi phục lại tánh đức, phải dạy hiểu thuận. Chữ “hiếu” hàm nghĩa của nó là “nhất thể”, tuyệt đối không thể tách rời, không thể phân khai. Biến pháp giới, hư không giới là “nhất thể”. Tùy thuận phép tắc của đại tự nhiên, đây chính là đại Thánh đại Hiền. Sự nghiệp của đại Thánh Hiền là làm gương cho chúng sinh, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Hai năm nay, tôi đặt nhà sách Thương Vụ in một trăm bộ “Tứ Khố Toàn Thư”, Úc Châu đã nhận được mười bộ. Bây giờ chúng tôi lại đặt thêm hai trăm bộ “Tứ Khố Hội Yếu”, phân tặng cho các quốc gia trên toàn thế giới. Chúng tôi nhờ Liên Hiệp Quốc tặng giúp cho những hội viên tham gia Liên Hiệp Quốc, đây là Pháp thí. Những thư tịch này là trí-tuệ của các bậc Thánh Hiền trong năm ngàn năm qua. Phương pháp và kinh nghiệm hiệu quả của việc “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” được ghi chép trong đây rất đáng cho người thời đại chúng ta tham khảo, học tập. Đây là “Quảng tu cúng dường”.

Hiện tại, mọi tịnh tài cúng dường, tôi đều làm những công việc này, khiến mỗi người trong chúng ta đều tu được “Pháp Bồ Thí”. Cho nên, tôi không xem trọng việc xây chùa, vì đã có quá nhiều người đứng ra xây dựng. Công việc Pháp cúng dường này không ai biết, cũng không ai làm; việc mà không ai làm là việc tốt, chúng ta nên tiên phong làm.

Phần “tùy hỷ công đức” và “Thỉnh chuyển Pháp Luân”,
Hòa Thượng kể lại mẫu chuyện về vua Đường Thái Tông như sau:

Khoảng một ngàn bốn trăm năm về trước, Đường Thái Tông sinh trưởng vào thời xã hội động loạn. Tùy vương đế vứt bỏ luân lý đạo đức, hoàn toàn chú trọng hưởng thụ cá nhân, không quan tâm đến nỗi thống khổ của nhân dân cho nên xã hội mới loạn. Tùy vương đế nước mất nhà tan, chết rất thê thảm. Đường Thái Tông bình định

động loạn thay thế nhà Tùy, dựng nên nhà Đường. Nhu cầu bức thiết thời đó là làm sao có thể khiến xã hội an định.

Đường Thái Tông khởi nghĩa lúc mới mười sáu tuổi, làm tướng quân dẫn binh. Sau khi nhà Tùy diệt, phụ thân ông lên làm hoàng đế, dựng lên nhà Đường được chín năm thì mất. Đường Thái Tông kế thừa vương vị của cha lúc năm hai mươi bốn tuổi, hãy còn rất trẻ, liền nghĩ đến phải làm sao trị tốt quốc gia? Làm sao có thể khiến xã hội có nền an ninh lâu dài? Bèn nghĩ: Vấn đề này cần phải có trí tuệ, có phương pháp, có lý luận, có kinh nghiệm mới đem đến hiệu quả.

- Những điều này do đâu mà có?

- Phải hấp thụ kinh nghiệm giáo hóa của các bậc Thánh Hiền!

Ông liền giao phó trọng trách cho đại thần Ngụy Trưng, người rất nổi tiếng trong lịch sử, thành lập một tổ nhỏ sưu tập những cổ tịch từ “Tam hoàng ngũ đế” đến nhà Tùy, khoảng hai ngàn năm trăm năm. Những người này không phụ kỳ vọng của ông. Từ trong những cổ tịch này, hơn một vạn loại sách cổ, họ chọn ra sáu mươi lăm loại. Trong sáu mươi lăm loại này lại chọn ra những tài liệu tham khảo mà Đường Thái Tông cần đến, biên soạn thành một cuốn sách khoảng năm mươi vạn chữ gọi là “Quần Thư Trị Yếu”, chính là những giáo huấn, tư liệu quan trọng trong cách trị nước. Sau khi biên tập xong cuốn sách này, Đường Thái Tông không bao giờ rời khỏi tay. Lúc trẻ ông đọc sách không nhiều, bây giờ trị lý cả một quốc gia lớn như vậy, quả thật ông đã trị lý đất nước này rất tốt, được xưng là “Đại Đường thịnh thế”, thời đại hưng thịnh trong lịch sử.

“Phổ Đường Nhân”, danh xưng này do rất nhiều người nước ngoài cư trú ở Mỹ đặt tên; “Đường” là từ đây mà có. Cho thấy nền chính trị của ông rất thành công. Sự thành công của ông, có thể nói bộ sách này đóng vai trò quan trọng nhất, là “Bảo điển trị quốc”. Nhà

Đường trị thế ba trăm năm. Sau khi nhà Đường mất nước, bộ sách này bị thất truyền, không tìm thấy. Cuốn sách này bị người Nhật Bản lấy đi. Chúng ta biết, vào thời nhà Đường, Nhật Bản phái rất nhiều lưu học sinh, rất nhiều người xuất gia đến Trung Quốc học tập, họ đem rất nhiều thứ ở Trung Quốc về nước. Nhật Bản xem cuốn sách này như quốc bảo.

Hoàng đế Càn Long vào thời nhà Thanh, làm vua sáu mươi năm, truyền ngôi cho con trai là Gia Khánh. Giao chính quyền cho con trai, ông lên làm Thái Thượng Hoàng. Khi Gia Khánh làm Hoàng đế, người Nhật hay tin Hoàng Đế mới lên ngôi, bèn dâng tặng một ít lễ vật (chính là hiến công), trong lễ vật có bộ sách này. Lúc bấy giờ người Trung Quốc mới biết được, thấy được cuốn sách này. Sách này từ Nhật Bản mang đến Trung Quốc không quá mười bộ, số lượng quá ít nên rất ít người biết, người xem lại càng ít hơn!

Đầu năm Dân Quốc, khi nhà sách Thương Vụ vừa sáng lập, lúc đó những chuyên gia học giả mới đem cuốn “Quần Thư Trị Yếu” của Đường Thái Tông, dùng nguyên bản của người Nhật (dùng nguyên bản giống như hiện nay dùng máy chụp lại) in lần thứ nhất; tôi nghĩ phân lượng chắc không quá một ngàn bộ. Về sau tái bản lần thứ hai, dự đoán khoảng hai ngàn bộ, lưu hành trên mảnh đất này. Đã tám, chín năm qua, xã hội Trung Quốc cứ động loạn mãi! Tôi lo ngại cuốn sách này lại bị thất truyền, có thể không tìm thấy nữa! Trước đây, tôi từng đọc qua bộ “Chư Tử Trị Yếu”.

- Sách này từ đâu mà có?

- Trong sách có chú thích rõ ràng là từ hai mươi quyển sau cùng của “Quần Thư Trị Yếu”. “Quần Thư Trị Yếu” tổng cộng có năm mươi quyển. “Chư Tử Trị Yếu” là hai mươi quyển sau cùng, cho nên tôi biết có bộ sách này nhưng chưa tìm thấy.

Thế giới động loạn! Tôi nghĩ mỗi quốc gia đều cần đến nó, cần những tài liệu tham khảo trị quốc này. Bộ tư liệu này rất có giá trị, cho nên khi giảng kinh tôi có nhắc đến mấy lần, không ngờ có vài đồng tu có tâm lưu ý và giúp tôi tìm được, gửi đến Hồng Kông cho tôi. Tôi nhận được hai bộ, cả hai bằng, thật khó được! Thật hi hữu! Trong nước cũng có người có nhiệt tâm, không phải không ai! Quả thật là có người nhận thức được giá trị của nó. Đúng là khó được!

Tôi đem hai bản này giao cho nhà sách Thế Giới của Đài Loan; mỗi loại in một vạn bộ, như vậy bộ sách này về sau không còn lo bị thất truyền. Với số lượng sách này, hy vọng trong năm nay (năm 2011) tôi sẽ nhờ Liên Hiệp Quốc, Tổng thư ký của “Tổ Chức Hòa Bình Tôn Giáo Thế Giới” rất thân với tôi, nhờ ông thông qua danh nghĩa của tổ chức biếu tặng cho lãnh đạo của mỗi quốc gia để họ tham khảo, hy vọng mọi người cùng nỗ lực cứu vãn thế giới.

Sách này viết bằng thể văn cổ, phiên dịch rất khó khăn. Chúng tôi có nhóm thầy giáo khoảng hơn hai mươi vị ở thủ đô Malaysia, nguyên trước đây họ từng ở trung tâm giáo dục văn hóa Lô Giang, An Huy; dẫn đầu là thầy Thái Lễ Húc chuyên nghiên cứu truyền thống văn hóa. Tôi hy vọng nhóm thầy giáo này toàn tâm toàn ý, trong thời gian ngắn có thể hoàn tất chú âm, chú thích cho bộ “Trị Yếu” này, rồi dịch thành văn bạch thoại, sau đó mới dịch sang ngoại ngữ.

Không những chúng ta phải đem những tài liệu tham khảo quan trọng này đưa đến nước ngoài, mà tôi còn hy vọng những thầy giáo này đều có thể giảng giải. Chúng ta có thể thông qua truyền hình vệ tinh, thông qua mạng internet để dạy chương trình này: Quần Thư Trị Yếu. Mở lớp học này hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày không gián đoạn, phát sóng trên toàn cầu, khiến người trên toàn thế giới đều có thể nghe được, đọc được, hấp thụ được kinh nghiệm trị quốc, bình

thiên hạ mấy ngàn năm của người xưa, hầu giúp thế giới hiện tại khôi phục lại an định hòa bình, nhân dân xa lìa thiên tai thảm họa, sống một đời hạnh phúc mỹ mãn.

Chúng ta tùy hi công đức này, ủy thác cho Liên Hiệp Quốc tặng lễ vật đến mỗi quốc gia. Trong lễ vật có một bộ “Tứ Khố Hội Yếu”, tôi đã in hai trăm bộ, dự tính khoảng năm trăm vạn đô la Mỹ (tức khoảng năm triệu đồng Mỹ kim), tặng cho mỗi quốc gia một bộ; một bộ khoảng hai vạn năm ngàn Mỹ kim (tức khoảng hai mươi lăm ngàn tiền Mỹ), Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông tặng mười bộ; còn có một bộ sách cũng rất quý là Quốc Học Trị Yếu. “Trị” này là “Trị học”; “Trị” của Quần Thư Trị Yếu là chính trị, đó là “trị quốc”. Cùng một chữ “Trị” nhưng ý nghĩa khác nhau. Quốc Học Trị Yếu là tinh hoa của Tứ Khố Toàn Thư, là nhập môn của Tứ Khố; muốn nghiên cứu truyền thống văn hóa xưa, có thể hạ thủ từ bộ sách này. Trước tiên phải có nhận thức, có cảm tình, có yêu thích đối với truyền thống văn hóa, sau đó mới có thể nghiên cứu chuyên sâu bộ sách này.

Tóm lại, hoạt động năm nay (năm 2011) của Liên Hiệp Quốc, tôi chuẩn bị những lễ vật tặng cho mỗi vị lãnh đạo của các quốc gia hội viên trên toàn thế giới bao gồm: Mười bộ Quần Thư, mười bộ Quốc Học, một bộ Tứ Khố Hội Yếu, ngoài ra còn tặng hai con dấu đồng. Hình dạng con dấu này, tiết học sau sẽ mang đến cho mọi người xem. Tất cả những việc làm trên đây đều là “*tùy hi công đức*”.

Kể đến “*Thỉnh chuyển Pháp Luân*”, đối với các thầy giáo của thủ đô Malaysia, tôi phải thỉnh họ “chuyển Pháp Luân” nghĩa là đem bộ Quần Thư Trị Yếu này giảng một lần thật tường tận tỉ mỉ. Dùng vệ tinh và mạng internet phát sóng trên toàn cầu, giảng thời gian dài không gián đoạn, không ngừng phát sóng, mở trên đài truyền

hình môn học Quần Thư Trị Yếu. Trước tiên, phải giảng bằng tiếng Trung Quốc, sau đó hy vọng có người học ngoại ngữ, dùng tiếng Anh để giảng giải.

Hiện nay, Liên Hiệp Quốc thông dụng sáu loại ngôn ngữ, hình như có tiếng Tây Ban Nha. Giảng giải bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, giúp mọi người trên toàn thế giới đều đọc được, hiểu được vì sao Trung Quốc suốt mấy ngàn năm qua, quốc gia này có được nền trị an lâu dài như thế? Vì sao nền văn minh cổ lão này đến nay vẫn không suy yếu, vẫn không lạc hậu? Trong bốn nền văn minh lớn của thế giới xa xưa, đến nay chỉ còn độc nhất có nền văn minh Trung Quốc vẫn còn tồn tại. Vì sao vậy? Phải giảng giải rõ ràng, mọi người mới hiểu được, mới biết rằng học thuật của truyền thống văn hóa xưa siêu việt cả thời gian lẫn không gian: Ngày xưa thích hợp, ngày nay vẫn thích hợp!

Chúng tôi từng làm thí nghiệm ba năm ở Thang Trì, làm rất thành công, chứng tỏ những gì của cổ nhân đối trị xã hội mãi đến hôm nay áp dụng đều rất có hiệu quả. Chân lý vĩnh viễn bất biến! Không thể nói nó là thứ lỗi thời, lạc hậu nên không cần đến! Không cần đến, lập tức liền có vấn đề! Người xưa tôn sùng chân lý; văn hóa xưa là kết tinh của văn hóa và của đạo đức. Chúng ta phải nỗ lực tuyên dương, phải siêng năng học tập.

Ở đây, học sinh trong Học Viện chúng tôi, bất luận là thường trú hay đến tham học đều học tập. Nếu mọi người đều nỗ lực thực hành văn hóa truyền thống, tôi tin rằng khoảng mười năm thôi, thành phố Đồ Văn Ba này (Toowoomba) sẽ trở thành một thành phố mô phạm, sự việc này thiết tưởng là có thật không phải là mơ hồ!

Chúng tôi ở đây mười năm, nền móng đã đặt vững, thêm mười năm nỗ lực nữa, người người nơi khu vực này đều hiểu biết luân lý, đạo đức, nhân quả, đều tiếp xúc nền tôn giáo tốt đẹp. Tôn

giáo ở Đồ Văn Ba có thể đoàn kết với nhau, đó là bước thứ nhất chúng ta đã làm thành công. Tôi nghĩ: Buổi tiệc thân mật vào mỗi tối thứ bảy hàng tuần do chúng ta tổ chức nơi đây, hiện nay người tham gia ngày càng nhiều, mỗi tôn giáo cũng bắt đầu tham gia là việc tốt.

Nếu mọi người thật sự nỗ lực, nhân sĩ các tôn giáo khác nhau yêu thích việc này, mỗi năm Đồ Văn Ba có thể tổ chức một, hai lần hoạt động này với mô hình lớn, tổ chức trên danh nghĩa của thành phố, chúng ta sẽ tổ chức luận đàm văn hóa Đồ Văn Ba; có thể tổ chức từ năm ngày đến một tuần, hoan nghênh người trên toàn thế giới, trên cả nước đều có thể tham gia thể nghiệm văn hóa của Đồ Văn Ba.

Văn hóa trong đây dung hợp cả cổ kim trong ngoài, là “Tập đại thành” tất cả văn hóa. Tổ chức hoạt động văn hóa này ở đây, tôi tin rằng không những đối với Úc châu mà đối với toàn thế giới sẽ có ảnh hưởng rất sâu xa. Những vấn đề này thuộc về “Tùy hỉ công đức” và “Thỉnh chuyển Pháp Luân”. “Thỉnh chuyển Pháp Luân” là mời người hiểu biết giảng giải và hướng dẫn cho chúng ta; Học Viện Tịnh Tông có sứ mạng, có nghĩa vụ này.

Học viên của Học Viện, bất luận là tại gia hay xuất gia đều phải “Phát tâm Đại Bồ Đề”, như ông Baladen (chữ này có thể viết sai!) nói: Phải bắt đầu từ chính mình “bỏ ác dương thiện, cải tà qui chánh, đoạn chánh tâm niệm”. Học Viện Tịnh Tông nơi đây sẽ dẫn đầu trong thành phố nhỏ Đồ Văn Ba này. Chúng ta đứng ra thực hiện, siêng năng nỗ lực thực hành, hội tập tất cả các văn hóa khác trên toàn thế giới. Người xưa nói: “Tìm điểm tương đồng trong sự khác biệt”, phối hợp nền văn hóa mới của cổ kim, trong ngoài thực hiện tại nơi đây.

Thí nghiệm này thành công, chúng ta tin rằng đối với toàn thế giới sẽ đem đến sự cống hiến rất lớn, giữ được nền hòa bình, trị

an lâu dài. Có như vậy, đời này chúng ta sống không uổng phí, đến địa cầu này không có lỗi với chúng sinh ở đây.

Mục tiêu sau cùng của chúng ta vẫn là cầu vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, vẫn là trở về bên đức Phật A Di Đà. Phải thường nghĩ: Bây giờ chúng ta ở thế giới này là do Phật A Di Đà phái chúng ta đến. Một mặt chúng ta tu Tịnh Độ, một mặt phải làm công việc tốt đẹp này. Tự lợi, lợi tha mới là công đức viên mãn.

Trong kinh này, chư đại Bồ Tát đến dự hội đều tu theo đức của Phổ Hiền Đại Sĩ. Đức của Phổ Hiền là Thập Đại Nguyện Vương quy về Cực Lạc, là đức tự lợi lợi tha không có cùng tận. Thập Đại Nguyện Vương, chúng ta đã đọc nhiều lần, tuy văn tự không dài nhưng sự lý bao hàm trong mỗi câu đều không cùng tận, cho nên mỗi lần thuyết giảng cũng bất tận, hoàn toàn không giống nhau, mọi người đều có thể tham khảo lẫn nhau.

Từ nguyện thứ nhất đến nguyện thứ năm là tự lợi, thành tựu đức hạnh của chính mình. Nguyện thứ sáu và nguyện thứ bảy là hóa tha. Sau khi tự hành phải hóa tha; trước khi hóa tha nhất định phải tự hành. Nếu đức hạnh và trí tuệ của bản thân chưa thực hiện, làm sao giúp được người khác?! Do vậy mà phát tâm hoằng dương chánh pháp không thể không siêng năng học tập và thực thi mười nguyện của Phổ Hiền.

Trong giáo lý Đại thừa đem muôn sự muôn vật khắp biến pháp giới, hư không giới, dùng một chữ làm đại danh từ chung đó là “Pháp”. “Phật” nghĩa là giác ngộ, đối với tất cả pháp vô lượng vô biên đều thấu triệt tường tận. Chư Phật, Bồ Tát đạo đức cao siêu, trí tuệ vô lượng, có vô tận thiện xảo giáo hóa chúng sinh phá mê khai ngộ, lia khổ được vui. Thật sự phát tâm “hoằng pháp lợi sinh, tục Phật tuệ mạng”, chúng ta phải siêng năng nỗ lực, dùng hai năm công phu về đức hạnh, lấy “Đệ tử qui”, “Cảm ứng thiên”, “Thập thiện

nghiệp” làm nền tảng, phải thực hành cho được! Những thứ này không phải để học thuộc lòng, cũng không phải để giảng giải mà là để thực tiễn trong hành vi sinh hoạt của chúng ta.

Kế đến là văn tự, nếu muốn phát nguyện hoằng pháp lợi sinh, như trước đây thầy Lý dạy: Nhất định phải thông đạt pháp thế và xuất thế gian. Thông đạt Phật pháp, giảng kinh mới “khế lý”; thông đạt pháp thế gian, giảng kinh mới “khế cơ”. Cả “khế lý” và “khế cơ” đều phải đầy đủ. Nghiên cứu pháp thế và xuất thế gian, điều đầu tiên là văn tự. Những kinh điển, cổ tịch này đều viết bằng văn cổ, chúng ta phải học tập văn cổ. Học tập văn cổ không khó!

Thầy dạy chúng tôi, nếu có thể học thuộc, có thể giảng năm mươi bài văn cổ là đủ năng lực để đọc được văn cổ; Tứ Khố Toàn Thư ở giảng đường này bạn có thể xem hiểu; di sản văn hóa năm ngàn năm bạn đều có thể nắm được chìa khoá. Lợi ích vô cùng! Nếu không hiểu văn cổ, mở kinh điển ra xem cũng không hiểu! Đại Tạng Kinh là dùng văn bạch thoại đương thời để phiên dịch, nghĩa là thể văn cổ rất đơn giản. Nhưng, nếu không có nền tảng của văn cổ vẫn không thể hiểu được!

Cho nên, cần dùng một ít thời gian; theo tôi thì khoảng hai năm, một trăm tuần, mỗi tuần học một bài cổ văn; một trăm bài, hai năm thì có thể thuộc hết; không những đọc được mà còn có thể viết được. Chỉ cần có điều kiện này thì hoằng nguyện có thể viên mãn; “tục Phật tuệ mạng, hoằng pháp lợi sinh” có thể làm được. Không có hai điều kiện cơ bản này tuyệt đối không làm được! Cho nên, phải cực khổ hai năm.

Chúng ta học Tịnh tông, hiện nay tuổi tác các vị đều không nhỏ, đều trên bốn mươi tuổi, quả thật rất khó khăn! Có người nói: Bốn mươi tám phẩm Kinh Vô Lượng Thọ giống như bốn mươi tám bài văn, con dùng nó đọc như cổ văn có được chăng? Được! Nếu

thuộc được kinh này, cũng có thể nói một cách rõ ràng, như vậy bạn đọc kinh sẽ không có vấn đề gì. Tam tạng, mười hai bộ kinh bạn đều có thể đọc.

Hoàng Niệm lão chú giải kinh này rất hay, ông cũng dùng kinh điển làm căn cứ, tổng cộng ông đã trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh. Nói cách khác, đọc chú giải của ông tức là đã đọc được một trăm chín mươi ba bộ kinh luận. Cho nên, có thể thâm nhập một môn. Nhưng vẫn tự trong cổ tịch thâm sâu hơn chú giải này. Vì vậy, ít nhất cũng phải đọc được năm mươi bài cổ văn, tốt nhất là chọn ra năm mươi bài.

Công việc này gần đây thầy Thái Lễ Húc đang làm, ông đã chọn ra được một trăm sáu mươi hai bài, sau đó đưa tôi xem đề mục, chọn rất hay! Trong một trăm sáu mươi hai bài này, ta chọn năm, sáu mươi bài học thuộc, thời gian hai năm, nền tảng này mới vững chắc. Có nền tảng này, mười năm sau ta còn có tám năm “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”; như vậy sau mười năm sẽ trở thành một nhà Hán học rất xuất sắc trên thế giới; bốn mươi tuổi bắt đầu, năm mươi tuổi có thể thành tựu.

Cư sĩ Lưu Tố Vân ở Đông Bắc, đây là tấm gương rất tốt! Học Phật lúc năm mươi lăm tuổi, sáu mươi lăm tuổi thành tựu. Lần này cùng với tôi ở Singapore, Malaysia, Indonesia, khắp nơi đều có người mời bà đi diễn giảng, rất được mọi người hoan nghênh. Quả đúng như cổ nhân nói: “mười năm đèn sách, nhất cử thành danh”, nói rất lưu loát, không giống người mới học, rất có phong cách của vị giảng sư lâu năm. Những người này đều là tấm gương sáng để chúng ta noi theo, động viên chúng ta siêng năng tu học. Trong vòng mười năm, tốt nhất là không ra ngoài. Bạn thấy thành tựu của các bậc Cổ Đức, suốt đời sống trong ngôi chùa trên núi không ra khỏi cửa

nên tâm họ Định. Khắp nơi tiếng tăm trôi nổi rất khó thành tựu! Sức mê hoặc bên ngoài quá lớn!

- Mười năm không hạ sơn được chăng?

- Điều này cần có quyết tâm, có nghị lực!

Trước đây, tôi từng đến Nhật Bản sáu lần. Tôi đến tham quan núi Tỉ Duệ, người Nhật Bản gọi núi này là chiếc nôi của Phật Giáo. Nhật Bản có mười ba Tông phái, Tổ sư khai sơn của mười ba Tông phái đều tu hành trên ngọn núi này. Mười năm trước, khi tôi đến tham quan, tôi thỉnh giáo trụ trì của họ:

- Những vị Tổ sư này ở trên núi Tỉ Duệ thời gian bao lâu mới hạ sơn? Họ nói với tôi:

- Lâu nhất là hơn ba mươi năm; ngắn nhất khoảng mười sáu, mười bảy năm.

Thành lập Phật Học Viện tại đây, tôi đề xuất tu học chín năm. Lúc đó có người nói với tôi: Phải chăng thời gian như vậy quá dài?! Có thể bảy năm chăng? Sau khi tôi phỏng vấn ở Nhật Bản, tâm an định hơn, chín năm không dài! Còn thua xa so với chư vị Tổ sư cao tăng tu hành trên núi Tỉ Duệ; họ ít nhất là mười bảy năm, chúng ta nơi đây mới có chín năm, có một nửa thôi!

- Nhưng chín năm có thành công không?

- Không có thành tựu!

- Vì sao không thành tựu?

- Vì nền tảng chúng ta không vững! Chín năm ở đây, cho dù không có lỗi lầm gì lớn lao, cũng không có thành tựu gì lớn, thành tích chỉ bình thường. Cho nên, tôi hy vọng chín năm nữa mọi người đều có thành tích. Đây là kỳ vọng của tôi đối với các học viên trong Học Viện.

Tháng mười năm nay (2011), chúng tôi tổ chức kỷ niệm mười năm thành lập. Hy vọng kỷ niệm hai mươi năm thành lập, Học Viện Tịnh Tông sẽ xuất hiện vài nhà Hán học xuất sắc và các bậc cao tăng đại đức, không phải không làm được!

- Làm sao để thành tựu?

- Phải dựa vào chính mình, không dựa vào người khác!

Thời đại bây giờ không có ai đốc thúc, hoàn toàn phải dựa vào bản thân: Tự giác, tự ngộ, tự tu, tự mình thành tựu. Nơi đây đem đến cho bạn một môi trường tu học tốt đẹp, chỉ cần nắm vững ba nền tảng: Học thuộc Kinh Vô Lượng Thọ, sau khi học thuộc phải y giáo phụng hành. Học thuộc, biết giảng mà không hành thì cũng vô ích! Nhất định phải đem những lý luận, lời dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ trở thành tư tưởng, hành vi của chính mình, như vậy mới thành công, trở thành nhất đại cao tăng. Phật pháp chú trọng thực hành, người có thể hành trì đương nhiên là có thể giảng được. Nói được, chưa chắc thực hành được! Chỉ có hành trì mới đạt được công đức và lợi ích chân thật. “Thỉnh chuyển Pháp Luân” ở đây cũng ngầm có ý nghĩa là thỉnh mình, không phải thỉnh người khác.

- Vì sao có rất nhiều người trẻ tuổi khi phát tâm rất mạnh, sau cùng đều bị đào thải?!

- Vì không có năng lực hàng phục “tham-sân-si-mạn-nghi”, đây là ngũ độc!

- Dùng phương pháp gì để hàng phục?

- Dùng giáo dục căn bản để đối trị! “Đệ tử qui” là giáo dục truyền thống xưa; “Cảm ứng thiên” là giáo dục nhân quả; “Thập thiện nghiệp đạo” là giáo dục Đại thừa. Nếu ba nền tảng này vững chắc tức là có cơ sở của Thánh Hiền, từ đó có thể nhất tâm hướng đến một mục tiêu, một phương hướng chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, chuyên

học Kinh Vô Lượng Thọ, sẽ được bốn nguyện của đức Phật A Di Đà gia trì, chắc chắn sẽ thành tựu.

Hoảng và hộ chánh pháp là công đức vô lượng vô biên. Ngày nay, chúng ta “Thỉnh chuyển Pháp Luân” là thỉnh bản thân chuyển Pháp Luân. “Thỉnh Phật trụ thế” là thỉnh chính mình trụ thế. Cho nên, chính mình phải thỉnh “Tự Phật chuyển Pháp Luân”, thỉnh “Tự Phật trụ thế”.

Lúc Thế Tôn còn tại thế, rất nhiều quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ đều biết thỉnh Phật giảng kinh. Phước đức giảng kinh, âm dương đều được lợi ích, người đến nghe kinh giác ngộ, tiêu nghiệp chướng, khai trí tuệ. Chúng ta mắt thịt không nhìn thấy, nhân số đó nhiều hơn chúng ta không biết bao nhiêu lần. Lấy phước đức này, hồi hướng khắp hư không pháp giới, hồi hướng cho khu vực này được tiêu trừ thiên tai thảm họa, trăm sự hưng vượng, công đức này lớn biết bao. Ngày nay chúng ta:

- Thỉnh ai giảng?

- Đương nhiên thù thắng nhất là thỉnh người có tu, có chứng; thỉnh người chứng quả đến giảng, công đức này rất lớn. Chưa chứng quả, bắt đắc dĩ mới tìm đến họ. Phải tìm người chân tu đến giảng. Nếu người giảng không có tu hành, như vậy là biến thành thiện pháp thế gian, hiện nay gọi là học giả, chuyên gia, họ nói nhưng không làm được! Không thể nói không có lợi ích; có lợi ích nhưng không lớn. Người tu hành chân chánh giảng kinh, công đức này có thể hóa giải thiên tai, chứng quả càng không cần phải nói. Do vậy, công đức hàng đầu là “*Thỉnh chuyển Pháp Luân*”, thỉnh Phật sư giảng kinh.

“*Thỉnh Phật trụ thế*”, đây chính là “Chánh pháp cứu trụ”. Trụ bằng cách nào? Phải giúp đời sau! Phật pháp không thể đứt đoạn vào thời đại của ta. Phải giúp đời sau có người kế thừa, Phật pháp mới cứu trụ. Đạo tràng không quan trọng! Phải biết điều này. Nếu

đạo tràng quan trọng vì sao thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni không thành lập đạo tràng? Ngài thành lập đạo tràng thì quá dễ! Gia tộc Phật là Vương tộc có thừa khả năng thành lập đạo tràng cho ngài. Lại nữa, trong hàng đệ tử qui y với Phật có mười sáu vị đại quốc vương, mỗi vị này có thể kiến lập đạo tràng cho Phật cũng không phải khó.

- Vì sao Phật suốt đời không có đạo tràng, đều sống trong rừng cây, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày chỉ ăn một bữa, mãi đến khi nhập diệt, đức Phật cũng ở trong rừng, không ở trong phòng?

- Quả thật, đức Phật đã thực hiện một cách triệt để cho chúng ta thấy. Đây là nói đến sự tu hành chân chánh, chúng ta không thể sánh được với ngài.

Ngày nay, chúng ta ở trong phòng phải sinh tâm hổ thẹn, như vậy có thể không tinh tấn, phấn đấu ư?! Thật ra, kiến lập đạo tràng cũng cần thiết. Nhưng, kiến lập như thế nào? Phải kiến lập trường học! Phải biết Phật pháp truyền đến Trung Quốc, tự viện am đường đều là trường học. Nơi cất kinh điển cũng cần phải bảo quản cẩn thận, nên cần có thư viện, nhà Phật gọi là “Tàng Kinh Các” hay “Tàng Kinh Lô”, tại đây là nơi cúng dường Pháp Bảo, là nơi kiến trúc chủ yếu của đạo tràng. Chánh điện là phòng học. Đại Hùng Bửu Điện là nơi tập hội, cũng có thể làm phòng học lớn. Nếu thành lập đạo tràng, tôi chủ trương xây dựng trường học. Phật pháp phải hướng đến hiện đại hóa, hướng đến văn hóa bản địa. Đây không phải là tôi đề xướng mà Phật pháp vốn là như vậy!

Phật pháp ở quốc gia nào, diện mạo của tượng Phật phải giống tượng mạo của người ở đó, như vậy mới có cảm giác thân thiện. Quan sát tường tận: Ở Trung Quốc tạc tượng Phật, Bồ Tát giống người Trung Quốc; Nhật Bản tạc tượng Phật, Bồ Tát giống người Nhật Bản; tượng Phật của Thái Lan giống người Thái Lan; tượng Phật của Miến Điện giống người Miến Điện v.v... Đó là “Bản

địa hóa”. Hình thức của đạo tràng không những phải “Bản địa hóa” mà còn phải “Hiện đại hóa”.

- Những đạo tràng danh sơn cổ sát thời xưa lưu lại có thể làm đạo tràng để chánh pháp cứu trụ chăng?

- Không thể!

- Vì sao?

- Vì người tham quan du lịch quá nhiều! Đón tiếp từ sáng đến tối không ngớt; người nào cũng bận rộn đến không còn tinh thần, làm gì có thời gian để niệm Phật, xem kinh, nghiên cứu giáo lý kinh điển!

- Như vậy có tốt chăng?

- Rất tốt! Tiếp tục làm!

Đây là cách nghĩ của tôi: Khôi phục lại tất cả đạo tràng ngày xưa, đều đưa vào địa danh du lịch. Đối với người trong nước cũng như ngoài nước, tiến hành cơ hội giáo dục. Người đến tham quan du lịch, giới thiệu cho họ biết về những hình tượng Phật, Bồ Tát này, những nghệ thuật này tượng trưng cho điều gì? Nói cho mọi người biết ý nghĩa biểu pháp của nó. Đây là dạy! Người đến tham quan du lịch là đã nộp học phí, nhất định phải học được chút gì đó khi trở về, đừng để họ thất vọng!

Đối với vấn đề “chánh pháp cứu trụ”, tốt nhất là thành lập trường Đại học, bắt chước theo “Thành Đại học” của phương Tây; như ở Mỹ tôi đã thấy có rất nhiều, trong đó một trường Đại học chính là một thành thị. Do phương tiện giao thông phát triển, lập “Thành phố Đại học” không cần phải nhiều. Như ở Trung Quốc rộng lớn, chỉ cần thành lập mười đạo tràng là đủ. Mười tông phái, mỗi tông phái xây dựng một đạo tràng, ai muốn theo tông phái nào thì đến đạo tràng đó học tập. Trong đạo tràng nhất định phải có giải môn lẫn hành môn,

phải chia làm hai bộ phận: Một bên là Học Viện; một bên là Học Hội. “Học Hội” là tu hành; “Học viện” là nghiên cứu kinh giáo, phát triển theo hướng này rất hay.

Nếu quốc gia phát triển theo mục tiêu này, trước tiên cần phải thành lập viện nghiên cứu bồi dưỡng thầy, cô giáo. Kiến thiết phần cứng thì rất dễ, có tiền là làm được, nhưng ai đứng ra giảng dạy?! Đây là vấn đề! Cho nên, phải thành lập viện nghiên cứu đào tạo thầy, cô giáo. Mỗi tông phái có khoảng năm, sáu mươi thầy, cô giáo là đủ. “Thành Đại Học” nếu có thể kiến tạo, hy vọng mười tông phái, mỗi tông phái đều có khoảng từ năm mươi đến một trăm thầy, cô giáo; như vậy giáo dục Phật Giáo sẽ được hưng thịnh. Đây gọi là “*Thỉnh Phật trụ thế*”.

Hiện nay dạy học, thiết bị quan trọng nhất là truyền hình vệ tinh. Mười Tông phái chính là mười Học Viện. Mười Học Viện họp lại thành một Đại học Tôn giáo. Trong trường có truyền hình vệ tinh, có mạng internet. Mỗi tiết học, mỗi tông phái có thể sở hữu vài kinh, khiến tất cả đại chúng có cơ hội “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Làm được như vậy, chúng ta có lý do tin rằng: Mười năm sau, thời đại này sẽ xuất hiện cao tăng, đại đức hơn hẳn thời cổ đại, bất kỳ thời đại nào cũng không sánh được, không phải không làm được!

Ngày xưa, muốn nghe một bộ kinh thật rất khó khăn! Nghe xong một lần muốn nghe lần nữa cũng không thể được! Bây giờ chúng ta có thể ghi âm, ghi hình lại; muốn nghe một trăm lần, một ngàn lần cũng không có gì khó khăn. Quả như cổ nhân nói: “Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”. Điều này cổ nhân không làm được, người bây giờ có thể làm được. Phương pháp này rất hay! Mỗi ngày hai mươi bốn giờ không ngừng phát sóng, lúc nào rảnh thì lúc đó

học, hoàn toàn không bỏ phí thời gian, chỉ cần biết vận dụng, đây là điều chúng ta có thể làm được.

Người người đều học; người người đều thành Phật, đều thành Bồ Tát, đây chẳng phải là chánh pháp cứu trụ đó ư? Phương pháp này không phải tôi nghĩ ra. Trước đây, thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi; lúc đó chỉ có Ti-vi trắng đen, ông nói: Công cụ này rất tuyệt nhưng phải biết sử dụng nó. Dùng phương pháp này để giảng kinh, đưa Phật pháp vào mỗi gia đình, họ không cần phải bôn ba lui tới đạo tràng, ở nhà cũng có thể xem, có thể học tập. Lúc đó tôi không dám nghĩ đến vì giá thành của nó rất cao, phải tốn không biết bao nhiêu tiền, tiền đâu mà nhiều như thế! Không ngờ, ngày nay khoa học kỹ thuật càng phát triển, giá thành không ngừng hạ thấp.

Vào Tết năm 2003, chúng ta đã bắt đầu dùng truyền hình vệ tinh, phát sóng đến nay (năm 2011) đã được chín năm, đã có rất nhiều người nhận được lợi ích. Cho nên, dùng công cụ này có thể phát huy hiệu quả rất lớn, khiến người đồng chí hướng trên toàn thế giới có thể cùng nhau học tập. Mỗi năm có thể tổ chức một đại hội chia sẻ tâm đắc tu học, đồng viên lẫn nhau, thời gian không cần dài, khoảng một tuần là đủ. Đồng tu từ các nơi trên thế giới qui tụ về, cùng nhau gặp gỡ, học hỏi, giao lưu, thảo luận, làm quen lẫn nhau. Có thể thuê một địa điểm lớn có thể dung nạp từ năm đến mười ngàn người.

Chân thật hoằng nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là bảy nguyện đầu tiên; ba nguyện sau cùng là hồi hướng, trong đây không có tự ngã, không có cầu danh, không cầu công danh phú quý.

- Chúng ta làm sao báo đáp được Phật ân?

- Đó chính là khiến cho chánh pháp cứu trụ, phổ độ chúng sinh.

Thường Tùy Phật Học: Tức là không được xa rời Phật; Phật là tự tánh của chúng ta. Đại sư Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”: đầy đủ vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai*”, hoàn toàn tương ứng với câu nói này của Đại sư Huệ Năng. Trí tuệ không phải từ bên ngoài vào; bên ngoài không có trí tuệ mà là trong tự tánh vốn có; không những có trí tuệ, còn có đức năng, có đạo đức, có năng lực, có tướng hảo; mọi thứ đều đầy đủ không khiếm khuyết thứ gì.

Các nhà khoa học nói với chúng ta; giữa vũ trụ này chỉ có ba thứ: Năng lượng, tin tức và vật chất. Đại sư Huệ Năng nói ra ba thứ còn siêu việt hơn ba thứ của khoa học nêu ra.

- Vì sao? Vì ba thứ mà họ nói là “*sở sanh*”; ba thứ mà Huệ Năng nói là “*Năng sanh*”, không giống nhau. Trí tuệ năng sanh vạn pháp; đức năng năng sanh vạn pháp, tướng hảo năng sanh vạn pháp.

- Ngày nay tự tánh chúng ta cũng vốn tự đầy đủ sao không khởi tác dụng?!

- Vì chân tâm có chướng ngại! Chướng ngại là vọng tâm. Vọng tâm làm chủ nên chân tâm không khởi được tác dụng!

- Vọng tâm là gì?

- Là tự tư tự lợi, tham-sân-si-mạn, ngũ dục lục trần. Những thứ này chi phối tất cả nên trí tuệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh không thể hiện tiền.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà không thể chứng đắc*”. Không thể chứng đắc chính là trí tuệ, đức năng trong tự tánh không thể hiện tiền. Đại sư Huệ Năng dựa vào đâu mà kiến tánh? Chính là nhờ buông bỏ ba thứ này! Ngài rất tuyệt! Cùng một lúc buông bỏ tất cả, đó gọi là “*đốn xả*”, “*đốn*

ngộ”, “đốn chứng”. Điều này người thông thường không làm được! Chỉ có thể buông bỏ một ít, buông bỏ khoảng mười năm, hai mươi năm v.v... công phu sẽ dần dần đắc lực, đây gọi là “tiệm tu”. Trường hợp như đức Phật Thích Ca và Đại sư Huệ Năng thị hiện là “Đốn xả”, “Đốn ngộ”, “Đốn chứng”. Chư vị Tổ sư, đại đức thị hiện cho chúng ta thấy là “Tiệm tu”.

Tóm lại, phải “*thường tùy Phật học*”; không thường tùy Phật học sẽ học theo thói thế gian, đặc biệt là người bây giờ học theo Ti-vi, học theo mạng internet. Nội dung trong đó toàn là bạo lực, sắc tình, sát, đạo, dâm, vọng dẫn dắt ta vào tam đồ, ác đạo! Nếu chúng ta có truyền hình vệ tinh, có mạng internet; nội dung của chúng ta là dạy Kinh Phật, dạy kinh điển của tôn giáo, dạy truyền thống văn hóa; mọi người đều học với thánh nhân. Mỗi ngày mở Ti-vi, mở mạng internet là tiếp xúc với Thánh Hiền, họ dần dần trở thành Thánh Hiền, chỉ xem chúng ta dạy như thế nào? Vì vậy bồi dưỡng thầy, cô giáo là quan trọng hơn bất cứ điều gì. “*Thường tùy Phật học*” là đào tạo thầy, cô giáo, là phương pháp duy nhất.

Bản thân tôi trong đời này, ngoài Phật pháp ra, ít nhất là năm mươi năm tôi không tiếp xúc với bất kỳ điều gì thuộc về thế gian, đoạn tuyệt hẳn với quan hệ truyền thông: Không xem Ti-vi, không nghe tin tức, không xem báo chí, tạp chí, đoạn tuyệt tất cả. Có một vài tin tức quan trọng đều do đồng học trích lục ra mấy trang đưa cho tôi xem. Tôi không bỏ phí thời gian vào mấy việc này. Tất cả thời gian đều tập trung vào việc học tập kinh Phật, kinh điển Thánh Hiền. Suốt sáu mươi năm chưa từng có ngày nào gián đoạn. Nhờ vậy mới có được chút ít thành tựu như ngày hôm nay.

Thời trẻ, thể lực không tệ, mỗi ngày tôi có thể giảng kinh chín tiếng đồng hồ. Khi tôi còn ở Mỹ, Los Angeles, ngày thường mọi người bận đi làm, nên mỗi thứ bảy và chủ nhật, tôi giảng kinh chín

tiếng; ngày thường cũng vậy: Sáng giảng ba tiếng; chiều ba tiếng; buổi tối ba tiếng. Ngày thường tôi dạy cho người lớn tuổi đã nghỉ hưu: Năm, ba người cũng giảng; một người cũng giảng. không nhất định phải đứng trên bục giảng, như vậy bản thân mới thành tựu.

Trước đây thầy Lý dạy tôi: Mỗi ngày phải giảng ít nhất là một tiếng đồng hồ, không được gián đoạn. Lúc ở Đài Loan, tôi từng có thời gian rất dài, khoảng ba, bốn năm, lên lớp mỗi tuần hơn ba mươi tiếng đồng hồ. Bây giờ tuổi tác đã cao, tôi vẫn có thể giảng bốn tiếng một ngày. Đây đều là “*thường tùy Phật học*”. Bản thân chúng ta phải thành tựu Phật pháp, phải khiến chánh pháp cứu trợ lợi ích tất cả chúng sinh. Học Viện của chúng ta phải lấy câu này làm mục tiêu tu học.

“Hằng thuận chúng sinh”: Tập khí chúng sinh rất nặng! Nếu không tùy thuận họ là đoạn tuyệt nhân duyên với họ, cho dù ta có tu hành tốt đến đâu họ cũng không muốn tiếp cận, không muốn học theo nên phải tùy thuận họ. “Hằng” là không có điều kiện, vĩnh viễn thuận theo chúng sinh, đặc biệt là trong xã hội hiện nay.

Tôi di dân đến Úc châu, sau sự kiện mười một tháng chín phát sinh, hiệu trưởng Đại học Côn-sĩ-Lan (Queensland?) đã phái hai vị giáo thọ đến tìm tôi. Tôi nghĩ: Chắc họ biết tôi từng ở Singapore khoảng ba năm rưỡi, giúp Singapore đoàn kết chín tôn giáo, cho nên mời tôi cùng với giáo thọ của Học Viện Hòa Bình cử hành một buổi tọa đàm. Tôi đồng ý tham gia. Nghe báo cáo của họ mới biết trong trường Đại học có Học Viện Hòa Bình. Toàn thế giới chỉ có tám trường Đại học có Học Viện Hòa Bình, trước đây chưa từng nghe nói. Chủ đề họ nghiên cứu là “*tiêu diệt xung đột*”, đưa đến nền an định hòa bình cho thế giới.

Học viện này có nghiên cứu sinh, có học vị Tiến sĩ. Sau khi những sinh viên này tốt nghiệp, đại đa số đều làm việc cho Liên Hiệp

Quốc về công tác ngoại giao. Trước đây, phương pháp hóa giải xung đột của họ là quan niệm của người phương Tây, dùng vũ lực trấn áp, trả thù đưa đến tệ hại là chiến tranh khủng bố! Nên họ biết phương cách này không thể giải quyết vấn đề mà còn đưa sự việc đến ngày càng nghiêm trọng hơn! Họ thật sự muốn tìm giải pháp hòa bình cho thế giới. Sau khi báo cáo xong, họ để tôi nói. Tôi nói: Vấn đề này giống như bác sĩ trị bệnh, nhất định phải tìm ra nguyên nhân của căn bệnh, tùy bệnh cho thuốc mới có hiệu quả. Hiện tại, tôi cảm thấy quý vị chưa tìm ra nguyên nhân xung đột nên khó giải quyết vấn đề!

- Nguyên nhân là gì?

- Tôi nói: Căn nguyên là xuất phát từ trong gia đình! Họ cảm thấy rất kinh ngạc! Xưa nay chưa từng nghĩ đến xung đột phát sinh từ trong gia đình.

Tôi nói với họ, gồm mười chín vị giáo thọ và mấy nhân viên làm việc, tổng cộng khoảng trên hai mươi người:- Chắc quý vị đều biết, hiện nay nước Mỹ, mức độ ly hôn rất cao, chúng ta đừng xem nhẹ tần suất ly hôn này, nó có nguồn gốc của sự xung đột! Bạn xem! Vợ chồng xung đột nhất định dẫn đến cha con xung đột, anh em xung đột, xóm làng xung đột, những người này đi vào xã hội có thể không xung đột với người khác sao?! Họ không hề nghĩ đến điều này nên sau khi nghe xong cảm thấy rất có lý. Tôi nói:

- Còn có nguyên nhân sâu xa hơn!

- Đó là gì?

- Tôi nói: Là xung đột giữa bản thân và bản thân quý vị! Người xưa gọi là xung đột giữa “*bản tánh*” và “*tập tánh*”. “*Bản tánh*” là thiện, “*tập tánh*” là bất thiện. Thiện và bất thiện xung đột! Phiên dịch vấn đề này rất khó, không dễ chút nào! Họ không có khái niệm này!

Sau cùng tôi đưa ra câu hỏi để chứng minh, chẳng hạn như: Nếu có sự lợi ích ngay trước mắt, ý niệm đầu tiên ta nghĩ là tự lợi hay lợi tha? Đương nhiên là tự lợi! Như vậy thì tôi muốn tự lợi, bạn cũng muốn tự lợi. Phải chăng bạn và tôi đã phát sinh xung đột?! Họ hiểu được vấn đề!

Tôi nói: Nếu không đặt tự lợi lên hàng đầu mà mọi người đều nghĩ đến lợi tha, xung đột sẽ không còn! Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân! Sau khi hội nghị đó kết thúc, nhà trường lại mời tôi tuần sau đến nữa. Lần này đến, nhà trường đã chuẩn bị thư mời, mời tôi làm giáo thọ cho trường của họ, lại còn tặng học vị cho tôi. Tôi nói: Những điều này không cần thiết! Cả hai vị hiệu trưởng trường Đại học đối với tôi rất tốt, họ nhất định bắt tôi phải nhận. Tôi hỏi: Vì sao? Họ nói: - Vì những lý niệm của thầy có thể giúp Liên Hiệp Quốc giải quyết vấn đề! Hy vọng thầy có thể đại diện trường, đại diện Úc châu tham gia hội nghị Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc. Liên Hiệp Quốc mời toàn chuyên gia, học giả, họ không mời Hòa Thượng, cho nên nhất định phải nhận học vị giáo thọ này, thầy mới đủ tư cách tham dự Hội Nghị Hòa Bình Liên Hiệp Quốc; và tôi đã đồng ý!

Tính đến nay (năm 2011), tôi đã tham gia hơn mười lần Hội Nghị Hòa Bình Liên Hiệp Quốc, chúng tôi đem phương pháp của chư vị Thánh Hiền xưa chia sẻ với mọi người, làm thế nào hóa giải xung đột từ bản thân cho đến gia đình, xã hội, quốc gia, dân tộc đến sự chung sống hòa bình trên thế giới. Họ nghe xong đều rất hoan hỉ; nhưng sau Hội nghị, lúc ngồi lại dùng cơm, họ nói: - Thầy ơi! Những gì thầy nói rất hay, nhưng đó chỉ là lý tưởng, không thực hành được! Họ không có niềm tin! Vậy phải làm sao?!

Nghĩ đến hiện nay mọi người đều tin khoa học. Điều duy nhất khoa học cần là chứng cứ; không có chứng cứ họ sẽ không tin!

Vấn đề này đốc thúc tôi phải làm một cuộc thí nghiệm. Chúng tôi thật sự tìm ra một địa phương nhỏ để bắt đầu thúc đẩy nền giáo dục văn hóa truyền thống, dùng “Đệ tử qui” làm thí nghiệm.

Khu vực này là một tiểu trấn có tám vạn bốn ngàn cư dân. Tôi để tất cả nam nữ, già trẻ, các ngành nghề ở địa phương này đều đến học “Đệ tử qui”. Dự tính từ hai đến ba năm mới có hiệu quả; không ngờ nhờ đức của Tổ tông và Tam Bảo gia trì, chưa đến bốn tháng, hiệu quả đã vượt trội.

Chúng tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Lúc đó, tâm mọi người đều dấy lên câu hỏi: Sao con người lại dễ dạy đến thế! Vừa dạy là đã biết quay đầu! Chứng minh điều trong Tam Tự Kinh nói: “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*” không sai chút nào! Tánh người vốn thiện; bất thiện là “*tập tánh*”. Chúng ta đem vấn đề này nói rõ ràng minh bạch, thực hiện cho mọi người thấy, họ liền tin ngay!

Tháng mười năm 2006, chúng tôi nhận lời mời của Liên Hiệp Quốc tại Tổng Bộ Giáo Khoa Văn Paris, chúng tôi báo cáo tường tận về lần thí nghiệm ở Thang Trì, báo cáo hết tám tiếng đồng hồ và ba ngày triển lãm, khiến cho một trăm chín mươi hai vị đại biểu và đặc sứ các nước tham dự Tổ Chức Giáo Khoa Văn đều muốn đích thân đến Thang Trì khảo sát, xem thử thí nghiệm đã thành công này. Cho nên, “*Hằng thuận chúng sinh*” nhất định phải thuận theo họ, thực hiện cho họ thấy họ sẽ tin! Không làm cho họ sinh khởi tín tâm, vấn đề sẽ rất khó thành tựu. Điều này có lợi ích cho xã hội, cho quốc gia, cho nền hòa bình trên toàn thế giới.

Phổ giai hồi hướng:

- Thí nghiệm ở Thang Trì thành tựu; có thể tự cho mình có công lao chăng?
- Không thể!

Tôi nói với tất cả thầy, cô giáo: Thí nghiệm này thành công không phải do năng lực của chúng ta mà chính nhờ âm đức của Tổ tông, sức gia trì của Tam Bảo, chúng ta mới gặt hái được kết quả nhanh chóng đến như vậy! Các thầy, cô giáo của chúng tôi đều không tệ, họ rất có tu dưỡng, đều tiếp thu lý niệm này! Mọi người đều thừa nhận: Đây là Tổ đức, chứng minh truyền thống văn hóa xưa, tuy đã bị lơ là, lãng quên cả hàng trăm năm nhưng nền tảng vẫn còn. Thí nghiệm của chúng tôi đã khơi lại nền tảng bị vùi lấp này.

Tuy trung tâm đóng cửa, các thầy cô giáo này được Malaysia mời qua bên đó để tiếp tục dạy học. Họ có nhân duyên rất sâu với Malaysia, vì ở đó có hơn một ngàn trường tiểu học Hoa Kiều dạy tiếng Trung và sáu mươi một trường Trung học. Các vị hiệu trưởng và thầy giáo này có đến Thang Trì học tập khi chúng tôi làm thí nghiệm. Họ đến học rất đông, có khoảng hơn năm trăm người. Họ học tập suốt mấy tháng nên ấn tượng của họ đối với sự việc này rất sâu sắc, cho nên không ngần ngại, mời tất cả thầy, cô giáo của trung tâm qua bên đó tiếp tục dạy.

Lần này, có đồng tu ở đây tặng một miếng đất mười ba mẫu Anh, mười ba hectare, khoảng gần tám trăm mẫu của Trung Quốc. Chúng tôi chuẩn bị thành lập trường học. Tôi đến xem rồi, rất hoan hỉ! Tôi nói: Nếu thành lập trường học phải mở rộng phạm vi, tôi đặt tên cho nó là Viện Hán Học Malaysia; mọi người đều tán thành. Ở đây, chuyên môn đào tạo sư phạm; toàn thế giới có rất nhiều nơi cần người có chuyên môn về Hán học nhưng không có thầy giáo.

Chúng ta toàn tâm, toàn ý đào tạo thầy giáo; những chuyện khác đều không làm, chỉ làm một việc này. Phần hành chánh của nhà trường để những người bản địa phát tâm đảm nhiệm. Chúng ta chỉ quản lý việc dạy học. Tất cả đều giữ thân phận giáo viên, không quản lý hành chánh, như vậy mới có thể chuyên tâm. Quản lý hành chánh

phải lo lắng đủ điều, rất dễ bị phân tâm, gây chướng ngại cho việc tu học của bản thân. Đây là phương pháp mà hôm nay chúng ta nói về “*Phổ giai hồi hương*”, cũng là “*Hồi hương thực tế*”, nghĩa là làm thế nào thực hành nó ngay lúc này, giai đoạn này, ngay giờ phút này, tại đây. Lần này, tôi giảng về Phổ Hiền Thập Nguyện, không giống với trước đây. Lần giảng này có bao hàm ý nghĩa “Bản địa hóa” và “Hiện đại hóa”.

Tóm lại, ba câu sau cùng của Thập Đại Nguyện Vương là hồi hương:

- Một là hồi hương Bồ Đề (tức “Thường tùy Phật học”).
- Hai là hồi hương chúng sinh (là “Hằng thuận chúng sinh”).
- Ba là hồi hương tự tánh (là “Phổ giai hồi hương”).

Điểm thù thắng nhất của Thập Đại Nguyện Vương là dẫn dắt chúng ta vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên, vãng sinh thế giới Cực Lạc không thể không đầy đủ mười nguyện của Phổ Hiền.

Các vị Đại sĩ như vậy của cõi Cực Lạc “*tuy sanh tha phương thế giới*” (tuy sinh trong những thế giới ở phương khác), “*bị hoằng thệ khai*” (khoác giáp hoằng thệ), câu này chỉ cho Bồ Tát ở cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư vào trong biển sinh tử, đây là thừa nguyện tái sinh, đều được nguyện lực của đức Phật A Di Đà gia trì, nên họ “*vĩnh ly ác thú*” (vĩnh viễn thoát khỏi ác đạo). “*Vĩnh ly ác thú*” không có nghĩa là không vào trong ác đạo mà là nhân của ác đạo không còn; quả báo ác đạo cũng không còn.

Chúng ta biết: Bồ Tát trong cõi Thật Báo vô công dụng hạnh, hoàn toàn không giống với người tu hành trong mười pháp giới. Người trong mười pháp giới có qui củ, oai nghi hữu tác; chính là họ có tu, có hành, có chứng, có phân biệt, có chấp trước, tất cả đều có.

Bồ Tát trong cõi Thật Báo chính là Phật, họ đều đạt được không khởi tâm, không vọng niệm, đều hành đạo Phổ Hiền. Phổ Hiền là xứng tánh viên mãn; “Phổ Hiền đạo” (đạo Phổ Hiền) là chứng đắc viên mãn.

Thử nghĩ: Sáu căn họ tiếp xúc với cảnh giới sáu trần hoàn toàn không có khởi tâm động niệm thì đâu còn gì để tu. Phân biệt là từ khởi tâm động niệm mà sinh; chấp trước cũng từ phân biệt mà có. Khi khởi tâm động niệm không có thì lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Họ chính là Như Như Pháp Thân Phật. Trong tánh đức của họ đầy đủ viên mãn Thập Đại Nguyên Vương, mỗi nguyên đều viên mãn, đều nhiếp tất cả pháp, “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”.

“Khoác giáp hoàng thệ, nhập biển sinh tử” là chỉ cho Bồ Tát ở cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư, không phải ở cõi Thật Báo. Bồ Tát cõi Thật Báo không cần “khoác giáp hoàng thệ”, cũng không cần “nhập biển sinh tử”; họ đều không “xuất” không “nhập”, đây mới thật sự gọi là “nhập”. Có “xuất” có “nhập” là chưa nhập; không có “xuất”, “nhập” mới thật sự nhập. Hoàn toàn là chúng sinh có “cảm”, họ liền có “ứng”. Đáng dùng thân gì để độ, họ liền hiện thân đó, không phải làm theo ý muốn của mình.

- Là ý của ai?

- Ý của đối phương! “*Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng*”, Kinh Lăng Nghiêm nói như thế, không phải ý của mình.

Nếu có ý của mình, đó là cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện. Vì sao? Vì họ chưa thấy được chân tánh, vẫn dùng A-lại-da! Chúng ta biết: “*Khoác giáp hoàng thệ, nhập biển sinh tử*” là Bồ Tát cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư ở thế giới Cực Lạc, năng lực giáo hóa của họ hầu như không khác với Bồ Tát ở cõi Thật Báo, đó là nhờ bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, không phải do chính họ tu được. Đương nhiên họ cũng đang tu, đến khi nào họ tu thành tựu sẽ

nhập vào cõi Thật Báo, lúc bấy giờ mới thật sự là do sức công phu của chính họ tu được.

Phật lực gia trì ở hai tầng dưới, chính là cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư. Thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm cũng chính là do hai cõi này hoàn toàn khác biệt với mười phương thế giới: Tuy sinh vào thế giới tha phương, hoặc hiện thân vào cõi uế (cõi uế tức là lục đạo), nhưng nhờ nguyện lực của Phật A Di Đà gia trì nên khi họ khởi tác dụng đều rất giống với Phật A Di Đà, việc này thù thắng không gì bằng! Tuy ở trong ác đạo, nhưng lìa ác đạo; ở trong ba đường ác nhưng lìa ba đường ác. Thị hiện trong ba đường ác chính là họ đang diễn kịch không phải thật chịu khổ, vì họ không có quả báo này.

Họ vĩnh viễn trú trong cõi Thật Báo, niềm vui họ hưởng được không khác gì với cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đây đều nhờ oai thần của Phật A Di Đà gia trì. “*Các các tùy kỳ ý lạc*”; “kỳ” ở đây là chúng sinh, nghĩa là “*hằng thuận chúng sinh, tùy hỉ công đức*”. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tùy chúng sinh tâm*” tức là “*Tùy kỳ ý lạc*”; “*ứng sở tri lượng*” nghĩa là: Hoặc thị hiện thuyết pháp, hoặc thị hiện đang nghe pháp, hoặc “hiện Thần Túc” v.v... Chữ “Thần Túc” ở đây là “thần kỳ”, không phải thần thông. Nếu đem nó xem là thần thông thì sai rồi!

“Thần Túc” ở chỗ này có thể giải thích là đầy đủ rất nhiều phương tiện khéo léo; giống như trong giảng đường, chúng ta lợi dụng đường truyền, trực tiếp phát sóng đi khắp thế giới. Trên đường truyền, số người nghe so với hiện trường chúng ta không biết gấp bao nhiêu lần. Đồng thời chúng ta đem băng ghi hình này nhanh chóng làm thành đĩa lưu thông khắp nơi. Đây là thuộc về “Thần Túc”; cũng có thể dùng phương thức biểu diễn sân khấu đạt đến hiệu quả của giáo dục, bằng cách đem nội dung trong kinh điển biến thành

kịch bản, viết thành phim truyện dài tập. Tôi tin tưởng người xem sẽ càng nhiều, sẽ rất dễ dàng tiếp nhận, hiệu quả còn thù thắng hơn so với chúng ta giảng ở nơi này. Đây đều là phương pháp của “hiện Thần Túc”.

“*Tùy ý tu tập*”: “tu” là tu sửa lỗi lầm, tu sửa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình. “tập” là luyện tập, học tập đời sống của Phật, Bồ Tát; học tập đời sống của trí tuệ; học tập đời sống nghệ thuật, vậy mới viên mãn. Hai câu sau cùng “*nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác) là tổng kết hai nguyện phía trước.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sinh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện. Thập phương chư Phật ứng niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, người sinh trong nước tôi, tất cả thức ăn, y phục, các thứ vật cúng, nghĩ tới liền có, không điều gì chẳng được mãn nguyện. Mười phương chư Phật ứng niệm nhận lấy sự cúng dường của người ấy. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đoạn Kinh văn này có hai nguyện. Từ “*Ngã tác Phật thời*” đến “*vô bất mãn nguyện*”, đây là nguyện thứ ba mươi bảy “*y thực tự chí*” (quần áo, thức ăn tự đến). Tiếp theo là “*thập phương chư Phật ứng niệm thọ kỳ cúng dường*” là nguyện thứ ba mươi tám “*ứng niệm thọ cúng*”.

Trong nguyện “*y thực tự chí*”, Hoàng Niệm lão đã nêu trích dẫn của năm bản dịch: Tống, Đường, Hán, Ngô, Ngụy để giải thích như sau:

Chữ “*âm thực, y phục*” (thức ăn, y phục) trích trong bản Tống dịch, “*chủng chủng cúng cụ*” (các thứ vật cúng) trích từ bản Đường dịch. Nguyện hai mươi ba trong bản Hán dịch được ghi như sau: “*Ngã quốc chư Bồ Tát dục phạn thời, tắc thất bảo bát trung, sanh tự nhiên bách vị phạn thực tại tiền. Thực dĩ, bát giai tự nhiên khứ*” (Các vị Bồ Tát trong nước ta, lúc muốn ăn thì cơm trăm vị tự nhiên hóa sanh trong bát bằng bảy báu hiện ra trước mặt. Ăn xong, bát tự nhiên biến mất -Nguyện thứ hai mươi bốn trong bản Ngô dịch chép giống như vậy). Nguyện thứ ba mươi tám trong bản Ngụy dịch lại chép như sau: “*Quốc trung thiên nhân, dục đắc y phục, tùy niệm tức chi như Phật sở tán ứng pháp diệu phục, tự nhiên tại thân. Hữu cầu tài, phùng, đảo, nhiễm, hoán trạc giả, bất thủ Chánh Giác*”. (Trời, người trong nước muốn được y phục, hễ nghĩ đến liền có, tự nhiên trên thân. Khoác áo đẹp để đúng pháp như Phật khen ngợi. Nếu còn phải cắt, may, đập, nhuộm, giặt giũ thì chẳng lấy Chánh Giác). Bản Hội tập này chọn lấy những nghĩa trọng yếu của năm bản dịch để tổng hợp thành nguyện này, đặt tên là nguyện “*y thực tự chí*” (quần áo, thức ăn tự đến).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trên đây là đại nguyện nói rõ y báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. “*Bách vị phạn thực*” (cơm trăm vị), “*trăm vị*” ở đây là hình dung từ.

- Ai ăn cơm có một trăm món thức ăn?

- Xưa kia Hoàng Đế ăn cơm, mỗi bữa đều có một trăm món, không được thiếu! Bát đựng thức ăn không lớn, giống như một chiếc đĩa nhỏ. Tuy tôi chưa thấy, nhưng từng thấy khoảng một nửa.

- Ai mời tôi ăn cơm?

- Trước đây Đại sứ Úc châu, đặc sứ Võ Thao. Khi tôi đến Bắc Kinh để thăm ông, ông mời tôi ăn cơm tối. Khi tôi đến, khách chỉ có mình tôi.

- Dọn lên bao nhiêu món ăn?

- Khoảng bốn mươi lăm món! Mỗi món đều đựng trong đĩa nhỏ bày lên trên bàn. Tôi liền hiểu ngay ngay xưa trong Hoàng cung, Hoàng Đế ăn cơm như thế nào, mỗi bữa ăn: Âm thực một trăm vị là đãi ngộ của Đế Vương.

“*Ứng pháp diệu phục*”, “*ứng pháp*” là “hàng thuận chúng sinh”. Khi giáo hóa chúng sinh, chúng sinh trong khu vực này mặc y phục thế nào? Lễ phục ra sao? Ý niệm họ vừa khởi thì tự nhiên trên thân khoác áo như vậy. Quả thật là tuyệt diệu! Không cần phải đi mua, chọn vải, may, đo, giặt giũ v.v... các thứ đều không cần. Thật là tự tại!

Chúng ta sống trên thế gian này, mỗi người đều vì cơm áo, đi đứng v.v... mà lo nghĩ. Như trên kinh nói: Không có ruộng đất thì mong cầu có ruộng đất; không có tiền thì mong cầu có được của tiền v.v... Mỗi ngày tư lự, cần phấn khởi cực làm việc, đều vì những thứ này, do vậy mà không thể chuyên tâm học đạo, như trên kinh Phật nói: “Bần cùng học đạo khó”. Người giàu sang thì mỗi ngày chỉ đắm mình trong hưởng thụ năm dục, sáu trần nên lơ là đi việc tu hành, đây là “Hào quý học đạo nan!” (giàu sang học đạo khó!).

Tóm lại, nghèo hay giàu học đạo đều không dễ dàng! Nhất là ở xã hội hiện tại, học đạo lại càng khó! Khoa học kỹ thuật càng phát triển thì sự tham muốn hưởng thụ vật chất của con người càng cao, thật không có bờ mé! Sự việc này, nếu tỉ mỉ mà quan sát, tư duy: Hậu quả thật không thể nào lường được! Đây chẳng phải là việc tốt! Thử nghĩ:

- Vì sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cho đến các vị Tổ sư, đại đức đều dạy chúng ta đời sống giản dị. Đâu phải họ không có trí tuệ, không có năng lực, không hiểu được khoa học kỹ thuật! Thật sự, họ trí tuệ, thông minh gấp vạn, vạn lần so với các nhà khoa học hiện nay.

- Vì sao họ không phát triển?

- Hiện tại chúng ta mới cảm nhận được sâu sắc cái hại của văn minh khoa học kỹ thuật, mới hoác nhiên đại ngộ: Thì ra Phật, Bồ Tát cùng Thánh Hiền nhân dạy chúng ta trải qua đời sống nguyên thủy tự nhiên, đây là đời sống chân thật khoẻ mạnh, chân thật là đời sống của con người.

Hiện tại, nói lời này đại khái chỉ có ông bà già bảy, tám mươi tuổi nghe qua mới gật đầu cho đây là rất có đạo lý. Nhưng đối với người trẻ tuổi thì không được! Họ không thể tiếp nhận, cho rằng đó là lỗi thời, không hợp khoa học, không hợp thực tế! Đây là hiện tượng rất tự nhiên! Họ vừa sinh ra liền bị khoa học mê hoặc rồi! Mê đã quá sâu! Mê đã quá lâu! Không thể quay đầu lại! Người già bảy, tám mươi tuổi, bạn thử hỏi họ xem:

- Cách nay khoảng sáu, bảy mươi năm, lúc họ còn trẻ, thức ăn, nước uống có giống như thời đại này không?

- Hoàn toàn không như nhau! Rau cải, cơm gạo v.v... sáu, bảy mươi năm trước mùi vị rất tươi ngon, rất bổ dưỡng. Hiện tại, rau gạo xem ra đẹp hơn trước nhưng không có mùi vị! Vì sao? Vì sử dụng quá nhiều phân hóa học, thuốc trừ sâu v.v... Những thứ này ăn vào, không những không bổ dưỡng mà còn sinh bệnh! Bệnh từ miệng vào! Bạn xem có đáng sợ không?!

Hiện nay, trong nước uống có rất nhiều chất hóa học, khác hẳn trước kia không có nước máy. Ở trên núi thì uống nước suối.

Trong đô thị thì uống nước sông, nước giếng. Nếu nước không được trong, họ dùng phèn chua để lắng nước, sau vài giờ, nước rất trong có thể uống không cần phải đun sôi. Tôi nhớ lại, lúc nhỏ khi còn học tiểu học, học sơ trung, làm gì có nước đun sôi để uống?! Chỉ là nước sông, xách lên liền uống được, không có vi khuẩn gây bệnh, chất nước tốt, rất khoẻ mạnh, mùi vị ngon. Hiện tại, thức ăn nước uống không còn nguyên vị, ngày tháng làm sao mà dễ qua chứ!

Thế gian này còn gì để lưu luyến?! Hoàn cảnh đại tự nhiên đã hoàn toàn bị phá hoại! Hồi nhớ lại làm sao chẳng chạnh lòng! Lời nói này, lão Minh Sơn, ngài thể hội còn sâu hơn tôi, ngài lớn hơn tôi mười mấy tuổi. Thế giới ngày nay, lòng người biến đổi, hoàn cảnh đời sống đều chuyển biến đến một trăm tám mươi độ! Sự chuyển biến này không theo đường hướng tốt mà ngược lại! Người có tâm từ bi tránh sao không lo lắng, cảm thán! Địa cầu này hiện tại muốn tìm một hoàn cảnh thanh tịnh, đích thực không dễ gì có! Càng là một đất nước mở cửa thì càng không có! Cái gọi là khu vực lạc hậu may ra còn giữ được một ít đời sống trước kia.

Tôi đã đi qua rất nhiều nơi, tôi thích Úc châu. Úc châu mãi đến hiện tại vẫn chưa bị ô nhiễm. Chính phủ Úc rất thông minh, họ phát triển công thương nghiệp, biết được chỗ hại của nó. Úc châu đến nay vẫn là một xã hội nông nghiệp; ăn uống, đi đứng vẫn giữ hình thái nguyên thủy, rất đáng yêu! Mảnh đất này cũng được thiên nhiên ưu đãi: Đất rộng, người thưa. Đất đai của họ đại khái gần bằng Trung Quốc, cũng gần bằng Mỹ. Nhân khẩu toàn quốc chỉ có một ngàn bảy trăm vạn, ít hơn so với Đài Loan (Đài Loan có hai ngàn hai trăm vạn người). Do đất rộng, người thưa nên không bị ô nhiễm. Nơi đó, mới chân thật thấy được trời xanh, mây trắng. Nơi đó, hơn hai trăm năm qua không có chiến tranh; giữa người và người rất hoan hỉ, thân thiết, rất thành thật, rất trung hậu, tri túc thường lạc. Các khu

vực khác đều không thấy cái hiện tượng này. Cho nên, đến Úc châu cũng như đi trên con đường làng vậy! Thân thiết vô cùng!

Đọc đến đoạn kinh văn này, nghĩ đến đời sống hiện tại, chúng ta nhất định phải di dân đến thế giới Tây Phương Cực Lạc; Úc châu cũng không thể sánh bằng! “**Sở tu ẩm thực, y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện**” (Tất cả thức ăn, y phục, các thứ vật cúng, nghĩ tới liền có, không điều gì chẳng được mãn nguyện). Kinh văn chỉ nêu vài thí dụ: Khi đến thế giới Cực Lạc, những nhu cầu trong cuộc sống thường ngày, tất cả đều đầy đủ, không cần một chút tâm lo lắng.

Thế gian lo lắng trùng trùng! Thế giới Tây Phương Cực Lạc là “*biến hóa sở tác*”, nghĩ áo được áo, nghĩ ăn được ăn, muốn thứ gì, ý niệm vừa khởi, lập tức thứ ấy liền bày ra trước mắt, đây là “*biến hóa sở tác*”. Ăn xong, vật dụng thức ăn đều biến mất, không cần phải rửa. Rất thần thoại! Kỳ thật, sự việc này rất phù hợp với chứng minh của khoa học.

Ngày nay, khoa học gia nói với chúng ta: Vật chất và năng lượng có thể chuyển biến hỗ tương lẫn nhau. Năng lượng có thể biến thành vật chất; vật chất cũng có thể biến thành năng lượng. Lý luận của đạn hạt nhân chính là căn cứ vào sự kiên này mà phát minh ra. Cũng chính là nói: Họ đã làm được đem vật chất giải phóng thành năng lượng. Tuy nhiên làm thế nào đem năng lượng hồi phục thành vật chất thì họ không có biện pháp, tuy biết rằng vẫn có thể làm được!

Năng lượng trong không trung dùng không hết, giống như ảo thuật, nó có thể biến thành vật dụng ngay trước mắt chúng ta. Thật ra trong đây ngầm đưa ra một tin tức rất quan trọng: Vật chất là giả, không thật! Vật chất do năng lượng biến hóa ra nên vật chất cũng có thể trở thành năng lượng. Do đây có thể thấy khoa học của thế giới Tây Phương Cực Lạc đã đạt đến đỉnh điểm, mỗi người đều có thể

dùng ý niệm, biến năng lượng của mình thành vật chất: Khi cần mọi thứ đều có; khi không cần, tất cả đều biến mất. Đây là môi trường sống ở thế giới Cực Lạc.

Chúng ta ở thế gian này chịu khổ, chịu nạn! Khi đi du lịch còn mang theo một ba lô lớn, tự mình không mang nổi phải nhờ người khác mang giúp, bạn xem có phiền phức chẳng?! Chúng ta biết Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc du hành khắp biến pháp giới, hư không giới, họ không mang theo gì, nhưng họ muốn gì được nấy. Chúng ta phải nhanh chóng đến đây, đừng lưu luyến thế giới Ta Bà này để chịu khổ. Sinh đến Tây Phương Cực Lạc, được oai thần bổn nguyện của đức Phật A Di Đà gia trì (bổn nguyện ở đây chính là nguyện thứ ba mươi bảy này), bỗng chốc liền biến thành khoa học gia đệ nhất đẳng.

Có năng lực này, tận hư không khắp pháp giới, chân thật là lấy không hết, dùng không cạn! Vừa nghĩ liền có; lúc không dùng tự động những vật chất này biến thành năng lượng, không cần phải sử dụng máy móc chi cả. Đây mới là trí tuệ chân thật, là khoa học cao đẳng. Chúng ta sâu sắc tin tưởng thế giới Cực Lạc là thật, quyết không phải huyền tưởng. Kinh Đại thừa thường nói: *“Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh”*, thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là như vậy.

Sách Hội Sớ chú giải lời nguyện của bản Ngụy dịch như sau: *“Vì sao Phật lại phát ra lời nguyện này? Vì ngài thấy trong các cõi, con người khổ sở muôn bề vì cái ăn, cái mặc, bốn mùa chẳng được yên ổn, cả một đời nhọc nhằn tham cầu. Huống hồ cấy cây lúa xuống là vùi chết mấy ngàn sinh mạng, trong vạc đun vô lượng kén tằm, cứ thế mà chìm đắm mãi không biết đâu là bến bờ, chịu khổ vô cùng. Vì vậy, Phật nguyện rằng Thánh chúng trong cõi ngài cơm, áo, nhà cửa tùy ý hiện ra trước mặt. Áo mặc, cơm ăn đều là pháp để trợ đạo”*.

“Chủng chủng cúng cụ” (các thứ vật cúng): Chữ “cúng cụ” chính là lễ vật. Trên kinh thường nêu vài thí dụ như: hoa, hương,

tràng phan, bảo cái, chuỗi ngọc, thiên nhạc, ngọc cụ (đồ trải để nằm) v.v... đều thuộc về vật dụng để cúng dường. Những vật dụng này đều “*tùy ý tức chi*” (tùy ý hiện đến) nhằm thỏa nguyện vọng cúng dường. Chân thật là vui sướng không gì bằng! Thế gian này quá khổ! Gánh vác của thân tâm quá nặng, áp lực lên đời sống vật chất cũng như tinh thần khiến người mệt đứt cả hơi! Khoa học càng phát triển, áp lực càng trầm trọng!

Người Mỹ sinh ra là có nợ! Chết rồi vẫn trả không hết! Vật dụng, nhà ở của họ đều mua trả góp! Mỗi ngày từ sớm đến tối kiếm tiền trả nợ! Trả cả đời cũng trả không hết! Đến lúc không trả nổi thì ngân hàng đến xiết nợ, đem tài sản của họ phát mãi hết! Họ không còn thứ gì! Thật đáng thương! Xã hội nước Mỹ là giàu mà không vui! Cái vui của họ là giả! Là tự tìm cái khổ! Thế giới Tây Phương Cực Lạc không thứ gì mà không được mãn nguyện. Sau khi hiểu rồi, chúng ta phải giác ngộ, phải hạ quyết tâm, một đời này nhất định phải đi.

- Có thể đi được không?

- Người xưa nói: Pháp môn này, vạn người tu vạn người đi, không sót một người nào! Quan trọng là bạn có quyết tâm hay không? Có như lý, như pháp, thật tu, thật làm hay không? Đây là vấn đề! Do đây có thể biết: Kinh, không thể không đọc! Kinh, không thể không giảng! Đọc được rất thuần thục, thế nhưng không hiểu, cũng không được! Phải thâm giải nghĩa thú; thâm giải nghĩa thú càng sâu, bạn tu hành càng như lý, như pháp, càng được tự tại.

Bản Ngộ dịch: “*Dục đắc tự nhiên vạn chủng chi vật, tức giai tại tiền, trì dụng cúng dường chư Phật*” (Muốn được tự nhiên có muôn vật thì chúng đều hiện ra trước mặt để cảm đem cúng dường chư Phật).

“*Dục đắc*” (muốn được), chữ “dục” này thật ra chỉ là một “hu từ”. Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, cho dù là cõi “Phàm Thánh Đồng cư”, “hạ hạ phẩm vãng sinh”, họ không còn có sự tham muốn, nhờ oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, chẳng những họ không có tham muốn mà đến tập khí cũng đều không còn. Mười phương chư Phật Như Lai có cảm, những Bồ Tát này liền có ứng; cảm ứng đạo giao! Đi đánh lễ Phật, nhất định có cúng dường; không khởi tâm động niệm, những vật cúng dường này tự nhiên hiện tiền, như bản Tổng dịch: “*Ngã dĩ thần lực linh thứ cúng cụ tự chỉ tha phương chư Phật diện tiền, nhất nhất cúng dường*” (Ta (là A Di Đà Phật) dùng thần lực khiến các vật cúng này tự nhiên đến trước chư Phật ở phương khác, cúng dường mỗi đức Phật). Vì vậy, hội bản ghi là: “*Tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện*” (Nghĩ tới liền có, không gì chẳng được mãn nguyện). “*Tùy ý*”, chữ “ý” ở đây, theo Hòa Thượng Tịnh Không, không phải là ý thức mà là tánh đức tự nhiên hiển lộ ra ngoài.

“***Thập phương chư Phật ứng niệm thọ kỳ cúng dường***” (Mười phương chư Phật nhận lấy sự cúng dường của người ấy). Đây là nguyện thứ ba mươi tám “*ứng niệm thọ cúng*”. Trong phần này Hoàng Niệm lão đã nêu ra hai bản dịch của Tổng và Ngụy và giải thích như sau:

Bản Tổng dịch ghi nguyện này là:

“*Sở hữu Bồ Tát phát đại đạo tâm, dục dĩ chân châu, anh lạc, bảo cái, tràng phan, y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thang dược, hương, hoa, kỹ nhạc, thừa sự cúng dường tha phương thế giới, vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn nhi bất năng vãng. Ngã u nhĩ thời, linh bỉ tha phương chư Phật Thế Tôn các thụ thủ tý, chí ngã sát trung, thọ thị cúng dường, linh bỉ tức đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Tất cả Bồ Tát phát đại đạo tâm muốn dùng chân châu, anh lạc, lọng báu, tràng phan, y phục, đồ trải nằm, thức ăn, thuốc men, hương hoa,

âm nhạc để thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn trong thế giới phương khác mà chẳng qua được chỗ các ngài, thì ta ngay trong khi ấy khiến cho các đức Phật Thế Tôn đó đều duỗi cánh tay đến tận cõi ta, nhận lấy sự cúng dường ấy, khiến cho các Bồ Tát ấy mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Lời nguyện trong bản Tổng dịch thật đã hiển thị sâu xa thần lực của Phật.

Bản Nguyện dịch ghi: “*Nhất phát niệm khoảnh, cúng dường vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn, nhi bất thất định ý*” (Trong khoảng khởi lên một niệm, cúng dường vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn mà chẳng mất định ý). Đây là nói về tự lực. Như vậy, nhân dân cõi Cực Lạc hoặc do Phật lực gia bị, hoặc do tự lực viên mãn đều có thể tùy tâm nghĩ tưởng cúng dường khắp các đức Phật.

Câu “*Thập phương chư Phật ứng niệm thọ kỳ cúng dường*” (Thập phương chư Phật, ứng niệm nhận lấy sự cúng dường của người ấy) đã hiển thị sâu xa ý nghĩa: Phật và chúng sinh bất nhị. Cảm ứng đạo giao: Ý niệm cúng Phật vừa khởi lên, chư Phật đã nhận lấy rồi. Đốn tu, đốn chứng, nhân quả đồng thời.

Sau đây là phần giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không về hai bản Tổng dịch và Nguyện dịch như sau:

Trong các dụng cụ cúng dường nêu ở phần trên, chúng ta nhất định phải hiểu được ý nghĩa biểu pháp của nó.

Vì sao dùng **trần châu, anh lạc**, những châu báu này để cúng dường? Chư Phật thích những thứ này chẳng?

- Không phải!
- Bản thân Bồ Tát thích chẳng?
- Cũng không phải!

- Châu báu tượng trưng điều gì?

- Tượng trưng cho Pháp là “Bảo”, là cung kính “Pháp Bảo”. Pháp là do Phật nói. “Phật” cũng là “Bảo”, “Phật Bảo”. Tất cả tăng chúng chân thật như pháp tu hành là “Tăng Bảo”; gọi chung là Tam Bảo. Đây là dùng tâm chân thành của mình để cúng dường; sự biểu trưng bên ngoài không quan trọng. Đức Phật tiếp nhận ta cúng dường là tiếp nhận tâm chân thành của ta, không phải xem vật cúng dường.

Bảo cái: “Cái” hình tròn giống như chiếc dù, không những có thể che nắng còn có thể che bụi. Nói như hiện nay, thì đây là “môi trường phòng bị ô nhiễm”, lấy ý nghĩa này. Ta đứng dưới “Bảo cái” phòng bị ô nhiễm bên ngoài, cũng chính là phòng bị ô nhiễm của “Ngũ dục lục trần”.

Tràng phan: Giống như lá cờ hiệu. “Tràng” có hình tròn, hơi giống ống gió của sân bay. “Phan” và “Tràng” đều treo trên cánh cờ dùng để báo tin. Nếu “Phan” được treo lên cánh cờ, có nghĩa là hôm nay đạo tràng có Pháp hội, có giảng kinh, ai thích nghe kinh thì đến. Phật pháp là sư đạo; sư đạo chỉ quan tâm đến người học, không quan tâm trước đây họ đã học gì.

Hiện nay, thầy giáo đều chiêu sinh; tự xưng mình là thầy, có thể dạy mọi người. Phật không có thái độ này! Nếu bạn tìm đến thỉnh giáo, Phật sẽ tận tâm tận lực mà giải đáp cho bạn. Thánh Hiền, Phật, Bồ Tát đều rất khiêm tốn! Nếu ở đây hôm nay có pháp hội, giảng kinh, thuyết pháp, họ bèn treo “tràng” lên ngằm thông báo cho mọi người biết; nếu ai thích nghe thì đến. Cho nên, dùng “tràng phan” là phương cách để thông tin.

Âm thực, thuốc thang là tượng trưng cho “*Pháp vị*”. Đạo tràng giảng kinh gọi là “*Pháp yến*” (giống như yến tiệc), ném đủ “*âm thực, thuốc thang*” là ném đủ “*Pháp vị*”.

Hương: Tượng trưng cho “*Giới-Định chân hương*”.

Hoa: Tượng trưng “*thiện nhân thiện quả*”. Hoa là thực vật: khai hoa trước, kết trái sau. Hoa nở đẹp, nhất định kết trái tốt. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng ta là “Hoa”; chúng ta tinh tấn tu hành tương lai nhất định có quả.

Kỹ nhạc: Là ca hát biểu diễn trên vũ đài, dùng nó để cúng dường, tượng trưng “chư Phật du hí thần thông”.

Những vật dụng cúng dường trên đây đều hàm ý nghĩa biểu pháp. Tất cả đều là giáo dục, nhưng không cần nói lên một lời nào. Nếu hiểu được ý nghĩa trong đây, khi nhìn thấy đều được lợi ích, có người còn khai ngộ. “*Thừa sự cúng dường tha phương thế giới, vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ni bất năng vãng*” (Thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn trong thế giới phương khác mà chẳng qua được chỗ các Ngài): Đây là chỉ cho chư vị Bồ Tát ở cõi Phương Tiện và cõi Đồng cư, họ muốn cúng dường tất cả chư Phật Thế Tôn ở thế giới phương khác mà chẳng đến được.

“*Ngã u nhĩ thời*”: Ta ngay khi ấy (“ta” là Phật A Di Đà tự xưng), khiến chư Phật của thế giới tha phương (chữ “khiến” ở đây không phải là ra mệnh lệnh mà hoàn toàn cung kính khởi thỉnh tất cả chư Phật Như Lai ở tha phương), mỗi vị đều đưa tay vào trong cõi nước nhận sự cúng dường. Thật tuyệt diệu vô cùng!

“*Linh bi tha phương chư Phật Thế Tôn các thư thủ tỳ, chí ngã sát trung, thọ thị cúng dường, linh bi tốc đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Khiến cho các đức Phật Thế Tôn ở thế giới phương khác đều duỗi cánh tay đến tận cõi ta, nhận lấy sự cúng dường ấy, khiến cho các Bồ Tát ấy mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác): Chữ “bi” chỉ cho chư vị Bồ Tát phát đại đạo tâm cúng dường chư Phật, nhanh chóng được A Nậu Đa La Tam Miệu

Tam Bồ Đề tức *Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*. Mỗi người chứng được không giống nhau. Trong đây có ba vấn đề:

1. Tam Bồ Đề là Chánh Giác. Chư Bồ Tát ở cõi Đồng cư rất nhiều người chứng được Chánh Giác. Chánh Giác là phẩm vị ngang bằng với Tiểu thừa A-la-hán hoặc Đại Thừa Bồ Tát Thất Tín Vị. Lên cao hơn là:

2. Tam Miệu Tam Bồ Đề: “Tam” là “Chánh”; “Miệu” là “Đẳng”. Tam Miệu Tam Bồ Đề là Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ Bát Tín vị đến Đẳng Giác, Tam Miệu Tam Bồ Đề có hơn bốn mươi địa vị.

Một cách nói khác; từ cõi Phương Tiện và cõi Đồng cư: Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín; ba vị thứ này là Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tiếp tục nâng cao đến Sơ Trụ trở lên thì không còn ở cõi Phương Tiện mà ở cõi Thật Báo. Vì vậy, Viên giáo Sơ Trụ đến Đẳng Giác đều thuộc về A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (“A” là vô, “Nậu Đa la” là “Thượng”) là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là đã thành Phật. Vị Phật này là Phật thật không phải giả.

Nên biết trong mười pháp giới, tất cả đều dùng A-lại-da thức; chúng ta gọi là “ba tâm hai ý”. “Ba tâm” là A-lại-da, Mạt na và ý thức. “Hai ý” là “ý thức” và “ý căn” (tức Mạt na). “Ba tâm, hai ý” là giả không thật! Phật trong mười pháp giới, Đại sư Thiên Thai gọi là “trương tợ tức Phật”, rất giống Phật nhưng không phải thật. Cõi Thật Báo dùng chân tâm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ là chân Phật, là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu tiến thêm bước nữa, hai chữ “Vô Thượng” (tức A Nậu Đa La) này họ không được dùng, có nghĩa là cõi Thật Báo vẫn là Tam Miệu Tam Bồ Đề, có thể nói như thế.

- “Vô Thượng” thì sao?

- “Vô Thượng” là một người, là “Diệu Giác vị”.

“Diệu Giác” không ở trong cõi Thật Báo, họ đã siêu việt trở về Thường Tịch Quang là cõi thứ nhất trong “Tứ Độ”; nên cõi Thật Báo so với Thường Tịch Quang cũng không phải thật. Thường Tịch Quang chính là tự tánh, nó không có bất kỳ hiện tượng nào. Nó không phải là hiện tượng tinh thần, không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên, nên chúng ta không thể nhận thức được nó. Nó tồn tại mọi lúc, mọi nơi; là lý thể, bản thể của tất cả pháp. Tất cả pháp đều từ nó sinh ra. Nó có thể sinh ra tất cả pháp nhưng không phải là tất cả pháp. Chúng ta có thể dùng màn hình Ti-vi để ví dụ:

Thường Tịch Quang ví cho màn hình; “Tứ Độ, Tam Bối, Cửu Phẩm” là hình ảnh hiển thị khác nhau trên màn hình. Không có màn hình, hình ảnh không hiện ra được. Nhưng, màn hình tuyệt đối không phải hình ảnh. Chúng ta nhất định phải biết: Chỉ có buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mới thấy được tự tánh. Nếu không buông bỏ, cho dù dùng bất cứ loại máy móc nào để quan sát cũng không thể thấy được.

Bởi Thường Tịch Quang không phải hiện tượng vật chất nên “Nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân” không thể tiếp xúc được; nó không phải hiện tượng tinh thần nên thức thứ sáu, thức thứ bảy và A-lại-da cũng không tiếp xúc được; nó không phải hiện tượng tự nhiên, đến “Tứ phần A-lại-da” cũng không khởi tác dụng đối với nó (Tứ phần là: Kiến phần, Tướng phần, Tự Chứng phần, Chứng Tự Chứng phần).

Nhất định phải đoạn dứt khởi tâm động niệm mới thấy được tự tánh, đây gọi là minh tâm kiến tánh. Việc này không cho phép, cho dù chỉ khởi lên một ý niệm cực kỳ vi tế, như Bồ Tát Di Lặc đã nói: Trong một khảy móng tay có ba mươi hai ức một trăm ngàn niệm; tức ba trăm hai mươi triệu niệm trong một khảy móng tay. Nếu

một giây khảy được năm lần, tức trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế. Phải đoạn tận tất cả ý niệm đó.

- Đoạn tận tất cả thì sao?

- Thì ba loại hiện tượng: vật chất, tinh thần và tự nhiên đó sẽ không còn, lúc đó Thường Tịch Quang lập tức hiện tiền, chân tâm bản tánh hiện tiền. Mục đích cứu cánh của giáo dục Phật Giáo chính là đây. Cảnh giới này gọi là Diệu Giác Quả Phật, thật sự là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

3. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỗ này chúng ta liên tưởng đến:

- Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong cõi Thật Báo phải nâng cao cảnh giới như thế nào?

- Phải cúng Phật nghe pháp! Cúng Phật mà không có khởi tâm động niệm; nghe pháp, tu hành cũng không có khởi tâm động niệm, khiến “tập khí vô thi vô minh” nhạt dần cho đến sau cùng hoàn toàn biến mất. Các vị Cổ Đức gọi là “*vô công dụng đạo*”, có lẽ là cảnh giới này.

Trong bản Ngụy dịch có ghi: “*Nhất phát niệm khoảnh*” (Trong khoảng khởi lên một niệm): Đây chính là một niệm mà Bồ Tát Di Lặc nói, thời gian một niệm này cực kỳ ngắn, khoảnh nhất niệm này họ đã cúng dường tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn .

- Chư vị Thế Tôn này ở đâu?

- Ở trong Thường Tịch Quang, toàn là Diệu Giác quả vị.

Câu sau cùng rất quan trọng: “*Bất thất định ý*” (không mất định ý). là không có khởi tâm động niệm. “Khởi tâm động niệm”, không ở trong Thường Tịch Quang mà ở cõi Thật Báo. Từ những

điều này, chúng ta lãnh hội một cách sâu sắc: Tu Định rất quan trọng, đó là chân công phu! Tam Tuệ, Tam Học thật sự không lìa thiền định. Trên đề kinh:

- *Thanh Tịnh* là thiền định của hàng Nhị thừa.
- *Bình Đăng* là thiền định của Bồ Tát.
- *Giác* là thiền định của Pháp Thân Đại Sĩ trong cõi Thật Báo.

Nếu phối hợp với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mà nói thì:

- *Thanh Tịnh* là Chánh Giác.
- *Bình Đăng* là Chánh Đăng Chánh Giác.
- *Giác* là Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác đều ở trong đề kinh.

Tóm lại, chúng ta thấy nhân dân của thế giới Cực Lạc: Cõi Thật Báo là tự lực. Cõi Phương Tiện và cõi Đồng Cư là tha lực, nhờ Phật lực gia trì đều có thể tùy niệm phổ cúng chư Phật. Cúng dường là biểu trưng của tánh đức, của tâm thành; điều này rất quan trọng! Ý niệm vừa khởi, chư Phật liền nhiếp thọ xong. Đây là trong cuộc sống hàng ngày, Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc tu hành, cảm ứng đạo giao với tất cả chư Phật Như Lai khắp mười phương thế giới, nhờ vậy mà phước tuệ họ tăng trưởng nhanh chóng.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xưng lượng. Kỳ chư chúng sinh, tuy cụ thiên nhân, hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, vạn vật trong nước trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời đẹp đẽ, hình sắc đặc biệt thù thắng, vi diệu cùng cực, chẳng thể tính kể. Các chúng sinh tuy có thiên nhãn mà có thể phân biệt được hình sắc, quang tướng, danh số và nói tổng quát được (những sự trang nghiêm ấy) thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Từ nguyện ba mươi chín đến nguyện thứ bốn mươi ba là những nguyện nói về “*niếp Phật độ công đức*” (công đức của cõi Phật). Nguyện ba mươi chín là nguyện “*Trang nghiêm vô lượng*”. Năm nguyện này là cung cấp cho mọi người đạo tràng tu hành hoàn mỹ nhất, trong đó Phật là thầy, Bồ Tát là đồng học.

“*Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc*” (Lúc tôi thành Phật, vạn vật trong nước trang nghiêm, thanh tịnh sáng ngời đẹp đẽ, đặc biệt thù thắng).

Sách Hội Sớ giảng câu này như sau:

“*Nghiêm là trang nghiêm, tịnh là thanh tịnh, quang là quang minh, lệ là hoa lệ. Nghiêm tịnh là thể không như, quang lệ là hình tướng đặc biệt, lạ lùng. Dài, ngắn, vuông tròn, lớn, nhỏ v.v... là hình. Xanh, đỏ, trắng, đen, đậm, nhạt là sắc chẳng phải là thứ thể gian có được nên bảo là Thù Đặc*”. Ý nói: Thể của vạn vật chẳng cấu nhiễm nên bảo là “*ng nghiêm tịnh*”. Dùng bốn chữ “*trang nghiêm hoa lệ*” để hình dung môi trường tu học ở thế giới Cực Lạc. Nơi đó, bất luận là kiến trúc, thiết kế, đại địa cho đến cây cỏ, hoa lá đều có quang minh phóng ánh sáng nên không cần đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng mà còn rực rỡ, sáng chói hơn cả nhật nguyệt. Đây là tướng kỳ đặc mà trong thế giới tha phương không có.

“*Cùng vi cực diệu*” (Vi diệu cùng cực):

Sách Hội Sớ giảng: “*Sự như cái chấm (Sự tương nhỏ nhất như cái chấm nhỏ) đã tương tức diệu lý nên bảo là ‘cùng vi’. Tương vô lậu, tương Thật Tướng nên bảo là cực diệu*”.

Hoàng Niệm lão giải thích câu trên như sau: Ý nói hết thấy sự tương trong Cực Lạc, dầu một điểm nhỏ nhất như mảy lông, hạt bụi đều từ Thật Tế lý mà hiển hiện, chúng là diệu lý, diệu lý là chúng (hạt bụi, mảy lông) hoàn toàn bất nhị nên bảo là “*cùng vi*”. “Cùng” là tột cùng, “vi” là nhỏ nhiệm.

Và lại, hết thấy hình tướng do tâm thanh tịnh hiện ra, do công đức vô lậu của Phật A Di Đà biến hiện nên tướng của chúng là vô lậu. Mỗi mỗi hình tướng đều viên minh cụ đức, mỗi thứ đều thuộc “viên viên quả hải” (chữ “viên viên quả hải” lấy từ sách Hiển Mật Viên Thông, có nghĩa là biển vô thượng viên mãn thánh giác quả đức), Thể của chúng chính là Thật Tướng. Có tướng nhưng vô tướng; vô tướng nhưng là tướng. Vì vậy bảo là “*cực diệu*”.

Hòa Thượng Tịnh Không nói rõ ràng hơn về “*Điểm sự diệu lý tương tức*” trong Hội Sớ như sau:

- Thế nào là “*điểm sự*”? (sự như cái chấm)

- “*Như vi điểm chi sự tương*”! (Sự tương nhỏ nhất như cái chấm nhỏ).

- “*Điểm sự*” là nói đến điều gì?

- Đại khái chính là các nhà khoa học hiện nay nói về lượng tử, tiểu quang tử, là điểm rất nhỏ. Sự tương của “*vi điểm diệu lý tương tức*” là cách nói ngắn gọn của “*vi điểm là diệu lý, diệu lý là vi điểm*”. Đây chính là môn “*tương dung tương tức*” trong mười huyền môn của tông Hoa Nghiêm. Lý là tự tánh, tự tánh không hai, tánh tương nhất như.

- Nhìn từ đâu?
- Nhìn từ tiểu quang tử!

Chân tướng sự thật này, hiện nay các nhà khoa học đã phát hiện ra, chúng ta không thể không khám phục họ. Hiện nay học Phật, có nhiều vấn đề dùng khoa học ấn chứng rất dễ hiểu, khiến ta nghĩ đến:

- Ngày xưa không có ấn chứng của khoa học, sao người xưa vẫn tin, và vẫn có thể lĩnh hội được?

- Vì tâm họ thanh tịnh hơn chúng ta, họ có công phu thiền định khá thâm sâu.

Những gì các nhà lượng tử lực học phát hiện, trên thực tế chính là trong kinh nói đến A-lại-da. Chúng ta biết, công năng của đệ lục ý thức rất lớn: Bên ngoài có thể duyên đến vũ trụ, trong kinh gọi là “Pháp giới hư không giới”, bên trong có thể duyên đến A-lại-da, nhưng không duyên được tự tánh. Điều này nói lên các nhà khoa học vẫn chưa kiến tánh. Vì sao? Vì họ vẫn còn dùng tám thức, chưa buông bỏ được! Cho nên, đây là “cực hạn”, là ranh giới của vũ trụ và A-lại-da; danh từ khoa học gọi là “vũ trụ vĩ quan” và “vũ trụ vi quan”. Họ không thể đột phá được hai “cực hạn” này.

Muốn đột phá hai “cực hạn” này, Phật dạy: Phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trên phương diện phàm phu mà nói, Phật dạy chúng ta trước tiên phải buông bỏ chấp trước; tất cả pháp thế và xuất thế gian, như vậy mới đột phá được tầng đầu tiên là đột phá được luân hồi lục đạo. Luân hồi lục đạo sẽ biến mất! Vì sao? Vì nó là giả! Cảnh giới gì sẽ xuất hiện? “Tứ thánh pháp giới”: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật sẽ xuất hiện. Phật lại nói: Nếu tiếp tục buông bỏ phân biệt thì ba bậc trước của “Tứ thánh Pháp giới”

(Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) sẽ biến mất chỉ còn lại Phật trong mười pháp giới.

Nếu buông bỏ khởi tâm động niệm, Phật trong mười pháp giới cũng không còn. Cho nên, Phật trong mười pháp giới cũng là giả không thật. Thập pháp giới không còn, lúc này xuất hiện cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Thực tế mà nói: Cõi Thật Báo Trang Nghiêm này chính là trong tự tánh của chính mình hiện ra, gọi là Nhất Chân pháp giới. “Nhất Chân” này là thật chăng? “Nhất Chân” so với cái giả “Thập Pháp giới” ở trước hình như là thật! Vì sao? Vì trong “mười pháp giới” có biến hóa, thiên biến vạn hóa. Trong Nhất Chân pháp giới không có biến hóa: Thọ mạng con người rất dài, vĩnh viễn không già yếu, cây cối hoa lá xanh mãi không tàn; ở đó không có bốn mùa, không có biến đổi khí hậu, đây là cõi Thật Báo. Cõi Thật Báo (hay Nhất Chân pháp giới) là tâm hiện không có thức biến. Biến hóa là do phân biệt, chấp trước mới có biến hóa. Không có biến hóa mới là thật, có biến hóa là giả.

- Phải chăng cõi Thật Báo là vĩnh viễn tồn tại?

- Không phải! Đến khi nào đoạn tận “tập khí vô thi vô minh”, cõi Thật Báo sẽ không tồn tại. Đến sau cùng có một thứ thật, đó là tự tánh.

“*Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*” là Đại sư Huệ Năng nói. Cho nên, cõi Thật Báo vẫn còn sinh diệt, chỉ có Thường Tịch Quang (tức tự tánh) mới không có sinh diệt. Khoa học hiện nay nói về “vũ trụ vi quan” là nói về lượng tử, cũng là nói đến “Tam Tế Tướng của A-lại-da”.

- Tam Tế Tướng từ đâu mà có?

- Các nhà khoa học nói: Từ không sinh ra có!

Phật pháp nói rõ ràng hơn là: Từ tự tánh biến hiện ra. Trong kinh Đại thừa thường dùng chữ “Không” để hình dung tự tánh, chữ này rất khó hiểu! Chữ “Không” ở đây không phải là không ngộ, không có gì cả mà là “chân không diệu hữu”, nó có tất cả, cái gì cũng có nhưng ta không hề cảm nhận được! Nó “năng sinh vạn pháp”, đây gọi là “*điểm sự*” (sự như cái chấm). “*Điểm sự*”, tôi tin rằng: Đây chính là “*lượng tử*” mà các nhà lượng tử học hiện nay nói đến; trong đây “*điều lý tương tức*” chính là “*tiểu quang tử*” này.

Thời gian tồn tại của “*tiểu quang tử*” này rất ngắn. Trong điểm này viên mãn hàm chứa tin tức của toàn thể vũ trụ mà chúng ta gọi là hiện tượng tự nhiên, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần; tất cả đều bao hàm trong này. Đây chính là trong Phật pháp thường nói: “*giới tử nạp Tu Di*”, hạt cải rất nhỏ có thể đặt núi Tu Di vào đó. Nếu từ Lượng tử học mà nói: Đó không chỉ là núi Tu Di mà toàn thể vũ trụ đều ở trong một điểm nhỏ đó.

“*Tiểu quang tử*” nhỏ hơn rất nhiều so với hạt cải. Hạt cải, mắt thịt ta có thể nhìn thấy, nhưng không nhìn thấy được “*tiểu quang tử*”, phải dùng kính hiển vi cao độ, kính hiển vi thông thường không thể nhìn thấy được, trong đây chứa đựng toàn thể vũ trụ, quả thật không thể nghĩ bàn! Đây là chân tướng sự thật. Toàn thể vũ trụ giống như một mạng lưới điện, hoàn toàn tương thông lẫn nhau. Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất hay, nói đến sự hình thành của vũ trụ; “*Thể-Tướng-Dụng*” của vũ trụ:

- “*Thể*” là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Điều lý từ “*nhất thể khởi nhị dụng*”; “*nhị dụng*” chính là hiện tượng.

- Hiện tượng gì?

- Là hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất; năng lượng là hiện tượng tự nhiên. “*Sở hiện*” là hiện tượng tinh thần và hiện

tượng vật chất. Bất luận là hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất đều chứa ba loại chu biến:

- *Một là “chu biến pháp giới”*: Tức niệm vừa khởi thì chu biến pháp giới, tốc độ không gì có thể sánh được.
- *Hai là “xuất sanh vô tận”*: Xuất sanh tức là biến hóa, biến hóa vô cùng tận.
- *Ba là “hàm dung không hữu”*: Mỗi hạt tiêu quang tử “hàm không” là tâm bao thái hư; “dung hữu” là biến khắp pháp giới.

Bất kỳ một tiêu quang tử nào đều có hiện tượng của toàn thể vũ trụ. Ta không thể gọi là tin tức, vì tin tức chỉ là một loại hiện tượng. Ở đây, hiện tượng tinh thần còn có hiện tượng vật chất. Kinh nói: “Sanh Phật bất nhị”, tánh tướng không hai; “năng hiện” và “sở hiện” không phải hai; nhập “bất nhị pháp môn” nghĩa là “Nhất thể”. Biến pháp giới, hư không giới và chính mình là nhất thể. Có thể không tôn trọng họ chăng? Có thể không tán thán họ chăng?

Trong Thập Đại Nguyên Vương nói: Lễ kính, tán thán, cúng dường là “nhất thể”. Chân tướng sự thật này chỉ có Phật pháp nói một cách rõ ràng, minh bạch, thấu triệt. Đây là nói về “*diệu lý tương tức*”, cho nên gọi là “*cùng vi*”. Hai chữ này dùng rất hay: “cùng” là tột cùng, là truy tìm căn nguyên, thấu hiểu triệt để; “vi” là nhỏ nhiệm. “vi điểm” hiện nay gọi là “tiêu quang tử”. Phật pháp nói rõ ràng hơn so với các nhà khoa học.

“*Tướng vô lậu, tướng Thật Tướng nên bảo là cực diệu*”, mấy câu kinh văn này, ngày nay chúng ta dùng lượng tử vật lý để nói sẽ rất dễ lãnh hội. Bên dưới nói: “*Vi điểm của tất cả sự tướng như một sợi lông, một hạt bụi ở thế giới Cực Lạc đều hiện ra từ Lý thể Thật Tế và diệu tương tức không hai nên gọi là cùng vi*”. Câu này nói với chúng ta: Người ở thế giới Cực Lạc đều là nhà khoa học đỉnh cao, là

nhà triết học đỉnh cao, họ đều có thể “*cùng vi*” (nhìn thấu triết để đến cội nguồn), họ không giống các nhà khoa học của thế giới chúng ta, họ là thân chứng cảnh giới này, mọi vấn đề đều thấu đáo, viên mãn tuyệt diệu. Các nhà khoa học phải nhờ máy móc mới quan sát được, vì thế vẫn còn rất nhiều nghi vấn không thể giải quyết. Do đây có thể biết: Đến thế giới Cực Lạc không những thành Phật, mà Phật là gì? Phật là nhà khoa học lớn, nhà triết học lớn.

Ở đây, chúng ta nêu ra:

- “Vi điểm của tất cả sự tướng như sợi lông, hạt bụi ở thế giới Cực Lạc đều hiện ra từ Thật Tế lý thể và Diệu lý tương tức không hai”, phải chăng cũng là ở thế giới này của chúng ta?

- Đúng vậy! Không có ngoại lệ! Thế giới này của chúng ta cũng vậy!

- Cũng vậy là sao?

- Chúng ta không biết! Nhưng tất cả người ở thế giới Cực Lạc đều chứng được.

- Họ dùng gì để chứng?

- Dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác. “Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác” họ đều đạt đến cứu cánh viên mãn. Cho nên, trí tuệ của Phật, Bồ Tát không thể nghĩ bàn! Tất cả các pháp thể, xuất thế gian không gì họ không thông đạt, không gì họ không thấu triệt.

Ngày nay, chúng ta chỉ có thể nói đến “Tín, giải”. Trình độ “Tín, giải” đều không sâu, vì chúng ta thuộc về “học vấn ghi nhớ”, thấy được từ trong kinh, nghe được từ thiện tri thức giảng giải, không phải tự mình chứng được nên “Tín, giải” không sâu!

- Sao lại nói không sâu?!

- Vì không dám làm! Phật dạy chúng ta buông bỏ, chúng ta không dám buông bỏ! Nguyên nhân là tin chưa đủ sâu! Nếu tin sâu họ sẽ thật buông bỏ.

Trong kinh nói: “*Huyền tướng ở trước không hề chướng ngại, mà chướng ngại là do tâm mình!*” Buông bỏ không phải là tiêu diệt các tướng bên ngoài mà tiêu diệt tướng trong tâm, khiến tâm được khôi phục đến thanh tịnh, bình đẳng, giác, đạt đến cảnh giới “*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”, điều này mới quan trọng!

Tóm lại, trong mỗi một vi điểm đều có thế giới. Phía trước chúng ta đã học, Bồ Tát có thể đi vào thế giới vi điểm để tham học. Thế giới ngoài vi điểm cũng không thu nhỏ; thế giới trong vi điểm cũng không phóng to; lớn nhỏ không hai! Thử hỏi:

- Vũ trụ hiện nay của chúng ta là vũ trụ trong vi điểm hay vũ trụ lớn bên ngoài vi điểm?

- Nói thật là: Không một cũng không hai!

Trong kinh nói rất hay: “*Tương tức tương nhập*”. Chúng ta phải buông bỏ vọng niệm, phân biệt, chấp trước mới có thể thấy được. Đây là tánh đức, cảnh giới minh tâm kiến tánh, không những là “viên minh cụ đức” mà nhất nhất đều “viên viên quả hải”. Kinh Hoa Nghiêm gọi là “Diệu Giác Phật quả”. Chỉ có Diệu Giác Bồ Tát mới thấy được “Đương thể tức là thực tướng”.

- Thật tướng là gì?

- “*Tướng mà vô tướng; vô tướng mà tướng*”! Cho nên gọi là “cực diệu”. Tất cả mọi hiện tượng không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không.

Ngày nay, trước mắt chúng ta: Màn hình chính là “*vi điểm*”, tất cả hiện tượng trên màn hình cũng là “*vi điểm*”. Trong “*vi điểm*” có màn hình viên mãn, trong màn hình có “*vi điểm*” viên mãn.

“*Tướng tức vô tướng, vô tướng mà tướng*”, hai câu này chẳng phải ngay trước mắt chúng ta sao? Nếu có thể cảm nhận ra điều này là đã ngộ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm.

- Cảnh giới Hoa Nghiêm là gì?

- Trong màn hình hiện tượng chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”. Bất luận hiện ra hình ảnh gì: thị phi, nhiễm tịnh, thiện ác v.v... đều không tồn tại. “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” hay “*nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*”.

Cho dù:

- *Tìm chân vọng, liễu bất khả đắc!*
- *Tìm tà chánh, liễu bất khả đắc!*
- *Tìm nhiễm tịnh, liễu bất khả đắc!*
- *Tìm thiện ác cũng bất khả đắc!*

Xin chúc mừng! Bạn đã đạt được “thanh tịnh, bình đẳng, giác” tức là thành Phật. Thành Phật mới “*cùng vi cực diệu*” đây là cảnh giới của Như Lai quả địa.

“***Vô năng xướng lượng***” (Chẳng thể tính kể):

Sách Hội Sớ giảng: “*Rộng, hẹp dung nhập lẫn nhau nên bảo là chẳng thể tính kể*”.

Hoàng Niệm lão giải thích câu này như sau: Ý nói Cực Lạc thế giới hiển thị trọn vẹn “*sự sự vô ngại pháp giới*”, một tức là nhiều, nhiều tức là một, lớn-nhỏ chứa đựng lẫn nhau, rộng vào trong hẹp, hẹp vào trong rộng, trùng trùng vô tận vượt ngoài tình kiến, khả năng nhận thức của tâm tưởng, kiến giải và khả năng diễn giải của ngôn ngữ, nên chẳng thể bàn luận nổi. Vượt khỏi khả năng tư duy nên chẳng thể nghĩ nổi. Nói năng, suy nghĩ chẳng thấu suốt thì làm sao

tính kể nổi. Vì vậy bảo là “*vô năng xing lượng*” (chẳng thể tính kể nổi). Cách giải thích này quá tuyệt vời! Hoàng Niệm lão nói tiếp:

Hiển nhiên chỉ có Phật với Phật mới thấu suốt trọn hết nổi Cực Lạc Tịnh Độ. Ngoại trừ đức Phật ra, hết thầy chúng sinh: Trên thì đến bậc Đẳng Giác, giữa thì như hết thầy phàm, thánh, chúng sinh thuộc Tiểu thừa hay Đại thừa có thiên nhãn đều chẳng thể bàn định hình sắc, quang tướng, tên tuổi, số lượng cũng như chẳng thể nào liệt kê một cách tổng quát được những sự trang nghiêm đó. Vì vậy kinh nói:

“*Kỳ chư chúng sinh, tuy cụ thiên nhãn hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số, cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác*” (Các chúng sinh tuy có thiên nhãn mà có thể phân biệt được hình sắc, quang tướng, danh số và nói tổng quát được thì chẳng lấy Chánh Giác).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Quảng lượng tương nhập*” là rộng ở trong hẹp, hẹp ở trong rộng. Chúng ta thay đổi bằng hai chữ “lớn, nhỏ” thì dễ hiểu hơn. Lớn là vũ trụ, nhỏ là vi điểm. “Vi điểm” là “vi” của “cực vi” là vật chất nhỏ nhất trong hiện tượng vật chất không thể phân tích. Đây có thể là “lượng tử” mà hiện nay các nhà khoa học đề cập đến. Trong “lượng tử” hàm chứa cả toàn thể vũ trụ; trong đó vũ trụ không thu nhỏ, mà “lượng tử” cũng không phóng to.

- Làm sao có thể dung chứa được?

- Chúng ta không sao lý giải! Vũ trụ xung tánh, lượng tử cũng xung tánh. Tánh không lớn, nhỏ cho nên nó “*tương tức tương nhập*”.

Thực tế, câu này rất tuyệt! Chỉ cần không “*tư*”, không “*ngị*” là thấy được minh bạch. “*Tư*” là suy nghĩ, càng nghĩ lại càng sai! “*Ngị*” là thảo luận về nó, cũng sai! Vì sao? Vì cảnh giới này không

phải lời lẽ có thể nói được! “Ngôn ngữ đạo đoạn, có bất khả nghị” câu quan trọng nhất là “*siêu tình ly kiến*”, vượt ra ngoài tình chấp, kiến giải và khả năng diễn tả của ngôn ngữ. Ngày nay, chúng ta không thể “*siêu tình*”, cũng không thể “*ly kiến*”, cho nên đọc những điều này không hiểu! Chữ đọc không sai, ý nghĩa hình như hiểu, lại hình như không hiểu nên không được lợi ích!

Chúng ta xem trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, Truyền Đăng Lục của Thiền tông. Hòa Thượng trải nghiệm học trò, hỏi người này: “*Đạo nhất cú lai*”! Nghĩa là: Ông nói một câu tôi nghe xem! Người học trò này bắt đầu mở miệng nói. Lập tức, đánh một quyền vào miệng không cho nói!

- “*Đạo nhất cú lai*”, học trò nghĩ ra rồi sao không cho nói?!

- “*Ngôn ngữ đạo đoạn*”! Ông đạo gì chứ?!

Động tác che miệng người học trò lại, người này liền khai ngộ! Thủ pháp này rất cao minh! Nói cách khác, Hòa Thượng có thần thông, có trí tuệ nhìn thấu đũa học trò này khi nào thì sắp ngộ mà chưa ngộ, ngay thời điểm then chốt đó, chỉ thiếu một chút mà không thể khai ngộ, chiêu này vừa biểu diễn, họ liền hoác nhiên đại ngộ. Nếu chưa đến mức độ nhân duyên này, dù có bịt miệng đến ngộp thờ vẫn không khai ngộ, hà tất phải làm như thế!

Phương pháp này không phải ứng phó với bất cứ người nào, chỉ là đối với người có nhân duyên đặc thù. Muốn một người khai ngộ, phương pháp đó quả thật là thiên biến vạn hóa, không có phương pháp nhất định. Người khai ngộ họ biết, khai ngộ tức là thành Phật; minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Chúng ta chưa khai ngộ, học theo phương pháp đó của họ là sai lầm! Điều này không học được!

“*Kỳ chur chúng sinh*”: đây là nói người của thế giới Tây Phương Cực Lạc, “*tuy cụ thiên nhân*” (tuy có thiên nhân), thiên nhân của họ gần như không khác với Phật. Chúng ta đọc thấy trên kinh: “*Thiên nhân đồng thị*”, “*Thiên nhĩ triệt thính*”. Phạm vi thấy nghe của họ là tận hư không pháp giới; dùng năng lực này để biện biệt tất cả vạn sự vạn vật của thế giới Tây Phương Cực Lạc: Hình trạng, màu sắc, ánh sáng, tướng trạng, danh tự, số mục v.v... cũng không thể nào liệt kê một cách tổng quát được những sự trang nghiêm đó. Cho nên, chỉ có Phật với Phật mới thấu suốt nỗi trọn hết cõi Tây Phương Tịnh Độ.

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bách thiên do tuần, đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý. Chur Bồ Tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri. Dục kiến chur Phật tịnh quốc trang nghiêm, tất u bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, cây trong cõi nước có vô lượng màu hoặc cao đến trăm ngàn do tuần; cây đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm. Trong các Bồ Tát, dù kẻ thiện căn kém cõi vẫn có thể biết rõ. Muốn thấy sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ chur Phật thì đều thấy rõ nơi thân cây ấy như từ nơi gương sáng thấy rõ vẻ mặt. Nếu chẳng được như vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Tất cả chúng sinh đều yêu thích cây cỏ; ở thế giới Cực Lạc cũng không ngoại lệ, cây cỏ hoa lá có rất nhiều. Chương này gồm hai nguyện: Từ “*ngã tác Phật thời*” đến “*diệc năng liễu tri*” là nguyện

thứ bốn mươi “*vô lượng sắc thụ*” (cây vô lượng sắc); từ “*dục kiến*” (muốn thấy) trở đi là nguyện thứ bốn mươi một “*thụ hiện Phật sát*” (trong cây hiện cõi Phật). Từ nguyện thứ ba mươi bảy phía trước cho đến nguyện thứ bốn mươi ba đều nói y báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc. Y báo chính là môi trường cư trú, sinh sống và học tập.

Trong tập quán, người Trung Quốc thường nói phong thủy, chúng ta từ nguyện văn này có thể thể hội được phong thủy của thế giới Tây Phương Cực Lạc đích thật là tuyệt đẹp. Đây là điểm mà mười phương thế giới đều không thể sánh bằng. Cái mà nhà phong thủy gọi là “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”; hai câu này dùng vào thế giới Cực Lạc quả thật là danh phù hợp với thật, không chút khoa trương. Y báo trang nghiêm, nói thật ra, là vô lượng vô biên, A Di Đà Phật trong nguyện văn này chỉ nêu lên vài điển hình rõ rệt để thuyết minh.

- “*Đất phước người phước ở*”, chúng ta cần có bao nhiêu phước mới được vãng sinh đến Tây Phương Cực Lạc?”

- Vấn đề này quan trọng không thể lơ là!

Đại sư Liên Trì nói: “Niệm Phật chính là tu phước”

“*Quốc trung vô lượng sắc thụ, cao hoặc bách thiên do tuần*” (Cây trong cõi nước có vô lượng màu, hoặc cao đến trăm ngàn do tuần). Cây có vô lượng màu vì hết thảy các cây báu trong nước đều do bảy báu hóa thành, màu sắc rực rỡ, quang minh chiếu diệu, mọc thành hàng lối thẳng thớm, thân cây ngang nhau. Các cây báu ấy mọc đầy khắp cõi nước, cây cao từ trăm do tuần đến ngàn do tuần.

“Do tuần” là đơn vị đo lường, ở đây nói bốn mươi dặm đến sáu mươi dặm. Theo giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không: “Do tuần” của Trung Quốc có đại do tuần, trung do tuần và tiểu do tuần.

Đại do tuần là tám mươi dặm của Trung Quốc; Trung do tuần bằng sáu mươi dặm; Tiểu do tuần là bốn mươi dặm.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật ra đời là vào thời nhà Chu ở Trung Quốc. Trong lịch sử có ghi chép rất rõ: Năm Phật Thích Ca Mâu Ni ra đời là năm Giáp Dần thứ hai mươi bốn của Chu Chiêu Vương, đến khi Phật diệt độ là năm thứ năm mươi ba của Chu Mục Vương. Phật trụ thế tám mươi năm. Người xưa tính tuổi mụ tám mươi tuổi; người nước ngoài nói bảy mươi chín tuổi.

Thước đo thời nhà Chu, vào đầu năm Dân Quốc, Đại sư Hoàng Nhất có viết một bài văn là “Chu Xích Khảo”, nói cho chúng ta biết: Một mét thời nhà Chu tương đương với sáu tấc hiện nay. Thước của nhà Chu không lớn, nói cách khác: Một đại do tuần là tám mươi dặm, cũng chỉ bằng bốn mươi dặm hiện nay; một trung do tuần là ba mươi dặm; một tiểu do tuần là hai mươi dặm. Đây là dặm của Trung Quốc; nếu tính theo cây số phải giảm đi một nửa.

Như vậy, một đại do tuần là hai mươi cây số, một trung do tuần là mười lăm cây số, tiểu do tuần là mười cây số. Phi cơ hiện nay thường bay ở độ cao khoảng mười cây số, chỉ mới đến ngọn cây của thế giới Cực Lạc, quả thật là không thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể liên tưởng người ở thế giới Cực Lạc cũng cao lớn. Cây cao thì người cũng cao, như vậy mới tỷ lệ thuận. Ở Úc châu cây cũng rất cao, khoảng bằng mười mấy người; đứng dưới gốc cây nhìn lên ngọn, cảm thấy thân mình rất nhỏ bé.

Thế gian này, trong rừng nguyên sinh, có những cây thần sống trên ngàn năm, đây là đại thụ. Cây hai, ba ngàn năm chúng ta cũng thấy, vẫn sinh trưởng vô cùng tốt, chứng minh đất nơi đó phong thủy tốt khiến cây có thể sinh trưởng đến mấy ngàn năm, mỗi năm vẫn mọc ra cành mới, vẫn nở hoa mới, vẫn kết quả mới. Đất ở thế giới Tây Phương Cực Lạc thì không cần phải nói, là lưu xuất từ trong

pháp tánh cứu cánh viên mãn. Thực vật nơi đó sống tốt, người sống nơi đó sẽ thành Phật, đây là đất phước.

Thế gian này, đại đức xưa muốn chọn một nơi để xây đạo tràng hoặc cất một am tranh tự mình tu hành, phải tìm một môi trường tốt, đây chính là phong thủy. Nơi cư trú được yên ổn, không bị ngoại duyên quấy nhiễu, môi trường tốt lành, trang nghiêm có thể giúp người tu khôi phục được tâm thanh tịnh. Y báo giúp cho Chánh báo; Chánh báo lại trang nghiêm cho y báo, trở thành phong thủy tốt đẹp. Thế gian có người nói: Phong thủy trong thiên hạ đều bị nhà Phật chiếm hết rồi! Có người đến hỏi tôi:

- Phải chăng người học Phật các vị đều biết xem phong thủy? Nơi các vị cư trú đều đẹp cả.

Vấn đề này nêu ra rất hay! Tôi nói với họ:

- Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng tôi không được xem phong thủy. Trong Kinh “A Nan hỏi Phật việc tốt xấu”, Phật đã nói ra rồi: Xem tướng, chấm tử vi, đoán quẻ, xem phong thủy đều là điều mà Phật cấm kỵ. Người xuất gia tuyệt đối không xem phong thủy.

- Vì sao người xuất gia chọn địa điểm nào cũng tốt như vậy?

- Do nhờ tu “Giới-Định-Tuê” Tam Học mà chánh báo tốt. Chánh báo tốt thì y báo cũng tốt, hỗ tương lẫn nhau, cho nên nơi này sẽ càng ngày càng đẹp, đạo lý là như vậy!

Người thế gian muốn tìm một khu đất có phong thủy tốt, chắc chắn không thể tìm được! Vì sao? Vì tâm con người bất thiện! Cho dù thế đất có tốt thế mấy, họ đến ở vài năm thì phong thủy ở đó cũng trở thành xấu. Do cảnh tùy tâm chuyển! Tâm họ bất thiện, thì khu đất tốt cũng trở thành xấu! Cho nên Phật dạy chúng ta phải chuyển cảnh giới, không nên để cảnh giới chuyển. Người thế gian ưa

thích xem tướng, chắm tử vi, xem phong thủy, đây là bị cảnh giới chuyên!

“**Đạo tràng thụ cao tứ bá vạn lý**” (Cây đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm): nơi đạo tràng có một cây thụ vương (cây chúa) gọi là “Đạo tràng thụ” tức là cây Bồ Đề, là nơi đức A Di Đà Phật giảng kinh thuyết pháp. Cây bên ngoài giảng đường cũng gọi là “Đạo tràng thụ”.

Đức Phật Thích Ca ra đời ở thành Ca Tỳ La Vệ, thuộc nước Nepal hiện nay, nằm ở phía Nam của rừng Hy Mã Lạp Sơn. Phía Bắc của Hy Mã Lạp Sơn là Tây Tạng, ngày xưa thường gọi là Tây Vực (cũng chính là hướng Tây Nam của Trung Quốc). Từ phía Tây Nam của núi Chánh Giác đi khỏi bốn mươi dặm (đây là theo chú giải của cụ Hoàng. Chỗ này Hòa Thượng Tịnh Không nói là mười bốn, mười lăm dặm ?!) có một cây Tát-bát-la (Pipala), đức Phật từng ngồi dưới gốc cây ấy thành Chánh Giác, nên cây ấy được gọi là cây Bồ Đề.

Bản chú giải Kinh Duy Ma Cật của ngài Tăng Triệu, trong phần giảng về phẩm Bồ Tát Hạnh có ghi: “*Phật thành đạo dưới cội cây, cây được gọi tên là Bồ Đề. Cây ấy quang minh không đâu chẳng chiếu đến, mùi hương không đâu chẳng thơm ngát, hình sắc vi diệu tùy theo ý thích mà thấy (sai khác). Cây vang ra tiếng pháp theo ý thích của mỗi người. Đây là cây báo (quả báo) ứng (ứng hóa) của Như Lai vậy. Chúng sinh gặp được cây ấy tự nhiên ngộ đạo*”.

Hiện nay giao thông tiện lợi, rất nhiều người đến Ấn Độ chiêm bái Thánh tích. Hình như có hai, ba lần có người mời tôi đi, tôi chưa từng đến Ấn Độ, suốt đời tôi chỉ giảng kinh. Tôi cũng đi qua rất nhiều quốc gia trên thế giới, đều do người mời tôi đến giảng kinh. Xưa nay tôi không hề đi du lịch; ngoài lúc giảng kinh có thời gian rảnh thì đi loanh quanh một chút, xem phong cảnh các nơi, đó là tranh thủ thôi, mục đích không phải là đi du lịch. Những năm lại đây,

tôi cũng có khi xuất ngoại, đa phần đều là tham gia Hội Nghị Hòa Bình quốc tế, Hội nghị tôn giáo, cũng không phải đi du lịch. Tôi tin rằng rất nhiều đồng tu đều đã chiêm bái Thánh tích đương thời của Thế Tôn : Bồ Đề thọ vẫn còn; những di tích ngày xưa nơi đức Phật giảng kinh như núi Linh Thứu, vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc v.v... đều vẫn tồn tại. Thử hỏi:

- Cây Bồ Đề ở Ấn Độ ngày nay có còn phóng ánh sáng chẳng? Có còn ngửi thấy mùi hương chẳng? Hình sắc vi diệu có còn như trong kinh nói chẳng?

- Hình như đều không có! Đức Phật Thích Ca cách chúng ta quá lâu đến ba ngàn năm, có thể ngày xưa có ánh sáng, có hương thơm, bây giờ thì không còn nữa! Đây là cách giải thích. Thật ra, câu giải thích thật sự là ở câu *“tùy theo sở thích mà thấy được”*. Rốt cuộc, vẫn là *“tất cả pháp từ tâm tưởng sinh”*. Người có tâm chân thành, cung kính, khi đi chiêm bái Thánh tích của đức Thích Ca Mâu Ni có thể nhìn thấy ánh sáng, có thể ngửi thấy mùi hương. Nếu dùng tâm nông nổi, tâm không thanh tịnh để đi chiêm bái thì chẳng cảm nhận được điều gì cả, chỉ thấy một cây Bồ Đề bình thường, không thấy được ánh sáng cũng không ngửi được hương báu của nó!

Ở đây nói: *“Cây vang ra pháp âm, tùy sở thích mỗi người mà nghe”*, đây là *“Như Lai báo ứng thọ”*. Quả thật càng vi diệu! Cây biết nói pháp *“chúng sinh gặp được tự nhiên ngộ đạo”*. Đây không phải là cây nơi đức Phật Thích Ca thành đạo mà là *“Đạo tràng thụ”* ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngồi dưới gốc cây bên ngoài giảng đường vẫn nghe cây thuyết pháp, cũng có thể ngộ đạo. Điều này nói rõ tu hành ở thế giới Cực Lạc rất dễ thành tựu. Trái lại, tu hành ở thế giới chúng ta rất khó thành tựu! Môi trường toàn là ô nhiễm trái với tánh đức, nào là: Sát, đạo, dâm, vọng, lưỡng thiệt, ý nghĩ, ác khẩu,

tham, sân, si, mạn v.v... đều là “thượng ác”, khác hẳn với thế giới Cực Lạc đều là “Thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”.

“Chư Bồ Tát trung tuy hữu thiện căn liệt giả” (Trong các Bồ Tát dù kẻ thiện căn kém cõi): Ý nói trong số Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc, cũng có người thiện căn kém. Người thiện căn kém là chỉ cho Bồ Tát “Hạ hạ phẩm vãng sinh” trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Phàm Thánh Đồng Cư Độ nếu so với Phương Tiện Độ hay Thật Báo Trang Nghiêm Độ, đó là kém. Trong Đồng Cư Độ cũng có cửu phẩm: Ba phẩm Hạ kém hơn ba phẩm Trung và ba phẩm Thượng. Người kém nhất là ở “Hạ hạ phẩm” vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư.

“Diệc năng liễu tri” (Vẫn có thể biết rõ): Theo Hòa Thượng Tịnh Không, chữ “liễu tri” ở đây còn hàm nghĩa là hưởng thụ. Bạn không hiểu biết gì về nó thì không thể bàn đến sự hưởng thụ. Câu nói này nói rõ: Phàm là người đến thế giới Cực Lạc, cho dù là ở cõi Đồng Cư, Hạ hạ phẩm vãng sinh cũng hưởng thụ hoàn cảnh vật chất ở đó như nhau.

Phần nói về thành tựu sở nguyện của Kinh Vô Lượng Thọ cũng chép: **“Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng Nhẫn, nhất Âm Hương Nhẫn, nhị Nhu Thuận Nhẫn, tam giả Vô Sanh Pháp Nhẫn”** (Lại do thấy được cây ấy nên tự nhiên đạt được ba thứ Nhẫn, một là Âm Hương Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn) Công đức của cây Bồ Đề ấy quả thật là vô thượng hi hữu, vi diệu khó nghĩ tưởng nổi, đều do bi nguyện của đức Phật A Di Đà hóa hiện ra.

“Dục kiến chư Phật tịnh quốc trang nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng” (Muốn thấy sự trang nghiêm nơi Tịnh Độ chư Phật thì đều thấy rõ nơi thân cây ấy như từ gương sáng thấy rõ vẻ mặt): Đây là nguyện thứ bốn mươi một **“Thụ hiện Phật sát”** (Cây hiện cõi Phật), cũng là cảnh giới “sự sự vô

ngại” như Kinh Hoa Nghiêm đã nói. Nguyên này giống như phép quán thứ tư trong Quán Kinh là “Bảo thọ quán”.

Hoàng Niệm lão đã tóm lược lời kinh như sau: “*Thử chư bảo thụ sanh chư diệu hoa... dững hiện chư quả, hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái. Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới nhất thiết Phật sự, thập phương Phật quốc diệc u trung hiện*” (Các cây báu ấy... sanh các đóa hoa màu nhiệm, sanh ra các quả, có đại quang minh hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu. Trong các lọng báu ấy hiện bóng hết thấy Phật sự trong tam thiên đại thiên thế giới. Mười phương cõi Phật cũng hiện trong ấy). Những cây báu được nói trong “phép quán cây báu” trong Quán Kinh chính là do nguyên này thành tựu. Nơi những cây ấy, thấy được trọn vẹn mười phương cõi Phật, rõ ràng như đối mặt với tấm gương sáng, thấy rõ về mặt mình. Cho nên, cõi Cực Lạc hàm nhiếp hết thấy cõi Phật, “tương nhập tương tức” chẳng thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh, quang oánh như kính, triệt chiếu thập phương, vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới. Chúng sinh đồ giả, sinh hy hữu tâm. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, cõi Phật tôi ở rộng rãi, nghiêm tịnh, sáng ngời như gương, chiếu thấu mười phương vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật. Chúng sinh trông thấy sinh tâm hy hữu. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Đây là nguyện thứ bốn mươi hai “*triệt chiếu thập phương*” (chiếu tốt mười phương). “*Quảng bác nghiêm tịnh*” (Rộng rãi nghiêm tịnh): “*Quảng bác*” là rộng rãi, vô biên; “*ng nghiêm tịnh*” là trang nghiêm, thanh tịnh. “*Quang oánh như kính, triệt chiếu thập phương vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới*” (Sáng ngời như gương, chiếu thấu mười phương vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật): “*Quang oánh*” là quang minh chiếu rọi rõ; “*triệt chiếu*” là không vật gì dù nhỏ nhất đến đâu hoặc cách xa thế mấy mà không thấy nổi. Ý nói cõi nước Cực Lạc trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, thanh khiết như tấm gương chiếu tường tận mười phương vô lượng vô biên cõi nước chư Phật.

Vãng sinh Luận ghi: “*Từ nơi cung điện và các lầu gác, xem thấy mười phương một cách vô ngại*”.

Đàm Loan Pháp sư giảng câu này như sau: “*Như gương sáng trong sạch, hết thấy các tướng tịnh, uế, nghiệp duyên thiện ác của mười phương quốc độ đều hiện ra cả*”.

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “*Thí như minh tịnh phát quang kim pha lê kính, dữ thập phương thế giới đẳng. Ư bi kính trung, kiến vô lượng sát. Nhất thiết sơn, xuyên, nhất thiết chúng sinh, địa ngục, ngạ quỷ, nhược hảo, nhược xú, hình loại nhược can, tất u trung hiện*”.

(Ví như tấm gương bằng chất kim pha lê sáng sạch tỏa ánh sáng, đối với mười phương thế giới đều bình đẳng. Nơi gương sáng ấy thấy vô lượng cõi. Hết thấy núi, sông, hết thấy chúng sinh, địa ngục, ngạ quỷ, dù tốt hay xấu, các hình loại nhiều như thế ấy đều hiện trong đó).

“*Chúng sinh đồ giả, sinh hi hữu tâm*” (Chúng sinh trông thấy sinh tâm hi hữu): Chữ “hi hữu” theo như Kinh Niết Bàn nói: “*Thí như thủy trung, sinh u liên hoa, phi vi hi hữu; hỏa trung sinh*

giả, thị nữ hy hữu” (Ví như trong nước mọc lên hoa sen thì chẳng là chuyện hy hữu. Hoa mọc trong lửa mới là hi hữu).

Hoàng Niệm lão giải thích chữ “chúng sinh” là chỉ nhân dân trong cõi Cực Lạc và chúng sinh trong mười phương thế giới hễ ai thấy được tướng chiếu tỏ cùng tốt mười phương của thế giới Cực Lạc, đều phát tâm Bồ Đề thù thắng vô thượng. Tâm ấy hi hữu như sen nở trong lửa, nên bảo là “*sinh hi hữu tâm*”. Đã sinh được tâm ấy ắt sẽ được, như bản Tống dịch: “*Bất cửu đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Chẳng bao lâu sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không, cung điện lầu quán, trì lưu, hoa thụ, quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới. Chúng sinh văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, dưới từ mặt đất, trên đến hư không, cung điện, lầu, quán, ao, suối, cây hoa, tất cả hết thảy vạn vật trong cõi nước đều dùng vô lượng hương báu hợp thành. Hương ấy xông khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nghe thấy đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Trên đây là nguyện thứ bốn mươi ba “*Bảo hương phổ huân*” (Hương báu xông khắp).

Sách Hội Sớ bảo trong thế giới Sa Bà “*vàng bạc tuy lóng lánh nhưng chẳng có mùi hương Chiên-đàn. Trầm, xạ tuy thơm ngát*

nhưng không có ánh sáng của châu, ngọc”. Nay trong cõi Cực Lạc, hết thấy vạn vật nghiêm tịnh, sáng đẹp, lại có mùi hương kỳ diệu ngào ngạt xông khắp mười phương làm đủ các Phật sự nên bảo là “kỳ diệu”.

“Trì lưu, hoa thụ” (Ao suối, cây, hoa): Đây là nói hoàn cảnh tốt đẹp ở Tây Phương Cực Lạc. Cây cối, hoa cỏ ở thế gian xuân sinh, hạ trưởng, mùa thu lá rụng, mùa đông lạnh lẽo, đều có thay đổi. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có thay đổi: Bốn mùa thường xuân, hoa nở vĩnh viễn không tàn; không những không tàn, hoa còn có thể biến hóa tùy thuận theo sở thích của con người. Ví như có hai người cùng đang thưởng thức ngắm hoa: Người thích màu hồng sẽ thấy đó là hoa hồng; người thích màu trắng sẽ thấy đó là hoa trắng. Tuyệt diệu vô cùng! Việc này khoa học kỹ thuật của thế giới chúng ta không làm được! Cho nên, *A Di Đà Phật là nhà khoa học vĩ đại nhất pháp giới, có thể thiên biến vạn hóa các thứ tùy theo tâm ưa thích của bạn.*

“Quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hiệp thành” (Tất cả hết thấy vạn vật trong cõi nước đều dùng vô lượng hương báu hợp thành): Thế giới Tây Phương Cực Lạc hương quang trang nghiêm, bất cứ vật chất nào cũng đều phát ra ánh sáng, thân thể cũng phát ra ánh sáng, không chỉ phóng quang còn phát ra hương thơm. Tất cả hương quang đều lưu biến khắp hư không pháp giới. Thử hỏi:

- Địa cầu chúng ta có trong hương quang đó không?

- Có!

- Vì sao chúng ta không thấy cũng không ngửi được?!

- Vì chúng ta có chướng ngại! Chướng ngại đây chính là “phiền não chướng” và “sở tri chướng”, đã ngăn lấp bản năng nhận biết vốn có của chúng ta, như con tằm có thể tiếp xúc với đại tự nhiên

và ánh sáng mặt trời bên ngoài; nhưng tiếc thay nó cứ mãi làm cái kén, tự buộc chặt mình trong đó thì không còn cách nào! Phàm phu chúng ta là loại hiện tượng này! Cho nên, chướng ngại nhất định phải tiêu trừ; chướng ngại không còn mới là phước báo chân thật, trí tuệ được khai mở thì đức năng tự tánh mới hiện tiền.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Chúc Hương bảo: “*A Na Bà Đạt trì biên xuất trầm thủy hương, danh Liên Hoa Tạng. Nhược thiêu nhất hoàn như ma tử đại, hương khí phổ huân Diêm Phù Đề giới. Chúng sinh văn giả, ly nhất thiết tội, giới phẩm thanh tịnh.*

Tuyết sơn hữu hương, danh Cự Túc Minh Tướng. Nhược hữu chúng sinh, khứu thử hương giả, kỳ tâm quyết định ly chư nhiễm trước.

La Sát giới trung hữu hương, danh Hải Tạng, kỳ hương dẫn vi Luân Chuyển Vương dụng, nhược thiêu nhất hoàn, hương khí sở huân, vương cập tứ quân, giai đẳng hư không, du chỉ tự tại.

Thiện Pháp Đường trung hữu hương, danh Hương Tánh Trang Nghiêm, nhược thiêu nhất hoàn, huân bỉ thiên chúng, phổ linh phát khởi niệm Phật chi tâm.

Tu Dạ Ma thiên trung hữu hương, danh Tịnh Tạng Tánh, nhược thiêu nhất hoàn, huân bỉ thiên chúng, mạc bất vân tập bỉ thiên vương sở, cung kính thỉnh văn vương sở thuyết pháp.

Đâu Suất thiên trung hữu hương, danh Tín Độ Phạ La. Ư nhất sanh sở hệ Bồ Tát tòa tiền, nhược thiêu nhất hoàn, hưng đại hương vân, biến phú pháp giới, phổ vũ nhất thiết chư cúng dường cụ, cúng dường nhất thiết Như Lai đạo tràng Bồ Tát chúng hội.

Diệu Biến Hóa thiên hữu hương, danh Đoạt Ý Tánh. Nhược thiêu nhất hoàn, ư thất nhật trung, phổ vũ nhất thiết bất khả tư nghị chư trang nghiêm cụ” (Nơi bờ ao A Na Bà Đạt sinh ra một loại trầm

thủy hương tên là Liên Hoa Tạng. Nếu thiêu một hoàn to bằng một hạt mè thì mùi hương xông khắp cõi Diêm Phù Đề. Chúng sinh ngửi được lia hết thủy tội, giới phẩm thanh tịnh.

Núi Tuyết có loại hương tên là Cù Túc Minh Tướng. Nếu có chúng sinh ngửi được mùi hương, tâm quyết định lia các nhiễm trước.

Trong cõi La Sát có loại hương tên là Hải Tạng, hương ấy chỉ mình Chuyển Luân Vương dùng. Nếu đốt một hoàn, mùi hương bốc lên, vua và bốn đạo binh đều bay lên hư không, du hành tự tại.

Trong Thiện Pháp Đường có loại hương tên là Hương Tánh Trang Nghiêm, nếu thiêu một hoàn, hương xông thiên chúng khiến cho tất cả bọn họ đều phát khởi tâm niệm Phật.

Trời Tu Dạ Ma có loại hương tên là Tịnh Tạng Tánh, nếu thiêu một hoàn, hương xông thiên chúng thì không ai là chẳng vân tập đến chỗ thiên vương, cung kính nghe vua thuyết pháp.

Trời Đâu Suất có loại hương tên là Tín Độ Phạ La, nếu thiêu một hoàn trước tòa của bậc Nhất Sanh Sở Hộ Bồ Tát, liền biến thành đám mây hương lớn che khắp pháp giới, mưa xuống khắp hết thủy các thứ vật cứng dường để cứng dường hết thủy Như Lai, đạo tràng, Bồ Tát chúng hội.

Trời Diệu Biến Hóa có loại hương tên Đoạt Ý Tánh, nếu thiêu một hoàn thì trong vòng bảy ngày mưa khắp hết thủy các vật trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn).

Hoàng Niệm lão tán thán: “Những thứ hương thế gian trên đây còn có công dụng thù thắng đến như thế; huống là thứ hương vạn đức của pháp giới do bốn nguyện của Phật A Di Đà Phật hóa hiện”.

Phẩm “Hương Tích Phật” của Kinh Duy Ma có chép: “*Nhĩ thời, Duy Ma Cật vấn Chúng Hương Bồ Tát: - Hương Tích Như Lai,*

dĩ hà thuyết pháp? Bỉ Bồ Tát viết: - Ngã độ Như Lai, vô văn tự thuyết, đản dĩ chúng hương linh chư thiên nhân đắc nhập Luật Hạnh. Bồ Tát các các tọa hương thụ hạ, văn thử diệu hương, tức hoạch nhất thiết Đức Tạng tam-muội”.

(Lúc bảy giờ, ngài Duy Ma Cật hỏi Chúng Hương Bồ Tát: - Hương Tích Như Lai thuyết pháp bằng cách nào?

Bồ Tát đáp:

- Như Lai trong cõi tôi chẳng dùng văn tự để nói, Ngài chỉ dùng các thứ hương khiến cho các trời, người thâm nhập Luật Hạnh. Mỗi vị Bồ Tát ngồi dưới gốc cây có mùi thơm, nghe mùi diệu hương ấy, liền đạt được hết thấy Đức Tạng Tam-Muội).

“*Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới*” (Hương ấy xông khắp mười phương thế giới): Chữ “phổ huân” (xông khắp) ý nói vĩnh hằng mà không gián đoạn mới có thể chân thật giúp chúng sinh, thành tựu chúng sinh. Nếu “một ngày nóng, một ngày lạnh” thì không làm được việc gì. Chân thật từ bi là phải vĩnh hằng huân tu không gián đoạn. Diệu hương cõi Cực Lạc có công đức vô biên, xông khắp mười phương (hiển thị “sự sự vô ngại pháp giới”) làm đủ các việc lợi ích, khiến cho “*chúng sinh văn giả giai tu Phật hạnh*” (chúng sinh nghe được mùi hương đều tu Phật hạnh). Hai chữ “Phật hạnh” này vô cùng quan trọng! Trong phẩm thứ hai mươi của kinh này có nói: “*Trần lao cấu tập tự nhiên bất khởi*”, đây chính là “Phật hạnh”.

- Cái gì là “trần lao”?

- “Trần” là ví dụ cho ô nhiễm. Hiện tại, chúng ta sống trong thế gian này, kiến trúc cho dù có hoàn thiện thế mấy, không nhiễm một trần là điều không thể tránh! Mặt bàn, một ngày không lau sờ

qua đã thấy bụi, ba ngày không lau thì rất rõ ràng. Cho nên, “trần” là biểu thị cho ô nhiễm.

- Ô nhiễm cái gì?

- Ô nhiễm tâm tánh của chúng ta!

Tâm tánh chúng ta vốn dĩ là thanh tịnh, là chân thành, là bình đẳng. Hiện tại vì sao toàn bộ đều mất hết rồi?! Bị sáu trần ô nhiễm! Sáu trần là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Những thứ này làm ô nhiễm tự tánh của chúng ta. Tâm thanh tịnh được đại tự tại, thường sinh tâm hoan hỉ. Thế nhưng, khi tâm tánh bị ô nhiễm thì tự tại, hoan hỉ không còn! Lúc này sinh ra “tình chấp”, hoàn toàn tương phản với “Trí”. Người tình chấp càng nặng thì khổ sở càng nhiều, lao nhọc suốt đời! Không chỉ cả đời còn đến đời sau, đời đời kiếp kiếp sống trong lao nhọc, không cách chi siêu việt sáu cõi luân hồi!

Hiện tại, mọi người đều biết, đạo tràng Cư Sĩ Lâm, Tịnh Tông Học Hội chúng ta ngày nay rất náo nhiệt! Duyên thù thắng! Chúng ta có duyên thì sẽ tận tâm tận lực giúp đỡ xã hội đại chúng trên cả toàn thế giới: Có duyên làm nhiều; không duyên không làm, một chút miễn cưỡng cũng không có! Tâm nguyện thanh tịnh cùng cảm ứng tương thông với chư Phật, Bồ Tát rất không thể nghĩ bàn!

Chúng ta xem thấy thật là hoan hỉ; hoan hỉ đây không phải vì chính mình, cũng không phải vì thấy đạo tràng náo nhiệt làm được rất nhiều sự việc mà hoan hỉ; mà vì thấy chúng sinh có phước, là khổ được vui. Duyên chín muồi rồi! Chúng ta phải hướng về phía trước tiến thêm một bước. Hiện tại, công tác chủ yếu của chúng ta là thúc đẩy giáo dục tôn giáo. Hy vọng mỗi tôn giáo đều tích cực giảng kinh, không riêng chỉ là hình thức tôn giáo. Nếu tôn giáo chỉ hạn cuộc trong nghi thức, nghi qui, không có giáo dục, sẽ biến thành mê tín!

Giảng đường chúng ta bắt đầu mở rộng; mỗi buổi tối và chủ nhật mỗi tuần, chúng ta mời các thầy truyền giáo của chín tôn giáo lớn ở Singapore, tuần tự đến đây giảng kinh, giảng đạo của họ. Hoan nghênh đồng tu đến nghe, càng nhiều càng tốt! Hiện tại các thầy truyền giáo đều đã chuẩn bị rồi. Chúng ta nghe họ giảng, họ cũng nghe chúng ta. Tất cả giao lưu lẫn nhau, bỏ tức lẫn nhau, giúp ích cho xã hội an định, thế giới hòa bình, thế gian này vĩnh viễn sẽ không còn chiến tranh chủng tộc, chiến tranh tôn giáo. Hai loại bất thiện này vĩnh viễn đoạn tuyệt trên địa cầu này, đây là ảnh hưởng trực tiếp. Ảnh hưởng gián tiếp cũng sẽ rất lớn, chúng ta phải nỗ lực làm!

Cư sĩ Lý Mộc Nguyên còn mong muốn vào nửa năm cuối của năm nay có thể đem loại hoạt động của chín tôn giáo này mở rộng đến mười quốc gia Á châu khu vực. Tương lai, e rằng chúng ta thăm viếng tôn giáo nước ngoài sẽ rất bận rộn. Chín tôn giáo chúng ta liên hiệp lại thăm viếng chủng tộc tôn giáo của mỗi quốc gia, thúc đẩy hòa bình, đây là thực tiễn Phật pháp Đại thừa. Mục tiêu cuối cùng của chúng ta là thúc đẩy đến toàn thế giới, hy vọng tín đồ của toàn thế giới đều có thể phá mê khai ngộ, đoạn ác tu thiện, chuyển phàm thành thánh.

Giúp chính mình, nhất định cũng phải giúp người khác, đây gọi là “Phật hạnh”. Phạm vi của “Phật hạnh” vô cùng rộng lớn, không phải chỉ giới hạn trong Phật Giáo. Phật là phổ độ tất cả chúng sinh, không phân biệt: quốc độ, màu da, tộc loại, văn hóa, tư tưởng, tôn giáo tín ngưỡng... Phật dạy chúng ta phải: Bình đẳng tôn kính, bình đẳng yêu thương, bình đẳng giúp đỡ. Bồ Tát Phổ Hiền cũng dạy chúng ta quảng tu cúng dường, bình đẳng cúng dường. Chúng ta phải cố gắng thực hiện mới là học trò tốt của Phật.

Thực tế, có rất nhiều người đọc kinh quá ít! Hoặc giả họ có đọc nhưng không thể nào hiểu được! Họ phê bình chúng ta đem tiền

đi cúng dường các tôn giáo khác, họ không thể chấp nhận! Họ chỉ trích nghiêm khắc đối với chúng ta. Chúng ta nghe rồi chỉ mỉm cười! Vì sao? Phật dạy chúng ta làm, chúng ta không làm sai! Họ không thể chấp nhận là họ không lý giải được ý của Phật! Đương nhiên, lý giải được ý của Phật thật không dễ dàng!

Kệ Khai Kinh nói “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Ngay trong mắt của Phật, Bồ Tát: Hư không pháp giới tất cả chúng sinh là một thể. Thương yêu tất cả chúng sinh, chân thật là yêu thương chính mình. Cung kính tất cả chúng sinh là cung kính chính mình. Cúng dường tất cả chúng sinh là cúng dường chính mình. Đây là chân tướng sự thật, người biết được không nhiều!

Phật dạy chúng ta “*đoạn phiền não, chứng Bồ Đề*”, mỗi người đều biết nói nhưng không làm được!

- Vì sao không làm được?

- Thấy “Thập tự giá” Giê su của Cơ Đốc giáo, bạn có chịu quì xuống lạy ba lạy không?

- Không chịu! Đó là ngoại đạo!

Vậy thì bạn đã khởi vọng tưởng, chấp trước rồi! Bạn không chịu đoạn! Nếu là người chịu đoạn, họ xem thấy cũng cung cung, kính kính lạy ba lạy. Người khác xem thấy rất kỳ lạ! Có gì kỳ lạ đâu! Đó là Phật, Bồ Tát thị hiện! Trên Kinh Hoa Nghiêm chẳng đã nói rõ ràng hay sao? Hư không pháp giới, tất cả chúng sinh “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm là Phật, thức chính là Phật, do Bồ Tát biến hiện ra. Tôi mặc y phục này, bạn gọi tôi là Pháp sư Tịnh Không; nếu mặc lên bộ cô-mê-lê thì không phải hay sao? Làm gì có đạo lý này! Chư Phật, Bồ Tát thiên biến vạn hóa, cho nên phải hiểu đạo lý này! Đây chính là đoạn phiền não. Thành tâm thành ý giúp người, tuyệt

đôi không có dụng ý, không có điều kiện, cũng không có hy vọng họ hồi báo, đây chính là thanh tịnh công đức.

- “Phật hạnh” phải làm từ chỗ nào?

- Từ “Tịnh nghiệp Tam phước” trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Làm từ “hiếu dưỡng” cha mẹ, hai chữ này rất không dễ hiểu!

- **Thế nào gọi là “hiếu”?** Có mấy người hiểu được “hiếu”?

- Trung Quốc, lão tổ tông chúng ta nêu ra, chúng ta không thể không phủ phục năm vóc sát đất! Đích thật là đầy đủ trí tuệ cao độ, nghệ thuật cao độ mới sáng kiến tạo được những danh từ này. Danh từ này là phù hiệu của trí tuệ, để bạn xem thấy chữ phù hiệu này, nghe được âm thanh này, bạn liền giác ngộ. Hiếu (孝), cái phù hiệu này: bên trên là chữ “lão”, bên dưới là chữ “tử”, có nghĩa là trên một đời cùng dưới một đời là một thể, đây gọi là “hiếu”.

Người phương Tây có đứt quãng thì không có “hiếu”. Trên một đời còn có trên một đời nữa; sau một đời còn có sau một đời nữa; quá khứ vô thi, vị lai vô chung. “Vô thi vô chung là một thể”. Đây là bản ý của chữ “hiếu”, cũng là từ phương diện thời gian mà nói. Từ phương diện không gian mà nói, chữ “hiếu”, phù hiệu này đại biểu cho “mười phương ba đời là một thể”. Cho nên, tận hiếu, hiếu dưỡng cha mẹ chỉ có Phật mới có khả năng làm được viên mãn, Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm “Sanh tướng vô minh” chưa phá, nên hiếu đạo của họ vẫn còn khiếm khuyết một phần.

Sinh mạng ta có được là nhờ cha mẹ. Tuệ mạng ta có được là nhờ thầy Tổ. Không có cha mẹ và thầy chúng ta lấy gì hiểu được đạo lý của nhân sinh, vũ trụ?! Không hiểu được những đạo lý này thì người và động vật có gì khác nhau đâu! Cho nên con người khác cầm thú ở chỗ họ rõ lý, có sư đạo, có thể tiếp nhận qua giáo dục. Phật, Bồ

Tát dạy chúng ta phải trải qua đời sống giác ngộ, đây là “*Phật hạnh*”. Phàm phu không hiểu được “*Phật hạnh*”, trải qua đời sống là phiền não, họ rất khổ sở. Cái khổ này không phải từ vật chất, là do mê mà khổ. Giáo dục của Phật pháp là phá mê khai ngộ.

Người hiện tại hiếu dưỡng cha mẹ chỉ là “hiếu dưỡng thân”, cung cấp chăm lo đời sống vật chất cho cha mẹ rất chu đáo cũng chưa là tận hiếu. Phải hiểu được “*hiếu dưỡng tâm*” của cha mẹ để cha mẹ an vui không lo lắng, thường sinh tâm hoan hỷ, vậy mới có thể tận được một chút hiếu đạo. Lúc trẻ còn đi học, bài khóa không tốt khiến cha mẹ lo lắng gọi là bất hiếu! Anh em bất hòa, chị em bạn dâu bất hòa khiến cha mẹ lo âu là bất hiếu! Bước vào xã hội làm việc không phục tùng, kính chống với chủ là bất hiếu! v.v... mới biết phạm vi chữ “Hiếu” rộng vô cùng! Càng quan trọng hơn phải biết “*dưỡng chí*” của cha mẹ, cũng chính là đáp lại kỳ vọng của cha mẹ đối với mình.

Ngạn ngữ thường nói: “Mong con trai thành rồng, mong con gái thành phụng”. Nếu không thành rồng, thành phụng thì bạn bất hiếu rồi! Rồng, phụng là thí dụ cho trí tuệ, đức hạnh của bạn. Bạn thành tựu công hiến viên mãn đối với xã hội chúng sinh khiến cha mẹ bạn vui mừng đấy là “*dưỡng chí*” của cha mẹ. “*Dưỡng chí*” làm đến đỉnh điểm, chính là bạn thành Phật, niềm vui này không có gì so sánh bằng.

Tóm lại nguyện thứ bốn mươi hai và nguyện thứ bốn mươi ba gộp chung là “*hương quang phổ nhiếp*”, có công đức vô biên, có trí tuệ vô tận, bi nguyện vô tận, phương tiện khéo léo vô tận biến mãn thập phương thế giới. Chúng sinh thấy được ánh sáng, ngửi được mùi hương đều có thể giác ngộ, có thể hồi đầu, có thể “*giai tu Phật hạnh*” (đều tu Phật hạnh). Thật không thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc thanh tịnh, giải thoát, Phổ Đẳng tam-muội, chư tâm tổng trì, trụ tam-ma-địa chí u thành Phật. Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất Định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, các hàng Bồ Tát trong cõi Phật mười phương nghe danh hiệu tôi xong ắt đều đạt được thanh tịnh, giải thoát, Phổ Đẳng tam-muội, các tổng trì sâu, trụ tam-ma-địa, thậm chí thành Phật. Trong Định thường cúng vô lượng vô biên hết thấy chư Phật, chẳng mất Định ý. Nếu chẳng được vậy, chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Trong đoạn kinh văn này, từ đầu đến “*chí u thành Phật*” (thậm chí thành Phật) là nguyện thứ bốn mươi bốn “*Phổ Đẳng tam-muội*”. Từ “*Định trung*” (trong Định) trở đi là nguyện thứ bốn mươi lăm “*Định trung cúng Phật*” (trong Định cúng Phật). Từ nguyện thứ bốn mươi bốn trở đi là những nguyện khiến cho các Bồ Tát ở ngoài thế giới Cực Lạc nghe danh hiệu Phật A Di Đà được hưởng những lợi ích thù thắng nơi pháp.

Trước hết là nguyện thứ bốn mươi bốn “*Phổ Đẳng tam-muội*”, nghe danh hiệu Phật đắc các tam-muội, nhĩ đến thành Phật. “*Thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng*” (Các hàng Bồ Tát trong các cõi Phật mười phương), câu này phải đặc biệt lưu ý: “*Bồ Tát chúng*” là ai? Chúng ta người thọ giới Bồ Tát có được xem là Bồ Tát hay không? Đây là điều trước tiên phải làm cho rõ ràng. Phật trong Kinh Kim Cang nói rất rõ: “*Nếu Bồ Tát có tướng ngã, tướng nhân,*

tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tức không phải Bồ Tát”. Đây là Thế Tôn đem tiêu chuẩn của Bồ Tát nói ra cho chúng ta rồi. Thử nghĩ: Chúng ta đã thọ giới Bồ Tát, hoặc giả xuất gia đã thọ tam đàn đại giới rồi, còn có bốn tướng này không? Nếu còn vẫn không phải là Bồ Tát thật rồi! Do vậy trong nguyện này không có phần của chúng ta!

Đại sư Thiên Thai nói về “Lục tức Phật”, Phật có sáu loại. Từ trên lý mà nói thì không có vấn đề, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, phàm có Phật tánh đều xem là Phật. Nhưng trên sự thì khác! Sự có mê, ngộ: Người mê là phàm phu, ngộ rồi mới là Phật. Trên sự mà nói thì có năm cấp bậc, trong đó: Cái thứ nhất là “*Danh tự tức Phật*”, chỉ cho người hữu danh vô thực, như chúng ta hiện nay thọ giới Bồ Tát chỉ là trên danh nghĩa sự tướng mà thôi! Chúng ta là trong “Quả vị danh tự”. Người trong “Quả vị danh tự”, bất kể bạn tu tốt thế nào cũng không thoát khỏi tam giới, cái mà bạn tu chỉ là phước báo hữu lậu trong tam giới!

- Sao gọi là “hữu lậu”

- Chính là bốn tướng bạn không buông được nên gọi là “hữu lậu”. **Bốn tướng** đó là:

1. Tướng Ngã

“*Tướng ngã*” là chấp thân này là ta, khởi tâm động niệm đều vì ta, vì lợi ích của ta; đó là tự tư tự lợi. Nói cách khác, có tự tư tự lợi là có “tướng ngã”.

2. Tướng Nhân

“*Tướng nhân*” là có đối lập, có sự khác biệt giữa ta, người và tất cả chúng sinh hữu tình, đây gọi là “tướng nhân”.

3. Tướng Chúng Sinh

Chỉ cho tất cả hiện tượng trong vũ trụ, tất cả thực vật, khoáng vật. Cái mà trong kinh Phật gọi là “Khí thể gian”, toàn bộ đều bao gồm trong đó; cũng chính là hoàn cảnh, đời sống vật chất của chúng ta. Hiện tượng hoàn cảnh này do chúng duyên hòa hợp mà sinh ra nên gọi là “tướng chúng sinh”. “Chúng sinh” này không được phép xem như là những con người hay những đồ vật mà phạm vi của nó vô cùng lớn.

4. Tướng Thọ Giả

“*Tướng thọ giả*” là chỉ thời gian: Có quá khứ, có hiện tại, có vị lai; gọi chung là ba đời.

Ngày nay, chúng ta đọc trong kinh văn đến “*Chư Bồ Tát chúng*”, chúng ta vô cùng hoan hỉ. Chữ “chư” này đã bao gồm “*Danh tự vị*”. Cách nói này, tôi căn cứ theo Đại sư Thiện Đạo trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta: “*Tam Bối vãng sinh tổng tại ngộ duyên bất đồng*”. Lời nói này rất hay! Chúng ta tuy đang là “*Danh tự vị*”, nếu gặp duyên thù thắng có thể ngay đời này trong thời gian ngắn, từ “*Danh tự vị*” đạt đến “*Quán hạnh vị*”, “*Tương tự vị*”, “*Phản chứng vị*”. Khẳng định là có khả năng này! Tham thiền được “*minh tâm kiến tánh*”, họ vào “*Phản chứng vị*”, vượt qua “*Danh tự*”, “*Quán hạnh*”, “*Tương tự*”. Người niệm Phật đến “*Lý nhất tâm bất loạn*” cũng lại như vậy. Cho nên trong “*Chư Bồ Tát chúng*” có bao gồm cả chúng ta trong đó. Việc này có căn cứ cả lý cùng sự, đáng để chúng ta quan tâm.

Ngày nay ở Singapore này gặp được duyên rất tốt, nhưng có biết bao người gặp được cũng như chưa gặp! Vì sao? Vì gặp được mà họ không tin! Họ chưa thật sự lý giải, không biết quý trọng duyên phận này, không chịu nỗ lực, cần mẫn tu học! Điều này thật đáng tiếc! Phàm phu thấp hèn, một phẩm phiền não vẫn chưa đoạn, nếu

gặp được duyên họ có thể tu, có thể hiểu, có thể hành, họ sẽ tiến bộ rất nhanh. Nên biết nguyên nhân chúng ta dừng lại rất lâu trong “*Danh tự vị*” chính là “tự tư tự lợi” không thể buông xả, nên công phu không đắc lực.

Kế đến là “*Quán hành vị*”: Đây là người làm Phật, y giáo phụng hành. Trong “*Quán hành vị*” thành tựu “công phu thành khối”, vãng sinh có phần nắm chắc. Niệm Phật vãng sinh Tây Phương Tịnh Độ, tuyệt đại đa số là Bồ Tát ở địa vị này. Nếu tiến thêm một bước nữa đến “*Tương tự vị*”: Đây là “*Kiến Tư phiền não*” họ đã đoạn rồi, chấp trước không còn nữa. Nhưng đối với tất cả pháp thế và xuất thế gian, họ vẫn còn phân biệt, đây là “*Bồ Tát tương tự*”. “*Bồ Tát tương tự vị*” vãng sinh về thế giới Cực Lạc, không phải ở “*Phàm Thánh Đồng Cư Độ*” mà là “*Phương Tiện Thánh Cư Độ*”. Tiến thêm một bước nữa: Đối với tất cả pháp thế và xuất thế gian họ không còn phân biệt, đây là “*Phần chứng vị*”. Người này đã thoát khỏi mười pháp giới, vãng sinh về Tây Phương Cực Lạc, họ ở “*Thật Báo Trang Nghiêm Độ*”.

Tóm lại, “*Phần chứng*” sinh “*Thật Báo*”; “*tương tự*” sinh “*Phương tiện*”; “*Quán hành*” sinh “*Đồng cư*”; “*Danh tự vị*” không thể vãng sinh, chỉ có thể kết duyên với A Di Đà Phật mà thôi! Chỗ này nói “*Chư Bồ Tát Chúng*”, quả vị thấp nhất là “*Quán hành vị*”. Trong chữ “*Chư*” này có: *Quán hành*, *Tương Tự*, và *Phần chứng*, ba loại Bồ Tát này.

- Sao gọi là Bồ Tát?

- Bồ Tát, danh xưng này là tiếng Ấn Độ gọi tắt của “*Bồ Đề Tát Đỏa*”.

Người Trung Quốc thích đơn giản, đem âm đuôi của “*Bồ Đề Tát Đỏa*” lược bỏ bớt, nên “*Bồ Đề*” gọi tắt là “*Bồ*”; “*Tát Đỏa*” gọi tắt là “*Tát*”. Ý nghĩa của “*Bồ Tát*” thời xưa dịch là “*chúng sinh tâm*”

đạo lớn”. “Tâm đạo lớn” vì họ phát tâm Bồ Đề nên gọi là “tâm đạo lớn”. Cách dịch mới của Đại Sư Huyền Trang: “Bồ Tát” là “Hữu tình giác”. Bởi “Tát Đỏa” là chúng sinh hữu tình; “Bồ Đề” là giác ngộ, nên “Bồ Đề Tát Đỏa” là chúng sinh hữu tình giác ngộ. Phàm phu chúng ta là chúng sinh hữu tình mê hoặc, nếu giác ngộ sẽ thành Bồ Tát ngay.

Người giác ngộ nhất định không làm ác; ý nghĩ, lời nói, việc làm của họ đều tương ứng với thập thiện. Trái lại người mê khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của họ đều tương ứng với thập ác. Chúng ta hiểu rồi, tự mình kiểm điểm bản thân sẽ biết được mình mê hay giác. Nếu mê thì không phải Bồ Tát, dù có niệm Phật cũng chưa chắc vãng sinh! Vì sao? Vì nghiệp lực đang lôi kéo bạn! Bạn không thể thoát khỏi luân hồi! Tây Phương Tịnh Độ tuy nói “Đói nghiệp Vãng sinh” (Mang theo nghiệp vãng sinh), nhưng chỉ mang theo túc nghiệp, không mang theo nghiệp mới; chỉ mang theo chủng tử, không mang theo hiện hành.

“*Văn ngã danh dĩ*” (Nghe danh hiệu tôi xong): Câu này ý nghĩa quan trọng là “văn danh”. Ngày nay chúng ta tu hành, niệm Phật có được thanh tịnh, giải thoát, Phổ Đẳng tam-muội chưa? Nếu chưa đạt được thì “văn danh” kể như không có!

- Người nào biết “văn”?
- Bồ Tát biết “văn”!

Chúng ta hiện nay không phải Bồ Tát; chúng ta nghe kinh, nghe Phật hiệu, nghe mà không “văn”! Chữ “văn” này là một trong Tam Tuệ của Bồ Tát. Tam Tuệ của Bồ Tát là “Văn-Tu-Tu”. Tiểu thừa gọi là Tam Học; Đại thừa gọi là Tam Tuệ. Chữ “văn” này là Văn Tuệ không phải “văn” là nghe thấy như chúng ta thường nói. Muốn được Văn Tuệ, trước hết phải thành tựu Tam Học: “Giới- Định -Tuệ”. Do Giới được Định; do Định khai Tuệ. Tuệ khai rồi mới thật

sự là Bồ Tát; cho thấy Giới rất quan trọng. Chúng ta ngày nay nếu ngũ giới, thập thiện không làm được thì vĩnh viễn vẫn ở mãi trong “quả vị danh tự”, cho dù niệm Phật cũng không thể vãng sinh!

Nhờ có “văn danh” mới “*giai tất đãi đắc thanh tịnh, giải thoát, Phổ Đăng tam-muội*”. “*Giai tất đãi đắc*” (Ất đều đạt được) trong bản kinh này cũng đồng ý nghĩa với câu “*ứng thời chứng đắc*” (ngay lập tức chứng đắc) trong bản Tống dịch. Chữ “đãi” là đạt tới. Câu “*thủy hỏa tương đãi*” trong phần Hệ Từ của Kinh Dịch được chú giải như sau: “*Thủy hỏa bất tương nhập, nhi tương đãi cập*” (Nước và lửa chẳng trộn lẫn nhau, nhưng lại ảnh hưởng lẫn nhau).

“*Thanh tịnh*”, ý nói các tam-muội Bồ Tát đang trụ đều vô nhiễm, vô trước nên gọi là “*Thanh tịnh tam-muội*”. Sách Hội Sớ giảng: “*Tịch tĩnh tam-ma-địa không trói buộc, không vướng mắc, nên gọi là thanh tịnh*”.

“*Giải thoát*”: Do tam-muội Bồ Tát đang trụ đã lìa hết thảy triền phược, được tự tại, nên bảo là “*giải thoát tam-muội*”. Sách Hội Sớ bảo: “*Chỉ, Quán vô ngại nên gọi là Giải Thoát*”. Sách còn bảo “*Niệm Phật tam-muội trừ được hết thảy phiền não, giải thoát sinh tử, nên phải gọi là Thanh Tịnh Giải Thoát tam-muội*”.

“*Phổ Đăng*”: Chữ “*Phổ*” là phổ biến; “*Đăng*” là bình đẳng. Kinh Bi Hoa gọi tam-muội này là “*Biến Chí tam-muội*”, kinh Phân Đà Lợi, gọi là “*Phổ Chí tam-muội*”. Bản Tống dịch ghi là “*Phổ Biến tam-ma-địa*”, bản Đường dịch gọi là “*Bình Đăng tam-ma-địa môn*”.

Sách Hội Sớ giảng: “*Nếu theo ý kiến các sư thì Phổ Đăng tam-muội chỉ là một thứ tam-muội được Bồ Tát chứng đắc. Ngài Cảnh Hưng bảo: ‘Phổ nghĩa là phổ biến. Đăng nghĩa là bình đẳng. Cái thấy rộng lớn, Phật Phật đều thấy, cho nên gọi cái Định họ trụ vào đó là Phổ Đăng’.* Ngài Huyền Nhất bảo:

‘Do sức của tam-muội này thấy khắp tất cả chư Phật Thế Tôn nên bảo là Phổ, hiện bình đẳng không gì chẳng đạt đến nên gọi là Đẳng’. Nếu xét theo chánh ý tuyển trạch bốn nguyện (“tuyển trạch bốn nguyện”: đây là quan điểm đặc sắc của sư Pháp Nhiên, khai tỏ Tịnh Độ tông Nhật Bản. “tuyển trạch bốn nguyện” hiểu rộng là cả bốn mươi tám nguyện, hiểu hẹp là nguyện thứ mười tám. Gọi là “tuyển trạch bốn nguyện” vì A Di Đà Phật khi tu nhân đã chọn lấy những thế nguyện thù thắng nhất của chư Phật để kết thành bốn mươi tám nguyện, và niệm Phật vãng sinh là tinh túy, cốt lõi của cả bốn mươi tám lời nguyện) thì Phổ Đẳng tam-muội chính là ‘Niệm Phật tam-muội’.

Phổ có nghĩa là phổ biến, phạm thánh cùng chung nhập được. Đẳng là bình đẳng, công đức niệm một vị Phật cũng bằng công đức niệm hết thấy Phật. Kinh Bồ Tát Niệm Phật tam-muội bảo: ‘Thí như chúng sinh nhược y Tu Di kim sắc chi biên, kỳ thân tức dữ bỉ sơn đồng sắc. Sở dĩ nhiên giả? Sơn thế lực cố. Hựu như chư thủy tất nhập đại hải, đồng kỳ nhất vị, sở dĩ nhiên giả? Dĩ hải lực cố. Nhược nhân đắc niệm Phật tam-muội, diệc phục như thị’ (Ví như chúng sinh, nếu ở bên núi Tu Di kim sắc thì thân họ cũng cùng màu với núi ấy. Vì có sao vậy? Là do thế lực của núi vậy. Lại như các dòng nước đã vào trong biển cả thì có cùng một vị, vì sao thế? . Do sức của biển vậy. Người đắc Niệm Phật tam-muội cũng giống như thế). Đây là ý nghĩa phổ biến của chữ Phổ trong Phổ Đẳng.

Kinh Văn Thù Bát Nhã dạy: ‘Niệm nhất Phật công đức, vô lượng vô biên, diệc dữ vô lượng vô biên chư Phật vô nhị’ (Công đức niệm một đức Phật vô lượng vô biên, chẳng khác gì công đức niệm vô lượng chư Phật). Tán A Di Đà Phật kệ có câu: ‘Ngã dĩ nhất tâm qui nhất Phật, nguyện biến thập phương vô ngại nhập’ (Tôi dùng nhất tâm qui một Phật, nguyện nhập khắp thập phương vô ngại). Đây là ý nghĩa Bình Đẳng”.

Hoàng Niệm Lão kết luận: Như vậy Sách Hội Sớ hiểu Thanh Tịnh tam-muội, Giải Thoát tam-muội và Phổ Đăng tam-muội đều là Niệm Phật tam-muội. Vì Niệm Phật tam-muội là Bảo Vương tam-muội, đầy đủ công đức của hết thầy tam-muội, nên đương nhiên nó phải mang nhiều tên gọi của các tam-muội khác nhau. “Tam-muội” tức là “Tam-ma-địa” (Samadhi) dịch là Chánh Định, Chánh Thọ (đã giải thích tường tận trong phẩm thứ hai).

“**Chư thâm tổng trì**” (Các tổng trì sâu): “**Tổng trì**” tiếng Phạn là ðà- ra-ni, nghĩa là gìn giữ vô tận sự lành chẳng để mất (cũng đã giảng chi tiết trong phẩm thứ hai).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “**Tổng trì**” là tổng tất cả các pháp, trì tất cả nghĩa, chính là nắm được cương lĩnh. “**Chư thâm tổng trì**” (tổng trì sâu mâu), đây là người Niệm Phật tam-muội thượng thừa. Trong “**Tổng trì**” còn có một ý nghĩa, người sơ học chúng ta cần phải biết, đó là “**trì thiện bất thất**”, bất cứ lúc nào, nơi đâu, trong hoàn cảnh nào đều phải giữ tâm, lời nói, việc làm tương ứng với thập thiện, nhất định xa lìa thập ác khiến thập ác không sinh.

- “Thâm tổng trì” là hình thức ra sao?

- Những điều trong Kinh Vô Lượng Thọ nói chính là “thâm tổng trì”. Mười phương Bồ Tát do “Văn danh” (nghe danh hiệu) nên đắc các tam-muội và tổng trì sâu mâu. Các điều ác trong kinh nói, họ nhất định không tạo; các điều thiện trong kinh nói, họ nhất định không để mất.

“**Trụ tam- ma- địa chí u thành Phật**” (Trụ tam-ma-địa, thậm chí thành Phật): Họ an trụ trong Định được thành Chánh Giác nên bảo là “**chí u thành Phật**”.

“**Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất Định ý**” (Trong Định thường cúng vô lượng vô biên

hết thầy chư Phật, chẳng mắt Định ý): Đây là nguyện thứ bốn mươi lăm là “*Định trung cúng Phật*” (trong Định cúng Phật). Ý nghĩa của việc trong Định cúng Phật mà chẳng mắt Định ý, cũng tương đồng với ý nghĩa câu “*Trụ thâm thiền định, tất đồ vô lượng chư Phật*”, (Trụ trong thiền định sâu đều thấy vô lượng chư Phật), trong phẩm “Đức Tuân Phổ Hiền”. Đây chính là cảnh giới sâu của Phổ Hiền Đại Sĩ. Trong Hoa Nghiêm nói đến Bồ Tát Bát Địa gọi là Bất Động Địa cảnh giới này mới có thể hiện tiền.

Sách Vãng Sanh Luận Chú bảo “*Bậc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên thường trụ tam-muội. Do sức tam-muội, thân chẳng rời khỏi chỗ mình mà đến khắp mười phương cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh*”.

Sư Vọng Tây nhận định: “*Xét về thường hạnh, ‘trong Định cúng Phật’ là hạnh của bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên*”. Lại nói “*bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên tuy đã có đức này nhưng phải từ Bát Địa trở lên mới (có thể thực hành hạnh ấy) một cách vô công dụng*”.

Ý ngài nói: Bậc Sơ Địa Bồ Tát tuy đã có thể “*trong Định cúng Phật*” nhưng vẫn còn phải dụng công, phải là bậc Bồ Tát từ Bát Địa trở lên mới có thể vô công dụng đạo.

Sách Hội Sớ bảo: “*Dẫu là hạng tâm phát ý Bồ Tát mà nghe được danh hiệu liền có thể Định-Tuệ tương tức (Định tức là Tuệ, Tuệ tức là Định). Chân, Tục soi chiếu lẫn nhau, nhanh chóng chứng đắc các ngôi vị Bồ Tát trong Thập Địa*”.

Lần này chín tôn giáo lớn ở Singapore tiếp nhận lời mời của cục tôn giáo quốc gia Trung Quốc. Chúng ta đã thăm viếng qua mười sáu ngày, viếng thăm rất thành công. Trong mười sáu ngày này, chúng ta mỗi ngày, mỗi thời khắc đều không hề xa rời lời dạy của Kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta cũng đang học tập ứng dụng như chư đại Bồ Tát “*Bất động bản xứ, biến chí thập phương*”.

- Sao gọi là “bất động bản xứ”? Bản xứ này là gì?

- Tâm thanh tịnh bất động! Tâm Bồ Đề bất động! Tâm nguyện bất động! Nếu chúng ta trong đời sống thường ngày tiếp xúc với đại chúng vì danh vọng lợi dưỡng, vì tự tư tự lợi, vì “tham sân si-mạn” của mình thì “bản xứ” của chúng ta đã động rồi!

Thế Tôn trong Kinh Kim Cang dạy Tu Bồ Đề, cũng chính là dạy chúng ta, ngài nói: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Không dính nơi tướng như như bất động), đó chính là “*bất động bản xứ*”, ngoài không dính tướng, trong không động tâm.

“*Biến chí thập phương*” chính là mọi lúc, mọi nơi chúng ta đều cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sinh. Lần này đồng hành với chúng ta tổng cộng có hai mươi một người, là đại biểu của chín tôn giáo lớn. Mỗi ngày sinh hoạt với nhau, chúng ta dùng tâm cực kỳ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng quan tâm lẫn nhau:

Từ trên tánh mà nói: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, mỗi chúng sinh đều là Phật. Chúng ta lễ kính xưng tán, cúng dường đều từ chỗ này mà sinh ra.

Từ trên tướng mà nói: Họ là chúng sinh, chúng ta phải dạy họ, phải giúp họ. chư Phật và chúng sinh không hai, không khác. Giúp họ giác ngộ, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, giúp họ đoạn ác tu thiện, việc chúng ta làm mỗi ngày là việc này. Đây là cơ hội giáo dục đạt đến hiệu quả rất tốt. Chúng ta đôi bên cùng ở chung với nhau, học tập lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, đó là sự ứng dụng của Phật pháp, như Cổ Đức nói trong chú giải: Đây là điều hạnh nghiệp của Bồ Tát Địa Thượng. Chúng ta hiện nay là phàm phu thấp hèn nhưng cũng làm được gần giống.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư thường khuyên chúng ta phải thật làm! Chúng ta hiểu được bao nhiêu thì nỗ lực cần mẫn làm bấy nhiêu. Nếu

hiểu được mà không làm được thì chẳng khác gì với không hiểu! Nhất định phải thực hiện! Giúp tất cả chúng sinh, điều quan trọng nhất chính là dạy họ chấp trì danh hiệu Di Đà. Thế nhưng đối với người chưa từng tiếp xúc Phật pháp, hoặc giả vừa tiếp xúc Phật pháp, bảo họ niệm A Di Đà Phật, thật không dễ dàng! Nhất định phải có phương tiện thiện xảo. Trong phương tiện thiện xảo, điều quan trọng nhất là phải giảng giải rõ ràng cho họ hiểu: - Vì sao phải niệm câu “Nam Mô A Di Đà Phật”? – Lợi ích của việc niệm câu danh hiệu này ở chỗ nào? Khi họ minh bạch hiểu rõ, họ mới hoan hỉ mà niệm.

Chúng ta, những người đại biểu của chín tôn giáo, lần này có thời gian mười sáu ngày sinh hoạt chung với nhau nên thời gian trò chuyện giao lưu cũng nhiều. Có vấn đề gì không hiểu, họ đều có thể nêu ra bất cứ lúc nào, rất thoải mái như khi dùng cơm, lúc nghỉ ngơi, lúc tham quan v.v., hoàn toàn không bị hạn chế. Chúng ta rất cẩn thận, rất chịu khó vì họ mà giải đáp.

Buổi tối, ngày trở về đạo tràng chúng ta tổ chức buổi dạ tiệc truyền đăng trước một ngày. Chín tôn giáo lớn hầu như cũng đều đến tham dự truyền đăng cùng với chúng ta. Chúng ta niệm “Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”, họ cũng niệm cùng chúng ta. Cách giao lưu này là hay hơn hết. Bình thường đến đâu mới có cơ hội tìm được đại biểu của chín tôn giáo này? Cơ hội này rất hiếm có! Mặc dù có nhưng thời gian cũng rất ngắn ngủi, chỉ có du lịch là phương pháp tốt nhất, du lịch là học tập lẫn nhau, du lịch là dạy học.

“*Định trung thường cúng vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật*” (Trong Định thường cúng vô lượng vô biên tất cả chư Phật). Chữ “*Định trung*” (trong Định) này, có ý nghĩa rất sâu rất rộng, chúng ta dứt khoát không nên hiểu sai. Người bình thường xem kinh văn này nhất định cho rằng: Người thế giới Tây Phương Cực Lạc từ sáng đến tối, cứ ở đó xoay mặt vào vách ngòai thiền, đây là “trong

Định” và có lẽ vô lượng vô biên chư Phật ở trong Định hiện cảnh giới cũng giống như chúng ta nằm mộng! Hiểu như vậy dù không thể nói là đã hiểu sai mà ý nghĩa bạn hiểu rất cạn! Vì sao? Người ở thế giới Cực Lạc thiền định rất sâu, họ không dính tướng; đi, đứng, nằm, ngồi đều ở trong Định, không giới hạn phải ngồi thiền. Phải hiểu ý này: Không phải họ đang đi mà ngủ gật! Người đang đi mà ngủ gật, người đó không phải “nhập định”!

Đại Sư Huệ Năng nói: “*Ngoài không dính tướng, trong không động tâm gọi là thiền định*”. “Nhập định” phải thật sự đạt đến sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không khởi tâm, không phân biệt, không chấp trước mới gọi là “nhập định”. Đây chính là trong Đại Thừa thường nói: “*Na già thường tại Định, vô hữu bất Định thời*”. “Na già” là tiếng Phạn là tỉ dụ cho long và tượng (rồng và voi). Rồng chúng ta chưa thấy, voi thì thấy rồi. Chúng ta đến vườn bách thú xem voi, thấy dáng vẽ thần sắc của voi giống như trong Định, lúc nào cũng khoan thai, vững chãi. Nó đứng cũng đẹp, đi cũng đẹp.

Dùng thí dụ này ý nói: Bạn đã thật sự làm được, không còn bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển, bất kể là gặp thuận hay nghịch cảnh, đều có thể như như bất động, đây là “nhập Định”. Tâm trong Định là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng nên có thể phổ cúng (cúng khắp); đặc biệt nhất là “***bất thất Định ý***” (Chẳng mất Định ý). Cái “bất thất Định ý” này cho thấy Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc họ nhập thiền định rất sâu, nhập định của họ là trong trạng thái động, quyết không phải trong trạng thái tĩnh, ngồi xoay mặt vào vách mà có thể thành tựu!

KINH VĂN:

Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới, chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh giả, chúng ly sanh pháp, hoạch đà-ra-ni, thanh tịnh hoan hỉ, đắc bình đẳng trụ. Tu Bồ Tát hạnh, cụ túc đức bản, ứng

thời bất hoạc, nhất nhị tam nhĩn. Ư chư Phật pháp, bất năng hiện chứng, Bất Thoái Chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

VIỆT DỊCH:

Lúc tôi thành Phật, các hàng Bồ Tát trong các thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi liền chứng ly sanh pháp, đặc-đà-ra-ni, thanh tịnh, hoan hỷ, đặc bình đẳng trụ, tu Bồ Tát hạnh, đầy đủ cội đức; nếu ngay lập tức chẳng đạt được một, hai, hay ba thứ Nhĩn. Với các Phật pháp, nếu chẳng thể chứng ngay được Bất Thoái Chuyển thì chẳng lấy Chánh Giác.

GIẢNG:

Chương này có ba nguyện: Từ “Ngã tác Phật thời” đến “hoạc đà-ra-ni” là nguyện thứ bốn mươi sáu “hoạc đà-ra-ni”. Từ “thanh tịnh hoan hỷ” đến “tam nhĩn” là nguyện thứ bốn mươi bảy “văn danh đặc nhĩn” (nghe danh đặc nhĩn). Từ “ư chư Phật pháp” đến “Chánh Giác” là nguyện thứ bốn mươi tám. “Hiện chứng bất thoái” (chứng được Bất Thoái ngay trong hiện đời).

“*Tha phương thế giới, chư Bồ Tát Chúng*” (Những hàng Bồ Tát trong các thế giới phương khác): Chữ “Chư Bồ Tát Chúng” khiến chúng ta nghĩ tới pháp môn tu không nhất định chỉ riêng là pháp môn Tịnh Độ mà tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy đều bao gồm. Không chỉ bao gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn mà còn bao gồm tất cả các tôn giáo khác. Vì sao? Vì tất cả các tôn giáo khác đều là hóa thân của Bồ Tát. Điều này hiển thị bản nguyện của đức Phật A Di Đà vô cùng rộng lớn. Khi tôi thăm viếng Trung Quốc, có người hỏi tôi:

- Đọc Kinh Kim Cang có thể vãng sanh không?

- Tôi nói: Có thể! Trong “*Tam Bối Vãng Sanh*”, phẩm thứ hai mươi bốn của kinh này, đoạn sau cùng chính là người tu các pháp Đại thừa khác cũng có thể được vãng sinh.

- Đối với người tu học các tôn giáo khác, nghe nói thế giới Cực Lạc tốt, họ cũng muốn vãng sinh, có được không?

- Được! Chỉ cần họ đem công đức tu học hồi hướng thế giới Cực Lạc, cầu sinh Tịnh Độ nhất định được sinh. Nếu không được vãng sinh thì tâm đại từ bi của A Di Đà Phật liền có kém khuyết! Đạo lý này chúng ta phải hiểu.

“*Văn ngã danh giả, chứng ly sanh pháp*” (Nghe danh hiệu tôi, liền chứng ly sanh pháp).

- “Chứng ly sanh pháp”, “ly sanh” là gì?

- “Sanh” là chỉ cho sanh tử; “ly sanh” tức là liễu sanh tử, ra khỏi ba cõi; “pháp” là phương pháp. Phương pháp tuy nhiều, lý chỉ là một: Nhất định phải đoạn “Kiến Tư phiền não”. “Kiến Tư phiền não” không đoạn, chắc chắn không ra khỏi sáu cõi luân hồi! Việc này nói dễ nhưng làm rất khó! Hiện tại, có mấy ai đoạn được “Kiến tư phiền não”?!

Người xưa nói rất hay: “*Nếu lìa pháp môn Tịnh Độ, trong thời này không người nào có thể được độ*”. Lời nói này tuyệt đối không quá đáng. – Nguyên nhân ở chỗ nào? – Không có năng lực đoạn “Kiến tư phiền não”! Chúng ta may mắn gặp được pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này không đòi hỏi phải đoạn “Kiến tư phiền não”, nhưng phải phục được “Kiến tư phiền não”. “Phục” là không chế được, dễ hơn nhiều so với “đoạn”, người thông thường chúng ta có thể làm được, chỉ e bạn không chịu làm!

Trong kinh “Thập Thiện nghiệp đạo” Phật dạy chúng ta ngày đêm phải thường niệm, tư duy, quán chiếu thiện pháp, đây là phương

pháp không chế phiền não. Đối với người, vật, sự vật không nên nghĩ đến chỗ bất thiện, càng không nên đem cái bất thiện của người khác để vào trong tâm. Phải thường xuyên nghĩ đến chỗ tốt của người, vật, sự vật, lâu dần nuôi thành cái tâm thuần thiện của chính mình, phiền não tự nhiên bị không chế. Không chế được phiền não sẽ nắm chắc được phần vãng sinh, niệm Phật công phu liền có lực, được “công phu thành khối”.

“*Chứng ly sanh pháp*”, đây là Phật lực gia trì giúp họ đoạn “Kiến tư phiền não”, đoạn “Trần sa phiền não”. Đoạn “Kiến tư phiền não” thì siêu việt sáu cõi luân hồi. Đoạn “Trần sa phiền não” liền siêu việt mười pháp giới, phá một phẩm vô minh chứng pháp giới Nhất Chân. Đây là thuộc về “Ly sanh pháp” cũng là “tự thọ dụng”. Kế đến là “tha thọ dụng”, giúp Bồ Tát khai trí tuệ, giúp họ thành tựu phương tiện khéo léo độ chúng sinh, đây chính là “*hoạch đà-ra-ni*” (đắc đà-ra-ni). “Đà-ra-ni” là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “Tổng trì”, phía trước đã nói qua: “Tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa”.

Chúng ta học Phật, phải nắm lấy tổng cương lĩnh của Phật pháp. “Đà-ra-ni” cũng có nghĩa là “Tổng cương lĩnh”. Nắm được “Tổng cương lĩnh” thì sự việc sẽ dễ dàng hơn nhiều. Có **bốn loại đà-ra-ni**: *Pháp đà-ra-ni, nghĩa đà-ra-ni, chú đà-ra-ni và nhẫn đà-ra-ni*.

1. Pháp Đà-Ra-Ni

Pháp đà-ra-ni là nghe và giữ giáo pháp của Phật chẳng quên.

Đối với “*Pháp đà-ra-ni*” này, chúng ta làm thế nào để học tập? Phương pháp học tập không khó, đó chính là đọc tụng! Tôi thường khuyên các đồng tu sơ học phải từ chỗ đọc kinh mà vào cửa. Trước tiên đem Kinh Vô Lượng Thọ đọc qua ba ngàn biến, đây chính là “*Pháp đà-ra-ni*”. Đọc thuần thục rồi bạn sẽ không quên. Khi thuộc lòng kinh văn thì lợi ích sẽ rất nhiều.

Bởi chúng ta là phàm phu không không chế được vọng niệm của chính mình, dùng phương pháp đọc kinh giúp chúng ta không khởi vọng tưởng. Mỗi ngày có thể đọc được mấy bộ kinh là được mấy giờ tu trì. Phương pháp này chính là đem vọng tưởng của mình chuyển đổi lại. Sau một, hai năm sẽ phát hiện vọng tưởng của mình ít đi, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng, đây là “*Pháp đà-ra-ni*” phải nên tu học.

2. Nghĩa Đà-Ra-Ni

Nghĩa đà-ra-ni là tông trì nghĩa lý Phật pháp chẳng quên. Cái này phải nghe giảng.

Cho nên, nghe giảng cũng là một biện pháp tốt. Thế nhưng nghe kinh phải có thời gian rảnh rỗi, không thể vừa làm việc vừa nghe kinh. Khi nghe kinh hay đọc kinh, mọi việc đều phải buông xuống, đây là phương pháp học tập đối với “Nghĩa đà-ra-ni”. Nghe kinh, quan trọng nhất là phải nắm lấy cương lĩnh. Mỗi lần nghe có thể lắng lấy được một, hai câu thì bạn rất có thọ dụng. Khi nghe kinh, tốt nhất không nên ghi bút ký, bởi ghi bút ký thì bạn không chuyên tâm, không nắm được cương lĩnh. Đến lúc nào thì ghi chép? Sau khi quay về, mang băng ghi âm ra nghe lại đôi ba lần rồi mới ghi chép. Phương pháp này tốt!

3. Chú Đà-Ra-Ni

“*Chú*”, thông thường gọi là mật chú.

Nên biết “mật” ở đây không phải là bí mật mà là “thâm mật”. Phật, Bồ Tát làm việc quang minh chánh đại, không việc gì chẳng thể để cho người thấy, chẳng qua vì nghĩa lý quá sâu, người sơ học chúng ta không thể nào lý giải nên gọi là “mật”. Chú ngữ có rất nhiều, đó không phải là ngôn ngữ của nhân gian, cũng không phải là Phạn

ngữ, người Ấn Độ nghe cũng không hiểu. Đó là ngôn ngữ của qui thần sáu cõi.

Phật, Bồ Tát giảng kinh nói pháp, thính chúng rất nhiều, qui thần cũng rất nhiều. Những qui thần này đều có thần thông, có thể nghe hiểu được Phật pháp một phần. Trước kia, Thế Tôn sau khi thuyết pháp xong, luôn luôn dùng ngôn ngữ của qui thần nói mấy câu. Đây là biểu thị sự rất thân thiết. Mấy câu mật chú mà Phật nói ra đều thuộc về cương lĩnh, đều rất quan trọng, có thể nói đó là tinh hoa trong những gì Phật đã thuyết.

“*Chú đà-ra-ni*” lại có năm tên. Theo Bí Tạng Ký, năm tên ấy là: Đà-ra-ni, minh, chú, mật ngữ, chân ngôn. Đà-ra-ni là khi Phật phóng quang, trong quang minh vang ra thần chú nên gọi là “đà-ra-ni” hay “minh”. Vì vậy, “đà-ra-ni” và “minh” có cùng một nghĩa. Người trì đà-ra-ni có thể phát khởi thần thông, trừ được tai hoạ. Đà-ra-ni gần tương tự với các chú thuật của Trung Hoa, nên “đà-ra-ni” cũng gọi là “chú”. Vì phạm phu và Nhị thừa chẳng thể biết nổi nên gọi là “mật ngữ”. “Chân ngôn” là lời nói của Đức Như Lai chân thật chẳng dối nên gọi là chân ngôn.

4. Nhẫn Đà-Ra-Ni

An trụ trong Thật Tướng của các pháp thì gọi là “Nhẫn”. Giữ được lòng “Nhẫn” nên gọi là “Nhẫn đà-ra-ni”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Ý nghĩa của chữ “nhẫn” ngày nay chúng ta gọi là thừa nhận, là đồng ý, là tâm đắc. Thấu đáo tường tận những lời Phật dạy, chúng ta có thể tiếp nhận một cách tâm đắc, chăm chỉ nỗ lực học tập theo Phật gọi là “*Nhẫn đà-ra-ni*”.

Tóm lại, đủ bốn loại “đà-ra-ni” trên thì việc giáo hóa chúng sinh sẽ rất dễ dàng, tự nhiên liền có phương tiện khéo léo.

“Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ”: Chữ “*thanh tịnh*” có nghĩa là vốn sẵn không nhiễm trước, “*hoan hỷ*” là trong lòng vui sướng, tịch diệt là vui. Nếu hiểu nông cạn “*bình đẳng*” là thoát khỏi tư tưởng sai biệt: cao, thấp, cạn, sâu, lớn, nhỏ, thân, sơ, trí, ngu, mê, ngộ thì gọi là “*bình đẳng*”. Hiểu ở mức cao hơn, bình đẳng chính là chân như trọn khắp, vạn pháp như một, cả ba thứ; tâm, Phật, chúng sinh không sai biệt.

Vãng Sinh Luận Chú giảng: “*Bình đẳng là thể tướng của các pháp*”.

“*Đắc bình đẳng trụ*”, theo Hoàng Niệm lão: Mười phương Đại Sĩ do nghe danh hiệu nên trụ trong pháp bình đẳng, nghĩa là trụ trong Thật Tướng của các pháp. Bản Hán dịch còn gọi A Di Đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác . Một câu Phật hiệu đây chính là Thật Tướng, là toàn thể của pháp giới, chính là thể tánh bình đẳng của các pháp. Chỉ cần niệm niệm tiếp nối, niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm nên bảo là “*đắc bình đẳng trụ*”. Tâm hạnh như thế là “*Bồ Tát hạnh*”, lần lượt dạy dỗ cho nhau cùng quay về Cực Lạc, ban bố cho mọi chúng sinh cái lợi chân thật nên bảo là “*tu Bồ Tát hạnh*”. Tu hành như vậy tự nhiên trọn vẹn hết thảy cội rễ của công đức Phật quả nên bảo là “*Cụ túc đức bản*” (đầy đủ cội đức).

Sách Hội Sớ giảng chữ “*đức bản*” như sau: “*Lục Độ của Bồ Tát là gốc của hết thảy công đức nên gọi là cội đức. Chọn lựa, giữ lấy quả hiệu* (danh hiệu của Quả Giác, tức là danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật) *lưu xuất lục độ vạn hạnh là nguồn gốc cho mọi đức, nên gọi là đức bản*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, “*tu Bồ Tát hạnh*” chính là giáo hóa chúng sinh, phạm vi này rất rộng, đức Thích Ca Mâu Ni Phật qui nạp thành sáu cương lĩnh: Bồ Thí. Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ.

1. Bổ Thí: Dùng tài lực, vật lực, trí tuệ, lao lực của chính mình, vì tất cả chúng sinh phục vụ. Phục vụ này là nghĩa vụ vô điều kiện, cũng là yếu tố quan trọng nhất của “*Bồ Tát hạnh*”.

2. Trì Giới: Chính là thủ pháp. Phục vụ xã hội, cứu giúp chúng sinh nhất định phải tuân thủ pháp luật, phong tục tập quán của địa phương đó.

3. Nhẫn nhục: Là phải có lòng nhẫn nại, có thể quán cơ, hiểu được thời tiết nhân duyên, hiểu rõ khu vực này, chúng sinh này, tình hình đời sống của họ ra sao để có thể phương tiện tùy duyên mà giúp họ.

Xã hội chúng ta ngày nay, vấn đề này rất là nghiêm trọng. Tôi thường nói với các đồng tu: Gia đình mỹ mãn, xã hội phồn vinh, quốc gia an định, thế giới hòa bình, đều xây dựng trên nền tảng giáo dục. Có bốn loại giáo dục:

- Một là giáo dục gia đình, việc này nhà Nho nói được rất viên mãn.

- Hai là giáo dục học đường: Ngày trước giáo dục học đường cũng đặt trên nền tảng học thuyết Khổng Mạnh.

- Ba là giáo dục xã hội: Vào ngày xưa Trung Quốc dùng nghệ thuật thi ca là phương pháp giáo dục xã hội. Khổng Phu Tử chu du liệt quốc, đem dân ca các nơi hội tập lại, chỉnh lý làm mới, biên tập thành “*Kinh Thi*”. Hiện tại nghệ thuật này càng nhiều hơn so với thời trước như: Văn tự, báo chí, tạp chí, điện ảnh, hí kịch, ca vũ v.v... Những thứ này đều là giáo dục xã hội.

- Bốn là giáo dục tôn giáo: Giáo dục này là đỉnh cao trong giáo dục. Thế nhưng, ngày nay giáo dục tôn giáo hầu như chỉ lưu lại hình thức, biến thành mê tín!

Bốn loại giáo dục trên hiện nay đều không còn, xã hội làm sao không loạn?! Lòng người không có chỗ nương về, giá trị của nhân sinh trở thành vấn đề rất nghiêm trọng! Bốn loại giáo dục này bị hủy mất, muốn trùng tân xây dựng lại, thật sự không dễ dàng! Cho nên ở nước ngoài rất nhiều nhà tôn giáo nói: Thế giới ngày tàn! Đây không phải nói hủy diệt cái thế giới này mà thực tế bốn loại giáo dục này không còn chính là ngày tàn của thế giới! Xã hội động loạn! Lòng người bất an! Suốt ngày bàng hoàng! Hiện tượng này chính là ngày tàn! Suy đi nghĩ lại chỉ có cầu các tôn giáo! Vì sao? Vì tín đồ của các tôn giáo thực tế mà nói tương đối lương thiện, tương đối dễ dàng chấp nhận học thuyết nhân quả; có thể tin tưởng nhân quả báo ứng, con người này liền được cứu. Nếu ngay đến đạo lý của nhân quả báo ứng vẫn không thể tiếp nhận, con người này hết cứu!

Chúng ta, những năm gần đây rất chăm chỉ, nỗ lực liên hiệp các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, không gì khác hơn là luôn hy vọng mỗi tôn giáo, không chỉ ở trên nghi thức mà quan trọng hơn chính là giáo dục. Phải đem đạo lý trong kinh điển của họ giảng thật tận tường cho tín đồ hiểu được đạo lý. Mọi kinh điển đều dạy con người trở thành người tốt, luôn làm việc tốt. Phật dạy chúng ta ra sao thì các tôn giáo khác cũng dạy như vậy. Chúng ta nhất định phải liên hợp lại. Tôn giáo tuy khác, phương pháp có khác, dạy bảo những người căn tánh khác nhau, nhưng trong Phật pháp thường nói: “*Qui nguyên vô nhị lộ, phương tiện hữu đa môn*”. Các tôn giáo khác nhau đó là phương tiện có nhiều.

Chúng ta qua lại với họ, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, đưa đến một kết luận, như Phật thường nói: “*Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn*”. Chúng ta chỉ dùng câu giáo huấn này cùng các tôn giáo trên toàn thế giới liên kết thành một thể. Bất kỳ giáo chủ của tôn giáo nào cũng đều nói: “Thần ái thế nhân”, nhà Phật gọi là từ bi. Từ bi chính là yêu thương. Đem cái căn bản hoàn toàn giống nhau

này dung hợp cùng những phương thức giáo dục không như nhau, đó chính là phương tiện, là cánh cửa bước vào thế giới an lạc. Giáo học, mục đích sau cùng, chúng ta nêu ra ba câu: Xã hội an định, thế giới bình đẳng, nhân dân hạnh phúc; mỗi tôn giáo đều hoan hỉ thừa nhận.

Bước kế tiếp chúng ta triển khai kinh điển, cùng nhau thảo luận thì dễ dàng rồi! Chúng ta đã có phương hướng, có nền tảng, tự nhiên đều có thể dung hợp. Ngày nay, không chỉ là qua lại trên cảm tình, mà trên giáo lý, giáo nghĩa đều có thể tương thông, việc này đối với thế giới hòa bình, xã hội an định đều có sự giúp đỡ rất lớn. Đây là đại sự nghiệp, không phải sự nghiệp thông thường, phải có lòng nhẫn nại, trải qua thời gian dài. Thế nhưng, ở Singapore, chỉ mới hai năm, chúng ta đã có thể đạt được thành quả tốt đẹp như hiện nay, việc này ngoài dự kiến của tôi. Tôi chỉ có thể nói: Đây là Phật, Bồ Tát bảo hộ, bao gồm chúng thân tôn giáo đều bảo hộ, nên sự phát triển của chúng ta mới nhanh như vậy.

Năm trước, tôi tham gia ở Tuyết Lê, Thiên Chúa giáo Úc Châu mở hội nghị “Tôn giáo nhân sự tòa đàm hội” một ngày. Chúng tôi cùng nhau tụ hội bốn giờ đồng hồ. Việc này khiến chính phủ Úc Châu cảm thấy kinh ngạc! Bởi trên thế giới, đây là lần đầu tiên, trước giờ chưa từng có loại hoạt động này. Tổng cộng có năm tôn giáo tham gia. Sau khi chúng tôi cùng nhau giao đàm, chủ giáo của họ đưa ra kết luận rất tốt, rất khiêm tốn, chúng tôi đều rất bội phục. Họ nói: ngày trước, một ngàn năm qua, họ đã làm sai rất nhiều sự việc, đặc biệt là xem thường các tôn giáo khác, hiện tại thông qua buổi tọa đàm, họ biết được trong mỗi tôn giáo đều có rất nhiều thứ tốt, đều đáng được chúng ta học tập lẫn nhau. Tôi tin tưởng báo cáo này của họ nhất định đưa đến đức giáo hoàng. Chúng ta xem thấy trên báo chí: Tôn giáo sám hối với người trên toàn thế giới, cầu Thượng Đế tha thứ tội lỗi của tín đồ Thiên Chúa, đặc biệt là đối đãi với các tôn

giáo khác. Đây là tinh thần rất cừ khôi! Biết lỗi có thể sửa lỗi thì còn gì tốt hơn, không thẹn là tôn giáo lớn trên thế giới.

Năm nay, họ lại mở hội nghị. Tôi lại nhận được thông báo ngày bảy tháng bảy khai mạc. Đại khái mở hội ba ngày: ngày bảy, ngày tám, ngày chín. Việc này cũng là ngoài dự liệu của chính phủ Úc Châu. Trước đây, chính phủ Úc cho rằng sự việc này chỉ có thể diễn biến một lần, không hề nghĩ đến năm nay họ lại khai hội, hơn nữa mở đến ba ngày. Tôi tin tưởng năm nay tôn giáo tham dự sẽ càng nhiều. Hiện tại, rất nhiều nơi ở các quốc gia khu vực khác mời tôi giảng kinh, tôi đều không đi. Thế nhưng, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết chủng tộc, tôi nhất định sẽ tham gia. Tôi đến để giúp họ đốc thành, muốn đem những kinh nghiệm của Singapore chia sẻ với họ. Chúng ta cũng sẽ mời thỉnh họ tới tham gia hoạt động tôn giáo của Singapore.

Vào cuối năm nay, buổi dạ tiệc ấm áp kỷ nguyên hòa bình, tôi dự tính mời các nhà tôn giáo trên toàn thế giới đến tham gia. Cho nên đại hội năm nay càng sẽ hưng vượng hơn so với năm rồi. Năm rồi chúng ta có hơn tám ngàn người tham dự. Năm nay có thể vượt qua mười lăm ngàn người. Hiện tại chúng ta phải nên bắt đầu chuẩn bị. Đây là xúc tiến hòa bình an định của toàn thế giới. Chúng ta ngày nay làm cái công tác này, quyết không phải là có tính khu vực, chắc chắn không có phân biệt, không có chấp trước, một mực bình đẳng đối đãi. Việc này phải có lòng nhẫn nại, lòng nhẫn nại được chư Phật, Bồ Tát gia trì; lòng nhẫn nại được rất nhiều nhân sĩ thiện tâm trong xã hội tán trợ.

4. Tinh tấn: “*Tấn*” là tấn bộ, “*Tinh*” là tinh thuần không tạp. Chúng ta, một mục tiêu, một phương hướng, quyết không xen tạp tự tư tự lợi, không xen tạp danh vọng lợi dưỡng, đối với cá nhân mà nói, không có được mất, tất cả đều phụng hiến. Mười phương

đồng tu thiện tâm cúng dường, chúng ta nhất định phải chân thật làm việc tốt cho họ, chúng ta quyết không cô phụ mọi người. Đây là qui củ tôi học Phật và tuân thủ mấy mươi năm nay.

5. Thiên định: Dùng lời hiện đại mà nói, quyết không bị ngoại cảnh mê hoặc làm dao động. Chúng ta biết đây là việc tốt. Thế nhưng việc tốt lắm dầy vò! Đồ ky, chướng ngại chắc chắn không thể tránh!

6. Trí tuệ Bát Nhã: Trí tuệ Bát nhã giúp ta có khả năng, phương tiện khéo léo vượt qua mọi chướng ngại. Tôi năm xưa học giảng kinh với thầy Lý Bình Nam. Thầy nói với chúng tôi: Nếu bạn giảng không hay thì chẳng có vấn đề; nếu bạn giảng hay sẽ không có đường để đi! Đây là thầy Lý về trước đã cảnh báo chúng tôi; ngay đời này quả nhiên đã gặp rồi! Không có đường để đi! Rất may mắn được sự hộ trì của Quán Trưởng Hàn. Tôi bị bức, không còn cách nào! Đã ở trong nhà bà suốt mười bảy năm!

Tao ngộ của tôi gần giống như Lục Tổ Huệ Năng, thiên tông. *Lục Tổ Huệ Năng núp trong nhóm người thợ săn mười lăm năm. Phần tôi ở trong nhà một cư sĩ suốt mười bảy năm!* Mới biết thật không dễ dàng! Không một đạo tràng, một tự viện nào dung nạp! Muốn đến nghỉ nhờ một ngày, họ cũng không đồng ý! Thế nhưng tôi vẫn chân thật được chư Phật, Bồ Tát bảo hộ, lại còn có người giúp tôi trước sau duy trì cái giảng đài không bị gián đoạn, điểm này rất khó được! *Trên giảng đài suốt bốn mươi năm không bị gián đoạn, đây là nhờ sự hộ trì của Quán Trưởng Hàn.*

Gần đây, chúng ta dự định ở Hồng Kông xây một phòng thu hình hoàn toàn giống như đài truyền hình. Chúng ta cũng mời chuyên gia đến thao tác những máy móc này, còn phải mời một đạo diễn chuyên viên về phim ảnh, truyền hình đến phục vụ. Tôi để mỗi đồng

tu chúng ta đều giảng một bộ chuyên tập, đem cái chuyên tập này lưu thông trên toàn thế giới, cái ải quan này liền bị đột phá rồi!

Chúng ta không cần có nơi chốn đạo tràng để giảng kinh mà máy truyền hình của bất cứ nhà nào cũng đều là đạo tràng của chúng ta. Đây là tôi vì đồng tu mà lo nghĩ: Phải dùng khoa học kỹ thuật cao, dùng VCD để đột phá, hy vọng giáo học này có thể lưu thông trên toàn thế giới. Đây là nhiều năm qua tỉ mỉ quan sát, chỉ có con đường này là thông thoáng, không trở ngại. Hiện tại, tôi cũng đặc biệt lưu ý: Băng giảng của chúng ta có thể lên truyền hình, vậy thì thuận tiện rồi! Tôi tin tưởng Tam Bảo gia trì, nguyện vọng này sẽ viên mãn.

Hiện tại Hoa Kỳ có bảy đài truyền hình để phát sóng băng ghi hình của chúng ta, cả thầy Bắc Mỹ đều tiếp nhận được, đại khái mỗi ngày là một giờ đồng hồ. Các nơi khác, dường như ở Hawaii nghe nói một tuần lễ truyền hình phát sóng hai lần; Áo môn một tuần lễ bốn lần. Gần đây, chúng ta tiếp đàm với đài truyền hình Á Châu của Hồng Kông. Ngoài ra, nghe nói có truyền hình vệ tinh Phụng Hoàng, chúng ta đều đang tiếp đàm.

Cho nên, chúng ta không cần phải làm đạo tràng, không cần phải xây chùa miếu, chúng ta hướng không trung phát triển. Những thứ này đều gọi là “tu Bồ Tát hạnh”, đem giáo huấn của Phật Đà thực tiễn ngay trong cuộc sống. “*Cụ túc đức bổn*” chính là thực tiễn. Chúng ta phải chân thật làm được, nếu chỉ nói suông thì không thể có được sự thọ dụng.

Sau khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, rất nhiều đồng tu đến hỏi tôi:- Phải tu hành thế nào? Tôi thường nói với mọi người: Trước tiên phải đem định nghĩa “tu hành” này làm cho rõ ràng. “Hành” là hành vi của chúng ta, trong đó bao gồm hành vi của tư tưởng, hành vi của ngôn ngữ và hành vi của thân thể động tác. Đem cái sai lầm của hành vi tu sửa lại gọi là tu hành. Việc này nhất định phải hiểu.

Đại đức xưa dạy chúng ta tu từ căn bản, tu từ ngay nơi khởi tâm động niệm đó gọi là tu từ căn bản. Ý niệm vừa khởi, lập tức rõ ràng tường tận: Nếu là ý niệm thiện có thể tiếp tục tăng trưởng; nếu ý niệm bất thiện hãy mau đình chỉ, đây là tu từ căn bản.

- Tiêu chuẩn của thiện ác là gì?

- Với xã hội có lợi ích, với chúng sinh có lợi ích đây là thiện.

Nếu đối với chính mình có lợi ích, với xã hội chúng sinh không có lợi ích đây là ác, là đại ác! Với xã hội, với đại chúng có lợi ích, với chính mình cũng có lợi ích, đây là việc thiện có thể làm, nhưng thiện này không phải là thiện đệ nhất đẳng. Thiện đệ nhất đẳng là với chính mình không có lợi ích, với tất cả chúng sinh, với xã hội có đại lợi ích.

Trong “*đức bốn*” ý nghĩa quan trọng nhất là “Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ” đây là “*đức bốn*” ngay trong “*đức bốn*”. Vì sao? chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc, mọi vấn đề mới được giải quyết triệt để, nhanh chóng, rất không thể nghĩ bàn! Đạo lý này quá sâu! Nếu không có thời gian dài thâm nhập nền tảng kinh tạng, rất khó lý giải! Không những bạn không dễ dàng lý giải mà còn rất nhiều lão Pháp sư, lão cư sĩ học Phật đều không tiếp nhận! Lại nữa, trên kinh Phật nói: Mười phương pháp giới, rất nhiều đại Thanh Văn, đại Bồ Tát cũng không thể tiếp nhận!

- Do nguyên nhân gì?

- Không triệt để tường tận!

Cho nên, pháp môn này, trên kinh thường tán thán: “Chỉ Phật với Phật mới có thể cứu cánh”. Đây là lời thật! không phải hư giả. Chúng ta gặp được rồi, có thể tin tưởng, đây chẳng phải là việc thông thường, mà do đời quá khứ thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta sâu dày mới có thể tin sâu không nghi.

“Ứng thời bất hoạch nhất, nhị, tam Nhân” (Nếu ngay lập tức chẳng đạt được một, hai, ba thứ nhân): Đây là càng nói càng không thể nghĩ bàn!

Kinh Nhân Vương, nói có năm loại Nhân: Phục nhân, Tín Nhân, Thuận Nhân, Vô Sanh Pháp Nhân và Tịch Diệt Nhân.

Sách Nhân Vương Tự Ký lại giảng: “*Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa chúng đắc vô lậu tín thì gọi là Tín Nhân. Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa hướng đến vô sanh nên gọi là Thuận Nhân. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, chẳng sinh các niệmen nên gọi là Vô Sanh Nhân. Thập Địa, Diệu Giác đắc quả Bồ Đề nên gọi là Tịch Diệt Nhân.*”

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, ba vị trí này gọi là Tín Nhân, cũng chính là đồng ý chấp nhận, khẳng định thừa nhận. Tín tâm họ kiên định, chắc chắn sẽ không thoái chuyển. Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa, ba vị trí này gọi là Thuận Nhân, họ càng tiến thêm một bước, càng tùy thuận theo giáo huấn của Phật Đà, có lý nào không thành tựu.

Ngày nay học Phật, khó khăn nhất của chúng ta vẫn là tùy thuận phiền não, tập khí của mình, tuyệt nhiên không thể nào đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình buông xả để hoàn toàn thuận theo giáo huấn của Phật. Nếu chân thật tùy thuận giáo huấn của Phật, y giáo phụng hành, chúng ta làm Phật, làm Bồ Tát chỉ trong thời gian rất ngắn, trong vòng ba hoặc năm năm chắc chắn thành công. Thực tế mà nói, Singapore chúng ta có người làm được. Tôi vừa nêu, các bạn đều biết: Cư sĩ Hứa Triết làm được! Cả đời không khởi tức giận, cả đời không hề thấy chỗ xấu của người! Chỗ bà thấy được đều là cái tốt của người, cái thiện của người. Cái bất thiện của người bà không để ở trong lòng. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hỏi bà:

- Xem thấy những người ác, việc ác, bà có cái nhìn như thế nào? Bà nêu một thí dụ:

- Như người lạ mặt đi trên đường!

Thí dụ này tốt! Mỗi ngày ra phố xem thấy rất nhiều người qua lại, bạn có nhớ một người nào không?

- Một người cũng không nhớ! Không để trong lòng!

Bà đã học được cái bản lĩnh này. Cho nên, bà là người thuần thiện, không hề có chút ác niệm nào. Một trăm lẻ một tuổi đến đây qui y, không muộn! Nêu gương điển hình cho đại chúng. Năm xưa, bà là nữ tu của Thiên chúa giáo. Cuối đời bà đọc sách của rất nhiều tôn giáo. Giáo hữu của họ đã từng nói với bà:

- Sao bà lại xem sách của tôn giáo khác?

Bà trả lời rất hay:

- Tôi xem tất cả tôn giáo trên thế giới đều là một mãng quang minh!

Bà đột phá rồi! Đột phá được giới hạn của tôn giáo, “*đắc bình đẳng trụ*”. Lý Mộc Nguyên hỏi bà:

- Trong mắt bà: Tôn giáo là gì? Bà trả lời:

- Ái! Ái chính là tôn giáo!

Lời nói này thật chính xác không sai chút nào! Thế gian, bao gồm tất cả tôn giáo, khẳng định đều là chữ “Ái”. Mở mang rộng lớn ái tâm, yêu thương tất cả chúng sinh, yêu thương chân thành, yêu thương thanh tịnh, yêu thương bình đẳng, đây gọi là tôn giáo.

Theo Hoàng Niệm lão: “Trong các nhà chú giải kinh thời cổ, có vị cho rằng ba thứ Nhẫn được nói trong Kinh Vô Lượng Thọ là Phục Nhẫn, Tín Nhẫn và Thuận Nhẫn. Thậm chí có vị cho rằng ba mức thượng, trung, hạ của loại Nhẫn đầu tiên (Phục Nhẫn) chính là ba thứ Nhẫn được nói trong kinh này. Hiểu như vậy nghĩa là chẳng thừa nhận việc Bồ Tát nơi phương khác nghe danh hiệu Phật liền lập

tức chứng đắc một thứ Nhẫn, hai thứ Nhẫn cho đến Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu dựa theo kinh văn, quả thật trong ba thứ Nhẫn ấy ắt phải có “Vô Sanh Pháp Nhẫn”, là điều chẳng thể nghi ngờ chi nữa”.

Nguyện thứ ba mươi bốn trong bản Ngụy dịch ghi như sau: *“Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sinh chi loại, văn ngã danh tự, bất đắc Bồ Tát Vô Sanh Pháp Nhẫn, chư tâm tổng trì giả, bất thủ Chánh Giác”*. (Nếu tôi thành Phật, các loài chúng sinh trong mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các thế giới Phật nghe danh hiệu tôi mà chẳng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát, các tổng trì sâu xa, thì chẳng lấy Chánh Giác).

Bản Tổng dịch cũng ghi *“Văn ngã danh giả, ứng thời tức đắc Sơ Nhẫn, Nhị Nhẫn, nãi chí Vô Sanh Pháp Nhẫn, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (Nghe danh hiệu tôi thì ngay lập tức đắc Sơ Nhẫn, Nhị Nhẫn cho đến ‘Vô Sanh Pháp Nhẫn’ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Cũng theo Hoàng Niệm lão: Rõ ràng Pháp Nhẫn thứ ba được nói trong lời nguyện này phải là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn gọi tắt là Vô Sanh Nhẫn. Chân trí an trụ trong Thật Tướng Lý thể vô sanh, vô diệt nhưng chẳng động thì gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Trí Độ Luận, quyển năm giảng: *“Vô Sanh Pháp Nhẫn: Tin nhận, thông đạt Thật Tướng vô sanh vô diệt của các pháp một cách vô ngại bất thoái thì là Vô Sanh Nhẫn”*. Trong quyển bảy mươi ba của Trí Độ Luận, ngài Long Thọ lại viết: *“Vô Sanh Pháp Nhẫn là ngay cả những thứ nhỏ nhiệm còn bất khả đắc, huống là những thứ lớn lao. Đây là vô sanh. Đắc pháp vô sanh này thì chẳng làm, chẳng khởi các nghiệp hạnh. Đây là Vô Sanh Pháp Nhẫn”*.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển mười hai cũng nói: “*Lý lặng lẽ chẳng khởi gọi là Vô Sanh. Tuệ an trụ trong lý này thì gọi là Vô Sanh Nhân*”.

Bản Tổng dịch của Kinh Vô Lượng Thọ chép rằng: “*Văn ngã danh hiệu, chứng Vô Sanh Nhân, thành tựu nhất thiết bình đẳng thiện căn, trụ vô công dụng, ly gia hạnh cố, bất cứu linh đắc A Nậu Bồ Đề*” (Nghe danh hiệu tôi, chứng Vô Sanh Nhân, thành tựu hết thảy thiện căn bình đẳng, trụ vô công dụng. Do lìa gia hạnh nên chẳng bao lâu sẽ đắc Vô Thượng Bồ Đề).

Ngài Vọng Tây chú giải câu này như sau:

“(Kinh) nói là đã trụ nơi vô công dụng thì đủ biết bậc Bồ Tát ấy đã chứng Bát Địa”. Như vậy Pháp Nhân thứ ba trong kinh đây chính là Vô Sanh Pháp Nhân như Kinh Nhân Vương đã nói. Theo ngài Vọng Tây, Bồ Tát ấy đã chứng địa vị Bát Địa.

Ngài Vọng Tây còn nói: “*Hỏi: Vì sao do thế lực của việc nghe danh hiệu lại chứng được Vô Sanh? Đáp: Là do Phật nguyện lực vậy, như Thập Trụ Luận bảo: ‘Quá khứ vô số kiếp, có biển công đức danh hiệu Phật. Mỗi vị Phật trong thập phương hiện tại thành Chánh Giác đều là từ lời phát nguyện ‘nghe danh hiệu được thành Phật’ ấy (mà được thành Phật)’*”.

Theo Hoàng Niệm lão: Những luận chứng vừa dẫn trên đã trình bày tha lực một cách khéo léo: Người nghe danh hiệu Phật được Phật nguyện gia bị nên chứng được Vô Sanh Nhân, quyết định sẽ thành Phật. Nhưng “*nghe*” không có nghĩa là chỉ nghe suông, mà còn phải phát khởi cái hạnh như Niết Bàn Sớ, quyển hai mươi bảo: “*Nếu nghe đến hai chữ Thường Trụ thì đời đời chẳng đọa. Có nhiều thứ nghe, nếu có thể suy nghĩ sâu xa, thực hành đúng như lời dạy thì đời đời chẳng bị đọa*”. Như vậy, một chữ “*nghe*” còn hàm nghĩa “*tin nhận*” chẳng phải là nghe lọt qua tai rồi thôi.

“*Nhất, Nhị, Tam Nhãn*” (Một, hai hay ba thứ Nhãn) được nêu trong nguyện này, chính là ba thứ Nhãn nói rất rõ trong phẩm thứ mười lăm “*Bồ Đề Đạo Tràng*”. Sách Quán Vô Lượng Thọ Kinh (Diệu Tông) Sao, quyển năm giảng như sau:

“1. *Âm Hưởng Nhãn là do âm thanh, tiếng vang mà ngộ giải được chân lý: Ví như chúng ta nghe kinh mà được khai ngộ.*

2. *Nhu Thuận Nhãn là tuệ tâm nhu nhuyễn, thuận theo chân lý: Có thể thường tùy Phật học, có thể hằng thuận chúng sinh.*

3. *Vô Sanh Pháp Nhãn là chứng được Thật Tánh của vô sanh nhưng lìa khỏi các tướng, đây là chỗ cao tột nhất trong việc ngộ đạo”.*

Nguyện thứ bốn mươi tám là “*Hiện chứng bất thoái*” (Ngay trong hiện tại chứng được bất thoái). Lời nguyện như sau: “*U chur Phật pháp, bất năng hiện chứng Bất Thoái Chuyển giả, bất thủ Chánh Giác*” (Với các Phật pháp nếu chẳng thể chứng ngay Bất Thoái Chuyển thì chẳng lấy Chánh Giác). Theo Hoàng Niệm lão:

Bất Thoái Chuyển nghĩa là những công đức thiện căn mình tu tập ngày càng thăng tiến chẳng hề lui sụt, mất đi. Bất Thoái Chuyển gọi tắt là Bất Thoái, gọi theo tiếng Phạn là A Bệ Bạt Trí. Hạnh nguyện Bồ Tát tuy khó phát nhưng dễ bị thoái thất. Kinh Nhân Vương nói bậc Bồ Tát thuộc Tín vị trong Biệt giáo được gọi là Khinh Mao Bồ Tát vì giống như vật bị gió thổi bay.

Kinh Niết Bàn bản Nam chép: “*Vô lượng chúng sinh phát A Nậu Bồ Đề tâm, kiến thiếu vi duyên, u A Nậu Bồ Đề, tức tiện động chuyển, như thủy trung nguyệt, thủy động tức động*” (Vô lượng chúng sinh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề nhưng gặp chút duyên trái nghịch liền thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề như ánh trăng trong nước, nước vừa xao động, ánh trăng liền động). Kinh còn ví von:

“Ngư tử, Am-la hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu”. (Cá con, hoa Am-la (hoa xoài), Bồ Tát sơ phát tâm; ba thứ ấy nhân thì nhiều nhưng đến khi kết quả lại ít).

Kinh Thập Trụ Bồ Tát Đoạn Kết nói:

“*Thời Xá Lợi Phất cáo lai hội Bồ Tát: -Ngã năng tích, hoặc tòng Nhất Trụ tấn chí Ngũ Trụ, hoàn phục thoái đọa tại Sơ Trụ, phục tòng Sơ Trụ chí Ngũ Lục Trụ, như thị kinh lục thập kiếp trung, cánh bất năng đáo Bất Thoái Chuyển*” (Khi ấy ngài Xá Lợi Phất bảo các Bồ Tát đến dự hội:-Tôi khi xưa từ Nhất Trụ đạt tới Ngũ Trụ rồi lại thoái chuyển xuống Sơ Trụ, rồi lại từ Sơ Trụ đạt đến Ngũ Trụ, Lục Trụ, trải qua sáu mươi kiếp như thế trọn chẳng đạt đến bậc Bất Thoái Chuyển).

Kinh Bảo Vũ cũng nói: “*Hữu thế giới danh Sa Bà, kỳ quốc hữu Phật danh Thích Ca Mâu Ni, nhược chư hữu tình văn bi danh, ư A Nậu Bồ Đề đắc Bất Thoái Chuyển. Do bỉ Như Lai bổn nguyện lực cố*” (Có thế giới tên là Sa Bà, cõi ấy có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Các hữu tình nếu nghe danh ngài thì chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề; đó là do sức bổn nguyện của đức Như Lai ấy vậy).

Xưa kia, ngài Trừng Hiền đã từng ca ngợi lời nguyện ấy như sau: “*Trong năm trăm đại nguyện của đấng Thích Tôn, nguyện này thù thắng nhất*”. Rõ ràng, cả hai bậc đạo sư hai cõi cùng phát ra nguyện tối thắng này, thật là “*cùng một đường dẫn đến cửa Niết Bàn*” vậy.

Hoàng Niệm lão kết luận: Do đây có thể thấy, “Vô lượng Bồ Tát hễ chưa đạt đến địa vị Bất Thoái, dầu cực kỳ dũng mãnh như cứu đầu cháy, nhưng bởi chướng duyên bờ bờ dồn dập nên dần dà cũng bị thoái chuyển, đến nỗi người học đạo nhiều như lông bò, kẻ đắc đạo hiếm tựa vẩy lân. Khi còn tu nhân, A Di Đà Phật thương xót họ nhọc khổ nên phát vô thượng nguyện. Do oai đức của Phật nên người

được nghe danh hiệu liền chứng đắc ba thứ Nhẫn, chứng được Bất Thoái Chuyển, chỉ tiến chẳng lùi, mau chứng được Bồ Đề, đây thật là nỗi vui mừng lớn.”

Thập Trụ Tỷ Bà Sa Luận lại nói: “*Nếu ai muốn mau chóng đạt đến địa vị Bồ Tát Bất Thoái Chuyển thì nên dùng tâm cung kính chấp trì danh hiệu*”.

Kinh Tiểu Bản cũng nói: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng giai đắc Bất Thoái Chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sinh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Sách Hội Sớ nói: “*Tam Nhẫn, Bất Thoái đều nằm trong danh hiệu. Khi xưng danh, do danh và nghĩa chẳng rời nhau nên liền tự đạt được những đức như thế*”. Cũng theo Hoàng Niệm lão:

“Rõ ràng, nếu nghe được danh hiệu, chỉ cần tín, nguyện, trì danh thì ắt có thể ngay trong hiện đời chứng được Bất Thoái. Điều đức của A Di Đà Phật Nhất Thừa nguyện hải thật khó nghĩ suy nổi, sáu chữ hồng danh là phương tiện rất ráo. Bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhiếp độ chúng sinh, nguyện nào cũng hiển thị lẽ chân thật. Phân ra thì đến bốn mươi tám nguyện, hợp lại chỉ là một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú: Chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân”.

III. TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC ĐỆ THẤT

KINH VĂN:

*Phật cáo A Nan: - Nhĩ thời Pháp Tạng tỳ kheo thuyết thử
nguyện dĩ, dĩ kệ tụng viết:*

*Ngã kiến siêu thế chí
Tất chí vô thượng đạo
Tư nguyện bất mãn túc
Thệ bất thành Đẳng Giác
Phục vi đại thí chủ
Phổ tế chư cùng khổ
Linh bỉ chư quần sanh,
Trường dạ vô ưu não,
Xuất sanh chúng thiện căn,
Thành tựu Bồ Đề quả.
Ngã nhược thành Chánh Giác
Lập danh Vô Lượng Thọ
Chúng sinh văn thử hiệu,
Câu lai ngã sát trung,
Nhu Phật kim sắc thân,
Diệu tướng tất viên mãn.
Diệc dĩ đại bi tâm,
Lợi ích chư quần phẩm,*

*Ly dục thâm chánh niệm,
Tịnh tuệ tu phạm hạnh.*

VIỆT DỊCH:

**Đức Phật bảo A Nan: - Khi ấy, tỳ kheo Pháp Tạng nói lời
nguyện ấy xong, dùng kệ tụng rằng:**

**Con lập chí siêu thế
Ắt đạt vô thượng đạo
Chẳng trọn vẹn nguyện ấy
Thề chẳng thành Đẳng Giác
Lại làm đại thí chủ
Phổ tế các cùng khổ
Khiến các quần sanh ấy
Đêm dài chẳng ưu não
Xuất sanh các thiện căn
Thành tựu Bồ Đề quả
Nếu con thành Chánh Giác
Lấy hiệu Vô Lượng Thọ
Chúng sinh nghe hiệu ấy
Đều sinh trong nước con
Thân sắc vàng như Phật
Diệu tướng đều viên mãn
Cũng dùng tâm đại bi
Lợi ích các quần phẩm**

Ly dục, chánh niệm sâu

Tịnh tuệ tu phạm hạnh

GIẢNG:

Tỳ kheo Pháp Tạng ở chỗ Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai phát bốn mươi tám nguyện xong liền ở trước Phật nói Kệ tụng, nhắc lại các hạnh nguyện của mình và thỉnh Phật chứng minh. Do đại nguyện của ngài chân thành, sâu rộng nên ứng thời cảm đắc mưa hoa, đất chấn động, trên không trung có tiếng khen rằng: “*Nhất định thành Phật*”. Đây là nội dung của phẩm thứ bảy này.

“*Nhĩ thời*” là lúc ấy; “*Kiến*” là kiến lập; “*siêu thế chí*”: Chữ “*chí*” là chí nguyện; chí nguyện của ngài kiến lập ra siêu thế. Đại đức xưa, đối với hai chữ “*siêu thế*” này có vài cách nói khác nhau: Như vào thời đại nhà Tùy có Pháp sư Huệ viễn (Tịnh Tông Sơ Tổ chúng ta là Đại Sư Huệ Viễn, vào thời Đông Tấn. Tên gọi của hai ngài giống nhau nên lịch sử gọi Pháp Sư Huệ Viễn triều nhà Tùy là tiểu Huệ Viễn). Ngài có chú giải Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Tịnh Ảnh Sớ, Tịnh Ảnh là tên chùa lúc đó ngài ở. Người đời sau tôn kính ngài, không gọi danh xưng mà gọi tên chùa của ngài, gọi ngài là Tịnh Ảnh Đại Sư. Ngài dùng bản Ngụy dịch, tức bản của Khương Tăng Khải (lưu thông rất thịnh hành ở Trung Quốc) cho rằng các nguyện: *Quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng và chư Phật khen ngợi ghi trong bản Ngụy dịch là những nguyện thuộc về Pháp Thân, nguyện cõi nước thanh tịnh và nguyện cõi nước trang nghiêm là Tịnh Độ nguyện*. Ngài Tịnh Ảnh chỉ coi năm nguyện này là siêu xuất thế gian. Ngài Cảnh Hưng cũng nghĩ như vậy. Các vị Nghĩa Tịch, Vọng Tây lại cho rằng cả bốn mươi tám nguyện đều là nguyện siêu thế. Thuyết sau rất đúng.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thực tế, có vị Bồ Tát nào mà không cầu Pháp Thân, không cầu sinh Tịnh Độ? Sở dĩ ngài Pháp Tạng chỗ này nói phát nguyện của ngài là “siêu thế”, bởi Bồ Tát phát nguyện tu hành cho dù chứng được quả vị Viên Giáo Sơ Trụ, còn phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp mới có thể chứng được Pháp Thân viên mãn. Thế nhưng, đối với pháp môn Tịnh Độ, người được vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc chỉ trong thời gian rất ngắn thì viên mãn nguyện vọng: Pháp Thân, Tịnh Độ đều hiện tiền, so với Bồ Tát Viên Giáo Sơ Trụ thì Tịnh Độ thù thắng hơn nhiều. Cho nên, hai chữ “siêu thế” này chính là tán thán Tây Phương Tịnh Độ, tán thán “Đời nghiệp vãng sinh”, tán thán “bình đẳng thành Phật”. Phương pháp của A Di Đà Phật là bình đẳng, quả đức cũng bình đẳng, thật không thể nghĩ bàn!

Cho nên, thời xưa rất nhiều đại đức như ngài Nghĩa Tịch, ngài Vọng Tây v.v... cho rằng tỳ kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, thầy đều là “siêu thế nguyện”, mỗi nguyện đều phổ độ pháp giới tất cả chúng sinh. Thuyết này rất có đạo lý!

Sách Bình Giải nhận xét:

“Sơ Tổ chúng ta (chỉ ngài Thiện Đạo) bảo bốn mươi tám nguyện chẳng thể nghĩ bàn, cũng gọi là thế nguyện vô ngại. Người đời cho rằng bốn mươi tám nguyện ấy mỗi nguyện riêng rẽ giống như những trái dẻ, trái hồng đặt cạnh nhau, đầy đều là những kiến giải hạn hẹp chẳng dung thông mà thôi! Chẳng phải như vậy! Ví như một bức gấm Tứ Xuyên khéo dệt thành hoa, quả, cành, lá giống như là có rễ, thân, cành lá sai khác, nhưng thật sự chỉ là một bức gấm mà thôi. Phật nguyện cũng vậy, tuy có đến bốn mươi tám nguyện, nhưng chỉ là do một trí Chánh Giác thiện xảo trang nghiêm nên gọi là thế nguyện vô ngại. Bốn mươi tám nguyện còn được gọi là nguyện chẳng thể nghĩ bàn, vì mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều

đầy đủ công đức chẳng thể nghĩ bàn. Các nguyện dung nhập lẫn nhau, không bị chướng cách, nên gọi là vô ngại”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Có thể nói bốn mươi tám nguyện cùng với Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một là tất cả, tất cả là một*”, trùng trùng vô tận, là một ý nghĩa. Việc này giống như ráp đồ hình, thiếu một miếng thì không viên mãn. Cho nên, bốn mươi tám nguyện đích thật là hỗ tương lẫn nhau, mỗi nguyện đều là hoàng nguyện siêu thế.

Trong Vãng Sanh Luận nói: “*Tam chủng trang nghiêm, nhập nhất pháp cú. Nhất pháp cú giả chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*” (Ba thứ trang nghiêm vào trong một pháp cú, một pháp cú là “chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân”). Bốn mươi tám nguyện đích thật là tròn đầy viên mãn, hàm nhiếp ba loại trang nghiêm: *Đạo sư trang nghiêm, đồng học trang nghiêm, hoàn cảnh y báo trang nghiêm*. Đạo sư là A Di Đà Phật; đồng học là người của mười phương thế giới vãng sinh; bốn độ ba bậc chín phẩm, người của mỗi phẩm vị vãng sinh đều không thể nghĩ bàn! Nói theo cách hiện tại: *Thầy giáo trang nghiêm, học trò trang nghiêm, trường học trang nghiêm*. Chữ “trang nghiêm” ở đây có nghĩa là hoàn mỹ, không có một mảy mai khiếm khuyết.

Trong quyển Pháp Sư Tán, Tổ Thiện Đạo còn bảo: “*Tuy hoàng nguyện nhiều đến bốn mươi tám nguyện, nhưng chỉ để nói lên Niệm Phật là việc thiết yếu nhất*”. Hơn nữa: “*Tiếng, chữ đều là thật Tướng*”, nên một câu danh hiệu “*Nam mô A Di Đà Phật*” chính là bản thể của Pháp Thân, chính là viên viên quả hải, bao gồm cả đức hiệu Pháp Thân của mười phương ba đời tất cả chư Phật, gồm cả chúng ta.

Hoàng Niệm lão nêu ra nhận xét: “*Bốn mươi tám nguyện chỉ nhằm đề cao Niệm Phật. Nguyện nào cũng bao hàm quả đức của*

Phật, nguyện nào cũng phơi bày trọn vẹn vô vi Pháp Thân, có thể nói nguyện nào cũng là nguyện Pháp Thân cả. Các nguyện dung nhập lẫn nhau không bị cách ngại, nguyện nào cũng chứa đựng vô lượng nguyện, thù thắng vô thượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng hề có hạn lượng. Nói cách khác, cái được gọi là “bốn mươi tám nguyện” ở đây cũng chỉ là giả danh nhằm tùy thuận chúng sinh, chớ thật ra bốn nguyện vô lượng. Hơn nữa, bốn nguyện tuy số đến vô lượng nhưng rốt ráo chỉ là một pháp cú mà thôi”.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Niệm A Di Đà Phật chính là niệm tánh đức viên mãn, tu đức viên mãn; tánh, tu không hai.

- Ngày nay chúng ta niệm Phật có hàm nhiếp tánh đức, tu đức viên mãn tròn đầy hay không?

- Nếu không thể, cho dù niệm Phật cũng không thể vãng sinh. Nếu đích thật viên mãn hàm nhiếp, vậy thì chắc chắn được vãng sinh Tịnh Độ.

- Thế nào là hàm nhiếp? Thế nào là không hàm nhiếp?

- Trên Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy chúng ta niệm Phật: “*Gom nhiếp sáu căn; tịnh niệm liên tục*”. Đây là tánh đức, tu đức viên mãn hàm nhiếp. Lý thể là tánh đức, công hạnh là tu đức. Tánh đức tức là tu đức, tu đức chính là tánh đức. Diệu tuyệt cái pháp môn này!

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói được rõ ràng hơn: “*Niệm Phật phải không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”, cũng chính là “lão thật Niệm Phật” thì tu đức cùng tánh đức chắc chắn liền tương ưng.

“*Ngã kiến siêu thế chi*” (Con lập chí siêu thế): Chữ “*Siêu thế*” cũng được các vị chú giải kinh giải thích khác nhau. Ngài Nghĩa Tịch giảng “*Siêu thế*” là không còn ở trong những địa vị thuộc thế

gian, nhưng chưa chứng Sơ Địa, nên gọi là “*Siêu Thế*”. Ngài Cảnh Hưng bảo: “*Siêu thế*” là đã viên mãn địa vị Thập Hượng. Cả hai thuyết này đều bảo ngài Pháp Tạng khi ấy vẫn chưa chứng được Sơ Địa. Các vị Thiện Đạo, Đàm Loan v.v... lại có kiến giải khác hẳn. Đại Sư Đàm Loan bảo:

“Pháp Tạng Bồ Tát ở nơi đức Thế Gian Tự Tại Vương Phật ngộ được Vô Sanh Pháp Nhãn, địa vị của ngài ngay khi ấy là Thánh Chủng Tánh (theo Kinh Anh Lạc, Thánh Chủng Tánh là loại thứ bốn trong sáu chủng tánh. Thánh Chủng Tánh là Thập Địa Bồ Tát). Từ trong tánh ấy phát ra bốn mươi tám nguyện.”

Thiện Đạo Đại Sư cũng cho rằng ngài Pháp Tạng khi phát tâm đã thuộc hàng Thập Địa Bồ Tát. Như vậy, “*siêu thế*” là vượt khỏi địa vị Địa Tiên (quan điểm này coi những giai vị (địa vị chứng đắc) trước khi chứng được Sơ Địa đều thuộc về thế gian cả). Nói cách khác, Sơ Địa trở lên mới gọi là “*Siêu thế*”, tiêu chuẩn này cao! Địa Tiên là: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hượng.

Hơn nữa, nguyện của ngài Pháp Tạng không những chỉ vượt trội nguyện của tất cả người trong tam thừa mà còn thù thắng hơn nguyện của chư Phật. Kinh nói: Pháp Tạng Bồ Tát trước khi phát tâm đã nói: “*Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả*” (Tôi lập nguyện này đều thù thắng hơn vô số các cõi nước Phật). Trong phẩm “Quốc Giới Nghiêm Tịnh, đệ thập nhất”, phần nói về sở nguyện thành tựu của Kinh Vô Lượng Thọ cũng chép: “*Vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới*”. (Vi diệu lạ lùng, đẹp đẽ, trang nghiêm, thanh tịnh, vượt xa hết tất cả thế giới trong mười phương) và “*A Di Đà Phật, quang trung cực tôn, Phật trung chi Vương*” (quang minh của A Di Đà Phật tôn quý nhất trong các quang minh, ngài là vua trong các vị Phật), chứng tỏ lời

nguyện siêu thế của Pháp Tạng Bồ Tát cũng thù thắng hơn lời nguyện của chư Phật.

Tóm lại, theo cụ Hoàng Niệm Tổ: “Thế giới Cực Lạc vô lượng trang nghiêm, hiển lộ trọn vẹn tự tánh của đương nhân. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, lý sự vô ngại; nước, chim, cây cối cùng tuyên dương chánh pháp; sắc, thanh, mùi hương, ánh sáng đều khiến cho đạo niệm tăng trưởng; trùng trùng vô tận, tự tại vô ngại, toàn là viên minh cụ đức chẳng thể nghĩ bàn. Toàn thể là sự sự vô ngại pháp giới. Nghe danh hiệu lại chứng được Bất Thoái; trông thấy cây liễn khế ngộ Vô Sanh; mười niệm ắt sinh về Tịnh Độ; phạm phu cũng dự vào Bồ Xứ. Những sự như vậy khắp các cõi nước mười phương không nơi nào khác có nổi, chỉ mình cõi Đông Cự Cực Lạc riêng có, nên gọi là nguyện vô thượng thù thắng siêu thế vậy”.

“Tất chí vô thượng đạo” (Ất đạt vô thượng đạo): Chữ **“tất chí”** là khẳng định như vậy, một chút hoài nghi cũng không có, quyết định đến vô thượng đạo, Phật quả cứu cánh viên mãn.

Chữ “đạo” chỉ Bồ Đề. Bồ Đề là đạo được Như Lai chứng đắc. Bởi đạo ấy không có gì hơn được nên gọi là vô thượng, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chữ **“tất chí”** (ất đạt) có thể hiểu theo hai cách:

1. **“Xem vô thượng đạo là chủ thể của bốn nguyện:** Trong mỗi nguyện, ngài đều dùng Chánh Giác tự thề như hai câu kế tiếp: **“Tu nguyện bất mãn túc, thệ bất thành Đẳng Giác”** (Chẳng trọn vẹn nguyện này, thề chẳng thành Đẳng Giác). Như vậy, xét về toàn thể bốn mươi tám nguyện, tuy mỗi nguyện sai khác nhưng đều xuất phát từ một điểm căn bản nhằm giúp cho chúng sinh chứng nhập vô thượng đạo cùng thành Chánh Giác.

2. **“Xem vô thượng đạo là quả của đại nguyện:** Tịnh Ảnh Sớ giảng: **“Quyết định đắc quả nên bảo là ất đạt vô thượng đạo”**.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Sau khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, Hòa Thượng đã định ra một bản khóa tụng sớm, tối: Khóa sớm, chúng ta không đọc Chú Lăng Nghiêm, không đọc mười tiểu chú mà đọc Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ sáu; chủ yếu là phải đem bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật biến thành bốn nguyện của chính mình, như vậy mới được. Chúng ta mỗi ngày niệm, không phải niệm bốn nguyện của A Di Đà Phật mà chiếu theo bốn nguyện của A Di Đà Phật khiến nội tâm chúng ta tự phát ra cái nguyện này, như vậy là đúng. Tâm chúng ta đồng với tâm A Di Đà Phật; nguyện chúng ta đồng nguyện với A Di Đà Phật thì có lý nào không thành công chứ. Ngài “*Tất chí vô thượng đạo*”, chúng ta thì “*Tất chí đạo Cực Lạc quốc, thân cận A Di Đà Phật*”.

“**Phục vi đại thí chủ, phổ tế chư cùng khổ**” (Lại làm đại thí chủ, phổ tế các cùng khổ): “Đại thí chủ” là người bố thí cho hết thảy mọi loài chúng sinh. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Bồ Tát hành môn tuy nhiều, Thế Tôn đem vô lượng vô biên hành môn này qui làm sáu loại lớn gọi là sáu Ba-la-mật. Nếu qui nạp nữa, có thể qui nạp thành một cái “Bố Thí”. Cho nên, nếu muốn hỏi:

- Bồ Tát tu pháp gì từ sơ phát tâm đến viên thành Phật đạo?
- Chỉ có pháp Bố Thí mà thôi!

Bố Thí có ba loại lớn: Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí và Vô Úy Bố Thí. Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn Nhục Ba-la-mật là “Vô Úy Bố Thí”. Tinh Tấn Ba-la-mật, Thiền Định Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật là thuộc về “Pháp Bố Thí”. Cho nên, vừa qui nạp lại chính là một cái “Bố Thí”.

“*Phổ tế chư cùng khổ*”: “Phổ” là phổ biến, trong chữ này hàm nghĩa: Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi vậy mới là “Phổ”. Nhất định không có thiên tâm, không có thiên ái, không có nhiệm trước. “Chư” là chỉ cho tất cả chúng sinh trong sáu cõi, nói

rộng hơn là mười pháp giới, hướng sâu hơn một tầng là bao gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong pháp giới Nhất Chân.

- Pháp Thân Đại Sĩ họ cũng có “*cùng khổ*” sao?

- Có! Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm “Sanh tướng vô minh”, đó chính là “*cùng khổ*” của họ. Chúng ta phải phát đại tâm. Hiện tại, chúng ta nghe thấy hai chữ “*cùng khổ*” liền khởi ý niệm: Người này không có cơm ăn, không có áo mặc, không có nhà ở v.v... đời sống họ rất khổ. Đây là chúng ta chỉ hiểu được một khía cạnh của vấn đề, mặt khác chúng ta vẫn chưa hiểu! Ngày nay, đại phú trưởng giả trong xã hội vẫn “*cùng khổ*”, tuy họ có địa vị, có quyền lực, có tiền tài.

- Họ “*cùng khổ*” ở chỗ nào?

- Ở chỗ họ không có đạo! Họ không thể liễu sinh tử, không thể ra khỏi ba cõi, đây là “*cùng khổ*” của họ!

Trong pháp giới bốn thánh: *Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật*; tuy Kiến Tư phiền não đã đoạn nhưng Trần Sa, Vô Minh chưa đoạn tận nên không thể ra khỏi mười pháp giới, đó là “*cùng khổ*” của họ!

Trong pháp giới Nhất Chân: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, vô minh cũng chưa đoạn tận, nên không thể chứng được Pháp Thân viên mãn, đó là “*cùng khổ*” của họ! Thoát khỏi “*cùng khổ*” chỉ có người đạt đến quả địa Như Lai. Từ Đẳng Giác trở xuống đều “*cùng khổ*”, cho dù “*cùng khổ*” của họ không như nhau.

Chúng ta đích thật không có năng lực cứu tế họ, chỉ biết khuyên người niệm Phật. Chỉ cần niệm A Di Đà Phật, vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, “*cùng khổ*” của họ liền tiêu hết. Phương pháp này cũng đủ dùng rồi: Trên có thể độ Bồ Tát Đẳng Giác, dưới có thể độ chúng sinh địa ngục. Đây là bình đẳng được độ.

Chúng ta phải thật có tâm giúp người. Mỗi giờ, mỗi phút, mỗi chỗ, mỗi nơi, dùng phương tiện khéo léo giúp người giải quyết khó khăn. Hôm nay, họ không có cơm ăn, áo mặc, chúng ta chính mình phải tiết kiệm một chút để giúp người. Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời mỗi ngày chỉ ăn một bữa.

- Vì sao không ăn ba bữa?

- Hai bữa kia bớt lại để cứu tế người “*cùng khổ*”.

Cho nên, trong cuộc sống thường ngày phải biết tích phước, hiểu được tiết kiệm. Ngoài việc giúp họ ăn mặc, đi đứng ra, càng quan trọng hơn phải giúp họ giải quyết “*cùng khổ*” lâu dài, đó là đem pháp môn Tịnh Độ truyền trao cho họ. Chúng ta phải toàn tâm, toàn lực giúp họ. Chỗ này Pháp Tạng tỳ kheo khải thị chúng ta phải noi theo ngài, phát tâm làm đại thí chủ, giúp tất cả chúng sinh “phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”. Có như vậy, tâm nguyện chúng ta cùng tâm nguyện của Phật mới không khác.

Trong phẩm Tích Công Lũy Đức đệ bát của kinh này viết :
“*Hằng dĩ Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, lục độ chi hạnh, giáo hóa an lập chúng sinh trụ u vô thượng chân chánh chi đạo*” (Luôn dùng hạnh sáu độ: Bồ Thí, Trì giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí tuệ để giáo hóa an lập chúng sinh trụ nơi đạo vô thượng chân chánh) là nói về Pháp Thí. Còn câu “*Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình*” (Trong tay thường tuôn ra vô tận các báu, vật trang nghiêm, hết thảy các vật cần dùng tối thượng để lợi lạc hữu tình) là nói về Tài Thí. Như vậy, “đại thí chủ” phải tu cả hai loại: Pháp Thí và Tài Thí. Như Sách Hội Sớ bảo: “*Dùng của cải để giúp kẻ nghèo trong thế gian, dùng pháp độ khắp kẻ thiếu phước, nên gọi là đại thí chủ*”.

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: Chúng ta đều biết đức Quán Thế Âm Bồ Tát ngàn mắt, ngàn tay. Ngàn mắt, ngàn tay là biểu pháp, đại biểu “mắt thấy, tay đến”; xem thấy chúng sinh có khổ nạn, lập tức liền cứu giúp là ý này. Nói thật với bạn, bao gồm tất cả chư Phật, Bồ Tát thầy đều là ngàn tay, ngàn mắt, không phải riêng chỉ Bồ Tát Quan Âm. Không hề ngoại lệ!

“*Hàng đĩ bố thí*”: “*Hàng*” là vĩnh viễn; vĩnh viễn phải tu Bồ Thí. Nếu chân thật nghĩ đến “*Phổ tế chư cùng khổ*”, chính mình nhất định phải tiết kiệm. Đây chính là thường thực hiện cái nguyện này.

Trì Giới là thủ pháp. Có số đồng tu đến từ Trung Quốc nói với tôi: Họ hy vọng trong nước thành lập Tịnh Tông Học Hội có được hay không? Tôi nói:

- Bạn hỏi sai người rồi! Tôi không quản Trung Quốc, sao có thể hỏi tôi?!

- Ai quản việc của Trung Quốc?

- Hiệp hội Tôn giáo, Cục Tôn giáo của chính phủ sở tại, bạn hỏi họ mới đúng! Đây gọi là “*Trì giới thủ pháp*”.

Bạn muốn thành lập đạo tràng, xây Niệm Phật Đường bên đó, hoặc giả muốn thỉnh Pháp sư giảng kinh nói pháp, nhất định phải được sự phê chuẩn của Cục Tôn Giáo Hiệp Hội, Phật Giáo sở tại. Phật dạy chúng ta phải tuân thủ pháp luật. Họ không phê chuẩn thì chúng ta không làm! Chúng ta phát tâm nhưng duyên chưa chín muồi thì từ từ chờ đợi!

Phải có biểu hiện rất tốt để chính phủ có lòng tin đối với chúng ta, biết được bạn là người tốt, làm ra là việc tốt thì họ đương nhiên sẽ phê chuẩn. Hiện tại, những gì bạn làm ra, họ đều hoài nghi! Họ cảm thấy con người bạn chưa đáng tin! Có phải bạn mượn danh nghĩa đề mục này để làm những việc khác chẳng nên họ không phê

chuẩn! Vạn nhất không nên vội vàng! Nhất định phải chờ đợi thời tiết nhân duyên chín muồi! Nhất định phải tuân thủ pháp luật!

Nhẫn Nhục: Đòi hỏi bạn phải có lòng nhẫn nại. Càng là sự việc lớn, càng phải có lòng nhẫn nại lớn. Ngay trong thời gian chờ đợi, vẫn tiếp tục trau dồi đức hạnh và học vấn của chính mình chớ để thời gian trôi qua. Người xưa nói: Có cơ duyên thì “kim thiện thiên hạ”, vì chúng sinh rộng khắp mà phục vụ; không có cơ duyên thì “độc thiện kỳ thân”, chính mình tiếp tục nỗ lực tu học, thành tựu đức hạnh, học vấn, năng lực của chính mình. Khi cơ hội đến, bạn mới chân thật có năng lực vì đại chúng phục vụ. Đây là nhẫn nhục Ba-la-mật. *Người học Phật, bất luận trong tình huống nào, nhất định phải tuân thủ pháp luật. Nếu ngược lại, sẽ tạo thành chướng ngại rất lớn trong việc hoằng pháp lợi sinh về sau. Chướng ngại này là chính mình tạo, không phải người khác.*

Tinh Tấn ở đây có nghĩa là một môn thâm nhập, huân tu thời gian dài. Trong quá trình tu học, chọn lựa pháp môn rất là quan trọng. Phải chọn lựa pháp môn phù hợp với năng lực, hoàn cảnh của chính mình thì sự tu học mới thuận tiện, dễ dàng hơn.

Kinh Kim Cang nói: “Pháp môn bình đẳng không có cao thấp”, quan trọng nhất là phải khế cơ, thích hợp với căn cơ của chính mình, có thể sinh tâm hoan hỷ, thành tựu sẽ rất nhanh, chướng ngại sẽ giảm ít, đây gọi là Tinh Tấn. Cho nên, vạn nhất không nên học rộng nghe nhiều. Nếu học rộng nghe nhiều, chỉ lược qua không sâu, thường thức của bạn tuy rất phong phú nhưng trí tuệ chân thật thì không có! Bạn cũng có thể giảng kinh thuyết pháp đến hoa trời rơi rụng nhưng chính bạn không được thọ dụng!

Thế nhưng, vừa rồi có đồng tu nói với tôi:

- Đạo tràng chúng ta luân phiên mời chín tôn giáo lớn ở Singapore đến đây để giảng kinh của họ, chúng ta đều đến tiếp nhận, đến nghe, vậy có phải là xen tạp hay không?!

- Chúng ta chân thật đến nghe, chân thật đến học, tuyệt đối không phải là giả! Nhưng, trong đó chỉ cầu “*dung hội quán thông*”. Chúng ta đối với chín tôn giáo bạn không phải chỉ hòa hợp biểu hiện trên hình thức mà phải từ trên giáo nghĩa, trên giáo lý được y cứ hòa mục, đoàn kết hợp tác, đây là quảng độ chúng sinh, là “*Phục vi đại thí chủ, phổ tế chư cùng khổ*”.

- Chúng ta dùng thái độ gì để học?

- Vẫn là một bộ kinh, vẫn một môn thâm nhập.

Chúng ta có thể nghe rất nhiều pháp môn nhưng chúng ta không nghiên cứu những pháp môn này, cũng không đọc những pháp môn này. Có người giảng, chúng ta đến nghe để dung nhiếp tinh hoa của họ, qui đến pháp môn mà chúng ta đã học, vậy thì đúng! Sẽ không có chướng ngại. “*Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”. Chúng ta nhất quyết phải ủng hộ họ; cố gắng khích lệ, hoan nghênh họ giảng ở nơi đây thời gian dài. Đây là thế giới đệ nhất gia! Trước đây toàn thế giới chưa có qua, chúng ta khai trương ở nơi này: Chín tôn giáo lớn trong một giảng đường giảng kinh, đây là lần đầu tiên, cũng là rất hy hữu khó được! Cho nên, chúng ta nơi đây không chỉ là được chư Phật, Bồ Tát bảo hộ mà thần thánh của chín tôn giáo cũng bảo hộ chúng ta. Thật là thù thắng!

- Nguyên nhân là gì?

- Chúng ta có thể làm “*đại thí chủ*”, cúng dường khắp tất cả.

Thiền Định: Là chính mình có nhận biết, có chủ thể không bị ngoại duyên làm dao động. Nếu cảnh giới hiện tiền, tâm không làm chủ được, phải mau niệm A Di Đà Phật. Dùng một câu A Di Đà Phật,

đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của mình khắc phục, đè xuống, đây là tu thiền định. Tùy lúc, tùy nơi đều tu học như vậy, dần dà *Trí Tuệ* sẽ khai mở.

Trên đây là sáu cương lĩnh Phật, Bồ Tát dạy bảo chúng ta. Chúng ta như giáo tu hành, đó là chân thật cúng dường. Không chỉ chính mình tu hành còn phải giúp người khác, hy vọng người khác cũng hiểu được tường tận, cũng có thể tu học như vậy. Cho nên, tự hành nhất định phải hóa tha. Hóa tha chính là tự hành; tự hành chính là hóa tha. Tự hành, hóa tha là một sự việc, không phải hai sự việc.

Hiện tại, phương pháp bố thí có rất nhiều, thù thắng nhất là đài truyền hình. Tôi một đời không chủ trương xây đạo tràng. Chính tôi cả đời không có đạo tràng để ở, chỉ ở đạo tràng của người, đây cũng là quả báo! Tôi, nếu như chân thật có tài lực sẽ xây đài truyền hình, xây đài phát thanh, dùng cái này để hoằng pháp, sẽ ảnh hưởng rộng lớn, đem Phật pháp đến từng gia đình. Chúng ta chính mình không có phước báo, chỉ cầu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có đại phước báo. Chúng ta chân thật đồng tâm, đồng nguyện với ngài, đích thật là không có chính mình, không có chút nào là tự tư tự lợi, quyết không nếm chút danh vọng lợi dưỡng, sẽ có cảm ứng với A Di Đà Phật.

Phải phát nguyện “*Phổ tế chư cùng khổ*”, tôi ở nơi đây mở đường thay cho các bạn. Hy vọng tương lai các bạn rất nhanh đều có thể tiếp nối. Nhất định phải chăm chỉ, phải nỗ lực! Con người ở thế gian phải vì chúng sinh phục vụ, phải vì chúng sinh làm ra công hiến chân thật. Được vậy, đời sống mới có ý nghĩa, mới có giá trị, ngay đời này sống không uổng phí; tiền đồ đời sau của bạn ắt sẽ quang minh vô hạn. Cho nên, ở thế gian này phải trải qua đời sống thanh khổ. Kỳ thật, người khác xem thấy bạn sống thanh khổ nhưng chính

bạn cảm thấy thật an vui không gì bằng! Lạc thú trong đây gọi là thanh phước, người thế gian rất khó mà thể hội được!

“*Linh bỉ chư quần sanh, trường dạ vô ưu não*” (Khiến các quần sanh ấy, đêm dài không phiền não) Hoàng Niệm lão giải thích câu này như sau: Chúng sinh mãi trầm luân trong sinh tử nên ví như đang ở trong **“*trường dạ*”** (đêm dài) như kinh thường nói: “**Sinh tử trường dạ**” (đêm dài sinh tử). “**Đêm**” tượng trưng cho tối tăm không ánh sáng. Tâm chúng sinh triền miên bị vô minh che lấp nên hôn mê chẳng giác ngộ, chìm đắm trong biển sinh tử, oan uổng chịu đựng các nỗi khổ. Vì muốn cho chúng sinh vĩnh thoát khỏi ách khổ não lo, buồn của đêm dài sinh tử nên thí cho hai thứ pháp và tài. Do lòng từ bi cùng cực, lại khiến cho họ được:

“*Xuất sanh chúng thiện căn, thành tựu Bồ Đề quả*” (Xuất sanh các thiện căn, thành tựu quả Bồ Đề).

Trong hết thảy các loại bố thí, cách bố thí sau đây là tối thượng: Khiến hết thảy chúng sinh rốt ráo lìa khổ được vui, phát sinh được các thiện căn, thành tựu Bồ Đề; không gì hơn là pháp “**Trì Danh Niệm Phật**”, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc. Do vậy, ngài nói tiếp rằng:

“*Ngã nhược thành Chánh Giác, lập danh Vô Lượng Thọ, chúng sinh văn thử hiệu, câu lai ngã sát trung*” (Nếu tôi thành Chánh Giác, lập hiệu Vô Lượng Thọ, chúng sinh nghe hiệu ấy, đều sinh trong nước tôi). Cũng theo Hoàng Niệm lão: **“*Bốn câu này là tâm tủy của đại nguyện, là tròng mắt của toàn bộ kinh, là cánh tay màu nhiệm độ sinh của mười phương Như Lai, là thuyền báu để giúp chúng sinh thoát khổ; cả bốn mươi tám nguyện chỉ nhằm khai diễn ý nghĩa của bốn câu kệ trên*”**, đúng như ngài Thiện Đạo bảo: **“*Nguyện nào cũng là để chỉ bày pháp Niệm Phật*”**.

Có không ít người nghi vấn đối với pháp môn Tịnh Độ, họ bảo: Trên kinh Đại thừa, Phật thường nói pháp môn bình đẳng không có cao thấp, sao cứ tán thán Tịnh Độ, lý do ở chỗ nào? Hòa Thượng Tịnh Không nói: Ngày nay, giảng đến bài kệ này, chúng ta không thể không giải bày thù thắng của pháp môn Tịnh Độ chính là: rất đơn giản, rất dễ dàng, rất ổn định thành tựu, không gì sánh bằng! Trên lý mà nói: Pháp môn đích thật là bình đẳng. Trên sự thì pháp môn này quá thuận tiện, người người đều có thể tu, người người đều có thể thành tựu. Thù thắng ưu việt là “bình đẳng thành tựu”.

Hoàng Niệm Lão ca ngợi: “Thánh hiệu A Di Đà có vô lượng nghĩa: Vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng thanh tịnh, vô lượng trang nghiêm, vô lượng trí tuệ, vô lượng Bồ Đề, cho đến vô lượng điều vô lượng. Vô lượng thọ biểu thị Pháp Thân thường trụ, danh hiệu hàm nhiếp tất cả pháp. Vì vậy danh hiệu của Như Lai vang khắp mười phương, chúng sinh được nghe danh đều sinh trong nước Ngài. Do xưng danh liền có nhiều thiện căn, được sinh Tịnh Độ nên chắc chắn chứng Bồ Đề. Thật là phương tiện rốt ráo, thù thắng viên mãn. Di Đà đại nguyện sở dĩ siêu thế và được xưng là đáng nguyện vương chính là do bởi những điều này”.

“Như Phật kim sắc thân, diệu tướng đều viên mãn” (Thân sắc vàng như Phật, diệu tướng đều viên mãn). Nguyện người sinh về nước tôi, thân tướng giống như Phật, thân đều có sắc vàng đủ cả ba mươi hai tướng tốt. Hai câu này nhắc lại nguyện thứ ba, và thứ tư, chỉ nói thêm là thù thắng, viên mãn, ngụ ý thân chúng sinh giống hệt như thân Phật.

“Diệt dĩ đại bi tâm, lợi ích chư quần phẩm” (Cũng dùng đại bi tâm, lợi ích khắp các phẩm).

Theo Hoàng Niệm lão: Hai câu kệ trước nói về “*thân đức*”, hai câu kệ này nói về “*tâm đức*”. Cần chú ý hai chữ “*diệt dĩ*” (cũng

dùng) ngụ ý: Nguyện rằng những người đã sinh về cõi tôi thấy đều giống như tôi (Pháp Tạng) dùng tâm đại bi tạo lợi ích cho khắp các loài chúng sinh. Lại nguyện rằng nhân dân cõi Cực Lạc đều giống như đức Phật: Xem các chúng sinh như chính thân mình cùng phát khởi tâm Đồng thể Đại Bi như phẩm Hạnh Nguyện của Kinh Hoa Nghiêm đã nói: *“Nhân u chúng sinh nhi khởi đại bi, nhân u đại bi sinh Bồ Đề tâm, nhân Bồ Đề Tâm thành Đẳng Chánh Giác”* (Nhân nơi chúng sinh mà khởi đại bi, do đại bi mà sinh tâm Bồ Đề, do tâm Bồ Đề mà thành Đẳng Chánh Giác). Vì vậy, nguyện chúng sinh sinh về cõi tôi cũng phát tâm đại bi lợi ích khắp muôn loài. Chữ “phẩm” là phẩm loại. *“Lợi ích chư quần phẩm”* nghĩa là làm lợi ích cho khắp tất cả chúng sinh muôn loài.

“Ly dục thâm chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh” (Ly dục chánh niệm sâu; tịnh tuệ, tu phạm hạnh): “Dục” là tham dục. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: *“Ly dục thanh tịnh thị tối vi thắng”* (Ly dục thanh tịnh là tối thắng). “Chánh niệm” là một trong Bát Chánh Đạo. Là tà phân biệt, niệm Thật Tánh của pháp thì gọi là “Chánh niệm”. Quán Kinh Sớ giảng: *“Xả Tướng nhập Thật gọi là Chánh Niệm”*.

Sách Hội Sớ giảng chữ “tịnh tuệ” như sau: *“Tịnh tuệ chính là Bát Nhã Ba La Mật, chẳng phải là trí tuệ bất tịnh của nhân, thiên, Tiểu thừa, nên gọi là tịnh tuệ”*. Hoàng Niệm lão nói:

“Phạm hạnh” là hạnh thanh tịnh vô dục, là một trong năm hạnh Kinh Niết Bàn dạy, là hạnh lợi tha của Bồ Tát để đối trị hết thảy điều bất thiện, lia lầm lỗi được thanh tịnh nên gọi là Phạm hạnh. Vạn hạnh để chứng Niết Bàn cũng gọi là Phạm hạnh.

Sách Hội Sớ nói: *“Dục là nguyên nhân của các khổ, dùng Thí Độ và Giới Độ để xa lìa, chánh niệm để khéo gìn giữ như mặc áo giáp vào thành. Nhẫn Độ, Định Độ để tu hành (hạnh ly dục). Tịnh*

Tuệ là Bát Nhã Độ, Tinh Tấn hiện diện trong cả năm Độ. Đây là Lục Độ của Bồ Tát”.

Ngài Vọng Tây hiểu hơi khác, ngài bảo: “*Ly dục chính là không tham, khéo chánh niệm là không sân, tịnh tuệ là không si, đó gọi là Phạm Hạnh”.*

KINH VĂN:

*Nguyện ngã trí tuệ quang
Phổ chiếu thập phương sát,
Tiêu trừ tam cấu minh
Minh tế chúng ách nạn
Tất xả tam đồ khổ
Diệt chư phiền não ám
Khai bỉ trí tuệ nhãn
Hoạch đắc quang minh thân
Bế tắc chư ác đạo
Thông đạt thiện thú môn
Vị chúng khai pháp tạng
Quảng thí công đức bảo.*

VIỆT DỊCH:

**Nguyện trí tuệ quang tôi
Chiếu khắp mười phương cõi
Tiêu trừ tối tam cấu
Độ khắp các ách nạn**

**Đều bỏ tam đồ khổ
Diệt các tội phiền não
Mở được mắt trí-tuệ
Đạt được thân quang minh
Bé tắt các đường ác
Thông đạt thiện thú môn
Vì chúng khai pháp tạng
Rộng thí báu công đức.**

GIẢNG:

Đoạn trước nói về “vô lượng thọ”, đoạn này nói về “vô lượng quang”. “Vô lượng thọ” là Thế; “vô lượng quang” là Tướng và Dụng. Từ công dụng của thế tướng sinh ra vô biên đức giáo hóa và lợi ích. Trong hai câu:

“*Nguyện ngã trí tuệ quang, phổ chiếu thập phương sát*”
(Nguyện trí tuệ quang của tôi, chiếu khắp mười phương cõi): Đây là “tuệ quang phổ chiếu”, Pháp Tạng Bồ Tát phát bốn mươi tám nguyện, mỗi đại nguyện đều vì chúng sinh. Trên thực tế, cái nguyện này đã thực hiện rồi, không chỉ là quang minh của Phật, sắc tướng của Phật, âm thanh của Phật, mỗi mỗi đều là châu biến pháp giới. Phàm phu chúng ta chưa thấy được, chưa nghe được đây đều do vọng niệm, phiền não tập khí của chúng ta quá nhiều, tâm ý qua loa, không thể nào thể hội được! Chữ “*trí tuệ quang*” có hai nghĩa:

- Một là như Kinh Niết Bàn dạy: “*Quang minh danh vi trí tuệ*” (Quang minh gọi là trí-tuệ). Kinh Siêu Nhật Nguyệt Minh Tam-Muội cũng dạy: “*Đại trí phát ngoại, năng chiếu pháp giới, danh vi*

quang minh” (Đại trí phát ra ngoài, chiếu soi pháp giới thì gọi là quang minh).

- Hai là như Đàm Loan Đại Sư viết trong Tán A Di Đà Phật Kệ: “*Phật quang năng phá vô minh ám, cố Phật hựu hiệu Trí Tuệ Quang*”. (Phật quang chiếu tan tăm tối vô minh, nên Phật hiệu là Trí Tuệ Quang).

“*Trí Tuệ Quang*” là một trong những thánh hiệu của A Di Đà Phật và cũng là một trong mười hai thứ quang minh của ngài. Đức Di Đà tuy có mười hai danh hiệu, nhưng thật ra trong mỗi danh hiệu đều gồm trọn các đức tánh quang minh khác; vì vậy, Trí Tuệ Quang cũng là Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đẳng Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang v.v...

“*Phổ chiếu thập phương sát*” (Chiếu khắp mười phương cõi). Chữ “*Phổ chiếu*” này ý nghĩa rất sâu. “*Phổ*” là bình đẳng, là thanh tịnh mới gọi là “*Phổ*”. Thế Tôn năm xưa ở đời, bốn mươi chín năm vì mọi người giảng kinh nói pháp. Mỗi câu, mỗi chữ đều là Trí-Tuệ quang, đều là phổ chiếu mười phương cõi. Ngày nay, tuy Phật không còn trụ thế, nhưng giáo pháp của ngài vẫn lưu lại thế gian. Chúng ta mở quyển kinh ra, chính là Phật quang phổ chiếu. Chúng ta đọc tụng là “*Trí-Tuệ quang*” hiện tiền. Chúng ta nghiên thảo hay giảng giải cũng là “*Trí-Tuệ quang*” hiện tiền. “*Trí-Tuệ quang*” rõ ràng nhất chính là “*y giáo phụng hành*”, quả nhiên “*Vô Lượng Quang Thọ*” của Phật mỗi giờ, mỗi phút, mỗi chỗ, mỗi nơi đều có thể thể hội được. Đây là thật không phải giả! Quang minh ấy chính là Trí-Tuệ chiếu tan tăm tối, vô minh phiền não trọng trọc của chúng sinh.

“*Tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn*” (Tiêu trừ tối tam cấu, độ khắp các ách nạn). “*Tam cấu*” là tên khác của tam độc, “*tham-sân-si*”. “*Minh*” (冥) là tăm tối, là vô tri, “*Tam cấu minh*” là ba độc tối tăm. Trong chữ “*minh tế*” (tạm dịch là “*độ khắp*”),

“*Minh*” (明) có nghĩa là sáng suốt, đầy đủ, đông nhiều. “*Té*” là độ, là cứu. Sách Hội Sớ bảo: “*Minh té nghĩa là quang té*” nên “*minh té*” nghĩa là cứu độ một cách rộng lớn. Chữ “*ách*” là tai ách, khổ sở, trôi buộc. “*Tam câu minh*” là nghiệp nhân, “*ách nạn*” là quả báo. Các ách nạn nhiều đến vô số nên bảo là “*chúng ách nạn*” (các ách nạn).

Ngày nay, thế gian thiên tai, nhân họa trùng trùng, tần suất này không ngừng nâng cao; tai nạn lần sau nghiêm trọng hơn lần trước, chân thật đúng như trong kinh điển mà Phật đã nói: “*Đời ác năm trước*”. Hiện tại có thể nói là trước ác đến cùng tột! Muốn tận trừ tai ương, hiểm họa, thực tiễn chân thật hòa bình ở thế giới này cần phải nhờ vào “*Trí-Tuệ quang*” của Phật mới tiêu trừ “*tam câu minh*” của nhân loại. Đây là phương pháp chính xác! Sự việc này chính trị, quân sự, vũ lực không làm được! Cả kinh tế, khoa học, kỹ thuật cũng không làm được!

Chúng ta mới thể hội giáo huấn của Phật hay “*Trí-tuệ quang*” của Phật thật vô cùng cần thiết để tháo gỡ tận gốc mầm mống của tất cả tai ương, hiểm họa do chính “*tham-sân-si*” (tam câu) con người tạo ra mà không hay biết. Ba câu này làm ô nhiễm tâm tánh con người nên gọi là “*câu*”, khiến cho chúng sinh mù tối nên gọi là “*minh*”. “*Tam câu minh*” là nghiệp nhân dẫn dắt chúng sinh lưu chuyển trong luân hồi sinh tử. Tiêu diệt được nghiệp nhân này thì khổ báo bèn dứt, nên bảo là “*minh té*” (độ khắp).

“*Tất xả tam đồ khổ, diệt chư phiền não ám*” (Đều bỏ tam đồ khổ, diệt các tội phiền não): Tiêu trừ ba độc thì thoát khỏi ba ác đạo. Do sự khổ trong tam đồ rất nặng nên Đại Thánh chạnh lòng thương, nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều được xa lìa. Vì vậy, trong bốn mươi tám nguyện, hai nguyện đầu tiên là “*Quốc vô ác đạo*” (Trong cõi nước không có ba ác đạo) và “*Bất đạo ác thú*” (Chẳng còn đạo vào ác đạo) cùng với câu “*tất xả tam đồ khổ*” ở đây có cùng một

ý nghĩa. “*Ám*” là thí dụ cho vô minh, phiền não che lấp nguồn tâm khiến chúng sinh tăm tối, mù lòa không thấy được lẽ thật nên bảo là “*ám*”. “*Phiền não ám*” cũng đồng nghĩa với “*tam cấu minh*” phía trước.

Trong Du Già Sư Địa Luận, Phật đem vô lượng vô biên phiền não qui nạp thành hơn một trăm loại, đối với người sơ học vẫn là quá nhiều. Bồ Tát Thiên Thân bèn qui nạp thành hai mươi sáu loại gồm: Sáu “*căn bản phiền não*” và hai mươi cái “*tùy phiền não*”. “*Căn bản phiền não*” chính là “*tham-sân-si-mạn-nghi-ác kiến*”. “*Ác kiến*” là kiến giải sai lầm, chúng ta luôn phải rõ ràng tường tận, chính mình ngay trong cuộc sống thường ngày khi khởi tâm động niệm liền biết được đó là niệm thiện hay niệm ác, từ đó mà hạ thủ công phu đoạn ác tu thiện. Đây chính là những gì Tổ Sư, đại đức thường dạy chúng ta tu hành phải tu từ căn bản.

Giáo huấn của Phật ví như mặt trời, Trí Tuệ quang của Phật chính là Bát nhã, là chánh trí của tự tánh vốn đủ trong mỗi người chúng ta, Trí tuệ này có thể phá vô minh phiền não. Cho nên, “*diệt chư phiền não ám*”, nếu như không dùng Trí tuệ Bát Nhã, chắc chắn không thể diệt được, cho dù bạn có học rộng nghe nhiều, cái trí đó chỉ là “*Thế trí biện thông*” vay mượn bên ngoài không phải từ tự tánh.

Cho nên bạn có thể thuyết giảng đến hoa trời rơi rụng nhưng phiền não, tập khí trong bạn vẫn còn, năng lực chuyển biến nghiệp báo của bạn không có, làm sao có thể giải quyết được vấn đề sinh tử của chính bạn! Và lại, e rằng “*Thế trí biện thông*” còn mang đến cho bạn nghiệp báo càng nghiêm trọng hơn! Đây là Phật dạy! Chúng ta nhất định phải cầu Trí tuệ chân thật, cầu Trí tuệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh của mình, từ đó mới thật sự là lìa khổ được vui, thọ dụng thanh lương an lạc tự tại.

“Khai bỉ trí tuệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân” (Mở được mắt trí tuệ, đạt được thân quang minh). “Nhãn”, tác dụng của nó là thấy, nên thường dùng mắt để tiêu biểu cho cái thấy. Kinh thường ví Bát Nhã như con mắt. Nhà thiền thường nói: *“Hễ tham thiền phải nắm được tròng mắt của lẽ thiền; hễ học hỏi kinh giáo phải nắm được con mắt của kinh giáo”*. Đây đều dùng mắt để ví cho chánh kiến Bát Nhã.

“Khai bỉ trí tuệ nhãn”: Ngày nay chúng ta cầu học, khó khăn rất lớn ở chỗ không có **“căn bản trí”**. Tuệ nhãn chưa khai lại bắt đầu học rộng nghe nhiều, việc này không học còn tốt hơn! Vì sao? Vì bạn còn trung thực, còn đơn thuần, còn cứu được! Vừa học rộng nghe nhiều, trong đầu lăm ư hỗn tạp, vô lượng vô biên tà tri tà kiến thì hết cứu rồi! Xã hội hiện tại là như vậy! Cho nên, **“một môn thâm nhập trường thời huân tu”** không phải tôi nêu ra, đây là Tổ sư đại đức đời đời truyền nhau: **“Tuệ nhãn chưa khai phải “một môn thâm nhập, trường thời huân tu”**.

- Đến lúc nào mới từ một môn chuyển đến nhiều môn?

- Trí tuệ nhãn khai rồi mới được! Trí tuệ nhãn chưa khai, bạn không đủ tư cách tham học. Khi trí tuệ nhãn khai rồi, bạn liền có năng lực trong tất cả pháp phân biệt chân vọng, phân biệt tà chánh, phân biệt phải quấy. Lúc bấy giờ, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần đều sinh trí tuệ, không sinh phiền não, như Huệ Năng nói với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn: **“Trong tâm đệ tử thường sinh trí tuệ”**.

Trong phẩm Ly Thế Gian của Kinh Hoa Nghiêm có nói đến Thập Nhãn. Ngoài Ngũ Nhãn, con mắt thứ sáu là Trí Nhãn vì nó thấy được các pháp. Con mắt thứ bảy là Quang Minh Nhãn thấy được quang minh của Phật. Con mắt thứ tám là Xuất Sanh Tử Nhãn vì thấy được Niết Bàn. Con mắt thứ chín là Vô Ngại Nhãn vì thấy được mọi

pháp vô ngại. Con mắt thứ mười là Nhất Thiết Trí Nhãn, còn gọi là Phổ Nhãn, vì thấy được phổ môn pháp giới.

Trí Tuệ Nhãn nói trong kinh này có thể hiểu là Tuệ Nhãn và Trí Nhãn trong Thập Nhãn vừa nói trên, cũng có thể hiểu là Phật Tri Phật Kiến, Chánh tri Chánh Kiến, Như Lai trí tuệ đức tướng mà chúng sinh sẵn có tức là Phật Nhãn.

Sách Hội Sớ viết: “*Trí tuệ nhãn chính là trí tuệ, nghĩa là con mắt trí tuệ sẵn có trong tâm chúng sinh. Do vô minh hư huyền che lấp nên nhận lầm là tối tăm, mê muội (tự làm lạc tướng mình mù tối). Trụ trong tối tăm, mê muội nên làm tướng Phật nhãn ở nơi khác (tưởng rằng chỉ đức Phật mới có Phật nhãn). Phật quang phổ chiếu khai mở con mắt sẵn có trong tâm chúng sinh, diệt tan sự tối tăm, hôn ám từ vô thi đến nay nên bảo là khai*”.

Sách Tam Tạng Pháp Sớ, quyển mười ba có nói ba thứ quang minh:

1. Ngoại quang minh: Như quang minh của mặt trời, mặt trăng, châu, lửa v.v... trừ được tối tăm.

2. Pháp quang minh: Diệu pháp trừ được sự tối tăm do ngu si.

3. Thân quang minh: Thân chư Phật, Bồ Tát và chư thiên có quang minh trừ được tối tăm như kinh nói: “*Thân đánh giai hữu quang minh chiếu diệu*” (Thân và đánh đều có quang minh chói ngời). Nếu chỉ hiểu “*thân quang minh*” là thân có quang minh thì chỉ là hiểu ở mức độ nông cạn. Hiểu sâu hơn, câu “*hoạch đắc quang minh thân*” (đạt được thân quang minh) có đến ba nghĩa:

Một là như Kinh Thiên Thủ Đà Ra Ni nói:

“*Đương tri kỳ nhân tức thị Quang Minh Tạng, nhất thiết Như Lai quang minh sở chiếu cố*”. (Nên biết kẻ ấy chính là Quang Minh

Tạng vì được quang minh của hết thủy Như Lai chiếu đến). Do Phật Quang phổ chiếu nên chúng sinh cấu (phiền não) diệt, thiện sinh, tuệ nhãn mở sáng, tịnh tâm trì niệm. Ngay khi ấy được quang minh của mười phương Như Lai chiếu soi, hộ trì, tự thân của hành giả liền trở thành tạng quang minh.

Hai là như sách Vãng Sinh Luận Chú nói:

“Quang minh của Phật là tướng trí tuệ” nên thân quang minh và mắt trí-tuệ là bất nhị. Mắt trí-tuệ được mở sáng nên thấy tánh rõ ràng, thành tựu “thân quang minh” một cách nhanh chóng.

Ba là như Kinh Tư Ích bảo:

“Như Lai thân giả, tức thị vô lượng quang minh chi nghĩa” (Thân Như Lai chính là tạng vô lượng quang minh) nghĩa là nguyện tất cả chúng sinh đều do chân thật trí tuệ mà chúng được Pháp Thân Như Lai vậy.

Nói về *“Quang Minh thân”*, Hòa Thượng Tịnh Không giải thích như sau: Phạm phu chúng ta trên thân cũng có ánh sáng. Chúng ta gặp những người luyện khí công, họ biết xem “Khí”. Mỗi người trên thân đều có “Khí”, màu sắc của “Khí” không giống nhau, lớn nhỏ cũng không đồng; xấu nhất là màu đen hoại sắc, con người này sức khỏe không bình thường. Khỏe mạnh nhất là sắc vàng ròng; sắc vàng cũng không tệ, màu trắng đều rất tốt; màu hồng, màu lam, màu xanh đều có bệnh. Người nước ngoài gọi là “từ trường”, không gọi là “khí”; trong Phật pháp gọi là “quang”, kỳ thật đều là một sự việc. Người phiền não đoạn hết, quang minh tướng hảo của họ liền hiển lộ, cũng đại biểu cho thân thể khỏe mạnh. Phật nói: Bồ Tát ngày đêm thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, không để chút nào bất thiện xen tạp, đây là tâm thuần thiện, thân thể chắc chắn khỏe mạnh.

- Người hiểu được nguyên lý này, khi thân bệnh có cần gặp bác sĩ không?

- Không cần thiết! Nếu họ thật sự có bản lĩnh chuyển đổi ý niệm thì được rồi!

Tâm thanh tịnh, tư duy thiện khiến các tổ chức tế bào trên thân họ liền hồi phục bình thường. Trái lại, tâm “tham, sân, si, mạn” sẽ gây độc tố phá hỏng các tế bào trong cơ thể họ, phải sinh bệnh thôi! Trường hợp này họ phải tìm bác sĩ, tìm thuốc thang chữa trị căn bệnh. Thế nhưng phải biết: Bác sĩ, thuốc thang chỉ là trợ duyên; đem tâm lý chính mình chuyển đổi mới là quan trọng.

Người chân thật tu hành, thân họ là quang minh trong suốt như thủy tinh, pha lê. Đây là do tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh đó gọi là “*quang minh thân*”. Cho nên, chúng ta phải cầu chứng được Pháp Thân. Pháp Thân là thanh tịnh quang minh không có giới hạn, không có bờ mé nên gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân.

“**Bế tắc chư ác đạo**” (Đóng lấp các đường ác): “*Ác đạo*” là ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Có kinh xếp A-tu-la cũng là ác đạo, gọi chung là “tứ ác đạo”. Kinh Địa Trì nói: “*Thừa ác hạnh vãng, danh vi ác đạo*” (Đi theo hạnh ác gọi là ác đạo) tức là làm ác sẽ sa vào đường ác.

Sách Hội Sớ lại viết:” *Lục đạo đều bị lưu chuyển nên gọi là ác đạo*”. Thuyết của Hội Sớ giải thích câu này ở mức độ sâu sắc hơn và có kinh văn làm chứng, bản Ngụy dịch kinh này ghi: “*Hoành tiệt ngũ ác thú*” (Cắt ngang năm đường ác). Do tính gộp “Tu-la” vào trong các đường khác nên sáu đường trở thành năm đường, gọi chung là “Ngũ ác thú”. Cho nên, “*bế tắc chư ác đạo*” là đoạn trừ nẻo luân hồi trong sáu đường khiến chúng sinh thoát biển sinh tử. Phẩm ba mươi hai trong Hội bản cũng bảo: “*Hoành tiệt u ngũ thú, ác đạo tự bế tắc*” (Cắt ngang khỏi năm đường, ác đạo tự đóng lấp) câu này

tổng hợp từ hai bản Hán dịch và Ngụy dịch. Chữ “bế” là đóng chặt, ngăn lấp; chữ “tắc” là tắc nghẽn.

- Dùng cái gì để bế tắc?

- Trên “nhân” mà nói: “Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện” mới có thể bế tắc ác đạo môn.

Thập thiện nghiệp đạo là nền tảng, là phương pháp tốt nhất đóng kín các đường ác. Trên Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tôn giảng “Tịnh nghiệp tam phước” chính là ba điều kiện cần phải chuẩn bị đầy đủ để học Phật; không luận bạn tu pháp môn nào, dù Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn hay Giáo hạ; nếu rời khỏi ba điều kiện này thì bạn không phải học Phật!

- Không phải học Phật thì làm cái gì?

- Lúc trước, lão cư sĩ Lý Bình Nam nói một câu rất khó nghe: “Hiện tại, trong cửa Phật có rất nhiều Phật giáo đồ không phải học Phật! Họ không đoạn ác tu thiện, không làm được “Tịnh nghiệp tam phước”, họ ngày ngày vào cửa Phật là đùa cợt Phật pháp.!”

Nghĩ lại, lời của ông rất có đạo lý! Chân thật học Phật thì phải rõ lý, phải y giáo phụng hành, phải thực tiễn ngay từ “*Tịnh nghiệp tam phước*”. Cái đầu tiên dạy: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”, bốn câu này làm không được, đó chính là “đùa cợt Phật pháp” như thầy Lý nói. “Đùa cợt Phật pháp” chắc chắn đọa vào tam ác đạo!

Trên Kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy: “*Thiện hộ khẩu nghiệp*” (Phải khéo giữ khẩu nghiệp). Dem cái “khẩu nghiệp” này để ở hàng đầu trong ba nghiệp là ý nghĩa gì? Trong “khẩu nghiệp” bao gồm: Không vọng ngữ, không nói lưỡi hai chiều, không nói lời hung ác, không thêu dệt. Tất cả chúng sinh rất dễ dàng vướng phải lỗi này! Bình thường tu tích công đức, có được bao nhiêu đều bị

“khẩu nghiệp” làm tiêu tán hết! Cho nên, người học Phật phải thật làm, chỉ có thật làm mới đóng bít được các đường ác.

“**Thông đạt thiện thú môn**” (Thông đạt các đường thiện): “*thông*” là thông đạt vô ngại; “*môn*” là lối đi. Chữ “*thiện thú*”, thông thường chỉ ba đường lành trong sáu đường. Nhưng, trong kinh này không thể hiểu chữ “*thiện thú*” như vậy được. Phần trên chúng ta đã dẫn chứng qua “sáu đường đều là ác đạo”, nên “*thiên đạo*” và “*nhân đạo*” cũng không được xem là “*thiện thú*”. Như vậy, “*thiện thú*” chẳng phải là con đường hướng đến cõi trời, cõi người mà là con đường hướng đến “*chí thiện*”, điều lành bậc nhất là vắng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Sách Hội Sớ giảng: “*Bồ Đề là chỗ qui hướng của sự lành bậc nhất nên gọi là thiện thú môn*”. Nói theo Hòa Thượng Tịnh Không “Siêu vượt tam giới, siêu vượt mười pháp giới mới là chân thật thành tựu, là chí thiện bậc nhất.”

- “Thông đạt thiện thú môn”, tu pháp môn nào để thông đạt?

- Theo Hoàng Niệm lão: Chỉ có phổ độ quần sanh, thành tựu tịnh quốc mà thôi.

Hòa Thượng Tịnh Không cũng tán đồng với quan điểm này: Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, duy nhất Tịnh Độ là Diệu Pháp có thể ban cho chúng sinh lợi ích chân thật, khiến tất cả hàm linh đều được độ thoát. Nên biết: Hàng đầu của “*khai pháp tạng*” chính là kinh này. Từ những kinh luận trích dẫn ở trên, chúng ta biết được thành Phật, mục tiêu rốt ráo chính là giúp tất cả chúng sinh khắp biển pháp giới, hư không giới, vô điều kiện, đều được độ thoát khỏi biển khổ sinh tử; trong đây bao hàm cả thoát ly “*Phản đoạn sinh tử*” và “*Biến dịch sinh tử*”; đây là “*Diệu Giác quả Phật*”. Chỉ có “*Diệu Giác quả Phật*” mới cứu cánh viên mãn chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một lần “*Biến dịch sinh tử*”.

“**Vì chúng khai pháp tạng**” (Vì chúng khai pháp tạng): “Chúng” là đại chúng, chữ “chúng” chỉ cửu giới chúng sinh gồm: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và hết thảy chúng sinh trong Lục đạo. “*Khai pháp tạng*” chính là vì người diễn nói, “Diễn” là biểu diễn, làm ra tấm gương mô phạm. “*Pháp tạng*” là giáo pháp của Phật dạy, còn gọi là Phật pháp tạng, chính là Như Lai Tạng Tánh sẵn có của người nghe pháp. Pháp tánh hàm tàng vô lượng tánh đức nên bảo là “*pháp tạng*”. Giáo pháp hàm tàng nhiều nghĩa nên gọi là “*pháp tạng*”; nhiều pháp tích tụ lại có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn nên gọi là “*pháp tạng*”. Chúng ta học Phật, nhất định phải thực tiễn được những điều trong kinh Phật dạy; đây chính là “**Quảng thí công đức bảo**” (Rộng thí báu công đức): “Quảng” là phổ biến, không có tâm riêng tư, không có mục đích, không có ý đồ; cũng chính là bố thí, cúng dường vô điều kiện. Làm được việc này, phước báo của bạn là viên mãn, vô tận.

Sách Nhân Vương Kinh Sớ của Tông Thiên Thai giảng chữ “*công đức*” như sau: “*Thí cho chúng sinh là công, qui về mình là đức*”.

Sách Thắng Man Bảo Quật lại giảng:

“*Ác hết là Công, viên mãn điều lành là Đức. Đức lại có nghĩa là có được, do tu công mà đạt được nên gọi là công đức*”.

Đặc biệt trong đoạn kinh văn này nói là “*Công đức bảo*”; “Bảo” là bảo tạng, chân thật có thể giúp chúng sinh giải quyết vấn đề viên mãn. Ý nghĩa của chữ “bảo”, chúng ta có thể hiểu là “*pháp môn Tịnh Độ*”, đây chân thật là “*công đức bảo*” vô tận. Cho nên, tất cả bố thí, cúng dường, sau cùng đều phải qui kết về: Khuyên người tu học pháp môn Tịnh Độ, lão thật niệm Phật, cầu vãng sinh Cực Lạc, đây mới là giải quyết triệt để viên mãn, là sự nghiệp của Bồ Tát. Câu “*Quảng thí công đức bảo*” là chuyên chỉ sự việc này.

Theo Hoàng Niệm lão: Chữ “bảo” (của báu) ở cuối đoạn này chính là điểm ta cần phải hết sức lưu ý. Chữ “bảo” này có khác nào như vẽ rồng xong, bèn điểm tròng mắt cho rồng. Chữ “bảo” này có ba nghĩa:

Thứ nhất, “bảo” là mỹ hiệu để tôn xưng, như tôn xưng Phật là Bảo Vương Như Lai, ca tụng “Niệm Phật tam-muội” là “Bảo Vương tam-muội”, tôn xưng ấn khế của chư Phật, Bồ Tát là “Bảo ấn” v.v...

Thứ hai, “bảo” là dịch nghĩa của chữ Phạn “ma-ni”. Nhân Vương Kinh Lương Phận Sớ giảng: “*Tiếng Phạn gọi là Ma Ni, Hán dịch là Bảo, nếu dịch theo ý nghĩa là Như Ý Bảo Châu do nó thỏa mãn bất cứ điều mong cầu nào*”. Trong quyển chín Kinh Niết Bàn còn bảo: “*Ma-ni châu đầu ở trước thủy, thủy tức vì thanh*” (Châu Ma-ni bỏ trong nước đục, nước liền trong).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Trong Phật pháp, Như Ý Bảo Châu là hình dung cho Diệu Pháp. Nếu đạt được Diệu Pháp chẳng khác nào như đạt được Ma-ni bảo châu. Người kiến tánh, khai ngộ là người đạt được Diệu Pháp, chính là khai phát được trí tuệ, đức tướng Như Lai vốn có trong tự tánh”. Điều này là thật không phải giả. Thành ngữ có câu: “Lấy không hết, dùng không tận”, đây là chân thật “Bảo”.

Sách Di Đà Sớ Sao cũng viết: “*Minh Châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong. Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm không thể chẳng thành Phật*”. “Không thể chẳng thành Phật” có nghĩa là “Không thể không khôi phục được tâm thanh tịnh”. Đây cũng là đem bảo châu ví với danh hiệu Phật.

Thứ ba, “bảo” là Pháp Bảo, như Trí Độ Luận, quyển bốn mươi bảy nói: “*Trong các pháp, “Pháp Bảo” là của báu chân thật làm lợi ích cho đời này, đời sau, cho đến khi chứng được Niết Bàn*”.

Theo Hoàng Niệm Lão: Chữ “bảo” trong kinh này có đủ những nghĩa như trên. Pháp được giảng là Pháp Bảo chân thật, pháp này mầu nhiệm đến cùng tốt không chi hơn nổi, nên gọi là “bảo”. Pháp này mẫn nguyện chúng sinh nên được ví như báu Như Ý. Nói đích xác, của báu ấy chính là pháp “Trì Danh Niệm Phật”. Tâm ấn của pháp Niệm Phật kiên cố chẳng hoại, khác nào kim cang nên được xưng tụng là “bảo”.

Kinh Quán Phật Tam-Muội Hải, phẩm Quán Phật Mật Hạnh có nói:

“Thí như bản nhân, y hào quý y thực. Thời hữu vương tử xuất du, chấp đại bảo bình, bình nội tàng vương bảo ấn. Bản giả trá lai thân phụ, nã bảo bình đào tẩu. Vương tử giác chi, sử lục đại binh thừa lục hắc tượng truy chi. Trì bình nhân tẩu nhập không dã trạch trung, độc xà tự tứ diện lai, dục xỉ trì bình giả, hoảng cụ nhi Đông Tây trì tẩu. Kiến không trạch trung, hữu nhất đại thọ ông uất, đầu đôi bảo bình, phan thọ nhi thượng. Thời lục binh tạt trì chí thọ hạ, bản nhân kiến nhi thốn vương bảo, dĩ thủ phú diện. Lục hắc tượng dĩ tự giáo thọ đảo chi, bản nhân đọa địa. Thân thể tán hoại, duy kim ấn tại bảo bình phóng quang, độc xà kiến quang tứ tán. Phật cáo A Nan: - Trụ u niệm Phật giả, tâm ấn bất hoại, diệc phục như thị”. (Ví như có kẻ nghèo dựa dẫm kẻ giàu sang để kiếm cái ăn, cái mặc. Khi ấy, có một vương tử ra ngoài chơi, mang theo bình báu lớn, trong bình đựng ấn báu của vua. Kẻ nghèo vờ đến thân cận, cướp bình bỏ chạy. Vương tử biết được, sai sáu tên lính khỏe mạnh cỡi sáu con voi đen đuổi theo. Kẻ ôm bình chạy vào chôn đầm lầy hoang vắng, rắn độc từ bốn phía bỏ tới toan mổ gã ôm bình khiến hắn hoảng sợ chạy rảo Đông, Tây. Thấy trong đồng hoang có một cây to um tùm, hắn đầu đội bình báu, vịn cành leo lên. Khi ấy, sáu tên lính vùn vụt đuổi đến dưới gốc. Gã nghèo thấy vậy liền nuột ấn vua, dùng tay bưng mặt. Sáu con voi đen dùng vòi cuốn cây quật xuống; gã nghèo té xuống

đất, thân thể nát nhừ, chỉ còn ấn vàng trong bình báu tỏa sáng. Rắn độc thấy ánh sáng chạy tứ tán. Phật bảo: -Người trụ vào niệm Phật thì tâm ấn chẳng hoại cũng giống như thế).

(Trong quyển chín mươi lăm sách Tông Kính Lục có chú giải đoạn kinh này tường tận, chẳng dẫn ra đây).

Nay chỉ bàn về câu cuối của đoạn kinh trên:

“Phật cáo A Nan: Trụ u niệm Phật giả, tâm ấn bất hoại, diệc phục như thị” (Phật bảo A Nan: Trụ trong niệm Phật, tâm ấn chẳng hoại, cũng giống như thế). Rõ ràng pháp môn Niệm Phật là pháp bảo chân thật chẳng hoại. Diệu pháp Niệm Phật *“tâm này là Phật, tâm này làm Phật”* đều từ tự tánh khởi tu, tự tâm khởi niệm để niệm trở lại tự tâm, dùng Quả Giác của Phật làm cái nhân tâm của chúng ta, nên cái nhân tâm ấy mau chóng đồng nhất với Quả Giác.

“Trụ u Niệm Phật, tâm ấn bất hoại” (Trụ trong niệm Phật, tâm ấn chẳng hoại). Cũng theo Hoàng Niệm lão: “Báu công đức chính là tâm này nên tâm ấn này được gọi là “bảo ấn”. Đại nguyện của A Di Đà Phật là nguyện phổ độ chúng sinh thành Phật. Để thực hiện nguyện này, ngài mở toang pháp tạng, rộng thí báu vô thượng trang nghiêm bằng vô tận công đức. Báu ấy chính là pháp bảo chân thật “tín, nguyện, trì danh”. Câu *“Trụ u Niệm Phật, tâm ấn bất hoại”* đúng là tròng mắt của cả một Đại Tạng giáo.

Lúc trì danh niệm Phật chính là lúc tâm ấn phóng quang nên: *“Một tiếng niệm Phật là một tiếng tâm”*. Do vậy, Kinh Đại Tập dạy: *“Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị tức vô thượng thâm diệu thiên”* (Nếu ai chỉ niệm đức A Di Đà thì đó chính là vô thượng thâm diệu thiên). Nếu có thể tin nhận được lời nói này, chính là hưởng được thâm ân của Phật, được ngài mở con mắt trí tuệ, đặc thân quang minh. Tâm ấn vừa nói chính là tâm ấn của chư Phật, cũng chính là “dĩ tâm

truyền tâm” (lấy tâm truyền tâm) của chư Tổ. Được nghe ấn báu này, nát thân khó thể báo đền nổi.

KINH VĂN:

*Như Phật vô ngại trí
Sở hành từ mãn hạnh
Thường tác thiên nhân sư
Đắc vi tam giới hùng
Thuyết pháp sư tử hống
Quảng độ chư hữu tình
Viên mãn tích sở nguyện
Nhất thiết giai thành Phật*

VIỆT DỊCH:

**Như Phật vô ngại trí
Thực hiện hạnh từ mãn
Thường làm thầy trời người
Làm đấng tam giới hùng
Thuyết pháp sư tử hống
Rộng độ các hữu tình
Viên mãn nguyện xưa kia
Hết thấy đều thành Phật**

GIẢNG:

Hai bài kệ trên đây diễn tả ý nguyện cầu thành tựu Phật đức, nguyện phước tuệ của mình được như Phật.

“**Như Phật vô ngại trí**” là nguyện trí tuệ mình giống Phật. “**Vô ngại trí**” chính là Phật trí thông đạt, không úng trệ, tự tại, dung thông. Đại Sư Thanh Lương trên Kinh Hoa Nghiêm nói bốn loại vô ngại: Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đây mới chân thật là viên mãn vô ngại trí của chư Phật Như Lai cùng Pháp Thân Đại Sĩ. Hiện tại chúng ta là phàm phu, trí tuệ đức năng này không thể hiển lộ như trên Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: “**Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng Như Lai, bởi vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc**”. Chúng ta học Phật, không gì khác hơn là phải có quyết tâm “chuyển phiền não thành Bồ Đề”; Bồ Đề chính là “Vô ngại trí”. Ngài Pháp Tạng phát nguyện cầu được trí vô ngại chính là vì cứu giới chúng sinh diễn thuyết diệu pháp khế lý, khế cơ hết thảy vô ngại.

“**Sở hành từ mẫn hạnh**” (Thực hiện hạnh từ mẫn): “Hạnh” là hành vi, trong hành vi bao gồm tư tưởng, ý niệm: Hành vi của ý nghiệp, hành vi của khẩu nghiệp, hành vi của thân nghiệp. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, các ngài khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều là từ mẫn tất cả chúng sinh. Trong Phật pháp thường nói: “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, lân mẫn chúng sinh, cứu tế bình đẳng, hiệp trợ bình đẳng; tối trọng yếu trong việc cứu trợ tất cả chúng sinh, chính là đem Phật pháp dạy cho họ, giúp họ phá mê khai ngộ. “**Sở hành từ mẫn hạnh**” (Thực hiện hạnh từ mẫn): Đây chính là hành “Phật sở hành”, nguyện cầu hạnh của mình cũng được như hạnh từ mẫn của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn do “vô duyên đại từ” thương xót chúng sinh như con một nên cứu vớt, gánh vác khiến họ đều được lên bờ kia. Do vậy, Pháp Tạng nguyện thực hành hạnh của Phật đã hành. Câu kệ trước là cầu trí tuệ của Phật, câu này cầu đạt lòng từ bi của Phật. Trí, bi song hành, khế hợp Bồ Đề trọn vẹn. Bi và Trí như hai cánh chim không thể thiếu một.

“Thường tác thiên nhân sư, đắc vi tam giới hùng”

(Thường làm thầy trời, người; được làm đáng tam giới hùng): Hai câu này chính là sư phạm trời, người. “Sư” là ý nghĩa gương mẫu. Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm đều là gương mẫu cho người thế gian “Thường tác thiên nhân Sư”: “Thiên nhân Sư” là một trong mười hiệu của Phật. “Tam giới hùng” cũng là một đức hiệu của Phật. “Tam giới” là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Phẩm Phương Tiện trong Kinh Pháp Hoa có câu: “Thế Hùng bất khả lượng” (Đức Thế Hùng chẳng thể lường được). Ngài Tịnh Ảnh bảo: “Thế Hùng là danh xưng khác của Phật”. Phật đoạn sạch hết thảy phiền não nên là bậc Đại Hùng trong Tam giới.

“Thuyết pháp sư tử hống”: “sư tử hống” là thí dụ: sư tử rống lên một tiếng, muôn thú đều run rẩy. Vì vậy trên kinh thường dùng “Sư tử hống” để ví cho oai đức nói pháp của Thế Tôn có thể khuất phục tà tri, tà kiến của hết thảy thế gian.

Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời, Ấn Độ lúc bấy giờ đích thật là một quốc gia tôn giáo. Trong những tôn giáo đó, người tu hành cũng có đẳng cấp rất cao. Họ chân thật tu Định, tu Tuệ. Cảnh giới của họ trong Định là cảnh giới “hiện lượng”, không phải là “tỷ lượng”, cũng không phải do suy tưởng, mà đích thật trong Định họ thấy được quá khứ, hiện tại, vị lai. Thế nhưng, sáu cõi từ đâu mà có thì họ không biết được! Cho nên, họ chỉ biết được cái đương nhiên mà không biết được sở dĩ nhiên của nó. Đức Phật xuất hiện ở thế gian để giáo hóa họ: Sức tu đến Bát Định của họ vẫn chưa đủ, phải tiến sâu thêm đến Cửu Định (Định thứ chín) mới siêu việt sáu cõi luân hồi. Như trên Kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy A-la-hán đạt được Cửu Định thì siêu việt tam giới. Tuy nhiên, dù đạt đến Cửu Định, chúng quả A-la-hán vẫn chưa cứu cánh. Đúng là có câu “Thiên ngoại hữu thiên, nhân ngoại hữu nhân”, Phật có trí tuệ và năng lực này.

- Trí tuệ, năng lực này do đâu mà có?

- Chính là không có tự tư tự lợi, như Kinh Kim Cang nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”, do vậy mà “*Phiền não chướng*” và “*Sở tri chướng*” đều đoạn hết. “*Phiền não chướng*” đoạn dứt liền siêu việt sáu cõi luân hồi. “*Sở tri chướng*” đoạn dứt liền siêu việt mười pháp giới. Những đại đạo lý, chân tướng sự thật này nếu Phật không nói, thế gian sẽ không có người biết. Cho nên, người chân thật giác ngộ phải phát tâm làm “*Thiên nhân Sư*”, phải phát tâm nói pháp “*Sư tử hống*”, phải đoạn phiền não, phải cầu trí tuệ.

Kinh Niết Bàn, quyển hai mươi lăm có câu: “*Sư tử hống giả, danh quyết định thuyết*” (Sư tử hống là nói một cách quyết định). Theo Hòa Thượng Tịnh Không: ba chữ “*quyết định thuyết*” này quả là rất khó được.

- “*Quyết định thuyết*” là nói cái gì?

- Nói về chân lý! Những gì họ nói ra là vĩnh viễn bất biến!

- Ai dám nói câu này?

- Người minh tâm kiến tánh mới dám nói câu này. Người chưa minh tâm kiến tánh tuyệt đối không dám! Họ chỉ có thể nói: Những gì tôi nói, cung cấp cho mọi người tham khảo, có thể tôi đã thấy sai hoặc nói sai, xin mọi người chỉ giáo. Họ không dám quyết định! Chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát không như vậy! Mỗi câu mỗi chữ các ngài nói ra đều là “*Quyết định thuyết*”, không ai có thể thay đổi, cho dù chỉ một chữ.

Ngài Tăng Triệu (đây là đệ tử ưu tú nhất của ngài Cưu Ma La Thập), trong chú giải Kinh Duy Ma của ngài, có câu: “*Diễn pháp vô úy, do như sư tử hống*” (Diễn nói pháp không sợ hãi, ví như sư tử rống). Ngài Tăng Triệu giảng rằng: “*Sư tử hống là tiếng vô úy. Lời*

nói nào (của Đức Phật) cũng chẳng e sợ quần tà, dị học, ví như sư tử rống lên, muôn thú đều nép phục”. Những gì Phật nói ra đều là chân lý, là thật tướng của các pháp. Đối với những kẻ dị học có tà tri tà kiến trái với giáo huấn của thánh hiền, chánh pháp của Phật có năng lực ứng phó mọi vấn đề nan giải, có sức chế phục nhiếp thọ lớn khiến họ cung kính, ngoan ngoãn vâng theo. Thuyết pháp được như thế mới có thể “Quảng độ chư hữu tình”, đây là căn bản đại nguyện của Pháp Tạng. Đại nguyện này, người thông thường không thể phát ra!

- Vì sao không thể phát ra?

- Không biết được hư không pháp giới, tất cả hữu tình chúng sinh với ta đều có quan hệ mật thiết, đều cùng một thể.

Thường tình thế gian: Sự việc nhà người, ta không quản lấy! Họ có gặp nạn, không liên quan gì đến ta! Do vậy mà nguyện tâm không thể phát! Thực tế mà nói: Mê chính ngay chỗ này! Kinh Đại thừa nói: “Thân, độ nhất như”, thân cùng độ là một, y chánh không hai, tánh tướng nhất như, chân vọng không hai, lý sự không hai. Đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai thân chứng, chúng ta thì mù mịt!

Sự việc này cũng giống như trong thân ta: Tế bào này không thừa nhận tế bào khác, cũng không thừa nhận cả thân thể này là nó! Con người chúng ta cũng vậy, không biết mối liên quan giữa ta và vũ trụ vạn hữu là cùng đồng một thể. Nay nhờ Phật chỉ dạy, được chư đại đức giảng bày, chúng ta cũng không cách chi thân chứng được! Cho nên, tình yêu thương của chúng ta đối với mọi người, muôn vật rất là tan nhạt! Chắc chắn không làm đến được xả mình vì người, yêu thương người như chính mình. Đây là mê nên không giác!

Đức Phật rất từ bi, mỗi giờ mỗi phút đều không quên nhắc nhở, khai phát trí tuệ này trong chúng ta. Cái y này là ca-sa.

- Cái gì gọi là ca-sa?

- Ca-sa là tiếng Phạn, phiên dịch là “*y niễm sắc*”, màu sắc của y không phải là một chánh sắc mà do rất nhiều màu sắc phối hợp nhau tạo thành.

Trung Quốc cùng Ấn Độ đều công nhận: hồng, vàng, lam, trắng, đen là năm màu chánh sắc. Năm loại màu sắc này hòa lẫn với nhau tạo thành màu ca-sa. Cách nói của người hiện tại gọi là “*đa nguyên văn hóa*”. Chúng ta mặc y này là đa nguyên văn hóa. Bạn mặc một loại màu sắc, đó là “*đơn nguyên văn hóa*”. Phật dạy chúng ta mặc y nhất định phải nhuộm loại màu sắc ca-sa, chính là mỗi giờ, mỗi phút đều nhắc nhở chúng ta: Tộc loại khác nhau, văn hóa khác nhau v.v... nhưng hư không pháp giới tất cả chúng sinh đều là một.

Cho đến bữa ăn phối hợp cơm, rau vào chung một bát, không phải phân ra từng món cũng gọi là “*ca-sa vị*”. Từng li, từng tí trong cuộc sống thường ngày, Phật đều phương tiện nhắc nhở, dạy bảo chúng ta. Thế nhưng, chúng ta ngày nay đã vô cảm! Căn bản đã quên mất đi ý nghĩa của Phật dạy rồi!

Đức Phật không những chỉ dạy chúng ta mặc màu ca-sa mà còn đem chiếc y này cách ra từng ô. Ý nghĩa này càng sâu hơn: Mỗi ô là đại biểu cho một tộc loại, một tộc quần, một văn hóa, một tôn giáo khác nhau v.v... đắp lên thân là một thể; hư không pháp giới tất cả chúng sinh là một không phải hai. Kinh Đại thừa thường nói: “*Mười phương ba đời Phật, cùng đồng một Pháp Thân, một thân một trí tuệ*” là ý nghĩa này.

Tôi đến thư viện lịch sử của Bắc Kinh, xem thấy tượng Phật lấy ra từ lòng đất ở Thanh Châu (đã nói ở phần trước). Tượng Phật Tỳ Lô Giá Na đã có hơn một ngàn bảy trăm năm, màu sắc vẫn còn rõ nét. Trên ca-sa, họa tiết của mỗi ô vẽ mười pháp giới: Tầng trên là pháp giới Phật, bên dưới là pháp giới Bồ Tát, pháp giới Duyên

Giác, pháp giới Thanh Văn; bên dưới nữa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tôi xem thấy họa đồ này mới biết được chiếc y mà chúng ta đắp là “phước điền y”.

- Cái gì gọi là phước điền?

- Thế gian, xuất thế gian, bao gồm tất cả chúng sinh có thể hòa thuận cùng sống, bình đẳng đối đãi đây mới gọi là phước điền. Cho nên, Phật biểu đạt trên chiếc y này từng ô là: Chúng tộc khác nhau, quốc gia khác nhau, tôn giáo khác nhau, đắp lên người là hòa thuận cùng sống. Mỗi ô đều như nhau đại biểu cho bình đẳng: Bình đẳng đối đãi, bình đẳng cùng sống, con người này có phước.

- Người nào không có phước?

- Đối với tất cả mọi người không bình đẳng, cống cao, ngã mạn, xem thường người khác, sinh ra hiểu lầm, oán hận, đấu tranh lẫn nhau. Nhà Phật thường nói: Oan oan tương báo không hề kết thúc! Đây đều do không hiểu chân tướng sự thật mà sinh ra. Cho nên, “**Quảng độ chư hữu tình**” đòi hỏi con người phải có tâm giác ngộ, rõ biết được tất cả chúng sinh với ta là một, không khác. Từ đó mới có thể phát được thế nguyện này.

“**Viên mãn tích sở nguyện**” (Viên mãn nguyện xưa kia). Hoàng Niệm lão giải thích: “Bồ Tát Pháp Tạng trong năm kiếp siêng năng tu tập, chọn lọc, tạo nên bốn mươi tám đại nguyện. Mỗi nguyện đều được công viên quả mãn, nên bảo là “Viên mãn tích sở nguyện”. Một điều rất tuyệt diệu, rất lạ lùng là câu nói:

“**Nhất thiết giai thành Phật**” (Hết thầy đều thành Phật), nát thân khắp hư không khó thể đáp đền! Câu này là bản thể của bốn mươi tám đại nguyện. Từ câu này biến thành bốn mươi tám đại nguyện, mỗi một nguyện cũng chỉ nhằm thể hiện câu này: “**Nhất thiết**

giai thành Phật”, cũng chính là trên Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng tử*”.

Vãng Sinh Luận nói ba thứ trang nghiêm: Cõi Phật, Phật và Bồ Tát. (Thông thường chúng ta nói y chánh trang nghiêm: Cõi Phật trang nghiêm là y báo. Phật, Bồ Tát trang nghiêm là Chánh báo). “*Vào trong một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*”.

Hòa Thượng Tịnh Không nói câu này là để giải thích câu: “*nhất thiết giai thành Phật*”, rất hay! “*Chân thật trí tuệ*” là chánh báo; “*vô vi pháp thân*” là y báo. Chánh báo là hữu tình, y báo là vô tình, y chánh là một không phải hai. Đây chính là: “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng tử*”.

Vãng Sinh Luận cũng giải thích: “*Nên biết rằng sự thanh tịnh ấy có hai loại; những gì là hai loại? Một là khí thể gian thanh tịnh* (khí thể gian là những gì thuộc về vật chất hay loài vô tình). *Hai là chúng sinh thể gian thanh tịnh*”.

Phẩm Tuyền Trì Công Đức trong Kinh Vô Lượng Thọ có đoạn: “*Kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sinh ý... Ba dương vô lượng vi diệu âm thanh, hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh, Ba La Mật thanh... cam lộ quán đánh thọ vị thanh. Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn, tùy kỳ sở văn, dĩ pháp tương ứng. Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi. Sở bất dục văn, liễu vô sở văn, vĩnh bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*” (Nước ấy thuận ý của mỗi chúng sinh...Sóng vang ra vô lượng âm thanh vi diệu, nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng hoặc tiếng Ba La Mật... tiếng cam lộ quán đánh nhận lãnh địa vị... Được nghe các âm thanh như thế xong, tâm thanh tịnh không có các phân biệt, chánh chân, bình đẳng, thành tựu thiện căn. Điều gì được nghe cũng tương ứng với pháp. Ai muốn

được nghe, tai liền nghe thấy. Ai chẳng muốn nghe, trọn chẳng nghe thấy, vĩnh viễn chẳng thoát chuyển tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Chỗ này, Hoàng Niệm lão giải thích:

“Nước là vật chất vô tình sao lại có được vô lượng diệu dụng đến thế, biết tùy nghi thích ứng căn cơ, muốn nghe liền được nghe, lại có đầy đủ công đức chẳng thể nghĩ bàn như khiến người nghe trọn chẳng bị thoái chuyển. Rõ ràng, trong Nhất Chân pháp giới, một hạt bụi, một mảy lông, không thứ nào chẳng viên minh cụ đức, một thứ là chân thì hết thấy thứ là chân. Một mảy trần, một sợi lông không thứ nào chẳng là viên viên quả hải”. Theo sách Hiện Mật Viên Thông, “viên viên quả hải” chính là biển thánh giác quả đức vô thượng viên mãn. Chúng sinh thế gian và khí thế gian đều thanh tịnh. Hữu tình, vô tình đều thành Phật nên nói “*Nhất thiết giai thành Phật*” (Hết thấy đều thành Phật). Câu nói này đã bóc trần tâm tùy của Tam Tạng và mười hai bộ kinh, mở toang huyền chỉ của một ngàn bảy trăm công án trong nhà thiền, bộc lộ thẳng thừng mật ý “đại viên thắng tuệ, đại viên mãn” của Mật Tông. Câu “*Nhất thiết giai thành Phật*” chính là một pháp cú, một thanh tịnh cú, cũng có thể gọi theo nhà thiền là “*mạt hậu cú*” (câu sau cùng hết), vạn đức cùng được phơi bày; một pháp chẳng lập (vạn đức tề chương, nhất pháp bất lập), nói năng, suy nghĩ đều chẳng nhằm, chỉ đành lặng im lãnh hội”.

Ở đây, Hòa Thượng Tịnh Không nêu ra vấn đề và giải thích như sau:

- “*Vạn đức tề chương*” (vạn đức cùng được phô bày) là gì?

- Đại Sư Huệ Năng khai ngộ nói câu sau cùng: “*Nào ngờ tự tánh năng sinh vạn pháp*”, đó chính là “*vạn đức tề chương*”, trong đó thật sự không lập một pháp nào. Trên Kinh Đại thừa gọi đây là “*Đệ Nhất Nghĩa của Trung Đạo*”.

- Thập pháp giới y chánh trang nghiêm có chăng?

- Có

- Có thật chăng?

- Tướng có, lý không! Tướng là “huyền hữu”, thể là “chân không”. “Chân Không” không chướng ngại “Diệu Hữu”; “Diệu Hữu” không chướng ngại “Chân Không”, cũng giống như ta xem nghe âm thanh, sắc tướng trên màn hình, một pháp cũng chẳng lập.

- “*Nhất pháp bất lập*” (một pháp chẳng lập) là gì?

- Là bản thân của màn hình! Nó đúng là “nhất pháp bất lập”, nhưng vạn đức đều đầy đủ, chỉ cần bật kên, âm thanh sắc tướng đều hiện ra.

- Sắc tướng có chướng ngại màn hình chăng?

- Không có!

- Màn hình có chướng ngại sắc tướng chăng?

- Cũng không có!

Từ màn hình Ti-vi, chúng ta thể hội được “*vạn pháp tề chuong, nhất pháp bất lập*”, từ chỗ này mà khai ngộ. Dem những gì khai ngộ ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày: Sáu căn tiếp xúc với sáu trần giống như mối liên quan giữa màn hình và sắc tướng, “*bất tức, bất ly*”! “*Đầy đủ vạn đức, một pháp chẳng lập*”, đó chính là thành Phật. Đây là chân tướng sự thật, không phải do ai sáng tạo, nó vốn là như vậy. Màn hình ví như chân tánh, nó “năng sinh, năng hiện”; vọng tưởng, phân biệt chấp trước là “năng biến”. Bất luận biến như thế nào cũng không ra khỏi phạm vi màn hình. Bất luận biến ra sao cũng không chướng ngại màn hình; màn hình vẫn như như bất động. Cho nên, “*Nhất thiết giai thành Phật*” (Tất cả đều thành Phật) là thật không phải giả! Bạn là Phật, họ cũng là Phật; bàn

ghế, cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa cũng là Phật, vi điểm của sợi lông, hạt bụi đều là Phật.

- Phật là gì?

- Phật là chân tánh! *Nhất pháp bất lập! Nhất pháp bất xả!* Ngôn ngữ, tư duy đều không thể diễn tả, duy chỉ có “mặc khế” (im lặng mà lãnh hội). Chữ “mặc” ở đây là buông bỏ tất cả khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Tịnh Mặc, tiếng Phạn gọi là Niết Bàn. Chữ “Mặc” này là Niết Bàn, lúc này liền khế nhập chính mình và tất cả đều thành Phật, dung hợp thành một thể; biến pháp giới, hư không giới và tự tánh là nhất thể, đó chính là thấy được “tự tánh thanh tịnh viên minh thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”; hoàn toàn thấu triệt: Nhất thể chính là nhị dụng; nhị dụng chính là tam biến; Tam biến nghĩa là tứ đức, tuyệt đối không thể tách rời.

KINH VĂN:

Tư nguyện nhược khắc quả

Đại thiên ưng cảm động

Hư không chư thiên nhân

Đương vũ trần diêu hoa.

VIỆT DỊCH:

Nguyện ấy nếu ắt thành

Đại thiên nên cảm động

Các thiên thần trên không

Nên mưa hoa trần diêu

GIẢNG:

Sách Hội Sớ giảng chữ “*khắc quả*” như sau: “*Khắc là khắc thành tức là chắc chắn đạt được*”.

Thay vì nói “*khắc quả*”, ta thường nói là “*quyết định thành tựu*”. “*Cảm*” là cảm ứng, thuộc về chúng sinh; “*ứng*” thuộc nơi chư Phật, Bồ Tát. Đại ý của bài kệ trên đây là sau khi Pháp Tạng Bồ Tát nói ra hồng nguyện của mình, ngài cầu thỉnh thánh chúng trong đại thiên thế giới nên ứng hiện điềm lành, chứng minh đại nguyện của ngài phát ra là chân thật bất hư.

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Bài kệ này cầu thỉnh chứng minh bằng cách hiện điềm lành. Nếu tôi quyết định thành tựu, cõi đại thiên nên rung động, trời mưa xuống hoa nhiệm mầu*”. Chữ “*vũ*” ở đây là động từ nên có nghĩa là từ trên không trung rơi xuống.

KINH VĂN:

Phật cáo A Nan:

*Pháp Tạng tỳ kheo thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục
chũng chấn động, thiên vũ diệu hoa, dĩ tán kỳ thượng. Tự nhiên
âm nhạc không trung tán ngôn, quyết định tất thành Vô Thượng
Chánh Giác.*

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan:

Pháp Tạng tỳ kheo nói bài tụng ấy xong, ngay khi ấy khắp cõi đất chấn động sáu cách, trời mưa diệu hoa rải lên trên thân ngài. Trên không trung tự nhiên (có tiếng) âm nhạc khen ngợi: “Quyết định ắt thành Vô Thượng Chánh Giác”.

GIẢNG:

Pháp Tạng tỳ kheo nói kệ vừa xong, lập tức có điềm lành ứng hiện nên bảo là “ứng thời” (ngay khi ấy). Đại địa chấn động là tướng lành hiện nơi khí thể gian. Trời đổ mưa hoa, tấu nhạc, khen ngợi là điềm lành ứng hiện nơi hữu tình thể gian, nhằm chứng minh đại nguyện của ngài Pháp Tạng nhất định thành tựu. Chữ “*phổ địa*” chỉ đại địa trong toàn thế giới. Về “*lục chủng chấn động*” (sáu thứ chấn động) có ba cách giải thích:

1. Chấn động trong sáu thời điểm, nên gọi là “*lục động*”, đó là khi Phật nhập thai, khi Phật xuất thai, khi Phật thành đạo, khi Phật chuyển Pháp Luân, khi thiên ma khuyến thỉnh Phật nên xả mạng, khi Phật nhập Niết Bàn.

2. Chấn động cả sáu phương nên gọi là “*lục động*”. Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, quyển một chép: “*Nhĩ thời Thế Tôn cố tại sư tử tòa, nhập sư tử Du Hý tam-muội, dĩ thần thông lục cảm động tam thiên đại thiên quốc độ, lục chủng chấn động. Đông dững, Tây một, Tây dững, Đông một, Nam dững Bắc một, Bắc dững Nam một, biên dững, trung một, trung dững, biên một, địa giai nhu nhuyễn, linh chúng sinh hòa duyệt*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vẫn ở trên tòa sư tử, nhập Sư Tử Du Hý tam-muội, dùng sức thần thông cảm động ba ngàn đại thiên thế giới, sáu loại chấn động (sáu loại chấn động này chỉ có Bồ Tát biết, phàm phu không biết được): Đông vọt lên, Tây chìm xuống; Tây vọt lên, Đông chìm xuống; Nam vọt lên, Bắc chìm xuống; Bắc vọt lên, Nam chìm xuống; khắp chung quanh nổi lên, chính giữa chìm xuống, chính giữa nổi lên, chung quanh chìm xuống. Cả mặt đất đều nhu nhuyễn khiến chúng sinh vui thích).

Như vậy, sáu phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Biên bị chấn động nên gọi là “*lục động*”. Đây là Phật thị hiện đại tự tại, cho nên ngài có thể giáo hóa chúng sanh khắp hư không biến pháp giới.

Chữ “dững” tức là xuất hiện, là hiện thân, ở đâu có cảm, ở đó liền có ứng .

3. Sáu tướng chấn động: Do chấn động sáu cách nên gọi là “*lục động*”. Bản dịch Kinh Hoa Nghiêm đời Tấn (bộ Kinh Hoa Nghiêm này gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm, phiên dịch lần thứ nhất vào đời nhà Tấn. Phiên dịch lần thứ hai vào đời nhà Đường (Võ Tắc Thiên chấp chánh), ngài Thật Xoa Nan Đà đem đến Trung Quốc bản tiếng Phạn, phiên dịch thành tám mươi quyển gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm cũng gọi là Đường Kinh, Võ Tắc Thiên làm Hoàng Đế chưa bao lâu, đổi quốc hiệu thành nhà Chu. Cho nên ,bộ kinh này cũng gọi là “Đại Chu Kinh”.

“Đại Chu Kinh” chính là Bát Thập Hoa Nghiêm. Lần phiên dịch thứ ba là của Đại Đường Tông, năm Trinh Nguyên, phiên dịch “Tứ Thập Hoa Nghiêm” tức là phẩm sau cùng của Kinh Hoa Nghiêm: Phẩm Nhập Pháp Giới. Tất cả tổng cộng có ba lần phiên dịch). Bản dịch kinh Hoa Nghiêm đời Tấn nói: “*động, khởi, dững, chấn, hống, giác*” là “*lục động*”. “*Động*” là dao động, đong đưa trái phải, trước sau. “*Khởi*” là động nhô lên cao. “*Dững*” là động lồi lõm (lồi lên, lõm xuống). Ba loại này là hình thái của “*động*”. Ba loại sau là động của âm thanh. Chữ “*chấn*” là chấn động vang ra âm thanh nhỏ. Chữ “*hống*” là chấn động có âm thanh rất lớn, tiếng vang rền; “*giác*” là khiến cho chúng sinh có thể giác ngộ trong chấn động này.

Sáu loại chấn động trên đây, trong ba cách giải thích. Cách thứ nhất nói về thời điểm chấn động “Bát tướng thành đạo”, biểu thị hành nghi một đời của Phật Thích Ca Mâu Ni nên có điềm lành này. Hai cách giải thích sau là nói tướng chấn động. Đại Trí Độ Luận, quyển tám nói: “*Vì sao Phật chấn động tam thiên đại thiên thế giới? Đáp: Vì muốn cho chúng sinh biết rằng hết thấy đều là không, vô thường. Hơn nữa, giống như người muốn nhuộm áo, trước hết phải*

rũ bỏ bụi đất, đức Phật cũng giống như thế: Trước hết khiến cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thấy được thần lực của Phật sinh tâm kính trọng, nhu thuận; sau đấy, Phật mới thuyết pháp. Vì vậy, Phật chấn động cõi đất sáu cách”.

Hòa Thượng Tịnh Không bảo sáu loại chấn động này có thể hình dung đại địa chấn, khiến có người sẽ nghĩ:

- Pháp Tạng vừa hứa nguyện xong, liền xảy ra địa chấn! Rất có thể khiến nhiều chúng sinh bị tai nạn, đây không phải là việc tốt!

- Nghĩ vậy là “*Y kinh diển nghĩa, tam thế Phật oan!*”. Thâm nghĩa chỗ này là: Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh nói pháp, phát hoằng thế nguyện đều chấn động lòng người, cảm động sâu sắc đối với tất cả chúng sinh. Đây không phải mặt đất chấn động mà là tâm địa chúng sinh hữu tình bị cảm động. Chỗ này nói chư thiên thần tán hoa, là ý nói họ hoan hỉ tán thán.

- Chúng sinh vô tình cũng bị cảm động, cảm động như thế nào?

- Chúng ta tuyệt nhiên không hề cảm giác được, không hề thấy dao động của địa chấn. Nhưng, trong âm thầm đã có sự biến chuyển thay đổi địa chất. Đây chính là trong kinh Phật thường nói: “*Y báo tùy theo chánh báo chuyển*”. Cách nói này bạn vẫn không dễ gì thể hội, tôi đổi một câu nói khác: “*Phong thủy thay đổi rồi, địa lý liền biến đổi*”. Cho nên có câu: “*Người phước ở đất phước, đất phước người phước ở*”.

Hiện tại chúng ta muốn thay đổi phong thủy đâu cần phải mời những tiên sinh xem phong thủy, chúng ta thay đổi ngay từ tâm địa của chính mình. Tâm địa chúng ta thanh tịnh, lương thiện thì hoàn cảnh cư trú liền thay đổi tốt; người nước ngoài gọi là từ trường, người Trung Quốc gọi là khí phần; ngạn ngữ gọi là “*địa linh nhân kiệt*”.

Người ở đây là hào kiệt thì đất liền có linh khí, chữ “*chấn động*” là nói cái ý này.

Thông thường nói cảm động người thì dễ hiểu; cảm động thiên địa qui thần cũng có thể miễn cưỡng đồng ý, vì thiên địa qui thần cũng là chúng sinh hữu tình, nhưng nói cảm động đến cây cối, cỏ hoa, sông, núi, đất đai thì rất khó tin! Đạo lý này sâu, nhưng tuyệt nhiên không khó hiểu! Bạn xem những người chăm sóc hoa cỏ, họ đối với những chậu hoa này đích thật là có lòng yêu thương nên hoa nở rất đẹp. Do đây có thể biết: Thực vật cũng có cảm tình, không chỉ thực vật có cảm tình mà khoáng vật cũng có cảm tình, núi sông đất đai đều có cảm tình.

Kinh Hoa Nghiêm có nói đến thần cây, thần hoa, thần sông, thần hồ, sơn thần, thủy thần v.v...; như vậy, có thể biết tất cả vạn vật thảo đều thông linh. Truy tìm nguồn cội của nó, Phật nói rất hay: “*Bổn thị đồng căn sanh, giai thị duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chúng làm sao mà không bị cảm động! Chúng ta vừa khởi tâm động niệm liền “*chu biến pháp giới*”, cảm ứng với mười phương hư không pháp giới tất cả chúng sinh. Cảm ứng này hiện nay khoa học gọi là hiện tượng của sóng động. Tốc độ của làn sóng tư tưởng chuyển đi rất nhanh; so với tốc độ của ánh sáng, của sóng điện từ, không biết là nhanh hơn gấp bao nhiêu lần! Ngôn ngữ âm thanh của chúng ta đều có hiện tượng sóng động; sóng động này là thuộc về vật chất, tốc độ tương đối chậm hơn làn sóng tư tưởng nhưng vẫn là tận hư không khắp pháp giới.

Ở đây, khắp cõi đất chấn động sáu cách để ứng với lời thệ nguyện của Pháp Tạng Đại Sĩ. “*Đại thiên ưng cảm động*” (Đại thiên nên cảm động) đồng thời cũng biểu thị: Nay Đại sĩ phát nguyện, tương lai sẽ chuyển *vô thượng đại pháp luân*.

Gia Tường Sớ giảng: “*Đất động biểu thị hạnh nhân* (hạnh nguyện là cái nhân để đắc quả), *mưa hoa biểu thị ắt được chứng quả* (có hoa ắt sẽ có quả). *Tự nhiên có âm nhạc chứng tỏ sẽ đắc cõi vui màu nhiệm, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh.*”

Sách Hội Sớ giảng câu: “*Tán ngôn quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác*” (khen ngợi rằng quyết định ắt thành Vô Thượng Chánh Giác) như sau: “*Chắc chắn đắc quả không còn nghi ngờ gì nữa nên nói là ‘quyết định’. Bởi đây là sự khẳng định chắc chắn nhất trong những lời đoan chắc nên bảo là ‘tất thành’* (ắt thành). *Vô Thượng Chánh Giác là Phật quả, không gì hơn nổi Phật quả nên bảo là Vô Thượng*”.

- Vì sao ngay khi Pháp Tạng Đại Sĩ vừa phát nguyện xong, trên không trung liền có tiếng khen rằng: “Quyết định ắt thành Vô Thượng Chánh Giác”?

- Sách Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận giảng điều này rất tinh xác, đại ý tóm lược như sau:

“*Nhất thiết Phật độ, bất ly chúng sinh nhất niệm thanh tịnh tâm nhi đắc thành lập*” (Hết thấy cõi Phật chẳng thể được thành lập riêng ngoài một niệm trong cái tâm thanh tịnh của chúng sinh). Tất cả “Phật độ”, đây chính là nói mười pháp giới y chánh trang nghiêm, không lìa chúng sinh một niệm tâm thanh tịnh mà được thành lập. Cho nên mới nói “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”.

Hiện tại, chúng ta xem truyền hình có rất nhiều kênh đài. Đây là nói rõ: Thế giới chúng ta, thế giới Cực Lạc, thế giới thiên nhiên v.v... chỉ khác nhau ở kênh đài, tất cả đều hiển hiện trên cùng một màn hình. Tâm chúng ta không thanh tịnh nên xem thấy mọi thứ xung quanh đều là uế độ của thế giới Ta Bà. Nếu hồi phục đến một niệm thanh tịnh, chúng ta liền lập tức thấy được tất cả đều là Tịnh Độ, Phật Độ.

Khoa học ngày nay phát hiện: Không gian là đa duy thứ, nên gọi là hai độ không gian, ba độ không gian, bốn độ không gian v.v... Từ trên lý luận mà nói, có vô hạn không gian duy thứ, đây là khoa học khẳng định. Nếu đột phá được tất cả những không gian duy thứ thì thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, pháp giới Nhất Chân liền xuất hiện. Việc này thật không dễ dàng!

Khoa học hiện nay vẫn không biết dùng phương pháp gì để đột phá! Sự hình thành của không gian duy thứ họ cũng không biết! Nhưng Phật thì rất rõ ràng: Không gian duy thứ là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của tất cả chúng sinh mà hình thành. Muốn đột phá những không gian duy thứ này, phải buông xả hết tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì “một niệm tâm thanh tịnh” mới hiện tiền. Lúc bấy giờ, hư không pháp giới là Phật Độ, thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc chính ngay trước mắt. Cho nên, người chân thật tu hành chứng quả, đích thật trong mắt họ: Thế giới này là thế giới Nhất Chân; thấy chúng sinh đại địa tất cả đều thành Phật.

Kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận lại nói: “*Pháp Tạng Đại Sĩ phát thử hoằng nguyện, kỳ vi phá trừ chúng sinh vọng chấp, khai hiển đương nhân bốn hữu tâm lượng, linh tri Tịnh Độ tức thị pháp tánh bản nhiên, phi tòng ngoại đắc. Hà dĩ cố? –Tự Tánh không tịch ly chư ác thú*” (Pháp Tạng Đại Sĩ phát ra thế nguyện rộng sâu như vậy chỉ nhằm phá trừ vọng chấp của chúng sinh, khai hiển tâm lượng vốn có của đương cơ khiến họ biết được rằng Tịnh Độ chính là Pháp tánh vốn sẵn như vậy, chẳng phải từ cái nào khác mà được. Vì sao vậy? Tự tánh không tịch, là các đường ác).

Cư sĩ Bàn Tế Thanh đích thật không đơn giản! Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Mấy câu nói trên đây của ông, nếu không phải là người tái sinh thì không thể nói ra được. Đây là một Bồ Tát tại gia, ông là người của thời đại Càn Long, triều nhà Thanh. Phụ thân ông

làm quan đến chức Binh Bộ Thượng Thư của Hoàng Đế Càn Long. Dùng quan vị hiện tại mà nói là Bộ Trưởng Quốc Phòng. Cho nên, ông là con cháu của nhà quyền quý, ông rất thông minh. Chúng ta xem thấy trong truyện ký: Khoảng hai mươi tuổi ông đã đỗ tấn sĩ. Tấn sĩ là học vị cao nhất thời đó. Dùng lời hiện tại mà nói thì tương đương với học vị Tiến Sĩ hiện tại.

Con người này thiện căn sâu dày, hoàn cảnh gia đình tốt, thi đỗ Tiến sĩ nhưng không làm quan. Ông học Phật trình độ rất cao. Chú giải Kinh Vô Lượng Thọ của ông gọi là Kinh Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận, cũng chính là bản tiết lược của ông từ quyển của Phan Tăng Khải rút gọn lại mà thành. Mấy câu nói này của Bàn Tế Thanh rất hay: Tỳ kheo Pháp Tạng phát ra hoàng nguyện (chỉ bốn mươi tám nguyện đã nói trong phẩm thứ sáu) cho đến mười bài kệ trong phẩm này, mục đích không ngoài giúp chúng sinh phá trừ vọng chấp, khai hiển tâm lượng vốn có của đương cơ, khiến họ biết được rằng Tịnh Độ chính là pháp tánh vốn sẵn như vậy, chẳng phải từ cái nào khác mà được. Vì sao vậy? Ở đây chỉ nêu sơ lược đại ý của Bàn Tế Thanh như sau:

Tự tánh không tịch ly chư ác thú (Tự tánh không tịch, là khởi các đường ác). Cái “ác thú” này là nói mười pháp giới, không riêng chỉ cho ba đường ác; sáu cõi là ác thú mà mười pháp giới vẫn là ác thú. Dùng lời của khoa học gia mà nói: Tất cả không gian duy thứ đều thuộc về ác thú. Đột phá được toàn bộ không gian duy thứ mới gọi là “Nhất Chân pháp giới thanh tịnh bản nhiên”. Trong cảnh giới này, như Phật đã nói trên tất cả kinh:

Tự tánh diệu viên, cụ chư tướng hảo (Tự tánh trọn vẹn màu nhiệm, có đủ các tướng hảo) là nói “*Như Lai Trí Tuệ đức tướng*”: Trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Cho nên, Phật biết rõ ràng tường tận căn bệnh của tất cả chúng sinh

ở chỗ nào? Gốc bệnh từ đâu? Chân thật là đối bệnh cho thuốc, thuốc đến thì bệnh khỏi. Giáo học trong Phật pháp rất là hữu dụng, rất là hiện thực, học rồi thì lập tức có được thọ dụng, liền được có chỗ tốt.

Đầu năm Dân Quốc, Đại Sư Âu Dương Cảnh Vô nói rất hay: “*Phật pháp không phải tôn giáo, không phải triết học, mà là thứ người đời nay cần đến*”. Không thể không học! Không học không thể giải quyết vấn đề! Không học không thể lìa khổ!

Tự tánh vô ngại hiện lực thần thông (hiện sáu thần thông): Chính là hồi phục năng lực, hồi phục đức năng.

Tự tánh vô trụ bất khả đoạn diệt (chẳng thể đoạn diệt).

Tự tánh vô tác, vô hữu hạn lượng (chẳng có hạn lượng).

Tự tánh vô ngoại, như phong quang bị (tự tánh chẳng phải ở ngoài như gió thổi khắp nơi).

Tự tánh vô nội như kính phổ hiện (tự tánh chẳng ở trong, như gương soi tất cả). Đây đều thuộc về vạn đức, vạn năng của tự tánh mà chúng ta thường nói: tự tánh vốn đủ, viên mãn tròn đầy không chút kém khuyết.

Tự tánh quang minh như nhật phổ chiếu (như mặt trời chiếu khắp nơi)

Tự tánh bình đẳng như hương, phổ huân (như hương xông khắp mọi chốn).

Bồ Tát tùy thuận tâm không tịch, tâm diệu viên, tâm vô ngại, tâm vô trụ, tâm vô tác, tâm không ngoài, tâm không trong, tâm quang minh, tâm bình đẳng sẵn có trong tự tánh của chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật. Bồ Tát thị hiện ứng thể chính là:

Tự tánh hằng thuận chúng sinh: Câu nói này nhắc nhở rất hay! Chữ “*hằng thuận chúng sinh*” không có nghĩa là chúng sinh

làm ác, chúng ta cũng làm ác theo họ. Chúng sinh ăn trộm, ta cũng giúp họ ăn trộm, vậy thì sai rồi! Đây chính là “*Từ bi đa họa hại, phương tiện xuất hạ lưu*”. Nhà Phật thường nói: “*Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn*” (Từ bi là gốc, phương tiện là cửa).

- Vì sao lại nói họa hại, hạ lưu?

- Trong đây ý nói: Bạn tùy thuận tự tánh chúng sinh, đây là thiện, đây là gốc, đây là phương tiện. Nếu bạn tùy thuận phiền não của chúng sinh, tùy thuận ác nghiệp của chúng sinh, đây chính là “*họa hại*”, chính là “*hạ lưu*”. Việc này không thể không phân biệt rõ ràng. *Tùy thuận là tùy thuận trí tuệ, tùy thuận lý tánh, không phải tùy thuận cảm tình, tùy thuận nhân tình*, vậy đều là hồng việc! Chúng ta học Phật phải hiểu rõ đạo lý này. “*Tự tánh vốn đủ*”, chúng ta thường nói: Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác, tâm từ bi; chúng ta phải tùy thuận những tâm này.

- Mặt trái của tâm chân thành là tâm hư ngụy.

- Mặt trái của tâm thanh tịnh là tâm ô nhiễm.

- Mặt trái của tâm bình đẳng là tâm ngạo mạn, đố kỵ

- Mặt trái của tâm Chánh Giác là tâm ngu si.

- Mặt trái của tâm từ bi là tâm tự tư tự lợi.

Những thứ đó không thể tùy thuận! Trang nghiêm quốc độ là phải tùy thuận thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Cho nên, tổng quan bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, mỗi nguyện chính là cái tâm sẵn có của chúng sinh. Dùng tự tâm để trang nghiêm tự tâm, trang nghiêm cõi của chính mình như nước xuôi về biển, như âm vang ứng theo tiếng. Tâm và cõi chằng hai, nhân quả đồng thời, nên Pháp Tạng phát nguyện xong, trên không trung liền có tiếng khen ngợi: “*Quyết định ắt thành Vô Thượng Chánh Giác*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, cái tán thán này tuyệt nhiên không phải tán thán để Pháp Tạng nghe, mà cho chúng ta nghe. Chúng ta nghe rồi thể hội được phải tu hành như vậy, chắc chắn sẽ thành Vô Thượng Đạo. Lời tán thán này chính là chư Phật Như Lai, long thiên thiên thần đang khuyên chúng ta phải tu Tịnh Độ. Cái nhân không thể nghĩ bàn chắc chắn được quả không thể nghĩ bàn. Mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai. Không vị nào mà không Niệm Phật thành Phật. Chúng ta chuyên chí nơi Tịnh Độ phải nên tin nhận điều này.



IV. TÍCH CÔNG LŨY ĐỨC ĐỆ BÁT

KINH VĂN:

A Nan! Pháp Tạng tỳ kheo ở Thế Tụ Tại Vương Như Lai tiên, cập chư thiên nhân đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ nguyện dĩ, trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Sở tu Phật quốc, khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến.

VIỆT DỊCH:

A Nan! Pháp Tạng tỳ kheo ở trước Thế Tụ Tại Vương Như Lai và giữa đại chúng trời, người phát hoằng thệ nguyện ấy xong, trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, một dạ chuyên chí trang nghiêm cõi màu nhiệm. Ngài tu cõi Phật bao la, rộng lớn, siêu thắng, độc diệu, kiến lập thường nhiên, chẳng suy, chẳng biến.

GIẢNG:

Pháp Tạng Bồ Tát ở trước đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai và đại chúng tuyên nói “*hoằng thệ nguyện*” như phần trước đã thuật. “*Hoằng*” là sâu rộng. Chữ “*hoằng thệ nguyện*” thường dùng để chỉ chung tất cả những lời thệ nguyện rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát. Ở đây “*tư hoằng thệ nguyện*” (hoằng thệ nguyện ấy) nhằm chỉ riêng bốn mươi tám nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát. Trong câu đầu của phẩm này đã nói ngay: “*Trụ Chân Thật Tuệ*”, một câu ngắn gọn này chính là căn bản của Bồ Tát tu hành chứng quả. Phẩm Đức Tuân Phổ Hiền của kinh này từng nói: “*Khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế*”. Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi nói: “*Dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật*”

chi lợi” (Muốn cứu vớt quần manh, ban cho cái lợi chân thật). Phẩm này nói: “*Trụ Chân Thật Tuệ*”. Ba câu tuy khác nhưng cùng một ý nghĩa.

“Chân” là Chân Như, “Thật” là Thật Tướng. Kinh Quán Phật Tam-Muội nói: “*Phật địa quả đức, Chân Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không*”. Cội rễ cùng cực của Chân Như Thật Tướng gọi là Chân Thật Tế. “*Đương lai nhất thiết hàm linh giai nhân Di Đà Nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh nhi đắc độ thoát*” (Hết thảy hàm linh trong đời tương lai đều do Nhất thừa nguyện hải của Phật A Di Đà, sáu chữ hồng danh mà được độ thoát), đó là *Chân Thật Chi Lợi* (cái lợi chân thật). Hiện thị được “Chân Thật Tế” ấy, ban cho cái lợi chân thật, ấy chính là *Chân Thật Tuệ*. Có thể nói: Đem tâm an trụ trong câu A Di Đà Phật, đó là “*Trụ Chân Thật Tuệ*”. Chân Thật Tuệ dẫn dắt chúng ta vượt thoát sáu cõi luân hồi đến thế giới Nhất Chân, cõi Tây Phương Cực Lạc. Chân Thật Tuệ cũng chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là thể của Chân Thật Tuệ; Chân Thật Tuệ là tác dụng của tâm thanh tịnh. Hay ngược lại: Chân Thật Tuệ là thể của tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là thọ dụng của Chân Thật Tuệ.

Nhớ lại câu chuyện của Hòa Thượng Đàm Hư kể, có ghi chép trong quyển Ảnh Trần Hồi Úc Lục. Câu chuyện kể về chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân, Hắc Long giang, có một người xuất gia ở chùa Cực Lạc vãng sinh, đó là Pháp Sư Tu Vô, xảy ra vào đầu năm Dân Quốc. Vị xuất gia này không biết chữ. Trước khi xuất gia, ông là thợ hồ rất khổ. Do cảm nhận nhân sinh quá khổ, sau đó ông xuất gia. Ngoài việc đảm trách công việc trong chùa, những việc mà người khác không muốn làm, ông duy nhất chỉ niệm rót ráo một câu “A Di Đà Phật”, ngoài ra đều không biết gì cả. Lúc đó, đệ tử của Hòa Thượng Đế Nhân là Pháp Sư Đàm Hư xây chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân. Khi chùa xây xong liền cung thỉnh Hòa Thượng Đế Nhân đến truyền giới. Nhờ lần truyền giới này khiến chùa Cực Lạc nổi tiếng

khắp nơi, đạo tràng hưng thịnh. Giới đàn hình như kéo dài khoảng hai, ba tháng, rất cần người làm công quả. Sư Tu Vô liền đến tình nguyện phục vụ giới đàn. Tri sự giám viện là thầy Định Tây (sau này đến Hồng Kông) hỏi Sư Tu Vô:

- Sư có thể làm gì? Sư nói:
- Tôi có thể chăm sóc bệnh nhân.

Thầy liền giao việc này cho Sư. Suốt thời gian mở giới đàn khó tránh gặp những trường hợp giới tử bị bệnh nhẹ như cảm gió, sốt v.v..., cần có người chăm sóc; Sư Tu Vô nhận trách nhiệm này. Ở được mười mấy ngày, Sư bèn đến tìm Hòa Thượng để xin từ biệt. Pháp Sư Đàm Hư là người giảng kinh, dạy học có tu dưỡng, có học vấn, không trách cứ gì Sư, đến đi tự do, Sư có việc muốn đi thì cứ đi. Nhưng, thầy Định Tây thì không vui, bèn mắng Sư Tu Vô một trận:

- Sao thầy không có định lực gì vậy! Giới đàn chỉ có hơn hai tháng, nay mới ở được mười mấy ngày, phát tâm đến đây, bây giờ lại muốn đi! Sư nói:

- Bạch Hòa Thượng! Không phải con đi nơi khác mà con vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc!

Cả hai vị Hòa Thượng nghe xong ngẩn người!

- Thầy biết trước giờ chết ư?
- Thật vậy!
- Còn khoảng bao lâu?
- Không quá mười ngày!

Nhờ chùa chuẩn bị cho Sư hai trăm cân củi để hỏa thiêu. Thầy Định Tây nghe thế, trước giờ chưa từng gặp trường hợp này, thật không đơn giản! Thật khó được! Cũng rất hoan hỉ nghĩ rằng: Đang thời kỳ mở giới đàn, có người vãng sinh thế giới Cực Lạc, biết

trước giờ chết, đây là tướng lành chứng minh cho mọi người: Niệm Phật là thật không phải giả! Đến ngày thứ hai, Sư Tu Vô lại tìm đến nói với Hòa Thượng:

- Ngày mai con đi! Hôm nay xin ngài nhanh chóng chuẩn bị. Thầy Định Tây bèn giúp Sư chuẩn bị một gian phòng. Sư thỉnh cầu tìm vài người đến trợ niệm đưa Sư vãng sinh. Tin tức vừa truyền ra, liền có số người phát tâm đến trợ niệm cho Sư. Khi đi Sư rất an tường, không bệnh hoạn. Trước khi trợ niệm, mấy đồng tu này yêu cầu Sư lưu lại vài bài kệ cho họ làm kỷ niệm.

- Sư nói: Tôi xuất thân thô hèn, không được học hành, cũng không hiểu kinh giáo, không biết làm kệ, chỉ có một câu nhắn nhủ với mọi người: *“Nói mà không thực hành không phải là trí tuệ chân thật”!*

Câu nói này rất có đạo lý! Bạn học kinh giáo, nói rất hay, nhưng bản thân không thực hành, đây không phải là Trí tuệ chân thật. Lời Sư Tu Vô nói tương ứng với trong kinh này nói: Trí tuệ chân thật mới thật sự đem lại lợi ích.

Mọi người niệm Phật chưa đến một khắc thì Sư ra đi. Sau khi hỏa thiêu lưu lại xá lợi được thờ tại chùa. Những năm sau này, Hòa Thượng Đàm Hư sang trú ở Hồng Kông và cũng vãng sinh tại đây. Trong lúc giảng kinh hay tổ chức Phật thất, Phật sự, ngài thường nhắc đến câu chuyện này để khuyến tấn mọi người: Đây là niệm Phật thành tựu. Trong đời ngài tận mắt chứng kiến người niệm Phật vãng sinh, đều là người thật thà, rất giữ qui củ, tâm địa rất thanh tịnh, không nề hà gian khổ. Người khéo léo, nhanh nhẹn không có ai thành tựu! Cho nên: Thật thà, nghe lời, thực hành chắc chắn sẽ thành tựu. Đến chùa Cực Lạc tham quan, đừng quên đánh lễ tháp của Sư Tu Vô.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển hai giảng chữ “Tuệ” như sau: *“Xét theo hành phương tiện thì quán sát thông suốt là Tuệ.*

Nếu luận theo Thật Đế thì Thể của chân tâm sáng tỏ, tự tánh không tâm tối thì gọi là Tuệ. Như vậy, hiểu rõ bản tâm, thấy rõ bản tánh mới gọi là “Tuệ”.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển hai giảng chữ “*chân thật*” như sau: “*Pháp tuyệt các vọng chấp là chân thật*”. Như vậy “chân thật” là cái chân thật lìa khỏi vọng niệm ,tức là tự tánh thanh tịnh tâm. Bồ Tát Pháp Tạng kiến lập thế giới Tây Phương Cực Lạc, bốn mươi tám nguyện là kế hoạch, là lý tưởng của ngài. Lúc nào ngài cũng kiên trì “*dõng mãnh, tinh tấn*”, “*chuyên chí trang nghiêm diệu độ*”, đây chính là “*trụ Chân Thật Tuệ*”. Nếu không “*Trụ Chân Thật Tuệ*”, cho dù ngài có tu hành đến năm kiếp cũng không thành công.

Nên nhớ “*Chân Thật Tế*” là Pháp Thân đức; “*Chân Thật Lợi*” là Giải Thoát đức; “*Chân Thật Tuệ*” là Bát Nhã đức. Ba điều “chân thật” này cũng chính là ba đức của Niết Bàn, như ba chấm trong chữ Y, người xưa nói: Đứng như chiếc đỉnh ba chân không hợp, không lìa, không ngang, không dọc, một tức là ba, ba tức là một. Phần trước nói về diệu hạnh, trong kinh này buông ngay một câu “*Trụ Chân Thật Tuệ*”, chẳng khác nào như câu “*vẽ rồng điểm mắt*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đây là đặc biệt nhắc nhở chúng ta phải đem trí tuệ xếp ở hàng đầu, phải khai phát trí tuệ. Chỉ có trí tuệ chân thật mới vượt qua được sóng to gió lớn, như như bất động; không có trí tuệ chân thật, chỉ một gợn sóng hay một cơn gió nhẹ cũng đủ khiến tâm ta tán loạn, tập khí phiền não liền hiện tiền, do vậy mà không thể thành tựu. Thử hỏi:

Những người không có văn hóa, không biết chữ, không biết bất cứ thứ gì, mỗi ngày từ sớm đến tối chỉ một câu “A Di Đà Phật”, họ cũng vãng sinh tương lành hy hữu, vậy họ có trí tuệ chăng?

- Có! Họ trụ Chân Thật Tuệ, còn mạnh hơn ta!

- Chân Thật Tuệ là gì?

- Một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, trong tâm họ chỉ có câu này, ngoài ra không nghĩ tưởng gì hết. Đây là Chân Thật Tuệ.

Chúng ta không thể so sánh với họ. Tâm chúng ta, một ngày từ sớm đến tối nghĩ tưởng xằng bậy! Chúng ta trụ trong phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đây không phải là Chân Thật Tuệ. Cũng có thể nói: Chân Thật Tế là Phật Bảo, A Di Đà Phật làm đại biểu. Chân Thật Tuệ là Pháp Bảo: Nếu nói rộng ra, pháp tạng của tất cả mười phương chư Phật đều là Chân Thật Tuệ. Nếu nói sơ lược tức là, Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ. Chân Thật Lợi là Tăng Bảo. Nếu dùng người làm đại biểu thì ngài Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu cho Chân Thật Tuệ, ngài trụ trong một câu “A Di Đà Phật”, niệm đến cùng “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tỳ đắc tâm khai*”, đây mới là Chân Thật Tuệ. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đại biểu ban cho chúng sinh Chân Thật Lợi.

Nếu từ phương diện cứu cánh mà nói: Rất nhiều kinh luận có cứu cánh nhưng không phương tiện, như Kinh Hoa Nghiêm và Kinh Pháp Hoa là cứu cánh nhưng phương pháp tu hành rất phức tạp, rất khó khăn tức là không phương tiện. Có những kinh điển là phương tiện như kinh điển Tiểu thừa nhưng không phải là cứu cánh. Nói đến cứu cánh nhất và phương tiện nhất tức là ba bộ kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà. Ba bộ kinh này đều là cứu cánh phương tiện; chọn bất cứ bộ nào tu cũng đều có thành tựu.

Nếu từ trên hành môn mà nói, tức là qui đến câu danh hiệu này. Nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là danh hiệu công đức bất khả tư nghị. Cho nên, trên kinh khuyến khích chúng ta “*dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*”. Hai chữ “*diệu độ*” tức là Tây Phương

Tịnh Độ. Làm thế nào “*trang nghiêm diệu độ*”? “*Trụ Chân Thật Tuệ*” là nhập một pháp cú, một pháp cú là “*Chân thật trí tuệ, vô vi Pháp Thân*”, là chân thật trang nghiêm Tịnh Độ, trang nghiêm A-Di-Đà Phật, trang nghiêm hải hội đại chúng. “*Dũng mãnh tinh tấn*” là không gián đoạn, không tạp loạn. “*Nhất hướng chuyên chí*” (Một dạ dốc chí) là tâm chí chuyên nhất. “*Diệu độ*” là cõi nước tinh diệu, mỹ lệ tuyệt luân chẳng thể nghĩ bàn. “*Trang nghiêm*”, cách nói thông thường là “*chân, thiện, mỹ, tuệ*”.

Trong phẩm Lễ Cúng Thính Pháp, đệ nhị thập lục của Kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà Phật bảo các vị Chánh Sĩ từ mười phương đến dự pháp hội rằng: “*Thông đạt chư Pháp tánh, nhất thiết không, vô ngã, chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị sát*”. (Thông đạt các pháp tánh, hết thảy không, vô ngã, chuyên cầu tịnh Phật độ, ắt thành tựu được cõi nước như cõi này). Lời dạy này đã vạch trần chánh nhân Tịnh Độ, thật chẳng khác với câu “*Trụ Chân Thật Tuệ*” trong đoạn này, vì “*Nhất thiết không, vô ngã, chuyên cầu Tịnh Độ*” chính là *Chân Thật Tuệ*.

“*Chuyên cầu Tịnh Độ*”, an trụ trong “*nhất thiết không*” (hết thảy không) chính là chân thật trang nghiêm cõi nước. “*Chung nhật độ sanh, vô sanh khả độ. Trang nghiêm Phật độ, Phật quốc ly tướng, Kiến lập đạo tràng, đại tác mộng trung Phật sự, viên tu viên chứng*”. Không thấy có chúng sinh nào để độ mới là độ sanh. Trang nghiêm cõi Phật, cõi Phật ly tướng, kiến lập đạo tràng, “*bóng trăng dưới nước*”, làm Phật sự trong mộng, xa lìa nhị biên, khéo khéo hợp Trung Đạo, viên tu, viên chứng; trong khoảng khảy móng tay liền được thành tựu trọn vẹn. Phát tâm niệm Phật như ánh sáng tỏa từ viên ngọc chiếu ngược lại hiển hiện toàn thể viên ngọc. Ánh Sáng này cũng là Trí tuệ Bát Nhã có thể chiếu soi tự tánh, đồng thời cũng chiếu soi vạn pháp. Cho nên, trong cõi nước Cực Lạc, mỗi sắc, mỗi hương đều viên

minh cụ đức, mỗi mỗi đều viên viên quả hải, đều từ tự tánh tự nhiên hiển lộ, đều là Chân Thật Tế cả, hoàn toàn không có sự miễn cưỡng.

“Viên minh cụ đức”: “viên” là tự tánh viên mãn, “minh” là trí tuệ viên mãn, “đức” là đức năng, tướng hảo.

Theo Hoàng Niệm lão: “Do mỗi thứ trong cõi Cực Lạc đều từ Chân Tâm Đại Giác, Quả giác diệu đức của Phật A Di Đà hiển hiện; mỗi thứ cũng đều từ Như Lai trí-tuệ đức tướng sẵn có trong tự tâm mỗi người chúng ta lưu xuất; nên những gì Phật A Di Đà hiển thị cũng chính là bản tâm của chúng ta, là của báu trong nhà chúng ta, không phải có được từ bên ngoài”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích ý này như sau: Trong giáo lý Đại thừa, đức Phật thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”*; “tâm” nghĩa là chân tâm, ở đây gọi là *Chân Tâm Đại Giác*. Chân tâm năng sinh, năng hiện; vạn pháp là sở sinh, sở hiện. Năng, sở là một không phải hai. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”*.

Chúng ta với chư Phật Như Lai và Phật A Di Đà đích thật là nhất thể, chỉ có “mê, ngộ” bất đồng mà thôi. Thiền Sư Trung Phong khai thị trong “Hệ niệm Phật sự”: *“Tâm tôi tức là Phật A Di Đà; Phật A Di Đà tức là tâm tôi”*; “tâm” này là chân tâm. *“Ở đây tức là Tịnh Độ; Tịnh Độ tức là ở đây”*. Quả giác diệu đức của Phật A Di Đà hiện ra thế giới Cực Lạc, bản chất của nó chính là bản tâm ta, là tâm tánh của chính chúng ta, là báu vật trong nhà ta, là trí tuệ đức tướng vốn có trong tự tánh ta không phải đạt từ bên ngoài. Đây là *“ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”*.

- Thế giới Cực Lạc như vậy, thế giới chúng ta thì sao?

- Cũng là như vậy! Không hai, không khác, đều là tâm hiện thức biến!

- Vì sao hai thể giới này có sự khác biệt lớn lao như vậy?!

- Khác nhau không phải ở tự tánh, không phải ở chân tâm mà khác ở vọng tâm!

Phía trước nói: Nhất niệm bất giác, trong tự tánh liền xuất hiện A-lại-da. Phải biết: A-lại-da không phải tự tánh, nhưng A-lại-da cũng không ngoài tự tánh. Chư vị Tổ Sư, đại đức của “Pháp Tướng Duy Thức Tông” nói với chúng ta: A-lại-da là “chân, vọng hòa hợp”. Thể của nó là Chân Như tự tánh, Tướng của nó là hư vọng không phải tự tánh. Vì sao? Vì tự tánh là bất sinh bất diệt, tướng là pháp sinh diệt. “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”. Thể tánh của tự tánh trong bốn cõi của Tịnh Tông gọi là Thường Tịnh Quang. Trong Thường Tịch Quang, cả ba loại hiện tượng: Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên đều không có. Do “nhất niệm bất giác” mà xuất hiện huyễn tướng. Cổ nhân dùng ví dụ: Mặt trời chiếu trên thân người tạo nên chiếc bóng. Chiếc bóng này tuyệt đối không phải là thân thể, nhưng cũng không rời thân thể; như A-lại-da không phải là tự tánh nhưng cũng không rời tự tánh.

- Vì sao xuất hiện bóng này?

- Do dưới ánh mặt trời mới xuất hiện chiếc bóng này, ánh nắng là duyên.

- “Nhất niệm bất giác” từ đâu mà có? Do nguyên nhân gì?

- Đây là vấn đề lớn! Đức Phật nói với chúng ta: “nhất niệm bất giác” không có nguyên nhân, không có nguồn gốc. Nếu có nguồn gốc, nó chính là thật; không có nguồn gốc, nó là hư vọng. Cho nên, “vô minh” gọi là “vô thi vô minh”. “vô thi” là không có bắt đầu.

Chúng ta ngày nay nếu có thể tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, chính là “*trang nghiêm diệu độ*”. Nếu tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, cũng trang nghiêm mà “*trang nghiêm địa*

ngục”! Đây đều là chân thật không phải giả! Từ “Trụ Chân Thật Tuệ” đến “Trang nghiêm diệu độ”, mấy câu này là căn bản của Cực Lạc Tịnh Độ. Nếu có người hỏi:

- Bạn tu Tịnh Độ là tu cái gì?

- Bạn đem đoạn kinh văn này giải đáp cho họ thì chính xác! Đây là tông cương lĩnh của mười nguyện Phổ Hiền. Trên Đại Kinh, Phật nói với chúng ta: “*Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền không thể viên thành Phật đạo*”; có thể thấy hạnh Phổ Hiền là hạnh của Bồ Tát cứu cánh viên mãn. Pháp môn Tịnh Tông tu hạnh Phổ Hiền, kinh văn vừa mở đầu là “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*”, đây chính là “*Trụ Chân Thật Tuệ*”, đồng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, câu nói của A Di Đà Phật với các vị Chánh Sĩ ở phần trên rất quan trọng, có thể tóm lược hai điều:

1. Thông đạt chư pháp tánh: Đây là rõ lý, là “*Trụ Chân Thật Tuệ*”. Việc này đòi hỏi chúng ta phải hiểu học mới có thể thông đạt.

- A Di Đà Phật tu cách nào để thành tựu?

- Do hiểu học mà thành tựu!

Phía trước đã nói qua, ngài thân cận Thế Gian Tự Tại Vương Phật, lúc đó bản thân ngài là quốc vương; như Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài xả bỏ vương vị theo Phật xuất gia. Trải qua thời gian rất dài nghe pháp, tu hành thành tựu đạo đức, thành tựu học vấn. Sau khi thông đạt mới biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh là “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh*”, cho nên A Di Đà Phật nói với mọi người: “*nhất thiết không, vô ngã*”.

2. “Nhất thiết không, vô ngã”: Đây tuyệt nhiên, không phải tiêu cực, trái lại càng tích cực. Có “vô ngã” mới có thể vì người; có “ngã” thì không thể vì người. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ, các ngài vô ngã, mỗi niệm đều vì lợi ích tất cả chúng sinh. Các ngài đích thật là trụ “*Chân Thật Tuệ*”, thấu rõ chân tướng sự thật nên lời nói, việc làm của các ngài đều chân thật, chính xác không có sai lầm. *Người có trí tuệ không trụ quả báo, có phước chính mình sẽ không hưởng phước. Thế Nhiêu Vương có phước báo, trí tuệ khai rồi liền xả bỏ vương vị không hưởng phước. Thích Ca Mâu Ni Phật giác ngộ rồi cũng xả bỏ kể vị vương tử, xuất gia tu hành, chỉ tu phước không hưởng phước. Tu phước, hưởng phước là chưa giác ngộ!*

- Không hưởng phước vậy tu phước để làm gì?!

- Tu phước cho mọi người hưởng! Đạo lý này mấy ai có thể tham thấu?! Chúng ta học Phật phải học loại tinh thần này của Phật, phải học loại đức hạnh này của Phật. Đây chính là trong nhà Phật ngày ngày đọc kệ hồi hướng: “Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ”.

- Họ đọc như thế nào?

- Có miệng không có tâm! Tâm lượng thật quá nhỏ! Chỉ biết tự lợi không thể lợi tha, nếu có giúp người khác chỉ là không tự nguyện thì làm sao có thể thành tựu?! Có đồng tu nói:

- Chẳng phải tôi không bằng lòng mà tôi không có năng lực!

- Lời nói này có đạo lý không?

- Không có đạo lý! Bạn không có năng lực thì ai có năng lực?! Nếu mỗi người đều khiêm tốn cho rằng mình không có năng lực thì Phật pháp sẽ bị đoạn tuyệt ngay thời đại này!

- Phật pháp đoạn tuyệt, bốn chúng đệ tử chúng ta đều có trách nhiệm.

- Quả báo là gì?
- Đọa đến A Tỳ địa ngục!
- Vì sao đọa vào A Tỳ địa ngục?

- Vì bạn là đệ tử Phật không chu toàn hết trách nhiệm của đệ tử Phật! Trách nhiệm lớn nhất của đệ tử Phật chính là nối dòng tuệ mạng của Phật, bạn chưa làm được! Hôm nay, đọc đoạn kinh văn này nói về quả báo của cõi Tây Phương Cực Lạc.

- Thế giới này vì sao lớn đến như vậy?

- Vì tâm lượng của Bồ Tát Pháp Tạng lớn! Chúng sinh mười phương thế giới đều có thể dung nạp hết, rộng lớn đến vô hạn cực, đây là “***khai khuếch quảng đại***”, chắc chắn không có nói nhân khẩu quá nhiều! Tổ sư, đại đức nói với chúng ta, đó là “*Pháp Tánh Độ siêu thắng độc diệu*”. Không những chỉ rộng lớn, chữ “*độc diệu*” còn hàm nghĩa: *Mỗi mỗi đều đệ nhất, mỗi mỗi đều siêu thắng cõi nước chư Phật* nên mới gọi là “*độc diệu*”. Cái thế giới này đích thật không thể nghĩ bàn!

- “Độc diệu” ở chỗ nào?

- Sách Hội Sớ bảo: “*Siêu thắng độc diệu là ý nói: Không chỉ to lớn mà những sự trang nghiêm ấy như thân, cõi, chánh báo, y báo đều là bậc nhất, không chỉ sánh bằng, vượt xa các cõi Phật khác, tinh vi hơn hết nên bảo là ‘siêu thắng’*. Chỉ mình cõi Phật này là bất khả tư nghị bậc nhất nên bảo là ***độc diệu***”. Tiếp đó, sách lại nêu ra **“độc diệu” của cõi Cực Lạc** như sau:

1. “Vị Pháp, Báo, Ứng hóa; sở xuất bản quốc cố” (Pháp, Báo, Ứng xuất hiện trong bản quốc). Theo Hòa Thượng Tịnh Không, ý nghĩa câu này quả là thâm diệu cùng cực, có hai cách nói:

Cách nói thứ nhất: Tam thân của Phật là Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Pháp Thân là bản thể; Báo Thân là tác dụng. Báo Thân là độ Pháp Thân Đại Sĩ. Ứng, Hóa Thân là độ Thập pháp giới hữu tình chúng sinh. “*Sở xuất bốn quốc cổ*”, chữ “bốn quốc” là chỉ thế giới Tây Phương Cực Lạc; ý nói: Tất cả cõi nước của chư Phật Như Lai đều từ Phật A Di Đà ở cõi nước Cực Lạc hiển thị ra. Đại Sư Thiện Đạo nói: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”, ý nghĩa rất tương đương với câu này.

Cách nói thứ hai: Là nhân địa của Phật A Di Đà muốn kiến tạo một thế giới, có thể hơn hẳn các cõi nước của tất cả chư Phật. Bất luận là y báo hay chánh báo đều là “tập đại thành” y, chánh của chư Phật Như Lai, phần trước đã có nói qua; “Siêu thắng độc diệu” là như vậy.

2. “Phật thân quang, thọ siêu quá chư Phật cố” (Vì thân Phật: thọ lượng, quang minh vượt xa chư Phật): Đây vẫn là “tập đại thành”. Điều này chúng ta phải học tập, phải mở rộng tâm lượng: Lấy “sở trường” của người khác, sửa đổi lỗi lầm của mình; loại bỏ “Sở đoản” của người khác; đây tức là “*siêu thắng*”.

3. “Danh hiệu lợi ích, độc xuất nan tư cố”: Đây là Phật A Di Đà dùng phương tiện thiện xảo để độ chúng sinh. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều không thể sánh được với pháp môn Niệm Phật vãng sinh này, đúng là “*siêu thắng, độc diệu*”. Thánh hiệu Phật A Di Đà danh văn thập phương, chư Phật mười phương đều tán thán, khuyên mọi người niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ nên bảo là “*độc xuất*”. Nếu ai nghe được “Chí tâm tin ưa”, mười niệm ắt được vãng sinh. Trong đây quan trọng nhất là câu “chí tâm tín nhạo”: “Chí tâm” là tâm chí thành đến cùng tột, thâm tín không nghi; “nhạo” là hoan hỉ, yêu thích; thích thế giới Tây Phương Cực Lạc, khát ngưỡng thế giới Cực Lạc, được thân cận Phật A Di

Đà, nhất tâm nhất hướng chuyên niệm, không thất, không thoái, chắc chắn được vãng sinh. Lại còn do nghe danh mà phát tâm, nghe danh được phước, nghe danh đắc Nhân, do nghe danh mà trụ tam-ma-địa, chứng Bất Thoái Chuyển, công đức vô lượng nên bảo là “nan tu” (khó nghĩ tưởng được).

4. “Linh Ngũ thừa tề nhập Báo độ cố” (Khiến cho Ngũ thừa cùng nhập Báo độ). Ngũ thừa là: Nhân, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Như Lai. “Như Lai” là Pháp Thân Đại Sĩ. Trên Kinh Hoa Nghiêm: Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát trở lên chính là Như Lai, họ cùng đến thế giới Cực Lạc. Báo Độ là chỗ Pháp Thân Đại Sĩ ở. Nay Phật khiến cho phàm phu, Nhị Thừa, Địa Tiên Bồ Tát đều chứng được báo độ một cách trọn vẹn nên bảo là “*độc diêu*”. Sinh đến Tây Phương Cực Lạc là *Viên Sanh Tứ Độ*, đây thật sự là “*độc diêu*”.

Tất cả chư Phật đều có Tứ Độ. Ngày nay, chúng ta ở thế gian này là cõi Phàm thánh Đồng Cư Độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhưng chúng ta đâu thể thấy được! Không thấy được tức là ở giữa có ngăn cách, có chướng ngại. Còn Tứ Độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có chướng ngại: Người của Phàm Thánh Đồng Cư Độ cũng thấy được Phương Tiện Hữu Dư Độ, cũng thấy được Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Cho nên, “*nhất sanh, nhất thiết sanh*”.

Chúng ta sinh đến thế giới Cực Lạc đều cùng với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ngày ngày cùng một nơi. Họ ở Thật Báo Trang-Nghiêm Độ, chúng ta ở trong Phàm thánh Đồng Cư Độ nhưng Tứ Độ đều cùng một nơi, đây tức là “*viên sanh*”, thật vô cùng

hiếm có! Thời thời, khắc khắc đều không rời khỏi chur đại Bồ Tát, đây là “độc diệu”.

5. “Nhị thừa, căn khuyết, nữ nhân loại, đốn chuyển Nhất thừa Cố” (Những hàng Nhị thừa, căn khuyết, nữ nhân, nhanh chóng chuyển thành Nhất thừa): Đây cũng là “độc diệu”. Những người này chỉ cần chịu niệm Phật, phát nguyện cầu sinh đều có thể vãng sinh như nguyện. “Đốn chuyển” là lập tức chuyển. Vừa đến cõi này, tất cả đều đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đồng ngồi xe trâu trắng lớn “*Như Lai Nhất thừa*” nên bảo là nhanh chóng chuyển thành Nhất thừa. Đây là “*siêu thắng độc diệu*”, trong tất cả cõi nước chur Phật khác đều không có.

“Cùng ngồi xe trâu trắng lớn” là trong Kinh Pháp Hoa: Ví dụ căn nhà bị lửa đốt cháy, trẻ con trong đó vẫn cứ vui đùa. Người lớn thấy vậy đến dẫn dụ chúng ra ngoài bằng cách bảo chúng: Mau ra đây! Bên ngoài có sẵn xe dê (chỉ ngồi được một người), xe hươu (ngồi được hai người), xe trâu trắng lớn (là xe ngựa lớn có thể ngồi được nhiều người). Mau ra lấy mà tùy tiện sử dụng. Chúng ra ngoài thấy toàn là xe trâu trắng lớn, thật vui mừng khôn xiết.

Dùng xe dê để ví cho Tiểu thừa Thanh Văn, Duyên Giác; xe hươu ví cho Bồ Tát, xe trâu trắng lớn để ví cho Phật. Đây là người thuộc ba căn tánh khác nhau. Vốn nghĩ mình chỉ được xe dê, đâu ngờ lại được ngồi xe lớn. Xe lớn ví cho “*Như Lai Nhất thừa*”. Việc này nói lên: Chỉ cần xa rời thế giới Ta Bà, vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, tất cả đều thành Phật, không phải thành A-la-hán, thành Bích Chi Phật hay thành Bồ Tát. Thật tuyệt diệu vô cùng! Thế giới Tây Phương Cực Lạc đúng là “*Nhất Phật thừa*” vô cùng thù thắng, “*siêu thắng độc diệu*.”

6. “Vãng sinh chánh nhân vị tu vị đắc cố” (Chánh nhân vãng sinh dễ tu, dễ đắc): “Phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm” là “*vãng sinh chánh nhân*”. Bất luận nam nữ, già trẻ, trí ngu, bận rảnh v.v... đều có thể tu được, thậm chí “Ngũ Nghịch” tội nặng, lúc lâm chung bị sự khổ bức bách, tướng địa ngục hiện ra, lúc ấy quán tưởng rất khó thành, vẫn có thể xưng danh mà được vãng sinh nên bảo là “*vị tu vị đắc*” (dễ tu, dễ đắc). Nhờ sự “*độc diệu*” của pháp môn vô cùng thù thắng này chúng ta mới có hy vọng một đời này thành tựu. Quả thật là hi hữu! Chư Phật Như Lai không phải vô duyên, vô cớ tán thán Phật A Di Đà, mà đích thật Phật A Di Đà nghĩ ra phương cách để độ chúng sinh thật quá ư là tuyệt diệu!

7. “Sanh hậu đắc quả, thái đốn, thái cao cố” (Vãng sinh rồi đắc quả, thật nhanh chóng, thật cao). Quả báo đạt được sau khi vãng sinh vô cùng thù thắng và rất nhanh chóng thành tựu.

- Đạt được quả gì?

- A Duy Việt Trí Bồ Tát!

Như vậy không vi diệu ư? A Duy Việt Trí Bồ Tát, người bình thường phải tu đến vô lượng kiếp, chúng ta chỉ tu một đời là thành tựu, chẳng phải là quá nhanh chóng ư? “Ngũ Nghịch, Thập ác”, lâm chung mười niệm liền được vãng sinh, chứng ngay “Bát Thoái” nên bảo là “*thái đốn*” (quá nhanh). Phạm phu mang theo “Hoặc nghiệp”, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, “hoành sanh bỉ quốc” (sanh ngang sang cõi ấy) liền thành A Duy Việt Trí Bồ Tát, địa vị ngang bằng với bậc Bồ Xứ nên bảo là “*thái cao*” (quá cao). Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là “thụ sanh” không phải “hoành sanh”.

- Thế nào là “thụ sanh”?

- Như leo cầu thang, phải đi lên từng tầng đến phần cao nhất!

- “Hoành sanh” là sao?

- Không cần leo từng tầng như vậy quá mất thời gian, quá gian khổ! Chúng ta đi tắt theo đường ngang gọi là “*hoành siêu*”, đi ra thì vượt thoát. Phương pháp này nhanh chóng dễ dàng. Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, được bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà gia trì, công đức bốn mươi tám nguyện của Phật ta đều đầy đủ, thật không thể nghĩ bàn! Khắp mười phương không nơi nào có được nên gọi là “*siêu thắng độc diệu*”. Như sách Lễ Tán nói: “(Do) bốn mươi tám nguyện trang nghiêm khởi lên, siêu việt các cõi Phật, thật là tinh xảo nhất”.

“*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*”: Thế giới Cực Lạc là cõi pháp tánh nên “*Kiến lập thường nhiên*”.

“*Kiến*” là mới khởi đầu xây dựng, ngày nay chúng ta gọi là sáng kiến, sáng tạo ban đầu. “*Lập*” là thành tựu cuối cùng. “*Thường*” là thường hằng, luôn luôn, “*nhiên*” là như thế; “*suy*” là hư hao, “*biến*” là thay đổi. “*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*” có nghĩa là một phen đã kiến lập rồi thì mãi mãi như vậy, chẳng có tướng trạng hư hao, biến hoại.

Ngày nay, chúng ta ở cõi này, kỳ thật cũng là cõi Pháp tánh, không sao rời khỏi Pháp tánh; rời khỏi Pháp tánh làm gì có cõi! Vấn đề do chúng ta chấp tướng mà không thấy tánh! Giả như ngay nơi Pháp tướng mà thấy được Pháp tánh thì nơi đây cũng là “*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*”. Do đây có thể biết tâm bệnh vẫn là nguyên nhân chính, phát sinh từ bản thân chúng ta. Chúng ta dùng là tâm phân biệt, tâm vọng tưởng, tâm chấp trước nên chỉ thấy tướng mà không thấy tánh. Người ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn ly khai vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên họ thấy tướng chính là thấy tánh, tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai. Chúng ta ở thế gian này có sợ hãi, có bất an, có âu lo phiền não, tất cả đều do vô thường đem

đến. Nếu tất cả có thể “*Kiến lập thường nhiên*” thì tập khí phiền não đều không còn. Cho nên, thế giới Cực Lạc tu hành nhanh chóng và dễ thành tựu là nhờ sự việc này. Thật sự thập toàn, thập mỹ, không tìm đâu ra một chút khiếm khuyết nào chỉ có thế giới Cực Lạc.

Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Kiến lập thường nhiên chẳng suy chẳng biến ý nói cõi nước thường hằng*”.

Ngài Gia Tường lại bảo: “*Kiến lập thường nhiên nghĩa là cõi này (Sa Bà) có kiếp hoại, nhưng cõi kia (Cực Lạc) chẳng thay đổi, mãi mãi giống như vậy*”. Ngài nói rất hay.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thế giới Sa-Bà là tinh cầu hiện tại chúng ta đang sống. Tinh cầu trên không trung không ổn định! Thông thường mọi người chỉ biết: Hệ Thái Dương xoay quanh hệ Ngân Hà; địa cầu xoay quanh Thái dương; mặt trăng xoay quanh địa cầu; trong đó có công chuyển, có tự chuyển, còn có rất nhiều chấn động không qui tắc. Chẳng hạn như địa cầu vận chuyển trong hư không có công chuyển là xoay quanh mặt trời, có tự chuyển là bản thân địa cầu tự chuyển một vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ: Một nửa đối diện với mặt trời là ban ngày; một nửa sau lưng mặt trời là ban đêm. Vận chuyển này chúng ta không cảm nhận được. Chấn động không chỉ một loại mà có rất nhiều loại, hơn nữa còn rất không ổn định !

Theo báo cáo của các nhà khoa học: Công chuyển và tự chuyển, tốc độ của nó nếu sai lệch một chút, địa cầu này sẽ sinh ra biến hóa quan trọng! Hiện nay, khí hậu địa cầu biến hóa khác thường, có rất nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất vẫn là vùng Nam, Bắc Cực của địa cầu có biến hóa lớn ! Các nhà khoa học cho chúng ta biết: Hiện nay Nam, Bắc Cực so với mấy trăm năm trước sai lệch năm độ. Khoảng cách năm độ này rất lớn, cho nên nơi đáng phải lạnh, nó không lạnh; nơi đáng phải nóng nó không nóng!

Rất nhiều sinh vật tuyệt chủng: Như vùng hàn đới, khí hậu lại trở nên ấm; vùng nhiệt đới khí hậu lại trở nên lạnh, nên sinh vật không thể sống!

Động, thực vật không thể sinh tồn, sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống nhân loại chúng ta. Các nhà khoa học ngày ngày nghiên cứu, lo lắng về những sự việc này. Nhưng Phật pháp nói với chúng ta: “*Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh*”. Giới khoa học họ cũng hiểu rõ đạo lý này nên lớn tiếng kêu gọi, khuyến khích mọi người phải bỏ ác dương thiện, cải tà qui chánh, đoạn chánh tâm niệm. Rất nhiều tôn giáo đều đang nỗ lực cầu nguyện cho sự việc này. Ý thức tập thể có thể tiêu tai miễn nạn, địa cầu sẽ khôi phục bình thường.

- Vì sao thế giới Cực Lạc “*Kiến lập thường nhiên*”, chúng ta ở nơi đây lại không thể?!

- Nói thật! Thế giới Cực Lạc làm được, chúng ta cũng làm được! Người vãng sinh về thế giới Cực Lạc đều là “thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”. Tịnh Tông Học Hội chúng ta đến Đồ Văn Ba thành lập đạo tràng Học Viện tại đây được mười năm. Chúng ta có quan hệ rất tốt với cư dân và tôn giáo ở đây, ngay cả đến nhân duyên với chính phủ cũng rất tốt. Chúng ta muốn làm việc gì chính phủ cũng ủng hộ.

Hôm qua, hai vợ chồng thị trưởng đến tham gia buổi tiệc tối ấm áp của chúng ta, mọi người đều nhìn thấy. Chúng tôi trình bày với thị trưởng, muốn thành lập một thôn nhỏ, bắt chước mô hình trước đây khi tôi ở Mỹ đã nhìn thấy như thành Đan Mạch, thành Nhật Bản. Nơi đây người cùng một dân tộc, cùng một quốc gia di dân đến Mỹ đều ở cùng nhau. Họ có văn hóa, có phương thức sinh hoạt riêng. Chúng ta đi vào thành Nhật Bản cũng giống như đến nước Nhật; vào thành Đan Mạch giống như ta đến Âu Châu.

Chúng tôi thiết nghĩ, trên toàn thế giới có rất nhiều Tịnh Tông Học Hội, nếu đồng tu muốn di dân đến Úc, chúng ta sống cùng nhau, kiến lập thành một thôn Di Đà. Nếu mở rộng hơn thành thị trấn A Di Đà; đông hơn nữa, gọi là thành phố A Di Đà Phật. Phong cách kiến trúc, tôi cũng kiến nghị với ông ta, chúng tôi muốn dùng kiến trúc cổ của Trung Quốc, xung quanh có xây tường. Ông ta nghe xong rất hoan hỉ. Việc này biến Đồ Văn Ba thành nơi tham quan du lịch. Trong thành nhỏ này có đủ các ngành, nghề hướng về văn hóa cổ điển, sống theo phương thức truyền thống của người xưa, đem nghệ thuật các vùng miền của Trung Quốc như nói, hát, ảo thuật v.v... đều xuất hiện trong thành nhỏ này.

Chúng tôi cần đất, thị trường đã đồng ý rồi. Hiện nay, chúng tôi đã có đất đai là đất nông nghiệp, chỉ cần thị trường thay đổi mảnh đất này một chút, chúng tôi sẽ thành lập thôn, thành lập thị trấn trên mảnh đất này. Chúng ta có thể bắt đầu thiết kế bản vẽ, bắt đầu lên kế hoạch. Văn hóa năm ngàn năm của Trung Quốc được thiết lập tại Đồ Văn Ba. Thị trường nói với tôi: Đồ Văn Ba thiếu khách sạn năm sao, thiếu một phòng triển lãm có qui mô. Nếu chúng ta thành lập xong tiểu thôn, tiểu trấn này, những lý tưởng đó sẽ không khó! Vì sao? Vì chắc chắn nó trở thành thắng địa tham quan du lịch quốc tế, sẽ có người đầu tư khách sạn năm sao, có người đầu tư xây dựng viện bảo tàng, phòng triển lãm văn vật của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi tôn giáo thời cổ đại trên toàn thế giới.

Cư dân nơi tiểu trấn này giống như ở thế giới Cực Lạc. Chúng ta dùng tiêu chuẩn của thế giới Cực Lạc: Người di dân đến phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, ở đây không thu nhận. Nhân duyên này là duyên với Phật. Tâm người thiện thì địa phương thiện, “cảnh tùy tâm chuyển”; lòng người nơi đây đều hướng về thế giới Cực Lạc, thực hiện luân lý, đạo đức, nhân quả, giáo dục tôn giáo. Tôi tin tưởng sự

kiến lập mô hình này sẽ thành công, cả Úc Châu sẽ không còn xảy ra thiên tai.

Năm ngoái, lần đầu tiên tiếp xúc với thị trường, chúng tôi có cùng chí hướng. Hôm qua gặp lại, tôi liền nói cụ thể hơn vấn đề này, ông ta hoàn toàn tán thành. Tương lai, Đồ Văn Ba có thể kiến lập một đài truyền hình vệ tinh quốc tế, mỗi ngày đem câu chuyện về thành phố nhỏ này phát sóng trên đài truyền hình, khiến người trên toàn thế giới thấy đều hay biết. Đây là phương thức thu hút tham quan du lịch.

Úc Châu đất rộng, người thưa, hoan nghênh các bạn di dân đến đây, chúng ta ở cùng nhau tu tập. Tuy lấy truyền thống văn hóa xưa làm trung tâm, nhưng văn hóa xưa bao dung tất cả; trong đó các dân tộc khác nhau, tôn giáo khác nhau đều dung hợp thành một khối. Trong xã hội này, thành phố nhỏ này, tôn giáo là bình đẳng, tôn giáo là hòa thuận, là hợp tác lẫn nhau, đem đến cho xã hội sự an hòa hạnh phúc mỹ mãn giống như thế giới Cực Lạc không khác, kiến lập sẽ vĩnh hằng thường nhiên.

Đại Sư Cảnh Hưng bảo: *“Kiến lập thường nhiên là nhân được viên mãn, quả được thành lập nên chẳng đổi khác. Chẳng suy, chẳng biến là chẳng bị tam tai phá hoại.”* (Tam tai là thủy, hỏa, phong). Đây đều là mục tiêu chúng ta thật sự có thể làm được.

Vấn đề kế tiếp, thành phố nhỏ này tương lai nhất định phải biến thành thành phố văn hóa, thành phố dạy học; mỗi tôn giáo đều có giảng kinh dạy học trong đó. Cư dân nơi thành phố này có hiếu, có đễ, có chân thành, có cung kính, có nhân, có nghĩa. Những đức hạnh này chúng ta đều phải vun bồi, phải thực tiễn ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức trong cuộc sống hàng ngày. Tất cả bậc thầy của các tôn giáo phải là tấm gương tốt cho cư dân. Các tôn giáo cùng nhau học tập, động viên lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, hợp tác lẫn

nhau, đem đến hạnh phúc, an bình mỹ mãn cho cư dân trong thành phố bé nhỏ này. Cả ba thiên tai: Nước, lửa, gió, dù lớn hay nhỏ đều không thấy ở đây. Đây là mục tiêu trong tưởng tượng của chúng tôi. Tôi tin chúng ta có thể làm được.

Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Sao, ngài Vọng Tây lại dựa theo lời dạy của Thiện Đạo Đại Sư mà phát huy ý nghĩa đoạn kinh này đến mức sâu xa tột bậc. Ý ngài như sau: Theo Phật Địa Luận, có ba thứ “thường”: Bản tánh thường, bất đoạn thường, và tương tục thường. Theo sách Tam Tạng Pháp Số, quyển tám thì:

1. Bản tánh thường: Tức là Pháp Thân, cũng chính là tự tánh, là Pháp Thân bản tánh thường trụ, không sinh không diệt.

2. Bất đoạn thường: Là Báo thân, vì Báo thân cũng chính là Cõi Thật Báo Trang Nghiêm luôn không lìa Pháp Thân. Pháp Thân không sinh không diệt nên Báo Thân cũng không có gián đoạn.

3. Tương tục thường: Đây chính là nói Ứng Hóa Thân ở trong thập pháp giới lúc mất đi lại hiện ra, hóa hiện vô cùng tận.

- Như vậy Ứng Hóa Thân có sinh có diệt, sao gọi là “thường”?

- Sinh diệt tương tục! Như trong “Phổ môn” nói: “Đáng dùng thân gì để độ liền hiện ra thân ấy để độ”. Trong mười phương thế giới không nơi nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân, đây là “Ứng thân thường” cũng chính là “tương tục thường”. Thông thường chúng ta nói “Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”.

- Nhân quả vì sao bất không?

- Vì tương tục bất không!

Ba loại “*thường*” trên đây chúng ta đều có. Nhưng rất tiếc do bất tri bất giác chúng ta hoàn toàn mê mất nên không biết! Người

chết ở đây lập tức sanh kia. Trong sáu cõi luân hồi sống sống, chết chết vĩnh viễn đang tiếp nối không dứt. Đây là “*tương tục thường*”, là chân tướng của vũ trụ.

Đức Thế Tôn nói về “Tam tế tướng” của A lại da: Nghiệp tướng (là hiện tượng tự nhiên); chuyển tướng và cảnh giới tướng đều thuộc về “*tương tục thường*”, sinh ra trong từng niệm như Kinh Lăng nghiêm nói: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”

Sách Hoa Nghiêm Diễn Nghĩa Sao nói: “*Tự tánh tức ngưng nhiên thường*” (*Tự tánh luôn thường trụ bất động*). “*Ngưng nhiên*” là định tại một nơi, nghĩa là không dao động. Đây là chỉ Pháp Thân lý thể.

Đại Sư Thiện Đạo trong sách Sự Tán nói rất hay: “*Cảnh giới Niết Bàn là Cực Lạc vô vi*”, hoàn toàn dựa trên “*tự tánh thể*” mà nói. Ở đây nói đến “*cảnh giới Niết Bàn*”, chính là năm câu khi Đại Sư Huệ Năng khai ngộ đã nói: “*Vốn tự thanh tịnh, vốn không sinh diệt, vốn tự đầy đủ, vốn không dao động, năng sinh vạn pháp*” đó là “*vô vi*”, “*vô vi*” mà “*vô sở bất vi*”; “*vô sở bất vi*” mà “*vô vi*”. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn !

Lại nói thể giới Cực Lạc “*không suy, không biến, trạm nhiên thường*” (không suy không biến, luôn thường hằng, chẳng lay động): “*trạm nhiên*” là ví dụ như một đầm nước trong veo không hề có chút nhiễm ô, gợn sóng nào, như cảnh giới y chánh trang nghiêm của thể giới Cực Lạc, hiện tượng của nó là “*vô suy vô biến*”. Nói cách khác, bắt đầu từ ngày A Di Đà Thế Tôn kiến lập thể giới Cực Lạc phải mất thời gian tu hành năm kiếp cho đến khi thành Phật đến nay đã mười kiếp, tổng cộng là mười lăm kiếp; bây giờ nếu chúng ta vãng sinh đến thể giới Tây Phương Cực Lạc, tình hình thấy được cũng y như mười lăm kiếp về trước, không hề thay đổi nên gọi là “*vô suy, vô biến*”.

Phật nói: Pháp Thân Bồ Tát sau ba A-Tăng-Kỳ kiếp sẽ đoạn tận “vô thi vô minh”, chứng được quả vị Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang; Cõi Thật Báo của họ không còn, nhưng cõi Thật Báo của người khác vẫn còn, không phải đồng thời thành Phật. Người nào thành Phật thì người đó ra đi, giống như khóa học này năm nay tốt nghiệp ra trường vẫn còn những khóa học khác chưa tốt nghiệp nên trường học vẫn còn. Mỗi năm có lớp ra đi, mỗi năm có người mới vào. Cho nên, hiện tượng của nó vĩnh viễn là “tương tương tục”, trong “tương tục” lại có nghĩa của “bất đoạn thường”. Trong mười pháp giới “tương tương tục” rất rõ ràng, không thấy “bất đoạn thường”.

- Vì sao không thấy?

- Vì có thức biến! Chúng sinh trong mười pháp giới dùng tám thức, năm mươi một tâm sở cho nên, mỗi niệm đều đang biến hóa, không có “bất đoạn thường”.

Niệm này nối tiếp niệm kia chính là “đoạn”. Niệm trước diệt niệm sau sinh, sao nói là bất đoạn?- Chỉ vì tốc độ của nó quá nhanh, chúng ta không nhận ra sự biến hóa của nó, thực tế là nó đang biến hóa. Cho thấy, trong kinh này nói “thường nhiên” tức “bản tánh thường”, “ngưng nhiên thường”, đây là thật. Do thường hằng nên “*vô suy vô biến*”, bốn cõi đều không ngoại lệ: bốn cõi đều là “*như*”, bốn cõi đều là “*thị*”, không là bản tánh. “*Bản tánh thường*” đương nhiên nó cũng thường, cho nên gọi là Pháp thân, gọi là tự tánh.

Ngài Vọng Tây đưa ra giả thuyết giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, như sau: “*Đã là cõi do tu nhân mà cảm được quả thì cõi ấy ắt phải có lúc khởi đầu, sao lại bảo là chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả, lặng lẽ thường hằng?*”. Nói như vậy hình như có mâu thuẫn, không thông suốt. Rồi ngài tự đáp: “*Tu nhân cảm quả là Thi Giác Trí. Vô vi lặng lẽ, không biến đổi chính là Bản Giác Lý. Xét đến*

rốt ráo, Thi Giác nào khác Bản Giác, như sách Thích Đại Diễn Luận viết: ‘Nếu đắc Thi Giác thì (Thi Giác) lại chính là Bản Giác’. Nếu bàn về lúc chứng đắc thì dường như có khởi đầu, nhưng xét về cái được chứng thì Thi Giác và Bản Giác bất nhị, vốn sẵn thường trụ”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Bắt đầu giác ngộ rồi “*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*”, đây là lý của Bản Giác. Từ Thi Giác đến Cứu Cánh Giác; lý của Bản Giác trước sau không thay đổi cho nên, người xưa mới nói: “*Nhược đắc Thi Giác hoàn đồng Bản Giác*” (Nếu đắc Thi Giác thì Thi Giác đó lại chính là Bản Giác). Nếu bàn về lúc chứng đắc thì dường như có khởi đầu, nhưng xét về cái được chứng thì Thi Giác và Bản Giác bất nhị, vốn sẵn thường trụ, dứt bật ngôn ngữ. Nếu chúng ta hiểu đạo lý của lời nói này “*nhược đắc Thi Giác bất đồng Cứu Cánh Giác*”, có nghĩa là tuy Thi Giác không đồng với Cứu Cánh Giác nhưng tương đồng với Bản Giác.

- Giác là giác cái gì?

- Giác là giác Bản Giác! Bản Giác mà bạn “giác” vẫn chưa viên mãn, Cứu Cánh Giác mới là Bản Giác viên mãn. Bản Giác không có trước, sau cũng không có: phần mãn, phần phần, mãn mãn, hoàn toàn không có!

Đạo lý này, chúng ta dùng ánh trăng để làm ví dụ thì dễ hiểu: Thi Giác giống như trăng ngà mùng hai, mùng ba; Bản Giác là vàng trăng; Cứu Cánh Giác là trăng tròn mười lăm. Bạn xem! Trăng ngà mùng hai, mùng ba không hề rời khỏi vàng trăng; đến khi trăng tròn cũng vẫn là một vàng trăng. Vàng trăng không có phần, không có đầy. Thi Giác cùng Cứu Cánh Giác mới có phần, có đầy. Thi Giác không viên mãn, Cứu Cánh Giác mới viên mãn. Từ ngay đây mà thể hội lời nói của Phật ở trên kinh “*nhược đắc Thi Giác, hoàn đồng Bản Giác*”. Đây là nói người tu hành khi chứng được “phần phần chứng”,

“phần phần sở chúng” này đều không rời “*Bốn Giác lý thể*”. Rời “*Bốn Giác lý thể*” đó chính là Tà Giác, đó là giác sai không phải là trí tuệ chân thật, không phải chân thật giác ngộ. Cho nên, xem ra dường như có “thi”, có “chung”, có cái khởi đầu nhưng đến khi chúng đắc mới ngộ rằng: Đây chỉ là một vàng trắng không phải hai nên gọi là “*Thi, Bốn bất nhị*”; “*Bốn hữu thường trụ*” (Vốn sẵn thường trụ) chính là cái ý này.

Có người nói cõi Pháp Tánh này của chúng ta đã biến thành cõi Pháp Tướng rồi! Thử hỏi có thật như vậy không? Nghe ra dường như có đạo lý, tỉ mỉ mà nghĩ thì không có đạo lý! Vì sao? Tánh, tướng là một không phải hai! Đây mới là lời thật! Do đây có thể biết: Vấn đề của chúng ta phát xuất từ dính tướng mà quên tánh! Cũng giống như dùng vàng ròng đúc thành tôn tượng Phật. Vàng cùng tượng Phật là một không phải hai. Rời vàng thì không có tượng Phật; rời tượng Phật thì không có vàng. Người tường tận biết tướng chính là tánh; tánh chính là tướng, đây gọi là “*kiến tánh*”; “*kiến tánh*” thì thấy cõi này là cõi Pháp Tánh, đó chính là “*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*”. Thế nhưng, có số người chưa thấy tánh, chưa thấy được vàng, chỉ thấy được tôn tượng Phật. Nếu hỏi họ ở đó có bao nhiêu vàng ròng? Họ tìm khắp phòng cũng không thấy có vàng ròng; không biết được tượng Phật này đích thật là vàng ròng!

Chúng ta ngày nay cũng thuộc loại này! Không biết được núi sông, tất cả chúng sinh v.v... đều là tự tánh. Đến lúc nào bạn chân thật hoác nhiên đại ngộ, mới biết được cõi Pháp tánh và cõi Pháp Tướng là một chẳng phải hai. Tường tận rồi thì, cái thế gian này chẳng phải là “*Kiến lập thường nhiên, vô suy vô biến*” hay sao? Hà tất phải đến thế giới Cực Lạc mà tìm! Cho nên, trên kinh Phật thường hay khuyến khích chúng ta phải thâm giải nghĩa thú, nếu giải không đủ sâu thì không được.

Xét trong Mật bộ (tức Mật Tông), Kinh Đại Thừa Mật Nghiêm có nói: “*Phật dĩ siêu quá bỉ, nhi y Mật Nghiêm trụ, Cực Lạc trang nghiêm quốc, Thế Tôn Vô Lượng Thọ*” (Phật đã siêu việt những điều ấy, nương vào cõi Mật Nghiêm mà trụ. Cõi Cực Lạc trang nghiêm, đức Thế Tôn hiệu là Vô Lượng Thọ). Kinh ấy còn nói: “*Mật Nghiêm Tịnh Độ siêu việt chư Phật quốc, như vô vi tánh, bất đồng vi trần. Thử Mật Nghiêm trung, chư Phật, Bồ Tát, tịnh dư quốc độ, lai thử hội giả, giai như Niết Bàn*” (Cõi Mật Nghiêm Tịnh Độ, vượt xa các cõi Phật khác (tánh cõi ấy) giống như tánh của vô vi, chẳng giống với vi trần. Trong cõi Mật Nghiêm ấy, chư Phật, Bồ Tát và các cõi nước khác đến trong hội này đều như Niết Bàn).

Mật Tông đến sau cùng vẫn qui về Tịnh Độ. Tuy rằng có đến trễ hay sớm phương pháp không giống nhau nhưng phương hướng, mục tiêu đều như nhau. Vãng sinh Tịnh Độ là đại sự nhân duyên vô cùng thù thắng trong đời sống chúng ta. Nói đến “Mật Nghiêm” chính là nói đến “*Bản tánh thường*”, “*Ngưng nhiên thường*”; trong Kinh Đại thừa gọi là “*Chân tâm thường trụ*”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

“*Cực Lạc trang nghiêm quốc, Thế Tôn Vô Lượng Thọ*”: Hai câu trước là từ tự tánh lý thể mà nói; hai câu này là nói từ sự tướng. Tánh, Tướng nhất như; lý, sự không hai. Mật Nghiêm tức là Cực Lạc. Lại nói: “*Mật Nghiêm Tịnh Độ siêu việt chư Phật quốc*” (Mật Nghiêm Tịnh Độ hơn hẳn cõi nước chư Phật). Ở trước nói: “*Phật dĩ siêu quá*”, có nghĩa là Phật đã siêu vượt những điều này, đây là nói chánh báo. Ở đây nói đến “Mật Nghiêm Tịnh Độ vượt qua cõi nước chư Phật” là nói y báo. Y, chánh đều siêu việt. “*Như vô vi tánh*”, câu này hiển thị ra thế giới Cực Lạc là cõi Pháp Tánh, là Thân Pháp Tánh. “*Như vô vi tánh, bất đồng vi trần*”. Vi trần là Pháp Tướng. Quả báo y, chánh của mười phương thế giới đều nói từ tướng, nói từ Pháp Tướng. “*Chư Phật, Bồ Tát tịnh dư quốc độ, lai thử hội giả, giai như*

Niết Bàn”: Chư Phật, Bồ Tát trong Mật Nghiêm cùng các cõi nước khác đến dự hội này đều như Niết Bàn. Hội này là hội của Phật A Di Đà; thấy được Phật A Di Đà, ta chính là hội viên của Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là hội chủ.

Sách Mật Nghiêm Kinh Sớ nói: “*Nói ‘như vô vi tánh’ vì cõi Mật Nghiêm là cõi Tha Thọ Dụng của chư Phật (Tha Thọ Dụng Độ và Tự Thọ Dụng Độ là hai cõi Tịnh Độ nơi Báo Thân Phật ngự. Tự Thọ Dụng Độ là cõi Phật thuần tịnh vô lậu do thức thứ tám thuần tịnh, biến hiện; ngoài Phật ra, không ai cảm nhận, thấy biết được cảnh giới và Báo Thân Phật trong cõi này. Tha Thọ Dụng Độ là cõi Phật được biến hiện ra với mục đích giáo hóa hàng Bồ Tát, chư thánh nhân. Tùy theo sở chứng của mỗi người mà sẽ thấy được sự trang nghiêm diệu hảo nơi cõi này cũng như các tướng hảo nơi Báo Thân Phật có sai khác. Do tùy thuận cơ nghi khiến cho những người chưa chứng Phật quả thấy được nên gọi là Tha Thọ Dụng). Chư Phật từ cõi Pháp Tánh độ, dùng bi nguyện lực kiến lập cõi Mật Nghiêm. Cõi Tịnh Độ này giống như Pháp tánh độ, không có khuyết điểm vô thường, nên bảo là giống như tánh của vô vi*”. (Cõi Mật Nghiêm này là Mật Tông nói, trong Hiển Tông gọi là Pháp tánh). Sách còn viết: “*Cõi Mật Nghiêm này chỉ từ Như Lai tạng tâm thanh tịnh hiện ra nên chẳng phải là do vi trần hợp thành*”. Ý này rất sâu sắc, vì tất cả thế giới đều là “tâm hiện thức biến”. Pháp tánh và Mật Nghiêm là một không phải hai, tức là cõi “Tha Thọ Dụng” của chư Phật.

- Còn cõi “Tự Thọ Dụng” của chư Phật ở đâu?

- Ở “Thường Tịch Quang Tịnh Độ”, Bồ Tát trong cõi Thật Báo không thọ dụng được!

- Vì sao?

- Vì “tập khí vô thi vô minh” họ vẫn chưa đoạn hết nên vẫn còn chướng ngại. Các chướng ngại khác họ đều không có, họ vẫn có

thể tự hành hóa tha, duy chỉ có chướng ngại là chướng ngại tự tánh Thường Tịch Quang. Đến khi nào họ đoạn tận hết tập khí “*vô thi vô minh*” mới tiến đến Diệu Giác Quả Phật, là cứu cánh viên mãn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Pháp Thân Bồ Tát, “tập khí vô thi vô minh” của mỗi người sâu cạn không giống nhau, cho nên vẫn không thể gọi là triệt để bình đẳng. Đích thật họ cũng chứng được thân Pháp tánh, trừ cõi Pháp tánh nhưng chưa cứu cánh viên mãn. Chư Phật Như Lai thị hiện giáo hóa Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo, vẫn là dùng dùng thân gì để độ liền hiện ra thân đó, hoàn toàn hiện ra từ tự tánh, không có thức biến. Cho nên, nói “*Chư Phật từ cõi Pháp Tánh, dùng nguyện lực từ bi kiến lập cõi Thật Báo, giúp Pháp Thân Đại Sĩ chứng được cứu cánh viên mãn quả đức. Tịnh độ này giống như cõi Pháp Tánh, xa lìa tất cả sự vô thường*”.

Lìa vô thường chính là “Chân thường”, là “Ngưng nhiên thường”. Trong Thường Tịch Quang không có tướng, trong cõi Thật Báo có tướng. Ngoài điều này ra, hầu như không có gì khác biệt. Nên nhớ: Hiện tướng ở đây là vì “Tha Thọ Dụng” không phải vì “Tự Thọ Dụng”. Cho nên nói: “*như tánh của vô vi*”. “*Tánh của vô vi*” là *Chân tánh*. Lại nói: “*Cõi Mật Nghiêm này vượt xa các cõi Phật chỉ từ tâm thanh tịnh Như Lai hiện ra nên chẳng phải do vi trần thành tựu*”. “Vi trần thành tựu” nghĩa là “Hợp tướng”. Kinh Kim Cang gọi là “*nhất hợp tướng*” (một hợp tướng). “Nhất” chính là “vi trần”. “*Nhất hợp tướng*” chính là mọi hiện tượng đều do vi trần tổ hợp thành.

Trước đây, chúng ta dùng thuật ngữ của giới khoa học, chính là những vi trần này tập hợp thành hạt căn bản, hạt nguyên tử. Do rất nhiều nguyên tử tu tập một nơi, sắp xếp thành phương trình khác nhau, trở thành hiện tượng nguyên thủy của vô số vật chất. Nhưng, cõi Thật Báo không phải do hiện tượng vật chất biến hiện ra. Nó chỉ

có tâm hiện không có thức biến, không phải “*nhất hợp tướng*” như Kinh Kim Cang nói. Điều này rất khó hiểu! Đạo lý này đúng là rất sâu sắc; sự, lý đều không dễ lãnh hội!

- Không phải vật chất sao có thể hiện tướng?

- Chúng ta thấy trên Kinh Hoa Nghiêm nói: Tất cả pháp là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. “Tâm sở hiện” có hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất. Nhưng, hiện tượng ở cõi Thật Báo chỉ có tâm hiện mà không có thức biến, nên nó không tương ứng với tám thức.

Bồ Tát Di Lạc nói: “*Tâm hữu sở niệm; niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức*”, đây là tác dụng của A-lại-da, trong mười pháp giới thì không có vấn đề gì, hiện nay các nhà Vật lý học đã tiếp xúc được ranh giới này. Nhưng, ranh giới của tự tánh, trong kinh Phật nói rất rõ ràng: Nếu dùng tâm ý thức thì tuyệt đối không thể duyên đến được! Chỉ có chứng mới biết được. Đối với tự tánh, chúng ta không cách nào nghĩ tưởng đến được! Nghĩ tưởng đều là vọng tưởng, tuyệt đối không nghĩ ra! Chỉ có “ngưỡng tín” (ngưỡng là kính ngưỡng) đến khi nào bạn chứng nhập được “*Diệu Giác vị*” mới thấy được “*Như Lai diệu tâm*”, thấy được “*Pháp tánh diệu độ*”.

Chỗ này, Hoàng Niệm lão nêu ra giải thích về “vi trần” như sau: Theo lời giảng trên, Cực Lạc chính là từ “*Như Lai diệu tâm*” hiển hiện, là cõi màu nhiệm do Pháp Tánh biến hiện ra, nên chẳng giống với các thế giới khác. Những thế giới khác chỉ là do vi trần hợp thành. “Vi trần” chẳng phải là những hạt bụi nhỏ mà là những hạt vật chất cực kỳ siêu nhỏ. *Trước đây, ta cứ tưởng điện tử là hạt nhỏ nhất, sau đó lại phát hiện còn có những hạt nhỏ hơn cả điện tử, tạm gọi là “khoa khắc” (quark). Nhưng, hiện tại các nhà khoa học vừa khám phá rằng “khoa khắc” chưa phải là hạt nhỏ nhất, còn có những hạt nhỏ hơn nữa chẳng thể cùng tận (từ năm 1980 trở đi, các nhà khoa*

học khám phá ra hạt vi trung tử (meson), hạt này lớn bằng một phần một trăm ỨC của điện tử. Những hạt này đầy dẫy trong không trung, chúng có thể xuyên qua những tấm nhôm hoặc gang dày đến mười ỨC cây số như xuyên qua một lớp sương mỏng). Những hạt nhỏ, thật nhỏ ấy chính là “vi trần”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Sự việc trên đây khiến chúng ta liên tưởng trong không khí có đầy dẫy những virus bệnh, những vi sinh vật này vô số, có thể xuyên qua cơ thể sinh vật trên địa cầu gây tật bệnh nghiêm trọng. Phật pháp dạy chúng ta tu tâm thanh tịnh, tu tâm từ bi. Tâm thanh tịnh sẽ không bị ô nhiễm; tâm từ bi có thể giảm độc; oán hận dù có lớn đến bao nhiêu, gặp tâm từ bi cũng đều hóa giải được. Đây chính là khả năng miễn dịch hữu hiệu nhất do công phu tu tập của chúng ta mà có thể thành tựu.

Để làm sáng tỏ thêm về vấn đề này, Hòa Thượng Tịnh Không cũng nêu thêm phần giải thích như sau: “Vi trần” không phải là “trần ai”. “Trần ai” là những hạt bụi bay trong không trung; xuyên qua ánh sáng của mặt trời chiếu qua khe cửa, mắt chúng ta có thể nhìn thấy những hạt bụi này. Ba ngàn năm về trước, đức Phật đã dùng thí dụ “Ngưu mao trần”: Sợi lông của con trâu rất thô, trên đầu nhọn của sợi lông trâu có một hạt bụi, nó dính rất vững chắc trên đầu sợi lông, không bị rơi xuống, đây là “ngưu mao trần”. Chia “Ngưu mao trần” thành bảy phần:

- Một phần bảy của “ngưu mao trần” là “duương mao trần” (lông cừ)

- Một phần bảy của “duương mao trần” là “thố mao trần” (lông thỏ)

- Một phần bảy của “thố mao trần” là “thủy trần”. Nước có độ khít, nhưng nó có kẻ hở, vi trần ở trong nước có thể hoạt động tự do không bị chướng ngại.

- Một phần bảy của “*thủy trần*” là “*kim trần*”. Kim loại cũng có khe hở, “*vi trần*” này cũng qua lại trong đó không có chướng ngại, như ở đây nói “*vi trung tử*” (meson) có thể xuyên qua tấm kim loại dày đến mười ức cây số (một tỷ cây số). Ở đây Phật nói “*vi trần*” còn có thể phân:

- Một phần bảy của “*vi trần*” là “*sắc tụ cực vi*”.
- Một phần bảy của “*sắc tụ cực vi*” là “*cực vi chi vi*”.

Đến “*cực vi chi vi*” thì không còn có thể tiếp tục phân nữa; nếu phân tách nữa nó sẽ biến thành hư không, cho nên gọi là “*lân hư trần*” (lân cận, giống như hàng xóm của hư không, là biên giới với hư không). Ngày nay, các nhà khoa học phát hiện được “*vi trung tử*”. Rốt cuộc, “*vi trung tử*” này là “*vi trần*” hay “*sắc tụ cực vi*” hay là “*cực vi chi vi*”? Rất khó nói! Trong kinh Phật nói “*cực vi chi vi*” là giai đoạn cuối cùng không thể tiếp tục phân chia nữa, nếu còn phân chia được, đó chưa phải là “*cực vi chi vi*”. Mãi đến nay khoa học vẫn chưa thể xác quyết! Có thể thêm vài năm nữa họ lại phát hiện vật càng nhỏ hơn. Đến khi nào khoa học có thể xác quyết, chứng minh hiện tượng vật chất này đến “*cực vi chi vi*”, tuyệt đối không thể phân chia nữa, đó mới chính là “*cực vi chi vi*” mà Phật đã nói.

Mặt khác, Phật nói: “Tất cả vạn vật, hư không pháp giới đều do vật chất nhỏ nhất tổ hợp thành”. Tổ hợp này rất có trật tự, trong khoa học gọi là “*phân tử*”. Từ “*phân tử*” lại tổ hợp thành “*nguyên tố*”. Từ “*nguyên tố*” tổ hợp thành tất cả vạn sự vạn vật, đây gọi là “*nhất hợp tướng*”. “*Nhất hợp tướng*” trên thực tế mà nói đó là Pháp Tướng. Phật nói với chúng ta: “*Nhất hợp tướng*” không phải là chân thật, nó có sinh có diệt.

- Sức mạnh gì đang làm chủ thể sinh diệt của Pháp Tướng?

- Trên kinh nói: Đó là ý niệm! Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tất cả pháp từ tâm tướng sinh”*, do đó mới có mười pháp giới y chánh trang nghiêm.

Mười pháp giới y chánh trang nghiêm là biến hóa của Pháp tướng. Pháp tánh không có biến hóa, cũng như khối vàng ròng chúng ta ưa thích đem nó tạo thành tượng Phật; hôm nào không thích, lại đem tượng Phật này nấu chảy tạo thành tượng Bò Tát, đây là trên Pháp tướng có sự thay đổi. Nhưng vàng vẫn mãi là vàng, Pháp tánh không thay đổi. Chư Phật Như Lai thấy tánh không dính tướng nên nói: *“Tất cả chúng sinh vốn dĩ thành Phật”*. Cách nói này là thật không phải giả! Từ trên Pháp tánh mà nói thì *“Chúng sinh vốn dĩ thành Phật”*. Kinh Hoa Nghiêm nói *“Tinh dĩ vô tình đồng viên chủng tử”*: Không những động vật “vốn dĩ thành Phật” mà thực vật cũng “vốn dĩ thành Phật”, khoáng vật cũng “vốn dĩ thành Phật”, không vật nào mà không “vốn dĩ thành Phật”.

Chúng ta không thấu hiểu chân tướng sự thật nên còn phân ta, phân người, vẫn đối đầu tranh cãi, còn muốn đánh nhau đến lổ đầu chảy máu, như người phát cuồng, tay trái đánh tay phải túi bụi, đánh đến thương tích chảy máu, đều là chính mình chẳng phải ai khác!

Lời kết sau cùng, Niệm lão nói rất hay:

“Cực Lạc Mật Nghiêm chẳng phải do những hạt li ti ấy hợp thành, toàn thể của chúng là Như Lai diệu tâm, là tự tánh của đương nhân, nên chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng suy, chẳng biến, lặng lẽ thường trụ như tánh của vô vi”. “Lặng lẽ thường trụ” tức “*ngung nhiên thường trụ*”. “*Ngung nhiên thường*” là hiện tượng trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật A Di Đà, chư Phật Như Lai. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong cõi Thật Báo có y, chánh trang nghiêm nhưng tuyệt đối không được dùng khái niệm mười pháp giới

y chánh trang nghiêm để nhìn nó, như vậy là nhìn sai. Cần phải chuyển A-lại-da thành Đại Viên Cảnh Trí, như vậy mới thấu hiểu triệt để; chưa làm được chuyển “Thức” thành “Trí”, không thể hiểu được nó. Điều này trên kinh Phật nói: “Chỉ có chúng mới biết được”, có nói thế nào cũng còn cách một tầng!

- Tầng này là gì?

- Là “bát thức”! Chúng ta không lìa “bát thức” nên vẫn chưa thể kiến tánh, chưa thấy được chân tâm, tự tánh của chính mình!

KINH VĂN:

U vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh, bất khởi tham, sân, si, dục chur tướng, bất trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, dẫn nhạo ỨC NIỆM QUÁ KHỨ CHUR PHẬT, SỞ TU THIỆN CĂN, HÀNH TỊCH TĨNH HẠNH, VIỄN LY HƯ VỌNG, Y CHÂN ĐẾ MÔN, THỰC CHÚNG ĐỨC BỒN, BẤT KẾ CHÚNG KHỔ, THIỂU DỤC TRI TỨC, CHUYÊN CẦU BẠCH PHÁP, HUỆ LỢI QUẦN SANH, CHÍ NGUYỆN VÔ QUYỆN, NHÃN LỰC THÀNH TỰU.

VIỆT DỊCH:

Trong vô lượng kiếp, tích chứa vun bồi đức hạnh, chẳng khởi các ý tướng tham, sân, si, dục, chẳng chấp trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, chỉ thích nghĩ nhớ các thiện căn mà chur Phật quá khứ đã tu, hành tịch tĩnh hạnh, xa lìa hư vọng, nương vào Chân Đế môn, trông các cội đức, chẳng nề hà các khổ, ít ham muốn, biết đủ, chuyên cầu bạch pháp, ban bố cái lợi cho quần sanh, chí nguyện không mỗi nhọc, thành tựu Nhãn lực.

GIẢNG:

Câu “*u vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh*” (trong vô lượng kiếp tích chứa, vun bồi đức hạnh) là câu dẫn giải đại ý của cả ba đoạn sau.

“Kiếp” là thời gian cực dài khó mà thí dụ được. “*Vô lượng kiếp*” là kiếp số vô lượng, là thời gian lâu xa chẳng thể dùng cách nào để diễn tả hoặc tính toán được. “*Hạnh*” là hành vi; “*đức hạnh*” là hành vi của đạo đức do thân, khẩu, ý tạo tác. Tạo thành điều thiện là “*Đức*”, phương cách tạo ra đức là “*Hạnh*”. Như vậy “*đức hạnh*” gồm cả công đức và hạnh nghiệp.

Sách Hội sớ giảng: “*Hạnh là hạnh nghiệp, là những điều do ba nghiệp tạo ra; Đức là phước đức, tức là cái được chiêu cảm bởi Hạnh*” và “*Chẳng phải có thể đạt được trong một sớm, một chiều nên bảo là tích chứa, vun bồi*”. “*Tích*” là tích lũy như từng giọt, từng giọt nước đọng lại. “*Thực*” là bồi đắp, vun vén như trồng cây non thành rừng.

“*Tích thực đức hạnh*”, căn bản của đức hạnh là hiếu thân tôn sư, từ tâm bất sát, tu mười nghiệp thiện. Trong Phật pháp, không luận tu học pháp môn nào đều lấy “*Tịnh nghiệp Tam phước*” làm nền tảng, đây là “*đức bốn*”, quan trọng nhất là nghiệp thiện. Mặt trái của mười nghiệp thiện là mười ác nghiệp. Phải hằng nhớ trong tâm, mỗi giờ mỗi phút kiểm điểm tâm hạnh của mình. Nếu khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm tương ưng với mười thiện, đó là đức hạnh; nếu tương ưng với mười ác, đó là tội hạnh. Cổ đức thường nói: “*nhân giả vô địch*”; “*nhân*” là nhân từ; người nhân từ trong tâm chắc chắn không có oan gia đối đầu.

“*Bất khởi tham, sân, si, dục chư tướng; bất trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; dẫn nhạo ức niệm quá khứ chư Phật sở tu thiện căn*”. Chỗ này dạy chúng ta niệm Phật. Bồ Tát Đại Thế Chí trên hội Lăng Nghiêm khuyên cáo chúng ta: “*Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*”. “*Ức Phật niệm Phật*”, phạm vi này rất rộng lớn. Chúng ta ngày nay “*ức Phật*” chỉ là nghĩ tưởng Phật; “*niệm Phật*” chỉ là niệm tên Phật phạm vi này quá nhỏ

hẹp! Do vậy mà chúng ta không đạt được thọ dụng! “Ức” là nhớ tưởng thiện căn của Phật trong vô lượng kiếp mà ngài đã tu; “niệm” là nghĩ nhớ, niệm tưởng đức hạnh của ngài; còn danh xưng, tượng Phật chỉ là biểu trưng cho đức hạnh của ngài mà thôi.

Muốn học tập chư Phật, “*tích thực đức hạnh*” then chốt chính là phải “*bất khởi tham, sân, si, dục chư tướng*”, buông xả “tự tư tự lợi”, buông xả “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”, quyết không tham đắm, bị mê hoặc bởi cảnh giới sáu trần bên ngoài, đây là “*bất trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp*” (chẳng chấp trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

- *Sắc trần* là hết thảy hình sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... và các hình tượng.

- *Thanh trần* là hết thảy âm thanh như: tiếng vui, tiếng khổ v.v...

- *Hương trần* là những thứ được mũi tiếp nhận như: hương thơm, mùi hôi v.v...

- *Vị trần* là những thứ nhận biết bởi lưỡi như: ngon, dở, mặn, lạt v.v... của thức ăn.

- *Xúc trần* là những thứ do thân nhận biết như mềm mại, cứng chắc, nóng lạnh, ôn hòa v.v...

- *Pháp trần* là ý căn đối với năm thứ “*trần*” nói trên mà phân biệt tốt, xấu rồi khởi ra các pháp thiện, ác.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm, đó gọi là “tướng”. Bất kỳ nghĩ đến ai, đến vật, hay sự việc gì, tâm liền có ấn tượng, đây thuộc về chấp trước tức là chấp tướng; đối cảnh liền có tâm phân biệt, tâm khích ác sẽ sinh khởi ba thứ ác tướng như: “tham tướng, sân tướng, si tướng”. “Tướng” là ý đang tạo nghiệp, tuy không có ngôn ngữ,

không có động tác nhưng khi khởi tâm động niệm là đã tạo tác nghiệp rồi. Đã tạo tác nghiệp, đương nhiên đều có quả báo. Thật sự nếu ý không ác thì thân và khẩu không để gì tạo nghiệp. Cho nên, đoạn phiền não phải bắt đầu đoạn từ ý. Nay Pháp Tạng Bồ Tát trong tâm không ác tướng nên lìa khỏi cái nhân gây ra Hoặc Chướng, chẳng vướng vào lục trần nên lìa khỏi Hoặc duyên (duyên tạo nên Hoặc Chướng).

Kinh Uất Ca La Việt Vấn nói: Lúc Bồ Tát hành Bồ Thí, dùng Ly Dục Tướng, Tu Từ Tướng, Vô Si Tướng để đối trị ba ác tướng. Khi Bồ Tát bỏ ra vật để thí thì sinh *Ly Dục Tướng*. Do nhân duyên đã ban niềm vui cho người cầu xin, tâm sân hận bớt dần, nên gọi là *Tu Từ Tướng*. Đem công đức bồ thí ấy hồi hướng về Vô Thượng Đạo nên tâm si mỏng dần, đây gọi là *Vô Si Tướng*. Nay Pháp Tạng Đại Sĩ chẳng khởi ba ác tướng nên ngài thoát khỏi các phiền não.

Ngài Cảnh Hưng bảo: “*Nội nhân đã lìa, ngoại duyên đã dứt, nên bảo là chẳng chấp trước*”.

“Đản nhạo ức niệm quá khứ chư Phật sở tu thiện căn”
(Chỉ thích nghĩ nhớ thiện căn của chư Phật quá khứ đã tu). Câu này trích từ bản Tống dịch. Hoàng Niệm lão giải thích như sau: “Đản” là chỉ, là duy nhất. Câu này và hai câu trước (bất khởi tham, sân, si dục chư tướng, bất trước sắc, thanh hương, vị xúc, pháp) nên đọc một mạch. Hai câu trước là “*Vạn duyên phóng hạ*” (buông xuống vạn duyên), câu này là “*nhất niệm đơn đề*” (khăng khăng một niệm), đây chính là cốt lõi của Tịnh nghiệp.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Ngày nay “*nhất niệm đơn đề*” của chúng ta chính là một câu “A Di Đà Phật”. Vì sao? Vì thiện căn mà chư Phật quá khứ đã tu chính là một câu danh hiệu này. Công đức danh hiệu thật không thể nghĩ bàn!

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Thập Địa Bồ Tát, địa địa bất ly niệm Phật*” (Trong Thập Địa Bồ Tát, Địa nào cũng chẳng bỏ niệm Phật). Hơn nữa, đều là niệm A Di Đà Phật.

- Làm sao biết họ đều niệm A Di Đà Phật?

- Vì Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền đều hướng dẫn Hoa Tạng hải hội, bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại sĩ vãng sinh Tịnh Độ, hướng đến A Di Đà Phật mà học tập, đây chính là sự việc này.

Kinh Quán Phật Tam-Muội cũng chép: “*Nhĩ thời, hội trung tức hữu thập phương chư đại Bồ Tát, kỳ số vô lượng, các thuyết bốn duyên, giai y niệm Phật đắc*” (Khi ấy, trong hội liền có mười phương các đại Bồ Tát số đến vô lượng, mỗi vị tự thuật duyên của chính mình, ai ai cũng đều do Niệm Phật mà chứng đắc) và “*Phật cáo A Nan: - Nhữ kim thiện trì, thận vật vong thất. Quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật, giai thuyết như thị Niệm Phật tam-muội. Ngã dĩ thập phương chư Phật cập Hiền Kiếp thiên Phật, từng sơ phát tâm, giai nhân Niệm Phật tam-muội lực cố, đắc Nhất Thiết Chủng Trí*”. (Phật bảo A Nan: - Ông nay khéo trì cẩn thận chớ để quên mất. Quá khứ, hiện tại, vị lai tam thế chư Phật đều nói Niệm Phật tam-muội như vậy. Ta và thập phương chư Phật và ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp từ lúc mới phát tâm đều do sức của Niệm Phật tam-muội mà đắc Nhất thiết Chủng Trí). Vì vậy Phật Di Đà cũng như đức Thích Ca và mười phương Như Lai, từ khi mới phát tâm đều do Niệm Phật tam-muội mà chứng Vô thượng Bồ đề. Cho nên “*đản nhạo ức niệm chư Phật*” (chỉ thích ức niệm chư Phật).

“*Sở tu thiện căn*” (Căn lành đã tu) là công đức của chư Phật đã tu. Theo Hoàng Niệm lão: Nghĩ nhớ Phật đức, cảm niệm thâm ân liền mưu toan báo đáp, mong được như các ngài v.v... đây gọi là “*ức Phật*” (nhớ Phật). Trong các thiện căn của Phật, niệm Phật là tối

thắng, nay muốn được như các ngài thì cũng phải nên trì danh niệm Phật. Danh hiệu Phật có đủ vạn đức, bao trùm hết thảy thiện căn nên nếu niệm Phật nhuần nhuyễn thì thật là khéo phù hợp với việc “*ức niệm Phật công đức*” (nhớ nghĩ công đức của Phật). Cho nên, trong các hạnh tịnh tâm của Pháp Tạng Bồ Tát, kinh đặt hạnh “đản nhạo ỨC NIỆM CHƯ PHẬT” (chỉ thích ỨC NIỆM CHƯ PHẬT) lên hàng đầu.

Hòa Thượng Tịnh Không cho rằng: “*Ức niệm*” không phải là suy nghĩ suông mà phải thực hiện dẫn phát tâm cảm ân của chính mình.

- Làm thế nào để báo ân Phật?

- Nỗ lực tu học, tu đến giống như Phật, đây mới là thật sự báo ân Phật. Nếu bản thân tu học chưa đạt đến địa vị Phật này, sự báo ân sẽ không viên mãn.

Câu “danh hiệu Phật có đủ vạn đức”, chữ “vạn đức” ở đây có nghĩa là đại viên mãn, tổng nhiếp tất cả thiện căn. Cho nên trì danh là pháp môn Tổng Trì; tổng trì tất cả pháp, tất cả nghĩa. Chư Phật tu hành nắm bắt được cương lĩnh này, biết được: Thành tựu pháp môn này là thành tựu tất cả pháp môn khác.

Chữ “Niệm Phật nhuần nhuyễn” ở đây có nghĩa là “lão thật Niệm Phật”. “Lão thật Niệm Phật”, quan trọng nhất là niệm giáo huấn của Phật, niệm hạnh nghiệp của Phật, niệm hành vi tạo tác của ngài. Chúng ta mỗi niệm phải hướng Phật mà học tập. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Bồ Tát Thập Địa trước sau không rời niệm Phật*”. Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi của kinh này cũng bảo: “*Khứ lai, hiện tại, Phật Phật tương niệm*” (Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đều nghĩ đến nhau), có thể thấy Phật sở dĩ thành tựu đều do học tập từ Phật trước. Ngày nay, chúng ta muốn thành Phật, vẫn là cái biện pháp cũ này: Phải học đức Thích Ca Mâu Ni Phật, phải học tập với A Di Đà Phật.

- A Di Đà Phật ở đâu?
- Kinh Vô Lượng Thọ chính là A Di Đà Phật.

“**Hành tịch tĩnh hạnh**”, sách Thám Huyền ký nói: “*Vô Du Niết Bàn là tịch tĩnh, tu điều ấy gọi là Hành*”. Sách Tư Trì Ký cũng bảo: “*Tịch tĩnh chính là lý Niết Bàn*”. Cách nói này không dễ hiểu! Trước tiên phải lý giải ý nghĩa của “*tịch tĩnh*”. “*Tịch*” là tịch diệt; “*Tĩnh*” là thanh tịnh. Viễn ly vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đó là “*Tịch*”, là “*Vô Du Niết Bàn*”, đây là thuật ngữ trong nhà Phật. Phạm phu là “*tâm tùy cảnh chuyển*”. Việc này rất đáng thương! Muốn “*cảnh tùy tâm chuyển*”, nhất định phải chọn lựa cho mình một hoàn cảnh.

Xưa kia, đạo tràng xây dựng trong núi sâu, cách ly thôn trang tương đối xa, không có dấu chân người, dùng hoàn cảnh thanh tịnh này làm trợ duyên giúp ta tu “*tịch tĩnh hạnh*”. “*Tịch tĩnh hạnh*” thành công rồi, phải đến đô thị để độ hóa chúng sinh, hành Bồ Tát đạo, tiếp xúc với xã hội đại chúng, ngay trong đó mà tôi luyện, trải sự luyện tâm. Phải hòa quang đồng trần, phải phước tuệ song tu: Giúp chúng sinh là tu phước; chính mình thanh tịnh không nhiễm một trần là tu tuệ. Phải ở ngay trong đại chúng, vì mọi người làm tấm gương, không chỉ là ngôn giáo mà còn là thân giáo, đây mới chân thật là “*Vô Du Niết Bàn*”. Do đây có thể biết: Vào Vô Du Niết Bàn diệt độ, đó là linh động, hoạt bát không phải khô cứng. Lại nữa:

- Thế nào là tịch tĩnh?
- Chúng ta biết rằng: Khi một niệm cực kỳ vi tế vừa khởi lên, đó là hiện tượng dao động; khi niệm này không còn nữa đó chính là Đại Bát Niết Bàn, là “*Chân Tịch Tĩnh*”. Bồ Tát sở chứng, Thanh Văn sở chứng, Duyên Giác sở chứng không phải là cứu cánh Niết Bàn. Tuy trong tâm họ hiện tượng dao động thô không còn nhưng dao động vi tế vẫn còn tồn tại. Còn tồn tại như thế nào, bản thân họ không

biết được. Trong kinh thường nói: Đến Bát Địa Bồ Tát mới biết được, Bát Địa trở về trước chưa cảm nhận được hiện tượng dao động vi tế này. Hiện tượng này chính là năng sinh vạn pháp, năng hiện vạn pháp; lại thêm bản thân khởi tâm động niệm là năng biến vạn pháp. Vạn pháp là sở biến, khởi tâm động niệm là năng biến. Cho nên, “*Tịch tĩnh*” chính là lý của Niết Bàn.

- Niết Bàn từ đâu mà có?

- Từ “*Tịch Tĩnh*” mà có!

Thánh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đó chữ “Mâu Ni” dịch là “*Tịch Tĩnh*” hay “*Tĩnh Mặc*”.

Sách Lý Thú Thích, quyển hạ ghi: “*Mâu Ni Nghĩa là Tịch Tĩnh. Thân, khẩu, ý tịch tĩnh nên xưng là Mâu Ni*”. Đại Nhật Kinh Sớ nói càng rõ ràng hơn; đặc sắc hơn: “*Mâu Ni nghĩa là Tịch Mặc. Cõi thường tịch vi diệu tịch tuyệt, sâu thăm huyền viễn chẳng thể nói bàn nổi. Pháp giới đại diệt độ pháp như vậy chỉ mình đức Phật thanh tịnh có thể trọn vẹn được nổi nên Phật hiệu là Mâu Ni*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong giáo lý Đại thừa dùng “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xít diệt*” để hình dung cảnh giới này. “Mâu Ni” trong đức hiệu Phật Đà, là biểu trưng “*Tự Thọ Dụng*”. “*Đại diệt độ pháp*”: chữ “*diệt*” này là diệt tất cả phiền não tập khí chướng ngại; “*độ*” ở đây không những là độ chúng sinh ra khỏi lục đạo, mười pháp giới mà cuối cùng phải độ họ ra khỏi cõi Thật Báo Trang Nghiêm mới gọi là “*đại diệt độ pháp*”. Ra khỏi Thật Báo Trang Nghiêm đến Thường Tịch Quang, đây chỉ có mỗi mình Phật; Bồ Tát không có phần, Đẳng Giác Bồ Tát cũng không được. Cho nên nói “*duy chỉ mình Phật, Diệu Giác Như Lai rốt ráo thanh tịnh*”, đây là nghĩa gốc của “Mâu Ni”.

Ở đây, kinh nói Bồ Tát Pháp Tạng hành tịch tĩnh hạnh là nói đại Bồ Tát, cũng chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trên Kinh Hoa Nghiêm. Những người này là nhập vào hạnh Vô Dư Niết Bàn, tức là pháp giới đại diệt độ pháp, chớ chẳng phải là hạnh tịch tĩnh của hàng Nhị thừa. Nhị thừa diệt là chỉ diệt “kiến tư phiền não”. Đại thừa Bồ Tát là diệt “căn bản vô minh” (tên khác của vô thi vô minh), cảnh giới không tương đồng.

“*Viễn ly hư vọng*” (Xa lìa hư vọng): Chẳng thật là “*hư*”, trái nghịch với cái chân thật là “*vọng*”. Hư giả chẳng thật nên bảo là “*hư vọng*”.

Kinh Viên Giác dạy: “*Hư vọng phù tâm, đa chur xảo kiến, bất năng thành tựu Viên Giác phương tiện*” (tâm hư vọng hời hợt, lẩn xảo kiến, chẳng thể thành tựu được phương tiện Viên Giác). Câu nói này rất hay! Hòa Thượng Tịnh Không giải thích như sau: “*hư vọng phù tâm*”; “*phù tâm*” không phải là chân tâm, là giả; “*đa chur xảo kiến*”: Đây là tà tri, tà kiến, đủ để có thể hại người. Trong kinh giáo Đại thừa gọi đây là ma giới, Tu-la pháp giới, La-sát pháp giới, đồ chúng của ma vương Ba tuần. Họ làm trái với luân lý, đạo đức, không tin nhân quả, cho rằng bản thân mình là thần tiên. Rất nhiều chúng sinh vô tri ngu muội theo họ, trước mắt thấy được một chút lợi ích, cuối cùng đều đến ba đường ác; trong kinh Phật nói là người mù dẫn người mù, dắt nhau vào hầm lửa địa ngục! Họ cũng có thể lực.

- Thế lực từ đâu mà có?

- Từ “*đa chur xảo kiến*” mà có!

- Vì sao họ tạo nghiệp?

- Vì “*Hư vọng phù tâm*” (Tâm hư vọng hời hợt) chính là tạo nghiệp! Nghiệp tốt cũng là ác nghiệp. Đạo lý này không khó hiểu,

chỉ cần ta tỉ mỉ mà quan sát kẻ hở của họ liền phát hiện ra được. Cho nên, không thể thành tựu Viên Giác phương tiện. “Viên giác” là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát giác ngộ rồi. “Phương tiện” là phương pháp thích hợp có thể chứng đắc Viên Giác. Tóm lại, tâm hành hư vọng, lắm nhiều xảo kiến có thể giúp họ đạt được danh văn lợi dưỡng của thế gian, cũng dẫn dắt họ tiến vào ba đường ác, chẳng thể thành tựu Viên Giác.

Kinh Niết Bàn, quyển ba mươi tám cũng nói:

“*Nhất thiết ác sự, hư vọng vi bốn*” (Hư vọng là gốc của hết thảy sự ác). Vì vậy, trước hết phải xa lìa hư vọng để ngăn dứt các ác từ ngay cội rễ. Pháp Tạng Bồ Tát trụ vào Chân Thật Tuệ, hành hạnh thanh tịnh, nên xa lìa được hết thảy hư vọng.

- Thế nào là hư vọng?

- Kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh...*” Chính là hư vọng.

- Hữu vi pháp là gì?

- Trong Bách Pháp Minh Môn Luận nêu ra: Tám cái tâm pháp, năm mươi một cái tâm sở pháp, mười một cái sắc pháp, hai mươi bốn cái tâm bất tương ưng hành pháp, sáu pháp vô vi. Như vậy, pháp hữu vi gồm có tất cả chín mươi bốn cái. Sáu cõi, mười pháp giới đều là pháp hữu vi.

Hiện tại chúng ta sống trong đây viễn ly hư vọng, tức hư vọng mà viễn ly hư vọng! Phải hiểu rõ đạo lý này! Nói cách khác, cái hư vọng này kẻ phàm phu không cách chi trừ bỏ đi được! Có đồng tu hỏi tôi:

- Cái gì là “*Âm ma*”?

- “Âm ma” chính là “Ngũ Âm”: Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thân chúng ta là thân Ngũ Âm. Thân thể là “sắc pháp” do bốn Đại: đất, nước, gió, lửa hình thành; bộ phận tinh thần gồm có: Thọ, Tướng, Hành, Thức; gộp chung lại gọi là Ngũ Âm. Gọi: “Ngũ Âm” vì nó che đậy, nó dày vò, nó là ma chướng, nó cũng là hư vọng!

- Làm thế nào viễn ly nó?

- Vô ngã thì viễn ly được! Đến lúc nào có thể làm đến được vô tư, vô ngã thì đạt đến giải thoát.

- Giải thoát thì thân này còn không?

- Vẫn còn! Thân tuy còn mà khổ không có! Không còn bị các khổ dày vò, đây gọi là giải thoát, cũng gọi là “ly”.

- Ngoài cái khổ của căn thân, thế giới bên ngoài cũng là hư vọng, phải viễn ly bằng cách nào?

- Không chấp trước, không đem nó để vào trong tâm là viễn ly rồi!

Cho nên, viễn ly không phải là viễn ly trên sự; ý niệm không hợp lý thì phải buông xả, đây chính là “*viễn ly hư vọng*”. Người trụ *Chân Thật Tuệ*, hành vi của họ nhất định là “*thanh tịnh hạnh*”. “*Thanh tịnh hạnh*” nâng cao một mức chính là “*Tịch tĩnh hạnh*”. Hiện tại, chúng ta “*Tịch tĩnh hạnh*” không thể làm được, tuy vậy phải làm đến được “*thanh tịnh*”: đoạn ác tu thiện. Đoạn ác không dính vào tướng của đoạn ác, tu thiện không dính vào tướng của tu thiện, tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Tâm thanh tịnh, hạnh tự nhiên thanh tịnh. Có thể nói: “*Viễn ly hư vọng*” là nhìn thấu đối với chân tướng sự thật. Có trình độ lý giải, hiểu biết tương đối, sau đó mới có thể:

“*Y Chân Đế môn, thực chúng đức bản*” (nuơng vào Chân Đế môn, trông các cội đức). Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “Đế” là chân thật, chẳng dối. Đạo lý thế gian hay xuất thế gian chân thật

không hư thì gọi là Đé. Sách Nhị Đé Nghĩa, quyển thượng có nói: “Đé nghĩa là Chân. Hữu là sự thật trong thế gian, Không là sự thật của thánh đạo. Cả hai thứ ấy đều là thật” nghĩa là: Phạm trần cho Hữu là thật; thánh trí cho Không là thật. Do vậy, Hữu và Không đều là thật, nên lập ra Nhị Đé (Chân Đé và Tục Đé). Thuận theo pháp của hữu tình mê muội phạm tục là Tục Đé hoặc Thế Đé. Lý chân thật tịch tĩnh Niết Bàn được thấy bởi thánh trí thì gọi là Chân Đé hoặc Thắng Nghĩa Đé, Đệ Nhất Nghĩa Đé.

Trí Độ Luận, quyển ba mươi tám có nói: “Trong Phật pháp có hai đé: Một là Thế Đé, hai là Đệ Nhất Nghĩa Đé. Do Thế Đé nên nói có chúng sinh, do Đệ Nhất Nghĩa Đé nên nói chúng sinh vô sở hữu”. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển một cũng giảng: “Tục là thế tục; cái thấy biết của thế tục thì gọi là Thế Đé. Chân là tiếng đé gọi (trạng thái) dứt hết hư vọng”.

Môn là các pháp khác biệt có thể dẫn dắt con người chứng nhập Niết Bàn nên gọi là môn.

“Y Chân Đé môn” (Nương vào Chân Đé môn) chính là lấy Đệ Nhất Nghĩa Đé làm “môn”. Nương vào thắng nghĩa của Chân Đé để gieo trồng cội rễ của các đức nên bảo là “Y Chân Đé môn, thực chúng đức bốn” (nương vào Chân Đé môn, trồng các cội đức).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật giảng kinh y theo Nhị Đé mà nói pháp, chính là hai loại chân thật bất hư: Một là pháp thế gian; hai là pháp xuất thế gian, Phật pháp thường nói: “Phật pháp tại thế gian bất hoại thế gian pháp”, đây chính là tùy thuận Tục Đé. Bạn xem! Phật dạy chúng ta “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Nếu có người hỏi: Phật pháp là gì? Chúng ta có thể nói: Phật pháp là “Hiếu thân tôn sư”. Đáp án này không hề sai. “Hiếu thân tôn sư” là “Thế Đé”, đem “Hiếu thân tôn sư” mở rộng ra là có thể hiếu thuận với tất cả chúng sinh, liền biến thành Chân Đé, xuất thế gian pháp.

Do đây có thể biết: “Thế Đế” cùng “Chân Đế” chỉ khác nhau ở một niệm: tâm lượng nhỏ liền biến thành Tục Đế hay Thế Đế; tâm lượng mở rộng như trên kinh Phật nói: “*Tâm bao thái hư, lượng khắp pháp giới*” thì Tục Đế liền biến thành Chân Đế.

Cho nên, ngay trong tất cả Đế lý, làm gì có phân biệt Thế Đế cùng Chân Đế; đến cảnh giới Hoa Nghiêm nói “Nhất Chân” chính là không hai: Thế Đế cùng Chân Đế nhất như. Đây mới là chân thật ngôn ngữ của Phật. Giáo nghĩa của Phật hàm chứa đạo lý đích thật là rộng lớn không có bờ mé. Chỗ này, Phật dạy chúng ta phải “*Y Chân Đế môn*” mới có thể “*thực chúng đức bốn*”. Nhà Phật cũng nói “Y Đệ Nhất Nghĩa Đế”, đây là “chúng đức chi bốn” (cội gốc của các đức).

- Cái gì là Đệ Nhất?

- Chân thành đến cực điểm là “Đệ Nhất Nghĩa Đế”, cũng chính là Chân Đế, là chân tâm bản tánh của chúng ta.

Tóm lại, dùng chân tâm bản tánh liền có thể “*thực chúng đức bốn*”. Nếu dùng tâm hư vọng đó là căn nguyên của tất cả tội ác! Do vậy mà Phật dạy Bồ Tát Đại thừa, quan trọng nhất là phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm chính là tâm chân thành, chỗ này gọi là Chân Đế. Tiêu chuẩn của tâm chân thành là “*viễn ly hư vọng*”, lia tất cả sự tướng. Kinh Kim Cang nói: “*Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, tu nhất thiết pháp*” (Dùng vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả để tu hết thấy thiện pháp). “*Y Chân Đế môn*” chính là không có bốn tướng: Ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng. “*Thực chúng đức bốn*” (trồng các cội đức) là tu hết thấy thiện pháp. “Thực” là gieo trồng, vun bồi; “đức” là thiện; “bốn” là cội rễ.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Vong thất Bồ Đề tâm, tu chư công đức, thị danh ma nghiệp*”. Hơn nữa, căn bản của muôn đức gọi là

“*đức bốn*”. Danh hiệu Phật A Di Đà sẵn đủ vạn đức, chiêu cảm vạn đức nên được gọi là “*đức bốn*”.

Sách Giáo Hạnh Tín Chứng, quyển sáu có nói: “*Đức bốn là đức hiệu của Như Lai. Xưng niệm đức hiệu này một tiếng thì thành tựu được chí đức (đức cao vời cùng tột) một cách viên mãn, chuyển được các họa. (Danh hiệu ấy) là gốc của mười phương đức hiệu nên gọi là đức bốn*”.

Ngày nay, chúng ta niệm Phật là dùng tâm vọng tưởng, một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng thì làm sao có thành tựu?! Có chăng chỉ là được “khẩu thiện” mà thôi!

Trong Kinh Quán Phật Tam-Muội, đức Thích Tôn nói: “*Ngã dữ thập phương chư Phật cập Hiền Kiếp thiên Phật, tùng sơ phát tâm, giai nhân Niệm Phật tam-muội lực cố, đắc Nhất Thiết Chúng Trí*” (Ta và mười phương chư Phật và ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp từ lúc sơ phát tâm đều do sức Niệm Phật tam-muội mà đắc Nhất Thiết Chúng Trí).

Lời Phật dạy và câu nhận định của sách Giáo Hạnh Tín Chứng đều cùng nói lên một ý chỉ “*Trì Danh Niệm Phật chính là gốc của mười phương đức hiệu*”. Do đó, có hai cách giải thích câu “*thực chúng đức bốn*”:

- **Thứ nhất:** Bồ Tát trong lúc tu nhân, vạn đức viên mãn, từ nhân đắc quả nên bảo là “*thực chúng đức bốn*” (trông các cội đức)
- **Thứ hai:** Gốc của các đức chính là niệm danh hiệu Phật.

Thật ra, hai thuyết này chẳng hề mâu thuẫn nhau, vì Bồ Tát lúc tu nhân chẳng rời niệm Phật nên trong thuyết thứ nhất có thuyết thứ hai. Hơn nữa, niệm Phật trọn đủ vạn đức nên thuyết thứ hai bao hàm thuyết thứ nhất. Thế nên hai thuyết chẳng hề mâu thuẫn nhau.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Ngày trước, Đại Sư Ngẫu Ích nói “*Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm Phật thành Phật*”, có rất nhiều người hỏi:

- Đây là dựa trên bộ kinh nào?

- Đích thật là trên Kinh Quán Phật Tam-Muội đã nói như vậy. Trên Kinh Di Đà cũng có nói, người thông thường chúng ta chỉ đọc sơ rồi lướt qua! Đại sư Ngẫu Ích trong Yếu Giải nói ra, chúng ta mới hoác nhiên đại ngộ: Phật đích thật là Niệm Phật thành Phật. Sau đó, lại xem trên Kinh Hoa Nghiêm: “*Thập Địa Bồ Tát thì chung không rời niệm Phật*” mới biết được niệm Phật công đức vô lượng.

Thế nhưng, niệm Phật nhất định phải ghi nhớ: Không phải miệng niệm; miệng niệm thì không ích gì, phải trong tâm chân thật có Phật. Phía trước đã giảng qua rất nhiều lần: A Di Đà Phật chính là toàn bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Đến lúc nào đó chúng ta có thể đem đạo lý của Kinh Vô Lượng Thọ thông đạt tường tận, từng câu từng chữ của Phật nói ra, chúng ta đều thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày, đây là chân thật Niệm Phật.

Giáo huấn trong Kinh Vô Lượng Thọ, nếu hoàn toàn thực tiễn được một trăm phần trăm, đây là trong tâm bạn chân thật có Phật, tương lai vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Thượng Phẩm Thượng Sanh. Nếu làm đến được chín mươi phần trăm, bạn là Thượng Phẩm Trung Sanh. Dần dần hạ thấp xuống đến Hạ hạ phẩm vãng sinh, cũng phải làm đến được hai mươi phần trăm. Nghĩ lại xem! Chúng ta có thể làm đến được hai mươi phần trăm hay không? Làm đến được hai mươi phần trăm chính là bạn đã làm được: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”, xem như bạn là một người thiện.

“*Bất kế chúng khổ, thiếu dục tri túc*” (Chẳng nề hà các sự khổ, ít muốn biết đủ): “kế” là so đo, tính toán, “khổ” là như Kinh Phật Địa, quyển năm nói: “*Bức não thân tâm danh khổ*” (Bức não thân tâm gọi là khổ). “Chúng khổ” (các sự khổ) là:

- Nhị khổ (nội khổ, ngoại khổ).
- Tam khổ (Khổ khổ, Hoại khổ, Hành khổ).
- Tứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử).
- Bát khổ (sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thịnh)

Nói chung, có nhiều loại khổ khác nhau, Bồ Tát hiểu rõ hết thấy các khổ đều là hư vọng, rốt ráo chẳng có, nên có thể chịu đựng được các khổ, trụ vào bình đẳng, vì vậy kinh chép “*Bất kế chúng khổ*”.

“*Thiếu dục*” là ít muốn, ít mong cầu, “*Tri túc*” là biết đủ, đều đạt được ít ỏi vẫn không buồn phiền như Kinh Niết Bàn nói: “*Thiếu dục giả, bất cầu, bất thủ. Tri túc giả, đắc thiếu bất hối hận*” (Người ít muốn, chẳng cầu, chẳng lấy. Người biết đủ, đều được ít vẫn chẳng buồn phiền).

Kinh Di giáo cũng dạy: “*Thiếu dục chi nhân, tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhân ý, diệc phục bất vị chư căn sở khiên. Hành thiếu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô sở ưu úy, xúc sự hữu dư, thường vô bất túc. Hữu thiếu dục giả, tắc hữu Niết Bàn. Thị danh thiếu dục. Nhữ đẳng tỳ kheo, nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc. Tri túc chi pháp, tức thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi nhân, tuy ngoại địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên đường, diệc bất xứng ý. Bất tri túc giả, tuy phú nhi bản, tri túc chi nhân, tuy bản nhi phú*”. (Người thiếu dục thì chẳng dùng thói đua vạy để lấy lòng người khác, cũng chẳng bị các căn lôi kéo. Kẻ hành thiếu dục

thì tâm thân nhiên không sợ hãi, lo âu; gặp chuyện luôn cảm thấy dư dật, không lúc nào chẳng đầy đủ. Có thiếu dục ắt có Niết Bàn. Đây gọi là thiếu dục. Tỳ kheo các ông nếu muốn thoát khỏi các khổ não phải nên quán tri túc. Pháp tri túc chính là pháp để đạt giàu vui, an ổn. Người tri túc tuy nằm dưới đất vẫn an vui; kẻ chẳng tri túc dầu ở thiên đường vẫn không thỏa ý. Chẳng tri túc thì tuy giàu vẫn nghèo, người tri túc dầu nghèo lại giàu).

Phẩm Khuyên Phát của Kinh Pháp Hoa có nói: “*Thị nhân thiếu dục tri túc, năng tu Phổ Hiền chi hạnh*”. (Người ấy thiếu dục tri túc, có thể tu hạnh Phổ Hiền). Ngài Nghĩa Tịch còn dẫn Kinh Bát Nhã như sau: “*Vân hà Bồ Tát thiếu dục? Nãi chí A Nậu Bồ Đề thượng bất dục, hà hướng dư dục. Thị danh thiếu dục. Vân hà Bồ Tát tri túc? Đắc Nhất Thiết Chúng Trí, thị danh tri túc* (Thế nào là Bồ Tát thiếu dục? Thậm chí Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ngài còn chẳng mong muốn, hướng hồ là các thứ khác. Đây gọi là thiếu dục. Thế nào là Bồ Tát tri túc? Đắc Nhất Thiết Chúng Trí thì gọi là tri túc). *Như vậy chẳng cầu cảnh khác là thiếu dục, an trụ nơi tự pháp là tri túc. Cảnh khác chính là ngũ dục: Sắc, Thanh, Hương v.v... tự pháp là Hiện Lượng Trí*”.

Ý ngài Nghĩa Tịch nói: “*Bất u tâm ngoại thủ pháp, vô nhất pháp đương tình giả danh vi thiếu dục*” (Chẳng chấp lấy pháp ngoài tâm, chẳng vướng vào một pháp nào thì gọi là thiếu dục). Cái cảnh giới này cao! Nói cách khác, đối với pháp thế, xuất thế gian còn có chút dục niệm thì không xem là thiếu dục. “*Vô nhất pháp đương tình*” nghĩa là không bị tất cả các pháp làm cho khởi tâm động niệm. Tất cả pháp thế, xuất thế gian đều buông bỏ hết.

- Thế nào là tri túc?

- “*Thế lộ chân thường, tịch diệt vi lạc, như như bất động vi tri túc*” (Thế hiện lộ chân thường tịch diệt là vui, như như bất động

là *tri túc*). “*Thê*” là tánh thể. Đây là chỉ Pháp Thân Đại Sĩ, Bồ Tát minh tâm kiến tánh, không phải người thông thường có thể làm được. Hiện tại chúng ta là phàm phu sơ học, phải tận lực giảm thiểu dục vọng, giảm bớt mọi mong cầu sẽ có sự giúp đỡ rất lớn đối với sự tu hành của chúng ta.

“*Chuyên cầu bạch pháp huệ lợi quần sinh*” (Chuyên cầu bạch pháp, ban bố cái lợi cho quần sanh). “*Bạch pháp*” là “*Bạch tịnh pháp*” (Pháp trắng sạch), chỉ cho hết thảy các pháp lành.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Trong kinh gọi “*Bạch pháp*” là đối với “*Hắc pháp*” mà nói. Trong từ ngữ chúng ta gọi là thiện pháp, ác pháp. Người Ấn Độ xưa kia không gọi là thiện, ác mà gọi là hắc, bạch. “*Hắc*” chính là ác pháp, “*bạch*” chính là thiện pháp. Ở đây nói “*chuyên cầu bạch pháp*” chính là “*chuyên cầu thiện pháp*”. Trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Phật nói: “*Bồ Tát có một pháp có thể đoạn tất cả khổ của thế gian*” (phía trước chúng ta đã nói qua các khổ rồi).

- Đó là phương pháp gì?

- Ngày đêm thường niệm thiện pháp, đây chính là “*cầu bạch pháp*”.

- Những gì là thiện pháp?

- Trên nghĩa hẹp mà nói: Đó là thập thiện nghiệp đạo. Thường niệm mười nghiệp thiện như: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm v.v... Cách tu này là tiêu cực. Từ tiêu cực chuyển thành tích cực chính là “*huệ lợi quần sinh*”. “*Huệ*” là ân huệ, là phụng hiến, là dâng cho. Phải bố thí ân huệ, lợi ích chúng sanh, đem mười thiện thực tiễn ngay trong cuộc sống hàng ngày, thực tiễn trong công việc đối nhân xử thế tiếp vật.

“Quần sinh” là tất cả chúng sinh, không phân biệt cõi nước, không phân biệt tộc loại, bao gồm: hữu tình, vô tình, động vật, thực vật. Đối với những động vật nhỏ, không những không sát hại, chúng ta còn thực tiễn yêu thương chúng, có thể cùng chúng hòa thuận cùng sống, đối đãi bình đẳng, thế giới này mới có thể hòa bình, xã hội mới an định phồn vinh, con người mới có thể hạnh phúc. Chúng ta chân thật giác ngộ, chân thật hồi đầu, sẽ không còn tổn hại sinh vật, biết được tổn hại chúng sinh là tổn hại chính mình; yêu thương chúng sinh là yêu thương chính mình. Tự, tha là một không phải hai. Thiệnp pháp đến chỗ cứu cánh chính là Trì Danh Niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Chúng ta phải thật làm, phải thật tu thì khuyên người khác mới có hiệu quả.

Sách Tịnh Ảnh Sớ giảng: “*Ý nói pháp ấy xa lìa tà kiến, phi báng nên bảo là thanh bạch*”.

Gia Tường Sớ lại giảng: “*Là vô lậu minh nên gọi là thanh bạch*”. “Vô lậu minh” là trí tuệ chân thật, “lậu” là đại danh từ của phiền não; “vô lậu” là không có phiền não (kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não).

Sách Hội Sớ giảng: “*Pháp Đại thừa là pháp thanh bạch*”. “Huệ” là thí cho. Như vậy “*chuyên cầu bạch pháp, huệ lợi quần sanh*” có nghĩa là chuyên cầu pháp vô lậu Đại thừa thanh tịnh để thí cho khắp các hữu tình, nhằm lợi lạc quần sinh. Kinh Vô Lượng Thọ là Đại thừa trong Đại thừa có thể giúp chúng ta trong một đời này chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề, chúng ta phải chuyên cầu. Kế đến phải toàn tâm toàn lực “*huệ lợi quần sinh*”, cung cung kính kính hành Bồ thí Ba-la-mật. Chữ “huệ” ở đây, theo Hòa Thượng Tịnh Không còn bao hàm ý nghĩa cung kính, chân thành, không có ý niệm nào vì tự tư tự lợi!

“*Chí nguyện vô quyện*” (Chí nguyện không mỗi mệt) là tinh tấn bất thoái. Bồ thí hữu tình, làm lợi ích chúng sinh, thù thắng không gì bằng “*Chí nguyện vô quyện*”. “Quyện” là mệt mỏi, chán nản, “vô quyện” là chân tinh tấn. Thế gian thông thường khi mới phát tâm, cái nguyện của họ dường như rất kiên định. Thực tế mà nói, không vượt khỏi khảo nghiệm của thời gian! Người xưa có câu: Học Phật năm đầu, Phật ở trước mặt, rất thành tâm! Học Phật hai năm, Phật ở chân trời! Cự ly cách xa rồi! Học Phật ba năm, Phật hóa mây khói, không còn nữa! Đây là nói rõ tâm bạn phát ra là đạo tâm sương sớm, làm sao có thể thành tựu?! Không thành tựu thì thôi vậy! Thế nhưng bạn không biết được di chứng về sau rất phiền phức, việc này rất ít người nghĩ đến!

- Di chứng về sau là gì?

- Khiến cho xã hội đại chúng nhìn thấy việc làm của bạn mà sinh tâm khinh mạn hủy báng đối với Phật pháp, tạo thành khẩu nghiệp rất là nghiêm trọng!

- Chúng ta có trách nhiệm hay không?

- Không thể nói không có trách nhiệm! Phật pháp, xuất gia không dễ đùa! Việc này nhất định phải biết! Làm không đúng pháp chính là phá hòa hợp tăng! Tuy không phá hòa hợp tăng nhưng bạn làm không như pháp! Người xưa nói: “*Trước cửa địa ngục tăng đạo nhiều!*” Lời nói này không phải không có nguyên nhân.

Cho nên, chí nguyện nhất định phải kiên định không thể nào mệt mỏi, chán nản. Mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Đại Sĩ trong Kinh Hoa Nghiêm luôn được kết thúc như sau: Hư không giới hết, chúng sinh giới hết, chúng sinh nghiệp hết, phiền não của chúng sinh cùng tận, thì sự lễ kính (cho đến hồi hướng) của tôi mới hết, nhưng cõi hư không cho đến phiền não chẳng cùng tận nên sự lễ kính (cho đến hồi hướng) của tôi cũng chẳng cùng tận,

“niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp, vô hữu bì yếm” (niệm niệm tiếp nối không hề gián đoạn, thân ngữ ý nghiệp chẳng có nhọc mỏi). Đây chính là ý nghĩa của câu “*chí nguyện vô quyện*”, cũng hiển thị ra tâm hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát” bất luận là tự hành hay hóa tha đều không mệt, không chán. Đại thừa Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể thành Phật Đạo.

- Phổ Hiền nghĩa là gì?

- Chính là phía trước đã nói: “*Chuyên cầu bạch pháp, huệ lợi quần sinh*”. Đây chính là đại căn đại bản của Phổ Hiền thập nguyện.

Nhìn lại chúng ta, thoái duyên quá nhiều! Chúng ta không có sức Định, không có năng lực khuất phục hoàn cảnh. Nói cách khác, chúng ta chưa làm được nhìn thấu, buông xả. Tuy ngày ngày cũng dụng công nỗ lực, nhưng khó được tiến triển. Nếu có thể nhìn thấu, buông xả, cái tiến bộ đó là một ngày ngàn dặm, không có hạn lượng.

“**Nhẫn lực thành tựu**”: “nhẫn lực” là sức nhẫn nại, nhẫn chịu được hoàn cảnh. Sư Pháp Trụ giảng: “*nhẫn có ba thứ: Một là An Khổ Nhẫn tức là chịu đựng được những thứ trái ý trong đời; hai là Tha Bất Nhiêu Ích Nhẫn tức là chịu đựng được những điều người khác gây tổn hại cho mình; ba là Pháp Tư Duy Nhẫn tức là chẳng phân biệt các pháp*”. Thành tựu được ba thứ Nhẫn này, nên bảo là “*nhẫn lực thành tựu*”.

“*An khổ nhẫn*” là nhẫn được những thứ trái ý với sự yêu thích của mình. Nói cách khác, những vấn đề ta không thích đều có thể nhẫn thọ được. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, đây là “*An Khổ Nhẫn*”. Ngài thị hiện cho chúng ta thấy con người có thể an bản lạc đạo, xã hội sẽ an định hòa bình. Người có nhẫn nhục thì đối với người không tranh, đối với thế

gian không cầu, tâm họ luôn an định sẽ sinh trí tuệ, không sinh phiền não.

“*Tha Bất Nhiêu Ích Nhân*”: “Tha” là người khác. Người khác đối với mình “*không nhiều ích*”. Nói như hiện nay là người khác đối với mình: Hoặc hủy báng, hoặc sỉ nhục, hoặc hãm hại v.v... Đây đều thuộc về “*không nhiều ích*”, vẫn có thể nhẫn. Câu kế tiếp nói rất rõ ràng “*chịu đựng những điều người khác gây tổn hại cho mình*”.

Chúng ta tu hành, giúp xã hội đại chúng, làm chút việc tốt sẽ gặp nhiều chướng ngại mà chúng ta không thể tưởng tượng được. Chúng ta dùng tâm ý tốt giúp họ, ngược lại họ hỏi ta: -Sao lại giúp tôi? Anh có ý đồ gì?! Mục đích của anh là gì?. Nếu bạn nói: Tôi không có ý đồ gì, không có mục đích gì. Vậy chẳng phải tâm bạn có vấn đề ư?! Sao lại làm chuyện ngu ngốc như thế?! Đây là vấn đề bao nhiêu năm nay tôi thường gặp, nên tôi rất hiểu.

“*Pháp Tư Duy Nhân*” là đối với các pháp không có phân biệt. Những điều trong kinh điển là từ trong tự tánh, trí tuệ, thanh tịnh của Phật, Bồ Tát lưu xuất ra nên không có ý. Chúng ta phải lìa tâm vọng tưởng, phân biệt chấp trước để lãnh hội, tiếp xúc kinh điển, đó mới thật sự là tiếp xúc ý nghĩa trong kinh; ý nghĩa đó không phải là ý của ta mà là ý của tự tánh tự nhiên hồi ứng, gọi là “*Pháp vốn như vậy*”, không có thêm, bớt chút nào. Nếu có thêm bớt là ý của ta, đó là chướng ngại sẽ không thấy được tự tánh.

Phật, Bồ Tát là hằng thuận chúng sinh, tùy tâm ứng hóa mà tự nhiên hiển lộ (“*Tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng*”) cho nên không có ý, không có cạn, sâu, rộng, hẹp. Đây là thật không phải giả! Chúng sinh do căn tánh khác biệt nên tiếp thu kinh điển cũng có sâu, cạn khác nhau, nhưng tất cả đều có được lợi ích. Cổ nhân nói: “*Như người uống nước, nóng lạnh tự biết*”. Vi diệu là ở chỗ này! Cho nên Pháp gọi là diệu Pháp. Nghe kinh, nghe Pháp có được lợi ích bao

nhieu đều do nơi chính mình không phải ở thầy, cũng không liên quan gì đến bên ngoài. Thầy giảng dạy, cảnh giới của thầy chúng ta không biết nhưng thầy giáo thế gian nói ý nghĩa thì rất thiên cận. Thầy giáo có tu, có chứng giảng ý nghĩa mới thâm sâu khôn lường, chắc chắn được lợi ích.

Bồ Tát Mã Minh dạy: Khi nghe kinh, đọc tụng phải hiểu được ba nguyên tắc: Không chấp trước tướng ngôn thuyết, không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước tướng tâm duyên. Cứ đọc một cách cung kính, đọc một cách thành khẩn, không nghĩ đến ý nghĩa trong văn tự, đọc tụng như thế là cùng một lúc tu “Giới-Định-Tuệ”. Tuân thủ theo phương pháp này để nghe, để đọc là “Trì giới”. Không phân biệt, không chấp trước là tu “Định”. Không phân biệt là không dùng thức thứ sáu, Diệu Quan Sát Trí sẽ hiện tiền. Không dùng thức thứ bảy, Bình Đẳng Tánh Trí sẽ hiện tiền. Tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác gọi là tam-muội. Lâu dần tự nhiên khai ngộ. Sau khi khai ngộ, xem kinh văn từng câu, từng chữ đều có vô lượng nghĩa, đây là “Pháp hỉ sung mãn”.

- Vì sao nói là vô lượng nghĩa?

- Vì tự tánh vô lượng! Tức trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo cũng vô lượng.

Tóm lại, thành tựu ba loại nhẫn trên đây gọi là “*nhẫn lực thành tựu*”. Loại thứ nhất là “*An khổ nhẫn*” tức an bản lạc đạo. Loại thứ hai là “*Tha bất nhiều ích nhẫn*”, có thể nhẫn thọ được tất cả sự phê bình của mọi người, đặc biệt là đối với người có ác ý với ta. Không những phải nhẫn chịu, không khởi tâm oán hận mà còn có tâm cảm ân đối với họ mới đạt được lợi ích, điều này rất khó!

- Vì sao không có tâm cảm ân?

- Vì không có được lợi ích!

Được lợi ích, là khi nghe người khác phê bình, liền nỗ lực phản tỉnh: Nếu có liền thay đổi, nếu không có thì cố gắng hơn. Nếu họ phê bình đúng, thật sự ta có lỗi, phải từ đó mà sửa đổi, cảm ân họ đã nhắc nhở. Nếu ta không có lỗi, càng cần phải cảm ân họ, bởi nhờ họ đưa ra thử nghiệm này mới giúp ta nâng cao cảnh giới của chính mình. Chẳng những ta cảm ân họ mà còn hồi hướng công đức tu học của mình cho họ, giúp họ giảm nhẹ khổ báo, đây là điều nên làm. Nếu là người không có trí tuệ chân thật, không thể nhận ra được tầng này.

Ngược lại nếu bị người hủy báng liền sinh tâm oán hận, sẽ sinh ra rất nhiều phiền phức! Tương lai oan oan tương báo không bao giờ dứt, khổ không thể xiết, hai bên đều đau khổ! Cho nên hiện tượng này xảy đến liền lập tức hóa giải không còn nữa. Học Phật bao nhiêu năm, đây là bản lĩnh nhỏ; thông minh nhỏ, nhất định phải có. Bản lĩnh nhỏ này nếu không có, vậy là uổng công học Phật rồi!

Trong Kinh Đại thừa thường xưng Bồ Tát là “nhân giả”, là người nhân từ. “*Nhân giả vô địch*”. Bồ Tát vĩnh viễn không đối lập với người và sự vật. Vì sao? Vì họ đã phá được biên kiến! Phần trước có nói: Bồ Tát vô nhân, vô ngã, vô chúng sinh, vô thọ giả; đây là Bồ Tát cơ bản. Còn có đối lập, đó chính là phàm phu, chưa đến ranh giới của Bồ Tát. Thân kiến, biên kiến, thành kiến đều buông bỏ, người này là chân Bồ Tát. Tuy chỉ là Bồ Tát nhỏ, nhưng đích thật họ không phải là phàm phu. Nên nhớ, phá được bốn tướng, bạn là Bồ Tát của cõi Phương Tiện; chưa phá bốn tướng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư.

Sách Hội Sớ lại nói đến mười Nhẫn như sau: “*Nhẫn có những công đức mà trì giới, khổ hạnh chẳng thể sánh bằng nổi. Người có thể nhẫn nhục đáng gọi là bậc đại lực. Nhẫn nhục cốt là để trị sân hận, nhưng nó cũng giúp ta đoạn trừ cả tam độc. Kinh Bảo Vân khi giảng về các pháp Bồ Tát tu tập đã nêu lên mười pháp, trong*

đó có Nhân Pháp. **Bồ Tát có mười pháp để an tịnh nơi Nhân.** Những gì là mười? Ấy là Nội Nhân, Ngoại Nhân, Pháp Nhân, Tùy Phậ Giáo Nhân, Vô Phương Sở Nhân, Tu Xứ Xứ Nhân, Phi Sở Vị Nhân, Bất Bức Nã Nhân, Bi Tâm Nhân, Thệ Nguyễn Nhân.

1. Thế nào là Nội Nhân của Bồ Tát?

Bồ Tát đâu bị đói, khát, lạnh, nóng, lo, buồn, đau đớn bức bách thân tâm vẫn tự cam chịu, chẳng thấy khổ não. Đây là Nội Nhân.

“Nội Nhân”, cũng là “An Khố Nhân” trong ba loại nhân phía trước đã nói. Người xuất gia sống rất thanh bần, đặc biệt là người xuất gia nương tựa đạo tràng tự viện. Qui củ khi mới xuất gia do cô nhân đặt ra. Trong “Bách Trượng Thanh Qui” gọi là “Mã Tổ kiến Tòng Lâm, Bách Trượng lập Thanh Qui”. Người mới xuất gia năm năm học giới. Nói như hiện nay, ở trong chùa làm công quả, phục vụ đại chúng năm năm. Sau năm năm mới không còn làm những công việc này nữa, để cho người mới xuất gia đảm trách. Thời gian năm năm đầu là tu phước tu tuệ, đâu có chuyện mới xuất gia đã có cơm tận miệng, nước tận tay, sống đời nhàn nhã tự tại như thế, không có đạo lý này!

Khi tôi mới xuất gia, ở trong chùa nhìn thấy có những người không biết tích phước, vì nhận sự cúng dường quá dễ, khiến họ tăng trưởng tập khí xa xỉ, lãng phí. Đây là tổn phước báo! Tôi từng nói rất nhiều lần: *Trong xã hội này ngành nghề nào cũng dễ, duy nhất ngành xuất gia không dễ! Vì sao? Vì chịu trách nhiệm rất lớn! Nhân quả báo ứng đều ở trong đó.* Bất luận tín đồ cúng dường nhiều hay ít, họ đều dùng chân tâm cúng dường, hy vọng tu phước. Chúng ta tu phước gì?! Nhận sự cúng dường này có thể tiêu hóa được hay không? Chư vị Cổ Đức nói “*Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi Tu Di, đời này*

không đạt đạo, mang lông đội sừng để trả?". Như vậy có thể tiếp nhận tùy tiện chăng?!

Chúng ta thấy hành nghi một đời của Tổ Sư Ấn Quang (ngài cách chúng ta chỉ khoảng sáu, bảy mươi năm mà thôi), ngài tiếp nhận tiền cúng dường của mười phương, một đồng ngài cũng không dùng đến, hoàn toàn đem ra để ấn tống kinh sách tu pháp Bồ Thái giúp người trồng phước. Ngài thành lập một nơi lưu hành kinh sách gọi là Hoằng Hóa Xã tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Khi gặp thiên tai như hạn hán, lũ lụt v.v... Ngài trích ra một phần trong khoản tiền in kinh để cứu tế. Ngoài việc này ra, không dùng bất cứ việc nào khác. Xây chùa chiền, không nghe nói Tổ Sư Ấn Quang xây dựng chùa chiền. Từ việc này chúng ta liền nghĩ đến: Tổ Sư Ấn Quang đối với vấn đề nhân quả, ngài rất xem trọng. Ngày nay, đa phần người xuất gia chúng ta đều sơ xuất.

Ngày xưa, khi mới xuất gia bất kể là xuất thân từ địa vị nào, xuất gia là bình đẳng, từ việc lao động nặng nhọc, cho đến việc bếp núc, may vá v.v... đều phải luân phiên làm hết. Cho nên ở trong chùa bất kỳ việc gì cũng biết làm. Hàng trưởng bối thường nói người xuất gia có ba cây dao: Cái thứ nhất là dao cạo tóc; thứ hai là dao làm rau, tự mình phải biết nấu ăn; thứ ba là cây kéo, phải biết may quần áo. Đây là cơ bản trong cuộc sống có thể không cần đến người khác.

Hiện nay, chùa chiền không như ngày xưa. Trước đây, trong chùa không có người ngoài làm công quả, mọi việc người xuất gia đều phải tự làm; cho nên, chú tiểu mới xuất gia, năm năm đầu rất gian khổ. Đây chủ yếu là tu phước báo, bằng không, khi mình già lấy ai chăm lo?! Ta từng chăm sóc cho người khác, đến khi tuổi già sẽ có người khác chăm sóc lại ta, điều này rất công bằng.

Ngày xưa, chùa có thu nhập kinh tế cố định, không dựa vào Phật tử, không tổ chức Kinh Sám Phật Sự, cũng không có Pháp hội.

Mỗi chùa đều có ruộng đất, có núi đồi, cho nông dân thuê trồng trọt, lấy tiền thuê, khi nông dân thu hoạch họ chia cho chùa một phần, cho nên sinh hoạt kinh tế trong chùa rất ổn định, tâm an thì đạo thịnh. Chùa thời nay không có bất động sản, kinh tế thu nhập có vấn đề cho nên phải dựa vào việc Kinh Sám Phật Sự và Pháp hội.

Đạo tràng này của chúng ta thù thắng hơn tất cả đạo tràng Phật giáo khác. Ở đây, bạn không cần phải ra ngoài quyên góp vận động, cũng không cần làm Kinh Sám Phật sự. Mỗi người ở đây đều có thể chuyên tâm nghiên cứu một môn kinh luận, nương chúng, dựa chúng, khuyến khích, sách tấn lẫn nhau, đặt ra thời khóa biểu, mục tiêu năm năm tôi phải hoàn tất những môn nào, phải phát nguyện mười năm không hạ sơn, chuyên tâm ở Đồ Văn Ba hoàn thành đạo nghiệp đây là Nội Nhẫn.

2. Thế nào là Ngoại Nhẫn của Bồ Tát?

“Bồ Tát nghe người khác dùng lời mắng chửi, nhục mạ, chê bai, hoặc nhục mạ đến cha, mẹ, vợ, con, anh em trai, chị em gái, thân quyến, hòa thượng, A-xà-lê, bạn bè đồng học hoặc nghe kẻ khác hủy nhục Phật, Pháp, Tăng, với bao nhiêu lời hủy nhục, chê bai như vậy, Bồ Tát đều nhẫn nhục, chẳng sinh nóng giận gọi là Ngoại Nhẫn”.

Chúng ta gặp những tình huống như trên có nhẫn chịu được không? Sau đó, tỉ mỉ mà suy xét: Chúng ta có được thành tựu hay không? Đúng như người xưa đã nói: Việc nhỏ không nhẫn thì hỏng việc lớn! Việc nhỏ không thể nhẫn, loại người này không có tiền đồ! Đây là khẳng định! Có người nói nhẫn nhục là có hạn độ. Đúng vậy! Cái hạn độ đó nói lên sức nhẫn chịu và sự thành tựu của bạn lớn hay nhỏ. *Nhẫn nhục của Phật, Bồ Tát không có hạn độ, cho nên thành tựu của các ngài thật quá vĩ đại không ai có thể sánh được. Người tu Bồ Tát đạo trong bất cứ tình huống nào đều phải nhẫn. Có nhẫn mới có thể hóa giải được mọi ngộ nhận, hóa giải đối lập, hóa giải sự*

xung đột. Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta phải hoan hỉ, cố gắng học tập. Trường hợp không thể nhẫn cũng phải nhẫn, đây là nhân thiện sẽ được quả thiện về sau.

3. Thế nào là Pháp Nhẫn của Bồ Tát?

“Với những nghĩa vi diệu do Đức Phật đã nói trong các kinh như chư pháp tịch tĩnh, chư pháp tịch diệt như tướng Niết Bàn... chẳng kinh, chẳng sợ, nghĩ như thế này: ‘Nếu ta chẳng hiểu nổi kinh này, chẳng biết được pháp này thì trọn chẳng đắc Bồ Đề’. Vì vậy Bồ Tát siêng cầu hỏi han, đọc tụng. Đây gọi là Pháp Nhẫn”.

Trong phần này Hòa Thượng Tịnh Không giải thích rất cặn kẽ và khai thị một số vấn đề như sau:

Pháp Nhẫn nghĩa là tu học Phật pháp phải có Nhẫn, đặc biệt là đối với Đại thừa.

Thông qua lịch sử một đời dạy học của Đức Thế Tôn, chúng ta có thể thấy được: Sau khi Đức Thế Tôn khai ngộ, ngài đến vườn Lộc Uyển độ năm vị tỳ kheo, đây là khởi đầu việc dạy học. Về sau học trò càng nhiều, có đến một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, những người này là đệ tử thường đi theo Phật. Mười hai năm đầu tiên, Phật giảng Kinh A Hàm, tức kinh điển Tiểu thừa. Trong Tiểu thừa đa phần là thế pháp, là Tục Đê; Chân Đê rất ít cho nên các pháp tịch tĩnh, pháp tịch diệt trong giai đoạn này Phật ít khi đề cập đến. Sau mười hai năm, kết thúc giai đoạn Tiểu thừa, Phật nói qua Phương Đẳng tám năm. Phương Đẳng ví như trung học dẫn dắt ta vào Đại thừa. Thật sự vào Đại thừa, Phật mới nói đến nghĩa vi diệu Bát Nhã; Bát Nhã ví như Đại học, Phật nói hai mươi hai năm; tám năm sau cùng Phật giảng Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn.

Kinh Pháp Hoa tương đương với nghiên cứu sơ. Giáo nghĩa của Kinh Pháp Hoa và Kinh Hoa Nghiêm là thông suốt, nhất trí. Tuy

Kinh Hoa Nghiêm nói sớm nhất, nhưng không ai biết đến vì Phật nói trong “Định”. Phạm phu chỉ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập định suốt hai mươi một ngày dưới cội Bồ Đề đâu biết rằng Phật đang giảng kinh trong Định cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, nhân số vô lượng vô biên. Người Tiểu thừa không nhìn nhận Kinh Hoa Nghiêm là do Phật thuyết. Vậy ai tạo ra? Bồ Tát Long Thọ truyền ra từ Long Cung! Bồ Tát Long Thọ có thể tạo ra Kinh Hoa Nghiêm sao?

Nếu có thể tạo ra Kinh Hoa Nghiêm thì người đó chính là Phật rồi! Không còn gì để nói nữa!

Chúng ta học Phật, nếu không có nhẫn nại lâu dài, làm sao có thể thành tựu?! Trong kinh nói: “*Nhẫn lực thành tựu*”, nhẫn được là thành tựu được, đây là Pháp Nhẫn của Bồ Tát. Người học Phật phải có thái độ như vậy: “*Nếu tôi không hiểu kinh này, không biết pháp này, vĩnh viễn không chứng được Bồ Đề*”. Phải thường có tâm này động viên chính mình; cho nên Bồ Tát cần cầu thỉnh giáo đọc tụng, nỗ lực tinh tấn cầu học.

Ngày xưa không có thuật in ấn, sách phải viết tay, điều này quá khó! Lúc đó số lượng sách rất ít! Hiện nay không cần lo điều này, điển tịch có được quá dễ. Trong Tịnh Tông Học Viện nhỏ bé này của chúng ta có mười hai Đại Tạng Kinh khác nhau, có mười bộ Tứ Khố Toàn Thư. Việc này ngày xưa không ai dám mơ tưởng. Hiện nay, có máy “photo”, vi tính, phương tiện biết bao, những thứ ta cần có thể đưa từ trong Tứ Khố vào vi tính in ra giống y như bản gốc, tiện lợi hơn cổ nhân rất nhiều. Vấn đề là chúng ta phải có tinh thần, sức nhẫn nại kiên trì học tập như cổ nhân vậy mới thành công.

- Hiện nay có người thành công chẳng?
- Có! Tôi từng thấy, cũng từng nghe qua.

Có mấy người tôi chưa từng gặp mặt, đều qua mạng internet, qua truyền hình vệ tinh, họ nắm bắt được bí quyết “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”, mười năm, tám năm họ thành tựu. Đương nhiên trong đây quan trọng nhất là hoàn cảnh tu học. Tôi cảm nhận một cách sâu sắc, người hộ pháp rất quan trọng; không có người hộ trì chúng ta rất khó thành công. Có người hộ pháp, bản thân ta phải nỗ lực tinh tấn, kiên trì học tập, nhất định sẽ thành công.

Ngày nay tôi nghĩ, chấp sự trong Học viện chúng ta, tức là nhân viên phục vụ, chúng ta phải mời họ để người xuất gia không cần làm gì cả, ngoài việc tu học. Tôi đứng ra cúng dường mọi người mười năm, mười năm các bạn thật sự hiểu, không khó! Nắm giữ ba nền tảng học văn cổ; văn cổ có thể dùng kinh điển để học, cũng có thể dùng tác phẩm của chư vị Tổ Sư đại đức như : Ấn Quang Đại Sư Văn Sao; của Đại Sư Ngẫu Ích; Đại Sư Liên Trì. Đây là những tác phẩm cuối nhà Minh, đầu nhà Thanh. Trúc Sông Tùy Bút của Đại Sư Liên Trì viết rất hay, không khó hiểu; Tông Luận của Đại Sư Ngẫu Ích; văn chương mỗi bài trong Linh Phong Tông Luận đều rất hay, người xuất gia chúng ta học những cuốn sách này. Phật tử tại gia muốn đến đây đọc sách cầu học, cũng hoan nghênh, chúng tôi đều phát tâm cúng dường.

Các bạn đến đây tâm an định, mười năm không ra khỏi cửa. Kinh luận Nho, Thích , Đạo chuyên tham cứu một bộ. Đạo giáo thì học Trang Tử, văn chương của Trang Tử hay, là tác phẩm hàng đầu. Đạo Đức Kinh của Lão Tử không dài, tám mươi một bài, tổng cộng chỉ có khoảng năm ngàn chữ. Học những bài văn này rất hay, đều có thể làm cơ sở nhập môn của văn cổ.

Chúng tôi là nửa đường xuất gia, không phải có nền tảng từ nhỏ. Có nền tảng từ nhỏ thì dễ hơn. Bây giờ chúng ta đều trên ba mươi, bốn mươi mới phát tâm, vẫn còn kịp! Bốn mươi tuổi phát tâm,

năm mươi tuổi ra hoằng pháp là vừa. Năm mươi tuổi phát tâm, sáu mươi tuổi thành tựu. Cư sĩ Lưu Tố Vân năm mươi lăm tuổi phát tâm sáu mươi lăm tuổi thành tựu, làm tấm gương tốt cho mọi người. Tôi đứng ra nghĩ phương pháp, bất luận tại gia hay xuất gia, lợi dụng đạo tràng này, mọi người đều cố gắng học tập, để các bạn buông bỏ vạ duyên, ở đây nhất tâm đọc sách cầu học, thành tựu cho các bạn.

Thế pháp hay Phật pháp, cổ nhân thường nói “Bất hiếu có ba, vô hậu lớn nhất.” “Hậu” ở đây không phải nhiều người. Số lượng không ngừng tăng lên nhưng không có thánh nhân xuất hiện, đây gọi là “vô hậu”, không có người thừa kế truyền thống văn hóa, không có người duy trì tuệ mạng Phật pháp; đây gọi là “vô hậu”. Chúng tôi phát đại tâm cúng dường hậu nhân. Thật sự phát tâm này, mọi công việc trong thường trụ tuyệt đối không để bạn làm, để bạn chuyên tâm tu học, học Nho giáo, Phật giáo, hay Đạo giáo đều được cả. Ngày nay “Nho-Thích-Đạo” đều thiếu nhân tài. Học “Nho-Thích-Đạo” phải giữ qui củ của tiên nhân. Nho giáo nói “Đạo dạy học quý ở chuyên”. Phật pháp nói “Nhất môn thâm nhập trường thời huân tu”. Tôi ở đây hoan hỉ, quan sát thành tựu của bạn. Hy vọng các bạn chú ý những gì tôi nói. Tôi không phải nói trò, nói chơi mà tôi thành tâm thành ý đang mong cầu các bạn thật sự phát tâm. Hoàn cảnh sinh hoạt phí hiện tại một năm của các bạn là bao nhiêu, đưa ra một tiêu chuẩn, tôi sẽ tìm người hộ pháp đứng ra hộ trì.

Đại học Nam Queensland, tôi tặng học bổng cho họ, mỗi sinh viên là một vạn trong một năm. Bốn năm tốt nghiệp, tôi tặng họ bốn vạn. Tôi giúp cho nam sinh viên không nhiều, một năm hai mươi vạn, cũng bốn năm tốt nghiệp.

Ở đây, Học Viện này, tôi ủng hộ các bạn thời hạn mười năm. Nếu một vạn một năm, một người là mười vạn; mười người là một trăm vạn; một trăm người một ngàn vạn, tôi vẫn có thể làm được.

Các bạn không cần làm gì cả ngoài việc tu học, giống như sinh viên ở trường. Đại chúng hộ pháp khắp mười phương, công đức này không thể nghĩ bàn! Thật ra, họ tiêu tiền cũng không nhiều. Nếu trong mười năm mỗi bạn đều thành tựu, họ chỉ dùng mười vạn mà đào tạo được một bậc Thánh nhân, điều này thật quá tuyệt! Công đức vô lượng! Tìm đâu ra?.

Thường trụ có sự thu thập này, có thể mời vài nhân viên làm việc cho đạo tràng, hoàn toàn phát lương. Mời vào làm việc, họ phải nỗ lực hộ trì, siêng năng làm việc. Nếu không lập chế độ, sợ tương lai lại bỏ phí mười năm này, như vậy thì thật đáng tiếc! Mười năm này để chúng ta kiểm điểm lại mình một cách sâu sắc: có vấn đề gì? Lỗi làm gì? Mất bò làm chuông cũng không đến nỗi trễ! Mười năm tương lai chúng ta nhất định phải nắm bắt.

Nếu chế độ này có được hiệu quả cao thì sự phát triển của nó ngày càng sẽ sáng lạn hơn. Theo tôi tương lai tự viện am đường không còn làm công việc Kinh Sách Phật Sự nữa, không còn tổ chức Pháp hội mà nỗ lực vì Chánh Pháp cứu trụ, đào tạo nhân tài, đào tạo giáo sư cho nền văn hóa truyền thống ưu tú. Đây là việc lớn quan trọng trước mắt của chúng ta, cũng là Pháp Nhãn của Bồ Tát.

4. Thế nào là Bồ Tát Tùy Phật Giáo Nhãn?

“Lúc Bồ Tát khởi tâm sân nã, ác độc, liền suy nghĩ rằng: thân này từ đâu mà sinh, từ đâu mà diệt? Nếu từ Ngã sinh thì Ngã là cái gì? Nếu từ cái khác sinh ra thì cái khác đó là cái gì? Pháp tướng cũng vậy, từ nhân duyên nào sinh ra? Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy, chẳng thấy sinh ra từ cái gì, cũng chẳng thấy duyên khởi từ cái gì, cũng chẳng thấy từ Ngã sinh, cũng chẳng thấy từ cái khác khởi, cũng chẳng thấy từ nhân duyên sinh. Suy nghĩ như vậy nên chẳng sân, cũng chẳng nã, cũng chẳng độc, sức sân nã liền giảm bớt. Đây gọi là Tùy Phật Giáo Nhãn”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: “*Tùy*” là tùy thuận, “*Giáo*” là giáo huấn. Làm thế nào tùy thuận giáo huấn của Phật Đà? Trong thế pháp, cầu học từ tiểu học, trung học, đại học đến tốt nghiệp tiến sĩ, tùy theo ngành học, phải mất ít nhất là hai mươi năm. Không có hai mươi năm nhẫn nại này thì học nghiệp của bạn không thể nào hoàn thành. *Trong Phật pháp cầu học không có niên hạn. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa, kinh Phật thường nói phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, một con số thiên văn, bạn có thể nhẫn chịu nỗi thời gian quá dài này chăng?*

Tôi năm xưa học Phật với lão cư sĩ Lý Bình Nam, nghe nói ông là người có đại trí tuệ, có đại tu hành, trong tâm tôi rất ngưỡng mộ, liền đến Đài Trung bái ông làm thầy. Trong sự việc này có hai người giới thiệu: Một vị là xuất gia, một vị là tại gia. Hai vị đại đức này giới thiệu tôi đến Đài Trung. Khi vừa gặp mặt, ông liền đưa ra ba điều kiện:

Thứ nhất, anh đến Đài Trung học với tôi, bắt đầu từ hôm nay chỉ nghe mỗi mình tôi giảng kinh nói pháp; ngoài tôi ra, bất cứ pháp sư, đại đức nào nói pháp cũng không được phép nghe!

Thứ hai, anh muốn xem văn tự, sách giảng, không luận là sách Phật hay sách thế gian, nếu không được sự đồng ý của tôi, không được phép xem!

Thứ ba, mấy năm trước, những gì anh đã học, tôi không thừa nhận! (một mực phế bỏ), bắt đầu ngày hôm nay học lại từ đầu! Ông nói: Anh có thể tiếp nhận hay không? Nếu có thể tiếp nhận thì tôi nhận anh; không thể tiếp nhận thì anh đi chỗ khác!

Nghe những lời này của ông, đích thật lúc đó tôi cảm thấy vì sao ông này cao ngạo đến thế?! Nghĩ lại, đã đến đây rồi, hơn nữa lại có hai vị đại đức đặc biệt giới thiệu, tôi đành tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận, ngữ khí của ông liền hòa ái hơn nhiều. Đây là “*Tùy Phật Giáo*”

Nhẫn”. Nếu không có “*Tùy Phật Giáo Nhẫn*” không thể nào có được thành tựu như ngày hôm nay. Sau này, tôi sâu sắc thể hội được đại đức xưa dạy học nghiêm khắc như vậy, đích thật là cao minh bất chúng ta phải y theo qui củ của các ngài, không ngoài mục đích giúp chúng ta “*một môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Dùng phương pháp này ràng buộc, khiến tâm chúng ta từ tạp loạn chuyển hướng đến tinh thuần.

Trải qua thời gian dài tu tập như vậy, bất tri bất giác đi vào thiền định. Thiền định không phải chèo chân quay vào vách mới xem là thiền định. “Thiền” là bên ngoài không dính tướng; “Định” là bên trong không động tâm. Thầy kỳ hạn tôi năm năm, chưa đến năm năm, khoảng năm thứ tư, tôi liền nói với thầy: Phương pháp này rất tốt, con bằng lòng làm mười năm, thầy mỉm cười! Đích thật phải có ít nhất mười năm, gốc mới chân thật cắm chắc và ổn định, không có mười năm, gốc của chúng ta không đủ sâu. Đây là “*Tùy Phật Giáo Nhẫn*”; việc này cần phải có công phu nhẫn nại rất lớn! “*Tùy Phật Giáo Nhẫn*” là những gì Phật dạy, ta phải thực hành. Trên đây là Phật dạy dùng phương pháp quán tưởng, quán pháp duyên sinh để đối trị với tâm sân nã, ác độc.

Trong Trung Quán Luận nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*”, khi duyên tụ thì có, duyên tán thì không còn; tụ tán vô thường! Khắp biến pháp giới, hư không giới, y chánh trang nghiêm trong cõi nước chư Phật cũng đều như vậy. Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thế Giới Hoa Tạng và phẩm Thế Giới Thành Tựu có nói về nguyên khởi của vũ trụ hư không từ đâu mà có? Hiện tại khoa học cũng đi theo phương hướng này: Vũ trụ vĩ quan, vật lý hư không; thế giới vi quan: Lượng tử lực học chính là trong Phật pháp nói đến A-lại-da. Giới khoa học công nhận toàn thể vũ trụ chỉ là tổ hợp của ba thứ: năng lượng, tin tức và vật chất. Ba thứ này phù hợp với trên kinh Phật nói về “Tam tế tướng” của A-lại-da là: nghiệp

tướng, chuyển tướng và cảnh giới tướng. Trong Hoàn Nguyên Quán, Quốc sư Hiền Thủ gọi là “xuất sanh vô tận”.

Sao gọi là “xuất sanh vô tận”? Đột nhiên tôi nhớ lại ống vụn hoa chơi hồi nhỏ. Trong ống vụn hoa chỉ có ba miếng vụn: màu hồng, màu vàng, màu lam; ngoài ra không có gì cả. Vậy mà khi xoay chuyển, nó biến hóa vô cùng, chính là hiện tượng này. Thế giới vi quan, phần trước chúng ta đã học: Vật chất nhỏ nhất trong chánh báo như đầu sợi lông; hạt bụi là vật chất nhỏ nhất trong y báo. Trên kinh Phật nói đến hạt bụi, mắt thịt chúng ta không thể thấy được.

- Vậy hạt bụi là gì?

- Trong khoa học gọi là nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, hạt vi lượng.

Ba mươi năm gần đây, khoa học vượt xa hơn một bước, phát hiện “vi trung tử”, vật chất nhỏ nhất không thể phân chia, phân chia nữa sẽ không còn, đây là trong Phật pháp gọi là “lân hư trần”, thể tích của nó là một phần trên một trăm ức (tức một phần trên mười tỷ) của một điện tử. Nói cách khác, một trăm ức hay mười tỷ “vi trung tử” mới tổ hợp thành một điện tử. Hiện tượng này trong không khí chúng ta không thể nào phát giác được!

Chúng ta biết: Hạt nhân nguyên tử giống như một Thái dương hệ, có rất nhiều điện tử vây quanh; thật sự giống như một mô hình tiểu tinh hệ trong đó có mặt trời, có hành tinh bao quanh mặt trời, có vệ tinh bao quanh hành tinh. Nguyên tử đúng là mô hình nhỏ của vũ trụ. Tốc độ dao động của “vi trung tử” rất nhanh, giới khoa học không xác định được.

Nhưng trên kinh, Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một khay móng tay có ba mươi hai ức một trăm ngàn niệm. Nếu trong một giây khay được năm lần thì tần suất chấn động của nó là một triệu sáu trăm lần,

mỗi lần là thời gian sinh diệt của nó. Phật bảo: Trong mỗi lần sinh diệt đó có đủ cả “thành-trụ-hoại-không”, điều này càng không thể nghĩ bàn! Đó gọi là “*sát-na sinh diệt*” bất khả đắc! Phật còn nói: Trong vật chất nhỏ này chứa cả đại thiên thế giới; đại thiên thế giới không thu nhỏ lại; vật chất nhỏ này cũng không phóng to; nó có thể hỗ tương, “*tương tức tương dung*”. Điều này cũng thật không thể nghĩ bàn! Đây là chân tướng, thật tướng của vạn pháp trong vũ trụ.

Nếu không có khoa học hiện đại chứng minh chắc chúng ta không thể hoàn toàn tin tưởng những lời Phật dạy trong kinh, mặc dù biết rằng Phật, Bồ Tát không có vọng ngữ, nhưng sự việc này quá vượt khỏi tầm nhận biết của chúng ta! Đức Phật dạy: “*Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh*”. *Tâm địa chúng ta chân chánh, lương thiện, từ bi, nhẫn nhục thì mọi hiện tượng vật chất đều biến thành tốt đẹp nhất. Nếu tâm tự tư tự lợi, tham sân si mạn, sát đạo dâm vọng thì những vi điểm, vật chất nhỏ bé này sẽ theo ý niệm chúng ta mà sinh ra độc bệnh, biến thành bệnh truyền nhiễm lan khắp trong không khí. Đây là vấn đề nghiêm trọng nhất trong đại thiên tai! Nó không phải núi lửa, không phải động đất mà là những thứ này! Chúng ta không thể không biết.*

Thân chúng ta có bệnh tật, đây là nói về “*nội nhân*”. Có “*Nội Nhân*”, công phu này cũng không tệ! Nhưng làm cách nào để hóa giải những bệnh tật này? Chính là từ ý niệm! *Phải buông bỏ, cải sửa ý niệm sai lầm, tư tưởng sai lầm, nhận định sai lầm. Trong tâm phải thường nghĩ đến luân lý, đạo đức, nhân quả.*

Tóm lại, *nhẫn nhục Ba-la-mật* là then chốt của tu hành và cầu học, nó quyết định sự thành, bại của chúng ta. Có nhẫn lực chắc chắn sẽ thành tựu; không nhẫn được, không thể thành công!

5. Thế nào là Bồ Tát Vô Phương Sở Nhẫn?

“Trong Kinh nói: Có người ban ngày có thể nhẫn, ban đêm không thể nhẫn, hoặc có lúc đêm nhẫn được, ngày không nhẫn được. Có người ở nơi đây có thể nhẫn, đổi một hoàn cảnh khác thì không thể nhẫn. Hoặc nhẫn được bậc tri thức nhưng không nhẫn được với kẻ chẳng phải là tri thức. Bồ Tát chẳng giống vậy: Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, thường sinh tâm nhẫn, nên gọi là Vô Phương Sở Nhẫn”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Phương” là bốn phương; “Sở” là sở tại. “*Vô Phương Sở Nhẫn*” là không có lúc nào, nơi nào, việc gì mà không thể nhẫn. Người bây giờ đều cảm nhận một cách sâu sắc: Môi trường sống không tốt, bất luận hoàn cảnh vật chất hay đời sống tinh thần đều không thể hoàn toàn như ý, khổ nhiều vui ít!

- Khổ từ đâu mà có?

- Điều tự làm tự chịu! Không phải người khác gây cho ta mà bản thân ta ngày ngày đang tạo!

Những gì ta đang lãnh chịu, trong Phật Giáo gọi là “*hoa báo*”, như thực vật nở hoa trước, sau mới có quả. Nếu hoa hiện tại của chúng ta không tốt, quả báo đời sau sẽ rất đáng sợ! Hoa hiện tại tốt, quả báo đời sau nhất định tốt. Nếu lo lắng, phiền não nhiều, đây không phải là việc tốt! Chứng tỏ chúng ta cách ba đường ác không xa! Nếu tâm địa thanh tịnh, hỉ lạc nhiều như vậy rất tốt sẽ đến thiên đường! Nếu mỗi ngày thường xuyên nhớ Phật, niệm Phật, sẽ đến gần Phật A Di Đà, có hy vọng vãng sinh Cực Lạc.

“Nhẫn” biểu hiện ở “*Lễ kính chư Phật*” trong hạnh Phổ Hiền: Bình đẳng cung kính, bình đẳng tán thán, bình đẳng cúng dường; không bình đẳng thì không phải Phật đạo.

Người khác có gạt ta, ta quyết không thể gạt họ. Người khác nhục mạ ta, ta quyết không thể nhục mạ họ. Vì sao? Họ đang mê muội, chưa có giác ngộ! Hiện tại ta chưa giác ngộ nhưng ta đang học Phật. Phải lấy Phật là tấm gương giác ngộ tốt nhất để chúng ta học tập. Ở Phật, không việc gì mà không thể nhẫn nại, đây gọi là “*Vô Phương Sở Nhẫn*”.

6. Thế nào là Bồ Tát Tu xứ xứ Nhẫn?

“Có người nhẫn chịu được cha mẹ, sư trưởng, thế thiếp, con cái, kẻ lớn, người nhỏ, thân thuộc nội ngoại, nhưng chẳng thể nhẫn được kẻ khác. Lòng Nhẫn của Bồ Tát chẳng như vậy, nhẫn chịu hạng Chiên-đà-la hết như nhẫn chịu cha mẹ. Đây gọi là Tu Xứ Xứ Nhẫn”.

“*Chiên-đà-la*” là tiếng Phạn, là một tộc quần ti tiện nhất thời ở Ấn Độ xưa, hiện tại chúng ta gọi là nô lệ. “*Nhẫn chịu hạng Chiên-đà-la hết như nhẫn chịu cha mẹ*”: Đây là đối đãi bình đẳng, trong Phật pháp gọi là “*Tu Xứ Xứ Nhẫn*”. Do đây có thể biết: Cái “*Xứ Xứ Nhẫn*” này là ở trong hoàn cảnh nhân sự, còn “*Vô Phương Sở Nhẫn*” chủ yếu là tâm nhẫn nại đối với cảnh giới bên ngoài trong tất cả không gian và thời gian.

7. Thế nào là Bồ Tát Phi Sở Vị Nhẫn?

“Chẳng vì sự mà nhẫn, chẳng vì lợi mà nhẫn, chẳng vì sợ mà nhẫn, chẳng vì chịu ân người khác mà nhẫn, chẳng vì bạn bè thân thiết mà nhẫn, chẳng vì thẹn thùng mà nhẫn (Bất dĩ sự có sinh nhẫn, bất dĩ lợi có sinh nhẫn, bất dĩ úy có sinh nhẫn, bất dĩ thọ tha ân có sinh nhẫn, bất dĩ tương thân hữu có sinh nhẫn, bất dĩ tầm quý có sinh nhẫn). Bồ Tát luôn tu nhẫn, đây gọi là Bồ Tát Phi Sở Vị Nhẫn”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: “*Nhẫn*” là đức hạnh trong tu hành của Bồ Tát. Bồ Tát nhẫn một cách rất tự nhiên, vô điều kiện. “*Phi Sở Vị*” là vô điều kiện, “*có sở vị*” là có điều kiện. Phạm hễ

“*Có sở vị*” đó không phải là nhẫn nại chân thật, là có ý đồ, có mục đích, đây không phải là giáo huấn của Phật Đà. Giáo huấn của Phật Đà dạy chúng ta nhẫn không có ý đồ, không có mục đích. “*Có sở vị*”, trong nhà Phật gọi là pháp hữu vi; pháp hữu vi thành tựu cao nhất chỉ là Tương Tợ vi, cũng xem là không dễ dàng rồi. Trong “*Tương Tợ vi*”, “*Chân Thật vi*” không có phần! Chúng ta phải học chư Phật, Bồ Tát; các ngài vì tất cả chúng sinh khổ nạn, trong tâm không có dính tướng, là vô điều kiện mà làm. Các ngài không cần thù đáp, danh vọng lợi dưỡng thấy đều không cần, tâm địa thanh tịnh không hề lưu lại dấu vết. Đây gọi là “*Vô sở vị nhi vi chi*”, cũng chính là “*Phi Sở Vị Nhẫn*”.

Xã hội hiện nay: Mọi lúc, mọi nơi, mọi người, mọi sự đều đang thử thách chúng ta. Thử thách điều gì? Xem rốt cuộc ta có nhẫn được hay không? Nếu thật sự nhẫn được thì như như bất động, đây là Định; rõ ràng minh bạch không chút hồ đồ đó là trí tuệ; bám chặt kinh điển, giáo huấn của thánh hiền, đó là giới luật. Cho nên, hoàn cảnh hiện tại đối với người trí tu hành chân chánh là hoàn cảnh tốt giúp họ nâng cao cảnh giới rất nhanh. Ngược lại, đối với người mê, giải đãi, biếng nhác, đó là hoàn cảnh không tốt! Vì sao? Vì họ theo đó mà đọa lạc! Gặp cảnh không xứng tâm mãn ý liền khởi oán hận, phiền não bất bình, việc này không như ý, việc kia không như ý, họ đến đâu cũng không như ý! Vì sao? Vì số mạng họ như thế! Không phải nói đổi một hoàn cảnh mới sẽ tốt, không phải vậy!

Phải nhớ mãi lời Phật dạy “*cảnh tùy tâm chuyển*”. Nếu tâm tốt, đi đến đâu hoàn cảnh cũng tốt. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhược năng chuyển vật tức đồng Như Lai*”, bị hoàn cảnh chuyển là phạm phu. Hoàn cảnh thế gian hiện nay đi đâu để tìm cảnh của Phật, Bồ Tát?! Không tìm thấy! Toàn là ô nhiễm nghiêm trọng! Hiểu rõ đạo lý này, ở yên ổn một nơi, tâm thanh tịnh, tương lai hoàn cảnh nơi đây cũng dần dà thanh tịnh. Nên nhớ: *Bồ Thí có thể tích lũy công*

đức; nhẫn nhục có thể duy trì công đức. Công đức tích lũy bao lâu, vừa nổi giận liền bị đốt sạch hết! Cho nên, tu tích công đức không khó, nhưng gìn giữ được công đức quả thật không dễ! Phải tư duy nhiều về đạo lý này, cố gắng thực hiện cho bằng được “*Phi Sở Vị Nhẫn*” của Bồ Tát.

8. Thế nào là Bồ Tát Bất Bức Não Nhẫn?

“Nếu đã có nhân duyên gây sân hận nhưng phiền não chưa khởi thì chẳng gọi là Nhẫn. Nếu lúc gặp phải nhân duyên gây sân hận như dao vung, gậy đập, tay đâm, chân đá, ngoác miệng chửi bới, chính ngay lúc đó mà tâm chẳng động, mới gọi là Nhẫn. Đây gọi là Bồ Tát Bất Bức Não Nhẫn”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Điều đầu tiên nói rõ, giả như gặp phải nhân duyên gây ra sân giận, nhưng phiền não chưa khởi, hành vi của sân giận không có, chỉ có ý niệm, như vậy không gọi là nhẫn. Kế đến, nếu gặp phải nhân duyên gây sân hận như: quyền đánh, đao trượng, tay đâm, chân đá, chửi bới v.v... vẫn không hề động tâm, đây gọi là nhẫn. Lúc này cần phải nhẫn! Vì sao? Vì nếu không nhẫn, lập tức khởi xung đột, khiến đôi bên đều bị tổn hại. Hóa giải xung đột, phương pháp tốt nhất chính là nhẫn.

Khi tôi chưa học Phật, sau khi kháng chiến thắng lợi, đi học tại Nam Kinh. Cùng lớp với tôi có ba lớp: A, B, C. Lúc đó tôi học năm thứ ba cấp hai. Cùng khối khác lớp, tôi học lớp A, người bạn tôi học lớp B, chúng tôi thường chơi với nhau. Lúc trẻ tôi rất thích trêu đùa bạn bè. Trong trường tổ chức cuộc thi vẽ tranh, đề mục là vẽ phong cảnh trường mình. Tác phẩm của tôi được xếp thứ ba trong cuộc thi toàn trường. Có rất nhiều bạn học đến khen ngợi, tôi nói với họ: Bạn biết vì sao tôi đứng thứ ba chẳng? Họ nói: Vì bạn vẽ đẹp! Tôi nói: Không phải tôi vẽ đẹp mà nội dung bạn vẽ đều là trạng thái tĩnh, như cây cỏ, hoa lá, kiến trúc trường học. Riêng tôi không phải!

Tôi vẽ bạn mình đang vẽ, là vẽ động vật, tôi chế điều bạn đó như thế. Bạn đó nghe xong cũng không tức giận, nên chúng tôi không phát sinh xung đột. Tình huống như bạn đó không gọi là Nhẫn.

Người bạn này thường khen tôi sau lưng, nhưng tôi thì vẫn thường đưa bạn ấy vào trường hợp bối rối. Sau thời gian một năm, tôi bị bạn này cảm động, liền đến xin lỗi và sám hối với bạn. Thật đáng nể! Từ bản thân bạn đó trong vòng một năm đã dạy tôi biết nhẫn nhục Ba-la-mật. Từ đó về sau tôi có thể nhẫn. Sau này, ở Đài Loan làm việc tại cơ quan nhà nước. Có lần gặp một việc hiểu lầm, tôi hoàn toàn không có ác ý, là do ngôn ngữ, thái độ khiến một đồng sự ngộ nhận. Anh ta lớn tiếng mắng nhiếc, tay đập chân đá tôi, tôi không nói lời nào, cứ để anh ta đánh, không đánh trả; anh ta đánh tôi ngã xuống đất, tôi làm như không có việc gì xảy ra, anh ta dù muốn đánh nữa cũng không đánh được! Bên cạnh đó có một đồng sự kéo dây khuyên nhủ, anh ta liền bỏ đi; hôm sau liền đến xin lỗi tôi, nói mình quá lỗ mãng. Tôi nói: Anh rất giỏi! Cách một ngày đã biết xin lỗi. Tôi trước kia bắt nạt bạn học, một năm sau mới biết xin lỗi họ, anh giỏi hơn tôi nhiều; không những không kết oán thù còn trở thành bạn tốt.

Thế nên, chỉ trong một niệm, nếu không học được bản lĩnh này, nhất định khởi xung đột thì sự việc đã nghiêm trọng rồi! Nhất định phải nhẫn! *Nhẫn không phải là thua đối phương, nhẫn là thật sự chiến thắng!* Đây là việc nhỏ trong cuộc sống hàng ngày chúng ta vẫn thường gặp phải. Trong xã hội, xung đột chủng tộc, xung đột quốc gia v.v..., đa phần đều do việc nhỏ không nhẫn mà hư việc lớn, phải trả một giá rất thảm khốc! Kết thâm thù đại hận, đây là sai lầm lớn!

Sau khi học Phật, chúng ta được thọ dụng biết làm thế nào để hóa giải xung đột, Nhẫn điều mà người khác không nhẫn được,

làm điều mà người khác không làm được, đây là đệ tử giỏi của Phật, Bồ Tát. Trước khi Phật diệt độ, ngài để lại hai câu: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Giới luật chính là người thầy. Nói cách khác, bất luận là tại gia hay xuất gia, tôn trọng giới luật chính là tôn trọng Phật. Tôn trọng Phật chính là đang trì giới; không trì giới chính là không tôn trọng Phật! Ngày ngày có cúi đầu lễ lạy cũng vô ích, lạy sói trán chỉ hoài công! Không tương ưng!

Bồ Tát Bất Bức Não Nhãn, tuyệt đối không bức não người khác, không làm tổn thương người khác, bất luận trong tình huống nào. Cho dù người khác có làm tổn thương, Bồ Tát vẫn tha thứ cho họ, biết họ không hiểu hoặc không có ai dạy họ hoặc có người dạy nhưng vì phiền não, nghiệp chướng tập khí của họ quá sâu nên không thể học được. Điều này phải nhìn từ căn bản tập tánh, không phải bản tánh. Họ bất hiếu cha mẹ, không tôn trọng Thánh hiền, không yêu thương bản thân, người này trong kinh Phật gọi là kẻ đáng thương. Đối với kẻ đáng thương thì không nên tính toán, nếu tính toán thì bạn hơi quá đáng! Cần phải tha thứ cho họ. Hành nghiệp của họ tạo trong đời này, quả báo là ba đường ác. Cho nên, người hiểu biết, có đức hạnh, có trí tuệ nhất định thương xót những chúng sinh này.

- Có người từng tiếp thu giáo dục, học Phật rất tốt, thậm chí giảng kinh thuyết Pháp, thính chúng đều khen ngợi. Nhưng nếu họ nổi giận tay đấm, chân đá, việc này phải giải thích thế nào?!

- Họ không có gốc rễ! Người này nên tha thứ cho họ.

Dù họ học tốt đến đâu nhưng không có gốc rễ, cảnh giới hiện tiền vẫn dễ dàng khởi xung đột, vẫn dễ dàng phát tác! Người có gốc rễ vững chắc có thể nhẫn chịu; đối với cảnh giới bên ngoài không khởi tâm, không động niệm, tâm như hồ nước lặng, đạo nghiệp người này hầu như đã thành tựu. Hiểu rõ đạo lý này mới biết vì sao cổ thánh

tiên hiền; chư Phật, Bồ Tát xem trọng nền tảng của việc tu học như vậy.

Hiện nay, chúng ta đều cho rằng điều này không quan trọng, học “Đệ tử qui” làm gì, đó là việc của trẻ con, học hay không cũng không sao! Do vậy mà ngũ giới, thập thiện đã học bao nhiêu năm vẫn không thực hiện được điều nào! Không phải không muốn học, rất muốn học, chỉ là không làm được! Nguyên nhân là không có căn bản. Căn bản của ngũ giới, thập thiện chính là “Đệ tử qui” và “cảm ứng thiên”, chúng ta đối với nền tảng này quả thật không có ý hướng tu học, mắt chúng ta chỉ nhìn thấy đỉnh cao nhất mà quên đi phần căn bản sẽ không thể nào thành tựu! Cho nên không thể không nỗ lực học tập bù đắp.

9. Thế nào là Bồ Tát Bi Tâm Nhân?

“Lúc ấy nếu Bồ Tát làm vua hoặc là bậc giống như vua có công nghiệp lớn, vì chúng sinh khổ nên làm chúa họ. Nếu lúc bọn chúng sinh ấy đến mạng chửi, xúc phạm, Bồ Tát chẳng cậy mình là chúa bọn họ mà sinh sân hận (tự nhủ) ta phải cứu vớt những chúng sinh như thế, thường bảo vệ chúng, chứ lẽ đâu lại sinh nóng giận? Thế nên, nay tâm ta bi mẫn thương xót chẳng sinh nóng giận. Đây gọi là Bồ Tát Bi Tâm Nhân”.

Nên biết cho dù chúng ta có làm rất nhiều việc tốt để lợi ích chúng sinh. Nhưng hạnh nghiệp mỗi chúng sinh không tương đồng, không thể có chuyện hoàn toàn như ý người nên nhất định sẽ có người không vừa ý, họ sẽ phê bình hoặc phỉ báng người lãnh đạo. Nếu không phải Bồ Tát mà là phàm phu, phản ứng của họ là dùng pháp luật để trừng phạt những người này. Điều này thường xảy ra trong lịch sử, khép họ vào tội phản nghịch, xử tử hình. Phật, Bồ Tát làm vua, khi nghe những ngôn luận của nhân dân về mình, bản thân họ liền nỗ lực tự kiểm điểm, xem mình có sai sót gì thì lập tức sửa

đổi; nếu không có thì càng cố gắng hơn. Đây là vị minh quân thánh vương, không tùy tiện giết người, luôn dùng giáo dục, dùng đạo đức cảm hóa nhân dân, vị quốc vương như thế, nhất định đã từng tiếp thu nền giáo dục ưu việt của Phật Đà hay của Thánh hiền, mới có thể làm đến được như vậy.

Nghe người khác phê bình ác ý, không khởi tâm sân giận, trái lại còn cảnh giác sợ mình làm sai sẽ khiến nhân dân gánh khổ, chịu nạn, đây là lỗi làm của họ! Minh quân Thánh Vương nhất định khiến nhân dân sống vô lo, ngày nay gọi là an hòa lợi lạc. Tôi tin rằng: Người lãnh đạo của mỗi quốc gia đều muốn theo đuổi một xã hội này. Cổ thánh tiên hiền làm được; Phật, Bồ Tát làm được; chúng ta vì sao không làm được?! Điều kiện tiên quyết là phải buông bỏ tư tự lợi; không buông bỏ điều này thì hoàn toàn không làm được!

Trung Quốc thời cổ đại, có thể nói các triều đại Đé Vương khai quốc họ đều làm được rất tốt, mới truyền được mấy mươi đời. Thời nhà Thương truyền ba mươi mốt đời, thời nhà Chu truyền ba mươi bảy đời. Chúng ta thấy có rất nhiều người một đời cũng không giữ được. Lúc trẻ họ rất phát đạt, đến mười mấy hai mươi năm sau không còn nữa, tiêu tan hết, người mất nhà tan!

- Nguyên nhân vì sao?

- Vì họ thông minh mà không có đạo đức! Vừa thông minh, vừa có đạo đức mới có thể truyền thừa. Người thời nay, tin vào khoa học, không tin luân lý đạo đức, không tin cổ thánh tiên hiền, cũng không tin Phật, Bồ Tát, cho nên sự nghiệp của họ rất khó bảo toàn, dù chỉ một đời!

“Bi Tâm Nhẫn”, trong “Tịnh Nghiệp tam phước” điều sau cùng, câu thứ nhất dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm. Tâm Bồ Đề chính là tâm Đại Bi. *Tâm Bồ Đề biểu hiện thực tiễn trên sự tương chính là yêu thương vô điều kiện, yêu thương tất cả chúng sinh vượt hơn hẳn*

cả chính mình. Phải nhận thức rõ ràng: Tâm này nếu không thể thực hiện được như trên, đó chính là tâm Bồ Đề chưa phát! Phát tâm Bồ Đề không phải chỉ ở ngoài cửa miệng. Từ trong kinh luận, Phật đã nói: Thể của tâm Bồ Đề là chân thành. Tự thọ dụng của tâm chân thành, danh từ Phật học gọi là “thâm tâm”; “thâm tâm” là hiếu thiện, hiếu đức. Cái “hiếu” này là ưa thích, kiên trì một phương hướng, một mục tiêu mới có được thành tựu.

Ngày nay, làm việc tốt cũng bị người mắng, sĩ nhục; làm việc xấu lại được người khen, giúp đỡ. Làm việc tốt chẳng những họ không giúp mà còn muốn phá hoại! Việc này xem ta có nhẫn được hay không?! *Nếu vô tình hay cố ý có chúng sinh đến mắng chửi, xúc phạm, chúng ta cũng phải nhẫn chịu, chỉ khởi tâm bi mẫn thương xót họ mà chẳng sinh tâm nóng giận. Đây gọi là “Bồ Tát Bi Tâm Nhẫn”. Chính mình không có tâm hiếu thiện, hiếu đức, đối với người khác, không có tâm yêu thương vô điều kiện, đây là bạn chưa có “Bi Tâm Nhẫn”, tâm Bồ Đề của bạn chưa phát khởi!*

10. Thế nào gọi là Bồ Tát Thệ Nguyện Nhẫn?

“Bồ Tát nghĩ như sau: Ta trước đây từng đối trước chư Phật hiện su tử hống phát thệ nguyện rằng: - Con sẽ thành Phật, ở trong đâm lây sinh tử để cứu vớt các chúng sinh khổ sở. Mình nay muốn cứu vớt họ thì chẳng nên nóng giận làm khổ họ. Nếu mình chẳng nhẫn được thì còn chẳng độ nổi chính mình, huống là lợi lạc chúng sinh”.

Điều này rất khó! Một khi đã phát nguyện thì phải thực tiễn. Muốn thực tiễn, đòi hỏi bạn phải có công phu nhẫn nại tu trì. Rõ ràng nhất “*Tứ Hoảng Thệ Nguyện*”, đồng tu học Phật, không luận là tại gia hay xuất gia; thời khóa sớm tối ngày ngày đều ở trước mặt Phật, Bồ Tát phát ra lời nguyện này: “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ;*

phiền não vô tận thế nguyện đoạn; Pháp môn vô lượng thế nguyện học; Phật đạo vô thượng thế nguyện thành". Thử hỏi:

- Bạn đã thực hiện chưa?
- Một điều cũng không thể thực hiện!
- Nguyên nhân vì sao?
- Vì không có "*Thệ Nguyện Nhẫn*"!

"**Nhẫn lực thành tựu**" (Thành tựu nhẫn lực): Chúng ta xem thấy trên kinh nói mười loại Nhẫn này, thành thật mà nói: Một chính là mười; mười chính là một. Nếu thành tựu được một điều thì chín điều kia thay đều đầy đủ; một điều không có thì chín điều kia cũng không có! Kinh Kim Cang nói: "*Tất cả pháp đắc thành ở nhẫn*". Ngày nay, chúng ta tu hành, công phu không có lực! Tu hành đã lâu, cầu sinh Tây Phương Cực Lạc, tin tức vẫn mờ mịt! Thử hỏi:

- Chúng ta có nắm chắc chưa?
- Chưa được! Vẫn không nắm chắc!
- Vì sao người trước tu ba đến năm năm thì thật có nắm chắc; ngày nay chúng ta tu ba đến năm mươi năm vẫn không nắm chắc, là do đâu?!

- Không có công phu nhẫn nại! Mới biết nhẫn nại quan trọng đến dường nào! Thế nhưng, trước khi "*nhẫn lực thành tựu*", trong bốn kinh có nói ra một số điều kiện tiên quyết, đó là: "*Bất kể chúng khổ, thiếu dục tri túc*" (Chẳng nề hà các khổ, ít ham muốn, biết đủ), đây đều phải nhẫn nại.

- Ham muốn hưởng lạc, không thể chịu khổ, con người này không có nhẫn nại; nói cách khác, họ không có thành tựu; cho dù có thành tựu cũng rất có hạn. Tám chữ này rất quan trọng, chúng ta

quyết không thể xem thường. Ở đây, Bồ Tát Pháp Tạng trọn vẹn các Nhẫn, nên bảo là “*nhẫn lực thành tựu*”.

Trước đây tôi đề xuất năm khoa mục: Tịnh độ tam phước, Lục hòa kính, Tam học, Lục độ, Phổ Hiền thập nguyện, đến nay ít nhất cũng đã ba mươi năm.

- Ba mươi năm qua có ai làm theo chẳng?

- Có! Nếu không có ai thực hành theo, ngày nay Tịnh Tông đâu được chư Phật hộ niệm, thiên thần ủng hộ.

Chi cần có hai, ba người y giáo phụng hành “*nhẫn lực thành tựu*”, chúng ta đều nhờ hào quang của họ. Bộ chú giải Kinh Vô Lượng Thọ này đích thật là bộ kinh điển hàng đầu, độ chúng sinh trong chín ngàn năm thời mạt pháp. Muốn học tập, học trong CD cũng có thể thành tựu, như cư sĩ Lưu Tố Vân là tấm gương điển hình nhất. Bà ở nhà một mình, chỉ một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, tất cả nghiệp chướng nặng nề của bà đều tiêu hết. Bà mắc bệnh lao da ban đỏ còn nghiêm trọng hơn bệnh ung thư. Bác sĩ nói bà có thể chết bất cứ lúc nào. Bà không hề sợ hãi, chỉ nhất tâm nhất ý cầu vãng sinh Tịnh Độ. Hơn một tháng sau thì bệnh lành, bà càng khởi tín tâm.

Bà có thể thành tựu, chúng ta cũng có thể thành tựu. Ở đây, Bồ Tát nghĩ: “*Ta từng đối trước chư Phật phát thệ nguyện: Khi con thành Phật (vãng sinh chính là thành Phật), sẽ ở trong bùn lầy sinh tử (bùn lầy là ví cho con đường rất khó đi) để bạt trừ khổ nạn cho chúng sinh. Nếu ta không nhẫn không thể tự độ huống hồ làm lợi ích cho chúng sinh!*”. Muốn hành Bồ Tát đạo phải biết “*lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”; làm được hai điều này mới có thể lợi ích chúng sinh; khổ tự mình chịu, vui nhường cho người.

Trước đây tôi cầu học ở Đài Trung, gặp rất nhiều nghịch duyên, nếu không nhẫn thì cũng không thể thành tựu. Dù hoàn cảnh ác liệt đến đâu, người ta có xem thường tôi, hủy báng, sỉ nhục tôi đều phải tiếp nhận. Nếu không tiếp nhận, nổi giận bỏ đi nghĩa là đã cắt đứt cơ duyên học tập của mình! Đến đâu để học?! Đến đâu để tìm được người thầy như thầy Lý?! Tìm không ra! Dù có, họ cũng không chịu dạy! Thầy phải chịu dạy mới được!

Lúc tôi ở Đài Trung, mấy người quan tâm chăm sóc tôi, tôi thể hiện rõ thái độ: Chỉ cần thầy Lý không bảo tôi đi, bất kỳ ai gây khó khăn cho tôi, tôi đều tiếp nhận, tuyệt đối không đi. Nếu sở học thành tựu, tự nhiên tôi sẽ đi, chưa học xong tôi không đi. Tôi ở Đài Trung tròn mười năm, sau cùng học xong bộ Kinh Hoa Nghiêm tôi mới ra đi. Rời Đài Trung, tôi đến Đài Bắc giảng Kinh Hoa Nghiêm lần đầu tiên, tôi nhớ năm đó là năm Dân Quốc sáu mươi. Thành tựu này của tôi đều do sức nhẫn nại rất lớn, bằng tất cả tâm chân thành, cung kính học tập, sự nghiệp học tập là phụ, đức hạnh mới là hàng đầu. Do vậy mà đối với tất cả mọi chướng nạn đó tôi đều cảm ân. Vì sao? Vì họ đang thử thách tôi! Mỗi cử ải tôi đều thuận lợi thông qua!

Ở Đài Trung, hoạt động Phật Giáo của thầy Lý, chính qui chỉ có hai lần: Giảng kinh hai tiếng đồng hồ, bao gồm cả phiên dịch; trên thực tế chỉ có một tiếng. Dạy học mỗi tuần một lần ba tiếng. Nói cách khác, môn học Phật một tuần chỉ có bốn tiếng. Rất nhiều người đến Đài Trung ở một, hai tháng hoặc ba, bốn tháng là ra đi. Vì sao? Vì thời gian học quá ít, cần phải ở đây thời gian rất dài, họ chịu không được đành ra đi! Không đi chỉ có mỗi mình tôi. Vì sao tôi không đi? Thầy dạy một tuần bốn tiếng, đối với tôi mà nói thì rất thích hợp. Tôi có thể tiêu hóa tất cả những gì mình học được. Nếu một tuần, thầy giảng mười tiếng, hai mươi tiếng, tôi tiêu hóa không nổi, đây là thật!

Mỗi lần trước khi nghe giảng, công việc chuẩn bị của tôi ít nhất là mười tiếng đồng hồ làm công tác chuẩn bị. Tôi tìm tài liệu tham khảo, xem trước thật kỹ càng, sau đó mới nghe thầy giảng. thầy giảng có điều nào giống hoặc không giống với chú giải của chư vị Tổ sư đại đức? Vì sao thầy giảng như vậy? Nghiền ngẫm những vấn đề này. Nói cách khác, mỗi tuần học tập của tôi có sở đắc, pháp hi sung mãn. Họ học tập khác tôi, chỉ là đến để nghe thầy giảng kinh, viết lại lời giảng của thầy. Tôi không như vậy! Thầy biết nên không cho phép tôi ghi chép bài, khi nghe giảng chỉ cần chuyên tâm lắng nghe, không cần ghi chép lại. Vì sao? Vì cảnh giới mỗi năm không giống nhau, bài viết này sẽ hoàn toàn vô dụng, lãng phí rất nhiều thời gian lại bị phân tâm. Chỉ cần chuyên chú lắng nghe, nghe hiểu thì tốt, không hiểu cũng đừng nghiên cứu, cứ tiếp tục lắng nghe, tâm thanh tịnh dần dần sẽ hiển lộ. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ, dùng tâm thanh tịnh để nghe kinh dễ được sở ngộ, điều này rất quan trọng!

KINH VĂN:

Ư' chư hữu tình, thường hoài từ nhẫn, hòa nhan ái ngữ, khuyến dụ sách tấn, cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm.

VIỆT DỊCH:

Với các hữu tình thường mang lòng từ nhẫn, vẻ mặt nhu hòa, lời nói dịu dàng, khuyến dụ, sách tấn, cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, chẳng có tâm siểm khúc, hư ngụy.

GIẢNG:

“**Từ nhẫn**”: Đoạn phía trước đã nói “*huệ lợi quần sinh*” (ban bố cái lợi cho quần sinh) đó là “*Từ*”; đến “*thành tựu Nhẫn lực*” đó là “*Nhẫn*”. Vì vậy, đối với các hữu tình thường có lòng “*từ nhẫn*”.

“**Hòa nhan**” là vẻ mặt nhu hòa. Sách Hội Sớ giảng: “*Bên trong lia vọng niễm nên mặt ngoài thường ôn hòa vì vậy bảo là “hòa nhan”.*

Kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã chép: “*Bồ Tát hành Bát Nhã Ba La Mật, như thị tùy thuận Phật thanh tịnh giáo, thị chư chúng sinh, diện môn tiên tiếu, tàng vô tàn tức, sở dĩ nhiên giả? Tâm ly uế trược, chư căn thanh tịnh, bất niễm ly cấu, tâm bất sân khuể, nội vô hận kết*” (Bồ Tát hành Bát Nhã Ba La Mật, tùy thuận lời Phật dạy một cách thanh tịnh như thế, trông thấy các chúng sinh, mặt liền tươi cười, chưa từng nhăn nhó, vì sao vậy? Tâm lia uế trược, các căn thanh tịnh, chẳng niễm, ly cấu, tâm chẳng nóng giận, trong tâm không kết hận). Cho nên, đạo tràng nhà Phật, tự viện am đường, vừa bước vào cửa, vị đầu tiên xem thấy là Bồ Tát Di Lặc với khuôn mặt rạng rỡ, nụ cười tươi vui.

Người Trung Quốc tạo tượng Bồ Tát Di Lặc là tạo tượng Hòa Thượng Bồ Đai. Ngài xuất hiện tại chùa Tuyết Đậu, Phụng Hóa, tỉnh Kiết Giang, vào thời đại Tống Cao Tông, cũng chính là năm đầu thời Nam Tống, Trung Quốc, cùng thời với Nhạc Phi. Ngày nay, người đời tạo tượng Bồ Tát Di Lặc có lẽ hơi khuyếch trương một chút. Nhưng chúng ta đều hiểu được: Bồ Tát Di Lặc mập mập, hiện ra nét hoan hỉ, gặp bất kỳ ai cũng đều tươi cười rạng rỡ. Trước khi ngài viên tịch, nói với mọi người ngài là Bồ Tát Di Lặc hóa thân đến. Nói ra thân phận mình xong, ngài liền đi. Đây là thật không phải giả! Nếu nói mà vẫn không đi, đó là giả không phải thật! Là “yêu ngôn hoặc chúng” có ý đồ, có mục đích, đây là qui củ bất thành văn trong nhà Phật. Nếu người khác đem thân phận của họ tiết lộ, họ cũng ra đi; nếu không đi thì đó cũng là giả!

Đại Sư Vĩnh Minh Diên Thọ, thân phận của ngài là do người khác tiết lộ. Ngày đó, Quốc Vương muốn tu phước nên lập ra đại hội

trao tặng, thiên tăng, cúng dường. Người xuất gia đến thọ trai hơn một ngàn người, tất cả vùng lân cận đều đến thọ nhận cúng dường. Hoạt động này thông thường đều do quốc vương, đại thần đứng ra tổ chức để cầu phước, hy vọng lần trao tặng này biết đâu sẽ có Phật, Bồ Tát đến nhận cúng dường, phước báo sẽ rất lớn.

Lúc trao tặng, đương nhiên ghé ngồi sẽ có ghé đầu, các vị cao tăng đại đức đến đều khiêm nhường qua lại: Tôi nhường bạn, bạn nhường tôi, đều không dám ngồi vào ghé đầu. Bỗng nhiên có một vị Hòa Thượng không ai quen biết đi vào, nhìn thấy mọi người nhường qua, nhường lại, bèn đến ngồi xuống chính giữa. Tất nhiên trong tâm vị quốc vương này rất không thoải mái, bởi vị cao tăng mà ông tôn kính nhất không ngồi ở ghé số một, lại để người ngoài đến ngồi ngay chỗ đó! Tuy nhiên, đối với người xuất gia cũng rất khó nói, thôi đành bỏ qua! Sau đó, mọi người đều chia nhau ngồi xuống. Trao tặng xong, quốc vương bèn dò hỏi xem người ngồi ở ghé trên là Hòa Thượng nào, từ đâu đến? Không ai biết cả! Bèn đến thỉnh giáo Hòa Thượng Vĩnh Minh. Đại Sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói:

- Chúc mừng quốc vương, hôm nay có Thánh Nhân đến!

- Là người nào?

- Cổ Phật Nhiên Đăng!

- Là ai?

- Là vị Hòa Thượng ngồi ở ghé đầu! Tai ngài rất to; mọi người không biết, gọi ngài là Hòa Thượng tai to.

Ngay lúc đó, nhà vua lập tức phái người đuổi theo, đến một sơn động, thấy ngài đang ngồi tĩnh tọa ở đó. Cổ Phật Nhiên Đăng, còn gì bằng nữa, mọi người đều mọp xuống quỳ lạy ngài. Ngài nói một câu: “Di Đà nhiều chuyện!”, ý nói Phật A Di Đà nhiều chuyện, đem thân phận của ngài nói ra. Nói xong câu này, ngài liền viên tịch.

Mọi người thăm nghĩ: “Di Đà nhiều chuyện”, như vậy Vĩnh Minh Diên Thọ là Phật A Di Đà tái sinh, bèn gấp rút trở về báo cáo “Cổ Phật Nhiên Đăng diệt độ rồi nhưng trong nước vẫn còn một vị Phật là Phật A Di Đà”. Nhà vua vừa nghe nói Vĩnh Minh Diên Thọ là Phật A Di Đà tái sinh, vội vàng đi lạy Phật A Di Đà. Nhưng chưa kịp ra khỏi cửa, bên ngoài đã có người hối hả chạy vào báo tin: “Đại Sư Vĩnh Minh viên tịch rồi!”. Thế là, thân phận bộc lộ, Đại Sư Vĩnh Minh cũng liền viên tịch.

Ngày nay, chúng ta nghe nói: Người này là Bồ Tát gì đó tái sinh, người kia là Phật gì đó tái sinh. Nói xong mà họ vẫn không đi! Đó là giả! Người xưa lưu lại qui củ tốt quá!

- Trên thực tế có Phật, Bồ Tát, A-la-hán tái sinh không?

- Có thật! Nhưng có người để lộ thân phận như Bồ Tát Di Lặc; có người không để lộ thân phận nên họ đến hay đi chúng ta đều không biết được!

Câu chuyện Hàn Sơn, Thập Đắc tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, thân phận bị bộc lộ họ liền đi ngay, tìm lại cũng không thấy. Hòa Thượng Phong Can là Phật A Di Đà tái sinh, thân phận bị bộc lộ, về sau tìm cũng không thấy! Chúng sinh khổ nạn, chur Phật, Bồ Tát ứng hóa rất nhiều ở thế gian như: nam, nữ, già trẻ, các ngành, các nghề đều có nhưng chúng ta không biết được. Không có sự thị hiện này, nghiệp lực của chúng sinh có thể làm nổ tung cả trái đất! Có rất nhiều thánh hiền sống trà trộn với mọi người, nhờ phước đức, thiện lực của họ mới hóa giải được tai nạn lớn. Tuy nhiên, tai nạn nhỏ thì không thể tránh khỏi.

Hiện nay xã hội này, như Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tà sư nói pháp như cát sông Hằng”. Có đồng tu nói với tôi: Có người phản đối Pháp sư Tịnh Không đề xướng bản hội tập của Kinh Vô Lượng Thọ, phải nên đem bản hội tập đó đốt bỏ! Vậy xin hỏi: Hiện tại Pháp sư

Tịnh Không mỗi ngày đều giảng một tiếng rưỡi đồng hồ Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; vậy Kinh Hoa Nghiêm có cần đốt bỏ không?! Phật pháp cần phải có trí tuệ, phải giác ngộ, không dùng cảm tình làm việc! Dùng cảm tình làm việc thì sai rồi!

Trên thực tế, họ tuyệt nhiên không phải phản đối kinh điển mà phản đối cá nhân tôi, ngày ngày ở nơi đây giảng kinh, giảng đến họ không thể chịu nổi! Tôi ngày nay rời khỏi Đài Loan rồi! Đài Loan có một số Pháp sư rất vui mừng. Vì sao? Vì trước đây họ đã từng đến chỗ này tìm tôi, nói với tôi: - Pháp sư Tịnh Không giảng kinh đã nhiều năm, vậy đủ rồi không nên giảng nữa! Tôi nói: - Được! Tôi nghe lời thầy nên không giảng nữa! Vì sao? Phật dạy chúng ta hằng thuận chúng sinh, thầy bảo tôi không giảng thì tôi không giảng!

Lại có số người đến gặp tôi nói: - “Pháp sư à! Ngài nên tiếp tục giảng, vậy thì tôi lại giảng tiếp! Chúng ta hằng thuận chúng sinh, không phải hằng thuận một người nào! Cho nên, nhất định phải có trí tuệ, phải có lý trí.

Đại Sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Sớ Sao nói rất rõ ràng: Thế Tôn suốt bốn mươi chín năm chưa từng giảng một câu nào. Kinh ngài nói ra đều là những gì của Cổ Phật đã nói. Cổ Phật, nhất định không phải một vị. Do đây có thể biết: Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói suốt bốn mươi chín năm là hội tập lại những gì Cổ Phật đã nói. Như Không Lão Phu Tử cả đời chỉ “thuật nhi bất tác”, tổ hợp, thuật lại giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, vậy thì có gì sai?!

Hiện tại có rất nhiều đại đức xuất gia, tại gia giảng khai thị ở các nơi, họ cũng gom nhặt lời dạy của cổ nhân, chỗ này một chút, chỗ kia một chút để cúng dường đại chúng; đây cũng là hội tập. Ví như chúng ta chiêu đãi khách, trên bàn trưng bày một đĩa trái cây với nhiều màu sắc các loại trái cây khác nhau, đó cũng là hội tập.

Đại Sư Ân Quang trong “Văn Sao” phê bình mấy hội tập của Kinh Vô Lượng Thọ, không phải ngài phê bình hội tập mà phê bình người hội tập sửa đổi nguyên văn trên kinh, ngài phản đối việc này. Hội tập không phải là phiên dịch; phiên dịch có thể dùng ý của chính mình cân nhắc câu, chữ. Nhưng với hội tập thì không được, nhất định phải dùng nguyên văn của người ta, một chữ cũng không được sửa đổi, vậy mới đáng được người tôn kính.

Chỗ này nói: “*Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật*” chính là nói: Bồ Tát trải qua đời sống trí tuệ cao độ, không luận làm bất cứ việc gì trong đời nhân xử thế tiếp vật, họ không dùng cảm tình làm việc, đây là chúng ta phải nên học tập. Đặc biệt câu sau cùng chính là dạy hàng sơ học chúng ta “*tùy thuận Phật thanh tịnh giáo*”, tùy thuận giáo huấn của Phật Đà, giáo huấn của Phật Đà đều là thanh tịnh giáo huấn. “Thanh tịnh” này có hai nghĩa:

- *Thứ nhất* là Phật dạy chúng ta phải tu tâm thanh tịnh.
- *Thứ hai* là những gì trong kinh Phật dạy đều lưu xuất từ tâm thanh tịnh.

Chúng ta chân thật tùy thuận giáo huấn của Phật Đà phải nên tùy thuận đời sống trí tuệ cao độ là “*hành Bát Nhã Ba La Mật*”.

“*Ái ngữ*” là một trong Tứ Nhiếp Pháp. Bốn nhiếp pháp này là “Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành và Đồng Sự. “*Ái Ngữ*” là khéo tùy theo căn tánh chúng sinh mà vỗ về, dẫn dụ khiến họ sinh tâm thân ái, nương theo mình mà học tập thì gọi là “*Ái Ngữ Nhiếp*”. Kinh Thắng Thiên Vương Bát Nhã bảo: “*Hạ thanh tế ngữ, nhuyễn mỹ nhi ngôn, thuận bỉ ý ngữ cố*” (Dùng lời nhỏ nhẹ, mềm mỏng, hay đẹp để nói lời đẹp lòng người khác). Tứ Nhiếp Pháp vô cùng quan trọng. Hoằng nguyện của chư Phật, Bồ Tát là nhiếp thọ chúng sinh; cái nhiếp thọ này, cũng chính là phương cách giao tiếp công cộng trong nhà Phật nhằm giáo hóa chúng sinh. Triển khai Lục Ba La Mật cũng dùng Tứ

Nhiếp Pháp. Tứ Nhiếp Pháp nếu áp dụng trong gia đình thì gia đình hòa thuận; nếu dùng trong vợ chồng thì vợ chồng ân ái hảo hợp; nếu dùng trong xã hội thì bất cứ vấn đề gì cũng đều được giải quyết tốt đẹp.

Năm 1999, ở Singapore, chúng tôi đã đoàn kết được chín tôn giáo, làm rất thành công. Singapore lúc ấy có một vị bộ trưởng tên là Tăng Sĩ Sanh, hình như hiện nay nghỉ hưu rồi. Chúng tôi giao lưu rất thân. Ông ấy hỏi tôi:

- Pháp sư Tịnh Không! Ông dùng phương pháp gì đem chín tôn giáo đoàn kết lại? Tôi nói:

- Tôi không có phương pháp; phương pháp tôi dùng là của đức Phật dạy.

Tại ông ấy dựng lên:

- Phương pháp gì của đức Phật dạy ông?

- Tứ Nhiếp Pháp!

- Thế nào là Tứ Nhiếp Pháp?

- **Tứ Nhiếp Pháp** là bốn phương pháp: *Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành và Đồng Sự*.

Bố Thí chính là tặng lễ vật, có lễ vật mới khiến người không trách. Người chưa đến, nhưng lễ vật cần đến trước khiến họ sinh tâm hoan hỷ, đây là điều kiện tiên quyết. Chúng ta trong đời sống hàng ngày, đối với nhân tình thế thái cũng nên hiểu biết việc này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni mọi lúc mọi nơi đều dùng phương pháp này.

Đối với chín tôn giáo, mỗi tôn giáo chúng tôi đều biếu tặng một phần lễ vật. Trong lễ vật chủ yếu nhất là, chúng tôi tặng mười vạn tiền Đài. Trong mỗi tôn giáo đều có sự nghiệp từ thiện như: Thành lập viện dưỡng lão, cô nhi viện, bệnh viện, trường học v.v...

Đạo Hồi còn mở lớp huấn luyện dạy nghề, lớp bồi dưỡng giúp người học có một nghề nuôi thân, đều là việc tốt, rất cần đến tiền. Chúng tôi giúp họ làm sự việc từ thiện, đây là “Bố Thí”. Sau khi lễ vật gửi đến rồi, tiếp đó, chúng tôi đến thăm viếng họ, thỉnh giáo với họ, học tập với họ, thăm hỏi họ chính là Ái Ngữ.

Ái Ngữ không phải lời dua nịnh ngọt ngào mà thật sự là có lợi ích cho họ.

- Lúc này cần nói với họ những gì?

- Điều này cần phải hiểu! Tiêu điểm nói chuyện của chúng tôi là lời dạy của thần thánh, lời dạy của kinh điển, giáo dục tôn giáo, học tập qua lại, giúp xã hội này hóa giải xung đột. Hy vọng mọi người có thể góp một chút sức lực, xây dựng nền hòa bình, an định cho quốc gia, xã hội. Xa hơn một chút là hóa giải được thiên tai.

Trong khi trò chuyện mọi người đều rất hoan hỉ, đâu đó rõ ràng; chừng mực cũng cần nên nắm vững. Tiếp theo là:

Lợi Hành: “Lợi” là lợi ích; “hành” là hành vi. Ngôn ngữ là hành vi của khẩu nghiệp. Tư tưởng là hành vi của ý nghiệp. Tất cả tư tưởng, lời nói, việc làm của chúng ta đều có lợi ích đối với họ, khiến họ rất dễ dàng chấp nhận. Nên nhớ! Lời nói dù dễ nghe thế mấy, nhưng việc làm của chúng ta không mang được lợi ích đến cho họ, họ cũng sẽ không qua lại với chúng ta. Cuối cùng là:

Đồng Sự: việc này khó nhất! Ta và họ cùng làm một công việc như nhau, họ vui chúng ta cũng vui. Phạm vi của “*Đồng Sự*” rất lớn. Đối với hàng sơ học, thiết nghĩ cần thêm chú giải:

- “Đồng Sự” là gì?

- Là cùng việc với Thánh hiền, cùng việc với thần thánh thì không có vấn đề. Nếu như họ thích đánh bạc, ta cũng “*đồng sự*” với họ, ngày ngày theo họ đánh bạc, vậy có được chăng?

- Không được! Việc này quá nguy hiểm! Không khéo lại bị họ kéo đi mất!

Chúng ta chưa có bản lĩnh, năng lực cảm hóa họ, e rằng bản thân ta không vượt qua được thử thách! Việc này cần cân bằng với trí tuệ cùng định lực của chính mình! Không có trí tuệ và định lực lớn, việc này không thể được! Nên nhớ: “*Đồng Sự*” là *phương thức không phải là mục đích. Bồ Tát có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng thị hiện ở thế gian này mới có thể làm đến được*. Chúng ta xem thấy trên Kinh Hoa Nghiêm: Thắng Nhiệt Bà La Môn, Phật Tô Mật Đa Nữ đều là trong *Tứ Nhiếp Pháp*, đặc biệt là *Đồng Sự Nhiếp*, đến sau cùng, họ đều quay đầu niệm Phật, học Phật.

Cũng thế, Phật, Bồ Tát hiện thân trong ba đường ác là cùng với ác đạo chúng sinh đồng sự, mục đích là giúp họ cải tà qui chánh, cải ác làm lành. *Riêng chúng ta chỉ có thể “Đồng Sự” cùng làm việc thiện, không cùng làm việc ác*. Lịch sử từ xưa đến nay có rất nhiều đại đức xuất gia không cẩn thận trong “Đồng Sự”, kết quả đều thoái thất đạo tâm, bị người khác độ đi, sự việc này đâu đâu cũng có! Chúng ta không thể không lưu ý!

Nên biết “*Bố Thí*” trong “*Tứ Nhiếp Pháp*” cùng với *Bố Thí* trong *Lục Độ*, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau, *Bố Thí* trong *Lục Độ* mục đích là *buông bỏ tâm tham của chính mình, cắt đứt tâm tham luyến*. *Bố Thí* trong “*Tứ Nhiếp Pháp*” mục đích là *khiến cho đối phương sinh tâm hoan hỷ, nhưng cũng cần chú ý: Không nên quá đáng khiến họ sinh tâm phiền não tham ái! Bố Thí này cần ở mức độ vừa phải, không nên nhiều quá cũng không được quá nhỏ mọn, phải cần có trí tuệ*.

“*Hạ thanh tế ngữ, nhuyễn mỹ nhi ngôn*”: Chữ “*hạ thanh*” là âm thanh không cần quá lớn; âm thanh thô bạo sẽ khiến cho người khác giật mình. “*Hạ thanh tế ngữ*” cũng không phải là âm thanh quá

nhỏ nói ra người khác không nghe được. Điều này trong “Đệ tử qui” có. Âm thanh cần tùy nghi thích hợp trong hoàn cảnh nào, trường hợp nào. Ngôn ngữ tốt nhất nên chậm một chút, không nên nói quá nhanh, chậm rãi giúp cho tâm an định. Tôi thường nhắc đến Đại Sư Chương Gia, sự chậm rãi này là Đại Sư Chương Gia dạy tôi. Đại Sư rất ít khi trò chuyện, động tác ngài chậm rãi, âm thanh không lớn nhưng khiến người đối diện nghe rất rõ ràng.

Trong giáo lý Đại thừa có câu “*Na già thường tại Định, vô hữu bất Định thời*”. “Na già” là rỗng, voi. Rỗng chúng ta chưa thấy, nhưng voi thì thấy rồi. Voi rất thận trọng, dáng đi chậm rãi không hề có chút nôn nóng, vội vã nào. Phật, Bồ Tát là cao nhân xuất thế gian, ngôn hành, cử chỉ của các ngài giống như voi. Người đời anh hùng hào kiệt đều là rỗng đi, hổ bước. Phật, Bồ Tát không như vậy, tiếp cận với các ngài là an tường, thân giáo, là uy đức của các ngài.

“*Thuận bi ý ngữ cố*” (Nói lời đẹp lòng người), chữ “*thuận*” này bên trong cần có trí tuệ cao, có phương tiện thiện xảo không như phàm phu chúng ta chỉ có thể hằng thuận chúng sinh ở mức độ có chừng mực.

“*Khuyến dụ sách tấn*” là khuyên dạy, khuyến khích, vỗ về để “Khai Tri Kiến Phật” cho chúng sinh, chỉ bày Tri Kiến Phật cho họ (tức “Thị Tri Kiến Phật”), đây thuộc về ngôn giáo. Hiện nay, chúng ta sử dụng kỹ thuật cao, mạng internet quốc tế, truyền hình vệ tinh, có thể cùng các chúng sinh có duyên trên toàn thế giới ở những khu vực khác, cùng nhau trao đổi những kinh nghiệm học tập, đem những gì của bản thân mình tâm đắc, hoặc có thành tựu trong học tập mang ra chia sẻ với mọi người. Đây là việc tốt, đều là “Khai Phật Tri Kiến”, “Thị Phật Tri Kiến”.

Xã hội ngày nay khó khăn nhất là không được nhìn thấy phong thái mẫu mực của bậc Thánh Hiền, có nói nhiều, người khác cũng không tin!

- Vậy phải làm sao?

- Nói rồi cần phải làm cho được!

Không nên cầu người khác, cầu người khác không tin tưởng được! Người khác không chịu làm đâu! Việc này chỉ cầu chính mình. Người khác không làm, ta làm. Ta đem một trăm mười ba việc trong “Đệ tử qui” thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Tuy không phải là Thánh nhân, người khác nhìn vào cũng có một chút giống Thánh Nhân. Nếu hành vi tạo tác của ta trái ngược với “Đệ tử qui” thì những gì ta nói, ta dạy, họ đều không tiếp nhận!

- Vì sao Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Khổng Tử dạy thành công còn chúng ta dạy lại thất bại?!

- Nguyên nhân là Phật làm được, Khổng Tử làm được, chúng ta làm không được!

Hiện nay, tôi mỗi ngày giảng bốn tiếng đồng hồ, đọc bốn tiếng đồng hồ, những thời gian khác niệm Phật, lạy Phật, đây cũng là vận động đối với thân thể. Năm nay, (năm 2011) Liên Hiệp Quốc, Hội Phật Giáo thế giới vẫn còn hoạt động đoàn kết tôn giáo, vận động hòa bình, hóa giải xung đột, tôi tham gia lần cuối. Sau khi hoạt động này kết thúc, tất cả mọi hoạt động tôi đều không tham gia nữa. Tuổi lớn rồi! một lòng một dạ niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, việc này mới quan trọng, những việc khác đều không quan trọng!

Rất nhiều năm qua, trên thế giới những quan hệ này của tôi đều rất tốt. Hy vọng những người trẻ, những thế hệ sau cần tiếp tục duy trì. Con đường đã mở, các bạn cần phát tâm, phát nguyện vì thế giới này, vì chúng sinh khổ nạn mà góp một phần công sức. Nếu

không đủ năng lực, chỉ cần cố gắng học hỏi, mười năm sau sẽ gánh vác được. Trách nhiệm “Tục Phật tuệ mạng”, “duy trì tuyệt học của Thánh Hiền” ở trên vai các bạn. Những gì tôi làm đều đã làm được rồi; các bạn làm tiếp, khó khăn sẽ không nhiều. Khó khăn không ở bên ngoài, hoàn toàn do nơi bạn.

Nếu bạn thật sự phát tâm Bồ Đề, đối với chư hữu tình “*thường hoài từ nhĩ*”, tôi tin bạn sẽ thuận buồm xuôi gió. Bên trong có tâm Bồ Đề, bên ngoài có chư Phật Như Lai gia trì, có long thiên hộ pháp ủng hộ, thành tựu của bạn sẽ vượt xa hơn tôi rất nhiều. Đây là điều tôi rất vui khi nhìn thấy. Thế giới nếu không thể hòa hợp, chúng sinh sẽ rất khổ! Chúng ta nên suy nghĩ nhiều về phương diện này để kích thích đạo tâm của chính mình. Từ chỗ này sẽ phát sinh trí tuệ, ý chí kiên cường, dũng mãnh không lui bước, bắt đầu từ bản thân, bắt đầu từ đạo tràng này của chính mình.

Đạo tràng của chúng ta bên ngoài nhìn vào cũng không tệ! Nhưng bên trong là một nắm cát rời, không đoàn kết! Tự bản thân cần cố gắng suy nghĩ! Cửa Phật đối với mọi người không tệ! Phật tử tại gia cúng dường không điều kiện, mục đích là hy vọng các bạn an tâm học đạo, sau này khai ngộ chứng quả giáo hóa chúng sinh. Nếu chúng ta không làm được sẽ giống như người xưa nói: “*Một hạt gạo của thí chủ lớn như núi Tu Di, đời này không thành đạo, mang lông đội sừng trả*”. Thật sự là phải chịu trách nhiệm! Nên dùng câu này khuyến khích cho chính mình.

Học Phật, chúng ta chỉ có hai con đường: Một là thành Phật, hai là đọa tam đồ! Chúng ta đi con đường nào? Trong tâm cần phải tường tận rõ ràng. Mục tiêu cuối cùng là sách tấn, khuyến khích mọi người tiến bộ, giúp họ “Ngộ Phật Tri Kiến”, “Nhập Phật Tri Kiến”. “Ngộ” là khai ngộ; “Nhập” là chứng quả. Chứng quả của Tịnh Tông chính là vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Không được vãng

sinh là chúng ta có tội: Thứ nhất là có lỗi với chính mình, đời này ta có đầy đủ nhân duyên, vì sao không được vãng sinh?! Đó chính là không đủ thiện căn, phước đức! Thiện căn là tín nguyện, ta không có chánh Tín, không có nguyện vọng mạnh mẽ. Phước đức là thực hành, bản thân ta giải đãi, lười biếng không có thực hành. Trong đây nhân tố rất nhiều, cũng rất phức tạp!

Tuổi trẻ ngày nay chạy theo cái viển vông, muốn thật tốt, muốn thật nhanh, đặc biệt không biết lúc nên quay lại! Người xưa nói “*dục tốc tắc bất đạt*”, người khác đi sai đường, ta đi theo cũng sẽ sai đường, lúc quay đầu lại đã không còn kịp nữa!

Học Viện của chúng ta trong mười năm qua, nếu như mỗi học viên đều “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” thì hôm nay mọi người đều đã có thành tựu. Học Viện sẽ có được mười mấy hoặc hai mươi mấy giáo viên. Tôi từng nói: Nếu có được mười mấy giáo viên. Học viện liền có thể chính thức chiêu sinh, có thể mở trường. Kỳ vọng của chính phủ Úc đối với chúng ta là hy vọng chúng ta mở trường. Chính chúng ta cũng hy vọng, nhưng không có giáo viên! Mở trường thì dễ, nhưng ai đến dạy?!

Cho nên, đây là vấn đề thực hiện bày ra trước mắt chúng ta. Hy vọng kết thúc của mười năm tới không phải trôi qua vô ích! Mười năm này, những dạy dỗ cốt lõi nên cố gắng ghi nhớ học tập, mười năm tới không được trải qua như thế này. Trải qua như vậy, Phật Giáo sẽ diệt vong, mất trong tay của chúng ta! Kỳ thật sự việc không đến nỗi khó khăn như vậy!

- Dùng phương pháp gì để có thể cứu chính mình? Cứu Học Viện Tịnh Tông? Cứu Phật pháp?

“*Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng*”. Nếu chúng ta để trong tâm, thật sự có thể làm được hai câu này thì mười năm sau chắc chắn sẽ thành công.

Chúng ta nên tìm lại tâm chân thành của chính mình. Tâm của chúng ta ngày nay là giả dối, không chân thành, không biết cung kính, cống cao ngã mạn, mỗi người đều cho mình là hơn, không tôn trọng người khác cho nên là một chậu cát rời! Các bạn cho rằng mình đúng cũng không làm được! Nếu thật sự có người làm được mới cảm hóa được tất cả. Các bạn hy vọng tôi thường ở nơi này.

- Tôi có thể thường ở lại đây không?

- Bản thân tôi không làm chủ được, tùy duyên qua ngày! Ở đâu có duyên thì đến nơi đó!

- Thế nào có duyên?

- Nơi nào có người chịu thực hành! Các bạn ở đây không chịu nghe lời; nơi khác nếu có người biết nghe lời, tôi sẽ đến đó. Sự việc này không phải là việc của cảm tình; cảm tình sẽ làm hư chuyện! Việc này là việc của lý trí; không phải của cảm tình!

Hoàn cảnh tu học ở đây tốt, các nơi trên thế giới còn có người tu hành chân chánh, mời những người tu hành chân chánh này đến ở một nơi cộng tu là việc tốt. Chúng ta tôn trọng, cúng dường, hộ trì họ, chúng ta tuyên dương Phật pháp, tôi vẫn có thể làm được một chút việc như vậy. Hy vọng các học viên khuyến khích qua lại; Phật, Bồ Tát đang trông chờ, trông mong chúng ta quay đầu là bờ, trông mong chúng ta buông bỏ lợi ích cá nhân, vì Chánh pháp, vì chúng sinh khổ nạn mà ra sức cống hiến. Ra sức cống hiến là thành tựu chính mình. Nên bắt đầu từ hai câu này: “*Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng*”. Hai câu này, nếu như không có đức hạnh thì không thể làm được!

“*Tự khiêm viết cung, tôn nhân chi đức viết kính*” (Tự khiêm là “cung”, tôn trọng đức hạnh của người khác là “kính”): Cần học khiêm nhường, cung kính đó là việc tốt, là mỹ đức; cũng chính là

tánh đức. Không có khiêm nhường tức là ngạo mạn; ngạo mạn là phiền não nghiêm trọng làm chướng ngại đức hạnh, chướng ngại học tập, chẳng những không thể thành tựu công đức mà còn rất dễ phá hoại công đức. Năm đức của Không tử được học trò nhìn nhận, khâm phục đối với thầy là: “ôn, lương, cung, kiệm, nhường”. Thầy ôn hòa, thiện lương, cung kính (tức là khiêm tốn), tiết kiệm, nhường nhịn. Năm đức này trong tự tánh vốn đủ, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền đều có.

“*Cung kính Tam Bảo*”, theo chú giải của cụ Hoàng: Hết thầy Phật Đà là Phật Bảo, giáo pháp do Phật Đà giảng ra là Pháp Bảo, người tuân theo giáo pháp của Phật Đà tu hành là Tăng Bảo. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Tăng” cũng có nghĩa là hòa hợp. Tăng Bảo ở đây không riêng chỉ người xuất gia mà bất luận người tại gia hay xuất gia nếu tùy thuận theo giáo pháp của Phật, thật sự làm theo, người đó là Tăng Bảo chân chính. Ngoài ra “Tự Tánh Tam Bảo” còn đại biểu cho Giác, Chánh, Tịnh.

- Phật là tự tánh giác thì không mê
- Pháp là tự tánh chân chánh thì không tà.
- Tăng là tự tánh thanh tịnh, thì không ô nhiễm.

Sau khi Phật diệt độ, Tam Bảo tồn tại ở thế gian gọi là “Trụ Trì Tam Bảo”. “Trụ Trì Tam Bảo” là biểu pháp nhắc nhở chúng ta học tập: Nhìn thấy tượng Phật, nhắc chúng ta nhớ đến Phật, đến lời dạy của ngài, đến cuộc đời ngài thật sự đã vì chúng sinh mà thị hiện trì giới, thọ khổ. “Cung kính Tam Bảo” là khâm ngưỡng đức hạnh của Tam Bảo. Người học Phật phải bắt đầu từ “cung kính Tam Bảo”. Thế nhưng, hiện tại có rất nhiều người đưa ra nghi vấn:

- Có rất nhiều Tăng ni không đúng pháp, chúng ta có cần cung kính đối với họ chẳng?!

- Vẫn phải cung kính! Nếu không có tâm cung kính đối với họ thì tâm khinh mạn, tâm phi báng thậm chí đến hủy nhục thầy đều nảy sinh! *Muốn thành Phật phải noi theo hạnh Phật, noi theo hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, bình đẳng cung kính đối với tất cả mọi người trong mọi thời, mọi lúc, không phân biệt người thiện, kẻ ác.* Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây là đứng trên phương diện Phật tánh mà cung kính họ.

Riêng đối với hành vi tạo tác của họ đều có nhân quả báo ứng, đó là việc của họ không liên quan gì đến ta. Hơn nữa, lễ kính là tánh đức của chính mình. Học lễ kính, không gì khác hơn là hồi phục tánh đức của chính ta, sự việc này rất quan trọng. Chúng ta tu hành chính là đem tất cả tập khí phiền não không tốt của chính mình tu sửa lại; những thứ: Tự tư tự lợi, danh vọng lợi dưỡng, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn v.v... thầy đều buông bỏ thì tánh đức của ta mới hiện bày.

Nên nhớ: Tôn kính người khác, người khác cũng tôn kính bạn, đây là định luật, là chân lý! Trong Thập Đại Nguyên Vương Phổ Hiền Bồ Tát, điều thứ nhất là “lễ kính chư Phật”, việc này bạn không làm được thì những điều khác cũng đều không có! Mười nguyên giống như tòa lầu mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất; không có tầng thứ nhất làm sao có tầng thứ hai, tầng thứ ba v.v..., toàn bộ đều không có! Không riêng trong Phật pháp vào cửa từ “lễ kính” mà học văn của thế gian cũng vào cửa từ “lễ kính”. Tục ngữ có câu “Tiên học lễ, hậu học văn”, trước phải học lễ kính, sau mới học văn chương chữ nghĩa.

“*Phật Bảo*”, Phật không còn trụ thế, giáo pháp của ngài vẫn mãi lưu truyền đến ngày nay. Giáo pháp là kinh điển, chúng ta tiếp nhận giáo pháp của Phật chính là biểu thị tâm cung kính “Phật Bảo”; cảm ân đội đức đối với Phật. Chúng ta tạo tượng Phật cũng là biểu

hiện kính ý của mình đối với ngài. Mỗi giờ, mỗi phút vẫn không quên hướng đến Phật để học tập. Nhìn tượng Phật nhắc nhở ta phải đem tâm chân thành, cung kính thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày đối nhân xử thế, tiếp vật. Cung kính tất cả chúng sinh như cung kính Phật, đây là học Phật. Nếu ngược lại, đạo nghiệp của bạn chắc chắn khó thành tựu!

“*Pháp Bảo*”, hiện tại tôi ở đây giảng kinh dạy học, tôi biết có rất nhiều người không ở đây, mỗi lần tôi diễn giảng họ đều ở trên mạng thu nghe. Họ học Phật chân thật là có thành tựu. Họ thật làm!

- Vì sao họ được thành tựu?

- Vì có tâm “cung kính Tam Bảo”, then chốt chính ở câu này. Cung kính không phải nói ở ngoài miệng.

- Thế nào gọi là cung kính?

- Chân thật cung kính là y giáo phụng hành. Khi Phật còn ở đời, “Tam Bảo” lấy Phật làm trung tâm. Sau khi Phật diệt độ, lấy Pháp làm trung tâm.

- Chúng ta có tâm cung kính đối với “*Pháp bảo*” chăng?

- Việc này, cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi: Trước khi đến Trung Quốc Đại Lục, ông cho rằng người Singapore học Phật rất tốt, tương đối cung kính Tam Bảo. Sau khi đến Đại Lục thì trên trời dưới đất không thể sánh! Vì sao? Họ xem thấy được kinh Phật, hai tay nâng lấy, cung kính để trên đầu. “*Pháp Bảo*” đối với họ thật quá trân quý, thật quá hy hữu!

Chúng ta ở đây in ấn quá nhiều, có được quá dễ dàng, không thấy đó là quan trọng, không có tâm cung kính! Cho nên thành tựu của chúng ta không thể sánh được với người ở Đại Lục. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên mỗi năm đều muốn đến các nơi ở Trung Quốc để thăm viếng. Ông nói người ở Đại Lục bần cùng, lạc hậu, đời sống vật chất

rất gian nan. Thế nhưng, tặng tiền cho họ, họ không nhận; tặng vật chất cho họ, họ cũng không cần! Họ bằng lòng trải qua ngày tháng khổ nhất.

- Họ cần cái gì?

- Họ cần Pháp Bảo! Cho nên tặng kinh sách, tặng băng ghi hình, họ đội trên đầu mà tiếp nhận. Xem thấy họ chân thành, cung kính như vậy, chúng ta sinh tâm hổ thẹn!

Trước đây, chúng ta có gửi tặng băng ghi âm, ghi hình qua đó. Họ nghe đi nghe lại đến mờ nhạt, âm thanh gần như không nghe được, họ vẫn quì ở đó mà chuyên tâm lắng nghe. Chúng ta từ ngoài đến, xem thấy cảnh tượng này trong lòng rất xót xa, rơi lệ! Nghĩ lại chính mình có được quá dễ dàng, không hề có ý niệm trân trọng, làm sao có thể so được với họ! Nên nhớ: *Pháp Bảo nhất định phải lưu thông, Pháp Bảo không thể tích chứa ở một nơi! Bạn chính mình không học, phải mau tặng cho người khác học, đó là vô lượng công đức, không nên cất giữ.*

Tài vật cũng không nên cất giữ. Ngày nay, có rất nhiều người ở ngay bên bờ vực đói khát, của cải chúng ta quá nhiều trong khi người khác chịu khổ, chịu nạn, đó là việc không nên. Phải đem của dư ra cứu giúp người. Thế nhưng, phải thể hội giáo huấn của Phật Đà: Phương pháp cứu khổ cứu nạn triệt để viên mãn nhất vẫn là giáo dục. Nếu họ không nhận qua giáo dục, không có trí tuệ, không có năng lực, họ vĩnh viễn không thể nào cải thiện đời sống của họ. Cho dù bạn có tâm từ cứu họ một đời, nuôi họ một đời, cũng không bằng giúp họ khai trí tuệ, đạt được kỹ năng, cải thiện được đời sống của họ, đồng thời cũng giúp họ cống hiến cho xã hội, đại chúng, đây mới là chân thật cứu tế triệt để.

“*Tặng Bảo*”: Hình tượng người xuất gia rất đáng quý! Người chân thật học Phật, không cần phải tò mò, tìm xem họ làm những gì?

Chỉ cần nhìn thấy biểu hiện bên ngoài: Cạo tóc, mặc trên người áo cổ tròn tay rộng, chúng ta liền nghĩ ngay đến “Tăng”. Đây là ý nghĩa gì? Khi thọ “tam quy”, chúng ta đều đã đọc qua: “Quy y tăng, chúng trung tôn”. Chữ “chúng” ở đây là đoàn thể. Con người không thể tách rời khỏi đoàn thể mà có thể độc lập sinh tồn. Đoàn thể nhỏ nhất là gia đình, vợ chồng, con cái. Trong gia đình lớn còn có cha mẹ, ông bà, anh, chị em, họ hàng. Đoàn thể thế gian lớn nhất là quốc gia. “Chúng trung tôn” là thế gian, bao gồm tất cả đoàn thể, là một toàn thể đáng được người tôn kính. Vì sao? Vì đó là đoàn thể hòa thuận gọi là “hòa hợp tăng”. Đoàn thể này tuân thủ sáu giới điều gọi là “Lục Hòa kính” mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy. Họ chắc chắn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần cung kính ủng hộ nên gọi là “chúng trung tôn”, là đoàn thể tôn quý nhất.

Sau khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng ta chú trọng tu hành, tu sửa tất cả tư tưởng, hành vi sai lầm của bản thân. Từ trên kinh luận, chúng ta tiết lược ra năm khóa mục, không thể quá nhiều, quá nhiều thì không thể nhớ; không thể nhớ cũng bằng không được lợi ích gì! Khóa mục càng đơn giản thì càng tốt. Năm khóa mục này, điều thứ nhất là “tịnh nghiệp tam phước”, đây là nền tảng. Trong đây nói ba điều cần thiết phải làm:

Thứ nhất là “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*”. Đem bốn câu này làm cho được, “phước báo trời người” bạn liền đạt được.

Thứ hai là “*Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*”. Đây là phước báo của hàng Nhị thừa, là phước báo của A-la-hán và Bích Chi Phật.

Thứ ba là “*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả*”, đây là phước báo của hàng Bồ Tát.

Nếu có người hỏi: Phật pháp tu học cái gì, bạn đem ba câu nói này giải đáp cho họ thì đúng. Cho nên, Đại thừa Bồ Tát: cả ba điều, mười một câu này đều đã viên mãn. Tôi giảng kinh cũng thường nói: Nếu bạn đầy đủ điều thứ nhất, niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc sẽ sinh đến cõi “Phàm Thánh Đồng Cư”. Nếu đầy đủ hai điều, tổng cộng có bảy câu, bạn vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, sinh về cõi “Phương Tiện Hữu Dư”. Nếu cả ba điều tổng cộng mười một câu, bạn đều làm được, sẽ vãng sinh đến cõi “Thật Báo Trang Nghiêm”. Đây là cơ bản giáo nghĩa của Phật pháp.

Chúng ta học Phật không tốt chính là đã lơ là đi những sự việc này! Trong gia đình bạn có cư xử tốt với cha mẹ không? Có tâm hiếu thuận với cha mẹ không? Nếu như hiềm ghét tư tưởng người già cổ hủ không theo kịp trào lưu, vậy thì không được rồi! Đây là đại bất hiếu! Nói cách khác, cửa Phật vĩnh viễn bạn không thể bước vào! Bạn niệm Phật có tốt đến đâu, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, lúc lâm chung Phật A Di Đà cũng không đến tiếp dẫn bạn! Vì sao? Vì bất hiếu cha mẹ! Người vãng sinh thế giới Cực Lạc đều là người hiếu thuận với cha mẹ. Cho nên, bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, niệm Phật không thể vãng sinh!

- Lần này chúng ta học chú giải Kinh Vô Lượng Thọ; thầy chúng ta là ai?

- Là Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ! Tôi hoàn toàn y theo chú giải của ông, bản thân tôi đang học tập. Trên bục giảng cùng với các đồng tu nơi đây chia sẻ, ông là thầy của chúng ta.

Đừng hiểu lầm! Tôi không phải thầy giáo, tôi là trợ giáo. Lúc tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, tôi y theo Chú Sớ, Sớ Sao của Đại Sư Thanh Lương; thầy giáo là Đại Sư Thanh Lương. Tôi giảng Kinh Di Đà, y theo Sớ Sao của Đại Sư Liên Trì; thầy giáo là Đại Sư Liên Trì. Nếu y theo chú giải của Đại Sư Ngẫu Ích; thầy giáo là Đại Sư Ngẫu

Ích. Trước giờ tôi không dám lấy thân phận thầy giáo ngồi trên bục giảng. Từ lâu tôi vẫn thường nói:

- Thầy giáo ở đâu?

- Thầy giáo ở phía dưới bục giảng! Bạn ngồi ở phía trước đều là thầy của tôi, tôi là học sinh đang ở nơi này làm báo cáo học tập, mời thầy giáo chỉ giáo, mời thầy giáo dạy dỗ.

Đời này tôi học được: Trên bục giảng là học sinh, dưới bục giảng là giám học của tôi, là thầy của tôi. Các bạn đốc thúc tôi chăm chỉ, bạn không đốc thúc tôi sẽ giải đãi, buông thả, vĩnh viễn là tâm thái như vậy! Tám mươi lăm tuổi, tôi mỗi ngày đều học chú giải của Niệm lão, mỗi ngày tôi dành bốn giờ đồng hồ, rất chăm chỉ tra tự điển, tra tài liệu tham khảo. Tám mươi lăm tuổi còn làm học sinh không có nghỉ ngơi. Vì ai vậy? Vì chính mình, cũng vì mọi người. Chú giải này quá hay có thể cứu vớt chúng sinh khổ nạn trong chín ngàn năm còn lại của thời mạt pháp.

“Cung kính Tam Bảo”: - Vì sao gọi là “Bảo”? Theo Bảo Tánh Luận có sáu nguyên nhân: Thế gian hy hữu (trong đời ít có), ly cấu, thế lực, trang nghiêm thế gian, tối thượng và bất biến. Phật còn có nghĩa là giác tri, Pháp là khuôn phép, Tăng là hòa hợp. *“Cung kính Tam Bảo”* là khâm ngưỡng đức hạnh của Tam Bảo.

1. Thế gian hi hữu (trong đời ít có): Đây là thật không phải giả! Kinh Phật là hy hữu trong thế gian. Bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư là hy hữu trong hy hữu. Trước kia hội tập chưa thành công, viết về Kinh Vô Lượng Thọ không có sách hay, phải đọc hết năm loại bản dịch, rất phiền phức, cũng rất phân tâm! Năm quyển sách phiên dịch không giống nhau, còn có rất nhiều vấn đề, khiến chúng ta phân vân không biết nên y theo cuốn nào?! Cho nên, kinh này có nhu cầu tất yếu cần phải hội tập.

Sớm nhất là thời Tống, Vương Long Thư hội tập lần thứ nhất. Lấy thân phận địa vị cho đến tu dưỡng Nho học, Phật học của ông mà nói: Năm loại sách nguyên dịch, ông chỉ xem có bốn loại, còn thiếu một loại, đó là bản Đường dịch “Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Hội”, sách này ông chưa xem, cho nên cuốn hội tập của ông chưa hoàn chỉnh. Trong Kinh Bảo Tích Vô Lượng Thọ Hội có những kinh văn mà trong bốn bản dịch kia không có. Sau khi sách của Vương Long Thư ra đời, ở Trung Quốc có rất nhiều người học Kinh Vô Lượng Thọ đều sử dụng sách của ông. Cuốn sách này thu thập được từ Long Tạng. Hoàng Đế Càn Long đối với văn hóa rất xem trọng: Đạo giáo đều tập trung vào trong Tứ Khố Toàn Thư; đặc biệt, riêng đối với Phật Giáo, ông để vào trong Tạng Kinh, thật là thể gian hy hữu!

Chúng ta sinh ra trong thời đại này là hợp lúc, điều hy hữu chúng ta đã có được rồi! Chú giải này lại càng hy hữu! Niệm lão là học trò của Hạ Liên Cư, ông chính mình nghe giảng, tiếp nhận chỉ dạy của thầy, bảo ông nên viết một bộ chú giải cho bộ kinh này. Để hoàn tất chú giải này, ông phải vận dụng tham khảo đến một trăm chín mươi ba loại tài liệu. Thật là hiếm có! Thật dụng tâm! Khẳng định được Tam Bảo gia trì. Những tài liệu này không phải dễ dàng tìm thấy, vậy mà tất cả ông đều có được.

Tôi đến Bắc Kinh thăm ông, xem thư phòng rất nhỏ của ông xếp từng chồng lớn những thư tịch. Nếu không phải Phật lực gia trì thì không thể có được! Cho nên, chúng ta cần sinh tâm hy hữu thọ trì bộ Pháp Bảo này.

2. Ly cầu (lìa nhiễm ô): Ý nói bên trong Phật, Pháp, Tăng là thanh tịnh, thanh bạch không có chút nhiễm ô nào.

3. Thế lực: Hiện nay khoa học gọi là năng lượng, chúng ta gọi là từ trường, nơi nào có lưu giữ Kinh Tạng, bạn bước vào sẽ cảm

thấy nơi đó rất ấm áp, rất an toàn, những phiền não vướng mắc trong tâm đều tự nhiên tan biến. Vì sao vậy? Vì những kinh điển này là kết tinh trí tuệ của Phật, Bồ Tát phát ra năng lực này. Có không ít người thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh để ở trong nhà cúng dường là có đạo lý! Tuy họ không xem nhưng khi đặt Kinh Tạng trong nhà, từ trường sẽ không giống nhau. Đối với kinh điển này càng cung kính thì năng lượng từ trường sẽ càng lớn. Nếu thường mở ra xem, đọc tụng thì lực gia trì sẽ càng lớn hơn. Nó thật sự có thể che chở cho cả nhà bạn bình an, hòa hợp, hạnh phúc. Đây không phải là mê tín mà có căn cứ của khoa học.

4. Năng trang nghiêm thế giới: Ý nói thù thắng nhất chính là trang nghiêm từ trường, người xưa gọi là bầu không khí.

5. Tối thượng: Ý nói trong tất cả pháp thế gian, Tam Bảo là bậc nhất, là Chánh Giác không có mảy mai tà tri, tà kiến, tà niệm nào. Người xưa có câu: “*Thế gian hảo ngữ, Phật thuyết tận*”, những lời tốt đẹp ở thế gian, trong kinh Phật đều nói hết rồi.

6. Bất biến: Là vĩnh hằng không thay đổi, vì tư duy, ngôn hành của nó đều tương ứng với tánh đức, đều từ tánh đức tự nhiên phát lộ ra. Đây đủ sáu ý nghĩa trên được xưng là “Bảo”. Phật và Pháp có đầy đủ sáu ý nghĩa này. “Tăng” là người chịu thực hành “Tùy kỳ giáo pháp nhi tu nghiệp giả”, câu này chính là những gì hiện tại chúng ta đang nói: Thật thà, nghe lời, chịu thực hành. Bất luận là tại gia hay xuất gia, nam nữ, già trẻ v.v... chỉ cần phù hợp sáu điều kiện này, họ thật sự chính là “Bảo”.

“*Phụng sự sư trưởng*”: “Phụng” là tôn sùng, phụng dưỡng; “sự” là phục dịch, hầu hạ. “Phụng sự” là tôn kính, hầu hạ. Điều này vào thời xưa thì có thể làm được.

Trong sách cổ Trung Quốc nói: thời “Tam Hoàng” lấy “Đạo” trị quốc, thời “Ngũ Đế” lấy Đức để trị quốc. Đến thời Tam Vương

(là Hạ, Thương, Chu) lấy “nhân” trị quốc. Đời “Xuân Thu chiến quốc” lấy “nghĩa” trị quốc. Đến nhà Tần thống nhất Trung Quốc, mười lăm năm sau mất nước, nhà Hán dành được thiên hạ. Từ nhà Hán đến thời nhà Thanh là lấy “Lễ” để trị quốc. Đây là những gì người xưa nói về “Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa, Lễ”. “Lễ” nếu như không có thì thiên hạ sẽ đại loạn. Ngày nay chúng ta nhìn thấy rồi! “Lễ” không còn, bất kể dùng phương pháp gì cũng không trị được quốc gia, xã hội vĩnh viễn không thể hồi phục hòa bình, an định.

Xã hội ngày nay hoàn toàn trái ngược! Giáo dục đặt ở sau cùng! Đồng thời nội dung giáo dục hoàn toàn bị biến chất, đem kinh tế đặt lên hàng đầu. Vấn đề này Mạnh Tử rất phản đối. Mạnh Tử nói với Lương Huệ Vương: “Lợi thị nhân chi tất tranh”. Nếu như con người tranh đấu qua lại, xã hội này chắc chắn có nguy cơ động loạn, nên ông nói: “Thượng hạ giao chi lợi, kỳ quốc nguy hi”. Ngày nay, toàn bộ thế giới có quốc gia nào không đặt kinh tế lên hàng đầu? Có người nào không tranh lợi?! Hiện nay là cổ vũ mọi người tranh lợi. Cái này không cần phải cổ vũ cũng đã toàn tâm toàn lực tranh giành rồi, cổ vũ nữa thì chịu sao thấu! Giáo dục ở học đường từ trường mầm non đã dạy cạnh tranh, xã hội làm sao không động loạn! Tai nạn làm sao không có!

Người ngày nay không đọc sách Thánh Hiền! Những gì người xưa nói như: “*Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ*”, người ngày nay đều không cần nữa! Cho rằng giáo dục của Thánh Hiền là những thứ cặn bã, nhảm nhí, quá cũ kỹ, cần nên vứt bỏ!

Khoa học nước ngoài nói: Khi khoa học phát triển đến cực điểm thì nhân loại sẽ bị hủy diệt! Hiện tượng này ngày nay chúng ta đã nhìn thấy cũng không khác gì nhiều! Khoa học cũng cho chúng ta biết, địa cầu này khoảng năm, sáu mươi ngàn năm về trước, công nghiệp khoa học rất phát triển, Atlantic bị chìm xuống Đại Tây

Dương, đây là đại tai nạn! Cũng trình tự này, họ tiên đoán tương lai Atlantic sẽ nổi lên lại và Âu châu sẽ chìm xuống đáy biển! Chúng ta vừa thích thú chờ xem Atlantic có nổi lên chăng? Cũng vừa lo sợ Âu châu chìm xuống! Con người không tin vào luân lý đạo đức, chỉ biết mưu tính danh lợi, hưởng lạc hết mình! Ngày tận thế của Atlantic đang dần dà diễn biến lại trước mắt chúng ta, nhân tố căn bản cũng chính là xao lãng giáo dục! Chúng ta xem đoạn kinh văn này cảm xúc rất sâu sắc!

“*Phụng sự sư trưởng*”: chữ “sư” ở đây là người dạy đạo cho ta (“đạo” là đạo lý), “trưởng” là người có đức hạnh, hoặc vai vế cao hay lớn tuổi hơn ta, chúng ta đều phải biết tôn kính.

Trong Khuyển Phát Bồ Đề Tâm Văn, ngài Tĩnh Am viết: “*Nếu chẳng có thể gian sư trưởng làm sao biết được lẽ nghĩa. Nếu không có bậc xuất thế sư trưởng, chẳng hiểu nổi Phật pháp. Chẳng biết lẽ nghĩa thì khác gì cầm thú, chẳng hiểu Phật pháp, có khác gì tục nhân?*”. Ân sư trưởng sâu nặng nên phải phụng sự. Mật Tông còn xem cung kính Thượng Sư là căn bản giới. Trong Hiền giáo là “Tam Qui”, trong Mật giáo là “Tứ Qui”. Điều đầu tiên của họ là “Qui y Thượng Sư”, “thượng sư” đặt ở số một. Nếu không có Thượng Sư làm sao biết được Tam Bảo “Phật, Pháp, Tăng”. Nếu bạn đến Nhật Bản tham học có thể nhìn thấy Phật Giáo Nhật Bản tôn trọng Tổ sư hơn cả tôn trọng Phật. Điện thờ Tổ sư rất trang nghiêm; điện thờ Phật, Bồ Tát là hàng thứ hai. Điều này cũng có lý!

- Ta nhờ đâu mà biết Phật?

- Nhờ thầy giáo giới thiệu!

Thậm chí, “*Nhất thiết cúng dường công đức trung, cúng dường Thượng Sư tối vi thắng*” (Trong hết thầy công đức cúng dường, cúng dường Thượng Sư là tối thắng). Cho thấy “Phụng sự sư trưởng” thật sự là một nhiệm vụ rất quan trọng trong việc tu hành.

Ân Quang Đại Sư trong “Văn Sao” nói rất nhiều về “Hiếu thân tôn sư”. Đây là căn bản lớn của học vấn thế, xuất thế gian. Nếu không có hiếu thân, không có tôn sư; Phật, Bồ Tát có đến cứu bạn cũng không được! Ân Tổ thường nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích. Mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chữ “lợi ích” ở đây có nghĩa là bạn có thể lãnh hội được. Nếu không có chân thành, cung kính thì cái gì bạn cũng không thể tiếp thu được. Có tâm chân thành, cung kính mới có thể nghe được âm thanh ngoài ngôn ngữ, đây chính là bạn có chỗ ngộ. Ân đức của sư trưởng vĩnh viễn không quên. Tổ đình của Phật Giáo Nhật Bản, bên trong thờ cúng những đại đức thời Tùy, Đường của Trung Quốc. Đặc biệt có rất nhiều tượng của Thiện Đạo Đại Sư và tượng của Trí giả Đại Sư. Đây là hai vị thầy mà người Nhật Bản tôn kính nhất.

Sách Hội Sớ nói: *“Thử phụng sự sư trưởng trung, hàm nhiếp hiếu dưỡng phụ mẫu chi cữ”* (Trong phụng sự sư trưởng này còn bao hàm cả ý hiếu dưỡng cha mẹ). *“Sư giả xuất thế đại bản, phụ mẫu thế gian phước điền. Bồ Tát tất tu cung kính, phụng trì”* (Sư là căn bản xuất thế, cha mẹ là ruộng phước trong thế gian, Bồ Tát tất phải cung kính phụng trì). Thuyết này thật rất có căn cứ, vì như Quán Kinh nói: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*.

Phụ nữ ngày xưa nhận được sự tôn trọng và có địa vị rất cao, không như làm tỳ tướng của một số người, nhất là thành phần tri thức, họ cho rằng thời xưa phụ nữ bị ngược đãi, bị xem thường! Sai rồi! Bạn đọc Cổ Lễ của Trung Quốc sẽ hiểu rõ. Trong lịch sử nói đến thời đại nhà Chu. Triều đại nhà Chu tám trăm năm, dài nhất trong lịch sử Trung Quốc.

- Nền tảng tám trăm năm này là do ai tạo nên?

- Do ba người phụ nữ: Thái Khương, Thái Nhậm, và Thái Tự.

Ba phụ nữ này đã làm hết trách nhiệm mà họ nên làm. Họ dạy con trai là: Văn Vương, Võ Vương, Chu Công. Trong mắt của Khổng Tử: Văn Vương, Võ Vương, Chu Công đều là đại Thánh nhân. Ba bà mẹ nhà Chu đều có chữ Thái, nên về sau chòng gọi vợ mình là “Thái Thái” hàm nghĩa là rất tôn quý, đó chính là nói bạn đối xử với vợ nên đối xử như triều đại của nhà Chu. Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự là mẹ của Thánh nhân. Đứa trẻ mà họ sinh ra và dạy dỗ đều là bậc đại Thánh hiền: Biết luân lý, biết lễ nghĩa, biết tôn sư trọng đạo; đây là do cha mẹ dạy, đặc biệt là người mẹ.

Người xưa bảy tuổi đi học. Trẻ con nếu thông minh, lanh lợi, sáu tuổi có thể đi học. Khi đi học thì thầy giáo dạy. Cho nên, thầy giáo là tiếp nối từ sự giáo dục của gia đình. Thời xưa, năm thế hệ cùng ở một nhà, không có phân chia. Cho nên, con em trong gia đình rất đông, mời thầy giáo đến nhà mở lớp học. Thầy giáo sẽ đón lấy trách nhiệm của người mẹ, “Thân hành, ngôn giáo”, bản thân thầy cần làm tấm gương cho học trò xem. Học trò và thầy giáo sinh hoạt ở cùng một nơi. Bảy tuổi đã không sống cùng cha mẹ mà ở cùng thầy. Thầy giáo dạy dỗ, quan trọng nhất là dạy giáo dục, luân lý, đạo đức; không phải dạy bạn đọc sách; đọc sách là phần phụ. Đọc sách là nền tảng trong học thuật, chỉ dạy đọc không giảng nghĩa, bảo bạn học thuộc.

- Một ngày cần thuộc bao nhiêu chữ?

- Người thượng căn thông minh, trí nhớ tốt, tiêu chuẩn là bảy trăm chữ. Một ngày phải học thuộc bảy trăm chữ.

- Làm sao có thể đo lường được trình độ của học sinh?

Thầy giáo chọn trước bài văn bảy trăm chữ bảo chúng đọc. Nếu đọc mười lần có thể thuộc tức là chúng có năng lực này. Nếu đọc mười lần không thuộc; giảm bớt còn năm trăm chữ, đây là tiêu chuẩn trình độ bậc trung. Năm trăm chữ cũng đọc mười lần; nếu đọc

mười lần vẫn không thuộc thì giảm xuống còn ba trăm chữ. Ba trăm chữ vẫn không thuộc thì kém hơn một chút, vẫn tạm được, học thuộc một trăm chữ, hai trăm chữ. Sau khi học thuộc, thầy giáo sẽ đốc thúc chúng học thuộc lâu một trăm lần, chúng sẽ không quên. Mỗi ngày ôn lại một lần. Hôm nay đi học, đem những gì học hôm qua đọc thuộc lòng một lần cho thầy nghe, rồi học tiếp cái mới. Căn tánh của học sinh là đánh giá từ chỗ này.

Cho nên, trình độ mỗi em không giống nhau, chương trình học của mỗi em cũng khác, tiến bộ không như nhau. Rất thiết thực! Sau khi học thuộc lòng, suốt đời chúng cũng không quên. Đến tám, chín mười tuổi viết văn chương, hay trò chuyện không cần phải tra cứu tài liệu, cứ một mạch văn chương thuận miệng mà nói ra. Huấn luyện học sinh là như vậy.

Tóm lại, trong tiểu học từ bảy đến mười hai tuổi, chỉ chú trọng học thuộc lòng. Phần giảng giải là ở Đại học gọi là Thái Học (trước kia không có Trung học). Đưa học giỏi thì mười ba tuổi lên Thái Học. Lên Thái Học là tuổi từ mười ba đến mười lăm. Lên Thái Học, thầy giáo sẽ giảng giải rõ ràng những bài văn mà trẻ đã thuộc lòng trước đây ở Tiểu học. Lúc giảng giải không cần dùng sách vì chúng đều đã thuộc. Cho nên, lên Thái Học không cần phải mang cặp sách quá nặng như bây giờ.

- Văn hóa truyền thống Trung Quốc suy yếu là do đâu?

- Do Từ Hi Thái Hậu đối với bậc Thánh Hiền không tôn trọng! Trên làm, dưới theo! Từ Hi Thái Hậu cách chúng ta ngày nay hơn hai trăm năm. Sau khi nhà Thanh mất nước, không còn nói đến truyền thống văn hóa. Văn hóa xưa không thể phục hưng thì xã hội này vĩnh viễn không có hòa bình, đồng thời sẽ có nỗi lo diệt chủng, mất nước!

Câu “*nhược vô thể gian sư trưởng, tắc bất tri lễ nghĩa*” (Nếu chẳng có thể gian sư trưởng làm sao biết được lễ nghĩa), đây là sự thật!

Tôi đến Đài Loan, năm hai mươi sáu tuổi tôi theo thầy Phương Đông Mỹ học triết học. Thầy đem triết học trong kinh Phật giới thiệu cho tôi. Cách khoảng nửa năm sau, tôi quen biết Đại Sư Chương Gia, đây là vị thầy xuất thế. Tôi ở Đài Loan một mình, bạn bè thân thuộc đều không có, không ràng buộc vướng mắc. Đại Sư khuyên tôi xuất gia. Cho nên, xuất gia là Đại Sư lựa chọn con đường này cho tôi, dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Căn bản Phật pháp tôi có được là tiếp nhận từ Chương Gia Đại Sư; Nho giáo tôi có được là tiếp nhận từ thầy Lý. Giống như thi chạy tiếp sức, đoạn đường của tôi đã chạy xong rồi, nay đến lúc tôi nên giao lại cho thế hệ tiếp theo.

- Có người tiếp nhận hay không?

- Có! Không ít người tôi vẫn chưa gặp mặt, họ học từ đĩa CD, học từ mạng internet, học từ vệ tinh. Thật sự họ có thành tựu. Tôi nhận được tin này hoan hỉ vô cùng.

Dùng vệ tinh dạy học là do thầy Phương Đông Mỹ nói cho tôi biết. Năm đó, ông nói với tôi, tôi không dám tưởng tượng, việc này tiêu tốn rất nhiều tiền, làm gì có được phước báo đó! Không ngờ trong thánh chúng có những vị, họ đến để đầu tư: Phần mềm do chúng tôi cung cấp, tất cả thiết bị đều do họ đầu tư, chúng tôi không phải lo lắng. Dùng mạng internet, tính đến năm nay 2011, chúng tôi đã dùng gần hai mươi năm; dùng vệ tinh bắt đầu từ nguyên đán năm 2003, đến nay là chín năm rồi. Thật sự rất nhiều người từ trên vệ tinh, mạng internet, mỗi ngày chúng ta cùng ở một nơi cộng tu. Pháp hỉ sung mãn!

Trước mắt chúng ta gần như có thể xây một trường học không trung. Tôi tin nhiều nhất là hai năm sau, chúng ta dùng vệ tinh và mạng internet; người có thể dạy học, tôi ước đoán có khoảng mười người, trong đó người tại gia nhiều. Những người này họ thật sự học, thật sự làm. Không những rất chắc chắn với những gì đã học, họ còn có kinh nghiệm áp dụng trong đời sống. Tôi đã nói rất nhiều năm rồi, xã hội ngày nay tuy động loạn, tai nạn dòn dập, nếu có được mười hoặc hai mươi người giáo viên giỏi, mỗi ngày dùng truyền hình, dùng mạng internet để dạy học, với nội dung lành mạnh này, người trên toàn thế giới đều có thể xem được. Trong tiết mục truyền hình là chánh pháp dạy về Thánh hiền truyền thống, dạy về giáo dục tôn giáo, mỗi ngày phát sóng hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ngừng nghỉ. Chúng ta tin tưởng tà không thắng chánh. Tánh người vốn thiện, do không có ai dạy dỗ; nếu thật sự có người dạy, dần dà tâm họ sẽ chuyển biến quay đầu, thế giới hồi phục an định không phải là việc khó.

Năm xưa, chúng tôi ở trấn nhỏ Thang Trì làm ba năm thí nghiệm, chứng minh việc này có thể làm được. Không có ba năm thí nghiệm này, bản thân tôi cũng không dám có niềm tin. Người khác hoài nghi, bản thân tôi cũng hoài nghi. Qua thí nghiệm này thành công, nghi ngờ của chúng tôi đều không còn nữa. Trước đây, Đại Sư Chương Gia nói với tôi: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”, mấy tháng trước, thật sự là mỗi ngày đều cầu xin. Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông; Quốc Học Trị Yếu của đầu năm Dân Quốc, hai thứ này tuyệt bản rồi! Trải qua hơn tám mươi năm động loạn, cái này còn có thể tìm được sao?! Không ngờ có một đồng tu tốt bụng, trên mạng internet, nghe tôi nói hai bộ sách này họ thật sự đã tìm lại được. Quần Thư Trị Yếu tôi gửi cho nhà sách Thế Giới, nhờ họ in mười ngàn bộ. Sách đã in xong rồi; tiếp tục in Quốc Học Trị Yếu. Tôi tin

là bản in Quốc Học Trị Yếu sẽ tốt hơn bản in Quần Thư Trị Yếu, vì họ đã có kinh nghiệm rồi.

- Tài liệu có rồi, ai đi học? Ai phát đại Bồ Đề tâm?

- Đại Bồ Đề này không phải là tâm đại Bồ Đề trong Phật Giáo nói. Tôi chỉ mượn dùng danh từ này. Người nào thật sự phát tâm kế thừa tuyệt học của Thánh hiền, phát tâm gánh vác đem truyền thống văn hóa vực dậy, đây là sự nghiệp của Thánh hiền, phát tâm như vậy chính là Thánh nhân, là Hiền nhân.

Phát Bồ Đề tâm trong Phật Giáo là đem sự nghiệp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni tiếp tục truyền thừa cho mãi đến đời sau. Hạ Liên Cư lão cư sĩ gánh vác sứ mệnh hội tập Kinh Vô Lượng Thọ, đem sự nghiệp này làm thành công rồi. Đây là “Tục Phật Tuệ mạng, chánh pháp cứu trụ”. Trước đó có ba người đã hội tập Kinh Vô Lượng Thọ nhưng không được viên mãn, đó là cư sĩ Vương Long Thư đời Tống; cư sĩ Ngụy Mặc Thâm năm Hàm Phong đời nhà Thanh; cư sĩ Bành Tế Thanh thời đại Càn Long. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ hoàn thành bộ chú giải này cũng là sự nghiệp bất hủ.

Hôm nay, chúng ta ở nơi đây đem chú giải này ra tham khảo, đào sâu tường tận, cùng nhau học tập, công việc này là “Tục Phật tuệ mạng”. Chúng ta lưu hành đĩa CD hoàn chỉnh phát trên vệ tinh; chuyển giao lên mạng internet, bạn hữu đồng chí hướng trên toàn cầu đều cùng nhau học tập. Tôi hy vọng một, hai năm sau, phòng học này của chúng ta cần phải mở rộng. Không phải mở rộng thiết bị phần cứng mà là chương trình học của chúng ta. Hy vọng thấp nhất mỗi ngày, chương trình học của chúng ta có được tám tiếng đồng hồ, bao gồm: Phật học, Nho học, Đạo học, còn có Tôn Giáo học. Đây là chúng ta toàn tâm, toàn lực hướng về mục tiêu này mà làm ra một chút cống hiến thật sự đối với xã hội động loạn, thiên tai dồn dập này.

Học Viện thật sự mở trường học, chúng ta ra nước ngoài mời giáo viên giỏi đến đây dạy học, dạy học từ xa. Phòng học của chúng ta sẽ là phòng thu hình, đồng bộ phát ra toàn cầu. Đĩa CD lưu lại có thể giúp cho tất cả các nơi, họ muốn chọn theo phương thức của chúng ta khu vực nhỏ, hoặc dùng mạng internet, hoặc dùng vệ tinh đều tốt, đĩa CD chúng ta sẽ đáp ứng. Chúng ta đem văn hóa truyền thống, Phật học Đại Thừa, giáo dục tôn giáo đẩy rộng ra khắp thế giới, là việc tốt chúng ta nên làm.

Ngoài giảng kinh dạy học ra, tất cả những hoạt động khác chúng ta đều không tham gia, chỉ chuyên tâm đọc sách. Mỗi ngày đọc sách bốn tiếng đồng hồ, đến lớp bốn tiếng đồng hồ. Đây là điều thầy Phương nói “hương thụ lớn nhất của đời người”. Cho nên, ân đức đối với thầy vĩnh viễn không quên; đối với công đức của hộ pháp vĩnh viễn không quên. Không có thầy, chúng ta sẽ không biết phương hướng; không có hộ pháp, con đường này của chúng ta sẽ rất gian nan, khó có thể vượt qua. Thật sự cần có người bên cạnh, giúp đỡ.

“*Bất tri lễ nghi tắc đồng ư dị loại*”: Đây là người xưa nói, người không hiểu đạo đức, nhân nghĩa, lễ thì cùng với súc sinh đâu có gì khác nhau?!

“*Bất giải Phật pháp, tắc hà dị tặc nhân*” (Chẳng hiểu Phật pháp có khác gì kẻ phạm phu). Hiểu được Phật pháp có thể giúp chúng ta vượt thoát luân hồi, mở rộng không gian sống của chính mình. Không hiểu Phật pháp, chúng ta đời đời, kiếp kiếp vẫn sống trong luân hồi lục đạo. Sau khi học Phật mới biết được sinh mạng là vĩnh hằng, là bất diệt, tâm lượng chúng ta sẽ ngày càng mở rộng, như trên kinh Phật nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tự tại biết bao! Vui sướng biết bao! Cho nên, đối với ân thầy nhất định không được quên. “*Sư trưởng ân trọng cố ân phụng sự*”, ân sư trưởng sâu nặng nên phải phụng sự.

Thời xưa, lúc thầy tuổi già không ai chăm sóc, học trò có bổn phận phục dịch, chăm lo đời sống cho thầy (*Hữu sự đệ tử phục kỳ lao*) chúng ta đọc trong Luận ngữ thấy có ghi chép: Học trò của Khổng Phu Tử đều ở bên cạnh chăm sóc thầy. Xã hội ngày nay chẳng được như vậy, đến cha mẹ họ còn không chăm sóc huống chi là thầy!

“Vô hữu hư nguy, siểm khúc chi tâm” (Chẳng có tâm hư nguy, siểm khúc): “Hư” là hư vọng chẳng thật, “nguy” là hiện tượng đối trá, “siểm” là siểm mị, a dua, nịnh hót, nói theo chiều gió, đón ý người để nói vuốt theo; ta thường nói là “a-dua bợ đỡ”. “Khúc” là quanh co, không ngay thẳng, đối trá, tà vạy, hoàn toàn đi ngược lại tánh đức. Chẳng hư nguy, siểm khúc nên tâm đoan chánh, chất trực, không làm lỗi.

Tịnh Ảnh Sớ viết: *“Chẳng có tâm hư nguy, siểm khúc, nghĩa là lìa được các lỗi nơi tâm”*.

Xã hội ngày nay rất nhiều nguy cơ, chỉ cần có một chút xúc tác thì lập tức phát khởi như: Nguy cơ tiền tệ, nguy cơ lương thực, nguy cơ năng lượng, nguy cơ nguồn nước!

- Từ đâu mà có?

- Từ tư tưởng, ngôn hành sai lầm của con người mà tạo ra, không phải có sẵn trên địa cầu này! Sợ nhất là nguy cơ lương thực và nguy cơ nguồn nước.

Giới khoa học không ngừng nhắc nhở chúng ta: Mặt đất này đã bị ô nhiễm rồi! Ngoài những thứ mọi người biết rõ như: Thuốc trừ sâu, phân bón, còn có một số phế liệu do ngành công nghiệp thải ra, bên trong có rất nhiều chất tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người! Những thứ này phân tán khắp mặt đất, lương thực mọc lên bên trong cũng hàm chứa rất nhiều chất độc hại. Nếu ăn vào, lâu ngày

sẽ sinh ra rất nhiều thứ bệnh kỳ quái. Những bệnh này hiện tại chưa có thuốc chữa trị!

Tôi nhìn thấy một bản tin gọi là “Thống thống bệnh”, xương cốt toàn thân đều đau nhức, tới đến không ngủ được. Kiểm tra không tìm thấy nguyên nhân, sau cùng kiểm tra ăn uống, đem gạo đi xét nghiệm mới phát hiện ra trong gạo có thuốc trừ sâu. Cho nên, đất bị nhiễm độc, ngũ cốc nông sản mọc lên đều mang mầm độc. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Uống đắng ăn độc”. Đức Phật nói không hề sai! Chúng ta đang “uống đắng ăn độc”!

Thật may mắn cho chúng ta ngay trong đời này gặp được Phật pháp, gặp được Đại thừa, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, gặp được Phật A Di Đà. Nếu thật sự giác ngộ, thật sự rõ ràng rồi thì ngay trong đời này chúng ta nên buông bỏ tất cả, chỉ nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, đại tai nạn có hiện trước mắt, chúng ta cũng có chỗ tốt hơn để đi, di dân về thế giới Cực Lạc. Đây không phải là chết, công phu niệm Phật của ta thành tựu rồi, nói đi là đi, gửi tin cho Phật A Di Đà, ngài liền đến tiếp dẫn. Chúng ta ở thế giới này nhất định bỏ ác tu thiện, nhất định tích lũy công đức.

Một câu danh hiệu này đầy đủ tất cả công đức. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này nói rất thấu triệt. Đời này chúng ta nương tựa bộ kinh này, nương tựa danh hiệu này, mọi vấn đề đều được giải quyết, không nên tiếp tục làm những việc ngu xuẩn. Chúng ta chỉ có một phương hướng, một mục tiêu, kiên trì không từ bỏ, ngay đời này quyết định sẽ thành tựu. Kinh Duy Ma, phẩm Phật Quốc có nói: “*Trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ*” (Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát). Ngài Tăng Triệu giảng: “*Trực tâm là chất trực, chẳng dua dối, tâm này là gốc của muôn hạnh*”. Lời này thật thiết yếu chớ nên xem thường.

KINH VĂN:

Trang nghiêm chúng hạnh, quĩ phạm cụ túc, quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch, thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá, thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi, thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

VIỆT DỊCH:

Trang nghiêm các hạnh, quĩ phạm đầy đủ, quán pháp như huyễn hóa, tam-muội thường tịch, khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác, khéo giữ gìn thân nghiệp chẳng mất luật nghi, khéo giữ gìn ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm.

GIẢNG:

Tịnh Ảnh Sớ giảng chữ “*Trang Nghiêm chúng hạnh*” (Trang nghiêm các hạnh) như sau: “*Ý nói thành tựu các hạnh*”. Chữ “*trang nghiêm*” giải thích trong nhà Phật gọi là “phước, trí nhị nghiêm”, người thời nay gọi là “chân, thiện, mỹ, tuệ”. “*Chúng hạnh*” là hết thảy các hạnh, bao gồm tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ tạo tác trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Tư tưởng kiến giải là hành vi của tâm; ngôn ngữ tạo tác là hành vi của thân. Bồ Tát dùng phước và trí để trang nghiêm Lục Độ, trang nghiêm Tứ Vô Lượng Tâm, trang nghiêm Tứ Nhiếp Pháp, trang nghiêm Ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v...

Từ trong giải thích này, chúng ta có thể thể hội được: Phật, Bồ Tát dạy chúng ta trải qua đời sống phước tuệ cứu cánh viên mãn. Không luận ở đâu, nghề nghiệp nào, cách đối nhân xử thế tiếp vật đều tràn đầy trí tuệ, phước đức cao độ; từng ti từng tí dùng mười nghiệp thiện thực tiễn ngay trong cuộc sống thường ngày. Phật dạy chúng ta: “*Ngày đêm phải thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp và quán sát thiện pháp*”.

“Thường niệm thiện pháp”: Thiện pháp này chính là “Thập thiện nghiệp đạo”. Chữ “ngày đêm” là nói không gián đoạn. Không phải đem “Thập thiện nghiệp đạo” treo nơi cửa miệng! Ngày đêm khởi tâm động niệm đều tương ứng với “thiện pháp”, đây gọi là “thường niệm”.

“Tư duy thiện pháp”: Là ngay trong cuộc sống thường ngày, đối nhân xử thế tiếp vật phải tư duy bằng cách nào để giúp người khác đoạn ác tu thiện.

“Quán sát thiện pháp”: Ngay trong đời sống thường ngày chỉ thấy cái tốt của người, không thấy lỗi xấu của người, đây là “Bồ Tát hạnh” chúng ta phải học.

- Vì sao phải học?

- Đạo lý rất đơn giản! Thấy cái ác của người, ghi nhớ cái ác của người, tâm thiện của chúng ta liền bị phá hỏng, bị xen tạp cái bất thiện của người, không phải là bất thiện của ta, việc này có oan uổng không?!

Cho nên, chúng ta ngay chỗ này mà sâu sắc thể hội: Tất cả thiện ác, nhân quả hoàn toàn do chính mình gánh lấy trách nhiệm, không liên quan gì đến người khác. Lời nói của họ, hành vi của họ dù có bất thiện không liên quan gì với ta, sao phải kéo nó về phá hoại tâm thiện, hành thiện của chính mình?! Trong Phật pháp thường nói: Thấy như không thấy; nghe như không nghe, quyết không để nó vào tâm. Phàm phu không hiểu đạo lý, chân tướng sự thật này, luôn luôn là oán trời, trách người, dường như đều do người khác hại họ, cách nghĩ này sai lầm! Người khác không thể hại họ, có chăng là chính họ tự hại mình! Đây là lời chân thật cũng chính là chân tướng sự thật.

“Trang nghiêm chúng hạnh”: “*Chúng hạnh*” ở đây, đơn giản mà nói, chính là từng li từng tí trong sinh hoạt thường ngày thuần

thiện vô ác, đây là “*trang nghiêm*”. Trong thuần thiện đầy đủ phước đức, trí tuệ.

Sách Niết Bàn Ký, quyển hai mươi bảy nói: “*Hai thứ trang nghiêm: Một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy thì biết được Phật tánh*”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: “*Biết được Phật tánh*” tức là “*minh tâm kiến tánh*”. Đầy đủ hai loại trang nghiêm như vậy là đầy đủ sáu Ba-la-mật. Quan trọng nhất là trí tuệ, tức là buông bỏ, nhìn thấu. Buông bỏ là tự lợi, muốn lợi sanh thì phải nhắc lên, đây là đại từ đại bi của Bồ Tát. Buông bỏ tất cả nhưng không lợi sanh, đây là Tiểu Thừa A-la-hán.

Thám Huyền Ký, quyển ba bảo: “*Trang nghiêm có hai nghĩa: Một là đầy đủ đức, hai là trang hoàng*”. Nên biết “*Trang nghiêm chúng hạnh*” có nghĩa là trong mỗi hạnh đều từ tánh khởi tu, hoàn toàn tu nơi tự tánh nên Tịnh Ảnh Sớ cho rằng “*Trang nghiêm chúng hạnh*” là *hiển bày “sở hành thành tựu”* (thành tựu các hạnh).

Hòa Thượng Tịnh Không tán thán câu nói này rất hay. Ý nói khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều từ tự tánh tự nhiên hiển lộ, không hề có chút miễn cưỡng nào, nó vốn tự nhiên như vậy. Nên nhớ: Không làm được “*lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy*” thì không làm được “*trang nghiêm chúng hạnh*”. Chúng ta ngày nay tu hành khó khăn nhất chính là điều này!

- Vì sao tại gia không thể thành Thánh, xuất gia không thể thành Phật?!

- Nguyên nhân chính là không nhẫn chịu được khổ, không thể trì giới! Ngũ giới, thập thiện đều không làm được! Đây là căn bản của đại giới.

Trong Hoa Nghiêm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Quốc Sư Hiền Thủ đưa ra bốn đức, trong đó cái thứ nhất là “*Tùy duyên diệu dụng*”. Chúng ta chỉ có thể làm được “*Tùy duyên*” nhưng “*diệu dụng*” thì không làm được! Chúng ta là “*Tùy duyên tạo nghiệp*”: Tùy thiện duyên, tạo thiện nghiệp; tùy ác duyên tạo ác nghiệp. Kế đến là “*oai nghi hữu tác*”, đây là “*Trang nghiêm chúng hạnh*”, là đầy đủ “*Quỹ phạm*”, chúng ta không đủ để làm gương cho người khác!

Khi thầy Lý còn ở đời thường nói: Các ông bà cụ thật đáng nể! Từ sáng đến tối chỉ một câu A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra, không có gì cả. Bất luận gặp ai họ đều cung kính: “A Di Đà Phật”, tâm khẩu nhất như không hề có tạp niệm, hỏi gì họ cũng không biết, đúng là đầu óc đơn giản, cuộc sống đơn giản. Suốt đời thầy muốn học ông bà cụ mà học không giống được! Học không dễ! Vì sao? Vì chưa thật sự nhìn thấu, buông bỏ triệt để! Dứt hẳn trần duyên của thế gian, thâm tâm thanh tịnh chỉ thuần một câu “A Di Đà Phật”, người này thật đáng khâm phục! Thật khó được!

Cư sĩ Hoàng Trung Sướng làm mô phạm cho chúng ta. Đây là một thanh niên chỉ ngoài ba mươi tuổi, niệm Phật hai năm, mười tháng, biết trước giờ đi, không có bệnh khổ, thật sự vãng sinh. Ai có thể sánh bằng anh? Đây là đại Thánh, đại Hiền không phải người bình thường!

“*Quỹ phạm cụ túc*” (Quỹ phạm đầy đủ):

“*Quỹ*” là qui củ, phép tắc, khuôn phép.

“*Phạm*” là mô phạm, là tấm gương tốt. Do sở hạnh đầy đủ phước trí nên nói ra điều gì cũng trở thành qui tắc; làm gì cũng trở thành mẫu mực cho đại chúng, nên bảo là “*Quỹ phạm*”, cũng chính là “*Thường pháp*”, đều thành pháp chuẩn mực chẳng thể biến cải được, cái pháp này siêu việt cả thời gian lẫn không gian, không có khiếm khuyết. Tư tưởng, ngôn hành của Bồ Tát tuyệt đối không vượt

quá giới hạn, như xe lửa chạy trên đường rầy, không ra khỏi đường rầy. Hai đường quỹ đạo của Bồ Tát là phước đức và trí tuệ. Phước đức là lợi ích chúng sinh; trí tuệ là không nhiễm chút bụi trần.

Người thế gian bất luận làm gì, họ đều có ý đồ, có mục đích, tất cả cũng không ngoài danh văn lợi dưỡng! Là đệ tử Phật, người tu hành chân chánh, cho dù có được quốc vương ban tặng phong hiệu, họ cũng không xem đó là vinh dự. Tôi theo học với Đại Sư Chương Gia ba năm. Thời nhà Thanh phong cho ông là Quốc Sư. Đến năm Dân Quốc, chính phủ cũng ban phong hiệu cho ông. Ông nói với tôi: Đây là bất đắc dĩ, nhận một cách miễn cưỡng. Người ngoài thấy ông địa vị rất cao không dám đến gặp. Thật là oan uổng! Thật ra, Đại Sư rất bình dị, dễ gần.

Chúng ta nên nhớ: Suốt đời đức Phật Thích Ca không có phong hiệu. Trên kinh nói: Trong các đệ tử tại gia của Phật có mười sáu vị đại quốc vương đều đã quy y với Phật. Phật là Quốc sư thật sự nhưng không cần có phong hiệu này. Vì sao? Vì Phật không muốn trở thành tấm gương này để tránh cho đệ tử sau này không tranh danh đoạt lợi. Đây là trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật, là tấm gương tốt nhất đầy đủ “*Quỹ phạm*”.

Mười năm trước, tôi ở Úc châu (năm nay là năm 2011), trường Đại học muốn trao tặng tôi học vị, mời tôi làm giáo thọ. Lúc đó, tôi cự tuyệt: Quý vị mời tôi đến diễn giảng, dạy học, tôi sẽ đến, nhưng tôi không cần danh hiệu này!

Hiệu trưởng nói với tôi: Hy vọng tôi có thể đại diện trường, tham gia Hội nghị Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc, làm nên một chút công hiến. Những người được mời phải cần có bằng cấp, có học vị, có thân phận giáo sư. Tôi bất đắc dĩ phải nhận lời họ là như vậy, không cảm thấy chút vinh quang nào! Nên nhớ: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, ngay cả thế giới này cũng là giả, hư danh này có ý

nghĩa gì đâu! Đôi khi cũng có chút lợi ích là đem đến một ít phương tiện cho việc hoằng pháp lợi sinh. Có nhân duyên này nhất định phải làm, không làm là không có tâm từ bi.

Con người phải có thật đức, phải có thật học, tự nhiên được mọi người tôn kính. Không có thật đức, thật học, cho dù có nhiều bằng cấp tiến sĩ, vẫn không được mọi người xem trọng! Tôi đã từng gặp qua trong đời ba, bốn mươi người có bằng Tiến sĩ nhưng không được xã hội tôn trọng! Cũng rất có thể họ là Bò Tát hiện thân để nói lên rằng: “*Bằng cấp không quan trọng mà quan trọng là đức hạnh*”. Họ thậm chí không bằng một cụ bà lão thật niệm Phật được mọi người tôn kính vì biết rằng bà nhất định sẽ được vãng sinh thành Phật. Riêng họ, cho dù lấy được nhiều học vị Tiến sĩ nhưng vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo, vậy thì có ý nghĩa gì?!

“*Quỹ phạm cụ túc*”, người xưa Trung Quốc hiểu được, người hiện tại xem thường!

Chúng ta quan sát tỉ mỉ giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền: Hán Võ Đế chế định “*Quỹ phạm giáo dục*” hơn hai ngàn năm mãi đến triều nhà Thanh. Suốt thời gian đó thay triều, đổi ngôi nhiều lần; điển chương, văn vật, chế độ v.v... đều có cải cách. Người Mông Cổ vào làm chủ Trung Quốc đến người Mãn Thanh vào làm chủ, chế độ thay đổi tương đối lớn. Thế nhưng, “*Quỹ phạm giáo dục*” của cổ Thánh tiên hiền trước sau không hề thay đổi. Thử nghĩ đây là đạo lý gì?

- Vì sao Hán Võ Đế chế định chính sách giáo dục có thể kéo dài hơn hai ngàn năm, mỗi triều đại đều tuân thủ không dám thay đổi?

- Việc này đáng để chúng ta suy xét và phản tỉnh! Mãi đến khoảng năm Dân Quốc mới hoàn toàn đem nó phứt bỏ, cho rằng thứ này quá xưa cổ, mục nát rồi! Đó là công cụ thời chuyên chế Đế vương

thống trị nhân dân không phù hợp với chế độ dân chủ tự do mở rộng hiện tại.

- Từ Dân Quốc đến hiện nay (năm 2011) cũng khoảng tám, chín mươi năm. Tám, chín mươi năm này người Trung Quốc trải qua đời sống như thế nào?

- Nếu đem điển tích cổ xưa, tỉ mỉ mà đọc qua, chúng ta sẽ thấy ngày nay trải qua đời sống không bằng người xưa!

Mọi người bây giờ đều cho rằng người thời xưa sai, nghĩ sai, nói sai và làm cũng sai! Thế nhưng, vào thập niên bảy mươi, năm 1970, người Trung Quốc ngưỡng mộ người nước ngoài thì tiến sĩ Thang Ân Tử người nước Anh đã nói: *“Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng, Mạnh của Trung Quốc và Phật Giáo Đại thừa”*. Đây là người Trung Quốc chúng ta không cần, nhưng hiện tại người nước Anh nhật được xem thành bảo bối! Ba năm trước: Đại học, Trung học, Tiểu học của nước Anh đều lấy học thuyết Khổng, Mạnh cùng Phật pháp Đại thừa để vào trong sách của nhà trường. Họ chăm chỉ học tập. Kế đến là Úc châu sẽ tiếp bước. Hai năm trước, ở Úc châu, sách giáo khoa trong trường cũng chọn dùng kinh Phật.

Chúng ta hiện tại chính mình cũng chưa giác ngộ! Tuy nhiên, tôi cũng nhìn thấy có số ít người ở Trung Quốc, ở Đài Loan, ở Mã Lai còn đề xướng trẻ nhỏ đọc kinh. Số ít người này là người giác ngộ, họ biết được muốn xã hội an định, thế giới hòa bình, nhân dân hạnh phúc, không có gì hơn là tìm lại quỹ phạm của cổ Thánh tiên hiền.

Giáo huấn của cổ Thánh tiên hiền, không luận là thế gian hay xuất thế gian đều phát xuất từ tự tánh, không phải tư tưởng của một người nào. Bởi tánh đức là vĩnh hằng, bất biến, viên mãn, nếu trái ngược lại thì tai nạn sẽ liền đến, như: Hiếu thân tôn sư, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp v.v... đều là tánh đức vốn dĩ đầy đủ, vốn

đĩ như vậy. Cho nên, trong Phật pháp gọi thành Phật tức là hồi phục lại tánh đức vốn có mà thôi. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Viên mãn Bồ Đề, qui vô sở đắc*” là như vậy.

“*Quỹ phạm cụ túc*”, đức Phật đầu tiên biểu diễn cho chúng ta thấy, mỗi ngày Phật chỉ có ba việc: Giảng kinh, nhập định và khát thực. Cuộc sống chỉ đơn giản như vậy.

- Cuộc sống này có ý nghĩa gì?

- Có niềm vui lớn! Người bình thường không thể hội được!

Thời xưa không có thuật in ấn. Lúc Phật còn tại thế, căn bản không có sách. Kinh điển là sau khi Phật nhập diệt, do hàng đệ tử kết tập. Sự việc này khiến ta có thể nghĩ đến: Khi Thế Tôn còn tại thế, việc học tập của các đệ tử là nghe kinh, nghiên cứu thảo luận, chia sẻ tâm đắc ngoài ra không có tài liệu tham khảo. Do vậy, càng đơn giản lại càng có hiệu quả.

Hiện nay, tài liệu cả chồng sách vở, lại càng khiến đầu óc chúng ta rối tung chẳng học được gì! Khi tôi học giảng kinh ở Đài Trung, thầy qui định chỉ được chọn một loại chú giải để tham khảo. Vì sao? Như vậy tâm không bị loạn, tư tưởng sẽ mạch lạc. Nếu tìm sách tham khảo của hai tác giả, tư tưởng và cách nói của họ không giống nhau khiến ta phân vân không biết phải bắt đầu từ đâu?! Ba loại sách tham khảo, chính là ngã ba đường, bốn loại sách tham khảo chính là ngã tư đường, ta không học được gì!

Ngày nay, tư liệu phong phú gấp trăm lần thời xưa, nhưng thành tựu của chúng ta không đạt được, cho dù chỉ bằng một phần trăm của họ!

- Đó là vì sao? Phải chăng trí tuệ ta không bằng họ?!

- Chưa chắc!

- Đức năng chúng ta không bằng họ chăng?
- Cũng chưa chắc!
- Vì sao có sai biệt lớn đến như vậy?!
- Phương pháp sai! Dùng tâm không giống nhau!

Tâm cổ nhân là tâm chân thành, không có tư lợi. Tâm người thời nay là tâm tư lợi quá nặng, thiếu sự chân thành, cung kính nên không thể thành tựu!

Nói thật với bạn: Cuộc đời tôi đọc sách không nhiều, sưu tập sách thì rất nhiều. Đây là cung cấp cho mọi người dùng. Tôi không cần những thứ này! Hôm nay, tôi chỉ giảng một loại nên chỉ cần loại này. Lần này, cùng các bạn học Kinh Vô Lượng Thọ; chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tài liệu tham khảo của tôi chỉ có bốn loại:

- Một là Đại Tỳ Điền Trung Văn.
- Hai là Tỳ Điền Phật Học.
- Ba là Tam Tạng Pháp Số.
- Bốn là Giáo Thừa Pháp Số.

Chỉ có bốn loại này. Tôi không tìm nguyên bản để tra, như vậy rất phiền. Trong Tam Tạng Pháp Số, trong Đại Tỳ Điền Phật Học đều có nhưng không nhiều. Rất đơn giản khi gặp chướng ngại khó khăn không hiểu, buông bỏ tất cả đi lạy Phật A Di Đà. Lạy khoảng ba trăm lạy, hình như đã biết, đã hiểu rõ. Đây là thầy Lý dạy tôi cầu cảm ứng, thành tâm thành ý cầu Tam Bảo gia trì. Điều này cần phải có phước, có tuệ. Hai chữ này quá quan trọng: “*Phước*” là lợi tha, “*Tuệ*” là không tư lợi, là thật sự buông bỏ được. Trong tư lợi, tổn hại nghiêm trọng nhất đến bản thân là danh văn lợi dưỡng. Danh văn lợi dưỡng của mình phải đem tặng cho người khác. Tuổi tác tôi đã lớn không biết ra đi lúc nào. Tôi không thể để tài khoản còn trong ngân hàng, tương lai người ta sẽ mất tôi!

- Số tiền này do mười phương cúng dường nên tiêu nó như thế nào?

- Tôi có cách tiêu!

Năm trước nhà sách Thương Vụ tái bản Tứ Khố Toàn Thư, tôi đặt một trăm bộ, mỗi bộ năm mươi ngàn đô la Mỹ, họ cho tôi giá tiền ưu đãi nhất. Một trăm bộ bằng năm triệu đô la Mỹ. Năm ngoái, tôi đặt tại nhà sách Thế Giới, hai trăm bộ Tứ Khố Hội Yếu, mười ngàn bộ Quần Thư Trị Yếu, mười ngàn bộ Quốc Học Trị Yếu, hạp lại tất cả cũng khoảng năm triệu đô la Mỹ. Vậy là tiêu hết mười triệu đô la Mỹ. Tiền không còn! Số sách này là một chút công hiến cho nền truyền thống văn hóa xưa.

Tôi không đọc những quyển sách này. Bây giờ tôi niệm Phật A Di Đà cầu vãng sinh. Đây là cung cấp cho những người trẻ tuổi có lòng, vì vạn thế khai tuyệt học, vì vạn thế khai thái bình. Những học thuật truyền thống như Nho giáo, Đạo giáo là cơ sở của Phật pháp. Tôi từng nói rất nhiều lần: Thời đại Tùy, Đường, chư vị Tổ sư đại đức bỏ Tiểu Thừa, dùng Nho và Đạo để thay thế. Cho nên Nho, Đạo là cơ sở, là gốc rễ của Đại Thừa. Không có gốc rễ của Nho và Đạo tức không có Đại Thừa, điều này không thể không biết. “Toàn Thư” và “Hội Yếu” là quốc bảo của quốc gia, là văn hóa từng thư quan trọng nhất suốt năm ngàn năm qua. Hai bộ tùng thư này sau khi in ấn xong, mục tiêu là tặng cho thư viện và trường Đại học các nước, cung cấp cho họ để làm tham khảo.

- Phân lượng quá lớn phải bắt đầu học từ đâu?

- Cổ nhân đã nghĩ đến điều này! Theo tôi, họ không phải là người bình thường mà là Phật, Bồ Tát tái sinh. Trong tâm ta nghĩ đến, họ đều đã làm xong.

Quốc Học Trị Yếu là nhập môn của Tứ Khố. Họ trích lục từ trong Tứ Khố hay nhất, chọn ra một cuốn trong bộ “Kinh”, cũng chọn một cuốn trong bộ “sử”. Trong bộ “sử” có hai cuốn, trong bộ “tập” có ba cuốn. Phân lượng của “Tập” là lớn nhất thuộc về văn học: có Văn, có Thi, có Từ; ba cuốn này tôi gọi là “Tiểu Tứ Khố”. Từ trong bộ sách này tôi hiểu biết về Tứ Khố Toàn Thư. Nếu cảm tình với nó thì nghiên cứu nó sẽ biết được đường đi; muốn nghiên cứu phương diện nào thì tập trung vào phương diện đó. Bộ sách này rất có giá trị. Cách làm này của tôi hoàn toàn để lại cho hậu nhân, bản thân tôi không dính dáng đến.

Trong “Hội Yếu” có năm mươi quyển thiếu ba quyển. “Tả Truyện” có ba quyển, thiếu quyển Thượng. “Án Thư” có tám quyển, thiếu đầu và cuối. Đầu là “Bổn Ký”, cuối là “Liệt truyện”. Tôi muốn tìm thời gian để bổ sung phần thiếu sót này. Phần bổ sung không cần đưa vào chỉ cần, làm một cuốn sách phụ, cung cấp cho mọi người tham khảo, không làm những việc khác. Bây giờ tôi đọc sách mỗi ngày khoảng bốn tiếng; ở đây cùng chia sẻ với mọi người cũng bốn tiếng. Thời gian còn lại là niệm Phật, lạ Phật. Cuộc sống của tôi rất đơn giản. Các hoạt động bên ngoài tôi đều không tham dự nữa, hoạt động trong nhà, tôi cũng không tham dự. Cuộc sống càng đơn giản càng tốt. Thời đại hiện nay học Phật cần phải như vậy, đây đều là “*Thường pháp*” không thể thay đổi, không có gì khiếm khuyết gọi là “*Quỹ phạm cụ túc*” (đầy đủ quỹ phạm).

“*Quán pháp như hóa*” là thấy hết thấy các pháp đều như huyễn hóa. “Quán” là tên khác của “Trí”. Đây là nói về “Chân Đế”, cái nhìn của chư Phật, Bồ Tát đối với thế gian này. Thế gian này không có chi là thật. Trong Phật pháp, đối với “Chân” và “vọng” định nghĩa rất đơn giản: Phạm những gì vĩnh hằng, bất biến thì gọi là “Chân”; nếu có biến hóa, đó là “giả” không thật. Động vật như con

người có “sinh-lão-bệnh-tử”; thực vật có “sinh-trụ-dị-diệt”, khoáng vật có “thành-trụ-hoại-không”, cho nên nó không phải thật!

Các nhà vật lý học lượng tử hiện đại nói: Tất cả vạn pháp trong vũ trụ đều không tồn tại, đều từ ba thứ: năng lượng, tin tức và vật chất mà biến hiện ra. Cách nói này có thể xem như là tương đồng với Phật pháp. Tuy nhiên, trong Phật pháp nói càng triệt để, rõ ràng hơn. Thật ra, nhận thức của họ đến giai đoạn này cũng không phải là tầm thường. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đây là cảnh giới của Bồ Tát Đại thừa; A-la-hán vẫn chưa đạt đến. A-la-hán chỉ đạt đến Đệ lục ý thức, chưa đạt đến Đệ bát thức. Đối với trình độ thông thường, đức Phật dùng cách nói này. Nhưng cảnh giới cao hơn một bậc, cách nói của Phật sẽ khác.

Thực tế, năng lượng, tin tức, vật chất cũng không tồn tại; đều là giả! Đây là “Tam Tế Tướng” của A-lại-da: năng lượng là “*nghiệp tướng*” của A-lại-da; tin tức là “*chuyển tướng*” của A-lại-da; vật chất là “*cảnh giới tướng*” của A-lại-da. Bồ Tát từ Bát Địa trở lên nhìn thấy ba thứ này cũng không tồn tại, chỉ có chân tánh, tự tánh là thật. Đại Sư Huệ Năng sau khi kiến tánh, ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ*”. Tự tánh không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên là “*Nghiệp tướng*” của A-lại-da, do một niệm bất giác mà có vô minh. Hiện tượng tinh thần là “*chuyển tướng*” của A-lại-da, cũng chính là Mạt-na-thức, Đệ lục ý thức. Hiện tượng vật chất là “*cảnh giới tướng*” của A-lại-da. Nếu từ **Tam Phần** mà nói:

1. Kiến Phần là tự thể, là hiện tượng tinh thần, là tự tánh Chân Như, là chân vọng hòa hợp.

2. Tướng Phần là hiện tượng vật chất.

3. Tự Chứng Phần, chứng Tự Chứng Phần: Giới khoa học không nói đến điều này.

“*Tự Chứng Phần*” tức là tâm thanh tịnh của tự tánh. *Chứng Tự Chứng Phần* chính là Phật Tánh. Chúng ta dùng Phật tánh và Pháp tánh để nói, mọi người càng dễ hiểu: *Tự Chứng Phần* là Pháp tánh, *Chứng Tự Chứng Phần* là Phật tánh, là Trí tuệ Bát Nhã trong tự tánh.

Khoa học ngày nay càng tiếp cận với Phật pháp hơn, đây là điều tốt. Đạo lý này rất sâu sắc, rất huyền diệu, nói ra đều không dễ, nghe hiểu đương nhiên lại càng khó! Khoa học giúp Phật pháp chứng minh những lời Phật dạy là chân thật bất hư. Các pháp như huyền hóa, trong kinh Phật thường ví như mộng, huyễn, bào, ảnh; tuyệt đối chẳng phải chân thật.

Quốc Sư Hiền Thủ nói: “Tự Tánh thanh tịnh viên minh thể”, nó là “năng hiện, năng sanh”; A-lại-da là “năng biến”, Thập pháp giới y chánh trang nghiêm là “sở biến”. “Năng sanh, năng hiện” là chân tâm “năng biến, sở biến” là vọng tâm. Mục tiêu tu học rốt ráo của Phật pháp, ngay pháp môn Niệm Phật cũng không ngoại lệ, mục tiêu sau cùng là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”; nghĩa là trở về tự tánh. Đây là mục tiêu cao nhất của học Phật.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, trở về tự tánh là Diệu Giác vị (cao hơn Đẳng Giác), là cứu cánh Phật quả; “cứu cánh Phật quả” là bản tánh của ta, ta vốn là Phật.

Ngày nay, mê thất tự tánh, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều đang tạo nghiệp luân hồi: Ý niệm thiện tương ưng với ba đường lành trong lục đạo; ý niệm bất thiện tương ưng với ba đường

ác. Từ sáng đến tối chúng ta khởi tâm động niệm đều như vậy, do không hiểu nên không biết sự lợi hại rất đáng sợ của nó. Nếu hiểu biết ít nhiều về kinh giáo Đại thừa, sẽ có thể khế nhập. Khế nhập này không phải dễ, nếu chẳng “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng” thì không thể làm được, không thể nghe hiểu. Nếu xem hiểu được thì trong này rất thú vị, muốn bỏ cũng không được. Mở kinh ra, đầu hôm xem, xem đến sáng cũng không hay trời sáng! Vì sao? Vì nó rất thú vị, càng xem càng hoan hỉ.

Ngày nay, chúng ta mở kinh ra xem, khoảng một, hai tiếng thì đã thấy mệt, không muốn xem tiếp, đó là chưa nếm được Pháp vị. Thật sự, nếm được Pháp vị thì nghe mãi cũng không chán, nghe xong còn muốn nghe lần nữa, nghe trăm vạn lần đều không chán. Càng nghe càng hoan hỉ vì đã khế nhập tự tánh.

Tánh đức không có biên tế, không có cùng tận nên hương vị của nó cũng không cùng tận. Càng khế nhập, hương vị càng nồng nàn. Đạo lý là như vậy. Những tạp chí thế gian, thông thường chúng ta xem qua một lần thì không muốn xem nữa. Tác phẩm văn học có hay thế mấy, theo tôi sức thu hút của nó cũng không quá mười lần. Xem xong mười lần thì không còn muốn xem tiếp lần thứ mười một. Duy nhất chỉ có kinh điển của Thánh nhân, sức thu nhiếp thật vô cùng; kinh điển của Phật thì không cần phải nói.

Kinh Phật là đại triệt, đại ngộ nên hương vị chẳng có lúc cùng tận. Nếu hương vị có lúc cùng tận, là họ tuyệt đối chưa kiến tánh. Thế nên, từng câu từng chữ đều từ tự tánh hiển lộ ra. Nói cách khác, từng câu từng chữ đều kiến tánh, đúng là tìm được niềm vui không cùng tận, thường sinh tâm hoan hỉ, pháp hỉ sung mãn.

Tôi đối với kinh điển Đại thừa, có thể nói là rất kiên trì suốt sáu mươi năm. Đến khi nào mới hiểu rõ ràng? Cũng chỉ là mấy năm gần đây! Khi còn ở Singapore, tôi chưa hiểu rõ ràng! Cách đây

khoảng bảy, tám năm, khi tôi xem “Pháp Uyển Châu Lâm” trích dẫn đối thoại của đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Di Lặc trong “Bồ Tát Xứ Thai Kinh”, mới biết Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một khoảnh tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm; có nghĩa là trong một khoảnh tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn sự biến hóa. Trong một giây, nếu khoảnh nhanh có thể được năm lần. Vậy thì trong một giây có đến một ngàn sáu trăm triệu lần biến hóa; không phải biến hóa mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày...! Đến lúc đó tôi mới hiểu được ý nghĩa thâm sâu trong kinh Phật nói về “Sát-na sinh diệt”. Hai, ba năm gần đây thấy được báo cáo của khoa học hiện đại, đem đối chiếu với kinh Phật thì hoàn toàn tương ứng, không còn hoài nghi. Đạt được điều này thật không phải dễ! Không thật sự hiểu thì làm sao buông bỏ được!

Trong Kinh Bát Nhã nói “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Câu nói này là tôi tổng kết sau khi xem xong bộ Kinh Bát Nhã vào ba mươi năm trước. Lúc đó ý nghĩa thậm thâm trong đây tôi vẫn còn chưa hiểu. Tôi chỉ biết có hiện tượng này nhưng không biết trong một giây có đến một ngàn sáu trăm triệu lần sinh diệt. *Các nhà khoa học nói: Trong một điện tử có một trăm ức vi trung tử tập hợp lại mới thành một điện tử. Trong kinh Phật nói: “vi của cực vi”, phải chăng là nói đến điều này?* Thành tựu của khoa học, chúng ta không thể không khâm phục. Những gì đức Phật nói trong ba ngàn năm trước, nay các nhà khoa học dùng phương pháp khoa học đã chứng minh, nhưng họ nói không được tường tận, rõ ràng như Phật pháp.

Năm đó thầy Phương giới thiệu Phật Giáo cho tôi, thầy nói: Phật Giáo là nền triết học cao nhất. Bây giờ, chúng ta phát hiện: *Phật Giáo chẳng những là triết học cao nhất mà còn là khoa học cao nhất.*

Hiểu rõ, nhìn thấu, buông bỏ quả thật không dễ! Sau khi nhìn thấu, buông bỏ phải giữ vững không được thoái chuyển. Nói cách khác, thập pháp giới y chánh trang nghiêm ta không còn bị nó cám dỗ, không còn bị nó đánh lừa. Ba đường lành tuy không tệ! Nhưng đối với nó ta không hề có chút ngưỡng mộ, yêu thích nào, vì nó chỉ là giả tướng! Ta có thể thương thức nhưng tuyệt đối không khởi tâm tham luyến. Phải nhìn nó bằng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Đối với nghịch cảnh ác duyên, nhìn thấy tam đồ địa ngục cũng không oán hận, không trách cứ, không bị nó làm ảnh hưởng. Trở về với tự tánh, “*quán pháp như hóa*”, đây là quán “*tuệ*”.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển hai nói: “*Tu duy thô thiện* (ý niệm ở mức độ thô) gọi là *Giác* (giác ở đây là cảm giác, tu tưởng vi tế cũng không cảm nhận được), *tu duy tường tận* (ý niệm ở mức vi tế) gọi là *Quán*”.

Sách Du Tâm Pháp Giới Ký cũng bảo: “*Quán tức Quán Trí, thị pháp ly chư tình kế*” (Quán là Quán Trí, Pháp này li các ý thức chấp trước, so đo nên gọi là Quán). Hòa Thượng Tịnh Không giải thích như sau: Chữ Quán ở đây là nói về “*Chỉ Quán*”. “*Chỉ Quán*” có sâu, cạn khác nhau. Chữ “*pháp*” chỗ này chính là “*Quán pháp*”. “*Chư tình kế*”: “*tình*” là chấp trước; “*Kế*” là phân biệt, so đo, tính toán; trong kinh Phật thường gọi là “*kế độ*” (độ trong chữ “*độ chúng sinh*”). “*Ly chư tình kế*” là li các ý thức chấp trước, so đo. “*Tình*” là thức thứ bảy (Mạt-na-thức). Bốn đại phiền não thường tùy của Mạt-na-thức là: Ngã kiến, ngã ái, ngã mạn và ngã si. “*Tham, sân, si*” tam độc phiền não khi sinh ra đã có, cùng xuất hiện với A-lại-da. “*Ly chư tình kế*” ở đây là dạy ta li chấp trước, phân biệt, viển ly thức thứ sáu và thức thứ bảy (ý thức và Mạt-na-thức).

Trong Pháp Tướng Tông gọi đây là “*Chuyển thức thành Trí*”, tức là thành Phật. Ý thức chuyển thành Diệu Quan Sát Trí; Mạt-

na-thức chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển thức thứ sáu và thức thứ bảy là chuyển về nhân; chuyển năm thức trước và thức thứ tám là chuyển về quả. Khi hai thức thứ sáu và thức bảy đã chuyển được rồi thì năm thức trước và A-lại-da đều chuyển theo. Đây là lý luận của Tướng Tông.

- Chuyển như thế nào?

- Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không dùng tâm phân biệt, tức là không dùng “nhãn thức”, chỉ dùng “tánh thấy”, chính là dùng “căn tánh” của “Nhân căn”. “Căn tánh” tức là “tự tánh”; khi giác nó xuất hiện; khi mê nó liền biến thành “Nhân thức”. Vấn đề là ở giác và mê.

Người giác ngộ không dùng “Nhân thức” để thấy sắc trần. Dùng “Nhân thức” thấy sắc, sắc liền biến thành “trần”; “trần” là nhiễm ô, tức là nhiễm ô tự tánh! Hợp ý với mình liền khởi tâm tham ái; không hợp ý mình liền khởi tâm sân, đây là *“tâm tùy cảnh chuyển”*. Dùng tánh thấy để thấy sắc tánh đây là *“cảnh tùy tâm chuyển”*.

“Căn tánh” giống như chủ nhân, “thức” giống như người giúp việc, nó đến để hầu hạ chủ nhân. Chúng sinh nhầm lẫn xem chủ nhân là người hầu, người giúp việc lại xem là chủ nhân, điên đảo là ở điểm này! Nguồn gốc của mê chính là “Ngã kiến” của Mạt-na. Tướng của “Ngã kiến” là tự tư tự lợi. Có “Ngã kiến” tức là có cái tôi; cái tôi này luôn mạnh hơn người khác nên “Ngã mạn” hiện tiền; sân nhuế cũng từ đây mà sinh khởi. Tham, sân đều là tướng của ngu si không có trí tuệ. *Ngu si là căn nguyên của tất cả pháp nhiễm ô. Trí tuệ là căn bản của tất cả pháp thanh tịnh.* Trong hội Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy ta “xả thức dùng căn”. Thật sự có thể “xả thức dùng căn”, người đó thì quá tuyệt!

- Người đó là ai?

- Là hàng “Thượng Thượng căn” mới có thể làm được! Họ đã tìm ra chủ nhân, người hầu đứng bên cạnh. Chủ nhân làm chủ tức là thành Phật.

Sách Hội Sớ lại bảo: “*Chữ Quán ở đây là Tam Quán. Do vì Tam Đế (Giả Đế, Không Đế, Chân Đế) nên có Tam Quán. Đây là cốt lõi của vạn hạnh, là gan mật của Bồ Tát*” và “*một chữ Pháp chỉ chung hết thấy hữu tình, phi tình, các pháp sinh tử, Niết Bàn*”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: “Đế” là chân tướng sự thật, “Quán” là dùng thái độ như thế nào đối với chân tướng sự thật. Tam Quán, Tam Đế là nguyên tắc chỉ đạo tu hành cao nhất của Thiên Thai tông. Tam Chi, Tam Quán của Thiên Thai vẫn còn dùng tâm ý thức để tu. Ở đây nói Tam Đế, Tam Quán là then chốt của “Lục Độ Vạn Hạnh”, là gan mật của Bồ Tát, nói lên sự việc này là quan trọng biết bao! Chúng ta dùng Pháp Hoa Huyền Nghĩa trong Tam Tạng Pháp Sớ giải thích về Tam Đế. Đây là Phật học thường thức của Đại thừa: “Đế” tức là “Đế thẩm”. “Đế” có thể nói tường tận là để thẩm tra; hiện nay chúng ta gọi là nghiên cứu tường tận. Nghiên cứu đích thật là dùng thức thứ sáu và thức thứ bảy. Phân biệt của thức thứ sáu, quyết định của thức thứ bảy, đây là phương pháp của Thiên Thai tông đối với tất cả pháp: *Tất cả pháp tức Không, tức Giả, tức Trung*:

- “**Tức Không**” là Chân Đế nói về chân tướng của nó là “vạn pháp giai không, liễu bất khả đắc”.
- “**Tức Giả**” là Tục Đế.
- “**Tức Trung**” là Trung Đế.

“Giả” là huyền tướng, người thế gian cho là thật nên gọi nó là “Giả Đế”. “Trung” là sau khi giác ngộ, dùng “Trung” không nghiêng về “*Không Tánh*”, cũng không nghiêng về “*Giả*”, mọi việc “hòa quang đồng trần” với chúng sinh, tâm địa tuyệt đối không nhiễm trước, đây chính là Trung Đạo.

Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, ngài thị hiện cho chúng ta thấy ngài cũng có thân thể, cũng có công việc, ngài làm rất siêng năng, đây là Tục Đê! Tuy ngày ngày biểu diễn, ngày ngày hoạt động, trong tâm ngài không nhiễm chút bụi trần, hoàn toàn tương ưng với tánh thể, đây gọi là Trung Đạo, cũng chính là Trung Đê. Cho nên, dùng “Trung” là không chấp Nhị biên, cũng không lìa Nhị biên, “bất tức bất ly”, đây là Trung Đạo.

Trong lợi ích tất cả chúng sinh, đối với bản thân không hề có chút chướng ngại nào. Bồ Tát ứng hóa tại thế gian “*làm mà không làm, không làm mà làm*”, tâm địa thanh tịnh, quang minh không có chút nhiễm nhiễm nào. Chữ “Chân” trong “Chân Đê” tức là “Chân Không”, tất cả pháp đích thật đều là Không. Chư pháp vốn Không, chúng sinh không hiểu chấp đó là thật mà sinh vọng kiến. Họ thấy sai, nghĩ sai, nói sai, làm sai, đây là tạo nghiệp. Nghiệp có thiện, ác. Thiện được sinh vào ba đường lành, tiêu thiện nghiệp của họ. Tạo ác đọa vào ba đường ác, tiêu ác nghiệp của họ.

Nên biết: Trong tâm thanh tịnh không có thiện ác. Cho nên, tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác đều phải tiêu trừ nó. Ý nghĩa này rất thâm sâu! Bởi thiện hay ác đều là nhiễm ô, không phải thanh tịnh! Thiện cũng là nghiệp chướng; ác cũng là nghiệp chướng đều chướng ngại tự tánh của chúng ta.

Bồ Tát dạy chúng sinh đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện mà không chấp trước, đó là Trung Đạo. Nếu đoạn ác, chấp trước đoạn ác; tu thiện chấp trước tu thiện, vẫn không thể thoát ly được! Vì sao? Vì chấp tướng sẽ có báo: Thiện có thiện báo; ác có ác báo. Không có chấp trước sẽ không có báo: Tu thiện không có quả báo của ba đường lành; tạo ác không có quả báo của ba đường ác. Vì sao? Vì tất cả pháp từ tâm tướng sinh! Lục đạo, mười pháp giới đều là mộng huyễn bào ảnh, chỉ cần giác ngộ nó sẽ không tồn tại. Phải hiểu đạo lý này.

Sách Hội Sớ giảng chữ “*như hóa*” như sau: “*Chẳng phải là Không, chẳng phải là Giả, nhưng dùng Không và Giả để sánh ví*”. *Nó chính là Trung Đẽ*”.

Hoàng Niệm lão giải thích như sau: “Tuy nói là “*như hóa*” nhưng nó chẳng phải tuyệt đối không có, nên bảo “*chẳng phải là không*”. Nếu cho rằng có thì nó lại chỉ như huyễn hóa mà thôi, nên chẳng thật có. Gọi “*như hóa*” vì nó giả có, đã huyễn hóa thì toàn thể cái biến hiện của nó cũng chỉ là không”. Đây là hiển thị Trung Đạo. “*Quán pháp như hóa*” là quán hết thấy pháp đều là Trung Đạo.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Quán pháp như hóa*” là dùng trí tuệ chân thật quán sát tất cả pháp thể và xuất thể gian đều như huyễn hóa. Thông thường chúng ta đem “*pháp*” qui nạp thành: Tất cả người, tất cả việc, tất cả vật, tất cả hiện tượng. Phàm phu chúng ta dùng tâm sinh diệt, dùng vọng tâm chẳng phải là chân tâm. Trong tâm sinh diệt không có trí tuệ, có chẳng chỉ là hư tình giả ý! Cho nên, họ có nghĩ gì cũng đều là giả, chớ cho là thật. Cho là thật thì bạn thiệt thòi ngay! Họ nói rất yêu thích bạn, bạn nghe rồi gật đầu: Giả thôi, không phải thật! Một lát, tâm họ thay đổi, nói chán ghét bạn, cũng đừng tức giận, cũng là giả thôi! Lát sau họ liền quên hết! Biến chuyển vô thường, tâm này chẳng đáng tin! Chỉ có tánh đức là vĩnh hằng không thay đổi. Phật, Bồ Tát chứng được tánh đức nên ngôn ngữ, tạo tác của các ngài đều từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ ra, mới có thể gọi là “*quỹ phạm*” (khuôn phép gương mẫu).

“*Quán pháp như hóa*”: “*hóa*” là huyễn hóa, như trên Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn, bào ảnh...*” nó không phải thật!

- Cái gì là pháp hữu vi?

- Bồ Tát Thiên Thân trong Bách Pháp Minh Môn Luận đem tất cả pháp thế và xuất thế gian qui nạp thành một trăm pháp gọi là **Bách pháp**. Trong một trăm pháp này lại phân thành năm loại:

1. Tâm Pháp

Đây là tâm của phàm phu sáu cõi, gồm có tám cái. Trong Phật pháp gọi là “*Bát thức tâm vương*” (tám thức tâm vương).

2. Tâm Sở Pháp (nói đủ là Tâm sở hữu pháp)

Gồm có năm mươi một cái. “Tâm sở” là tác dụng của tâm, chính là tám thức khởi tác dụng. Cũng có thể nói “tâm sở” là các tâm phụ, thuộc sở hữu của “tâm vương”, tâm này ví như các cận thần của vua nên có ảnh hưởng tác dụng không ít!

3. Bất Tương Ứng Hành Pháp

Gồm có hai mươi bốn cái, đây thuộc về tâm lý; hiện tại chúng ta gọi là khái niệm trừu tượng, khái niệm tư duy. “*Bất tương ứng hành pháp*” không phải là “*tâm pháp*”, cũng không phải là “*Tâm sở pháp*”, cũng không phải là “*sắc pháp*” nhưng nó từ trong *Tâm pháp*, *Tâm sở*, *sắc pháp* biến hiện ra; nó không thuộc về ba loại này nhưng không rời khỏi quan hệ với ba loại này, gọi là “*Bất tương ứng hành pháp*”.

4. Sắc Pháp

Có mười một cái, ngày nay chúng ta gọi là phần vật chất. Ba loại phía trước nói về tinh thần, phần này nói về vật chất. Bốn loại này tổng cộng có chín mươi bốn pháp, đều gọi là *pháp hữu vi*. *Pháp hữu vi* có sinh, có diệt, không phải chân thật nên thuộc về “*mộng huyễn, bào, ảnh*”.

5. Pháp Vô Vi

Chân thật không sinh, không diệt, cũng *chính là chân tâm thường trụ, là tự tánh của chúng ta, gồm có sáu cái.*

Phàm phu chúng ta dùng là “tâm ý thức”: “Tâm” là A-lại-da; “ý” là Mạt-na; “thức” là đệ lục ý thức. “Tâm ý thức” là tâm sinh diệt; đệ lục ý thức là phân biệt; đệ thất thức Mạt-na là chấp trước; đệ bát thức là vọng tưởng. Dùng “tâm ý thức” chính là dùng tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; phiền phức ngay ở chỗ này! Cho nên, tu hành thế nào vẫn không có biện pháp thoát khỏi sáu cõi luân hồi. Muốn siêu việt sáu cõi luân hồi phải dùng chân tâm, không thể dùng vọng tâm.

Trên Kinh Lăng Nghiêm nói: Chân tâm chính là “căn tánh” của sáu căn chúng ta: Nơi mắt gọi là tánh thấy; nơi tai gọi là tánh nghe; nơi mũi gọi là tánh ngửi; nơi lưỡi gọi là tánh nếm v.v... đây là chân tâm thường trụ. “Tánh” là chân thật, “Tướng” là hư giả. Tám thức, năm mươi một tâm sở, hai mươi bốn cái bất tương ưng đều do “Tướng Phần” biến hiện ra. Chỗ này, Phật dạy chúng ta “*Quán pháp như hóa*”, tỉ mỉ mà quan sát những thứ này đều là mộng huyễn bào ảnh, chắc chắn không phải thật, đều phát xuất từ tâm tưởng; tâm tưởng chính là thức.

Trong tâm tưởng có “*Biệt nghiệp vọng kiến*” và “*Động phân vọng kiến*”. “Kiến” là kiến giải, tư tưởng của ta; “vọng” là hư vọng. Từ trong kiến giải, tư tưởng của ta biến hiện ra cảnh giới hư vọng cá biệt mà người khác không thấy, đây gọi là “*Biệt nghiệp vọng kiến*”. “*Động phân vọng kiến*” là kiến giải của số người có cùng loại vọng tưởng phân biệt, chấp trước như nhau, nên xem thấy cảnh giới này cũng giống nhau.

Ngày trước, tôi ở Đài Bắc, cư sĩ Giảng Phong Văn học Thiền. Khi ngồi thiền thì thấy Thập Điện Diêm Vương, thấy Diêm Vương,

thấy qui nhỏ, thấy rất rõ ràng. Ông nói dáng dấp của họ không cao. Người bên cạnh ông đều không xem thấy. Đây là “*Biệt nghiệp vọng kiến*”. Nếu mọi người đều đồng thời xem thấy, đó là “*Đồng phân vọng kiến*”. “*Biệt nghiệp*” hay “*Đồng phân vọng kiến*” đều là hư vọng không phải chân thật. Cho nên, Phật nói “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”. Nếu hiểu rõ chân tướng sự thật này sẽ không còn ở trên vọng tướng mà khởi tâm phân biệt, chấp trước.

“Quán” là cách nhìn, cách nghĩ của ta về vũ trụ quan, về nhân sinh quan. Cảnh giới trước mắt chúng ta tuyệt đối không phải thật có. Cái có đó là giả có không phải thật có. Ta không thể nói nó có, cũng không thể nói nó không có. Nói nó không có nhưng nó có tướng; nói nó có, cái tướng đó là giả không thật! “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*”! Cần phải nhận biết rõ ràng, sau đó mới chân thật buông bỏ vạn duyên. “Vạn duyên buông xả” là buông xả vọng tướng, phân biệt, chấp trước chớ không phải buông xả sinh hoạt, việc làm.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”; có thể thấy được “sự” không có chướng ngại. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta phải tùy duyên mà không phan duyên. Phan duyên là đa sự, đa sự thì phiền não! Tùy duyên thì thanh tịnh.

“*Quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch*”: Đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. “*Tam-muội*” là Chánh Định. “*Thường*” là tướng chẳng sinh diệt của chân thể nên gọi là “*Thường*”; dứt hết tướng phiền não gọi là “*Tịch*”. Sách Duy Thức Thuật Ký viết: “*Chẳng sinh, chẳng diệt, tuyệt danh tướng, trụ thường tịch*”. Vì vậy, Tịnh Ảnh Sớ bảo: “*Tam-muội thường tịch là Chi hạnh sâu*” (“*Chi hạnh*” là tu pháp “*Chi*”, ngưng tâm lại một chỗ là “*Chi*”. “*Chi*” là tên khác của Thiền Định). Tuyệt danh tướng, lìa phiền não, chẳng sinh chẳng diệt, trụ trong thường tịch, tam-muội đến mức như vậy nên

bảo là “sâu”. Theo Hoàng Niệm lão: “*Do thường hành Trung Đạo, trụ trong diệu quán “hết thấy như hóa” tự nhiên nhập được Chánh Định bất sinh bất diệt, thường tịch rất sâu*”.

Kinh Di Giáo cũng nói: “*Thí như tích thủy chi gia, thiện trị đề đường. Hành giả diệc nhĩ, vị trí tuệ thủy cố, thiện tu Thiên Định, linh bất lậu thất*” (Ví như người tích nước phải khéo be bờ, đắp đê; hành giả cũng thế, vì nước trí tuệ nên khéo tu thiên định, chẳng để nó rỉ mất). Câu kinh này đã diễn tả nhân hạnh của Đẳng Trì (tên khác của tam-muội). Trong phẩm Đại Giáo Duyên Khởi của Kinh Vô Lượng Thọ đây cũng có câu: “*Như Lai Định Tuệ cứu sướng vô cực*” (Định Tuệ của Như Lai đã thấu suốt đến vô cực), đây là Quả Đức.

Theo giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không: “*Tam-muội*” là tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa Trung văn là “*Chánh thọ*”. “Chánh thọ” là hưởng thụ bình thường. Hưởng thụ của phàm phu là không bình thường! Vì sao? Phật đem hưởng thụ của chúng sinh phàm phu trong sáu cõi qui nạp thành năm loại lớn là: “*Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả*”. Thân có khổ, lạc; Tâm có ưu, hỷ. Ngoài ra còn có một loại là không khổ, lạc cũng không ưu, hỷ; đây là “*xả thọ*”. “*Xả thọ*” rất tốt nhưng không dài lâu; gặp cảnh duyên bên ngoài, “*khổ, lạc, ưu, hỷ*” lập tức liền đến!

Phàm phu sáu cõi không có tam-muội. Phàm phu cao cấp nhất là ở “*Vô Sắc giới thiên*”, đến “*Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên*”, sức Định của họ rất sâu, nhưng cũng thuộc về “*xả thọ*”, không thể xem là “*tam-muội*”. Vì sao? Vì Định lực của họ chỉ có thể duy trì trong tám vạn đại kiếp. Sau tám vạn đại kiếp, phiền não “*khổ-lạc-ưu-hỷ*” của họ sẽ khởi hiện hành. Họ không thể vĩnh viễn gìn giữ! Vĩnh viễn gìn giữ mới được xem là *tam-muội*.

Tam-muội có cạn, sâu thứ lớp khác nhau. Tầng thấp nhất là A-la-hán. Thế Tôn trên Hội Lăng Nghiêm nói với chúng ta sức Định

của A-la-hán là “Đệ cửu Định” (Định thứ chín). Thiền định thế gian chỉ có tám bậc. “*Tứ thiền- Bát Định*” là thiền định trong sáu cõi, cao hơn một tầng đến Định thứ chín mới siêu việt sáu cõi luân hồi. Do vậy mà từ A-la-hán trở lên mới có thể được gọi là tam-muội. Nhưng, tam-muội của A-la-hán vẫn chưa đến “*thường tịch*”.

“*Tam-muội thường tịch*” là tam-muội rất sâu. Chúng ta biết A-la-hán chỉ mới đoạn “*Kiến Tư phiền não*”, còn “*Trần Sa phiền não*” và “*Vô Minh phiền não*” vẫn chưa đoạn, cho nên họ chưa đạt đến “*thường tịch*”. “*Tam-muội thường tịch*” là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát bởi “*Kiến Tư phiền não*”, “*Trần sa phiền não*”, họ đã đoạn rồi, “*Vô Minh*” chỉ ít họ đã phá được một phẩm nên họ vĩnh viễn lìa sinh diệt, lìa phiền não, đây là “*thường tịch*”. Khi Huệ Năng gặp Ngũ Tổ, ngài nói: “*Trong tâm đệ tử thường sinh trí tuệ*”.

- Vì sao thường sinh trí tuệ?

- Vì ngài “*quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch*”.

- Vì sao biết ngài “*quán pháp như hóa*”?

- Trên Đàn Kinh, ngài nói “*Vốn dĩ không một vật, làm gì dính bụi trần?!*” Đây là “*quán pháp như hóa*” thường sinh trí tuệ.

Chúng ta so sánh với ngài một chút:

- Trong tâm chúng ta vì sao thường sinh phiền não, không sinh trí tuệ?

- Vì một chút sức Định chúng ta cũng không có! Nếu không tin, có thể thử xem! Mắng bạn vài câu, lập tức liền nổi sân! Sức Định hoàn toàn không có! Người có sức Định nhỏ thì ra khỏi tam giới. Sức Định thấp nhất thêm vào thập thiện nghiệp đạo, có thể được sinh về trời Dạ Ma, cao hơn một chút so với trời Đao Lợi.

- Phải biểu hiện như thế nào?

- Phải “*tám gió thổi không động*”! Việc này cũng không có gì cừ khôi!

Cái gọi là “*Tám gió thổi không động*” là tán thán bạn: Trước lời khen không sinh tâm hoan hỷ; đối với lời hủy báng cũng không khởi tâm oán hận; trong bất kỳ cảnh giới thuận hay nghịch đều rất坦然 nhiên, luôn gìn giữ tâm thanh tịnh, bình đẳng, không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động, đây là Định thấp nhất. Nếu như công phu nhỏ này cũng không có, nhất là khi xem thấy người khác có chỗ tốt, chính mình khởi tâm đố kỵ! Khi có chút cao hơn người khác liền khởi tâm ngạo mạn, đây là chút Định cũng không có!

Phải thường tự kiểm điểm lấy chính mình xem sáu căn tiếp xúc với sáu trần, sức Định của mình ra sao? Nếu sức Định có tiến bộ chính là sự tu hành của ta có tiến bộ. Nếu không có chút sức Định, đó chính là dậm chân tại chỗ, không tiến được bước nào! Trong Phật pháp trọng thực chất hơn trọng hình thức. Ngày nay, chúng ta học Phật cần phải có hai thời khóa sớm tối.

Lúc Thế Tôn ở đời không nghe nói có thời khóa sớm tối hay bất cứ nghi qui nào. Đức Phật chỉ lên lớp dạy học, giải đáp nghi vấn của mọi người, việc tu hành là ở cá nhân. Cách tu như thế nào? Cũng không ngoài kiểm điểm lỗi làm của chính mình, cải sửa lỗi làm của chính mình. Biết được lỗi làm của chính mình, con người này giác ngộ. Không biết được lỗi làm của chính mình là mê hoặc! Tu hành là tu sửa tư tưởng, hành vi sai lầm của chính mình. Nếu không nhận biết sai lầm của mình, vậy từ chỗ nào mà tu sửa?!

Cho nên, vạn nhất không nên hiểu lầm: Mỗi ngày phải đọc mấy quyển kinh, niệm bao nhiêu câu Phật hiệu hay ngồi kiết già tham thiền là tu hành. Đây toàn là hình thức không có thực chất! Những sự việc này đều do Tổ sư trước đây đề xướng. Bởi xem thấy bốn chúng đồng tu học Phật chỉ chạy theo hình thức, lý thuyết kinh điển,

không chịu chăm chỉ thực hành nên các Tổ sư mới chế định ra rất nhiều nghi qui để hướng mọi người cộng tu. Đây gọi là “y chúng nương chúng”, xem thấy người khác tinh tấn, chính mình liền không dám giải đãi.

Thế nhưng, việc này truyền đến nay đã hơn một ngàn năm, xem chừng như không linh! Sự việc dù có ngay trước mắt: Tôi giải đãi là việc của tôi, bạn tinh tấn đó là việc của bạn! Vẫn lơ lơ như người gỗ! Có khuyên thế nào, thậm chí nhìn, họ cũng không thèm nhìn! Người như vậy trong kinh gọi là người “*căn tánh xiển đê*”. Loại người này rất nhiều, đến đâu cũng thấy!

- Sau khi xem thấy thì như thế nào?

- Vạn nhất không nên sân si!

Vừa sân si thì chính mình thiệt thòi! Chính mình rơi vào “tâm ý thức” rồi! *Phải thấy như không thấy, không để vào tâm. Phải học như chư Phật, Bồ Tát: chỉ thấy tánh đức của chúng sinh, không nên thấy tạo tác của chúng sinh, như vậy mà gìn giữ được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm Chánh Giác của chính mình.* Nên nhớ: Không độ được người, nhất định phải độ chính mình. Độ chính mình cùng độ người khác là đồng thời. Đây là Đại thừa không phải Tiểu Thừa. Tiểu thừa là trước độ mình sau mới giúp người khác. Đại thừa là tự, tha đồng thời.

“*Quán pháp như hóa*” là nhìn thấu; “*Tam-muội thường tịch*” là buông bỏ. Cái buông bỏ này chính là không chấp trước, không để vào tâm. Chữ “tịch” là “tịch tịnh”, ý nói tâm thanh tịnh không có chút nhiễm trước nào.

“*Quán pháp như hóa*”, lời nói này vẫn khó hiểu! Chúng ta nêu ra một ví dụ: Khi xem phim, hình ảnh trên màn hình không phải

thật, sao có thể lôi kéo tình cảm của ta? Vì ta đã bị nó xoay chuyển! Nó không có lỗi mà lỗi ở chính ta!

- “*Mộng huyền bào ảnh*”, giả thôi! Sao ta còn khởi tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước?!

- Vì ta đã dính tướng! Quên mất đi nó là giả!

Trong ảnh tượng này chắc chắn không có phải, quấy, thiện, ác, tốt, xấu, đó mới là chân tướng sự thật. Người tướng tận hiểu được, họ không khởi tâm động niệm, không phân biệt, không chấp trước, tâm họ là “*Quán pháp như hóa, tam-muội thường tịch*”. Vào được cảnh giới này chắc chắn họ không còn tạo nghiệp, tâm họ thanh tịnh, đối với tất cả sự việc thế gian dù thiện hay ác vẫn xem đó như là thị hiện của bậc thầy để giáo hóa họ, là thiện hữu giúp họ thành tựu đạo nghiệp. Rõ ràng tâm hạnh của Bồ Tát, đích thật là khác hẳn với phàm phu chúng ta.

Theo Hoàng Niệm lão: Từ “*thiện hộ khẩu nghiệp*” (Khéo giữ khẩu nghiệp) trở đi, ý nói Bồ Tát thân, khẩu, ý tam nghiệp thanh tịnh. Trong tam nghiệp, “*thiện hộ ý nghiệp*” (khéo giữ ý nghiệp) là quan trọng nhất, đó chính là chánh hạnh của Bồ Tát.

“*Thiện hộ ý nghiệp thanh tịnh vô nhiễm*” (Khéo giữ ý nghiệp thanh tịnh không nhiễm): “Ý” là căn bản, là chủ tử của thân này. “Ý nghiệp thanh tịnh” là tâm lý khoẻ mạnh. Tâm lý nếu không khoẻ, thân thể ắt sẽ mang nhiều bệnh. Trên kinh Phật thường nói: “*Tất cả pháp từ tâm tướng sinh*”. Thế nên, phải gìn giữ tâm thanh tịnh. Theo Hòa Thượng Tịnh Không muốn tâm thanh tịnh nhất định phải rõ lý: Trước nhất phải loại bỏ tự tư tự lợi, loại bỏ bốn tướng như Kinh Kim Cang nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”. Tiến thêm một bước nữa, phải làm đến được “*Vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sinh kiến, vô thọ giả kiến*”, suốt đời không thủ, không xả. Không thủ là quyết không chấp

trước mới chân thật là lia được vọng tưởng, phân biệt: duyên đến không cự tuyệt, duyên đi cũng không hề khản trương, phải giữ lấy cái nguyên tắc này. Trong đời nhất định không phan duyên, không hóa duyên, tuyệt đối cũng không hỏi người cần đến một xu tiền!

- Tiền từ đâu mà có?

- Họ tự nguyện mang đến! Đưa đến nhiều thì làm nhiều; đưa đến ít thì làm ít; không đưa thì không việc! Tốt nhất rồi! Chỉ “độc thiện kỳ thân” chuyên niệm A Di Đà Phật.

Cho nên, có duyên không nên tham thố hưởng thụ, phải toàn tâm toàn lực vì mọi người phục vụ; không có duyên, an an ổn ổn chính mình lo tu hành. Phải hiểu được nguyên tắc này và thực tiễn được ngay trong đời sống đời nhân xử thế tiếp vật mới có thể đạt đến “*thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*”.

Sự việc có thành công thì chúng sinh hưởng phước, riêng ta thì không nên tính kẻ. Sự việc không thành công, ta cũng không có lỗi lầm. Nhất định phải hiểu: Trong tất cả pháp không thủ, không xả, mới chân thật giữ được tâm thanh tịnh. Trong tất cả pháp cũng không có ưa, ghét. Nếu có ý niệm ưa, ghét, tâm liền không thanh tịnh; tu hành chính ngay chỗ này. Ý nghiệp có thanh tịnh thì thân nghiệp cũng theo đó mà thanh tịnh.

“*Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quí*” (Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê lỗi người khác). “Cơ” là chê trách, nói xấu, chỉ trích lỗi lầm của người khác. “Tha” là người khác, chỉ hết thầy hữu tình; nói rộng hơn là hữu tình, phi tình, vạn sự, vạn vật, hết thầy các pháp.

“*Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi*” (Khéo giữ thân nghiệp, chẳng mất luật nghi). “Luật” là giới luật, “nghi” là nghi tắc.

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển mười giảng: “*Nói về luật nghi thì pháp ngăn cấm điều ác là Luật, thực hành theo đúng giới luật nên gọi là Luật Nghi*”.

Sách Hành Trì Sao Tư Trì Ký bảo: “*Ngăn cấm, phòng ngừa chung thì gọi là Luật, tạo tác ra hình tướng là Nghi*”. Dưới đây là phần giải thích và dẫn chứng của Hoàng Niệm lão:

Tổng hợp hai thuyết trên thì: Y chỉ giới luật, thể hiện ra hành vi thì gọi là Luật Nghi. Ngoài ra, Luật Nghi Giới cũng là một trong Tam Tụ Tịnh Giới. Tam Tụ Tịnh Giới là:

Nhiếp Luật Nghi Giới là thọ trì năm, tám, mười, cụ túc giới v.v... cho đến hết thầy giới luật.

Nhiếp Thiện Pháp Giới là tu hết thầy thiện pháp.

Nhiếp Chúng Sinh Giới còn gọi là *Nhiều Ích Hữu Tình Giới*, lấy việc lợi lạc hết thầy hữu tình làm giới.

Trên đây là giới tổng quát mà bậc Đại thừa Bồ Tát phải thọ. Trong *Nhiếp Luật Nghi Giới*: Tại gia Bồ Tát phải thọ năm giới và tám giới; xuất gia Bồ Tát thọ mười giới và cụ túc giới.

Kinh Niết Bàn, quyển ba mươi một nói: “*Giới diệt nhất thiết thiện pháp thế dăng*” (Giới cũng là cây thang đưa đến hết thầy thiện pháp).

Kinh Anh Lạc Bồn Nghiệp, quyển hạ bảo: “*Nhất thiết chúng sinh, sơ nhập Tam Bảo hải, dĩ tín vi bản. Trụ tại Phật gia, dĩ Giới vi bản*” (Hết thầy chúng sinh lúc mới vào biển Tam Bảo thì lấy Tín làm gốc, trụ trong nhà Phật lấy Giới làm gốc).

Kinh Phổ Siêu Tam-Muội, quyển một dạy:

“*Bị giới đức khai, hóa độ chúng sinh*” (Mặc giáp giới đức, hóa độ chúng sinh), đây chính là ý nghĩa chân thật của câu “*Thiện*

hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi” (Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng mất luật nghi). Theo chú giải của Hoàng Niệm lão, chữ “*giới khai*” (áo giáp giới luật) có hai nghĩa:

1. *Hộ trì* là lấy giới đức làm giáp trụ như lính cứu hỏa mặc áo giáp bằng chất thạch miên (amiant) xông vào nhà lửa tam giới, xông vào ngọn lửa tam độc hùng hực để cứu vớt chúng sinh chẳng hề sợ hãi.

2. *Trang nghiêm* là dùng đức trì giới để tự trang nghiêm, chẳng mất luật nghi, làm khuôn phép cho trời, người khiến cho chúng sinh khâm ngưỡng, qui hướng, chấp nhận sự giáo hóa của mình, cung kính giới đức của mình, học theo giới hạnh của mình, tận tu Định Tuệ đạt đến bờ kia.

Cũng theo cụ Hoàng, đem câu trong Kinh Viên Giác: “*Chư Giới, Định, Tuệ cập dâm, nô, si câu thị phạm hạnh*” (Các Giới, Định, Tuệ và dâm, nô, si đều là phạm hạnh) để đối chiếu câu “*bất thất luật nghi*” (chẳng mất luật nghi) trong đoạn này, ta thấy được diệu hạnh tu chứng trọn vẹn, giải ngộ trọn vẹn Trung Đạo, Lý Sự vô ngại. Biết rõ “Giới- Định-Tuệ” và “Dâm-Nô-Si” là bình đẳng nên tuy nghiêm trì tịnh giới, chẳng đánh mất luật nghi, đầy đủ quĩ phạm, nhưng tự tâm thường tịch, hết thấy bình đẳng, chẳng lấy-bỏ cái gì, cũng chẳng yêu-ghét, chẳng thấy mình phải, chẳng bảo người sai. Trì giới như vậy là trì giới một cách chân thật; tu hành như thế là hạnh Phổ Hiền. Trì kiến như thế mới khế hợp Trung Đạo. Kẻ nào mới nghe lõm bõm cái ý bình đẳng đã vội chê bai trì giới là chấp tướng, phỉ báng giới luật hoặc mới trì giới được một chút đã vội kiêu căng, tự khen mình, chê người, bàn soạn lỗi lầm kẻ khác thì đều là hạng làm thuốc thành bệnh cả!

Cả ba đoạn trên đều tường thuật Pháp Tạng Đại Sĩ trang nghiêm đức hạnh nơi tự tâm. Đoạn tiếp sau đây sẽ nói về hạnh đức thành tựu chúng sinh của ngài.

KINH VĂN:

Sở hữu quốc thành, tự lạc, quyền thuộc, trân bảo, đồ vô sở trước. Hằng dĩ Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, Lục Độ chi hạnh, giáo hóa an lập chúng sinh, trụ vô thượng chân chánh chi đạo.

VIỆT DỊCH:

Với tất cả quốc thành, tự lạc, quyền thuộc, trân bảo, ngài đều không dính mắc, luôn dùng Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, hành Lục Độ để giáo hóa an lập chúng sinh trụ nơi đạo vô thượng chánh chân.

GIẢNG:

“*Sở hữu quốc thành, tự lạc, quyền thuộc, trân bảo, đồ vô sở trước*”. “*Tự lạc*” là thôn xóm, nay chính là chỗ làng mạc, nơi có người sinh sống. “*Trước*” là chấp trước; có chấp trước thì khó lìa bỏ được. Không chấp trước nên đều bồ thí được hết. “*Hằng dĩ Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, Lục Độ chi hạnh*”. Các Độ đều lấy không chấp trước làm gốc. Đây chính là Tông chỉ của kinh Kim Cang; xa lìa bốn tướng, tu hết thầy pháp lành nên chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lục Độ chính là đại hạnh lợi ích cả mình lẫn người, đạt đến bờ kia Niết Bàn một cách rốt ráo. Bồ Tát tự hành pháp này và cũng dùng giáo pháp này chỉ dạy lợi lạc chúng sinh, nên kinh nói: “*Giáo hóa an lập chúng sinh*”.

Sách Hội Sớ giảng:

“Dem đạo này dạy cho người khác là Giáo, chuyển ác thành thiện là Hóa. Dẫn dắt chúng sinh an trụ chánh đạo, kiến lập đại tâm nên bảo là An Lập”.

“Trụ u vô thượng chân chánh chi đạo” (Trụ nơi đạo vô thượng chánh chân): Chữ “vô thượng” là không có gì hơn được nổi nên gọi là “vô thượng”. “Chân” là chân thật, chẳng mê, chẳng vọng. “Chánh” là chẳng sai lầm nơi lý, còn có nghĩa là chẳng tà, chẳng cong. “Đạo” có hai nghĩa:

1. *Đạo là con đường dẫn đến Niết Bàn*: Như Câu Xá Luận, quyển hai mươi lăm giảng: “Đạo là con đường Niết Bàn, đi theo con đường ấy thì đến được thành Niết Bàn”. Sách Hoa Nghiêm Đại Sớ, quyển mười tám cũng giảng: “Thông đến Phật quả nên gọi là Đạo”.

2. *Đạo chính là Niết Bàn*: Như sách Niết Bàn Vô Danh Luận giảng: “Niết Bàn gọi là Đạo, lặng lẽ, rỗng rang, rộng lớn chẳng thể hình dung nổi, vi diệu vô tướng, chẳng thể dùng hữu tâm để biết nổi”.

“Vô Thượng chân chánh chi đạo”, câu nói này, danh xưng trong Phạn văn gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, phiên dịch ra Trung văn là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chữ “Giác” ở đây chính là tương tận đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Đến trình độ “Chánh Giác” tự nhiên liền siêu việt sáu cõi luân hồi, trụ trong “Pháp Giới Bốn Thánh”, đó là tiểu quả, là quả vị thứ nhất của A-la-hán. Hướng lên trên một bậc là quả vị “Chánh Đẳng Chánh Giác” của hàng Bồ Tát. Bồ Tát không những chỉ siêu việt sáu cõi luân hồi mà còn siêu việt mười pháp giới. “Vô Thượng” là đến đỉnh điểm, không còn có gì cao hơn nên gọi là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, cũng chính là quả vị Phật cứu cánh.

Nên biết: Phật, Bồ Tát, A-la-hán v.v... là những tên gọi học vị trong giáo dục Phật Giáo. Chúng ta học Phật, mục đích phải lấy được các học vị này. Nói cách khác, chúng ta phải đạt đến Chánh

Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây gọi là “*trụ u vô thượng chân chánh chi đạo*”.

Đoạn kinh văn này là khai thị tốt nhất, Đại sĩ dạy chúng sinh chứng được bờ kia giải thoát, an trụ nơi đạo quả Niết Bàn. Trong đoạn kinh kế tiếp sau đây sẽ nói: Do tu diệu đức thù thắng như vậy, Bồ Tát cảm được diệu quả thắng thượng.

KINH VĂN:

Do thành như thị chư thiện căn cố, sở sanh chi xú, vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng, hoặc vi trưởng giả, cư sĩ, hào tánh tôn quý; hoặc vi sát-lợi quốc vương, Chuyển Luân thánh đế, hoặc vi Lục Dục thiên chủ, nữ chí Phạm Vương. Ư chư Phật sở, tôn trọng cúng dường, vị tăng gián đoạn. Như thị công đức, thuyết bất năng tận.

VIỆT DỊCH:

Do thành tựu các thiện căn như thế nên ngài sinh ở chỗ nào thì vô lượng kho báu tự nhiên ứng hiện, hoặc làm trưởng giả, hoặc cư sĩ dòng họ danh giá, tôn quý, hoặc làm sát-lợi, quốc vương, Chuyển Luân thánh đế, hoặc làm Lục Dục thiên chủ, cho đến Phạm Vương. Ở chỗ chư Phật, ngài tôn trọng cúng dường chưa từng gián đoạn. Những công đức như thế chẳng thể thuật hết nổi.

GIẢNG:

“*Như thị chư thiện căn*” (Các thiện căn như thế) chỉ các thiện căn đã nói trong phẩm “Tích công lũy đức”. Nên biết: Thiện căn là năng cảm, có cảm ắt có ứng. Đây là cảm ứng đạo giao, “quả” liền tương ứng với “nhân”. Cho nên, Pháp Tạng Bồ Tát đời đời, kiếp kiếp “*sở sanh chi xú*” (sinh ở đâu) cũng cảm được diệu quả. Người

xưa thường dạy: “*chịu thiệt là phước, chịu thiệt không phải là quả*”. Lời nói này rất thú vị! Người chịu thiệt thòi, chịu dùng chân tâm thành ý đối người tiếp vật, phước của họ là “*vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng*” (vô lượng kho báu tự nhiên ứng hiện). “*Phát ứng*” là theo cảm ứng mà tự nhiên xuất hiện.

Nghe thấy kinh văn này, cách nói này có thể bạn sẽ lắc đầu, thật chẳng đáng tin! Đây là nghi hoặc của bạn chưa đoạn dứt, chỉ lo thiệt thòi, nên mong cầu của bạn không thể hiện thực! “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”, bạn cầu không được, nguyên nhân ở chỗ nào?! Vừa rồi mới nói “*cảm ứng đạo giao*”. “*Cảm*” là phải dùng tâm chân thành mới có ứng, mới có thể được hồi đáp. Tâm bạn không thanh tịnh, không bình đẳng, bạn cũng có “*cảm*”, cái “*cảm*” đó là tai họa, không phải phước!

Ngày nay, tin tức trên mạng, chúng ta nghe được hầu hết đều là thiên tai, mà thiên tai còn rất nghiêm trọng!

- Thiên tai từ đâu mà có?

- Cũng từ cảm ứng mà có! Nhân hành của chúng ta bất thiện dẫn đến quả cũng bất thiện. Nếu thực hành theo Đệ tử qui, Cảm ứng thiên, Thập thiện nghiệp, Bồ Tát lục độ Ba-la-mật, chúng ta sẽ cảm được quả báo như trong kinh nói.

- Hiện tại chúng ta đang tạo nhân gì?

- Là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, tổn người lợi mình, làm những việc ngũ nghịch thập ác!

- Như vậy cảm được quả báo gì?

- Toàn thế giới hỗn loạn! Tất cả thiên tai đều xuất hiện!

Thí nghiệm của Tiến sĩ Giang Bồn Thắng, người Nhật (Masaru Emoto) đã chứng minh khoáng vật cũng tiếp thu được ngôn

ngữ, tư tưởng của nhân loại, mà có cảm ứng. Chúng ta tâm thiện, hành thiện thì khoáng vật cũng trở thành rất thiện, như ở đây nói: “*sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng*” (sanh ở chỗ nào thì vô lượng kho báu tự nhiên ứng hiện). Tâm hành của chúng ta bất thiện thì vô lượng bảo tạng này đều biến thành đất đá! Đại địa này ở dưới cũng lũng lổ, trống không rời rạc, rất dễ xảy ra chuyện chìm xuống đáy biển! Nếu tâm địa chúng ta thiện lành, hành thập thiện nghiệp, hiếu thân tôn sư v.v..., chắc chắn quả đất này sẽ biến thành bảo tạng, kết thành vật chất vô cùng kiên cố, vĩnh viễn sẽ rất an toàn không dao động, mới biết chuyển đổi ý niệm, thay đổi tâm thái, vấn đề liền được giải quyết.

Tóm lại, “cảnh tùy tâm chuyển”, hoàn cảnh vật chất, địa cầu, hệ thái dương, hệ ngân hà, tất cả đều chuyển biến theo ý niệm của chúng ta. Ý niệm chúng ta thiện thì nó tốt đẹp; thiện đến cực điểm thì thế giới này trở thành thế giới Cực Lạc. Nếu ý niệm bất thiện đến cực điểm thì thế giới này sẽ bị hủy diệt! Tinh cầu này sẽ nổ tung! “Tham-sân-si-mạn-nghi”, năm chữ này là tâm lý sai lầm, là năm trạng thái bất bình thường đã mang đến cho trái đất chúng ta lắm nhiều thiên tai đến như vậy!

Tâm tham cảm ứng thủy tai, nước biển dâng cao! Hỏa tai do sân nhuế, ngạo mạn, tật đố cảm thành! Núi lửa phun trào, nhiệt độ trái đất tăng cao, núi tuyết tan dần! Ngu si là phong tai! Ngạo mạn là địa chấn! Hoài nghi thì đất sụp, núi lở, đại địa sẽ chìm xuống đáy biển! Tai hại vô cùng! Đây là tín tâm không có, thật là đáng sợ! Trước đây mọi người cho rằng những sự việc này là do tôn giáo bịa đặt mê tín nói vậy. Nhưng bây giờ giới khoa học đã khẳng định việc này là thật không phải giả! Chúng ta không nên xem nhẹ, không thể không đoạn ác tu thiện, không thể không tích lũy công đức!

Pháp Tạng Bồ Tát cảm đặc thắng quả là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc do tâm hành thuần tịnh, thuần thiện của Phật A Di Đà cảm nên. Đây là một thế giới mới, thời gian chưa dài; trên Kinh Di Đà, đức Thế Tôn nói: Phật A Di Đà từ lúc tu hành thành Phật đến nay mới có mười kiếp. Mười kiếp, chúng ta thấy rất dài, nhưng so với toàn thể vũ trụ thì nó vô cùng ngắn ngủi. Nói cách khác, đó là một đạo tràng mới hưng khởi, cung cấp để mọi người đến đó làm Phật. Nếu không có tâm làm Phật sẽ không đến đó được. Điều kiện ở đó rất đơn giản, như trên kinh, đức Thế Tôn nói: Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh về cõi đó.

Ba điều kiện để được vãng sinh là: Phải có thiện căn, phải có phước đức, phải có nhân duyên. Vấn đề chính là chúng ta có thiện căn, có phước đức hay không? Nhân duyên thì chúng ta đã có được. Thiện căn là có thể tin, có thể lý giải. Phước đức là thật sự hành trì, có thể tu chứng. “Tín, giải, hành, chứng”, “Hành, Chứng” là phước đức, là thực hành triệt để ba tư lương “Tín, Nguyện, Hạnh” của Tịnh Độ tông. “Tín” là thiện căn; “Nguyện, Hạnh” là phước đức. Đồng ý đi và thật sự muốn đi, thật sự niệm Phật và y giáo phụng hành, người này rất có phước, làm gì có chuyện không thành tựu!

Mấy năm trước, tôi xem báo cáo của Tiểu viện Sơn Tây. Trong bộ đĩa này kể lại có hơn bốn mươi người mắc bệnh ung thư, bệnh viện tuyên bố hết cách chữa trị! Thọ mạng của họ chỉ còn khoảng ba tháng! Như vậy là đồng nghĩa với việc nghe tin tuyên bố tử hình, không còn tia hy vọng nào! Cũng may, họ gặp được Phật pháp, rất ráo tu tập, tu suốt ba tháng thì bệnh lành, đến bệnh viện kiểm tra thì đã hết bệnh khiến bệnh viện cũng cảm thấy vô cùng kinh ngạc! Thông tin này được truyền đi khắp nơi trên toàn quốc.

Tôi nhận được bộ đĩa này cũng xem nhiều lần và rất cảm động. Những người này, nếu nhìn ở khía cạnh Phật pháp: Họ đang vì

chúng ta mà thể hiện “chứng chuyển” trong “Tam chuyển Pháp Luân”, chứng minh cho mọi người thấy những điều trong Kinh Di Giáo, Phật nói “*ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” là thật không phải giả! Suốt ba tháng họ đã “ché tâm” vào đức Phật của mình, đức Phật của họ đã đến chữa lành bệnh cho họ, chính họ cũng không hay biết. Trong bộ kinh này, Hoàng Niệm lão cũng đã dẫn chứng một câu trong Tịnh Ảnh Sớ: “*Chỉ tâm nhất xứ*”, cùng với “*ché tâm nhất xứ, vô sự bất biện*” trong Kinh Di giáo là cùng một ý nghĩa.

- Đây là sức mạnh gì?

- Sức mạnh của công đức không thể nghĩ bàn trong tự tánh chúng ta, không phải từ bên ngoài vào.

Sách Hội Sớ nói: “*Bồ Tát trong nhiều kiếp tích chứa công hạnh bố thí, trì giới nên tự cảm được kho tàng báu tự nhiên hiện lên để ứng với đức của Ngài*”.

“*Vô lượng bảo tạng tự nhiên phát ứng*” cũng có nghĩa là sự như ý. Mỗi niệm vì chúng sinh, đây là đại hi, đại xả mà trong kệ tụng chúng ta thường đọc: “*Đại hi đại xả tế hàm thức*”. Chữ “hàm thức” là chỉ cho tất cả chúng sinh hữu tình, chúng ta phải nhiệt tâm mà giúp họ. Người thế gian cầu tiền tài, chúng ta xả tài; xả tài mới có thể được tiền tài. Tuy vậy cũng không nên chấp trước tướng “xả tài”, cũng không mong cầu bất cứ thứ gì thì quả báo sẽ vô cùng thù thắng.

Sách Tiên Chú giảng chữ “*bảo tạng*” như sau: “*Kho tàng chứa đầy của cải quý giá, diệu pháp có khả năng cứu vớt chúng sinh khổ ách nên ví diệu pháp như bảo tạng*”.

“*Hoặc vì trưởng giả, cư sĩ, hào tánh tôn quý, hoặc vì sát-lợi quốc vương, Chuyển Luân thánh đế, hoặc vì Lục Dục thiên chủ, nữ chí Phạm Vương*” (Hoặc làm trưởng giả, hoặc cư sĩ, dòng

họ danh giá tôn quý, hoặc làm sát-lợi, quốc vương, Chuyển Luân thánh đế, hoặc làm Lục-Dục thiên chủ, cho đến Phạm Vương). Đây là nói cảm quả, phía trước nói tu nhân; tu nhân liền được quả báo. Những hào môn quý tộc này trong đời quá khứ họ đã có tu tích nhân thiện nên mới được quả báo ngày nay. Khi hưởng thụ quả báo, nếu không tiếp tục tu nhân, quả báo hưởng hết rồi vẫn phải đọa lạc!

Cho nên, Thánh hiền của thế, xuất thế gian đều xem trọng giáo dục; giáo dục có thể bù đắp chỗ khiếm khuyết của đời trước, cũng có thể phòng ngừa đời sau đọa lạc. Nói đến giáo dục, bao gồm: Giáo dục gia đình, giáo dục học đường, giáo dục xã hội, giáo dục tôn giáo. Ba loại giáo dục phía trước là phước báo nhân gian. Giáo dục tôn giáo giúp ta không ngừng nâng cao cảnh giới từ cõi người đến cõi trời. Nhà Phật nói có hai mươi tám tầng trời, bao gồm: Trời Dục giới, trời Sắc giới và trời Vô Sắc giới. Riêng giáo dục Phật Giáo càng không thể nghĩ bàn! Nó đích thật có thể giúp ta đạt đến cứu cánh viên mãn.

“Hoặc vi trưởng giả” (Hoặc làm trưởng giả): “Trưởng giả”, thời xưa ở Ấn Độ, người có tuổi tác lớn, có đức hạnh, có học vấn, có địa vị, có tiền tài, có danh xưng được đại chúng xã hội tán thán thì gọi là trưởng giả. Sách Pháp Hoa Huyền Tán nói: *“Tâm bình đẳng, tánh ngay thẳng, lời nói chân thật, hạnh đoan chánh, tuổi tác cao, giàu có thì gọi là Trưởng Giả”*.

“Cư sĩ” là tiếng gọi chung hàng tại gia tu Phật. Sách Pháp Hoa Huyền Tán, quyển mười giảng: *“Giữ đạo, điềm tĩnh, ít ham muốn, đức dày thì gọi là cư sĩ”*.

Sách Hội Sớ bảo: *“Dòng họ cao quý, địa vị cao, giàu có lớn, tuổi tác cao thì gọi là Trưởng Giả. Chất chứa nhiều của cải, qui ngưỡng Phật thừa một cách sâu xa, nhà cửa giàu có thì gọi là Cư sĩ”*.

Sĩ”. “Hào tánh” là nói quý tộc. “Tôn quĩ”: chỉ người có địa vị rất cao trong xã hội.

“*Sát-lợi quốc vương*”: “*sát-lợi*” (Ksatriya) là tiếng Phạn, là chủng tánh thứ hai (sau chủng tánh thứ nhất là Bà-la-môn) trong bốn loại chủng tánh ở Ấn Độ. Nói đủ là “*Sát-đế-lợi*”. “*Sát-lợi*” là dòng dõi vua, quan đại thần. “*Quốc Vương*” là quân vương của một nước. “*Chuyển Luân thánh đế*” còn gọi là Chuyển Luân Vương, Chuyển Luân Thánh Vương hoặc Luân Vương; đây là nhân đạo không phải thiên đạo. Chuyển Luân Vương thân đủ ba mươi hai tướng, khi lên ngôi liền cảm được “luân bảo” từ trời hiện xuống, không phải do họ tạo ra. Luân bảo này hình tròn nên gọi là “luân”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, “luân bảo” là một công cụ phi hành. Trong nhiều năm gần đây, chúng ta thường nghe đến đĩa bay, không biết vật phi hành này từ đâu đến. Hình dáng của nó giống như cái đĩa nên gọi là đĩa bay. Phạm có sử dụng công cụ giao thông đều thuộc về nhân đạo. Thiên đạo hay qui đạo đều có thần thông đâu cần đến dụng cụ giao thông, họ đến hay đi đều tự do tự tại. Nếu đĩa bay này thật sự là của người ngoài vũ trụ đến địa cầu để thám hiểm, chúng tỏ khoa học kỹ thuật của họ vượt xa hơn chúng ta; chúng ta chưa làm được, họ đã làm rồi. Họ đã có năng lực đến, đi tự do trên địa cầu thì về phương diện khoa học chúng ta sẽ không sánh kịp. “*Luân bảo*” là công cụ giao thông, đồng thời cũng là vũ trang của họ. “Luân” có bốn loại; Đức Phật dùng vàng, bạc, đồng, thiếc để ví dụ; theo thứ tự trên đây, vua Chuyển Luân sẽ thống trị bốn, ba, hai, hoặc một đại châu như:

- *Kim Luân Vương* thống lĩnh bốn đại châu.
- *Ngân Luân Vương* thống lĩnh ba đại châu.
- *Đồng Luân Vương* thống lĩnh hai đại châu.

- *Thiết Luân Vương* thống lĩnh một đại châu.

Ta tin rằng tốc độ của “*luân bảo*” không giống nhau; oai lực của nó cũng không tương đồng. Nơi mà tốc độ và năng lực của nó có thể đạt đến, chính là toàn bộ lãnh thổ mà Luân Vương đó quản lý. Kim Luân Vương thống lĩnh bốn châu thiên hạ. “Một thiên hạ” là một đơn vị thế giới. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói với tôi: “Nhất thiên hạ” trong kinh Phật nói là một đơn vị thế giới tức một hệ Ngân Hà. Như vậy nhất định họ phải có công cụ này mới có thể thống trị toàn bộ hệ Ngân Hà. Nói cách khác, nhờ công cụ này, chỉ trong thời gian ngắn hoặc một ngày, hoặc hai, ba ngày họ có thể tuần du cả hệ Ngân Hà, phạm vi mà họ quản hạt.

Trong kinh nói đến bốn Đại Châu: Đông, Tây, Nam, Bắc. Luân Vương nhất định có chỗ cư trú, cũng chính là nói thủ đô của Luân Vương. Đức Phật nói địa cầu chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu, ở Châu này có một Luân Vương là Thiết Luân Vương cai quản một châu. Đổng Luân Vương cai quản hai châu; Ngân Luân Vương cai quản ba châu. Kim Luân Vương cai quản bốn châu, tức là quản toàn bộ hệ Ngân Hà. Nam Thiệm Bộ Châu, tôi tin rằng trong đây có rất nhiều tinh hệ, Luân Vương chắc chắn sẽ không ở trên địa cầu chúng ta.

Đĩa bay là có thật! Tôi đã thấy nó ở Đài Bắc vào lúc khoảng bốn, năm giờ chiều, cách nay sáu mươi năm về trước. Lúc ấy, nhìn lên không trung có ánh sáng màu xanh, nó đứng yên một chỗ khoảng sáu, bảy phút thì bắt đầu di động. Vừa bắt đầu di động thì nó rất chậm, sau đó tốc độ nhanh dần và đột nhiên không còn thấy nữa. Tốc độ của nó quá nhanh, sức chú ý của ta không cách nào tập trung được nên không thấy nữa. Qua ngày hôm sau, báo chí đã đăng tin vật phi hành không rõ lai lịch!

Công cụ giao thông này, khoa học hiện đại của chúng ta vẫn chưa làm được, chỉ có thể phi hành đến nguyệt cầu, còn những hành tinh khác vẫn chưa thể phi hành đến. *Nếu đĩa bay là thật, chúng ta tin tưởng đây là “luân bảo” của Luân Vương đến đây để thị sát, việc này rất có thể.* Ngày nay chúng ta gọi là người ngoài hành tinh, dùng công cụ phi hành đến tham quan địa cầu. Đây đều thuộc cõi người, không phải cõi trời.

Sách Hội Sớ nói: *“Chuyển Luân Vương là vua cả bốn châu, do luân xoay chuyển nên oai thế nhiếp phục khắp hết thủy”*. Chu Phật, Bồ Tát đều rõ ràng thấu triệt, nhưng cái biết của khoa học thì vẫn còn rất giới hạn. Tuy hiện nay khoa học có tiến bộ hơn ngày trước rất nhiều, nhờ vào vệ tinh để đo lường, dùng điện vô tuyến để truyền bá tin tức, trong không trung dùng máy móc chụp lại những hình ảnh truyền đi, không phải tự thân họ đến xem. Do bởi năng lực sáu căn con người có hạn, trí tuệ và tri thức con người cũng rất có hạn, họ có thể lý giải về vũ trụ được bao nhiêu?!

“Lục Dục Thiên Chủ” chính là vua tầng trời thứ sáu trong Dục giới. Sáu tầng trời Dục giới là: Trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc và trời Tha Hóa Tự Tại. Trên kinh Phật nói: Trời Tứ Thiên Vương và trời Đao Lợi gọi là trời Địa Cư vì nó vẫn còn nương đại địa mà cư trụ. Đại địa này chính là núi Tu Di.

- Vậy núi Tu Di này ở đâu?

- Núi Tu Di tuyệt đối không phải trên địa cầu này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói rất hay: Địa cầu cùng Thái Dương hệ là xoay quanh núi Tu Di. Ngày nay, chúng ta biết địa cầu là xoay quanh hệ Ngân Hà. Vậy núi Tu Di phải là trung tâm của hệ Ngân Hà. Việc này khoa học hiện nay vẫn chưa thể dò tìm đến cảnh giới này!

“*Phạm Vương*” là danh xưng khác của Đại Phạm Thiên Vương. Chữ Phạm Thiên chỉ chung chư thiên trong cõi Sắc giới.

“*Ư chư Phật sở, tôn trọng cúng dường, vị tăng gián đoạn. Như thị công đức, thuyết bất năng tận*” (Ở chỗ chư Phật, ngài tôn trọng cúng dường, chưa từng gián đoạn. Những công đức như thế chẳng thể thuật hết nổi). Đây là “*Đa sanh thành tựu*”.

- Chư Phật là ai?
- Là quá khứ chư Phật, hiện tại chư Phật và vị lai chư Phật.
- Ai là Phật vị lai?
- Tất cả chúng sinh đều là Phật vị lai!

Chúng ta có dùng tâm cung kính đối đãi với tất cả chúng sinh như cung kính đối với chư Phật chăng? Có dùng tâm tôn trọng cúng dường đối với chúng sinh hữu tình, vô tình hay chăng? Đây là chỗ chúng ta phải học tập. Trên kinh đức Phật nói: Tất cả chúng sinh đều là vị lai chư Phật, là cha mẹ quá khứ của ta. Không tôn trọng đối với tất cả chúng sinh, là không tôn trọng đối với Phật! Bỏn xén đối với tất cả chúng sinh là không cúng dường đối với Phật!

Muốn tu phước, nhất định phải biết “*tôn trọng cúng dường, vị tăng gián đoạn*” (tôn trọng cúng dường, chưa từng gián đoạn), vĩnh viễn không thể gián đoạn! Chúng ta xem thấy trên Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức, đây là “*ư chư Phật sở*” (ở chỗ chư Phật). Chúng ta từ sớm đến tối tiếp xúc với tất cả người và sự việc, đó chính là “*ư chư Phật sở*”, là chỗ chư Phật. Nếu chúng ta mỗi ngày xem thấy người này không vừa mắt, thấy người kia không vui là ngày ngày bất bình với chư Phật, gây rối với chư Phật, vậy làm sao được! Đến khi nào chúng ta mới có thể học thành công?!

“*Vị tằng gián đoạn*” (chưa từng gián đoạn): Trên sự có gián đoạn, nhưng trên tâm không có gián đoạn. Đối với tất cả người, sự vật luôn dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Cái tâm này vĩnh viễn không gián đoạn, ngay đời này chắc chắn chúng ta sẽ viên thành Phật đạo.

“*Như thị công đức thuyết bất năng tận*” (Những công đức như thế chẳng thể thuật hết nổi). Công đức của Pháp Tạng Bồ Tát như vậy, thật vô lượng vô biên, chẳng thể thuật hết nổi.

KINH VĂN:

Thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương, do như chiêm-đàn, ưu-bát-la hoa; kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới. Tùy sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm. Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc. Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình.

VIỆT DỊCH:

Thân miệng thường tỏa vô lượng hương màu nhiệm giống như chiêm-đàn, hoa ưu-bát-la, hương ấy xông khắp vô lượng thế giới. Sinh ở chỗ nào sắc tướng cũng đoan nghiêm: Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ thủy đều đầy đủ. Trong tay thường hiện ra vô tận các báu, vật trang nghiêm, hết thấy vật cần dùng tối thượng để lợi lạc hữu tình.

GIẢNG:

“*Thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương*” (Thân miệng thường tỏa vô lượng diệu hương): “*Vô lượng diệu hương*” đây là “*tánh đức chi hương*”. Phạm phu chúng ta mê mắt tự tánh nên mùi vị trên thân chúng ta đều rất khó ngửi.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Người chân thật tu học tương ứng với tánh đức, trên thân họ đích thật có mùi hương kỳ diệu.

Hôm trước, ở Hồng Kông có vị lão cư sĩ tặng tôi bộ đĩa “Hư Vân, lão Hòa Thượng truyện ký”. Hiện tại ở Trung Quốc đang dựng phim truyền hình nhiều tập, gồm hai mươi tập, dường như vẫn chưa dựng xong. Đĩa này tôi đã xem qua, trong đó giới thiệu lão Hòa Thượng Hư Vân mỗi năm chỉ cắt tóc một lần. Cho nên, chúng ta xem thấy những bức ảnh của ngài, có tắm thì tóc rất dài, có tắm thì cạo sạch bóng. Mỗi năm ngài chỉ tắm một lần, chỉ giặt quần áo một lần. Đời sống rất đơn giản.

Năm xưa, tôi đến Hồng Kông, nghe vị đồng tu kể lại: Trên cổ áo của Hòa Thượng Hư Vân có dầu cặn rất dày, ngửi qua thì có mùi thanh hương, không như phàm phu chúng ta, ba ngày không tắm thì vô cùng khó ngửi! Do đây có thể biết “*thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương*” là biểu hiện công phu tu hành có đạo tâm, đạo hạnh hay không, vừa tiếp xúc thì liền biết, không cần phải nói nhiều. Thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi liền biết được họ tu hành ra sao? Là công phu thật hay giả, làm gì có thể gạt người! Nhất định phải thật làm!

- Đệ tử Phật lấy gì để trang nghiêm tự thân?
- Dùng “*Giới-Định-Tuệ*” để trang nghiêm tự thân.

Chúng ta xem truyện ký của Phật sống Kim Sơn, do Pháp sư Lạc Quán viết. Pháp sư Lạc Quán từng sống chung với Phật sống Kim Sơn bốn tháng. Đối với sự hành trì của Phật sống, Pháp sư cảm thấy thật không thể nghĩ bàn! Phật sống ăn mặc rất đơn giản và cũng rất nhớp nhác, vì quần áo của ngài chưa từng giặt. Xuân, hạ, thu, đông đều mặc như vậy. Mùa đông, ngài cũng không lạnh; mùa hè cũng không cảm thấy nóng. Ngài chưa bao giờ tắm, cũng chưa bao giờ giặt quần áo. Nhưng quần áo của ngài thật sự có mùi hương của

hoa sen xanh. Thật kỳ lạ! Có người thân thể bệnh hoạn, đến ngửi áo quần của ngài liền hết bệnh. Thật không thể nghĩ bàn! Mùi hương cũng có thể trị bệnh! Đây là “Giới đức” do trì giới chân chánh mà chiêu cảm được như vậy. Người thế gian lấy châu báu làm anh lạc để trang nghiêm thân. Đệ tử Phật dùng “Giới- Định-Tuệ” để trang nghiêm chính mình.

“*Chiên-đàn*” (Sandal), thông thường chúng ta nói là “*đàn hương*”; trong kinh nói là “*ngưu đầu chiên-đàn*”. Hương này chúng ta chưa thấy qua. “*Chiên-đàn*” là tên một loại cây có mùi thơm ở Ấn Độ, ở đất Hán không có. “*Chiên-đàn*” dịch là “*Dĩ Lạc*” (ban cho niềm vui). Theo sách Huệ Uyển Âm Nghĩa, chiên-đàn có hai loại: Bạch đàn (chiên-đàn trắng) trị được chứng bệnh nhiệt (nóng); Xích đàn (Chiên-đàn đỏ) trị được chứng phong, thũng (trúng gió và phù thũng), vì vậy gọi là *Dĩ Lạc*.

Vào thời đức Phật, loại chiên-đàn này có. Đường như trong thư tịch chúng ta có ghi chép. Đến thời nhà Đường vẫn còn, loại này rất hi hữu.

Tôi nhớ trên sách từng có ghi chép: Những cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc mang theo bốn lạng chiên-đàn để làm lễ vật dâng lên Hoàng Đế. Lúc đó, tặng lễ vật lên vua, phải ít nhất là một cân, chỉ có mấy lạng thì không đủ cung kính. Cho nên, trong cung đình cự tuyệt không tiếp nhận! Bên ngoài cung đình, Pháp sư bèn đem hương này đốt lên một viên (đại khái là vo thành viên), cả thầy thành Tràn An (là thủ đô Trung Quốc thời đó) đều ngửi được mùi thơm này. Thế là Hoàng Đế mới chịu tiếp nhận hương này.

Trong kinh Phật nói: Chiên-đàn đốt một viên, mùi hương có thể lan khắp bốn mươi dặm. Dù vậy, diệu hương của tánh đức, hương thơm của người trì giới có thể biến khắp mọi nơi. Hương thơm, mùi

hương của chư Phật Như Lai và Pháp Thân Đại Sĩ biến khắp pháp giới.

“*Ưu-bát-la hoa*” là tiếng Phạn, dịch thành Trung văn là “Thanh liên hoa” tức hoa sen xanh hoặc hoa sen hồng. “Ưu-bát-la” (Utpala) có hương thơm ngào ngạt.

Sách Huệ Uyển Âm Nghĩa nói: “*Ưu-bát-la là tên một loài hoa, lá nó hẹp mà dài. Hoa phía dưới hơi tròn, càng lên cao càng nhỏ dần trông như mắt Phật, kinh hay dùng hoa này làm thí dụ*”. Chỗ này nói Bồ Tát “thân khẩu thường xuất vô lượng bảo hương”, loại hương này cũng chính là trong kinh luận thường nói “Ngũ Phần Pháp Thân hương”. “Ngũ Phần Pháp Thân” là: Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải Thoát Tri kiến.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: “*Thường dĩ Giới hương vi thân anh lạc*” (Thường dùng Giới hương làm chuỗi anh lạc nơi thân).

Kinh Giới Hương bảo: “*Thế gian sở hữu chư hoa hương, nữ chí trầm, đàn, long, xạ hương. Như thị đẳng hương, phi biến văn, duy văn Giới hương biến nhất thiết*”. (Tất cả các hương hoa trong thế gian, dầu cho trầm, chiên đàn, long não, xạ hương... Các thứ hương như vậy chẳng thể tỏa mùi khắp nơi, chỉ mình Giới hương nơi đâu cũng ngửi thấy). Kinh này nói “*Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới*” thì rõ ràng phải là “Giới hương”.

Chúng ta phải học chư Phật, Bồ Tát, dùng tâm chân thành đối đãi với tất cả chúng sinh, tuyệt đối không dùng vọng tâm. Dùng chân tâm thì “*diệu hương phổ huân*”, dùng vọng tâm thì “*uế khí đầy trời*”!

- “*Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới*” (Hương ấy xông khắp vô lượng thế giới) có bao gồm thế giới chúng ta chăng?

- Ở đây không nói thế giới Ta Bà là ngoại lệ! Không nói, tức là khẳng định bao gồm cả thế giới chúng ta.

- Vì sao con người thế giới chúng ta không ngủ được?

- Đức Phật nói: Không phải hương thơm và hào quang của chư Phật không tỏa đến mà do nơi chướng ngại của chính chúng ta!

- Chướng ngại đó là gì?

- Là phiền não chướng ngại: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não. Những thứ này ngăn chận khiến chúng ta không ngủ được, cũng không thấy được!

“Tùy sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm. Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc” (Sanh ở chỗ nào, sắc tướng cũng đoan nghiêm. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, thảy đều đầy đủ).

Cũng theo Hòa Thượng Tịnh Không: Phật, Bồ Tát ứng hóa ở thế gian, sắc tướng này không nhất định, tướng hảo cũng không nhất định. **“Tùy sở sanh xứ”**: chữ “Tùy” là tùy duyên, chắc chắn không có ý của các ngài. Nếu có ý của chính mình, đây là phạm phu, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của họ vẫn chưa đoạn hết. “Đoan” là đoan chánh; “nghiêm” là trang nghiêm; **“đoan nghiêm”** là dung sắc đoan chánh thanh tịnh, trang nghiêm.

“Tam thập nhị tướng” (ba mươi hai tướng). Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Nói về Ứng Thân cao một trượng sáu của Phật thì có ba mươi hai tướng. Nếu nói về Báo Thân của Phật ắt có tám vạn bốn ngàn tướng. **“Bát thập chủng hảo”** (Tám mươi vẻ đẹp phụ) là chỉ tám mươi thứ tùy hình hảo, đây cũng chỉ là nói theo Ứng Thân Phật. Nếu bàn về Báo Thân Phật ắt có sáu mươi bốn ức một ngàn sáu trăm vạn tùy hình hảo.

Quán Kinh nói: *“Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo”* (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo).

Sách Pháp Giới Thứ Đệ, quyền hạ cũng chép: *“Tướng và (tùy hình) hảo đều là sắc pháp, đều để trang nghiêm rạng rỡ thân Phật; nhưng tướng là tổng quát, tùy hình hảo là chuyên biệt. Nếu một tướng mà không có tùy hình hảo thì chẳng viên mãn. Chuyển Luân, Đệ Thích, Phạm Vương cũng có ba mươi hai tướng nhưng không có tùy hình hảo nên thân họ chẳng vi diệu”*.

Trí Độ Luận cũng bảo: *“Tướng thô nhưng tùy hình hảo lại tế. Chúng sinh thấy Phật liền thấy ngay được tướng, nhưng khó thấy được tùy hình hảo. Hơn nữa tướng thì người khác cũng có, nhưng tùy hình hảo thì không phải ai cũng có. Do vậy, phải nói riêng tướng và tùy hình hảo”*.

Pháp Tạng Bồ Tát khi tu nhân *“tát giai cụ túc”* (thầy đều đầy đủ), ba mươi hai tướng lẫn tám mươi tùy hình hảo, không điểm nào thiếu khuyết.

“Thủ trung thường xuất vô tận chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở tu tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình” (Trong tay thường hiện ra vô tận của báu, vật trang nghiêm, hết thảy vật cần dùng tối thượng, lợi lạc hữu tình). Trong tay hiện ra các báu là giống như hai vị Bồ Tát Bảo Thủ và Diệu Tý, như trong Kinh Duy Ma. La Thập Đại Sư nói: Bảo Thủ là nơi tay thường hiện ra vô lượng trân bảo. Ngài lại bảo: *“Do quả báo của bố thí nên trong tay thường tuôn ra vô tận bảo vật như năm con sông tuôn chảy. Vì vậy gọi là Diệu Tý (cánh tay nhiệm mầu)”*.

Ngài Nghĩa Tịch cho rằng đây là hạnh của Thập Địa Bồ Tát, do Trí Độ (Bát Nhã Ba La Mật) cảm thành. Diệu trí dung thông nên

tùy ý vô ngại. Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Tay hiện ra các vật cúng để cúng dường chư Phật*”. Ngài Nghĩa Tịch nói: “*Thí các hữu tình, cúng dường Tam Bảo*”. Như vậy, trong tay xuất hiện vô tận của báu, vật trang nghiêm, vật cần dùng tối thượng chính là để dâng cúng chư Phật và thí cho chúng sinh.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Trang nghiêm chi cụ*” không ngoài là xây dựng đạo tràng; “*Tối thượng chi vật*” không gì hơn là hoằng pháp lợi sinh.

Ngày trước, xây dựng đạo tràng là quốc gia đảm trách, đó là Đế vương họ hiểu được tu phước. Các trưởng giả, cư sĩ, đại đức hiểu được tu phước nên toàn tâm, toàn lực làm tốt giáo dục tôn giáo, đây là “*nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật*” (hết thầy vật cần dùng tối thượng).

Hiện tại là thời mạt pháp, trên toàn thế giới Phật Giáo đang trên đà suy yếu đến cùng tột! Chúng ta phải làm sao?! Xây dựng đạo tràng không khó; vấn đề là không có người giảng kinh hoằng pháp! Nhất định phải làm đại công đức! Nhất định phải vận dụng khoa học kỹ thuật cao. Chúng ta giảng kinh nói pháp chỉ cần trong phạm vi căn phòng nhỏ, toàn thế giới đều có thể thu nhận được trang “web” của chúng ta. Đây là đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt, không phải ở nơi chùa miếu lớn, nhỏ mà ở công cụ hiện đại truyền thông của chúng ta.

Việc làm này vô cùng quan trọng! Đây là tư liệu bậc nhất, hy vọng người chân thật có thể nghe hiểu mà phát đại tâm. Sau khi hiểu được, tốt nhất có thể đem nó biến thành kịch bản. Người trên toàn thế giới đều ưa thích xem kịch dài tập, dùng phương pháp kịch truyền hình dài tập này để phát triển hoằng dương chánh pháp. Đây là “*nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật*”; “*tối thượng chi vật*” (vật cần dùng tối thượng) chính là cái này. Tốt nhất có thể từ vệ tinh, đài

truyền hình mà phát sóng, người thu nghe sẽ càng nhiều. Nên dùng phương pháp này để “*lợi lạc hữu tình*”, phải trên đại sự nghiệp này mà dốc phần công sức.

Chỗ này nói: Trong tay Bồ Tát thường xuất hiện vô lượng vô biên các vật tối thượng. Như thế, cũng chính là hiển thị huyền môn cụ đức viên minh: “một tức là nhiều, nhiều tức là một”.

KINH VĂN:

Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sinh, giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

VIỆT DỊCH:

Do nhân duyên ấy khiến cho vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

GIẢNG:

Câu “*Do thị nhân duyên*” (Do nhân duyên ấy) chỉ chung các nhân duyên thù thắng đã nói ở phần trên. Những nhân duyên ấy khiến cho chúng sinh được ngài hóa độ đều phát khởi tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đoạn này đã hiển thị A Di Đà Phật khi còn ở nhân địa, hành Bồ Tát đạo đã phát ra chủng chủng tâm hạnh, dùng vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh, hạnh nào cũng tương ưng với Chân Như pháp giới, chúng ta cần phải nên học tập.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Học Phật, mục tiêu chân thật là phải siêu việt tam giới, siêu việt mười pháp giới, đạt đến cứu cánh thành Phật. Nếu chưa chứng được Phật quả cứu cánh, có thể chứng được Phật quả “Phần Chứng vị” cũng xem là thành tựu rồi. Nếu “Phần Chứng vị” vẫn chưa thể chứng được, có thể chứng được “Tương Tợ vị” cũng xem là không tệ. “Tương Tợ vị” bao gồm các quả vị: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong mười pháp giới, đây

đều là tiểu quả. Nếu vẫn không thể ra khỏi sáu cõi luân hồi, vậy thì rất hổ thẹn!

Từ trên lý mà nói: “Tất cả chúng sinh vốn dĩ thành Phật”, nhưng sao chúng ta vẫn cứ mãi là phàm phu?! Đây thật là kỳ sĩ đại nhục! Vấn đề là tâm chúng ta không giống tâm Phật; hành vi chúng ta không giống hành vi Phật. Tâm Phật thanh tịnh vô vi; hạnh Phật “vô vi nhi sở bất vi”. Ngài “vô sở bất vi” cùng “vô vi” tương ưng, là một không phải hai. Cái lý này quá sâu! Phàm phu chúng ta tham không thấu!

Thế nhưng, chúng ta vô cùng may mắn, lần này được thân người lại gặp được Phật pháp. Không những gặp được Phật pháp mà còn gặp được đại pháp thù thắng không gì bằng, đây là nhờ có thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp mới gặp được pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này khẳng định dạy chúng ta ngay đời này thành tựu. Ngoài pháp môn này ra thì rất khó nói! Người xưa nói: Giáo có chánh có tà; pháp môn cũng có tà, có chánh; nhất là trong xã hội hiện nay!

Kinh Lăng Nghiêm nói: Thời mạt pháp, tà sư nói pháp như cát sông Hằng, nhiều vô số kể. Những tà sư này trên Kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, đều là ma vương thị hiện. Thần thông, đạo lực của ma, phàm phu chúng ta không tài nào có thể so sánh được! *Phật và ma không dễ gì phân biệt! Ma có chín mươi chín câu nói ra giống y như Phật nói Chánh pháp, chỉ có một câu không giống, chúng ta làm sao có thể phát hiện ra chứ!!*

Chúng ta có thiện nguyện mong cầu thế giới hòa bình, xã hội an định, tất cả chúng sinh đều có thể trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn, vậy thì phải nỗ lực giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng, giúp họ phá mê khai ngộ. Trên đời này một bữa ăn, một ngụm nước đều do tiền định. Thế nhưng, nó không phải là bất biến. “Y báo tùy theo chánh

báo chuyên”: tâm thiện, hành thiện, quả báo liền thiện. Hiện tại quả báo là bất thiện, ta phải nỗ lực mà tu tâm thiện, tu hạnh thiện.

Phàm phu khó nhất chính là trong cảnh giới hư vọng này, mê đã quá lâu! Không biết đó là hư vọng, đem hư vọng cho là chân thật! Nói chân thật họ vẫn khởi hoài nghi, bán tín bán nghi! Lời Phật không thể không tin, nhưng tin rồi lại không dám thật tin! Đây là cái ải khó nhất trong việc tu hành! Chúng ta rất không dễ dàng đột phá cái cỗ bình “tự tư tự lợi”! Không thể đột phá nhưng vẫn phải đột phá! Vì sao? Không đột phá thì khổ nạn sẽ không cùng tận!

Buông xả chấp trước, trước nhất phải buông xả từ vật ngoài thân. Sau đó, tiến thêm bước nữa, ngay thân này cũng phải buông xả. Thân buông xả thì tâm tự tại. Tâm khỏe thì thân khỏe. Tâm thanh tịnh, thân liền thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, hoàn cảnh liền thanh tịnh. Hoàn cảnh thanh tịnh chính là không khí, từ trường thanh tịnh. Người thân tâm thanh tịnh, cho dù họ không nói, chúng ta ngồi với họ nửa giờ, một giờ đồng hồ cũng cảm thấy hoan hỷ, đây là điều không thể diễn tả được.

Kinh nghiệm này là ngày trước tôi thân cận với Đại Sư Chương Gia. Đại Sư ngôn ngữ rất ít. Tôi rất hoan hỷ được cùng ngồi với ngài không nói câu nào suốt hai giờ đồng hồ. Về sau, Đại Sư vắng sinh, tôi thân cận với thầy Lý Bình Nam. Từ trường của thầy không thể sánh với Đại Sư Chương Gia. Đây là tôi lần đầu thân cận vị chân thiện tri thức, thật là khiến người ngưỡng mộ, khiến người yêu thương. Lão nhân vô cùng từ bi, bình dị, dễ gần. Rất nhiều người không dám gặp ngài, cho ngài là Phật sống, thân phận địa vị quá cao. Rất nhiều Pháp sư đều không dám thân cận ngài. Kỳ thật, ngài rất tốt, rất từ bi, không có chút cao giá nào. Đây là người đặc đạo chân thành, thanh tịnh, bình đẳng. Có thân cận với ngài mới cảm nhận

được phong khí, từ trường của ngài hoàn toàn khác với người thông thường.

Tự viện ngày trước có sản nghiệp. Các cư sĩ ít cúng dường tiền, thông thường họ cúng dường đất đai, bất động sản. Tự viện đem những bất động sản này cho nông dân thuê trồng trọt, nên nguồn kinh tế của tự viện là cố định, đời sống ổn định, tâm an mới có thể làm đạo. Trong tự viện không có kinh sách, Phật sự, rất ít Pháp hội. Đạo tràng có đạo phong quyết không lệ thuộc tín đồ, do vậy mà tâm họ liền Định.

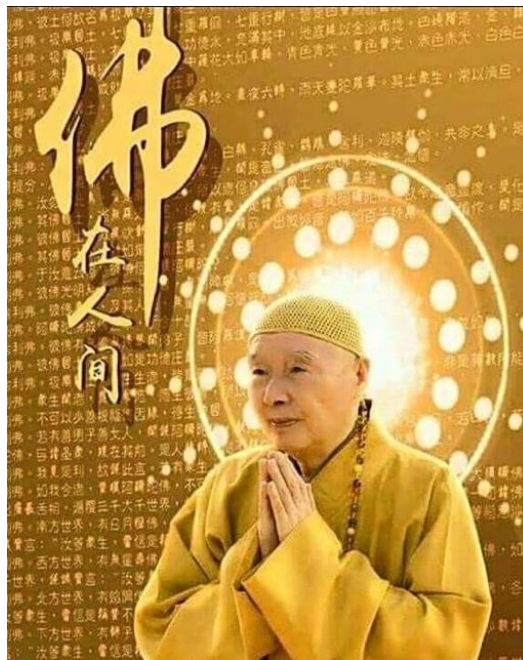
Xã hội ngày nay biến đổi rồi! Tự viện không có sản nghiệp chỉ dựa vào tín đồ, khiến người xuất gia ngày ngày phải động não! Trong hoàn cảnh này chúng ta phải an phận giữ mình, phải thành thật tu hành.

Lúc Thế Tôn còn ở đời có nói qua: Thọ mạng của ngài là một trăm tuổi, ngài tám mươi tuổi đã đi rồi. Phật nói: Phước báo hai mươi năm còn lại của ngài để cho người xuất gia đời sau trên toàn thế giới hưởng. Mãi cho đến pháp vận của ngài hết là mười ngàn năm thời mạt pháp, phước báo của Phật vẫn còn, chúng ta còn lo gì chứ! An tâm làm đạo, tự nhiên sẽ có cúng dường, đây là phước báo của Phật.

Kể đến, Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp, ngài phát tâm muốn hộ trì Hiền Kiếp Thiên Phật xuất thế. Chúng ta là đệ tử chân chánh của Phật, người y giáo tu hành, nếu bị lạnh chết, bị đói chết thì Vi Đà Bồ Tát ắt phải chịu trách nhiệm; chiếu theo pháp luật đến chế tài, cách chức để điều tra! Tôi nói với mọi người đều là lời chân thật. Cho nên phải gìn giữ tâm thanh tịnh của chính mình, vĩnh viễn không bị hoàn cảnh bên ngoài xoay chuyển, phải tin tưởng phước báo của Phật, tin tưởng vào sự hộ trì của thần hộ pháp, không cần phải bận

tâm điều gì. Trong lu gạo không còn gạo, đến lúc nấu cơm tự nhiên sẽ có người mang đến, đâu cần phải đi cầu người!

Trên thực tế, nếu không có ăn, cũng không oán trời, trách người. Không có ăn thì niệm Phật. Bảy ngày không có ăn thì niệm Phật bảy ngày, vãng sinh càng tự tại! Càng hoan hỉ! Thế giới này có gì đáng để lưu luyến chứ! Như vậy mới chân thật làm được đại tự tại, mới chẳng phí uổng công sức tu hành mà “**năng linh vô lượng chúng sinh**” (có thể khiến cho vô lượng chúng sinh) cũng được tương ứng với pháp giới “**giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm**” (đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).



V. VIÊN MÃN THÀNH TỰU ĐỆ CỬU

KINH VĂN:

Phật cáo A Nan: - Pháp Tạng tỳ kheo tu Bồ Tát hạnh, tích công lũy đức, vô lượng vô biên. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại, phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan: - Tỳ kheo Pháp Tạng tu Bồ Tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên, được tự tại trong hết thảy pháp, chẳng thể dùng ngữ ngôn, phân biệt để biết được nổi.

GIẢNG:

Trên đây là Thế Tôn tổng kết phần kinh văn đã nói ở phần trước, nồng nhiệt khen ngợi tỳ kheo Pháp Tạng tu đại hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ mới có thể tích lũy vô lượng vô biên, chủng chủng công đức. Đây là tu nhân chiêu cảm được quả đức.

“*Ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại*” (Được tự tại trong hết thảy pháp). Theo Hoàng Niệm lão: Đức Thế Tôn tự xưng “*Ngã vi Pháp vương, ư pháp tự tại*” (Ta là Pháp vương, tự tại nơi pháp), nay ngài dùng ngay câu này để khen ngợi Pháp Tạng trong lúc tu nhân thì thật là một lời khen ngợi tốt bậc.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Nhất thiết tự tại*” là hết thảy vô ngại, được đại tự tại chính là kiến tánh, cũng chính là đối với tất cả pháp đều viên mãn thành tựu. Chúng ta dùng màn hình để ví cho tự tánh. Tự tánh có đầy đủ ba đức: Tự tại, vô ngại, viên thành. Hình ảnh trên màn hình thiên biến vạn hóa, là huyễn tướng, cũng ví như mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Chỗ nào có cảm thì nơi đó liền có ứng. Mỗi điểm trên màn hình đều thiên biến vạn hóa như

trong Hoàn Nguyên Quán nói “*Xuất sanh vô tận*”. “*Xuất sanh vô tận*” là ứng.

Người mê thấy hình ảnh trên màn hình xuất hiện thì lo sợ nhiễm ô tự tánh. Họ không biết rằng tự tánh vốn không nhiễm ô. Thánh hiệu “*Quán Tự Tại Bồ Tát*” ngầm nói lên ý nghĩa: Cái thấy của Bồ Tát là quán chiếu, là chiếu kiến, không phải cái nhìn cạn cợt như phàm phu chúng ta luôn là có phân biệt, chấp trước. “*Tự*” là tự tánh, tự tâm. Tự tâm là chân tâm không phải vọng tâm. Ý nghĩa của “*Quán Tự Tại*” là: “*Liễu liễu kiến tánh, liễu liễu kiến tâm giả, thị tức thậm thâm Bát Nhã*” (Thấy rành rẽ cái tánh, thấy rành rẽ cái tâm, đây chính là thậm thâm Bát Nhã) nên có thể chiếu phá Ngũ uẩn, siêu vượt hết tất cả khổ ách. Đây cũng chính là “*ư nhất thiết pháp nhi đắc tự tại*” (được tự tại nơi hết thảy pháp).

Phàm phu chúng ta hoàn toàn dùng tình thức, dùng phân biệt, chấp trước để đối đãi, kết quả toàn bộ đều sai lầm, nên tự tại trở thành không tự tại: Liễu liễu không phải “*Kiến tánh*” mà là “*kiến tướng*”! Liễu liễu không phải “*kiến tâm*” mà “*kiến thất tình lục dục*”! Hoàn toàn sai lầm! Nếu thật sự buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cái nhìn, cái thấy của chúng ta không có gì khác với Bồ Tát Quán Âm.

“*Ngũ Uẩn*” là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. “*Sắc pháp*” là “*tướng phần*” là hiện tượng vật chất. “*Tâm pháp*” là “*thọ, tưởng, hành, thức*”. “*Sắc Pháp*” và “*Tâm Pháp*” đều bất khả đắc. “*Ngũ Uẩn giai không*”, đây chính là các nhà khoa học hiện đại nói: Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là huyễn tướng, đều bất khả đắc, đều không có thật. “*Độ nhất thiết khổ ách*”: Ý nói tất cả những đau khổ về mặt vật chất lẫn tinh thần đều không còn. Nói cách khác, giải phóng được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ngay trong hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, đây gọi là “*độ nhất thiết khổ ách*”

cũng chính là “*U nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại*” (Được tự tại trong hết thảy các pháp). Do chính vì lấy tự tại làm nhân, rồi vẫn lấy tự tại làm quả, nên “*nhân quả đồng thời*”. Thật chẳng thể nghĩ bàn!

Sách Hội Sớ lại giải thích như sau:

“Nay bảo: ‘U nhất thiết pháp nhi đắc tự tại’ thì chính là thành tựu Phật quả của đức Thế Tự Tại Vương Phật. ‘Nhất thiết pháp’ chính là pháp bốn mươi tám nguyện, tức là: Pháp trang nghiêm Tịnh Độ, pháp nhiếp thủ chúng sinh, pháp trang nghiêm Pháp Thân v.v...”

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Thế Gian Tự Tại Vương” là danh xưng quả đức của tất cả người tu hành không phải chỉ riêng cho một vị Phật nào đó mà là đức hiệu chung, là tự tánh của mỗi chúng ta. Nếu muốn chỉ đích danh một vị nào thì phía trước phải thêm vào danh hiệu của vị đó. “Tự” là tự tánh, tự tâm. Tự tánh tự tại, tự tâm tự tại là ý nghĩa như vậy.

Cư sĩ Bàn Tế Thanh đối với kinh văn này cũng lý giải rất sâu sắc. Ông có chú giải Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận. Ở đây, Hoàng Niệm lão đã giản lược kiến giải của cư sĩ Bàn Tế Thanh như sau: “*Ngài Pháp Tạng dùng vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh, không hạnh nào chẳng tương xứng Chân Như pháp giới. Chúng sinh vô lượng, cõi nước vô lượng, Bồ Tát tùy thuận chúng sinh trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết na-do-tha kiếp nhập bất khả thuyết bất khả thuyết hằng sa cõi Phật, đều dùng vô lượng hạnh hải để nghiêm tịnh những cõi ấy. Vì sao vậy? Vì pháp giới vốn vô lượng vậy. Nghiêm tịnh vô lượng cõi Phật, độ thoát vô lượng chúng sinh như vậy, nhưng thật chẳng có cõi Phật để nghiêm tịnh, cũng chẳng có chúng sinh để độ. Vì sao thế? Vì Pháp giới chính là phi pháp giới nên Bi và Trí cùng*

dung hội. Lý sự vô ngại. Do vậy có thể tự tại trong hết thảy các pháp”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích như sau: “vô lượng tâm” là tự tánh, “vô lượng nguyện” là bốn mươi tám nguyện; “khởi vô lượng hạnh” chính là ngài tu hành năm kiếp.

Ở Trung Quốc ngày xưa, người học Phật, bất luận là tại gia hay xuất gia, khi làm đệ tử của một vị thầy, vị thầy này bắt đầu dạy họ giới luật, thời gian là năm năm. Học giới là gốc của Vô Thượng Bồ Đề, người xưa đều giữ qui củ này rất nghiêm túc, không dám có chút sai phạm. Người bây giờ bỏ hết qui củ này, không cần giới luật mà trực tiếp đi vào kinh giáo nên không thể thành tựu! Họ dùng hết mấy mươi năm vào trong kinh giáo; rốt cuộc chỉ là “Phật học thường thức” không khởi tác dụng!

- Tác dụng là gì?

- Là thay đổi khí chất!

Học Phật nhiều năm nhưng khí chất không thay đổi, nghĩa là không gặt hái được lợi ích! Người gặt hái được lợi ích là đã chuyển phàm thành thánh, chuyển mê thành ngộ; vốn là phàm phu bây giờ trở thành thánh nhân; vốn là tâm luôn dao động bây giờ có Định, có Tuệ, khí chất đã thay đổi. Y theo phương pháp của cổ nhân mà học tập mới được hiệu quả thù thắng như vậy. Không theo con đường của cổ đức mà tự sáng lập con đường mới để đi, con đường đó là “tri thức” không phải “trí tuệ”.

Ngày nay gọi là “tri thức bùng nổ”, họ nghiên cứu cả đời là “Phật học” chứ không phải là “học Phật”. Đây là hai việc khác nhau: “Học Phật” có thể thành Phật, nhưng “Phật học” thì không thể thành Phật! Học Phật nhất định phải đem những điều trong kinh luận biến thành tư tưởng, hành vi, cuộc sống của chính mình mới có được lợi

ích. Có “Giới” chính là có qui củ, có thiên định, có trí tuệ, có thể giải quyết được vấn đề của tự thân.

- Có thể giải quyết được bệnh khổ của tự thân chăng?

- Có thể! Tôi đã từng gặp! Nhưng, cũng có trường hợp không thể! Lúc Đại Sư Huyền Trang ra đi rất đau khổ, bệnh khổ rất nghiêm trọng! Đây là bậc cao tăng. Có người hỏi ngài:

- Chẳng lẽ công phu tu hành của ngài không hiệu nghiệm ư? Ngài nói với họ:

- Không phải! Đây là nghiệp chướng đã tạo trong quá khứ rất sâu nặng! Tội nặng nhưng quả báo nhẹ. Sự việc này chúng ta phải biết: Nhân quả là có thật không phải giả.

Thật sự sám trừ nghiệp chướng là phải sửa đổi sai lầm bản thân. Phật, Bồ Tát thị hiện đều có liên quan mật thiết với đại nguyện của các ngài; tất cả đều là giáo hóa chúng sinh: Thị hiện thiện nhân có thiện quả; ác nhân có ác quả. Đức Thế Tôn lúc còn tại thế vẫn bị quả báo ăn ba tháng lúa mạch, thức ăn của ngựa. Đương thời, Khổng Tử cũng có lúc tuyệt lương thực phải chịu đói khát không có thức ăn.

Đức Phật và đức Khổng Tử sống rất tiết kiệm, một chút cũng không hề lãng phí, đây là dạy người phải biết tích phước. Tu phước đương nhiên quan trọng, nhưng tích lũy phước lại càng quan trọng hơn. Một chút phước báo mà ta tạo được, bình thường đều đem ra hưởng hết; không lo cách tích phước, đến khi thiên tai hiện tiền thì phải làm sao?! Hối hận cũng không kịp! Cho nên phải cố gắng tiết kiệm; đáng dùng thì dùng, không đáng dùng thì chẳng nên tiêu phí. Các nhà khoa học cảnh báo chúng ta, tương lai sẽ có nguy cơ về lương thực, nguy cơ về năng lượng, nguy cơ về nguồn nước, còn có nguy cơ về tài chính!

- Đại thiên tai toàn cầu, chúng ta nên đối phó thế nào?

- Tu tập là điềm then chốt!

Về mặt tế hạnh, ít nhất cũng phải học “ôn, lương, cung, kiệm, nhường” của Khổng Tử, đó là đức hạnh. Đối với người phải ôn nhu, tư thế phải thấp một chút; phải thiện lương, phải khiêm cung, phải tiết kiệm, phải kính trên nhường dưới, không nên tranh giành mà phải học nhường nhịn. Trong “Thập nguyện Phổ Hiền”, từ “lễ kính” cho đến “Phổ giai hồi hướng”, mỗi nguyện đều đầy đủ “ôn, lương, cung, kiệm, nhường”; không đầy đủ đức hạnh này làm sao có thể tu vô lượng vô biên chủng chủng công đức!

Đại thiên tai toàn cầu! Hiện nay trên trái đất này có đến mười mấy cái núi lửa siêu cấp, đại đa số đều nằm dưới đáy biển. Trên đất liền có một cái rất nổi tiếng, đó là công viên Hoàng Thạch ở miền Tây nước Mỹ. Việc này mọi người đều hiểu được, giới khoa học rất nhiều lần báo cáo trên trang mạng internet, chúng ta đều có thể đọc được. Đó là núi lửa siêu cấp, miệng núi lửa dài bốn mươi lăm dặm Anh (không phải cây số), rộng ba mươi lăm dặm Anh. Nếu nó phun trào, nước Mỹ sẽ tan hoang! Hai phần ba diện tích đất đai của Mỹ sẽ không còn nữa! Phạm vi tai hại của nó là một ngàn cây số. Khói bụi núi lửa sẽ phun lên cao hai mươi cây số (chúng ta biết được: phi cơ quốc tế chỉ bay với độ cao khoảng mười cây số, chỉ bằng một nửa độ cao của khói bụi núi lửa)!

Mặt khác, nếu núi lửa dưới đáy biển phun trào sẽ dẫn đến sóng thần cao đến mấy trăm “mét”. Cũng có người nói với tôi, sẽ dẫn đến sóng thần cao đến sáu trăm “mét”. Thật ghê sợ! Đây là nhà khoa học tính toán: Ở Bắc bộ của Châu Phi (hình như gần với Tây Ban Nha), nơi vùng biên giới không xa có một quần đảo núi lửa hoạt động. Núi lửa này nếu phun trào, miền Đông nước Mỹ sẽ không còn nữa! Sẽ dẫn đến sóng thần cao hai, ba trăm mét. Sóng thần này nếu hướng về Châu Âu; thì Châu Âu sẽ không còn nữa! Nếu hướng đến

nước Mỹ, đó là Đại Tây Dương. Từ bờ biển của Châu Phi đến Đại Tây Dương mất khoảng tám tiếng đồng hồ. Sau sáu tiếng đồng hồ, mức độ cao của sóng thần sẽ giảm xuống còn một phần mười. Như vậy, nếu sóng thần cao một trăm mét, khi đến nước Mỹ sẽ trở thành cao mười mét v.v... Sóng thần này hướng đến bờ Đông nước Mỹ; bờ Đông nước Mỹ sẽ hoàn tất mất hết!

Năm trước ở Indonesia, sóng thần cao mười mét. Lần này, ở Nhật Bản, sóng thần cũng cao mười mét. Cho nên, tôi cảm thấy bộ phim của Mỹ, đó là điềm báo! Đó không phải là tiết mục giải trí, cũng không phải là nói cho vui. Biết được viễn tượng như thế, chúng ta còn do dự gì mà không chịu buông xả! Còn có thể không chăm chỉ niệm Phật hay sao?!

Có tin tức nói: Philippine có núi lửa, Indonesia núi lửa càng nhiều hơn. Đâu đâu cũng có núi lửa! Những núi lửa này phun trào rất có khả năng dẫn đến sóng thần rất lớn. Nếu sự việc này xảy ra ở bờ Đông Philippine thì đối với Hồng Kông sẽ tốt hơn một tí. Nhưng, nếu xảy ra ở bờ Tây, bờ Tây là đối diện với Hồng Kông thì phiền phức lớn! *Hóa giải kiếp nạn chỉ có niệm Phật, công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!* “*Chế tâm nhất xứ vô sự bất biện*”, thật sự niệm Phật đến nhất tâm thì tâm thanh tịnh hiện tiền, có thể hóa giải được vấn đề. Nếu không thể hóa giải thì tai nạn chắc chắn cũng sẽ giảm thiểu đi rất nhiều. Hy vọng mọi người chúng ta đều nỗ lực niệm Phật, cứu lấy bản thân cũng cứu lấy mọi người.

Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: “*Ngài Pháp Tạng dùng vô lượng tâm, phát vô lượng nguyện, khởi vô lượng hạnh, không hạnh nào chẳng tương xứng Chân Như pháp giới*”. “Chân Như pháp giới” chính là năm kiếp siêng tu.

- Ngày nay Phật Giáo suy yếu, nguyên nhân vì đâu?

- Vì bỏ quên năm năm chuyên tu giới luật, không hề nhắc đến điều này! Cho nên họ nói, người khác không tin, không khởi được tác dụng! Nhất định chính mình cần phải làm cho được. Muốn vãng sinh thế giới Cực Lạc, không phải thượng thiên thì làm sao được! Chỗ này cần nên lưu ý:

- Sau lúc lâm chung, đỉnh đầu người mất còn nóng, việc này có thể chứng minh họ thật sự vãng sinh chăng?

- Không thể!

- Vì sao?

- Vì sinh thiên, đỉnh đầu của họ cũng nóng; hoặc đời sau họ đến thế gian hưởng đại phú quý, đỉnh đầu của họ cũng nóng. Tóm lại, đỉnh đầu nóng, nhất định sinh vào cõi lành, nhưng không nhất định là được vãng sinh.

- Người thế nào mới thật sự vãng sinh?

- Lúc lâm chung họ nói với mọi người: Phật đến tiếp dẫn tôi, tôi đi với ngài, đây là thật sự vãng sinh. Nếu họ không nói, nhưng vẫn có những tướng an tường này thì nhất định họ không đọa vào ba đường ác, việc này có thể khẳng định. Người thật sự vãng sinh sẽ có cảm ứng. Mỗi ngày chúng ta nhớ nghĩ đến họ, họ sẽ báo mộng cho chúng ta, đem tình huống hiện tại của họ nói với chúng ta. Nếu thật sự vãng sinh, họ sẽ nói cho chúng ta biết họ đã ở thế giới Cực Lạc. Đây là thật không phải giả!

“Chúng sinh vô lượng, cõi nước vô lượng, Bồ Tát tùy thuận chúng sinh trải qua bất khả thuyết bất khả thuyết na-do-tha kiếp nhập bất khả thuyết bất khả thuyết hằng sa cõi Phật, đều dùng vô lượng hạnh hải để nghiêm tịnh những cõi ấy”. Chữ “nghiêm tịnh” là trang nghiêm cõi Phật và tịnh hóa nhân tâm. Tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Đối với xã hội, đối với chúng sinh không lấy cũng không bỏ, đây là hạnh

của Bồ Tát, hạnh của bậc thánh, chỉ có thánh nhân mới làm được. Phàm phu khởi tâm động niệm đều là lợi và hại: có lợi mới làm, không có lợi thì không làm; những việc có hại lại càng không làm!

Gần đây, có mấy đồng tu mang đến cho tôi đĩa CD nói về Đạo Thanh Hòa Phu người Nhật, ông được người Nhật Bản xưng là bậc thánh về kinh doanh. Ông ở trên thương trường đã năm mươi năm đến nay chưa từng bị thất bại. Có người hỏi ông: Lý niệm này, phương pháp này ông học được từ đâu? Ông nói với mọi người: Tôi học từ Trung Quốc, từ lão Tổ tông hai, ba ngàn năm về trước.

Ông xuất thân từ một gia đình nghèo khó ở thôn quê, việc học hành chưa hoàn thành, nhưng ông rất thông minh. Đúng là tay trắng làm nên sự nghiệp, ông sáng lập hai công ty đều được dự vào năm trăm công ty mạnh của thế giới, nhân viên làm việc có đến vạn người, chưa năm nào bị lỗ vốn, bất luận là giông tố hay nguy cơ tài chính gì đó, đều không ảnh hưởng đến công ty ông, mọi việc đều bình yên trôi qua. Cho nên, người Nhật gọi ông là bậc Thánh trong kinh doanh.

Hiện tại, trên thế giới có rất nhiều người học tập từ ông. Thật sự mà nói, ông vô cùng đơn giản, đó là người thiết tha lại chấp nhận chịu thiệt. Trong công ty, ông đề xướng bốn chữ: “Kính thiên ái nhân” (kính trời yêu người), “Thiên” ở đây là “thiên lý lương tâm”; người nên theo lương tâm mà làm việc. Lợi nhuận đầu tiên của công ty ông là đưa cho công nhân, bởi công nhân cực khổ mới làm ra được. Cho nên công nhân của ông dù gian nan cực khổ thế mấy cũng không rời bỏ công ty, đều dốc hết công sức mà làm việc. Lợi nhuận thứ hai là đưa cho khách hàng. Lợi nhuận thứ ba mới thuộc về công ty, lợi nhuận này đặt ở sau cùng.

Tiền gửi vào ngân hàng nhiều nhưng lợi ích rất thấp. Chỗ ngân hàng khuyên ông nên rút tiền ra mua bán bất động sản, kiếm

tiền sẽ rất nhanh. Ông nói: Việc này tôi không thể làm! Tiền đó không phải do công sức của tôi làm ra, đó là tiền bất nghĩa, sau này ắt có họa hại, tôi không dám làm! Quả nhiên, sáu bảy năm sau khi kinh tế đầu tư này bị phát hiện, nhiều nơi vay tiền ngân hàng đều bị vỡ nợ, riêng ông thì không có vấn đề gì. Người khác hỏi ông: - Có phải ông biết trước sự việc này chẳng? -Không có! Không hề biết trước mà chỉ làm đúng lương tâm. Cái mà tôi không nên có, tôi tuyệt đối không cần nó! Đưa đến tặng cũng không cần!

Hai năm nay, hãng hàng không Nhật sắp vỡ nợ, bù lỗ cả ngàn ức Mỹ Kim! Tiền nhiệm thủ tướng Nhật Bản đến nhà ông ba lần mời ông cứu giúp ngành hàng không Nhật Bản và ông đồng ý. Hơn một năm sau đó, hãng không Nhật đã chuyển lỗ thành lời. Ông đã cứu vãn tình hình gần như bế tắc, không ai còn dám tin có thể hồi phục được!

Lúc đó, công nhân trong ngành hàng không Nhật đang ở vào thế cuộc tan rã, mất hết tinh thần. Ông tiếp nhận chức Tổng giám đốc này, ngày đầu tiên họp mặt công nhân, ông liền tuyên bố: Lợi nhuận đầu tiên của công ty thuộc về công nhân. Chí khí của công nhân liền tăng cao lập tức trở lại. Có thể nói hãng hàng không Nhật, ngoài Đạo Thạnh Hòa Phu ra, không ai có thể cứu vãn được! Vì sao? Đạo Thạnh Hòa Phu nương vào điều gì? Đó là nhân cách năm mươi năm của ông! Mọi người đều yêu mến ông. Ông vừa làm Tổng Giám Đốc thì mọi người trước đây không đi máy bay, liền chọn đi hãng hàng không Nhật. Vì sao? Vì tôn trọng ông, vì muốn ủng hộ ông!

Bạn xem! Công nhân chịu nỗ lực, bên ngoài được khách hàng hỗ trợ, nhờ vậy mà ông đã thành công. Chúng ta xem báo cáo của ông: Vốn khi đi Đông kinh đều đi tàu cao tốc nhưng bây giờ họ chọn hàng không Nhật để hỗ trợ ông. Điều này người khác không làm được! Người khác làm sao có được năng lực lớn như thế, đây là

do đức hạnh cảm hóa vậy! Từ xưa đến nay, vua quan, tướng soái, nhân vật cao cấp nào trong mọi ngành nghề, không ai mà không dựa vào đức hạnh để cảm hóa được con người. Cho nên đức hạnh thành trụ sự nghiệp.

Xưa kia, Chu Văn Vương trị vì một nước lớn chỉ có một trăm dặm (theo thước của Trung Hoa) còn nhỏ hơn một huyện bây giờ. Nhưng ông cai quản rất tốt, trở thành nước gương mẫu của các nước chư hầu xung quanh. Thành công của ông là nhờ đức hạnh. Xã hội an ổn phồn vinh, nhân dân no ấm hạnh phúc, khu vực này mưa thuận gió hòa, mọi thứ đều tốt đẹp, đều do đạo đức cảm hóa nên. Vì thế, khu vực Trung Nguyên từ lưu vực Hoàng Hà đến lưu vực Trường Giang, chưa đến Châu Giang (thời nhà Chu chưa bằng chừng đó, chắc khoảng đến Giang Tây, Phúc Kiến là kể như vùng biên giới xa xôi rồi). Khu vực này, tất cả các nước lớn nhỏ có hơn tám trăm nước đều tôn Chu Văn Vương làm Thiên Tử. Đây là do mọi người kính ngưỡng, noi gương học tập mà tôn xưng ông.

Thực tế thì ông không có nắm quyền cai trị họ. Như đức Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc được mười phương chư Phật tôn xưng ngài là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”, vì tôn trọng nên tôn ngài với danh hiệu này. Mỗi quốc độ chư Phật đều hướng về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là do bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà tu hành trong năm kiếp.

Đạo Thạnh Hòa Phu, sự thành tựu của ông chính là nhờ tâm địa Bồ Tát của ông, không nghĩ đến mình, chỉ nghĩ đến người. Lúc công ty thịnh vượng nhất lại là lúc ông xuất gia, hình như lúc đó ông đã sáu mươi lăm tuổi, tôi không nhớ rõ. Trong báo cáo của ông có nói đến nguyên nhân vì sao ông xuất gia? Vì người đoán mạng xem tướng nói thọ mạng của ông là năm đó nên ông xuất gia!

Sau khi xuất gia, vì tiếng tăm ông rất lớn, nên có rất nhiều người đến tìm ông, gây phiền phức trở ngại cho chùa, nên ông phải hoàn tục, tiếp tục làm kinh doanh. Ông rất thích quyển Liễu Phàm Tứ Huán, mỗi ngày đều đọc cuốn sách này (sách Liễu Phàm Tứ Huán rất thịnh hành ở Nhật Bản, Thiên Hoàng cũng đọc cuốn sách này). Cuộc sống của Đạo Thanh Hòa Phu rất đơn giản. Quan niệm kinh doanh của ông so với các nhà kinh tế học Tây phương hoàn toàn tương phản. Trong khi các nhà kinh tế học Tây phương nỗ lực kiếm tiền, riêng ông thì để cho nhân viên kiếm tiền, để khách hàng được lợi ích. “Hàng thật, giá đúng”, vật dụng của công ty ông bán ra là đáng tin nhất, tuyệt đối không có hàng giả. Đây là sự nghiệp Bồ Tát, ông đã thành công.

Năm nay (2011) ông đã tám mươi tuổi bèn nghỉ việc, chu du khắp nơi diễn giải tuyên truyền, khuyên người làm lành. Ông có diễn giảng ở Trung Quốc mấy lần. Hiện tại, đĩa CD này lưu thông rất nhiều. Đây là một người kinh doanh, thật sự đã tiếp thu được văn hóa truyền thống, là một tấm gương tốt cho giới kinh doanh.

“Trang nghiêm Phật độ, thật vô Phật độ khả nghiêm; độ thoát chúng sinh diệt vô chúng sinh khả độ” (Trang nghiêm cõi Phật, thật chẳng có cõi Phật để trang nghiêm; độ thoát chúng sinh cũng chẳng có chúng sinh độ): Đây là đứng về Lý mà nói. Về Sự, Bồ Tát thật sự làm nhưng trong tâm không hề có nhiễm ô. Biết quốc độ, chúng sinh chỉ là giả tướng không thật. Những chúng sinh này thật sự là đang trong mộng: Trong mộng tạo nghiệp, trong mộng chịu khổ và trong mộng chịu nạn! Họ chưa từng tỉnh ngộ, cứ cho rằng cảnh mộng là thật. Họ thật là kẻ đáng thương!

- Vì sao nói không có chúng sinh được độ? Không có quốc độ được trang nghiêm?

- Vì pháp giới tức không phải là pháp giới; chúng sinh tức không phải chúng sinh! Trên Kinh Kim Cang nói rất thấu triệt: “*chúng sinh tức không phải chúng sinh mới gọi là chúng sinh; quốc độ tức không phải quốc độ mới gọi là quốc độ*”. Phạm phu thấy đó là thật; chư Phật, Bồ Tát thấy đó là chân tướng sự thật. Có người hỏi:

- Tất cả pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh thì cứ tùy nó, cứ mặc kệ nó là được, sao Phật còn ứng đến, lại phải quan tâm nó?!

- Thật ra Phật cũng không hề quan tâm, để ý đến nó!

- Có sao Phật lại thị hiện?!

- Đây là cảm ứng thật không thể nghĩ bàn!

Như thí nghiệm của Tiến sĩ Giang Bản Thắng (Masaru Emoto) về nước. Ông gửi cho nước một thông tin rằng:

- Tôi không thích bạn! Nước liền phản ứng cho ông thấy một đồ án. Sau đó, ông gửi tiếp một thông tin: -Tôi thích bạn! Nước cũng liền có phản ứng.

- Như vậy nước có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước chẳng?

- Hoàn toàn không có! Đây là tự tánh khởi tác dụng!

Chúng ta có thể từ thí nghiệm này lãnh hội được một ít.

- Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát; các ngài có thật sự đến chẳng?

- Nói thật là sai! Nói giả cũng sai! Chỉ cần khởi tâm động niệm là đã sai rồi!

- Làm thế nào mới thấu triệt được chân tướng sự thật?

- Buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ thấu triệt!

Biển pháp giới, hư không giới là một thể. Thân thể chúng ta cũng là một thể. Tay trái bị côn trùng cắn rất đau, rất ngứa; tay phải tự nhiên an ủi, vỗ về nó. Tay phải không hề nói: Nó là tay trái không liên quan đến tôi, tôi quan tâm đến nó làm gì! Không hề có! Tự nhiên là như vậy! Chúng ta không thể nào lý giải! Biển pháp giới, hư không giới là do tự tánh thanh tịnh viên minh thể biến hiện ra. Không những tất cả hữu tình chúng sinh có liên quan cảm ứng với chúng ta mà cả chúng sinh vô tình như cây cỏ, hoa lá, sơn hà, đại địa hay hiện tượng tự nhiên cũng đều có cảm ứng.

- Hiện tượng này từ đâu mà có?

- Toàn bộ đều do dao động!

Có dao động là có tác xạ, có tiếp thu. Dao động là hiện tượng tự nhiên, từ hiện tượng tự nhiên phát ra hiện tượng tinh thần. Từ hiện tượng tinh thần phát ra hiện tượng vật chất. Hiện tượng là động, tự tánh là bất động. Động không chướng ngại bất động, bất động cũng không chướng ngại động. Biển pháp giới, hư không pháp giới với ta là một thể, là chính mình. giống như trong cảnh mộng có chính mình, cũng có người khác, cũng có cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, cũng có hư không pháp giới. Thử hỏi:

- Nó là thật hay giả?

- Nếu nói là giả, sao rõ ràng như vậy? Tỉnh dậy vẫn còn nhớ như in? Nếu nói là thật, thật đây là “Bất khả đắc!”

- Nó từ đâu đến? Sau khi tỉnh dậy, nó đi về đâu?

- Bất khả đắc!

Trên thực tế, hư không pháp giới và cảnh giới trong mộng không khác nhau. Trên kinh Phật dùng một câu để giải đáp tất cả hiện tượng gọi là “Pháp nhĩ như thị”, tất cả pháp vốn là như vậy, nó vĩnh viễn không có cảnh dừng, không có nguồn gốc, nhưng nó

“*đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”. Điều này như trên hội Lăng Nghiêm, đức Phật nói: “Duy chỉ có chúng mới biết được!”

“*Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri*” (Chẳng thể dùng ngôn ngữ, phân biệt để biết được nổi). Đây là thật! “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”, không có cách nào tưởng tượng, cũng không có cách nào nói rõ. Phạm vi của ngôn ngữ và phân biệt của ý thức là có giới hạn mà phạm vi của những hiện tượng này là vô hạn!

Hoàng Niệm lão cho rằng: “Câu trên quả thật là kim cang vương bảo kiếm, chặt phăng hết sạch những suy lường, kiến giải của chúng sinh, cũng tương ứng với câu “*thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải*” (pháp này chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hiểu được nổi) trong Kinh Pháp Hoa. Đây chẳng phải là điều trùng hợp ngẫu nhiên mà chính là do thể tánh của hai câu tương đồng”. Nói cách khác, theo Hòa Thượng Tịnh Không: Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Pháp Hoa là đồng thể, đều phát xuất từ tự tánh viên minh thể.

Để soi sáng thêm ý nghĩa câu kinh văn này, Hoàng Niệm lão đã nêu ra dẫn chứng trong Kinh Pháp Hoa như sau: “*Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân duyên, thí dụ, ngôn từ, diễn thuyết chư pháp. Thị pháp phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải. Duy hữu chư Phật, nãi năng tri chi. Sở dĩ giả hà? Chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện u thế.*”

Xá Lợi Phất! Vân hà danh chư Phật Thế Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện u thế? Chư Phật Thế Tôn dục linh chúng sinh khai Phật tri kiến, sử đắc thanh tịnh cố, xuất hiện u thế, dục thị chúng sinh Phật chi tri kiến cố, xuất hiện u thế, dục linh chúng sinh ngộ Phật tri kiến cố, xuất hiện u thế, dục linh chúng sinh nhập Phật tri kiến đạo cố, xuất hiện u thế.

Xá Lợi Phát! Thị vi chư Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế”.

(Chư Phật thuận theo cơ nghi thuyết pháp, ý nghĩa khó thể hiểu nổi. Vì có sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ nhân duyên, thí dụ, lời lẽ để diễn thuyết các pháp. Pháp ấy chẳng thể dùng suy lường, phân biệt để hiểu được nổi, chỉ có chư Phật mới biết được thôi. Vì có sao thế? Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời).

Này Xá Lợi Phát! Thế nào là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời? Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh khai Phật tri kiến, khiến cho họ được thanh tịnh nên xuất hiện trong đời, muốn chỉ bày tri kiến của Phật cho chúng sinh nên xuất hiện trong đời, muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật nên xuất hiện trong đời; muốn cho chúng sinh chứng nhập được đạo tri kiến của Phật nên xuất hiện trong đời.

Này Xá Lợi Phát! Đây là chư Phật Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời).

Đoạn kinh trên đã nói rõ: Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên là “khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật” mà xuất hiện trong đời. Điều Phật khai thị chính là tri kiến của Phật, nên chỉ có Phật với Phật mới có thể thật sự hiểu rõ (“Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh”). Chúng sinh vướng trong tình chấp, kiến giải, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên Phật tuy dùng đủ các thí dụ, lời lẽ để giải thích, nhưng chúng sinh đối với tri kiến của Phật vẫn như điếc, như đi, chẳng thể thật sự thấu hiểu.

Đức Phật giảng kinh thuyết pháp hoàn toàn dựa trên hai nguyên tắc: Chân đế và Tục đế. Tục đế thì dễ hiểu, là y theo tri kiến của người thế gian mà giảng dạy. Người thế gian cho rằng tất cả pháp đều là thật, đức Phật cũng tùy thuận họ mà nói pháp dễ hiểu như:

lun lý, đạo đức, nhân quả để mọi người đều có thể lãnh hội. Nếu thuận theo Chân đế, tức là nói đến cảnh giới của chư Phật thân chứng thì rất khó hiểu! Chúng sinh chưa buông bỏ vọng tưởng, chấp trước nên khi nghe Phật nói pháp về Chân đế cũng giống như nghe chuyện thần thoại, hoàn toàn không hiểu được, đặc biệt là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm hay Kinh Pháp Hoa.

Cho nên, chỉ có đối với bậc thượng trí mới một phen nghe rồi liền ngộ, họ thật sự buông bỏ và thấu triệt. Còn loại hạ ngu, điều gì cũng không biết nhưng họ rất thật vâng lời, có thể buông bỏ nên cũng rất dễ độ, dễ dàng chứng quả. Họ Niệm Phật chỉ vài năm là biết trước giờ chết, thân không tật bệnh, nói đi là đi, đoan tương hi hữu. Đây là thật không phải giả, chúng ta đã từng tận mắt chứng kiến. Phiền phức nhất là hạng người ở giữa, không thượng không hạ, nhân số này rất đông. Khi Phật còn tại thế, suốt bốn mươi chín năm nói pháp, cũng vì hạng người không thượng không hạ này. Hàng thượng căn gặp ngài liền đại triệt đại ngộ, hàng hạ ngu gặp ngài liền được vãng sinh. Đây là những chúng sinh căn tánh thuần tuc.

- Căn tánh như thế nào gọi là thuần thực?
- Thượng trí thuần thực! Hạ ngu thuần thực!

Ngày xưa tôi còn học ở Đài Trung, thầy Lý thường nói với tôi: Ông rất muốn học người hạ ngu; học thượng trí dĩ nhiên là không học được; muốn học người hạ ngu, nhưng học mấy mươi năm vẫn học không giống!

- Vì sao học không giống?
- Không sửa đổi được tập khí!

Thầy Lý đa tài, đa nghệ, thầy biết rất nhiều cầm, kỳ, thi, họa nên rất khó bỏ, đó chính là học hạ ngu không giống!

- Chúng ta niệm Phật đã nhiều năm, đến thông tin cũng không có! Sai sót là do đâu?!

- Kinh không sai! Phật, Bồ Tát không sai! Chư vị Tổ sư không sai! Mà sai ở chính mình không buông bỏ được!

- Vì sao không buông bỏ được?

- Tập khí chấp trước quá nặng! Thời gian huân tập quá dài!

Biết rất rõ “buông bỏ” là đúng, nhưng tự thân chưa làm chủ được cảnh giới trước mắt! Rõ ràng biết là không nên làm, nhưng vẫn cố ý phạm! Trong đây nhân tố rất nhiều. Tôi cảm thấy nhân tố quan trọng nhất là chúng ta chưa nhận thức thấu triệt đối với kinh giáo mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy, có chăng chỉ là nhận thức được một chút bên ngoài! Nên nói: *“Phật tuy dùng đủ các thí dụ, lời lẽ để giải thích nhưng chúng sinh đối với tri kiến của Phật vẫn như điếc, như đui, chẳng thể thấu hiểu”*.

“Khai tri kiến Phật”: “Khai” là mở bày, khai thị. Đức Phật mở cánh cửa này để chúng sinh nhìn thấy được cảnh giới mà Như Lai đã chứng.

- Cảnh giới đó là gì?

- Là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Vô Lượng Thọ. Mỗi câu mỗi chữ trong đó đều là tri kiến của Phật.

Chúng ta thường nghe nói: “Phật chỉ độ người có duyên”. Người có duyên là người căn tánh thuần thực, họ thật sự phát Bồ Đề tâm, vừa nghe Phật khai thị, họ liền ngộ nhập. Đối với người căn tánh chưa thuần thực, đức Phật không nói pháp này, chỉ nói với họ những điều trong lục đạo như: thiện pháp, ác pháp, luân lý đạo đức, nhân quả, giúp chúng sinh không đọa lạc vào ba đường ác. Đây là những cảnh giới trong Kinh A Hàm.

Kinh Viên Giác nói: “*Vị xuất luân hồi, nhi biện Viên Giác, bỉ Viên Giác tánh, tức đồng lưu chuyển*” (Chưa thoát được luân hồi mà bàn đến Viên Giác thì cái tánh Viên Giác đó cũng chỉ là lưu chuyển). Câu kinh này chỉ rõ: Chẳng thể dùng phân biệt, so lường để hiểu nổi Viên Giác.

Ngài Nam Tuyền bảo: “*Thuyết tác Như Như, tảo biến liễu dã*” (Hễ nói ra cái Như Như thì ý nghĩa chân thật của nó đã sớm bị biến mất rồi). Vì vậy “*phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri*” (chẳng thể dùng ngôn ngữ phân biệt để biết được nổi). Rõ ràng với một đại sự này, ngôn ngữ bật dứt, tâm hành lặng bật!

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Kinh Viên Giác nói “*vị xuất luân hồi*” (chưa thoát được luân hồi) chính là chỉ chúng sinh trong Lục đạo. Lục đạo chúng sinh đối với sự chứng Viên Giác của Như Lai không thể thật sự hiểu rõ, không thể lãnh hội.

“*Bỉ Viên Giác tánh tức đồng lưu chuyển*” (Tánh Viên Giác đó cũng chỉ là lưu chuyển): “*lưu chuyển*” là tâm luân hồi. “*Viên Giác*” là chân tánh, chân như bản tánh. Nếu dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước để bàn đến Viên Giác thì cái tánh Viên Giác đó cũng biến thành tâm luân hồi. Đây là hiển thị: Suy nghĩ, đo lường, phân biệt không thể hiểu rõ Viên Giác.

- Nên dùng cách gì để thể hội Viên Giác?

- Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm thì Viên Giác ở ngay trước mắt, không hề xa rời! A-lại-da là khởi tâm động niệm, Mạt-Na là chấp trước, đệ lục ý thức là phân biệt. Vấn đề chính là ta có thể buông bỏ được “tâm ý thức” này hay không?

- Vì sao phải buông bỏ?

- Vì nó là hư vọng không thật! Nó ngăn ngại chúng ta không thấy được chân tánh.

Ngài Nam Tuyền nói “*Thuyết tác Như Như, tạo biến liễu dã*” (Hễ nói ra cái Như Như thì ý nghĩa chân thật của nó đã sớm bị biến mất rồi).

- Thế nào là “Như Như”?

- Là Thật Tướng các pháp!

- Sao gọi là “Như Như”?

- Tất cả Tướng như Tánh, Tánh như Tướng gọi là Như Như, nên Như Như là Thật Tướng.

Dùng tâm phân biệt, chấp trước để hiểu về Như Như là hoàn toàn sai lầm! Cho nên, đem đại sự nhân duyên qui kết thành hai câu: “*Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”. “*Ngôn ngữ đạo đoạn*” là không thể nói; “*tâm hành xứ diệt*” là không thể “*tu*”, không thể “*tướng*”. Không thể “*tu*”, không thể “*tướng*” chính là buông bỏ tư tưởng, buông bỏ vọng tâm thì chân tâm sẽ hiện tiền.

Chân tâm là căn tánh của lục căn (không phải thức, thức là tư tưởng): Ở nơi mắt gọi là tánh thấy; ở nơi tai gọi là tánh nghe; ở nơi ý gọi là tánh biết v.v... Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, ngài dùng “căn tánh” của nhĩ căn tức là “tánh nghe”. “Phản văn văn tự tánh” là quay lại với tánh nghe của chính mình, không phải nghe từ bên ngoài. Bên ngoài là “Pháp tướng”, bên trong là “Pháp tánh”. Vừa quay đầu là kiến tánh (thấy tánh), tương ưng với “Pháp tánh”. Không quay đầu là tương ưng với “Pháp tướng”, là lục đạo, là mười pháp giới. Tương ưng với tự tánh là “Nhất Chân Pháp giới”, là tương ưng với Thường Tịch Quang. Điều này chúng ta cần phải biết.

Chúng ta mỗi ngày không rời kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày không rời Phật của mình, niệm niệm đều không quên, trong tâm chỉ

có Phật, không nghĩ đến điều gì khác, nghĩ điều khác là tạo nghiệp luân hồi, nghĩ nhớ Phật là tạo nghiệp thanh tịnh. Từ trước đến nay chúng ta quen tạo nghiệp luân hồi, bây giờ đổi thói quen này thành tu tịnh nghiệp, như vậy là thành công! “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*”, tâm tưởng sự thành, tất cả pháp đều từ tâm tưởng sinh.

Với thế gian này, tất cả đều tùy duyên, không có chấp trước, sao cũng được, như thế nào cũng hoan hỉ. Vì sao? Vì tất cả thiện hay ác duyên; thuận hay nghịch cảnh đều giúp ta thành tựu đức hạnh và trí tuệ của mình; giúp ta nhìn thấu, buông bỏ; giúp ta đời này nhất định vãng sinh. “*Cảnh duyên không tốt xấu, tất cả đều ở tâm ta*” đây là câu nói của Ngẫu Ích Đại Sư.

Hãy xem tất cả mọi người đều là chư Phật, Bồ Tát, đều là thiện hữu, bậc thầy đến thử thách ta. Được vậy thì tất cả cửa ải này ta đều thông qua, thật sự đã buông bỏ, thật sự đã làm được “Vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả”, hoàn toàn tương ứng với những gì trong kinh Phật dạy, vậy mới có thể đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp. Nếu không nhờ giáo dục của Phật pháp chúng ta làm sao thấu hiểu được sự việc này! Thật sự được khai ngộ thì niềm vui này không gì có thể sánh bằng, tất cả vấn đề đều được giải quyết. Mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành.

Tóm lại, theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “Quả giác của ngài Pháp Tạng thật chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng thể dùng lời lẽ nào để có thể diễn tả nổi; chẳng thể dùng tâm sinh diệt của chúng sinh để suy xét, phân biệt mà thấu hiểu được nổi. Còn đối với phàm phu thì dấu nói năng cũng chẳng thể biết được, không nói năng cũng chẳng thể biết được, phân biệt cũng chẳng thể biết được, không phân biệt lại càng không thể biết được! Diệu quả Pháp Thân cứu cánh của ngài Pháp Tạng chỉ có Như Như với Như Như trí mới có thể lãnh hội được, nên phàm tình làm sao suy thấu cho được!”

KINH VĂN:

Sở phát thệ nguyện viên mãn thành tựu, như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ.

VIỆT DỊCH:

Thành tựu viên mãn thệ nguyện đã phát, như thật an trụ đầy đủ trang nghiêm, oai đức rộng lớn, thanh tịnh cõi Phật.

GIẢNG:

“*Sở phát thệ nguyện, viên mãn thành tựu*”: là nói bốn mươi tám nguyện ở phía trước, nguyện nguyện đều viên mãn, chân thật là “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”.

Sách Vãng Sinh Luận Chú nói: “*Nương vào bốn mươi tám bổn nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát nên nay A Di Đà Phật thân lực tự tại, nguyện phát sanh lực, lực đáp ứng nguyện, nguyện chẳng luống uổng, lực chẳng dối bày, lực và nguyện hỗ trợ nhau rất ráo chẳng sai chạy nên bảo là thành tựu*”.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát cũng có nói: “*Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, thành tựu tứ pháp, u Như Lai diệt hậu, đương đắc thị Pháp Hoa Kinh. Nhất giả, vị chư Phật hộ niệm. Nhị giả, thực chứng đức bốn. Tam giả, nhập Chánh Định Tu. Tứ giả, phát cứu nhất thiết chúng sinh chi tâm*” (Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi đức Như Lai diệt độ sẽ được Kinh Pháp Hoa này: Một là được chư Phật hộ niệm; hai là trông các cõi đức, ba là nhập Chánh Định Tu, bốn là phát tâm cứu hết thầy chúng sinh).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Bốn pháp trong Kinh Pháp Hoa là từ “Quả” mà nói đến “Nhân”. Chúng ta xem ngược lại:

- Nên học thế nào mới được chư Phật hộ niệm?

- Trước tiên là phải phát tâm cứu tất cả chúng sinh. Nếu không có phát nguyện này là trái với tâm nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Dù các ngài có muốn gia trì cũng không gia trì được!

“*Phát cứu nhất thiết chúng sinh chi tâm*” (Phát tâm cứu độ tất cả chúng sinh), đây là nguyện thứ nhất trong “*Tứ hoàng thế nguyện*”: “*Chúng sinh vô biên thế nguyện độ*”. Kế đến, sau khi phát nguyện cần phải đoạn phiền não, đó chính là bước thứ hai “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Ở đây nói là “*Nhập Chánh Định Tự*”, chính là đoạn phiền não.

- Căn bản của phiền não là gì?

- Dục vọng quá nhiều là căn bản phiền não!

Phải đem dục vọng giảm đến tối đa, thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. Buông bỏ tất cả pháp thế, xuất thế gian, như vậy tâm sẽ Định. Tâm Định thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ. Nghiệp chướng tiêu trừ mới “*thực chúng đức bản*” (trồng các công đức). Nghiệp chướng chưa tiêu trừ không thể tích lũy công đức. Như vậy tuần tự tiến đến “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” và “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”. “*Tứ Hoàng Thế Nguyện*” thật sự là có thứ lớp!

Kinh Pháp Hoa nói thành tựu bốn pháp sẽ được nghe hiểu Kinh Pháp Hoa. Trong kinh này, tất cả thế nguyện của Pháp Tạng Đại sĩ đều đã viên mãn thành tựu nên ngài được “*Như thật an trụ, cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ*”.

“*Như thật an trụ*”: Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “*Thật*” là chân thật, cũng chính là Thật Tướng, Chân Như hay Pháp Thân. “*Như thật an trụ*” là an trụ một cách chân thật nơi Chân Thật Tế. Nói giản dị là an trụ trong Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng chính là cái Thể của bản kinh này, cũng chính là Chân Như, là Như

Như. Nói như Kinh Kim Cang thì “*Như thật an trụ*” chính là “*như như bất động*”.

Thật Tướng lại chính là Pháp Thân, như Vãng Sinh Luận Chú bảo: “*Nếu bàn đến việc quán sát sự thành tựu công đức trang nghiêm cõi Phật; sự thành tựu công đức trang nghiêm của Phật, sự thành tựu công đức trang nghiêm của Bồ Tát, thì nên biết rằng ba thứ thành tựu nguyện tâm trang nghiêm ấy có thể nói gọn là nằm trọn trong một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú chính là chân thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*”.

Câu “*Như thật an trụ*” trong kinh đây ý nói an trụ nơi “*Chân Thật trí tuệ vô vi Pháp Thân*”, nên “*như thật an trụ*” gói gọn trong một thanh tịnh cú. Sự thanh tịnh ấy gồm có hai thứ thanh tịnh: một là “*khí thể gian thanh tịnh*” (dùng cách nói của thể gian để hình dung thì đó là thái bình tịnh thể), hai là “*chúng sinh thể gian thanh tịnh*” (nói theo cách thể gian để hình dung thì đó là cư dân trong thời đại hưng thịnh, thái bình). Trong một pháp cú này có đầy đủ cả “*khí thể gian thanh tịnh*” và “*chúng sinh thể gian thanh tịnh*”. Trong đó bao gồm cả ba thứ trang nghiêm: Quốc độ trang nghiêm, Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm nên gọi là “*cụ túc trang nghiêm*” (đầy đủ trang nghiêm).

Vãng sinh Luận Chú bảo: “*Sự trang nghiêm ấy dẫn cho Tỳ Thủ Yết Ma, kẻ được khen là khéo tay tột bậc, dóc lòng nghiền ngẫm cũng chẳng thể phác họa nổi*”. Tỳ Thủ Yết Ma là tên của một vị Thiên Đế. Ông này là đại sư về nghệ thuật, rất khéo tay, khéo biến hóa, giỏi kiến trúc, nhưng đối với đồ thị của thế giới Cực Lạc cũng đành bó tay! Không vẽ được! “*Năng sinh*” đã tịnh thì “*sở sinh*” sao lại chẳng tịnh! “*Năng sinh*” là chỉ cho nguyện tâm vi diệu của Phật A Di Đà, “*sở sinh*” tức là cõi Cực Lạc. Vì vậy, kinh bảo: “*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*” (Hễ tâm tịnh thì cõi Phật tịnh).

“*Như thật an trụ*”, nhìn lại không gian hoạt động của chúng ta ngày nay, chỉ gói gọn trong phạm vi địa cầu, không thể nào ra khỏi, có khác chi kẻ ngồi tù không cách nào vượt thoát! Địa cầu giống như cái gì? Các nhà khoa học phóng vệ tinh vào vũ trụ. Vệ tinh này không người lái, phóng đi cự ly cách địa cầu bốn mươi ức dặm Anh, không phải cây số, quan sát quả địa cầu và chụp một bức ảnh gửi về. Chúng tôi thấy được bức ảnh này chụp tại Ngân Hà. Trong hệ Ngân Hà có một chòm màu lam, chòm màu lam đó là quả địa cầu.

Xem qua rồi chúng ta cảm giác như thế nào? Trong vũ trụ, quả địa cầu thật sự giống như một con thuyền đang vận chuyển giữa biển cả mênh mông. Con người sống trên quả địa cầu đều cùng hội cùng thuyền, đều ngồi trên chiếc thuyền này. Chiếc thuyền này đang vận chuyển trong vũ trụ. Có an toàn chăng? Không nhất định! Trên biển cả có sóng to gió lớn, trong vũ trụ cũng rất nguy hiểm! Bức ảnh này rất đáng cho mọi người cảnh giác. Chúng ta còn có gì để tranh chấp nữa?! Nếu mọi người đã có tranh chấp nên đem bức ảnh này xem nhiều lần!

Cái nhỏ bé của địa cầu so với vũ trụ cũng chỉ là do chúng sinh mê hoặc điên đảo mà tạo thành! Nếu khai ngộ thì không phải vậy! Sau khi khai ngộ, chỉ cần ta đến được thế giới Cực Lạc thì không gian hoạt động của chúng ta chính là biến pháp giới, hư không giới. Ở cõi Thật Báo có bốn mươi một đẳng cấp. Đến tầng cao nhất có thể đi vào thế giới vi trần. Trong vi trần cũng có thế giới; trong thế giới vi trần còn có trùng trùng vô tận thế giới vi trần. Lúc này, ta có thể dùng ứng hóa thân để vào thế giới vi trần. Trên kinh nói rất rõ: Bồ Tát Phổ Hiền có thể nhập vào thế giới vi trần.

Phàm người tu Tịnh Độ đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Phẩm thứ hai của Kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại sĩ chi đức*”, cho nên thế giới Cực Lạc chính là thế giới của Phổ

Hiền Bồ Tát. Pháp môn Tịnh Độ là hành môn của Phổ Hiền Bồ Tát. Đạo tràng thế giới Cực Lạc rất lớn, thánh chúng vô lượng, vô biên không sao tính kể. Đức Phật A Di Đà thuyết kinh không cần dùng “Microphone”, không cần dùng thiết bị khoa học, mà tất cả mọi người đều nghe hiểu rất rõ ràng.

“*Như thật an trụ*”: Trong mười pháp giới không có “an” cũng không có “trụ”, đều là ở tạm để dừng chân. Điều này cần phải biết! Thật sự an trụ đó chính là sinh vào cõi Thật Báo của chư Phật, ít nhất cũng là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, như trên Kinh Hoa Nghiêm nói: Sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp trụ ở cõi Thật Báo mới vào được cõi Thường Tịch Quang, vĩnh viễn bất biến.

Trở về với tự tánh, đó chính là “*Chân Thật Chi tế*”. Ở trong cõi Thật Báo đích thật là hưởng được “chân thật trí tuệ, vô vi Pháp Thân”, toàn thể chính là “vô vi Pháp Thân”. Lục đạo, mười pháp giới là trạng thái của bệnh hoạn, của không bình thường, do mê hoặc điên đảo mà tạo thành!

Cư sĩ Lý Bình Nam, ở Đài Trung ba mươi tám năm đã thành lập Liên xã Đài Trung, thư viện Từ Quang Đài Trung, còn thành lập một viện dưỡng lão, một bệnh viện Bồ Đề, và hai trung tâm giáo dục trẻ em. Đây là sự nghiệp của ông. Ông thường nói với chúng tôi: Người niệm Phật nhiều nhưng người thật sự vãng sinh lại rất ít. Đạo đức cao dày của ông, rất nhiều người kính ngưỡng, các nơi ở Đài Loan đều tham gia Liên Xã Đài Trung. Cơ cấu chi nhánh của Liên Xã rất nhiều, bao gồm đến mấy mươi nơi. Tất cả Liên Xã liên hữu đều hợp tác lẫn nhau.

Khi tôi theo học với thầy, lúc đó Liên Xã Đài Trung tổ chức kỷ niệm mười năm chu niên, số người tham gia với Liên Xã có đến hai mươi vạn người. Tôi ở cạnh thầy mười năm, đến khi tôi rời khỏi thì số người tham gia Liên Xã tăng đến năm mươi vạn người. Thầy

nói: Người thật sự vãng sinh, trong một vạn người chỉ có được hai, ba người, số này tương đối cũng khả quan. Suốt ba mươi tám năm, cho dù trong một vạn người chỉ có được ba người thì năm mươi vạn người, ít nhất cũng có được một trăm năm mươi người. Nếu mỗi năm đều có một trăm năm mươi người, suốt hơn ba mươi năm như vậy, cũng tương đối khả quan, họ đều đến thế giới Cực Lạc thành Phật.

Theo tính toán bảo thủ nhất, Liên Xã Đài Trung thành tựu những chư Phật Như Lai này, ít nhất cũng phải trên năm trăm người, điều này nhất định không thành vấn đề! Một đời thầy có thể độ năm trăm người thành Phật. Bồ Tát Di Lạc nói: *Nếu trong đời có thể độ được hai người thành Phật thì công đức đó còn hơn công đức của chính mình. Độ được năm trăm người thành Phật, người đó chính là Phật A Di Đà tái sinh.* Đây là thật không phải giả! Cho nên, mấu chốt là ở tâm thanh tịnh. “*Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh*” (hễ tâm thanh tịnh thì cõi Phật tịnh). Chúng ta phải nắm bắt câu này, nhất định vãng sinh.

- Lâm chung niệm Phật vì sao không được vãng sinh?

- Vì tâm không thanh tịnh, không tương ứng với Tịnh Độ!

- Vì sao không thanh tịnh?

- Vì chưa buông xả! Còn vương mắc nhiều chuyện chưa buông bỏ! Chỉ cần một niệm chưa buông nó sẽ chướng ngại ta vãng sinh!

Người thật sự muốn vãng sinh, trong đời này nên nhớ là phải triệt để buông bỏ ân ái, buông bỏ oán hận; đối với những vật ngoài thân thì không cần phải nói, nên biết không vật gì có thể mang theo được! Muốn vãng sinh, tâm địa phải đơn thuần, chính là một câu A Di Đà Phật và một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra tất cả đều buông

bỏ không nên lưu luyến. Phải nắm chắc nhân duyên này. Trong nhân duyên, quan trọng nhất chính là tâm thanh tịnh.

Trên đề kinh đã đưa ra ba mục tiêu: “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Cả năm chữ này thực hiện đầy đủ sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc liền thấy được Báo Thân của Như Lai. Nếu lúc vãng sinh, chỉ có được tâm thanh tịnh và bình đẳng sẽ sinh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, thấy được Ứng Thân của Phật A Di Đà. Nếu chỉ được tâm thanh tịnh sẽ sinh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, thấy được Hóa Thân của Phật A Di Đà.

“*Oai đức quảng đại*”, chữ “*oai đức*”, sách Pháp Hoa Gia Tường Sớ viết: “*Dè nề là Oai, yêu mến là Đức. Lại nữa chiết phục là Oai, nhiếp thọ là Đức*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Oai đức*” là đối với người có lễ mạo, có học vấn, có đạo đức khiến mọi người khi nhìn thấy đều sinh tâm cung kính. Như học trò của Khổng Phu Tử, rất nể phục ngài, cho rằng ngài là bậc có đầy đủ trọn vẹn năm đức: ôn, lương, cung, kiệm, nhường. Oai đức của đức Phật A Di Đà lại càng siêu việt thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Mười phương chư Phật Như Lai cũng như Đức Thế Tôn đều xưng dương tán thán Phật A Di Đà là “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”.

Sách Thám Huyền Ký giảng chữ “*quảng đại*” (rộng lớn) như sau: “*Đại nghĩa là bao dung, Quảng là thể đến tột bực (bản thể viên mãn đến cùng cực), diệu dụng trùm khắp*”.

Hòa Thượng Tịnh Không giảng: Bản thể chính là tự tánh, khi nó khởi tác dụng là chu biến pháp giới. Bản thể tồn tại vĩnh hằng ở mọi lúc mọi nơi. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm đều là diệu dụng của tự tánh. Cái gì tự tánh cũng không có, nhưng cái gì nó cũng có thể hiện. Đây chính là diệu dụng chu biến. Khi hiện nó cũng không

có khởi tâm động niệm, ngay cả tập khí của khởi tâm động niệm cũng đều không có. Thật là tuyệt diệu! Cho thấy Thường Tịch Quang tức bản thể là sống không phải chết. Nếu chết thì nó đã không thể khởi tác dụng.

Đức Phật dạy chúng ta phải “tùy duyên diệu dụng”, “diệu dụng” này là tự tánh khởi dụng. Chúng sinh trong mười pháp giới cũng tùy duyên, nhưng tùy duyên của họ không tương ứng với tánh đức mà tương ứng với phiền não trong A-lại-da. Phiền não là “thất tình, ngũ dục”. Do vậy mà tự tánh vốn không có nhiễm lại biến thành cảm nhiễm; vốn không có thiện ác lại biến thành có thiện ác; vốn không có khổ vui lại biến thành có khổ vui, đó là tùy thuận A-lại-da mà có những thứ này; tùy thuận tự tánh thì không có. Chư Phật Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới đều “tùy duyên diệu dụng”, “hằng thuận chúng sinh” nhưng không nhiễm chút bụi trần, đây là diệu dụng.

“Hựu ‘Quảng Đại Hội’, diệc vi A Di Đà Phật danh hiệu chi nhất, cụ quảng đại hội tự chi đức” (Lại nữa, “Quảng Đại Hội” cũng là một trong số các danh hiệu của đức Phật A Di Đà. Do hội tụ tất cả đức quảng đại nên ngài có danh hiệu này). Thế giới Cực Lạc quả thật là “Quảng Đại Hội” (đại hội lớn) trong đó qui tụ vô lượng thánh chúng, chư thượng thiện nhân từ quốc độ của tất cả chư Phật trong biến pháp giới, hư không giới, như trong Kinh Di Đà, đức Thế Tôn đã giới thiệu người vãng sinh về thế giới Cực Lạc đều là *“chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ”* (những thượng thiện nhân qui tụ một chỗ). Đây đều là do cái đức vời vợi của Phật A Di Đà cảm nên.

Chúng ta nay nhờ nghe đức Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu mới biết được có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, biết được đại trí, đại đức, đại năng của Phật A Di Đà từ bi vô tận, độ thoát tất cả chúng sinh. Chúng ta vui mừng đón nhận, đối với mười pháp giới

y chánh trang nghiêm thật chẳng còn tâm tham luyến, một lòng quyết về thế giới Cực Lạc để tham dự hội lớn của Phật A Di Đà. Đây cũng là do đức của Phật A Di Đà cảm vời nên. Trong đại hội lớn này của Đức Phật A Di Đà, chúng ta nhất định đoàn viên, cùng nâng cao cảnh giới của chính mình, viên mãn thành tựu chính mình như thành tựu của Đức Phật A Di Đà.

“*Thanh tịnh Phật độ*” (Cõi Phật thanh tịnh): Trong Kinh Vô Lượng Thọ, phẩm Quốc Giới Nghiêm Tịnh thứ mười một có đặc biệt giới thiệu về thế giới Cực Lạc “*thanh tịnh trang nghiêm siêu du thập phương*” (thanh tịnh trang nghiêm vượt trội mười phương), bản Hán dịch còn bảo A Di Đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật, hoặc là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác. Cực Lạc là từ chân tâm đức Như Lai hiện ra, do tự tánh thanh tịnh cảm thành nên thế giới Cực Lạc cũng thanh tịnh vô lượng.

Hơn nữa, Cực Lạc thế giới chính là tên gọi khác của Mật Nghiêm thế giới và Hoa Tạng thế giới. Kinh Đại Thừa Mật Nghiêm bảo: Đại Nhật Như Lai “*y tòng Nan Tư Định, hiện u chúng diệu sắc, sắc tướng vô hữu biên, phi dư sở năng kiến, Cực Lạc trang nghiêm quốc, Thế Tôn Vô Lượng Thọ*” (từ Nan Tư Định hiện ra cõi Cực Lạc trang nghiêm, các thứ sắc nhiệm màu, sắc tướng chẳng có hạn lượng, chưa từng thấy cõi nước nào khác được như vậy, Phật (trong cõi ấy) hiệu Vô Lượng Thọ). Đây là kinh điển của Mật Tông. Kinh dạy rõ Đại Nhật Như Lai trụ trong Nan Tư Diệu Định (cũng là trong tự tánh bốn Định), từ trong Định hiện ra cõi Cực Lạc và Vô Lượng Thọ Phật. Như vậy, Đại Nhật chính là Di Đà, Mật Nghiêm chính là Cực Lạc.

Điều này nói lên quan hệ giữa Tịnh Độ và Mật Tông là một không phải hai. Mục tiêu, phương hướng hoàn toàn tương đồng, chỉ là phương pháp tu hành không giống nhau. Kinh còn nói: “*Mật Nghiêm Tịnh Độ siêu chur Phật quốc, như vô vi tánh, bất đồng vi*

trần”. (Cõi Tịnh Độ Mật Nghiêm vượt hơn các cõi Phật, như tánh của vô vi, chẳng do vi trần hợp thành). Bốn câu kinh văn này vô cùng quan trọng! Nói với chúng ta thế giới Tây Phương Cực Lạc và mười phương thế giới không giống nhau. Quốc độ của tất cả mười phương chư Phật như cõi Phương Tiện, cõi Đồng Cư đều là “chúng vi trần”, là “tướng hợp nhất”. “Nhất” chính là vi trần, nên nó là pháp sinh diệt, là pháp duyên sinh: Duyên tụ thì hiện; duyên tán, cảnh giới sẽ không còn. Nhưng, thế giới Cực Lạc không phải là “chúng vi trần”, nó là “vô vi tánh”. Nói cách khác, nó là Pháp tánh hiện ra, nên trong giáo lý Đại Thừa gọi là cõi Pháp tánh, thân Pháp tánh, là từ trong tự tánh hiện ra.

Lý luận của khoa học ngày nay cho rằng: Nếu không phải do dao động thì quyết không thể có sự vật hình thành. Nhưng, thế giới Tây Phương Cực Lạc rất đặc thù, không do dao động thành tựu nên nó không có sinh diệt. Con người ở thế giới Cực Lạc thật sự là trường sinh bất lão. Hoa cỏ ở thế giới Cực Lạc luôn tươi nhuận, cây không khô, lá không rụng. Thế giới Cực Lạc không có bốn mùa; có bốn mùa là có biến hóa; có biến hóa thì không phải thật; vĩnh viễn không có biến hóa mới là thật. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn là mùa xuân. Sơn hà đại địa không có núi lửa bộc phát, không có động đất, không có sóng thần, không có hạn hán, không có thủy tai, không có bất cứ thiên tai nào. Gió ở Tây Phương Cực Lạc không phải là không khí đối lưu mà là “đức phong” (gió đức) do tánh đức biến hiện ra, nên cũng không gây tai hại. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta không thể nào đem những thứ ở thế gian mà có thể so sánh được với thế giới Cực Lạc. Vì sao? Vì nguồn gốc không như nhau! Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, sự hưng khởi của nó là từ A-lại-da biến hiện; chính là Tam tế tướng (ba tướng vi tế) của A-lại-da. Ngày nay, các nhà khoa học đã chứng minh: “năng lượng” là “ngiệp tướng” của A-lại-da; “tin tức” là “chuyển tướng” của A-lại-

da; vật chất là “cảnh giới tướng” của A-lại-da. Họ cũng nói “vạn pháp giai không”. Bất luận là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hay hiện tượng tự nhiên đều là pháp sinh diệt không trụ được lâu dài.

Trong Trung Quán nói: *“Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không”*. Kinh Kim Cang cũng dạy: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán”*. Cách nhìn này là chính xác! Chư Phật Như Lai nhìn thấy như vậy, nay các nhà vật lý học, nhà lượng tử lực học cũng nhìn thấy như vậy, hoàn toàn tương đồng!

Trong sách Mật Nghiêm Pháp Tạng Sơ của Pháp Tạng Đại Sư có nói: *“Mật Nghiêm Tịnh Độ giả, tức thị chư Phật Tha Thọ Dụng độ”* (Mật Nghiêm chính là cõi Tha Thọ Dụng của chư Phật) và *“Kim thử Mật Nghiêm, đản ư thanh tịnh Như Lai tạng tâm chí sở hiện”*. (Nay cõi Mật Nghiêm này chỉ là do Như Lai tạng tâm thanh tịnh biến hiện). Nên biết: Chỉ có cõi Thường Tịch Quang mới là cõi Tự Thọ Dụng. Cõi Mật Nghiêm không phải là cõi Tự Thọ Dụng.

- Thọ Dụng là gì?

- Pháp Thân Bồ Tát, tập khí vô thi vô minh của họ vẫn chưa đoạn, nên không vào được cõi Thường Tịch Quang, tạm thời họ trú ở cõi Thật Báo. Cõi Thật Báo hoàn toàn do oai lực của Phật hiện ra, gọi là cõi Tha Thọ Dụng của Phật, cũng là tự tánh của mỗi vị Pháp Thân Bồ Tát hiện ra.

Nói *“như vô vi tánh”* là nói “tự tánh thể”; nói *“Mật Nghiêm Tịnh Độ”* là nói đến “Dụng”, cung cấp cho Pháp Thân Bồ Tát đạo tràng tu tập.

Câu *“Kim thử Mật Nghiêm, đản ư thanh tịnh Như Lai Tạng tâm chí sở hiện”* (Nay cõi Mật Nghiêm này chỉ là do Như Lai Tạng

tâm thanh tịnh biến hiện): Câu này nói rất hay! Ý nói: “*Thanh Tịnh Như Lai Tạng tâm*”, còn có một cái “*Bất thanh tịnh Như Lai Tạng tâm*”; nên Như Lai Tạng có hai phần: Một là phần thanh tịnh; một phần là không thanh tịnh. Thanh tịnh là thật, là tự tánh; phần không thanh tịnh đó là giả, là A-lại-da thức. Cho nên, A-lại-da một nửa là chân, một nửa là vọng. Một nửa Chân hiện ra cõi Thật Báo của bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại sĩ. Một nửa vọng, tức là phần nhiễm ô, hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm.

Sách Vãng Sinh Luận bảo: “*Lấy chuyên tâm niệm Phật, phát nguyện sinh cõi ấy thì chứng nhập được Hoa Tạng thế giới*”.

Trong những năm về già, Liên Trì Đại sư viết trong “Trúc sông tùy bút”: Tam tạng, mười hai bộ kinh là để cho người khác ngộ, ai có hứng thú thì ngộ đi! Tám vạn, bốn ngàn pháp môn hành trì, ai thích pháp môn nào thì tu pháp môn đó. Riêng ngài đã buông bỏ, nhất tâm chuyên niệm cầu sinh Tịnh Độ, ngài đã thành công! Ngẫu Ích Đại sư cũng là như vậy! Lúc trẻ học rộng hiểu nhiều, đặc biệt ngài đã lưu lại hơn hai mươi loại trước tác. Tuổi chưa già, ngài đã viên tịch! Các ngài đều là người tái sinh, đều là chư Phật, Bồ Tát vì chúng ta mà thị hiện.

Liên Trì và Ngẫu Ích Đại Sư xuất hiện ở thế gian vào cuối nhà Minh, đầu nhà Thanh, lúc đó Tịnh Độ tông suy yếu; phần tử tri thức đều xem thường người niệm Phật, cho rằng pháp môn Niệm Phật chỉ giúp cho những ông già, bà lão. Thiên tông, giáo môn xem ra bề ngoài rất hưng thịnh, nhưng kỳ thật liễu sinh thoát tử chẳng được mấy người! Từ thời đại đó đến nay là bốn trăm năm. Trong bốn trăm năm này có biết bao nhiêu người niệm Phật được vãng sinh. Công lao này không thể không nhìn nhận, đó là nhờ Liên Trì và Ngẫu Ích Đại Sư. Đến năm Dân Quốc, giai đoạn cận đại, Ấn Quang Đại sư xuất hiện. Cư sĩ Hạ Liên Cư, cư sĩ Mai Quang Hy, truyền thừa của

họ là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cư sĩ Lý Bình Nam người Đài Loan. Đòi đòi tương truyền!

Duyên của chúng ta cũng rất thù thắng, rất là khó được! Hoàng Niệm Tổ đem chú giải này truyền cho tôi. Năm đó, ông tặng cho tôi quyển sách này là in bằng giấy dầu, chỉ có thể in được khoảng một trăm hai mươi đến một trăm ba mươi lần; nhiều hơn nữa sẽ không rõ ràng. Hoàng Niệm Tổ đã chọn bản in dầu nên tốt nhất, chữ có thể xem rõ ràng, đem một bộ này đến Mỹ và tặng cho tôi. Cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Loan giảng bộ kinh này, có viết chú giải bên lề, bản này ông cũng đã cho tôi.

Chúng ta có sứ mạng tiếp nhận chiếc gậy này và truyền trao lại cho người đời sau. Người đời sau đã xuất hiện, nên tôi cảm thấy vô cùng an ủi. Vì sao? Đã có thể đi! Đã có người nhận chiếc gậy này! Chưa có người nhận gậy này thì không thể đi! Việc quan trọng nhất của chúng ta ngày nay là hoàn thành điển nghĩa Kinh Vô Lượng Thọ, đệ nhất Đại Kinh của Tịnh Độ tông. Ngày nay, chúng ta đã có được bản hội tập hoàn thiện viên mãn, có khoa hội, có chú giải của Hoàng Niệm lão và có lần điển nghĩa này; pháp môn này về sau sẽ phát triển rộng rãi, chúng ta có thể hy vọng điều này. Vì sao? Vì nó được chư Phật hộ niệm, được chư Bồ Tát hộ trì.

Xuất hiện trong thời đại hiện nay, Kinh Vô Lượng Thọ đem đến cho thế gian này thông tin Chánh pháp trụ thế lâu dài, đem đến ánh sáng vô hạn, phước đức vô lượng. Tất cả chúng sinh đều y theo bộ kinh này thì có thể liễu sinh thoát tử, ra khỏi tam giới. Đây là sự thật!

Song hành với khám phá của giới khoa học ngày càng tiếp cận với kinh điển Đại Thừa. Tương lai Tịnh Độ tông chẳng những là Phật Giáo mà còn là khoa học, còn là triết học, nó sẽ được người đời phổ biến khẳng định. Y theo kinh điển này tu hành, bất luận là thế

hay xuất thế gian đều có thể đạt được lợi ích chân thật viên mãn, giống như ba loại chân thật mà trong kinh này nói: Thực tế chân thật, Trí tuệ chân thật và lợi ích chân thật. Điều này trong Vãng Sinh Luận nói: “*Nhất tâm chuyên niệm, phát nguyện sanh bỉ*” (Một lòng chuyên niệm, phát nguyện sinh cõi ấy). Chúng ta nhất định có thể đến thế giới Cực Lạc, cũng chính là thế giới Hoa Tạng trong Kinh Hoa Nghiêm nói.

Thiền, Tịnh, Mật, Giáo là một! Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một tức là nhiều; nhiều tức là một”; “một tức là bốn, bốn tức là một”. Bất luận tu theo pháp môn nào, cuối cùng quay về, khẳng định cũng là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu sinh về thế giới Hoa Tạng, trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy “Thập đại nguyện vương đạo qui Cực Lạc”, Văn Thù và Phổ Hiền, hai vị Đại sĩ này sẽ lãnh đạo mọi người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc. Đó là đối với bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng mà nói.

Kinh Kim Cang Đánh viết: “*Duy thử Phật sát, tận dĩ Kim Cang tự tánh thanh tịnh sở thành, Mật Nghiêm Hoa Tạng*” (Chỉ có cõi Phật này hoàn toàn do Kim Cang tự tánh thanh tịnh hóa thành, (đó là cõi) Mật Nghiêm Hoa Tạng); Đây là nói đến cả Thiền và Mật: Chỗ quay về của Thiền là Hoa Tạng, chỗ về của Mật là Mật Nghiêm. Như vậy, Cực Lạc chính là Mật Nghiêm hay Hoa Tạng. “*Giai thanh tịnh Như Lai Tạng tâm chi sở hiện, Kim Cang tự tánh thanh tịnh sở hành*” (Đều từ Như Lai Tạng tâm thanh tịnh biến hiện, do Kim Cang tự tánh tạo thành).

Đến đây, những gì có thể nói đều đã nói rõ ràng. Chúng ta có hiểu được hay không, có thể lãnh hội được chăng, đây mới là then chốt! Thật sự lãnh hội được sẽ đoạn nghi sanh tín, nắm chắc một lòng, chuyên niệm không buông. Nên nhớ rằng chúng ta niệm Phật cũng chính là tham thiền, cũng chính là trì chú.

- Giả như Thiền và Mật ở ngay trước mắt, chúng ta có còn động tâm chăng?

- Không động tâm! Vì biết rằng thành tựu của ta cũng là thành tựu của Thiền, thành tựu của Mật.

Trong Kinh Đại Tập, đức Thế Tôn nói: “*Pháp môn Niệm Phật chính là Thiền vô thượng thậm thâm vi diệu*”. Từ trên nguyên lý mà nói: “*Buông bỏ*” là yếu tố then chốt của tất cả pháp môn. Nếu tham thiền mà không buông bỏ tất cả pháp trong thế và xuất thế gian thì làm sao tham thiền! Phải hiểu rõ chữ “*tham*” này.

- “*Tham*” có nghĩa là gì?

- Rồi “*tâm ý thức*” mới gọi là “*tham*”. “*Tâm*” là khởi tâm động niệm; “*ý*” là Mật-na, là chấp trước, “*thức*” là đệ lục ý thức, là phân biệt.

- “*Tham thiền*” là gì?

- Là buông bỏ khởi tâm động niệm, buông bỏ phân biệt, buông bỏ chấp trước mới gọi là “*tham thiền*”.

Mật giáo cũng không ngoại lệ! Tam mật tương ưng: Miệng niệm chú, ý quán tưởng, tay bắt ấn. Dùng phương pháp này, mục đích của nó cũng là buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều cùng một đạo lý! Chỉ dùng phương pháp không giống nhau. Tịnh Độ tông dùng phương pháp “*Phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm*”, nhưng vẫn phải buông bỏ.

Nên biết: Thiền hay Mật, nếu không buông bỏ thì nhất định không nhập được vào cảnh giới của nó. Tịnh Độ tông cũng là như vậy! Nhưng Tịnh Độ có phương tiện, có được lợi ích lớn, nghĩa là tuy chưa thể hoàn toàn buông bỏ, chỉ buông bỏ một ít, cũng có thể vãng sinh, gọi là “Đối nghiệp vãng sinh”. Thiền và Mật không có “Đối nghiệp”, chỉ có Tịnh Độ cho phép “Đối nghiệp”. Công phu

của Thiền có được thành phiền cũng là vô dụng! Vẫn phải lưu chuyển trong luân hồi lục đạo, phải đạt đến “nhất tâm bất loạn” mới có thể chứng quả A-la-hán. A-la-hán tuy vượt ra khỏi lục đạo vẫn còn có “Tứ Thánh Pháp giới”, phải tiếp tục tu từ từ. Duy chỉ có Tịnh Độ tông, công phu chưa miên mật cũng có thể vãng sinh.

- Công phu miên mật là như thế nào?

- Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà; ngoài Phật A Di Đà ra hoàn toàn không có gì nữa, gọi là miên mật, là “công phu thành phiền”. Ngoài Phật A Di Đà ra, còn có ý niệm khác thì không được! Không chắc chắn được vãng sinh!

“Thanh tịnh trang nghiêm siêu du thập phương” thanh tịnh trang nghiêm của thế giới Cực Lạc vượt lên trên mười phương thế giới của chư Phật. Cho nên “oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ” (oai đức rộng lớn, cõi Phật thanh tịnh): Đây là tán thán thế giới Tây Phương Cực Lạc, tán thán thành tựu của Phật A Di Đà, tán thán thành tựu của oai thần bốn nguyện, tán thán những Bồ Tát vãng sinh này. Tự tánh công đức thật chẳng thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

A Nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn:

- Pháp Tạng Bồ Tát thành Bồ Đề giả, vi thị quá khứ Phật da? Vị lai Phật da? Vi kim hiện tại tha phương thế giới da?

Thế Tôn cáo ngôn:

- Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sinh, vô diệt, phi quá hiện vị lai. Đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây phương, khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu-chi na-do-tha Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà. Thành Phật dĩ lai, u kim thập kiếp. Kim hiện tại thuyết pháp,

*hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, cung kính vi
nhiều.*

VIỆT DỊCH:

A Nan nghe lời Phật dạy, bạch Thế Tôn rằng:

**- Pháp Tạng Bồ Tát chứng Bồ Đề là thành Phật trong
quá khứ hay là Phật trong vị lai, hay hiện đang ở thế giới phương
khác?**

Thế Tôn bảo rằng:

**- Đức Như Lai ấy không từ đâu đến, chẳng đi về đâu, vô
sinh, vô diệt, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ vì đáp tạ
cái nguyện độ sinh nên hiện ở Tây Phương. Cách Diêm Phù Đề
trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật, có một thế giới tên là Cực
Lạc. Pháp Tạng thành Phật hiệu là A Di Đà. Từ khi ngài thành
Phật đến nay đã là mười kiếp, nay hiện tại thuyết pháp có vô
lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chúng cung kính vây quanh.**

GIẢNG:

A Nan dựa trên mặt “sự” mà hỏi, đức Thế Tôn lại dùng “lý”
để đáp. Lý sự vô ngại khéo hiển thị Trung Đạo (sáu câu đầu trong
đoạn này trích từ bản Tổng dịch).

Thế Tôn bảo A Nan: **“*Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ
vô sở khứ*”** (Đức Phật Như Lai ấy không từ đâu đến, chẳng đi về
đâu). Đây là nói về mặt không gian, ngụ ý mười phương hư không
chẳng rời khỏi chôn này. Chữ “bỉ Phật” là chỉ cho Phật A Di Đà. Câu
này cùng nghĩa với câu trên Kinh Kim Cang **“*Như Lai giả, vô sở tùng
lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai*”** (Như Lai là chẳng từ đâu đến,
cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai). Câu trả lời này hoàn toàn
thuận theo Chân Đế, chính là nói chư Phật Như Lai và cảnh giới của

Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề; thời gian và không gian họ đều đã đột phá.

Đột phá thời gian chính là không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Không gian nếu không tồn tại thì không có sự ngăn cách giữa thế giới này và thế giới tha phương, đây là chân tướng sự thật. Chử Như Lai ở đây là nói đến tất cả các hiện tượng. Bất cứ hiện tượng nào cũng đều “*đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (tại nơi đây sinh ra và cũng tại nơi đây diệt tận).

- Sao gọi là “đương xứ xuất sanh tùy xứ diệt tận”?

- Trong Kinh Bồ Tát Xứ Thai, Bồ Tát Di Lặc đáp lời hỏi của đức Thế Tôn như sau: “*Trong một khoảnh móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm*”. “Niệm niệm thành hình” đó là “xuất sanh”. Mỗi niệm sinh ra thì “sắc” (tức hiện tượng vật chất) liền xuất hiện; “hình giai hữu thức” (“thức” chính là hiện tượng tinh thần), “tho-tưởng-hành-thức” xuất hiện. Tuy xuất hiện, nhưng đức Phật nói: ý niệm và hiện tượng đó, ngay nơi đó sinh ra và cũng tại nơi đó diệt tận! Ý niệm thứ hai lại lập tức khởi lên, hiện tượng vật chất và tinh thần lại xuất hiện và cũng diệt tận ngay nơi đó.

- Ý niệm vi tế này tồn tại bao lâu?

- Nếu một giây có năm lần khoảnh móng tay thì trong một giây có đến một ngàn sáu trăm triệu lần ý niệm sinh diệt. Tốc độ sinh diệt này quá nhanh không thể nào nắm bắt, cho nên dùng “vô sinh, vô diệt” để nói lên sự việc này. Nên biết: Nếu thật sự không có sinh diệt mà nói “vô sinh, vô diệt” thì chẳng có ý nghĩa gì! Sinh diệt chính là không sinh diệt; không sinh diệt chính là sinh diệt.

Ngày nay, các nhà khoa học đã chứng minh: Ý niệm tích lũy là nền tảng của vật chất. Nói cách khác, không có ý niệm thì không thể có hiện tượng vật chất. Chúng ta cho rằng vật chất là tồn tại, thật

ra nó không tồn tại! Tần suất của ti-vi so với máy chiếu phim cao hơn rất nhiều. Tần suất càng nhanh khiến ta càng không thể cảm giác được, không thể nhìn thấy nó là giả, kỳ thật nó thật sự là giả; bao gồm cả thân thể, tư tưởng của chúng ta cũng toàn là giả, chớ cho là thật!

Sách Kim Cang Phá Không Luận của Linh Phong Đại sư (tức Ngẫu Ích Đại Sư) viết: *“Dĩ chân như vô biệt xứ sở, khả tùng bị lai, sinh tử vô biệt xứ sở, khả tùng thử khứ. Cố dĩ hữu duyên sắc hiện, thí như thủy thanh nguyệt hiện, nguyệt thật bất lai. Duyên tận tắc ẩn, thí như thủy trước nguyệt ẩn, nguyệt thật bất khứ cố”* (Do Chân Như chẳng phải ở chỗ nào khác nên từ đây mà đến, sinh tử không phải là chốn nào khác nên từ đây mà đi. Do vậy, có duyên thì hiện, như nước trong thì trăng hiện, mặt trăng thật sự chẳng vào trong nước. Duyên hết liền ẩn, ví như nước đục trăng biến mất, trăng thật sự chẳng bỏ đi).

Hiện tượng này chúng ta đều có kinh nghiệm: Đêm tối nhìn xuống mặt hồ trong yên, phẳng lặng, ta thấy ánh trăng hiện trên mặt nước. Ánh trăng có đến trong hồ này chăng? Không có! Đây gọi là chỗ này xuất hiện. Nếu nước hồ đục, có gợn sóng thì ban đêm trăng sẽ không hiện. Ánh trăng không đến cũng không đi. Người mê không hiểu được chân tướng thật sự cho rằng hiện tượng là thật, là có đến, có đi. Mê gọi là pháp thế gian; ngộ gọi là pháp xuất thế. Thế gian và xuất thế gian là một chẳng phải hai.

Nên biết: Chân Như không có nơi chốn, nhưng bất cứ nơi nào nó cũng đều có, đây là “Pháp tánh”. Sanh tử là “Pháp tướng”, thể của “Pháp tướng” chính là Chân Như, nên “Pháp tướng” cũng không có nơi chốn, cũng là *“đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”*, chỗ nào có duyên thì hiện, không có duyên thì nó ẩn. Trong Đại thừa Phật pháp có câu: *“Thập phương hư không bất ly đương xứ; tam tế*

cổ kim, bất ly đương niệm”. Bởi lẽ, tận hư không biến pháp giới, sum la vạn tượng đều từ một vọng tưởng, một làn sóng động biến hiện ra nên “*bất ly đương niệm, bất ly đương xứ*”. Nếu chẳng tin, thử hỏi ban đêm nằm mộng, cảnh mộng có rời khỏi chiếc giường của ta chẳng? Một tác, một phân cũng chẳng rời khỏi!

“*Cái Như Lai Pháp Thân biến nhất thiết xứ cánh hà năng ngôn Pháp Thân từng hà xứ lai, đáo hà xứ xứ. Nhất thiết xứ giai thị tự tánh Pháp Thân cố. Duy dĩ ngộ duyên nhi hiện lai khứ, thị cố kinh vân: “Đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây phương, tức thử nghĩa dã”* (Bởi Pháp Thân của Như Lai hiện diện khắp nơi nên chẳng thể bảo là Pháp Thân đến từ chỗ nào hay Pháp Thân đi về đâu! Vì hết thảy mọi chốn đều là tự tánh Pháp Thân vậy. Chỉ là gặp duyên thì hiện có đến đi, nên kinh mới nói: “Chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh nên hiện ở Tây Phương, chính là ý nghĩa này).

Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, đem tất cả pháp thể và xuất thể gian qui nạp thành năm loại lớn: Tâm pháp, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ưng hành pháp, vô vi pháp.

- Thời gian và không gian thuộc phạm vi nào?
- Thuộc “bất tương ưng hành pháp”!

Đây là khái niệm trừu tượng, không phải thật. Cho nên, thời gian và không gian cũng không phải thật. Tuy không phải thật, cũng không thể nói nó có hoặc không có. Hiện tại, Singapore bây giờ là buổi tối; ở Mỹ bây giờ là ban ngày. Singapore nơi đây là xích đạo, một ngày hai mươi bốn giờ. Nếu sống ở Nam hay Bắc cực, một ngày ở nơi đó là ba trăm sáu mươi ngày ở Singapore. Nam, Bắc cực nửa năm ban ngày, nửa năm ban đêm. Do đó một ngày một đêm ở Nam, Bắc cực bằng một năm ở Singapore.

Chi trên địa cầu này thôi mà đã có sự chênh lệch đến như vậy. Rời khỏi địa cầu ra, ở những tinh cầu khác thời gian và không gian lại càng khác xa. Cho nên, đức Phật trả lời tôn giả A Nan là từ trên chân tướng sự thật, từ trên lý thể của Pháp Thân mà nói. Chỗ mà A-Nan hỏi là dấu vết trong khái niệm của phàm phu chúng ta. A Nan hỏi là y theo Tục Đế; đức Phật trả lời là y theo Chân Đế, đây mới là chân tướng sự thật.

Chi có “vô vi pháp” mới là thật, “Pháp hữu vi” là giả. “Pháp hữu vi” là duyên sinh, có sinh có diệt. Trong “Pháp vô vi” có: “Thật pháp vô vi” và “Tương tự vô vi”. Pháp Thân là “Chân Như vô vi” biến khắp mọi nơi mới là thật, cho nên căn bản là không có đến, đi. Có đến, có đi là giả; không có đến, đi mới là thật; chỉ là gặp duyên thì hiện có đến, đi.

- Duyên là gì?

- Là ý niệm của chúng sinh! Chúng sinh nghĩ đến Phật, Phật sẽ hiện tiền. Chúng sinh không nghĩ đến Phật thì Phật không xuất hiện. Chúng sinh nghĩ đến ma, ma sẽ hiện tiền; không nghĩ thì ma cũng không có! Tất cả pháp từ tâm tưởng sinh! Người xưa nói: tự làm tự chịu! Không có một pháp nào chẳng phải là do ta tự làm. Lành dữ, họa phúc đều do ta gây tạo!

“*Vô sinh, vô diệt, phi quá hiện vị lai*” (Chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai). Đây là Phật trả lời về thời gian. Do vọng niệm của chúng sinh liên tục: “*Tiền niệm diệt thị quá khứ, hạ niệm sinh thị vị lai*” (Niệm trước đã diệt là quá khứ; niệm sau nảy sinh là vị lai). Hễ vọng niệm chẳng sinh thì cũng chẳng diệt, nên thời gian đâu có quá khứ, vị lai. “*Hiện tại niệm niệm bất trụ cố vô hiện tại*” (hiện tại niệm niệm chẳng trụ, nên chẳng có hiện tại). Vì vậy kinh Kim Cang nói: “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất*

khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc” (Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được).

Thêm nữa, câu cuối cùng của sách Tín Tâm Minh là “*Không quá khứ, vị lai, hiện tại*”. Rõ ràng, tam thể cổ kim chẳng ngoài cái niệm ngay hiện tại.

Kinh Niết Bàn nói: “*Chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp, thị sinh diệt dĩ, tịch diệt vi lạc*” (Các hành vô thường là pháp sinh diệt. Sinh diệt đã diệt hết, tịch diệt là vui). “Chư hành vô thường”: chữ “hành” là hành vi, hành động. Khởi tâm động niệm là hành vi của ý; ngôn ngữ là hành vi của miệng; động tác của thân thể là hành vi của thân. Những hành vi này đều là vô thường, vì đây là pháp sinh diệt.

“*Tịch diệt vi lạc*” (Tịch diệt là vui). “Vui” này không phải là “vui” của khổ vui mà là “Chân lạc” (niềm vui thật sự). Cái “vui” của khổ vui gọi là “vui quá sắp sàu lo”! Nó không phải thật! Nó có sự biến hóa!

Chương Quán Âm Viên Thông trong Kinh Lăng Nghiêm cũng ghi: “*Sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt hiện tiền*” (Diệt hết sinh diệt thì tịch diệt hiện tiền). “Tịch diệt” chính là tự tánh, là Niết Bàn, là minh tâm kiến tánh mà Tông môn nói. Do đã chứng nhập vô sanh, đã vô sanh thì ắt sẽ vô diệt.

“*Đản dĩ thù nguyện độ sinh, hiện tại Tây Phương*” (Chỉ vì đáp tạ cái nguyện độ sanh nên hiện ở Tây Phương). Chữ “hiện” ở đây là thị hiện; “Tây Phương” này là Phật phương tiện nói. Thật ra Tây Phương của thế giới Ta Bà chưa từng rời xa nơi này.

- Thật có Tây Phương chăng?

- Tục Đế nói là thật có Tây Phương; nhưng Chân Đế thì nói không có. Chân Đế là viên mãn! Chân Đế là nhất thể! Chân Đế vĩnh viễn không có phân ly! Là tự tánh thanh tịnh viên minh thể.

Nói theo Tục Đế: Địa cầu này hình tròn, nếu chúng ta cứ tiếp tục đi về hướng Tây thì sẽ trở về chỗ cũ. Cho nên, có người sẽ hỏi:

- Thế giới Cực Lạc ở đâu? Tây phương không có Tây phương, rốt cuộc đâu là Tây phương?!

- Ở ngay trên địa cầu! Mỗi một kinh độ, nhìn về phía trước là hướng Đông, nhìn về phía sau là hướng Tây. Di chuyển một độ hướng Đông lại biến thành hướng Tây, hướng Tây lại biến thành hướng Đông. Do vậy, phương hướng chỉ là khái niệm trừu tượng.

- Vì sao Phật lại nói có một cái Tây phương?

- Bởi chúng sinh Diêm Phù Đề vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa buông bỏ, do đó cần phải chỉ phương lập hướng, khiến tâm họ có thể nhất tâm chuyên chú hướng về một phương hướng, một mục tiêu, dụng ý là ở chỗ này.

Chỉ cần họ đạt đến nhất tâm thì cảm ứng sẽ hiện tiền. Chẳng hạn như chúng ta niệm một câu Phật hiệu, chính là gieo một tín hiệu, một làn sóng âm, A Di Đà Phật dù bất luận ở đâu cũng đều nhận được. Đây là cảm ứng đạo giao, chẳng khác chi làn sóng điện vô tuyến.

Từ trên lý mà nói: Không có phương vị, không có thời không. Cho nên Cổ Đức mới nói: “*Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật không đi*” Vì sao? Vì không có khứ lai, sinh diệt! Khi nhận ra có một cái Tây phương thì bạn đã có khứ lai, sinh diệt rồi! Bạn chưa buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn chưa được nhất tâm bất loạn!

Từ trên sự mà nói: Tây phương mà Phật giảng không phải là hướng Tây của địa cầu chúng ta.

Năm xưa, có người đến hỏi tôi, tôi nói: Đó là hướng Tây của hệ Ngân Hà. Cách nói này trên sự cũng có thể được thông. “Pháp vận” của đức Thích Ca Mâu Ni Phật là một vận hai ngàn năm. Trong một vận hai ngàn năm này, góc độ xoay chuyển của hệ Ngân Hà rất nhỏ, chưa rời khỏi phương vị của nó cho nên có thể nói được thông. Mặt khác, khu vực giáo hóa của Thế Tôn là Ta Bà tam thiên đại thiên thế giới. Nếu lấy Ta Bà thế giới làm trung tâm thì hướng Tây của Ta Bà thế giới có thể nói: Trong một vận hai ngàn năm, góc độ dịch chuyển của nó chỉ mới vài phút, vài giây, chưa đến một độ. Cách nói này khẳng định không hề sai, có thể dùng cách nói này.

Đại sư Thiện Đạo đã phân tích tại sao Phật phải phương tiện chỉ phương lập tướng: Chúng sinh cõi Sa Bà vọng tâm bạo động. Chỉ phương lập tướng còn chưa thể chuyên chú nổi hướng là không có phương chẳng có tướng! Sách Thượng Đê Nghi cũng nói: “*Đê qui mạng Tam Bảo cần phải chỉ phương, lập tướng. Trụ tâm giữ cảnh hòng kèm giữ tâm phàm còn chẳng xong, hướng là ly tướng?*” Đây là nói các pháp môn khác khó! Khó ở chỗ nào? Ở chỗ phải lìa tướng! Tịnh Độ tông “lập tướng” đến thế giới Cực Lạc, trước là chỉ phương lập tướng cầu sinh Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc mới rời tướng. Nên người xưa nói: “*Nếu được thấy Phật A Di Đà lo gì không khai ngộ*”. Chúng ta đem việc khai ngộ này để ở thế giới Cực Lạc, bây giờ chỉ chuyên cầu Tịnh Độ.

Trước đây, thầy Lý nói với tôi: Mục tiêu cuối cùng của Phật pháp Đại thừa là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, còn mục tiêu bây giờ là “nhất tâm chuyên niệm”, đây là sự thù thắng của Tịnh Độ tông. Đại thừa là “*ly tất cả tướng tức tất cả pháp*”. Khó! Tịnh Độ tông có phương hướng, niệm niệm đều nghĩ đến thế giới

Tây Phương Cực Lạc, mỗi niệm đều nhớ đến Phật A Di Đà. Đây là “chấp tướng” không phải “ly tướng”. “Chấp trì danh hiệu”: “chấp” là chấp trước, “trì” là duy trì không để mất. Đem những thứ khác đều buông hết, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ. Nghĩ đến Kinh Vô Lượng Thọ là nghĩ đến thế giới Cực Lạc. “*Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật*”. “Chế tâm vào một chỗ” là Nhất tâm, là Thiền định, là Tam-muội. Đạt được Định mới có thể khai tuệ, tuệ khai sẽ thấy Phật, thấy được thế giới Cực Lạc. Tất cả pháp từ tâm tướng sinh! Như vậy đời này chúng ta sống có giá trị, được đại công viên mãn.

“*Khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu-chi na-do-tha Phật sát, hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (Cách Diêm Phù Đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc). Theo chú giải của Hoàng Niệm lão, câu này trích từ bản Tống dịch; bản Ngụy dịch ghi là mười vạn ức cõi; bản Đường dịch ghi mười vạn ức cõi Phật. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ cũng ghi giống như bản Tống dịch. Kinh A Di Đà ghi giống hai bản Đường và Ngụy dịch. Các bản dịch ghi sai khác là vì hai nguyên nhân:

Một là như Kinh Pháp Hoa dạy: Thuận theo căn khí của chúng sinh nên nói danh hiệu sai khác, tuổi tác nhiều ít. Vì vậy khoảng cách giữa hai cõi cũng sai khác. Thật sự, cả Cực Lạc lẫn Sa Bà đều khắp mọi nơi, chứa đựng lẫn nhau, vốn chẳng cách nào nói nổi khoảng cách.

Hai là những con số như: ức, na-do-tha, câu-chi cũng lớn nhỏ bất nhất. Có bốn cách hiểu chữ “Ức”: mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn. “Câu-chi” được dịch là Ức nên Câu-chi có thể là mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn hoặc vạn vạn. Nhưng, chỉ có ba loại trước là thường được dùng, na-do-tha cũng có thể hiểu là mười vạn, hoặc ngàn vạn..., có nhiều cách hiểu nên khó lòng so sánh nổi.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Bách thiên câu-chi na-do-tha” chính là mười vạn ức mà trên Kinh Di Đà đã giảng. Đơn vị dùng ở đây là đơn vị Phạn văn của Ấn Độ, dịch thành đơn vị của Trung Quốc là “mười vạn ức Phật quốc độ”. “Phật sát” chính là Phật quốc độ, cũng chính là chúng ta thường nói: “tam thiên đại thiên thế giới”. Nhưng chúng ta đọc được ở trên Đại Kinh: Quốc độ Phật cũng có lớn nhỏ không như nhau. Có quốc độ khu giáo hóa của một vị Tôn Phật là một cái “tam thiên đại thiên thế giới”. Cũng có vị Phật mà khu giáo hóa là hai cái “tam thiên đại thiên thế giới”, hoặc ba cái cho đến mười cái, hai mươi cái “tam thiên đại thiên thế giới”. Do đó, mười vạn ức Phật quốc độ cũng có những cách nói không như nhau, chúng ta không nên ở chỗ này mà phân biệt bàn cãi. Nhất định phải biết: Chúng sinh mười phương thế giới mong cầu Cực Lạc thế giới, bất luận là khoảng cách bao xa, chỉ trong sát-na là đã đến nơi. Phải hiểu rõ đạo lý này.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Mười phương hư không sinh trong tâm ta ví như một phiến mây giữa tầng trời xanh bao la, như chùm bọt nổi trên mặt biển. Cho nên, Quán Kinh bảo “*A Di Đà Phật khứ thử bất viễn*” (A Di Đà Phật cách đây chẳng xa), bởi vì cõi Cực Lạc vốn ở trong tâm mỗi chúng sinh.

Sách A Di Đà Sớ Sao cũng nói “*phân minh ngay trước mắt nào xa xôi gì!*” Lời nói này của Đại sư Liên Trì thật thấu triệt bản nguyện.

Tóm lại, không gian và thời gian không phải là vấn đề; vấn đề là ở “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. “Phát Bồ Đề tâm” là phát cái tâm giác ngộ, việc này vô cùng quan trọng! Chúng ta không chịu toàn tâm toàn lực giúp người là do mê mà không giác. Phải thường thường giác ngộ. Giác và mê chỉ khác nhau ở một niệm. Niệm niệm vì chúng sinh đó là giác. Niệm niệm vì chính mình đó là

mê. Từ chỗ này mà phân biệt thì tương đối dễ dàng, cũng rất thỏa đáng.

“*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (Có thế giới tên là Cực Lạc): chữ “Thế” chỉ thời gian. Quá khứ, vị lai, hiện tại là tam thế. “Giới” là cương giới, chỉ không gian tức là bốn phương, bốn góc, trên dưới gọi chung là thập phương. Tính gộp cả thời gian lẫn không gian nên gọi là “thế giới”. Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “Cực Lạc” tiếng Phạn là Tu-Ma-Đề (Sukhamati), có nhiều cách dịch: *An Lạc, An Dưỡng, Thanh Thái* v.v...

Sách A Di Đà Yếu Giải giảng chữ Cực Lạc là “*vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, an ổn bậc nhất*”

Sách A Di Đà Sớ Sao giảng: “*Ý nói sự vui đến tột bậc, hết thấy cái vui trong cõi nhân thiên chẳng thể sánh được nữa*” nên gọi là “Cực Lạc”. Các cõi Phật tùy theo căn cơ cảm thành mà có bốn thứ; Sách A Di Đà Sớ Sao nói:

“**Bốn cõi là:**

1. Thường Tịch Quang Độ

Kinh nói: ‘Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, kỳ Phật trụ xứ, danh Thường Tịch Quang’ (Tỳ Lô Giá Na ở khắp hết thấy chỗ, chốn đức Phật ngự tên là Thường Tịch Quang). Đây là chỗ ở của hạng người quả vị cao nhất.

2. Thật Báo Trang Nghiêm Độ

Hành pháp chân thật, cảm báo thù thắng, bảy báu trang nghiêm, có đủ ngũ trần tịnh diệu nên còn gọi là Vô Chướng Ngại độ do Sắc và Tâm chẳng hai, sợi lông và cõi nước chứa đựng lẫn nhau. Bạc Pháp Thân Đại Sĩ ngự trong cõi này.

3. Phương Tiệm Hữu Dư Độ

Đoạn được bốn Trụ Hoặc, thuộc về phương tiệm đạo, vô minh chưa hết nên bảo là Hữu Dư, là chỗ cư ngụ của thánh nhân trong tam thừa.

4. Phàm Thánh Đồng Cư Độ là *chỗ tứ thánh, lục phàm chung ở*”

“Phàm” là phàm phu; “Thánh” là thánh nhân, Thánh nhân ứng tích trong thế gian, ở chung một chỗ với phàm phu nên bảo là “*Phàm Thánh Đồng Cư*”.

Thế giới Sa Bà cũng là Cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cõi này trực nặng, ác lắm, bất tịnh ngập ngụa, gai góc, ngói sạn, gò nông, hầm hố, nên là cõi *Đồng Cư uế độ*.

Cõi Đồng Cư Cực Lạc: Ao suối có nước tám công đức; cây báu, sen báu tỏa quang minh hiện Phật đầy khắp cõi nước; nước, chim, cây cối đều diễn thuyết diệu pháp; các bậc thượng thiện nhân nhập Chánh Định Tu, vĩnh viễn thoát các khổ, chỉ hướng pháp lạc Đại Thừa. Đó là *Đồng Cư Tịnh Độ*. Hơn nữa, Cực Lạc Đồng Cư Tịnh Độ viên minh vô ngại, lại thông với cả ba cõi trên: *Thường Tịch Quang* v.v...

Sách Di Đà Sớ Sao bảo: “*Do căn cơ sai khác, thấy biết cũng khác. Có người ở trong cõi Đồng Cư mà thấy là cõi Thường Tịch Quang; có người ở trong Đồng Cư mà thấy là cõi Thật Báo; có người trong cõi Đồng Cư mà thấy là cõi Phương Tiệm; có người trong cõi Đồng Cư chỉ thấy đó là cõi Đồng Cư. Như Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: ‘Kim nhật tọa trung vô ương số chúng, hoặc kiến thử xứ sơn lâm, địa thổ, sa lịch, hoặc kiến thất bảo, hoặc kiến thị chư Phật hành xứ, hoặc kiến tức thị bất tư nghị chư pháp giới cảnh giới’ (vô ương số chúng đang hiện diện đây hoặc thấy chốn này có núi rừng,*

đất đai, cát sỏi; hoặc thấy bảy báu, hoặc thấy là hành xử của chư Phật, hoặc thấy chính là cảnh giới bất tư nghị của chư Phật) đều là do căn cơ nên thấy sai khác”. Vì vậy, Sách Di Đà Yêu Giải bảo:

“Nay bảo Cực Lạc thế giới chính là cõi Đồng Cư Tịnh Độ, nhưng nó cũng gồm cả ba cõi Tịnh Độ trên” và “Nay xét theo ba điều Tín, Nguyện, Hạnh thì danh hiệu Di Đà chẳng thể nghĩ bàn nên có thể khiến cho phàm phu cảm được cõi Đồng Cư Cực Lạc thanh tịnh tốt bậc, mười phương cõi Phật không đâu có được như vậy, riêng mình cõi Cực Lạc Đồng Cư độc chiếm. Đây mới là tông chỉ của Cực Lạc Tịnh Độ”. Cũng theo Hoàng Niệm lão:

Do Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, vạn đức trang nghiêm, một câu thanh tịnh, dùng một câu danh hiệu Di Đà tốt bậc thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn làm chánh nhân nên tự nhiên cảm được cõi nước Cực Lạc Đồng Cư thanh tịnh tốt bậc chẳng thể nghĩ bàn. Cõi Đồng Cư Tịnh Độ của thế giới Cực Lạc trôi vượt thập phương nên chư Tổ thường bảo: “Điều nhiệm màu hàng đầu của Cực Lạc là cõi Đồng Cư”.

“**Pháp Tạng thành Phật hiệu A Di Đà**”, Phật có ba thân:

1. Pháp Tánh Thân, gọi tắt là Pháp Thân, ngự trong Thường Tịch Quang độ.

2. Báo Thân ngự trong Thật Báo Trang Nghiêm độ.

3. Ứng Hóa Thân thường hiện trong các cõi Phương Tiện Hữu Dư, Phàm Thánh Đồng Cư.

Ba thân này của đức Phật thật chẳng phải một, chẳng phải ba, lại là ba, cũng là một, như ba chấm trong chữ Y (··), chẳng ngang, chẳng dọc, chẳng cùng, chẳng khác, chẳng thể nghĩ bàn.

Thân Ứng Hóa lại có hai thứ: Một là “*thị sanh hóa thân*” tức là thân thị hiện tám tướng thành đạo; hai là “*ứng hiện hóa thân*” tức là ứng theo căn cơ chúng sinh mà thị hiện “*thân thắng ứng*” hoặc “*thân liệt ứng*” (Tông Thiên Thai chia Báo Thân trong Tam Thân ra làm: Tự Thọ Dụng báo thân và Tha Thọ Dụng báo thân. Tha Thọ Dụng báo thân gọi là “*Thắng Ứng thân*”, ứng hiện đối với hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên. Còn thân Phật cao trọng sáu ứng hiện đối với hàng phàm phu, Nhị Thừa, Địa tiền thì gọi là “*Liệt Ứng Thân*”, là thân Phật tám tướng thành đạo. Theo tự điển Phật Học Hán Việt). Hóa thân còn có thể phân chia như sau:

Phật giới hóa thân (thân hiện trong Phật giới).

Tùy loại hóa thân (theo từng loại trong cửu giới mà hiện thân).

Sách Di Đà Yếu Giải nói: “*A Di Đà Phật nói ở đây chính là chỉ thân Phật trong cõi Đồng Cư, là thị sanh hóa thân, nhưng cũng chính là Pháp Thân, Báo Thân vậy*”. Thuyết này thật tinh diệu.

Sách Viên Trung Sao bảo: “*Tùy theo cõi nước nên cảm được cái thấy có ba thân sai khác. Do căn cơ nên cảm thấy được bốn cõi bất đồng*”. Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Nếu trong cõi Đồng Cư mà chỉ thấy được đó là cõi Đồng Cư thì vị Phật thuyết pháp cho mình chỉ là thị sanh hóa Phật. Nếu thấy đó là cõi Thật Báo thì đó là Báo Thân Phật. Nếu thấy là cõi Thường Tịch Quang thì ngài là Pháp Thân Phật.

Ba thân của Phật ví như ba thứ sau đây của ma-ni bảo châu: Bản thân viên châu, ánh sáng do châu tỏa ra và ánh sáng châu chiếu rọi lại chính bản thân viên châu; ba thứ này chẳng hề rời nhau. Ba thân Pháp, Báo, Ứng cũng giống như vậy. Cõi Đồng Cư thông cả ba cõi trên cũng như vậy: Ba cõi trên ở ngay trong cõi Đồng Cư. Vì vậy, vãng sinh Đồng Cư công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, A Di Đà Phật chính là Tỳ Lô Giá Na Như Lai như A Di Đà Kinh Sớ Sao viết: *“Bậc trí giác bảo: ‘Trong Tổng Trì giáo (Mật giáo) nói ba mươi bảy vị Phật đều từ một đức Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra, nghĩa là: Đức Giá Na từ trong nội tâm chứng “Tự Thọ Dụng” thành Ngũ Trí, tự đặt Pháp Giới Thanh Tịnh Trí ở trung ương, rồi từ bốn trí kia lưu xuất ra các vị Như Lai ở bốn phương: Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Vô Lượng Thọ Như Lai ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; tức là một đức Phật kiêm cả hai cõi”*”.

Tỳ Lô Giá Na Phật là Pháp Thân của Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là Báo Thân của Tỳ Lô Giá Na Phật. Do Phật Di Đà chính là Phật Tỳ Lô nên bảo là “một đức Phật”. Chữ “cõi” ở đây là chỉ cõi Phật. “Hai cõi” tức là Hoa Nghiêm và Cực Lạc. “Kiêm” là kiêm lãnh, tức là một đức Phật cai quản cả hai cõi Tịnh Độ.

Hơn nữa, Đông Mật (Mật Tông Nhật Bản) cũng bảo A Di Đà Như Lai chính là Đại Nhật Như Lai. Hưng Giáo Đại Sư ở Nhật viết trong cuốn A Di Đà Bí Thích như sau:

“Một là Vô Lượng Thọ: Pháp Thân Như Lai ngự trong pháp giới cung, chẳng sinh chẳng diệt. Vì vậy Đại Nhật Như Lai còn có tên là Vô Lượng Thọ Phật.

Hai là Vô Lượng Quang: Trí quang từ Diệu Quán Sát Trí của Pháp Thân Như Lai chiếu khắp vô lượng chúng sinh, vô lượng thế giới, luôn luôn ban cho lợi ích. Vì vậy Đại Nhật Như Lai còn gọi là Vô Lượng Quang Phật” (Đại Nhật chính là Phật Tỳ Lô).

Chữ A Di Đà có vô lượng nghĩa: Đứng về mặt chữ mà dịch, Phạn văn của âm “A” này dịch thành chữ Hán là “vô”. “Di Đà” dịch thành “Lượng”; ý nghĩa của “A Di Đà” là “Vô Lượng”.

- Cái gì vô lượng?

- Tất cả đều vô lượng! Thọ mạng vô lượng, trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng, mọi thứ đều vô lượng.

Lục Tổ Huệ Năng thời nhà Đường, khi ngài khai ngộ đã nói năm câu: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt, nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ, nào ngờ tự tánh vốn không dao động, nào ngờ tự tánh năng sinh vạn pháp”*. Cả năm câu này, mỗi câu đều là vô lượng.

Mật giáo dùng ba danh hiệu Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Cam Lộ Vương để lần lượt biểu trưng cho ba thân Pháp, Báo, Hóa.

A Di Đà còn có thể dịch là Vô Lượng Trang Nghiêm, Vô Lượng Thanh Tịnh v.v... Ngoài ra mười hai danh hiệu quang minh cũng đều là danh hiệu của Phật cả. Trong ba chữ A Di Đà, mỗi chữ lại đủ cả vô lượng nghĩa; trong vô lượng nghĩa, mỗi nghĩa lại bao gồm đủ vô lượng nghĩa, trùng trùng vô tận. Người xưa nói: *“Lớn không gì lớn hơn; nhỏ không gì nhỏ bằng”*. Chúng ta dùng hai câu này để hình dung Phật A Di Đà thì có thể lãnh hội được nghĩa lý thâm diệu của nó. Giải thích của các bậc Cổ Đức rất nhiều, đều rất có đạo lý. Thật là muôn màu, muôn vẻ.

“A” nghĩa là vốn bất sinh bất diệt nên là “Không Đé”. “Di” nghĩa là “ngô, ngã” (tôi, ta) nên “Di” là tùy duyên Giả Đé. “Đà” nghĩa là “Nhu” nên là “Trung Đé”. Đây là dùng Tam Đé để giải thích.

Sách A Di Đà Bí Thích cũng giảng:

“Chữ A nghĩa là nhất tâm bình đẳng bản sơ bất sinh. Chữ Di là nhất tâm bình đẳng chẳng có Ngã lẫn Đại Ngã. Chữ Đà là nhất tâm bình đẳng, chư pháp như như tịch tĩnh.

Hơn nữa, chữ A là Phật Bộ thể hiện Lý Trí bất nhị, là thể tướng của pháp giới. Chữ Di là Liên Hoa Bộ, là Diệu Quán Sát Trí,

chúng sinh và pháp hai thứ đều không. Thật Tướng vốn chẳng nhiễm lục trần giống như hoa sen. Chữ Đà là Kim Cang Bộ, là Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, có thể phá tan hết thấy oán địch vọng tưởng.

Chữ A lại có nghĩa là Không: Pháp thể của nhất tâm pháp vốn chẳng có tướng hư vọng. Di nghĩa là Giả Hữu: Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyễn, giả có. Chữ Đà nghĩa là Trung Đạo: Nhất tâm bình đẳng các pháp là nhị biên, chẳng có tướng nhất định nào cả.

Chữ A còn có nghĩa là Hữu: Thể tướng của nhất tâm vốn chẳng sinh vì chẳng diệt tận. Chữ Di nghĩa là Không: Các pháp trong nhất tâm chẳng có pháp nào có tự tánh. Chữ Đà nghĩa là Bất Không: Các pháp trong tự tâm vốn là công đức của Pháp Thân vì chẳng đoạn tuyệt.

Chữ A lại có nghĩa là Nhân: Phật giới và chúng sinh do nhất tâm mà giác, cũng do nhất tâm mà mê. Chữ Di nghĩa là Hạnh: Đoạn nhân, pháp, nhị ngã, chứng được sanh, pháp bất không, đạt đến quả Phật. Chữ Đà nghĩa là Quả: Thể hiện bất nhị nhất tâm, như như lý trí thì chính là Phật quả vậy.

Các Pháp môn sai biệt như vậy là tướng trạng của danh tự, nhưng các tướng danh tự như vậy lại chẳng có tướng nhất định. Chúng giống như những hạt châu nơi lưới Thiên Đế chẳng thể lấy, bỏ được, nhất tâm bình đẳng nên bất khả đắc”.

Sách còn viết: “Vì vậy xưng lên ba chữ A Di Đà diệt được trọng tội từ vô thủy. Niệm một vị Phật A Di Đà thành tựu phước trí không cùng tận. Như một hạt châu nơi lưới Thiên Đế hiện ngay vô tận bảo châu, một đức A Di Đà Phật mau chóng viên mãn vô biên tánh đức”.

Hòa Thượng Tịnh Không giải thích như sau:

“*Chữ A nghĩa là nhất tâm bình đẳng, bốn sơ bất sanh*” (A tự nhất tâm bình đẳng, bốn sơ bất sanh nghĩa): “*bốn sơ bất sanh*” chính là không sinh; không sinh đương nhiên là không diệt. Đúng như ngài Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*”. Đây là danh hiệu của tánh đức. “*Chữ Di là nhất tâm bình đẳng chẳng có Ngã lẫn Đại Ngã*” (Di tự nhất tâm bình đẳng, vô ngã, Đại Ngã nghĩa).

- Đại Ngã là gì?

- Thể của Đại Ngã là Pháp Thân, Tướng của Đại Ngã là Như. Ngài Huệ Năng nói “*năng sinh vạn pháp*”, “*vạn pháp*” là tướng của Đại Ngã. Biến pháp giới, hư không giới là chính mình. Nếu thật sự hiểu rõ, thông đạt, khẳng định sự thật này là chân thật, vậy là chúc mừng bạn: Bạn đã chứng được Pháp Thân.

“*Chữ Đà là nhất tâm bình đẳng, chư pháp như như tịch tĩnh*” (Đà tự nhất tâm bình đẳng, chư pháp như như tịch tĩnh nghĩa): “*nhất tâm*” là bản thể của các pháp. Thể tịch tĩnh ví như tướng cũng tịch tĩnh. Bây giờ tâm chúng ta không thanh tịnh, hiện tượng bên ngoài cũng không thanh tịnh, sinh diệt trong từng Sát-na! Nên biết sự việc này không liên quan gì đến Thể. Ý niệm của chúng ta không phải là chân tâm. Chân tâm không có ý niệm. Trong Kinh Đại thừa thường nói: “*Chân tâm ly niệm*”, có niệm là A-lại-da, là vọng tâm. Vọng tâm có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; chân tâm không có. Phật, Bồ Tát dùng chân tâm; chân tâm chính là A Di Đà. Phàm phu dùng vọng tâm nên không thấy được A Di Đà.

“*Hơn nữa, chữ A là Phật Bộ thể hiện Lý Trí bất nhị, là thể tướng của pháp giới*” (Hự, A tự Phật Bộ nghĩa thị Lý Trí bất nhị, pháp giới thể tướng cố). Đây là giải thích của Mật Tông đối với ba chữ A Di Đà.

“*Chữ Di là Liên Hoa Bộ, là Diệu Quán Sát Trí, chúng sinh và pháp hai thứ đều không. Thật Tướng vốn chẳng nhiễm lụy trần*”

giống như hoa sen” (Di tự Liên Hoa Bộ nghĩa Diệu Quán Sát Trí; sanh, pháp nhị Không. Thật Tướng bản lai bất nhiễm lục trần như liên hoa cố). Đây chính là thanh tịnh tâm, phải dùng trí tuệ vi diệu để quán sát. “Sanh, pháp nhị không”: “sanh” là chúng sinh, “pháp” là vạn pháp. Chúng sinh và vạn pháp đều bất khả đắc.

- Quán sát bằng cách nào?

- Trong Hoàn Nguyên Quán, Quốc Sư Hiền Thủ nói: Trước phải hiểu rõ về lý: “sanh, pháp” chính là từ “nhất thể khởi nhị dụng”. “Nhị dụng” là y báo và chánh báo. “Pháp” là y báo; “sanh” là chánh báo, y báo và chánh báo đều từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể mà sinh ra. Tuy từ thể mà hiện tướng nhưng tướng không phải thật, đó là huyễn tướng. Kinh Kim Cang Bát Nhã, Phật nói: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”*, *“Đương thể tức không liễu bất khả đắc”*. Cho nên đối với tất cả pháp chúng ta có thể thọ dụng nhưng không thể không chế, không thể chiếm hữu. Nếu muốn chiếm hữu hay không chế là chúng ta đã tạo nghiệp.

“Chữ Đà là Kim Cang Bộ, là Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, có thể phá tan hết thảy oán địch vọng tưởng” (“Đà tự Kim Cang Bộ, nghĩa Như Lai diệu trí, tự tánh kiên cố, năng phá nhất thiết vọng tưởng oán địch cố”). *“Tự tánh kiên cố”* vốn không sinh diệt, vốn không dao động có thể phá tất cả oán địch vọng tưởng. *“Oán địch”* tức là phiền não; *“địch”* là đối địch, đối lập. Đối với tất cả pháp thể, xuất thế gian hòa mục đồng thể, không có đối địch, không có oán hận, *“Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”*.

“Chữ A lại có nghĩa là Không: Pháp thể của nhất tâm pháp vốn chẳng có tướng hư vọng” (Hự A tự Không nghĩa, nhất tâm pháp Thể, bản tự hư vọng tướng, không vô cố): *Nhất tâm* là *Chân tâm*. Tất cả tướng hư vọng, nó không tồn tại, không có tướng hư vọng.

“*Chữ Di nghĩa là Giả Hữu: Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyễn, giả cố*” (Di tự Giả Hữu nghĩa: Nhất tâm bình đẳng, chư pháp như huyễn, giả hữu cố): Ý nói Thế “Không Tịch”, Tướng “Giả Hữu”.

“*Chữ Đà nghĩa là Trung Đạo: Nhất tâm bình đẳng, các pháp lìa nhị biên, chẳng có tướng nhất định nào cả*” (Đà tự Trung Đạo nghĩa: Nhất tâm bình đẳng, chư pháp ly nhị biên, vô định tướng khả đắc cố): “*Trung Đạo*” chính là bình đẳng tâm, không thiên về “không” cũng không thiên về “có”, vì “không” và “có” là một không phải hai, “có” ở trong “không”, “không” ở trong “có”, bất tức bất ly. Cho nên, Bồ Tát hiện trong mười pháp giới gọi là “Tùy duyên diệu dụng”. “Tùy duyên” là cùng với mọi người không có gì khác. “Diệu dụng” là tâm địa thanh tịnh, không nhiễm chút trần, đây gọi là “Diệu”. Tâm Bồ Tát thường trụ trong thanh tịnh, bình đẳng, giác; không như chúng ta chỉ thường trụ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước dẫn đến phiền não, không tương ưng với chân tâm, khổ chính do điều này!

“*Chữ A còn có nghĩa là Hữu: Thế Tướng của nhất tâm vốn chẳng sinh vì chẳng diệt tận*” (Hữu A tự Hữu nghĩa: Nhất tâm thế tướng, bản hữu bất sanh, vô diệt tận cố): A là Pháp Thân, là Thường Tịch Quang vốn sẵn có, không sinh không diệt. “Vô diệt” tức là không diệt. Ý này chính là trong câu thứ hai mà ngài Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*”. Không có sinh diệt, đây là chân tâm của ta, là chân thật bản Ngã của chính ta. Mục tiêu cuối cùng của sự tu học Phật pháp không gì khác hơn là tìm lại cái “Chân Ngã”, “Bản lai diện mục” (khuôn mặt xưa nay) của chính mình. “Chân Ngã” chính là “Pháp tánh thân”, là A Di Đà, là Lô Xá Na, là Đại Nhật Như Lai. Đức Phật đã nói rất rõ ràng: “Tất cả chúng sinh vốn là Phật”.

- Chúng ta là vị Phật nào?

- Toàn bộ danh hiệu của các đức Phật đều là danh hiệu của ta; ta và các ngài không hai, không khác. Trung Phong thiền sư nói rất hay: *“Tâm ta tức là A Di Đà Phật; A Di Đà Phật tức là tâm ta”*. Tâm này là chân tâm không phải vọng tâm.

“Chữ Di nghĩa là Không: Các pháp trong nhất tâm, chẳng có pháp nào có thể được” (Di tự Không nghĩa: Nhất tâm chư pháp, tự tánh bất khả đắc cố): Tất cả các pháp đều từ nhất tâm mà sinh ra. Nhất tâm là tự tánh. Tự tánh bất khả đắc, các pháp cũng bất khả đắc, cho nên các pháp có thể thọ dụng mà không thể chấp trước, không chế, hay chiếm hữu. Nếu muốn không chế, chiếm hữu nó, đó là dùng vọng tâm chẳng phải chân tâm. Vọng tâm là tạo nghiệp, rất khổ! Chân tâm không tạo nghiệp, tùy duyên tự tại. Toàn bộ đều trong sinh hoạt hàng ngày.

“Chữ Đà nghĩa là Bất Không” (Đà tự Bất Không nghĩa): đây là Trung Đạo.

“Các pháp trong nhất tâm vốn là công đức của Pháp Thân vì chẳng đoạn tuyệt” (Nhất tâm chư pháp, bản lai Pháp Thân công đức, vô đoạn tuyệt cố). “A Di Đà”: chữ “Di” là nghĩa “Không”; chữ “Đà” là nghĩa “Bất Không”.

- “Bất Không” là nói gì?

- Ý nói công đức Pháp Thân vô đoạn tuyệt!

Trong Pháp Thân có Trí Tuệ Bát Nhã, vô đoạn tuyệt! Có tự tánh bản Định, vô đoạn tuyệt! Có vô lượng công đức (chúng ta nói là đức năng, người bây giờ nói là vô lượng tài nghệ, vô lượng năng lực), vô đoạn tuyệt! Vô lượng tướng hảo đều vô đoạn tuyệt!

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Thế Tôn nói: *“Tất cả chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai”*, đây là Pháp Thân công đức,

nên nó là “Bất Không”. Trong “Không” có “Bất Không”; trong “Bất Không” có “Không”; có thể dung hợp tất cả Thê, Tướng, Dụng lại sẽ hoác nhiên đại ngộ.

“Chữ A lại có nghĩa là Nhân: Phật giới và chúng sinh do nhất tâm mà giác, cũng do nhất tâm mà mê” (Hữ A tự Nhân nghĩa: Phật giới, chúng sinh, nhân nhất tâm giác, nhân nhất tâm mê cố): Phật giới, chúng sinh do nhất tâm mà giác là Bồ Tát; do nhất tâm mà mê là chúng sinh. “Giác, mê” đều là Phật với chúng sinh, “Giác, mê” không hai. Trên sự tướng thì có “giác, mê”, trên lý thể thì không có “giác, mê”. Trong vọng tâm (tức trong A-lại-da) có “giác, mê” nhưng trong chân tánh thì không có.

“Chữ Di nghĩa là Hành: Đoạn nhân, pháp, nhị ngã, chứng được sanh, pháp bất không, đạt đến quả Phật” (Di tự Hành nghiệp: Đoạn nhân, pháp, nhị ngã, chứng sanh, pháp bất Không, chí Phật quả cố): “Hành” là tạo tác. Điều này rất quan trọng! “Nhân ngã”, “Pháp ngã”, đây là “ngã chấp”. “Nhân ngã chấp”, “Pháp ngã chấp” cần phải đoạn! “Nhân ngã chấp” là “phiền não chướng”; “Pháp ngã chấp” là “sở tri chướng”.

Đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy. Ngài mười chín tuổi xuất gia, rời xa gia đình để đi cầu đạo, ngài đã buông bỏ “Nhân ngã chấp”, cầu học, cầu Pháp suốt mười hai năm. Đến năm ba mươi tuổi, ngài buông bỏ hết sở học của mười hai năm trước, đây gọi là buông bỏ “Pháp ngã chấp”. Hai loại chấp trước đều buông bỏ hết, dưới cội Bồ Đề, ngài nhập sâu vào thiền định suốt hai mươi một ngày được “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, đây gọi là thật sự tu hành, nên *“chứng được sanh, pháp bất không”*. Nhất thiết pháp tướng hữu, tánh vô: Nhìn từ tướng là “bất không”; nhìn từ Tánh là “bất hữu”: “phi không, phi hữu”, đây là thật tướng của các pháp.

“*Đạt đến quả Phật*” (chí Phật quả cố): Đây là nói có thể đạt đến quả vị Diệu Giác.

“*Chữ Đà nghĩa là Quả*” (Đà tự Quả nghĩa). Có Nhân, có Quả, mấy câu này là dùng nhân quả để giải thích “*A Di Đà*”.

“*Thể hiện bất nhị nhất tâm, như như lý trí thì chính là Phật quả vậy*” (Thị bất nhị nhất tâm, như như lý trí, thị tác Phật quả cố). Đây chính là công đức cứu cánh viên mãn.

- “*Bất nhị*” là chỉ điều gì?

- Tất cả pháp trong biến pháp giới, hư không giới là “*bất nhị*”. “*Nhị*” là nói về tánh và tướng; nói về lý và sự; nói về nhân và quả đều là “*nhị*” là có đối lập; “*Bất nhị*” thì không có đối lập, là một không phải hai: tánh, tướng nhất như; lý, sự bất nhị; nhân, quả cũng nhất như. Trong tâm thanh tịnh không có cái gì là đối lập. Vì sao không có? Vì nó là một thể! Nhân, quả là một thể; lý, sự là một thể; tánh tướng là một thể, làm sao có thể phân khai được!

“*Các pháp môn sai biệt như vậy là tướng trạng của danh tự*” (Nhu thị sai biệt pháp môn tức danh tự tướng), nên những tướng danh tự này, trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói không nên chấp trước là đúng! Nếu còn chấp trước là sai lầm, là tâm không thanh tịnh! Danh tự là giả danh không thật, đó chỉ là phương cách để Phật giáo hóa chúng sinh, nên không thể chấp trước; nói thể nào cũng xong, chỉ cần hiểu là được.

Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta nghe giáo pháp, không nên chấp trước “*tướng ngôn ngữ*”; ở đây dạy chúng ta không chấp trước “*tướng danh tự*”, kể đến là không nên chấp trước “*tướng tâm duyên*”. “*Tướng tâm duyên*” là sau khi nghe rồi, dùng ý của mình để giải thích thì sai rồi! Thực tế, Phật nói pháp đều không có ý nghĩa. Vì không có ý nghĩa nên từng chữ, từng câu đều là vô lượng nghĩa. Vì sao? Vì

nếu có ý nghĩa tức là chỉ có một cách giải thích, không có cách giải thích thứ hai. Do không có ý nghĩa mới có vô lượng nghĩa, mới tương ứng với tự tánh. Trong tự tánh “*một pháp cũng không thành lập*”; nếu ngược lại mà nói thì “*một pháp cũng không xả*”. Đây là chân tướng sự thật! Pháp nhĩ như thị!

Ngày nay, chúng ta học Phật bao nhiêu năm mà vẫn chưa khai ngộ, ấy đều là Phật pháp của chúng ta, không phải là Phật pháp của Như Lai!

- “Phật pháp của Như Lai”, không tiếp thu được là do đâu?

- Do dụng tâm sai! Cứ chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên, nên vĩnh viễn không thể hội được chân thật nghĩa mà đức Như Lai đã nói. Trong Kệ Khai Kinh nói rất hay: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” (nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai), câu này dạy chúng ta khi mở kinh ra xem, phải dùng chân tâm mới hiểu được nghĩa của Như Lai.

“*Nhưng các tướng danh tự như vậy lại chẳng có tướng nhất định*” (Hựu như thị tự tướng hồ vô định tướng). Câu này nói rõ tuy nhiều tướng danh tự như vậy nhưng không có định tướng, nói sao cũng được; “*như một hạt châu nơi lưới Thiên Đế*” (như Đế võng châu): Đây là nêu ra một ví dụ giống như mảnh lưới mắc trong cung điện ở Đạo Lợi thiên, mỗi ô lưới đều có châu báu, ta có thể nhìn ngắm mà không thể lấy hay bỏ. Không có lấy, bỏ là không có tâm yêu, ghét. Lấy là thích nó, bỏ là ghét nó. “*Nhất tâm bình đẳng, bất khả đắc cố*”, chúng ta thường nói: Có thể thương thức, có thể thọ dụng nhưng không thể có ý niệm chiếm hữu, chi phối hay khống chế. Nhất định phải dùng tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh mới có thể lợi ích chúng sinh một cách viên mãn, nếu dùng tâm tự lợi là đã tạo nghiệp. Nhất tâm thanh tịnh không nhiễm chút bụi trần, đó chính là Bồ Tát chẳng phải phàm phu.

Sách còn viết: “*Vì vậy xưng lên ba chữ A Di Đà diệt được trọng tội từ vô thi*”: Kinh văn càng nói càng hay, toàn là bàn đến việc xứng tánh. Thử hỏi:

- Chúng ta mỗi ngày đều xưng niệm Phật A Di Đà, tội nặng từ vô thi kiếp của chúng ta đến nay có thật sự diệt tận chăng?

- Hình như không có! Chẳng những không có mà hầu như còn tăng thêm tội nghiệp! Vì sao? Vấn đề của chúng ta ngày nay là ở chỗ “biết không?”.

Chư vị Cổ đức trong Tông môn đều dùng lời này để khảo nghiệm người học; Giáo môn cũng không ngoại lệ. Bạn biết niệm Phật không? Sao gọi là biết niệm? Sao gọi là không biết niệm? Điều này phải hiểu rõ! Nếu không hiểu sẽ cho rằng lời nói trong kinh là không đúng sự thật! Có hiểu mới tin tưởng lời Phật dạy: Khi lâm mạng chung, nhất tâm niệm mười câu Phật hiệu nhất định được vãng sinh. Nhưng phải biết niệm mới được!

Tiêu chuẩn biết hay không biết này, trong Kinh Lăng Nghiêm, “Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương” đã dùng tám chữ rất đơn giản để khai thị cho chúng ta: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục*”, đây gọi là biết niệm. Niệm Phật như vậy, chỉ cần niệm một tiếng Phật hiệu, cũng đủ có công năng tiêu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sinh tử, đây là sự thật. Nhưng rất tiếc “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục*” chúng ta chưa làm được! Nếu làm được hai câu này, trình độ cao là “*Lý nhất tâm bất loạn*”; trình độ kế tiếp là “*sự nhất tâm bất loạn*”, không phải là “*công phu thành khối*”; “*Công phu thành khối*” không có công đức lớn như vậy.

- Sao gọi là “*Đô nhiếp lục căn*”?

- Lục căn là: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Lục căn chúng ta thường chạy rong bên ngoài, như: mắt thấy sắc thì chạy theo “sắc

trần”; tai nghe tiếng thì chạy theo “thính trần” v.v...: sắc tướng hợp với ý mình liền khởi tâm tham ái; không hợp ý mình liền bài xích. Đây là “nhãn thức” từ sáng đến tối chạy rong bên ngoài! Tai nghe âm thanh, bất luận là thích hay không thích, chỉ cần có phản ứng là “nhĩ thức” của bạn đã chạy rong bên ngoài rồi! “Tỷ, thiệt, thân, ý” cũng đều như vậy. Bây giờ “nhiếp” tức là thu nó trở về để nhìn vào tự tánh.

Bồ Tát Quán Thế Âm dùng “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*”. “Phản văn văn tự tánh” là quay về với tánh nghe, chính là thấy tánh. Nếu để lục căn chạy rong bên ngoài thì những gì ta thấy, ta nghe, ta cảm giác v.v... đều là tạo nghiệp luân hồi, khó mà ra khỏi lục đạo, quả báo ở Tam đồ rất đáng sợ! Ý căn là ý niệm, là tư tưởng duyên với pháp trần. Pháp trần là hình ảnh của ngũ căn lưu lại trong A-lại-da, thông thường ta gọi là ấn tượng. Lúc xem ti-vi, nghe quảng cáo cũng là lúc lục căn chạy rong bên ngoài, thu nhiếp nó lại sẽ trở thành nhất tâm.

“*Chỉ tâm nhất xứ*” đó là thiền định. Trong kinh thường nói: “*Na già thường tại Định, vô hữu bất định thời*”, dùng tâm như vậy niệm Phật sẽ được nhất tâm. Chúng ta niệm Phật nếu xen lẫn vọng tưởng thì toàn bộ công phu đều bị phá hủy hết! Thật chẳng dễ dàng! Pháp môn này, đức Phật cũng thừa nhận là pháp khó tin; tuy khó mà có thể tin, đây là nguyên nhân gì? Trong đời quá khứ đã từng học qua, có nền tảng sâu dày nên đời này gặp lại đã rất quen thuộc, chính là đạo lý này. Người như vậy cũng là số ít, phần lớn cũng rất khó tiếp thu!

- Tâm người xưa thanh tịnh hơn người ngày nay, vọng niệm của họ cũng rất ít, do nguyên nhân gì?

- Chúng ta lấy điện thoại di động làm thí dụ: Ba mươi năm về trước không có điện thoại di động. Sau khi điện thoại di động phát

triển, tâm con người đã bị nó nhiễu loạn trội hơn người xưa gấp trăm lần, vậy làm sao được Định?!

Hiện nay, thông tin phát đạt, bất cứ việc gì xảy ra trên thế giới chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ, toàn thế giới đều biết, đây chính là con người đã hại mình! Biết càng nhiều chuyện thì phiền não càng gia tăng, tâm làm sao thanh tịnh! Làm sao có thể “đô nhiếp lục căn”? “Đô nhiếp lục căn”, biện pháp trước tiên là dứt bỏ điện thoại di động, cắt dây điện thoại ở nhà, đây là biện pháp tất yếu để thu nhiếp lục căn. Một đoàn thể có một hai điện thoại di động là đủ, chỉ dành cho người phụ trách để thông tin đến mọi người; nếu sự việc không quan trọng thì chẳng cần nói.

Người xưa nói rất hay: “*Kinh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*” (tạm dịch: Thà làm động nước trăm sông, không động tâm người tu niệm). Nên biết tâm như mặt nước lặng là cảnh giới tốt nhất. Chư Phật, Bồ Tát công phu Thiền định thâm sâu, đối với việc này thì không có gì để nói, các ngài đối với động hay tịnh đều nhất như; lục căn có tiếp xúc với trần cảnh cũng đều không nhiễm trước, đây gọi là có công phu.

Chúng ta thì không được! Công phu này chúng ta không có, biện pháp tốt nhất là cự tuyệt duyên bên ngoài để duy trì tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình. Dùng tâm như vậy niệm Phật mới tương ứng với tánh đức, một tiếng niệm Phật mới diệt được tám mươi ức kiếp tội nặng sinh tử.

“*Niệm một vị Phật A Di Đà thành tựu phước trí không cùng tận*”. “Không cùng tận” là không có cảnh dừng, thông thường chúng ta nói là vô lượng, vô biên, vô số, vô tận, kể không hết đại phước, đại trí này. Phải biết: Suốt ngày từ sớm đến tối, việc quan trọng nhất chính là niệm Phật; niệm Phật thành tựu phước báo cho chính mình cũng thành tựu trí tuệ cho chính mình. Phước báo và trí tuệ đều là

cảnh giới không có điểm dừng. Thật sự tu đại phước, đại trí không gì qua niệm Phật. Thật sự là không thể nghĩ bàn!

“*Như một hạt châu nơi lưới Thiên Đế, hiện ngay vô tận bảo châu*” (Như Đế võng nhất châu, đốn hiện vô tận bảo châu): “Thiên Đế”; người xưa gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, trong kinh nói là Đạo Lợi Thiên chủ. Trong cung điện Thiên Vương có màn lưới; mỗi chỗ giao nhau của màn lưới đều có châu báu. Hạt châu tròn có thể phản chiếu tất cả châu báu khác. Tất cả châu báu đều có trong một viên châu, hiện ra vô tận châu báu. Đem viên châu này để sánh ví với Phật A Di Đà, còn các viên châu khác là tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời. Công đức niệm một vị Phật này có tất cả công đức niệm chư Phật ở trong đó. Niệm một vị Phật chính là niệm tất cả Phật; niệm tất cả Phật chính là niệm một vị Phật.

- Nhiều Pháp môn, sao Phật lại cường điệu chỉ Phật A Di Đà?

- Vì Phật A Di Đà có “*đời nghiệp vãng sinh*”, các pháp môn khác của tất cả chư Phật không có “*đời nghiệp vãng sinh*”, nên đức Phật tán thán Phật A Di Đà.

Không có “*đời nghiệp vãng sinh*” thì rất khó! Đòi hỏi chúng ta phải đoạn tận hết tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay mới có thể thành tựu. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không cần! Chỉ cần không chế được tập khí, không cho nó khởi tác dụng thì cũng có thể vãng sinh. Cổ đức có một ví dụ: Đoạn phiền não giống như nhổ cỏ tận gốc, phải đào cho sạch. “*Đời nghiệp vãng sinh*” ví như dùng tảng đá để đè cỏ, không cho nó khởi tác dụng là được. Thử nghĩ:

- Tảng đá đè cỏ dễ hay nhổ cỏ tận gốc dễ?

- Khai ngộ, chúng quả thành Phật nhất định phải nhỏ cỏ tận gốc. Việc nhỏ cỏ tận gốc này đến thế giới Cực Lạc làm tiếp, không làm ở đây. Ở thế giới Cực Lạc, chúng ta nhất định làm được.

Nên biết: Đến thế giới Cực Lạc là chúng ta đi học, tốt nghiệp sẽ thành Phật. Phật A Di Đà là vị thầy tốt nhất, từ bi nhất trong các chư Phật, ngài thành lập đạo tràng này toàn vì mục đích thành tựu chúng sinh không có năng lực đoạn hoặc trong lục đạo nên nói “*một đức A Di Đà Phật, mau chóng viên mãn vô biên tánh đức*” (Di Đà nhất Phật, tốc mãn vô biên tánh đức già). Tổng kết này rất hay! “Tánh” là tự tánh; tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ, đức tướng, là đại viên mãn, không có chút khiếm khuyết nào; trong đời này chúng ta có thể nắm bắt được, cơ hội này không thể bỏ qua! Bỏ lỡ thì thật đáng tiếc!

Những điều giảng trên đây đều trong cuốn A Di Đà Bí Thích đã “đón khai chư Phật bí tạng” (mở toang kho tàng bí mật của chư Phật) hiển thị thẳng thừng một pháp môn Trì Danh bao trọn công đức của hết thầy các pháp. Hoàng Niệm Tổ đúc kết rất hay! Tổng kết quá hay! Tôi thấy ông chú giải thật vất vả: Khi chú giải kinh, sức khỏe ông không được tốt, thân mang trọng bệnh, thật là dùng thân mạng để làm. Nhưng cuối cùng Tam Bảo đã gia trì, ông được toại nguyện, chú giải này đã hoàn thành.

Chúng tôi quen biết nhau khi tuổi đã lớn. Hoàng truyền chú giải này chỉ có hai người chúng tôi: Ông ở trong nước, tôi ở nước ngoài. Hai chúng tôi gặp nhau vui mừng vô hạn. Ông hoan hỉ, tôi cũng hoan hỉ, đã tìm được đồng bạn. Ông là truyền nhân của Hạ Liên Cư. Pháp môn này là cư sĩ Lý Bình Nam truyền cho tôi. Bản hội tập này ở Đài Trung, thầy Lý giảng qua một lần rồi đem bản thảo của ông cho tôi. Bản thảo của thầy Lý là chú thích ở lề sách. Tôi cũng đã đem bản thảo này in ra khoảng mấy mươi vạn quyển lưu hành trên toàn thế giới. Bản này thầy Lý khẳng định, tôi cũng khẳng định: Đây

là chín ngàn năm thời mạt pháp, gặp được Phật pháp, có thể thật sự một đời thành tựu vãng sinh Cực Lạc, chính là bộ kinh này, là chú giải này.

Nên nhớ: Trong đời chỉ một bộ kinh, một bộ chú giải, một câu A Di Đà Phật, ta sẽ thành công. Hoàng Niệm Tổ viết chú giải này trích dẫn rất nhiều nguyên văn kinh luận để chúng ta tham khảo. Công đức này thật vô lượng, vô biên. Chúng ta muốn tìm nhiều sách như vậy cũng không tìm thấy. Đọc bộ chú giải này chính là đọc một trăm chín mươi ba loại tư liệu quan trọng trong kinh luận, giúp chúng ta phá mê sinh tín, giúp chúng ta quay đầu là bờ, giúp chúng ta kiên định tín tâm, đời này nhất định được về Tịnh Độ.

Sách A Tự Quán lại viết: *“Từ chữ A phát sinh hết thấy đà-ra-ni; từ hết thấy đà-ra-ni sinh ra hết thấy Phật”*. Một chữ “A” trong danh hiệu Phật đã có công đức như thế, nên công đức của toàn danh hiệu Phật thật chẳng thể nghĩ bàn! Điều này quả thật quá hiển nhiên!

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: *“Đà-ra-ni”* dịch sang Trung văn là “Tổng Trì” (tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa), giống như tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc.

“Từ đà-ra-ni sinh ra tất cả Phật”: “tất cả” ở đây chính là vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn đều có thể thành Phật đạo. Dù phương pháp hành trì không giống nhau, nhưng mục tiêu, phương hướng, bí quyết tu hành chỉ là một. Bí quyết chính là nhìn thấu, buông bỏ đối với chân tướng sự thật. Khi đã nhìn thấu, tự nhiên sẽ không còn chấp trước, phân biệt. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ là công phu.

Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói rất hay: *Đời này có nhân duyên gặp được Tịnh Độ là ngày hy hữu khó gặp nhất từ vô lượng kiếp đến nay*. Cơ hội này nếu bỏ lỡ, phải trải qua vô lượng kiếp nữa trong luân

hồi sinh tử. Nếu có thể hiểu rõ, nắm bắt thì trong đời này chắc chắn thành tựu!

Trước đây, tôi từng đi qua các nước trên thế giới, quen biết rất nhiều nhân sĩ cấp cao, trước giờ họ chưa từng bàn đến vấn đề thiên tai. Mùa xuân năm ngoái, tôi phỏng vấn mười tôn giáo ở Âu châu. Khi tiếp xúc với họ, họ đều chủ trương đề xuất vấn đề này, tôi rất ngạc nhiên! Tháng sáu năm ngoái (tức năm 2010), tôi cùng phái đoàn tôn giáo Malaysia đến phỏng vấn, giao lưu với chủ giáo tòa thánh Vatican. Ở tòa thánh Vatican hai ngày, họ cũng đưa ra vấn đề thiên tai. Tôi nhớ năm 2005, tôi có phỏng vấn qua một lần, họ không đưa ra vấn đề này, chỉ bàn về tôn giáo. Đến năm nay họ đều bàn về vấn đề thiên tai, có thể thấy họ đều quan tâm đến việc này.

Tháng tám năm ngoái, có năm nhà khoa học người nước ngoài đến Úc châu tổ chức hai ngày tọa đàm ở Tuyết Lê. Học Viện chúng tôi có phái bảy, tám người đến tham dự. Họ viết một bài báo cáo cho tôi xem: Nửa phần đầu, nói đến một vài thành tựu của “Lượng tử học” thời cận đại. Chúng tôi xem qua đều rất hoan hỉ, vì nó hoàn toàn tương đồng với những gì trong Kinh Đại thừa nói. Phát hiện của họ về nguồn gốc của vật chất ngày càng tiếp cận với cách nói của “Pháp Tướng tông”. Nửa phần sau, thảo luận về dự đoán thiên tai năm 2012. Họ nêu ra: Nếu con người trên toàn thế giới có thể bỏ ác hướng thiện, cải tà qui chánh, đoạn chánh tâm niệm, thiên tai này có thể hóa giải; chẳng những hóa giải mà còn dẫn địa cầu đến một tương lai tốt đẹp hơn. Nhưng vấn đề là ai chịu quay đầu? Ai chịu đoạn ác tu thiện, cải tà qui chánh?

Vấn đề này, tháng sáu năm ngoái ở tòa Thánh Vatican chúng tôi có thảo luận, ý nghĩ hầu như hoàn toàn tương đồng. Thiên tai này có thể cứu vãn chỉ bằng cách trông mong vào tín đồ của các tôn giáo. Tổng kết tín đồ trên toàn thế giới, Thiên chúa và Cơ đốc giáo hợp lại

có trên hai mươi ức tín đồ (một ức là một trăm triệu); Hồi giáo có khoảng mười lăm ức người; Phật Giáo có khoảng sáu ức người; tổng cộng có khoảng trên bốn mươi ức người tín ngưỡng tôn giáo. Nhân khẩu trên toàn thế giới có khoảng sáu mươi lăm ức người. Như vậy, người có tín ngưỡng tôn giáo nhiều hơn so với người không tín ngưỡng. Làm thế nào có thể giúp tín đồ tôn giáo phát tâm cầu nguyện vì việc này thì thế giới sẽ được cứu.

Mấy năm gần đây, tôi khởi xướng Tam Thời Hệ Niệm, Phật sự này thuộc về cầu nguyện; đem những công hiến này hồi hướng hóa giải thiên tai, đệ tử Phật cần nên làm. Nhưng, cầu nguyện chỉ là trị ngọn không phải trị gốc, giáo dục mới là trị gốc. Hy vọng mỗi tôn giáo phải khôi phục lại nền giáo dục, đưa tôn giáo trở về với giáo dục.

Con người trong xã hội hiện nay bài xích tôn giáo, cho rằng tôn giáo là mê tín! Cũng không thể trách họ, vì họ không sai! Bởi chúng ta làm không tốt nên khiến người sinh tâm ngộ nhận! Họ hỏi:

- Tôn giáo cống hiến gì cho xã hội?

- Chúng ta nói: Hàng ngày cầu phúc cho mọi người! Đây là mê tín! Họ không tin có thần!

Ngày nay trên toàn thế giới đã dạy hư con người! Từ mẫu giáo đến đại học không có giáo dục luân lý, không có giáo dục đạo đức, không có giáo dục nhân quả! Tôi đề nghị: Tôn giáo cần phải hướng đến giáo dục, đem ba loại giáo dục này bổ túc thêm vào. Trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều có luân lý, đạo đức, nhân quả rất phong phú. Chúng ta có thể phổ biến những điều này cho tín đồ, giáo hữu cùng nhau học tập, bù đắp chỗ thiếu sót của giáo dục hiện đại. Giáo dục hiện nay thiếu đạo đức nên xã hội động loạn, dẫn đến thiên tai của địa cầu! Chúng ta đem “đức” này bổ sung vào giáo dục tôn giáo, vậy là tôn giáo đã cống hiến cho xã hội sự an định, giúp thế giới

hòa bình, chúng sinh được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn; đây là điều mà tôn giáo cần phải làm.

Nghi thức cầu nguyện có thể vẫn duy trì nhưng phải lấy giáo dục làm chủ, những nghi thức, qui tắc chỉ là phụ đạo. Chánh, phụ song tu khiến mọi người trong xã hội sinh khởi tín tâm đối với tôn giáo, tôn giáo mới có lý do tồn tại.

Những năm gần đây, tỷ lệ người tín ngưỡng tôn giáo (đặc biệt là giới trẻ) ngày càng ít! Nếu không theo con đường giáo dục này, tôi công khai nói với mọi người (suy nghĩ này của tôi đại khái đã có ba mươi năm) ba mươi năm sau tôn giáo trong xã hội này sẽ mất đi, không còn ai tin tưởng!

“Thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp” (Thành Phật đến nay đã mười kiếp): câu này ngụ ý từ lúc ngài Pháp Tạng thành tựu viên mãn bốn mươi tám nguyện, thành Đẳng Chánh Giác hiệu là A Di Đà Phật cho đến khi đức Thích Ca Mâu Ni giảng kinh này là đã trải qua mười kiếp. Mười kiếp ở đây chỉ là cách nói phương tiện để ứng theo căn cơ, chứ thật ra A Di Đà Phật thành Phật đã rất lâu xa từ vô lượng vô biên số kiếp chẳng thể nghĩ bàn!

Hoàng Niệm Tổ trích lục những khai thị đặc sắc trong Mật Kinh khiến chúng ta đối với danh hiệu công đức của Phật A Di Đà nhận thức thêm được một bước. Công phu niệm Phật sở dĩ không đắc lực là vì đối với danh hiệu còn thiếu sự hiểu biết. Trước đây, Chương Gia Đại sư nói: “Phật pháp khó hiểu nhưng dễ hành”, trải qua nhiều năm như vậy đã chứng minh lời nói của Đại sư. Phạm phu thành Phật thật sự không khó, chỉ trong một niệm: Một niệm chánh sẽ thành Phật, một niệm tà sẽ đọa thành phạm phu. Trong phạm phu cũng có chánh tà. “Chánh” này nếu đem so sánh với Đại thừa vẫn xem là “tà”. Đại thừa phải ngộ nhập tự tánh mới gọi là “chánh” trong các điều “chánh”.

Cũng vì việc “khó hiểu dễ hành” này, nên đức Thế Tôn quyết định: Cần phải dùng phương pháp giáo dục mới giúp mọi người giác ngộ, thấu triệt được thật tướng các pháp.

Kinh Pháp Hoa nói: Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời. Thế gian này thật sự nếu có chúng sinh căn cơ thuận thực cần phải độ họ thành Phật thì Phật mới xuất hiện ở đời, cho dù chỉ có một người cũng cần phải độ. “*Phật thị môn trung bất xả nhất nhân*”; những người khác chỉ là dự thính, nghe được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu, cũng xem như là người có duyên. Phương pháp đơn giản, ổn định, dễ dàng, nhanh chóng nhất để thành Phật, không gì hơn Niệm Phật, niệm câu “Nam Mô A Di Đà Phật” mà đức Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta; chư Phật mười phương cũng đều tán đồng. Chúng ta có nghe lời chăng? Nếu thật sự tiếp nhận, nghe lời thì phải buông xả vạn duyên nhất tâm niệm Phật. Tự mình thành tựu sau mới độ chúng sinh. Tự mình chưa thành tựu không thể độ chúng sinh, cho dù có tận lực, chúng sinh cũng không tin!

Thời nay, thành tựu vô cùng khó khăn vì không có nơi tu hành, không có đạo tràng tu học chân chánh. Ấn Quang Đại sư hy vọng hậu thế thật sự làm được, ngài kiến nghị nên lập ra những đạo tràng nhỏ, đồng tu không quá hai mươi người, tâm mới có thể chuyên được, nhất định không phan duyên bên ngoài. Đạo tràng nhỏ hai mươi người tu, chỉ cần hai hoặc ba người hộ pháp là đủ. Hai mươi người này phải thật sự buông bỏ vạn duyên nhất tâm chuyên niệm. Nếu họ thật sự thành tựu, đều được vãng sinh, đều được thành Phật thì thật là quá tuyệt! *Thành tựu của đạo tràng không phải là phú lệ, huy hoàng, mọi người đông đúc mà là đạo tràng thật sự tu tập, thật sự thanh tịnh, trang nghiêm, bước vào không thấy gì hết nhưng đích thật trong đó mọi người đều thành tựu.*

Tôi qua, có đồng tu trong nước điện thoại nói với tôi: Họ thấy có hai người dùng danh nghĩa tôi để quyên góp, nói tôi năm nay tổ chức một hoạt động tại Liên Hiệp Quốc nên cần tiền! Tôi ấn Tổng Tứ Khó Hội Yếu, ấn tổng Quốc Học Trị Yếu và Quần Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông. Không sai! Thật có việc này! Nhưng tôi nói với mọi người: Tiền đã trả xong hết. Suốt đời tôi chưa từng đi quyên góp, chưa từng đưa tay lấy của ai một đồng tiền.

- Tiền của tôi từ đâu mà có?

- Tôi nói với những người có phước đức lớn rằng: Bây giờ có cơ hội cần mấy trăm vạn mỹ kim, họ có đồng ý thì làm. Tôi chỉ vận động một người, tôi không quyên góp nhiều nơi. Có người xuất tiền thì việc này thành công, không có thì thôi!

Ngày xưa, tôi có giấy chứng minh ở Trung Quốc nên có thể giảng kinh, dạy học nơi đây. Lúc đó, ở quê nhà Lô Giang, tôi cũng có hai, ba thẻ ngân hàng tôi không nhớ rõ! Bây giờ giấy chứng minh đã thu hồi, tôi thuộc người nước ngoài, chỉ được về nước tham quan du lịch, thăm thân thích bằng hữu nhưng không được giảng kinh dạy học! Thân mạng tôi cả đời là giảng kinh dạy học, nay không được phép giảng dạy tại quê nhà; trong nước nếu có bất cứ hoạt động nào dùng tên tôi, phải biết đó toàn là giả! Không liên quan gì đến Tịnh Không Pháp sư!

Tôi đã nhiều lần thanh minh, thẻ ngân hàng ngày trước của tôi ở Lô Giang, nay không biết ai đang giữ! Hy vọng chư vị đồng học hiểu: Tôi không phải là người đa sự, không phải là người thích náo nhiệt. Tôi chưa từng làm việc mà không có nắm chắc! Tôi muốn làm việc gì thì tiền và mọi thứ đều đã có đủ, chớ không phải quyên tiền để làm việc. Tôi không làm những việc này vì đó là phan duyên, hàng ngày vì những việc này mà lo lắng làm gì có được tâm thanh tịnh! Trở ngại sự thanh tịnh nhất định không làm, dù việc có tốt đến đâu

cũng đều không được! Đây là điều chư Phật, Bồ Tát dạy, chúng ta y giáo phụng hành, nhất định không sai lầm.

Xưa kia, đức Thế Tôn không có đạo tràng, hiện đời tôi cũng không có đạo tràng. Mỗi đạo tràng đều có tổ chức hội đồng giám đốc, Tịnh Tông Học Hội ở Úc châu cũng để tên tôi. Đây là ý gì? Để cho họ dễ làm việc hơn, vì quan hệ của tôi với chính phủ địa phương sâu hơn một chút. Năm nay, tôi muốn sửa đổi, danh không cần nữa, hoàn toàn nghỉ hưu! Không bao lâu tôi sẽ sửa đổi, chính thức làm trường học, chính phủ cũng đã phê chuẩn, nên chỗ này tương lai chính thức là một Học Viện Tịnh Tông được chính phủ thừa nhận.

Học Viện Tịnh Tông thuộc văn hóa đa nguyên. Chúng tôi mời giáo thọ về dạy, và học tập tại đây. Chiếu theo qui định của nhà nước Úc châu thì phải thu học phí. Khi tốt nghiệp cũng có cấp văn bằng: Văn bằng Đại học, văn bằng Thạc sĩ đều có thể cấp phát. Hai, ba năm sau, khi Học Viện đã tổ chức tốt, có thể cấp văn bằng Tiến sĩ. Tôi về hưu rồi! Đã tám mươi lăm tuổi, thời gian không còn nhiều, đây là việc duy nhất trong đời tôi làm cho Phật Giáo. Việc này cũng do các bạn đồng học dòng chữ Ngô, họ nhận được ân huệ của cư sĩ Hàn. Sau khi bà ấy vắng sinh, họ lưu lạc khắp nơi tâm không an định, tôi đến Úc châu mới kiến lập đạo tràng này, hy vọng mọi người định tâm ở nơi đây tu hành. Đã mười năm qua đi, nói thật, mười năm này tôi rất thất vọng! Vì sao? Vì không có người nào thành Phật!

Tịnh Tông có mấy người được công phu thành phiến? Có mấy người được nhất tâm bất loạn? Đó là thành tựu, quanh chúng ta không có! Đạo tràng không có nhưng bên ngoài có! Họ học tập từ internet có thành tựu; học tập từ truyền hình vệ tinh cũng có thành tựu, đây là an ủi lớn nhất của tôi! Họ thật sự thành tựu, thật sự nghe lời. Nếu không có vài người thành tựu này, chắc tôi đã đi từ lâu rồi! Ở thế gian này thì mất mặt! Tự mình cầu vắng sinh cũng được! Từ

trước đến nay tôi thành tựu, bí quyết chỉ có sáu chữ: “*thành thật, nghe lời, thực hành*”. Chỉ cần đầy đủ ba điều kiện này không ai mà chẳng thành tựu.

Trong Tịnh Độ tông nói “nhất tâm bất loạn” chính là thành tựu, vĩnh viễn thoát luân hồi, vĩnh viễn bất thoái thành Phật. Người minh tâm kiến tánh đều chứng được vô lượng giác, đều có thể gọi họ là A Di Đà Phật, chắc chắn không sai! A Di Đà Phật là thông hiệu, là tổng hiệu của tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Hiện tại, chúng ta mê thất tự tánh! Tự tánh vẫn còn đó không hề mất, tự tánh bất sinh bất diệt, tự tánh vốn tự thanh tịnh xưa nay chưa từng nhiễm ô! Nhiễm ô là vọng tâm! Vọng tâm là A-lại-da có mê, ngộ. Phật A Di Đà là chân tâm; chân tâm không bị nhiễm ô. A Di Đà Phật chính là Đại Nhật Như Lai; đọc danh hiệu này chính là đọc danh hiệu của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều có thể gọi là Phật A Di Đà.

- Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, sao trên kinh chỉ nói có mười kiếp?

- Mười kiếp là thành lập thôn Di Đà này (tức thế giới Tây Phương Cực Lạc) là ý như vậy!

Phật A Di Đà cung cấp cho tất cả chúng sinh có duyên trong pháp giới, có một nơi tu hành. Chính Phật A Di Đà đích thân dạy học và ngài cũng cung thỉnh chư Phật đến đây không ngừng dạy học. Cho nên, bất luận tu học pháp môn nào, đến thế giới Cực Lạc đều có thể thành tựu. Rõ thật đây là trường Đại học Phật giáo. Bên dưới, Hoàng Niệm Tổ dẫn chúng ba điều, chứng minh Phật A Di Đà đã thành Phật từ vô lượng kiếp lâu xa về trước, như sau:

1. Kinh Pháp Hoa, phẩm “Hóa Thành Dụ” có chép: “*Nãi vãng quá khứ, vô lượng vô biên, bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời hữu Phật danh Đại Thông Trí Thắng Như Lai*” (Trong đời quá

khứ vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, lúc bấy giờ có vị Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai) và “*Kỳ Phật vị xuất gia thời, hữu thập lục tử*” (Lúc Phật chưa xuất gia có mười sáu người con), “*nhĩ thời, thập lục vương tử, giai dĩ đồng tử xuất gia, nhi vi Sa Di*” (Khi ấy, mười sáu vương tử đều xuất gia từ bé làm Sa Di), “*ngã kim ngữ nhữ, bi Phật đệ tử thập lục Sa Di, kim giai đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư thập phương quốc độ hiện tại thuyết pháp... Tây Phương nhị Phật, nhất danh A Di Đà... Đệ thập lục ngã Thích Ca Mâu Ni Phật, ư Sa Bà quốc độ, thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”. (Ta nay bảo các người: “Mười sáu vị Sa Di đệ tử của đức Phật ấy nay đều chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang thuyết pháp trong các cõi nước mười phương. Phương Tây có hai vị Phật, một tên là A Di Đà... Người thứ mười sáu là ta, Thích Ca Mâu Ni Phật, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong cõi nước Sa Bà).

Đoạn kinh trên chỉ rõ A Di Đà Phật là vị vương tử thứ chín; Thích Ca Mâu Ni Phật là vương tử thứ mười sáu. Chúng ta biết: Đức Thích Ca thành Phật đến nay đã là vô lượng kiếp như phẩm Thọ Lượng, Kinh Pháp Hoa nói: “*Nhĩ thời, Phật cáo đại chúng Bồ Tát: - Chư thiện nam tử! Kim đương phân minh tuyên ngữ nhữ đẳng, thị chư thế giới, nhược trước vi trần, cập bất trước giả, tận dĩ vi trần, nhất trần nhất kiếp, ngã thành Phật dĩ lai, phục quá ư thử bách thiên vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp*” (Lúc bấy giờ Phật bảo các vị đại Bồ Tát: - Thiện nam tử! Nay ta sẽ giảng rành mạch cho các ông: Các thế giới ấy, hoặc có đặt vi trần hoặc chẳng đặt (vi trần), đem hết cả số vi trần trong các thế giới ấy, xem mỗi vi trần là một kiếp thì ta thành Phật đến nay còn hơn số ấy trăm ngàn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp): Đây là nói thời gian thành Phật của đức Thích Ca lâu xa về trước, chúng ta không có cách nào tưởng tượng được, đừng nói

chỉ đến thời gian thành Phật của đức A Di Đà còn lâu xa hơn thế nữa.
Và:

*“Như Lai kiến chư chúng sinh, nhạo ư tiểu pháp, đức bực
cầu trọng giả, vị thị nhân thuyết, ngã thiểu xuất gia, đắc A Nậu Đa
La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhiên ngã thành Phật dĩ lai, cứu viễn
nhược tư, đản dĩ phương tiện, giáo hóa chúng sinh linh nhập Phật
đạo, tác như thị thuyết”* (Như Lai thấy các chúng sinh ưa pháp nhỏ,
đức mỏng, cầu nặng, nên vì những kẻ như vậy nói: ‘Ta xuất gia
không lâu liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’, nhưng thật
ra từ khi ta thành Phật đến nay còn lâu xa hơn số ấy nữa. Chỉ vì
phương tiện giáo hóa chúng sinh khiến cho họ nhập Phật đạo nên
mới nói như vậy). Đây là phương tiện thiện xảo của Phật để giáo hóa
chúng sinh. Chúng sinh có cảm thì Phật liền có ứng, chỉ là “hằng
thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”.

2. Ngài Linh Chi viết trong Sách Di Đà Kinh Sớ như sau:

*“Chương Thế Chí, Kinh Lăng Nghiêm có nói: ‘Ngã ức vãng tích
Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang. Thập
nhị Như Lai tương kế nhất kiếp’* (Con nhớ trong hằng sa kiếp xưa
kia, có Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai
nối tiếp xuất hiện trong một kiếp). *Nếu dựa theo Kinh Đại Bản* (chỉ
Kinh Vô Lượng Thọ) *thì đây chính là A Di Đà. Nay kinh này* (chỉ
Kinh A Di Đà) *và Đại Bản cùng nói là mười kiếp, đó chỉ là lời nói
nhằm thích ứng căn cơ trong một lúc thôi, chẳng nên nệ vào đó rồi
nghĩ ngờ”*.

Như vậy, Linh Chi Đại Sư dùng ngay câu hằng sa kiếp trong
quá khứ Phật, có Phật tên Vô Lượng Quang để chứng minh A Di Đà
Phật thành Phật đã từ rất lâu xưa, mười kiếp chỉ là quyền biến mà
nói.

3. Sách Tiên Chú bảo: “*Theo giáo nghĩa của Chân Tông (chỉ Mật Tông) thì đức A Di Đà ở phương Tây trong Thai Tạng Giới, Ngài chủ chứng Bồ Đề đức; trong Kim Cang Giới, Ngài chủ chứng Đại Trí Tuệ môn. Ngài từ Diệu Quán Sát Trí hóa hiện thành. Nhưng, niên kiếp đức Đại Nhật Như Lai thành đạo đã chẳng thể nói nổi, chẳng thể nghĩ bàn nổi thì A Di Đà Phật thành đạo cũng chẳng thể nói nổi, chẳng thể nghĩ bàn nổi*”. Ấy là vì Đại Nhật chính là Di Đà vậy.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Kinh văn này đã nhắc nhở chúng ta: Một vị Phật có thể hóa thành vô lượng vô biên chư Phật, phân thân đến các thế giới khác nhau, khu vực khác nhau, hiện thân không giống nhau để giáo hóa chúng sinh.

Ở một ngôi chùa Miến Điện, tôi vào lễ Phật, trong đại diện thờ hơn ba mươi tượng đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Điêu khắc bằng ngọc của Miến Điện rất trang nghiêm, tạc tượng rất tốt. Quan sát tỉ mỉ sẽ thấy khuôn mặt mỗi tượng đều không giống nhau: Có tượng giống người Miến Điện, có tượng giống người Trung Quốc, có tượng giống người Hàn Quốc, có tượng giống người Nhật Bản v.v... nói lên đức Thế Tôn ở mỗi khu vực là hiện thân đồng loại với khu vực đó, rất có ý nghĩa biểu pháp.

Tôi thường nghĩ đến Thiên Thủ Quán Âm, trên đỉnh đầu ngài có ba mươi hai khuôn mặt tượng trưng cho ba mươi hai ứng hóa, nhưng tướng đều giống nhau, điều này khó nhận ra được. – Bây giờ thì sao? – Tướng của các dân tộc khác nhau; tướng của các tôn giáo khác nhau, toàn là Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện. Tôn giáo thế giới là một nhà. Chẳng những tôn giáo thế giới là một nhà mà dân tộc thế giới, nhân loại thế giới, vạn vật thế giới cũng là một nhà, là “Nhất Thế” là một “thanh tịnh viên minh thể”. Nếu thấu triệt được điều này, chắc chắn tâm từ bi tự nhiên sinh khởi. Dùng tâm từ bi, tâm cảm ân,

tâm hiếu thảo, tâm hoan hỷ, tâm cung kính chấp trì câu danh hiệu Phật, đó chính là “*một niệm tương ưng một niệm Phật; niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*”.

“**Kim hiện tại thuyết pháp**” (Nay hiện đang thuyết pháp). Theo chú giải Hoàng Niệm Tổ: “*Kim hiện tại*” là ngụ ý chẳng phải quá khứ hay vị lai mà chính ngay lúc này, để chỉ rõ A Di Đà Phật là vị Phật hiện tại, ngài đang vì chúng sinh thuyết pháp. Cư sĩ Bành Tế Thanh lại bảo: “*Chẳng phải ngay lúc ấy (lúc đức Thích Ca thuyết pháp) mới gọi là hiện tại, mà mãi đến nay và vô tận đời sau vẫn luôn gọi là hiện tại vì Phật thọ vô lượng vậy*”. Cũng theo Hoàng Niệm lão: Chữ “*hiện tại*” ở đây không phải là cái hiện tại do tam thế lưu chuyển, mà là vô tận về sau này vẫn luôn thường trụ nên vĩnh viễn được gọi là “*hiện tại*”. Dầu bao nhiêu thời kiếp lâu xa về sau này, hễ ai đọc đến câu “*kim hiện tại thuyết pháp*” (Nay hiện đang thuyết pháp) thì chính ngay thời khắc đó Phật A Di Đà đang thuyết pháp, vì đức Phật ấy thuyết pháp không gián đoạn vậy.

Hòa Thượng Tịnh Không khen ngợi Bành Tế Thanh nói rất hay. Thực tế mà nói, Bành Tế Thanh cũng là người tái sinh. Ông sinh trưởng trong gia đình quý tộc, thông minh tuyệt đỉnh, hiếu học vô song. Cha ông là Binh Bộ Thượng Thư của vua Càn Long, tương đương với Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng hiện nay. Trong truyện ký ghi chép: Ông thi đỗ Tiến sĩ (đây là học vị cao nhất của quốc gia) lúc chưa đầy hai mươi tuổi. Ông không làm quan mà chỉ học Phật, học Đạo. Là người thông Tông, thông Giáo, Hiền, Mật viên dung, ông có rất nhiều trước tác lưu truyền, trong đó có “*Hoa Nghiêm Niệm Phật Luận*”. Cách nói trên của ông rất hay: “*hiện tại*” này chính là “*tức thì*”, “*ngay tại đây*” và bây giờ, không phải hiện tại của hai ngàn năm trước lúc Thế Tôn giảng kinh. Ngay bây giờ, Phật A Di Đà vẫn như xưa, đang giảng kinh thuyết pháp, chứng minh Phật thuyết pháp không hề gián đoạn.

- Đức Thế Tôn thuyết pháp có gián đoạn chẳng?

- Cũng không gián đoạn! Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Báo Thân Đức Thích Ca Mâu Ni ngay bây giờ vẫn đang thuyết pháp.

- Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, đức Thế Tôn hiện tại có thuyết pháp chẳng?

- Có! Chỉ là con người không chịu nghe, nên không thể nghe thấy, nhìn thấy.

- Đức Phật Thích Ca hiện ở đâu?

- Đức Phật nói: Chỗ nào có kinh điển là nơi đó có Phật!

Bây giờ kỹ thuật in ấn phát triển ngày càng cao, việc này người bây giờ có phước hơn so với người xưa. Thật sự, muốn thỉnh Phật trụ thế, trong nhà thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh chính là có Phật trụ thế. Chỗ nào có kinh điển thì nơi đó có chư Phật hộ niệm. Long thiên thiện thần gia hộ, hiện nay rất phương tiện tại sao không làm?! Ngày xưa rất khó khăn! Tôi ấn tống Đại Tạng Kinh số lượng một vạn bộ, bây giờ đã tặng hết khoảng hơn tám ngàn bộ, còn hơn một ngàn bộ nữa là nguyện vọng chúng tôi sẽ thành tựu, chắc chắn trong vòng một, hai năm nữa sẽ đủ, không vấn đề gì. Nên nhớ: Tiền in ấn kinh là có sẵn, không phải đi quyên góp, không cần bắt cứ ai đem tiền đến.

- Thân nào đang thuyết pháp?

- Về mặt lý luận mà nói thì ba thân đều thuyết pháp. Đây là tiếp tục nói rõ về “*kim hiện tại thuyết pháp*”, Phật A Di Đà thuyết pháp ở thế giới Cực Lạc xưa nay chưa hề dừng nghỉ.

Nếu muốn hỏi: Phật dùng thân nào để thuyết pháp? Mọi người đều biết, Phật có ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân. Pháp Thân không có tướng nhưng nó có thể hiện tướng, có thể hiện tất cả tướng như Hoàn Nguyên Quán nói “Xuất sanh vô tận”. Trong

Pháp Bảo Đàn kinh nói “Năng sinh vạn pháp”, đó là Pháp Thân. Pháp Thân là Pháp Tánh; Pháp Tánh hiện tướng gọi là Pháp Tướng. Pháp Tánh và Pháp Tướng là một, không phải hai, giống như lấy vàng làm đồ trang sức thì mọi thứ đều là vàng. Như vậy có thể nói tất cả hiện tượng đều là Pháp Thân Như Lai.

Phải đặc biệt chú ý hai chữ “Như Lai” này. Trong Kinh Đại thừa, xưng “chư Phật” là từ Tướng mà nói; xưng “Như Lai” tức là từ Tánh mà nói. Pháp Tánh biến khắp mọi nơi, Pháp Tướng cũng không ngoại lệ. Pháp Tướng chính là Pháp Tánh, nên có thể nói tất cả Pháp Tướng đều là Pháp Thân của Như Lai. Ở đây dẫn chứng một câu trong Sớ Sao “*các tùy cơ kiến*”. Câu nói này rất hay, có nghĩa là căn tánh mỗi người một khác, nên mỗi người thấy hình tướng chư Phật Bồ Tát không giống nhau. Từ đó cho thấy tất cả đều là “*Cảnh tùy tâm chuyển*”.

Tâm Bồ Tát thấy Pháp Thân là tướng Bồ Tát; tâm thanh tịnh nhất định thấy Ứng Thân, Báo Thân của Như Lai; tâm tham sẽ thấy tướng ngạ quỷ; tâm sân hận nhất định thấy tướng địa ngục; không có tướng nhất định. Đây là “sở kiến bất đồng” (cái thấy mỗi người không giống nhau), tùy theo ý niệm mà chuyển, đều là Pháp Thân Như Lai, đều là tự tánh biến hiện. Thế giới Cực Lạc có Tứ Độ, có Tam Bối, Cừu Phẩm, mỗi cấp bậc không giống nhau nên nhìn thấy tướng Phật cũng không giống nhau.

Thông thường nói: Cõi Phạm Thánh Đồng Cư nhất định thấy Ứng, Hóa Thân; Cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng thấy Ứng, Hóa Thân nhưng trong đó sự thắng, liệt của Ứng, Hóa Thân không tương đồng. Bồ Tát trong cõi Phương Tiện thấy Phật A Di Đà chắc chắn tướng thù thắng hơn cõi Đồng Cư nhìn thấy Phật. Đây là đạo lý nhất định. Cõi Thật Báo nhất định thấy là Pháp Thân Như Lai. Trong Quán Kinh nói: “*Phật hiện cao đại nhân, thập lục vạn ức na-do-tha hằng*

hà sa do-tuần chi thân” (Phật hiện thân mười sáu vạn ức na-do-tha hằng sa do-tuần) thân tướng này quá cao lớn, chúng ta không cách nào tưởng tượng được, đây chắc chắn là Bồ Tát cõi thật Báo thấy. Vì sao? Vì trong cõi Thật Báo, tất cả Bồ Tát đều chứng được Báo Thân. Thân Phật A Di Đà cao lớn bao nhiêu thì thân họ cũng cao lớn như vậy.

Sách Sớ Sao của Đại Sư Liên Trì lại bảo: “*Hữu vị thuyết pháp thị Ứng Thân, Báo Thân; hữu vị tam thân tề thuyết, các tùy cơ kiến*” (Có thuyết báo thân thuyết pháp là Ứng Thân, Báo Thân; có thuyết báo cả ba thân cùng thuyết pháp; đầy đủ là thuận theo cơ nghi). Cách nói này rất hợp lý, tất cả đều nói thông suốt. Trong mười pháp giới là Ứng Thân, cũng chính là cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện. Trong cõi Thật Báo khẳng định là Báo Thân.

“*Hữu vị tam thân tề thuyết*” (Có thuyết báo cả ba thân cùng thuyết pháp), điều này có thể nói được. Cổ nhân thường nói: Sơn hà cho đến đại địa đều hiện thân thuyết pháp, đó chính là Pháp Thân. “Ba Thân cùng thuyết” nghĩa là tuy Báo Thân, Ứng Thân thuyết pháp nhưng kiêm cả Pháp Thân. Thực tế mà nói: Rồi Pháp Thân làm gì có Ứng Thân và Báo Thân.

“*Hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng cung kính vây quanh*” (Có vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chúng cung kính vây quanh): Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật có vô lượng, vô biên, vô số, vô tận Thánh chúng; lại có Thánh chúng từ mười phương cõi nước chư Phật đến thế giới Cực Lạc để lễ bái, cầu học; số ấy cũng vô lượng. Tất cả đều cung kính vây quanh dưới tòa của Phật, nhất tâm cung kính nghe Phật thuyết pháp.

Mấy năm trước tôi nghe được thông tin về Sơn Tây tiểu viện ở Trung Quốc: Hơn bốn mươi người bị ung thư, bác sĩ tuyên bố ngưng trị liệu. Theo dự kỳ thì số người này nhiều nhất chỉ có thể sống

được ba tháng, đồng nghĩa với tuyên bố tử hình họ! Rất may, số người này đều niệm Phật, họ dốc hết tâm lực chí thành niệm Phật cầu nguyện vãng sinh. Ba tháng sau, tương phản với tiên đoán của bác sĩ, họ đến bệnh viện kiểm tra lại mới hay họ đã hoàn toàn lành mạnh. Bác sĩ rất kinh ngạc, hỏi họ dùng phương pháp gì? Chỉ là nhất tâm niệm Phật, vạn duyên buông xả, một lòng chỉ muốn vãng sinh thế giới Cực Lạc. Nào ngờ, thọ mạng họ vẫn còn, nên Phật không đến tiếp dẫn. Đây không phải một người mà hơn bốn mươi người; từ đó cho thấy ý niệm là quyết định tất cả.



VI. GIAI NGUYỆN TÁC PHẬT ĐỆ THẬP

Theo sách chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Phẩm này chỉ thấy trong hai bản dịch cổ: Hán dịch và Ngô dịch. Trong phẩm này có hai nghĩa trọng yếu:

Một là: Những người như Vương tử A Xà Thế nghe kinh liền hoan hỷ phát nguyện được thành Phật như A Di Đà Phật: Đức Thích Ca liền chứng minh cho họ. Điều này cho thấy, chúng ta ngày nay được nghe kinh này cũng sẽ phát khởi được đại nguyện như Vương tử A Xà Thế.

Hai là: Tất cả các pháp chẳng lìa nhân duyên (nhất thiết chư pháp bất ly nhân duyên). Phật bảo những vị vương tử ấy trong vô lượng kiếp đã tu Bồ Tát đạo, trong kiếp quá khứ đã từng làm đệ tử của Phật nên nay được gặp lại. Chúng ta ngày nay nghe kinh này, được nghe diệu pháp Tịnh Tông ắt cũng là nhân duyên trong nhiều kiếp đã từng được hai bậc đạo sư ở hai cõi giáo hóa tế độ nên mới gặp được nhân duyên thù thắng này.

KINH VĂN:

Phật thuyết A Di Đà Phật vì Bồ Tát cầu đắc thị nguyện thời, A Xà vương tử, dữ ngũ bách đại trưởng giả, văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đáo Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thượng Phật dĩ, khước tọa nhất diện thánh kinh, tâm trung nguyện ngôn: “Linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như A Di Đà Phật”.

VIỆT DỊCH:

Lúc đức Phật nói A Di Đà Phật khi làm Bồ Tát cầu được thỏa nguyện như thế thì vương tử A Xà Thế và năm trăm đại

trưởng giả nghe như vậy đều đại hoan hỉ. Mỗi người cầm một cái lọng kim hoa cùng đến trước Phật làm lễ, đem lọng hoa dâng lên Phật xong, ngồi qua một bên nghe kinh, trong tâm nguyện rằng: “Nguyện lúc chúng con thành Phật đều được như A Di Đà Phật”

GIẢNG:

A Xà Vương tử và năm trăm vị đại trưởng giả nghe Phật nói A Di Đà Phật khi làm Bồ Tát cầu được thỏa nguyện như vậy đều sinh tâm đại hoan hỉ. Người xưa thường nói: “Thế vị không đặm bằng Pháp vị”. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thật sự nếu khế nhập vào kinh giáo Đại thừa, niềm vui này trong thế gian tuyệt đối không thể nào sánh bằng, đây là chân lạc. Ngạn ngữ có câu: “Nhân tùng hỉ sự, tinh thần sáng” niềm vui lớn nhất trong thế, xuất thế gian không gì bằng học Phật. Đây là hoan hỉ thật sự. Phương pháp của Phật A Di Đà thật quá tuyệt diệu! Tuyệt vời không sao nói được! Chính là dùng một câu Phật hiệu, nếu thật sự hiểu được, tôi tin rằng bạn sẽ từng giây, từng phút ở đây niệm Phật, không để thời gian uổng phí.

Vì niệm Phật có được niềm vui lớn; nếu nói những thứ khác là sinh phiền não, rơi vào tam ác đạo. trôi lăn trong lục đạo luân hồi! Thử nghĩ lại xem, từ sáng đến tối trong tâm ta nghĩ gì? Là ý niệm tự tư tự lợi nhiều, ý niệm danh văn lợi dưỡng nhiều, ý niệm được mất nhiều, hay là ý niệm Phật A Di Đà nhiều? So sánh một chút là biết ngay ta có đến được thế giới Cực Lạc hay không? Không cần phải hỏi người khác. Hỏi người khác họ sẽ nói lời khách sáo để không tổn thương ta. Ta được vãng sinh hay không làm sao họ biết được?! Hỏi Phật A Di Đà; Phật A Di Đà cũng không biết! Chỉ có chính mình mới biết, đây là sự thật! Trong tâm phải có Phật A Di Đà; ngoài Phật A Di Đà ra điều gì cũng không có, cái gì cũng không nghĩ, cái gì cũng không cần, người này nhất định vãng sinh.

Xã hội ngày nay động loạn! Cả thế giới lòng người bất an! Chính trị, quân sự, kinh tế, kỹ thuật khoa học đều không thể giải quyết! Bốn loại giáo dục: Giáo dục gia đình, giáo dục học đường, giáo dục xã hội và giáo dục tôn giáo không còn nữa!

Ngày nay, cha mẹ đã mất quyền dạy con! Giáo dục học đường chỉ là truyền thụ một ít kiến thức khoa học, kỹ thuật, đó không phải là giáo dục! *Giáo dục là dạy bạn làm người, dạy bạn biết quan hệ giữa người và người: Quan hệ giữa cha con, chồng vợ, vua tôi, bè bạn. Hiện nay nhà trường không còn dạy những thứ này, cho nên con người không còn có đạo nghĩa, không còn có nhân luân. Thật là đáng tiếc!* Hành vi của họ đều bị chi phối bởi lợi và hại: Có lợi cho họ thì là bạn; không có lợi cho họ là kẻ thù!

Kinh Lăng Nghiêm nói: Hiện tại xã hội này là ma vương nắm quyền! Yêu ma quỷ quái tràn ngập cả xã hội! - Yêu ma quỷ quái là gì? - Là truyền hình, điện ảnh, mạng internet v.v...! Thật đáng sợ! Những sự việc này đã tác động mãnh liệt vào tâm lý của thanh thiếu niên hiện tại, đây là giáo dục xã hội đã sai lầm! Giáo dục tôn giáo thì càng bộc lộ sự mê tín! Trong kinh điển có bao nhiêu là thứ tốt, không đem ra nghiên cứu thảo luận, bản thân lại không thể tu học cho tốt, nên không thể khuyên bảo người khác! Bốn loại giáo dục không còn nữa, thiên hạ làm sao không động loạn!

Chúng tôi nhìn thấy, tâm thật thương xót! Dùng toàn tâm, toàn lực để giúp xã hội này. Biết rõ không thể làm mà vẫn làm! Chỉ cần còn sống một ngày, tôi vẫn còn làm một ngày. Tại Singapore, bốn năm qua nhờ có sự giúp đỡ của cư sĩ Lý Mộc Nguyên mà chúng tôi có thể giảng kinh mỗi ngày tại Singapore, lại có thể mở lớp bồi huấn nhân tài giảng kinh hoàng pháp. Các học viên trong lớp bồi huấn này đã giảng kinh lưu động ở rất nhiều Tịnh Không Học Hội

tại Malaysia, được đánh giá cao. Đây chính là nói lên thành tích đã được đại chúng xã hội công nhận.

Tôi có liên lạc với Pháp sư Ngô Đạo ở Đài Loan, hy vọng Đài Loan sẽ mời các bạn qua đó giảng kinh. Tiếp đến, tôi sẽ sắp xếp mọi người đến Úc, Mỹ, Canada và Nam Mỹ. Hy vọng sau khi được bồi huấn xong, các bạn sẽ là những pháp sư quốc tế, phải hoằng dương Phật pháp, hoằng dương Tịnh Tông trên toàn thế giới. Chúng ta đến đâu cũng khuyên người làm thiện, khuyên người hồi đầu, khuyên người giác ngộ. Đòi người ở thế gian nhất định phải có mục tiêu thật rõ ràng. Đã chọn ngành nghề này chính là giáo dục xã hội, chúng ta không mong cầu báo đáp, phải tận hết trách nhiệm này: Đem giáo huấn của Phật Đà, những đạo lý về vũ trụ nhân sinh mà Phật đã dạy, tuyên dương cùng khắp thế giới, giúp thế giới được hòa bình, xã hội an định, nhân dân hạnh phúc.

Hiện nay, ở Mỹ có bảy đài truyền hình đang phát chiếu kinh giảng của chúng ta, bình quân chiếu khoảng một giờ đồng hồ. Ở Hawaii, hình như mỗi tuần phát hai ngày. Ở Macao, một tuần có đến bốn ngày, Đài Loan nhiều nhất, mỗi ngày có bốn giờ đồng hồ, không gián đoạn. Hiện tại, chúng ta phải cung cấp cho họ những băng ghi hình này. Ngoài ra, chúng ta còn làm đĩa VCD lưu hành, đây là chiều hướng hoạt động hoằng dương Chánh pháp về sau của bản thân tôi. Có thể bạn sẽ thắc mắc:

- Vì sao phải làm vậy?
- Tôi xin nói: Phật, Bồ Tát đã an bày!

Cả đời tôi đều do Phật, Bồ Tát thay tôi an bày, như: Vi-sa của Úc Châu là một việc ngoài sức tưởng tượng. Tôi không nghĩ là lấy được vi-sa Úc Châu. Thành lập Tịnh Tông Học Viện cũng là việc tôi không dám tưởng tượng, đều đã thành tựu rất tự nhiên. Cho nên tôi biết được, đây là Phật, Bồ Tát đã âm thầm sắp đặt cả, tuyệt đối

không phải người thông thường có thể làm được. Bạn bè tôi quen biết ở Úc Châu rất nhiều, thậm chí quen biết các vị quan chức cũng rất nhiều.

Tôi vô cùng cảm tạ chính phủ Úc Châu. Có thể nói: Ở Úc Châu thiên thời, địa lợi, nhân hòa thấy đều đầy đủ. Ba điều này, quan trọng nhất là nhân hòa, mối quan hệ nhân sự cùng với chính quyền Liên bang, chính quyền địa phương thật sự đã vô cùng tốt đẹp, cho nên Tịnh Tông Học Viện ở Úc Châu đã thành công. Nhất định chúng ta phải làm tốt ngôi Học Viện này; nhất định phải phát tâm, phải chân thật giác ngộ, phải chân thật thức tỉnh.

Đời người ở thế gian này vô cùng ngắn tạm, không nên so đo tính toán quá đáng. Phật dạy, phải tùy duyên sống qua ngày, phải *“hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức”*, quan trọng nhất là phải nâng cao cảnh giới của chính mình: *“Đoạn ác tu thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành Thánh”*, đây mới là thành tựu vĩnh hằng, là mục tiêu chân thật của chúng ta. *Ý nghĩa của cuộc đời chính là giúp tất cả chúng sinh khổ nạn. Trong sự giúp đỡ này, quan trọng nhất là giúp họ giác ngộ. Cứu giúp chúng sinh không gì hơn là con đường giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa.* Tinh thần cao cả, dẫn thân vì đời của đức Thích Ca đáng để chúng ta noi theo.

Nhận thức của chúng ta đối với Phật A Di Đà quả thật là quá ít! Bây giờ chúng ta niệm Phật mà tâm không ở nơi Phật, tâm ở đâu đâu nên niệm Phật, nghe pháp cả đời vẫn không khai ngộ! Không phải là chân tâm niệm Phật! Nhìn bề ngoài thì ta đang tin Phật, nhưng thật tế không phải vậy! Không như A Xà vương tử và năm trăm vị đại trưởng giả *“văn chi giai đại hoan hỉ”* (nghe như vậy đều đại hoan hỉ).

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Ấy là do vui với đại nguyện siêu thế, hy hữu, viên mãn rốt ráo của Phật A Di Đà; vui vì

Phật A Di Đà đã viên chúng Bồ Đề đại nguyện thành tựu; vui vì Phật A Di Đà chúng được phương tiện rốt ráo, dùng diệu pháp Trì Danh phổ độ hết thảy chúng sinh; lại cũng vui vì nhân duyên của chính mình và hết thảy hàm linh trong tương lai đều do pháp này mà thoát được sinh tử; vui vì chúng ta có thể lần lượt khuyến bảo chúng sinh khiến họ được giải thoát. Đây là nói, chúng ta có thể tùy duyên giúp đỡ người khác. Ở đâu có duyên thì đến chỗ đó, vui vẻ, hoan hỉ đem pháp môn này giới thiệu cho mọi người. Thời gian dài hay ngắn tùy theo nhân duyên, không có bất cứ câu thúc nào. Niềm vui này chưa từng có trong đời nên bảo là “*đại hoan hỉ*”.

Ngày nay, chúng ta gặp được kinh này, gặp được chú giải tường tận của Hoàng Niệm lão, lại được nghe thêm thuyết giảng rất tường tận, cặn kẽ, chính xác của Hòa Thượng Tịnh Không; nhờ vậy mà nhận thức của chúng ta đối với Phật A Di Đà, đối với thế giới Cực Lạc lại càng nâng cao một bậc, vẫn phải không ngừng nâng cao. Vì sao? Vì chúng ta vẫn chưa làm được từng giờ, từng phút trong hai mươi bốn tiếng không rời Phật A Di Đà! Đây là mục tiêu của chúng ta.

- Trên thế giới chỗ nào tốt?
- Chỗ nào có người Niệm Phật là chỗ đó tốt!

Không cần lựa chọn! Trong tâm có Phật thì Phật A Di Đà đang ở chỗ này; long thiên thiện thần sẽ ủng hộ gia trì chúng ta. Đây là sức mạnh bên ngoài gia trì. Nên nhớ: Nếu nội tâm không có thì bên ngoài cũng không có! Phật pháp có nhiều pháp môn dễ, khó khác nhau; sự thành tựu của các pháp môn khác thì vô cùng khó! Duy chỉ độc nhất pháp môn Tịnh Độ thì “*vạn người tu, vạn người đi*”, lời này của Đại Sư Thiện Đạo không sai chút nào! Tu mà không thể đi là do tu học không được như pháp, chưa thật sự buông bỏ! Thật sự buông bỏ, y giáo phụng hành thì không ai mà không thành tựu.

“Cái” là lọng báu để cúng Phật. Theo Hòa Thượng Tịnh Không “*bảo cái*” giống như cây dù; ý nghĩa biểu pháp của nó là phòng chỉ ô nhiễm của ngũ dục, thất tình trong lục đạo. Phàm phu, lục căn tiếp xúc với lục trần đều bị ô nhiễm. Cho nên, nhìn thấy “*bảo cái*”, lập tức nhắc chúng ta nhớ đến phải bảo vệ tâm “thanh tịnh, bình đẳng, giác” của chính mình.

Lễ kính, cúng dường nhằm thể hiện sự dốc lòng tin kính, “*chí tâm tín nhạo*” (chí tâm tin ưa), việc này rất quan trọng! Tuy nó có tính cách biểu trưng, nhưng cốt để mọi người xem thấy đồng sinh khởi tín tâm, cung kính học tập.

Đại Sư Ấn Quang nói: “*Một phần thành kính được mười phần lợi ích... mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Người bây giờ học Phật quá khó vì tâm ý bao chao! Đừng nói chỉ một phần cung kính họ không có, mà đến một trên một trăm phần trăm cung kính cũng không có! Như vậy làm sao thể hội được Phật pháp! Lợi ích, công đức thù thắng trong Phật pháp họ không thể nào đạt được!

Theo Hoàng Niệm lão: Từ “*khước tọa nhất diện thính kinh*” (ngồi qua một bên nghe kinh) trở đi, diễn tả lòng mong cầu Phật trí, nghe pháp không nhàm đủ, lại còn phát nguyện thành Phật “*giai như A Di Đà Phật*” (đều được như A Di Đà Phật). Thấy bậc hiền đức, mong mình được bằng; mong đại nguyện, đại hạnh, đại từ, đại bi, đại trí, đại lực của mình thấy đều được như A Di Đà Phật, trụ Chân Thật Tuệ, giữ lấy cõi Phật thanh tịnh, lợi khắp hữu tình. Đây chính là thật sự phát tâm Bồ Đề. Người nghe kinh chúng ta cũng đều phải nên như vậy: Tin ưa, cung kính, y giáo phụng hành, phát tâm vô thượng như A Xà vương tử.

KINH VĂN:

Phật tức tri chi, cáo chư tỳ kheo:

- Thị vương tử đấng, hậu đương tác Phật. Bỉ ư tiền thế trụ Bồ Tát đạo, vô số kiếp lai cúng dường tứ bách ức Phật. Ca Diếp Phật thời, bỉ đấng vi ngã đệ tử, kim cúng dường ngã, phục tương tri dã.

Thời chư tỳ kheo văn Phật ngôn giả, mạc bất đại chi hoan hỉ.

VIỆT DỊCH:

Phật liền biết ngay, bảo các tỳ kheo:

- Các vị như vương tử đây sau này sẽ thành Phật. Bọn họ trong đời trước trụ Bồ Tát đạo, từ vô số kiếp đến nay cúng dường bốn trăm ức Phật. Thời Ca Diếp Phật, bọn họ là đệ tử của ta, nay cúng dường ta lại gặp gỡ nhau.

Khi ấy, các tỳ kheo nghe lời Phật nói không ai chẳng mừng giùm cho bọn họ.

GIẢNG:

“*Phật tức tri chi*” nghĩa là Phật liền biết ngay. Quán Kinh nói: “*Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sinh tâm tướng trung*” (Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sinh). Đây chính là “*thị tâm thị Phật*” (tâm này là Phật). Chúng ta phát nguyện cầu vãng sinh Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà là “*thị tâm tác Phật*” (tâm này làm Phật). Cho nên, tâm ta cùng tâm Phật chẳng cách xa hào ly nên cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn.

A Xà vương tử cùng năm trăm vị đại trưởng giả vừa khởi niệm thì Phật liền biết. Ngài nói với các tỳ kheo: “**Thị vương tử đấng hậu đương tác Phật**” (Các vị vương tử đây sau cùng sẽ thành Phật). Đây chính là thọ ký quả Phật cho họ, thể hiện nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn!

Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Di Đà dùng bốn mươi tám nguyện tiếp độ chúng sinh. Hết thầy đều dùng Tín, Nguyện, Hạnh, làm tư lương để được lên bờ kia. Tĩnh Am Đại Sư nói: “*Điều cấp bách trước hết trong việc tu hành là lập nguyện*”.

Đoạn kinh văn trên nói rõ về nhân quả; cũng nói rõ con người không hề chết đi, luân hồi là thật không phải giả. Trong kinh văn nói: “**Bỉ ư tiền thế trụ Bồ Tát đạo**” (Bọn họ trong đời trước trụ Bồ Tát đạo), chính là nói A Xà vương tử và đồng bạn không phải chỉ tu hành trong đời này mà trong nhiều đời nhiều kiếp trước đã tu mới có thể gặp Phật, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp, nếu không như vậy thì làm sao gặp được!

“**Vô số kiếp lai cúng dường tứ bách ức Phật**” (Từ vô số kiếp đến nay cúng dường bốn trăm ức Phật). Chúng ta thử nghĩ: Thiện căn phước báo của họ lớn dường nào? Quay đầu nhìn lại chính mình: Chúng ta là chúng sinh trong thời đại mạt pháp của Phật, ngày nay có thể gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, có thể tiếp nhận những lời giáo huấn của Phật trong kinh, đều do vô lượng kiếp về trước chúng ta đã từng ở trong Bồ Tát đạo, cúng dường không biết bao nhiêu đức Phật, mới có được thiện căn, phước đức, nhân duyên này, cho nên không thể xem thường chính mình. A Xà vương tử có thể làm được, chúng ta cũng có thể làm được.

Hoàng Niệm lão ở đây khuyến khích chúng ta nên hoan hỉ nghe pháp, giống như A Xà vương tử và đồng bạn, đem những gì trong kinh điển đã nói, phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch, chính mình

tin tưởng sâu sắc, không nghi ngờ, đặc biệt là pháp môn này thật không thể nghĩ bàn! Pháp môn vô cùng thù thắng, là pháp lớn vô thượng thứ nhất, chính là câu “Nam mô A Di Đà Phật”. Chúng ta phải đem câu A Di Đà Phật để trong tâm, tất cả những thứ nhớ nhung trong lòng đều buông bỏ hết; khởi tâm động niệm trong mọi lúc mọi nơi, trong tâm đều có Phật A Di Đà, đời này nhất định vãng sinh đến thế giới Cực Lạc thấy Phật A Di Đà. Việc của thế giới này đừng nên nghĩ đến: Biết cũng tốt; không biết cũng tốt, cũng đều không sao, không liên quan gì đến chúng ta. Muốn giúp chúng sinh khổ nạn, tôi khuyên bạn trước hết phải thành tựu chính mình. Tự mình chưa thành tựu làm sao giúp người khác?!

“Ca Diếp Phật thời, bị đấng vi ngã đệ tử, kim cúng dường ngã, phục tương trị dã” (Thời Ca Diếp Phật, bọn họ làm đệ tử của ta, nay cúng dường ta lại gặp nhau). Đây là nói nhân duyên rất sâu trong đời quá khứ, thời Phật Ca Diếp nhóm A Xà vương tử đã là đệ tử của Phật Thích Ca. Ca Diếp Phật là vị Phật trước Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong đại kiếp này, Thế Tôn nói có một ngàn vị Phật ra đời: Vị Phật thứ nhất là Câu Lưu Tôn Phật; vị thứ hai là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật; vị thứ ba là Ca Diếp Phật; Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư; kế đến là Di Lặc Phật tương lai sẽ hạ sinh, là vị Phật thứ năm. Thời Phật Ca Diếp, lúc ấy đức Thích Ca Mâu Ni Phật là Bồ Xứ Bồ Tát; địa vị này cùng với Di Lặc Bồ Tát hiện nay là như nhau.

Câu kinh văn trên cũng nói lên A Xà Thế và đồng bạn không phải một đời mà rất nhiều đời; đời đời kiếp kiếp họ không rời Phật pháp. Nói cách khác, đời đời kiếp kiếp họ không mê hoặc điên đảo, đây là một việc vô cùng rất khó. Do đây có thể biết, công phu của A Xà vương tử và đồng bạn không phải ít. Nếu họ không phải là Tam quả A Na Hàm trở lên, làm sao có thể chứng được Bất Thoái Chuyển. Đức Thế Tôn thành Phật, họ còn đến Pháp hội tham dự để gây ảnh

hưởng cho đại chúng, giúp Phật giáo hóa chúng sinh, cũng là biểu trưng cho nguyện lực không thể nghĩ bàn!

Phẩm thứ bốn mươi bảy “Phước Tuệ Thi Văn” (Phước tuệ mới được nghe) trong kinh này chép: *“Nhược bất vãng tích tu phước tuệ, u thử chánh pháp bất năng văn. Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỉ tín nhận sự”* (Nếu xưa kia chẳng tu phước tuệ, còn chẳng được nghe chánh pháp này. Do từng cúng dường các đấng Như Lai mới có thể hoan hỉ tin nhận việc này). Chúng ta dùng bài kệ này để xem Lưu Tố Vân: Lưu Tố Vân trong quá khứ khẳng định là có tu Phước Tuệ lớn, cho nên khi gặp được, bà đã sinh khởi tín tâm lớn như vậy: *“Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”*, mười năm không thay đổi, không bị cảnh giới xoay chuyển. Đây chính là bí quyết thành công của bà.

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: *“Chúng ta nay được gặp kinh này, lại còn tin nhận nổi, ắt là đã có duyên chẳng ít, trong quá khứ chẳng phải đã từng gieo thiện căn với một hoặc hai đức Phật, mà thật đã trồng căn lành nơi vô lượng Phật, nên mới có thể được như bọn vương tử A Xà Thế nghe kinh phát nguyện, trì sáu chữ đức hiệu, nhập Nhất Thừa nguyện hải, lần lượt dạy nhau đồng chứng Di Đà”*.

Đây là cụ Hoàng Niệm Tổ khuyến khích chúng ta. Sau khi nghe kinh này đã thật sự phát nguyện, thật sự đem Phật A Di Đà ở trong tâm. *Có thể để Phật A Di Đà trong tâm, đây chính là “Nhập Nhất Thừa chi nguyện hải”*. *Nhất Thừa là một đời thành Phật*. Kế đến, *“lần lượt dạy nhau đồng chứng Di Đà”*, đây là giúp người có duyên, là triển chuyển giáo thọ. Nên nhớ: Người thân, kẻ oán đều truyền thọ chánh pháp bình đẳng, dạy họ cái thuần tịnh nhất, mục đích cứu cánh là đồng chứng Di Đà, đó cũng chính là nguyện vọng của A Xà vương tử.

Đời này chúng ta thật muốn làm Phật; không những muốn làm Phật mà còn muốn làm Phật A Di Đà, muốn theo ngài học tập, học tập thành tựu giống y như ngài: Đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh. Thế gian này những gì họ cần, tôi hoàn toàn không cần! Những gì tôi cần, họ cũng không cần, nên không có xung đột, mọi người có thể sống với nhau hài hòa. Họ cần ngũ dục lục trần, cần danh văn lợi dưỡng, toàn bộ tôi đều nhường hết cho họ.

Cũng theo Hòa Thượng Tịnh Không: Chúng ta ngày nay gặp được kinh này, lại có thể tin nhận và nhất tâm nhất ý niệm Phật, phát nguyện vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Việc này nói lên thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta trong vô lượng kiếp về trước đã vượt trội hơn A Xà Thế và các vương tử rất nhiều. Vì sao? Vì họ cúng dường bốn trăm ức Phật mà vẫn chưa khởi được phát nguyện vãng sinh, chứng tỏ thiện căn, phước đức của họ vẫn chưa đủ. Trong Kinh Di Đà nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sinh bỉ quốc*”. Chữ “thiếu” này là tiêu chuẩn, phải đầy đủ ba yếu tố: *Tín, Nguyện, Hạnh* mới chắc chắn được vãng sinh.



VII. QUỐC GIỚI NGHIÊM TỊNH ĐỆ THẬP NHẤT

KINH VĂN:

Phật ngữ A Nan:

Bỉ Cực Lạc giới vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, vĩnh vô chúng khổ, chư nạn, ác thú, ma não chi danh. Diệt vô tứ thời hàn, thử, vũ, minh chi dị. Phục vô đại tiểu giang, hải, khâu lãng, khanh khảm, kinh, cửc, sa, lịch, Thiết Vy, Tu Di, thổ thạch đấng sơn. Duy dĩ tự nhiên thất bảo, hoàng kim vi địa, khoan quảng bình chánh, bất khả hạn cực, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan:

Cõi Cực Lạc thế giới công đức vô lượng, trang nghiêm đầy đủ, vĩnh viễn không có các tên gọi các khổ, các nạn, đường ác, ma làm não loạn; cũng không có bốn mùa, nóng, lạnh, mưa, tối tăm sai khác. Lại cũng chẳng có sông, biển lớn nhỏ, gò, đồng, hầm, hố, gai góc, cát, sỏi, Thiết Vy, Tu Di, các hòn núi đá hay núi đất, chỉ tự nhiên là bảy báu, vàng ròng làm đất; bằng phẳng, rộng rãi, bao la chẳng thể hạn lượng, vi diệu, lạ lùng, đẹp đẽ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội hết thảy các thế giới trong mười phương.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn này miêu tả y báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc. Y báo trang nghiêm là do nguyện thứ nhất “*cõi nước không có*

ác đạo” và nguyện thứ ba mươi chín “*trang nghiêm vô tận*” cảm thành.

“*Vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm*” (Công đức vô lượng, trang nghiêm đầy đủ). Sách Vãng Sinh Luận, bảo có ba thứ công đức trang nghiêm: Một là cõi nước Phật, hai là A Di Đà Phật, ba là các vị Bồ Tát (mỗi thứ này đều có đủ vô lượng công đức trang nghiêm). Do có đủ cả ba thứ trang nghiêm như thế nên kinh nói: “*vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm*”.

Vãng Sinh Luận còn chép: “*Cõi nước Phật ấy công đức trang nghiêm nên thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn, giống như tánh của báu Ma-ni Như Ý kia (có thể dùng làm) pháp tương tự, tương đối vậy*”. Theo chú giải của cụ Hoàng, ý nói mỗi thứ trong Cực Lạc Thế giới đều tùy theo cơ nghi của mỗi người trong nước mà hiển hiện. Chẳng hạn như nước công đức trong các suối ao có thể “*nhất nhất tùy chúng sinh ý*” (mỗi mỗi đều thuận theo ý của chúng sinh) khác nào báu Ma-ni (còn gọi là báu Như Ý) có thể tùy thuận ý thích mỗi người mà hóa hiện ra.

Sách Luận Chú (tức Vãng Sinh Luận Chú của ngài Đàm Loan) giảng câu “*như tánh của báu Ma-ni Như Ý kia*” như sau: “*Mượn tánh chất của báu Ma-ni Như Ý để hiển thị tánh chẳng thể nghĩ bàn của cõi An-Lạc. Lúc chư Phật nhập Niết Bàn liền dùng sức phương tiện khiến thân nát thành xá-lợi để tạo phước cho chúng sinh. Khi chúng sinh hết phước, các viên xá-lợi ấy biến thành Ma-ni Như Ý bảo châu. Những châu này phần nhiều ở trong biển cả, đại long vương dùng để trang hoàng trên đầu. Nếu Chuyển Luân thánh vương ra đời thì do từ bi phương tiện, ông ta sẽ có được viên bảo châu ấy để gây lợi ích lớn lao cho cõi Diêm Phù Đề*”.

Nếu cần y phục, thức ăn, đèn soi, nhạc cụ, các thứ vật dụng tùy lòng mong muốn thì vua trai giới thanh khiết, đặt châu trên đầu

sào cao, phát nguyện rằng: ‘Nếu tôi đúng là Chuyển Luân thánh vương thì nguyện bảo châu này sẽ mưa xuống các vật như thế suốt cả một dặm, hoặc là mười dặm, hoặc là trăm dặm đúng như tâm nguyện của tôi’.

Ngay khi ấy, trong không trung lập tức mưa xuống các thứ vật ứng theo lòng mong, thỏa mãn nguyện vọng của hết thầy mọi người trong cả một thiên hạ, Đây là tánh lực của bảo châu ấy. Cõi nước An Lạc kia cũng giống như thế: Dùng tánh an lạc để thành tựu các thứ”.

Sách Vãng Sinh Luận Chú lại giảng câu: “*tương tự, tương đối*” như sau: “Báu đó chỉ có thể thỏa các nguyện com, áo v.v... của chúng sinh, chẳng thể ban cho họ cái nguyện vô thượng đạo. Hơn nữa, báu ấy chỉ có thể thỏa nguyện một đời cho chúng sinh, chẳng thể thỏa nguyện chúng sinh trong vô lượng thân. Có vô lượng điều sai biệt như thế nên bảo là tương tự”. Ý nói (theo chú giải của cụ Hoàng): Cõi nước Cực Lạc thành tựu sức chẳng thể nghĩ bàn vượt xa hết thầy, không có cách nào so sánh nổi; ở đây chỉ tạm mượn báu Ma-ni để làm thí dụ, chớ thật sự báu Ma-ni còn kém xa muôn vàn, nên mới bảo là “tương tự”, chỉ là miễn cưỡng so sánh thôi nên mới bảo là “tương đối”.

Trong Sách Luận Chú, Đàm Loan Đại Sư còn giảng câu “*Vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm*” (Công đức vô lượng, trang nghiêm đầy đủ) như sau: “*Từ nghiệp trí tuệ thanh tịnh của Bồ Tát phát khởi trang nghiêm Phật sự, nương pháp tánh nhập tướng thanh tịnh. Pháp ấy chẳng điên đảo, chẳng hư ngụy nên gọi là công đức chân thật*”. “Công đức chân thật” chính là “*công đức vô lượng*”. Thế giới Cực Lạc trang nghiêm bằng “*công đức chân thật*” như thế nên “*cụ túc trang nghiêm*” (trang nghiêm đầy đủ). Do vậy cõi ấy thành tựu được “*sức chẳng thể nghĩ bàn*”.

Vãng Sinh Luận Chú còn bảo: “*Chữ ‘sức chẳng thể nghĩ bàn’ chỉ chung mười bảy sức công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn trong cõi Phật ấy. Trong những sức ấy, sức cõi Phật chẳng thể nghĩ bàn lại gồm hai điều:*

Một là nghiệp lực, nghĩa là do nghiệp lực của đại nguyện, thiện căn xuất thế của Bồ Tát Pháp Tạng cảm thành.

Hai là do sức khéo trụ trì của đấng Chánh Giác A Di Đà Pháp Vương nhiếp thọ”.

Mười bảy sức công đức trang nghiêm tức mười bảy loại y báo ở thế giới Cực Lạc gồm có:

1. Trang Nghiêm Thanh Tịnh Công Đức Thành Tựu

“*Thanh tịnh trang nghiêm thắng qua tam giới hữu lậu chỉ uest độ nhi vô lậu thanh tịnh giả*”. Chữ “thắng” là thù thắng, thù thắng vượt qua, vượt lên trên “tam giới” là Dục Giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Trong quốc độ của tất cả chư Phật đều có tam giới, có thập pháp giới. Lục đạo là cõi uest của hữu lậu. Tứ Thánh Pháp Giới là Tịnh Độ của hữu lậu. “Lậu” là đại danh từ của phiền não. Tứ Thánh Pháp Giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật) tuy đã phá được bốn tướng, tâm họ thanh tịnh, nhưng tập khí phiền não vẫn chưa đoạn. Họ thật sự là vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả, nhưng bốn “kiến” vẫn chưa phá được nên họ vẫn là “hữu lậu”. Đối với tất cả pháp trong thế, xuất thế gian, họ không còn chấp trước nhưng còn có phân biệt. Sự khác nhau giữa hữu lậu và vô lậu là ở chỗ này.

Tứ Thánh Pháp Giới là “*hữu lậu thanh tịnh*”. Ở đây nói “*vô lậu trang nghiêm*” tức là “*vô lậu thanh tịnh*”, cũng chính là nói căn bản vô minh họ đều đoạn tận, họ thật sự “vô lậu”. Riêng “*thuần chân vô lậu*” chỉ có một người, Kinh Hoa Nghiêm gọi đó là “*Diệu Giác Phật Quả*”. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong Hoa

Nghiêm Viên Giáo gồm có: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và Đẳng Giác . Bốn mươi một địa vị này trú ở cõi Thật Báo đã phá được vô minh nhưng tập khí của vô minh họ vẫn chưa đoạn nên tuy thật sự “vô lậu” nhưng vẫn chưa phải là thuần chân. Trên Đẳng Giác , tập khí vô thi vô minh mới hoàn toàn đoạn tận, đó gọi là “*thuần chân vô lậu*”.

Tóm lại, “*vô lậu thanh tịnh*” là chỉ cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân Bồ Tát, họ đều là “*vô lậu thanh tịnh*”. Nhưng “*thuần chân vô lậu*” chỉ có một người, đó là quả vị Diệu Giác. Diệu Giác không trú ở cõi Thật Báo mà trở về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang Tịnh Độ là chỗ cao nhất trong Tịnh Độ. *Thế giới Tây Phương Cực Lạc ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư chỉ có nhân đạo và thiên đạo* (ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục, A tu la đều không có). *Chúng ta ở đây có lục đạo; họ chỉ có hai đạo, đây là thanh tịnh trang nghiêm vượt qua quốc độ của chư Phật trong mười phương.*

Sách Luận Chú viết: “*Thanh tịnh là tổng tướng. Sở dĩ Phật khởi ra công đức trang nghiêm thanh tịnh này là do ngài thấy tam giới là tướng hư ngụy, là tướng luân chuyển, là tướng vô cùng (ám chỉ sinh tử) như con cuốn chiếu cuộn tròn, như tầm kéo kén tự nhốt mình. Thương ôi chúng sinh điên đảo bất tịnh! Muốn đặt chúng sinh nơi chẳng hư ngụy, nơi chẳng luân chuyển, nơi chẳng có (sinh tử) vô cùng, được hưởng chốn thanh tịnh đại an lạc rốt ráo nên Phật khởi lên công đức thanh tịnh trang nghiêm này*”.

2. Lượng Trang Nghiêm

“*Cứu cánh như hư không vô biên tế giả*” (Cứu cánh như hư không, rộng lớn không bờ bến). Đây cũng vượt qua thế giới tha phương. Thế giới này của chúng ta là thế giới Ta Bà. Cõi “Phạm thánh đồng cư” trong thế giới Ta Bà là hữu lượng. Địa cầu là hữu lượng, diện tích của biển và lục địa đều có số lượng. Thế giới Tây

Phương Cực Lạc thật không thể nghĩ bàn! Nó không có số lượng, nó như hư không không có biên tế, thật sự là quá lớn, bởi nó là cõi pháp tánh.

Sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thân này là thân Pháp tánh. Thân hiện tại chúng ta và hiện tượng vật chất là cảnh giới tướng của A-lại-da, là tướng phần của A-lại-da. Chúng ta khởi tâm động niệm là kiến phần của A-lại-da. Kiến phần, tướng phần của A-lại-da có sinh, có diệt; là nhiễm ô không phải thanh tịnh; là hữu lượng không phải vô lượng. Hiểu rõ ràng minh bạch về thế giới Cực Lạc, chúng ta mới không còn tham luyến thế giới này, mới xả bỏ được ba tướng vi tế của A-lại-da tức là tương ưng với Pháp tánh. Buông bỏ là minh tâm kiến tánh, là Pháp Thân Bồ Tát, là siêu việt mười pháp giới. Tánh mới là chân thật, A-lại-da là hư vọng.

3. Tánh Trang Nghiêm

“Y chánh đạo chi đại từ bi vô lậu chi thiện căn. Tùy thuận pháp tánh nhi sanh khởi chi Tịnh Độ giả”: “Tánh” là tánh chất. Tánh chất của địa cầu này là vật chất, là tướng phần của A-lại-da, trong đó hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần không rời nhau. Trong Phật pháp gọi là Ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. “Sắc” là vật chất; “thọ, tưởng, hành, thức” là tinh thần, đều từ nghiệp tướng của A-lại-da sinh khởi; khoa học gọi là chấn động, tần suất. Chấn động của A-lại-da thì tần suất là một duyên, kinh Đại thừa gọi là *“nghiệp tập chủng tử”* của A-lại-da. Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”*, đây là nhân.

Chúng tử gì? Là chúng tử của mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Khi bất động, nó sẽ không khởi tác dụng. Nhưng, khi vừa có tần suất chấn động, nó liền khởi hiện hành, biến hiện ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm không phải là bộc phát lớn như khoa học nói mà là chúng tử của A-

lại-da khởi hiện hành. Loại hiện hành này là nhất thời hiện ra, tốc độ rất nhanh, như Bồ Tát Di Lặc nói: Trong một khảy móng tay có ba mươi hai ức, một trăm ngàn niệm. Đơn vị là một trăm ngàn. Ba mươi hai ức nhân với một trăm ngàn là ba trăm hai mươi triệu. Trong một giây, nếu khảy nhanh được năm lần tức là (320 triệu x 5) một ngàn sáu trăm triệu lần tần suất chấn động. Đây là nói “*tánh trang nghiêm*”, chúng ta không biết nó là giả.

Ngày trước, chúng ta xem điện ảnh, tần suất mở đóng của ống kính mỗi giây là hai mươi bốn lần, cũng chính là nói mỗi bức tranh dừng lại trên màn hình là một phần trên hai mươi bốn giây. Phật dạy, vũ trụ trước mắt ta, một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần tần suất, nhưng điện ảnh thì một giây chỉ có hai mươi bốn lần, do vậy mà chúng ta ngộ nhận cho rằng vật chất là thật, không biết nó là “*đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*”.

Kinh Bát Nhã nói ra chân tướng: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Đây là thật không phải giả! Hiện nay các nhà khoa học lượng tử đã thấy. Họ nói tốc độ tần suất của chấn động rất nhanh, nhưng không xác định được con số. Đức Phật thì nói rất rõ ràng: Một giây là một ngàn sáu trăm triệu tần suất. Mỗi lần chấn động chính là một bức tranh. Bức tranh này là bức tranh của thân Ngũ Uẩn; “sắc, thọ, tưởng, hành, thức” đều xuất hiện hết. Bức tranh thứ nhất không phải là bức tranh thứ hai; bức tranh thứ hai không phải là bức tranh thứ ba. Mỗi bức tranh đều độc lập. Cho nên, trong Kinh Đại thừa nói: Vũ trụ, vạn pháp là “*đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” chính là nói sự việc này.

Tánh chất pháp tánh của thế giới Cực lạc không phải là A-lại-da nên nó thanh tịnh, nó vô lượng. “*Y chánh đạo chi đại từ bi vô lậu chi thiện căn*”, đây là những điều chúng ta cần phải học.

- “Chánh đạo” là gì?

- Điều này không nói rõ ràng được! Nói rõ ràng chúng ta cũng không hiểu!

Đức Phật có đại trí tuệ, có phương tiện thiện xảo, dùng phương thức đơn giản nhất đem “chánh đạo” hiển thị ra, đó chính là câu “Nam mô A Di Đà Phật”, rất cụ thể! Nếu có thể thật sự tin tưởng, thật sự tiếp thu thì đem Phật A Di Đà để vào trong tâm.

Trước đây thầy Lý dạy chúng tôi: “*Học Phật cần phải đổi tâm*”. Vì sao? Bởi chúng ta từ vô thị kiếp đến nay dùng tâm luân hồi, bây giờ đem tâm luân hồi đổi thành A Di Đà Phật. Tâm luân hồi không còn nữa, đem Phật A Di Đà để vào đó thì tâm là A Di Đà Phật. Giống như khai thị của Trung Phong thiền sư trong “Tam thời hệ niệm”: “*Tâm ta tức là Phật A Di Đà; Phật A Di Đà tức là tâm ta*”. Sau khi đổi tâm, nhìn cảnh giới: “*nơi đây chính là thế giới Cực Lạc; thế giới Cực Lạc chính là nơi đây*”. Vì sao? Vì cảnh tùy tâm chuyển! Chúng ta có chịu thay đổi chăng? Chịu thay đổi thì lập tức sẽ từ phàm phu biến thành Thánh nhân; chuyển phàm thành thánh chỉ trong một niệm.

- Vì sao câu A Di Đà Phật này có thể tượng trưng cho chánh đạo?

- Ở trước đã giảng qua rất nhiều lần:

Vô lượng vô biên chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, sở tu, sở trú, sở hành, sở trường của các ngài đều là chánh đạo, đó chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Cho nên, Hoa Nghiêm Kinh được xưng là “căn bản Pháp Luân”. Tất cả kinh đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm, giống như một cây đại thọ: Hoa Nghiêm là gốc, là rễ; các kinh khác là cành, là nhánh, là lá, là hoa quả, không rời gốc rễ. Cuối cùng của Hoa Nghiêm là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo qui Cực Lạc. Cho nên, Cực Lạc là căn bản chủ yếu trong các căn bản.

Tượng trưng cho Tịnh Độ tông chính là bộ Kinh Vô Lượng Thọ này. Căn bản của Kinh Vô Lượng Thọ là bốn mươi tám nguyện. Căn bản của bốn mươi tám nguyện là nguyện thứ mười tám. Căn bản của nguyện thứ mười tám là một câu Phật hiệu, mười niệm tất sanh, nên câu Phật hiệu này là chánh đạo. Chúng ta không biết, không rõ tác dụng của câu danh hiệu này nên mới đi tìm cái này, cái kia. Tìm phương pháp nào cũng không trị lành khuyết điểm của chúng ta, chỉ có câu Phật hiệu này. Nếu câu Phật hiệu này vẫn trị không lành, thì nguyên nhân chính là chúng ta không tin tưởng, vẫn hoài nghi nó, cứ cho rằng nó quá đơn giản. Nhưng, làm gì quá đơn giản như vậy! Đây là do ta không nhận thức được giá trị của nó!

Đức Thế Tôn trong vô số lần giảng kinh thuyết pháp đều dạy ta “*trụ tâm nhất xứ, vô sự bất biến*”. Chúng ta không cách nào đem tâm trụ ở một chỗ, vì trong tâm vọng niệm quá nhiều! Tâm trụ được ở một nơi thì vấn đề nào cũng giải quyết được. Bây giờ dạy ta trụ ở nơi Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chính là chánh đạo. Thật sự đã trụ tâm một chỗ rồi thì đại từ đại bi trong tự tánh liền hiển lộ, thiện căn vô lậu hiện tiền. Điều này quan trọng biết bao! Sau đó, tự nhiên có thể tùy thuận Pháp tánh mà khởi Tịnh Độ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là cõi Tịnh Độ do Phật A Di Đà tùy thuận Pháp tánh mà sinh khởi.

Pháp môn Tịnh Độ hiểu thì khó nhưng dễ hành trì. Chúng ta tu hành không tương ưng vì cái hiểu và nhận thức của ta về thế giới Cực Lạc chưa đủ! Nói cách khác, trong mắt chúng ta, thế giới này là hiện thực, là chân thật, còn thế giới Cực Lạc quá mơ hồ, ta chưa từng thấy, nên đối với thế giới Ta Bà vẫn còn quá lưu luyến, tiếc nuối không thể buông bỏ được! Cuối cùng vẫn muốn sống thêm một ngày, muốn chịu thêm một ngày tội! Nếu thật sự hiểu rõ ràng minh bạch thì không còn chút do dự nào. Nói đi là đi! Thật sự đơn giản như vậy! nhanh chóng như vậy! Nên “tánh” này là tánh chất không tương đồng

của hai cõi: ở thế giới Cực Lạc là Pháp tánh biến hiện; ở đây là A-lại-da biến hiện, không giống nhau!

4. Hình Tượng Trang Nghiêm

“*Tịnh Độ thanh tịnh quang minh mãn túc như minh cảnh nhật nguyệt luân giã*” (Quang minh sạch đầy đủ, như gương vành nhật nguyệt): Hình tượng của Tịnh Độ vô cùng trang nghiêm. “Thanh tịnh” là không nhiễm một chút trần nào, “thanh tịnh” ở đây cũng có nghĩa là phước báo; “quang minh” là trí tuệ; “mãn túc” là viên mãn đầy đủ không có một kém khuyết nào. Cả hai loại: Phước đức viên mãn và trí tuệ viên mãn thành tựu hình tượng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Chúng ta cần phải tu phước và tu tuệ. Phước tuệ học ở đâu? Lúc trẻ khi chúng ta mới học Phật, thật sự là không có trí tuệ, cũng không có phước báo, chỉ có vọng tưởng và một chút thông minh. Nhưng thầy giáo rất giỏi!

Năm đó, tôi theo học với thầy Lý, thầy đã sáu mươi chín tuổi, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, ngang hàng với bậc cha, ông. Thầy rất từ bi, thấy những người trẻ tuổi như chúng tôi không có phước báo, không có trí tuệ, rất đáng thương nên dạy chúng tôi tu phước, tu tuệ. Phương pháp thù thắng nhất chính là học Phật và giảng kinh. Con đường này đầy đủ cả ba loại bổ thí: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Muốn giảng kinh dạy học, chúng ta cần phải vận dụng cả thời gian, thể lực và tâm lực của chính mình mới hoàn tất được, đây là “nội tài bổ thí”, phước báo còn thù thắng hơn “ngoại tài bổ thí”. Học tập Phật pháp, khuyên người làm thiện, khuyên người niệm Phật vãng sinh, đây là “Pháp bổ thí”; “Vô úy bổ thí” cũng tự nhiên gồm đủ trong đó. Vậy thì làm một mà được cả ba. Đây là thầy Lý dạy chúng tôi.

Riêng tôi, tự biết mình không có phước báo, không có thọ mạng, có chăng chỉ là một chút thông minh nhỏ mà nhà Phật gọi là “thế trí biện thông”. Cho nên, tôi đặc biệt siêng năng học tập với thầy Lý. Thầy cho tôi thời gian năm năm. Khi vừa tròn năm năm, tôi xin thầy cho tôi học tiếp năm năm. Tổng cộng mười năm theo học với thầy, thật sự đã được lợi ích, nên quyết định này không phải giả!

Hiện nay, xã hội này, thế giới này thật sự đã đến giai đoạn tồn vong sinh diệt, nếu không có người đến cứu, Phật pháp sẽ diệt vong! Truyền thống văn hóa sẽ diệt vong! Phật pháp và truyền thống văn hóa xưa là hy vọng của toàn thế giới. Nếu hai thứ này đoạn tuyệt thì hy vọng của thế giới này cũng đoạn tuyệt! Như vậy thì quá bi thảm! Có thể giống như rất nhiều nhà tôn giáo nước ngoài nói: Ngày tận thế!

Ngày nay, nếu các bạn phát tâm đến cứu vãn thì công đức này lớn biết bao! Làm sao cứu vãn? Phát tâm đại Bồ Đề, tinh tấn tu hành, hoằng pháp lợi sinh. Người xưa nói: “*Vi vạn thánh kế tuyệt học. Vi thiên hạ khai thái bình*”. Trong Phật pháp nói: “*Tục Phật tuệ mạng, hoằng pháp lợi sinh*”, công đức này rất lớn! Tuổi tôi đã lớn làm không được! Không có trí tuệ thì việc này làm không thành công! Nếu có người trẻ tuổi làm, tôi sẽ toàn tâm toàn lực giúp họ. Tương lai thành tựu, họ có thể vì các bậc thánh xưa mà kế tục tuyệt học, có thể vì duy trì tuệ mạng của chư Phật thì công đức này thật không thể nghĩ bàn!

Thầy Thái Lễ Húc, người Malaysia cùng nhóm hai, ba mươi thầy giáo, trước đây đã làm trong Trung tâm Thang Tri ở Lô Giang, họ phát đại tâm này. Nơi đó có nhân sĩ thiện tâm quyên được mảnh đất rộng mười ba mẫu Anh, chuẩn bị xây dựng ngôi trường. Tôi đã đặt tên cho trường này là “Học Viện Hán Học Malaysia”, được lãnh đạo ở đây ủng hộ. Hiện nay, các vị giáo thọ này ở đó truyền bá Phật

pháp Đại thừa và truyền thống văn hóa. Toàn thế giới có thiên tai, nhưng ở đó không có thiên tai. Đó là mảnh đất phước thứ nhất trên toàn thế giới. Vì sao? Vì hy vọng của người trên toàn thế giới là ở đó! Nếu ở đó bị hủy diệt thì toàn thế giới cũng sẽ bị hủy diệt! Chúng ta trồng một ít phước nơi đó thì phước báo đó là vô lượng vô biên. Chư vị đồng học nếu có tiền cũng đừng đưa cho tôi mà hãy quyên cho ngôi trường đó: “Học Viện Hán Học Malaysia”. Tôi toàn tâm toàn lực ủng hộ họ.

Họ ở nơi đó cũng tổ chức những buổi giảng nhỏ cho những người hứng thú tu học lớp ngắn hạn này. Mỗi năm họ tổ chức khoảng ba lần, mỗi lần là bốn mươi lăm ngày, nhân sĩ hải ngoại nếu thích đều có thể tham gia, nhưng tốt nhất nên từ việc công tác giáo dục. Đây là sự nghiệp giáo dục văn hóa. Có nhiều người phát tâm như vậy, Hán học có thể được tiếp tục truyền thừa. Thật sự có mấy vị giáo thọ hàng đầu rất ưu tú, Hán học tương lai sẽ phát triển rộng rãi. Tôi tin tưởng những vị thầy giáo này, tuy bây giờ họ chưa có tiếng tăm gì, nhưng mười năm sau, chắc chắn họ sẽ thành danh. Tôi tin những trường học hàng đầu trên thế giới, trong đó khoa Hán học đều mời họ đến làm giáo thọ.

Lợi dụng khoa học kỹ thuật cao hiện nay như mạng internet quốc tế và truyền hình vệ tinh, nếu có một kênh chuyên môn, hai mươi bốn giờ không gián đoạn, những người này sẽ luân phiên đến giảng. Trên toàn thế giới người người đều có thể nghe, có thể học từ truyền hình vệ tinh, từ mạng internet. Vậy thì sẽ giải quyết được vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt như tiến sĩ Thang Ân Tử nói trước đây. Chúng ta cũng có thể bổ sung thêm một chút là: *Hóa giải thiên tai của địa cầu trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có Phật học Đại thừa và truyền thống văn hóa xưa mới khởi tác dụng lớn nhất.* Vì sao? Vì thiên tai là do bất thiện trong tâm con người dẫn khởi. Điều này trong

kinh đức Phật đã giải thích thấu triệt. Nho, Đạo cũng không ngoại lệ, đều có cách nhìn giống nhau.

Con người nếu tâm thanh tịnh, thiện lương thì xã hội sẽ an định, thiên tai sẽ được hóa giải. Đại thừa Phật giáo và truyền thống văn hóa xưa chính là dạy chúng ta làm những việc này. *Truyền thống văn hóa và Đại thừa Phật pháp giống như tiếp sức thi đấu vậy. Tôi nhận cây gậy bên trên của thầy, bây giờ giao lại cho họ. Họ là những người truyền thừa. Tôi tin tưởng, thật sự tin tưởng, thành tựu của họ trong tương lai vượt qua tôi rất nhiều. Phải biết rằng nơi đó là phước điền, trồng phước nơi đó mới sinh trưởng, mới có thể thành tựu. Nếu trồng trên cát, đá là đồng nghĩa với vứt bỏ! Cây cối sẽ không mọc nổi!* Cho nên, cần phải nhận thức: Phước điền là gì? Cái gì là đệ nhất phước điền? Nên trồng phước ở đâu?

5. Chung Chung Sự Trang Nghiêm

“*Bị chư trần bảo, cụ túc diệu trang nghiêm giả*” (Đủ tính chất trần bảo, gồm hết diệu trang nghiêm): “Bị” là đầy đủ, có đủ “*chư trần bảo*”: không phải chỉ có bảy loại mà vô lượng vô biên trần bảo. Thế gian này chúng ta không có nên trên kinh chỉ sơ lược nêu ra vài loại trần bảo mà thế giới này có như: kim ngân, lưu ly, mã não v.v...

6. Diệu Sắc Trang Nghiêm

“*Vô cấu quang diệu, xí thanh minh tịnh diệu thế gian giả*”: (Quang vô cấu rực rỡ, sáng sạch rọi thế gian): Thế giới Cực Lạc không có mặt trời, mặt trăng. Mỗi loại vật chất ở đó đều phóng quang; trên thân mỗi người đều phóng quang. Quang minh thế giới Cực Lạc không cần ánh sáng của nhật nguyệt, đó là quang minh của tự tánh, vô cấu sáng đẹp. “Cấu” là tượng trưng cho phiền não, nhưng ở thế giới Cực Lạc không có nên gọi là “*vô cấu*”. Nói cách khác, trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tự tánh

thuần tịnh, thuần thiện nên ánh sáng của nó cũng thuần tịnh, thuần thiện. “*Xí thanh*” là hình dung ánh sáng quang minh của nó rất lớn, rất rực rỡ, thuần tịnh, chiếu diệu thế gian. “*Thế gian*” này là thế giới Cực Lạc, Tứ độ quang minh trang nghiêm.

7. Xúc Trang Nghiêm

“*Trang nghiêm Tịnh Độ chi chủng chủng trân bảo nhu nhuyến; xúc chi giả, sanh thắng lạc giả*”: Trân bảo của chúng ta nơi đây bao gồm: kim ngân, lưu ly, pha lê, trân châu, mã não v.v... “Lưu ly”, thông thường chúng ta gọi là đá quý, ngọc màu xanh. “Pha lê” trong kinh Phật nói, bây giờ chúng ta gọi là thủy tinh, nó là tự nhiên, tất cả đều là vật cứng rắn. Những thứ này ở thế giới Cực Lạc rất mềm mại, lại còn có tánh phóng quang. Người ở thế giới Cực Lạc mặc y phục toàn là trân bảo. Chúng ta đâu biết rằng trân bảo ở đó vừa nhẹ lại vừa mềm như tơ lụa dệt thành, nên khi tiếp xúc nó sẽ cảm giác rất thoải mái, an lạc, dễ chịu.

8. Tam Chủng Trang Nghiêm

Tam chủng ở đây là nói: nước, đất, hư không ở thế giới Cực Lạc. Nước ở thế giới Cực Lạc là nước tám công đức có thể thuận theo ý người. (Theo bản kinh Di Đà dịch đời nhà Đường nói: 1-Lóng trong; 2-Mát mẻ; 3- Ngọt ngon; 4-Nhẹ mềm; 5-Nhuần láng; 6-An hòa; 7-Trừ đói khát; 8-Nuôi lớn các căn lành). Đại địa ở thế giới Cực Lạc là vô lượng trân bảo, trong kinh nói lấy lưu ly làm đất. Lưu ly chính là đá quý, là ngọc màu xanh trong suốt, từ trên mặt đất có thể nhìn thấu tận xuống lòng đất. Trang nghiêm của hư không cũng vô cùng đẹp đẽ: Mưa hoa từ trên không trung rơi xuống, trải trên mặt đất giống như thảm hoa, khi không muốn xem nữa thì lập tức nó biến mất, không còn lưu lại dấu tích nào. Đây là ba loại trang nghiêm.

9. Vũ Trang Nghiêm

“Vũ” ở đây không phải là mưa, nó không phải danh từ mà là động từ. “*Vũ hoa, y trang nghiêm; vô lượng hương huân khắp*”: Từ trên không trung rơi xuống toàn là bảo hoa, bảo y, “*vô lượng chi diệu hương phổ huân giả*”. Cho nên, thế giới Cực Lạc được gọi là “*Thế giới hương quang*”, không khí là hương thơm, là bảo hương. Mùi hương này rất vi diệu; vi diệu ở chỗ có thể giúp ta ướp hương cho tập khí phiền não, có thể nuôi dưỡng Pháp Thân Tuệ mạng, giúp ta tăng trưởng trí tuệ, tăng trưởng phước đức, tiêu trừ nghiệp chướng. Tóm lại, cũng chính là nói muôn sự muôn vật ở thế giới Cực Lạc đều giúp ta thành tựu đạo nghiệp.

10. Quang Minh Trang Nghiêm

“Quang minh này chính là trí tuệ quang minh của Phật. “*Phật tuệ minh tịnh chi nhật, trừ thế chi si minh giả*” (Mặt trời Phật tuệ sáng, sạch trừ thế ám si): “Nhật” ở đây là ví dụ Trí Tuệ quang minh thanh tịnh của Phật giống như mặt trời. Ánh sáng của Phật phổ chiếu khắp nơi. Đương nhiên, chỗ phổ chiếu đầu tiên là thế giới Cực Lạc, sau đó mới biến chiếu hư không pháp giới. Phật quang của Phật A Di Đà vô lượng vô biên không cùng tận.

- Có chiếu đến chỗ chúng ta chăng?

- Đương nhiên là có!

- Phật quang ở đâu?

- Phật quang trong biến pháp giới, hư không giới. Chúng ta hầu như không cảm giác được! Đó là do nghiệp chướng của chúng ta ngăn chận. Nếu có thể tiêu trừ nghiệp chướng thì Phật quang sẽ chiếu đến.

Tất cả chúng sinh trong ánh sáng của Phật, tiếp nhận được sự gia trì của Phật A Di Đà, mỗi người đều không giống nhau. Vì

sao? Vì thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người không giống nhau! Chúng sinh có niềm tin chân thành, khẩn thiết cầu sinh Tịnh Độ, họ tiếp nhận được nhiều nhất. Tiếp nhận được nhiều nhất thì nghiệp chướng của họ cũng tiêu trừ nhiều nhất, phước tuệ của họ cũng tăng trưởng nhiều nhất.

Chư Phật Như Lai trong mười phương đều khuyên chúng ta nên tin Phật. Vì sao? Vì ta sẽ được lợi ích của Phật quang chiếu diệu. Nếu ta không tin và hoài nghi thì chẳng còn cách nào! Thường được đắm mình trong hào quang của Phật, người này làm sao không khai trí tuệ. Công năng của hào quang Phật là phá trừ ngu si, tối tăm của thế gian. “Si” là ngu si; “minh” là ngu đần, khờ khạo; chúng ta thường gọi là tê liệt, khờ khạo. Đây là quả báo do nghiệp bất thiện tích lũy từ vô thủy kiếp đến nay.

Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác không có gì chẳng phải là “nghiệp”. Trong “nghiệp” có tịnh, có nhiễm, có thiện, có ác. Thử nghĩ xem: Nghiệp mà ta tạo là nhiễm hay tịnh, là thiện hay ác? Tự mình rõ ràng minh bạch: Nếu khởi tâm động niệm là lợi ích chúng sinh, ấy là thiện; người này có trí tuệ, tuyệt đối không bị khờ khạo. Bất thiện là tự tư tự lợi. “*Thiện*” *số một là chuyển tâm thành A Di Đà Phật. Đây là số một trong số một, quả báo của nó thật không thể nghĩ bàn!*

11. Diệu Thanh Trang Nghiêm

“*Tịnh độ diệu thanh thâm viển, thiện văn ư thập phương giả*” (Phạm thanh nói vang xa, vi diệu vọng mười phương). Theo Vãng Sinh Luận: “Người Ấn tự cho ngôn ngữ của họ do Phạm Thiên truyền lại, gọi là phạm thanh. Phạm thanh ở nước Cự Lạc có thể (vang) đến các nơi rất xa, không cần lớn tiếng, âm thanh này hòa nhã vi diệu, mười phương đều nghe (liền) khởi tâm thanh tịnh”.

- Âm thanh vi diệu của Tịnh Độ là gì?

- Phẩm cuối cùng của Kinh Vô Lượng Thọ nói là Diệu Âm, đây chính là âm thanh vi diệu của Tịnh Độ, là câu “Nam mô A Di Đà Phật”.

Câu danh hiệu này biến pháp giới hư không giới; người nghe được phước, chỉ cần lọt qua tai thì vĩnh viễn trở thành hạt giống của đạo nghiệp. Họ nghe âm thanh này là có duyên với Phật A Di Đà. Tuy đời này duyên chưa thành thực, còn phải luân hồi trong lục đạo, nhưng họ đã có sự liên quan với Phật A Di Đà; đời sau nhân duyên thành thực, chủng tử này sẽ khởi tác dụng; khẳng định đầy đủ tín, nguyện, hạnh; đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên, họ liền được vãng sinh.

Tôi (tức Hòa Thượng Tịnh Không) cảm thấy trong mười bảy loại trang nghiêm, “*Diệu Âm trang nghiêm*” là đệ nhất. Kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối chủ đích đều là nói câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này khi đại thiên tai đến có thể cứu vãn. Nhưng, rất tiếc là không ai tin tưởng! Nếu ngày nay, người trên thế giới đều biết, đều niệm A Di Đà Phật thì tai nạn có thể hóa giải. Hiệu nghiệm này ít nhất là mười năm mới có thể thấy rõ ràng.

12. Chủ Trang Nghiêm

“Chủ” là thầy, là Phật A Di Đà. “*Chánh Giác chi A Di Đà vi Pháp vương, thiện trụ trì giả*” (A Di Đà Chánh Giác, Pháp vương khéo trụ trì). “Vương” là thí dụ không phải là địa vị mà là tán thán Phật A Di Đà. “*Vương*” cũng có nghĩa là tự tại, bởi quốc vương chỉ cần phát ra hiệu lệnh, mọi người đều tuân thủ, đây là được đại tự tại. Mặt khác, đối với tất cả pháp, Phật A Di Đà đều thông đạt thấu triệt, được đại tự tại nên xưng là *Pháp vương*.

“*Thiện trụ trì giả*”, theo Vãng Sinh Luận: “*Trụ trì: Trụ là ở yên bất động, trì là chống giữ không đổ. Khéo trụ trì là không để cho biến chất vậy. Phật pháp đã đạt đến địa vị cứu cánh, không còn cái gọi là phải tiến thêm bước nữa. Nên những gì đáng sợ chính là xen tạp không còn chánh nữa. Cho nên, phải khéo làm trụ trì để khỏi biến đọa*”. “Trụ trì” cũng có nghĩa là chủ đạo, chánh pháp chủ đạo việc dạy học. Phật A Di Đà đang chủ trì truyền thừa chánh pháp ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Mỗi người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, trong tương lai đều thành tựu giống như Phật A Di Đà, đều là hóa thân của Phật A Di Đà. Một vị Phật A Di Đà đều biến thành vô lượng vô biên vô số vô tận vị Phật A Di Đà mới có thể đem pháp môn vô cùng thù thắng này truyền khắp biến pháp giới, hư không giới.

Vị thầy giới thật sự luôn hy vọng học sinh thành tựu hơn mình (Riêng Phật A Di Đà là bậc tối tôn đệ nhất, không còn có địa vị nào cao hơn nữa, cho nên thành tựu cao nhất của người vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc là ngang bằng với đức Phật A Di Đà). Có câu “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*”, như vậy là giáo dục thành công. Thành tựu của học sinh nếu ngang hàng với thầy, giáo dục đó cũng chưa xem là thất bại, nhưng không được xem là thành công. Nếu dạy học trò không được như thầy thì giáo dục đó đã thất bại!

Truyền thừa trong gia đình cũng vậy! Làm cha mẹ luôn hy vọng con cái thành tựu hơn mình thì gia đình này mới hưng vượng. Nếu đời sau không như đời mình thì gia đạo này đang suy yếu, suy yếu thì có lỗi với tổ tông!

Dạy học trong Phật pháp, nếu đời sau không thể vượt qua đời này là có lỗi với Phật, Bồ Tát, với chư vị Tổ sư!

- Vì sao họ có thể vượt hơn ta?
- Bởi ta là bàn đạp của họ, là cơ sở của họ.

Họ đứng từ trên vai ta, nhất định phải cao hơn ta. Điều này là khẳng định! Vấn đề là học sinh phải thật học, phải thật thực hành mới được! Chính họ không chịu học thì không còn cách nào khác! Trước đây thầy giáo có thể thôi thúc học sinh, bây giờ thì không được! Thời nay nói nhân quyền, đối với học sinh nghiêm khắc một chút, họ sẽ tố cáo với cảnh sát, cảnh sát đến làm phiền! Sao phải khổ sở như vậy?! Học sinh thời nay cần phải tự hiểu để siêng năng! Thầy giáo không dám đốc thúc! Con cái bây giờ cũng cần tự mình phấn đấu, cha mẹ không dám quản thúc con cái! Cho nên, đạo đức vì sao mà suy yếu? Pháp vì sao mà bị diệt? Đạo lý chính là ở đây!

Người bây giờ bắt hiểu với cha mẹ, không tôn kính sư trưởng, họ làm sao thành tựu được?! Đại Sư Ấn Quang lớn tiếng thức tỉnh mọi người: “*một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Đối với cha mẹ, sư trưởng không có tâm hiếu kính, tuyệt đối sẽ không có thành tựu! Câu nói này là chân lý! Tất cả pháp thế gian thành tựu đều từ sự cung kính mà có được, điều này nhất định phải biết.

13. Quyển Thuộc Trang Nghiêm

Theo Vãng Sinh Luận: “*Như Lai tịnh hoa chúng, hóa sinh hoa chánh giác*”: Sinh vào thế giới Cực Lạc là từ hoa sen hóa sinh. Hoa sen có đức tính khác thường, từ bùn mà không nhiễm. Quyển thuộc ở cõi Cực Lạc hóa sinh như vậy, cũng có nghĩa là từ đời ác năm trước sinh về cõi kia mà được thanh tịnh nên gọi là Như Lai tịnh hoa chúng.

Ở thế giới Cực Lạc: Chủ là thầy giáo, quyển thuộc là học sinh. Quyển thuộc này từ đâu đến? Có thể nói thế giới Cực Lạc thuần chớ không tạp, mỗi người vãng sinh đều đầy đủ điều kiện mà thế giới Cực Lạc yêu cầu; điều kiện không phù hợp thì không thể vãng sinh. Điều kiện này chủ yếu nhất là: “*Phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên*

niệm”. Trong “*Phát Bồ Đề tâm*” còn có điều kiện, như trong Kinh Di Đà, đức Thế Tôn giới thiệu: Không thể thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sinh về nước kia. Ngoài ra, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, điều kiện cơ bản của tất cả chư Phật giáo hóa chúng sinh là: Giới-Định-Tuệ tam học, lục độ, lục hòa; bất luận tu pháp môn nào đều cần phải đầy đủ. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Phổ Hiền, có sự liên quan nhất với Phổ Hiền Bồ Tát, như phẩm thứ hai của kinh này là “Đức Tuân Phổ Hiền” đã nói.

Trước kia, khi tôi rời Mỹ, Tịnh Tông Học Hội, theo tôi biết có hơn ba mươi hội. Bây giờ, trên toàn thế giới, chỗ Tịnh Tông nhiều nhất là Malaysia. Nghe nói ở Malaysia có đăng ký với chính phủ có hơn năm mươi hội; không có đăng ký có thể gần một trăm hội. Tịnh Độ tông ở Malaysia đặc biệt thù thắng, không có khu vực nào hơn nơi đây. Họ rất nhiệt tâm, người học Phật chân chính rất đông. Chỗ này rất tốt! Xã hội an định, ít thiên tai. Âu Châu cũng có mấy Tịnh Tông Học Hội. Âu Châu là nơi đất nhiều, người ít; nhân khẩu cư trú đều tập trung dọc ven biển, ở giữa đất liền rất ít người trú, cho nên ven biển có mấy đô thị lớn đều có Tịnh Tông Học Hội.

Tịnh Tông Học Hội khi mới thành lập, tôi đã viết phần duyên khởi nêu ra phương pháp tu học cụ thể, gồm có năm khoa mục; những gì chúng tôi căn cứ là “Tịnh Độ Ngũ kinh, nhất Luận”: Thứ nhất là “Tịnh nghiệp tam phước”, đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Tịnh Tông, xuất phát từ Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong đó đức Phật nói với phu nhân Vi Hề Hi:

Thứ nhất: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”.

Thứ hai: “Thọ trì Tam qui, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi”.

Thứ ba: “Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”.

Tiếp theo đó, Phật lại nói: Ba điều này là “*Tịnh nghiệp chánh nhân*” của *chư Phật ba đời*. Câu này rất quan trọng! Phàm phu, Bồ Tát tu hành thành Phật đều y theo ba điều này. Chúng ta có thể lãnh hội:

Điều thứ nhất là Tịnh nghiệp của phàm phu.

Điều thứ hai là Tịnh nghiệp của Nhị thừa.

Điều thứ ba là Tịnh nghiệp của Bồ Tát Đại thừa.

Trong vấn đề tu tập, nếu làm người chưa tốt, sao có thể làm Bồ Tát! Sao có thể vãng sinh thế giới Cực Lạc?! Vãng sinh thế giới Cực Lạc, ba điều kiện này cần phải đầy đủ. Câu thứ nhất trong điều thứ nhất là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, chúng ta đã làm được chưa? Câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”, là truyền thống văn hóa xưa của chúng ta; trong đây nói “*hiếu thân tôn sư*”; không đầy đủ điều kiện này không thể vãng sinh! Cho nên, người niệm Phật rất nhiều mà vãng sinh rất ít!

- “Hiếu thân tôn sư” nên làm cách nào?

- Phải thực hành “Đệ tử qui”; “Đệ tử qui” chính là “hiếu thân tôn sư”, từ nhỏ phải bắt đầu dạy.

Câu thứ ba “Tù tâm bất sát”, đây là thực hành trong “Thái Thượng Cảm Ứng Thiên”, là giáo dục nhân quả. Câu cuối “Tu thập Thiện nghiệp” tức là thực hành trong “Thập Thiện Nghiệp Đạo” Kinh. Trong đây căn bản của Thích, Đạo, Nho đều đã hiển bày.

Ngày xưa, thời đại Đế Vương, có thể nói mỗi người từ nhỏ đều đã tiếp nhận giáo dục này, nên nền tảng của họ rất vững chắc,

trải qua bao thời đại, gương mẫu tư tưởng của họ đều là “*hiếu tri thiên hạ*”, không có vị Đế Vương nào không nói hiếu đạo.

Những năm cuối nhà Thanh, Từ Hi Thái Hậu chấp chánh, đối với truyền thống xưa đã sơ sót; xã hội lúc đó tuy vẫn còn có người đề cập nhưng không thực hành; thế gian gọi họ là “ngụy quân tử”, không phải là thật! Đến thời Dân Quốc, người nói cũng không có, nên “*ngụy quân tử*” cũng không tìm thấy! Do đó, người xưa trong vòng một trăm năm gần đây đã quên lãng truyền thống văn hóa! Bây giờ nói đến “Nho, Thích, Đạo” hay “Đệ tử qui”, mọi người đều cảm thấy xa lạ!

Trước đây, chúng tôi ở thị trấn Thang Trì, Lô Giang thành lập một trung tâm thí nghiệm, chính là để đẩy mạnh “Đệ tử qui”, làm được ba năm và hiệu quả vô cùng tốt. Nhân dân ở đây rất vui mừng, không ngờ tổ tiên họ đã để lại thứ quý giá như vậy. Chúng tôi làm thí nghiệm này là vì Liên Hiệp Quốc mà thực hiện. Trong mấy năm đó tôi tham gia rất nhiều lần Hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, mỗi lần trong Hội nghị, tôi đều có chủ giảng. Tôi đem những thứ thuộc về truyền thống văn hóa giới thiệu cho mọi người. Khi nghe xong, họ đều rất hoan hỉ, nhưng sau đó, lúc dùng cơm, mọi người cùng nhau trò chuyện; rất nhiều người đưa ra vấn đề để hỏi tôi. Họ nói: Pháp sư! Ông giảng rất hay! Nhưng đây là lý tưởng không thể thực hành được! Tôi đã bị quan niệm sai lầm như vậy của họ kích động, cảm thấy không thể không làm ra một thành tích kiểu mẫu cho mọi người xem. Nếu không làm ra kiểu mẫu họ sẽ không tin tưởng.

Trước đây ở Mỹ, ở Singapore, ở Indonesia, Âu Châu, tôi cũng đã cố công tìm một chỗ để làm thí nghiệm nhưng duyên chưa thành thực Tôi muốn dùng một thị trấn nhỏ để thúc đẩy việc này, dạy “Đệ tử qui”, truyền thống văn hóa xưa. Mùa xuân, đầu năm 2005, tôi trở về quê sau bảy mươi năm xa cách chỉ còn gặp lại một vài thân

thích, anh em cùng hàng dòng tộc có khoảng ba mươi người. Thật là tuổi nhỏ xa quê, già trở về! Hơn bảy mươi tuổi trở về với vô vàn cảm khái! Họ mời tôi dùng cơm, tôi đem tình hình những năm lưu lạc ở nước ngoài kể với mọi người. Khi nói đến tham gia công việc này với Liên Hiệp Quốc, muốn tìm một chỗ để làm thí nghiệm nhưng không tìm thấy; các lão huynh đệ ở quê, sau khi nghe xong đều rất nhiệt tình: - Thôi thì trở lại quê hương mình làm thí nghiệm vậy! Lúc đó, lãnh đạo địa phương cũng hoan hỉ tán thành, và như vậy chúng tôi đã làm thành công.

Chúng tôi vốn tự nghĩ ít nhất phải hai, ba, năm mới thấy được hiệu quả, không ngờ chưa đến bốn tháng, hiệu quả đã ngoài sức tưởng tượng. Các thầy giáo chúng tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, đã chứng minh được hai việc:

- *Thứ nhất* là như cổ nhân thường nói: “*Tánh người vốn thiện*”. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*”. Tánh con người thật sự là thiện, chỉ là không có người dạy họ!

- *Thứ hai* là *con người rất dễ dạy*: Chưa đến bốn tháng họ đã hồi đầu; đã từ phàm phu biến thành quân tử; đã hiểu lễ phép, tâm lành phát khởi, không muốn làm việc xấu, không muốn áp bức người khác. Thật hiếm có! Việc này là việc tốt!

Nhưng, khi chiếu theo pháp luật của Trung Quốc thì chúng tôi đã làm không đúng pháp! Vì chúng tôi là người xuất gia, lại là người hải ngoại. Chính sách của chính phủ: Người xuất gia ở hải ngoại có thể về nước thăm thân bằng quyến thuộc, tham quan du lịch, điều này không hạn chế, nhưng không được hoạt động những việc liên quan đến tôn giáo. Tôi làm điều này tuy không phải là hoạt động tôn giáo mà là hoạt động của truyền thống văn hóa, nhưng đối với

người xuất gia thì cũng không được, cho nên cuối cùng trung tâm phải đóng cửa!

Các thầy giáo chúng tôi, một số đang ở Malaysia tiếp tục học tập. Tôi hy vọng họ đều tinh tấn học tập ba truyền thống căn bản của “Thích, Đạo, Nho” này; thời gian phải là mười năm; chưa đến mười năm không thể thành công. Sau mười năm, họ có thể trở thành những nhà Hán học hàng đầu của thế giới.

Tôi đã hai lần phỏng vấn ở Đại học Luân Đôn, Đại học Cambridge, đã giao lưu với họ, cũng rất thân với các vị giáo thọ này. Tôi cũng rất khâm phục, họ không những học tập truyền thống văn hóa Trung Quốc mà công lực của họ về thể loại văn cổ cũng tương đối sâu dày, có thể đọc những tác phẩm văn cổ, xem chú giải cổ của truyền thống Trung Quốc. Điều này khoa văn học của một số trường Đại học hiện nay không làm được! Cùng giao lưu với họ không cần phải thông dịch, vì họ đều am hiểu Hán học, chúng ta chẳng thể không bội phục!

Bây giờ thầy giáo Hán học không còn nữa! Nếu không có người truyền thừa, Hán học sẽ bị đoạn! Như vậy thì thật đáng tiếc! Di sản còn lưu lại sẽ không có ai đọc được! Cho nên, hai ba mươi thầy giáo này đã phát tâm truyền thừa.

“*Quyển thuộc trang nghiêm*” trong *Vãng Sinh Luận* nói đến “chư Bồ Tát”; “Chư Bồ Tát” ở đây là người vãng sinh. Tất cả người vãng sinh đều được gọi là Bồ Tát. Cho dù họ vãng sinh về thế giới Cực Lạc vào cõi Phạm thánh Đồng Cư, Hạ Hạ phẩm vãng sinh; cũng được oai thần bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà gia trì, họ chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát chứ không phải Bồ Tát bình thường, nên ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều thuận là Bồ Tát. Ở đó chỉ có hai hạng người: Chủ là Phật, Bồ Tát là học sinh.

Mục tiêu của thế giới Cực Lạc là “tức thân thành Phật”, chính là ngay trong đời này giúp ta chứng được quả Phật cứu cánh viên mãn, hoàn toàn giống như Phật A Di Đà. Trí tuệ, thần thông, đạo lực, phước báo cũng đều là đệ nhất, điều này không đáng nể sao? Sự việc này thật không thể nghĩ bàn! Thông thường nói: Đó chỉ là lý tưởng không thể làm được, nhưng Phật A Di Đà đã làm được.

- Sao ngài làm được?

- Bởi ngài phát bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện không vì mình mà vì tất cả chúng sinh.

Quốc độ chư Phật trong biến pháp giới, hư không giới; trong đó lục đạo là đáng thương nhất! Mê sâu nhất! Tạo nghiệp nặng nhất! Giúp họ một đời thành Phật ngài đã làm được. Ngài dùng thời gian năm kiếp để thực hành bốn mươi tám nguyện và mỗi nguyện đều đã viên mãn. Thực hành viên mãn bốn mươi tám nguyện thì thế giới Cực Lạc liền xuất hiện. Đạo lý này không khó hiểu, người học Phật nghe rất quen thuộc.

Trong Kinh Đại thừa, đức Phật thường dạy: “*Nhất thiết pháp tòng tâm tướng sinh*”. Thế giới Cực Lạc là từ trong tâm tướng của Phật A Di Đà biến hiện ra. Lợi ích bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, chúng ta mỗi ngày đều niệm; khi niệm chúng ta sẽ dần dà thể hội mà phát tâm giống như A Di Đà Phật. Tuy chúng ta chưa làm được như A Di Đà Phật nhưng cũng đừng vội lo lắng! Đến thế giới Tây phương Cực Lạc, chúng ta làm tiếp, nhất định sẽ làm được! Mỗi nguyện cần phải thực hiện; nguyện nguyện phải vì tất cả chúng sinh không phải vì mình. Có ý niệm vì mình là tiểu thừa thì không thể vãng sinh!

Đức Phật yêu cầu chúng ta phải “Phát Bồ Đề tâm”, tâm lượng của Bồ Đề tâm không có biên tế. Trong đời này chúng ta nhất định chỉ có một phương hướng là thế giới Tây Phương Cực Lạc; một

mục tiêu là thân cận Phật A Di Đà; nhất hướng chuyên chí đồng tâm, đồng nguyện với Phật A Di Đà.

Đến thế giới Cực Lạc tất cả đều là liên hoa hóa sanh, thân tướng hoàn toàn tương đồng với Phật A Di Đà. Cho nên thế giới Cực Lạc là pháp giới bình đẳng; không như thế giới Ta Bà chúng ta: Con người sau khi sinh ra từ nhỏ mới dần dần lớn lên, không phải vậy! Ở thế giới Cực Lạc, trong liên hoa thất bảo đột nhiên có Bồ Tát xuất hiện, họ và Phật A Di Đà hoàn toàn giống nhau. Thể chất của họ là tử ma chân kim sắc, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, nên với Phật A Di Đà không có gì khác biệt. Trong bốn mươi tám nguyện nói: Nếu có tướng hảo sai biệt, Phật A Di Đà thế sẽ không thành Phật. Nhưng, bây giờ ngài đã thành Phật.

Cho nên, mỗi người ở thế giới Cực Lạc, tướng mạo đều tương đồng, hoàn toàn là tướng Phật cứu cánh viên mãn. Vãng sinh đến thế giới Cực Lạc gặp được Phật A Di Đà, được oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, lập tức họ sẽ có năng lực ứng hóa đến mười phương thế giới để hóa độ tất cả chúng sinh có duyên. Thế giới Cực Lạc thật bất khả tư nghị! Trong Vãng Sinh Luận nói ba loại thù thắng:

- Thứ nhất: Phật là thầy giáo thù thắng.

- Thứ hai: Bồ Tát là học sinh thù thắng.

- Thứ ba: là quốc độ thù thắng, là đạo tràng thù thắng. Môi trường học tập quá tốt! Bất cứ ai tu tập trong môi trường này đều có thể đào thải được tập khí vô thi vô minh, nâng cao cảnh giới của chính mình, thành tựu trí tuệ viên mãn, đức tướng viên mãn.

14. Thọ Dụng Trang Nghiêm

“Thọ dụng” là nói trong cuộc sống hàng ngày. “*Thọ dụng Đại thừa chi pháp vị, thiên vị, tam-muội vị giả*”. Theo Vãng Sinh

Luận: “Thế giới Cực Lạc cũng có thọ dụng, song không giống như cách ăn uống của thế gian. Vị Phật pháp tức là pháp hỷ, là niềm vui sướng hân hoan do thấu hiểu Phật pháp mang lại. Thiên tam-muội là thiên duyệt, là niềm an lạc có được do thiên định mang lại. Thiên là tĩnh lự, có định có tuệ. Tam-muội là đẳng trì có nghĩa là bình đẳng giữ tâm không hề tán loạn cũng không hề sôi động. Tuệ mệnh của đại chúng Cực Lạc dùng Định-Tuệ để nuôi lớn nên lấy Định-Tuệ làm thọ dụng”.

Chúng ta vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc hoàn toàn không giống như ở thế giới này. Phía trước đã nói qua: Ở thế giới này thân chúng ta là thân nghiệp báo, mỗi người đều có số mạng chủ định. Muốn chuyển đổi số mạng chỉ có cách duy nhất là vãng theo những lời Phật dạy, y giáo phụng hành. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân là thân pháp tánh nên không cần ẩm thực. Khí hậu ôn hòa rất tốt không có bốn mùa, không có nóng, lạnh. Y phục vô cùng mềm mại, thoải mái. Thân pháp tánh nên cư ngụ ở cõi Pháp tánh. Những thọ dụng của họ là “*Đại thừa pháp vị*”, chúng ta ở đây một phần cũng có thể nếm được.

Trong những năm gần đây, hàng ngày chúng tôi đọc tụng kinh luận Đại thừa, cùng nhau chia sẻ Phật pháp với các đồng tu, tôi cảm nhận được điều này thật vô cùng hạnh phúc! Vui không biết mệt! Có đồng tu ngại tôi tuổi lớn, mỗi ngày giảng bốn tiếng đồng hồ thì quá mệt. Tôi nói: Không giảng kinh mới thật sự là mệt! Đừng nói chỉ bốn tiếng đồng hồ, mười hai tiếng cũng không mệt! Càng giảng càng vui! Pháp hỷ sung mãn! Tôi hoan hỷ, mọi người cũng hoan hỷ. Đây là “*Thiên vị, tam-muội vị*”, điều này không phải nhân gian, đến cả thiên nhân cũng không hưởng thụ được!

“Sắc giới thiên” tuy tu thiên nhưng đó chỉ là thế gian thiên, hoàn toàn không tương đồng với xuất thế gian thiên. Thân pháp tánh

hoàn toàn nương theo tánh đức, Pháp hỉ sung mãn. Người xưa nói: “Nhân phùng hỉ sự, tinh thần soảng”, con người gặp được việc vui thì đặc biệt hưng phấn, đặc biệt vui vẻ. Chư Phật, Bồ Tát từ sớm đến tối đều pháp hỉ sung mãn, thường sinh tâm hoan hỉ. Vì sao? Vì cảnh giới của chính họ không ngừng nâng cao! Vui vì nhìn thấy chúng sinh có thể tiếp nhận Phật pháp, có thể thực hành giáo huấn những lời Phật dạy mà sinh tâm hoan hỉ; nếu họ không thể tiếp nhận Phật pháp thì biết rằng nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, phải tha thứ họ, hi vọng nghiệp chướng của họ sẽ dần dà được tiêu trừ, rồi họ sẽ tin tưởng. Đặc biệt là đối với thời đại hiện nay, nghiệp chướng của chúng sinh quá sâu nặng! Không những thế mà còn báo ứng hiện tiền!

15. Vô Chư Nạn Trang Nghiêm

Câu này là để ứng đối với hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, khiến chúng ta cảm nhận vô cùng sâu sắc. Chúng ta ngày nay gặp tai ương quá nhiều như bệnh khô, lo lắng, phiền não dầy dầy! Tai nạn cộng nghiệp như thiên tai trên địa cầu: Động đất, núi lửa bộc phát, sóng thần, phong tai, khí hậu biến hóa v.v... cũng không phải ít!

Hiện nay bốn mùa đột biến! Xuân, Thu hầu như không có, mùa hạ quá nóng, mùa đông quá lạnh! Rất nhiều động vật không thể thích ứng khí hậu, nó sẽ tuyệt chủng! Động vật tuyệt chủng sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với sinh tồn của nhân loại trên địa cầu. Ảnh hưởng rõ ràng nhất chính là nguy cơ lương thực và nguy cơ về nguồn nước. Tương lai, nước khô cạn hết vậy thì chẳng đáng sợ sao?! Ấy là chưa kể đến nguy cơ về nguồn năng lượng v.v... Tất cả các nguy cơ đều xuất hiện!

Phật dạy rất rõ, tất cả đều do nghiệp lực của chúng sinh mà chiêu cảm: Thế giới Cực Lạc do tịnh nghiệp; cõi trời do thiện nghiệp; ba đường ác do ác nghiệp. Chúng ta bây giờ đang ở nhân đạo nhưng

không có thiện niệm! Thiện niệm, thiện ngôn, thiện hành đều không có, nên tuy ở nhân đạo nhưng phải chịu khổ của tam ác đạo! Hiện tại chúng ta nhận chịu những sự khổ này đó là “hoa báo”. Sau khi chịu khổ ở đây xong, đến tam ác đạo tiếp tục chịu khổ, đó gọi là “quả báo”. “Quả báo” khổ hơn nhiều so với “hoa báo”.

- Làm sao cứu vãn những thiên tai trước mắt này?

- Đến Lý Thế Vân cũng nói chỉ có niệm Phật!

Nếu người trên toàn thế giới đều có thể niệm Phật thì thiên tai sẽ được hóa giải. Nhưng, con người không chịu niệm! Còn cho rằng đó là mê tín không phù hợp khoa học!

Trong kinh điển có rất nhiều điều vượt trên khoa học, mà hiện tại khoa học vẫn chưa thể giải thích! Có thể mười mấy năm sau hoặc mấy trăm năm nữa khoa học mới giải thích được. Nhưng, mười mấy năm, mấy trăm năm thì thế giới này sẽ không còn nữa! Điều này chỉ có người thâm nhập Đại thừa mới biết. Biết! Nhưng cứu không được thế giới này, ít nhất cũng cứu được chính mình. Không hóa giải được đại thiên tai của thế giới, ít nhất cũng hóa giải được thiên tai của khu vực chúng ta, điều này có thể làm được, nếu chúng ta có công lực tu hành.

Cho nên, người học Phật càng nhiều thì càng tốt. Phải thật sự học, phải thật sự sửa đổi tâm mình. Người giác ngộ sẽ đạt được niềm vui chân chánh, pháp hỷ sung mãn, nhất định không có vọng tưởng, không có lo lắng, vướng bận. Chân tướng của giác ngộ là “vô ngã”, quên mình vì người, trong tâm chỉ có người khác không có chính mình; sống trên thế gian này toàn tâm toàn lực phục vụ tất cả chúng sinh, đây chính là đại Bồ Đề tâm có thể tiêu nghiệp chướng. Có bản ngã là có nghiệp chướng, có oán thân trái chủ tìm đến. “Vô ngã”, nghiệp chướng không còn, oán thân trái chủ tìm không thấy; tai nạn, thiên tai cũng đều không có,

“*Vĩnh ly thân tâm khổ não, thọ lạc vô gián đoạn giả*”. Tuy “Vô ngã”, nhưng vẫn có người, có chúng sinh, có Phật, Bồ Tát để ta tôn kính và học tập từ họ. Có chúng sinh, ta dẫn dắt họ lìa khổ được vui; giúp chư Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sinh, đem Phật pháp giới thiệu cho mọi người, đây là niềm vui “*thọ lạc vô gián*”, vĩnh viễn là hoan hỉ.

“*Bất kiến thế gian quá*” (Không thấy lỗi của thế gian), tất cả sai lầm của người thế gian đều không để trong tâm. Nếu để trong tâm tức là ta có khổ! Họ làm ác cũng chớ nên trách cứ, trái lại càng thương xót, bởi biết rằng do mê thất tự tánh, không người chỉ dạy nên họ mới tạo nghiệp!

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*”. Biết bao thời gian qua đã lãng quên đi truyền thống văn hóa và Phật pháp Đại thừa, ít nhất cũng là năm thời đại. Cho nên, ta không thể trách cứ: Cha mẹ ta không biết, ông bà ta không biết, ông bà cố cũng không biết, ông bà cao tổ chắc biết một chút nhưng cũng sơ suất, chúng ta làm sao có thể trách họ! Phật giáo cũng như thế! Quá khứ sơ suất, ngày nay không có người dạy!

Trong đời, tôi cảm thấy vô cùng may mắn đã gặp được ba vị thầy, thiếu một trong ba vị này đều không được, tôi không thể thành tựu! Thầy Phương là người dẫn dắt tôi con đường nhập môn, không có thầy tôi không vào được cửa Phật, bởi quan niệm sai lầm của tôi đối với Phật giáo cải đổi không được! Tôi là một người cố chấp nặng nề, nên bảo tôi thay đổi quan niệm là rất khó! Cũng chính là do từ nhỏ cống cao ngã mạn, trong mắt không coi ai ra gì, cứ chấp chặt cái nhìn sai lạc của mình. Nếu không phải là người mà trong tâm tôi kính phục nhất thì họ không thể dạy tôi, tôi không tin tưởng họ!

Cho đến khi gặp được thầy Phương Đông Mỹ. Trong số mười mấy vị giáo thọ nổi tiếng tôi quen, trong đó thầy Phương là người tôi khâm phục nhất. Hơn nữa, tôi đối với triết học vô cùng hứng thú. Tôi theo thầy học không phải ở trường mà ở nhà của thầy. Một thầy, một trò; mỗi tuần học hai tiếng. Tôi rất cảm kích thầy, thầy đặc biệt chỉ dạy tôi; cách dạy này là tùy cơ ứng biến. Tuy tôi học không nhiều nhưng ngộ tánh của tôi mạnh, có thể hiểu và có thể lãnh hội.

Cứ như thế mà tôi đã làm quen với Phật giáo. Chưa bao lâu, tôi quen Đại Sư Chương Gia, ngài là nhà Phật học nổi tiếng. Đại sư dạy tôi phương thức cũng rất đặc biệt, giống như thầy Phương, mỗi tuần dạy tôi hai tiếng. Tôi học một mình với Đại sư ba năm đến khi ngài viên tịch. Nền móng căn cơ Phật học của tôi đều nhờ Đại Sư. Ngài khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi học theo đức Thế Tôn, duy trì tuệ mạng Phật pháp, hoằng pháp lợi sinh, tôi nghe lời và đã thật sự làm được.

Học Phật và giảng kinh cũng gần hai mươi năm, tôi mới làm quen với pháp môn Tịnh Độ. Tôi vô cùng cảm ân thầy Lý, trước đây đã nhiều lần khó nhọc khuyên tôi chọn pháp môn này, nhưng tôi chưa chịu lãnh hội! Đến khi giảng Kinh Hoa Nghiêm mới biết Văn Thù, Phổ Hiền đều tu Tịnh Độ. Chẳng những chính mình tu mà còn lãnh đạo bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong Hoa Tạng hải hội đến thế giới Cực Lạc học tập với Phật A Di Đà. Cảnh quan này khiến tôi vô cùng cảm động.

Tôi tiếp tục quan sát tường tận Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài là môn sinh đặc ý của Văn Thù, đương nhiên phải hoàn toàn giống thầy, quả nhiên không sai! Trong năm mươi ba lần tham học, những gì Thiện Tài tu đều là pháp môn Niệm Phật. Tuy đi khắp nơi trải sự

luyện tâm, tăng trưởng “hậu đắc trí” (nghĩa là chẳng có gì không biết), nhưng pháp môn tu vẫn duy trì là pháp môn Niệm Phật.

Cuối cùng tham học, đến lần thứ năm mươi ba là “Phổ Hiền Bồ Tát thập đại Nguyên Vương đạo qui Cực Lạc”, từ chỗ này tôi lãnh hội được tôn giáo đa nguyên. Đối với bất cứ tôn giáo nào tôi cũng kính trọng. Tôi biết khác đường nhưng cùng về một chỗ. Tôn giáo thế giới là một nhà, nên tôi học, tôi nghe và tôi biết: Pháp môn nào dạy ra sao đều có thể bao dung; chỉ cần không phải là tà giáo tôi đều hoan hỉ, tán thán, lễ kính, cúng dường.

Những năm gần đây, tôi kết duyên rất sâu, rất rộng với các tôn giáo bạn nên mới xa rời khổ não của thân tâm, tự mình được lợi ích “*thọ lạc vô gián đoạn*”. Đây là lợi ích vô cùng lớn lao. Bất luận là thuận hay nghịch cảnh; thiện duyên hay ác duyên, những gì cảm nhận được đều là niềm vui, không có những ưu bi khổ não.

16. Đại Nghĩa Môn Trang Nghiêm

- Cái gì là “Đại Nghĩa”?

- Theo Hòa Thượng Tịnh Không, điều này có thể giải thích tóm gọn lại một câu: “*Tịnh Độ thị Đại thừa thiện căn giới*”. “*Giới*” là giới hạn, là cảnh giới. Tịnh Độ là cảnh giới thiện căn của Đại thừa.

Theo Vãng Sinh Luận có chú giải như sau:

“*Sự thành tựu (của) công đức (về) đại nghĩa môn là “Đại thừa thiện căn giới, bằng, không danh xấu xa, người nữ và căn khuyết, giống nhị thừa không sinh”*”. Quả báo Tịnh Độ là hai lỗi xấu xa cần phải biết: Một là thể, hai là danh. Thể có ba loại: Một là người nhị thừa, hai là người nữ, ba là người không đầy đủ các căn. Không ba lỗi lầm ấy gọi là “*lìa (sự) xấu xa (về) thể*”.

Danh cũng gồm có ba loại: là do không những không có ba thể mà cho đến còn không nghe đến tên của ba loại danh như: Nhị thừa, người nữ và không đủ các căn (kia), nên gọi là “lia (sự) xấu xa (về) danh”. “Bằng” là do bằng nhau một tướng”.

“Đại nghĩa môn” có nghĩa là Đại thừa nghĩa môn; Phật pháp tổng quát gồm có hai môn: Tiểu thừa và Đại thừa. Tịnh Độ thuộc về ý nghĩa của môn Đại thừa nên gọi là “Đại nghĩa môn”. Người vắng sinh về Tịnh Độ đều lấy thiện căn của Đại thừa làm nhân (giới) bình đẳng và không có các danh xấu xa (Hán ngữ gọi là “Cơ hiểm danh”. Đúng nghĩa của “Cơ hiểm” là chỉ trích, chê bai).

Thế giới Cực Lạc không những không có ba loại người này mà còn không có cả ba loại danh ấy nữa, bởi tất cả đều bình đẳng một tướng vậy. Theo đó, Thanh Văn mà thế giới Cực Lạc có, chính là dùng thân Thanh Văn (song) hồi tâm (về) Đại thừa để mà sinh vào (đây) hoặc là do Phật thị hiện để trang nghiêm Tịnh Độ (tức là làm đẹp cho Tịnh Độ) khiến cho Tịnh Độ không bị ai chỉ trích hết. Chữ “Bằng” là bình đẳng (Hán văn là “đẳng”). Do đó nói không có người nữ, căn khuyết và người thuộc Nhị thừa, không có nghĩa là các người đó không được vắng sinh, mà là khi sinh về Cực Lạc rồi thì tất cả đều bình đẳng một tướng, tức quang minh trí tướng của A Di Đà Phật.

Nhưng phải hiểu trí tướng này vốn vô tướng (sắc tức thị Không) và đồng thời lại là tất cả tướng (Không tức thị sắc), thế nên phải hiểu chúng sinh sinh về đó đồng một thật tướng “Không” bình đẳng, song mỗi người vẫn giữ lấy tướng riêng của mình tùy theo nguyện. Tại sao dám nói như vậy? Bởi chính các chúng sinh tự là Không, tự là tự thể Bát Nhã vậy. Do đó khi Bát Nhã hiển hiện, tác dụng của Bát Nhã không hề trở ngại hay phá hủy hiện tướng của chúng sinh.

17. Nhất Thiết Sở Cầu Mãn Túc Trang Nghiêm

Nhất thiết sở cầu mãn túc trang nghiêm (đầy đủ công đức về cả các mong cầu). Điều này thật quá ư thù thắng, cũng là sự thành tựu lớn nhất của thế giới Cực Lạc. Mười bảy loại trang nghiêm y báo trên đây là nghiêm nặng về nhu cầu vật chất, hoàn toàn do biến hóa ra, không cần người thiết kế hay chế tạo, muốn thứ gì thì thứ ấy hiện ngay trước mắt; không cần nữa thì nó tự động biến mất chẳng cần phải thu dẹp hay lưu trữ. Thật là tự tại!

Ở thế giới Cực Lạc không có gì phải khổ tâm lo lắng. Bài kệ của *Đại sư Đàm Loan* nói rất hay “*chúng sinh sở nguyện lạc, nhất thiết năng mãn túc cố*” (chúng sinh bao ước muốn, tất cả đều đầy đủ). Câu này là tối trọng yếu bởi nó nói lên trọn vẹn sự viên mãn của công đức lợi mình, lợi người của Phật A Di Đà vậy. Theo Thế Thân Bồ Tát, phần này nói về công đức lợi tha của A Di Đà Phật. Nhưng cũng đồng thời là xác định rằng chỉ có Cực Lạc thế giới mới là độ sinh chân chính và đúng nghĩa Đại thừa nhất.

Trên đây là lược nói xong về mười bảy loại y báo công đức trang nghiêm của thế giới Cực Lạc. Về chánh báo có mười hai loại, chia làm hai phần: tám loại trang nghiêm của Phật và bốn loại trang nghiêm của Bồ Tát. **Tám loại trang nghiêm của Phật** là:

- Một là trang nghiêm tòa.
- Hai là trang nghiêm thân.
- Ba là trang nghiêm khẩu.
- Bốn là trang nghiêm tâm.
- Năm là trang nghiêm chúng.
- Sáu là trang nghiêm thượng thủ.
- Bảy là trang nghiêm chủ.

- Tám là trang nghiêm không ủng làm trụ trì.

1. Tòa Trang Nghiêm

“*Vô lượng chi đại bảo vương, vi diệu chi tịnh hoa đài giả*” (vô lượng vua báu lớn, đài hoa sạch vi diệu): “*Tòa*” là chỗ ngồi. Người ở thế giới Cực Lạc không ngủ nên họ không sử dụng giường. Chỗ ngồi đều trên tòa hoa sen. Ở đây nói “*tịnh hoa đài*” chính là đài sen do vô lượng trân bảo làm thành.

Theo Vãng Sinh Luận: “Tòa Phật của Tiểu thừa chỉ là cỏ cát tường, còn Phật thì lấy tướng lão tỳ kheo. Đại thừa không như vậy, tòa của Ngài trang nghiêm bằng bảy báu, khác nhau như vậy là vì cảnh giới của chúng sinh mỗi thứ một khác. Nay quán tòa của Phật là đài hoa sen thanh tịnh vi diệu do vô lượng báu lớn làm thành. Đài này do Bồ Tát Thập Địa thành Phật mới ngồi. (Thập Địa tức là địa thứ mười “Pháp Vân Địa”, địa cuối cùng của Bồ Tát trước khi thành Phật).

Chúng ta nhớ một điều: thế giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng, nên tòa sen của mọi người đều giống y hệt tòa sen của Phật A Di Đà. Điều này ở thế giới tha phương nhất định không bình đẳng. Vì sao? Vì công phu tu hành của mỗi người không bình đẳng thì quả báo đạt được cũng không bình đẳng.

Thế giới Cực Lạc sở dĩ bình đẳng là do sức oai thần, bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, không phải do họ tu mà được. Ân đức Phật A Di Đà lớn biết bao! Mãi đến khi tập khí vô minh của họ đoạn tận hết, lúc này họ mới thật sự là bình đẳng với A Di Đà Phật. Bây giờ họ không còn ở cõi Thật Báo mà đến cõi Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, lý sự đều bình đẳng. Trong cõi Thật Báo sự lý cũng đều bình đẳng: về lý thì không có gì để nói vì

đó là tự tánh; nhưng về “sự bình đẳng” là do sức oai thần của bốn mươi tám nguyện A Di Đà Phật gia trì.

2. Thân Nghiệp Trang Nghiêm

“*Tướng hảo chi quang nhất tâm, siêu u sắc tượng quần sanh giả*” (Tướng đẹp rạng một tâm, sắc tượng vượt quần sinh). “Thân” là thân thể. Thể chất của người ở thế giới Cực Lạc là thân kim cang bất hoại, là thân tử ma chân kim sắc; thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp. Đây là “*thân quang nhất tâm*”. Thân mỗi người đều có quang tức ánh sáng. “*Nhất tâm*” đây là “*thường quang*” vì tướng này thường hiện diện. Theo Vãng Sinh Luận: “Một tâm là tám thước, thật ra là một trượng (một trượng là mười thước. Thước ở đây là thước Tàu bằng một phần ba mét. Nếu nói một tâm là tám thước thì bằng tám phần ba mét, còn cho là một trượng thì bằng mười phần ba mét).

Ánh sáng của Phật chiếu khắp cõi mười phương, sao lại chỉ nói có một tâm? Ví như lửa đuốc, nguồn sáng chỉ một điểm mà ánh sáng đầy cả phòng, nghĩa ấy là vậy. Ứng Thân, Hóa Thân trong mười phương thế giới đều có sắc tướng, Pháp Thân không có vì đã vượt qua. Đây là sự thù thắng của thân nghiệp. Từ chỗ này chúng ta lãnh hội được ở thế giới Cực Lạc khoẻ mạnh, sống lâu.

3. Khẩu Nghiệp Trang Nghiêm

“*Như Lai vi diệu, chi phạm hưởng, văn u thập phương giả*” (Như Lai tiếng vi diệu, âm phạm vọng mười phương): Khẩu nghiệp của Như Lai là giảng kinh giáo hóa. Âm thanh Phật nói ra cực kỳ vi diệu, thanh tịnh (“*phạm hưởng*” là âm thanh thanh tịnh), sung mãn trí tuệ, sung mãn đức năng, tướng hảo; âm thanh của Phật có thể giúp chúng sinh tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ. Lại nữa, người nghe không phân xa, gần đều có thể nghe rõ âm thanh của Phật như ngay

bên tai. Tùy căn cơ mỗi người mà nghe, thấy có khác biệt. Quả báo thù thắng như vậy của Phật xuất phát từ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành, tâm chí thiện từ bi, tuyệt đối không có tâm thương ghét, lấy bỏ một chúng sinh nào. Điều này chúng ta cần nhớ, nắm bắt và noi theo.

Nếu đem những điều bất thiện của người khác đổ vào tâm, sẽ tổn hoại đến tâm thanh tịnh của chính mình! Không những thế, khi chúng ta làm việc tốt cũng đừng nên nhớ nghĩ; có nhớ nghĩ là tâm không thanh tịnh. Tâm địa của Bồ Tát là “*bổn lai vô nhất vật*”, tuyệt đối không để tâm dao động vì bất cứ việc gì. Thật ra, tốt hay xấu cũng đều không có, như vậy mới tương ứng với tánh đức. Tánh đức là “tam luân thể không”. Lấy tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác để hành Lục độ, tu Lục hòa, tu mười nguyện của Phổ Hiền, cùng bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật mà không hề chán mỗi.

4. Tâm Trang Nghiêm

“Tâm” là gì? Là chân tâm. “*Đồng địa, thủy, hỏa, phong, không; u vô phân biệt giả*” (đồng đất, nước, lửa, gió, hư không, không phân biệt): “*vô phân biệt*” là không có tâm phân biệt. Tâm Phật như đất, không phân sạch dơ nặng nhẹ, cứ thế mà gánh vác như nước, lửa, gió, hư không bình đẳng không phân biệt. Chúng sinh khởi tâm là phân biệt ngay, Phật thì chẳng luận khen chê, đều không phân biệt. Không phân biệt ở đây không có nghĩa là không nhận biết mà chính thật tâm Phật là Định-Tuệ viên mãn. Phật không gì không biết nhưng tâm Phật không có chấp trước, mọi thứ vọng niệm đều dứt bật.

- Những thứ này có hay không?

- “Tướng có, tánh không! Sự có lý không!”.

Cho nên “*phi không phi hữu, diệc không diệc hữu*”. Có thể dùng nó để thành tựu vô lượng vô biên công đức trang nghiêm nhưng không thể chấp trước, không thể phân biệt! Nói cách khác không được không chế, không được chiếm hữu thì ta có thể hưởng được lợi ích từ nó. Nếu muốn chiếm hữu, muốn không chế nó là sai lầm! Phiền não sẽ khởi hiện hành! Chúng ta sẽ đọa lạc! Nếu thật sự hiểu rõ được chân tướng sự thật này thì phải biết rằng: Chúng ta đến thế gian lần này chỉ xem như là nhà trọ, tất cả đều tùy duyên! Như vậy là chúng ta đang sống theo cách sống của chư Phật, Bồ Tát, sẽ rất hoan hỉ. Có cũng tốt! Không có cũng tốt! Đạt được thì tốt mà mất đi cũng không sao! Không chút bận lòng!

Người thế gian có cũng khổ! Không có cũng khổ! Không có thì muốn có được; có rồi lại sợ mất! Nên có hay không đều khổ! “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người*” (Như giáo sư Phương Đông Mỹ nói trước đây) chính là “Có hay không có đều vui vẻ”. Tiến thêm một bước: Có thì phải bỏ thí, phải giúp người không có; nếu không có thì nhất định không có tâm hy vọng tìm cầu. Ngày mai không có cơm ăn, ngày nay vẫn vui vẻ, không để trong lòng!

Người niệm Phật trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, ngoài Phật A Di Đà, cái gì cũng không có! Tâm nguyện tương ưng, và tịch tịch tương ưng. Nói cạn một chút thì tương ưng với Định Tuệ. Tâm là Định, Định sinh trí tuệ. Lại nữa, “*Tâm nghiệp trang nghiêm*”, ở đây là dùng “tâm”, không dùng “ý”.

Chư Phật, Bồ Tát không có ý. Ý là trong A-lại-da. Phật, Bồ Tát đã chuyển “thức” thành “trí” nên không còn ý: Ý là Mạt-na; thức thứ sáu là ý thức; thức thứ tám là A-lại-da đều không còn nữa. A-lại-da đã chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí; Mạt-na chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí; ý thức thành Diệu Quan Sát Trí. Diệu Quan Sát Trí là trí không phân biệt; Bình Đẳng Tánh Trí chính là tâm thanh tịnh,

không nhiệm trước; Đại Viên Cảnh Trí là tâm đại triệt đại ngộ, là giác (ngộ) như trên đề kinh Vô Lượng Thọ. Sau khi đã chuyển A-lại-da thành “giác”, chuyển Mạt-na thành “Bình đẳng”, chuyển đệ lục ý thức thành “Thanh tịnh” thì sau đó thân, ngữ, ý mới có thể thành tựu vô lượng, vô biên công đức, giúp tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

5. Đại Chúng Trang Nghiêm

“Bỉ độ chi nhân thiên thánh chúng, giai thành tựu Đại thừa thiện căn. Do Như Lai thanh tịnh chi trí hải nhi sanh giả” (Do biển trí thanh tịnh của Như Lai mà hóa sinh). *“Thánh chúng”* là mười phương thế giới chúng sinh vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có dân bản xứ, dân gốc chỉ có một người là A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc này do ngài sáng tạo. Những di dân đến thế giới Cực Lạc phải đủ điều kiện như trên đề kinh “Thanh tịnh, Bình đẳng, giác”. Điều này rất quan trọng!

Trên kinh Phật cũng nói rất nhiều: “Tâm tịnh thì cõi nước tịnh”. Thế giới Cực Lạc là cõi nước tịnh, nếu tâm không thanh tịnh không thể vãng sinh! Chuẩn bị vãng sinh, cần phải đem những thứ tạp loạn trong thế giới này buông bỏ hết, đem những việc quanh mình bàn giao lại rõ ràng và xử lý ôn hòa. Lúc này có thể tự tại Niệm Phật vãng sinh.

6. Thượng Thủ Trang Nghiêm

Đây là chỉ Phật A Di Đà. *“A Di Đà Phật u Tịnh Độ vi thượng thủ, như Tu Di sơn vương, thắng diệu vô hữu, siêu quá giả”* (như Tu Di núi chúa, thắng diệu không gì hơn): Lấy Tu Di sơn để làm thí dụ “vương” là lớn nhất; trong tất cả các ngọn núi, núi Tu Di là cao nhất. Thượng thủ ở đây như núi Diệu Cao, vi diệu vượt bậc không gì sánh

được. Dùng Tu Di để sánh ví với Phật A Di Đà: Phật A Di Đà là vua trong các vị Phật. Đây là “*Thượng thủ thành tựu*”.

7. Chủ Trang Nghiêm

“*Chủ*” là giáo chủ, chủ trì việc dạy học ở thế giới Cực Lạc, cũng giống như hiệu trưởng của một trường. “*A Di Đà Phật vi bỉ độ chi giáo chủ, thiên, nhân, trượng phu chi chúng, cung kính chiêm ngưỡng giả*” (trời, người, trượng phu chúng, chiêm ngưỡng kính vây quanh). Trời và người là hai đạo trong Lục đạo. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, Cõi Phạm Thánh Đồng Cư chỉ có trời và người, không có ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng không có A-tu-la. Thiên, nhân, trượng phu đều có thể xưng đối với Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đại chúng vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đối với giáo chủ, Phật A Di Đà cung kính chiêm ngưỡng.

8. Bất Hư Tác Trang Nghiêm

“*Quán Phật bốn nguyện lực, gặp không uống qua không, khiến được mau đầy đủ, biển lớn công đức báu*”. Phật A Di Đà là hiện thân viên mãn của trí quang Bát Nhã, thế nên được gặp Phật là sẽ đắc Pháp Thân bình đẳng. Do nhờ bốn nguyện lực của Phật A Di Đà mà chúng sinh vãng sinh vào Cực Lạc liền được không thối chuyển (như thế chính là) chẳng uống làm trụ trì, vì cứu cánh (chúng sinh) sẽ thành Phật.

Trong bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà, tóm lại mà nói có hai điểm quan trọng: Thứ nhất là người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, ai ai cũng đều được giống như Phật A Di Đà không hai không khác, tất cả đều bình đẳng. Kế đến, do nguyện thứ mười tám “mười niệm ắt sinh” của Phật A Di Đà mà chúng sinh dù nhớ hay quên, dù thiện hay ác, lúc lâm chung nếu thành tâm sám hối, phát nguyện vãng sinh, chỉ cần niệm từ một đến mười niệm cũng đều được

Phật đến tiếp dẫn vãng sinh về thế giới tây phương Cực Lạc. Cho nên Phật cũng không uổng làm trụ trì vậy.

Bốn loại trang nghiêm của Bồ Tát vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc:

1. “Bất động bốn xứ, biến chí thập phương cúng dường, hóa sanh trang nghiêm”

Thân Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc không rời Phật A Di Đà, ngày ngày vẫn bên cạnh nghe Phật giáo huấn, nhưng họ có thể phân thân, vô lượng vô biên thân, ứng hóa đến khắp mười phương quốc độ cúng dường chư Phật và giáo hóa chúng sinh giống như vàng thái dương không động mà ánh sáng phủ khắp đại thiên. “*Hóa sanh*” là giáo hóa chúng sinh. Họ đến thế giới tha phương chiêm bái chư Phật là để cúng dường tu phước; nghe chư Phật giảng kinh là tăng trưởng trí tuệ, đồng thời gặp người có duyên, có thể giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui.

2. “Nhất niệm nhất thời biến chí Phật hội lợi ích quần sanh trang nghiêm”

“*Phật hội*” là nơi giảng đường, nơi chư Phật Như Lai giảng kinh, thuyết pháp. “*Nhất niệm, nhất thời*” là như Bồ Tát Di Lặc nói trước đây, cực kỳ vi tế. Đoạn này nói Bồ Tát ứng hóa vào thế gian, chẳng hề có trước sau mà đồng thời biến đến khắp mười phương thế giới để làm lợi ích chúng sinh. Cho nên, cái bất động là thân chân thật của Bồ Tát, còn các ứng hóa thân là hoằng hóa ở bên ngoài. Phàm phu trong một niệm chỉ có thể thành tựu một sự việc, tuyệt đối không thể cùng một lúc chu toàn đủ mọi việc. Song, Bồ Tát có thể ngay nơi chỗ khởi tâm động niệm liền phóng ánh sáng lớn đến khắp mười phương, dùng đủ mọi phương tiện giáo hóa chúng sinh, trừ khổ ách cho tất cả chúng sinh.

3. “Nhất thiết thế giới tán thán chư Phật trang nghiêm”

Đây là nói Bồ Tát cúng dường chư Phật ở trong mười phương. Trong Vãng Sinh Luận Giảng Ký viết: “(Các hóa thân Bồ Tát) kia trong tất cả thế giới không sót (một thế giới nào), chiếu các đại chúng của các Phật hội không sót (một đại chúng nào) (một cách) rộng lớn vô lượng cúng dường, cung kính, tán thán chư Phật Như Lai”: Đây là pháp Phổ Hiền.

Bồ Tát hóa thân này, theo chú thích trong Vãng Sinh Luận: “Lễ kính, cúng dường, tán thán chư Phật chính là chánh đạo của Đại thừa vậy. Cái quan niệm cho rằng tu tập trong đạo Phật chỉ là thiền định nhằm giải thoát quả thật là hạn hẹp và nghèo nàn. Với Đại thừa, sự liên hệ với chư Phật qua các hạnh nghiệp lễ bái, cúng dường, tán thán (tức gồm cả chiêm ngưỡng quán tưởng) là tối quan trọng. Sự liên hệ ở đây không hề có tính chất sùng bái thần tượng kiểu tôn giáo, mà nó hoàn toàn thiết yếu để thực hiện và thành tựu con đường Đại thừa, tức con đường thành Phật.

Con đường Đại thừa là con đường thực hiện Bồ Đề tâm. Bản chất của Bồ Đề tâm vẫn chỉ là tâm thức. Mà tâm thức phi duyên thì không khởi, nghĩa là không lập được. Vì vậy Bồ Đề tâm cũng bắt buộc phải có đối tượng làm sở duyên để khởi và để lập. Và sở duyên lý tưởng và chân chánh nhất của Bồ Đề tâm chính là chư Phật mười phương (phải trọn cả mười phương chư Phật thì sở duyên mới viên mãn, nhờ vậy Bồ Đề tâm cũng sẽ viên mãn theo).

Tâm có sở duyên để lập, tâm còn cần hạnh nghiệp để huân nữa, thế nên Bồ Tát cần thiết phải lễ bái bằng thân nghiệp, tán thán bằng khẩu nghiệp, cung kính quán tưởng bằng ý nghiệp ... để huân tập Bồ Đề tâm vậy. Thế nên, Phổ Hiền hạnh nguyện cũng lấy lễ kính, tán thán, cúng dường làm đầu. Ngoài ra là hạnh hồi hướng để lập thành và huân tập từ bi tâm. Chỗ này cũng gợi ý và khơi rõ hơn cho

chúng ta thấy ý nghĩa chân thật và đúng đắn nhất: Đại thừa chính là Tịnh Độ và Hoa Nghiêm vậy”.

4. “Vô Tam Bảo xứ thị pháp trang nghiêm giả”

Ý nói Bồ Tát thị hiện đến các chỗ không có Phật pháp để kiến lập Tam Bảo. “Thị” ở đây là thị hiện, là biểu diễn, làm để người khác xem. Nói như Hòa Thượng Tịnh Không:

- Người ở đây không tin Tam Bảo, không cần Tam Bảo, vậy có nên bỏ mặc, không quan tâm đến họ chăng?

- Không thể! Cần phải sinh tâm thương xót!

Họ không biết Tam Bảo, nếu họ biết thì làm gì có chuyện không tôn kính. Cũng giống như tôi lúc còn trẻ chưa nhận thức được nên không biết gì, luôn cho rằng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo nên không muốn gần! Thực sự mà nói, tôi chưa từng xem qua sách Phật; hơn nữa sách Phật có xem qua cũng không hiểu! Không biết trong sách nói gì! Cho nên, suốt đời này tôi vĩnh viễn cảm tạ thầy Phương; nếu không phải thầy Phương, tôi sẽ không tin Phật, không thể! Thầy Phương đã đem Phật pháp giảng rõ ràng minh bạch, tôi mới hiểu được Phật giáo là giáo dục, không phải là tôn giáo.

“*Vô Tam Bảo xứ thị pháp trang nghiêm giả*”, nói như Vãng Sinh Luận giảng ký là: “*Bồ Tát hóa thân kia ở nơi tất cả các thế giới khắp mười phương, các chỗ nào không có biển công đức lớn Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) trụ trì trang nghiêm thì sẽ hiện bày đến khắp các nơi đó khiến họ hiểu biết và như thật mà tu hành*”.

Tóm lại, trên đây đã lược qua về ba loại Trang Nghiêm Thành Tựu của thế giới Tây Phương Cực Lạc: Cõi nước trang nghiêm, Phật trang nghiêm và Bồ Tát trang nghiêm. Ba loại trang nghiêm này do nguyện tâm của Phật A Di Đà mà thành tựu, có thể

tóm nhập vào một pháp cú; một pháp cú là “*Thanh tịnh cú, chân thật trí tuệ, vô vi pháp thân*”.

Thanh tịnh này có hai thứ cần phải biết: Một là *thanh tịnh* (thuộc) *khí thể gian*; hai là *thanh tịnh* (thuộc) *chúng sinh thể gian*. Thanh tịnh thuộc khí thể gian như trước đã nói qua về mười bảy loại thành tựu trang nghiêm công đức của cõi nước Phật. Thanh tịnh thuộc chúng sinh thể gian như tám loại thành tựu trang nghiêm công đức của Phật và bốn loại thành tựu trang nghiêm công đức của Bồ Tát.

“*Vĩnh vô chúng khổ chur nạn, ác thú ma não chi danh*” (Vĩnh viễn không có danh từ các khổ, các nạn, đường ác, ma não loạn) đều do sức công đức thành tựu của Phật A Di Đà chiêu cảm vậy.

“*Chúng khổ*”: là sự khổ rất nhiều. Trong các kinh luận thường nói ba khổ, tám khổ v.v...

Ba khổ là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

1. Khổ khổ: Mang thân hữu lậu này đã là khổ, lại thêm các nỗi khổ bức bách thân tâm, ép bức của hoàn cảnh, cho nên đã khổ mà lại thêm khổ, nên gọi là “khổ khổ”.

2. Hoại khổ: Thế gian này không có niềm vui nào chân thật, lâu dài; ngay lúc niềm vui tan biến đã không ngăn nổi ưu não nên gọi là “Hoại khổ”

3. Hành khổ: Là chẳng khổ, chẳng vui nhưng do niệm niệm lưu chuyển đổi dời nên bảo là “Hành khổ”. Đây là cái khổ của thiên nhân trong cõi trời Vô Sắc.

Ở Dục giới, cả ba khổ đều có đủ. Cõi trời Sắc giới, nhờ sức Định của họ chế ngự được tập khí phiền não nên phiền não không khởi hiện hành, nhờ vậy họ không có “Khổ khổ”, chỉ có “Hoại khổ” và “Hành khổ”. Cao hơn nữa là chư thiên trong cõi trời Vô Sắc giới

(còn gọi là Linh giới), họ không có thân thể, cũng không cần chỗ ở, cung điện, phòng, nhà nên họ không có “Khổ khổ” và “Hoại khổ” nhưng họ có “Hành khổ”. “Hành khổ” nghĩa là cảnh giới của họ không thể duy trì vĩnh viễn.

Chư thiên trong cõi trời Vô Sắc giới tu “Vô Sắc giới Định”, còn Sắc giới thiên tu “Tứ thiên”. Chư thiên ở cõi Vô Sắc giới có Bát Định, họp lại gọi là “Tứ thiên, Bát Định”. Công phu Thiền định của họ có kỳ hạn, cao nhất là trời. “Phi Tướng Phi Phi Tướng”, Định công của họ có thể duy trì đến tám vạn Đại kiếp. Hết tám vạn đại kiếp thì Định của họ sẽ mất đi. Chỉ cần mất Định thì tập khí phiền não trong họ lại xuất hiện, họ không thể vĩnh viễn duy trì không thay đổi nên gọi là “*Hành khổ*”. Trên Kinh Pháp Hoa, Phật dạy: “*Tam giới vô an do như hỏa trạch*” (tam giới không an ổn, ví như nhà lửa), cả ba cõi đều khổ!

Trời “Phi Tướng Phi Phi Tướng”, sau tám vạn Đại kiếp, cuối cùng vẫn bị biến diệt! Trong mắt phàm phu chúng ta cho rằng thời gian tám vạn đại kiếp là quá dài. Nhưng, trong cảnh giới của họ, tám vạn đại kiếp như là một sát-na! Như người thế gian chúng ta nhìn thấy côn trùng phù du trên mặt nước, chúng có thể qua lại trên mặt nước chỉ vài tiếng đồng hồ. Vài tiếng đồng hồ đó là một đời của chúng! Chúng thấy con người có thể sống quá dài đến một trăm tuổi, như chúng ta thấy chư thiên ở cõi trời “Phi Tướng Phi Phi Tướng”, không có gì khác biệt.

Nhìn lại cõi nhân gian chúng ta, khi con người sống đến tám, chín mươi tuổi cảm thấy một trăm năm quá nhanh như một khoảnh khắc tay! Cho nên chúng ta có thể lãnh hội được trong cảm giác của chư thiên ở trời “Phi Tướng Phi Phi Tướng”, tám vạn đại kiếp đối với họ cũng chỉ là một sát-na! Cho nên đức Thế Tôn vì chúng ta mà tổng kết: Thế gian này là vô thường, là khổ, là không, thật bất khả

đắc! Điều gì cũng không đạt được! Nếu không gặp được Phật pháp làm sao biết được! Phật pháp thật sự có thể giúp chúng ta liễu sinh thoát tử, ra khỏi ba cõi. Đây là đại sự nhân duyên, không phải là việc nhỏ. Cư sĩ Bành Tế Thanh cũng nói: “Việc này là vô lượng kiếp đến nay, hi hữu gặp được ngày này”.

Chúng ta biết, cư dân cư trú trên địa cầu hiện nay có khoảng sáu mươi lăm ức đến sáu mươi bảy ức, có mấy người được nghe Phật pháp? Quá ít! Chúng ta ngày nay dùng công cụ của khoa học, kỹ thuật cao như vệ tinh, internet, băng đĩa, khiến số người có cơ hội nghe được Phật pháp nhiều hơn. Nếu không có những thứ này, thử nghĩ xem! Được mấy người có thể nghe pháp?! Thật sự quá khó! Đem Phật pháp viết thành kinh điển, thành chú giải lưu thông số lượng cũng không nhiều, được bao nhiêu người xem?! –Trong mười quyển mới có một người xem cũng không tệ rồi! Nếu văn tự khó, nghĩa lý thâm sâu, họ xem không hiểu sẽ không hứng thú đọc, vì vậy người xem lại càng ít!

Đừng tưởng người ngày nay niệm Phật rất nhiều! Ti mi quan sát, người thật sự niệm Phật không nhiều; người giả niệm Phật thì rất nhiều!

- Thế nào gọi là chân niệm Phật?

- Là quyết tâm cầu sinh Tịnh Độ! Giả niệm Phật là cầu danh văn lợi dưỡng của thế gian, cầu thăng quan phát tài, cầu gia đình bình an. Đây là giả niệm Phật, không phải chân niệm Phật. Thật sự niệm Phật là “*Chế tâm một chỗ*”, không phải là tâm tán loạn. Giả niệm Phật là tâm tán loạn, năng lượng không thể tập trung!

Ngày nay chỉ có thể khuyến chư vị đồng học Tịnh Độ, mỗi ngày trên tivi, trên mạng internet xem chúng tôi chia sẻ về “Đại Kinh giải diễn nghĩa”. Hy vọng mọi người đều phát tâm: Chỗ ở của chính mình, gia đình mình, đạo tràng mình thật sự thực hành, phát tâm vô

thượng Bồ Đề, một lòng chuyên niệm, buông bỏ vạn duyên, không nghĩ đến điều gì cả, nhất tâm chỉ nghĩ đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà. Dùng năng lượng này, công đức này hồi hướng cho cư dân trên địa cầu, cho sơn hà đại địa giảm nhẹ thiên tai, còn việc hóa giải thì chúng ta biết rằng năng lực mình không đủ! Việc này không thể đợi mà phải thực hiện ngay bây giờ.

Khi tôi giảng kinh thường nói: Chính tôi mỗi ngày đều xem sinh mạng mình hôm nay là ngày cuối. Ngày mai tôi có thể không còn! Ngày cuối cùng này tôi phải buông bỏ hết vạn duyên, nhất tâm niệm Phật. Ngoài việc niệm Phật ra tôi còn phải đọc kinh, đọc chú giải của Kinh Vô Lượng Thọ, chia sẻ Phật pháp với mọi người. Pháp hỉ sung mãn! Thường sinh tâm hoan hỉ, vui vì những việc này nên không thấy mệt, mỗi ngày không luống qua một cách vô ích. Cảnh giới bên ngoài tuy không tiếp xúc, nhưng nếu có người nhắc đến thì trong tâm tôi liền hiểu rõ, không dám nói là chiếu kiến pháp giới, nhưng có cảm ứng.

Cõi Cực Lạc vĩnh viễn không có ba khổ. Đại Sư Liên Trì trong Sớ Sao viết:

1. “Bỉ quốc ly dục, thanh tịnh tắc vô khổ khổ” (Cõi ấy ly dục, thanh tịnh nên không có khổ khổ):

“Bỉ Quốc” là thế giới Cực Lạc, ở đó tất cả người vãng sinh đều ly dục nên không có “khổ khổ”. Đây là thông tin quan trọng! Nếu “Ngũ dục lục trần”, “tham sân si mạn nghi” chưa rời được, tâm sẽ không thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì không thể vãng sinh!

2. “Y chánh thường nhiên tắc vô hoại khổ” (y báo, chánh báo luôn tồn tại, bất biến nên không có hoại khổ).

Kiến trúc thời cổ đại rất được ưa chuộng: Xây dựng một ngôi nhà chỉ ít cũng dùng được ba trăm năm. Dụng cụ trong gia đình gọi

là hồng mộc gia cụ như bàn, ghế, giường, phản, ít nhất cũng dùng được một trăm năm. Người xưa rất biết tiết kiệm, tiết kiệm là mỹ đức, là tánh đức, không giống như người ngoại quốc chỉ xem trọng mỹ quan nên thường thay đổi, nhà cửa của họ không tránh được gió táp mưa sa! Còn tương hợp diện của nhà xưa, có nhà tồn tại đến bây giờ, đã hơn một ngàn năm, sử dụng rất tốt! Tuy một ngàn, hai ngàn năm vẫn hư hoại, cũ đi từng ngày! Đó là vô thường! Là Hành khổ! Là Hoại Khổ! Thân thể ta cũng vậy, tuy sống một trăm năm nhưng mỗi ngày một già đi, biến hoại từng ngày, không thể duy trì! Nhưng ở thế giới Cực Lạc, bất luận là y báo hay Chánh báo đều thường trụ bất biến, vĩnh viễn không có hư hoại. Đây là không có “*Hoại khổ*”.

3. “*Siêu quá tam giới tức vô Hành khổ*” (Vượt thoát tam giới nên không có “*Hành khổ*”).

Tam giới là Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới. Vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, nói theo tôn giáo Tây phương là sinh về cõi vĩnh hằng, vĩnh sanh; nói theo thuật ngữ Phật pháp gọi là bất sinh bất diệt, hoàn toàn không có “*Hành khổ*”.

Tám khổ: Chính là những nỗi khổ của thế nhân như: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thành khổ.

1. Sanh Cư Thai Ngục Khổ

Trong thai chật hẹp như ngục nên gọi là “*thai ngục*”. Thời gian mười tháng ở trong thai khổ không nói hết! Mẹ uống một ly nước lạnh thì cảm thọ của nó giống như ở trong địa ngục hàn băng! Mẹ uống một bát canh nóng, nó như đang ở trong địa ngục Bát Nhiệt! Mẹ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, nó ở trong thai đều cảm nhận được hết. Cho nên, người phụ nữ mang thai, trong mười tháng này tâm niệm phải đoan chánh, ngôn hành cử chỉ cần phải như lý,

như pháp. Đây gọi là thai giáo: Tâm niệm đôn chánh, tương lai thai nhi này tư tưởng sẽ thuần chánh, ra đời tướng mạo thân thể đôn trang, dễ dạy, sẽ rất vâng lời.

2. Lão Khổ

Lão khổ là già yếu khổ sở, người tuổi trẻ không biết lão khổ. Người già đi đứng, hành động đều rất bất tiện, như trên thân mang theo bao cát ba mươi kí! Người già mắt hoa, tai điếc, công năng của răng, của khí quản đều suy yếu! Sống trên thế gian này họ thật đau khổ!

Sau thế giới chiến tranh lần thứ hai, có rất nhiều quốc gia giàu mạnh hưng khởi sự nghiệp phúc lợi cho người lớn tuổi, nước Mỹ dẫn đầu. Đối với sinh hoạt vật chất của người già, họ quan tâm rất chu đáo. Khi nghỉ hưu, nhà nước sẽ nuôi người già, chu cấp sinh hoạt hàng tháng cho họ. Trên thế giới, rất nhiều quốc gia đều có chế độ này.

Tôi hoảng pháp khắp quốc tế cũng rất quan tâm đến việc này, nên mỗi lần đến một địa phương, tôi đều đi xem sự nghiệp phúc lợi của người già ở đây. Tôi thấy ở Âu châu lợi dụng đất nhiều người ít, nên thành lập chung cư cho người cao tuổi là tốt nhất. Môi trường cho người cao niên ở giống như trong công viên, thật là hiếm có! Thấy vậy, trong tâm tôi vô cùng hoan hỉ. Sự quan tâm chăm sóc của chính phủ đối với người cao niên ở đây, mỗi ngày là một trăm ngàn tiền Âu châu. Cho nên, cuộc sống người cao niên ở đây tốt hơn các quốc gia khác, nhưng về mặt tinh thần vẫn còn thiếu thốn, không sánh bằng truyền thống gia đình cổ xưa của chúng ta: già thì có gia tộc nuôi.

Nuôi già, dạy trẻ là hai nhiệm vụ lớn nhất trong gia đình. Điều này người ngoại quốc miên viễn không bao giờ tưởng tượng

được! Người già khi về hưu là hưởng niềm vui thiên luân. Niềm vui thiên luân này nếu nói với người ngoại quốc, họ cũng không hiểu. Họ không hiểu cái gì gọi là thiên luân?! Đó là con cháu đầy nhà, là một đại gia tộc. Trẻ con trong gia đình này ít nhất có đến năm, sáu mươi người. Người lớn, trẻ nhỏ vây quanh người già, đó mới thật là vui, thật có lạc thú.

Nếu như viện dưỡng lão và nhà trẻ hợp lại một chỗ. Người già hàng ngày nhìn thấy trẻ con; trẻ con hàng ngày nhìn thấy người già, xem người già như ông bà của mình. Người già sẽ yêu thương trẻ em; còn trẻ em thì học tôn kính người già. Đây cũng là một biện pháp cứu chữa rất tốt để người lớn tuổi không xa rời bọn trẻ; không xa rời trẻ con thì cuộc sống của họ sẽ rất vui vẻ.

Giáo dục về phương diện tinh thần phải đặc biệt quan tâm chú ý. Giáo dục tôn giáo là một môn học mà người lớn tuổi thích nhất, để người già thật sự sống trong những ngày tháng hạnh phúc mỹ mãn khi tuổi về chiều. Lúc già họ hoan hỉ, vui vẻ thì công đức này rất lớn, chỉ tiếc là không ai biết! Nhưng người học Phật thì hiểu rõ: Người già khi lâm chung trong tâm bình an, không có lo lắng, không có vương bận, không có oán hận nhất định sẽ được sinh vào chỗ tốt như cõi trời, cõi người. Nếu khi họ lâm chung oán hận đầy người, đời này đối với gia đình, xã hội họ đã cống hiến rất nhiều, lúc già không được người quan tâm; chỉ cần họ có oán hận, đại đa số đều đọa vào địa ngục, súc sinh. Cho nên, lúc về già có thể giúp họ tâm tình vui vẻ, cũng giống như đem họ từ trong ác đạo đến thiên đường thì công đức này lớn biết bao!

Tôi tham quan viện dưỡng lão, họ mời tôi nói chuyện, tôi đều tán thán nhân viên phục vụ ở đây. Họ là thiên sứ, họ không phải người phạm. Tận tâm tận lực hiếu thảo người già như cha mẹ mình, chính là họ đã đem người già từ ác đạo đến thiên đường. Đối với

người niệm Phật thì giúp họ vãng sinh; từ phàm phu đưa họ đến Phật đạo và thành Phật. Công đức này rất lớn, không gì có thể sánh được. Những đạo lý này chỉ có Phật mới hiểu.

3. Bệnh Thọ Khô Thống

Bệnh thọ khô thống là khô vì bệnh, kinh nghiệm về bệnh khô này ai cũng có, đặc biệt là người thời nay. Vì sao? Âm thực không sạch! Nước không sạch! Không khí cũng không sạch! Người bây giờ thật đáng thương! Tôi vừa mới xem một phần tư liệu viết về trận động đất của Nhật Bản; nhà máy điện hạt nhân ở Phúc Đảo, vật chất bị chảy ra ngoài đã trôi đến Bắc châu Mỹ. Đây là trôi theo luồng gió, chính là sự phát xạ. Bây giờ rất nhiều người lo lắng, sợ động đất này ảnh hưởng đến núi Phú sĩ. Núi Phú sĩ là núi lửa, nếu núi lửa này bộc phát sẽ liên đới đến rất nhiều núi lửa khác bộc phát. Như vậy, thì Đông bộ Nhật Bản sẽ tiêu!

Nhà máy điện hạt nhân bài tiết ra những khí thải này cũng giống như phóng xạ của nguyên tử đơn, nó theo gió bay đi, sự tổn hại đối với con người rất lớn! Nhìn sự ảnh hưởng của mấy ngày nay, nếu không ngừng thì còn có núi lửa bộc phát! Phóng xạ của nhà máy điện hạt nhân Nhật Bản có thể ảnh hưởng cả Bắc bán cầu: Bây giờ châu Mỹ đã ảnh hưởng thì châu Âu cũng không tránh khỏi! Sự việc này rất phiền phức!

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều quốc gia tiên tiến đều có nhà máy điện hạt nhân. Một nhà máy điện hạt nhân là đồng nghĩa có một viên đạn nguyên tử ở đó! Động đất sẽ phá hoại nó. Trong kinh Phật dạy: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*”. “*Nguy thúy*” tức là dòn bở, tạm bợ. Bây giờ dùng những lời Phật dạy trong kinh để hình dung thế giới này, thật không sai chút nào!

- Tai nạn làm sao hóa giải?

- Thật sự có thể hóa giải, nhưng mọi người không tin tưởng!
Phương pháp là chân thật niệm Phật.

Mấy năm trước ở tiểu viện Sơn Tây, trên bốn mươi người mắc bệnh ung thư, bệnh viện tuyên bố tử hình, thọ mạng của họ chỉ còn hai, ba tháng, chính họ cũng đã biết nên thật sự buông bỏ, thành tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Niệm đến ba tháng đi tái khám thì tế bào ung thư không còn nữa. Đây là công đức của việc niệm Phật.

Mười năm về trước, Lưu Tố Vân bị lao da ban đỏ, nghiêm trọng hơn cả ung thư. Bác sĩ nói với cô, bệnh này có thể tử vong bất cứ lúc nào, khuyên cô nên có tâm lý chuẩn bị. Cô buông bỏ tất cả, thật tâm niệm Phật, mỗi ngày nghe kinh mười tiếng đồng hồ, thời gian còn lại là niệm Phật. Sau ba, bốn tháng đi tái khám lại thì bệnh không còn, mụn độc đã lành, đến sẹo trên mặt cũng không còn nhìn thấy. Bác sĩ rất kinh ngạc hỏi: Cô làm sao mà lành bệnh? Cô đã dùng thuốc gì? Cô nói: Tôi không dùng thuốc gì chỉ niệm Phật thôi. Cho nên, *ý niệm có thể thay đổi cảnh giới bên ngoài, cũng có thể thay đổi tổ chức tế bào trong thân thể của chính mình.* Ý niệm bất thiện nó sẽ biến thành bệnh độc; ý niệm thuần tịnh, thuần thiện độc bệnh sẽ phục hồi trở lại bình thường. Tất cả là tự nhiên không cần dùng bất cứ thuốc gì. Đã có không ít người chứng minh sự việc này là thật không phải giả.

4. Tử Bi Phân Tán

Tử bi phân tán là tử khổ. Thân tứ đại này đều bị phân tán; quyền thuộc đời này cũng phải phân ly! Đời sau mỗi người đều theo nghiệp lực của mình mà luân chuyển, tự mình không làm chủ được. Duy chỉ người có định lực mới tự mình có thể làm chủ.

5. Ái Biệt Ly Khổ

Người mà mình thích, việc mà ta thích, vật mà ta thích luôn muốn gần gũi, giữ mãi bên mình. Nhưng, thực tế luôn thường mâu thuẫn! Phải chia cách người thân, xa rời những gì mình yêu thích. Đây là “*Ái biệt ly khổ*”.

6. Oán Tắng Hội Khổ

Người mình ghét, việc mình ghét luôn muốn ở thật xa nhưng lại cứ thường gặp! Đây là “*oán tắng hội khổ*”.

7. Cầu Bất Đắc Khổ

Cuộc đời này đều do số mạng, hoàn toàn không phải do người. Rõ được đạo lý này thì tâm sẽ định, sẽ lìa khổ được vui. Số mạng không có, dù có dùng phương pháp thủ đoạn nào cũng không đạt được; nếu có đạt được thì tai họa ắt cũng sẽ theo đến! Dùng thủ đoạn phi pháp đạt được mà không có tai họa, điều này nói lên số mạng ta có. Nếu số mạng ta có phước báo lớn, lại dùng phương pháp không thích đáng để đạt được sẽ khiến cho phước báo của mình bị giảm đi. Ví dụ: Số mạng ta có của cải là một trăm ức, ta dùng thủ đoạn phi pháp đạt được, thực tế chỉ có thể đạt được năm mươi ức đã cảm thấy rất hài lòng, không biết rằng số mạng mình vốn được một trăm ức, đã mất hết phân nửa rồi!

8. Ngũ Âm Xí Thạnh Khổ

Sách Viên Trung Sao giảng: “*Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức. Âm có nghĩa là ngăn che, tức là chúng ngăn che chẳng cho chân tánh phát hiện*”. Phàm phu sai ở chỗ lấy giả cho là thật, còn thật thì không biết, nên bị luân hồi trong Lục đạo mới thật là oan uổng! Nếu trừ bỏ được năm thứ này thì “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. “*Thanh*” có nghĩa là to lớn, lừng lẫy. Do các nỗi

khổ sinh, già, bệnh, chết... vừa nói ở trên tu tập lại nên bảo là Ngũ âm xí thanh khổ”.

Tám loại khổ trên đây mọi người đều có, chúng nung đốt thân tâm ta, khiến chúng ta đêm ngày cảm thấy bất an, khổ não. Đặc biệt nhất là ở người giàu có, “*Ngũ Âm xí thanh*” của họ càng rất nghiêm trọng! Họ suy tính thiệt hơn, nếu không đạt được thì tìm hết cách để đạt cho được; sau khi đạt được lại sợ mất đi! Tuổi tác mỗi ngày một lớn lại sợ già chết! Tham sống sợ chết nên suy nghĩ lo lắng nhiều hơn người khác. Đêm về ngủ không ngon giấc, phải uống thuốc ngủ hằng đêm!

Chính mắt tôi nhìn thấy phú ông của cái đền vạn ức nhưng mỗi đêm phải uống thuốc ngủ! Họ không có niềm vui! Sự nghiệp kinh doanh quá nhiều, không có thời gian nghỉ ngơi, khổ đến già chết! Trong đời tôi chỉ thấy một người giàu, có phước báo là cư sĩ Trần Quang Biện ở Singapore. Đây là một ngân hàng gia cũng là Hội trưởng của “*Cư Sĩ Lâm*”. Ông kinh doanh rất nhiều ngành nghề, đảm trách rất nhiều chức vụ như Tổng giám đốc, giám đốc v.v... Cuộc sống ông rất bận rộn, biết bao nhiêu là công việc. Nhà ông rất lớn như hoa viên. Ở Singapore có nhà như vậy không phải là người bình thường có thể có được. Trị giá nhà ông phải ít nhất cũng là mười ức tiền Singapore.

Lúc bệnh không đi làm được phải ở nhà dưỡng bệnh, ông bèn nghĩ đến việc nghe kinh, liền tìm đến cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Cư sĩ Lý sau đó đến tìm tôi. Tôi nói: Được! Đem những đĩa kinh chúng tôi giảng từ chỗ thấp nhất, đơn giản nhất cho ông nghe. Thật hiếm có! Nghe kinh hai năm, ông đã hiểu và biết niệm Phật. Tôi tin rằng ông ấy thật sự đã có nắm bắt. Ông nói với Lý Mộc Nguyên ông muốn vãng sinh. Ông Lý nói: Không được! Ông đi rồi không có người kế thừa, ngôi nhà này không duy trì được! Ông bệnh cũng không sao,

chỉ cần ông cứ nằm đây, Cư Sĩ Lâm làm đương gia sư quản lý cho, chỉ cần có tiếng nói của ông. Tốt! Ông lại sống thêm hai năm nữa. Đây là sinh tử tự tại.

Hai năm cuối cùng nghe tôi giảng Kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tâm niệm Phật, ông biết trước giờ đi. Trước ngày vãng sinh ba tháng, ông ghi trên mảnh giấy ngày tháng, viết mười mấy hai chục lần giống nhau, không ai dám hỏi ông. Sau này, đúng ngày đó ông ta vãng sinh. Ông đã biết trước giờ chết. Trước khi chết một ngày, ông đã tìm tôi, chính thức qui y Tam Bảo. Khi ông hấp hối, rất may vừa đúng lúc có lớp “Bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp”, là một tổ nhỏ luân phiên trợ niệm cho ông suốt hai mươi bốn giờ không ngừng nghỉ. Sau khi ông vãng sinh, ban trợ niệm vẫn tiếp tục trợ niệm cho ông thêm suốt hai mươi bốn giờ. Sau đó, họ ra về, đến Cư Sĩ Lâm, đột nhiên có cô gái tên Đỗ Mỹ Tuyên bị ám!

Oán thân trái chủ của ông Trần Quang Biện có đến mấy trăm người, đều theo các vị Pháp sư về đến Cư Sĩ Lâm. Thành hộ pháp ở Cư Sĩ Lâm để họ vào. Họ nói với mọi người họ rất thích ông Hội trưởng của Cư Sĩ Lâm, ông đã vãng sinh rồi, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Họ muốn học Phật, muốn qui y, muốn nghe kinh. Lúc đó, tôi đang giảng kinh ở Hồng Kông, nhận được điện thoại từ Cư Sĩ Lâm, tôi nói: Phải lập tức làm lễ qui y u minh cho họ. Họ muốn nghe Kinh Địa Tạng và Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tôi nói: Băng ghi âm của hai bộ kinh này phải ngày đêm hai mươi bốn giờ không ngừng nghỉ mở cho họ nghe. Bảo họ đến giảng đường, họ không dám đến, nói giảng đường quá sáng họ không vào được, nên muốn ở trai đường (tức nhà ăn). Ở nhà ăn, đặc biệt gắn hai giá tivi, máy móc mở suốt một tháng thì họ đi.

Đây là oán thân trái chủ của ông Trần Quang Biện đã chứng minh hội trưởng Cư Sĩ Lâm thật sự đã vãng sinh. Đặc lực trong

những năm cuối đời bị bệnh, ông mới thật sự nhận thức được Phật pháp. Tuy trước đây làm hộ pháp cho đạo Phật, nhưng Phật pháp là gì, ông hoàn toàn không biết! Thật có phước báo! Nằm trên giường bệnh suốt bốn năm; chúng tôi biết hai năm đầu ông có thể vãng sinh; hai năm sau là ông lưu lại thế gian để giúp Cư Sĩ Lâm và làm biểu pháp cho chúng ta.

Tóm lại, tám thứ khổ trên đây nung đốt thể nhân, nhưng ở cõi Cực Lạc vĩnh viễn không có các khổ đó. Sách Số Sao viết:

“Cõi kia liên hoa hóa sinh nên không có sinh khổ”. Họ không phải do mẫu thân mang thai, không phải từ bào thai sinh ra mà từ hoa sen hóa sinh nên không có khổ khi ở trong thai.

“Chẳng có nóng lạnh đấp đổi, thân chẳng bị phân đoạn (phân đoạn sinh tử) nên không có bệnh khổ”: chưa từng nghe qua thế giới Cực Lạc có người nào bị bệnh. Ở thế giới Cực Lạc không có bệnh viện, không có nghề bác sĩ vì không có bệnh nhân.

“Thọ mạng vô lượng nên không có tử khổ. Không có cha mẹ, vợ con nên không có ái biệt ly khổ”: Thế giới Cực Lạc không có thân tình, đều do hoa sen hóa sinh.

“Các thượng thiện nhân cùng ở chung một nơi nên không có oán tắng hội khổ”; người mà họ tiếp xúc đều là chư Phật, Bồ Tát.

“Muốn gì liền tự nhiên có ngay nên không có cầu bất đắc khổ”: Những thứ trong tâm họ mong cầu, tự nhiên đều hiện ra trước mắt. Giới khoa học gọi đây là sự chuyển biến giữa năng lượng và vật chất. Mỗi người ở thế giới Cực Lạc đều là nhà khoa học hàng đầu. Những thứ họ muốn, tự nhiên năng lượng sẽ biến hóa ra để họ thọ dụng; khi không cần nữa thì vật chất sẽ chuyển biến thành năng lượng, hoàn toàn biến mất không cần phải thu dọn.

“*Quán chiếu không tịch nên không có Ngũ Âm xí thanh khổ*”. Chúng ta sớm một ngày đến thế giới Cực Lạc là sớm một ngày được hưởng thụ niềm vui, an lạc tột cùng.

Chữ “*chư nạn*” chỉ tám nạn, tức là những điều gây chướng ngại cho việc gặp Phật, nghe Pháp. Tám nạn còn gọi là “*bát vô hạ*”, nghĩa là tám điều khiến ta không được nhận hạ để tu đạo nghiệp.

Sách Viên Trung Sao, Đại sư U Khê bảo **tám nạn** là:

“**Một là địa ngục nạn:** Trong địa ngục đêm dài tăm tối, chịu khổ không ngớt, ngăn lấp việc gặp Phật nghe Pháp, nên gọi là Nạn.

Hai là súc sinh nạn: Trong đường súc sinh chịu khổ vô cùng, ngăn lấp việc gặp Phật nghe pháp nên gọi là Nạn.

Ba là ngã quý nạn: Trong đường ngã quý chịu khổ vô lượng, ngăn trở việc gặp Phật nghe Pháp nên gọi là Nạn.

Bốn là Trường Thọ Thiên nạn: Nghĩa là sống trong cõi trời ấy thọ đến năm trăm kiếp; đó chính là cõi trời Vô Tướng thuộc tầng trời Đệ Tứ Thiên của Sắc Giới. Cõi ấy mang tên Vô Tướng vì tâm thức chẳng khởi lên, giống như cá nằm trong băng, như sâu nằm trong kén. Ngoại đạo tu hành đa phần sinh lên cõi trời này. Do chướng ngăn gặp Phật nghe Pháp nên gọi là Nạn.

Năm là Bắc Uất Đan Việt nạn: Uất Đan Việt (Uttarakuru) là tiếng Phạn, Hán dịch là Thắng Xứ, nghĩa là cõi ấy cảm báo thù thắng hơn cả ba châu Đông, Tây, Nam. Người cõi ấy thọ một ngàn năm, không hề chết yếu. Do ham vui nên chẳng thể nhận lãnh sự giáo hóa. Vì thế, thánh nhân chẳng giáng sinh trong cõi ấy nên chẳng được gặp Phật, nghe pháp; bởi vậy gọi là Nạn.

Sáu là manh lung ám á nạn: Nghĩa là những kẻ ấy tuy sanh chính giữa đất nước, nhưng do nghiệp chướng sâu nặng nên mù, điếc, câm, ngọng, các căn chẳng đủ, dầu Phật xuất thế vẫn chẳng

thể thấy Phật. Dù (có người) giảng đại pháp vẫn chẳng nghe nổi, nên gọi là Nạn.

Bảy là thể trí biện thông nạn: Nghĩa là người trong thế gian tà trí sắc sảo, miệt mài ham mê tập tành kinh sách ngoại đạo, chẳng tin chánh pháp xuất thế. Vì vậy gọi là Nạn.

Tám là sanh Phật tiền Phật hậu nạn: Nghĩa là khi Phật xuất hiện trong đời làm bậc đại đạo sư khiến cho chúng sinh thoát ly cái khổ sinh tử, hưởng vui Niết Bàn; ai có duyên thì được gặp gỡ, còn những kẻ sinh ra trước hay sau thời Phật xuất thế thì do nghiệp nặng duyên mỏng nên đã chẳng được thấy Phật, lại còn chẳng được nghe pháp. Do vậy, gọi việc sinh ra trước Phật hay sau Phật là Nạn”.

Sách nói thêm: “Tám điều nạn ấy tuy là cảm lấy quả báo khổ, vui sai khác nhưng đều do chẳng được thấy Phật, chẳng nghe chánh pháp nên gọi chung là Nạn”.

Theo giải thích của Hòa Thượng Tịnh Không: Hiện nay xã hội động loạn, trên trái đất thiên tai dòn dập, rất nhiều người hoảng hốt lo sợ. Điều này trong giáo lý Đại thừa cho đó là việc nhỏ, chỉ là chuyện ngoài da!

- Vậy thì cái gì mới là đại nạn?

- Chúng sinh trong thế giới này không có cơ hội gặp Phật, nghe Pháp, đó mới là đại nạn!

- Vì sao nói như vậy?

- Chúng ta phải nghĩ đến hai câu đức Phật thường nói trong kinh: “*Thân người khó được, Phật pháp khó gặp*”. Không nghe được Phật pháp tức là đã gặp đại nạn rồi!

Bởi Phật pháp có thể giúp ta liễu sinh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, lợi ích này là điều thù thắng không gì

sánh bằng. Chư Phật, Bồ Tát từ bi vô lượng, trong sáu nẻo, bất luận ở nẻo nào, các ngài cũng đều hiện thân. Nhưng trong cõi người nghe pháp tu hành chứng quả là dễ dàng nhất, đây là chỗ đáng quý của thân người; các cõi khác khó thành tựu đạo nghiệp hơn cõi người.

Nhưng, nay tại thế gian này đã thay đổi rồi! Thay đổi đến vô lý! Thay đổi đến không thể tưởng được! Ngày nay, ta thường nghe nói: Cõi ma quỷ nghe pháp tu hành còn dễ hơn cõi người! Cõi súc sinh nghe pháp tu hành cũng dễ hơn cõi người! Nói cách khác, câu nói này rất là khó nghe! Vậy người không bằng quỷ! Người không bằng súc sinh rồi! Kinh này đức Thế Tôn nói từ ba ngàn năm về trước, ngài nói cho con người nghe chớ không phải nói cho quỷ hay súc sinh nghe! Chúng ta nên hiểu ý này. Ngày nay, Phật không còn tại thế, có thể nhìn thấy tượng Phật, có thể nghe đến danh hiệu Phật, Bồ Tát đó là người có phước rồi. Người vô phước thì suốt đời không nhìn thấy hình tượng chư Phật, Bồ Tát; không được nghe danh hiệu chư Phật, Bồ Tát. Đây là sự thật!

Học Viện Tịnh Tông tại thành phố này đã được thành lập mười năm. Mỗi tối thứ bảy, chúng ta đều tổ chức buổi tiệc ẩm cúng, cúng dường miễn phí bạn bè đến đây. Họ có phước đến đây nhìn thấy tượng Phật, nghe được danh hiệu Phật. Đó là “*nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*”. Người ở thành phố này có phước lắm, mười năm rồi chưa gián đoạn. Cho nên, ở đây người thấy tượng Phật, Bồ Tát cũng nhiều; nghe được danh hiệu Phật, Bồ Tát cũng nhiều. Còn một số ít thường tham gia thời khóa sớm tối của chúng tôi, đến Học Viện làm công quả. Theo pháp Đại thừa mà nói: Thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ thật không thể nghĩ bàn!

Bốn chữ “*Kiến Phật văn Pháp*” (Thấy Phật nghe pháp) vô cùng quan trọng! Tượng Phật không thể rời xa. Bất luận ở đâu, nên mang hình tượng Phật bên người. Đi du lịch, ở trong khách sạn, cũng

dâng tượng Phật lên để luôn thấy Phật; mở kinh Phật ra, sớm tối đứng trước tượng Phật tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ hoặc Kinh A Di Đà đều tốt. Tôi nghe nói, từ hôm nay trở đi, các đồng tu ở Đông Bắc, ngày mười lăm mỗi tháng mọi người cùng nhau niệm một ngày một đêm, hai mươi bốn tiếng đồng hồ liên tục niệm danh hiệu Phật. Việc này rất tốt! Công đức rất lớn!

Trước khi niệm Phật, nên tụng một bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh văn của Kinh Vô Lượng Thọ dài, tụng một biến khoảng một tiếng đồng hồ, chủ đích làm cho tâm định lại, điều này rất quan trọng! Nếu mỗi tháng hai lần, nên chọn ngày mùng một và ngày rằm. Đem công đức niệm Phật này hồi hướng cho chúng sinh khổ nạn trên toàn thế giới, hồi hướng cho trái đất không còn thiên tai, hy vọng chúng sinh có thể lìa khổ được vui. Nếu có bạn đồng tu thì mọi người cùng nhau niệm Phật; không có thì niệm một mình, đồng nghĩa với việc mỗi tháng đóng cửa một ngày.

Trong ngày niệm Phật này nên buông bỏ tất cả, điện thoại bàn cũng gác lại, điện thoại di động cũng tắt luôn, không nên để cho bất cứ điều gì quấy rầy, phương pháp này rất tốt. Niệm Phật cũng phải biết cách niệm, nhất định phải tuân thủ nguyên tắc mà Bồ Tát Đại Thế Chí đã chỉ dạy: *“Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm liên tục”*. *“Nhiếp lục căn”* tức là buông bỏ tất cả các duyên. Đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian thì mắt không thấy, tai không nghe, hai mươi bốn tiếng đồng hồ chỉ có niệm Phật. Nên chuẩn bị một ít thức ăn điểm tâm đặt ở bên cạnh. Khi bụng thật sự đói thì ăn một ít.

Trong thời gian niệm Phật duy trì trạng thái không đói, không no. Hơi đói thì ăn một ít bánh bao, uống một ngụm nước; không nên ăn quá no sẽ bị hôn trầm, ngủ gục; cũng không nên đói quá khiến tinh thần không định sẽ không thể nhất tâm niệm Phật. Suốt hai mươi bốn giờ không ngủ, nếu đông người cùng nhau niệm

Phật, phải có một, hai vị hộ pháp ở bên ngoài trông coi không cho người ngoài đến quấy rầy; cũng giống như nhập thất phải có người hộ thất. Công đức này không thể nghĩ bàn! Nếu đồng tu các nơi của Tịnh Tông đều có thể áp dụng phương pháp này, thế giới này đã được cứu. Năng lực của ý thức tập thể rất lớn, có thể tiêu trừ ác nghiệp, hóa giải thiên tai. Chúng ta phải thật làm! Chắc chắn công sức không uổng phí đâu.

Tóm lại, nạn địa ngục không phải là khổ nạn ở địa ngục mà ý nói: Ở địa ngục không có cơ hội gặp Phật nghe pháp, nạn này mới thật là lớn! Địa ngục thật ra không có số lượng, là vô lượng vô biên, vô số vô tận, vì nó biến hóa theo tâm, tùy theo tâm bất thiện mà có. Nói cách khác, mỗi ngày đều có địa ngục mới xuất hiện. Thời xưa, không có địa ngục nổ hạt nhân, ngày nay đã có rồi! Ngày xưa không có địa ngục sinh học, ngày nay cũng có rồi! Chúng ta cũng có thể thấy rằng: Ngày nay phụ nữ phá thai, chắc chắn ngày nay tại địa ngục sẽ có hình phạt mới: Địa ngục phá thai; đến đó mỗi ngày phải gánh chịu tội khổ phá cả vạn lần! Trong Hoàn Nguyên Quán, Quốc sư Hiền Thủ nói: “Xuất sanh vô tận”. Địa ngục ly kỳ, cổ quái nhiều lắm! Nhiều lắm! Con người không nên có ác niệm, ác khẩu, ác hạnh. Một khi đã gây tạo những nghiệp này, nhất định sẽ có quả báo địa ngục! Điều này là thật chẳng phải hư dối!

Kể đến là “súc sinh nạn”, *“Trong đường súc sinh chịu khổ vô cùng, ngăn lấp việc gặp Phật nghe Pháp nên gọi là Nạn”*: Cho nên, chúng ta ngày nay cũng tán thành việc kiến lập tượng Phật trong sân vườn. Có người tặng tôi một pho tượng Quán Thế Âm Bồ Tát rất lớn. Tôi đặt tượng tại đạo tràng Hứa Tiểu Lợi ở Thảm Quyển, dựng một cái đình nhỏ ở trong vườn, không nên để Bồ Tát phải dầm mưa! Hình như là tam viện Quán Âm, viện ở ngoài đó để cho loài chim nhỏ cũng có thể gặp Phật; cỡi ngựa qui cũng có thể nhìn thấy Phật, thuận tiện lắm! Trong chánh điện, loại ngựa qui sẽ không dám vào vì

có thần hộ pháp nó không vào được. Hơn nữa, tượng Phật dựng ở bên ngoài, người qua kẻ lại đều có thể thấy được, chỉ cần họ nhìn thấy thì ấn tượng đó sẽ rơi vào A-lại-da thức của họ, tức là gieo được mầm thiện cho họ rồi.

Ngày nay, nghe Pháp rất thuận tiện. Súc sinh không thể nghe kinh thì trì danh hiệu tượng đối dễ dàng, giúp chúng nghe được danh hiệu, thấy được tượng Phật là việc tốt. Cho nên, thường nghĩ đến những chúng sinh khổ nạn này, phải làm sao giúp chúng, chúng sẽ biết ân. Ngày nay giúp người, người không biết cảm ân. Chúng ta biết rằng súc sinh, ngựa quý hiểu được cảm ân. Cỗi súc sinh, nhân tố đầu tiên đọa lạc vào cỗi này là ngu si, tức không có trí tuệ, không biết thật giả, tà chánh, thiện ác, lợi hại. Họ không biết tài, sắc, danh lợi v.v... đều là những thứ đoạt mạng, đem họ vào ba đường ác. Đến lúc thọ mạng đã hết, hối hận cũng không còn kịp! Nghiệp nhân của cỗi ngựa quý là tham dục, chịu khổ vô cùng!

Có rất nhiều người sợ ma, điều ấy sai rồi! Ma quỷ sợ người mới đúng. Ngạn ngữ nói: *“Người có ba phần sợ ma; ma có bảy phần sợ người”*. Hiểu đạo lý này bạn sẽ không còn sợ ma nữa. Càng sợ nó càng ức hiếp bạn. Nó nhát gan, bạn còn nhát gan hơn nó! Nó xem thường bạn mới ức hiếp bạn. Bạn lớn tiếng la nó, nó lập tức chạy mất! Phải hiểu được chân tướng sự thật. Ma quỷ thật đáng thương, thật đau khổ!

Sở dĩ quỷ bị đói vì nó không được ăn uống, giống như súc sinh đi kiếm thức ăn khắp nơi nhưng không kiếm được! Còn có loại nghiệp chướng nặng nề hơn gọi là Diễm khẩu quỷ, khi tìm thấy thức ăn, thức ăn vừa đến miệng thì trong miệng liền bốc lửa tiêu cháy hết thức ăn, nó ăn không được! Cho nên, trong cảnh ngựa quý, hơn một nửa đều sống trong cảnh đói khát, vì thế gọi nó là ngựa quý. Nghiệp nhân của nó chính là lòng tham muốn không cùng nên bị quả báo

như vậy. Cho nên Phật dạy: “Tri túc thường lạc”. Phải biết dừng lại đúng lúc, không nên quá đáng, nhất định không được sa vào “tam đồ, bát nạn” như vậy thật là đáng tiếc!

“*Trường Thọ Thiên*” cũng phiền phức lắm! Trường Thọ Thiên chuyên chỉ cho cõi trời Vô Tướng ở Đệ Tứ Thiên. Tứ Thiên có chín tầng trời, cũng chính là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đại đa số thiên nhân ở Tứ Thiên thuộc ba tầng trời phía trước. Trời thứ tư là cõi trời Vô Tướng. Năm cõi trời phía sau là năm cõi trời Bất Hoàn, thiên nhân ở cõi trời Tịnh Cư tu hành chứng quả tại đó. Trong kinh Phật dạy: Tam quả trở lên là A Na Hàm, họ ở nơi đó tu hành đến khi thành tựu thì chứng quả A-la-hán. Chứng quả A-la-hán tức là vượt qua sáu cõi. Người lợi căn thì ở Tứ Thiên đã siêu việt rồi. Người độn căn còn phải thông qua cõi trời Tứ Không mà vượt lên.

Cõi trời Vô Tướng là nhờ tu “Định Vô Tướng” mà thành tựu được thọ mạng đến năm trăm kiếp. Thời gian năm trăm kiếp hết, Định lực của họ cũng mất, nghiệp chướng xuất hiện, lại theo nghiệp mà lưu chuyển. Thế gian là hư vọng! Muốn tham cầu, muốn không chế, muốn chiếm hữu nó, tất cả đều là tội chướng! Những lời trong Kinh Địa Tạng nói đều là chân thật: “*Chúng sinh trong cõi Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm tất cả đều là tội, đều là nghiệp*”.

Cho nên tôi khuyên các đồng tu khởi tâm động niệm đều là A Di Đà Phật; những suy nghĩ của tâm đều là Kinh Vô Lượng Thọ, như vậy thì tốt biết bao! “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” lợi ích vô lượng vô biên, tại sao không làm?! Hy vọng đồng tu của Tịnh Tông chúng ta từ hôm nay trở đi không làm những việc ngu ngốc, hồ đồ nữa, nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Dưới đây giải thích: “Vô Tướng là gì?”

“*Ngôn Vô Tướng giả dĩ kỳ tâm thức bất hằng*” (Nói Vô Tướng vì tâm thức chẳng khởi lên). Tâm thức của họ chính là thức

thứ sáu. Thức thứ sáu tạm thời dừng hoạt động, đó chính là Định. Định này là thiền định tương đối thâm sâu, họ không nghĩ gì nữa. “Vô Tưởng”! Họ không phải thật sự nhập Định, không phải thật sự trừ diệt tưởng, vì họ vẫn còn nghĩ đến “Vô Tưởng”. Họ vẫn còn có tưởng, đó là tưởng “Vô Tưởng”. Định trong vô tưởng, thời gian của Định công này dài năm trăm kiếp, như cá đông lạnh. Dem cá sống bỏ vào tủ lạnh, nó bị lạnh đông rồi! Nó không nghĩ nữa! Nó dường như nhập Định. Ngày nào đó đem nó giải đông, nó sống lại, nó lại khôi phục trạng thái trước đây.

Thật vậy! Ngày nay có rất nhiều nhà khoa học đã hiểu phương pháp này. Trập trùng là một loài sâu nhỏ, trong mùa đông, nó cũng đình chỉ tất cả mọi hoạt động của tinh thần: thọ, tưởng, hành, thức. Nhìn bộ dạng của nó giống như đã chết, nhưng nó chưa chết, nó đang sống. Cho đến mùa xuân, sấm nổ kinh động, nó sống lại giống như vừa tỉnh ngủ vậy! Trời Vô Tưởng cũng giống như tình trạng này, họ ở trong thiền định rất sâu, vì thế tất cả mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều đình chỉ hoạt động. Đó gọi là đè nén phiền não, không phải diệt phiền não. Họ có năng lực đè nén phiền não đến năm trăm kiếp. Sau năm trăm kiếp, những phiền não, tập khí của họ lại hiện hành!

Ngoại đạo tu hành; nói “ngoại đạo” ở đây không phải là phê bình người khác, không phải là một lời nói xấu. Trong Phật pháp nói “ngoại đạo” là chỉ cho người ngoài tâm tìm đạo. Trong cửa Phật cũng có không ít những người đang ngoài tâm tìm đạo. Phật pháp là tâm pháp nên gọi là “nội học”, là hướng nội tìm cầu, không phải tìm kiếm bên ngoài. Bên ngoài toàn là giả! “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng!” Đức Phật cũng nói: Ngoài tâm tìm Phật đó là giả! Ngoài tâm không có Phật, Phật là ở tại tâm. Cho nên tìm cầu ở trong tâm đó mới là thật. Người tu pháp môn Tịnh Độ nên nhớ kỹ: *“Tâm tôi tức là Phật*

A Di Đà; Phật A Di Đà tức là tâm tôi”. Phàm phu dùng là tâm thức, đó chính là “tam tâm nhị ý”, là giả!

- Chân tâm ở đâu?

- Dùng vọng tâm thì chân tâm không thấy nữa, chân tâm bị chướng ngại! Cho nên, phải lìa tâm ý thức thì chân tâm hiện tiền. Lìa tâm ý thức là không ghi nhớ ấn tượng, không phân biệt, chấp trước.

- Dùng phương pháp nào để lìa tâm ý thức?

- Dùng một câu danh hiệu Phật! Chỉ cần chuyên tâm niệm Phật, thật lòng niệm Phật, không nghĩ ngợi gì hết, lâu ngày sẽ tiêu mất bản ngã, tâm ý thức tự nhiên không còn, Phật A Di Đà liền xuất hiện, cũng chính là chân tâm hiện tiền. Cách này thật hay! Chiêu này thật tuyệt! Trong tám vạn bốn ngàn Pháp môn, không có pháp nào hơn Pháp môn Niệm Phật.

Tóm lại, cõi trời Vô Tướng cũng chướng ngại việc gặp Phật nghe Pháp nên gọi là Nạn.

“*Bắc Câu Lô Châu*” (Bắc Uất Đan Việt), còn gọi là *Thắng Xứ*, nơi này “*cảm báo thù thắng hơn cả ba châu Đông, Tây, Nam*”, không bị hoạnh tử, đều mạnh khoẻ trường thọ, không có chết yểu, thọ mạng của họ là một ngàn năm. Do ở đó an vui, không có nạn tai nên họ không chấp nhận sự giáo hóa của Phật, cho rằng không cần phải tu hành. Từ ăn mặc, cho đến ở đi v.v... của họ, tất cả đều tự tại. Phước báo của họ quá lớn, điều này trong kinh Phật dạy: “Hào quý học đạo nan” (giàu có khó học đạo). Bồ Tát Vi Đà là thần hộ pháp trong cửa Phật. Trong bốn đại bộ châu, chỉ ba châu có cảm ứng, có Phật pháp. Bắc Câu Lô Châu không có Phật pháp, cho nên Bồ Tát Vi Đà không đến! Cõi này không được gặp Phật nghe Pháp nên gọi là Nạn.

“*Manh lung ám ứ*”: Những người này tuy sinh nơi trung quốc. (Trung quốc ở đây không phải là nước Trung Quốc mà là nơi có Phật pháp. “*Trung*” là trung ương). “*Do nghiệp chướng sâu nặng nên mù, điếc, câm, ngọng, các căn chẳng đủ, dầu Phật xuất thế vẫn chẳng thể thấy Phật*”: người mù không thể thấy tượng Phật, không xem được kinh Phật! Người điếc không nghe được kinh Phật, chướng ngại việc tu học! Người câm, nếu có điều chi về Phật pháp không hiểu, muốn hỏi cũng không hỏi được. Những sự việc trên đây đều là chướng duyên cho việc “*thấy Phật, nghe Pháp*” nên gọi là Nạn.

“*Thế trí biện thông*”: Đây là những người rất thông minh, biện tài nhưng họ không tin những gì Phật nói, không tin có Lục đạo luân hồi, không tin con người chết rồi vẫn còn kiếp sau. Loại người này rất nhiều! Nếu tôi không gặp thầy Phương Đông Mỹ tôi cũng thuộc hạng người này. Lúc tôi còn trẻ có tài biện luận, cũng không tin Phật pháp, không tin tôn giáo. Thời trẻ tôi học tại Nam Kinh, trọ tại nhà bạn học cùng lớp. Tôi và bạn ấy là đôi bạn rất thân. Tôi phát hiện ra trong nhà họ là đa nguyên tôn giáo. Bà của anh là người niệm Phật; mẹ và anh ta cùng mấy anh chị em là tín đồ Cơ đốc giáo; bố anh là Hồi giáo. Cho nên tôi hứng thú với đa nguyên tôn giáo.

Tôi ở nhà bạn một năm, đối với ba tôn giáo này tôi cũng có được chút hiểu biết. Tôi ngưỡng mộ nhất vẫn là Hồi giáo, bởi tôi hiểu nó. Phật Giáo là gì, bà anh ta không giảng giải được nên tôi không tin, cho rằng đó là mê tín. Ngũ công, Ngũ Điển của Hồi giáo; đặc biệt là Ngũ Điển hoàn toàn tương đồng với luân lý của Trung Quốc. Đến sau này tôi mới biết được Hồi giáo ở nước ngoài không có Ngũ Điển, chỉ có Ngũ Công. Hồi giáo ở Trung Quốc có Ngũ Điển chính là Hồi giáo đã hấp thụ văn hóa truyền thống của Trung Quốc, khác với Hồi giáo của nước ngoài.

Bởi mẹ của bạn tôi là tín đồ Cơ đốc giáo nên mỗi chủ nhật chúng tôi thường theo bà đến nhà thờ làm lễ, tôi cũng học kinh Thánh. Mục sư ở đây muốn giáo hóa và lôi kéo tôi làm tín đồ. Tôi nêu ra có hơn bảy mươi vấn đề hỏi mục sư, nhưng điều gì ông cũng không giải đáp được! Ông nói tôi là ma qui! Tôi nói, tôi rất tôn trọng ông nhưng những vấn đề này đều là sự thật. Điều đầu tiên là vấn đề vũ trụ; khởi nguyên của vũ trụ nói theo Kinh Thánh thì chẳng qua cũng chỉ có năm, sáu ngàn năm. Trong khi đó, nhà khảo cổ Trung Quốc khám phá ra người Bắc Kinh, Trung Quốc có khoảng năm trăm ngàn năm về trước; vậy thì chẳng phải người Bắc Kinh là tổ tông của Thượng Đế hay sao? Điều này ông ta không chấp nhận được! Tôi cũng không thể chấp nhận! Rất nhiều vấn đề không thể giải quyết được, làm sao mà tin! Tôi nói: Tôi vẫn đến tham gia khóa lễ của các ông, tham gia các lớp đọc thơ của các ông, những vấn đề này chưa giải đáp, tôi chưa chịu rửa tội!

Cuối cùng tôi cũng chưa rửa tội. Nhưng đối với những tôn giáo này, sự thành kính của họ, thiện tâm thiện ý của họ tôi đều rất thích và cũng rất ngưỡng mộ. Cho nên, những gì tôi chưa rõ, tôi sẽ không chấp nhận! “Thế trí biện thông” này thật rất phiền phức! Không tin tưởng Phật pháp, thật tình mà nói, Hòa Thượng đến khuyên tôi học Phật, tôi nêu ra một số vấn đề hỏi cho ông ta thua luôn rồi tôi cũng không tin! Không gặp được thầy Phương Đông Mỹ, tôi tuyệt đối không thể theo Phật. Tôi không thể lý sự hơn thầy Phương được. Hỏi thầy vấn đề gì thầy cũng giảng giải rất rõ ràng. Đó chính là người thật sự rất có công phu đối với kinh điển, không thể nào làm khó thầy được. Cho nên, tôi không thể không khâm phục, như vậy mà tôi tin.

“*Sinh Phật tiền Phật hậu nạn*” (Nạn sinh ra trước Phật hay sau Phật): chỗ này ý nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Duy chỉ có chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát xuất hiện tại

thế gian mới có thể giúp chúng sinh thoát ly sự khổ luân hồi trong ba cõi sáu đường, được Niết Bàn an vui. Niết Bàn là tiếng Ấn Độ, nghĩa thật sự của nó là “đắc Tịch lạc”, được an lạc bất sinh bất diệt. Chúng sinh trong sáu đường có duyên gặp được Phật xuất thế, điều này rất hiếm có.

Nói đến “Phật tiền Phật hậu” (Sinh ra trước hay sau thời Phật xuất thế), cần phải nói đến Pháp vận của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Pháp vận của Phật là một vận hai ngàn năm. Những kẻ sinh trước hay sinh sau khoảng thời gian này không những “đã chẳng được thấy Phật, lại còn chẳng được nghe Pháp”. Khi thời mạt pháp diệt rồi, trên thế gian này không còn Phật pháp, tất cả kinh điển đều không còn! Nói cách khác, cho dù trong A-lại-da có thiện căn, phước đức nhưng nếu không có nhân duyên thì nó vẫn không khởi tác dụng, vẫn phải luân hồi, tùy nghiệp lưu chuyển! Phải đợi đến khi đức Phật kế tiếp xuất hiện trên thế gian này, Tam Bảo mới lại đầy đủ.

“Những kẻ sinh ra trước hay sau thời Phật xuất thế bởi do nghiệp nặng duyên mỏng nên đã chẳng được thấy Phật, lại còn chẳng được nghe pháp. Do vậy, gọi việc sinh ra trước Phật hay sau Phật là nạn”. Chỗ này chúng ta phải đặc biệt chú ý hai câu: “Chẳng được thấy Phật, lại còn chẳng được nghe Pháp”, gọi đó là Nạn. Nếu thấy Phật nghe Pháp tức là không có nạn nữa.

- Trong địa ngục có gặp Phật nghe Pháp chẳng?

- Có! Nhưng rất ít!

Đó chính là khi làm người, họ đã tích được công đức lớn, làm việc thiện lớn, nhưng lúc lâm chung do một niệm sai lầm mà bị đọa địa ngục. Tuy đọa địa ngục, nhưng nhờ năng lực chủng tử thiện căn, phước đức đời trước của họ rất lớn, nên dù trong chốn địa ngục họ vẫn có thể được gặp Phật nghe Pháp. Bồ Tát hiện thân trong chốn địa ngục giáo hóa chúng sinh gọi là Địa Tạng Bồ Tát. Cho nên, Địa

Tạng Bồ Tát chỉ là danh từ chung không phải danh từ riêng; không phải riêng độc nhất chỉ cho một người nào mà Địa Tạng Bồ Tát là có rất đông số người! Người có duyên với chư Phật, Bồ Tát khi bị đọa vào địa ngục, nếu họ thành tâm thành ý sám hối, thừa nhận lỗi mình, lập tức ý niệm đó được truyền đi khắp pháp giới, hư không giới. Chư Phật, Bồ Tát thấy đều hay biết, liền hiện thân trước mặt họ để giáo hóa và cứu độ họ thoát ly địa ngục.

- Đến cõi nào vậy?

- Đương nhiên tốt nhất là đến cõi người!

- Vì sao vậy?

- Cơ hội gặp Phật, nghe pháp ở cõi người nhiều nhất; các cõi khác có nhưng không nhiều.

Cho nên “thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Đức Phật không nói “thân trời khó được”, ngài chỉ nói “thân người khó được”. Sở dĩ thân người đáng quý chính là con người dễ giác ngộ, dễ sinh Tịnh Độ. Cuộc sống cõi trời quá tốt, vui nhiều khổ ít nên họ không muốn tu hành, chẳng muốn vãng sinh. Họ còn quá tham luyến môi trường sinh hoạt của họ nên không nở rời! Trái lại, trong ác đạo do sự khổ quá bức bách khiến họ quên mất cả tâm thoát ly, tâm cầu sinh Tịnh Độ. Do vậy mà Phật, Bồ Tát có hiện thân đến nhắc nhở, họ cũng không nhớ ra!

Nên biết: Trong sáu đường, dùng thân Phật thị hiện để giáo hóa chúng sinh chỉ có trong cõi người; trong các cõi khác chỉ hiện thân Bồ Tát, hoặc thân Thanh Văn hay hiện cùng thân với chúng sinh đó, điều này nhiều nhất. Sự việc này nói với chúng ta: Cõi người tuy có khổ nhưng vấn đề vẫn có thể giải quyết. Chư Phật Như Lai, chư Bồ Tát không ai mà chẳng xuất thân từ cõi người.

Việc giảng kinh dạy học là tự lợi lợi tha. Ngày ngày giảng kinh thuyết pháp sẽ giúp ta tránh được rất nhiều ngoại duyên bên ngoài quấy nhiễu, có thể bảo vệ được bản thân không bị ảnh hưởng bởi ngoại cảnh, mới có thể đắc Định, khai trí tuệ, vượt đến đạo quả. Phàm bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng, sẽ không thể thành tựu! Có làm việc tốt nhiều đến thế mấy cũng trôi lăn trong lục đạo; đồng nghĩa với đời này sống uổng phí, sống vô ích!

Cho nên, người học Phật, thời khóa chiều mỗi ngày nên phản tỉnh xem hôm nay ta có bị cảnh giới quấy rầy chăng? Tôi nghĩ: Rất nhiều người chưa hề nghĩ đến vấn đề này. Nếu nghĩ đến vấn đề này, bản thân sẽ lo sợ! Vì sao? Vì ta chưa tiến bộ! Vẫn còn sống qua ngày, như vậy thì đắc được gì?! Người khác khen vài câu thì vui lắm! Ta đã bị họ làm ảnh hưởng rồi! Người khác hủy báng, liền khởi sân si! Sao ta không làm chủ được tí nào?! Chuyển theo cảnh giới bên ngoài, đó là luân hồi! Ngày ngày làm việc luân hồi! Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi! Quả báo sau này chính là luân hồi! Thật đáng sợ!

Không thật sự hiểu hoàn cảnh, tâm cảnh giác không thể phát huy. Rất nhiều người đều biết thành tựu của Lưu Tổ Vân cư sĩ. Bà không có sở trường gì nhưng tính cảnh giác của bà cao, duyên của bà rất thù thắng. Bà bị bệnh lao da ban đỏ, bác sĩ nói trước để bà có sự chuẩn bị về tâm lý: Bà có thể chết bất cứ lúc nào! Duyên này tốt lắm! Bà cảnh giác cao độ, từ sáng đến tối mười hai tiếng đồng hồ chỉ một câu Phật hiệu, một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, mười năm như vậy, bà đã thành tựu!

Chúng ta ngày nay một ngày cũng không làm được! Người không bị ảnh hưởng bên ngoài chính là không khởi tâm oán trách người khác, hoàn toàn là do mình. Người tán thán, khen ngợi ta, cung kính ta! A Di Đà Phật! Họ đến chửi, lăng nhục ta! A Di Đà Phật! Không bị họ quấy nhiễu, cũng chẳng một mảy mai sân giận. Nếu họ

có giết ta cũng: A Di Đà Phật! Tôi đến thế giới Cực Lạc đây! Cảm ơn bạn! Nếu không, tôi phải sống thêm ít ngày nữa. Bạn tiễn tôi đi sớm hơn, tôi cảm ơn bạn! Thật sự không giả dối tí nào! Vì sao? Họ tạo ác nghiệp sẽ đến địa ngục chịu quả báo, lại còn tiễn ta đến thế giới Cực Lạc, ta làm sao không cảm ơn được!

Nếu ta hận họ thì “*oan oan tương báo*” sẽ đi cùng đường với họ xuống địa ngục! Cảm ơn! Thật sự cảm ơn! *Bất luận chịu những khổ nạn nào nên nghĩ: đây là Bồ Tát đến thử thách ta, xem ta có thật sự buông xuống chưa? Có còn nhiễm ô chăng? Có thật sự thanh tịnh chưa?* Cho nên, ngày trước khi còn ở Mỹ, tôi xem trong kính có hai câu: “*Mỗi ngày đều là ngày tốt, mỗi giờ đều là giờ lành*”. Tôi thêm hai câu nữa: “*Mỗi người đều là người tốt, mỗi việc đều là việc lành*” Chẳng sai chút nào!

Thế gian không có ác nhân, yêu ma quỷ quái đến chỗ tôi đều là Phật, Bồ Tát, cho nên “*cảnh tùy tâm chuyển*”. Phạm phu điên đảo đáng thương, họ là “*tâm tùy cảnh chuyển*”, sẽ chuyển đến A Tỳ địa ngục. “*Cảnh tùy tâm chuyển*”, bạn có thể thành Phật, thành Bồ Tát. Cho nên, Ngẫu Ích Đại Sư nói hay lắm: “*Cảnh duyên không tốt xấu, tốt xấu do nơi tâm*”. Thị phi, thiện ác, tà chánh v.v... là những thứ sản sinh trong vọng niệm. Lìa vọng niệm, phân biệt, chấp trước, liễu bất khả đắc! Nó không phải là thật tướng của vạn pháp, nó là hư giả! “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”.

Người thật sự học Phật, đặc biệt trong thời đại này chắc chắn sẽ gặp đại nạn, phải chịu khổ lớn! Người khác không tin ta có thiện tâm thành ý đối với họ. Họ hoài nghi ta có ý đồ gì? Muốn hại họ chăng?! Họ không nghĩ theo chiều hướng tốt, toàn nghĩ ngược lại! Chúng ta phải chịu đựng được, phải không thay đổi mới có thể thành tựu. Bởi bây giờ là thời đại đặc biệt, phải đặc biệt có trí tuệ, đặc biệt có đức hạnh mới có thể giúp những chúng sinh khổ nạn này.

Chúng sinh khổ nạn này dùng những thái độ không tốt đối với ta, ta vẫn có thể chịu đựng được thì đã giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng, giúp họ vun bồi phước đức rồi. Trong Phật pháp gọi đó là chịu khổ thay chúng sinh. Tất cả tội nghiệp họ gây tạo, chịu thay cho họ; chắc chắn một ngày nào đó họ cũng sẽ hối hận hồi đầu. Nếu đời này họ chưa giác ngộ; đời sau hoặc đời sau nữa... chắc chắn sẽ có ngày họ giác ngộ. Nói cách khác, bản thân ta có thể tiếp nhận được hoàn cảnh thì không những nghiệp chướng của ta được tiêu trừ mà còn có thể giúp chúng sinh tiêu trừ nghiệp chướng thay cho họ. Việc này chớ lo bị thiệt! Nhớ kỹ cổ nhân có câu: “chịu thiệt là phước”

- Đại phú đại quý có được từ đâu?

- Từ chịu thiệt mà tu được! Từ bị lừa mà tu được! Quyết không phải do lợi dụng mà có.

Người hay lợi dụng thì rất thông minh; cuối cùng cũng bị thông minh làm cho sai lầm! Vì sao? Vì họ sẽ rơi vào tam đồ ác đạo, họ phải trả nợ! Sát sinh phải đền mạng! “nhất ẩm nhất trắc mạc phi tiền định”, ngay cả đế vương cũng không thể trốn nợ được! “oan oan tương báo”, không dứt không hết, đó mới là thật khổ! Cho nên, chỗ quý là ở chỗ giác ngộ. Muốn giác ngộ nhất định phải được gặp Phật và được nghe Pháp. Không gặp được Phật, không nghe được Pháp, làm sao có thể giác ngộ?!

Người thế gian chịu oan uổng lớn nhất là: Việc này không nhẫn được! Tức quá chịu không nổi! Khổ không kể nổi! Kỳ thật! Sự tức giận đó chỉ là giả chẳng phải thật! Vậy thì không cần phải nuốt, chỉ cần hóa giải là được rồi! Không việc gì nữa! Hà tất phải chấp trước như thế?! Sai lầm đều do chấp trước! Chấp trước kiên cố không chịu buông xuống! Từ chỗ này chúng ta mới có thể thể hội được: Phật là Bảo, Pháp cũng là Bảo. Con người một ngày không ăn cũng

không sao! Không ngủ cũng không sao! Một ngày không nghe kinh thì không thể được!

- Không nghe kinh là gì?

- Đó là đại bất hiếu! Đại bất kính! Cha mẹ và thầy ta đều hy vọng chúng ta nhanh chóng thành Phật để cứu độ họ. Ta thành Phật chậm một ngày, họ ở trong ác đạo, trong sáu đường thêm một ngày chịu khổ! Việc này mới là việc lớn, việc lớn số một trong đời người vậy.

Năm xưa, thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi. Vì sao tôi tin thầy? Vì thầy thật làm! Thầy ngày ngày đọc tụng Đại thừa, vui theo không mệt. Kinh văn quan trọng trong kinh giáo Đại thừa, thầy có thể đọc thuộc lòng từng đoạn. Điều này Pháp sư xuất gia không thể sánh kịp! Thầy thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh, bộ này do tôi giới thiệu, thỉnh về rồi là Thầy thật lòng đọc, không như những người khác thỉnh về rồi để trên giá sách, thờ ở nơi đó, vĩnh viễn không bao giờ đọc! Thầy Phương thật sự đọc. Lúc đó, với tư cách là một học giả, không phải tín đồ Phật Giáo mà thầy thích kinh giáo Đại thừa đến như vậy. Thầy khẳng định thừa nhận Thích Ca Mâu Ni Phật là nhà triết học vĩ đại nhất trên toàn thế giới. Thế gian này nếu có thêm được vài người như thầy xuất hiện thì Phật pháp sẽ hưng vượng hơn. Cho nên, “*thấy Phật nghe Pháp*” quan trọng hơn bất cứ thứ gì! Một ngày cũng không thể bỏ qua. Một ngày không thấy Phật, không nghe Pháp là gặp nạn rồi!

Thế giới Cực Lạc “*Vĩnh vô chư nạn*” (vĩnh viễn không có các nạn): Bởi ở thế giới Cực Lạc, việc thấy Phật nghe Pháp có thể nói là niệm niệm không gián đoạn, luôn không rời Phật A Di Đà và không lìa nghe Pháp. Báo Thân Phật, Ứng Thân Phật, Pháp Thân Phật đều ngay trước mắt. Trên kinh nói: Tình và hữu tình ở thế giới Cực Lạc đều diễn nói Diệu pháp; người nghe kinh tùy ý: Muốn ngồi

nghe cũng được; tản bộ nghe cũng được; nằm dưới đất nghe cũng được. Rất tự tại!

- Ai giảng kinh cho họ?
- Nước chảy!
- Nước vì sao giảng kinh?
- Vì do Phật A Di Đà biến hóa ra!

Ở thế giới Cực Lạc thể hiện đầy đủ nghệ thuật giáo hóa của Phật A Di Đà. Nếu Phật A Di Đà hiện thân ở đó, họ phải cung cung, kính kính không dám phóng dật, sợ bất kính khi nằm nghe Pháp nên Phật A Di Đà biến thành nước chảy, thành chim nhỏ thuyết pháp cho họ. Vậy thì họ có thể phóng dật một tí, tự tại một tí. Phật A Di Đà rất đại tự tại, ngài sẽ không làm khó một ai, chính là hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức. Như Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng”*. Ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có các nạn, chính là vĩnh viễn không bị gián đoạn việc thấy Phật và nghe Pháp, như Viên Trung Sao viết:

- *“Do không có nhân của ba độc, chẳng tạo nghiệp ác nghịch nên chẳng có khổ quả tam đồ, không có chướng nạn tam đạo”*:

Ở thế gian này do tham, sân, si mà tạo nên ác nghiệp vô lượng vô biên. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, tham sân si hoàn toàn không còn thì tự nhiên tạo nghiệp ác nghịch không còn nữa *“nên chẳng có khổ quả tam đồ, không có chướng nạn tam đạo”* (Tam đồ, tam đạo đều chỉ cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh).

- *“Nghe Pháp nhập định, chẳng đọa vào Vô Tướng, nên chẳng có Trường Thọ Thiên nạn”*.

Phía trước chúng ta đã nói qua về Vô Tướng Thiên. Vô Tướng Thiên ở cõi Tứ Thiên. Ở thế giới Cực Lạc, trong Tứ Thiên không có Vô Tướng Thiên.

- *“Tuy thọ sự vui tốt bậc nhưng thường được hưởng sự giáo hóa nên chẳng có Bắc Câu Lô Châu nạn”* (tức là Uất Đan Việt nạn):

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: sự vui tốt bậc (tức “Cực Lạc”) chính là ngày ngày được gặp Phật, nghe Pháp.

- *“Sáu căn thanh tịnh, sắc bén, thông tuệ nên không có nạn đui, điếc, câm, ngọng”*:

Dui, điếc, câm, ngọng (manh, lung, ám, á) là sáu căn không đầy đủ, ở đây chúng ta gọi là người tàn tật. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có người tàn tật. Sinh đến thế giới Cực Lạc, thân tướng mọi người đều tương đồng với Phật A Di Đà không gì sai khác.

- *“Chúng sinh sinh về cõi ấy đều nhập Chánh Định Tụ nên không có nạn thế trí biện thông”*:

“Chánh Định” chính là nói tự tánh bản Định. Trong Lục Tổ Đàn Kinh nói: “Nào ngờ tự tánh vốn không dao động”, chính là tự tánh bản Định.

- *“Nay đức A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp đến vô lượng kiếp, Quán Âm sẽ tiếp nối ngài làm Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật nên chẳng có nạn sinh trước hay sau Phật”*.

(A Di Đà Phật kim hiện tại thuyết pháp vô lượng kiếp, Quán Âm tức bổ kỳ xứ hiệu Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật cổ vô Phật tiền Phật hậu nạn giả): Đó là nói thế giới Cực Lạc, mãi đến khi Phật A Di Đà hết duyên giáo hóa chúng sinh, Ngài cũng nhập

Niết Bàn. Quán Âm Bồ Tát sẽ tiếp nối Ngài thành Phật. Tương lai, Quán Thế Âm Bồ Tát nhập Niết Bàn, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng tiếp đó thành Phật, không có gián đoạn.

Cho nên, thế giới Cực Lạc không có “nạn Phật tiền Phật hậu” (nạn sinh trước hay sinh sau Phật). Không như thế giới này của chúng ta, sau khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, mãi đến sau năm tỷ, sáu trăm triệu, không trăm bảy mươi ngàn năm (ngũ thập lục ức thất thiên vạn niên) Bồ Tát Di Lạc mới đến thế giới này thành Phật. Cũng chính là nói: Thế gian này, khoảng cách thời gian giữa đức Phật này và đức Phật kế tiếp xuất hiện quá lâu.

- Suốt thời gian dài như vậy không có Phật giáo hóa chúng sinh phải làm sao?

- Đức Phật thật rất từ bi! Trong Kinh Địa Tạng nói: trước khi Phật diệt độ, đã phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng thay ngài giáo hóa chúng sinh trong khoảng thời gian dài không có Phật xuất thế. Dụng ý này của Phật rất thâm sâu cần nên thể hội:

- Vì sao Phật không phó chúc cho các Bồ Tát khác như: Quán Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát v.v... đảm trách sự việc này?

- Trong Phật pháp Đại thừa, Địa Tạng Bồ Tát biểu trưng cho “Hiếu thân tôn sư”, cho gốc rễ của sự hiếu kính. Trong giai đoạn Phật không còn trụ thế, ở thế gian này nếu mọi người đều hiểu được hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng thì xã hội này sẽ không loạn; nhân dân sẽ được an vui, hạnh phúc. “Hiếu thân tôn sư” là gốc của Phật pháp Đại thừa. Dường như ngày nay câu này đã đến mùa đông rồi, lá rụng hết, hoa quả cũng chẳng còn thấy nữa!

Tuy nhiên, con người nếu tiếp thu được giáo dục của Thánh hiền thì gốc rễ này nhất định sẽ hồi sinh trở lại, chắc chắn sẽ ra hoa kết trái.

“*Ác thú*” (đường ác): Chữ “*thú*” có nghĩa là chỗ chúng sinh hướng đến. Luận Câu Xá, quyển tám chép: “*Thú nghĩa là đi đến*”. Sách Pháp Hoa Văn Cú Ký giảng: “*Từ một chỗ này đến một chỗ khác nên gọi là thú*”. “*Ác thú*” là “*ác đạo*”, chỉ cho ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thế giới Cực Lạc không có “*ác thú*”. Tiêu chuẩn của thiện ác là pháp thế gian. Trên Kinh Di Đà, đức Phật dạy:

“*Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo, Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh hà hưởng hữu thật!*” (Cõi nước Phật ấy không có ba ác đạo. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ác đạo hưởng là thật có). Đây chính là do nguyện thứ nhất của đức Phật A Di Đà “*nước không có ác đạo*” mà thành tựu.

“*Ma nã*”: Ma là cách gọi tắt của chữ Phạn “*Ma La*” (Māra), dịch nghĩa là Năng Đoạt Mạng.

Sách Nghĩa Lâm Chương, quyển sáu giảng:

“*Ma, tiếng Phạn là Ma La, Hán dịch là Nhiễu Loạn, Chướng Ngại, Phá Hoại. Do chúng nhiễu loạn thân tâm, chướng ngại thiện pháp, phá hoại sự tốt đẹp bậc nhất nên gọi là Ma La. Cõi này (Trung Hoa) gọi tắt là Ma*”.

Sách Huệ Lâm Âm Nghĩa, quyển mười hai giảng: “*Ma La, Hán dịch là Lược, tức là tên khác của ma vương Ba Tuần trong cõi Tha Hóa Tự Tại. Loài quỷ thần này có đại thần lược có thể gây chướng nạn cho những người tu pháp xuất thế nên gọi là Ma La*”.

Lúc Thế Tôn mới tu hành, Ma Ba Tuần đến cản trở, tìm đủ mọi cách để uy hiếp, dụ dỗ Thế Tôn nhưng không làm sao quấy nhiễu được Phật. Sau này, đức Thế Tôn thành Phật, có lần Ma Ba Tuần đến

thưa với Thế Tôn : Hẳn sẽ tìm cách phá hoại Phật pháp. Thế Tôn nói: Phật pháp là chánh pháp, người không có năng lực để phá hoại. Ba Tuần nói: Đợi đến thời mạt pháp của đức Thế Tôn , Pháp vận sẽ từ từ suy yếu, hẳn sẽ khiến cho ma con, ma cháu đều xuất gia, khoác áo cà sa đến để phá hoại Phật pháp. Đức Phật nghe xong rơi lệ, không nói câu nào! Lời nói của ma vương chính là thời đại hiện nay. Thật đúng như vậy!

Ở đây chúng tôi có cúng bài vị của ma vương Ba Tuần. Ông ta đã từng đến tìm tôi, chất vấn tôi không thông báo ông ta: Vì sao tùy ý xâm phạm đạo tràng của ông ta? Tôi nói: Tôi không có xâm phạm. Sau này, đột nhiên tôi nghĩ đến: Ngày nay internet, tivi là đạo tràng của ma vương. Chúng ta cũng có tivi, cũng có internet; đây là xâm phạm đạo tràng của ông ta. Thật là ma dùng phương pháp này dạy hư lòng người trên toàn thế giới rồi! Đây là ma vương lộng quyền!

Trong Phật pháp, Tiểu thừa có hàng phục ma; tám tướng thành đạo có hàng phục ma; Đại thừa không có! Đại thừa mới thật sự hiểu thấu triệt chân tướng của nhân sinh vũ trụ: Phật với ma là bình đẳng. Chúng ta dùng một niệm tâm thanh tịnh thì ma là Phật, ma đến hộ trì; nếu tâm không thanh tịnh thì Phật biến thành ma đến để quấy nhiễu ta! Đây là chân tướng sự thật. Cho nên, Phật hay ma không phải ở bên ngoài. Bên ngoài không Phật, không ma! Vấn đề là ở trong tâm. Đây là điểm bất đồng giữa Đại thừa và Tiểu thừa. Đại thừa thật sự “*cảnh tùy tâm chuyển*”. Tiểu thừa không phải! Hàng Tiểu thừa còn bị cảnh giới chuyển!

Sách Trí Độ Luận bảo có **bốn loại ma**:

1. Phiền Não Ma: Các loại phiền não như tham, sân, si... thất tình ngũ dục, sáu căn bản phiền não, hai mươi thứ tùy phiền não v.v... đều nhiễu hại thân tâm nên gọi là Ma.

2. Ngũ Âm Ma: “Âm” là che đậy. Năm thứ: “*sắc, thụ, tướng, hành, thức*” có thể làm chướng ngại chân tánh của ta, khiến ta không thể kiến tánh, sinh ra các khổ não nên gọi là ma.

3. Tử Ma: Cái chết đoạt mất mạng căn của con người, đạo nghiệp chưa thành tựu thì thọ mạng đã hết, vẫn phải tiếp tục trôi lăn trong Lục đạo như cũ nên gọi là Ma.

4. Tha Hóa Tụ Tại Thiên Tử Ma: Đây là ma vương Ba Tuần hay hại sự lành của người khác nên gọi là Ma.

Trong bốn loại này, loại thứ tư mới chính là ma thật sự, còn ba loại kia do gây chướng tương tự như ma nên cũng gọi là Ma.

Tóm lại, “*ma não*” tức là ma làm não hại thân tâm chúng ta, trong đó phiền não cũng là ma. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không có ma làm não loạn vì toàn thế giới ấy là một câu thanh tịnh (nói theo Vãng Sinh Luận), lại được trang nghiêm bởi “*trụ Chân Thật Tuệ*”, khai thị bởi “*Chân Thật Tế*” nên có thể ban cho “*cái lợi chân thật*”. Trong ba loại chân thật này đều ở trong câu thanh tịnh. Cho nên thế giới Cực Lạc là trí tuệ chân thật, phạm vi chân thật, và lợi ích chân thật.

Nên biết “*chân thật chi lợi*” là hàng ngày được “thấy Phật nghe Pháp”. Đây là may mắn lớn, là niềm vui lớn nhất không gì bằng. Lại nữa, trong cái chân thật pháp thanh tịnh ấy còn chẳng có danh từ “*ma não loạn*” huống là thật sự có.

Kinh Pháp Hoa dạy: “*Phật ngôn: - Nhược hữu nữ nhân văn thị kinh điển, như thuyết tu hành, ư thử mạng chung, tức vãng An Lạc thế giới. A Di Đà Phật, đại Bồ Tát chúng, vì nhiều trụ xứ. Sanh liên hoa trung, bảo tòa chi thượng, bất phục vị tham dục sở não. Diệc phục bất vị sân khúe ngu si sở não, diệc phục bất vị kiêu mạn, tật đồ chư cấu sở não, đắc Bồ Tát thần thông Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (Phật

bảo: - Nếu có kẻ nữ nghe kinh điển này mà tu hành đúng như lời dạy thì kẻ ấy mạng chung liền được vãng sinh An Lạc thế giới, A Di Đà Phật và đại Bồ Tát chúng vây quanh trụ xứ, sinh trong hoa sen, ngồi trên tòa báu, chẳng còn bị tham dục não loạn, cũng chẳng còn bị nóng giận, ngu si não loạn, cũng chẳng bị kiêu căng, ghen ghét não loạn, đắc thần thông Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát). Đoạn kinh trên đã chỉ rõ thế giới Cực Lạc không có các điều chướng nano.

Và lại, trong uế độ, chúng sinh do niệm Phật còn trừ được ma sự, huống hồ là khi đã sinh về cõi kia. Kinh Thập Vãng Sinh chép: *“Phật ngôn: - Nhược hữu chúng sinh, niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh giả, bị Phật tức di nhị thập ngũ Bồ Tát, ủng hộ hành giả. Nhược hành, nhược tọa, nhược trụ, nhược ngoạ, nhược trú, nhược dạ, nhất thiết thời, nhất thiết xứ, bất linh ác quỷ, ác thần đắc kỳ tiện dã”* (Phật nói: Nếu có chúng sinh niệm A Di Đà Phật nguyện vãng sinh thì đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ Tát ủng hộ hành giả dù đi hay ngồi, dù đứng hay nằm, dẫu ngày hay đêm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng để cho ác quỷ, ác thần có cơ hội làm hại).

Hơn nữa, tu hành trong cõi này nếu lỡ bị ma khuấy vẫn có thể dùng niệm Phật để đối trị được (xem phần hai, cuốn chín, sách Ma Ha Chỉ Quán).

Thông thường chúng ta thấy người bị hương linh gá vào thân, họ rất đau khổ! Bản thân họ không làm chủ được; họ mơ mơ hồ hồ; oán thân trái chủ dựa vào thân họ, lợi dụng thân họ mà tạo tội! Thật rất đáng thương! Muốn giúp họ, chúng ta phải thành tâm niệm Phật, có thể giúp họ giải quyết vấn đề. Nếu bản thân họ có thể niệm theo thì hiệu quả lại càng cao. Tự mình không thể niệm thì ma sẽ không chế họ.

Chúng ta phải ra điều kiện với hương linh và hết lòng khuyên răn họ: Trong đời quá khứ, hương linh có oan kết, có oán hận. Oán hận này cần phải hóa giải; oan gia nên giải không nên kết. Vì sao? Vì nếu hương linh làm hại người này thì cả đôi bên đều đau khổ. Tương lai họ sẽ báo thù lại hương linh, oan oan tương báo trong lục đạo luân hồi không bao giờ dứt! Tốt nhất, việc quá khứ không nên toan tính, mà quay đầu lại cố gắng niệm Phật, cùng được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, liễu sinh thoát tử khỏi ba cõi, việc này hay biết mấy! Cơ duyên ở ngay trước mặt, hà tất phải chấp trước báo thù!

Thông thường khuyên răn họ, đại đa số họ đều đồng ý thoát ra. Chỉ cần hương linh thoát ra, người đó sẽ trở lại bình thường. Cho nên, ở thế gian này, cách cư xử, đối nhân xử thế phải có trí tuệ, tuyệt đối không nên kết oán với hết thầy chúng sinh; cho dù họ có ác ý, hủy báng, thậm chí đến hãm hại, ta cũng cam tâm chấp nhận, không nên báo thù. Có lẽ trong kiếp quá khứ ta đã nợ họ! Nghĩ được như vậy thì món nợ này kể như chấm dứt.

Những năm gần đây, chúng ta thường nghe nói người Trung Quốc nổi dậy! Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người Trung Quốc! Rất nhiều người nghe thấy như vậy trong lòng họ rất hoang mang! Nếu người Trung Quốc thống trị thế giới thì rất đáng sợ! Cho nên, họ đều khởi xướng phòng bị. Thật ra, đối với câu nói này nhiều người đã hiểu sai ý nghĩa rồi!

Những năm gần đây tôi có cơ hội tiếp xúc với một số nhân sĩ quốc tế, bao gồm cả người lãnh đạo quốc gia. Tôi đã từng nêu ra đề tài này:

- *“Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người Trung Quốc”*, câu nói này không phải của người Trung Quốc nói.

- Vậy thì ai nói?

- Tiên sĩ Thang Ân Tử, người Anh nói!

Khoảng thập niên bảy mươi, ông ta thật sự đã nói như vậy: “*Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt, phải cần học thuyết của Khổng Tử, Mạnh Tử, và Phật pháp Đại thừa*”. Cho nên, thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của nền văn hóa truyền thống, là thế kỷ của Đại thừa Phật Giáo chứ không phải thế kỷ của chính trị, quân sự Trung Quốc; cũng không phải của công, thương, xí nghiệp Trung Quốc; càng không phải của khoa học, kỹ thuật Trung Quốc, nó là văn hóa của Trung Quốc.

- Vì sao?

- Vì văn hóa Trung Quốc tượng trưng cho Khổng tử, Mạnh tử. Khổng tử, Mạnh tử tượng trưng cho “nhân, nghĩa”. “nhân” là tình thương yêu con người, nên văn hóa truyền thống xưa là văn hóa của tình thương; “nghĩa” là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều hợp tình, hợp lý, hợp pháp.

Thế giới là một nhà! Tôi thấy được một bức ảnh do các nhà khoa học phóng vệ tinh vào vũ trụ. Vệ tinh này không người lái, phóng đi cự ly cách địa cầu khoảng bốn mươi ức dặm Anh, không phải cây số, quan sát quả địa cầu và chụp một bức ảnh gửi về. Bức ảnh này chụp tại Ngân Hà. Trong hệ Ngân Hà có một chòm màu lam, đó là quả địa cầu. Xem rồi chúng ta có cảm giác: Trong vũ trụ quả địa cầu giống như một con thuyền đang vận chuyển giữa biển cả mênh mông. Con người sống trên quả địa cầu đều cùng hội cùng thuyền, đều ngồi trên chiếc thuyền này. Chiếc thuyền này đang vận chuyển trong vũ trụ.

- Có an toàn chăng?

- Không nhất định! Trên biển có sóng ta gió lớn, trong vũ trụ cũng rất nguy hiểm! Bức ảnh này rất đáng cho mọi người cảnh giác,

chúng ta còn có gì để tranh chấp nữa?! Nếu mọi người đã có tranh chấp nên đem bức ảnh này xem nhiều lần!

Sách Tịnh Độ Tu Chứng Nghi cũng nói:

“Thập Thừa chi lý quán, năng pháp cứu cảnh chi ma sự dĩ ngũ uẩn sinh tử mê ám chi pháp vi cảnh cố” (Pháp lý quán của mười thừa có thể khiến cho chín cảnh ma sự phát khởi vì hành giả dùng pháp sinh tử mê ám của Ngũ Ấm để làm quán cảnh vậy): “Thập Thừa quán pháp” của tông Thiên Thai, nếu có dịp nghe hoặc xem qua bạn mới biết được gian nan của sự tu học. Người hiện đại tâm tình nóng nảy, phiền não đầy đầy, vọng niệm vô số, xem Thập Thừa xong sẽ có gợi ý tương đối. Gợi ý đó là nhận biết được bản thân mình, không còn dám cống cao ngã mạn, biết được nếu so sánh với người xưa thì ta còn kém xa lắm! Như vậy, mới quay đầu lại quyết lòng niệm Phật A Di Đà.

Bạn xem! “Thập Thừa Quán Pháp” có thể phát sinh chín cảnh ma sự, *“còn pháp sự quán của Tịnh Độ dùng ngay cái quả thanh tịnh công đức của Phật A Di Đà làm cảnh nên vĩnh viễn không có ma sự. Lúc tâm không tà niệm thì thánh cảnh hiện tiền, quang minh chiếu sáng”* (Sách Tịnh Độ Tu Chứng Nghi): Di Đà quả đức vô lượng thanh tịnh nên trong cõi ngai vĩnh viễn không tìm thấy chướng ngại, vĩnh viễn không có ma sự.

“Diệc vô tứ thời hàn, thử, vũ minh chi dị” (Cũng không có bốn mùa, nóng, lạnh, mưa, tối tăm sai khác) Đây là nói khí hậu ở thế giới Cực Lạc không có thay đổi. Thế giới Ta Bà xuân, hạ, thu, đông thay đổi rất lớn. “*Hàn thử*” chỉ thời tiết cực lạnh, cực nóng. “*Vũ minh*” là chỉ thời tiết âm u, mưa dầm, khí hậu ẩm thấp. Những sự việc này ở thế giới Cực Lạc đều không có. Trong mười bảy thứ công đức trang nghiêm thành tựu của thế giới Cực Lạc; câu này thể hiện công đức thứ ba tức *“Trang Nghiêm Tánh Công Đức Thành Tựu”*.

Sách Luận Chú giảng: “*Tánh có nghĩa là gốc. Cõi Tịnh Độ đó tùy thuận pháp tánh, chẳng trái nghịch gốc pháp. Tánh còn có nghĩa là tất nhiên, chẳng biến đổi như tánh của biển là một vị, các dòng nước chảy vào biển đều trở thành một vị. Tánh của biển chẳng bị biến đổi theo các dòng nước kia vậy*”. Thế giới Cực Lạc đều do Pháp tánh biến hóa, cho nên Pháp tánh là gốc. Thân là thân Pháp tánh; cõi là cõi Pháp tánh đều thường trụ bất biến. Đương nhiên Pháp tánh là tự nhiên không phải do ai tạo tác. Cũng như nước biển là mặn, tất cả sông ngòi chảy về biển cũng biến thành một vị mặn. Nước biển tuyệt đối sẽ không vì nước sông mà biến thành vị nhạt. Dùng ví dụ này để ví cho tánh, tánh là vĩnh hằng bất biến.

Ở thế giới Cực Lạc không có bốn mùa; nếu xét về đất, cũng không có các tướng sông, biển, núi, hang, chỉ là một cõi đất rộng rãi mênh mông, bằng phẳng, đất màu vàng kim. Hoàng kim ở thế giới Cực Lạc và hoàng kim ở thế giới chúng ta hoàn toàn khác nhau, chỉ có một chút tương tự mà thôi. Hoàng kim ở thế giới Cực Lạc rất đẹp, mềm mại, rất mỏng giống như lụa tơ tằm, có thể dùng để may mặc. Hiện nay, khoa học kỹ thuật cao có thể chế tạo hoàng kim thành từng lớp mỏng như “foam” vậy. Nhưng, màu sắc và chất liệu của hoàng kim ở đây cũng không thể bằng với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nguyên nhân này do đâu? Do nhân tâm con người biến hoại! “cảnh tùy tâm chuyển”. Cho nên, vô lượng trân bảo này cũng đều biến chất!

Luận Chú bảo: “*Những kẻ vãng sinh không ai chẳng được tịnh sắc, không ai chẳng được tịnh tâm, rốt ráo đều đắc thanh tịnh bình đẳng vô vi Pháp Thân*”. Câu này chứa đựng mật ý: Tánh bình đẳng như đất, biển pháp một vị. Đó là “Tánh Trang Nghiêm Công Đức Thành Tựu” vậy.

“Phục vô đại tiểu giang, hải, khâu lãng, khanh khảm, kinh, cửc, sa, lịch, Thiết vi, Tu Di, thổ thạch đẳng sơn. Duy dĩ tự

nhiên thất bảo, hoàng kim vi địa” (Lại chẳng có sông, biển lớn nhỏ, gò đống, hầm hố, gai góc, cát, sỏi, Thiết Vy, Tu Di, các hòn núi đá, núi đất v.v... chỉ tự nhiên là bầy bấu, vàng ròng làm đất): Không có biển, sông, Tu Di v.v... đây cũng là hiển thị “*Tánh Công Đức Thành Tựu*”.

Thành phố Đồ Văn Ba, chúng ta ở rất đặc biệt! Thành phố này ở trên núi, nhưng trên núi lại có được một khu đất bằng phẳng như vậy thật là hiếm có! Bình nguyên trên núi không nhấp nhô lắm; thông thường mà nói: Đây là nơi tốt để người tu hành xây dựng đạo tràng, là một nơi rất lý tưởng. Nhấp nhô không lớn chính là tâm con người ở đây bình lặng, họ thích hòa bình. Nói cách khác, tu hành ở đây ít gặp chướng nạn.

Nhưng, chúng ta phải hiểu được một việc: Đó chính là công nghiệp. Ít nhất khu vực Đồ Văn Ba này, công nghiệp cũng không sai khác lớn lắm. Một trăm ngàn người có thể sinh sống hòa mục lẫn nhau, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, đó chính là thành phố rất tốt. Đồng học trong Học Viện chúng ta ở đây có nghĩa vụ, sứ mạng dẫn dắt nhân dân địa phương này cho tốt. Dẫn dắt bằng cách nào? Làm gương cho mọi người thấy! Đầu tiên dạy “*Lễ kính chư Phật*” trong mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta đã làm mười năm rồi cũng có chút hiệu quả nhưng chưa được tốt lắm! Hy vọng mười năm về sau chúng ta làm tốt hơn.

Buổi tiệc đầm ấm vào mỗi tối thứ bảy hàng tuần, tứ chúng đồng tu trong Học Viện, bất luận là tại gia hay xuất gia nhất định phải học lễ phép, gặp ai cũng cúi thấp người chào hỏi. Nếu làm được như vậy, tôi tin người ở Đồ Văn Ba gặp nhau cũng đều cúi người chào hỏi. Điều này sẽ chấn động toàn thế giới. Thế giới này làm gì có nơi tốt như vậy?! Mọi người đều muốn đến xem, đến tham quan, lôi kéo dòng người đến ở nơi này, kích thích kinh tế ở địa phương

này. Đây là việc tốt! Người ở nơi này thành thật, không lừa dối, chỉ cần chúng ta nêu được ấn tượng này cho người khác, thành phố này chính là số một trên toàn thế giới, là thành phố mô phạm, thành phố hòa hợp. Chúng ta sẽ làm được!

Chúng ta đã đặt nền móng trong mười năm qua cũng rất lễ phép rồi, nhưng chưa đủ! Gặp nhau chỉ cúi đầu mười lăm độ để chào nhau, chưa được! Phải cúi đầu chín mươi độ. Người Nhật lúc hành lễ họ cúi đầu chín mươi độ. Nên nhớ rằng họ học từ lễ nghĩa của Trung Quốc cổ. Việc này người Nhật có thể duy trì, trong khi người Trung Quốc từ lâu đã bỏ mất rồi! Đây không phải là học từ người Nhật mà chính người Nhật học từ Trung Quốc!

- Vì sao lễ nghi này hôm nay Trung Quốc không còn nữa?

- Bởi Trung Quốc ngày nay học phương Tây!

Kể đến là “*xung tán Như Lai*”: Ý nghĩa của việc này là “bỏ ác làm thiện, cải tà qui chánh”, bắt đầu thực hiện từ bản thân chúng ta. Hy vọng trong thời gian một năm chúng ta sẽ làm được một chút việc này: Có lễ phép với người, lịch sự với cỏ cây hoa lá, với những động vật nhỏ, với sơn hà đại địa; lễ phép là việc làm đầu tiên cũng là hình thức bên ngoài; bài học này không có thì những bài học khác cũng không thể đứng vững!

Đối với bất cứ người nào phải thành khẩn: Hy vọng làm tốt được Ngũ luân, Ngũ thường. Ngũ thường là “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, là căn bản làm người. Trong Ngũ luân, chúng ta làm được chữ “hiếu” trong “phụ tử hữu thân”: Thấy người khác tuổi xấp xỉ với cha mẹ mình, ta xem họ như cha mẹ; phải tận nghĩa hiếu đạo; thấy trẻ nhỏ, chúng ta xem chúng như con; phải từ tâm, lân mẫn mà yêu thương chúng. Mọi người phải nhường nhịn lẫn nhau: Người lớn trước, người nhỏ sau. Họ lớn tuổi hơn ta mời họ đứng trước. Lúc đi đường,

mời họ đi trước. Đối với mọi người phải có chữ “Tín”: nói năng uy tín; làm việc uy tín, phải có chăm chỉ, có trách nhiệm.

Sang năm, chúng ta làm thêm tam qui, ngũ giới, thập thiện. Tôi tin tưởng, mười năm sau, toàn cư dân Đồ Văn Ba đều làm được như vậy, bắt giặc khiến thành phố này thật sự văn minh lễ nghĩa, là thành phố gương mẫu cho toàn thế giới. Chúng ta phải chăm chỉ làm. Có được một môi trường tốt như vậy, Đại thừa Phật pháp sẽ bén rễ tại nơi này.

Trước đây, Học Viện chúng ta mới thành lập khoảng ba, bốn năm; tôi đã nghe, chính cư dân Đồ Văn Ba nói với tôi: “*Tương lai Đồ Văn Ba có thể là trung tâm của Phật Giáo thế giới*”. Lời nói này của họ nhất định sẽ rất linh ứng, nếu mọi người chúng ta đều thật sự nỗ lực cùng hướng đến mục tiêu này mà làm. Phật pháp không phải là tôn giáo. Phật pháp là giáo dục, đối xử hòa hợp với tất cả tôn giáo khác. Phật pháp tôn trọng tôn giáo, lễ kính tôn giáo, hoàn toàn không có sự xung đột.

“*Tu Di*” (Sumeru) dịch là núi Diệu Cao, là trung tâm của một tiểu thế giới. Núi ấy do bốn báu hợp thành, nằm giữa đại hải, cao khỏi mặt nước ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Mặt ngoài có chín ngọn núi và tám cái biển. Phía ngoại vi của núi Tu Di gọi là “Thiết Vi Sơn” (Cakravāda). Ngay chính giữa đỉnh núi Tu Di là chỗ ở của trời Đế Thích, ba mươi hai vị trời khác ở khắp bốn mặt núi.

Trời Tứ Thiên Vương ở lưng chừng núi. Bốn đại châu như: Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lô Châu trụ quanh bốn phía của biển. Đây là nói về cõi trời Dục giới: Tứ Thiên Vương là tầng trời thứ nhất, Đế Thích là tầng trời thứ hai (tức trời Đạo Lợi). Trời Đế Thích chính là Ngọc Hoàng Đại Đế mà người Trung Quốc nói. Đạo Lợi Thiên chủ tức Đế Thích Thiên Vương trú tại trung ương. Bốn phía, mỗi phía đều có tám trời.

Bốn nhân với tám là ba mươi hai trời, cộng thêm cõi trời ở giữa là ba mươi ba trời. Do vậy mà ba mươi ba trời không có nghĩa là ba mươi ba tầng trời. Cõi trời trung tâm trong số ba mươi ba trời, đó chính là trời Đạo Lợi tầng trời thứ hai của Dục giới.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, cõi trời Đạo Lợi dường như rất giống nhân gian có tổ chức chính trị: Trung tâm là chỗ ở của Đệ Thích, với ba mươi hai chư hầu ở chung quanh. Nó có tổ chức; thế giới Cực Lạc không có! Thế giới Cực Lạc là trường học do Phật A Di Đà xây dựng. Trú tại thế giới Cực Lạc chỉ có hai loại người: Thầy giáo là A Di Đà Phật; học sinh là chúng Bồ Tát, ngoài ra không có địa vị nào khác.

Hoàng Niệm lão là người học khoa học, đã dùng khoa học hiện đại để giải thích cho chúng ta như sau: “Mặt trời xoay quanh núi Tu Di. Trước đây có người cho rằng núi Tu Di nằm ngay trên địa cầu thì thật là lầm lẫn lớn. Xét ra, ít nhất, Tu Di cũng là một thiên thể lớn bằng mặt trời, Nam Thiệm Bộ Châu chính là địa cầu”.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: Người nhầm lẫn này là cổ nhân đã chú giải sai, cho rằng núi Hy Mã Lạp Sơn là núi Tu Di. Như vậy thì Trung Quốc thuộc Nam Thiệm Bộ Châu; Bắc phương là Bắc Câu Lô Châu (người ở đây rất có phước báo, tuổi thọ của họ là một ngàn năm). Nhưng trên thực tế, phía Bắc của Himalaya chính là Tây Tạng, Tân Cương chẳng phải là Bắc Câu Lô Châu, cho nên không phù hợp! Đây là nhầm lẫn rất lớn!

Ở đây, Niệm lão giải thích: “*Tu Di là trung tâm của hệ Ngân Hà là một thiên thể, ít nhất cũng phải lớn bằng mặt trời, Nam Thiệm Bộ Châu chính là địa cầu. Kinh dùng chữ “thủy” để chỉ cho lưu thể (tức vật thể lưu chuyển), “hải” là chỗ tích tụ các vật thể lưu chuyển ấy, chứ nào phải là “biển cả” như thế gian thường hiểu*”.

Sang năm (tức năm 2012), trung tâm Ngân Hà và mặt trời sẽ xếp thành một hàng dọc. Cơ hội này khoảng năm mươi ngàn năm mới gặp một lần. Giải thích của Hoàng Niệm lão rất hay!

Theo Hòa Thượng Tịnh Không, thật sự mà nói, lưu thể chính là khí lưu trong vũ trụ. Vậy thì *biển lớn được nói trong kinh Phật là bầu trời cao. Bầu trời không phải chân không, bầu trời có khí lưu. Khí lưu này giống như nước biển trong bầu trời bao la.* Trời Tứ Thiên Vương ở trong hệ Định Tinh. Hệ Định Tinh cũng giống như hệ mặt trời vậy. Đạo Lợi Thiên chủ là hạt nhân của Ngân Hà, phải đột phá không gian duy thứ mới có thể thấy được.

- Khu vực giáo hóa của Phật có bao nhiêu hệ Ngân Hà? (tức là có bao nhiêu đơn vị thế giới?)

- Mười ức đơn vị! Nói cách khác, mười ức hệ Ngân Hà mới là một thế giới Ta Bà.

Trái đất trong thế giới Ta Bà này chỉ là một đảo nhỏ. Thế giới Cực Lạc không nằm trong mười ức hệ Ngân Hà này, cũng không phải là một tinh hệ, mà là một không gian duy thứ cao, khác hẳn không gian duy thứ của chúng ta, là thứ mà người thế gian không thể nào tưởng tượng được! Họ có thân tướng, cho dù thân tướng họ có ở ngay trước mặt, chúng ta cũng không thể nào nhìn thấy, vì không cùng một không gian duy thứ, duy nhất chỉ trong Định mới có thể nhìn thấy. Thiên định làm cho không gian duy thứ bị đột phá. Định công càng sâu, sức nhìn càng rộng. Đức Phật dạy: Bát Địa trở lên mới nhìn thấy được duyên khởi của vũ trụ, nhìn thấy được “Tam tế tướng” của A-lại-da; đó là “vi quán” là hướng nội; nếu hướng ngoại họ có thể nhìn thấy được khắp pháp giới, hư không giới. “Lớn không gì lớn hơn; nhỏ không gì nhỏ bằng”, tất cả họ đều có thể xuyên suốt, thấu triệt.

Chúng ta biết rằng Phật thuyết pháp có hai nguyên tắc: Chân Đế và Tục Đế. Chân Đế là cảnh giới Phật tự thân chứng; Tục Đế là cảnh giới của chúng sinh. Cho nên, khi Phật nói về Tục Đế chúng ta rất dễ dàng tiếp thu; nhưng khi Phật nói Chân Đế thì chúng ta rất khó hiểu, bởi đó không phải là cảnh giới thường thức của chúng ta. Trong Tiểu thừa: Tục Đế nhiều, Chân Đế ít. Trong Đại thừa: Chân Đế nhiều, Tục Đế ít. Trong pháp Nhất thừa dường như tám, chín mươi phần trăm đều là Chân Đế.

Nên biết: Phật thuyết pháp không có một pháp nào nhất định mà “hằng thuận chúng sinh”, “tùy chúng sinh tâm ứng sở tri lượng”. Ngày nay, nếu Phật còn tại thế, hỏi Phật về núi Tu Di ở đâu? Chắc hẳn Phật sẽ trả lời: Ở trung tâm hệ Ngân Hà! Hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới. Trung tâm đơn vị thế giới này, trong kinh Phật gọi là núi Tu Di; ngày nay gọi là “lỗ đen” (black hole), có lực hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng bị nó hút vào. Khoa học hiện đại đã chứng minh tương đồng: Trong hệ mặt trời (thái dương hệ), thế giới nhỏ Nam Thiệm Bộ Châu này của chúng ta chính là địa cầu, chuyển động quanh bờ mé của núi Tu Di. Đó là thật không giả tí nào!

Sách Hội Sớ giảng chữ “*tự nhiên thất bảo*” như sau: “*cõi uế Sa Bà do tạp nghiệp cảm thành nên dùng bùn, đất, sỏi, sạn làm chất đất, còn cõi kia chuyên do tịnh tâm vô lậu biến hiện nên dùng bảy báu làm Thế. Cõi ấy do bố thí, trì giới cảm thành, tánh chẳng tạo tác nên gọi là tự nhiên*”. Ý chỉ của câu “*tánh chẳng tạo tác nên gọi là tự nhiên*” của Hội Sớ tương đồng với nhận định của Luận Chú: “*Tánh công đức thành tự*” và “*tánh có nghĩa là tất nhiên*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Câu “*cõi uế Sa Bà do tạp nghiệp cảm thành*”, câu nói này rất hay! Cư dân trên thế giới chúng ta thật sự do tạp nghiệp, uế nghiệp, ác nghiệp mê hoặc cảm thành nên dùng đất, bùn, sỏi, đá làm thế của đất. Đây là “*Cảnh tùy tâm*”

chuyển”! Hiện nay trong đất, bùn, ngói, đá đều hàm chứa độc tố, ô nhiễm rất nghiêm trọng do tam độc, thất tình, lục dục của con người mà chiêu cảm!

Khác hẳn ngày xưa, tâm con người thiện, có đạo đức luân lý nên trong bùn, đất, đá không có độc tố mà hàm chứa toàn những khoáng chất có thể tinh luyện ra nhiều khoáng vật như: vàng, bạc, đồng, sắt v.v...

Sơn hà đại địa, thiên thời địa lợi đều theo tâm con người mà biến đổi: Tâm người thanh tịnh liền biến thành Tịnh Độ; tâm người ô nhiễm liền biến thành uế độ; tâm người lương thiện biến thành thiện độ; tâm người bất thiện liền biến thành ác độ! Phật nói rất hay: *“Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”*. Câu nói này đã được các nhà lượng tử học chứng minh rồi. Tất cả hiện tượng vật chất đúng là do ý niệm tạo thành.

Cho nên, giáo dục rất quan trọng! Đối với văn hóa truyền thống chúng ta khâm phục đến “ngũ thể đầu địa”, nguyên nhân là người xưa hiểu được giáo dục. Trên toàn thế giới có bốn nền văn minh cổ; hiện nay chỉ có văn minh Trung Quốc còn tồn tại, ba nền văn minh cổ khác đều đã bị diệt vong rồi!

- Văn hóa Trung Quốc vì sao có thể tồn tại?

- Vì nó có thể thích ứng với các kiểu thời đại khác nhau, các dân tộc khác nhau, các nền văn hóa khác nhau.

Tính thích ứng của nó quá rộng. Nó không có xung đột với bất cứ nền văn hóa nào, nó là hòa bình! Người xưa nói: “Hiếu để trung tín, nhân ái hòa bình”, tám chữ này đối với bất kỳ quốc gia nào, dân tộc nào, tín ngưỡng tôn giáo nào đều không có xung đột. Đi ngược lại với “Tứ duy, bát đức” thiên hạ sẽ loạn, nhân dân sẽ khổ!

- Mấy ngàn năm giáo dục của Trung Quốc, hạt nhân là gì?

- Chính là bốn khoa: Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức. Chỉ đơn giản như vậy! Trải qua một vạn mấy ngàn năm rồi vẫn chưa từng xảy ra sự cố. Hai trăm năm trước, Thái Hậu Từ Hi chấp chính đã sơ suất rồi! Nhưng, lúc đó người nói vẫn còn rất nhiều, người thật sự làm theo thì rất ít! Đời Thanh mất nước đến Dân quốc, người giảng cũng không còn! Lúc đó, kẻ sĩ tôn sùng Tây học, tráng nước ngoài tròn hơn trảng Trung Quốc! Cái gì cũng học theo người nước ngoài, làm mất đi những thứ của chính mình! Nhật Bản còn bảo tồn một ít, nhưng năm mươi năm gần đây, Nhật Bản cũng biến chất, thay đổi đến quá đáng, dường như cũng mất hết văn hóa truyền thống Trung Quốc! Tai nạn xuất hiện rồi!

“Còn cõi kia chuyên do tịnh tâm vô lậu biến hiện nên dùng bảy báu làm thể”. Chữ “thất bảo” (bảy báu), chữ “thất” là biểu pháp, không phải là con số cụ thể, nó tượng trưng cho sự viên mãn: Dùng trân bảo vô lượng vô biên làm Thể. Vì sao? Vì nó xuất phát từ tâm “vô lậu”! Tâm “vô lậu” là tự tánh, là chân tánh. “Lậu” là đại danh từ của phiền não, chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn dứt được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước gọi là “vô lậu”. Nói cách khác, người người ở thế giới Cực Lạc, tâm đều thanh tịnh, bình đẳng, giác nên tất cả vật chất đều tự nhiên biến thành trân bảo vi diệu, đẹp đẽ lạ lùng vượt xa các báu trong thế gian.

“Cõi ấy do bố thí, trì giới cảm thành”: Bố thí, trì giới là tượng trưng cho “sáu Ba-la-mật”. Nói theo Kinh Hoa Nghiêm là tượng trưng cho “mười Ba-la-mật”. *“Tánh chẳng tạo tác nên gọi là tự nhiên”*, đây là chỉ cho tâm “vô lậu” thanh tịnh, là biến hiện của mười Ba-la-mật viên mãn.

Tự tánh vốn tự đầy đủ vạn đức như trong Lục Tổ Đàn Kinh, khi ngài Huệ Năng khai ngộ nói: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”*, chính là *“tánh đức tự nhiên”*. Lại nói: *“Nào ngờ tự tánh năng sinh*

vạn pháp” cùng với trong Hoàn Nguyên Quán nói: “Xuất sanh vô tận”, đều là nghĩa của “*tự nhiên*”; trong đây không có dấu vết của tạo tác, tất cả đều là tự nhiên viên mãn thành tựu. Cũng chính là chúng ta thường nói: Dứt ác tu thiện, tích công lũy đức đạt đến cứu cánh viên mãn thì y báo và chánh báo sẽ tự nhiên xuất hiện, hoàn toàn không có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là phạm phu. Trong tâm thanh tịnh không sinh một niệm, đó chính là Chân tâm đã hiển lộ, là cảnh giới cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. “*Tự nhiên*” là chân thật; có tạo tác thì không phải là chân thật mà là vô thường.

Kinh Tiểu Bồn ghi “*hoàng kim vi địa*” (vàng ròng làm đất). Kinh này chép: “*Tự nhiên thất bảo, hoàng kim vi địa*” (tự nhiên là bảy báu, vàng ròng làm đất). Mặt đất cõi nước Cực Lạc chẳng có đất đá, chỉ thuần trang nghiêm bằng các thứ báu màu nhiệm của tánh đức (“*Cực Lạc quốc độ địa vô thổ thạch duy thị tánh đức diệu bảo trang nghiêm*”). Như Vãng Sinh Luận nói: “*Bị chư trân bảo tánh, cụ túc diệu trang nghiêm*” (Đầy đủ tánh trân bảo, đầy đủ trang nghiêm màu nhiệm). Chữ “*trân bảo tánh*” chỉ cho những thứ quý báu sẵn có trong tự tánh. Đây chính là môn “*Chúng chúng sự trang nghiêm công đức thành tựu*” được nói trong Vãng Sinh Luận.

“*Khoan quảng bình chánh bất khả hạn cực*” (Bằng phẳng rộng rãi bao la chẳng thể hạn lượng). Tâm tịnh cõi nước tịnh, tâm bình cõi nước bình. Do tâm địa bình đẳng nên đại địa bằng phẳng. Câu kệ sau đây trong Vãng Sinh Luận: “*Cứu cánh như hư không, quảng đại vô biên tế*” (Rốt ráo như hư không, rộng lớn không ngần mé) đã diễn tả ý “*khoan quảng bình chánh bất khả hạn cực*” nói trong kinh này.

Sách Luận Chú giảng: “*Như hư không là ý nói người vãng sinh tới cõi ấy tuy đông, nhưng vẫn như không có, nghĩa là: Thật*

phương chúng sinh vãng sinh, dù đã sinh, hoặc đang sinh hay sẽ sinh, tuy vô lượng vô biên nhưng rốt ráo luôn như hư không. ‘Quảng đại vô biên tế’ là trọn chẳng có lúc kết cuộc” Đây là cảnh giới Tây Phương do viên mãn tánh đức lưu xuất ra, cũng chính là môn “*Trang Nghiêm Lượng Công Đức Thành Tựu*” được nói trong *Vãng Sinh Luận* (tức là) số lượng các thứ trang nghiêm chẳng có chừng hạn. Cho nên cái gì cũng vô lượng: Thọ mạng vô lượng, quang minh vô lượng, quốc độ quảng đại vô lượng, thanh tịnh vô lượng, mọi thứ đều vô lượng.

“Vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm” (Vi diệu đẹp đẽ, lạ lùng, thanh tịnh trang nghiêm). Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “*Diệu*” là đẹp đẽ một cách thù thắng khó nghĩ tưởng nổi. “*Vi diệu*” là đẹp đẽ nhất trong các thứ diệu; khó nghĩ tưởng nhất trong các thứ khó nghĩ tưởng. “*Lệ*” là tuyệt đẹp, đẹp rực rỡ. “*Kỳ*” là lạ thường, đặc biệt, phi thường. Như vậy, “*kỳ lệ*” là đẹp đẽ, xinh khéo, rực rỡ vượt trội, độc đáo một cách lạ lùng. Chẳng hạn như mặt đất cõi Cực Lạc do bảy báu hợp thành, trong mỗi thứ báu lại có năm trăm quang sắc. Quang minh ấy có hình dạng như đóa hoa hoặc như vàng trắng nên bảo là “*kỳ lệ*”.

“Thanh tịnh trang nghiêm”: “*Thanh tịnh*” là vĩnh viễn lìa ô nhiễm, “*trang nghiêm*” là đầy đủ vạn đức. Sách *Luận Chú* nói: “*Tùng Bồ Tát trí tuệ thanh tịnh nghiệp khởi trang nghiêm Phật sự, y pháp tánh nhập thanh tịnh tướng*” (Từ nghiệp trí tuệ thanh tịnh của Bồ Tát phát khởi để trang nghiêm Phật sự, nương pháp tánh nhập tướng thanh tịnh). Câu này rất quan trọng, chúng ta không thể dễ duôi bỏ qua.

“Tùng Bồ Tát trí tuệ thanh tịnh nghiệp khởi trang nghiêm Phật sự”: Đây là điều chúng ta thời thời khắc khắc phải học tập.

Bồ Tát là giác chớ không mê, chánh chớ không tà, tịnh chớ không nhiễm; niệm niệm không rời “tam qui y”. Giác chớ không mê là qui y Phật; chánh chớ không tà là qui y Pháp; tịnh chớ không nhiễm là qui y Tăng; “Tam qui y” đã khởi tác dụng rồi! Thực tiễn được “Tam qui y” trong cuộc sống hàng ngày người này chính là Bồ Tát. Trí tuệ chân thật của Bồ Tát là từ trong Định mà có, từ tâm thanh tịnh mà có; Định tâm thanh tịnh là từ Trì Giới mà có. Nhân Giới được Định, nhân Định khai Tuệ, không Trì Giới thì cái gì cũng không có!

“*Phật sự*” là giảng kinh dạy học, giúp chúng sinh phá mê khai ngộ.

“*Y Pháp tánh nhập thanh tịnh tướng*” (Nương pháp tánh nhập tướng thanh tịnh): Điều này là thật không phải giả! “*Y Pháp tánh*” là minh tâm kiến tánh; “*thanh tịnh tướng*” là thanh tịnh vô vi. Trong chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, Hoàng Niệm lão trích dịch rất nhiều từ Vãng Sinh Luận Chú (“Chú” là do Đàm Loan Pháp sư chú giải), hơn nữa còn lặp đi lặp lại rất nhiều lần những đoạn câu hay khiến chúng ta sau khi xem qua chú giải của ông đều có ấn tượng rất sâu sắc; sâu sắc nhất dường như là ba câu: “*Thanh tịnh cú*”, “*chân thật trí tuệ*” và “*vô vi Pháp Thân*”.

Đây là điều mà trong giai đoạn đầu, người niệm Phật chúng ta đều mong cầu. Kế đến là mục tiêu sau cùng cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thật sự thành tựu, đạt đến “*Thanh tịnh cú*”, được “*chân thật trí tuệ*”, “*vô vi Pháp Thân*” thì chắc chắn vãng sinh Tịnh Độ. Sách còn nói: “*Tánh nghĩa là gốc. Cái năng sinh (tức là tánh thanh tịnh) đã tịnh thì cái sở sinh (tức là cõi nước, chỉ cho thế giới Cực Lạc) lại chẳng tịnh hay sao?*”

Nhìn lại thế giới chúng ta ngày nay, có thể nói trái đất này đã đạt đến cực điểm của không thanh tịnh! Bởi nhân tâm hư rồi!

Không những cư dân trên trái đất tâm địa không thanh tịnh đến cực điểm mà thậm chí toàn bộ sơn hà đại địa cũng đều không thanh tịnh!

Năm mươi năm về trước, chúng ta chưa nghe qua danh từ “bảo vệ môi trường”, chính bởi lúc đó môi trường còn tốt. Tuy có ô nhiễm nhưng không nghiêm trọng như bây giờ, nên không có ai nêu ra vấn đề bảo vệ. Đến nay môi trường ô nhiễm trầm trọng mới nghĩ đến việc cần phải bảo vệ môi trường! Lúc nghe khởi xướng vấn đề này, tôi liền nghĩ: Môi trường, có môi trường vật chất và môi trường tinh thần. Môi trường tinh thần và môi trường vật chất có liên quan mật thiết với nhau. Nếu như môi trường tinh thần không bảo vệ thì môi trường vật chất vĩnh viễn sẽ không thể cải thiện được! Đó là thật! Ngày ngày nói bảo vệ môi trường nhưng sơ suất việc bảo vệ tâm thanh tịnh thì làm sao được!

Giới khoa học ngày nay đã hiểu được cơ sở của vật chất là từ tâm, ý niệm của con người. Ý niệm con người xấu, môi trường vật chất đương nhiên cũng xấu! Ý niệm con người tốt, môi trường vật chất liền giống như thế giới Cực Lạc, do vô lượng trân bảo tạo thành, làm gì có thiên tai?! “*An lạc quốc độ thị thanh tịnh bản tánh chi sở trang nghiêm thành tựu*”: Đây là do cõi Cực Lạc được trang nghiêm thành tựu bằng bản tánh thanh tịnh vậy.

Thế giới Ta Bà, Nam Thiệm Bộ Châu này của chúng ta do tập khí phiền não ô nhiễm xấu xa nghiêm trọng tạo thành! Tôi nhớ không lầm, hình như có một báo cáo khoa học: sau này động đất sẽ tăng vọt lên đến cấp tám, cấp chín (không như cấp sáu, cấp bảy trước đây là động đất nhỏ!), còn có khả năng xuất hiện siêu động đất! Ngày nay, động đất xảy ra liên tục, từ trước đến nay chưa từng xảy ra hiện tượng này, trong lịch sử cũng chưa từng có những ghi chép như vậy!

“*Siêu du thập phương nhất thiết thế giới*” (Vượt trội hết thảy các thế giới trong mười phương): Đây là câu tổng kết. Trong

phẩm thứ năm “chí tâm tinh tấn” của bản kinh này, tỳ kheo Pháp Tạng (tức tiền thân của Phật A Di Đà) lúc còn ở nhân địa đã từng phát nguyện: Khi ngài thành Phật thì trí tuệ, quang minh, cõi nước, danh hiệu của ngài đều vang dội mười phương. Ngài còn bảo: “*Ngã lập thị nguyện, đō thắng vô số chư Phật quốc giả*”. (Tôi lập nguyện này đều vượt trội vô số các cõi nước Phật). Do Pháp Tạng Bồ Tát khi còn tu nhân đã phát nguyện vượt trội vô số các cõi Phật nên đến khi ngài thành Phật thì “Bản kỳ sở nguyện tức tợ đắc chi”, bản nguyện ấy liền tợ được thành tựu như thế.

KINH VĂN:

A Nan văn dĩ, bạch Thế Tôn ngôn: “Nhược bi quốc độ vô Tu Di sơn, kỳ Tứ Thiên Vương thiên, cập Đạo Lợi thiên, y hà nhi trụ?”

Phật cáo A Nan: “Dạ Ma, Đâu Suất, nãi chí Sắc, Vô Sắc giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ?”. A Nan bạch ngôn: “Bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí”.

VIỆT DỊCH:

A Nan nghe xong, bạch Thế Tôn rằng: “Nếu cõi nước ấy không có núi Tu Di thì Tứ Thiên Vương thiên và Đạo Lợi thiên nương vào đâu mà trụ?”

Phật bảo A Nan: “Hết thấy chư thiên trời Dạ Ma, Đâu Suất cho đến Sắc, Vô Sắc giới nương vào đâu mà trụ?”. A Nan bạch rằng: “Do nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn nên đạt được như vậy”.

GIẢNG:

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “*Đạo Lợi thiên*” dịch là Tam Thập Tam Thiên, là tầng trời thứ hai trong sáu tầng trời Dục

giới, ở ngay trên đỉnh núi Tu Di. Chính giữa có một thiên thành là chỗ ngự của Đế Thích (Sakya Indra), người Trung Quốc gọi Đế Thích là Ngọc Hoàng Đại Đế. Bốn phía, mỗi phía có tám thiên thành, cộng chung thành ba mươi ba chỗ nên có tên là Tam Thập Tam Thiên. Chư thiên trong cõi trời Đao Lợi và trời Tứ Thiên Vương đều nương theo núi Tu Di để trụ, nên nay A Nan nghe đức Phật nói cõi Cực Lạc không có núi Tu Di liền hỏi ngay: Các vị trời ấy sẽ nương vào đâu mà trụ? Thật ra, chỗ này A Nan nêu ra vấn đề này là thay cho một số phàm phu ngu muội không có trí tuệ mà hỏi.

“Phật cáo A Nan: “Dạ Ma, Đâu Suất, nữ chí Sắc, Vô Sắc giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ?” (Phật hỏi A Nan: “hết thầy chư thiên trời Dạ Ma, Đâu Suất cho đến Sắc, Vô Sắc giới nương vào đâu mà trụ?): “*Dạ Ma*” nói đủ là Tu Dạ Ma (Suyama) là tầng trời thứ ba trong Dục giới thiên. Tứ Thiên Vương thiên và Đao Lợi thiên phải nương theo núi Tu Di để trụ nên gọi là Địa Cư thiên. Từ trời Dạ Ma trở lên đều ngự trên không trung nên gọi là Không Cư thiên. Dạ Ma dịch là Thời Phận, Thiện Phận. Phật Địa Luận nói: “*Nói về Dạ Ma thiên thì do cõi trời này tùy thời hưởng lạc nên gọi là Thời Phận*”. “*Đâu Suất*” (Tushita) dịch là Thượng Túc, Diệu Túc, Tri Túc, Hỷ Túc v.v... là tầng trời thứ tư trong Dục giới. “Đâu Suất nội viện” là cõi Tịnh Độ của Di Lặc Đại Sĩ; ngoại viện là chốn dục lạc của thiên chúng (*Kỳ nội viện vi Di Lặc Đại sĩ chi Tịnh Độ, ngoại viện vi thiên chúng chi dục lạc xứ*). Do chư thiên đối với những sự vui ngũ dục sinh tâm vui thích nhưng tri túc nên gọi là Hỷ Túc.

“*Sắc, Vô Sắc giới*”: “*Sắc*” là chỉ chư thiên Sắc giới (Rupaloka) có tám tầng trời. “*Vô Sắc*” chỉ chư thiên trong Vô Sắc giới (Arupaloka), có bốn tầng trời. Đó là những cõi trời nằm phía trên các tầng trời Dục giới, đều trụ trong hư không. Nói cách khác, họ không trú trong thể giới vật chất hữu hình như tinh cầu, tinh hệ, mà trú tại không trung, không gian bất đồng duy thứ, nên gọi là

“*Không Cư thiên*”. Nếu trú trên tinh cầu, trú tại sao Hỏa, sao Thủy hay trú tại sao Thiên Vương v.v... đó gọi là “*Địa Cư thiên*”, vì họ trú trên mặt đất. Cho nên, Thế Tôn hỏi lại A Nan: - Nếu nói không có núi Tu Di thì chư thiên không có chỗ để trú, vậy các vị trời từ cõi Dạ Ma trở lên nương vào đâu để trú? Phật hỏi câu này rất hay! Ngay các vị trời cõi Dạ Ma trong thế giới Sa Bà này còn chẳng cần nương vào núi Tu Di để trú mà trú trong hư không thì chư thiên trong cõi Cực Lạc cần chi núi Tu Di!

A Nan đáp: “***Bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí***” (Do nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn nên đạt được như vậy): Do bởi có nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn nên chư thiên mới có thể nương hư không mà trú. Câu đáp này rất đúng!

Sách Câu Xá Quang Ký, quyển mười ba giảng chữ “*ngiệp*” như sau: “*Tạo tác là nghiệp*”. Ý nói: Do thân, khẩu, ý tạo tác nên gọi là nghiệp. Làm ác, nói ác, nghĩ ác là ác nghiệp. Làm lành, nói lành, ý lành là thiện nghiệp. Tạo thiện nghiệp, thì được quả vui; gây ác nghiệp thì gánh quả khổ. Gọi chung là “*ngiệp lực*”.

- Tất cả thiện nghiệp, ác nghiệp này cất giữ ở đâu?

- Cất trong A-lại-da!

A-lại-da là kho tư liệu của bạn! Nó vĩnh viễn bảo tồn đời đời kiếp kiếp không bao giờ mất. Nếu nó không bảo tồn được thì khi ta chứng được Túc Mạng Thông, lấy đâu biết được đời quá khứ của vô lượng kiếp?! Chứng đắc Túc Mạng Thông không gì khác hơn là có thể xem được kho tư liệu hồ sơ của chính mình hoặc của người khác trong đời quá khứ, biết được trong nhiều kiếp quá khứ đã tạo tác những gì.

Cho nên, tạo tác không thể sơ suất, hồ đồ được. Nếu hồ sơ cất giữ trong kho tư liệu của bạn đều là ác nghiệp, vậy thì không tốt

ròi! Ác nghiệp nhất định chiêu cảm ác báo, gặp ác duyên quả báo sẽ hiện tiền! Thiện quả là phước báo của nhân thiện; trong đời sẽ hưởng được địa vị cao sang, của cải giàu có v.v... Tất cả đều do trong mạng ta có sẵn, không liên quan gì đến người khác.

Sách Hữu Bộ Tỳ Nại Da (Luật tạng của phái Nhất Thiết Hữu Bộ), quyển bốn mươi sáu ghi: “*Nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn! Dẫu xa xôi cách mấy vẫn lôi kéo được. Khi quả báo đã thành thực dẫu có trốn tránh vẫn khó thoát được*”. Chữ “*xa xôi*” ở đây là chỉ cho quá khứ tiền kiếp lâu xa. Trong vô lượng kiếp đến nay, những “nghiệp lực” ta đã tạo, nếu gặp duyên, nó sẽ hiện hành. Khi quả báo đã thành thực, muốn tránh cũng khó thoát! Thật rất đáng sợ!

Phàm phu mê mắt tự tánh, tạo tác rất nhiều việc sai trái, vô lượng vô biên tội nghiệp mà tự mình không biết: Nghiệp nhân quả báo không sai một ly!

KINH VĂN:

Phật ngữ A Nan: - Bất tư nghị nghiệp, nhữ khả tri da? Nhữ thân quả báo, bất khả tư nghị, chúng sinh nghiệp báo, diệc bất khả tư nghị. Chúng sinh thiện căn, bất khả tư nghị, chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới, diệc bất khả tư nghị. Kỳ quốc chúng sinh, công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thân lực, cố năng nhĩ nhĩ.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan: - Ông có biết chăng? Nghiệp chẳng thể nghĩ bàn! Thân ông quả báo chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp báo của chúng sinh cũng chẳng thể nghĩ bàn, thiện căn của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn; thánh lực của chư Phật, thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do công đức, thiện lực của chúng

sinh cõi ấy, do trụ hạnh nghiệp địa và do thần lực của Phật nên mới được như thế đó.

GIẢNG:

Theo sách Tiên Chú (tức Vô Lượng Thọ Tiên Chú của cư sĩ Đinh Phúc Bảo) chữ “*quả báo*” chỉ cho thiện ác trong quá khứ chiêu cảm được kết quả và hồi báo cho nên gọi là “*quả báo*”. Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Quả và Báo vốn cùng một thể. Nếu phân tích tỉ mỉ thì cảnh giới mà ngày nay chúng ta gặp phải đều là kết quả của nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ, đây gọi là “quả”, còn hậu quả tương ứng với nghiệp duyên đã tạo thì gọi là “báo”.

Cái gì có khả năng sinh ra sự vật thì gọi là “nhân”, còn những gì hỗ trợ cho nhân kết thành quả thì gọi là “duyên”. Như hạt giống lúa gạo hay lúa mạch là nhân; người nông phu cày bừa, mưa, sương tưới tẩm v.v... gọi là duyên. Thóc, lúa mạch thu hoạch năm nay chính là từ hạt giống năm ngoái; nên nếu so với thóc, lúa mạch năm ngoái thì thóc và lúa mạch năm nay chính là “quả”. Nếu đem so với sức nông phu, mưa, sương v.v... của năm ngoái thì lúa năm nay chính là “báo” của những duyên đó.

“***Bất khả tư nghĩ***” (Chẳng thể nghĩ bàn) là vượt ra ngoài sự hiểu biết, suy nghĩ; chẳng thể dùng tư duy, ngôn ngữ của chúng sinh mà có thể lãnh hội, diễn tả nổi. Trong câu “***chúng sinh nghiệp báo***” (nghiệp báo của chúng sinh), chữ “nghiệp báo” chỉ nghiệp nhân và quả báo. Do nghiệp nhân thiện hay ác mà có quả báo vui hay khổ.

Kinh Bảo Tích quyển chín mươi sáu chép: “*Diêm La thường cáo bị tội nhân: - Vô hữu thiếu tội ngã năng gia, nhữ tự tác tội kim nhật lai, nghiệp báo tự chiêu, vô đại giả*” (Vua Diêm La thường báo bọn tội nhân đó: -Chẳng có chút tội nào do ta có thể tự thêm vào cả, tội của chính các ngươi làm nay đến ngày báo ứng, nghiệp báo tự

mình chiêu cảm lấy, không ai chịu thay cho được). Bài kệ này rất quan trọng! Chúng ta nên đọc nhiều lần hoặc có thể học thuộc lòng nó để thời thời khắc khắc có thể nhắc nhở bản thân mình.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có chép: “*Bồ Tát tự niệm: Ngã u quá khứ vô thí kiếp trung, do tham sân si, phát thân khẩu ý, tác chư ác nghiệp, vô lượng vô biên. Nhược thử ác nghiệp hữu thể tướng giả, tận hư không giới bất năng dung thọ*” (Bồ Tát tự nghĩ: Ta trong vô thí kiếp quá khứ do tham sân si từ thân miệng ý tạo các nghiệp ác vô lượng vô biên. Nếu những ác nghiệp đó mà có thể tướng thì trọn hết cõi hư không cũng chẳng thể dung chứa được). Do tạo nghiệp vô biên nên báo cũng vô biên. Câu Xá Luận, quyển chín chép: “*Đến ngay cả đức Thế Tôn cũng không cách chi ngăn ngừa vì thế lực của nghiệp mạnh mẽ nhất*”. Bởi thế, kinh nói: “*Chúng sinh nghiệp báo bất khả tư nghị*” (Nghiệp báo của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn).

“*Chúng sinh thiện căn bất khả tư nghị*” (Thiện căn của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn), như Kinh Đại Tập dạy: “*Chúng sinh hạnh bất khả tư nghị, chúng sinh cảnh giới bất khả tư nghị*” (Hạnh của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn). Như vậy, cảnh giới cùng việc làm thường nhật của chúng sinh đều là những thứ chẳng thể nghĩ bàn!

Kinh Pháp Hoa có câu: “*Nược nhân tán loạn tâm, nhập u tháp miếu trung, nhất xưng Nam Mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo*” (Dẫn người tâm tán loạn, vào trong tháp miếu, niệm Nam Mô Phật một tiếng đều đã thành Phật đạo). “*Giai dĩ thành Phật đạo*” ở đây là chỉ cho trong thức A-lại-da của họ đã có chủng tử Phật, tương lai họ sẽ nhờ chủng tử này mà tu hành chứng quả. Điều này đã hiển thị sâu xa: Thiện căn của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng suy lường, phân biệt để lãnh hội nổi.

“Chư Phật thánh lực, chư Phật thế giới, diệc bất khả tư nghĩ?” (Thánh lực của chư Phật, thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn): Chữ “*chư Phật*” chỉ khắp cả mười phương Như Lai. Trong chữ “*thánh lực*”, chữ “*lực*” chỉ lực dụng. Theo sách Phạm Ngũ Danh Nghĩa Đại Tập và quyển bốn mươi tám sách Tông Kính Lục thì có năm thứ lực: Định Lực, Thông Lực (tức thần thông lực), Tá Thức Lực, Đại Nguyện Lực và Phật pháp Oai Đức Lực. Năm thứ lực này chẳng thể nghĩ bàn nên kinh bảo: “*thánh lực chẳng thể nghĩ bàn*”.

Trong năm thứ lực này, ngày nay chúng ta đặc biệt cần nhất là Định Lực, và Nguyện Lực. Bất luận trong thuận cảnh hay thiện duyên đều không khởi tâm tham luyến; trong nghịch cảnh hay ác duyên đều không khởi tâm sân hận mà luôn luôn khởi tâm Phật A Di Đà. Nên nhớ: Thời gian không nhiều nữa, tu mau kéo trễ! Việc xấu hay tốt vẫn A Di Đà Phật, luôn trở về với A Di Đà Phật, không bị ngoại cảnh quấy nhiễu, đây là con đường thế giới Cực Lạc chúng ta đã đi thông rồi.

Đồng tâm với Phật A Di Đà, đồng tâm với chư Phật Như Lai: Nguyện tất cả chúng sinh đều thành Phật, luôn dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Theo kinh này, trong vô lượng kiếp, Pháp Tạng Bồ Tát trụ vào “*Chân Thật Tuệ*” để trang nghiêm cõi Phật, hạnh đức như Phổ Hiền, khai hóa, hiển thị “*Chân Thật Tế*”, muốn cho hết thảy chúng sinh đều hưởng các “*Chân Thật Lợi*”. “*Chân Thật Lợi*” ở đây là thành Phật, là trở về với tự tánh, cũng chính là Đại Thừa Vô Lượng Thọ, là thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Với mỗi công đức trong mười bảy thứ công đức trang nghiêm thành tựu của cõi nước, Đàm Loan Pháp sư đều bảo là “há thể nghĩ bàn nổi” như:

- “*Quang minh thực hiện Phật sự há thể nghĩ bàn nổi*”.
- “*Nước trong cõi ấy thực hiện Phật sự há thể nghĩ bàn nổi*”.

- “*Hình ảnh ấy làm Phật sự há thể nghĩ bàn nổi*”.

- “*Tiếng ấy làm Phật sự há thể nghĩ bàn nổi*”.

Điều thù thắng nhất là những người vãng sinh:

“*Chẳng đoạn phiền não, lại được hưởng Niết Bàn há thể nghĩ bàn nổi*”.

Đến thế giới Cực Lạc được ngày ngày thấy Phật nghe kinh không gián đoạn, không làm những việc khác. Điều này hé mở cho chúng ta một tin tức: “*Không thể ngày ngày không nghe kinh, không thể ngày ngày không niệm Phật*”.

Kinh Kim Cang Đảnh nói: “*Duy thử Phật sát, tận dĩ Kim Cang tự tánh thanh tịnh sở thành Mật Nghiêm Hoa Tạng*” (Chỉ mình cõi Phật ấy dùng trọn Kim Cang tự tánh thanh tịnh để tạo thành Mật Nghiêm Hoa Tạng). Trước đây, chúng ta đã chứng minh Mật Nghiêm Hoa Tạng chính là Cực Lạc thế giới. Cõi nước thù thắng nhiệm mầu như vậy chẳng từ vi trần tạo thành nên chẳng phải là vật chất thế gian, chẳng cần đến sức hấp dẫn giữa vạn vật để kết tụ nên, thì cần chi núi Tu Di! Do vì cõi nước Cực Lạc do Kim Cang tự tánh thanh tịnh tạo thành nên kinh bảo “*thế giới chẳng thể nghĩ bàn*”. “Kim Cang” ở đây là ví dụ cho tự tánh vĩnh hằng bất biến, bất sinh bất diệt, thanh tịnh bất nhiễm. Đây cũng chính là bản thể của y báo, Chánh báo ở thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Trong câu “*Kỳ quốc chúng sinh công đức, thiện lực*” (Thiện lực, công đức của chúng sinh cõi ấy), chữ “*kỳ quốc*” (cõi ấy) chỉ thế giới Cực Lạc. Những người vãng sinh phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm, dùng các thứ chánh hạnh, trợ hạnh, định thiện, tán thiện để cầu sinh Tịnh Độ, trì danh hiệu viên mãn vạn đức, nhập biển đại nguyện Nhất Thừa. Công đức thù thắng vô lượng vô biên như thế

nên lực dụng thật chẳng thể nghĩ bàn! Lực dụng đạt được do tu tập gọi là “*thiện lực*”.

“*Nhất Thừa đại nguyện chi hải*” (Biển đại nguyện Nhất Thừa) là hình dung thế giới Cực Lạc. Trong phần “Chánh hạnh, trợ hạnh”, Đại sư Liên Trì nói: Chánh hạnh là niệm Phật, trợ hạnh cũng là niệm Phật. Tuy nhiên, theo Hòa Thượng Tịnh Không: “Trợ hạnh” có thể làm thêm một ít việc thiện, miễn sao không trở ngại đến việc niệm Phật của mình thì được. Nếu trở ngại đến việc niệm Phật thì thà không làm! Nên nhớ; Tổ sư xưa nay thường dạy: “Việc tốt chẳng bằng không việc gì”. “Định thiện”, “tán thiện” là do Đại sư Thiện Đạo nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta đều qui nó về một câu “A Di Đà Phật”, mục tiêu cuối cùng là cầu sinh Tịnh Độ.

Tịnh Ảnh Sớ viết: “*Y pháp chánh tu danh vi thiện lực*” (Nương vào pháp để tu hành đúng đắn thì gọi là thiện lực). Công đức và thiện lực của chúng sinh cõi Cực Lạc đều chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả những người vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi ngày đều được nghe Phật giảng kinh giáo huấn, lại được Di Đà bổn nguyện oai thần gia trì nên trí tuệ, thần thông, đạo lực của họ so với Pháp Thân Bồ Tát ở cõi Thật Báo không hề sai khác. Đây là điểm thù thắng không thể sánh bằng của A Di Đà Tịnh Độ.

Chúng ta quan sát tỉ mỉ từ trong kinh luận: Thế giới Cực Lạc trên thực tế chính là một đạo tràng. Phật A Di Đà vì muốn tiếp dẫn khắp pháp giới, hư không giới tất cả chúng sinh trong sáu cõi quốc độ của chư Phật mà kiến lập nên đạo tràng này. Chỉ cần bạn có thể tin, có thể phát nguyện, có thể y giáo phụng hành thì ai ai cũng có thể vãng sinh. Sinh đến thế giới Cực Lạc chắc chắn không còn thoái chuyển, một đời rốt ráo thành Phật, tốt nghiệp thành Phật. Đây cũng là điều không thể tìm thấy trong mười phương thế giới. Cho nên, nói

chúng sinh ở thế giới Cực Lạc đều “*y pháp chánh tu*”, thành tựu thiện lực thù thắng không gì sánh bằng.

Sách Hội Sớ giảng “*trụ hạnh nghiệp địa*” như sau: “*Hạnh nghiệp địa chính là sự thành tựu đại nghiệp hạnh nguyện của A Di Đà Phật*”.

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: “*Hạnh nghiệp địa*” là địa của hạnh nghiệp, là đất do đại nguyện, đại hạnh, đại nghiệp của Di Đà Như Lai thành tựu. “*Nghiệp*” là sự, sự nghiệp của Phật A Di Đà là giúp tất cả chúng sinh hữu duyên một đời thành tựu viên mãn. Điều kiện vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng v.v..., cho dù bạn tu pháp môn nào, nếu phút lâm chung, đem công đức tu hành hồi hướng vãng sinh thế giới Cực Lạc đều có thể vãng sinh. Điều này cho thấy pháp môn Tịnh Độ quảng đại vô biên, chúng ta có thể nghĩ rằng: Người theo tôn giáo khác, đến lúc lâm chung, đem công đức tu học của họ hồi hướng cầu sinh Tịnh Độ, tôi tin rằng chắc chắn họ cũng được vãng sinh.

“*Trụ hạnh nghiệp địa*” tức chỉ cho tứ độ, tam bối, cửu phẩm ở thế giới Cực Lạc. Vãng Sinh Luận Chú, phần trước có nói qua: Vãng sinh đến thế giới Cực Lạc thấy được thân tướng Phật A Di Đà thì được thân nghiệp bình đẳng, nghe danh hiệu ngài thì được khẩu nghiệp bình đẳng, gặp quang minh của ngài chiếu đến thì hiểu được pháp và được ý nghiệp bình đẳng. Những điều như vậy chính là “*hạnh nghiệp địa*” của Phật A Di Đà.

Tôi thường khuyên các đồng tu nên đặt Phật A Di Đà ở trong tâm. Trung Phong thiền sư trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự đã khai thị cho chúng ta: “*Tâm ta tức là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà tức là tâm ta*”, “*Nơi đây là cõi Tịnh Độ, cõi Tịnh Độ chính là nơi đây*”. Hai câu khai thị này rất quan trọng! Hai câu này chính là “*trụ hạnh nghiệp địa*”.

Hiện tại, chúng ta “*trụ hạnh nghiệp địa*” thì có lý nào lại không thể vãng sinh! Nếu miệng niệm Phật, trong tâm không có Phật, vậy vãng sinh là vô lý! Cổ nhân nói: “*Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, đau ốm rát họng cũng uống công!*”. Hiện tại người niệm Phật rất đông, người vãng sinh lại không nhiều! Nguyên nhân chính là ở chỗ này! Phật A Di Đà rất từ bi! Thấy thọ mạng của ta có hạn, mà niệm Phật, niệm mãi vẫn còn tâm tán loạn, nên Phật kéo dài tuổi thọ cho ta, có thể thêm mười năm, với hy vọng trong mười năm đó ta có thể trụ tâm trở lại, nhất tâm chuyên niệm sẽ được vãng sinh.

Chúng ta nên xả thân xem như đã chết! Ngay thân thể cũng không phải là ta thì vật ngoài thân, thứ nào là của mình?! Đó là dạy ta buông xuống, buông xuống triệt để mới có thể chuyên tâm mà niệm Phật, mới có thể thành tựu. Buông xuống được rồi, thế giới Ta Bà đối với ta không còn nữa, bây giờ ta “*trụ Di Đà hạnh nghiệp địa*”. Chưa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc nhưng hiện tại ta đã “*trụ hạnh nghiệp địa*” rồi. Đây là “tâm trụ” chẳng phải “thân trụ”.

“*Cập Phật thần lực, cố năng nhĩ nhĩ*” (Và do thần lực của Phật nên mới được như thế đó): Do thiện lực công đức của chúng sinh cõi Cực Lạc, do sức an trụ vào hạnh nghiệp địa của Phật A Di Đà và do oai thần vô thượng của đức Phật ấy nên cõi Cực Lạc chẳng cần phải nương vào núi Tu Di mà vẫn có thể an trụ một cách tự nhiên.

KINH VĂN:

A Nan bạch ngôn: “Nghiệp nhân quả báo, bất khả tư nghị. Ngã u thử pháp, thật vô sở hoặc. Dẫn vị tương lai chúng sinh phá trừ nghi võng, cố phát tư vấn”.

VIỆT DỊCH:

A Nan bạch rằng: “Nghệp nhân quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Đối với pháp này con chẳng nghi hoặc, chỉ là để phá trừ lưới mờ cho chúng sinh trong đời tương lai nên con mới hỏi như thế”.

GIẢNG:

Thật ra, ngài A Nan không phải là người thường, ngài chính là người truyền thừa Đại pháp của đức Thích Ca Mâu Ni. Đến đây, ngài mới nói rõ nguyên do thúc đẩy ngài nêu câu hỏi ấy: Ngài thấy rõ chúng sinh trong đời tương lai tình chấp sâu nặng, ắt sẽ nghi lầm: Cõi Cực Lạc không có núi Tu Di thì nương vào đâu để an trụ? Nên ngài mới thay họ mà thưa hỏi. Trong thế gian này, chúng sinh điên đảo chất chồng, chỉ khăng khăng chấp vào những hiện tượng và qui luật của thế giới này, dùng cái thấy biết hẹp hòi để suy xét cảnh giới chư Phật, thậm chí chấp cái nhìn phiến diện rồi nghi lời Phật nói.

Để phá mối nghi ấy, Phật liền hỏi A Nan: Vậy thì các tầng trời như trời Dạ Ma v.v... trong cõi này nương vào đâu để trụ? Chẳng lẽ cứ căn cứ theo sự tướng của trời Đao Lợi rồi ngờ vực cõi Cực Lạc hay sao?

Ngài A Nan đại quyền thị hiện vì chúng sinh mà thưa hỏi, ngài chẳng nói “trụ không” (trụ vào không trung) mà lại nói “bất khả tư nghị” (chẳng thể nghĩ bàn) dẫn đến Thế Tôn thù thắng khai thị, nói ra toàn kinh yếu chỉ (yếu chỉ của toàn bộ kinh), bởi bản kinh này từ đầu đến cuối thật sự đều không thể nghĩ bàn!

Điều chấp trước vừa được nói ở trên không những chỉ là do chưa hiểu thấu Phật pháp mà thật ra còn mâu thuẫn với cả khoa học hiện đại. Bởi thế giới chúng ta đang sống là không gian ba chiều (tam duy không gian; three-dimension space). Do vọng niệm chẳng ngừng nên những suy nghĩ, phân biệt của người đời chẳng thể vượt ra ngoài

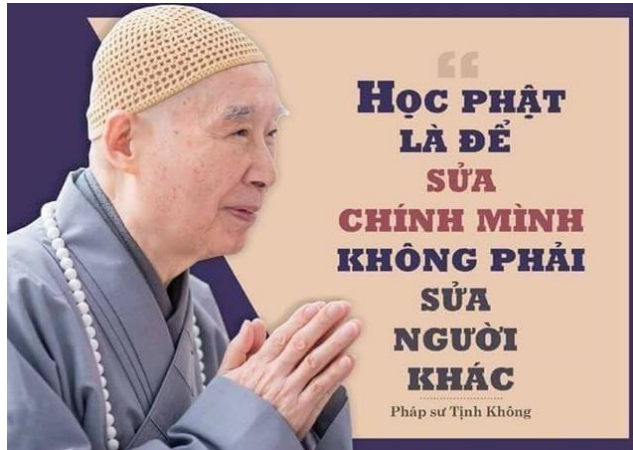
tánh chất hạn cuộc của thế giới này. Lẽ nào lại có thể dùng những qui luật của không gian ba chiều để suy lường nổi không gian nhiều chiều cho được.

Hiện tại, lý thuyết không gian nhiều chiều (đa duy không gian- multi-dimension space) đã được giới khoa học thừa nhận. Số chiều trong cõi Thường Tịch Quang của Phật ắt cũng phải là vô lượng. Đây là Hoàng Niệm lão dùng cách nói của khoa học để giải thích.

Thật ra, chúng sinh cõi Cực Lạc vượt xa cảnh giới trời, người nhưng vì thuận theo các phương khác nên mới gọi là “trời, người”. Nói trời Đao Lợi, trời Tứ Thiên Vương v.v... cũng chỉ là thuận theo cách nói thông thường của những phương khác. Kinh bảo: Thánh chúng cõi ấy “*hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả*” (có người ở trên mặt đất nghe nhận kinh điển), có người “*hữu tại hư không giảng, tụng, thọ, thính*” (ở trên hư không giảng, tụng, nghe, nhận).

“Hư không” ở đây là chỉ không gian duy thứ không đồng. Cung điện họ trụ tại hư không, người bình thường chúng ta không thể nhìn thấy bởi không cùng không gian duy thứ. Thánh chúng cõi ấy lại còn “cung điện tùy thuộc vào thân”, cho nên cung điện trong cõi ấy hoặc ở trên mặt đất hoặc ở trên hư không. Vì vậy, những tầng trời như Dạ Ma (không cư), Đao Lợi (Địa Cư) v.v... chỉ là thí dụ.

Phẩm Siêu Thế Hy Hữu thứ mười tám của kinh này cũng bảo: “*Đản nhân thuận dư phương tục, cố hữu nhân thiên chi danh*” (Chỉ do thuận theo tập tục phương khác nên có danh từ trời, người). Như vậy, trời, người và các tầng trời chỉ là cách nói thuận theo thế tục.



VIII. QUANG MINH BIẾN CHIẾU ĐỆ THẬP NHỊ

Phẩm trước là phẩm Quốc Giới Nghiêm Tịnh đã tường thuật sự trang nghiêm của y báo tức hoàn cảnh vật chất. Phẩm thứ mười hai và phẩm thứ mười ba tiếp theo sẽ nói về chánh báo trang nghiêm tức hoàn cảnh nhân sự ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. “*Quang minh biến chiếu thị thân biến thập phương*” (Quang minh chiếu khắp nghĩa là thân trọn khắp mười phương). Thọ mạng vô lượng là cùng khắp cả ba đời.

Phẩm này trước hết tán dương quang minh của Phật A Di Đà thù thắng độc nhất. Kế đến nêu rõ nguyên nhân vì sao quang minh thù thắng. Sau đó, nêu ra mười hai danh hiệu quang minh thù thắng. Cuối cùng là trình bày diệu dụng thù thắng của quang minh.

KINH VĂN:

Phật cáo A Nan: - A Di Đà Phật oai thần quang minh tối tôn đệ nhất. Thập phương chư Phật sở bất năng cập, biến chiếu Đông phương Hằng sa Phật sát. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ diệc phục như thị. Nhược hóa dẫn thượng viên quang, hoặc nhất, nhị, tam, tứ do-tuần hoặc bách thiên vạn ức do-tuần. Chư Phật quang minh hoặc chiếu nhất, nhị Phật sát, hoặc chiếu bách thiên Phật sát, duy A Di Đà Phật, quang minh phổ chiếu vô lượng, vô biên vô số Phật sát. Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bốn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng. Chí tác Phật thời, các tự đắc chi. Tự tại sở tác, bất vi dự kế. A Di Đà Phật, quang minh thiện hảo, thắng w nhật nguyệt chi minh, thiên ức vạn bội, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan: - Oai thần quang minh của A Di Đà Phật tối tôn đệ nhất, thập phương chư Phật chẳng thể sánh bằng, chiếu khắp Hằng sa cõi Phật trong phương Đông. Trong các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng giống như thế.

Viên quang từ trên đánh Ngài hóa ra thì hoặc là (chiếu xa) một, hai, ba, bốn do-tuần, hoặc là trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của chư Phật hoặc chiếu thấu một, hai cõi Phật, hoặc chiếu trăm ngàn cõi Phật. Chỉ riêng quang minh của A Di Đà Phật chiếu trọn vô lượng vô biên vô số cõi Phật.

Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần vốn là do trong đời trước khi cầu đạo đã nguyện được công đức lớn hay nhỏ sai khác. Đến khi thành Phật, mỗi vị tự đạt được, tự tại thành tựu chẳng thể tính trước. Quang minh của A Di Đà Phật tốt lành, vượt trội ánh sáng của mặt trời, mặt trăng ngàn ức vạn lần, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các đức Phật.

GIẢNG:

Phẩm này nói về sự thành tựu của nguyện thứ mười ba và nguyện thứ mười bốn. Nguyện thứ mười ba là “*quang minh vô lượng*”, nguyện thứ mười bốn là “*tuyệt thắng chư Phật*” (vượt hẳn chư Phật). Do nguyện này thành tựu nên “*A Di Đà Phật oai thần quang minh tối tôn đệ nhất. Thập phương chư Phật sở bất năng cập*” (oai thần quang minh của A Di Đà Phật tối tôn đệ nhất; mười phương chư Phật chẳng thể sánh bằng). Đây là nói Phật quang nhỏ lớn có khác nhau nên chiếu đến xa, gần cũng không giống nhau.

Ngày nay chúng ta gặp được pháp môn Tịnh Độ, noi theo bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà mà tu học là đã thật sự phát đại tâm rồi, tức là có thể đạt đến cứu cánh viên mãn thành Phật.

Rất nhiều sự việc chúng ta chưa nghĩ ra, nhưng Phật A Di Đà lúc còn ở nhân địa đã nghĩ ra hết. Có thể nói tâm tư của ngài chu đáo nên nguyện hạnh của ngài cũng viên mãn, đến khi thành Phật hóa độ chúng sinh, tất cả mọi thần thông, trí tuệ, đạo lực, tướng hảo v.v... của ngài đều siêu việt chư Phật Như Lai. Cho nên, kinh nói: “**tự tại sở tác bất vi dự kế**” (tự tại thành tựu, chẳng thể tính trước).

Thật sự mà nói: Phật Phật đạo đồng, hoàn toàn bình đẳng. Nhưng, trong bình đẳng lại có cái không bình đẳng. Vì sao? Vì nguyện lực của cái ngài không giống nhau! Như người thế gian, tuy có tài lực, địa vị như nhau nhưng sở thích không giống nhau sẽ ở kiểu nhà khác nhau. Chư Phật Như Lai không có sở thích nhưng sở nguyện trong “nhân địa” của các ngài không giống nhau nên trên “quả địa” liền hiển thị sự sai biệt.

Sư Vọng Tây giải đáp vấn đề này như sau:

“Thường đồng, thường biệt: Diệu đức của chư Phật xét về nội chứng tuy tương đồng, nhưng do bốn nguyện sai khác nên quang minh có hơn, kém”. Đây chính là ý nghĩa của câu “**bốn kỳ tiền thế cầu đạo sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng**” (vốn là do đời trước lúc cầu đạo đã nguyện được công đức có lớn, nhỏ sai khác).

- Tác dụng của “quang” là gì?

- Là tiếp dẫn người hữu duyên!

Nguyện lực của Phật A Di Đà quá lớn! Muốn tất cả chúng sinh đều thành Phật: Hữu tình chúng sinh thành Phật; vô tình chúng sinh như cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa đều thành Phật. Đây là Hoa Nghiêm cảnh giới! Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*”. Ở thế giới Cực Lạc thực tế cũng là như vậy.

Đạo tràng nhỏ của chúng ta, bên bãi đậu xe kia, các bạn đều nhìn thấy có một cây sơn trà rất già, ngày hôm kia đã vãng sinh thế

giới Cực Lạc, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn thân cây về thế giới Cực Lạc rồi! Điều này có ý nghĩa rất sâu! Thần cây đến làm biểu pháp! Tịnh Tông Học Viện chúng ta thành lập đã mười năm qua, thần cây ở đây nghe kinh Niệm Phật cũng mười năm rồi! Thần cây đã thành công! Những đồng tu tại gia, Pháp sư xuất gia cư trú trong đạo tràng này không dụng công bằng thần cây! Thần cây tu thành nhưng chúng ta chưa tu thành! Chúng ta nên cúng cho thần cây một bài vị, cúng một bài vị vĩnh cửu! Thần không cần, nhưng chúng ta cần! Vì sao? Vì nhìn thấy thần cây thành công nhưng chúng ta chưa thành công?! Lấy đó mà làm gương!

Nếu nơi đây không có đạo tràng này, thần cây sẽ không có cơ hội nghe pháp, cũng không hiểu được tu hành, đại khái sẽ vĩnh viễn làm thần cây, có đâu đến được thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát chứ?! Cho nên, thần cây rất cảm ơn. Chúng ta cũng cảm ơn thần cây đã làm biểu pháp, làm tấm gương tốt cho chúng ta thấy. Rất nhiều người đều nhìn thấy sự kiện này rồi. Điều này tuyệt đối không phải là mê tín!

Vấn đề “*Thường đồng, thường biệt*”, Sư Vọng Tây đáp rất hay! (Đây là vị Tổ sư của Nhật Bản). “*Đồng*” là chỉ cho tất cả chư Phật đều đã buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, đó là “*đồng*”. “*Biệt*” là chỉ cho phát nguyện của các ngài không tương đồng trong khi tu hành Bồ Tát đạo cho nên trong quả báo liền có sự sai biệt. Lại nữa chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong mười phương, họ không có khởi tâm động niệm. Chúng sinh có cảm, Phật, Bồ Tát liền có ứng. Cảm ứng đạo giao! Các ngài là tự nhiên hiện, không phải do khởi tâm động niệm, đây là “*thường đồng*” nhưng cảm ứng được tất cả chúng sinh, đó là “*thường biệt*”.

Trong kinh, Phật nêu ra ví dụ về cái trống: Đánh vào nó liền vang, đánh mạnh thì tiếng lớn, đánh nhỏ thì tiếng nhỏ, không đánh

thì không vang. Chư Phật Như Lai và tất cả chúng sinh cảm ứng đạo giao cũng giống như vậy. Bên trong trống là trống không không có gì cả. Chúng sinh có “tâm cảm”; Phật, Bồ Tát liền “vô tâm ứng”, là đạo lý như vậy. Đó là “*thường đồng, thường biệt*”. Tóm lại:

“*Chư Phật diệu đức nội chứng tuy đồng, do bốn nguyện khác nên quang có thắng, liệt (lớn nhỏ)*”; “thắng, liệt” của “quang” toàn là ở trên nhân địa, tâm phát nguyện không giống nhau nên xuất hiện cảnh giới cũng không tương đồng. Tịnh Độ của Phật A Di Đà thuần tịnh, thuần thiện, không như các Tịnh Độ khác có tịnh, có nhiễm, có thiện, có ác. Không đồng chính là ở điểm này!

“**Hằng sa**” là cát của sông Hằng (Gange) ở Ấn Độ. “**Tứ duy**” là bốn góc: Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam.

“**Đảnh Thượng viên quang**”: (Viên quang từ trên đỉnh đầu). Phật có “đảnh quang” và “thân quang”, “*đảnh thượng viên quang*” chỉ “đảnh quang”.

“**Do-tuần**” (Yojana) là đơn vị đo khoảng cách của Ấn Độ, là số dặm hành quân trong một ngày của bậc đế vương thời cổ. Do-tuần là bốn mươi dặm hay ba mươi dặm. Bản chú giải Kinh Duy Ma của ngài Tăng Triệu ghi: “*Do-tuần là tên gọi một số dặm của Thiên Trúc. Thượng do-tuần là sáu mươi dặm, trung do-tuần là năm mươi dặm, hạ do-tuần là bốn mươi dặm*”.

Theo Hoàng Niệm lão: Sở dĩ có sự sai khác như vậy là vì từ xưa đến nay giữa hai nước Ấn Độ và Trung Hoa, việc hoán chuyển đơn vị đo lường thường thay đổi luôn. Hơn nữa, số dặm hành quân trong một ngày chẳng phải là một hằng số nên chẳng thể lấy nhất định một con số nào.

Các câu từ “*nhất do-tuần*” đến “*bách thiên Phật sát*” (trăm ngàn cõi Phật) là dùng các cách để diễn tả quang minh của Phật chiếu

xa hay gần. Câu “*duy A Di Đà Phật quang minh phổ chiếu vô lượng vô biên vô số Phật sát*” (chỉ riêng A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn vô lượng vô biên vô số cõi Phật) diễn tả sự thù thắng độc đáo của quang minh A Di Đà Phật, cũng chính là nguyện lực thù thắng của A Di Đà Phật tôn quý bậc nhất, vượt trội mười phương. Đây cũng là nội dung thứ nhất của phẩm này.

Tiếp đó, kinh trình bày nguyên nhân tại sao quang minh của Phật A Di Đà lại đặc biệt thù thắng như vậy. Phẩm trước đã nói: “*Thanh tịnh trang nghiêm siêu du thập phương*” (Thanh tịnh trang nghiêm vượt trội mười phương), phẩm này lại bảo: “*Thập phương chư Phật, sở bất năng cập*” (Mười phương chư Phật chẳng thể sánh bằng). Tiếp đó lại bảo: “*Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (Tôn quý nhất trong các quang minh, vua trong các đức Phật).

“Chư Phật quang minh sở chiếu viễn cận, bốn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng” (Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần vốn là do trong đời trước khi cầu đạo đã nguyện được công đức lớn hay nhỏ sai khác). Trong pháp bình đẳng lại có những sai biệt như vậy, bởi chư Phật Như Lai lúc trong nhân địa đều phát đại hồng thệ nguyện. Trong đại nguyện đương nhiên có đại đồng tiểu dị; có tiểu dị là có sai khác.

Do đại nguyện thứ mười ba của Phật A Di Đà là: “*Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng u nhật nguyệt chi minh thiên vạn ức bội*” (Lúc tôi thành Phật, quang minh vô lượng chiếu khắp mười phương vượt xa chư Phật, hơn cả quang minh của mặt trời, mặt trăng ngàn vạn ức lần). Cho nên “*chí tác Phật thời, các tự đắc chi, tự tại sở tác, bất vi dự kế*” (Đến khi thành Phật, mỗi vị tự đạt được, tự tại thành tựu, chẳng thể tính trước), nghĩa là đến khi thành Phật, mỗi vị đều đúng

như bốn nguyện mà hiện quang minh. Đấy đều là việc tự nhiên thành tựu chớ chẳng do Phật hoạch định hay an bày.

Việc này cũng nói lên “nhân nào quả nấy”, hơn nữa, chư Phật Như Lai đã lìa tâm ý thức đâu còn khởi tâm động niệm mà có kế hoạch suy tính. “*A Di Đà quang minh thiện hảo, thắng w nhật nguyệt chi minh thiên ức vạn bội, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh của A Di Đà Phật tốt lành, vượt trội ánh sáng của mặt trời, mặt trăng ngàn ức vạn lần, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các Phật). Điều này quả thật là không sai! Tất cả chư Phật Như Lai đều khâm phục, xưng tán Phật A Di Đà đến cực điểm: Tự nhiên khâm phục tha, tự nhiên hoan hỉ tha, cũng tự nhiên hỗ trợ Phật A Di Đà thành tựu trang nghiêm thế giới Tây Phương Cực Lạc.

KINH VĂN:

Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, diệc hiệu Vô Lượng Quang Phật, diệc hiệu Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật, diệc hiệu Trí Tuệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỉ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghị Quang.

VIỆT DỊCH:

Do đó, Vô Lượng Thọ Phật cũng có hiệu là Vô Lượng Quang Phật, cũng gọi là Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật, cũng hiệu là Trí Tuệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỉ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghị Quang.

GIẢNG:

Đoạn kinh văn trên trình bày điểm chính thứ ba của phẩm này là mười hai danh hiệu quang minh thù thắng của Phật (tức thập nhị Quang Phật). Đây đều là những danh hiệu khác của Vô Lượng Thọ Phật, cũng chính là Quả giác của Bồ Tát Pháp Tạng khi ngài đã thành Phật. Mỗi loại quang biến chiếu nhiếp thọ lục đạo chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới, tất cả chư Phật quốc độ. Người hữu duyên sẽ cảm nhận được, người không có duyên, Phật quang dù có chiếu đến cũng không có cảm xúc!

Nên biết, thân thể của Phật A Di Đà giống như đài phóng xạ, có thể tiếp thu tất cả cũng có thể phát ra bên ngoài trùm khắp tất cả. Khắp pháp giới, hư không giới, tin tức của tất cả chúng sinh bao gồm tin tức của nhân loại, tin tức của cây cối hoa lá, của sơn hà đại địa v.v... tất cả chư Phật đều nhận được. Trên thực tế, thân thể chúng ta cũng là cái máy phóng. Nhưng, vì sao chúng ta không cảm giác được? Vì máy móc của chúng ta bị “virus” “tham-sân-si-mạn” làm ô nhiễm hư hoại nên không có tác dụng!

- Danh hiệu từ đâu mà có?

- Từ tánh đức mà xưng tán!

Chư Phật có vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo nên các ngài có vô lượng danh hiệu. Nên biết: tánh đức của Phật A Di Đà cũng chính là tánh đức của chúng ta. Chúng ta và A Di Đà Phật không hai, không khác; chỉ là ngài giác ngộ, chúng ta thì còn mê hoặc.

Kinh Cửu Phẩm Vãng Sinh A Di Đà Tam Ma Địa Tập Đà Ra Ni trong Mật bộ cũng chép: “*Thị nội tòa thập nhị mạn-đà-la Đại Viên Kính Trí tượng, kỳ danh vi Nhất Thiết Tam Đạt Vô Lượng Quang Phật... Trí Lực Tam Minh Siêu Nhật Quang Phật*”.

(Hình tượng báu của Đại Viên Kính Trí trong mười hai mạn-đà-la ở nội tòa có tên là Nhất Thiết Tam Đạt Vô Lượng Quang Phật... Trí Lực Tam Minh Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật). Câu ấy rất phù hợp với kinh này.

Bản Đường dịch (chính là Kinh Bảo Tích Vô Lượng Thọ hội) ghi mười lăm danh hiệu quang minh. Bản Tống dịch (chính là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh) ghi mười ba thứ quang minh, chẳng qua là do tách ra hay gộp lại nên thành có sai khác đó thôi!

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy:

“Đại Thế Chí, dĩ kỳ đồng luân ngũ thập nhị Bồ Tát, tức tùng tọa khởi, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn:

Ngã ức vãng tích hằng sa kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Vô Lượng Quang. Thập nhị Như Lai tương kế nhất kiếp, kỳ tối hậu Phật, danh vi Siêu Nhật Quang Phật, bỉ Phật giáo ngã Niệm Phật tam-muội”.

(Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng năm mươi hai vị Bồ Tát đồng hàng với ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

Con nhớ trong hằng sa kiếp xưa kia có Phật xuất thế tên là Vô Lượng Quang. Mười hai vị Như Lai liên tục xuất hiện trong một kiếp. Vị Phật sau rốt tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, đức Phật ấy dạy con Niệm Phật tam-muội).

Mười hai vị Quang Phật (tức thập nhị Quang Phật) trong kinh này cũng chính là mười hai đức Như Lai trong hằng hà sa kiếp quá khứ về trước, đó là:

1. Vô Lượng Quang Phật

Trong Tán A Di Đà Phật Kệ, Đàm Loan Đại sư đã viết về Vô Lượng Quang Phật như sau: “*Trí tuệ quang minh bất khả lượng; cố Phật hựu hiệu Vô Lượng Quang. Hữu lượng chư tướng môn Quang hiểu, thị cố khể thủ Chân Thật Minh*” (Trí tuệ quang minh chẳng thể lường; nên Phật lại có hiệu là Vô Lượng Quang. Các tướng hữu lượng nhờ quang minh chiếu nên được hiểu; vì vậy đánh lễ đấng Chân Thật Minh).

Chư tướng là hữu lượng, Phật quang là vô lượng. Phật quang biến chiếu chư tướng, chư tướng được Phật quang chiếu soi họ liền khai ngộ.

“*Thị cố khể thủ Chân Thật Minh*” (Vì vậy đánh lễ đấng Chân Thật Minh). “*Chân Thật Minh*” chính là *Vô Lượng Quang*. “*Khể thủ*” ở đây theo Hòa Thượng Tịnh Không giải thích là “cám ơn”; ý nghĩa của “khể” sâu rộng vô tận. Lời tán thán của Đại sư rất khế hợp với thánh tâm. Thánh tâm này chính là Phật A Di Đà. Tâm của Phật A Di Đà, Đàm Loan Đại sư có thể thể hội được, ngài đã trực chỉ quang minh tức là trí tuệ, quang minh và trí tuệ không hai. Cho nên, “*Khể thủ Chân Thật Minh*”, vì quang minh này chính là trí tuệ chân thật nên phải dập đầu kính lễ vậy. Do toàn cả bản kinh Đại Bồn này tức Kinh Vô Lượng Thọ mà chúng ta đang học là duy nhất chân thật:

- “*Chân Thật Chi Tánh*” là tánh thể của tự tánh.
- “*Chân Thật Chi Tuệ*” là tướng của tự tánh.
- “*Chân Thật Chi Lợi*” là đại dụng của tự tánh.

“*Thể-Tướng-Dụng*”: Thể chân thật, Tướng chân thật, Dụng chân thật; hoàn toàn là tự tánh, nên kệ mới nói là “*Chân Thật Minh*”. Rõ ràng trong cõi Cực Lạc. Y báo, Chánh báo, nhân quả đều thuần là chân thật. Đại sư Huệ Năng sau khi kiến tánh nói ra năm câu. Năm

câu ngài nói và ba điều chân thật nói ở đây hoàn toàn tương ứng không hai, không khác. Đó cũng chính là chư vị Tổ sư thường nói: Thế giới Cực Lạc là thân Pháp tánh, là cõi Pháp tánh.

Chánh báo là thân Pháp Tánh là chân thật; thế giới Cực Lạc là cõi Pháp tánh cũng là chân thật. Định nghĩa trong kinh Đại thừa rất đơn thuần: “*Phàm là pháp vĩnh hằng, bất biến đó là chân. Phàm là pháp sẽ thay đổi đó là giả*”. Thân thể chúng ta mỗi ngày một già yếu, thay đổi nên nó là giả không thật! Cây cối, hoa lá biến đổi: Mùa xuân sanh, mùa hạ trưởng, mùa thu hoa quả đã chín. Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông đều thay đổi nên không phải là thật! Sơn hà đại địa biến dịch vô thường: Biển xanh thành nương dâu!

Đỉnh núi Himalaya, dãy núi cao nhất thế giới này, đội leo lên núi đó nhặt được rất nhiều võ sò. Võ sò từ đâu mà có? Từ dưới biển mà có! Từ đó có thể biết: Đỉnh núi Himalaya ngày xưa ở dưới biển, sau này mới nổi lên mặt đất biến thành núi; rồi núi cũng sẽ sụp lại biến thành biển! Đây chính là nói đại địa vô thường, không phải thật!

Thế giới Cực Lạc là chân thường (phần trước đã nói qua), là vĩnh hằng bất biến, sơn hà đại địa, cỏ cây hoa lá đều bất biến. Cây cối thường xanh, không nhìn thấy lá úa vàng rơi rụng. Thế giới Cực Lạc không có núi cao, không có đất trũng, đại địa bằng phẳng, đất đai vuông vức, lưu ly làm thể, không phải do bụi đất tạo thành. Đại địa toàn là lưu ly, ngọc màu xanh trong suốt, từ mặt đất có thể nhìn thấy xuyên suốt tận đáy. Ở thế giới Cực Lạc, vàng ròng là thứ dùng để trải đường, vĩnh hằng bất biến.

Người ở thế giới Cực Lạc không phải từ bé mới sinh ra rồi dần dần lớn lên, không phải vậy! Vừa vãng sinh đến đó liền có thân tướng như Phật A Di Đà, cao như vậy, tướng như vậy, đều không khác với A Di Đà Phật: Thân có vô lượng tướng; tướng có vô lượng vẻ đẹp, thể chất sắc thân của họ là “tử ma chân kim”, không phải

nhục thân nên không cần phải ăn uống, hoàn toàn phát xuất từ năng lượng trong tự tánh, lấy mãi không hết, dùng mãi không cạn nên không có biến hóa; y báo, chánh báo đều không thay đổi, đây gọi là “Nhất Chân Pháp giới”.

Sách Luận Chú viết: “*Nếu gặp được quang minh của A Di Đà Phật chiếu đến thì sẽ giải thoát các sự ràng buộc nơi ý nghiệp, vào nhà Như Lai, rốt ráo đắc ý nghiệp bình đẳng*”. Đó chính là ý nghĩa của “*mông quang chiếu*” (nhờ quang minh chiếu nên được chiếu). Trên thực tế, A Di Đà Như Lai bình đẳng quang chiếu chưa từng gián đoạn. “Quang” của ngài biến chiếu khắp pháp giới bất kể ngày đêm, bất kể trước sau, bất kể xa gần, làm lợi ích chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, giác ngộ chúng sinh. Người thiện căn, phước đức sâu dày lập tức có thể cảm nhận được.

Nếu không thể cảm nhận được, cũng có thể dùng các cách phương tiện để cảm nhận được như: Đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ hoặc Kinh A Di Đà hay dùng phương pháp Trì Danh Niệm Phật, “*Nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai ắt sẽ thấy Phật*”. Đây là điều Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục*”, có lý gì mà Phật quang không hiện chiếu. “Quang” chiếu là bình đẳng nhưng mỗi người giác ngộ không bình đẳng, ấy là do tâm chân thành của mỗi người không giống nhau.

Người thế gian không biết, cho rằng sự khác biệt này là do trí thông minh của mỗi người một khác, thực tế không phải vậy! Trí thông minh là pháp của thế gian không phải là Phật pháp. Trong Phật pháp chỉ nói đến căn tánh. Bạn xem! Đại sư Huệ Năng không biết chữ, chưa từng nghe kinh thế mà chỉ một lần nghe Ngũ Tổ giảng qua đại ý Kinh Kim Cang, đến câu “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, ngài liền đại triệt đại ngộ. Trong khi đó, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng kinh suốt một đời, thỉnh chúng rất đông mà chẳng có ai khai ngộ! Có thể

thấy điều này không liên quan đến thông minh của thế gian mà liên quan đến tâm chân thành. Khác nhau lắm!

2. Vô Biên Quang Phật

Trong Tán A Di Đà Phật Kệ viết: “*Giải thoát quang luân vô hạn tề, cố Phật hựu hiệu Vô Biên Quang, mông quang xúc giả ly hữu vô, thị cố khể thủ Bình Đẳng Giác*” (Vàng ánh sáng giải thoát lia tất cả giới hạn và tề đồng, nên Phật lại có hiệu là Vô Biên Quang, kẻ được quang chiếu soi bèn lia hữu, vô. Vì vậy, kính lễ đấng Bình Đẳng Giác). Lời tán dương này của Đàm Loan Đại sư thật thù thắng vượt xa lời tán của các vị khác. Ngài Nghĩa Tịch giảng chữ “vô biên” là “không ngăn mé”; ngài Tịnh Ảnh giảng là “rộng lớn”. Những cách giải thích như vậy chẳng được viên mãn kỳ diệu như cách giải thích của ngài Đàm Loan dùng ngay chữ “*Giải Thoát Quang*” để giải thích chữ “*Vô Biên Quang*”.

“Giải Thoát” là một trong ba đức của Niết Bàn: Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát. “Giải Thoát” tức là đại tự tại cũng gọi là “Luân” - “*Giải Thoát Quang Luân*”. Nghĩa của “Luân” ngài dùng rất hay. “Luân” là tròn đầy, viên mãn cụ túc, thể hiện “Giải Thoát Đức” viên mãn đầy đủ. “*Vô hạn tề*” nghĩa là lia tất cả giới hạn và tề đồng; tất cả giới hạn đều bị phá vỡ, cũng không có pháp nào tương đồng với nó, hiển thị nó siêu việt thù thắng không thể so sánh. “*Ly hữu vô*” là lia nhị biên có và không, lia tất cả biên kiến thông dong Trung Đạo; trong ngoài đều lia, cứu cánh giải thoát, đó là nghĩa của “vô biên”, cũng chính là ý nghĩa của câu “*ý nghiệp bình đẳng rốt ráo*” trong sách Luận Chú.

Câu Kệ sau cùng gọi ngay Phật là *Bình Đẳng Giác* (Bình Đẳng Giác cũng chính là thánh hiệu của Phật Di Đà) chỉ ngay vào Đệ Nhất Nghĩa Đế: “*Bình đẳng rốt ráo, vạn pháp nhất như*”. (nhất như là hết như nhau). Tám chữ này đã nói ra được chân tướng của

vũ trụ, thật tướng của các pháp, đem mối quan hệ của vũ trụ vạn pháp và chúng ta, cũng là mối quan hệ luân lý mà nói ra thực tiễn: “Vũ trụ vạn pháp là nhất thể”. Bài tán dương của Đại sư Đàm Loan quả đã phơi bày ý nghĩa sâu sắc của “*Vô Biên Quang*”. Đây mới đúng là tán thán Phật vậy. Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Đại sư Đàm Loan có thể nói ra những lời này, chắc hẳn ngài phải là người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Nếu không phải là Thường Tịch Quang chư Phật tái lai cũng chắc chắn là Pháp Thân Đại Sĩ trong Di Đà Tịnh Độ hay Thật Báo Độ.

3. Vô Ngại Quang Phật

Ngài Cảnh Hưng và ngài Nghĩa Tịch đều bảo “vô ngại” nghĩa là “quang minh không chướng ngại”; ngài Tịnh Ảnh bảo “vô ngại” là “tự tại”. Ngài Đàm Loan khen danh hiệu này như sau: “*Quang vân vô ngại như hư không, cố Phật hựu hiệu Vô Ngại Quang. Nhất Thiết hữu ngại môn quang trạch, thị cố đánh lễ Nan Tư Nghị*” (Mây quang minh vô ngại như hư không, vì thế Phật lại có hiệu là Vô Ngại Quang. Hết thảy hữu ngại được quang minh thấm nhuần. Do đó đánh lễ đáng Nan Tư Nghị).

- Vô ngại như thế nào?

- Hòa Thượng Tịnh Không giải thích: Vô ngại là có thể nhập vào thế giới vi trần nhỏ đến không có trong, lớn đến không có ngoài, đều có thể khế nhập. Điều này không thể suy lường được!

Giống như trước đây chúng ta đã học qua, Phổ Hiền Bồ Tát có thể nhập vào thế giới vi trần; trong vi trần có thế giới; trong thế giới còn có vi trần; trong vi trần lại còn có thế giới v.v... trùng trùng vô tận! Phổ Hiền Bồ Tát có năng lực khế nhập cảnh giới như vậy. Sự kiện này ngày nay khoa học vẫn chưa phát hiện. Thật là vi diệu không thể nghĩ bàn! Quang minh bình đẳng chiếu khắp tất cả hữu ngại (hữu

ngại là hữu tình) nên tất cả hữu tình đều hưởng được sự lợi ích của quang minh. Tuy nhiên, sự tiếp nhận lợi ích này không như nhau, nguyên nhân là mỗi người dụng tâm không giống nhau.

- Làm thế nào mới được lợi ích?

- Ấn Quang Đại sư dạy: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích... vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích*”.

- Người được lợi ích nhiều nhất là ai?

- Là Pháp Thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo!

Chỉ cần Phật quang chiếu đến, họ liền đại triệt đại ngộ, lập tức đoạn được những tập khí vô minh từ vô thi. Bậc thứ hai là Phật, Bồ Tát trong “pháp giới Tứ thánh”. Bậc thứ ba là Duyên Giác, Thanh Văn. Bậc thứ tư là chư thiên. Bậc thứ năm là nhân gian, tức là đi dần xuống. Vì sao? Vì phiền não nặng nên thành kính ít!

Cho nên, muốn được lợi ích nhiều từ Phật quang, không gì khác hơn là buông bỏ tập khí phiền não, sinh khởi tâm thành kính.

4. Vô Đẳng Quang Phật

Danh từ này trích từ bản Đường dịch và Tống dịch, bản Nguyên dịch ghi là *Vô Đối Quang Phật*; ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Phật quang không gì đương cự nổi nên gọi là Vô Đối*”. Ngài Cảnh Hưng bảo: “*Bồ Tát chẳng thể bằng (Phật) nên gọi là Vô Đối*”. Ngài Đàm Loan khen ngợi danh hiệu này như sau: “*Thanh tịnh quang minh vô hữu đối, cố Phật hựu hiệu Vô Đối Quang*” (Thanh tịnh quang minh không ai đương cự được, vì thế Phật hiệu là Vô Đối Quang).

“Vô Đối” đồng nghĩa với “Vô Đẳng” (không gì bằng được); không có gì sánh bằng nổi, chính là dứt bật đối đãi. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Bồ Tát Văn Thù thừa với đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “*Ngã chân Văn Thù, vô thị Văn Thù*” (Con thật là Văn Thù nhưng

không có gì là Văn Thù) đã thể hiện ý nghĩa không gì so sánh, không gì bằng được, dứt tuyệt đối đãi: Nếu con là Văn Thù, người khác gọi con là Văn Thù (đây chỉ là giả danh không thật!) thì hóa ra có đến hai Văn Thù. Như vậy là có đối đãi, so sánh.

Lại nữa, ý của Văn Thù ở đây là: Cái tên Văn Thù chỉ là giả danh, muốn nhận ra “chân Văn Thù” (Văn Thù thật) phải lià tướng danh tự, cũng lià tướng tâm duyên tức là đừng nghĩ đến nó, vừa nghĩ liền rơi vào thức thứ sáu; thức thứ sáu là vọng tâm không thể nhìn thấy chân tướng sự thật. Phật pháp là dạy ta lià tâm ý thức, không rơi vào ấn tượng, như vậy đọc kinh nghe giảng mới có thể đắc định, mới có thể khai ngộ. Ngày nay, con người toàn dùng tâm ý thức để nghe kinh, đọc tụng nên chỉ được một số thường thức văn tự bên ngoài, còn thâm nghĩa bên trong đều không đạt được.

5. Trí Tuệ Quang

Ngài Tịnh Ảnh giảng danh hiệu này như sau: “*Khéo chiếu các pháp nên gọi là Trí Tuệ Quang*”. Ngài Cảnh Hưng lại bảo: “*Quang minh từ tâm thiện căn chẳng si của Phật phát khởi, trừ được vô minh phàm tâm của chúng sinh nên chính là Trí Tuệ*”. Ngài Đàm Loan lại tán rằng: “*Phật quang năng phá vô minh ám, cố Phật hựu hiệu Trí Tuệ Quang*” (Phật quang phá tan tối tăm vô minh nên Phật lại hiệu là Trí Tuệ Quang). Cả hai, ngài Cảnh Hưng và Đàm Loan đều cho rằng do phá trừ vô minh nên gọi là Trí Tuệ Quang, trừ sạch tâm vô minh như bản của chúng sinh, ban cho chúng sinh cái lợi chân thật nên Phật Di Đà được xưng tụng là tôn quý nhất trong các quang minh, vua trong chư Phật.

6. Thường Chiếu Quang

Danh từ này lấy từ bản Tống dịch. Bản Ngụy dịch ghi là Vô Đoạn Quang. Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Thường chiếu chẳng dứt nên gọi*

là *Bất Đoạn Quang*”. Ngài Cảnh Hưng giảng: “*Thường quang của Phật luôn chiếu soi làm lợi ích nên chẳng đoạn*”. Ngài Đàm Loan tán rằng: “*Quang minh nhất thiết thời phổ chiếu, cố Phật hựu hiệu Bất Đoạn Quang*” (Trong hết thảy thời quang minh chiếu trọn khắp nên Phật lại hiệu là Bất Đoạn Quang): “*Nhất thiết thời phổ chiếu*” nghĩa là “*Thường Chiếu*”, là không gián đoạn, không đầu không cuối, nên cũng gọi là “*Bất Đoạn Quang*”, cũng chính là “*Thường Tịch Quang*”; tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. Cho nên, “*Thường Chiếu*” chính là “*Thường Tịch Quang*”, là ánh sáng trí tuệ Bát Nhã vốn đủ trong tự tánh không phải từ bên ngoài, cũng không phải do tu mà được. Trong giáo lý Đại thừa có: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Chữ “Thường” là Thường Tịch Quang là đức quang của tự tánh.

7. Thanh Tịnh Quang

Ngài Tịnh Ảnh giảng: “*Lìa như nên bảo là tịnh*”. Ngài Cảnh Hưng bảo: “*Từ thiện căn chẳng tham của Phật phát hiện và cũng trừ được hết thảy tâm tham như của chúng sinh nên là Thanh Tịnh*”. Ngài Đàm Loan tán rằng: “*Đạo quang minh lãn sắc siêu tuyệt, cố Phật hựu hiệu Thanh Tịnh Quang. Nhất môn quang chiếu tội cấu trừ, giai đắc giải thoát cố đánh lễ*”. (Đạo quang rạng ngời sắc siêu tuyệt nên Phật lại hiệu là Thanh Tịnh Quang. Một phen được quang minh chiếu đến thì tội cấu tiêu trừ, đều được giải thoát. Vì thế (con) đánh lễ).

Như vậy, quang minh này rạng ngời siêu tuyệt lại tiêu trừ được tham trước và tội cấu của chúng sinh nên có tên là *Thanh Tịnh Quang*.

8. Hoan Hỉ Quang

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Có thể làm cho người được thấy sinh tâm vui thích thì gọi là Hỉ*”. Ngài Cảnh Hưng giảng: “*Từ thiện căn vô sân của Phật sinh ra, trừ được tâm nóng giận, ganh ghét của chúng sinh nên hoan hỉ*”. Trong Phật pháp, tất cả Phật, Bồ Tát đều thành tựu tướng hoan hỉ, khiến tất cả chúng sinh khi nhìn thấy các ngài không ai mà không vui thích. Vì sao? Vì Phật, Bồ Tát có tâm hoan hỉ, tâm này phóng quang. Phóng quang là sự biểu hiện bên ngoài, nó phát sinh từ thiện căn vô sân của Phật, có thể tiêu trừ tâm sân giận, buồn lo của chúng sinh.

Đàm Loan Đại sư tán rằng: “*Từ quang gia bị thí an lạc, cố Phật hựu hiệu Hoan Hỉ Quang*” (Do từ quang gia bị ban cho sự an lạc, nên Phật lại hiệu Hoan Hỉ Quang). Chữ “an lạc”, như Kinh Pháp Hoa dạy: “*Thân ý thái thiên, khoái đắc an lạc*” (Thân ý bình thản, liền được an lạc). Phật quang có năng lực khiến cho chúng sinh an vui, mừng rỡ nên hiệu là “*Hoan Hỉ Quang*”.

Con người sống trong xã hội hiện nay thật quá khổ cực! Thật quá đáng thương! Âu lo, phiền não chất chồng nên biểu hiện ra bên ngoài là tánh nóng nảy, nóng nảy, thân tâm chẳng được an ổn. Đây là hiện tượng phổ biến nhất trong xã hội ngày nay.

Khoa học kỹ thuật không ngừng phát triển chỉ mang đến cho nhân loại về mặt tiêu cực hơn là mặt tích cực. Dường như mặt tích cực chỉ có mười phần trăm, mặt tiêu cực có đến chín mươi phần trăm. Chỉ mười phần trăm có ích, chín mươi phần trăm có hại! Nhà máy điện hạt nhân cung cấp điện lực đó là điều có lợi. Nhưng, nhà máy điện hạt nhân xảy ra sự cố, phải trả giá bằng biết bao sinh mạng, tài sản có đáng hay không?! – Không đáng! Vấn đề phóng xạ nhà máy điện hạt nhân Nhật Bản hiện nay ngày càng nghiêm trọng, nghiêm trọng hơn dự đoán ban đầu rất nhiều! Nghe nói Nhật Bản có hơn năm

mười nhà máy điện hạt nhân; hiện nay xảy ra sự cố mới chỉ ba, bốn cái. Nếu như toàn bộ đều xảy ra sự cố thì làm sao?! Sự việc này đã xác minh cho toàn thế giới: Hậu quả sẽ vô cùng kinh khiếp! Tham một chút lợi nhỏ, tương lai phải trả giá rất nặng là việc không đáng! Đó là ngu si không có trí tuệ. Người có trí tuệ sẽ không làm những việc như vậy!

9. Giải Thoát Quang

Danh từ này trích từ bản Tống dịch; bản Ngụy dịch (tức bản dịch của Khương Tăng Khải) không ghi danh hiệu này nên các bậc cổ đức chưa hề chú giải. Trong bản Ngụy dịch lại ghi hai danh hiệu là Viêm Vương Quang và Vô Xung Quang nên ngài Đàm Loan tán rằng: “*Phật Quang chiếu diệu tối đệ nhất, cố Phật hựu hiệu Quang Viêm Vương, tam đồ hắc ám mông quang khai, thị cố đánh lễ Đại Ứng Cúng*” (Phật quang chiếu rực cao tột bậc nhất nên Phật lại hiệu là Quang Viêm Vương. Tam đồ (tức Hỏa Đồ là địa ngục, Dao Đồ là cõi Nga quỷ, Huyết Đồ là cõi súc sinh) tăm tối được quang minh khai mở. Vì vậy đánh lễ đáng Đại Ứng Cúng) và “*Thần quang ly tướng bất khả danh, cố Phật hựu hiệu Vô Xung Quang. Nhân quang thành Phật quang hách nhiên, chư Phật sở tán cố đánh lễ*” (Thần quang là tướng chẳng thể gọi tên được; vì vậy, Phật lại hiệu là Vô Xung Quang. Do quang minh thành Phật nên quang minh càng chói lợi, bởi chư Phật khen ngợi nên con đánh lễ).

Rõ ràng cả hai bài kệ trên đều khen ngợi phẩm đức Giải Thoát. Chúng ta đem hai câu “*Thần quang là tướng*” và “*do quang thành Phật*” (diễn tả Đức Tự Giác của “Giải Thoát Quang”), kết hợp thành một câu “*Lìa tướng thành Phật*” sẽ dễ hiểu hơn. Ngược lại, nếu chấp tướng thì luân hồi lục đạo! “*Lìa tất cả tướng tức tất cả pháp*”. Trong Kinh Kim Cang, nơi nơi đều nhắc nhở chúng ta đừng nên chấp tướng “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm có hình

tướng đều là hư vọng). Có được cái nhìn này, thực tiễn được ngay trong đời sống đối người tiếp vật là chúng ta đã giác ngộ, đã được khai mở nhờ Giải Thoát Quang của đức từ phụ Phật A Di Đà gia trì vậy.

10. An Ổn Quang

Danh từ này trích từ bản Tổng dịch. Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: “*An ổn*” nghĩa là thân tâm yên ổn. Do ngũ trược, tám khổ không thể quấy nhiễu nổi nên bảo là “*An*”; núi lở, đất sụp cũng không thể lay động nổi nên gọi là “*Ổn*”.

Ngày nay thiên tai dồn dập, rất nhiều người đến hỏi tôi: Chúng ta nên đối phó như thế nào? Tôi nói với mọi người: Quan trọng nhất là giữ tâm an định, vững vàng mới có thể nhiếp tâm niệm Phật, thì câu Phật hiệu này mới có tác dụng. Cho dù động đất, sóng thần hay bất cứ thiên tai nào xuất hiện, chúng ta cũng không để cho cảnh giới làm lay động; bình tĩnh mới có trí tuệ để đối phó được vấn đề; cuống cuống hoảng hốt chỉ khiến sự việc càng tệ hại hơn! Người niệm Phật ngày ngày mong mỏi cầu sinh Tịnh Độ. Vậy thì lúc đại thiên tai đến, niệm cuối cùng là niệm Phật, chắc chắn A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn ta về thế giới Cực Lạc, vậy thì còn lo gì? Cho nên, tâm an ổn rất quan trọng.

Tông Kính Lục (do Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ trước tác) viết: “*An ổn khoái lạc thì tịch tĩnh diệu thường*”, mà “*tịch tĩnh diệu thường*” chính là Thường Tịch Quang, là tự tánh viên mãn. Quang minh màu nhiệm của Phật A Di Đà chiếu trọn khắp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an ổn, khoái lạc thoát khỏi các sinh diệt nên gọi là An Ổn Quang.

11. Siêu Nhật Nguyệt Quang

Ngài Tịnh Ảnh giảng: “*Vượt khỏi tướng thế gian nên gọi là Siêu Nhật Nguyệt*”, ngài Cảnh Hưng giảng: “*Ngày đêm luôn chiếu chẳng giống với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng trong cõi Sa Bà nên gọi là Siêu Nhật Nguyệt*”. Chúng ta biết rằng mặt trời không phải hằng chiếu, chỉ chiếu ban ngày không chiếu ban đêm, mặt trăng cũng không hằng chiếu, chỉ chiếu ban đêm không chiếu ban ngày nên không thể sánh bằng Phật quang. Phật quang ban ngày, ban đêm đều chiếu nên gọi là *Siêu Nhật Nguyệt*. Ngài Đàm Loan tán rằng: “*Quang minh chiếu diệu quá nhật nguyệt, có Phật hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang*” (Quang minh chiếu ngời vượt hẳn mặt trời, mặt trăng. Vì thế Phật hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang).

Kinh Siêu Nhật Minh tam-muội dạy:

“*Nhật chi quang minh chiếu hiện tại sự. Nhân, vật, nhuyển động, bách cốc dục mộc, chư thiên, long thần, giai nhân nhật thành, phổ đắc mậu hoạt. Nhật bất năng chiếu nhị Thiết Vi gian, diệc bất năng chiếu nhân tâm bốn linh khai đạt. Dẫn chiếu hữu hình, bất chiếu vô hình. Siêu Nhật Nguyệt tam-muội, sở dĩ thắng giả hà? Thù chiếu thập phương vô biên vô tế. Tam giới ngũ đạo, mị bất triệt srong. Hà hướng Di Đà quang minh, có danh Siêu Nhật Nguyệt Quang*” (Quang minh của mặt trời soi tỏ mọi sự. Loài người, muôn vật, côn trùng, dục thảo trong các hang hốc, chư thiên, long thần đều nhờ mặt trời mà tồn tại, cùng được tươi tốt, nảy nở. Nhưng mặt trời chẳng thể chiếu tới khoảng giữa hai núi Thiết Vi, cũng chẳng thể soi rọi nguồn tâm con người khiến họ được khai ngộ. Chỉ chiếu hữu hình, chẳng chiếu nổi vô hình. Vì sao Siêu Nhật Minh tam-muội thù thắng? Vì tam-muội chiếu cả mười phương vô cùng vô tận; tam giới, ngũ đạo (chỉ cho: trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) không đâu

là chẳng chiếu thấu suốt (tam-muội đã như thế), huống hồ là quang minh của Phật Di Đà. Vì vậy ngài hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang).

Đoạn kinh trên đây đã giải thích danh hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang một cách tường tận, khéo léo vượt xa những cách giải thích trước đó. Ánh sáng mặt trời chỉ có thể chiếu rọi hết thảy những thứ hữu hình, làm sinh trưởng trời đất vạn vật, nhưng không thể chiếu vô hình như chư thiên, long thần (Điều này trước đây đã nói, theo trên kinh Phật: “Tứ Không Thiên” là vô hình, “Tứ Thiên Thiên” là hữu hình), không thể chiếu thấu đến hang núi khoảng giữa hai núi Thiết Vi, lại cũng không thể chiếu sáng bồn tâm con người khiến họ được khai ngộ. Siêu Nhật Nguyệt tam- muội thù thắng hơn thế, nhưng quang minh của Phật A Di Đà lại còn vượt xa tam-muội này; “*mị bất triệt sương*”, “*triệt sương*” là không có chướng ngại, thông suốt vô ngại. Phật quang chiếu khắp nên gọi là “*Siêu Nhật Nguyệt Quang*”.

Chúng ta biết rằng mặt trời có ảnh hưởng rất lớn đối với sự tồn vong của tất cả vạn vật trên trái đất này; không có mặt trời vạn vật không thể sinh tồn! Giới khoa học nói với chúng ta về một thiên tai lớn rất có khả năng, một kiểu nhân họa tức là chiến tranh vũ khí hạt nhân; lại thêm một thiên tai siêu cấp khác là núi lửa phun trào! Các nhà khoa học đã nhiều lần báo cáo, như công viên Hoàng Thạch ở Mỹ là một trong những núi lửa siêu cấp. Núi lửa siêu cấp như vậy trên trái đất này có đến mười mấy cái, hơn phân nửa số đó đều ở dưới đáy biển. Uy lực của nó quá lớn!

Miệng núi lửa dài khoảng bốn mươi lăm dặm Anh, bề rộng khoảng ba mươi lăm dặm Anh. Nếu núi lửa này phun trào, bụi núi lửa này sẽ bốc lên không trung cao khoảng hai mươi cây số. Ngày nay, chúng ta đi phi cơ bay qua biển Thái Bình Dương, độ cao khoảng mười cây số. Khói bụi núi lửa này theo gió mà khuếch tán sẽ che mất mặt trời. Ánh sáng mặt trời không thể chiếu đến mặt đất ít

nhất cũng phải là một tháng, cũng rất có thể kéo dài đến nửa năm!
Sự việc này rất có khả năng xảy ra!

Những ghi chép về động đất trong quá khứ: Cấp sáu, cấp bảy là động đất lớn. Ngày nay, cấp sáu cấp bảy trở thành động đất nhỏ. Báo cáo từ khắp nơi động đất cấp tám, cấp chín xảy ra thường xuyên. Kiểu núi lửa siêu cấp này phun trào là điều rất có thể! Nó sẽ sản sinh những ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh tồn của động, thực vật trên trái đất. Chúng ta phải làm như thế nào?! Tính toán thông thường thời gian thiên tai là ba năm tức là vỏ trái đất này không ổn định nữa! Nam, Bắc Cực sẽ đổi chỗ, tương lai sẽ đến xích đạo; xích đạo sẽ đến chỗ của Nam, Bắc Cực! Như vậy thật ghê gớm! Đó chính là diên đảo! Động, thực vật hàn đới không thể sinh tồn vì khí hậu quá nóng! Động, thực vật nhiệt đới cũng không thể sinh tồn vì lạnh quá!

Sinh vật trên trái đất có tuyệt chủng hay không, vấn đề này khoa học biết, nhưng không cách gì để không chế! Trong Phật pháp có cách nhưng mọi người không tin! Họ cho là mê tín! Hiện nay, con người ham muốn ngập đầy, chỉ thấy cái lợi trước mắt, không nghĩ đến ngày mai! Không nghĩ đến lợi ích của người khác! Tự tư tự lợi, trong tâm đầy dẫy tham, sân, si, mạn, nghi. Họ không có trí tuệ, không tin tôn giáo, không tin luân hồi, nhân quả, cũng không tin quỷ thần. Tuy rằng, ở phương Tây nửa thế kỷ gần đây, thuật thôi miên đã chứng minh thật có. Cũng có không ít người phương Tây tin tưởng nhưng họ không phải là chủ lưu nên ảnh hưởng không lớn!

Có phải thiên tai này thật sự sẽ xảy ra chăng? Sau khi xảy ra mọi người đối với vấn đề này cũng bó tay chịu thua, có thể họ sẽ quay đầu đi tìm quỷ thần chăng? Cũng có thể lắm! Nhưng, trong lúc này biết quay đầu vẫn tốt hơn là không quay đầu! Thiên tai rất đáng sợ! Chúng ta nên có sự chuẩn bị tinh thần để ứng phó, luôn luôn nghĩ đến sẽ có ngày như vậy: Ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều không còn

nữa! Những văn minh khoa học kỹ thuật trên trái đất đều sẽ bị phá hủy, lúc đó phải làm sao?! Cho dù con người có còn tiếp tục sống đi nữa, phải sống cuộc sống nguyên thủy, việc gì cũng phải tự tay làm! Điện không có! “Gas” không còn! Không có nước sạch phải làm sao?!

Nhật Bản lần này bị thiên tai, tai họa động đất là một sự việc rất nhỏ đã tạo thành ảnh hưởng lớn đến như vậy. Hiện nay, vấn đề ngày càng nghiêm trọng rồi! Cho nên, chúng ta phải nghĩ đến tai họa qui mô lớn chắc chắn sẽ có, sẽ rất đáng sợ! Phật dạy chúng ta buông bỏ các duyên, nhất tâm niệm Phật. Tâm định thì trí tuệ sẽ khai mở, sẽ biết dùng phương pháp gì để ứng phó, dùng cách gì để bảo toàn bản thân. Cho nên, ngày nay nhìn thấy ánh sáng mặt trời chúng ta cảm xúc rất sâu.

12. Bất Tư Nghị Quang

Danh từ này được ghi trong hai bản Đường dịch và Tống dịch, bản Ngụy dịch tách thành hai danh hiệu “*Nan Tư Quang*” và “*Vô Xưng Quang*”. “*Nan Tư*”: là không thể suy lường, chẳng thể nghĩ nổi. “*Vô Xưng*” là không thể bàn luận, chẳng thể diễn tả nổi.

Ngài Tịnh Ảnh bảo: “*Vượt ngoài mức tâm tưởng của thế gian nên bảo là Nan Tư Quang. Vượt ngoài ngôn ngữ của thế gian nên bảo là Vô Xưng Quang*”.

Ngài Cảnh Hưng nói: “*Nhị thừa chẳng thể nghĩ lường nổi quang minh ấy nên bảo là Nan Tư. Không thừa nào khác diễn tả nổi quang minh ấy nên bảo là Vô Xưng*”.

Ngài Đàm Loan lại tán rằng. “*Quang minh ấy ngoài trừ Phật ra, không ai có thể suy lường nổi nên Phật lại hiệu là Nan Tư Quang... Thần quang ly tướng chẳng thể gọi tên nổi nên Phật lại hiệu là Vô Xưng Quang*”: Quang minh đã vượt ra ngoài hình tướng

của quang minh nên ngoại trừ đức Phật ra, không ai có thể suy lường nổi. Lời giảng của Đại Sư Đàm Loan bao quát cả hai danh hiệu trước và sau nên rất thù thắng. Trong phần trên, lời giải thích của ngài về Vô Xung Quang đã tương hợp với danh hiệu Giải Thoát Quang, ở đây lại phù hợp với danh hiệu Bất Tur Nghi Quang, thật sự cũng chẳng trở ngại gì.

Xét ra, các bản dịch có khai, hợp khác nhau, xếp đặt không giống nhau nên có vẻ sai khác nhưng thực chất cũng là nhất trí. “Giải Thoát” chính là một trong ba đức của Niết Bàn, mà Giải Thoát chính là Bất Khả Tur Nghi vậy. Hơn nữa, “Bất Tur Nghi” chính là “Bất Khả Tur Nghi”. Danh xưng của kinh bản Tiểu Bản này vốn là “*Xung Tán Bất Khả Tur Nghi Công Đức Nhất Thiết chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*”. Đây là tên gọi do đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặt cho kinh Tiểu Bản. Đại Sư La Thập dùng ý dịch, không dịch trực tiếp, sửa đề kinh thành “Phật thuyết A Di Đà kinh”. Cách dịch này rất hay, khiến từ trên đề kinh, chúng ta có thể hiểu được tính quan trọng của bộ kinh này: tu hành Tịnh Độ, quan trọng nhất là “Trì Danh Niệm Phật”.

Kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni cũng nói: “*Nhĩ thời, thập phương Hằng sa chư Phật, giai cộng tán bi An Lạc thế giới, sở hữu Phật pháp bất khả tur nghi, thần thông hiện hóa, chủng chủng phương tiện bất khả tur nghi. Nhược năng hữu tín như thị chi sự, đương tri thị nhân bất khả tur nghi. Sở đắc nghiệp báo diệc bất khả tur nghi*” (Lúc bấy giờ, mười phương hằng sa chư Phật đều cùng tán thán thế giới An Lạc kia (là thế giới Cực Lạc). Tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, thần thông biến hiện, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có ai tin được sự như vậy, nên biết người đó cũng chẳng thể nghĩ bàn, đạt được nghiệp báo cũng chẳng thể nghĩ bàn).

Đoạn kinh văn trên, chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni đại biểu cho mười phương hằng sa chư Phật nói ra điều này. Thật vô

cùng quan trọng! Nếu có thể, chúng ta nên học thuộc nằm lòng. Niệm Phật có bao nhiêu lợi ích, ở đây đều đã nói hết, không những thế gian sáu cõi, mười pháp giới không thể sánh mà tất cả Phật pháp xuất thế gian cũng không thể sánh bằng. Trong sách A Di Đà Sớ Sao, Liên Trì đại sư còn giảng về “*bất khả tư nghị*” như sau:

“Bất khả tư nghị” chia ra thành bốn thứ:

Một là công đức bố thí pháp rộng lớn như là: vô lượng thọ, vô lượng quang, tam bảo đạo phẫm v.v...

Hai là công đức thần thông biến hóa trọn khắp như: nước, chim, cây cối đều tuyên diệu pháp, tự nhiên thọ hưởng cơm áo, đồ dùng; chúng sinh đều đầy đủ tướng hảo, thần thông biến hóa v.v...

Trong ao thất bảo có nước tám công đức. Tất cả chim muông cây cối đều là Phật A Di Đà biến hóa làm ra. Nghe âm thanh nước chảy, chim hót, gió thổi cành lá trong rừng cây đều là âm thanh thuyết pháp. Bạn muốn nghe kinh gì, tự nhiên sẽ nghe được đúng bản kinh đó. Bất luận ở nơi nào, lúc nào nghe kinh đều không bị gián đoạn. Thế giới Cực Lạc không cần ánh sáng mặt trời, mặt trăng; thân mỗi người đều có ánh sáng; cây cối hoa cỏ, sơn hà đại địa tất cả đều phóng quang, quang minh chiếu khắp pháp giới. Thử hỏi: - Đó là quang gì?- Chính là mười hai quang mà chúng ta đang học. Phàm người vãng sinh đến thế giới Cực Lạc đều đầy đủ tướng hảo, thần thông giống như A Di Đà Phật không khác.

Ba là công đức tin nhận căn lành đời trước như: tin nhận được pháp khó tin, đời trước đã tu vô lượng căn lành v.v...

Đây là công đức thiện căn quá khứ xuất hiện. Người có thể tin, có thể tiếp nhận pháp khó thể tin, chính là đời trước họ đã tu thiện căn vô lượng.

Ngày nay, chúng ta dùng khoa học kỹ thuật cao, cũng e sợ khoa học kỹ thuật cao này sẽ bị hủy diệt trong đại thiên tai! Cho nên, còn một ngày chúng ta trân trọng một ngày. Ngày hôm nay thật đáng quý: Mạng internet, vệ tinh phủ khắp toàn cầu.

- Người như thế nào là người hữu duyên?

- Họ có thể kết nối internet, có thể mở được các kênh truyền hình, đó là người hữu duyên, là người có thiện căn phước đức. Họ không xem mạng internet này, không xem kênh truyền hình này, đó là người vô duyên! Để lỡ ngay trước mắt! Thật đáng tiếc! Đây là trong kinh Phật thường nói: “*Phật không độ người vô duyên!*”

- Thế nào là người vô duyên?

- Không tin, không tiếp nhận! Loại người này không có duyên!

Bốn là công đức quả báo không chi hơn được như là liền được vãng sinh, liền được dự vào trong số những vị thượng thiện nhân, trụ ngay vào địa vị Bất Thoái Chuyển, rất ráo thành Phật v.v...

Những việc như vậy đều vượt xa thường tình nên bảo là bất khả tư nghị như Kinh Kim Cang Bát Nhã dạy: “Thị kinh bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị” (Kinh này nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn).

Thế giới Cực Lạc là câu lạc bộ của chư thượng thiện nhân. Người vừa vãng sinh đến thế giới Cực Lạc liền tiến vào, trở thành hội viên của họ.

- “Thượng thiện nhân” là chỉ cho ai?

- Đó là Đẳng Giác Bồ Tát!

Thế giới Cực Lạc, Đẳng Giác Bồ Tát rất nhiều. Họ là lão học trưởng, là địa vị lãnh đạo, trợ giáo của đức Phật A Di Đà, dẫn dắt

những tiểu học đệ, giúp họ đi lên. Sinh đến thế giới Cực Lạc, tất cả liền chứng được viên mãn Tam Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. Đó là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nói cách khác, thọ dụng ở thế giới Cực Lạc là thọ dụng của Đẳng Giác Bồ Tát. Đó là thật! Đẳng Giác Bồ Tát mới thật sự chứng đắc viên mãn Tam Bất Thoái. Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát trong Đại thừa cũng chứng được Tam Bất Thoái nhưng chưa viên mãn. “*Tất cánh thành Phật*” (rốt ráo thành Phật), chữ “Tất”, ngày nay chúng ta gọi là tốt nghiệp. Lấy được học vị thành Phật, học vị này là học vị A Di Đà Phật. Thật vậy, không phải giả!

Theo Kinh Tiểu Bồn, y báo, chánh báo, nhân quả đều chẳng thể nghĩ bàn. Sách Sớ Sao của Đại Sư Liên Trì viết: “*Về y báo thì Đồng Cư chính là Thường Tịch Quang; về chánh báo thì Ứng Thân chính là Pháp Thân; nhân thì bảy ngày thành tựu; quả thì một phen vãng sinh sẽ Bất Thoái. Đấy cũng là những việc vượt xa khỏi thường tình nên cũng đều là chẳng thể nghĩ bàn cả*”.

Sách Di Đà Yêu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư cũng bảo: “*Nói đại lược, bất khả tư nghị có đến năm nghĩa*:

1. *Vượt ngang khỏi tam giới chẳng chờ phải đoạn Hoặc*

Rất có lý! Ngay trong nhân đạo, trực tiếp vãng sinh về Tây phương Tịnh Độ. Đây gọi là “*hoành siêu tam giới bất kỳ đoạn Hoặc*”, không cần phải từng bậc tiến lên như: Từ cõi người phải nâng cao đến cõi trời Dục giới, tiếp tục đến cõi trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới; lại nâng cao hơn nữa đến “*Tứ Thánh pháp giới*”: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật v.v... Đây gọi là đi lên theo đường dọc. Đường đi của các pháp môn khác đều theo phương cách này nên cần thời gian rất dài để đoạn trừ phiền não mới có thể nâng cao cảnh giới. Phiền não chưa đoạn thì không thể nâng cao. Duy nhất chỉ có pháp

môn Tịnh Độ, không cần phải đoạn Hoặc, một phẩm phiền não chưa đoạn cũng có thể vãng sinh, vượt qua tam giới.

Trong Phật pháp, muốn chứng đắc quả vị thấp nhất là Sơ quả Tiểu thừa Tu Đà Hoàn cũng phải đoạn tận tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc mới có thể chứng đắc. Ngày nay, chúng ta có thể tìm được một Sơ quả Tiểu thừa hay không? – Tìm không ra! Chưa từng nghe nói! Pháp môn Tịnh Độ không cần phải “đoạn Hoặc” mà chỉ cần “phục Hoặc”; “phục Hoặc” dễ hơn “đoạn Hoặc” rất nhiều. “Phục hoặc” giống như dùng tảng đá để đè cỏ (không cần phải nhổ tận gốc), không cho nó phát sinh, khởi tác dụng. Chỉ cần nhiếp tâm niệm câu danh hiệu A Di Đà Phật, không để cho bất cứ phiền não, nghi hoặc nào dấy khởi xen vào, tất cả đều buông xuống, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Trụ tâm một chỗ thì không sự việc nào mà chẳng thành tựu. Hơn nữa, sự thành tựu này lại vô cùng thù thắng. Thật sự không thể nghĩ bàn!

2. Đã sinh về Tây phương thì thấy đủ cả bốn cõi, chẳng cần phải tiến từng bậc một:

Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm. Liên Trì Đại Sư nói: “*Đồng Cư tức Tịch Quang*” hoàn toàn tương đồng với Ngẫu Ích Đại Sư nói: “*Hoành cụ tứ độ*”. Sinh về thế giới Cực Lạc thì đầy đủ cả bốn cõi, không phải niệm chứng từ bậc mà lên trên. Tuy nói Tứ Độ có Tam Bối, Cửu phẩm. Nhưng, trên thực tế thì dấu vết của “Tứ Độ, Tam Bối, Cửu Phẩm” đều không tìm thấy. Bởi thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, tất cả là người một nhà. “Tứ Độ, Tam Bối, Cửu phẩm” ở đây giống như một phòng học lớn, tất cả đều cùng nhau lên lớp, không phải là phòng học riêng biệt. Cho nên, Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc như anh chị em một nhà, đều là một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. “Tứ Độ” là một chớ không phải hai, mỗi mỗi đều là A Duy Việt

Trí Bồ Tát. Điều này thật không thể nghĩ bàn! Mười phương thế giới đều không có.

3. Chỉ trì danh hiệu, chẳng cần đến các phương tiện Thiền Quán:

Rất nhiều pháp môn tu hành đều có chánh và phụ song tu, Tịnh Độ tông cũng không ngoại lệ. Ngẫu Ích Đại Sư dạy: “*Chánh tu là chấp trì danh hiệu; trợ tu vẫn là chấp trì danh hiệu*”. Niệm rớt ráo một câu A Di Đà Phật thì chánh, phụ đều bao hàm trong đó. Cho nên, công đức danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, không cần bất cứ trợ duyên của pháp môn nào khác.

4. Lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần phải nhiều kiếp, nhiều đời, lâu ngày chầy tháng:

Thông thường tập khí nặng hơn một chút thì ba năm thành công. Nếu đồng mãnh tinh tấn thì từ một đến bảy ngày thành tựu.

5. Trì danh hiệu một vi Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng cần trì danh của hết thầy các đức Phật khác.

Đấy đều là do đại nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành nên bảo là cái lợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.”

Sách Yếu Giải còn viết: “*Hành nhân tín, nguyện, trì danh, hoàn toàn lấy công đức của Phật biến thành công đức của chính mình*” đúng là lời “*hồng tâm của cái hồng tâm*” (ý nói: Lời cốt yếu nhất trong những lời cốt yếu. “*Hồng tâm của hồng tâm*” chính là điểm chính giữa của cái gọi là hồng tâm trong tám bia để bản tên).

Câu này nói rất hay! Chưa từng nghe ai nói như vậy, Ngẫu Ích Đại Sư nói ra là hoàn toàn chính xác. Trên kinh nói: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện*”. Chúng ta đem tâm để nơi Phật A Di Đà, nơi câu danh hiệu này, chính là đem công đức của Phật A Di Đà biến thành công đức chính mình. Điều cần nhớ là niệm Phật phải nhất

tâm, nếu còn một vọng niệm nào xen tạp sẽ phá hoại hết tất cả công đức. Điều này cổ nhân có ví dụ: “Đề hồ” là thức uống ngon tuyệt của chư thiên, nếu nhỏ vào đó một giọt thuốc độc thì toàn bộ “đề hồ” này sẽ biến thành thuốc độc!

Cận đại, Ấn Quang Đại sư đã tán dương sách Yếu Giải như sau: “*Lý sự đều đạt đến mức cùng cực, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi đức Phật giảng kinh này đến nay, khéo léo, chính xác đến mức tuyệt diệu! Ví dù cổ Phật xuất hiện lần nữa trong thế gian để chú giải lại kinh này thì cũng chẳng thể hay hơn được nữa*”. Thật đúng lắm thay! Trong bát tư nghị quang chứa đựng công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật nên Phật hiệu là *Bát Tư Nghị Quang*.

Sáng sớm nay, tôi đọc thấy tin tức: Hiện nay bức xạ hạt nhân của Nhật Bản đã chuyển biến thành rất quan trọng! Thủ tướng Nhật cũng thừa nhận, nó thật sự đã ảnh hưởng đến Bắc bán cầu. Mỹ, Canada bị bức xạ hạt nhân này ảnh hưởng, Úc châu cũng bị ảnh hưởng, mấy tỉnh vùng duyên hải Trung Quốc đều bị ảnh hưởng. Bức xạ này theo gió bay đi. Cũng may! Nó chỉ bay với số lượng nhỏ bên ngoài. Thật sự bị hại chính là đất nước Nhật bản. Trong bản tin tức nói: Đông Kinh có thể có đến hai mươi vạn người bị bức xạ hạt nhân này mà nhiễm bệnh. Nghe nói ở Nhật có hơn năm mươi xưởng phát điện hạt nhân, cũng đồng nghĩa với có hơn năm mươi bom nguyên tử! Nếu một nửa có vấn đề thì phiền phức sẽ rất lớn!

- Việc này có thể xảy đến chăng?

- Rất có thể! Chỉ cần vài lần động đất lớn thì thiên tai lập tức phát sinh! Đây là khoa học kỹ thuật đem đến thiên tai họa hoạn cho con người!

Hiện nay, chúng ta đọc Kinh Vô Lượng Thọ này có cảm xúc vô cùng sâu sắc. Trong vũ trụ bao la này còn có một điều tốt như vậy, một nơi tận thiện, tận mỹ như vậy. Phật A Di Đà cùng toàn thể cư

dân ở thế giới Cực Lạc đều hoan nghênh chúng ta vãng sinh. Chúng ta còn do dự gì mà chẳng hạ quyết tâm Niệm Phật cầu sinh Cực Lạc!

KINH VĂN:

Như thị quang minh, phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới. Kỳ hữu chúng sinh, ngộ tư quang giả, cấu diệt, thiện sinh, thân ý nhu nhuyễn. Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức, mạng chung giai đắc giải thoát. Nhược hữu chúng sinh vãn kỳ quang minh oai thần, công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sinh kỳ quốc.

VIỆT DỊCH:

Quang minh như vậy chiếu khắp hết thấy thế giới trong mười phương. Có chúng sinh nào gặp được quang minh này thì cấu diệt, thiện sinh, thân ý nhu nhuyễn. Nếu kẻ đang ở trong chốn tam đồ cực khổ mà thấy được quang minh này thì đều được ngưng nghỉ (nỗi khổ), khi mạng chung đều được giải thoát. Nếu chúng sinh nào nghe công đức oai thần của quang minh ấy mà ngày đêm kể, nói, chí tâm chẳng ngớt thì thuận theo lòng mong sẽ được sinh về cõi ấy.

GIẢNG:

Theo chú giải của Hoàng Niệm lão: Đoạn kinh văn trên trình bày chủ đề thứ tư của phẩm này: Diệu dụng thù thắng của quang minh Phật A Di Đà. Đây chính là kết quả của nguyện thứ mười bốn “Xúc quang an lạc” (quang minh chiếu đến được an lạc).

Câu “*kỳ hữu chúng sinh ngộ tư quang giả*” (có chúng sinh nào gặp được quang minh này) ngụ ý: Tuy Phật quang chiếu khắp mười phương vô biên vô ngại, nhưng do chúng sinh căn tánh bất

đồng; căn kém, duyên hèn khác nào chậu úp xuống, dẫu ánh sáng mặt trời chiếu khắp vẫn không cách chi soi được lòng chậu; như người úp chậu lên đầu chẳng thấy ánh sáng; vì thế mới có kẻ gặp được hay chẳng gặp được quang minh của Phật. Nếu là người có cơ duyên “*ngộ tư quang giả*” (gặp được quang minh này) ắt sẽ được những lợi ích như sau:

1. “**Cầu diệt**”: bản Nguyên dịch là “*tam cầu tiêu diệt*”, tam cầu chính là ba độc tham, sân, si.

2. “**Thiện sinh**”, như Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận bảo: “*Thiện căn là chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Hết thấy pháp lành đều sinh từ ba pháp ấy*”.

Trí Độ Luận, quyển ba mươi cũng chép: “*Hết thấy thiện pháp đều từ ba thiện pháp mà sinh và tăng trưởng*”. Như vậy, “cầu diệt” thì “thiện sinh”. “*Thiện tâm giả dĩ tầm quý chi nhị pháp cập vô tham đẳng chi tam căn vi thiện chi tự tánh, dữ chi tương ưng nhi khởi chi nhất thiết tâm, tâm sở danh viết thiện tâm*” (Thiện tâm là dùng hai pháp Tàm và Quý và ba căn vô tham, vô sân, vô si để làm tự tánh cho điều lành. Dùng những điều ấy để cùng tương ứng khởi lên hết thấy tâm và tâm sở thì gọi là “thiện tâm”).

Theo Hòa Thượng Tịnh Không: Thiện ác có rất nhiều tiêu chuẩn, không thể dùng một tiêu chuẩn để phán xét. Căn tánh của chúng sinh bất đồng, tạo nghiệp cạn, sâu, rộng, hẹp không giống nhau nên thọ báo của họ cũng không tương đồng. Con người có Tàm, Quý khi làm việc bất thiện thì lương tâm bất an, đây là “thiện tâm sở”, họ có hối hận, có sám hối, có thể sửa đổi. Tâm Tàm, Quý sinh khởi, sớ dư luận chỉ trích, đàm tiếu, phê phán, do vậy mà họ không dám làm việc xấu. Tàm và Quý là hai pháp thuộc về tâm sở. Theo Câu Xá Luận quyển bốn, có hai cách giải thích Tàm và Quý.

1. Cách hiểu phổ biến nhất: Tự xấu hổ về tội lỗi do mình đã tạo là Tàm (慚), thẹn với người vì mình đã tạo tội lỗi là Quí(愧).

2. Tàm là tôn kính các công đức và những người có công đức; tâm kính sợ tội lỗi là Quí.

Hiện nay thế gian rất loạn, dư luận cũng loạn, tiêu chuẩn thiện ác không còn nữa, điều này rất phiền phức, chiêu cảm đến đại thiên tai!

- Phải chăng có đại thiên tai trùm khắp thế giới?

- Không phải! Khu vực nào có người phước báo nhiều thì khu vực đó sẽ không có thiên tai, hoặc thiên tai rất nhỏ. Nếu người ở đó không có phước báo, tạo nghiệp nặng thì nơi đó sẽ có thiên tai lớn.

Chúng ta sinh vào thời đại này, mọi thiên tai đều không thể tránh khỏi! Con đường tự cứu chính là niệm Phật. Niệm Phật nhất định phải để Phật A Di Đà trong tâm, mục đích chính là cầu sinh Tịnh Độ; đối với thế gian này không có chút gì tham luyến, như vậy tâm mới an. Bất cứ, thiên tai nào đến cũng không lo lắng, kinh hoàng, đến lúc đó trí tuệ tự nhiên sinh khởi sẽ biết cách đối phó, đó chính là chư Phật, Bồ Tát hộ trì ta; thánh thần đang trợ giúp ta.

Cho nên, lúc này quan trọng nhất là phải chuyển đổi tâm tánh, nhất định không có ác niệm, nhất định không có tâm hại người. Cho dù có bị người khác làm tổn thương, hãm hại cũng nhất định không oán hận, trả thù họ; như vậy là vun bồi thiện tâm, của chính mình. Phải làm đến được “cầu diệt thiện sinh” thì tâm mới thuần tịnh, thuần thiện, khổ não nào rồi cũng vượt qua.

Xét theo bốn nguyện Di Đà, thiện tâm chính là tín tâm chân thật trong Tịnh Tông. Đây là thiện trong các thiện, không thiện nào

có thể sánh bằng tâm thiện này. Vì sao? Vì thiện này là làm Phật, Các thiện khác không thành Phật được! Điều này thật quá tuyệt vời!

“**Thân ý**” chính là ba nghiệp thân, khẩu, ý.

“**Nhu nhuần**” là tâm nhu hòa, thuận theo đạo. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Quốc sư Hiền Thủ nói về bốn đức của tự tánh, trong đó đức thứ ba là “nhu hòa chất trực”. “Nhu hòa” có thể hóa giải xung đột trong xã hội hiện nay, cũng có thể hóa giải được thiên tai trên địa cầu. Phản diện với “nhu hòa” là cang cường. Cang cường thì dễ tạo ra mâu thuẫn, dễ phát sinh đấu tranh, đây không phải việc tốt. Chúng ta học Phật tu đạo, bốn đức quan trọng nhất đó là: *Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hòa chất trực, đại chúng sinh khổ*. Tâm “nhu hòa tùy thuận ư đạo”, “đạo” chính là tự nhiên.

Các bậc thánh hiền xưa đã nói rất cụ thể rõ ràng: “*Ngũ luân*” là đạo, “*Ngũ thường*” là đức. Đạo là phép tắc của đại tự nhiên không phải do con người làm ra. “Phụ tử” (cha con) là “hữu thân chi đạo”, quan hệ này là đạo. “Phụ phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”, đây là đạo lớn của “ngũ luân”. “Ngũ thường” là: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đức lớn. Khởi tâm động niệm nhất định không được trái với năm chữ này.

“Nhân” là thương người, “nhân giả ái nhân, nghĩa giả tuần lý”; khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác phải hợp tình, hợp lý, hợp pháp; đem chữ “tình” để ở đầu tiên. “Lễ” là nói về tiết độ, không thái quá cũng không thể bất cập, nên sau chữ “lễ” là chữ “tiết”, nghĩa là tiết chế: Hoan hỉ có tiêu chuẩn nhất định không thể vượt qua; phần hận cũng có mức độ nhất định; thái quá hay bất cập đều không phải là trạng thái bình thường. “Trí” là lý trí, trong công việc không thể dùng tình cảm. “Tín” là niềm tin, bất luận là tiếp xúc với ai phải giữ chữ tín.

“Tùy thuận là đạo”, như Kinh Pháp Hoa nói: “*Chúng sinh ký tín phục, chất trực ý nhu nhuyễn*” (Chúng sinh đã tin phục, ý chất trực nhu nhuyễn). “*Chất trực*” là tâm chân thành. Bởi chúng sinh cõi này ương ngạnh, khó giáo hóa nên chư Phật, Bồ Tát hiện thân thuyết pháp, trước phải làm được “nhu hòa, chất trực” để chúng sinh nhìn thấy, dùng phương pháp này để điều phục, giáo hóa chúng sinh. Nếu không như vậy, nói ra lời gì họ cũng không tin! Cho dù họ có dùng ác ý hủy báng, ta cũng phải dùng nhu hòa, chất trực mà đáp lại. Làm được như vậy mọi người sẽ tin tưởng, không làm được mà chỉ nói, mặc dù nói y như kinh điển họ cũng không tin!

Phải xem tất cả mọi người đều là chư Phật, Bồ Tát đang trên đài biểu diễn: Người này diễn vai chính diện, người kia diễn vai phản diện, tất cả đều diễn một cách rất thật, rất hay đều là diễn viên nổi tiếng, điều này cần phải biết! Thế gian không có gì là thật, chỉ là trò chơi thần thông mà thôi! Chớ cho là thật!

Cho nên đối với người làm tổn thương ta, vì sao ta vẫn phải cung kính?! Đối với người sĩ nhục ta, sao mỗi ngày ta vẫn tụng kinh niệm Phật hồi hướng cho họ?! Ý nghĩa trong đây vô cùng thâm sâu! *Thật sự muốn tu hành, muốn hộ trì Phật pháp thì ta phải chấp nhận tất cả; bất luận là họ có ý hay vô ý làm hại, tất cả ta đều phải nhẫn chịu, tiếp nhận một cách hoan hỷ và phải dùng tâm chân thành cảm ân mà đáp lại.* Đến khi nào đại chúng trong xã hội đều giác ngộ, đều đã học Phật, thì xã hội này lập tức sẽ hồi phục an định, thế giới sẽ đại đồng. Thật sự làm được điều này, Phật pháp có thể giúp quốc gia trị quốc, bình thiên hạ.

“*Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ*” (Nếu kẻ đang ở trong chốn tam đồ cực khổ)

Chữ “*đồ*” (途) trong “*tam đồ*” nghĩa là con đường. *Tam đồ* là: Hỏa đồ, huyết đồ và đao đồ. Tiêu địa ngục gồm cả ngục nóng lẫn

lạnh; đại địa ngục chỉ thuần là ngục nóng; chỉ nói đến ngục nóng nên gọi địa ngục là “hỏa đồ”. Trong địa ngục là một biển lửa! Có người nói đại thiên tai, tương lai địa cầu có thể biến thành biển lửa, nhiệt độ rất cao, có thể nâng đến từ bốn mươi đến năm mươi độ! Thử nghĩ xem, điều này có đáng sợ hay chẳng?! Bây giờ nhiệt độ trên ba mươi lăm độ đã cảm thấy không chịu nổi rồi, đến bốn mươi độ con người làm sao chịu nổi! Có thể xảy ra chẳng? Rất có thể! Nhiệt độ địa cầu không ngừng tăng cao! Chỗ ba mươi đến bốn mươi độ là người có phước, có thiện tâm ở. Nơi người tâm hành bất thiện ở đều là từ bốn mươi đến năm mươi độ!

Súc sinh thường ăn nuốt lẫn nhau nên gọi là “huyết đồ”. Ngạ quỷ thường bị xua đuổi nên gọi là “đao đồ”. Chữ “đao” ở đây có nghĩa là sợ hãi; ngạ quỷ thường sợ hãi có người giết chúng. Loại ngạ quỷ này cũng bị thể lực lớn bức bách chúng phải làm tay sai, bị họ sai sử, tự mình không làm chủ được. Người tạo ra nghiệp tham lam, tham không biết chán, đó là con đường ngạ quỷ.

“**Kiến thử quang minh**” (Gặp được quang minh này): Chúng sinh trong đường ác, ở những chốn cực khổ được Phật quang chiếu đến thì nổi khổ ấy được ngừng dứt, nên kinh bảo: “**giai đắc hựu tức**” (đều được ngưng nghỉ). Đây là do Phật nguyện: “*Kiến ngã quang minh chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sinh ngã quốc*” (Thấy quang minh của tôi chiếu soi đến thân thì không ai chẳng an lạc, từ tâm làm lành, sinh trong nước tôi).

“**Mạng chung giai đắc giải thoát**” (Khi mạng chung đều được giải thoát) diễn tả ý “*từ tâm tác thiện, lai sinh ngã quốc*”. Chúng ta thấy nguyện lực và sức oai quang nhiếp thọ của Phật A Di Đà thật chẳng thể nghĩ bàn! Trong Quán Kinh cũng chép: “*Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo, nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh, nhất nhất quang minh biến chiếu*”

thập phương thế giới niệm Phật chúng sinh, nhiếp thủ bất xả” (Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi một tùy hình hảo lại có tám vạn bốn ngàn quang minh; mỗi một quang minh chiếu chúng sinh niệm Phật trong khắp mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ). Đây là nói sức nhiếp thủ (tiếp dẫn) của Phật A Di Đà thật không thể nghĩ bàn!

Sách Bát Châu Tán cũng ghi: *“Bát vị dư duyên quang phổ chiếu, duy mịch niệm Phật vãng sinh nhân”* (Chẳng vì các duyên khác mà chiếu khắp, chỉ vì kiém người niệm Phật vãng sinh). Lời nói này lại càng rõ ràng, minh bạch và cụ thể hơn. Tuy Phật quang phổ chiếu nhưng không vì dư duyên. Dư duyên là gì? Trong nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn; tám vạn bốn ngàn pháp môn đều gọi là dư duyên. *“Duy mịch niệm Phật vãng sinh nhân”*: Chỉ vì kiém người niệm Phật vãng sinh. Câu này phải nên xét kỹ: Người niệm Phật không cầu vãng sinh cũng gọi là dư duyên, cũng không có nhân duyên. Người niệm Phật phải cầu vãng sinh như vậy mới đúng, mới chân thật là người hữu duyên gặp được quang minh này. Trong bản Sớ giải của ngài Vọng Tây có đoạn:

“Hỏi: Hành giả trong nhân gian họa may còn thấy được quang minh, chớ chúng sinh trong tam đồ làm sao thấy nổi?” (câu này có nghĩa: Người niệm Phật trong nhân gian muốn thấy Phật quang đã là không dễ huống là chúng sinh trong ba đường ác khổ đau khôn xiết làm sao có thể nhìn thấy Phật quang).

“Đáp: Kinh Tâm Địa Quán có dạy: “Đĩ Kỳ nam nữ truy thắng phước, hữu đại kim quang chiếu địa ngục, quang trung diễn thuyết thâm diệu âm, khai ngộ phụ mẫu linh phát ý” (Do kẻ nam người nữ kia tu thắng phước hồi hướng (cho cha mẹ đã mất) nên có ánh sáng lớn màu vàng rờng chiếu thấu tới địa ngục. Trong quang

minh diễn thuyết âm vi diệu, khai ngộ cha mẹ khiến họ phát ý) “*Con hiếu làm lành hồi hướng cho cha mẹ còn được như vậy, huống là quang minh lớn lao của Phật Di Đà mà lại luống uổng u!*” Đây là nói vì sao chúng sinh trong địa ngục có thể gặp được Phật quang.

Chúng ta xem Kinh Địa Tạng thấy Bà-la-môn nữ cứu mẹ: Biết mẹ mình lúc sinh thời thích ăn tôm cá tươi, sát hại chúng sinh rất nhiều nên sau khi chết chắc chắn phải đọa vào địa ngục, bèn cúng dường vị A-la-hán và thỉnh giáo ngài: -Mẹ con đang ở nơi đâu? Vị A-la-hán nhập định rõ biết, nói với cô: -Mẹ cô hiện giờ rất khổ, đang ở chốn địa ngục! Cô hỏi: -Có cách nào cứu thoát mẹ con chăng? La hán dạy: -Nên cúng dường đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai và chí tâm niệm Phật, đem công đức hồi hướng cho bà!

Bà-la-môn nữ vâng lời làm đúng y như lời dạy. Suốt một ngày một đêm niệm Phật, trong Định cô thấy mình đến địa ngục. Quỷ vương trong ngục ra nghênh tiếp và hỏi: -Vì sao cô đến đây? Sau khi hiểu được nguyên do, quỷ vương bèn nói với cô: -Ba hôm trước người này được sinh về cõi trời Đạo Lợi. Nghe nói bà ta có người con hiếu thảo đã siêu độ cho bà. Không những bà được siêu sinh mà những người có duyên với cô trong địa ngục lúc đó cũng đều được sinh thiên cả. Tâm hiếu là tâm thiện, thật không thể nghĩ bàn! Tâm này vừa khởi thì mẹ cô liền ra khỏi địa ngục. Thế mới biết, con hiếu làm lành còn hồi hướng cứu độ được cha mẹ huống là quang minh cao tột của đức Phật A Di Đà lại luống uổng sao!

Xã hội hiện nay, chúng ta nghe rất nhiều tin tức. Tôi tin những tin tức này không phải giả! Tin tức nói sao? Hiện nay quý tu hành hơn con người! Quý vãng sinh về thế giới Cực Lạc cũng nhiều hơn con người! Có thể tin chăng?! Con người trước đây bị đọa vào đường quý là do tâm tham của họ rất nặng! Tuy vậy, thời đó tâm tham

cũng không nặng như bây giờ, dù sao họ vẫn còn có chút lương tâm. Những người này Phật dễ độ.

Người trong xã hội hiện nay lương tâm không còn! Làm sao biết họ lương tâm không còn? Bởi họ không có tâm quý, không có tâm hổ thẹn! Làm việc cực ác nhưng họ không cho là ác, vẫn cứ dửng dưng cho rằng đó là việc bình thường, ai ai cũng làm như vậy! Truyền hình, báo chí có phê phán họ cũng bắt cần, không cho là sĩ nhục! Cho nên, hiện nay độ người rất khó; độ quý, độ súc sinh mà dễ. Chúng ta thấy được súc sinh niệm Phật vãng sinh; ngay cả cây cối như thần cây vừa mới vãng sinh đã đưa tin tức cảm ân đến chúng ta. Đây là chuyện của mấy ngày gần đây.

Chúng tôi dừng xe chỗ cây sơn trà Nhật Bản, nơi thần cây đã vãng sinh. Có mấy vị đồng học đều biết, hình như còn có một chú chim nhỏ vãng sinh. Đạo tràng chúng tôi thành lập ở đây đã mười năm, thần cây ở đây nghe kinh mười năm, niệm Phật cũng mười năm, công đức viên mãn, Phật A Di Đà đã tiếp dẫn thần cây rồi. Điều này nói lên: Chúng sinh các loài khác dễ độ hơn con người! Nói cách khác, *con người hiện nay không còn giống người! Ngược lại, quý hay súc sinh lại giống người.* Bạn xem! Có đáng sợ hay không?! Họ không tin có đời sau, không tin có luân hồi, cho rằng đó là mê tín, là lời của quý! Luôn cho rằng mình thông minh có thể vượt qua tất cả. “Nhân định thắng thiên”, người nhất định hơn ông trời.

“Nhân định thắng thiên” là lời của cổ nhân nhưng họ đã hiểu sai! Ý của cổ nhân không phải như vậy! Người xưa nói con người định tâm lại có thể thắng thiên. Định tâm ở đây là trụ tâm ở một chỗ thì không việc gì không làm được, đây là “thắng thiên”. Tâm con người định thì xã hội sẽ yên ả, thiên tai trên địa cầu sẽ không còn, vậy mới gọi là “nhân định thắng thiên”. Chữ “thắng” hiện nay là thi đua, giành giật. Họ tàn nhẫn, ta càng tàn nhẫn hơn! Thật là đáng sợ!

“Nhược hữu chúng sinh văn kỳ quang minh oai thần, công đức nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn” (Nếu chúng sinh nào nghe nói công đức oai thần của quang minh ấy mà ngày đêm nói kể, chí tâm chẳng ngớt): Đoạn này nói “Văn Phật quang minh chi đức” (Nghe nói đức tánh của quang minh Phật). Chúng ta hiện nay không nhìn thấy được Phật quang mà chỉ nghe kinh kể, đây thuộc về “nghe Phật quang minh”. **“Nhật dạ xưng thuyết”** (Ngày đêm nói kể): đây là niệm Phật. Trên kinh tuyệt đối không lừa dối người. Chúng ta nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ thì chắc chắn sẽ:

“Tùy ý sở nguyện, đắc sinh kỳ quốc” (Thuận theo lòng mong mà được sinh vào cõi này). Bản Ngô dịch ghi: **“Thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn A Di Đà Phật thanh, xưng dự quang minh. Triêu mộ thường xưng dự kỳ quang minh hảo, chí tâm bất đoạn tuyệt, tại tâm sở nguyện, vãng sinh A Di Đà Phật quốc”** (Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe tiếng A Di Đà Phật, khen ngợi quang minh. Sáng tối thường khen ngợi quang minh ấy tốt đẹp, chí tâm chẳng đoạn tuyệt, trong tâm mong mỗi vãng sinh cõi A Di Đà Phật).

Câu **“văn kỳ quang minh oai thần công đức”** (nghe công đức oai thần của quang minh ấy) trong hội bản tương đương câu **“văn A Di Đà Phật thanh”** (nghe tiếng A Di Đà Phật) trong bản Ngô dịch. Câu **“nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn”** (ngày đêm nói kể, chí tâm chẳng ngớt) tương đương câu **“triêu mộ thường xưng dự kỳ quang minh hảo”** (sáng tối thường khen ngợi quang minh ấy tốt đẹp) của bản Ngô dịch. Câu **“tùy ý sở nguyện, đắc sinh kỳ quốc”** (thuận theo lòng mong mà được vãng sinh cõi ấy) tương đương câu **“tại tâm sở nguyện, vãng sinh A Di Đà Phật quốc”** (trong lòng mong mỗi vãng sinh cõi Phật A Di Đà) của bản Ngô dịch.

Sách Hội Sớ viết: **“Ngày đêm xưng nói quang minh của Phật A Di Đà chí tâm chẳng ngớt chính là cái nhân vãng sinh... Nhưng chỉ**

tâm tin ưa xưng niệm danh hiệu đức Phật ấy thì mới chính là nghĩa thật sự của ngày đêm nói kể”. Ý sách nói: Tuy “nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn” đúng là cái nhân để vãng sinh Tịnh Độ, nhưng Tín Nguyện Trì Danh mới chính là ý nghĩa thật sự của “nhật dạ xưng thuyết”. Và lại, Tín Nguyện Trì Danh chính là chánh nhân vãng sinh nên ai nấy đều được vãng sinh cả.



IX. THỌ CHÚNG VÔ LƯỢNG ĐỆ THẬP TAM

Theo chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Phẩm này tỏ rõ ba thứ vô lượng: Một là Phật thọ vô lượng, hai là hội chúng (đại chúng trong pháp hội) nhiều vô lượng, ba là thọ mạng của đại chúng trong pháp hội cũng vô lượng. Điều thứ nhất là Pháp Thân đức, điều thứ hai là đại nguyện trọn khắp, điều thứ ba là chủ bạn giống hết nhau, thật chẳng thể nghĩ bàn!

KINH VĂN:

Phật ngữ A Nan: “Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kể. Hựu hữu vô số Thanh Văn chi chúng, thần trí đồng đạt, oai lực tự tại, năng ư chúng trung trì nhất thiết thế giới”.

VIỆT DỊCH:

Phật bảo A Nan: “Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng trường cửu chẳng thể tính kể nổi. Ngài lại có vô số chúng Thanh Văn: thần, trí đồng đạt, oai lực tự tại; họ có thể nắm hết cả thế giới trong lòng bàn tay”.

GIẢNG:

Phật bảo A Nan: A Di Đà Phật thọ mạng vô lượng, trường cửu đến nỗi chẳng có cách nào diễn tả nổi, không cách chi tính toán nổi. Đây chính là do nguyện thứ mười lăm “*thọ mạng vô lượng*” kết thành. Câu “*hựu hữu vô số Thanh Văn chi chúng*” (lại có vô số Thanh Văn chúng) chính là nguyện thứ mười sáu “*Thanh Văn vô số*” được thành tựu.

Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, câu **“thọ mạng trường cửu, bất khả xung kể”** (thọ mạng trường cửu chẳng tính kể nổi) biểu thị Pháp Thân rốt ráo của A Di Đà Phật: Do tam thể cùng như một nên thọ mạng vô lượng. Lại do đại nguyện thù thắng độc nhất, vượt xa chư Phật nên thọ mạng của Báo Thân và Hóa Thân cũng đều vô lượng. Phật thọ vô lượng nên thường giác ngộ chúng sinh. Phật nguyện vô cực nên phải có chúng hội rộng lớn. Do đó, chúng Thanh Văn trong cõi ngài đều có vô số vô lượng. Câu **“Thần, trí đồng đạt”**: “thần” là thần thông, “trí” là trí tuệ, nói “thần trí” là nói gọn. Nếu ghép “thần” và “trí” lại thành một từ thì “thần trí” nghĩa là trí tuệ thấy tột cùng sự lý một cách tự tại. “Thần” cũng có nghĩa là sáng suốt; nghĩa là trí tuệ ấy sáng suốt thần diệu vô cực. “Đạt” là thông đạt vô ngại; viên mãn triệt để. “Đồng” là thấu triệt rốt ráo. **“Oai lực tự tại”** là sức oai thần tự tại vô ngại.

Sách Vãng Sinh Luận nói: **“Chúng trời người bất động (chỉ hội chúng cõi Cực Lạc) từ biến trí thanh tịnh sinh ra”**. Vì vậy, họ đều **“thần trí đồng đạt, oai lực tự tại”**.

Câu **“năng w chưởng trung trì nhất thiết thế giới”** (có thể cầm hết cả thế giới trong lòng bàn tay) hiển thị sâu sắc cảnh giới **“quảng hiệp tự tại, nhất đả tương tức”** (đã giải thích trước đây) sự sự vô ngại chẳng thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm.

Kinh Duy Ma cũng nói về công đức chẳng thể nghĩ bàn: Cầm một thế giới trong lòng bàn tay. Kinh chép: **“Trụ bất khả tư nghị giải thoát, Bồ Tát đoạn thủ tam thiên đại thiên thế giới, như đào gia luân, trước hữu chưởng trung, trịch quá hằng sa thế giới chi ngoại. Kỳ trung chúng sinh bất giác, bất tri kỷ chi sở vãng. Hựu phục hoàn trí bốn xứ, đố bất sử nhân hữu vãng lai tướng; nhi thủ thế giới bốn tướng như cố”** (Trụ trong giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát bứt lấy một tam thiên đại thiên thế giới như (véo lấy một miếng đất sét)

trên bàn xoay của thợ gốm, đặt trong bàn tay phải rồi ném khỏi hàng sa thế giới, nhưng chúng sinh trong thế giới ấy chẳng biết, chẳng hay nơi mình đang trụ. Lại đem đặt trả về chỗ cũ, khiến cho chúng sinh đều chẳng có ý tưởng là (thế giới) bị đem đi hay trả lại, mà bản tướng của thế giới này vẫn như cũ).

Sự việc này giống như địa cầu chúng ta đang vận hành giữa hư không, địa cầu chấn động rất phức tạp, nhưng người trên địa cầu không cảm nhận được. Như vậy, chúng ta cũng có thể tưởng tượng thân tướng của Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc lớn biết dường nào, mới có thể nắm cả đại thiên thế giới trong lòng bàn tay như đang chơi nặn đồ gốm hay nặn bùn đất, người ở thế giới này cũng hoàn toàn không hay biết. Đây là ví dụ mà cũng là sự thật, về mặt lý có thể nói thông suốt.

Và: *“Hựu Bồ Tát dĩ nhất Phật độ chúng sinh, trí tại hữu chương, phi đảo thập phương, biến thị nhất thiết, nhi bất động bốn xứ”* (Bồ Tát đem chúng sinh trong một cõi Phật đặt trong bàn tay phải bay đến mười phương, hiện bày khắp hết thảy, nhưng chẳng lay động bốn xứ): Đây là nói Bồ Tát có năng lực đem chúng sinh trong “nhất Phật độ” (một cõi Phật), chính là chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới (thông thường chúng ta nói là mười ức hệ Ngân hà. Tất cả mười ức hệ Ngân hà đều ở trong lòng bàn tay của Bồ Tát), bay khắp mười phương để thị hiện mà chúng sinh trong “nhất Phật độ” này hoàn toàn cũng không hay biết, không có chút cảm giác nào. Tất cả đại chúng cõi Cực Lạc đều có đầy đủ những công đức oai thần chẳng thể nghĩ bàn như vậy; rõ ràng là thánh chúng trang nghiêm; công đức của chủ (là Phật A Di Đà) lẫn bạn (là Bồ Tát vãng sinh đến thế giới Cực Lạc) đều chẳng thể nghĩ bàn.

KINH VĂN:

*Ngã đệ tử trung, Đại Mục Kiền Liên, thần thông đệ nhất.
Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu nhất thiết tinh tú, chúng sinh,
v nhất trú dạ, tất tri kỳ số.*

*Giả sử thập phương chúng sinh tất thành Duyên Giác.
Nhất thiết Duyên Giác, thọ vạn ức tuế, thần thông giai như Đại
Mục Kiền Liên, tận kỳ thọ mạng, kiệt kỳ trí lực, tất cộng thôi toán,
bỉ Phật hội trung Thanh Văn chi số, thiên vạn phần trung bất cập
nhất phần.*

VIỆT DỊCH:

Trong các đệ tử của ta, Đại Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất: Đối với tất cả hết cả tinh tú và chúng sinh trong tam thiên đại thế giới, ông ta có thể trong một ngày một đêm biết trọn số đó.

Giả sử chúng sinh trong mười phương đều thành Duyên Giác. Mỗi vị Duyên Giác thọ vạn ức năm, thần thông đều như Đại Mục Kiền Liên suốt cả cuộc đời vắt kiệt trí lực, cùng nhau tính toán chẳng thể tính nổi một phần ngàn vạn số lượng Thanh Văn trong hội đức Phật ấy.

GIẢNG:

“*Ngã đệ tử trung... tất tri kỳ số*” (Trong các đệ tử của ta... biết trọn số đó): Chúng ta biết đức Thích Ca Mâu Ni Phật có mười vị đại đệ tử, ngài Mục Kiền Liên là một trong số đó. Trong kinh, đức Thế Tôn nói rất rõ: Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đều là cỗ Phật tái sinh, các ngài đã thành Phật từ lâu. Nay, đức Thế Tôn thành Phật ở thế giới Ta Bà, các ngài đến thị hiện làm đệ tử để giúp Thế Tôn giáo

hóa chúng sinh, giống như diễn kịch: Trên sân khấu, đức Thế Tôn là Phật; các ngài là đệ tử. Sau hậu trường, các ngài là thầy của Thế Tôn.

Việc Mục Kiền Liên biết được số lượng tinh tú, chỉ thấy ghi trong hai bản Hán dịch và Ngô dịch. Bản Hán dịch ghi: “*Ma Ha Mục Kiền Liên phi hành tứ thiên hạ. Nhất nhật, nhất dạ, biến số tinh, tri hữu kỷ mai dã*” (Ma Ha Mục Kiền Liên bay trong tứ thiên hạ, trong một ngày một đêm đếm hết số ngôi sao, biết là có bao nhiêu ngôi).

Trên trời có bao nhiêu ngôi sao? Điều này khoa học không đếm được! Mười ức hệ Ngân Hà chớ đâu phải ít! Hiện nay, ngoài hệ Ngân hà ra, chúng ta không hiểu gì nhiều, máy móc khoa học vẫn chưa đủ trọn vẹn. Ngài Mục Kiền Liên không cần máy móc chi cả, trong thiền định ngài có thể đột phá không gian duy thứ, có thể liễu tri, nhìn thấy thật tướng các pháp rõ ràng minh bạch. Nếu y theo ý nghĩa của kinh văn trên, ngài Mục Kiền Liên trong một ngày một đêm không những biết được số lượng tinh tú mà ngay đến số lượng chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, trong tất cả tinh cầu ngài đều biết cả. Điều này chứng tỏ ngài Mục Kiền Liên tuy thị hiện là Tiểu thừa A La Hán nhưng thực sự ngài phải là Đại thừa A la Hán mới có được năng lực này.

“Giả sử thập phương chúng sinh... Bất cập nhất phần”:
(Giả sử chúng sinh trong mười phương... chẳng thể tính nổi một phần): Đoạn kinh văn này kể rõ Thanh Văn ở thế giới Cực Lạc nhiều vô số. Ở đây chúng ta cần nên biết: Không phải toàn bộ nhân số thế giới Cực Lạc chỉ có hàng Thanh Văn tức hàng Tiểu thừa vãng sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư mà còn có thiên nhân và chúng Bồ Tát số lượng càng đông hơn nhiều, họ ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư mà Phật chưa đề cập đến. Điều này nói rõ số lượng Thanh Văn vãng sinh ít mà đã không thể tính đếm được thì nói chi đến số lượng của tất cả thánh chúng trong cõi Cực Lạc làm sao biết được! Cho dù mười

phương chúng sinh đều đắc thần thông giống hệt như ngài Mục Kiền Liên, dùng trọn cả cuộc đời mình dốc cạn trí lực, hợp nhau tính toán thì những điều họ biết được chẳng thể bằng nổi một phần ngàn vạn số lượng thánh chúng trong cõi ấy.

KINH VĂN:

Thí như đại hải, thâm quảng vô biên, thiết thủ nhất mao, tích vi bách phần, toái như vi trần. Dĩ nhất mao trần, triêm hải nhất trích, thủ mao trần thủy, tỷ hải thực đa?

A Nan! Bỉ Mục Kiền Liên đẳng sở tri số giả, như mao trần thủy. Sở vị tri giả, như đại hải thủy.

VIỆT DỊCH:

Ví như đại hải sâu rộng vô biên. Nếu lấy một sợi lông chẻ thành trăm phần, nghiền nát như vi trần. Dem mảnh bụi lông ấy chấm lấy một giọt nước biển thì nước dính vào mảnh lông ấy so với biển cả, cái nào là nhiều?

Này A Nan! Con số mà những người như Mục Kiền Liên biết được thì như nước dính nơi mảnh lông, số họ chưa biết như nước biển cả.

GIẢNG:

“*Nhất mao*” (một sợi lông) đã rất nhỏ bé, lại còn tách ra thành trăm phần, lại tiếp tục nghiền nó ra “như vi trần” càng cực nhỏ hơn nữa. Dem lượng nước dính vào mảnh bụi lông vi trần ấy để ví cho con số đã biết; dùng con số chẳng biết như nước biển cả để ví cho thánh chúng cõi kia, con số ấy thật là vô lượng.

KINH VĂN:

Bỉ Phật thọ lượng, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên nhân thọ lượng diệc nhĩ, phi dĩ toán kế thí dụ chi sở năng tri.

VIỆT DỊCH:

Thọ lượng của đức Phật ấy và thọ lượng của các Bồ Tát, Thanh Văn, trời, người cũng giống như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để biết được nổi.

GIẢNG:

Theo sách chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ: Đoạn kinh văn trên kết hợp cả chủ lẫn bạn: Giáo chủ thọ mạng vô lượng, tất cả đại chúng trong nước cũng đều thọ mạng vô lượng giống như Phật. Di Đà đại ân đức vi diệu khó nghĩ nổi. Kẻ ôm nghiệp đi vãng sinh (đời nghiệp vãng sinh) một phen đã sinh về cõi kia thì chẳng bị thoái chuyển nữa, thọ mạng cũng lại vô lượng. Cho nên, trong cõi ấy ai ai cũng có thể trong một đời sẽ kế vị thành Phật chứng cực quả; trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là “đăng phong tạo cực”.

Cõi Sa Bà này lắm duyên thoái chuyển, thọ mạng bất quá chỉ trăm năm nên tu hành bị đứt quãng, lại sinh trong thời mạt pháp, thử hỏi: Trong ức vạn người tu, có được mấy kẻ đắc đạo?

Sách Vãng Sinh Luận có bài kệ như sau:

“Chánh Giác A Di Đà, pháp vương khéo trụ trì”. Phật thọ vô lượng nên giáo hóa đại chúng vô lượng. Những người được ngài giáo hóa đều là Bồ Xứ Bồ Tát nên bảo là “khéo trụ trì”.

Sách còn ghi bài kệ: *“Nhu Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”*, nghĩa là “chúng hội ấy đều hóa sanh trong hoa sen thanh tịnh của cõi Phật A Di Đà “*đều từ biển trí tuệ thanh tịnh của Nhu Lai sinh ra*”, cũng đều sinh ra từ tự tâm của A Di Đà Phật. Vì

vậy, nhân dân cõi nước ấy bình đẳng với Phật, thọ mạng cũng đều vô lượng, đủ thấy cõi Cực Lạc chủ lẫn bạn đều trang nghiêm, công đức thành tựu, tuyệt đại viên dung, siêu tình ly kiến. Thật chẳng thể nghĩ bàn!

Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải Diễn Nghĩa

Hết

(Quyển Hai)



Vãng sanh khó hay không?

Chẳng khó! Vấn đề là bạn có chịu

buông xuống hay không, mấu chốt là ở chỗ này.

(Lão Ân Sư Tịnh Không)

X. LỜI CUỐI

Trong hai quyển sách một và hai này là phần đúc kết lời thuyết giảng của Hòa Thượng thượng Tịnh hạ Không về Kinh Vô Lượng Thọ. Trong đây có một ít là phần giảng của Hòa Thượng vào năm 1994; sau đó phần lớn là Hòa Thượng giảng vào lần thứ mười ở Cư Sĩ Lâm, Tân-Gia-Ba và lần thứ mười một với tựa đề “Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa”. Kế đến, tôi cô đọng, phối hợp cùng với sách chú giải “Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác Kinh” của cụ Hoàng Niệm Tổ, do Bửu Quang tự, đệ tử Như Hòa dịch sang Việt Ngữ.

Nhận thấy lời thuyết giảng của Hòa Thượng rất tỉ mỉ, công phu (trên cả ngàn giờ) cùng với sách chú giải của cụ Hoàng (cũng cả ngàn trang), thật quá ư trân quý, quá hay và cũng khá dài, rất khó cho hành giả Tịnh Độ nắm bắt được cả đôi bên. Cho nên, tôi mạo muội, chẳng nệ sức hèn, tóm gọn cả hai vào cùng chung một quyển sách với hy vọng tự giúp chính mình cũng là giúp quý đồng tu có thể dễ dàng thể hội hơn.

Do tri thức hạn hẹp về thế pháp lẫn Phật pháp của bản thân tôi, nên việc ghi chép lại từ băng đĩa, soạn thảo, biên tập và cả phần in ấn chắc chắn không tránh khỏi nhiều lỗi lầm sai sót. Ngưỡng mong các bậc cao minh cùng thiện hữu tri thức, đồng tu xa gần từ bi chỉ giáo cho những thiếu sót trên, xin chân thành cảm tạ.

Việc làm này đã trải suốt trên sáu năm qua; bản thảo đã sửa đi sửa lại đến lần thứ chín mới dám đem in ấn. Tuy vậy cũng chỉ hoàn tất được nửa đoạn đường! (Căn cứ vào sách chú giải của cụ Hoàng, trong đó bao gồm bốn quyển, tôi chỉ mới hoàn tất được hai quyển đầu và ba phẩm nữa của quyển thứ ba).

Với tuổi đời bảy mươi lăm, sức yếu nay chẳng còn cho phép! Cho nên, tôi tạm dừng nơi đây. Phần nửa còn lại, tùy duyên thôi, tự thân chưa dám nghĩ vì lệ thuộc vào sức khoẻ và năng lực! Cũng mong đây là chút công hiến rất nhỏ vào việc chia sẻ Phật pháp với các đồng tu có duyên.

Bằng tất cả tấm lòng chân thành, tha thiết, tri ân của người con Phật, thâm tâm tôi rất muốn báo đền ân Phật, báo ân Hòa Thượng thượng nhân đã khai mở cho tôi cánh cửa siêu tuyệt về pháp môn Tịnh Độ, giúp tôi đoạn nghi sanh tín, khế nhập sâu sắc hơn về những lời Phật dạy, vượt thoát biết bao là khổ nạn của thân tâm, một đời này quyết định phát nguyện vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nhưng, càng muốn báo ân, lại càng cảm thấy ân đức của Phật và Hòa Thượng thật quá sâu dày khó có thể đáp đền!

Nói theo sách A Di Đà Bí Thích, cũng như cách nghĩ của cụ Hoàng Niệm Tổ: Biển cả Phật pháp viên dung, vi diệu, việc làm này của tôi chưa bằng nổi giọt nước nhỏ đọng nơi đầu sợi lông! Chỉ mong liên hữu xa gần tự tin nơi bản thân mình, do giọt nước này sẽ biết đến biển cả. Trong vô lượng pháp môn, vô biên diệu pháp đều có thể nhập vào trong mỗi một pháp. Như quang sắc của hạt châu nơi lưới Thiên Đế trùng trùng vô tận, có thể phản chiếu ánh sáng của cả ngàn vạn viên châu khác. Trong viên châu gồm trọn cả ngàn vạn viên châu. Phật pháp như Chiên Đàn cắt thành miếng, miếng nào cũng thơm.

Nếu luận về mặt thích ứng căn cơ thì thiên sai ngàn biệt; khó dễ khác nhau một trời một vực; trong đại bình đẳng hiển lộ sự sai biệt đến tột cùng. Trong ngàn muôn viên châu, chỉ có một viên châu Tịnh pháp đối với kẻ phàm phu còn đầy dẫy phiền não là dễ nghe, dễ biết, dễ tin và dễ nhập. Trong hết thảy pháp, Tịnh Độ là pháp môn dễ hành nhất mà kết quả cũng thù thắng nhất. Chính vì vậy mà “*chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”.

Thành tựu hai quyển sách này nếu có được chút công đức nào, xin thành kính dâng lên đức từ phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đức từ phụ Phật A Di Đà cùng mười phương chư Phật. Thành kính dâng lên Hòa Thượng ân sư thượng Tịnh hạ Không, người đã khai sáng cho tôi về pháp môn Tịnh Độ. Kính dâng lên cố đại lão Hòa Thượng thượng Thiên hạ Hoa; cố đại lão Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh; cố Hòa Thượng thượng Thiên hạ Tâm cùng tất cả lịch đại Tổ sư. Thành kính tri ân Đại Sĩ Hạ Liên Cư, Kim Cang Thượng Sư Hoàng Niệm Tổ đã dày công khó nhọc sưu tầm hội tập và chú giải Kinh Vô Lượng Thọ này một cách rất chân xác, viên dung và tường tận.

Xin hồi hướng trang nghiêm Phật Tịnh Độ, hồi hướng đến tất cả ân sư, phụ mẫu, thân bằng quyến thuộc, oan gia trái chủ, pháp giới chúng sinh đều được vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Chân thành tán dương công đức của Phật tử Huệ Thọ đã phát tâm cúng dường một phần tịnh tài, cũng như giới thiệu người đánh máy bản thảo kinh Vô Lượng Thọ, giúp tôi hoàn tất in ấn hai quyển sách này. Không quên tri ân Phật tử Huệ Phước, Huệ Lộc, nhất là Huệ Lộc và chú Hồ Sĩ Trung đã nhiệt tâm đóng góp, dành rất nhiều thời gian và công sức giúp tôi chỉnh sửa phần kỹ thuật cũng như rất nhiều sai sót trong việc in ấn.

Chân thành cảm tạ đến các thiện hữu tri thức đã trực tiếp hoặc gián tiếp trợ duyên cho tôi hoàn thiện tập sách này như: giới thiệu, phiên dịch, in ấn, tạo băng đĩa v.v...

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ chư vị Bồ Đề tâm kiên cố, niệm lực Bất Thoái, cùng nhau hội ngộ nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức từ phụ Phật A Di Đà, đồng chúng Vô Sanh, đồng thành Phật đạo, đồng phổ độ tất cả chúng sinh.

Nguyện Phật nhật tăng huy, pháp luân thường chuyển, thiên hạ thái bình, tiêu tai miễn nạn, chúng sinh an lạc.

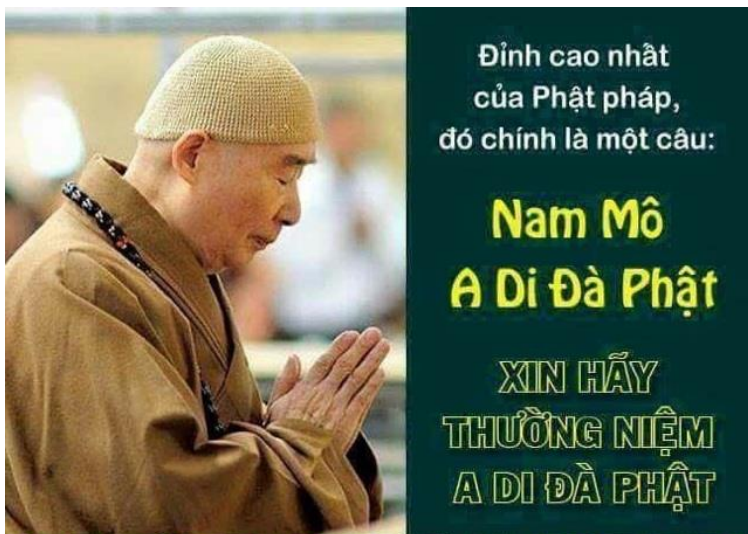
Nam mô Hoan Hỉ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Nam mô A Di Đà Phật

Diệu Âm - Phổ Hạnh

Cẩn chí

Sydney ngày 22-03-2019



XI. LỜI KHAI THỊ CỦA ÁN QUANG ĐẠI SƯ

Không luận người tại gia hay xuất gia, cần phải trên kính dưới hòa.

“Nhẫn việc mà người không thể nhẫn
Làm việc mà người không thể làm”

“Thay thế việc nhọc cho người
Thành tựu việc tốt cho người”

“Lúc ngồi yên: lỗi mình thường nhớ
Khi luận bàn: chớ nói lỗi người”

Đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, từ sáng đến chiều, từ chiều đến tối một danh hiệu Di Đà niệm liên tục đừng để gián đoạn. Hoặc niệm nhỏ tiếng, niệm thầm, trừ ngoài câu niệm Phật ra không nên khởi một niệm nào khác.

Nếu có khi vọng niệm vừa phát khởi, cần yếu ngay lúc đó tiêu diệt ngay. Thường sinh tâm hồ thẹn và tâm sám hối nghiệp chướng của mình.

Dù có tu trì cũng thường nghĩ công phu mình còn cạn cợt, chẳng nên khoe khoang, chỉ xem việc làm của mình, đừng để ý việc làm của người khác, chỉ thấy việc tốt của người, đừng xem việc xấu của ai.

“Kính mọi người đều là Bồ Tát
Duy có mình thiệt là phàm phu”

Nếu quả y theo lời của ta mà thực hành đó, quyết định được sinh về Tây Phương Cực Lạc

Nam Mô A Di Đà Phật

XII. LỜI DI HUẤN TỐI HẬU CỦA ĐỨC PHẬT

Suốt một đời thị hiện độ sinh, Đức Phật đã sống vì lợi ích của kẻ khác hơn chính mình. Trải qua bốn mươi lăm năm đem bản thân ngộ đạo để lập nên giáo đoàn, sinh hoạt sát cánh với đồ chúng như ngôi sao Bắc đẩu, có ảnh hưởng lớn đến tất cả thế gian. Trong ý nguyện sống vì cho lợi ích của kẻ khác, nên dù có ai thỉnh cầu hay không thỉnh cầu, Đức Phật cũng đã tùy nghi nói hết tất cả những điều cần thiết trên thế gian, cho sự giải quyết mọi sự đau khổ của thế gian.

Lòng từ bi vô bờ bến của Đức Phật còn biểu thị rõ hơn trong giờ phút sắp nhập diệt với những lời di huấn tối hậu, đặc biệt cho một số đệ tử thân cận ngài.

“Này các đệ tử! Như Lai chỉ là thầy dẫn đạo cho các con trên đường giải thoát. Các con hãy nỗ lực trau dồi đạo đức và trí tuệ để tiến đến quả vị Niết Bàn tối thượng.

Này các đệ tử! Các con đều là dòng giống của Như Lai, hãy trang trải tình thương chân thật đến với mọi người để tánh Đức của Như Lai gieo sâu vào đáy lòng các con.

Này các đệ tử! Đời không có tai họa, không có khổ não, song tâm mê muội mà chúng sanh gieo nhân chẳng lành nên mới có đầy dẫy tai họa, khổ não trong thế gian. Các con hãy tự tẩy sạch tâm cấu bần, hãy gieo thiện nhân cùng khắp để mang lại sự yên vui cho thế gian.

Này các đệ tử! Các con là những người đương thành Phật, ở tâm các con sẵn có giống Phật, các con hãy thức khuya dậy sớm, tinh tọạ thiên định để bồi dưỡng hạt giống ấy nhanh chóng thành hoa quả Bồ đề.

Này các đệ tử! Các con hãy cố gắng mà vào cõi Ta, lòng từ bi của Như Lai không bao giờ rời khỏi các con. Hãy nuôi trong đáy lòng các con những đức tính cao thượng từ bi hỉ xả và khoan dung. Nếu bước đường sinh hoạt của các con gặp gian nguy khổ nạn thì đó chính là những thử thách để các con gặt hái thêm kinh nghiệm và tiến sâu vào cõi Đạo vốn vượt lên trên mọi thung lộ phàm tình. Hãy tìm Như Lai ở đáy lòng của các con. Niệm niệm các con phải nhớ tưởng: Như Lai chỉ là ánh đuốc, chỉ là đấng tiếp cầu vô vị thì các con sẽ được yên vui và không bao giờ lạc đường hay thất vọng mà bảo rằng Như Lai đã giả biệt các con.

Này các đệ tử! Ta là khối sáng vô tận, các con là những tia sáng của khối sáng vô tận ấy. Vậy các con đừng tự khinh khi bản năng giác ngộ của các con. Hãy quyết chí làm cho những tia sáng ấy được liên kết tương tục bằng lòng vị tha, nhân ái, hiếu hòa của các con. Hành thiện, tu tập là con đường khảo thí, có không biết bao nhiêu chướng nạn mà các con phải đi qua. Nhưng, có chướng nạn các con mới thấy được uy dũng hùng tráng của tâm đạo, và chính nhờ đó các con mới có công đức bước vào cảnh giới Tịnh Lạc của Như Lai.

Này các đệ tử! Tâm của các con là thầy, là Phật, các con không chịu xả ác hành thiện mà nói rằng kính thầy, thờ Phật, đệ tử chân chánh của ta được sao?! Các con hãy lấy nước Ma-ha Bát-nhã mà rửa sạch những vết phiền não còn ẩn trú nơi tâm địa của các con. Phiền não không rửa sạch thì các con khó mà nhìn thấy được pháp thân tuệ mạng của ta, dù là hiện tiền hay khi các con lìa bỏ thế gian này.

Này các đệ tử! Lòng dục vọng là nguồn gốc của tất cả mọi khổ não, là nguyên nhân của kiếp luân hồi. Các con muốn thoát khỏi khổ não, muốn “Liễu sanh thoát tử” cần phải diệt lòng dục vọng. Các

con một phen đã hồi quang phản chiếu ở tự tánh để thấy rõ bản tâm. Bản tâm vốn tự trang nghiêm, thanh tịnh, đạo nhiệm màu phát xuất ở đó, chớ không phải vọng tìm ngoại cảnh hay cầu khẩn từ các đấng Thần linh không tương.

Này các đệ tử! Bản tâm nguyên thủy của các con vốn tròn đầy trong sáng, đồng đẳng với các chư Phật. Song vì linh quang diệu tánh của các con bị nhiễm trần nên bị biến dịch sinh tử. Trở về với bản tâm nguyên thủy, các con phải tập tĩnh tâm, bật dứt vọng niệm, đừng mê chấp cái ta, đừng bám víu danh tướng, địa vị hư vọng của thế gian.

Này các đệ tử! Các con hãy luôn luôn kiểm soát ba nghiệp: thân, miệng, ý của mình; kiểm soát thường trực được nó thì các con bớt gây tội lỗi, biết nhận sự bất toàn trong hành động của các con. Từ đó các con sẽ giảm được tánh kiêu ngạo, khinh thị, lăng mạ, chỉ trích và làm đau khổ người khác.

Này các đệ tử! Các con hãy tránh xa kẻ bất trí, nên gần gũi với bạn lành để học hỏi, thực tập những điều hay lẽ phải cao thượng của đạo lý. Các con hãy kính trọng người hiền, các bậc tôn túc đạo hạnh.

Này các đệ tử! Các con hãy tự biết đủ về đời sống vật chất, an phận thanh bần mà giữ đạo, đừng biến lý tưởng đạo đức như ý đồ của con buôn, nay chọn mối này, mai lãnh mối khác. Các con hãy luôn luôn gìn giữ thể thống nhân phẩm của các con. Cái lợi lớn tiền tài mà các con nhìn vào đó và đừng tham đắm nó. Tiền tài mà kẻ khác mở đường cho các con bước vào, coi chừng trí sáng của các con sẽ bị thu hẹp lại và thể thống nhân phẩm của các con sẽ bị vùi lấp, chà đạp.

Này các đệ tử! Các con hãy cần mở mang trí tuệ không ngừng, vui lòng ăn học, nghiêm trì kinh giáo, tọa thiền, bái sám,

nuơng tựa những vị đạo cao đức trọng. Đó là những yếu tố cần thiết để giúp các con đăi lọc tâm tánh, mở mang trí tuệ, tìm cầu giải thoát.

Này các đệ tử! Các con hãy gắng lo cho người thân, cho cha mẹ, cho anh em, cho thầy tổ. Và những cư sĩ tại gia, hãy gắng lo cho chồng, vợ, con, cháu được ấm no, lo cho người thân và bạn hữu được sống hiền hòa trong chánh pháp.

Này các đệ tử! Các con hãy cẩn ngôn, cẩn hạnh, chớ nên quá lo lắng mọi biến chuyển của thế sự mà tâm thần rối loạn, phiền não gia tăng. Cẩn ngôn, cẩn hạnh là chú trọng gieo nhân lành trong hiện tại, chớ không cần quá quan tâm cái quả đã chín muồi đang rơi rụng trước mắt.

Này các đệ tử! Các con hãy gắng gìn giữ trai giới và làm việc phúc thiện. Các con nên bố thí chánh pháp, bố thí cơm áo cho người vô phúc hơn các con.

Này các đệ tử! Các con phải có bổn phận hộ trì chánh pháp bằng cách xây dựng tháp tự, cúng dường chư tăng. Chư tăng là các bậc mô phạm cất ái ly gia, đại diện Như Lai truyền kỳ Chánh pháp. Nơi nào có tháp tự, có chư tăng, có chùa chiền và có những người tu tập nghiêm trì giới hạnh thì nơi ấy có hình bóng của Như Lai ngự tòa và gần gũi với các con.

Này các đệ tử! Vào thời mạt pháp, chúng sinh càng vương sâu vào tà kiến, tai biến sẽ nổi dậy khắp nơi. Song người có kết duyên với chánh đạo, gieo nhân Bồ đề trong tâm thức thì đời đời họ vẫn được sống an nhiên và tự tại.

Thôi giờ vào Niết-Bàn đã đến. Như Lai giả biệt các con, các con hãy ghi nhận một cách chín chắn những lời dạy tối hậu của Như-Lai để tấn tu đạo nghiệp, tự giác ngộ bản thân và lợi ích cho kẻ khác.

Nam Mô A Di Đà Phật

Diệu Âm - Phổ Hạnh

Cẩn chí

(Phỏng theo băng giảng của Thầy Thích Nguyên Hạnh
cách nay hơn hai mươi năm)

Sydney, ngày 22-03-2019

